KINH TẠP A-HÀM

Hán Dịch: Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-la
Việt Dịch: Thích Đức Thắng
Hiệu Đính & Chú Thích: Tuệ Sỹ

雜阿含經

[T2n99]

---o0o---

Nguồn

http:// www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 16-03-2012

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org

Mục Lục

Tôi nghe như vầy:

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 01

KINH 1. VÔ THƯỜNG1

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy quán sát sắc là vô thường2. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm[3]. Khi đã

nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham[4]. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.[5]
"Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.
"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[6].'
"Cũng như quán sát vô thường, quán sát khổ, không, phi ngã cũng vậy."
Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 2. CHÁNH TƯ DUY[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với sắc mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với thức mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường, thì đối với thức, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Cũng như tư duy chân chánh về vô thường, khổ, không, phi ngã cũng như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 3. VÔ TRI (1)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục[9] thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành và thức, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 4. VÔ TRI (2)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không giải thoát, thì không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không lìa tham dục[11], tâm không giải thoát, thì sẽ không thể nào vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 5. VÔ TRI (3)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai đối với sắc mà yêu thích[13], thì đối với khổ cũng yêu thích. Đối với khổ mà yêu thích, thì đối với khổ sẽ không được giải thoát, không rõ, không ly dục.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà yêu thích, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ, thì đối với khổ không được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát. Ai không giải thoát tâm tham, thì sẽ không thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ai không biết, không rõ, không ly dục, tâm không giải thoát. Tham tâm không giải thoát, thì sẽ không đoạn trừ được khổ não.

"Đối với sắc, nếu người nào biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ có thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 6. VÔ TRI (4)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát, thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 7. HỶ LẠC SẮC[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ai yêu thích sắc, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

“Cũng vậy, ai yêu thích thọ, tưởng, hành và thức, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

“Này các Tỳ-kheo, ai không yêu thích sắc, thì sẽ không thích khổ. Ai không yêu thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

“Cũng vậy, ai không yêu thích thọ, tưởng, hành, thức thì sẽ không thích khổ. Ai không thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Vô thường và khổ không,

Phi ngã, chánh tư duy.

Có bốn kinh vô tri,

Cùng hỷ lạc nơi sắc.

---O0O---

KINH 8. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là sắc hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: ‘Không hồi tưởng sắc quá khứ, không tìm cầu sắc vị lai, đối với sắc hiện tại thì nên nhàm tởm, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận[17].’

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là... thức hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: ‘Không hồi tưởng thức quá khứ, không mong cầu thức vị lai và đối với thức hiện tại thì nên nhàm chán, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận.’

“Vô thường, khổ, không, phi ngã cũng lại như vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 9. YỂM LY[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta[19]. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán[20].

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn[21], vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh[22], biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 10. GIẢI THOÁT[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Chẳng phải ta tức chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Thánh đệ tử quán sát như vậy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó cũng là sự giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 11. NHÂN DUYÊN (1)[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc, chúng cũng vô thường[25]. Vậy, các sắc được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức, chúng cũng vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

“Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Thánh đệ tử quán sát như vậy, nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán nên không thích. Vì không thích nên giải thoát và có tri kiến về

giải thoát[26], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 12. NHÂN DUYÊN (2)[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường làm sao có thể là thường được?

"Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 13. VỊ (1)[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì sẽ không nhiễm đắm sắc[29]. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên bị đắm trước.

“Cũng vậy, chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh ấy không bị đắm nhiễm thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên chúng sanh ấy bị nhiễm trước vào thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại[30], thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán sắc. Vì sắc là mối hại của chúng sanh cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán sắc.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không phải là mối hại thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là mối hại của chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh mà không có sự xuất ly[31], thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly sắc.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không có sự xuất ly, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm[32] này mà không biết một cách như thaật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[33].

“Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 14. VỊ (2)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Trước kia Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của sắc[35]. Nếu khi cảm giác tùy thuận[36] vị ngọt của sắc, thì đối với vị ngọt của sắc Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận thọ, tưởng, hành, thức, thì đối với vị ngọt của thức Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của sắc, thì đối với sự tai hại của sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của thức, thì đối với sự tai hại của thức Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sắc, thì đối với sự xuất ly sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức thì đối với sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức Ta dùng trí tuệ để biết rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm này mà không biết một cách như thaật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

"Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng,

đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Quá khứ nói bốn kinh

Yểm ly và giải thoát

Nói hai kinh nhân duyên

Vị ngọt cũng hai kinh.

---o0o---

KINH 15. SỬ[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ[38] đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng[39], tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình[40], chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm[41] cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nếu để sai sử theo sử, tức là chết theo sử[42]. Nếu chết theo sử là bị thủ trói buộc[43]. Nếu Tỳ-kheo không bị sai sử theo sử, thì sẽ không chết theo sử. Không chết theo sử, tức là giải thoát đối với thủ.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối trong pháp yếu mà Ta đã lược nói, nếu ngươi hiểu rộng nghĩa của nó thì phải như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử[44]. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Như vậy, trong pháp yếu được Thế Tôn nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo! Trong pháp yếu được Ta nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.

"Vì sao?

"Sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Này Tỳ-kheo, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát."

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật dạy xong tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui. Vị kia ở một mình nơi chỗ vắng tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập sống không buông lung rồi, vị kia tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, … cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

---o0o---

KINH 16. TĂNG CHƯ SỐ[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật thưa hỏi những việc như trên, nhưng có những sự sai biệt như sau:

"Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số[46]. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với những pháp mà Ta đã nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng nghĩa của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

"Bạch Đức Thế Tôn, trong những pháp đã được nói tóm tắt, con đã hiểu nghĩa rộng của nó như vậy."

Như trên và cho đến … 'đạt được A-la-hán, tâm được giải thoát'.

---o0o---

KINH 17. PHI NGÃ[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, chắp tay bạch Đức Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ

vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngươi đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, pháp nào không thích ứng[48] đối với ngươi thì nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài[49]."

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với những pháp đã được nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng ý như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp mà Thế Tôn đã nói tóm tắt con đã hiểu rộng nghĩa của nó như vậy."

Đức Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với những pháp đã được nói tóm tắt của Ta, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung. Sau khi siêng năng tu tập, sống không buông lung, thầy tư

duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

---o0o---

KINH 18. PHI BỈ[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Nếu có pháp nào chẳng phải là thiùch ứng của các ông và cũng chẳng phải là thích ứng của người khác, thì hãy nhanh chóng đoạn trừ pháp ấy[51]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con[52], cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp mà Như Lai đã nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó như vậy.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Này Tỳ-kheo, sắc chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

---o0o---

KINH 19. KẾT HỆ[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Tỳ-kheo, pháp bị trói buộc bởi kết sử, hãy nhanh chóng đoạn trừ[54]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Đức Thế Tôn, sắc là pháp bị kết sử trói buộc[55]. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

---o0o---

KINH 20. THÂM KINH

Thâm kinh cũng nói như vậy[56].

---o0o---

KINH 21. ĐỘNG DAO[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Tỳ-kheo, người nào dao động thì sẽ bị ma trói. Nếu người nào không động thì sẽ giải thoát khỏi Ba-tuần[58]."

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi bị sắc làm dao động[59] thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi thọ, tưởng, hành, thức

làm dao động thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Khi bị sắc làm dao động, thì bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động, thì sẽ bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần”… cho đến: ‘… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

---o0o---

KINH 22. KIẾP-BA SỞ VẤN[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba[61], đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như lời Đức Thế Tôn đã dạy, ‘Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát.’ Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát[62]?”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Kiếp-ba rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai về tâm khéo giải thoát. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Kiếp-ba, hãy quán sát biết rõ những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặïc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì sắc ái liền được trừ. Khi sắc ái đã được trừ rồi, thì tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì thức ái liền được trừ. Khi thức ái đã được trừ rồi, thì Ta nói là tâm khéo giải thoát.

"Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo có tâm khéo giải thoát như vậy, Như Lai nói là tâm khéo giải thoát. Vì sao? Vì ái dục đã được đoạn trừ. Người nào ái dục đã được đoạn trừ, thì Như Lai gọi người đó là tâm khéo giải thoát."

Sau khi Tỳ-kheo Kiếp-ba nghe những lời dạy của Đức Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba, sau khi nhận lãnh những lời Phật dạy rồi, một mình ở chỗ vắng chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung… cho đến '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tâm khéo giải thoát, thành bậc A-la-hán.

---o0o---

KINH 23. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (1)[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn[64]?"

Đức Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Lành thay! Phải chăng ngươi hỏi Như Lai rằng, 'biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn'?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau[65]; nên bằng tuệ bình đẳng[66] mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

“Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán[67] đạt đến biên tế của khổ.”

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 24. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (2)[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo La-hầu-la:

“Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của ta cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn?”

La-hầu-la bạch Phật rằng:

“Thế Tôn là chủ các pháp, là vị dẫn đường, là người che chở. Lành thay, Thế Tôn! Hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn nói nghĩa này. Các Tỳ-kheo, sau khi đã được nghe những lời Phật dạy, sẽ hoan hỷ phụng hành.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.”

La-hầu-la bạch Phật:

“Thưa vâng, con xin vâng lời.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Hãy quán sát những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

“Tỳ-kheo biết như vậy, phải thấy như vậy, đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, sẽ siêu việt nghi tâm, xa lìa các tướng, tịch tịnh giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán, đạt đến chỗ tận cùng của mé khổ một cách chân chính.”

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Sử, tăng chư số,

Phi ngã, phi bỉ,

Kết phược, dao động,

Kiếp-ba sở vấn,

Cùng La-hầu-la,

Hai kinh sở vấn.

---o0o---

KINH 25. ĐA VĂN[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Phật, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Đa văn'. Vậy thế nào là đa văn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn hỏi Ta về nghĩa của đa văn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Tỳ-kheo, nên biết, nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[70], thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là đa văn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đa văn mà Như Lai nói."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 26. THIỆN THUYẾT PHÁP[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Pháp sư.' Vậy thế nào gọi là Pháp sư[72]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết những gì mà Như Lai đã nói về nghĩa Pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[73], thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

---o0o---

KINH 27. HƯỚNG PHÁP[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Đức Thế Tôn nói 'Pháp thứ pháp hướng[75].' Vậy thế nào là Pháp thứ pháp hướng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết Pháp thứ pháp hướng phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này Tỳ-kheo, đối với sắc mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì gọi đó là Pháp thứ pháp hướng[76]. Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp thứ pháp hướng.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

---o0o---

KINH 28. NIẾT-BÀN[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khác, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói ‘chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[78].’ Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết về sự ‘chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại’ phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[79]. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

---o0o---

KINH 29. TAM-MẬT-LY-ĐỀ VẤN THUYẾT PHÁP SƯ[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như Thế Tôn nói ‘Thuyết pháp sư.’ Vậy, thế nào gọi là Thuyết pháp sư?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay ngươi muốn biết về nghĩa Thuyết pháp sư phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Kệ tóm tắt:

Đa văn, thiện thuyết pháp,

Hướng pháp và Niết-bàn.

Tam-mật-ly-đề hỏi:

Thế nào, Thuyết pháp sư?

---o0o---

KINH 30. THÂU-LŨ-NA (1)[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na[82], hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

"Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, biến dịch, không an ổn mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật? Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói là: 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật?

"Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, không an ổn, biến dịch mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

"Này Thâu-lũ-na, nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp:

"Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Ý ông thế nào? Là Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Không."

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

"Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp:

"Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, thức nếu là vô thường là khổ, thì chúng là pháp biến dịch. Ý ông thế nào, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Không."

"Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng, sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc ấy đều không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt,

hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ ấy không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lũ-na, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, xa lìa được trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, thấy pháp, chứng đắc pháp, không do từ ai khác, ở trong chánh pháp được vô sở úy, từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối chắp tay, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Nay, con đã được độ. Từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến suốt đời con luôn thanh tịnh quy y Tam bảo.”

Khi Thâu-lũ-na con trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 31. THÂU-LŨ-NA (2)[83]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na[84], hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật sự tập khởi của sắc, không biết như thật sự diệt tận của sắc, không biết như thật con đường đưa đến sự diệt tận của sắc[85]; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này không đủ khả năng để đoạn trừ sắc. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức;

không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng, thì họ không đủ khả năng đoạn trừ chúng.

“Này Thâu-lũ-na, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, này Thâu-lũ-na nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về với thọ, tưởng, hành và thức, biết như thật về sự tập khởi của chúng, biết như thật về sự diệt tận của chúng, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ chúng.

“Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?”

Đáp:

“Là khổ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

“Nếu sắc là vô thường, là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Không."

"Này Thâu-lũ-na, nên biết sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; đối với tất cả sắc không là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với sắc nên sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với chúng nên sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Khi Thâu-lũ-na đã nghe những gì từ Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 32. THÂU-LŨ-NA (3)[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật về vị ngọt của sắc, không biết như thật về sự tai hại của sắc, không biết như thật về sự xuất ly của sắc, thì sẽ không đủ khả năng để siêu việt sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sự thọ, tưởng, hành và thức; không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về vị ngọt của chúng, không biết như thật về sự tai hại của chúng, không biết như thật về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-môn này sẽ không đủ khả năng để siêu việt chúng.

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng vượt qua khỏi sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức, về sự tập khởi của chúng, về sự diệt tận của chúng, về vị ngọt của chúng, về sự tai hại của chúng, về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng siêu việt khỏi chúng.

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

"Vậy vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lũ-na, nếu sắc vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

“Vậy vô thường là khổ phải không?”

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên cho là có ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng đối với sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc này không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lũ-na, là Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này phải quán chân chánh là chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Quán sát chân chánh như vậy đối với thế gian không có gì để nhiếp thọ. Khi không có gì để nhiếp

thọ, thì sẽ không có gì để chấp trước. Khi đã không có gì để chấp trước, thì sẽ tự đạt được Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'

Khi Thâu-lũ-na con của một trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 02

KINH 33. PHI NGÃ[87]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, nếu là vô thường, thì có phải là khổ?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Vậy, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy là có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[88]?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không nên, bạchThế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, hay không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật chúng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như thật rồi, thì đối với thế gian không có gì phải chấp thủ. Vì đã không có gì để chấp thủ, nên cũng không có gì để đắm trước. Vì đã không có gì để đắm trước, nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 34. NGŨ TỲ-KHEO[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Sắc không có ngã[90]. Nếu sắc mà có ngã, thì bệnh, khổ không thể sanh nơi sắc được, cũng không thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy đối với sắc được. Vì sắc là vô ngã, cho nên nơi sắc bệnh, khổ sanh và cũng có thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy được. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc có nên thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không nên, bạch Thế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát như thật tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải là ngã sở. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 35. TAM CHÁNH SĨ [91]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tinh xá Trúc viên, tại Chi-đề.

Bấy giờ có ba vị Chánh sĩ[92] mới xuất gia. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà[93], Tôn giả Nan-đề[94], Tôn giả Kim-tỳ-la[95].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm họ đang nghĩ những gì, nên răn dạy họ rằng:

"Tỳ-kheo, đây là tâm, đây là ý, đây là thức. Hãy tư duy điều này. Chớ tư duy điều này. Hãy đoạn trừ dục này, đoạn trừ sắc này, tự thân tác chứng, thành tựu và an trụ.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch không, Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thảy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói kinh này, ba vị Chánh sĩ lậu hoặc không còn khởi lên nữa, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 36. THẬP LỤC TỲ-KHEO[96]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tán cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la[97].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình[98], an trú nơi nương tựa chính mình[99], an trú nơi hòn đảo pháp[100], an trú nơi nương tựa pháp[101], chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

“Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác.

“Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc[102]? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?”

Đáp:

“Bạch không, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã

sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ tưởng, hành và thức lại cũng như vậy.”

Khi Đức Phật nói kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Trúc viên, Tỳ-xá-ly,

Thanh tịnh, chánh quán sát,

Vô thường, khổ, phi ngã,

Năm, ba và mười sáu.

---o0o---

KINH 37. NGÃ[103]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

“Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

“Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng,

không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

"Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian[104], Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết, không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 38. TY HẠ[105]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang; điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

"Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiền-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chủy-chủy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tất-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao[106], theo sự hiểu biết chỗ này hay chỗ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự biết, tự thấy,… cho đến, những kẻ mù không mắt, không biết không thấy, thì Ta làm gì được!"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 39. CHỦNG TỬ[107]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm loại hạt giống. Năm loại đó là gì? Đó là, hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt[108], hạt giống tự rụng, hạt giống từ quả. Năm loại hạt giống này tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió[109], vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước[110], thì những loại hạt giống đó không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, nhưng nếu không có đất, thì chúng cũng không sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, mà không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, có đất đầy đủ, thì những hạt giống này sẽ sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ấm cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ[111]. Nước được ví cho hỷ tham[112]. Bốn

thủ[113] vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc hiện, hoặc mất, hoặc sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đến, có đi, có hiện, có mất, có sanh, thì chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến thì sẽ không biết, càng làm cho si mê, vì không phải là cảnh giới.

"Đối với sắc giới mà lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, sự trói buộc bởi ý sanh[114] và sự ngưng trệ nơi sắc bị đoạn trừ[115]. Khi sự trói buộc bởi ý sanh[116] và sự ngưng trệ nơi thức bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt[117]. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng và hành giới[118] lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, thì ý sanh xúc[119] và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ. Khi ý sanh xúc và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Vì đã không sanh trưởng cho nên không tác hành[120]. Khi đã không tác hành, thì trụ vững[121]. Do an trụ vững mà tri túc. Do tri túc mà giải thoát.[122] Do giải thoát mà đối với các thế gian không còn gì để thủ, không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để thủ và không còn gì để chấp trước, do đó tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ta nói thức này, không đi sang Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên, dưới. Nó không đi đến đâu cả, mà chỉ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, tịch diệt, thanh lương, thanh tịnh, chân thật[123]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 40. PHONG TRỆ[124]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Phong trệ[125], thì không giải thoát. Không phong trệ, thì được giải thoát.

“Thế nào là phong trệ không giải thoát?

“Tỳ-kheo, thức vin bám vào bốn thủ ấm mà trụ. Bốn là những gì? Thức bị phong trệ bởi sắc mà trụ. Cũng vậy, thức bị phong trệ bởi thọ, tưởng và hành mà trụ… cho đến chẳng phải là cảnh giới.[126] Đó gọi là phong trệ nên không giải thoát.

“Thế nào là không bị phong tỏa trì trệ, thì giải thoát?

“Đối với sắc giới ly tham; với thọ, tưởng, hành mà ly tham… cho đến thanh lương, thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không bị phong trệ, thì được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 41. NGŨ CHUYỂN[127]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm như thật tri[128]. Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

“Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đóù gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

“Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đóù gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

“Thế nào là như thật tri về về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhãn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

“Thế nào như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

“Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

“Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tại hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

“Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó hướng đến ly dục, đó gọi là chánh hướng[129]. Nếu người nào hướng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập[130]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhứt[131]. Người nào đã được thuần nhứt, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập, không còn bị ai khống chế[132]. Đó gọi là biên tế của khổ[133]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 42. THẤT XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bảy xứ thiện[134], với ba phương pháp quán nghĩad. Tam quán nghĩa 三觀義: tức ba khoa uẩn, xứ và giới. Pāli: tividhūpaparikkhī, ba phương pháp quán sát. Xem cht.52 dưới., hoàn toàn[135] ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận[136], đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập

khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tạân của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức.

"Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra. Đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của sắc? Ái hỷ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Hỷ lạc do duyên vào sắc mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự hiện hữu của thọ? Có sáu loại thọ: mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc sanh ra thọ, đó gọi là sự hiện hữu của thọ. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của thọ? Khi xúc diệt, thì đó là sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định, đó gọi là con đường đưa đến

sự tận diệt của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc do duyên thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thọ? Nếu ở nơi thọ mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thọ. Như vậy là biết như thật về sự lìa thọ.

“Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Diệt tận xúc là diệt tận tưởng. Như vậy là biết như thật về sự đoạn diệt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự đoạn diệt của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đoạn diệt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc nhờ duyên vào tưởng mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của tưởng? Tưởng làø vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly tưởng? Nếu ở nơi tưởng mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly tưởng.

“Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh từ xúc của mắt. Tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đóù gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh ra, nên gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly hành? Nếu ở nơi hành mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua được dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly hành.

“Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của thức. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thức.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thức? Nếu ở nơi thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly thức. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly thức.

"Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện.

"Thế nào là ba phương pháp quán nghĩa? Nếu, Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng, dưới gốc cây, hay nơi đồng trống, quán sát ấm, giới, nhập[137] bằng phương tiện chân chánh[138] mà tư duy nghĩa của chúng. Đó gọi là ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo.

"Đó gọi là bảy xứ thiện và ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo, hoàn toàn ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 43. THỦ TRƯỚC[139]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chấp thủ nên sanh đắm trước[140]. Không chấp thủ, không đắm trước. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, chúng con xin theo lời dạy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước? Phàm phu ngu si không học, đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[141]; thấy sắc là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu sắc kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo[142]. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ[143]. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn[144], do thủ trước[145] vậy.

"Phàm phu ngu si vô học, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; thấy thức là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu thức kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn; do thủ trước vậy. Đó gọi là thủ trước.

"Thế nào là không thủ, thì không đắm? Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi sắc không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi sắc kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy.

"Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi thức không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi thức kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy. Đó gọi là không thủ trước.

"Đó gọi là thủ trước và không thủ trước."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 44. HỆ TRƯỚC[146]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có sanh thì sẽ có trói buộc[147], nếu không sanh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là nếu có sanh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ[148]. Vì nắm giữ tâm trụ nên sanh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng[149]. Vì có sanh nên có sự trói buộc[150]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sanh nên có sự trói buộc.

"Thế nào là nếu không sanh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác, tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sanh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sanh, nên không có trói buộc.

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh, nên không bị trói buộc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 45. GIÁC[151]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy có ngã, thì tất cả cũng đều ở nơi năm thọ ấm này mà thấy có ngã. Các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hay ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã[152]; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, ngã ở trong thức, thức ở trong ngã.

"Phàm phu ngu si vô học vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau và nói ngã là chân thật nên không xả. Vì không xả nên các căn tăng trưởng. Khi các căn đã tăng trưởng rồi, thì sẽ sanh ra các xúc. Do bị xúc chạm bởi sáu xúc nhập xứ[153], do đó phàm phu ngu si vô học khởi lên cảm giác khổ vui, từ xúc mà nhập xứ khởi lên. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ.

"Như vậy, Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Kẻ phàm phu ngu si vô học, vì vô minh xúc[154] cho nên khởi lên ý tưởng có, ý tưởng không, ý tưởng vừa có vừa không, ý tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Những ý tưởng biết như vậy, những ý tưởng thấy như vậy đều do sáu xúc–nhập xứ mà phát sanh.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc–nhập xứ này, xả bỏ vô minh mà sanh minh. Không sanh ra ý tưởng về có, ý tưởng về không, ý tưởng về vừa có vừa không, ý tưởng hơn, ý tưởng bằng, ý tưởng kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, thì những gì do vô minh–xúc khởi lên trước kia sẽ bị diệt và cảm thọ phát sanh do minh xúc sau đó sẽ khởi lên."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 46. TAM THẾ ẤM THẾ THỰC[155]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhờ trí túc mạng tự biết rõ những đời sống trước của mình, thì việc đã biết, đang biết, sẽ biết đều phát xuất từ năm thọ ấm này. Việc đã biết đang biết, sẽ biết về đời quá khứ của ta đã từng trải qua, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.

“Cái gì có thể phân tán, trở ngại[156], thì cái đó gọi là sắc thọ ấm[157]. Như bàn tay, đá, gậy, dao, bị trở ngại bởi ngón tay; hoặc do lạnh, nóng, khát, đói, hoặc do xúc bởi muỗi mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là trở ngại do xúc[158]. Cho nên, chướng ngại, đó là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Những tướng cảm nhận, đó là thọ thọ ấm[159]. Cảm nhận cái gì? Cảm nhận sự khổ, cảm nhận sự lạc, cảm nhận sự không khổ không lạc. Cho nên gọi tướng cảm nhận là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Các tưởng, là tưởng thọ ấm[160]. Tưởng cái gì? Tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì tưởng là không có gì. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch.

“Tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm[161]. Tạo tác cái gì? là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tưởng, hành và thức. Cho nên tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm.

“Lại nữa, hành thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm[162]. Biết rõ cái gì? Là biết rõ sắc, biết rõ thanh, hương, vị, xúc và pháp, cho nên gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử kia đối với sắc thọ ấm kia phải học như vầy, ‘Ta nay bị sắc hiện tại ăn[163]. Quá khứ đã từng bị sắc kia ăn, như trong hiện tại.’ Lại nghĩ như vầy: ‘Nay ta đang bị sắc hiện tại ăn, nếu mà ta ham muốn sắc vị lai, thì cũng sẽ bị sắc kia ăn như trong hiện tại.’ Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm sắc quá khứ, không ham muốn sắc vị lai, đối với sắc hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt hết tai hại, hướng đến tịch diệt. Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm hãy học như vầy, ‘Ta nay bị thức hiện tại ăn. Quá khứ đã từng bị thức kia ăn, như trong hiện

tại. Nếu mà ta ham muốn thức vị lai, thì cũng sẽ bị thức kia ăn như trong hiện tại.' Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm thức quá khứ, không ham muốn thức vị lai, đối với thức hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt tận[164], hướng đến tịch diệt. Ở đây, diệt chứ không tăng, lui chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ[165].

"Ở nơi cái gì diệt mà không tăng? Sắc diệt mà không tăng. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không tăng.

"Ở nơi cái gì lùi mà không tiến? Sắc lùi mà không tiến. Thọ, tưởng, hành, thức lùi mà không tiến.

"Ở nơi cái gì diệt mà không khởi? Sắc diệt mà không khởi. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không khởi.

"Ở nơi cái gì xả mà không thủ? Sắc xả mà không thủ. Thọ, tưởng, hành, thức xả mà không thủ.

"Diệt chứ không tăng, tịch diệt mà an trụ. Lùi chứ không tiến, im lặng lui mà an trụ. Diệt chứ không khởi, tịch diệt mà an trụ. Xả chứ không thủ, không sanh ra sự trói buộc. Không bị trói buộc, nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Đức Phật nói kinh này số đông các Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Ngã, ty hạ, chủng tử,

Phong trệ, ngũ chuyển, thất (xứ thiện)

Hai hệ trước và giác,

Tam thế ấm thế thực.

---o0o---

KINH 47. TÍN[166]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam có lòng tin, cần suy nghĩ như vầy: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly. Do yểm ly mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 48. A-NAN (1)[167]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam tử có lòng tin, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự nghĩ: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly[168]. Ta nói người ấy chắc chắn sẽ được thoát ly khỏi tất cả sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 49. A-NAN (2)[169]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có trưởng giả hay người con trưởng giả nào có lòng tin, đến hỏi ngươi rằng, 'Ở nơi pháp nào mà biết rõ được sự sanh diệt của nó?' thì ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào, đến hỏi con như vậy, thì con sẽ đáp rằng, 'Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.' Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào hỏi như vậy, thì con sẽ trả lời như vậy."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết… thức."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 50. A-NAN (3)[170]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có các ngoại đạo xuất gia đến hỏi ngươi rằng, 'A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh.' Được hỏi như vậy, nên đáp thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia đến hỏi con rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh?’ Thì con sẽ trả lời rằng, ‘Vì để đối với sắc, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên Đức Thế Tôn dạy tu các phạm hạnh. Vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.’ Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia hỏi như vậy, thì con cũng sẽ đáp như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Thật vậy, Ta vì đối với sắc mà tu tập yểm ly, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 51. HOẠI PHÁP[171]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp hoại và bất hoại[172]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là pháp hoại. Sắc kia diệt, Niết-bàn là pháp bất hoại[173]. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Thức kia diệt, Niết-bàn, là pháp bất hoại.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 52. UẤT-ĐÊ-CA

Như trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Bốn pháp.

---o0o---

KINH 53. BÀ-LA-MÔN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ[174], phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la[175].

Bấy giờ chủ tụ lạc Bà-la-môn Đại Tánh nghe đồn rằng, "Sa-môn dòng họ Thích, ở nơi dòng họ lớn Thích-ca mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không gia đình, thành Bậc Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la này. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm này, tướng mạo danh xưng, công đức chân thật như vậy được cả trời và người ca tụng, tiếng đồn bay khắp tám phương; là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các cõi, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn có thể tự mình chứng biết rõ ràng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngài vì đời nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều toàn thiện; có nghĩa, có vị đều thiện, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, diễn nói chánh pháp vi diệu. Lành thay, nên gặp! Lành thay, nên đi đến! Lành thay, nên cung kính thừa sự!"

Nghĩ như vậy rồi, ông liền sửa soạn xe cộ, đem theo nhiều tùy tùng, bưng bình vàng, người cầm lọng cán vàng, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính phụng sự. Khi đến cửa rừng, xuống xe đi bộ đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe có an lành không? Rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài luận về cái gì? Và thuyết về cái gì?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta luận về nhân và thuyết về nhân."

Lại bạch Phật rằng:

"Thế nào là luận về nhân? Và thế nào là thuyết về nhân?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên để thế gian diệt; có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian."

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi? Và có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ái lạc sắc, khen ngợi sắc, tâm nhiễm đắm mà trụ. Kia đối với sắc mà ái lạc nên sanh thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó chính là sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận? Và có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật, đối với sắc không ái lạc, không khen ngợi, không nhiễm đắm, không lưu trú. Không ái lạc, không lưu trú, nên sắc ái bị diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận; cũng gọi là có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là luận nhân, đó gọi là thuyết nhân."

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, luận nhân là như vậy, thuyết nhân là như vậy. Tôi bận nhiều việc thế gian, nay xin từ giã ra về."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nên biết đúng thời."

Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

---o0o---

KINH 54. THẾ GIAN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có Bà-la-môn tại tụ lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca, đến chỗ Đức Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng tốt, xấu cho mọi người; nói có, ắt là có; nói không, ắt là không; nói thành, ắt là thành; nói hoại, ắt là hoại. Thưa Cù-đàm, ý ngài nghĩ sao?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc. Nay Ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời.

"Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

"Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông bảo rằng đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: Nói có, ắt là có; nói không, ắt là không. Vậy cái biết cái thấy này không phải là không thật chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Có loại sắc nào còn mãi trăm năm không? khác với sanh, khác với diệt chăng? Thọ, tưởng, hành, thức còn mãi trăm năm chăng? Hay khác với sanh, khác với diệt chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người nói là thành chứ không hoại; vậy cái biết, cái thấy này không phải là không thay đổi chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Pháp này và pháp kia; thuyết này và thuyết kia, quan điểm nào hơn?”

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, ở đây là nói như pháp, như những gì Đức Phật đã nói, hiển bày, khai mở. Cũng như có người bị chìm xuống nước được cứu hộ, người bị tù tội được giải thoát ra, người lạc đường được chỉ nẻo đi, nơi tăm tối được đèn sáng. Hôm nay, Đức Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng, cũng lại hiển bày, khai phát như vậy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân rồi lui.

---o0o---

KINH 55. ẤM[176]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ nói về ấm và thọ ấm.

"Thế nào là ấm? Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng được gọi chung là sắc ấm.

"Tùy theo những gì là thọ, tưởng, hành, thức; tất cả được gọi chung là thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là ấm.

"Thế nào là thọ ấm? Nếu sắc là hữu lậu, chấp thủ, thì sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, phát sanh ra tham dục, sân nhuế, ngu si và các thứ tâm pháp tùy phiền não[177] khác. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thọ ấm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

qq

KINH 56. LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu.

“Thế nào là pháp hữu lậu? Nếu sắc là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; sắc sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; thức kia sanh ra ái và nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu.

“Thế nào là pháp vô lậu? Những gì sắc vô lậu, không bị chấp thụ[178]; sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, sắc kia không sanh ái, nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, không chấp thủ; thức kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, không sanh ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Hai tín, hai A-nan,

Pháp hoại, Uất-để-ca,

Bà-la và thế gian,

Trừ pháp lậu, vô lậu.

---o0o---

KINH 57. TẬT LẬU TẬN[179]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau đó, lại ôm y-bát, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình, đến quốc độ phương Tây, du hành trong nhân gian[180].

Bấy giờ, trong rừng An-đà có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình. Sau khi thấy vậy, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

"Tôn giả biết cho, Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo kia:

"Nếu như Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành, thì chúng ta không nên đi theo. Vì sao? Vì ngày hôm nay Đức Thế Tôn muốn ít bận rộn để an trụ tịch diệt[181]."

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hành về phương Bắc, đến trụ dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la[182], trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà[183] thuộc nước Bán-xà[184].

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, có một số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa với Tôn giả A-nan rằng:

"Ngài có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở nơi nào không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Tôi có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở về phương Bắc, dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la, trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà thuộc nước Bán-xà."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Tôn giả biết cho, đã lâu rồi chúng tôi không gặp Đức Thế Tôn; nếu ngài không ngại cực nhọc, thì có thể cùng chúng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn, xin thương xót cho!"

Tôn giả A-nan biết đã đúng lúc, nên im lặng mà nhận lời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo chờ qua đêm, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, sắp xếp ngọa cụ, mang y bát, đi về hướng Tây du hành trong nhân gian, rồi quay về hướng Bắc, đến khu rừng có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo sắp xếp y bát, rửa chân xong, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo nói pháp, khai thị, giáo giới, làm cho lợi ích, làm cho an lạc[185].

Vào lúc ấy, giữa chúng có một Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ của Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo đang ở trong chỗ ngồi này nghĩ rằng: 'Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận[186]?' Ta đã từng nói pháp rằng: 'Hãy khéo léo quán sát các ấm; đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần.' Ta đã từng nói những pháp như vậy để quán sát các ấm. Thế mà hiện nay vẫn còn có thiện nam tử, không muốn nỗ lực siêng thực hành, không nỗ lực siêng vui thích, không nỗ lực siêng suy nghĩ, không nỗ lực siêng tin tưởng, mà tự biếng lười, không nỗ lực tăng tiến để diệt tận được các lậu! Lại nữa, nếu có thiện nam tử đối với những gì Ta đã nói, mà quán sát các ấm, nỗ lực siêng ham muốn, nỗ lực siêng vui thích, nỗ lực siêng suy nghĩ, nỗ lực siêng tin tưởng, thì có thể nhanh chóng chứng đắc lậu tận.

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã. Nếu thấy ngã, thì đó gọi là hành[187]. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh và cái gì chuyển[188]? Ái được sanh bởi vô minh xúc[189] và duyên vào ái nên khởi lên hành này.

"Ái này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Ái này lấy thọ làm nhân, thọ là tập khởi; do thọ sanh, do thọ chuyển.

"Thọ này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Thọ này lấy xúc làm nhân, xúc là tập khởi; do xúc sanh, do xúc chuyển.

"Xúc này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển?

Xúc này lấy sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ là tập khởi; do sáu nhập xứ sanh, do sáu nhập xứ chuyển.

"Sáu nhập xứ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm; xúc thọ, hành thọ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm[190].

"Người nào đã quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã; hay không thấy sắc là ngã mà còn thấy sắc là ngã sở; hay không thấy sắc ngã sở mà còn thấy sắc ở trong ngã; hay không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; hay không thấy ngã ở trong sắc mà còn thấy thọ là ngã; hay không thấy thọ là ngã mà còn thấy thọ là ngã sở; hay không thấy thọ là ngã sở mà còn thấy thọ ở trong ngã; hay không thấy thọ ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thọ; hay không thấy ngã ở trong thọ mà còn thấy tưởng là ngã; hay không còn thấy tưởng là ngã mà còn thấy tưởng là ngã sở; hay không thấy tưởng ngã sở mà còn thấy tưởng ở trong ngã; hay không thấy tưởng ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong tưởng; hay không thấy ngã ở trong tưởng mà còn thấy hành là ngã; hay không thấy hành là ngã mà còn thấy hành là ngã sở; hay không thấy hành là ngã sở mà còn thấy hành ở trong ngã; hay không thấy hành ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong hành; hay không thấy ngã ở trong hành mà còn thấy thức là ngã; hay không thấy thức là ngã mà còn thấy thức là ngã sở; hay không còn thấy thức là ngã sở mà còn thấy thức ở trong ngã; hay không thấy thức ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thức; hay không thấy ngã ở trong thức mà lại khởi lên đoạn kiến, hoại hữu[191] kiến; hay không khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến, nhưng không xa lìa ngã mạn. Người nào không xa lìa ngã mạn, thì lại thấy ngã. Thấy ngã, đó là hành. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? thì như trước đã nói, cho đến, ngã mạn.

"Người nào biết như vậy, thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 58. ẤM CĂN[192]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy[193], Thế Tôn đến trước các Tỳ-kheo, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có phải đây là năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy trở lại chỗ ngồi mà hỏi, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Tỳ-kheo kia sau khi lạy Phật rồi trở lại chỗ ngồi của mình, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này, lấy gì làm gốc, do gì tập khởi, do cái gì mà sanh, do cái gì mà xúc?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Năm thọ ấm này, lấy dục làm gốc, do dục tập khởi, vì dục sanh và vì dục mà xúc."

[194]Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật vừa nói, hoan hỷ tùy hỷ, mà bạch Phật rằng:

"Thế Tôn đã vì chúng con nói, năm ấm là thọ[195]. Hay thay! những gì đã được nói. Nay con xin hỏi lại. Bạch Thế Tôn, ấm là thọ hay năm ấm khác thọ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chẳng phải năm ấm là thọ, cũng chẳng phải năm ấm khác thọ. Ở nơi đó mà có dục tham, thì đó là năm thọ ấm[196]."

[197]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Có hai ấm tương quan[198] chăng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Cũng như có một người suy nghĩ như vầy: ‘Ta ở đời vị lai sẽ được sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.’ Đó gọi là ấm ấm tương quan[199].”

[200]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là ấm[201]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Những gì sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng gọi chung là ấm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như vậy, này Tỳ-kheo, đó gọi là ấm.”

[202]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà gọi là sắc ấm? Do nhân gì, duyên gì mà gọi thọ, tưởng, hành, thức ấm?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bốn đại là nhân, bốn đại là duyên; đó gọi là sắc ấm. Vì sao? Vì những gì thuộc về sắc ấm, tất cả những cái đó đều là bốn đại, được tác thành do duyên bốn đại. Xúc là nhân, xúc là duyên sanh ra thọ, tưởng, hành; cho nên gọi là thọ, tưởng, hành ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thì tất cả chúng đều lấy xúc làm duyên. Danh sắc là nhân, danh sắc là duyên, đó gọi là thức ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thức, thì tất cả chúng đều lấy danh sắc làm duyên.”

[203]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là sự tai hại của sắc? Thế nào là sự xuất ly sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự tai hại của thức? Thế nào là sự xuất ly của thức?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hỷ lạc duyên vào sắc sanh ra, đó gọi là vị ngọt của sắc. Nếu sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham, đó gọi là sự xuất ly sắc. Nếu hỷ lạc duyên vào thọ, tưởng, hành, thức sanh ra, đó gọi là vị ngọt của thức. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì đó gọi là sự tai hại của thức. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham, thì đó gọi là sự xuất ly thức.

[204]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Từ cái gì sanh ra ngã mạn[205]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Từ đây sanh ra ngã mạn.”

[206]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Bạch Thế Tôn, làm thế nào để đạt được không ngã mạn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau.”

[207]Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Biết cái gì, thấy cái gì nhanh chóng chứng đắc lậu tận[208]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Và thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, biết như vậy, nên thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận.”

Bấy giờ, trong chúng lại có một vị Tỳ-kheo khác căn trí đần độn, không hiểu biết, vì vô minh che lấp, nên khởi tà kiến ác, nghĩ rằng: “Nếu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, vậy thì ai là người sẽ chịu quả báo trong đời vị lai?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia, nên liền bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, có người ngu si, vô trí, vô minh, nghĩ rằng: ‘Nếu sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, thì ai là người sẽ nhận quả báo?’ Những điều nghi ngờ như vậy, trước đây Ta đã giải thích. Thế nào Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Hỏi:

“Vô thường là khổ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Hỏi:

“Vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã. Ai thấy như vậy được gọi là thấy đúng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán như vậy, liền tu tập tâm nhàm chán. Đã nhàm chán rồi, thì ly dục. Do ly dục mà giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Phật nói kinh này xong, phần nhiều các Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Ấm căn, ấm tức thọ,

Hai ấm cùng tương quan,

Danh tự, nhân, hai vị,

Ngã mạn, chóng lậu tận.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 03

KINH 59. SANH DIỆT[209]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Hãy quán sát năm thọ ấm này là pháp sanh diệt. Nghĩa là, 'Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.'

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Sự tập khởi của ái hỷ là sự tập khởi của sắc; sự diệt tận của ái hỷ là sự diệt tận của sắc. Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành; sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành. Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức; sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức.

"Này Tỳ-kheo, như vậy là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đó là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Như vậy là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 60. BẤT LẠC[210]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Lành thay! Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc. Lành thay! Tỳ-kheo không ưa thọ, tưởng, hành, thức, không khen ngợi… thức, không chấp thủ… thức, không đắm trước… thức. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc, thì đối với sắc sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không ưa thức, không khen ngợi thức, không chấp thủ thức, không đắm trước thức, thì đối với thức sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát.

“Nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, tâm được giải thoát. Cũng vậy, nếu không ưa thọ, tưởng, hành, thức, tâm được giải thoát, không sanh không diệt, bình đẳng an trú xả với chánh niệm chánh trí.

“Tỳ-kheo này đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ[211] vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liện hệ biên tế quá khứ và biên tế vị lai cũng diệt tận không dư tàn, không còn gì ngăn che. Khi đã không còn gì ngăn che, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Không chấp thủ nên cũng không có gì để mong cầu. Không có gì để mong cầu, nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 61. PHÂN BIỆT (1)[212]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Thế nào là sắc thọ ấm? Những gì là sắc, tất cả chúng đều là bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc kia là vô thường, khổ, là

pháp biến dịch. Nếu sắc thọ ấm này vĩnh viễn bị đoạn trừ không dư tàn, rốt ráo xả ly, diệt tận, ly dục, tịch diệt, các sắc thọ ấm khác không tương tục, không xuất hiện, không khởi lên, thì đó gọi là vi diệu, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.

“Thế nào là thọ thọ ấm? Đó là sáu thọ thân. Những gì là sáu? Thọ phát sanh do xúc con mắt; thọ phát sanh do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

“Thế nào là tưởng thọ ấm? Đó là sáu tưởng thân. Những gì là sáu? Tưởng phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tưởng phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

“Thế nào là hành thọ ấm? Đó là sáu tư thân. Những gì là sáu? Tư phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tư phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là hành thọ ấm. Lại nữa, hành thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

“Thế nào là thức thọ ấm? Đó là sáu thức thân. Những gì là sáu? Thức thân con mắt; cho đến ý thức thân, đó gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

“Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ, đó gọi là tùy tín hành, siêu thăng, ly sanh[213], vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

“Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này, mà bằng tăng thượng trí tuệ, tư duy quán sát, nhẫn thọ, thì đó gọi là tùy pháp hành, siêu thăng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tư-đà-hoàn.

“Này Tỳ-kheo, đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát[214] như thật, ba kết được biết là hoàn toàn đoạn trừ[215]; đó là, thân kiến, giới thủ, nghi. Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, sẽ không rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác[216], bảy lần sanh qua lại giữa trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.

"Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này nếu dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, tâm sẽ không khởi lên lậu hoặc, thì gọi là A-la-hán. Khi các lậu đã sạch rồi, thì những gì cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình[217], các kết sử hữu[218] dứt sạch, chánh trí, tâm đạt được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 62. PHÂN BIỆT (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, vô minh, đối với năm thọ ấm sanh ra hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ, có minh, thì đối với năm thọ ấm này không bị hệ phược bởi ngã kiến khiến tâm bị trói buộc dính mắc mà khởi lên tham dục.

"Vì sao kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm, bị hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị trói buộc dính mắc mà sanh ra tham dục? Này Tỳ-kheo, kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, thấy rằng sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Những kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt như vậy, đối với năm thọ ấm nói là ngã và bị hệ phược, làm cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Vì sao Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, không được nói là bị ngã hệ phược, khiến kết buộc tâm mà sanh tham dục? Vì không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong ngã. Như vậy, Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, đối với năm thọ ấm không bị ngã hệ phược, để khiến trói buộc tâm mà sanh ra tham dục. Nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ,

hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc là quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì cũng nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 63. PHÂN BIỆT (3)[219]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Như vậy, kẻ phàm phu ngu si không học, chấp ngã, vô minh, phân biệt mà quán sát như vậy, không lìa ngã sở[220]. Do không lìa ngã sở, nhập vào các căn[221]. Khi nhập vào các căn rồi thì sẽ sanh ra xúc. Sáu xúc duyên vào những gì được xúc, phàm phu ngu si không học sanh ra khổ vui, từ đó phát sanh ra những cái này và những cái khác, đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Xúc nhập xứ của mắt; xúc nhập xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

"Này Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Phàm phu ngu si không học được chạm bởi vô minh xúc nên nói là hữu, nói là vô, nói là vừa hữu vừa vô, nói là chẳng phải hữu chẳng phải vô, nói là ta hơn hết, nói là tương tợ, ta biết, ta thấy.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, khi trụ vào sáu xúc nhập xứ mà có thể nhàm chán xa lìa vô minh, có thể sanh ra minh, người đó đối với vô minh mà ly dục, sanh ra minh, nên chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải vừa hữu vừa vô, chẳng phải chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải có ta hơn, chẳng phải có ta kém, chẳng phải có ta bằng, ta biết, ta thấy. Khi biết như vậy, thấy như

vậy rồi thì vô minh xúc khởi lên trước kia sẽ diệt và minh xúc sau sẽ tập khởi.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 64. ƯU-ĐÀ-NA[222]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc-tử-mẫu trong Đông-viên, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, buổi chiều, sau giờ Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, đến giảng đường, vào trong nhà giảng, trải tòa ngồi trước đại chúng. Rồi thì, Thế Tôn nói kệ Ưu-đà-na:

Pháp không có tôi ta,

Cũng lại không của ta;

Cũng sẽ không có ta,

Của ta từ đâu sanh?

Tỳ-kheo giải thoát[223] đây,

Đoạn trừ hạ phần kết[224].

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

“Thế nào là không có tôi ta, cũng lại không của ta, cũng sẽ không có ta, của ta từ đâu sanh? Tỳ-kheo giải thoát đây, đoạn trừ hạ phần kết?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si không học, chấp sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Đa văn Thánh đệ tử, không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng

chẳng phải là người biết, cũng chẳng phải là người thấy. Sắc này là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Sắc là khổ. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Sắc là vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Sắc này sẽ không tồn tại. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ không tồn tại. Vì sắc này sẽ hủy hoại[225]. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ hủy hoại. Cho nên, chẳng có ngã, chẳng có ngã sở và cũng sẽ chẳng có ngã, ngã sở. Nếu ai giải thoát như vậy, thì sẽ đoạn trừ được năm kết sử hạ phần."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi đã đoạn trừ năm kết sử hạ phần rồi, làm sao để ngay trong đời này tự biết, tự tác chứng, thành tựu và an trú với sự diệt tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tác sanh đời sau nữa'?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu chúng sanh ngu si không học ở chỗ không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Phàm phu chúng sanh ngu si không học sanh ra sự sợ hãi rằng không ngã, không ngã sở; cả hai sẽ chẳng sanh.

"Do vin bám[226] mà có bốn trú xứ của thức[227]. Thức trụ nơi sắc, vin bám sắc, ham muốn sắc, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Thức trú nơi thọ, tưởng, hành, vin bám hành, ham muốn hành, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Tỳ-kheo, thức ở nơi này, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Nếu nói rằng lại có pháp khác và ở đó thức hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn; thì đây chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến, thì sẽ không biết, chỉ tăng thêm ngu si, vì chúng chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Tỳ-kheo, xa lìa tham dục của sắc giới, thì triền phược của ý sanh[228] đối với sắc cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi triền phược của y sanh đối với sắc bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Khi triền phược của ý sanh đối với thọ, tưởng, hành giới, nếu đã lìa tham dục rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Vì thức không chỗ trụ, nên không tăng trưởng. Vì không tăng trưởng nên không có gì để tạo tác. Vì không có gì để tạo tác cho nên được an trụ. Vì đã an trụ nên biết đủ. Vì đã biết đủ nên được giải thoát. Vì đã giải thoát nên đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì

không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Này Tỳ-kheo, Ta nói thức không trụ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong hiện tại mà muốn nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Sanh diệt và bất lạc,

Và ba kinh phân biệt,

Quán sát về tham trước,

Đó là Ưu-đà-na.

---o0o---

KINH 65. THỌ[229]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư[230], cho trong tâm mình tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo luôn tu tập phương tiện thiền tư, thì trong tâm mình sẽ được tĩnh lặng, nên quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của… thức, đây là sự đoạn tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si vô học nên đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, không quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì không biết quán sát

như thật, nên đối với thọ lại ưa thích tham đắm mà sanh ra chấp thủ và thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; khối lớn đau khổ như vậy từ tập mà sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì quán sát như thật nên đối với thọ sự ưa thích đắm trước bị đoạn trừ. Vì sự đắm trước đã bị đoạn trừ, nên chấp thủ cũng bị diệt. Vì thủ đã bị diệt, nên hữu cũng bị diệt. Vì hữu đã bị diệt, nên sanh cũng bị diệt. Vì sanh đã bị diệt, cho nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; khối lớn đau khổ như vậy tất cả đều diệt. Đó gọi là sắc diệt. Đó gọi là thọ, tưởng, hành, thức diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho tâm mình luôn tĩnh lặng. Tỳ-kheo an trụ thiền tư, thì bên trong tâm luôn tĩnh lặng, nỗ lực siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, có mười hai kinh[231] tiếp theo là Phân biệt, Chủng chủng phân biệt, Tri, Quảng tri, Chủng chủng tri, Thân cận, Thân cận tu tập, Nhập, Xúc và Chứng.

---o0o---

KINH 66. SANH[232]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho trong tâm mình tịch lặng. Vì sao? Vì nhờ tu tập phương tiện thiền tư, trong tâm mình đã tịch lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Quán sát như thật rằng đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức?

"Này Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, không quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc, nên ưa muốn sắc kia, khen ngợi yêu đắm, nên sắc sẽ tái sanh lại vào đời vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Khi sắc kia sanh, thọ, tưởng, hành, thức sanh; mà đối với sắc không giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức không giải thoát, Ta nói người đó sẽ không giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc và sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, biết như thật. Do biết như thật nên không thích sắc, không khen ngợi sắc, không ưa đắm sắc, cũng không sanh ra sắc vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Sắc không sanh, thọ, tưởng, hành, thức không sanh; do đó đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức.

"Cho nên, Tỳ-kheo, nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, để bên trong tâm mình tịch lặng, tinh tấn siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

---o0o---

KINH 67. LẠC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự

tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

“Thế nào là sự tập khởi của sắc và sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên ưa thích đắm trước vào sắc kia, khen ngợi sắc. Vì ưa thích đắm trước sắc, khen ngợi sắc nên chấp thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy sanh ra. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

“Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì biết như thật, nên không thích đắm sắc, không khen ngợi sắc. Vì không thích đắm trước, khen ngợi sắc cho nên ái lạc bị diệt trừ. Ái lạc diệt nên chấp thủ cũng diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh diệt. Sanh đã bị diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; và như vậy thuần khối lớn đau khổ diệt.

“Thế nào là đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức và về sự tập khởi của… thức, về sự diệt tận của… thức, về vị ngọt của… thức, về sự tai hại của… thức, về sự xa lìa… thức? Vì đã biết như thật về chúng, nên không thích đắm… thức kia, không khen ngợi… thức. Vì không thích đắm… thức nên ái lạc diệt. Ái diệt, nên thủ diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh cũng bị diệt. Sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt, như vậy thuần khối lớn đau khổ tất cả đều diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Tỳ-kheo nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư để cho nội tâm được tĩnh lặng.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

---o0o---

KINH 68. LỤC NHẬP XỨ[233]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng, thì mới quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc; duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái. Như vậy, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt… cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên này các Tỳ-kheo, nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

Bài kệ tóm tắt:

Thọ và sanh và lạc,

Cũng nói lục nhập xứ,

Mỗi một mười hai thứ,

Kinh thiền định tam-muội.

---o0o---

KINH 69. KỲ ĐẠO[234]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân[235] và về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc. Vì đã ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc, nên yêu thích chấp thủ. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy được sanh ra. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Đó gọi là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân. Tỳ-kheo, nên biết, con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân, chính là con đường dẫn đến sự tập khởi của khổ.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật nên đối với sắc không ưa, không khen, không đắm, không trụ. Vì không ưa, không khen, không đắm, không trụ nên ái lạc sắc kia diệt. Ái lạc diệt, thì thủ cũng diệt; thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ như vậy diệt. Cũng như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân này cũng là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Cho nên nói là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy[236].

---o0o---

KINH 70. THẬT GIÁC[237]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về biên tế của hữu thân[238], về biên tế tập khởi của hữu thân[239], về biên tế diệt tận của hữu thân[240]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là biên tế của hữu thân? Là chỉ cho năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là biên tế của hữu thân.

"Thế nào là biên tế tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[241]. Đó gọi là tập khởi của hữu thân.

Thế nào là biên tế diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó là biên tế sự diệt tận của hữu thân. Đó là nói về biên tế hữu thân, về biên tế sự tập khởi của hữu thân, về biên tế sự đoạn diệt của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

---o0o---

KINH 71. HỮU THÂN[242]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta nói về hữu thân[243], về sự tập khởi của hữu thân, về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân[244]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là hữu thân? Là năm thọ ấm. Đó là: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân.

“Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[245]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

“Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

“Đó là nói về hữu thân, về sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

Nhưng có sự sai biệt:

“Tỳ-kheo biết hữu thân, đoạn tập khởi của hữu thân, chứng diệt của hữu thân, tu tập con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Đó là Tỳ-kheo đoạn trừ các kết sử, triền phược của ái dục, tu vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên.”

Lại có sự sai biệt:

“Đó gọi là Tỳ-kheo đã cứu cánh khổ biên, cứu cánh ly cấu, cứu cánh phạm hạnh, là bậc thượng sĩ thuần tịnh.”

Lại có sự sai khác:

"Đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, sạch hết các lậu hoặc, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, dứt sạch các kết sử, chánh trí tâm giải thoát."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đã phá sập quan ải, vượt hào, siêu việt cảnh giới, thoát khỏi các sự canh phòng, dựng cờ Thánh pháp."

Lại có sự sai biệt:

"Thế nào là đã phá sập quan ải? Là đã dứt bỏ được năm hạ phần kết. Thế nào là vượt hào? Là vượt khỏi hào sâu vô minh. Thế nào là siêu việt khỏi cảnh giới? Là đến chỗ cùng tột không đầu mối của sanh tử. Thế nào là thoát khỏi các sự canh phòng? Là ái đã hết sạch. Thế nào dựng cờ Thánh pháp? Là ngã mạn đã dứt sạch."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, thủ hộ một, y bốn thứ, xả các đế, lìa các thứ mong cầu, tịnh các giác, thân hành tịch tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, vô thượng phạm hạnh thuần nhất đã lập."

Kệ tóm tắt:

Kỳ đạo, có ba kinh,

Thật giác cũng ba kinh,

Hữu thân kinh thuyết,

La-hán có sáu hạng.

---o0o---

KINH 72. TRI PHÁP[246]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về các pháp sở tri, trí và trí giả[247]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Thế nào là các pháp đã sở tri? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là những pháp sở tri.

“Thế nào là trí? Là sự điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, siêu việt dục tham. Đó gọi là trí.

“Thế nào gọi là trí giả? Đó là A-la-hán. A-la-hán chẳng phải tồn tại sau khi chết, chẳng phải không, chẳng phải có không tồn tại sau khi chết, chẳng phải chẳng có không tồn tại sau khi chết. Nói rộng ra vô lượng, các số đã vĩnh viễn dứt sạch. Đó gọi là nói về các pháp sở tri, trí và trí giả.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 73. TRỌNG ĐẢM[248]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng[249]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Thế nào là gánh nặng? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Thế nào là thủ gánh nặng? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia. Xem cht.33, kinh 70..

“Thế nào là xả gánh nặng? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ.

“Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người[250]. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm

thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đã vứt bỏ gánh nặng,

Không nên nhận trở lại.

Gánh nặng là khổ lớn,

Trút gánh là vui nhiều.

Đoạn trừ tất cả ái,

Thì sạch tất cả hành.

Thấu triệt mọi cảnh khác,

Không còn luận chuyển hữu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 74. VÃNG NGHỆ[251]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Phàm phu ngu si không học không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên đối với sắc có sự thích thú, ngợi khen, đắm trước, bị dính mắc mà trụ; bị trói buộc bởi dây trói của sắc, bị trói buộc bởi dây trói bên trong, không biết nguồn gốc, không biết biên tế, không biết xuất ly.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, vì bị trói buộc nên sanh, vì bị trói buộc nên chết, vì bị trói buộc từ đời này sang đời khác, nên người này sanh ra cũng vì sự trói buộc mà chết đi cũng vì sự trói buộc.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, bị ma khống chế, vào trong lưới ma, theo ma biến hóa[252], bị ma trói buộc, bị ma lôi kéo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diêït tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật, nên không tham vui sắc, không ngợi khen, không bị dính mắc mà trụ; không bị trói buộc bởi dây trói của sắc, không bị trói buộc bởi dây trói bên trong, biết nguồn gốc, biết biên tế, biết xuất ly.

"Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà sanh, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà chết, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc từ đời này sang đời khác; không bị ma khống chế, không bị rơi vào tay ma, không bị ma tạo tác[253], không bị ma trói buộc, giải thoát sự trói buộc của ma, lìa khỏi sự dẫn dắt của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 75. QUÁN[254]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm. Tỳ-kheo đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Cũng vâïy, thọ, tưởng,

hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có sự sai biệt nào?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như Lai là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ thực hành theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác ngộ pháp, tự thông đạt Vô thượng Bồ-đề, rồi để giác ngộ cho hàng Thanh văn trong đời vị lai mà nói pháp, đó là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được những gì chưa đạt, được những cái lợi chưa từng được lợi, biết đạo, phân biệt đạo, nói đạo, thông suốt đạo; lại có thể thành tựu cho các Thanh văn, truyền dạy, răn bảo; như vậy mà thuận theo thiện pháp, hoan hỷ thiện pháp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 76. DỤC[255]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát sắc. Sau khi quán sát sắc, thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa không, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Sắc là vô ngã. Cái gì vô ngã thì vô thường, vô thường thì khổ. Nếu khổ thì kia tất cả đều chẳng phải ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy.

“Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát như vậy rồi, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Khi đã không có gì để chấp giữ thì sẽ không có gì để đắm trước. Khi đã không có gì để đắm trước thì sẽ tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 77. SANH (1)[256]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy đoạn trừ dục tham ở nơi sắc. Dục tham đã đoạn trừ rồi thì sắc đoạn. Khi sắc đoạn rồi, thì được biến tri về đoạn[257]. Khi được biến tri về đoạn, thì gốc rễ bị đoạn. Như chặt ngọn cây Ta-la, sau này không còn tái sanh được nữa. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, dục tham đoạn… cho đến, đời sau không tái sanh được nữa.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 78. SANH (2)[258]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc khởi, trụ, xuất thì khổ ở đây khởi, bệnh ở đây trụ, già, chết ở đây xuất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu sắc diệt, ngừng nghỉ, biến mất thì khổ ở đây diệt, bệnh ở đây dừng, già chết ở đây biến mất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 79. SANH (3)[259]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc quá khứ, vị lai còn là vô thường, huống nữa là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi, không nuối tiếc sắc quá khứ, không cầu mong sắc vị lai và đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu không có sắc quá khứ, đa văn Thánh đệ tử không có việc không nuối tiếc sắc quá khứ; vì có sắc quá khứ cho nên đa văn Thánh đệ tử không nuối tiếc sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai, đa văn Thánh đệ tử không có việc không cầu mong sắc vị lai rồi; vì có sắc vị lai cho nên đa văn Thánh đệ tử không cầu mong sắc vị lai. Nếu không có sắc hiện tại, đa văn

Thánh đệ tử không có việc đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận; vì có sắc hiện tại cho nên đa văn Thánh đệ tử đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 80. PHÁP ẤN[260]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, Tôi đối với tam-muội Không[261] chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.’ Thì đừng nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn, thì việc này sẽ không xảy ra.

“Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, ‘Tôi đã đạt được Không, có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.’ Thì đây là lời nói chính xác. Vì sao? Vì nếu đã đạt được Không rồi, thì sẽ có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn; điều này chắc chắn có thể xảy ra.

“Thế nào là đối với Kiến thanh tịnh của Thánh đệ tử?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Phật là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin hãy vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, sẽ thực hành theo lời dạy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, ngồi dưới gốc cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Quán các thọ ấm kia là vô thường, là pháp ma diệt, không bền chắc, biến dịch, thì tâm sẽ được an lạc, thanh tịnh, giải thoát. Đó gọi là Không. Quán sát như vậy cũng không thể lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc, sự đoạn tận của tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi là vô tướng. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn trừ tướng tham, tướng sân nhuế, tướng ngu si. Đó gọi là Vô sở hữu. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát ngã và ngã sở từ đâu sanh ra?

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sanh ra.

"Lại quán sát, do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân, duyên của thức kia là thường hay vô thường?

"Lại tư duy do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân kia, duyên kia của thức đều là vô thường. Lại nữa, nhân kia, duyên kia tất cả đều là vô thường, thức được sanh bởi đó làm sao là thường được? Vô thường là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri[262]. Đó gọi là Thánh pháp ấn, Tri kiến thanh tịnh.

"Đó là nói rằng, 'Tỳ-kheo Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh.' Được nói rộng như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 81. PHÚ-LAN-NA[263]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ có người Ly-xa[264] tên là Ma-ha-nam[265], thường ngày hay du hành đến chỗ Đức Phật. Ly-xa này bấy giờ tự nghĩ: 'Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết của ta đều đang thiền tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kỳ-tỳ nơi bảy cây Yêm-la.' Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp[266] này.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyên náo, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Ly-xa Ma-ha-man đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, "Các ông nên giữ yên lặng. Đó là Ly-xa Ma-ha-man, là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Ông ta là đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm và cũng là người đứng đầu ở Tỳ-da-ly. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng và khen ngợi sự tĩnh lặng. Chỗ ông ta đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông nên giữ sự yên lặng."

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

"Tôi nghe Phú-lan-na vì các đệ tử nói pháp rằng, sự cấu uế hiện có của chúng sanh không do nhân, không do duyên và, sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Có thật đây là những lời hủy báng nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

"Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này. Tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên.'"

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui, chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Ông đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-la-na trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:

"Đó là những lời nói không cân nhắc[267] của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vầy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên.' Vì sao? Có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên khiến chúng sanh thanh tịnh.

"Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sanh có cấu uế?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì… thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm… thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sanh ra phiền não.

"Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sanh là có nhân, có duyên.

"Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân sắc này mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân nơi… thức mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là

lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

“Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sanh là có nhân, có duyên.”

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Tri pháp cùng trọng đảm,

Vãng nghệ, quán, dục tham.

Kinh sanh và lược thuyết,

Pháp ấn, Phú-lan-na.

---o0o---

KINH 82. TRÚC VIÊN[268]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Chi-đề, tinh xá Trúc viên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì mà thấy vô thường, khổ?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như những lời dạy mà thực hành.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy là vô thường, khổ; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là vô thường, khổ.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy mà nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không còn thích; vì không thích nên được giải thoát; vì đã được giải thoát cho nên biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 83. TỲ-DA-LY[269]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau; bằng quán sát bình đẳng như vậy mà tri kiến như thật?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như những lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chánh xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là vô thường.”

Lại bảo các Tỳ-kheo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là khổ.”

“Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chính xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát. Ta nói người này giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, cùng tụ lớn thuần khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 84. THANH TỊNH[270]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường thì khổ. Khổ chẳng phải là ngã. Chẳng phải ngã thì tất cả kia chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật[271], đó gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử, đối vớinăm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với các thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 85. CHÁNH QUÁN SÁT[272]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, ở nơi cái gì mà không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo những lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Ở nơi sắc không thấy có ngã, khác ngã, ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có phải vô thường là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải

ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử quán sát năm thọ ấm là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như vậy, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm. Vì không có gì để đắm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 86. VÔ THƯỜNG[273]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc vô thường mà có thường, thì sắc này không nên có bệnh, có khổ và đối với sắc cũng không nên có những sự mong cầu phải như thế này hay không như thế này. Vì sắc là vô thường, nên đối với sắc có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không thể mong để được như thế này hay không như thế này. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Này các Tỳ-kheo:

"Vô thường có phải là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

Này các Tỳ-kheo:

“Nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, biết như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử chánh quán sát sắc; khi đã chánh quán sát sắc rồi thì sẽ sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 87. KHỔ[274]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là khổ. Nếu sắc không phải là khổ, thì đối với sắc sẽ không có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không nên muốn như thế này hay không thể như thế này. Vì sắc là khổ và vì sắc là khổ nên bệnh sanh ra nơi sắc, đối với sắc cũng có thể muốn như thế, hay không khiến như thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Này các Tỳ-kheo:

"Vô thường có phải là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

Này các Tỳ-kheo:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch; vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, quán sát như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sẽ được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức sẽ được giải thoát. Ta nói người này sẽ giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ lớn thuần khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 04

KINH 88. HIẾU DƯỠNG[275]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la[276] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?"

Phật bảo Uất-đa-la:

"Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khất cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, thì thật là người có phước lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như ngươi đối cha mẹ,

Cung kính và cúng dường,

Đời này lưu tiếng thơm,

Khi chết được lên trời.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 89. ƯU-BA-CA (1)[277]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca[278] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại hội tà thạnh[279]. Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại hội tế lễ không?"

Phật bảo Ưu-ba-ca:

“Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại hội tà thạnh Ta tán thán. Cũng có đại hội tà thạnh Ta không tán thán.”

Ưu-ba-ca bạch Phật:

“Những đại hội tế lễ nào có thể được khen ngợi và những đại hội tế lễ nào không được khen ngợi?”

Phật bảo Ưu-ba-ca:

“Nếu có đại hội tế lễ nào mà cột trói cả bầy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng chịu roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, không sướng, lao dịch khổ nhọc. Những đại hội tế lễ như vậy, Ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn.

“Nếu những đại hội tế lễ mà không trói cột các súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại hội tế lễ như vậy được Ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đại hội như tế ngựa,[280]

Gây nên tai họa lớn;

Các tà thạnh như vậy,

Đại tiên không khen ngợi.

Trói cột các chúng sanh,

Sát hại côn trùng nhỏ,

Chẳng phải lễ hội chánh,

Đại tiên không tùy thuận.

Nếu không hại chúng sanh,

Không gây các tai họa,

Thì gọi lễ hội chánh,

Đại tiên thuận tán thán.

Bố thí và cúng dường,

Đúng pháp thiết đại tế;

Người thí, tâm thanh tịnh,

Phạm hạnh ruộng phước tốt;

Những đại hội như vậy,

Gọi lễ hội La-hán.

Hội này được quả lớn,

Chư Thiên đều hoan hỷ.

Tự mình cung kính thỉnh,

Tự tay ban phát cho,

Mình người đều thanh tịnh;

Cho này được quả lớn.

Kẻ trí cho như vậy,

Tín tâm được giải thoát.

Cõi đời vui, không tội,

Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 90. ƯU-BA-CA (2)[281]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật cũng nói đầy đủ như kinh trên[282], tuy nhiên có sự sai khác nơi bài kệ, Ngài đã nói:

Vô vi, không các nạn,

Khi tế lễ thanh tịnh,

Thuận hành theo như pháp,

Giữ gìn các phạm hạnh,

Tiếng thơm khắp thế giới,

Vượt lên trên phàm tục.

Đối với tế đàn thiện,

Phật khen ngợi lễ này.

Bố thí và cúng dường,

Tế lễ phải tùy thời,

Tịnh tín, cho bình đẳng,

Phạm hạnh ruộng phước tốt,

Người ban cho như vậy,

Là cúng ruộng La-hán.

Cho rộng lớn như vậy,

Chư Thiên sẽ khen ngợi,

Tự mình cung kính thỉnh,

Tự tay ban phát cho,

Mình người đều thanh tịnh;

Cho này được quả lớn.

Kẻ trí cho như vậy,

Tín tâm được giải thoát.

Cõi đời vui, không tội,

Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 91. UẤT-XÀ-CA[283]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uất-xà-ca[284] đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại[285]?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, Chánh mạng đầy đủ.

"Thế nào là Phương tiện đầy đủ[286]? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

“Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

“Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tĩnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.[287]

“Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu-đàm-bát không có hạt giống’[288]; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: Tín đầy đủ, Giới đầy đủ, Thí đầy đủ, Tuệ đầy đủ.

"Thế nào là có Đức tin đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài người[289] không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

"Thế nào là có Giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có Giới đầy đủ.

"Thế nào là có Thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả[290], thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có Thí đầy đủ.

"Thế nào là có Tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ.

"Nếu người thiện nam nào ở tại gia đình mà thực hành bốn pháp này, có thể thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại."

Bấy giờ Đức Thế Tôn, lại nói kệ rằng:

Phương tiện[291], tạo dựng nghiệp,

Tích tụ phải giữ gìn,

Người thiện nam thân hữu,

Chánh mạng trong tự sống.

Tịnh tín, giới đầy đủ,

Bố thí lìa xan tật,

Thanh tịnh đường thăng tiến[292],

Đời sau được an lạc.

Nếu sống đời tại gia,

Thành tựu tám pháp này,

Suy nghiệm lời Phật dạy,

Những điều Phật giác tri,

Thì hiện tại an ổn,

Sống hiện tại hỷ lạc,

Đời sau cũng hỷ lạc.

Phật nói kinh này xong, Uất-xà-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 92. KIÊU MẠN[293]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn[294], đang sống tại đây, dòng họ cha mẹ đều thuần tịnh không một tỳ vết nào đáng bị chê trách;[295] bảy đời nối tiếp nhau, tất cả đều thuần tịnh; là bậc thầy của các Bà-la-môn. Ngôn luận thông suốt; điển tịch các luận, có hàng vạn tên, thảy đều biết rõ; hiểu pháp hơn thua, phân biệt[296] tự nghĩa,[297] ghi nhớ từng câu; tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; ông không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng. Khi ông nghe tin Sa-môn Cù-đàm đã từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ này, ông liền nghĩ: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm này. Nếu Sa-môn có nói gì, ta sẽ cùng Sa-môn bàn luận. Nếu không nói gì, ta sẽ im lặng ra về."

Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn đi xe ngựa trắng, với các thiếu niên Bà-la-môn theo hầu trước sau, cầm lọng cán vàng, tay ôm bình vàng, đến gặp Đức Thế Tôn. Khi tới cửa vườn, ông xuống xe đi bộ vào. Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho đại chúng vây quanh.[298] Thế Tôn không hề để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm không để ý đến ta.[299] Thôi ta nên về."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn, nên nói kệ rằng:

Kiêu Mạn đã đến đây,

Bất thiện lại tăng trưởng.

Trước vì nghĩa mà đến,

Hãy tăng trưởng nghĩa ấy.[300]

Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Rồi ông sửa soạn hành lễ.[301] Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

"Thôi! Thôi! Không cần phải làm lễ. Tâm tịnh là đủ rồi[302]."

Lúc ấy, mọi người đều lớn tiếng xướng rằng:

"Lạ thay! Thế Tôn, là Bậc Đại đức, Đại lực. Nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này, do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; nên không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng, mà nay đối trước Sa-môn Cù-đàm lại khiêm hạ, hạ mình, muốn lễ sát chân Phật."

Bà-la-môn Kiêu Mạn trước mọi người lớn tiếng bảo lặng, rồi nói kệ rằng:

Thế nào[303] chẳng khởi mạn?

Thế nào khởi cung kính?

Thế nào khéo an ủi?

Thế nào khéo cúng dường?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:

Đối cha mẹ, huynh trưởng,

Hòa thượng, các sư trưởng,

Cùng các bậc tôn trọng,

Không nên sanh kiêu mạn.

Phải khéo lòng cung kính,

Khiêm hạ và hỏi thăm,

Tận tâm mà phụng sự,

Cùng các việc cúng dường.

A-la-hán lậu tận,

Tâm lìa tham, nhuế, si,

Chánh trí khéo giải thoát,

Điều phục tâm kiêu mạn;

Đối các Hiền thánh này,

Chắp tay cúi đầu lễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Kiêu Mạn thuyết pháp bằng nhiều cách, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến hoan hỷ.[304] Đức Phật nói pháp theo tuần tự, nói về bố thí, trì giới, công đức sanh thiên, về vị ngọt, sự tai hại của ái dục, về sự phiền não, thanh tịnh, về xuất yếu viễn ly, về các phần thanh tịnh; nói rộng như vậy.[305] Như tấm vải trắng sạch, chưa bị nhuộm đen, thấm nhuộm màu nhanh chóng; Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chứng đắc hiện quán[306]. Bấy giờ Bà-la-môn Kiêu Mạn, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, mà không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Nay, con có được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc chăng?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

“Nay, ông có thể ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc.”

Bà-la-môn kia liền xuất gia, một mình âm thầm tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, cho đến, đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

---o0o---

KINH 93. TAM HỎA[307]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Trường Thân tổ chức đại tế đàn[308] như vầy: đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, còn những con trâu cái, trâu con, những con dê tơ, cùng những sanh vật nhỏ bé khác cũng đều bị trói cột. Rồi sửa soạn các món đồ ăn thức uống để bố thí một cách rộng rãi. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập trung đến đại tế đàn này.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân[309] nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ này, thì tự nghĩ: "Nay, ta tổ chức đại tế đàn, đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến những sanh vật bé nhỏ khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi về pháp tế tự, chớ để cho các phần số[310] trong đại tế đàn mà ta tổ chức bị thiếu sót." Suy nghĩ như vậy rồi, đi xe ngựa trắng, dẫn theo trước sau nhiều thiếu niên Bà-la-môn, cầm lọng cán vàng, ôm bình nước vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính thừa sự. Khi đến cổng tinh xá, ông xuống xe, đi bộ đến trước Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, với bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót."

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

"Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: "Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngần ấy

trâu đực mập mạnh, trâu cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vầy: "Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các ngươi phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, cho đến ngần ấy sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết trâu đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

"Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

"Thế nào là lửa gia cư, mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy, người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa phước điền, mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Căn bản và cư gia,

Lửa ruộng phước xứng đáng;

Luôn cúng dường lửa này,

Vui an ổn sung túc.

Cõi đời vui, không tội,

Người tuệ sanh về đó,

Của như pháp mở hội,

Cúng dường nơi đáng cúng;

Vì cúng dường đúng chỗ,

Nên tiếng thơm, sanh Thiên.

“Nhưng, này Bà-la-môn, người thiện nam, nay đối với với ba thứ lửa mà trước kia đã từng cúng dường, hãy đoạn trừ, dập tắt. Những gì là ba? Lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Vì lửa tham mà không được đoạn trừ, không bị dập tắt, thì sẽ tự mình hại mình, hại người; mình người đều bị hại; hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại và đời sau đều mắc tội. Vì duyên vào những tội này nên sanh ra tâm pháp buồn lo, khổ não. Đối với lửa sân, lửa si cũng lại như vậy.

"Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam phụng thờ thứ lửa do nhóm củi, thường xuyên phải khổ nhục, thường xuyên phải nhen nhóm, thường xuyên lửa tắt; vì những nhân duyên này mà chịu khổ."

Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn, ngồi im lặng. Lúc ấy, có người con của Bà-la-môn tên là Uất-đa-la đang ngồi trong hội. Trường Thân Bà-la-môn sau khi im lặng và suy giây lát, rồi bảo Uất-đa-la:

"Con trở về chỗ lễ hội tế lễ, hãy thả những con trâu bị cột nơi trụ; cùng những sanh vật đã bị trói cột, tất cả đều thả ra hết và nói lại với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn cho phép các ngươi tùy ý tự tại nơi núi đồi, đầm ao, đồng hoang… mặc sức ăn cỏ tươi, uống các dòng nước trong, gió mát bốn bề, hưởng thụ mọi sự khoái lạc."

Uất-đa-la bạch rằng:

"Con xin vâng theo lời thầy dạy."

Uất-đa-la liền đi đến chỗ lễ hội tế lễ, thả hết mọi sanh vật và nói với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn đã cho phép các ngươi tùy theo sở thích đối với núi đồi, đầm ao, đồng hoang… ăn cỏ, uống nước, gió mát bốn bề, tự theo ý thích."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Uất-đa-la đã hoàn thành công việc xong, liền nói pháp cho Bà-la-môn Trường Thân, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, như cách thuyết pháp của các Đức Thế Tôn, theo thứ tự trước sau nói về việc trì giới, bố thí và công đức sanh lên cõi trời; về vị ngọt và sự tai hại của ái dục, về sự thanh tịnh của xuất ly, về sự thanh tịnh các phiền não[311]; khai thị, tỏ bày. Giống như tấm lụa trắng sạch dễ thấm màu nhuộm, Trường Thân BàXem cht. 31 kinh 92 trên.-la-môn lại cũng như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được Bốn chân đế, chứng đắc hiện quán.[312] Khi Trường Thân Bà-la-môn tự thân đã thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, vượt qua khỏi những nghi hoặc, không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp đạt được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn. Con, từ ngày hôm nay cho đến suốt đời, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong Ngài chứng tri cho con. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn và đại chúng nhận bữa ăn con cúng dường."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời mời, làm lễ Phật, đi vòng bên hữu ba lần rồi lui. Trường Thân Bà-la-môn trở về lại chỗ tế lễ, sửa soạn đồ vật cúng dường thanh khiết, ngon lành và bố trí giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật:

"Bạch Ngài đã đến giờ, xin Ngài biết cho!"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng theo sau, đi đến chỗ lễ hội của Trường Thân Bà-la-môn. Ngài ngồi trước đại chúng. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã ngồi an định rồi, tự tay dâng cúng các thứ đồ ăn thức uống. Khi Đức Phật và đại chúng ăn xong; rửa tay, rửa bát xong, ông ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp đặt trước đại chúng để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Trường Thân Bà-la-môn mà nói pháp bằng nhiều cách, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 94. MẶT TRĂNG[313]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Tăng-ca-la đến chỗ Phật, cùng Đức Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe lẫn nhau, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, làm sao để có thể biết người nam bất thiện?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn lại hỏi:

"Làm sao để có thể biết người nam thiện?

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Như trăng cuối tháng[314], ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sở hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm[315], cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh[316], thọ trì tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng[317]; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào, mà không thân quen gần gũi thiện tri thức, không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Như trăng đầu tháng[318], ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như trăng trong không bợn,

Chu du khắp hư không;

Trong tất cả tinh tú,

Ánh trăng sáng hơn hết.

Tịnh tín cũng như vậy,

Giới, văn, rộng bố thí,

Lìa bỏn sẻn trong đời,

Bố thí này sáng ngời.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tăng-ca-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui.

---o0o---

KINH 95. SANH VĂN[319]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: "Chỉ nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chăng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chăng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vầy: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ

được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn.” Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vầy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

“Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người trì giới, quả báo đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới.”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người trì giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hoặc đen, hoặc trắng tinh,

Hoặc đỏ, hoặc có màu,

Màu tạp cùng vàng ròng,

Thuần vàng cùng màu xám,

Những trâu cái như vậy,

Trâu con đẹp đẽ này,

Đầy đủ sức cường tráng,

Khéo huấn luyện, đi nhanh,

Chỉ khiến chuyên chở nặng,

Không hỏi màu sắc nó.

Con người cũng như vậy,

Tùy thuộc vào nơi sanh,

Sát-lợi, Bà-la-môn,

Tỳ-xá, Thủ-đà-la,

Hạ tiện Chiên-đà-la,

Nơi sanh thảy không đồng.

Giả sử giữ tịnh giới,

Lìa gánh nặng phiền não,

Thuần nhất tu phạm hạnh,

A-la-hán lậu tận,

Đấng Thiện Thệ trong đời:

Cúng các Ngài, quả lớn.

Người ngu không trí tuệ,

Chưa từng nghe chánh pháp:

Cúng kia không quả lớn,

Vì không gần bạn lành.

Nếu gần thiện tri thức,

Như Lai cùng Thanh văn,

Tín tịnh nơi Thiện Thệ,

Căn sanh, lực kiên cố,

Sẽ đi về đường lành,

Sanh vào dòng tôn quý,

Cứu cánh Bát-niết-bàn,

Đại Tiên nói như vậy.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

---o0o---

KINH 96. DỊ BÀ-LA-MÔN[320]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn[321] tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khất thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

“Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai. Nhưng sau đó chúng lại đuổi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khất thực từng nhà.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, có thể được.”

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

Sanh con lòng vui mừng,

Vì con tích chứa của,

Rồi cưới vợ cho con.

Nhưng mình phải bỏ nhà.

Đứa con quê mùa kia,

Nghịch, phụ ân cha mẹ,

Thân người, tâm La-sát,

Xua đuổi bậc già cả.

Như ngựa già vô dụng,

Bị cướp mất thóc lúa,

Con trẻ mà cha già,

Phải xin ăn từng nhà.

Gậy cong này hơn hết,

Ân ái hơn con đẻ,

Vì ta ngừa trâu dữ,

Tránh đất hiểm, được an,

Xua đuổi loài chó dữ,

Giúp ta qua chỗ tối,

Tránh hầm sâu, giếng thẳm,

Cây cỏ và gai gốc;

Nhờ sức oai cây gậy,

Đứng vững không té ngã.

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: "Hãy nghe tôi nói." Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm choàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: "Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: 'Là Thầy thì cúng dường như bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng. Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-môn Cù-đàm, Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quí giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm."

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quí giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành tựu là nhờ vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: "Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng." Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này."

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ cáo lui.

---o0o---

KINH 97. KHẤT THỰC[322]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy có một Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà. Bà-la-môn này từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn liền tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chống gậy bưng bát, đi khất thực từng nhà. Ta cũng chống gậy ôm bát đi khất thực từng nhà. Ta cùng Cù-đàm đều là Tỳ-kheo[323]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ để trả lời:

Được gọi là Tỳ-kheo,

Chẳng chỉ vì khất thực.

Kẻ trì pháp tại gia,

Sao được gọi Tỳ-kheo?

Đã lìa dục tai hại,

Tu tập các chánh hạnh,

Tâm mình không sợ hãi,

Đó gọi là Tỳ-kheo.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

---o0o---

KINH 98. CANH ĐIỀN[324]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến trụ trong rừng Nhất-na-la[325], tại tụ lạc Nhất-na-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào tụ lạc Nhất-na-la khất thực. Rồi Thế Tôn nghĩ: "Nay trời còn quá sớm. Giờ Ta hãy đi đến chỗ phân phát ẩm thực[326] của Bà-la-môn làm ruộng là Bà-la-đậu-bà-giá[327]." Bà-la-môn chuẩn bị đủ năm trăm cái cày, đang phân phát ẩm thực. Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực."

Bà-la-môn bạch Phật:

“Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sắm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: “Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!”

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

Người tự nói cày ruộng,

Mà không thấy cái cày;

Lại bảo tôi cày ruộng.

Xin cho biết phép cày.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

Tín tâm là hạt giống,

Khổ hạnh mưa đúng mùa,

Trí tuệ là cày, ách,

Tàm quý là cán cày.

Tự gìn giữ chánh niệm,

Là người giỏi chế ngự.

Giữ kín nghiệp thân, miệng,

Như thực phẩm trong kho.

Chân thật là xe tốt,

Sống vui không biếng nhác,

Tinh tấn không bỏ hoang,

An ổn mà tiến nhanh,

Thẳng đến không trở lại,

Đến được chỗ không lo.

Người cày ruộng như vậy,

Chứng đắc quả Niết-bàn.

Người cày ruộng như vậy,

Không tái sinh các hữu.

Bấy giờ, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật rằng:

"Cù-đàm rất giỏi cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật hay!"

Rồi thì, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kệ, tín tâm đối với ông càng tăng, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá đem dâng cúng Phật một bát đầy đồ ăn thức uống thơm ngon. Đức Thế Tôn không nhận, vì có được là do nói bài kệ. Ngài bèn nói kệ rằng:

Không vì việc nói pháp,

Nhận ăn thức ăn này.

Chỉ vì lợi ích người,

Nói pháp không thọ thực.

Nói rộng như đã nói rộng với Hỏa chủng Bà-la-môn ở trước như vậy.

Lúc này, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Đức Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, giờ con đem thức ăn này để chỗ nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần, hay người thế gian nào, mà dùng thức ăn này được an ổn được. Này Bà-la-môn, ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng hay chỗ đất nào ít cỏ tươi."

Khi ấy, người Bà-la-môn này đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi bùng kêu xèo xèo. Như hòn sắt nóng được ném vào trong nước lạnh phát ra tiếng kêu xèo xèo; cũng vậy, thức ăn này được để vào trong nước không có trùng thì sôi bùng khói bốc lên và phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bà-la-môn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ đặc, có oai đức lớn, có oai lực lớn nên mới có thể làm cho đồ ăn thức uống thần biến như vậy." Khi Bà-la-môn thấy thức ăn hiện điềm lành, lòng tin của ông càng tăng, lại bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay con có thể được phép ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc không?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc; được làm Tỳ-kheo."

Sau khi Bà-la-môn này xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy về lý do người dòng họ quý tộc cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

---o0o---

KINH 99. TỊNH THIÊN[328]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả tên là Tịnh Thiên[329], từ nước Tỳ-đề-ha du hành trong nhân gian đến trong vườn Am-la tại thành Di-hy-la. Sáng hôm ấy, Tôn giả Tịnh Thiên đắp y mang bát vào thành Di-hy-la khất thực, theo thứ tự khất thực, đi lần đến nhà cũ.

Cũng lúc ấy, mẹ của Tịnh Thiên, tuổi đã già, đang dâng lễ cúng thần lửa tại nhà giữa để cầu sanh lên cõi Phạm thiên, mà không biết Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương đối với Tôn giả Tịnh Thiên sanh lòng kính tin cực kỳ. Tỳ-sa-môn Thiên vương, cùng với các hàng Dạ-xoa theo sau, đang nương vào hư không mà đi, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa; lại thấy trong nhà giữa mẹ Tôn giả đang bưng đồ ăn thức uống dâng cúng thần lửa, mà không thấy con mình đang đứng ngoài cửa. Thấy vậy, từ không trung hạ xuống, đến trước mặt mẹ Tịnh Thiên nói kệ rằng:

Bà-la-môn-ni này,

Phạm thiên thật xa vời,

Vì muốn sanh nơi đó,

Ở đây thờ cúng lửa.

Chẳng phải đường Phạm thiên,

Thờ tự chi vô ích?

Này Bà-la-môn-ni,

Tịnh Thiên đứng ngoài cửa,

Cấu uế đã dứt sạch,

Là trời trong các trời.

Vắng lặng không có gì,

Một mình không tài sản,

Vì khất thực vào nhà,

Là người đáng cúng dường.

Tịnh Thiên khéo tu thân,

Ruộng phước tốt Trời, Người,

Xa lìa tất cả ác,

Không hề nhiễm, bị nhiễm,

Đức đồng với Phạm thiên.

Thân tuy ở nhân gian,

Mà không nhiễm pháp nào,

Như rồng đã thuần thục[330],

Tỳ-kheo sống chánh niệm,

Tâm mình khéo giải thoát.

Nên dâng nắm cơm đầu[331],

Là ruộng phước tối cao.

Nên đem tâm chánh tín,

Kịp thời cúng dường nhanh.

Nên dự lập hòn đảo,

Khiến vị lai an lạc.

Bà xem ẩn sĩ [332] này,

Đã qua dòng biển khổ.

Cho nên hãy tín tâm,

Kịp thời cúng dường nhanh;

Nên dự lập hòn đảo,

Khiến vị lai an lạc.

Thiên vương Tỳ-sa-môn,

Chỉ bày, bỏ thờ lửa.

Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên vì mẹ mình mà nói pháp bằng nhiều cách, soi sáng chỉ bày, làm cho an vui, rồi trở ra đường mà đi.

---o0o---

KINH 100. PHẬT (1)[333]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?"

Rồi Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

Phật là tên hơn hết,

Vượt lên cả thế gian,

Là do cha mẹ đặt,

Gọi đó là Phật chăng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Phật thấy đời quá khứ,

Thấy vị lai cũng vậy,

Cũng thấy đời hiện tại,

Tất cả hành khởi diệt,

Trí sáng biết rõ ràng,

Điều cần tu đã tu,

Điều nên đoạn đã đoạn,

Cho nên gọi là Phật.

Nhiều kiếp tìm lựa chọn,

Thuần khổ không chút vui,

Có sanh ắt có diệt,

Xa lìa dứt bụi nhơ,

Nhổ gốc gai kết sử,

Đẳng giác gọi là Phật.

Phật nói kệ xong, Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 101. PHẬT (2)[334]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, ngồi nghỉ trưa[335] dưới một bóng cây giữa hai thôn Hữu-tùng-ca-đế[336] và Đọa-cưu-la[337]. Lúc ấy có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Đậu-ma[338] đang đi trên con đường kia, đến sau Phật. Ông thấy dấu chân Phật hiện ra như bánh xe ngàn căm, dấu chỉ rõ ràng, chỉ bên trong thì đều, vòng chỉ bên ngoài thì tròn, tất cả đều đẹp đẽ và đầy đặn. Thấy vậy, liền tự nghĩ: "Ta chưa từng thấy người thế gian nào mà có dấu chân như vậy. Giờ ta phải theo dấu mà tìm ra người này."

Ông liền theo dấu chân đưa đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt thế, các căn vắng lặng, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục đệ nhất, thành tựu chánh quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng.

Sau khi đã thấy vậy rồi, liền bạch:

"Ngài là Trời chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải là Trời."

Lại hỏi:

"Là Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải Rồng … cho đến Nhân, Phi nhân."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng… cho đến chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Trời, Rồng, Càn-thát-bà,

Khẩn-na-la, Dạ-xoa,

A-tu-la không lành,

Những La-hầu-la-già,

Nhân cùng chẳng phải Nhân,

Đều do phiền não sanh.

Lậu hoặc phiền não này,

Tất cả, Ta đã bỏ,

Đã phá, đã diệt sạch,

Như hoa Phân-đà-lợi,

Tuy sanh từ trong nước,

Nhưng chưa từng dính nước.

Ta tuy sanh thế gian,

Chẳng bị nhiễm thế gian,

Nhiều kiếp thường lựa chọn,

Thuần khổ không chút vui.

Tất cả hành hữu vi,

Thảy đều bị sanh diệt,

Trừ nhơ, không lay động,

Đã nhổ sạch gai góc,

Cùng tột bờ sanh tử,

Cho nên gọi là Phật.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đậu-ma nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, rồi tiếp tục mà đi.

---o0o---

KINH 102. LÃNH QUẦN ĐẶC[339]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự khất thực, đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá[340]. Lúc ấy, Bà-la-môn tay cầm cái thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng dường lửa, đang đứng ở bên cửa. Từ xa trông thấy Phật đi đến, ông liền gọi Phật rằng:

"Hãy dừng lại! Dừng lại! Này gã tiện dân[341], chớ đến gần cửa tôi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Bà-la-môn nói:

"Tôi không biết tiện dân và cũng không biết pháp của tiện dân. Vậy, Sa-môn Cù-đàm có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Phật bảo:

"Ta biết rõ về tiện dân và pháp của tiện dân."

Ngay lúc đó Bà-la-môn để xuống những dụng cụ thờ lửa, vội vàng trải giường ngồi, mời Đức Phật ngồi và thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin vì tôi mà nói về tiện dân và pháp của tiện dân."

Đức Phật liền ngồi vào chỗ ngồi và nói kệ rằng:

Tâm sân nhuế ôm hận,

Che giấu các lỗi lầm,

Khởi ác kiến, phạm giới,

Dối trá không chân thật;

Những con người [342] như vậy,

Nên biết, là tiện dân.

Hung bạo, tham, bủn xỉn,

Ác dục, keo, trá ngụy,

Tâm không hổ, không thẹn,

Nên biết, là tiện dân.

Loài một sanh, hai sanh, [343]

Tất cả đều sát hại,

Không có lòng thương xót,

Đó là hạng tiện dân.

Hoặc giết, trói, đánh, đập,

Thôn xóm cùng thành ấp,

Trách mắng cách vô đạo, [344]

Biết đó là tiện dân.

Ở, dừng và đi đường,

Dẫn đầu một nhóm đông,

Hành hạ người dưới tay,

Gây sợ hãi bức hiếp,

Thủ lợi về cho mình,

Biết đó là tiện dân.

Thôn xóm cùng đất trống,

Vật có chủ, không chủ,

Chiếm đoạt làm của mình,

Biết đó là tiện dân.

Tự bỏ bê vợ mình,

Lại không vào nhà điếm,

Mà xâm đoạt vợ người,

Biết đó là tiện dân.

Những thân thuộc trong ngoài,

Thiện tri thức đồng tâm,

Xâm phạm vật họ yêu,

Biết đó là tiện dân.

Nói dối lừa gạt người,

Gạt lây của không chứng,

Người đòi mà không trả,

Biết đó là tiện dân.

Vì mình cũng vì người,

Vì trách, hoặc vì tiền, [345]

Mà hùa theo lời người,

Nói dối, chứng cho người;

Người nói dối như vậy,

Biết đó là tiện dân.

Tạo nghiệp ác, bất thiện,

Không có người hay biết,

Ẩn giấu che tội ác,

Biết đó là tiện dân.

Nếu người hỏi nghĩa này,

Lại đáp bằng phi nghĩa,

Điên đảo lừa dối người,

Biết đó là tiện dân.

Thật trống, không có gì,

Mà khinh chê người trí,

Ngu si vì lợi mình,

Biết đó là tiện dân.

Cao mạn tự huênh hoang,

Đi chê bai người khác,

Kiêu mạn thật thấp hèn,

Biết đó là tiện dân.

Tự tạo các lỗi lầm,

Lại đổ lỗi người khác,

Nói dối chê thanh bạch,

Biết đó là tiện dân.

Trước nhận lợi dưỡng người,

Khi người ấy đến mình,

Không có lòng đền đáp,

Biết đó là tiện dân.

Sa-môn, Bà-la-môn,

Đến khất cầu như pháp,

Không cho mà quở trách,

Biết đó là tiện dân.

Nếu cha mẹ tuổi già,

Khí lực trẻ đã suy,

Không chăm lo phụng dưỡng,

Biết đó là tiện dân.

Cha mẹ, bậc tôn trưởng,

Anh em, quyến thuộc thân.

Thật không phải La-hán,

Tự hiện đức La-hán,

Là giặc lớn thế gian,

Biết đó là tiện dân.

Sanh dòng họ tôn quý,

Học sách Bà-la-môn,

Mà ở trong chỗ đó,

Tập làm các nghiệp ác,

Không vì sanh nơi quý,

Mà khỏi tội, thoát đường ác;

Hiện tại bị quở trách,

Đời sau vào đường ác.

Sanh nhà Chiên-đà-la,

Đời gọi Tu-đà-di[346],

Tiếng đồn khắp thiên hạ,

Chiên-đà-la không có;

Bà-la-môn, Sát-lợi,

Đại tộc, thảy cúng dường.

Theo đường lên Tịnh thiên[347],

Sống bình đẳng chân thật,

Không vì chỗ sanh chướng,

Mà không sanh Phạm thiên,

Hiện tại tiếng đồn tốt,

Đời sau sanh cõi lành,

Hai đời ông nên biết,

Như Ta đã chỉ bày,

Không vì dòng họ sanh,

Mà gọi là tiện dân.

Không vì dòng họ sanh,

Mà gọi Bà-la-môn.

Hành nghiệp, thành tiện dân;

Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

Đại Tinh Tấn, đúng vậy!

Đại Mâu-ni, đúng vậy!

Không vì chỗ sanh ra,

Mà gọi là tiện dân,

Không vì chỗ sanh ra,

Gọi là Bà-la-môn,

Hành nghiệp, thành tiện dân;

Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng được thêm tín tâm, bèn lấy bát đựng đầy thức ăn thượng hảo dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói bài kệ này mà có được, như bài kệ đã nói trên.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ (*như kinh 98*) lòng tin của ông càng tăng, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay con có được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc.”

Sau khi được xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy (*như trước đã nói ... cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát*).

Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát rồi, thì tự biết được hỷ lạc, liền nói bài kệ rằng:

Trái đạo, cầu thanh tịnh,

Cúng dường tế thần lửa,

Không biết đạo thanh tịnh,

Như kẻ mù bẩm sinh.

Nay đã được an lạc,

Xuất gia thọ cụ túc,

Chứng đạt được ba minh.

Lời Phật dạy đã làm,

Trước Bà-la-môn khó,

Nay là Bà-la-môn,

Đã tắm, sạch bụi bẩn,

Vượt chư Thiên bờ kia. [348]

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 05

KINH 103. SAI-MA[349]

Tôi nghe như vầy:

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo Thượng tọa trú ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-xá-di[350]. Lúc ấy cũng ở nước Câu-xá-di tại vườn Bạt-đà-lê[351] có Tỳ-kheo Sai-ma[352] thân mang trọng bệnh. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa[353] là người nuôi bệnh. Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Thầy trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma nói rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?'"

Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?'

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Bệnh của tôi không bớt, thân không được an ổn, các thứ khổ bức bách càng tăng thêm, không cứu nổi. Giống như người có nhiều sức mạnh bắt lấy người gầy yếu đuối, dùng dây trói chặt vào đầu cùng hai tay, rồi siết chặt làm cho đau đớn vô cùng. Hiện tại sự thống khổ của tôi còn hơn cả người kia nữa. Giống như tên đồ tể dùng dao bén mổ bụng bò lấy nội tạng nó ra; sự đau đớn bụng con bò như thế nào có thể chịu nổi, còn hiện tại sự đau đớn bụng của tôi, hơn cả sự đau của con bò kia. Như hai lực sĩ bắt một người yếu đuối treo lên trên lửa rồi đốt hai chân họ, hiện nay hai chân của tôi còn nóng hơn người kia."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa đến lại chỗ các Thượng tọa, đem những lời đã nói về bệnh trạng của Tỳ-kheo Sai-ma bạch lại đầy đủ cho các Thượng tọa. Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma và nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Đức Thế Tôn đã dạy có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo Sai-ma, thầy có thể quán sát một chút về năm thọ ấm này, không phải ngã, không phải ngã sở, được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy rồi trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

“Các Thượng tọa nhắn lại thầy là: ‘Thế Tôn đã từng dạy về năm thọ ấm, thầy có thể quán sát một chút, không phải ngã, không ngã sở được không?’”

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở.”

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại bạch với các Thượng tọa rằng:

“Tỳ-kheo Sai-ma nói, ‘Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở.’”.

Các Tỳ-kheo Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: “Thầy có thể đối với năm thọ ấm quán sát về không phải ngã, không phải những gì thuộc về ngã như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?”

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy, lại đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Sai-ma rằng: “Thầy có thể quán sát năm thọ ấm như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?”

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.”

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, Tỳ-kheo Sai-ma nói, ‘Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.’”

Bây giờ, các Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa, “ngươi hãy trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma: ‘Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.’”

Tỳ-kheo Đà-sa lại vâng lời dạy các Thượng tọa, đến nói với Tỳ-kheo Sai-ma là: ‘Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.’

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.”

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, là Tỳ-kheo Sai-ma xin thưa rằng: ‘Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.’

Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: ‘Thầy nói có ngã. Vậy thì ở chỗ nào có ngã? Sắc là ngã hay ngã khác sắc? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức?’

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Tôi không nói sắc là ngã hay ngã khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.”

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Sao dám làm phiền thầy phải chạy qua chạy lại! Thầy mang giùm cây gậy đến đây, tôi sẽ tự chống gậy đến các Thượng tọa kia. Xin trao gậy cho tôi.”

Tỳ-kheo Sai-ma liền tự chống gậy đi đến chỗ các Thượng tọa. Từ xa các Thượng tọa nhìn thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi lại, liền trải tòa, sửa ghế ngồi, đích thân ra nghinh tiếp, vì thầy mang giúp y bát và mời ngồi, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

“Thầy bảo ngã mạn; vậy chỗ nào thấy ngã? Sắc là ngã chăng? Ngã khác sắc chăng? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Ngã khác thức chăng?”

Tỳ-kheo Sai-ma bạch rằng:

“Chẳng phải sắc là ngã, chẳng phải ngã khác sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng phải ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi có thể chưa đoạn hết, chưa có thể biết rõ, chưa có thể xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

“Giống như hương thơm của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, có phải là mùi hương của rễ? Hay hương khác rễ; là mùi hương tinh thô của thân, lá, cuống? Là mùi hương khác tinh thô? Hay là tất cả những thứ đó chăng?”

Các Thượng tọa đáp rằng:

“Không phải đâu, Tỳ-kheo Sai-ma, chẳng phải rễ của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, là mùi hương và chẳng phải mùi hương khác rễ; cũng chẳng phải thân, lá, cuống, tinh thô là mùi hương; cũng chẳng phải mùi hương khác tinh thô.”

Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi:

“Vậy đó là những thứ hương gì?”

Các Thượng tọa đáp rằng:

“Là mùi hương của hoa.”

Tỳ-kheo Sai-ma lại nói:

“Vậy thì ngã cũng như vậy. Chẳng phải sắc là ngã, ngã không lìa sắc và chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã không lìa thức; nhưng đối với năm thọ ấm, tôi thấy không phải ngã, không phải ngã sở, mà đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

“Các Thượng tọa hãy nghe tôi nói thí dụ, vì người trí nhờ thí dụ mà được hiểu rõ. Giống như chiếc áo của người nhũ mẫu giao cho người giặt. Họ giặt bằng nước tro, tuy có sạch bụi nhơ, nhưng vẫn còn có mùi. Nếu muốn hết mùi này thì cần phải dùng các thứ hương thơm xông ướp. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lìa năm thọ ấm, quán sát chân chánh rằng không phải ngã, không phải ngã sở, có thể đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm chán, nhưng đối với năm thọ ấm sau đó vị ấy tư duy thêm nữa, quán sát sự sanh diệt của chúng, rằng: ‘Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc này. Đây là thọ, tưởng, hành, thức này, đây là sự tập khởi... thức này và sự đoạn tận của... thức này cũng như vậy. Đối với năm thọ ấm khi đã quán sát sự sanh diệt của chúng như vậy rồi, thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tất cả đều được tiêu trừ. Đó gọi là quán sát chân chánh chân thật.”

Khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, thì các vị Thượng tọa xa lìa được trần cấu, được trong sạch mắt pháp. Tỳ-kheo Sai-ma nhờ không khởi các lậu hoặc, nên tâm được giải thoát. Vì được an vui lợi ích nơi chánh pháp nên những bệnh của thân tất cả đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

"Lần đầu chúng tôi được nghe những gì Nhân giả nói đã hiểu rõ và mừng vui, huống chi là được nghe lại nhiều lần. Sở dĩ chúng tôi hỏi nhiều là vì muốn phát khởi biện tài vi diệu của Nhân giả, chứ không phải có ý nhiễu loạn. Nhân giả là người có khả năng nói rộng chánh pháp của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác."

Sau khi các Thượng tọa nghe những gì mà Tỳ-kheo Sai-ma nói xong, tất cả đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 104. DIỆM-MA-CA[354]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca khởi tà kiến ác nói rằng: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.'

Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo nghe những lời này, liền đến đó nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca rằng:

"Có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa'?"

Đáp rằng:

"Thưa các Tôn giả, thật sự như vậy."

Các Tỳ-kheo nói với Diệm-ma-ca:

"Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi."

Khi các Tỳ-kheo đã nói những lời này rồi, mà Tỳ-kheo Diệm-ma-ca vẫn còn ôm chặt tà kiến ác này, lại nói như vầy:

"Thưa các Tôn giả, chỉ có đây mới là sự thật, nếu khác đi thì là giả dối."

Thầy nói ba lần như vậy.

Khi các Tỳ-kheo không thể điều phục được Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, liền bỏ ra đi, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

"Tôn giả biết cho, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca kia đã khởi lên tà kiến ác nói như vầy: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.' Chúng tôi đã nghe những lời nói này, nên đến hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa?' Thầy ấy đáp, 'Thưa các Tôn giả, thật sự là như vậy, nếu khác đi thì là kẻ ngu nói.' Chúng tôi liền bảo rằng: 'Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi.' Qua ba lần can gián, thầy vẫn ôm chặt tà kiến ác mà không bỏ, nên nay chúng tôi đến chỗ Tôn giả, xin Tôn giả thương xót Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, hãy làm cho thầy dứt bỏ tà kiến ác."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Vâng, tôi sẽ làm cho thầy này dứt bỏ tà kiến ác."

Sau khi nghe những lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, số đông Tỳ-kheo tùy hỷ vui mừng, trở về chỗ ở của mình.

Bấy giờ, lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, ra khỏi thành trở về tinh xá, cất y bát, rồi đến chỗ Tỳ-kheo Diệm-ma-ca.

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến, liền trải tòa, chuẩn bị nước rửa chân, sắp đặt ghế ngồi, ân cần nghinh tiếp, mang giúp y bát, rồi mời ngồi. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất vào chỗ ngồi và rửa chân xong, nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

“Có thật thầy đã nói: ‘Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không còn gì nữa?’”

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thật sự là như vậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Bây giờ tôi hỏi thầy, cứ theo ý thầy mà trả lời tôi. Thế nào, Diệm-ma-ca, sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu là vô thường, thì là khổ chăng?”

Đáp:

“Là khổ.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch. Vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Lại hỏi:

“Thế nào Diệm-ma-ca, sắc là Như Lai chăng?”

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Thế nào, Diệm-ma-ca, khác sắc là Như Lai chăng? Khác thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Ở trong sắc có Như Lai không? Ở trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Trong Như Lai có sắc không? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Phi sắc, thọ, tưởng, hành, thức[355] có Như Lai phải không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

"Như vậy, này Diệm-ma-ca, Như Lai ngay trong đời này là chân thật, như thật, thường trú, không thể nắm bắt, không thể giả thiết[356]; sao thầy lại có thể nói, 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa?' Nói như vậy đúng thời chăng?"

Đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không.”

Lại hỏi:

“Này Diệm-ma-ca, trước đây thầy nói: ‘Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.’ Tại sao nay lại nói là không phải?”

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói:

“Trước đây, vì vô minh tôi không hiểu, nên có tà kiến ác như vậy. Nay đã nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, nên những gì không hiểu do vô minh, tất cả đều dứt sạch.”

Lại hỏi:

“Nếu lại được hỏi: ‘Tỳ-kheo, tuyên bố tà kiến ác trước đây, nay do biết gì, thấy gì, mà tất cả đều bị loại bỏ?’ Thầy sẽ đáp như thế nào?”

Diệm-ma-ca đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vầy, ‘A-la-hán lậu tận, sắc là vô thường; vô thường là khổ. Khổ dứt thì vắng lặng, mát mẻ, lặng im. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.’ Nếu có người nào đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vậy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nên đáp như vậy. Vì sao? Vì bậc A-la-hán lậu đã hết, thì thấy sắc là vô thường, mà vô thường là khổ. Nếu vô thường là khổ, thì là pháp sanh diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.”

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

“Nay tôi sẽ nói thí dụ, mà người trí nhờ thí dụ thì sẽ hiểu rõ được. Thí như một trưởng giả, hay con một trưởng giả giàu có, nhiều của cải, rất mong

được nhiều người giúp việc để khéo giữ gìn tài sản. Lúc ấy có kẻ thù độc ác, giả đến gần gũi giúp đỡ và xin làm tôi tớ, luôn luôn dò xét việc ngủ nghỉ sớm muộn của chủ nhân, mà nhân đó hầu hạ hai bên, kính cẩn phục vụ; luôn thuận theo lời chủ, khiến chủ nhân vừa lòng, xem như bạn thân, tưởng như con cháu, rất tin tưởng, không nghi ngờ, nên không bao giờ tự đề phòng giữ gìn. Sau đó tên này dùng dao bén, giết chết người chủ.

"Này Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nghĩ thế nào về kẻ thù độc ác kia, bạn thân trưởng giả ấy; đó chẳng phải là phương tiện ban đầu, với tâm hại luôn luôn dò xét tìm cơ hội, để dẫn đến cái chung cuộc đối với người chủ sao? Trong khi trưởng giả không hay biết gì về cái hậu quả tai hại mà mình phải gánh chịu hôm nay."

Đáp:

"Thật như vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Thầy nghĩ thế nào về trưởng giả này, nếu biết người kia giả làm người thân để ám hại, thì ông ta đã khéo tự đề phòng giữ gìn và sẽ không bị làm hại phải không?"

Đáp:

"Đúng vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

"Cũng vậy, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, kẻ phàm phu ngu si không học, đối với năm thọ ấm tưởng là thường, tưởng là an ổn, tưởng là không bệnh, tưởng là ngã, tưởng là ngã sở. Đối với năm thọ ấm này giữ gìn, nuối tiếc, cuối cùng thì cũng bị năm thọ ấm oan gia này làm hại, như trưởng giả kia bị kẻ oan gia, giả làm người thân hại đi mà không hay biết.

"Này Diệm-ma-ca, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này phải quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đối với năm thọ ấm này vị ấy không thọ lãnh, không đắm trước. Vì không thọ lãnh nên không đắm trước, vì không đắm trước nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt,

phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói bài pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất vì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói pháp sáng soi, chỉ bày làm cho vui vẻ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 105. TIÊN-NI[357]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ có một ngoại đạo xuất gia tên là Tiên-ni[358] đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Ngày hôm qua, có các Sa-môn, Bà-la-môn, Giá-la-ca[359], cùng nhau tập trung tại giảng đường Hy hữu[360], khen ngợi như vầy: 'Phú-lan-na Ca-diếp[361], là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận[362] là họ sẽ tái sanh ở đâu. Lại có Mạc-ca-lê Cù-xá-lợi Tử[363] là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận là họ sẽ tái sanh ở đâu. Cũng vậy, Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử[364] v.v… mỗi người đều có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, như đã nói trên.'

"Sa-môn Cù-đàm lúc bấy giờ cũng được thảo luận trong đó, rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là thủ lãnh của đại chúng. Trong số đệ tử của Ngài nếu có ai mạng chung thì liền được ghi nhận là sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. 'Trước đây tôi có sanh nghi, vì sao Sa-môn Cù-đàm đạt được pháp như vậy[365]?'"

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông chớ sanh nghi ngờ. Vì có mê lầm nên sanh ra nghi hoặc. Tiên-ni nên biết, có ba hạng tôn sư. Những gì là ba? Có một hạng tôn sư thấy đời hiện tại

chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, nhưng không thể biết những việc sau khi chết. Đó là hạng thầy thứ nhất xuất hiện ở thế gian. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi chết cũng thấy là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi mạng chung cũng lại không thấy chân thật là ngã.

"Này Tiên-ni, hạng tôn sư thứ nhất thấy đời hiện tại chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, thì đó gọi là đoạn kiến. Hạng tôn sư thứ hai, thấy đời hiện tại và đời vị lai chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, thì đó gọi là thường kiến. Hạng tôn sư thứ ba, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã và sau khi chết cũng không thấy ngã, thì đó là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói, hiện tại cắt đứt ái, ly dục, diệt tận, chứng Niết-bàn."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tôi nghe những gì Đức Thế Tôn nói càng thêm nghi ngờ."

Phật bảo Tiên-ni:

"Càng nghi ngờ thêm là đúng. Vì sao? Vì đây chính là chỗ sâu xa khó thấy khó biết, cần phải quán chiếu sâu xa, vi diệu mới thấu đáo được, chỉ có bậc thông tuệ mới hiểu rõ, còn loại chúng sanh thường tình thì chưa có khả năng biết được. Vì sao? Vì chúng sanh lâu đời có những kiến giải dị biệt, nhẫn thọ dị biệt, sự mong cầu dị biệt, những ước muốn dị biệt."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Thế Tôn có lòng tin thuần tịnh, xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp, để ngay nơi chỗ ngồi này tuệ nhãn của con được thanh tịnh."

Phật bảo Tiên-ni:

"Nay Ta sẽ tùy thuộc vào chỗ ưa thích của ông mà nói."

Phật bảo Tiên-ni:

"Sắc là thường, hay là vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Tiên-ni, vô thường là khổ chăng?"

Đáp:

"Là khổ."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào, Tiên-ni, sắc có phải là Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong Như Lai có sắc không? Và trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Phi sắc, phi thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tiên-ni:

"Các đệ tử của Ta nghe những gì Ta đã nói mà không hiểu nghĩa lý để khởi vô gián đẳng[366] đối với mạn. Vì phi vô gián đẳng nên mạn không bị đoạn trừ. Vì không dứt trừ được mạn, nên khi bỏ ấm này thì ấm khác tiếp nối sinh. Do vậy, này Tiên-ni, Ta ký thuyết cho các đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì mạn còn sót lại.

"Này Tiên-ni, các đệ tử của Ta đối với những gì Ta đã nói, có khả năng hiểu rõ, thì đối với các mạn mà đạt được vô gián đẳng. Nhờ đạt được vô gián đẳng nên các mạn dứt trừ; vì các mạn được dứt trừ nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn có tương tục. Này Tiên-ni, những người đệ tử này, Ta không bảo là khi bỏ ấm này rồi, họ sẽ sinh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì không có nhân duyên để có thể ký thuyết. Nếu muốn Ta ký thuyết, Ta sẽ ký thuyết rằng, họ đã đoạn trừ các ái dục, vĩnh viễn xa lìa kết sử hữu, chánh ý giải thoát, tận cùng mé khổ. Từ xưa tới nay và

ngay trong hiện tại, Ta thường nói, mạn quá, mạn tập, mạn sanh, mạn khởi; nếu đối với mạn mà thường xuyên quán sát thì các khổ sẽ không sanh."

Khi Phật nói pháp này, Tiên-ni Sa-môn ngoại đạo[367] xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, Tiên-ni thấy pháp, đắc pháp, đoạn trừ các nghi hoặc, không do người khác mà biết, không do người khác để được độ thoát. Ở trong Chánh pháp, tâm đạt được vô sở úy. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có được phép ở trong Chánh pháp xuất gia tu phạm hạnh không?"

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông có thể xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp."

Sau khi Tiên-ni đã được phép xuất gia rồi, một mình ở nơi vắng vẻ tu tập không buông lung, tự suy nghĩ về lý do nào mà người có dòng họ quý cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu hành phạm hạnh, thấy pháp, tự biết đã chứng đắc: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đã đạt được quả A-la-hán.

Sau khi đã nghe những gì Đức Phật đã nói, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 106. A-NẬU-LA[368]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá[369].

Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-nậu-la-độ[370] ở núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy, có số đông người xuất gia ngoại đạo, đến chỗ A-nậu-la-độ. Sau khi họ đã chào hỏi thăm nhau, rồi ngồi sang một bên và, bạch với A-nậu-la-độ:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh mà giải thích cho chúng tôi không?"

A-nậu-la-độ nói với các ngoại đạo:

“Tùy theo điều muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Các ngoại đạo lại hỏi:

“Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết tồn tại chăng?”

A-nậu-la-độ nói:

“Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký[371].”

Lại hỏi:

“Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng?”

A-nậu-la-độ nói:

“Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký.”

Lại hỏi:

“Như Lai sau khi chết tồn tại và không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng?”

A-nậu-la-độ nói:

“Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký.”

Lại hỏi A-nậu-la-độ:

“Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết là tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết là cũng tồn tại, cũng không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Thế nào, Tôn giả, Sa-môn Cù-đàm không biết, không thấy chăng?”

A-nậu-la-độ nói:

“Đức Thế Tôn chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy.”

Bấy giờ, các ngoại đạo không hài lòng về những gì mà Tôn giả A-nậu-la-độ đã nói, bèn chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả A-nậu-la-độ chờ cho các ngoại đạo đi rồi, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, đem những gì các ngoại đạo đã hỏi trình lên tất cả cho Phật:

"Bạch Thế Tôn, họ đã hỏi như vậy và con đáp như vậy, nói như vậy, có phù hợp với Chánh pháp không? Con không mắc tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là thuận theo pháp hay là trái với pháp? Không khiến cho khi có người đến cật vấn mà bị bế tắc chăng?"

Phật bảo A-nậu-la-độ:

"Nay Ta hỏi ngươi, theo những gì Ta hỏi mà trả lời. Này A-nậu-la-độ, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

"Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Nói chi tiết như kinh Diệm-ma-ca, cho đến, thức là Như Lai chăng? Đáp là

không.

Phật bảo A-nậu-la-độ:

"Nói như vậy là nói lời phù hợp[372], chẳng phải hủy báng Như Lai, chẳng phải vượt qua thứ lớp, như những lời của Như Lai nói theo các pháp tùy thuận[373] không ai có thể đến cật vấn chê trách được. Vì sao? Vì đối với sắc, Ta biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự đoạn tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Này A-nậu-la-độ, nếu bỏ qua những điều Như Lai giải thích[374] mà bảo là Như Lai không biết, không thấy, thì đây chẳng phải là lời nói chính xác[375]."

Phật nói kinh này xong, A-nậu-la-độ nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 107. TRƯỞNG GIẢ[376]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng sâu Lộc dã, tại núi Thiết-thủ-bà-la[377], thuộc nước Bà-kỳ[378]. Bấy giờ có trưởng giả Na-câu-la[379] đã một trăm hai mươi tuổi, già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh khổ mà vẫn muốn diện kiến Đức Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Ông đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con đã già nua, yếu đuối, bệnh khổ, tự gắng sức đến yết kiến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con luôn luôn được an lạc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo gia chủ Na-câu-la:

"Lành thay! Gia chủ, thật sự ông đã già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh hoạn, mà có thể tự mình đến diện kiến Như Lai cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính khác. Gia chủ nên biết, ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn[380]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ Na-câu-la, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ[381] rồi ngồi im lặng. Sau khi gia chủ Na-câu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ vui mừng, lễ Phật mà lui.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây cách Phật không xa. Gia chủ Na-câu-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Hiện tại các căn của gia chủ vui vẻ, nhan sắc sáng tươi, có phải đã nghe pháp sâu xa từ nơi Thế Tôn rồi chăng?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Hôm nay Đức Thế Tôn vì tôi nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ; vì nước pháp cam lộ rưới vào thân tâm tôi, cho nên nay các căn của tôi vui vẻ, nhan sắc sáng tươi."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Đức Thế Tôn đã vì ông nói những pháp gì, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nhuần thấm nước cam lộ?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Con đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn rằng: 'Con đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, tự con đến diện kiến Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính.' Đức Phật bảo con: 'Lành thay! Gia chủ, ông thực sự đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, mà có thể tự nỗ lực đến gặp Ta cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Bây giờ đối với thân khổ hoạn này, ông thường nên ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn.' Đức Thế Tôn đã vì con nói pháp như vậy, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nước cam lộ nhuần thấm."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Vừa rồi sao ông không hỏi lại Đức Thế Tôn, thế nào là thân bị bệnh khổ, là tâm bị bệnh khổ? Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ?"

Gia chủ đáp:

"Vì lý do này nên con đến gặp Tôn giả, xin vì con nói tóm lược pháp yếu."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ, nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc, sự xuất ly sắc không biết như thật. Vì không biết như thật nên ái lạc sắc, nói rằng sắc là ngã, là ngã sở, rồi chấp thủ, nhiếp thủ. Khi sắc này hoặc bị hư hoại, hoặc bị biến đổi; tâm thức cũng tùy theo mà biến chuyển, khổ não liền sanh. Khi khổ não đã sanh thì phát sinh sự sợ hãi, sự chướng ngại, sự hoài vọng, sự lo nghĩ buồn khổ tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là bệnh khổ của thân tâm.

"Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa, thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, gia chủ Na-câu-la đạt được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, gia chủ Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua được mọi sự hồ nghi mà không do ai khác, ở trong chánh pháp tâm đạt được vô sở úy, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Con đã vượt qua, đã được độ thoát. Nay con xin nương về Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, làm người Ưu-bà-tắc; xin ngài chứng biết cho con. Nay con xin nguyện suốt đời nương về Tam bảo."

Sau khi gia chủ Na-câu-la đã nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra đi.

---o0o---

KINH 108. TÂY[382]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Thiên hiện của dòng họ Thích[383].

Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo người phương Tây muốn trở về phương Tây an cư, đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì họ mà nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách được khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, số đông Tỳ-kheo phương Tây từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo phương Tây chúng con, muốn trở về phương Tây an cư, nay chúng con xin được từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Các ông đã từ giã Xá-lợi-phất chưa?"

Đáp:

"Bạch, chưa từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Xá-lợi-phất thuần tu phạm hạnh, các ông nên từ giã. Ông ấy có thể làm cho các ông được lợi ích và an lạc lâu dài."

Các Tỳ-kheo phương Tây từ tạ mà lui và chuẩn bị đi. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây kiên cố[384] cách Phật không xa. Các Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi muốn trở về phương Tây an cư, nên đến đây xin từ giã."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

"Các ông đã từ giã Đức Thế Tôn chưa?"

Đáp:

"Thưa, đã từ giã rồi."

Xá-lợi-phất bảo:

"Các ông trở về phương Tây, mỗi quốc độ mỗi khác nhau, mỗi chúng hội mỗi khác nhau, ắt sẽ có người hỏi các ông. Hiện tại các ông đang ở chỗ Đức Thế Tôn nghe pháp được khéo giảng thuyết, hãy khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ, khéo quán sát, khéo thâm nhập, để đủ khả năng vì mọi người kia mà tuyên nói lại đầy đủ, để không phải là hủy báng Đức Phật chăng? Không để cho các chúng kia nạn vấn, gạn hỏi chê trách và bị bế tắc chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi vì muốn nghe pháp, nên đến chỗ Tôn giả. Xin Tôn giả vì thương xót chúng tôi mà nói pháp đầy đủ."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Người Diêm-phù-đề lợi căn thông minh. Hoặc Sát-lợi, Sa-môn, Bà-la-môn, hay gia chủ, có thể họ sẽ hỏi các ông rằng: ‘Đại sư của các ông nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để truyền dạy cho các ông?’ Thì các ông nên đáp: ‘Đại sư chỉ nói điều phục dục tham và chỉ đem pháp này để truyền dạy.’

“Họ sẽ hỏi lại các ông: ‘Ở trong pháp nào mà điều phục dục tham?’ Các ông nên đáp: ‘Đại sư chỉ nói ở trong sắc ấm kia mà điều phục dục tham; ở trong thọ, tưởng, hành, thức ấm kia mà điều phục dục tham. Đại sư của chúng tôi nói pháp như vậy.’

“Họ sẽ lại hỏi: ‘Dục tham có tai hại gì mà Đại sư lại nói ở ngay nơi sắc điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?’ Các ông nên trả lời: ‘Nếu ở nơi sắc mà dục không đoạn trừ, tham không đoạn trừ, ái không đoạn trừ, niệm không đoạn trừ, khát không đoạn trừ và khi sắc kia biến đổi, hoặc khác đi, thì sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thấy dục tham có những tai hại như vậy, nên ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham.’

“Họ sẽ lại hỏi: ‘Thấy có lợi ích gì trong việc dứt trừ dục tham, mà Đại sư nói ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?’ Các ông nên trả lời: ‘Nếu ở nơi sắc mà đoạn trừ dục, đoạn trừ tham, đoạn trừ niệm, đoạn trừ ái, đoạn trừ khát, thì đối với sắc nếu có biến đổi, hoặc khác đi, vẫn không khởi lên ưu, bi, khổ, não; và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Thưa các ngài, nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện mà khiến cho cuộc sống ngay trong hiện tại vẫn được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nóng bức, thân hoại mạng chung được sanh vào nơi tốt lành, thì Đức Thế Tôn cuối cùng đã không dạy: Hãy đoạn trừ các pháp bất thiện. Và cũng không dạy người ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh, để đạt được tận cùng của mé khổ. Vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện nên sẽ đưa đến một cuộc sống khổ đau ngay trong hiện tại và chướng ngại, nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong đường ác. Cho nên Đức Thế Tôn dạy, hãy đoạn trừ pháp bất thiện và ở trong Phật pháp phải tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp thiện, mà ngay trong cuộc sống hiện tại chịu khổ, chướng ngại, nhiệt não và sẽ đọa vào trong đường ác, thì Thế Tôn đã không dạy nên thọ trì pháp thiện, ở trong Phật pháp phải tu phạm hạnh để đạt được rốt cùng

mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Vì thọ trì pháp thiện nên ngay trong cuộc sống hiện tại được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nhiệt bức; sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi tốt lành. Cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi việc dạy người lãnh thọ các pháp thiện, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng của mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, các Tỳ-kheo phương Tây không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này xong, các Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 109. MAO ĐOAN[385]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như hồ nước vuông vức năm mươi do-tuần, chiều sâu cũng như vậy, với nước tràn đầy. Lại có người dùng sợi lông, dùng cọng cỏ, hay móng tay để hất nước. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Nước do người kia hất lên là nhiều hay là nước hồ nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Nước mà người kia dùng lông, dùng cỏ, hay móng tay để hất lên là rất ít, không đáng để nói. Nước hồ thì rất nhiều, gấp cả trăm ngàn vạn lần, không thể nào so sánh được."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các khổ được đoạn trừ do thấy Thánh đế, cũng như nước hồ kia, vĩnh viễn không sanh lại trong đời vị lai."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này xong, bèn vào thất tọa thiền. Sau khi Đức Thế Tôn vào thất, bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Thật là điều chưa từng được nghe, hôm nay Đức Thế Tôn khéo nói thí dụ về cái hồ! Vì sao? Thánh đệ tử đầy đủ kiến đế[386], đạt được quả vô gián đẳng[387]. Nếu kẻ phàm tục nào khởi tà kiến, thân kiến, căn bản thân kiến, tập thân kiến, sanh thân kiến, nghĩa là che giấu những cảm giác lo âu, giữ gìn tiếc thương những điều vui mừng[388], nói là ngã, nói là chúng sanh, nói là kỳ đặc, kiêu căng, tự cao. Các thứ tà như vậy tất cả đều bị trừ diệt, cắt đứt cội rễ như cây đa-la bị bẻ gãy, khiến cho đời vị lai không còn tái sanh lại nữa.

“Này các Tỳ-kheo, những gì là các thứ tà kể trên bị đoạn trừ bởi Thánh đệ tử khi thấy Thánh đế, vị lai vĩnh viễn không khởi lên lại nữa?

“Phàm phu ngu si không học, thấy sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong thức, là thức ở trong ngã.

“Thế nào thấy sắc là ngã? Chứng đắc chánh thọ nhập nhất thiết xứ về đất[389], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, ‘Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.’ Cũng vậy, chánh thọ nhập nhất thiết xứ về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng[390], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, ‘Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.’ Như vậy, ở nơi các nhất thiết nhập xứ, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

“Thế nào là sắc khác ngã[391]? Nếu người kia thấy thọ là ngã; khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở; hoặc thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở.

“Thế nào là thấy sắc ở trong ngã? Thấy thọ là ngã thì sắc ở trong ngã; nếu lại thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì sắc ở trong ngã.

“Thế nào là thấy ngã ở trong sắc? Nếu thấy thọ tức là ngã thì nó hiện hữu trong sắc, nhập vào trong sắc, phổ biến khắp tứ chi; hay nếu thấy tưởng, hành, thức là ngã thì nó hiện hữu ở trong sắc và, biến khắp tứ chi. Đó gọi là ngã ở trong sắc.

“Thế nào là thấy thọ tức là ngã? Là sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ xúc của mắt. tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu thọ thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã và ngã là thọ. Đó gọi là thọ tức ngã.

“Thế nào là thấy thọ khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thọ là ngã sở; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ là ngã sở. Đó gọi là thọ khác ngã.

“Thế nào là thấy thọ ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì thọ ở trong nó; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ ở trong nó. Đó gọi là thọ trong ngã.

“Thế nào là thấy ngã ở trong thọ? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thọ.

“Thế nào là thấy tưởng tức là ngã? Là sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tưởng thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là tưởng tức là ngã.

“Thế nào là thấy tưởng khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì tưởng là ngã sở; và nếu thức là ngã, thì tưởng là ngã sở. Đó gọi là tưởng khác ngã.

“Thế nào là thấy tưởng ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, hành, thức là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong chúng. Đó gọi là tưởng ở trong ngã.

“Thế nào là thấy ngã ở trong tưởng? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, hành, thức là ngã thì chúng hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong tưởng.

“Thế nào là thấy hành là ngã? Là sáu tư thân; tư phát sanh từ xúc của mắt; tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tư thân này, mỗi mỗi được thấy ngã. Đó gọi là hành tức ngã.

“Thế nào là thấy hành khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì hành là ngã sở; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành là ngã sở. Đó gọi là hành khác ngã.

“Thế nào là thấy hành ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì hành hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành hiện hữu ở trong chúng. Đó gọi là hành ở trong ngã.

“Thế nào là thấy ngã ở trong hành? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân thể. Đó gọi là ngã ở trong hành.

“Thế nào là thấy thức là ngã? Chỉ cho sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Sáu thức thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là thức tức ngã.

"Thế nào là thấy thức khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức là ngã sở; và nếu thấy thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức là ngã sở. Đó gọi là thức khác ngã.

"Thế nào là thấy thức ở trong ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức ở trong chúng. Đó gọi là thức ở trong ngã.

"Thế nào là ngã ở trong thức? Nếu sắc là ngã, thì nó ở trong thức và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã thì chúng ở trong thức và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thức.

"Như vậy, Thánh đệ tử thấy Bốn chân đế sẽ đạt được quả vô gián đẳng và đoạn trừ các thứ tà kiến, vĩnh viễn không khởi lên trở lại trong đời vị lai.

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, được tích tụ về một nơi, cần được quán như vầy: 'Tất cả đều là vô thường, tất cả là khổ, tất cả là không, tất cả là phi ngã, không nên ái lạc, thâu lấy, chấp thủ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, không nên ái lạc, chấp thủ, bảo trì.' Khéo quán sát như vậy, buộc tâm an trụ, không mê mờ đối với pháp, lại luôn luôn tinh tấn quán sát, xa lìa tâm biếng nhác, thì sẽ đạt được hỷ lạc, thân tâm khinh an, tịch tĩnh, an trụ với xả[392]; đầy đủ các phẩm đạo, tu hành trọn vẹn, vĩnh viễn xa lìa các thứ ác; không phải không tiêu tan, không phải không tịch diệt; diệt mà không khởi, giảm mà không tăng, đoạn mà không sanh, không chấp thủ, không đắm trước, tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 110. TÁT-GIÁ[393]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở cạnh ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly[394].

Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly có một Ni-kiền tử[395] thông tuệ, minh triết, hiểu rõ các luận và có sự kiêu mạn của thông minh; trong các luận rộng rãi, trí tuệ đã đạt đến chỗ vi diệu[396]; nói pháp cho mọi người, vượt hẳn mọi luận sư. Ông thường nghĩ rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai địch lại ta. Ngay cả đến với Như Lai ta cũng có thể cùng luận bàn. Bọn luận sư nghe đến tên ta thì trán và nách đều toát mồ hôi, các lỗ chân lông đều chảy nước. Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, huống chi là bọn luận sư ở thế gian lại có thể đương đầu với ta ư!"

Lúc này, có Tỳ-kheo tên là A-thấp-ba-thệ[397], sáng sớm đắp y mang bát, oai nghi tề chỉnh, mắt đoan chánh nhìn thẳng bước, vào thành khất thực. Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá[398] có chút việc đi đến các làng xóm; từ cửa thành ra trông thấy Tỳ-kheo A-thấp-ba-thệ, liền đến chỗ Tỳ-kheo hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để dạy cho các đệ tử khiến cho họ tu tập?"

A-thấp-ba-thệ nói:

"Này cư sĩ Hỏa chủng[399], Đức Thế Tôn nói pháp như vầy để dạy cho các đệ tử, khiến cho họ theo đó mà tu học. Ngài dạy các Tỳ-kheo: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.'"

Ni-kiền tử Tát-giá nghe những lời nói này, tâm không vui, liền nói rằng:

"A-thấp-ba-thệ, chắc ông đã nghe lầm rồi! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không nói những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm đã nói những lời này thì đó là thứ tà kiến. Tôi sẽ đến nạn vấn ông ấy để khiến phải từ bỏ."

Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá đi đến các làng xóm, tại chỗ những người Ly-xa đang tụ hội, nói với các Ly-xa rằng:

"Hôm nay tôi có gặp vị đệ tử thứ nhất của Sa-môn Cù-đàm, tên là A-thấp-ba-thệ, cùng nhau bàn luận. Nếu đúng như lời ông ta nói, thì tôi sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng bàn luận, làm cho xoay chuyển tiến thoái đều theo ý của tôi.

"Giống như người cắt cỏ, tay nắm thân chúng đưa lên rũ bỏ đi những loại tạp uế; tôi cũng như vậy, tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm cật vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cốt yếu, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

"Như người nấu rượu, cầm túi hèm rượu ép lấy nước tinh thuần và bỏ đi cặn bã hèm. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ thuần chân, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

"Như thợ dệt chiếu, dùng chiếu đựng đầy vật nhơ, nên trước khi muốn đem ra chợ bán, phải tẩy xóa những vết nhơ, loại bỏ đi những mùi hôi thối. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cương lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp.

"Như người huấn luyện voi của nhà vua, dắt con voi say vào trong nước sâu, rửa thân thể nó, tứ chi, tai, mũi; toàn thân thể của nó đều được tắm rửa, trừ bỏ các thứ bụi bẩn. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ yếu lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp. Các Ly-xa, các người cũng nên cùng tôi đến để xem sự hơn thua."

Trong nhóm Ly-xa có người nói rằng:

"Ni-kiền tử Tát-giá mà có thể cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì điều này không thể xảy ra."

Lại có người nói:

"Ni-kiền tử Tát-giá, là người lợi căn thông tuệ có khả năng luận bàn với Sa-môn Cù-đàm."

Lúc này, có năm trăm Ly-xa cùng Ni-kiền tử Tát-giá đi đến chỗ Đức Phật để luận bàn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây ở trong rừng Đại lâm, an trú nơi Thiên trụ[400]. Giờ này có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng và đang đi kinh hành trong rừng, từ xa trông thấy Ni-kiền tử Tát-giá đang đi đến. Đến chỗ các Tỳ-kheo, Tát-giá hỏi các Tỳ-kheo:

"Sa-môn Cù-đàm đang ở chỗ nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Đang ngồi dưới bóng cây trong Đại lâm, nơi ở của chư Thiên."

Ni-kiền tử Tát-giá liền đến chỗ Đức Phật, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi sang một bên. Các gia chủ Ly-xa cũng đến chỗ Đức Phật, có người cung kính, có người người chắp tay chào hỏi, rồi đứng sang một bên. Bây giờ, Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Tôi nghe Cù-đàm nói pháp như vầy và dạy các đệ tử như vầy: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.' Có phải Cù-đàm dạy như vậy hay không? Hay đây là những lời tuyên truyền với mục đích là để hủy báng Cù-đàm chăng? Thuyết là như thuyết, hay không như thuyết? Thuyết đúng như pháp chăng? Thuyết theo thuận thứ của pháp chăng? Không có kẻ khác nào đến nạn vấn dồn vào chỗ bế tắc chăng?"

Phật nói với Ni-kiền tử Tát-giá:

"Như những gì ông đã nghe. Thuyết là như thuyết, là thuyết đúng như pháp, thuyết theo thuận thứ của pháp, chứ chẳng phải là hủy báng và cũng không có nạn vấn nào khiến bị bế tắc. Vì sao? Ta đã thật sự vì các đệ tử mà thuyết pháp như vậy, Ta đã thật sự luôn luôn dạy dỗ các đệ tử để cho họ tùy thuận theo pháp giáo, khiến họ quán sắc là không ngã; thọ, tưởng, hành, thức là không ngã. Quán năm thọ ấm này như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, bây giờ, tôi sẽ đưa ra một thí dụ."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Nếu thấy thích hợp."

"Ví như tất cả những gì được tạo tác ở thế gian đều nương trên đất; cũng vậy sắc là con người[401], mọi việc thiện ác đều phát sanh từ đó[402]. Thọ, tưởng, hành, thức là con người, mọi việc thiện ác cũng đều phát sanh từ đó.

"Thêm một thí dụ nữa, như cõi người, cõi thần[403], cỏ thuốc, cây cối, đều nương vào đất mà được sanh trưởng; cũng vậy, sắc là con người. Thọ, tưởng, hành, thức là con người."

Phật nói:

"Này Hỏa chủng cư sĩ, ông nói sắc là con người[404]; thọ, tưởng, hành, thức là con người chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng như vậy. Sắc là con người; thọ, tưởng, hành, thức là người. Ở đây tất cả mọi người đều nói như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Thôi, hãy lập luận theo luận thuyết của ông đi, việc gì phải đem mọi người ra."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Sắc thật sự là con người."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Như quốc vương, mà trong nước mình nếu có người phạm tội, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi, hoặc đánh bằng roi, hoặc chặt tay chân. Hoặc nếu có người có công thì vua sẽ ban thưởng voi, ngựa, xe cộ, thành ấp, tài sản, bảo vật cho. Tất cả vua đều làm được, phải không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, có thể làm được như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Phàm là người chủ, ắt phải được tự tại chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ông nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, vậy có được tùy ý tự tại khiến nó như vậy hay không như vậy chăng?"

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá ngồi im.

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Nói ngay đi! Nói ngay đi! Tại sao im lặng?"

Ba lần hỏi như vậy, Ni-kiền tử vẫn cố im lặng. Ngay lúc đó thần lực sĩ Kim cương[405] đang ở giữa hư không, cầm chày kim cương lửa bốc mạnh hừng hực, đặt trên đầu Ni-kiền tử Tát-giá, bảo rằng: "Đức Thế Tôn đã ba lần hỏi, tại sao ông không trả lời? Ta sẽ dùng chiếc chày kim cương đập vỡ đầu ông ra làm bảy mảnh." Vào lúc ấy, nhờ vào thần lực của Phật, nên chỉ khiến cho một mình Ni-kiền tử Tát-giá thấy thần Kim cương mà thôi, ngoài ra không một ai thấy hết.

Ni-kiền tử Tát-giá thấy vậy sợ hãi quá, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, không phải như vậy."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Hãy chậm rãi suy nghĩ, sau đó mới nói rõ. Trước đây, ở giữa mọi người, ông bảo sắùc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Nhưng bây giờ lại bảo là không phải. Trước sau mâu thuẫn nhau. Trước đây, ông thường bảo rằng sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Này Hỏa chủng cư sĩ, nay Ta hỏi ông, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, là khổ."

Lại hỏi:

“Vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Thưa Cù-đàm, không.”

“Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

“Ông hãy suy nghĩ cho kỹ rồi sau mới nói.”

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

“Nếu đối với sắc mà chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa niệm, chưa lìa ái, chưa lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi thì nó sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?”

Đáp:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

“Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa niệm, lìa ái, lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi, thì kia sẽ không sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?”

Đáp:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, như thật không khác.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

“Này Hỏa chủng cư sĩ, như thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì người kia được an vui chăng?”

Đáp:

“Thưa Cù-đàm, không.”

Như vậy, này Hỏa chủng cư sĩ, khi thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì không được an vui.

“Này Hỏa chủng cư sĩ, như người mang búa vào núi, tìm những cây gỗ thật chắc, thấy cây chuối to lớn, ngay thẳng, liền chặt rễ lá và lột bẹ của nó cho đến tận cùng, mà vẫn không thấy cái lõi chắc thật. Này Hỏa chủng cư sĩ, ông cũng như vậy, đã tự lập ra luận thuyết, nhưng nay Ta đã khéo léo tìm ra cái nghĩa chân thật của nó, mà vẫn không thấy được cái cốt lõi chân thật, nó giống như cây chuối vậy. Thế mà ở giữa mọi người, ông dám đứng ra tuyên bố là: ‘Trong đám Sa-môn, Bà-la-môn, ta không thấy một ai có tri kiến có thể cùng đem bàn luận với tri kiến của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mà không bị Ta chiết phục.’ Và lại tự nói: ‘Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, đến nỗi có thể khiến cho họ toát mồ hôi trán, toát mồ hôi nách và các lỗ chân lông đều đẫm nước.’ Nay ông đã tự luận nghĩa cho chính mình, nhưng không tự lập lại những lời lẽ khoác lác trước đây, là có thể chiết phục mọi hiện tượng này. Hiện tại ông đã đem hết khả năng lý sự thủ đắc của mình, mà không thể làm lay động được một sợi lông của Như Lai.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở giữa mọi người, vén Uất-đa-la-tăng bày ngực và chỉ:

“Mọi người hãy nhìn xem, có thể nào làm lay động được một sợi lông của Như Lai không?”

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá im lặng, cúi đầu, hổ thẹn, thất sắc. Khi ấy ở trong chúng có một Ly-xa tên là Đột-mục-khư[406], từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cho phép con nói thí dụ.”

Phật bảo Đột-mục-khư:

“Nếu thấy hợp thời.”

Đột-mục-khư bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thí như có người mang cái đấu, cái hộc vào trong một đống thóc lớn xúc ra hai, ba hộc; thì hiện tại Ni-kiền tử Tát-giá cũng

giống như vậy. Bạch Thế Tôn, giống như một gia chủ giàu có, nhiều của cải, bỗng nhiên phạm vào tội lỗi, nên tất cả những tài vật đó đều bị sung vào nhà vua, thì Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, tất cả mọi sự biện tài có được của ông, đều bị Như Lai tóm thâu hết. Giống như cạnh làng xóm, thành ấp có con sông lớn, mọi nam nữ lớn nhỏ đều vào trong dòng nước nô đùa. Họ bắt lấy con cua ở trong nước bẻ gãy chân rồi đem đặt trên mặt đất; vì không có chân nên không thể trở lại dòng sông được. Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, các biện tài của ông đều bị Như Lai bẻ gãy, để rồi không bao giờ dám trở lại cùng Như Lai bàn luận đối địch nữa."

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá vô cùng tức giận, thóa mạ Ly-xa Đột-mục-khư:

"Nhà ngươi là thứ thô lỗ; không biết gì hết sao lại rống lên? Tự ta cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận, chứ có can hệ gì đến việc của ngươi đâu?"

Ni-kiền tử thóa mạ Đột-mục-khư rồi, lại bạch Phật:

"Hãy gác qua những lời nói của tên hạ tiện kia đi. Bây giờ riêng tôi có điều muốn hỏi."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Tùy ý ông cứ hỏi, Ta sẽ theo câu hỏi mà trả lời."

"Vì đệ tử, Cù-đàm nói pháp như thế nào để cho họ xa lìa nghi hoặc?"

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ta nói cho các đệ tử rằng: 'Những gì thuộc về sắc, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại, hoặc là vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều quán sát như thật, chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.' Kia học tập như vậy chắc chắn sẽ thấy được dấu vết con đường[407], không bị đứt mất, có thể thành tựu tri kiến nhàm chán, canh giữ cửa cam lộ. Tuy chẳng phải tất cả đều đạt được cứu cánh, nhưng tất cả đều hướng đến Niết-bàn. Đệ tử theo pháp dạy của Ta như vậy, thì sẽ được xa lìa nghi hoặc."

Lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, Ngài dạy thế nào để cho các đệ tử, ở trong Phật pháp chứng đắc lậu tận, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’?”

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

“Chính bằng pháp này: ‘Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều được biết như thật, là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau; và thọ, tưởng, hành, thức chúng cũng lại như vậy.’ Đệ tử kia lúc bấy giờ thành tựu được ba thứ vô thượng: Trí vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng[408]. Khi đã thành tựu được ba vô thượng này rồi, vị ấy đối với Đại sư mà cung kính, tôn trọng, cúng dường như là Phật, rằng: ‘Thế Tôn đã giác ngộ tất cả các pháp, rồi bằng pháp này, Ngài điều phục đệ tử khiến cho họ được an lạc, khiến cho họ được vô úy, điều phục tịch tĩnh, cứu cánh Niết-bàn. Đức Thế Tôn vì mục đích Niết-bàn nên nói pháp cho các đệ tử.’

“Này cư sĩ Hỏa chủng, các đệ tử của Ta ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ở ngay trong đời này mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, giống như một người khỏe mạnh bị những mũi đao nhọn rơi loạn xạ vào người, còn có thể thoát ra được. Nhưng đối với thủ thuật luận bàn của Cù-đàm, thì thật khó có thể thoát được. Như rắn nhiều nọc độc còn có thể tránh được; như lửa mạnh ở giữa đầm hoang còn có thể tránh được; voi say hung dữ cũng có thể thoát được; như sư tử đói cuồng điên, tất cả đều có thể thoát được hết, nhưng đối với trong thủ thuật luận bàn của Sa-môn Cù-đàm thì thật là khó có thể thoát được. Không phải như bọn tầm thường chúng tôi, khinh suất, lỗ mãng, luận thuyết nửa vời, mà có thể đến chỗ Cù-đàm để luận nghị được.

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, Tỳ-xá-ly này là nước an lạc, thịnh vượng, lại có các tháp miếu Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử và Cù-đàm có thể ở tại tháp miếu Câu-lâu-đà, hay Ba-la-thọ-trì, hay Xả-trọng-đảm, hay Lực sĩ Bảo-quan[409]. Thế Tôn sẽ an lạc ở nước Tỳ-xá-ly này, vì ở chỗ Thế Tôn thường được cung kính, phụng sự, cúng dường bởi chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn,

Bà-la-môn cùng những người trong thế gian; và nhờ những việc làm này, sẽ khiến cho chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn luôn luôn được an lạc. Xin Ngài hãy dừng lại nơi này và sáng mai xin Ngài cùng đại chúng nhận bữa ăn đạm bạc của con.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Ni-kiền tử Tát-giá biết Đức Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, tùy hỷ vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Trên đường về, Ni-kiền tử Tát-giá bảo các Ly-xa:

“Ta đã thỉnh được Sa-môn Cù-đàm và đại chúng để cúng dường trai phạn, các ông, mỗi người hãy sửa soạn một món ăn đem đến chỗ ta.”

Các Ly-xa mỗi người trở về nhà, ngay đêm hôm đó sửa soạn đồ cúng dường và sáng sớm đem đến chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Sáng hôm ấy, Ni-kiền tử Tát-giá lo rưới nước, quét dọn nhà cửa, trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước sạch, rồi sai người đến Phật thưa là đã đến giờ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đắp y mang bát đến nhà Ni-kiền tử Tát-giá, Ngài ngồi trước đại chúng. Ni-kiền tử Tát-giá tự tay dâng đầy đủ đồ ăn thức uống thanh tịnh cho đại chúng. Sau khi thọ thực và rửa bát xong, Ni-kiền tử Tát-giá biết Phật và đại chúng đã hoàn tất xong mọi việc, ông lấy một cái ghế thấp đặt ngồi trước Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá mà tùy hỷ nói kệ:

Ở trong các lễ hội,

Thờ lửa là hơn hết.

Trong kinh điển Vi-đà,

Bà-tỳ-đế trên hết.

Con người, vua là nhất.

Các sông, biển là hơn.

Các sao, trăng là nhất.

Ánh sáng, mặt trời nhất.

Trong mười phương trời người,

Đẳng Chánh Giác là nhất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá nói đủ các thứ pháp, soi sáng, chỉ dạy, làm cho an vui rồi, trở về chỗ cũ. Trên đường trở về các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá mà đã sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường. Các Ly-xa này sẽ được phước gì? Còn Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?

Khi các Tỳ-kheo đã trở về trú xứ, đem cất y bát và rửa chân xong đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Trên đường về chúng con cùng nhau bàn tán về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá sửa soạn đồ ăn thức uống, cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Vậy năm trăm Ly-xa này sẽ được phước gì? Và Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Năm trăm Ly-xa này đã vì Ni-kiền tử, sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường, thì sẽ tạo nhân duyên được phước đối với chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được phước công đức Phật. Các Ly-xa này được nhân duyên quả báo của bố thí nhưng có tham, sân, si; còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được nhân duyên quả báo bố thí nhưng không có tham, sân, si."

Bài kệ tóm lược nội dung những kinh trên:

Mười câu hỏi Đa-la[410],

Sai-ma, Diệm, Tiên-ni,

A-nậu-la, Gia chủ,

Tây, Mao đoan, Tát-giá.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 06

KINH 111. HỮU LƯU[411]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[412]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[413], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói, 'hữu lưu'[414]. Vậy, thế nào gọi là hữu lưu? Và thế nào gọi là hữu lưu diệt[415]?"

Phật bảo La-đà:

"Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Nói hữu lưu, tức là, những kẻ phàm phu ngu si, không học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên, đối với sắc lại ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Do duyên ái lạc sắc nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não tăng trưởng; như vậy là tập khởi của thuần một khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là hữu lưu.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật nên, đối với sắc kia không khởi ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Vì không ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm nên, sắc ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thuần một tụ khổ lớn như vậy diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là những lời dạy của Như Lai về hữu lưu và hữu lưu diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 112. ĐOẠN TRI[416]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[417]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[418], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch, như Thế Tôn nói, ‘Biến tri[419] sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức.’ Bạch Thế Tôn, vậy thế nào là biến tri sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức?”

Phật bảo La-đà:

“Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Đối với sắc mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri thọ, tưởng, hành, thức.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 113. ĐOẠN SẮC KHỔ[420]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả, cùng thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả La-đà:

“Vì sao thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

Tôn giả La-đà trả lời:

“Vì tôi muốn đoạn trừ khổ, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh.”

Lại hỏi:

“Thầy vì muốn đoạn trừ những thứ khổ nào, nên phải theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

La-đà trả lời:

“Vì muốn đoạn trừ cái khổ về sắc, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh. Vì muốn đoạn trừ cái khổ về thọ, tưởng, hành, thức nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh.”

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả nói những lời như vậy, thì tâm họ không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mắng chửi rồi bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả La-đà biết các xuất gia ngoại đã ra đi rồi, liền tự nghĩ: 'Vừa rồi, ta đã nói những lời như vậy, há không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

Vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, những gì con đã nói không lỗi lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những gì thầy nói đều là lời thật, không hủy báng Như Lai, nói như lời dạy của Ta, nói như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Này La-đà, vì sắc là khổ, vì muốn dứt cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh; và đối với thọ, tưởng, hành, thức là khổ, vì muốn dứt những cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 114. TRI KHỔ[421]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích biết khổ[422] nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các ngoại đạo nghe La-đà nói những lời như vậy, tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trách mắng rồi ra đi.

Bấy giờ vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Sắc là khổ. Vì để biết nó là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Vì để biết thức là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 115. ĐOẠN ƯU KHỔ[423]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

“Vì đối với sắc muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.”

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

“Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?”

Phật bảo La-đà:

“Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Này La-đà, sắc là ưu, bi, khổ, não. Vì muốn dứt hết nó nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là ưu, bi, khổ, não vì muốn dứt hết chúng nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 116. NGÃ TẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[424].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

“Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc[425], muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, vì muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 117. ĐOẠN HỮU LẬU

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[426].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

“Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

La-đà trả lời:

“Sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.”

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

“Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?”

Phật bảo La-đà:

“Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 118. THAM NHUẾ SI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[427].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 119. TẬN DỤC ÁI HỶ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[428].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 120. MA (1)[429]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng do ma tạo ra; và những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng đều do ma tạo ra."

Phật bảo La-đà:

"Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi:

"Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo La-đà:

“Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 121. TỬ DIỆT[430]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

“Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết; những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết[431].”

Phật bảo La-đà:

“Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu là vô thường, thì khổ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi:

“Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo La-đà:

“Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 122. CHÚNG SANH[432]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nói: ‘chúng sanh’. Vậy thế nào là chúng sanh?”

Phật bảo La-đà:

“Ở nơi sắc mà nhiễm đắm triền miên, do đó gọi là chúng sanh[433]. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà nhiễm đắm triền miên, nên gọi là chúng sanh.”

Phật bảo La-đà:

"Ta nói, ở nơi cảnh giới của sắc, hãy phá sập, tiêu diệt. Ở nơi cảnh giới của thọ, tưởng, hành, thức phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ[434].

"Giống như trong làng xóm, những trẻ con trai gái chơi đùa, nhóm đất lại tạo thành nhà cửa, thành quách. Tâm chúng yêu thích, say đắm. Khi tâm yêu thích chưa hết, ước muốn chưa tan, nhớ nghĩ chưa dứt, thèm khát chưa tiêu, thì tâm chúng luôn luôn có sự yêu thích, giữ gìn và bảo là thành quách của ta, nhà cửa ta. Đối với những đống đất kia mà lòng yêu thích hết đi, ước muốn không còn, nhớ nghĩ đã dẹp, thèm khát đã tan, thì tay xô, chân đạp, khiến cho tiêu tán. Cũng vậy, này La-đà, đối với sắc mà phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 123. HỮU THÂN[435]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Vì con mà nói tóm lược pháp yếu. Sau khi nghe pháp rồi, con sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tâm suy nghĩ về mục đích mà người con trai của tông tộc[436] cạo bỏ râu tóc, mình mặc nhiễm y[437], chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Phật bảo La-đà:

"Lành thay! La-đà có thể ở trước Phật hỏi ý nghĩa này! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"La-đà, nên biết, hữu thân, sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Những gì là hữu thân? Đó là cho năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là đương lai hữu ái[438], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia[439]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Đương lai hữu ái[440], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia, hoàn toàn bị đoạn trừ, vất bỏ, nhổ sạch, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ[441]. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho Bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Hữu thân, nên biết: sự tập khởi của hữu thân nên đoạn; sự diệt tận của hữu thân nên chứng; con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân nên tu.

"Này La-đà, nếu đa văn Thánh đệ tử, đối với hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự tập khởi của hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc tu rồi, thì này La-đà, đó gọi là đoạn trừ ái, xả ly ái, chuyển đổi kết sử, đình chỉ mạn, chứng đắc vô gián đẳng[442], cứu cánh biên tế khổ."

Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi cáo lui.

Sau khi Đức Thế Tôn đã dạy như vậy rồi, thì Tỳ-kheo La-đà một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh suy nghĩ về mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 124. MA (2)[443]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma.

"Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc sanh tâm nhàm chán; và đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên

không thích, vì đã không thích nên giải thoát và giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 125. MA PHÁP[444]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần tất cả chúng đều là ma, tạo tác của ma. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật bảo La-đà:

"Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Vì vậy, này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc nên sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh thứ ba cũng như vậy, nhưng có chỗ khác là:

Phật bảo La-đà: Đa văn Thánh đệ tử ở nơi năm thọ ấm này mà quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát, thì đối với các pháp trên thế gian đều không có gì để mà chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: "Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 126. TỬ PHÁP[445]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp chết. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Ngoài ra như đã nói kinh trên.

---o0o---

KINH 127. PHI NGÃ PHI NGÃ SỞ[446]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[447]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc mà sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Ta quán sát pháp đoạn tận", các kinh tiếp theo cũng vậy, gồm: [448]

1. Quán sát diệt pháp,
2. Quán sát khí xả pháp (*vứt bỏ*),
3. Quán sát vô thường pháp,
4. Quán sát khổ pháp,
5. Quán sát không pháp,
6. Quán sát phi ngã pháp,
7. Quán sát vô thường-khổ-không-phi ngã pháp,

8. Quán sát bệnh pháp,

9. Quán sát ung pháp (*ung nhọt*),

10. Quán sát thích pháp *(gai nhọn),*

11. Quán sát sát pháp (*giết hại*),

12. Quán sát sát căn bản pháp,

13. Quán sát bệnh, ung (*ung nhọt*), thích pháp (*gai nhọn*), sát (*giết hại*), sát căn bản. [449]

---o0o---

KINH 128. ĐOẠN PHÁP (1)[450]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[451]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, có mười bốn kinh, nội dung như trên.

---o0o---

KINH 129. ĐOẠN PHÁP (2)[452]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[453]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 130. CẦU ĐẠI SƯ (1[454]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Muốn đoạn trừ năm thọ ấm, thì phải cầu Đại sư. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Muốn đoạn trừ năm thọ ấm này, thì phải cầu Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Đương đoạn", các kinh tiếp theo cũng vậy, có tên như sau:

- Đương thổ (*hãy nhả ra*);
- Đương tức (*hãy đình chỉ*);
- Đương xả (*hãy xả bỏ*).

Cũng như kinh “Cầu Đại sư”, các kinh sau đây có nội dung tương đồng (có năm mươi chín kinh):

- Cầu Thắng sư (*bậc thầy cao cả*),
- Thuận thứ sư (*bậc thầy thuận theo thứ lớp*),
- Giáo giới giả (*người răn dạy*),
- Thắng giáo giới giả (*người răn dạy hơn nhất*),
- Thuận thứ giáo giới giả (*người răn dạy thuận theo thứ lớp*),
- Thông giả (*người thông suốt*),
- Quảng thông giả (*người thông suốt rộng rãi*),
- Viên thông giả (*người thông suốt tròn đầy*),
- Đạo giả (*người dẫn đường*),
- Quảng đạo giả (*người dẫn đường rộng rãi*),
- Cứu cánh đạo giả *(người dẫn đường rốt ráo),*
- Thuyết giả (*người thuyết giảng*),
- Quảng thuyết giả (*người thuyết giảng rộng rãi*),
- Thuận thứ thuyết giả (*người thuyết giảng theo thứ lớp*),
- Chánh giả (*người chân chánh*),
- Bạn giả (*người đồng hành*),
- Chân tri thức giả (*bằng hữu chân thật*),
- Thân giả (*người thân cận*),
- Mẫn giả (*người thương xót*),

- Bi giả (*người từ bi*),
- Sùng nghĩa giả (*người sùng nghĩa*),
- An ủy giả (*người an ủi*),
- Sùng lạc giả (*người sùng lạc*),
- Sùng xúc giả (*người sùng xúc*),
- Sùng an ủy giả (*người sùng sự an ủi*),
- Dục giả (*người muốn*),
- Tinh tấn giả (*người tinh tấn*),
- Phương tiện giả (*người phương tiện),*
- Cần giả (*người chuyên cần*),
- Dũng mãnh giả (*người dõng mãnh*),
- Cố giả (*người kiên cố*),
- Cường giả (*người mạnh mẽ*),
- Kham năng giả (*người có khả năng*),
- Chuyên giả (*người tinh chuyên*),
- Tâm bất thoái giả (*người tâm không thoái lui*),
- Kiên chấp trì (*người giữ gìn chắc chắn),*
- Thường tập giả (*người thường tu tập*),
- Bất phóng dật giả (*người không buông lung*),
- Hòa hiệp giả (*người hòa hợp*),
- Tư lương giả (*người suy xét*),

- Ức niệm giả (*người nhớ nghĩ*),
- Giác giả (*người tỉnh giác*),
- Tri giả (*người biết*),
- Minh giả (*người sáng suốt*),
- Tuệ giả (*người trí tuệ*),
- Thọ giả (*người lãnh thọ*),
- Tư duy giả (*người tư duy*),
- Phạm hạnh giả (*người phạm hạnh*),
- Niệm xứ giả (*người có niệm xứ*),
- Chánh cần giả (*người có chánh cần*),
- Như ý túc (*người được như ý túc*),
- Căn giả (*người được căn*),
- Lực giả (*người được lực*),
- Giác phần giả (*người được giác phần),*
- Đạo phần giả (*người được đạo phần*),
- Chỉ giả (*người được chỉ*),
- Quán giả (*người được quán*),
- Niệm thân giả (*người được niệm thân*),
- Chánh ức niệm (*người được chánh ức niệm*).

---o0o---

KINH 131. TẬP CẬN[455]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tập cận với sắc, bị ma chi phối[456], rơi vào tay ma, theo ước muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát ra khỏi sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Tập cận", các kinh sau đây có nội dung giống vậy:

- Tập trước giả (*quen thói đam mê*),
- Vị giả (*hảo vị ngọt*),
- Quyết định trước giả (*đam mê thành tánh cố định*),
- Chỉ giả (*dừng nghỉ*),
- Sử giả (*sai sử*),
- Vãng giả (*đi đến*),
- Tuyển trạch giả (*lựa chọn*),
- Bất xả (*không xả*),
- Bất thổ (*không nhả ra*),

"Những Sa-môn, Bà-la-môn nào như vậy không bị ma chi phối" *như nói ở kinh trên. Như đã nói ở trên.*

---o0o---

KINH 132. BẤT TẬP CẬN[457]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cho đến "Thổ sắc" lại cũng như vậy[458].

---o0o---

KINH 133. SANH TỬ LƯU CHUYỂN[459]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[460]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường, là khổ phải chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

“Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[461]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

“Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

“Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

“Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[462] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 134. HỒ NGHI ĐOẠN (1[463])

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

“Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[464] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 135. HỒ NGHI ĐOẠN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[465] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 136. SANH TỬ LƯU CHUYỂN[466]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[467]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong

ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, là khổ phải chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[468]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[469] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 137

Kinh tiếp theo, nội dung cũng như vậy, chỉ sai khác ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

---o0o---

KINH 138

Kinh thứ ba cũng như vậy, chỉ khác nhau ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 07

KINH 139. ƯU NÃO SANH KHỞI[470]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ưu, bi, khổ, não chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến cho nó càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Do có sắc, sanh khởi sắc, hệ lụy, đắm đuối sắc, nơi sắc thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì khiến cho khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến tăng trưởng rộng thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

Lại hỏi:

“Vô thường có phải là khổ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ. Vì có khổ này nên sanh khởi sự ấy[471], hệ lụy, đắm đuối, thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì khiến khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi thì khiến cho tăng trưởng rộng lớn thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc[472], cái được nhớ nghĩ, cái được tùy giác, cái được tùy quán; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái tôi đời này, không phải cái của tôi đời này[473], không phải là tôi trong tương lai, không phải là cái của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến chánh giác[474], bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 140

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

---o0o---

KINH 141

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng lại có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

---o0o---

KINH 142. NGÃ NGÃ SỞ[475]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử[476] chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử đã khởi, thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ hoan hỷ vâng lời thực hành."

(...) chi tiết như kinh trên (kinh 139), cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 143 VÀ KINH 144

Hai kinh này dạy cũng như kinh trên (*kinh 139*).

---o0o---

KINH 145. HỮU LẬU CHƯỚNG NGẠI[477]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì sanh khởi; hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não, đã sanh khởi thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 146. TAM THỌ [478]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba thọ chuyển hiện ở thế gian?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...).”

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 147. TAM KHỔ [479]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba khổ chuyển hiện ở thế gian?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...).”

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 148. THẾ BÁT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho tám thế pháp[480] chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 149. NGÃ THẮNG[481]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta hơn, ta bằng, ta kém?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 150. THA THẮNG[482]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Cóù người hơn ta, có người bằng ta, có người thua ta?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 151. VÔ THẮNG[483]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có người hơn ta, không có người ngang ta, không có người thua ta?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 152. HỮU NGÃ[484]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có ta, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng không biến đổi, an trụ như vậy?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 153. BẤT NHỊ[485]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Như vậy, ta và cái kia[486], tất cả không phải hai, không phải khác, bất diệt?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 154. VÔ QUẢ[487]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có

bố thí[488], không hội tế[489], không có chú thuyết[490], không có nghiệp báo đường lành, đường ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh, không có thế gian, trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hành, chánh hướng[491] để đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[492]?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 155. VÔ LỰC[493]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có lực, không có tinh tấn, không có lực tinh tấn, không có phương tiện của con người, không tinh cần của con người, không có phương tiện tinh cần của con người, không có tự mình làm, không có người khác làm, không có tự mình và người khác làm; hết thảy con người, hết thảy chúng sanh, hết thảy thần, đều vô phương tiện, bất lực, vô thế, vô tinh tấn, không khả năng, định phận, tương tục, chuyển biến, chịu khổ vui trong sáu đường[494]?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 156. TỬ HẬU ĐOẠN HOẠI[495]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy[496]: 'Những chúng sanh sống trong đời này, sau khi chết đoạn hoại không còn gì. Con người do bốn đại hòa hợp, sau khi thân hoại mạng chung, thì đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió, thành người thứ năm nằm trên cáng, còn bốn người kia khiêng thây người chết đưa đến bãi tha ma, cho đến khi chưa thiêu đốt thì có thể nhận biết, nhưng khi đã thiêu đốt rồi thì xương cốt trắng tinh như màu chim bồ câu. Người kiêu mạn biết bố thí, người có một chút trí tuệ biết nhận lãnh: ai nói có sự việc ấy thì tất cả những gì họ nói ra đó chỉ là những lời nói dối không thật[497]; hoặc dù ngu hay trí mà sau khi chết qua đời khác, thì tất cả đều đoạn hoại không còn gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 157. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (1)[498]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên[499]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 158. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (2)[500]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[501]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 159. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (3)[502]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh không tri không kiến, không nhân, không duyên'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 160. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (4)[503]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 161. THẤT THÂN[504]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có bảy thân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết. Những gì là bảy? Đó là: thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, khổ, lạc, mạng. Bảy loại thân này chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết, không chuyển, không biến, không bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui; hoặc người bị bêu đầu, hoặc người chém đầu, cũng không bức bách thế gian; hoặc

mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, chịu đựng đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở đây không giết, không người giết; không trói buộc, không người trói buộc; không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ; không dạy dỗ, không người dạy dỗ[505]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 162. TÁC GIÁO[506]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Làm, bảo làm, đoạn mạng, bảo đoạn mạng, nấu, bảo nấu; giết, bảo giết, sát hại chúng sanh; trộm của người; hành tà dâm; biết mà nói dối; uống rượu; khoét tường, bẻ khóa, cướp đoạt; đón đường, phá làng xóm, hại thành ấp, dùng kiếm cực bén chém, chặt, cắt chất thành đống thịt lớn; học tập như vậy, làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên ác, cũng chẳng phải chiêu mời quả báo ác. Đi về phía Nam sông Hằng, sát hại. Đi đến phía Bắc sông Hằng mở đại hội cúng tế; làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên phước hay là ác và cũng chẳng phải là chiêu mời quả báo phước hay là ác; bố thí, tự chế ngự, hộ trì, hành lợi, đồng lợi, những việc làm ở đây cũng chẳng phải là làm phước[507]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 163. SANH TỬ ĐỊNH LƯỢNG[508]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ở đây có mười bốn trăm ngàn cửa sanh[509], sáu mươi ngàn, sáu trăm[510]; có năm nghiệp[511], ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp; sáu mươi hai đạo tích[512], sáu mươi hai nội kiếp[513], một trăm hai mươi Nê-lê[514], một trăm ba mươi căn[515], ba mươi sáu tham giới[516], bốn mươi chín ngàn loại rồng, bốn mươi chín ngàn loại kim sí điểu, bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo tà mạng[517], bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo xuất gia, bảy kiếp tưởng, bảy kiếp vô tưởng[518], bảy A-tu-la, bảy Tỳ-xá-giá, bảy trời, bảy người, bảy trăm biển[519], bảy mộng, bảy trăm mộng, bảy vực thẳm, bảy trăm vực thẳm, bảy giác, bảy trăm giác, sáu sanh[520], mười tăng tiến, tám đại sĩ địa. Ở trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp này, hoặc ngu si, hoặc trí tuệ, qua lại từng trải, rồi mới cùng tận mé khổ[521]. Ở đó không có Sa-môn, Bà-la-môn có thể nói như vầy: 'Tôi luôn luôn giữ giới, nhận các khổ hạnh, tu các phạm hạnh; để nghiệp chưa chín mùi khiến được chín mùi, nghiệp đã chín mùi rồi thì buông bỏ.' Tiến thoái, không thể biết. Ở đây, khổ và lạc là thường trụ, sống và chết có giới hạn nhất định. Giống như ống chỉ, ném vào giữa hư không từ từ rơi xuống dần, cho tới đất rồi dừng lại; việc sống chết có giới hạn nhất định, trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp cũng như vậy[522].'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 164. PHONG[523]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Gió không thổi, lửa không cháy, nước không chảy, tên không bắn, mang thai không sanh, sữa không vắt, mặt trời mặt trăng mọc mà như lặn[524], hoặc sáng hoặc tối, không thể biết'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 165. ĐẠI PHẠM[525]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Đại Phạm này là đấng tự tại, đấng sáng tạo, là cha của chúng sanh?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 166. SẮC THỊ NGÃ (1)[526]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: ‘Sắc là ngã[527], ngoài ra chỉ là hư danh; không sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; sắc phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên và vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ không lạc ngoài ra chỉ là hư danh’?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)”

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 167. SẮC THỊ NGÃ (2)[528]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: ‘Sắc là ngã[529], ngoài ra chỉ là vọng tưởng; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ-không lạc ngoài ra chỉ là hư danh’?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)”

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 168. THẾ GIAN THƯỜNG[530]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian là thường; thế gian là vô thường; thế gian là thường – vô thường; thế gian là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường[531]. Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là hữu biên – vô biên; thế gian là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên[532]. Mạng tức là thân, mạng khác thân khác[533]. Sau khi Như Lai mất là có, sau khi Như Lai mất là không; sau khi Như Lai mất là vừa có vừa không; sau khi Như Lai mất là vừa chẳng phải có vừa chẳng phải chăng[534]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 169. THẾ GIAN NGÃ THƯỜNG[535]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian, ngã là thường; thế gian, ngã là vô thường; thế gian, ngã là thường – vô thường; thế gian, ngã là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; ngã khổ là thường; ngã khổ là vô thường; ngã khổ là thường – vô thường; ngã khổ là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; thế gian, ngã là tự tạo; thế gian, ngã là cái khác tạo; thế gian, ngã là tự tạo và cái khác tạo; thế gian, ngãø

chẳng phải là tự tạo, chẳng phải là cái khác tạo, chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác; thế gian, ngã khổ là tự tạo; thế gian, ngã khổ là cái khác tạo; thế gian, ngã khổ vừa tự vừa cái khác tạo; thế gian, ngã khổ chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 170. NGỘ LẠC NIẾT-BÀN[536]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu không khoái lạc ngũ dục, thì sẽ Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Nếu ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có lạc phát sanh do ly dục, nhập vào Sơ thiền, cho đến, đệ Tứ thiền. Đó là đệ nhất nghĩa Bát-niết-bàn'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 171. NGÃ CHÁNH ĐOẠN[537]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu sắc bốn đại thô đoạn hoại, không còn gì, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở dục giới đoạn hoại, sau khi chết sẽ không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở sắc giới, sau khi chết không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu đạt được không nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, sau khi chết ngã bị đoạn hoại không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn hoại thật sự.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---o0o---

KINH 172. ĐƯƠNG ĐOẠN[538]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đãø đoạn trừ được pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp nào là vô thường? Sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 173. QUÁ KHỨ ĐƯƠNG ĐOẠN[539]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp quá khứ là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp quá khứ nào là

vô thường? Sắc quá khứ là pháp vô thường, dục quá khứ là pháp vô thường, nên pháp này phải đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, các kinh: Vị lai, Hiện tại, Quá khứ; Hiện tại-vị lai; Hiện tại-quá khứ; Vị lai-quá khứ; Vị lai-hiện tại; chi tiết như kinh trên.

---o0o---

KINH 174. CẦU ĐẠI SƯ (2)[540]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì muốn đoạn trừ pháp vô thường, nên phải cầu Đại sư. Sao gọi là pháp vô thường? Sắc là pháp vô thường, vì muốn đoạn trừ pháp này nên phải cầu Đại sư; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, tám kinh sau đây:

- Quá khứ,
- Vị lai,
- Hiện tại
- Hiện tại-vị lai;
- Hiện tại-quá khứ;

- Vị lai-quá khứ;
- Vị lai-hiện tại;
- Nên cầu Đại sư như thế.

Các kinh sau đây[541], mỗi kinh thêm các chi tiết như tám kinh trên:

- Chủng chủng giáo tùy thuận,
- An,
- Quảng an,
- Châu phổ an,
- Đạo (*dẫn đường*),
- Quảng đạo (*dẫn đường rộng rãi*),
- Cứu cánh đạo (*dẫn đường rốt ráo*),
- Thuyết,
- Quảng thuyết,
- Tùy thuận thuyết,
- Đệ nhị bạn,
- Chân tri thức,
- Đồng ý,
- Mẫn,
- Bi,
- Sùng nghĩa,
- Sùng an uỷ,

- Lạc,
- Sùng xúc,
- Sùng an ổn,
- Dục,
- Tinh tấn,
- Phương tiện,
- Quảng phương tiện,
- Kham năng phương tiện,
- Kiên cố,
- Cường,
- Kiện,
- Dũng mãnh,
- Thân tâm dũng mãnh,
- Nan phục nhiếp thọ,
- Thường học,
- Bất phóng dật,
- Tu,
- Tư duy,
- Niệm,
- Giác,
- Tri,

- Minh,
- Tuệ,
- Biện,
- Tư lương,
- Phạm hạnh
- Như ý,
- Chánh cần,
- Căn,
- Lực,
- Giác,
- Đạo,
- Chỉ,
- Quán,
- Niệm thân,
- Chánh ức niệm.

Như kinh “Đoạn nghĩa” các kinh sau đây cũng có nội dung như vậy:

- Tri nghĩa,
- Tận nghĩa,
- Thổ nghĩa,
- Chỉ nghĩa,
- Xả nghĩa.[542]

---o0o---

KINH 175. CỨU ĐẦU NHIÊN THÍ[543]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, thì nên cần cầu bậc Đại sư. Vì muốn đoạn trừ những pháp vô thường nào nên cần cầu bậc Đại sư? Vì muốn đoạn trừ sắc vô thường, nên cần cầu bậc Đại sư; vì muốn đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên cần cầu bậc Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Đoạn trừ vô thường," cũng vậy, các kinh sau đây[544] tương tự:

- Quá khứ vô thường,
- Vị lai vô thường,
- Hiện tại vô thường;
- Quá khứ, vị lai vô thường;
- Quá khứ hiện tại vô thường;
- Vị lai, hiện tại vô thường;

- Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường như vậy.

Như tám kinh Thí dụ cứu lửa trên đầu đã nói chi tiết như trên.

Cũng như "Cầu bậc Đại sư", các kinh "Chủng chủng giáo", "Tùy thuận giáo", chi tiết như trên đã nói[545].

Cũng ý nghĩa như "đoạn", các kinh có nghĩa "tận, thổ, chỉ, xả, diệt, một" cũng chi tiết như vậy.

---o0o---

KINH 176. THÂN QUÁN TRỤ (1)[546]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân[547]. Những gì là pháp vô thường? Sắc là vô thường. Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Cũng vậy, thọ tưởng, hành, thức là vô thường. Vì muốn đoạn trừ chúng nên hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Vô thường," cũng vậy, với nội dung tương tự:

- Sắc quá khứ là vô thường;
- Sắc vị lai;
- Sắc hiện tại;
- Sắc quá khứ, vị lai;

- Sắc quá khứ, hiện tại;
- Sắc vị lai, hiện tại;
- Sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường. Vì muốn đoạn trừ chúng, nên tùy thuận tu quán trụ nội thân trên thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Cũng như “Tùy thuận tu tập với sự quán trụ thân trên nội thân,” có các kinh[548] với nội dung tương tự:

- Quán thân trên ngoại thân,
- Quán thân trên nội ngoại thân;
- Quán thọ trên nội thọ,
- Quán thọ trên ngoại thọ,
- Quán thọ trên nội ngoại thọ;
- Quán tâm trên nội tâm,
- Quán tâm trên ngoại tâm,
- Quán tâm trên nội ngoại tâm;
- Quán pháp trên nội pháp,
- Quán pháp trên ngoại pháp,
- Quán pháp trên nội ngoại pháp.

Cũng như kinh với nghĩa “Đoạn trừ vô thường, hãy tu bốn Niệm xứ.” Cũng vậy các kinh: tri nghĩa, tận nghĩa, thổ nghĩa, chỉ nghĩa, xả nghĩa, diệt nghĩa, một nghĩa nên tùy thuận tu Tứ niệm xứ cũng dạy như trên.

---o0o---

KINH 177. THÂN QUÁN TRỤ (2)[549]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Thế nào là để đoạn trừ lửa vô thường mà tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân? Sắc là vô thường, vì muốn đoạn trừ nó, nên phải tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, vì muốn đoạn trừ chúng, nên tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân.”

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, như quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường như vậy. Như tám kinh quán trụ thân trên nội thân, thì tám kinh quán thân trên ngoại thân, tám kinh quán thân trên nội ngoại thân như đã thuyết ở trên.

Như hai mươi bốn kinh nói về thân niệm xứ, hai mươi bốn kinh nói về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng thuyết như trên vậy. Như chín mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, thì chín mươi kinh nói về nên hiểu biết (tri), nên nhàm chán (thổ), nên dứt trừ (tận), nên dừng nghỉ (chỉ), nên buông xả (xả), nên diệt tận (diệt), nên bặt dứt (một) cũng thuyết như trên vậy.

---o0o---

KINH 178. ĐOẠN ÁC BẤT THIỆN PHÁP[550]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng. Vì để đoạn trừ những pháp vô thường nào, đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng? Vì để đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng."

Chi tiết như kinh trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh vô thường, quá khứ là vô thường; vị lai là vô thường; hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lại, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như pháp ác bất thiện đã sanh ra cần được đoạn trừ. Pháp ác bất thiện chưa sanh sẽ khiến không sanh. Pháp thiện chưa sanh sẽ khiến sanh ra và nếu đã sanh rồi, thì sẽ khiến tăng trưởng rộng, khởi lên ý muốn tìm cách nhiếp tâm làm tăng trưởng, trong tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng nói đầy đủ như trên vậy.

---o0o---

KINH 179. DỤC ĐỊNH[551]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc[552]. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc."

Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy. Như ba mươi hai kinh nói về nên đoạn trừ, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[553]

---o0o---

KINH 180. TÍN CĂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín căn. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên tu tín căn.”

Nói chi tiết như vậy (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cũng dạy như trên.

Như tám kinh nói về tín căn, thì tám kinh nói về tu tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh nói về nên đoạn trừ, bốn mươi kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.

---o0o---

KINH 181. TÍN LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín lực. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu tín lực? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu tín lực; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu tín lực."

Nói chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như kinh dạy về tín lực, tám kinh dạy về tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh dạy về đoạn trừ, trong mỗi một kinh của bốn mươi kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[554]

---o0o---

KINH 182. NIỆM GIÁC PHẦN[555]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu niệm giác phần. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu niệm giác phần? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu niệm giác phần, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu niệm giác phần."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về niệm giác phần, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, xả giác phần, định giác phần cũng thuyết như trên vậy.

Như năm mươi sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của năm mươi sáu kinh thuyết về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[556]

---o0o---

KINH 183. CHÁNH KIẾN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chánh kiến. Vậy để đoạn trừ những thứ lửa vô thường nào phải tu

chánh kiến? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chánh kiến; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chánh kiến.”

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về chánh kiến, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng dạy như trên.

Như sáu mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của sáu mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[557]

---o0o---

KINH 184. KHỔ TẬP TẬN ĐẠO

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu Khổ-Tập-Tận-Đạo? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh dạy về Khổ-Tập-Tận-Đạo, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về khổ tận đạo lạc, phi tận đạo lạc tận đạo cũng thuyết như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh dạy về nên đoạn trừ, thì trong mỗi một kinh của ba mươi hai kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[558]

---o0o---

KINH 185. VÔ THAM PHÁP CÚ[559]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu pháp cú không tham. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu pháp cú không tham? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu pháp cú vô tham; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu pháp cú vô tham."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về nên tu pháp cú không tham, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về pháp cú chánh cú, các cú không nhuế, không si cũng thuyết như trên vậy.

Như hai mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của hai mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[560]

---o0o---

KINH 186. CHỈ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

'Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chỉ. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu chỉ? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chỉ; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chỉ."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường;

vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về tu chỉ, tám kinh dạy về tu quán cũng dạy như trên vậy.

Như mười sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của mười sáu kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, phải biết như thật và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử phải chánh quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Khi đã nhàm chán rồi thì sẽ không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."[561]

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như kinh dạy về vô thường, cũng vậy đối với dao động, chuyển xoay (toàn chuyển), lao hạch, phá hoại, bệnh dật dờ, hủ bại, nguy đốn, không thường, không an, biến đổi, khổ não, tai hoạn, ma tà, ma thế, ma khí, như bọt nước, như bong bóng, như cây chuối, như huyễn; yếu kém, tham đắm, đánh giết, đao kiếm, ganh ghét, tàn sát nhau, tổn giảm, hao suy, trói buộc, đánh đập, ghẻ chóc, ung nhọt, gai nhọn, phiền não, trách phạt, che giấu, chỗ tai hại, buồn rầu, ác tri thức; khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã, oan gia, xích trôi, chẳng phải nghĩa, chẳng phải an ủi, nhiệt não, không bóng mát, không hòn đảo, không che, không nương tựa, không bảo vệ; pháp sanh, pháp già, pháp bệnh, pháp chết, pháp ưu bi, pháp khổ não, pháp không sức, pháp yếu kém, pháp không thể muốn, pháp dụ dẫn, pháp nuôi dưỡng, có pháp khổ, pháp có giết, pháp có não, pháp có nhiệt, pháp có tướng, pháp có thối, pháp có giữ, pháp thâm hiểm, pháp khó khăn, pháp bất

chánh, pháp hung bạo, pháp có tham, pháp có nhuế (sân), pháp có si, pháp không trụ, pháp đốt cháy, pháp chướng ngại, pháp tai ương, pháp tập hợp, pháp tiêu diệt, pháp đống xương, pháp cục thịt, pháp cầm đuốc, pháp hầm lửa, như rắn độc, như mộng, như đồ vay mượn, như trái cây, như kẻ mổ trâu (đồ tể), như kẻ giết người, như sương dính, như nước sâu, như dòng chảy siết, như sợi dệt, như bánh xe đạp nước, như gậy sào, như bình độc, như thân độc, như hoa độc, như trái độc, phiền não xung động cũng như vậy.

Cho đến: đoạn trừ quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, phải tu chỉ quán. Vậy muốn đoạn trừ những pháp nào trong quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cho đến dứt bặt, để phải tu chỉ quán? Vì muốn đoạn trừ sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, cho đến khi dứt bặt nên tu chỉ quán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau phải biết như thật. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử phải quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên sẽ không thích, vì đã không thích nên sẽ được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 187. THAM DỤC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì thành tựu một pháp, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Một pháp được thành tựu là pháp nào? Tham dục, một pháp được thành tựu, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

"Thành tựu một pháp gì[562]? Đó là thành tựu pháp không tham dục. Pháp không tham dục, có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thành tựu và không thành tựu, đối với biết và không biết, gần và không gần, sáng và không sáng, hiểu và không hiểu, quan sát và không quan sát, suy lường và không suy lường, che giấu và không che giấu, gieo trồng và không gieo trồng, đè nén và không đè nén, che mờ và không che mờ lại cũng như vậy. Biết (tri) như vậy, thức như vậy, hiểu rõ (giải) như vậy, chấp nhận (cho), mong cầu, biện biệt, tiếp xúc, nhận thật lại cũng như vậy.

Như tham, đối với nhuế, si, sân, hận, mắng chưởi, chấp chặt, ganh ghét, keo kiệt, lừa dối, không hổ, không thẹn, mạn, mạn mạn, tăng mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, tà mạn, ty mạn, kiêu mạn, buông lung, kiêu căng, cống cao, quanh co, hình thức dối trá, dụ lợi, ác lợi, muốn nhiều, muốn thường không cung kính, miệng ác, tri thức ác, không nhẫn, tham đắm, hạ tham, ác tham; thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, dục ái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi, hôn túy, quanh quẹo, mạnh bạo, lười biếng, loạn tưởng, nhớ nghĩ không đúng, thân nhơ, không ngay thẳng, không dịu dàng, không khác; tầm cầu dục (dục giác), tầm cầu sân (sân giác), tầm cầu hại, tầm cầu thân thuộc, tầm cầu bờ cõi, tầm cầu nhẹ dễ, tầm cầu yêu nhà người, sầu ưu, não

khổ. Đối với những thứ này tất cả cho đến: "bị che mờ, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì khổ não che mờ nên không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Có một pháp không che mờ, nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì pháp này không che mờ nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và cũng có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 08

KINH 188. LY HỶ THAM[563]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Quán sát như vậy gọi là chánh kiến. Do chánh quán nên sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát[564]. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Tâm chánh giải thoát rồi, thì có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như kinh nói về "vô thường", cũng vậy, nói về "khổ, không, chẳng phải ngã".

---o0o---

KINH 189. LY DỤC THAM[565]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt, hãy tư duy chân chánh[566], quán sát là vô thường. Vì sao? Đối với mắt mà tư duy chân chánh, quán sát là vô thường thì ở nơi mắt dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do tư duy chân chánh, quán sát, nên dục tham được đoạn trừ. Do dục tham đã được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người nào được tâm chánh giải thoát thì có thể ký thuyết: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 190. TRI (1)[567]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[568], thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể chân chánh diệt tận khổ.

Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 191. TRI (2)[569]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[570], thì không thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

---o0o---

KINH 192. BẤT LY DỤC (1)[571]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 193. BẤT LY DỤC (2)[572]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt và sắc mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt và sắc nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 194. SANH HỶ[573]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai ở nơi mắt mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sanh hỷ[574]. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sẽ sanh hỷ. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với mắt mà không sanh hỷ, thì đối với khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không sanh hỷ, thì đối với

khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 195. VÔ THƯỜNG (1)[575]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tất cả đều vô thường. Thế nào là tất cả đều vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy thì đối với mắt sẽ sanh nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, đối với chúng cũng sanh nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và thanh, hương, vị, xúc, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, đối với tất cả chúng cũng sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không ái lạc, do không ái lạc nên được giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như kinh nói về “vô thường,” các kinh nói về “khổ, không, phi ngã” cũng nói như trên vậy.

---o0o---

KINH 196. VÔ THƯỜNG (2)[576]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả đều là vô thường[577]. Cái gì là tất cả? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc[578] và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc[579], tất cả chúng đều là vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, thì chúng cũng vô thường.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với mắt được giải thoát. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, cũng được giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng được giải thoát. Ta nói, người này giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói "Tất cả là vô thường", cũng vậy, các kinh nói:

- Tất cả là khổ.[580]
- Tất cả là không.[581]
- Tất cả chẳng phải ngã.[582]
- Tất cả là pháp nghiệp hư dối.[583]
- Tất cả là pháp phá hoại.[584]
- Tất cả pháp sanh.[585]
- Tất cả pháp già.[586]

- Tất cả pháp bệnh.[587]
- Tất cả pháp chết.[588]
- Tất cả pháp sầu lo.[589]
- Tất cả pháp phiền não.[590]
- Tất cả pháp tập khởi.[591]
- Tất cả pháp diệt tận.[592]
- Tất cả pháp biết.[593]
- Tất cả pháp phân biệt.[594]
- Tất cả pháp dứt trừ.[595]
- Tất cả pháp giác.[596]
- Tất cả pháp chứng.[597]
- Tất cả ma.
- Tất cả thế lực ma.
- Tất cả khí cụ ma.
- Tất cả đang cháy.
- Tất cả cháy bùng.
- Tất cả thiêu cháy.

Cũng đều nói chi tiết như hai kinh trên như vậy.

---o0o---

KINH 197. THỊ HIỆN[598]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong Chi-đề Thị-lợi-sa, tại Già-xà[599], cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo mà trước kia là những Bà-la-môn bện tóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì một ngàn vị Tỳ-kheo thị hiện ba sự giáo hóa[600]. Những gì là ba? Đó là, thị hiện thần túc biến hóa, thị hiện tha tâm, thị hiện giáo giới.

Thị hiện thần túc là, Đức Thế Tôn tùy theo sự thích hợpï mà thị hiện nhập thiền định chánh thọ[601]; vượt qua hư không đến phương Đông hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; vào hỏa tam-muội[602], rồi cho ra ánh lửa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê; cả nước, lửa đều hiện; hoặc dưới thân ra lửa, trên thân ra nước, hoặc trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, bốn phía chung quanh lại cũng như vậy. Thế Tôn sau khi thị hiện thần biến rồi, trở lại ngồi giữa đại chúng, đó gọi là thị hiện thần túc.

Thị hiện tha tâm là, như tâm người kia, tự thân an trú và chứng nghiệm, biết rằng ý của người kia như vậy, thức của người kia như vậy, người kia đang nghĩ như vậy, hay không đang nghĩ như vậy, đang xả như vậy. Đó gọi là thị hiện tha tâm.

Thị hiện giáo giới là, như Thế Tôn nói: 'Này các Tỳ-kheo, tất cả bị thiêu đốt[603]. Thế nào tất cả bị thiêu đốt? Mắt bị thiêu đốt. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả đều bị thiêu đốt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bị thiêu đốt; pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc tất cả cũng bị thiêu đốt. Bị cái gì thiêu đốt? Bị lửa tham thiêu đốt, lửa nhuế thiêu đốt, lửa si thiêu đốt, lửa sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thiêu đốt."

Bấy giờ, một ngàn vị Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, không còn khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 198. LA-HẦU-LA (1)[604]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân của con[605] cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử[606]?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Lành thay, La-hầu-la! Ông đã có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa này."

Phật bảo La-hầu-la tiếp:

"Mắt hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau, hãy biết như thật như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy thì nơi nội thức thân của ta cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử.

"Này La-hầu-la, như vậy, ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử không sanh, thì này La-hầu-la, đó gọi là đoạn trừ kiến chấp ái trược, đắc chánh vô gián đẳng[607], cứu cánh biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Cũng như nói về "nội nhập xứ," cũng vậy, "ngoại nhập xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức; nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; thọ phát sanh bởi nhãn xúc, thọ phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; tưởng phát sanh bởi nhãn xúc, tưởng phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý xúc; tư phát sanh bởi nhãn xúc, tư phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; ái phát sanh bởi nhãn xúc, ái phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc" đều nói như trên.[608]

---o0o---

KINH 199. LA-HẦU-LA (2)[609]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân này cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin vì các Tỳ-kheo mà dạy đầy đủ nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Những gì thuộc về mắt, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, hãy quán sát chân chánh như vậy.

"Này La-hầu-la, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy, nơi nội thức thân này cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử."

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy vượt cả hai[610], xa lìa các tướng, tịch diệt, giải thoát.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đoạn trừ các ái dục, chuyển kết sử, cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Cũng như nói về “nội nhập,” cũng vậy, “ngoại nhập,” cho đến “ái[611] phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc,” cũng nói chi tiết như vậy.

---o0o---

KINH 200. LA-HẦU-LA (3)[612]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp, một mình con ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, không buông lung. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử[613] cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu trì phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được[614], nên hỏi La-hầu-la:

“Ngươi đã từng truyền dạy năm thọ ấm cho người chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Ngươi nên vì người khác mà diễn nói năm thọ ấm.”

Khi La-hầu-la nghe lời dạy của Phật rồi, sau đó vì người khác diễn nói về năm thọ ấm. Nói xong trở lại chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn con đã vì người khác nói về năm thọ ấm rồi, xin Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong rồi sẽ ở một mình chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung và… cho đến ‘tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại xét thấy tâm của La-hầu-la Tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

“Ngươi đã vì người khác nói về sáu nhập xứ chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Ngươi nên vì người khác diễn nói về sáu nhập xứ.”

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại diễn nói sáu nhập xứ cho người khác nghe. Sau khi nói sáu nhập xứ xong, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã vì người khác mà diễn nói sáu nhập xứ rồi. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, … cho đến ‘tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

“Ngươi đã vì người khác nói pháp Ni-đà-na[615] chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Ngươi nên vì người khác mà diễn nói pháp Ni-đà-na đi.”

Rồi, vào môt lúc khác, La-hầu-la lại vì người khác nói đầy đủ pháp Ni-đà-na xong, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn vì con mà nói pháp, sau khi con nghe pháp xong, sẽ ở một mình nơi chỗ vắng chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, … cho đến ‘tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần thục, … cho đến bảo La-hầu-la:

“Ngươi nên đối với những pháp đã nói ở trên, ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh suy nghĩ, mà quán sát nghĩa lý của chúng.”

Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, như pháp đã nói, như pháp đã được nghe, suy nghĩ cân nhắc, quán sát nghĩa lý của chúng, tự nghĩ: “Các pháp này, tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ[616] Niết-bàn.

Rồi, một lúc khác, La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đối với pháp đã được nói, pháp con đã được nghe như trên, con đã ở một mình nơi vắng vẻ, tư duy cân nhắc và quán sát nghĩa lý của chúng, thì biết những pháp này tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát đã được thuần thục, có thể nhận lãnh được pháp tăng thượng, nên bảo La-hầu-la[617]:

“Tất cả đều vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc v.v… đều vô thường (c*hi tiết như các kinh trước*).”

Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi La-hầu-la đã vâng theo lời Phật dạy rồi, một mình ở nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tinh tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, chuyên tu phạm hạnh cho đến… ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 201. LẬU TẬN[618]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"[619]

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Hãy quán sát chân chánh về vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hãy quán sát là vô thường. Pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, tất cả chúng cũng đều là vô thường. Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy thì để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Khi Tỳ-kheo kia đã nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

Như kinh Đức Phật đã dạy cho Tỳ-kheo trên, nhưng có điểm sai biệt ở chỗ:

- Biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt dứt sạch các kết sử[620],
- Đoạn trừ tất cả những hệ phược[621],
- Đoạn trừ tất cả những sử[622],
- Đoạn trừ tất cả những tùy phiền não[623],
- Đoạn trừ tất cả những kết[624],
- Đoạn trừ những lưu[625],
- Đoạn trừ những ách[626],
- Đoạn trừ những thủ[627],
- Đoạn trừ những xúc,
- Những ngăn che (cái) được đoạn trừ,
- Đoạn trừ các triền phược,
- Đoạn trừ những cấu uế,
- Đoạn trừ những ái,
- Đoạn trừ những ý,
- Đoạn trừ những tà kiến, sanh chánh kiến,
- Đoạn trừ vô minh sanh minh. (…)

"Này Tỳ-kheo, quán sát mắt là vô thường như vậy, cho đến… biết như vậy, thấy như vậy lần lượt vô minh được đoạn trừ để sanh ra minh."

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy rồi vui mừng, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 202. NGÃ KIẾN ĐOẠN[628]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo kia:

"Đối với mắt mà chánh quán vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã. Cũng vậy, cho đến, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã.

"Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh. Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 203. NĂNG ĐOẠN NHẤT PHÁP[629]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[630] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh trí[631] và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Cúi xin diễn nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng theo lời chỉ dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là đoạn trừ một pháp cho đến… không còn tái sanh đời sau nữa? Đó là vô minh, ly dục, minh phát sanh, đạt được chánh trí và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để vô minh ly dục, minh phát sanh?"[632]

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 204. NHƯ THẬT TRI KIẾN[633]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[634] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Đối với mắt, hãy biết như thật, thấy như thật. Hoặc sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy biết như thật, thấy như thật. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Khi đã biết như thật về chúng, đã thấy như thật về chúng rồi, đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, cũng sanh ra nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Do nhàm tởm mà không ái lạc. Do

không ái lạc mà được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 205. ƯU-ĐÀ-NA[635]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[636] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói những bài kệ Ưu-đà-na rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Mắt là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân[637]; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc; chúng cũng vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, đối với mắt sẽ được giải thoát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc cũng được giải thoát. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng sẽ được giải thoát. Ta bảo người này sẽ giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 206. NHƯ THẬT TRI[638]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[639]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy chuyên cần phương tiện thiền tư[640] để được nội tâm tịch tĩnh.Vì sao? Này các Tỳ-kheo, do phương tiện thiền tư, được nội tâm tịch tĩnh, nên tri kiến như thật, như vậy được hiển hiện[641]. Hiển hiện như thật tri về cái gì? Hiển hiện như thật tri đối với mắt. Hiển hiện như thật tri đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Các pháp này là vô thường, hữu vi cũng được hiển hiện như thật tri như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 207. TAM-MA-ĐỀ[642]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[643]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ. Vì sao? Vì do tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ mà được như thật hiển hiện[644]. Như thật hiển hiện cái gì? Như thật hiển hiện đối với mắt.”

Chi tiết như trên... cho đến:

“Các pháp này là vô thường, hữu vi, cũng được hiển hiện như thật như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 208. VÔ THƯỜNG[645]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[646]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, huống chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, sẽ không hoài niệm mắt quá khứ, không ham cầu mắt vị lai và đối với mắt hiện tại thì nhàm tởm, không ham muốn, ly dục, hướng đến chán bỏ[647]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như vô thường, đối với khổ, không, vô ngã cũng thuyết như vậy[648].

Như bốn kinh nội nhập xứ, thì bốn kinh ngoại nhập xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và bốn kinh nội ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy[649].

---o0o---

KINH 209. LỤC XÚC NHẬP XỨ[650]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[651]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu xúc nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly, thì biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này cách xa pháp, luật của Ta như trời và đất."

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Con có đầy đủ tri kiến như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của sáu nhập xứ này."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bây giờ, Ta hỏi ngươi, hãy theo câu hỏi của Ta mà trả lời. Này Tỳ-kheo, ngươi có thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào thấy, biết như thật, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm sẽ không nhiễm đắm, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã đoạn trừ cội gốc của nó như chặt ngọn cây đa-la, đối với pháp vị lai, nhãn thức và sắc vĩnh viễn không khởi lên lại.

"Ngươi có thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào biết, thấy như thật như vậy, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm không đắm nhiễm, tâm đạt được giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ, đã đoạn trừ được, đã biết rõ, đã đoạn trừ được cội gốc này như chặt ngọn cây đa-la, ý thức và pháp sẽ không còn sanh trở lại ở đời vị lai nữa."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 210. ĐỊA NGỤC[652]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[653]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ lạc, chớ khổ[654]. Vì sao? Có địa ngục gọi là Sáu xúc nhập xứ[655]. Chúng sanh sanh ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy sắc không đáng ưa, chứ không thấy sắc đáng ưa; chỉ thấy sắc không đáng tưởng nhớ, chứ không thấy sắc đáng được tưởng nhớ; chỉ thấy sắc không lành, chứ không thấy sắc lành. Vì những nhân duyên này nên chỉ một mực nhận lãnh buồn khổ mà thôi. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối pháp cũng chỉ thấy không đáng yêu, chứ không thấy đáng yêu; chỉ thấy việc không đáng nhớ, chứ không thấy đáng nhớ; chỉ thấy pháp không lành, chứ không thấy pháp lành. Vì những nguyên nhân này nên luôn luôn phải chịu buồn khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có cõi trời gọi là Sáu xúc nhập xứ[656]. Chúng sanh sanh vào nơi này, mắt chỉ thấy sắc đáng yêu, chứ không thấy sắc không đáng yêu; chỉ thấy sắc đáng nhớ, chứ không thấy sắc không đáng nhớ; chỉ thấy sắc lành, chứ không thấy sắc không lành. Vì những nguyên nhân này, nên luôn luôn chỉ cảm nhận vui thích mà thôi. Và tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối với pháp là đáng yêu, chứ không phải không đáng yêu; là đáng nhớ, chứ không phải không đáng nhớ; là lành, chứ không phải là không lành.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 211. THẾ GIAN NGŨ DỤC[657]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[658]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Xưa kia, khi Ta chưa thành Chánh giác, ở một mình nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tự tâm phần nhiều hướng đến nơi nào? Tự tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, phần ít chạy theo năm công đức của dục hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Khi Ta quán sát thấy tâm phần nhiều chạy theo năm dục quá khứ, bèn nỗ lực tìm phương

tiện, tinh cần tự giữ gìn, không để chạy theo năm công đức của dục quá khứ nữa.

“Do tinh cần tự giữ, nên Ta dần dần tiếp cận được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[659].

“Này các Tỳ-kheo, các ông cũng phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, còn đối với hiện tại, vị lai thì lại cũng rất ít. Hiện tại, các ông cũng nên vì tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ đó, tăng cường tự phòng hộ, không bao lâu cũng sẽ chứng đắc lậu tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Vì sao? Vì mắt thấy sắc làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với pháp làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với những nhập xứ này cần phải giác tri[660], khi mắt kia diệt, sắc tưởng sẽ lìa[661]; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.”

Phật nói cần phải nhận biết sáu nhập xứ rồi, liền vào thất tọa thiền.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo, sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, bàn luận như vầy:

“Thế Tôn đã vì chúng ta nói gọn pháp yếu, nhưng không phân tích đầy đủ mà đã vào thất tọa thiền. Thế Tôn bảo rằng: ‘Sáu nhập xứ cần phải giác tri; khi mắt kia diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.’

“Hiện tại, đối với pháp do Đức Thế Tôn đã nói gọn, chúng ta vẫn còn chưa hiểu. Nay ở trong chúng này, ai là người có trí tuệ có thể vì chúng ta, đối với pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó, mà vì chúng ta diễn nói đầy đủ nghĩa của nó?

“Họ lại nghĩ: ‘Chỉ có Tôn giả A-nan, luôn luôn hầu Đức Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thể vì chúng ta diễn nói lại nghĩa pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó. Nay, chúng ta cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi về ý nghĩa quan trọng của chúng và theo những gì Tôn giả A-nan nói tất cả chúng ta sẽ phụng hành.’”

Bấy giờ, số đông chúng Tỳ-kheo, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Tôn giả, nên biết cho, Đức Thế Tôn vì chúng tôi đã nói gọn pháp yếu, (*chi tiết như đã nói ở trên*), xin Tôn giả vì chúng tôi nói đầy đủ nghĩa của chúng."

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói về pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn một cách đầy đủ nghĩa của chúng. Đức Thế Tôn đã nói tóm gọn chỉ cho việc diệt sáu nhập xứ, còn những điều khác sẽ nói là nhãn xứ diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt, thì pháp tưởng sẽ lìa. Đức Thế Tôn nói gọn pháp này xong vào thất thiền định. Nay tôi đã vì các ông phân tích nghĩa này."

Tôn giả A-nan nói nghĩa này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 212. BẤT PHÓNG DẬT[662]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung[663], cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

"Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu[664], tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì các hàng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

"Vì những hạng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hàng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hàng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành

không buông lung. Vì sao? Vì hàng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Vì sao? Vị kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lường, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 213. PHÁP[665]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông diễn nói hai pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Hai pháp đó là gì? Nhãn và sắc là hai: tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp.

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Đây chẳng phải là hai. Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói, đó thật sự không phải là hai[666].' Người kia nói hai pháp theo ý của mình, đấy chỉ có trên ngôn thuyết; khi hỏi đến thì sẽ không biết, khiến sẽ tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên vào mắt và sắc sanh ra nhãn thức, cả ba hòa hợp duyên lại thành xúc, duyên vào xúc sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu không biết như thật về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly cảm thọ này, thì sẽ gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ gieo trồng giới thủ về

thân xúc, sẽ gieo trồng ngã kiến nơi thân xúc; cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các ác pháp bất thiện. Thuần một tụ khổ lớn như vậy, đều từ sự tập khởi mà sanh ra. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức. Cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc, *nói chi tiết như trên*.

"Lại nữa, khi nhãn duyên vào sắc sanh ra nhãn thức, cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc và xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Khi đã biết về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly của cảm thọ như vậy rồi, thì sẽ không gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng giới thủ nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng ngã kiến về thân xúc, sẽ không gieo trồng các pháp ác bất thiện. Như vậy các pháp ác bất thiện sẽ bị tiêu diệt và thuần một tụ khổ lớn cũng bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 214. NHỊ PHÁP[667]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có hai nhân duyên sanh ra thức. Những gì là hai? Đó là: mắt và sắc; tai và mũi; lưỡi và vị; thân và xúc; ý và pháp. Nói chi tiết như trên, cho đến… chẳng phải là cảnh giới của thọ.

"Vì sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức, chúng là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh; ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc rồi sanh cảm thọ, cảm thọ rồi sanh tư, tư rồi sanh tưởng. Tất cả những pháp này là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh, tức là: xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 215. PHÚ-LƯU-NA[668]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ[669]. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?

Phật bảo Phú-lưu-na:

"Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Này Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri[670] sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy[671].

"Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 216. ĐẠI HẢI[672]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Biển lớn này chỉ là một ít nước thôi. Biển mà Thánh nói là cái gì? Đó là, sắc được nhận thức bởi mắt, đáng mong muốn, đáng yêu thích, chìm đắm tham lạc liên hệ nghiệp thân, khẩu, ý[673]; đó gọi là biển. Tất cả thế gian bao gồm chúng A-tu-la, cho đến trời, người tham lạc chìm đắm trong đó. Như trong ruột chó, như đống cỏ loạn[674]; đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy. Đối với tiếng được nhận thức bởi tai, mùi được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như nói về nghiệp thân, miệng, ý; tham, nhuế, si, già, bệnh, chết cũng nói chi tiết như vậy.

Giống như ba kinh nói về năm căn, ba kinh nói về sáu căn cũng như vậy.

---o0o---

KINH 217. ĐẠI HẢI (2)[675]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Bậc Thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả[676]. Nếu người nào chịu nổi sắc ba đào, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chúng là biển cả của con người, âm thanh, mùi hương, vị, xúc chạm và pháp là sóng cả. Nếu ai kham chịu nổi pháp ba đào này, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Biển cả sóng cuồn cuộn,

Quỷ, ác trùng, ghê sợ.

Khó vượt nhưng vượt được;

Vĩnh viễn đoạn tập khởi,

Dứt trừ tất cả khổ,

Không tái sanh đời khác.

Vĩnh viễn trụ Niết-bàn,

Không còn buông lung nữa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 218. KHỔ TẬP DIỆT[677]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về con đường dẫn đến tập khởi của khổ và con đường dẫn đến diệt tận khổ[678]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là con đường dẫn đến tập khởi khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc; xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Khổ tập khởi như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường tập khởi của khổ.

“Thế nào là con đường dẫn đến diệt tận khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt luôn, thuần một tụ khổ lớn như vậy bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 219. NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH[679]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến Niết-bàn[680]. Vậy, thế nào là con đường đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt là vô thường. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; chúng cũng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 220. TỢ THÚ NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH[681]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn. Vậy, thế nào là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt chẳng phải ngã. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng cũng được quán sát là vô thường[682]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 221. THỦ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường đưa đến tất cả thủ. Vậy, thế nào là con đường đưa đến tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, vì được chấp thủ bởi thủ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng vậy, vì được chấp thủ bởi thủ. Đó gọi là con đường đưa đến tất cả thủ.

"Thế nào là con đường đoạn tận tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 222. TRI THỨC[683]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên biết tất cả pháp được liễu tri, tất cả pháp được nhận thức[684]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Thế nào là tất cả pháp được liễu tri? Tất cả pháp được nhận thức? Này các Tỳ-kheo, mắt là pháp được liễu tri, được nhận thức. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là pháp được liễu tri, được nhận thức. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 223. ĐOẠN (1)[685]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Thế nào là không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói, đối với mắt không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, Ta không nói không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 224. ĐOẠN (2)[686]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ[687]. Vậy, thế nào là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ? Mắt là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 225. ĐOẠN (3)[688]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Vậy, thế nào là không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói mắt không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng, Ta không nói, không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 226. KẾ (1)[689]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về sự đoạn trừ tất cả kế chấp[690]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là không kế chấp? Không chấp sắc thấy là ngã, không chấp mắt là ngã sở, không chấp lệ thuộc vào nhau. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng không mê chấp lạc là ngã, là ngã sở, không chấp là tương thuộc[691]. Không chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Người nào không chấp như vậy, đối với các pháp thế gian thường không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 227. KẾ (2)[692]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Kế chấp là bệnh, kế chấp là ung nhọt, kế chấp là gai nhọn[693]. Như Lai vì không trụ kế chấp nên xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Cho nên này các Tỳ-kheo, nếu muốn cầu không trụ kế chấp, để xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn, thì Tỳ-kheo các ông chớ kế chấp mắt là ngã, là ngã sở, chớ kế chấp tương thuộc của mắt; chớ chấp sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, cũng không chấp cho là ngã, là ngã sở, hay ở trong nhau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, người nào không chấp như vậy, đối với mắt sẽ không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để giữ, nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã

dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như mắt… đã nói trên, còn tất cả những nội dung khác cũng như vậy.

---o0o---

KINH 228. TĂNG TRƯỞNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp tăng trưởng và pháp tổn diệt. Thế nào là pháp tăng trưởng? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ... *(nói chi tiết đầy đủ cho đến...),* thuần một tụ khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy, đó gọi là pháp tăng trưởng.

"Thế nào là pháp tổn diệt? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh, cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, chi tiết cho đến… thuần một tụ khổ lớn bị diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy, đó gọi là pháp tổn diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như pháp tăng trưởng và tổn diệt, thì pháp khởi, pháp xứ, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng dạy như trên.

---o0o---

KINH 229. HỮU LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 09

KINH 230. TAM-DI-LY-ĐỀ (1)[694]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Con mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc.

Đó gọi là thế gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

"Này Tam-di-ly-đề, nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thế gian, cũng không thi thiết thế gian[695]. Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thế gian, chúng sanh, cũng được thuyết như vậy.

---o0o---

KINH 231. TAM-DI-LY-ĐỀ (2)[696]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mong manh tan vỡ[697], đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh tan vỡ? [698]

"Này Tam-di-ly-đề, mắt là pháp mong manh tan vỡ. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều mong manh tan vỡ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó là nói rằng vì nó mong manh tan vỡ cho nên gọi là thế gian."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 232. KHÔNG[699]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói rằng 'Thế gian trống không[700].' Vậy, thế nào gọi là 'Thế gian trống không'?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mắt là không; pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không; ngã sở là không[701]. Vì sao? Vì tánh của nó tự là như vậy. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng cũng không, pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh của nó tự như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là thế gian không."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 233. THẾ GIAN[702]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.

"Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia[703].

"Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 234. THẾ GIAN BIÊN[704]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới[705]. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ."

Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, thì bấy giờ có số đông Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

"Đức Thế Tôn vừa rồi đã tóm lược nói pháp là: 'Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.' Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định. Nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Ở trong các vị, ai là người có thể vì chúng ta nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó không?"

Lại nói:

“Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích.”

Rồi thì, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, đem hết mọi chuyện trên hỏi Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các Tôn giả mà nói. Hoặc là thế gian, hoặc là danh của thế gian, giác của thế gian, ngôn từ của thế gian, ngữ thuyết của thế gian, tất cả những thứ này đều thuộc vào số mục của thế gian[706]. Thưa các Tôn giả, mắt là thế gian, là danh của thế gian, là giác của thế gian, là ngôn từ của thế gian, là ngữ thuyết của thế gian, tất cả chúng đều thuộc vào số mục của thế gian. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ phải biết như thật về sự tập khởi, về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại, về sự xuất ly của chúng. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đã đến chỗ tận cùng của thế giới, biết được thế gian và sức nặng của thế gian[707] và vượt qua khỏi thế gian.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại nói kệ:

Chẳng phải do bước đi,

Mà đến bờ thế giới.

Không đến bờ thế giới,

Thì không thoát khỏi khổ.

Cho nên Đức Mâu-ni,

Là Đấng Biết Thế Gian[708],

Đã đến bờ thế giới,

Các phạm hạnh đã lập.

Bờ thế giới chỉ có

Chánh trí mới biết rõ.

Giác tuệ đạt thế gian,

Nên nói vượt bờ kia.

"Như vậy các Tôn giả, vừa rồi Đức Thế Tôn đã tóm lược bài pháp, rồi vào thất thiền định. Nay tôi vì các Tôn giả phân biệt nói đầy đủ."

Khi Tôn giả A-nan nói bài pháp này rồi, số đông các Tỳ-kheo nghe những lời nói xong, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 235. CẬN TRỤ[709]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc. Không thầy, không đệ tử gần gũi, là an lạc đối với đời sống cô độc[710]. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra các niệm tưởng ác bất thiện[711] câu hữu với tham, nhuế, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, thì gọi là có thầy[712]; nếu trụ vào bên cạnh đó thì gọi là đệ tử gần gũi[713]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Như vậy nói là có thầy, có đệ tử gần gũi, thì thường khổ đối với đời sống cô độc.

"Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra niệm ác bất thiện câu hữu với tham, nhuế, si, mà Tỳ-kheo này không hành theo, đó gọi là không thầy. Nếu không nương vào đó mà trụ thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc.

"Nếu Tỳ-kheo nào, không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Ta nói người này phước phạm hạnh. Vì sao? Tỳ-kheo không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Tỳ-kheo ấy đã kiến lập phạm hạnh ở nơi Ta, có khả năng chân chánh diệt tận khổ, cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 236. THANH TỊNH KHẤT THỰC TRỤ[714]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi từ đâu lại?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trụ thiền Không tam-muội[715]."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền[716]. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

"Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: 'Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết

lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

"Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 237. TỲ-XÁ-LY[717]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có gia chủ tên là Úc-cù-lũ[718] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Vì sao có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này?"

Phật bảo gia chủ:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà có ái niệm, đắm nhiễm; do ái niệm, đắm nhiễm, thường y trên thức và bị nó trói buộc, bị nó giữ chặt, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà không ái niệm, đắm nhiễm; vì không có ái niệm, đắm nhiễm nên không y trên thức. Vì không bị xúc, không bị dính mắc, không bị chấp thủ, nên các Tỳ-kheo này nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Cho nên, này gia chủ, có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này."

Như kinh Gia chủ hỏi, kinh A-nan hỏi và kinh Phật vì các Tỳ-kheo mà nói,

cũng dạy như trên vậy.

---o0o---

KINH 238. NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì mà nhãn thức sanh? Và vì nhân gì duyên gì mà tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì mắt do duyên sắc nên nhãn thức sanh. Vì sao? Khi nhãn thức sanh, là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên; ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những gì là ý thức, tất cả chúng đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh ra.

"Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên sanh ra nhãn thức, cho đến do nhân duyên sanh ra ý thức."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 239. KẾT[719]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị kết buộc và pháp kết buộc[720].

"Thế nào là pháp bị kết sử trói buộc? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kết sử trói buộc.

"Thế nào là pháp kết sử? Là dục tham[721]. Đó gọi là pháp kết sử."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 240. THỦ[722]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ.

"Thế nào là pháp bị chấp thủ? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ.

"Thế nào là pháp chấp thủ? Là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 241. THIÊU NHIỆT[723]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, thà dùng lửa đốt cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không để nhãn thức chấp vào sắc tướng mà chấp thủ hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chấp vào sắc tướng, chấp thủ những hình ảnh tốt đẹp, nên bị rơi vào đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà nung đỏ dùi sắt đem dùi lỗ tai mình còn hơn là dùng nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt mũi mình đi, còn hơn là dùng tỷ thức chấp vào mùi mà chấp thủ hương thơm. Vì sao? Vì chấp vào hương mà chấp thủ mùi thơm, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong dường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt lưỡi mình đi, còn hơn là dùng thiệt thức chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon. Vì sao? Vì chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng thanh sắt cứng, cây giáo mũi nhọn đâm vào thân thể mình, còn hơn là dùng thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Này các Tỳ-kheo, ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người ngu, không lợi, không phước[724]. Nhưng này các Tỳ-kheo, thà nên mê ngủ còn hơn là đối với sắc kia mà khởi lên giác tưởng[725]. Nếu khởi lên giác tưởng ắt sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, có thể khiến cho mọi người đưa đến việc làm phi nghĩa, không mang lại lợi ích và an lạc cho trời người[726].

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên phải học như vầy: ‘Nay ta thà nung đỏ cây thương bằng sắt đem đâm vào con mắt, còn hơn là dùng nhãn thức để chạy theo sắc tướng thì chắc chắn sẽ bị rơi vào ba đường ác phải chịu khổ lâu dài. Từ hôm nay, ta phải tư duy chân chánh, quán sát mắt là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Đối với tai, mũi lưỡi, thân nhập xứ, cũng phải học như vậy. Thà dùng

cây thương sắt đâm thủng thân mình, còn hơn là đem thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì sẽ rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta phải tư duy đúng, quán sát thân là pháp hữu vi vô thường, tâm duyên sanh. Hoặc xúc, thân thức, thân xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên thân xúc, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh.'

"Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: 'Ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người không lợi, không phước. Ta không ham ngủ, cũng không khởi giác tưởng. Nếu khởi giác tưởng thì sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, khiến cho mọi người làm những việc phi nghĩa, không lợi ích, không đem lại an lạc.'

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng sanh ra nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không yêu thích; vì không yêu thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 242. TRI[727]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt mà không liễu tri, không nhận thức, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể chân chánh diệt khổ. Đối với mắt, nếu liễu tri, nhận thức, đoạn tận, ly dục, thì có thể chân chánh diệt khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như bốn kinh thuyết về mắt cho đến ý, hai mươi bốn kinh cũng thuyết như trên vậy.

---o0o---

KINH 243. VỊ[728]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nếu nếm vị nơi mắt, thì nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn đó không tự tại thoát khỏi bàn tay của ma, bị ma trói buộc và lọt vào sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không nếm vị nơi mắt, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn đó không chạy theo ma, thoát khỏi bàn tay của ma, không lọt vào sự trói buộc của ma."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Như vị ngọt, đối với hoan hỷ, khen ngợi, đắm nhiễm, trụ vững, yêu thích, ghen ghét cũng thuyết như vậy. Như bảy kinh Nội nhập xứ, bảy kinh Ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy.

---o0o---

KINH 244. MA CÂU[729]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu móc câu của ma. Những gì là sáu? Đó là, sắc được con mắt nếm vị, đó là móc câu của ma. Tiếng được tai nếm vị, đó là móc câu của ma. Hương được mũi nếm vị, đó là móc câu của ma. Lưỡi đắm vào vị ngọt của vị, đó là móc câu của ma. Xúc được thân nếm vị, đó là móc câu của ma. Pháp được ý nếm vị, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà mắt nếm vị ngọt của sắc, thì nên biết là Sa-môn, Bà-la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu của họ, đối với ma không được tự tại."

Nói uế, nói về tịnh, cũng chi tiết như trên.

---o0o---

KINH 245. TỨ PHẨM PHÁP[730]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nơi tụ lạc Điều phục bác ngưu, tại Câu-lưu-sấu[731], lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp, ngôn ngữ phần đầu thiện xảo, ngôn ngữ phần giữa thiện xảo, ngôn ngữ phần cuối cũng thiện xảo, nghĩa thiện xảo, vị thiện xảo, thuần nhất, thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch. Đó là kinh 'Tứ phẩm pháp', hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Kinh Tứ phẩm pháp là gì? Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi thì hoan hỷ, tán thán, ái lạc, bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì sân hận, bất mãn. Những Tỳ-kheo như vậy không được tự tại thoát khỏi ma,... cho đến sẽ không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi không hoan hỷ, không tán thán, không ái lạc mà bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì không sân hận, không bất mãn. Tỳ-kheo như vậy, không bị ma tự tại chi phối,... cho đến thoát khỏi mọi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là kinh Tứ phẩm pháp của Tỳ-kheo."

---o0o---

KINH 246. THẤT NIÊN[732]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá[733]. Bấy giờ vào lúc sáng sớm Thế Tôn đắp y bưng bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy[734] Thiên ma Ba-tuần nghĩ rằng, "Vừa sáng sớm mà Sa-môn Cù-đàm đã đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Nay ta nên đến đó làm nhiễu loạn ý đạo của ông ta." Bấy giờ, Ma Ba-tuần hóa làm một người đánh xe, cầm roi đi tìm bò, mặc đồ rách rưới, đầu tóc rối bù, tay chân nứt nẻ, tay cầm roi bò, đến trước Thế Tôn hỏi:

"Cù-đàm có thấy con bò của tôi ở đâu không?"

Đức Thế Tôn liền nghĩ, "Đây là ác ma, muốn đến gây nhiễu loạn Ta." Ngài liền nói với ma:

"Này ác ma, ở đâu có bò? Cần bò để làm gì?"

Ma liền nghĩ, Sa-môn Cù-đàm đã biết ta là ma rồi, bèn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, nhãn xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi."

Lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, Ngài muốn đi đến đâu?"

Phật bảo ác ma:

"Ngươi có nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu kia là chỗ không có nhãn xúc nhập xứ, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ, thì chỗ đó không đến được. Ta đi đến đó."

Bấy giờ Thiên ma Ba-tuần nói kệ rằng:

Ở đâu thường có ngã,

Chúng đều là của ta,

Tất cả thuộc về ta.

Cù-đàm đi đến đâu?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại:

Nếu ai nói có ngã,

Kia nói ngã là quấy.

Như vậy biết Ba-tuần,

Tự hãm vào bế tắc.

Ma lại nói kệ:

Nếu bảo rằng biết đạo,

An ổn đến Niết-bàn;

Ngài một mình đi đến,

Phiền gì dạy người khác?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu có người lìa ma,

Hỏi đường qua bờ giác,

Vì họ nói bình đẳng,

Chân thật quyết không sót,

Tu tập không buông lung,

Thường khỏi ma chi phối.

Ma lại nói kệ:

Có đá tựa cục thịt,

Quạ đói đến muốn ăn,

Nó tưởng là mềm ngon,

Muốn lấp vào bụng trống.

Xong không được vị kia;

Mỏ gãy mà bay đi.

Ta nay giống như quạ,

Cù-đàm như cục đá,

Không được, thẹn mà đi.

Như quạ bay giữa trời,

Trong lòng ôm sầu độc,

Biến nhanh mất đường bay.

---o0o---

KINH 247. TẬP CẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt quen gần gũi[735] sắc, thì bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến không giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà mắt không quen gần gũi sắc, không bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến, sẽ giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như kinh quen gần gũi: trói buộc, đắm nhiễm, vị ngọt, chòm xóm láng giềng, (nếu) sai sử, trói chặt, ngã sở, mong cầu, ham muốn, thuần, nồng hậu không bỏ, cũng thuyết như trên vậy. [736]

---o0o---

KINH 248. THUẦN-ĐÀ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Kê lâm viên[737], nước Ba-tra-lợi Phất-đa-la[738]. Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Đại Thuần-đà[739], cùng nhau thăm hỏi xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Thuần-đà:

"Có những điều tôi muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để giải đáp cho không?"

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Thuần-đà:

"Như Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, sắc do bốn đại tạo được thi thiết, được hiển thị, rằng sắc do bốn đại tạo này là phi ngã. Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, cũng nói thức là phi ngã chăng[740]?"

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

"Tôn giả là đa văn bậc nhất. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay Tôn giả xin vì tôi mà nói nghĩa này."

Tôn giả A-nan hỏi Thuần-đà:

"Nay tôi hỏi Tôn giả, hãy tùy ý mà trả lời. Thưa Tôn giả Thuần-đà, vì có mắt, có sắc, có nhãn thức phải không?"

Đáp:

"Phải."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Do duyên vào mắt và sắc nên nhãn thức sanh phải không?"

Đáp:

"Đúng như vậy."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là thường hay là vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Nhân này, duyên này sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy thức kia có trụ không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả, không."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Theo ý Tôn giả thế nào, pháp kia hoặc sanh hoặc diệt có thể biết được, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, không."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Theo ý Tôn giả thế nào đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp; có ý, có pháp, có ý thức không?"

Đáp:

“Có.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Do duyên vào ý và pháp mà ý thức sanh chăng?”

Đáp:

“Đúng như vậy.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Nếu ý duyên pháp mà ý thức sanh; nhân này, duyên này là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh ra ý thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ không?”

Đáp:

“Không.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Theo ý Tôn giả thế nào, pháp này hoặc sanh hay diệt có thể biết, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả A-nan, không.”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà:

"Cho nên, này Tôn giả, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, thức cũng vô thường.

"Giống như có người cầm rìu vào núi, thấy cây chuối, cho là có thể dùng được, liền chặt đứt gốc, tách bỏ lá, lột bẹ để tìm lõi của nó. Nhưng lột đến chỗ tận cùng vẫn không thấy chỗ nào chắc cả. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử quán sát chân chánh nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Khi quán sát chân chánh, không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi hai vị Chánh sĩ kia nói pháp trên, cả hai đều hoan hỷ và mỗi vị trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 249. CÂU-HI-LA (1) [741]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những điều muốn hỏi, Tôn giả có thì giờ vì tôi mà giải thích được không?"

Tôn giả Xá-lợi-Phất nói:

"Tùy theo những gì Tôn giả hỏi, nếu tôi biết thì sẽ trả lời."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Đừng hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

“Cũng đừng nên hỏi rằng: ‘Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?’”

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

“Ở đây, cũng không nên hỏi rằng: ‘Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?’”

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như những gì Tôn giả đã nói, sáu xúc nhập xứ, sau khi đã bị đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không nên nói có, cũng không nên nói không, cũng không nên nói vừa có vừa không, cũng không nói chẳng phải có chẳng phải không. Vậy thì, những lời nói này có nghĩa gì?”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-nan:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì chăng? Đây là những lời hư vọng. Hoặc không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc có và không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc chẳng phải có còn chẳng phải không còn gì chăng? Đây cũng là những lời hư vọng. Nếu nói, sáu xúc nhập xứ sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch diệt, thì xa lìa các hư ngụy, đạt được Niết-bàn. Đó là những lời dạy của Phật.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

---o0o---

KINH 250. CÂU-HI-LA (2) [742]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào, mắt kết buộc sắc[743], hay sắc kết buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp; ý kết buộc pháp hay pháp kết kết buộc ý?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc.

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, giống như hai con bò, một đen một trắng, cùng bị buộc vào một cái ách. Có người hỏi, 'Bò đen buộc bò trắng hay bò trắng buộc bò đen?' Hỏi như vậy có đúng không?"

Đáp:

"Không, Tôn giả Xá-lợi-phất, chẳng phải bò đen buộc bò trắng, cũng chẳng phải bò trắng buộc bò đen. Nhưng ở đây, hoặc là cái ách, hay là dây buộc cổ, là cái kết buộc chúng."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nếu mắt kết buộc sắc, hay nếu sắc kết buộc mắt và cho đến, nếu ý kết buộc pháp, hay nếu pháp kết buộc ý, thì Thế Tôn đã không dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Vì chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt và cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý, nên Đức Thế Tôn dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Thế Tôn khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu, không khởi dục tham; còn những chúng sanh khác khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham. Cho nên Đức Thế Tôn nói hãy đoạn tận dục tham, thì tâm được giải thoát. Cho đến, ý và pháp lại cũng như vậy.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

---o0o---

KINH 251. CÂU-HI-LA (3) [744]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Là không biết. Không biết tức là vô minh. Không biết cái gì? Không biết như thật mắt là vô thường; đó gọi là không biết. Không biết như thật mắt là pháp sanh diệt, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đối với sáu xúc nhập xứ này mà không như thật thấy, biết, không vô gián đẳng[745], ngu si, không sáng, tối tăm, đó gọi là vô minh."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Là biết. Biết tức là minh. Biết những gì? Mắt là vô thường, nên biết như thật mắt là vô thường; mắt là pháp sanh diệt, nên biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đối với sáu xúc nhập xứ này mà như thật biết, thấy, sáng tỏ, giác ngộ, có trí tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh."

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

---o0o---

KINH 252. ƯU-BA-TIÊN-NA[746]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-tiên-na ở trong khu Hàn lâm[747], giữa bãi tha ma, dưới chân núi Xà-đầu, hành xứ Ca-lan-đà tại thành Vương xá[748]. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang ngồi thiền một mình trong hang đá, có một con rắn rất độc, dài khoảng một thước, từ trên phiến đá rơi xuống trên người Ưu-ba-tiên-na. Ưu-ba-tiên-na gọi Tôn giả Xá-lợi-phất đi nói với các Tỳ-kheo:

"Có con rắn độc rơi xuống trên người tôi. Thân tôi đang bị trúng độc. Các ông hãy đến nhanh lên, khiêng người tôi ra để bên ngoài, chớ để người tôi hủy hoại như một đống trấu nát."

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới bóng cây gần đó, nghe Ưu-ba-tiên-na nói, liền đến chỗ Ưu-ba-tiên-na nói với Ưu-ba-tiên-na:

"Nay nhìn sắc tướng của thầy, tôi thấy các căn vẫn bình thường không đổi khác, mà nói là trúng độc, nhờ 'khiêng người tôi ra để bên ngoài, chớ để người tôi hủy hoại như một đống trấu.' Vậy thì rốt cuộc là thế nào?"

Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nếu ai đó nói, 'Con mắt là tôi, là của tôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là tôi, là của tôi. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là tôi, là của tôi. Địa giới là tôi, là của tôi. Nước, lửa, gió, không, thức giới là tôi, là của tôi; đối với sắc ấm, chấp sắc ấm là tôi, là của tôi. Thọ, tưởng, hành, thức ấm là tôi, là của tôi. Với người đó, sắc mặt và các căn có thể biến đổi khác đi. Nhưng hiện tại tôi không như vậy. Mắt không phải là tôi, là không phải của tôi, cho đến, thức ấm không phải tôi, không phải của tôi, vì vậy cho nên sắc mặt và các căn không có biến đổi khác đi."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Như vậy, này Ưu-ba-tiên-na, nếu thầy vĩnh viễn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, khiến đoạn tận gốc rễ của chúng như chặt ngọn cây đa-la, thì đối với đời vị lai vĩnh viễn không khởi lên trở lại, vậy làm sao sắc mặt và các căn biến đổi khác đi được?"

Rồi thì, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi vòng qua dìu thân Tôn giả Ưu-ba-tiên-na ra khỏi hang. Thân người bị trúng độc của Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang hủy hoại như một đống trấu nát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

Từ lâu, trồng phạm hạnh,

Khéo tu tám Thánh đạo,

Hoan hỷ xả bỏ thân,

Giống như vất bát độc.

Từ lâu, trồng phạm hạnh,

Khéo tu tám Thánh đạo,

Hoan hỷ xả bỏ thân,

Như người bệnh hết bệnh.

Từ lâu, trồng phạm hạnh,

Khéo tu tám Thánh đạo,

Như ra khỏi nhà lửa,

Lúc chết không lo tiếc.

Từ lâu, trồng phạm hạnh,

Khéo tu tám Thánh đạo,

Dùng tuệ quán thế gian,

Giống như cây cỏ thối,

Không còn mong gì nữa,

Cũng không tiếp tục nữa.

Sau khi cúng dường thi thể Tôn giả Ưu-ba-tiên-na xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na bị con rắn nhỏ cực độc bằng chiếc thẻ tre trị mắt, rơi xuống trên người và thân thể Tôn giả hủy hoại như đống trấu nát."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu Ưu-ba-tiên-na tụng bài kệ này, thì sẽ không trúng độc và thân thể cũng không bị hủy hoại như đống trấu nát được."

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tụng những bài kệ nào và văn cú của nó ra sao?"

Phật liền vì Xá-lợi-phất đọc kệ:

Thường thường thương xót chúng,

Kiên cố Lại-tra-la,

Thương Y-la-bàn-na,

Thi-bà-phất-đa-la,

Khâm-bà-la thượng mã,

Cũng thương Ca-câu-tra.

Cùng Cù-đàm đen kia,

Nan-đà, Bạt-nan-đà,

Thương xót loài không chân,

Và cả loài hai chân,

Bốn chân, cùng nhiều chân,

Cũng khởi lòng thương xót.

Thương xót các loài rồng,

Trên đất liền, dưới nước,

Thương tất cả chúng sanh,

Dễ sợ, không dễ sợ[749].

An vui cho tất cả,

Cũng lìa sanh phiền não,

Muốn cho tất cả hiền,

Tất cả chớ sanh ác,

Thường ở núi Xà-đầu,

Các ác không nhóm hợp.

Rắn hung hại ác độc,

Thường hại mạng chúng sanh,

Như lời chân thật này,

Đại Sư vô thượng dạy.

Nay Ta tụng kệ này,

Lời Đại Sư chân thật,

Tất cả các ác độc,

Không thể hại thân ta.

Tham dục, sân, nhuế, si,

Ba độc của thế gian,

Như ba ác độc này,

Vĩnh trừ gọi Phật bảo.

Pháp bảo diệt các độc,

Tăng bảo cũng hoàn toàn,

Phá hoại ác hung độc,

Nhiếp thủ hộ người lành,

Phật phá tất cả độc,

Nay vì phá rắn độc,

Nên nói chú thuật này.

Ô-đam-bà-lệ, đam-bà-lệ, đam-lục, ba-la-đam-lục, nại-tí, túc-nại-tí, chỉ-bạt-tí, văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế, ni-la-chỉ-thí, bà-la-câu-bế-ô-lệ, ô-ngu-lệ, tất-bà-ha[750].

"Này Xá-lợi-phất, nếu lúc ấy thiện gia nam tử Ưu-ba-tiên-na mà đọc bài kệ này, tụng những câu này, thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng người và thân thể cũng không hủy hoại như đống trấu nát."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe bài kệ này, chưa từng nghe những câu chú thuật này. Hôm nay Thế Tôn mới nói nó, mục đích chính là vì đời sau."

Sau khi nghe Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN[751]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di[752] đi qua nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến thôn Câu-bàn-trà[753], trú trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn dòng họ Tỳ-nữu Ca-chiên-diên.

Bấy giờ có những người đệ tử nhỏ tuổi của nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị[754] đi nhặt củi trong vườn Am-la, thấy Tôn giả Ưu-đà-di đang ngồi dưới bóng cây, tướng mạo đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất; thấy vậy bèn đến chỗ ngài, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di vì các thiếu nữ, bằng nhiều hình thức, thuyết pháp, khích lệ họ xong, rồi im lặng. Sau khi nghe Tôn giả dạy, các thiếu niên tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Các thiếu nữ vác củi trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, đặt củi xuống đất, rồi đến chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, thưa:

"Hòa thượng ni của chúng con biết cho, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di, dòng họ Cù-đàm đang ở nơi đó và nói pháp rất hay."

Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị bảo các thiếu nữ:

“Các con hãy đến đó mời Sa-môn Ưu-đà-di dòng họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm.”

Bấy giờ, các đệ tử thiếu nữ vâng lời nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di bạch:

“Tôn giả biết cho, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, Hòa thượng của chúng con, mời Tôn giả ngày mai đến dùng cơm.”

Bấy giờ, Ưu-đà-di im lặng nhận lời. Các thiếu nữ biết Tôn giả Ưu-đà-di đã nhận lời mời rồi, trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thưa:

“Bạch Hòa thượng ni, chúng con đã vâng lời Hòa thượng ni mời Tôn giả Ưu-đà-di và Tôn giả Ưu-đà-di đã im lặng nhận lời mời rồi, xin Hòa- thượng-ni biết cho.”

Qua khỏi đêm, sáng hôm sau, Tôn giả Ưu-đà-di đắp y mang bát đến nhà nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên. Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên từ xa trông thấy Tôn giả Ưu-đà-di lại, vội vàng trải giường chõng mời ngồi; dọn các thứ đồ ăn thức uống ra, tự tay mình cúng dường các món ngon đầy đủ. Sau khi ăn xong, rửa tay, rửa bát, rồi trở lại chỗ ngồi. Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên biết Tôn giả đã ăn xong, bà mang một đôi giầy tốt, lấy vải phủ đầu, để riêng một cái ghế cao, tỏ vẻ khinh thường, ngạo mạn mà ngồi và nói với Tôn giả Ưu-đà-di:

“Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để trả lời cho không?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Thưa chị, hôm nay không phải lúc.”

Nói như vậy xong, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sáng hôm sau các đệ tử lại đến vườn Am-la nhặt củi và nghe pháp và trở về lại bạch với Hòa thượng ni. Hòa thượng ni lại sai đi mời Tôn giả thọ trai. Ba lần như vậy đến thỉnh pháp, vẫn trả lời là chưa đúng lúc, mà không nói pháp. Các đệ tử thiếu niên lại bạch Hòa thượng ni:

“Ở trong vườn Am-la Sa-môn Ưu-đà-di nói pháp rất hay.”

Hòa thượng ni nói:

“Ta cũng biết là ông ấy nói pháp rất hay. Nhưng qua ba lần mời đến cúng dường và hỏi pháp, luôn luôn bảo là chưa đúng lúc, không nói mà bỏ đi.”

Các đệ tử thưa:

“Hòa thượng ni mang giầy tốt, dùng vải che đầu, ngồi không cung kính, thì Tôn giả này làm sao nói được. Vì sao? Vì Tôn giả Ưu-đà-di này rất cung kính pháp nên không nói mà bỏ đi.”

Hòa thượng ni bảo:

“Nếu như vậy thì nên vì ta mời lại Tôn giả đi.”

Các đệ tử vâng lời dạy, thỉnh cúng dường trở lại như trước.

Bấy giờ, Hòa thượng ni biết Tôn giả đã ăn uống xong xuôi, bà ta liền cởi giầy, sửa lại quần áo, ngồi xuống một chiếc ghế thấp, cung kính bạch:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh mà trả lời cho không?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Hôm nay, chị cứ hỏi, tôi sẽ nói cho chị nghe.”

Cô ta liền hỏi:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn nói: ‘Khổ vui là do mình tự tạo.’ Hoặc lại có người nói: ‘Khổ vui là do người khác tạo.’ Hoặc lại có người nói: ‘Khổ vui là do tự mình tạo và người khác tạo.’ Hoặc có người nói: ‘Khổ vui chẳng phải do mình tạo cũng chẳng do ngưới khác tạo[755].’ Vậy theo Tôn giả thì thế nào?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Này chị, A-la-ha[756] nói khổ vui phát sanh bằng cách khác, chứ không phải nói như vậy.”

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

“Nghĩa ấy như thế nào?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"A-la-ha nói, từ nhân duyên các khổ và lạc sanh."

Tôn giả Ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn:

"Bây giờ tôi hỏi chị, tùy ý mà trả lời tôi. Ý chị nghĩ sao, có mắt không?"

Đáp:

"Bạch có."

"Có sắc không?"

Đáp:

"Bạch có."

"Có nhãn thức, nhãn xúc và các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy."

Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi:

"Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy."

Tôn giả Ưu-đà-di nói:

"Đó là điều mà các A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh."

Nữ Bà-la-môn bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh, là như vậy chăng?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Nữ Bà-la-môn, đúng như vậy."

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

"Bạch Sa-môn, A-la-ha nói như thế nào, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Bây giờ tôi hỏi chị, cứ tùy ý mà trả lời tôi. Này nữ Bà-la-môn, khi tất cả mắt, tất cả thời, diệt không còn gì, bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc?"

Đáp:

"Bạch Sa-môn, không."

"Cũng vậy, khi tai, mũi, lưỡi, thân, ý và tất cả thời cũng diệt tận vĩnh viễn không còn gì hết, thì bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc?"

"Bạch Sa-môn, không."

"Như vậy, này nữ Bà-la-môn, đó là điều mà bậc A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt."

Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc không do ai khác; thâm nhập vào giáo pháp của Phật, đối với pháp đạt được vô sở úy, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cung kính chắp tay bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"Hôm nay, con quyết định, ngay từ bây giờ con xin qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ nay cho đến suốt đời con xin quy y Tam bảo."

Lúc bấy giờ Tôn giả Ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn nói pháp, soi sáng, chỉ bày, dạy bảo, làm cho vui vẻ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 254. NHỊ-THẬP-ỨC-NHĨ[757]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ[758] ở núi Kỳ-xà-quật, thường tinh tấn chuyên cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: "Ở trong hàng đệ tử Thanh văn tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng hôm nay ta chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng quý tộc, có nhiều của cải quí báu, nay thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi còn tốt hơn nhiều."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Nhị-thập-ức-nhĩ nên bảo một Tỳ-kheo:

"Ngươi hãy đến chỗ Nhị-thập-ức-nhĩ bảo là Thế Tôn cho gọi."

Tỳ-kheo này vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Nhị-thập-ức-nhĩ, nói rằng:

"Đức Thế Tôn cho gọi thầy."

Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Tỳ-kheo kia bảo là Đại Sư gọi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Có thật ngươi ở một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: 'Ở trong hàng Thanh văn đệ tử tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng mãi đến hôm nay ta vẫn chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng dõi quý tộc, có nhiều của cải quí báu, ta thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi.' Có phải không?"

Khi ấy, Nhị-thập-ức-nhĩ nghĩ rằng: 'Thế Tôn đã biết tâm ta.' Vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, lông dựng đứng, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật như vậy."

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Nay Ta hỏi ngươi, ngươi cứ theo ý mình mà trả lời cho Ta. Này Nhị-thập-ức-nhĩ, khi ngươi còn ở ngoài đời, ngươi đàn hay lắm phải không?"

“Bạch, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Theo ý ngươi thì thế nào, khi ngươi khảy đàn, nếu sợi dây của nó căng quá, thì âm thanh có hòa nhã và vi diệu không?”

“Bạch, không.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, nếu sợi dây của nó chùng quá, thì âm thanh có phát ra hòa nhã và vi diệu không?”

“Bạch, không.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, nếu biết điều chỉnh sợi dây đàn không căng quá cũng không chùng quá, thì sau đó mới phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu phải không?”

“Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.”

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

“Người nào tinh tấn thái quá thì sẽ tăng thêm điệu hối, còn người thiếu tinh tấn quá thì sẽ sanh ra giải đãi. Cho nên, ngươi phải bình đẳng trong tu tập và nhiếp thọ, không đắm nhiễm, không buông lung, không chấp tướng.”

Sau khi được Thế Tôn dạy, Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ luôn luôn nghĩ về thí dụ cây đàn cầm của Đức Thế Tôn đã nói. Tôn giả một mình lặng lẽ thiền tư, như trên đã nói, cho đến các lậu được diệt hết, tâm được giải thoát, thành A-la-hán. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đạt được A-la-hán, bên trong có cảm giác hỷ lạc giải thoát và tự nghĩ: ‘Nay ta nên đến thăm viếng Đức Thế Tôn.’ Và Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trong pháp của Thế Tôn, đạt được A-la-hán, đoạn tận các lậu, việc cần làm đã làm xong, rời bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình, dứt sạch các hữu kết, chánh trí tâm giải thoát. Ngay lúc đó được sáu xứ giải thoát[759] ù. Những gì sáu? Đó là: ly dục giải thoát, lìa nhuế giải thoát,

viễn ly giải thoát, ái tận giải thoát, các thủ giải thoát, tâm không xao lãng giải thoát.

“Bạch Thế Tôn, nếu có người nào dựa vào một ít tín tâm mà bảo là ly dục[760] giải thoát, thì điều này không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật ly dục giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào một ít việc trì giới mà bảo rằng ta được lìa nhuế giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào sự tu tập để có lợi dưỡng mà bảo là đã viễn ly[761] giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật xa lìa được giải thoát.

“Đoạn tận được tham, nhuế, si, cũng gọi là lìa ái, cũng là lìa thủ, cũng gọi là lìa xao lãng[762] giải thoát.

“Như vậy, bạch Thế Tôn, nếu các Tỳ-kheo chưa được La-hán, chưa đoạn tận các lậu, thì đối với sáu xứ này không được giải thoát.

“Lại nếu có Tỳ-kheo nào, còn ở nơi học địa, chưa được Niết-bàn an lạc tăng thượng, mà tu tập hướng về an trụ tâm, bấy giờ thành tựu được học giới, thành tựu được học căn và sau đó lậu hoặc sẽ được đoạn hết, được vô lậu tâm giải thoát, cho đến... ‘tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ngay lúc bấy giờ được vô học giới, được vô học các căn. Như đứa trẻ mới sinh ngu ngơ, còn nằm ngửa, sau đó một thời gian các căn của đứa bé mới được thành tựu và từ từ tăng trưởng; bấy giờ mới thành tựu được các căn của người lớn. Người còn ở tại học địa lại cũng như vậy, khi chưa được an lạc tăng thượng và cho đến, thành tựu vô học giới, vô học các căn.

“Nếu mắt thường phân biệt sắc, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát và quán sát sanh diệt, cho đến vô thường. Tai phân biệt âm thanh, mũi phân biệt mùi hương, lưỡi phân biệt vị, thân phân biệt xúc chạm, ý phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt. Như núi đá lớn ở gần thôn ấp, không chẻ đứt, không đập vỡ, không đục thủng nó được, vì núi đá dày đặc; giả sử như có gió bốn phương thổi đến thì cũng không làm cho nó lay động được, không thể xuyên thủng qua được. Người vô học kia cũng lại như vậy, mắt thường phân biệt sắc, cho đến ý

thường phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt.”

Bấy giờ, Nhị-thập-ức-nhĩ lập lại bằng bài kệ:

Ly dục, tâm giải thoát,

Không nhuế thoát cũng vậy;

Viễn ly, tâm giải thoát,

Tham ái quyết không còn.

Tâm giải thoát các thủ,

Và ý không mất niệm,

Rõ ràng nhập xứ sanh,

Ở kia tâm giải thoát.

Người kia tâm giải thoát,

Tỳ-kheo ý dừng nghỉ,

Đã làm những gì cần,

Không còn việc để làm.

Giống như núi đá lớn,

Gió bốn phương không động,

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,

Và những pháp tốt xấu,

Thường đối sáu nhập xứ,

Không lay động tâm mình,

Tâm thường trụ vững chắc,

Quán sát pháp sanh diệt.

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói bài kệ này, tâm Đại Sư hoan hỷ. Các vị phạm hạnh có học nghe những gì Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói cũng đều rất hoan hỷ.

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Đức Phật nói pháp, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi biết Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đi không lâu, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người có tâm khéo giải thoát, nên tuyên bố như vậy, giống như Nhị-thập-ức-nhĩ đã bằng trí tuệ mà tuyên bố, không phải tự cao, cũng không phải coi rẻ người, nói đúng nghĩa của nó, không phải như những người tăng thượng mạn, không đạt được nghĩa của nó, mà tự khen ngợi mình được pháp hơn người, để tự mình phải chuốc lấy tổn giảm."

---o0o---

KINH 255. LỖ-HÊ-GIÀ[763]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trú tại hang A-luyện-nhã, trong thôn Di hầu, bên cạnh sông Thấp-ma-đà, nước A-bàn-đề[764]. Có Bà-la-môn Lỗ-hê-giá[765], cung kính phụng sự theo pháp của một La-hán.

Bấy giờ là sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y mang bát vào thôn Di-hầu-thất, theo thứ tự khất thực, khất thực xong trở về, cất y bát, rửa chân rồi, vào thất ngồi thiền.

Khi ấy có các đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn Lỗ-hê-giá đi nhặt củi, đến bên cạnh hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau cười đùa nói: "Có Sa-môn trọc đầu đang ở trong này. Ông là người đen đủi, chẳng phải là hạng người đáng tôn quý, nhưng Bà-la-môn Lỗ-hê-giá lại tôn trọng cúng dường, đúng như pháp La-hán?" Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các thiếu niên:

“Này các cậu trẻ, các cậu chớ làm ồn!”

Các thiếu niên này trả lời:

“Chúng con không dám nói nữa.”

Qua ba lần như vậy, chúng vẫn nói mãi. Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên phải ra ngoài cửa nói với các thiếu niên:

“Này các cậu trẻ, các cậu đừng làm ồn nữa. Bây giờ, ta sẽ vì các cậu mà nói pháp, các cậu hãy lắng nghe.”

Các thiếu niên nói:

“Vâng ạ, xin ngài giảng pháp cho, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ.”

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói bài kệ:

Bà-la-môn xưa kia,

Tu tập giới thắng diệu,

Được sanh trí túc mạng,

An vui thiền chân thật,

Thường ở trong từ bi,

Đóng hết cửa các căn,

Điều phục lỗi về miệng,

Xưa kia hành như vậy.

Bỏ gốc hành chân thật,

Mà giữ việc hư dối,

Giữ tộc tánh buông lung,

Theo căn duyên sáu cảnh,

Đói khát ở gò mả,

Tắm ba (lần), tụng ba kinh,

Không giữ gìn cửa căn,

Giống như mộng được báu.

Bện tóc, khoác áo da,

Giới trộm, mình trét tro,

Áo thô dùng che hình,

Chống gậy mang bình nước,

Giả hình Bà-la-môn,

Vì tìm cầu lợi dưỡng.

Khéo nhiếp hộ thân mình,

Lắng sạch lìa trần cấu,

Không não hại chúng sanh,

Là đạo Bà-la-môn.

Bấy giờ, các thiếu niên Bà-la-môn, lòng sân hận không vui, bảo Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên là đã hủy báng kinh điển họ, hủy hoại những gì kinh điển đã nói và nhục mạ Bà-la-môn, rồi ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-giá, tâu lại với Bà-la-môn Lỗ-hê-giá rằng:

"Hòa thượng biết không, ông Ma-ha Ca-chiên-diên phỉ báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói với các thiếu niên:

"Các con chớ nói những lời như vậy. Vì sao? Vì ngài Ma-ha Ca-chiên-diên giữ trọng giới đức, không lý lại đi hủy báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn?"

Các thiếu niên bạch:

“Nếu Hòa thượng không tin những lời của chúng con, thì nên tự mình đến đó xem sao?”

Khi ấy Bà-la-môn Lỗ-hê-giá không tin những lời nói của các thiếu niên, liền đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe rồi, ngồi lui qua một bên, bạch với ngài Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Các đệ tử thiếu niên của tôi có đến đây không?”

Đáp:

“Có đến đây.”

“Ngài có nói chuyện ít nhiều gì với chúng không?”

Đáp:

“Có cùng với chúng nói chuyện.”

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá bạch:

“Ngài đã cùng với các thiếu niên nói chuyện, vậy nay ngài có thể vì tôi mà nói lại hết mọi chuyện.”

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên liền kể lại đầy đủ câu chuyện.

Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá cũng nổi sân nhuế, tâm không vui, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Trước đây, tôi không tin những lời của bọn trẻ, nhưng bây giờ thì đích thật là ngài đã phỉ báng kinh điển tôi, nói những lời lẽ chê bai và mạ nhục Bà-la-môn.”

Ngừng một lát, ông lại nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Nhân giả đã nói về cửa. Vậy cái gì là cửa?”

Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

“Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Điều ông hỏi là đúng pháp. Nay tôi sẽ vì ông mà nói về cửa. Này Bà-la-môn, mắt là cửa, vì nó thấy sắc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa, vì nó nhận thức pháp.”

Bà-la-môn nói:

“Kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về cửa thì ngài liền nói về cửa. Như những gì ngài đã nói, không giữ gìn cửa. Vậy thế nào là không giữ gìn cửa?”

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

“Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Ông đã hỏi về việc không giữ gìn cửa, là câu hỏi đúng pháp. Bây giờ tôi sẽ ông nói về việc không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn, kẻ phàm phu ngu si không học, khi mắt thấy sắc rồi, nếu là sắc đáng nhớ thì khởi tâm duyên vào đắm nhiễm; nếu là sắc không đáng nhớ thì khởi tâm sân nhuế, không an trụ vào thân niệm xứ, nên đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không biết như thật, ở nơi đó khởi lên các thứ pháp ác bất thiện, không đạt được Vô dư Niết-bàn, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát có phương hại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên thân dẫy đầy những ác hạnh, không dừng nghỉ, tâm không được tịch tĩnh. Vì nó không tịch tĩnh nên đối với các căn nó không điều phục, không giữ gìn, không tu tập. Như mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy.”

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

“Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về việc không giữ gìn cửa, thì ngài liền vì tôi nói về việc không giữ gìn cửa. Vậy, bạch ngài Ma-ha Ca-chiên-diên, thế nào gọi là việc khéo giữ gìn cửa?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với Bà-la-môn:

“Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi tôi về việc khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Tôi sẽ vì ông mà nói về nghĩa khéo giữ gìn. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc đáng nhớ thì không khởi lên tâm duyên vào đắm nhiễm; đối với sắc không đáng nhớ, thì không khởi lên tâm sân nhuế, thường nhiếp tâm mình, an trụ vào thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện khởi lên ở nơi đó, thì hoàn toàn dứt bặt, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì được đầy đủ. Do đã giải thoát đầy đủ rồi nên những ác hạnh của thân xúc tất cả

đều được dừng nghỉ, tâm đạt được chánh niệm. Đó gọi là cửa đầu tiên của việc khéo điều phục giữ gìn trong lúc tu tập. Như mắt và sắc, đối với tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp lại cũng như vậy."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

"Kỳ diệu thay, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa giữ gìn cửa, ngài liền vì tôi nói về nghĩa giữ gìn cửa. Giống như người tìm cỏ thuốc độc mà lại được cam lộ; nay tôi cũng như vậy, ôm lòng sân nhuế đến ngồi nơi đây, mà lại được ngài dùng mưa pháp rưới lên thân tôi như mưa cam lộ. Bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi đang bận nhiều công việc tại nhà, xin phép ngài tôi cáo từ."

Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên nói:

"Bà-la-môn, nên biết đúng thời."

Sau khi nghe những gì Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, Bà-la-môn hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 10

KINH 256. VÔ MINH (1)[766]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vô minh là không biết[767], không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt[768]. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường. Thức là pháp ma diệt mà không biết như thật thức là pháp ma diệt; thức là pháp sanh diệt mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này mà không thấy, không biết như thật, không có vô gián đẳng[769], ngu si, mờ tối, không sáng tỏ, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này gọi là vô minh."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Minh là biết; biết gọi là minh."

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Đáp:

"Sắc là vô thường; biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt, biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Thức là pháp ma diệt, biết như thật thức là pháp ma diệt. Thức là pháp sanh diệt, biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Tôn giả Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 257. VÔ MINH (2)[770]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vô minh là không biết; không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Không biết như thật về sắc; không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không biết, không thấy, không có vô gián đẳng, ngu si, mờ tối, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, gọi là vô minh.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào là minh? Ai có minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Gọi minh là biết, biết tức là minh."

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự đoạn tận của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 258. VÔ MINH (3)[771]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Không biết là vô minh.

“Không biết những gì?”

“Không biết như thật về sắc. Không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức. Không biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không thấy như thật, không có vô gián đẳng, mờ tối, hay ngu si, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, thì gọi là vô minh.”

Lại hỏi:

“Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Biết tức là minh.

Lại hỏi:

“Biết những gì?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, biết như thật, thấy như thật, sáng tỏ, có giác, có quán, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 259. VÔ GIÁN ĐẲNG[772]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng[773] mà muốn cầu pháp vô gián đẳng, thì phải dùng phương tiện nào mà tìm cầu; phải tư duy những pháp nào[774]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng, mà muốn tìm cầu pháp vô gián đẳng, thì phải tinh cần tư duy, năm thọ ấm là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đó là chỗ cần tư duy[775]. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tu-đà-hoàn."

Lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì phải tư duy những pháp nào[776]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao?

Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tư-đà-hàm.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi:

“Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tư duy những pháp nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tinh cần tư duy năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-na-hàm. Sau khi đã chứng được quả A-na-hàm, mà muốn chứng được quả A-la-hán, cần phải tinh tấn tư duy về năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-la-hán.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả A-la-hán rồi, thì còn phải tư duy những pháp nào nữa?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú[777].

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

---o0o---

KINH 260. DIỆT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh mà giải đáp cho không?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Nhân giả cứ hỏi, nếu tôi biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

“A-nan, gọi là diệt. Thế nào là diệt? Ai có diệt này?”

Tôn giả A-nan nói:

“Xá-lợi-phất, năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt.[778] Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Đúng vậy! Đúng vậy! A-nan, như những gì Nhân giả đã nói, năm thọ ấm này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

“Này A-nan, năm thọ ấm này, nếu không phải là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, làm sao có thể bị diệt? Này A-nan, vì năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

---o0o---

KINH 261. PHÚ-LƯU-NA[779]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-nan ở trong vườn Cù-sư-la tại nước Câu-diệm-di[780], bấy giờ Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Tôn giả Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử[781], khi tuổi niên thiếu, mới xuất gia[782], thì thường hay nói pháp sâu xa như vầy:

"A-nan, đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. A-nan, thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi[783]? Sắc sanh khởi[784], sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh. Giống như người tay cầm tấm gương sáng, hay dùng mặt nước trong, tự nhìn vào xem thấy mặt mình sanh ra. Vì có sanh nên thấy, chứ không phải không sanh[785]. Cho nên, A-nan, sắc sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ không phải không sanh khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ chẳng phải không sanh khởi. Thế nào A-nan, sắc là thường hay vô thường?

"Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

Lại hỏi:

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vậy, vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

"A-nan, cho nên đối với sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cần phải biết như thật, quán sát như thật. Quán sát như vậy rồi, Thánh đệ tử đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Các Tỳ-kheo nên biết, vị Tôn giả này đối với tôi có rất nhiều lợi ích. Tôi nghe những gì từ Tôn giả ấy rồi, liền xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh

tịnh. Từ đó tới nay, tôi thường thuyết pháp này cho bốn chúng, chứ không thuyết cho các người ngoại đạo xuất gia, Sa-môn, Bà-la-môn.”

---o0o---

KINH 262. XIỂN-ĐÀ[786]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, số đông Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại[787]. Phật vào Niết-bàn không bao lâu.

Bấy giờ, vào sáng sớm, trưởng lão Xiển-đà[788] đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo:

“Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp[789].”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

“Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt[790].

Xiển-đà thưa các Tỳ-kheo:

“Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt.”

Xiển-đà lại thưa:

“Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn[791]. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Xiển-đà lại thưa:

“Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?”

Xiển-đà lại nghĩ: 'Tôn giả A-nan, hiệân nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp."

Buổi sáng sớm hôm sau, Xiển-đà đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu cất ngọa cụ, rồi mang y bát đến nước Câu-diệm-di. Người lần hồi du hành đến nước Câu-diệm-di. Sau khi thu cất y bát và rửa chân xong, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi và ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Xiển-đà thưa Tôn giả A-nan:

"Một thời, các Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, vào sáng sớm, tôi đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo: 'Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp.' Khi ấy, các Tỳ-kheo nói pháp cho tôi rằng: 'Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt.' Tôi bấy giờ thưa các Tỳ-kheo: 'Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt. Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?' Rồi suy nghĩ như vầy: 'Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?' Tôi lại nghĩ: 'Tôn giả A-nan, hiệân nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp.'

"Lành thay, Tôn giả A-nan, nay hãy nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

"Lành thay! Xiển-đà, tôi rất hoan hỷ. Tôi chúc mừng Nhân giả, có thể đối trước người phạm hạnh không che giấu, phá bỏ gai nhọn giả dối. Này Xiển-đà, kẻ phàm phu ngu si không có thể hiểu sắc là vô thường; thọ, tưởng,

hành, thức cũng là vô thường; tất cả các hành đều là vô thường, tất cả các pháp đều là vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Nay ngươi có thể nhận lãnh pháp vi diệu hơn hết này. Thầy hãy lắng nghe. Tôi sẽ vì ngươi mà nói."

Lúc này, Xiển-đà tự nghĩ: "Nay ta rất vui mừng, có được cái tâm thù thắng vi diệu, được tâm phấn khởi hoan hỷ. Nay ta có thể nhận lãnh được pháp vi diệu thù thắng này."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

"Chính tôi đã từng trực tiếp nghe từ Đức Phật dạy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: 'Người đời điên đảo nương chấp vào hai bên: hoặc là hữu, hoặc là vô[792]. Người đời thủ các cảnh giới, tâm liền phân biệt chấp trước[793]. Này Ca-chiên-diên, nếu không thọ, không thủ, không trụ, không phân biệt chấp trước ngã; khổ này khi sanh thì sanh, khi diệt thì diệt[794]. Này Ca-chiên-diên, đối với điều đó không nghi ngờ, không mê hoặc, không do ai khác mà tự mình biết, đó gọi là chánh kiến mà Đức Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Này Ca-chiên-diên, vì nếu quán sát như thật về sự tập khởi của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là vô. Quán sát như thật về sự diệt tận của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là hữu[795]. Này Ca-chiên-diên, Như Lai đã xa lìa hai bên, thuyết ở Trung đạo, rằng: cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.'"

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì Tỳ-kheo Xiển-đà xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Khi Tỳ-kheo Xiển-đà đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, khởi pháp, vượt qua khỏi mọi sự hồ nghi, không do ai khác, đối với giáo pháp của Bậc Đại Sư, đạt được vô sở úy; rồi cung kính chắp tay bạch Tôn giả A-nan:

"Cần phải như vậy, bậc trí tuệ Phạm hạnh, thiện tri thức, như vậy giáo thọ, giáo giới, nói pháp. Hôm nay tôi từ chỗ Tôn giả A-nan nghe pháp như vầy: 'Tất cả hành đều không, đều tịch diệt, bất khả đắc, ái tận, ly dục, diệt tận, Niết-bàn, tâm an vui, hoàn toàn an trụ giải thoát, không còn quay lại, không còn thấy ngã, chỉ thấy chánh pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

“Nay, thầy đã được cái lợi tốt nhất, ở trong pháp Phật sâu xa đã đạt được tuệ nhãn của bậc Thánh.”

Lúc này hai vị Chánh sĩ tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ trở về chỗ ở của mình.

Bài kệ tóm tắt:

> Ba kinh Thâu-lũ-na,
>
> Vô minh cũng có ba,
>
> Vô gián đẳng và diệt,
>
> Phú-lưu-na, Xiển-đà.

---o0o---

KINH 263. ỨNG THUYẾT[796]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong xóm Tạp sắc mục ngưu[797], ở nước Câu-lưu[798].

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ta do tri kiến mà diệt tận các lậu[799], chứ không phải không tri kiến. Thế nào là do tri kiến mà diệt tận các lậu, chứ không phải không tri kiến? Nghĩa là: ‘Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức.’ Nếu không cần phương tiện, tùy thuận thành tựu, mà dụng tâm cầu mong rằng: ‘Mong ta diệt sạch được các lậu, tâm được giải thoát,’ nên biết, Tỳ-kheo kia cuối cùng không thể diệt sạch được các lậu để giải thoát. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

“Giống như gà mái đẻ ra nhiều trứng, nên không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, mà lại mong cho gà con dùng móng chân, dùng mỏ để mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Nên biết, gà con kia không đủ sức để dùng móng chân,

dùng mỏ mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Vì sao? Vì gà mái kia không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, nuôi lớn gà con.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo không tinh cần tu tập, tùy thuaận thành tựu, mà lại mong diệt sạch hết các lậu để giải thoát, thì việc này không thể có được. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tuy không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo kia các lậu cũng tự diệt sạch, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như gà mái khéo nuôi dưỡng con mình, thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, cho dù nó không muốn gà con tìm cách tự mổ vỏ trứng để ra, nhưng các con của nó cũng tự tìm đủ cách để thoát ra ngoài một cách an toàn. Vì sao? Vì gà mái thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo cần phương tiện, thì cho dù không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo này các lậu tự hết, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì đã nhờ vào sự chuyên cần tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như một người thợ khéo[800], hay học trò của người thợ khéo, tay cầm cán búa, cầm mãi không rời, dần dần trên cán búa mòn đi, hiện rõ chỗ ngón tay cầm, nhưng chỗ mòn hiện ra vì quá vi tế nên người kia không biết cán búa bị mòn.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì sẽ không tự mình thấy biết là hôm nay lậu hết chừng mức nào, hay ngày mai lậu hết chừng mức nào; nhưng Tỳ-kheo kia biết là hữu lậu đã hết sạch. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như chiếc thuyền lớn đậu bờ biển; trải qua tháng sáu mùa hè[801] bị gió xát, mặt trời nung, dây cột đứt từ từ[802]. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tất cả những kết, sử, phiền não, triền[803] dần dần sẽ được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ khéo tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo."

Khi nói pháp này, thì sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 264. TIỂU THỔ ĐOÀN[804]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ trong khi đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?'

Vào buổi chiều, sau khi Tỳ-kheo này từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trong khi con đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?' Nay bạch Thế Tôn: 'Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Và có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?'

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất nhỏ[805] hỏi Tỳ-kheo kia:

"Ông có thấy hòn đất trong tay Ta không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã thấy."

Phật lại nói:

"Tỳ-kheo, ngã nhỏ bằng một ít đất như vậy cũng là bất khả đắc. Nếu ngã là khả đắc, thì nó là pháp thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi."

Phật nói với Tỳ-kheo:

"Ta nhớ lại đời trước, tu phước lâu dài, đã được quả báo thù thắng vi diệu, khả ái. Ta đã từng trong bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại, không tái sanh vào thế gian này. Trong bảy kiếp hoại Ta sanh lên cõi trời Quang âm, trong bảy kiếp thành Ta lại sanh vào trong cung điện trống không trong cõi Phạm, làm Đại Phạm vương, thống lãnh ngàn thế giới, không ai hơn, không ai trên. Từ đó trở về sau, ba mươi sáu lần Ta lại làm Thiên đế Thích, rồi lại trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng chánh pháp để giáo hóa và cai trị; có đầy đủ bảy báu: báu xe, báu voi, báu ngựa, báu ma-ni, báu ngọc nữ, báu đại thần chủ kho tàng, báu đại thần chủ binh. Ta có đầy đủ ngàn người con tất cả đều dõng mãnh. Ở trong bốn biển, đất đai bằng phẳng, không có những thứ gai độc; chỉ dùng chánh pháp để điều phục, chứ không dùng oai thế, hay bức bách.

"Pháp vua Quán đảnh[806], có tám vạn bốn ngàn long tượng đều được dùng các thứ báu để trang sức trang nghiêm, lưới báu phủ lên, dựng cờ quý báu; ở đây tượng vương Bố-tát[807] dẫn đầu, hai buổi sáng chiều tự động hội tụ trước điện. Lúc ấy Ta nghĩ: 'Bầy voi lớn này, mỗi ngày qua lại đạp chết chúng sanh vô số. Ta ước sao bốn vạn hai ngàn voi, cứ một trăm năm trở lại một lần.' và sở nguyện của Ta liền được như ý. Trong tám vạn bốn ngàn voi đó, có bốn vạn hai ngàn voi cứ trăm năm đến lại một lần.

"Pháp vua Quán đảnh lại có tám vạn bốn ngàn con ngựa; cũng dùng hoàn toàn vàng ròng làm dụng cụ để cưỡi, lưới vàng phủ lên. Ở đây mã vương Bà-la[808] dẫn đầu chúng.

"Pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn cỗ xe bằng bốn loại báu như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha lê; dùng da sư tử, da cọp, da beo và vải tạp sắc khâm-ba-la[809] phủ lên trên; đứng đầu là xe âm thanh Bạt-cầu tỳ-xà-da-nan-đề[810].

"Pháp vua Quán đảnh thống lãnh tám vạn bốn ngàn thành, nhân dân đông đúc, an lạc, phồn vinh. Đứng đầu là thành Câu-xá-bà-đề[811].

"Pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn cung điện bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ma ni; Do-ha[812] là trên hết.

"Này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn giường bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê; cùng các loại nệm bằng lụa quý, được trải lên trên nó bằng loại ngọa cụ Ca-lăng-già[813] và đặt lên những chiếc gối đỏ.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua quán đảnh lại có tám vạn bốn ngàn y phục, gồm bốn thứ như y ca-thi-tế[814], y sô-ma[815], y đầu-cưu-la[816], y câu-triêm-bà[817].

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, như nữ Sát-lợi, nữ tợ Sát-lợi, huống chi là những người nữ khác.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn đồ ăn thức uống đủ các hương vị.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, chỉ có một người được vua chọn để hầu hạ; trong tám vạn bốn ngàn y phục báu, nhà vua chỉ mặc một y; trong tám vạn bốn ngàn giường báu, nhà vua chỉ nằm một giường; trong tám vạn bốn ngàn cung điện, nhà vua chỉ ở một cung; trong tám vạn bốn ngàn thành, nhà vua chỉ chọn ở một thành, đó là Câu-xá-bà-đề; trong tám vạn bốn ngàn xe báu, nhà vua chỉ đi có một xe đó là Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa[818], để ra khỏi thành du lãm; trong tám vạn bốn ngàn ngựa báu, nhà vua chỉ cưỡi có một con, đó là Bà-la-ha, lông đuôi màu xanh biếc; trong tám vạn bốn ngàn long tượng, nhà vua chỉ cưỡi một voi, đó là Bố-tát-đà để ra khỏi thành du quán.

“Này Tỳ-kheo, ở đây nhà vua nhờ những nghiệp báo gì mà có được những oai đức tự tại như vậy? Ở đây nhờ vào ba loại nghiệp báo. Những gì là ba? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Tỳ-kheo nên biết, phàm phu vì quen đắm nhiễm ngũ dục nên không biết chán và đủ; còn Thánh nhân vì đã thành tựu được trí tuệ đầy đủ nên thường biết đủ.

“Này Tỳ-kheo, tất cả các hành, quá khứ diệt tận, quá khứ biến dịch. Các vật dụng tự nhiên kia và tên gọi của chúng, tất cả đều ma diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, thôi hãy dừng lại với các hành[819], hãy nhàm chán, đoạn trừ dục, giải thoát.

“Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, vô thường.”

“Nếu vô thường thì khổ phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, vô thường."

"Nếu vậy, vô thường là khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì thuộc về hữu sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nên sanh tâm nhàm tởm. Do nhàm tởm mà ly dục, giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nên sanh tâm nhàm tởm. Do nhàm tởm mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui. Sau đó luôn luôn nhớ về những lời dạy với thí dụ nhúm đất, một mình ở chỗ vắng vẻ, tinh tấn siêng năng tư duy, sống không buông lung. Sau khi sống không buông lung, vị ấy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,… cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Lúc ấy, Tôn giả này cũng tự biết pháp, tâm đạt được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

---o0o---

KINH 265. BÀO MẠT[820]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng[821].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn,

như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân, đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng[822] chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng và, khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quáng nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào rừng núi. Thấy một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không gì có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xa, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn,

như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Quán sắc như bọt nước,

Thọ như bong bóng nước,

Tưởng như quáng nắng xuân,

Các hành như cây chuối,

Các thức pháp như huyễn,

Đấng Nhật thân[823] dạy vậy.

Tư duy kỹ khắp cả,

Chánh niệm khéo quán sát:

Không thật, chẳng kiên cố,

Không có ngã, ngã sở.

Đối thân khổ ấm này,

Đại Trí phân biệt dạy,

Xa lìa ba pháp này,

Thân thành vật vất bỏ:

Thọ, hơi ấm và thức.

Lìa chúng, phần thân khác,

Vĩnh viễn vùi gò hoang,

Như gỗ, không thức tưởng.

Thân này thường như vậy,

Huyễn dối dụ người ngu;

Như gai độc, như sát,

Không có gì chắc thật.

Tỳ-kheo siêng tu tập,

Quán sát thân ấm này,

Chuyên tinh luôn ngày đêm,

Chánh trí, buộc niệm lại,

Hành hữu vi ngừng nghỉ,

Vĩnh viễn chốn thanh lương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 266. VÔ TRI (1)[824]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sanh tử vô thỉ, vì bị vô minh che khuất, ái kết[825] buộc ràng, luân hồi trong đêm dài tăm tối, nên không biết được biên tế tối sơ[826] của khổ. Cũng như trăm thứ cỏ cây, lúa, thóc, mọc trên mặt đất, tất cả đều bị khô héo vì lâu ngày không mưa. Này các Tỳ-kheo, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ[827].

"Này các Tỳ-kheo, có khi nước trong biển lớn cũng khô cạn vì lâu ngày trời không mưa. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, núi chúa Tu-di[828] tất phải sụp đổ. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, quả đất này bị tan hoại. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị cột vào trụ. Khi sợi dây chưa bứt, nó lâu dài đi quanh cây trụ, chuyển động luân hồi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì chúng sanh ngu si không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, nên mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo sắc. Cũng vậy, nếu không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, thì sẽ mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo thọ, tưởng, hành, thức.

"Này các Tỳ-kheo, nó bị chuyển theo sắc, chuyển theo thọ, chuyển theo tưởng, chuyển theo hành, chuyển theo thức. Vì bị chuyển theo sắc nên không thoát khỏi sắc; vì bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức nên không thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Vì không thoát, nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại

của sắc, về sự xuất ly của sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, nên không bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức. Vì không bị chuyển theo, nên thoát khỏi sắc, thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói vị ấy sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 267. VÔ TRI (2)[829]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh, đối với sanh tử vô thỉ, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, luân hồi trong lâu dài, mà không biết được biên tế tối sơ của khổ.

"Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị dây cột vào trụ. Dây trói không đứt, nó xoay chuyển quanh cây trụ, khi đứng, khi nằm, không rời khỏi trụ. Cũng vậy, chúng sanh phàm phu ngu muội, đối với sắc không lìa tham dục, không xa lìa ái, không lìa niệm, không xa lìa khát, luân hồi theo sắc, chuyển xoay theo sắc, khi đứng, khi ngồi, không rời khỏi sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, theo thọ, tưởng, hành, thức chuyển xoay, khi đứng, khi nằm không rời khỏi thức.

"Này các Tỳ-kheo, hãy khéo quán sát tư duy tâm. Vì sao? Vì trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh[830].

"Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy có một sắc[831] mà đa dạng như chim có sắc đốm[832], tâm mình lại còn hơn thế nữa. Vì sao? Tâm chúng sanh kia đa dạng, nên sắc cũng đa dạng. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Này các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân

nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

"Tỳ-kheo, nên biết, ngươi có thấy chim Ta-lan-na[833] có nhiều màu sắc không?"

Đáp:

"Thế Tôn, đã từng thấy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, như loài chim Ta-lan-na có nhiều màu sắc, Ta nói tâm của chúng cũng có nhiều như vậy. Vì sao? Vì tâm của chim Ta-lan-na đa dạng, nên màu sắc đa dạng[834]. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Này các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

"Giống như người thợ vẽ, hay học trò của người thợ vẽ, khéo dọn sạch đất, rồi dùng các thứ màu, theo ý mình vẽ nên các loại hình tượng khác nhau.

"Cũng vậy Tỳ-kheo, chúng sanh phàm phu ngu si, không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về sắc nên thích thú đắm nhiễm sắc. Vì thích thú đắm nhiễm sắc, nên lại sanh ra các sắc vị lai. Cũng vậy, phàm phu ngu si, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Không biết như thật nên thích thú đắm nhiễm thức. Thích thú đắm nhiễm thức, nên lại sanh ra các thức vị lai. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai sẽ sanh nên đối với sắc không giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không giải thoát. Ta nói người này không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Có đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật rồi nên không đắm nhiễm sắc. Không đắm nhiễm nên không sanh ra sắc vị lai. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Biết như thật nên không nhiễm đắm thức, vì không đắm nhiễm nên không sanh ra các thức vị lai. Không thích nhiễm sắc,

thọ, tưởng, hành, thức nên đối với sắc sẽ được giải thoát và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ được giải thoát. Ta nói những người này sẽ giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 268. HÀ LƯU[835]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như nước sông phát xuất từ khe núi, nước sâu chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi tất cả những vật chìm nổi. Hai bên bờ sông mọc um tùm nhiều loại cỏ cây, bị dòng nước lớn cuốn rạp cả hai bên bờ. Nhiều người lội qua, số lớn bị nước cuốn trôi, theo dòng chìm đắm; gặp sóng đẩy vào gần bờ, dùng tay chộp lấy cỏ cây, nhưng cây cỏ lại bị đứt và trở lại theo dòng nước cuốn trôi.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh phàm phu ngu muội nào không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì không biết như thật nên đắm nhiễm sắc, ở nơi sắc, nói sắc là ngã[836], nhưng rồi sắc kia theo đó mà đoạn. Cũng vậy, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức,... về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đắm nhiễm thức, nói thức là ngã, nhưng rồi thức kia lại theo đó mà đoạn.

“Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì đã biết như thật nên không đắm nhiễm sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật nên không đắm nhiễm thọ, tưởng, hành, thức. Không đắm nhiễm nên như vậy tự biết chứng đắc Bát-niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 269. KỲ LÂM[837]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Những pháp không thích ứng của các ông[838], thì hãy nên lìa bỏ hết. Nếu buông bỏ những pháp này rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài.

"Tỳ-kheo, những pháp nào không thích ứng của các ông, mà các ông phải nhanh chóng lìa bỏ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là pháp thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ hết. Nếu dứt sạch pháp này rồi các ông sẽ được an vui lâu dài.

"Giống như cây cối trong rừng Kỳ-hoàn[839]; có người đến chặt cành lá rồi đem đi, các ông cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì những cây này chẳng phải ta, chẳng phải sở hữu của ta. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, những gì không là thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ tất cả. Nếu xa lìa hết rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài. Những gì không phải thích ứng của các ông? Sắc không phải là thích ứng của các ông, phải lìa bỏ hết. Nếu xa lìa rồi thì sẽ được an vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải thích ứng của các ông, hãy nhanh chóng lìa bỏ. Nếu buông bỏ các pháp này rồi, sẽ được an vui lâu dài.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Phật dạy:

"Tỳ-kheo, vậy vô thường là khổ phải không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không[840]?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, không.”

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Thế Tôn, là vô thường.”

Phật bảo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, không.”

“Tỳ-kheo, cho nên, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thánh đệ tử phải quán sát năm thọ ấm này chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Lúc quán sát như vậy, đối với thế gian không có

gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên tự đạt Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 270. THỌ[841]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tu tập tưởng vô thường[842], tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điệu mạn[843], vô minh[844].

"Giống như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày đất cho sâu, làm sạch hết cỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Tỳ-kheo, như người cắt cỏ, tay cầm ngọn cỏ, đưa lên và giũ sạch, tất cả cỏ khô héo đều rơi rớt hết và lấy được những cọng cỏ dài. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như trái Am-la[845] bám lơ lửng trên cây; một cơn gió mạnh thổi qua cành, quả rụng xuống. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như bên trong lầu gác là nơi chứa các loại gỗ ván quí, bền chắc, để gìn giữ không cho thất lạc. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như trong tất cả dấu chân của chúng sanh, dấu chân voi là lớn hơn, vì nó có thể chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như tất cả các sông ngòi ở thế gian này đều đổ vào biển cả. Biển cả là hơn hết, vì nó dung nạp tất cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như mặt trời xuất hiện, có thể phá tan mọi sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như Chuyển luân Thánh vương, so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh?

"Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tưởng vô thường, thì có thể tu tập được tưởng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tưởng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 271. ĐÊ-XÁ[846]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Đê-xá[847], cùng với một số đông Tỳ-kheo khác tập hợp tại nhà ăn. Tỳ-kheo Đê-xá nói với các Tỳ-kheo:

"Thưa các Tôn giả, đối với pháp tôi không thể phân biệt[848]. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp."

Bấy giờ trong chúng có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo Đê-xá, nhân lúc chúng tăng tập hợp tại nhà ăn, đã nói lên những lời như vầy: ‘Đối với pháp tôi không thể phân biệt. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp.’”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo Đê-xá này là kẻ ngu si, không gìn giữ các căn, ăn uống không có chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tâm không tỉnh thức, giải đãi biếng nhác, không nỗ lực tinh tấn, không khéo quán sát tư duy pháp thiện. Tỳ-kheo này mà đối với phân biệt pháp, tâm thích tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ và ở trong chánh pháp mà xa lìa mọi sự nghi hoặc, thì việc này không thể xảy ra. Nếu Tỳ-kheo giữ gìn các căn, ăn uống chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tỉnh thức tinh tấn, quán sát pháp lành; với Tỳ-kheo ấy, sự yêu thích pháp phân biệt, ưa tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ, tâm không nghi ngờ pháp, điều này có thể xảy ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến nói Tỳ-kheo Đê-xá rằng Đạo Sư cho gọi.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, xin vâng.”

Sau khi lễ dưới chân Phật, Tỳ-kheo kia đến chỗ Đê-xá bảo rằng:

“Trưởng lão Đê-xá, Đức Thế Tôn cho gọi ông.”

Đê-xá vâng lời, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo Đê-xá:

“Này Đê-xá, có thật ngươi cùng với nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn và tuyên bố những lời như vầy: ‘Thưa các trưởng lão, đối với pháp, tôi không thể phân biệt, tôi không thích tu phạm hạnh, mà chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và đối với pháp còn nghi hoặc’?”

Đê-xá bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật hỏi Đê-xá:

"Bây giờ Ta hỏi ngươi, hãy trả lời tùy ý.

"Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi thì ngươi nghĩ thế nào, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Nếu đối với sắc mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì quả thật sẽ khởi lên buồn lo, khổ não. Thế Tôn, thật như vậy, không khác."

Phật bảo Đê-xá:

"Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục.

"Này Đê-xá đối với thọ, tưởng, hành, thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì ý ngươi nghĩ sao, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đối với thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì thật sự sẽ khởi lên buồn lo và khổ não. Bạch Thế Tôn, thật như vậy, không khác."

Phật bảo Đê-xá:

"Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục đối với thức."

Phật nói với Đê-xá:

"Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, không khác.”

“Ý ngươi nghĩ sao? đối với thọ, tưởng, hành, thức lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?”

Đê-xá bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, chẳng khác.”

Phật bảo Đê-xá:

“Lành thay! Lành thay! Đê-xá, bây giờ Ta sẽ nói thí dụ, người trí sẽ nhờ thí dụ mà hiểu được. Như hai người bạn cùng đi trên một con đường, một người biết rành đường, một người không rành đường. Người không biết nói với người biết như vầy: ‘Tôi muốn đến thành phố kia, thôn ấp kia, làng xóm kia, hãy chỉ đường cho tôi đến đó.’ Khi ấy, người rành đường liền chỉ đường cho người kia, nói rằng: ‘Anh đi theo con đường này và sẽ thấy hai con đường ở phía trước; bỏ bên trái đi theo lối phải tới trước, sẽ gặp hầm hố và dòng sông. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, sẽ gặp một khu rừng. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, cứ như vậy, từ từ tiến bước về phía trước thì sẽ đến thành kia.’”

Phật bảo Đê-xá:

“Thí dụ này như vầy: người không biết đường là ví cho kẻ phàm phu ngu si, còn người biết đường là ví cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai con đường trước là chỉ cho sự hồ nghi của chúng sanh. Con đường trái là chỉ cho ba pháp bất thiện: tham, nhuế và hại giác[849]. Con đường bên phải là chỉ cho ba thiện giác: xuất yếu ly dục giác, bất sân giác, bất hại giác[850]. Đi vềđường bên trái là chỉ cho tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đi về đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Còn hầm hố và dòng nước là chỉ cho sân nhuế, buồn lo, che lấp. Rừng cây là chỉ cho năm công đức của dục. Thành kia là chỉ cho Niết-bàn.”

Phật bảo Đê-xá:

"Phật là vị Đạo Sư, vì các hàng Thanh văn mà những gì cần làm đã làm xong. Như nay, vì lòng thương xót nên đưa đến sự lợi ích, an vui; phận sự Ta đã làm xong. Hôm nay ngươi hãy làm những việc phải làm. Hãy đến dưới bóng cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm chỗ ngồi, khéo tư duy chánh niệm, tu tập không buông lung, chớ để tâm hối hận về sau này. Nay Ta dạy ngươi như vậy."

Bấy giờ, Đê-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 272. TRÁCH CHƯ TƯỞNG[851]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong chúng xảy ra một việc tranh cãi nhỏ. Thế Tôn vì sự cố ấy quở trách các Tỳ-kheo. Vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y mang bát vào thành khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài xếp y bát, rửa chân, rồi đi vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, một mình tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Trong chúng vừa xảy ra một việc tranh cãi nhỏ, Ta đã quở trách các Tỳ-kheo. Nhưng trong chúng này có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Ta luôn luôn có lòng thương xót đối với các Tỳ-kheo; nay cũng vì lòng thương xót, Ta nên trở về để nhiếp thủ đồ chúng này."

Bấy giờ, vua Đại phạm biết được ý nghĩ của Phật, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc đã biến mất khỏi cõi trời Phạm thiên, đến trước Phật bạch:

"Thật vậy, Thế Tôn! Thật vậy, Thiện Thệ! Thế Tôn đã quở trách các Tỳ-kheo vì một chút việc tranh cãi nhỏ. Ở trong chúng kia có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không trông thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Thế Tôn luôn luôn vì lòng thương xót, nhiếp thọ chúng Tăng. Lành thay, Thế Tôn! Hôm nay xin Ngài trở về để nhiếp thủ các Tỳ-kheo."

Bấy giờ, Thế Tôn vì rủ lòng thương tưởng Phạm thiên, Ngài im lặng nhận lời. Khi ấy, trời Đại phạm biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời rồi, đảnh lễ Phật và đi nhiễu bên phải ba vòng rồi biến mất.

Vua Đại phạm đi chưa bao lâu, Đức Thế Tôn trở về vườn Cấp cô độc, trải tọa cụ ngồi ngay thẳng, biểu hiện ra bên ngoài các tướng vi tế, khiến cho các Tỳ-kheo mới dám đến hầu gặp. Các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật với vẻ mặt đầy hổ thẹn, sau khi đảnh lễ dưới chân Phật rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Người xuất gia có cuộc sống thấp hèn[852]; cạo tóc, ôm bát, khất thực từng nhà, giống như bị cấm chú[853]. Sở dĩ như vậy, là vì muốn cầu mục đích cao thượng[854], muốn thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, tận cùng biên tế của khổ.

"Này các Thiện nam, các ông không vì vua, giặc sai sử, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, mà chính vì muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Các ông há không vì mục đích ấy mà xuất gia chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo các ông, vì mục đích cao thượng như vậy mà xuất gia, vậy tại sao ở đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra nhiễm đắm quá mức, sân nhuế, hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm, không định, các căn mê loạn?

"Giống như người từ tối tăm vào tối tăm; từ mờ mịt vào mờ mịt; từ hầm phẩn ra rồi lại rơi vào hầm phẩn; dùng máu rửa máu; lìa bỏ các việc ác, rồi trở lại nắm lấy các việc ác. Ta nói những thí dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như vậy.

"Lại giống như củi thiêu tử thi, bị ném bỏ trên gò mả, không bị tiều phu thu gom. Ta nói thí dụ này, thì đối với Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá mức, sân nhuế hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm không định, các căn tán loạn cũng lại như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện giác[855], đó là: tham giác, nhuế giác, hại giác. Ba giác này do tưởng mà sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: Tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng[856]… Các pháp bất thiện

giác từ đây sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; tham giác, nhuế giác, hại giác và vô lượng thứ bất thiện, làm sao để diệt sạch rốt ráo? Hãy buộc tâm vào bốn Niệm xứ, hãy an trụ nơi vô tướng tam-muội, tu tập, tu tập nhiều; pháp ác bất thiện từ đây diệt hết, dứt sạch không còn sót, là chính nhờ ở pháp này.

"Người thiện nam, người thiện nữ có lòng tin vui xuất gia, tu tập vô tướng tam-muội; tu tập, tu tập nhiều, sẽ trụ trong cửa cam lộ, cho đến cứu cánh cam lộ Niết-bàn[857]. Ta không nói cam lộ Niết-bàn này y cứ vào ba kiến. Những gì là ba? Có một hạng chủ trương như vầy, nói như vầy: 'Mạng tức là thân.' Lại có hạng chủ trương như vầy: 'Mạng khác thân khác.' Lại nói như vầy: 'Sắc là ngã, không hai không khác, tồn tại mãi mãi, không biến đổi.' Đa văn Thanh đệ tử tư duy như vầy: 'Thế gian có pháp nào đáng để chấp thủ mà không có sai lầm tội lỗi?' Khi tư duy rồi, họ không thấy một pháp nào khả thủ mà không có sai lầm tội lỗi cả. Nếu ta chấp thủ sắc, tức là có sai lầm tội lỗi. Nếu chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức thì có sai lầm tội lỗi. Đã biết vậy rồi, thì đối với các pháp thế gian không có gì để chấp thủ, vì không có gì để chấp thủ nên tự mìmh giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Bài kệ tóm tắt:

Ưng thuyết, tiểu thổ đoàn,

Bào mạt, hai vô tri,

Hà lưu, Kỳ lâm, thọ,

Đê-xá, trách chư tưởng.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 11

KINH 273. THỦ THANH DỤ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình lặng lẽ tư duy: "Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?" Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, Tỳ-kheo này đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: 'Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?'"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì ngươi mà nói hai pháp[858]. Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế nào là hai? Mắt và sắc là hai. Tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là hai pháp.

"Này Tỳ-kheo, nếu có người bảo rằng: 'Sa-môn Cù-đàm nói hai pháp, nhưng đó chẳng phải là hai. Nay tôi sẽ bỏ cái này để lập hai pháp khác.' Người kia chỉ nói suông[859], nhưng nếu gạn hỏi thì không biết và càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên mắt và sắc nên sanh ra nhãn thức.

"Này Tỳ-kheo, mắt này là hình thịt[860], là bên trong, là nhân duyên, là cứng[861], là thọ[862]. Đó gọi là nội địa giới, hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, chất dịch từ mắt tiết ra, là thọ. Đó gọi là nội thủy giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, phát ra ánh sáng ấm nóng, là thọ. Đó gọi là nội hỏa giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc ở trong, hoặc nhân duyên, dao động nhẹ nhàng, là thọ. Đó là nội phong giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, thí như hai tay chập lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường, mà đó là cái ngã vô thường; chẳng phải lâu bền, chẳng phải an ổn, đó là cái ngã biến dịch. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì nó là pháp thọ sanh có sanh, già, chết, tiêu mất.

“Này Tỳ-kheo, các hành như huyễn, như sóng nắng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở.

“Ví như người mắt sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở. Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Mắt là thường hay là vô thường?”

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Phật lại hỏi:

“Nếu vô thường là khổ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Phật lại hỏi:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như vậy đa văn Thánh đệ tử đối với mắt sanh nhàm tởm; nhàm tởm nên không ưa thích, không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Tỳ-kheo ấy nghe Phật thuyết về kinh thí dụ hai tay hợp lại phát tiếng, một mình đi đến chỗ vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung, … tự biết không còn thọ thân sau, thành A-la-hán.

---o0o---

KINH 274. KHÍ XẢ[863]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Những gì không phải là của các ông có, cần phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ hết pháp đó rồi, thì được an vui lâu dài. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Ở trong rừng Kỳ-hoàn này, các thứ cỏ cây, cành lá, nếu có người mang đi, thì các ông có nghĩ rằng: 'Những vật này là tôi, là của tôi, người kia sao lại đem đi?'"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì những vật này chẳng phải ta, chẳng phải của ta."

"Tỳ-kheo, các ông cũng lại như vậy, đối với vật không phải của mình, phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ những pháp này rồi, thì được an vui lâu dài. Những gì không phải sở hữu của các ông? Mắt, không phải của các ông, nên xả bỏ; khi đã xả bỏ rồi, thì được an vui lâu dài. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào, Tỳ-kheo, mắt là thường hay là vô thường?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Phật lại hỏi:

"Nếu là vô thường thì khổ phải không?"

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Phật lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ này, nên quán sát chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Khi quán sát rồi, đối với các pháp thế gian không chấp thủ. Vì không chấp thủ nên không đắm trước, do không đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh

đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 275. NAN-ĐÀ[864]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có người nói: 'Người có sức mạnh nhất chỉ có Nan-đà.' Đây là lời nói chính xác. Có người nói: 'Người đẹp trai nhất cũng chỉ có Nan-đà.' Đây là lời nói đúng. Có người lại nói: 'Người ái dục nặng cũng chỉ có Nan-đà.' Đây là lời nói đúng. Này các Tỳ-kheo, nhưng hiện tại Nan-đà đã đóng cửa các căn, ăn uống điều độ, đầu đêm, cuối đêm tinh tấn siêng năng tu tập, thành tựu chánh trí, có thể suốt đời Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất viên mãn.

"Tỳ-kheo Nan-đà này đã đóng cửa các căn. Nếu mắt thấy sắc, thì không còn chấp giữ tướng dạng của sắc, không chấp giữ vẻ đẹp riêng[865]. Nếu những gì khiến nhãn căn không được phòng hộ[866], bị ngăn che bởi vô minh, tham ái thế gian; Tỳ-kheo khởi tâm phòng hộ[867], không để các pháp ác bất thiện ấy tiết lậu vào tâm. Tỳ-kheo sanh các luật nghi để phòng hộ các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý[868]. Đó gọi là Tỳ-kheo Nan-đà đóng cửa các căn[869].

"Thế nào là ăn uống có điều độ? Tỳ-kheo Nan-đà đối với sự ăn có hệ số[870], không vì tự cao, không vì buông lung, không vì sắc đẹp, không vì trang nghiêm, vừa đủ nuôi thân mà thôi, không kể ngon dở, cốt trừ đói khát để tu phạm hạnh; vì để đối với những cảm giác khổ đã khởi lên trước đây, liền làm cho dập tắt, những cảm giác khổ chưa khởi khiến cho không khởi; vì để thành tựu được ý chí hướng thượng[871]; vì để khí lực an lạc, sống một mình không cần ai biết đến[872]. Như người đi xe phải bôi dầu, không vì tự cao, (*chi tiết như trên, cho đến*) không vì trang điểm, mà vì để vận tải. Cũng giống như xức ghẻ, không vì tham vị thuốc mà vì muốn hết đau. Cũng vậy, thiện gia nam tử Nan-đà biết ăn uống có điều độ,… cho đến, sống một mình không cần ai biết đến. Đó gọi là Nan-đà biết ăn uống có điều độ.

“Thiện nam tử Nan-đà đầu đêm, cuối đêm, tinh tấn siêng năng tu tập. Nan-đà ban ngày kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tịnh; đầu đêm kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tịnh[873]; nửa đêm ra ngoài phòng rửa chân, rồi vào trong phòng nằm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng, nghĩ tưởng đến sự tỉnh dậy; cuối đêm từ từ tỉnh dậy, kinh hành, tọa thiền. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà, đầu đêm, cuối đêm, tinh tấn siêng năng tu tập.

“Thiện gia nam tử Nan-đà kia có thắng niệm, chánh tri[874]. Thiện nam tử Nan-đà quán sát phương Đông, nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát. Quán sát phương Nam, phương Tây, phương Bắc lại cũng như vậy. Nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát; người nào quán sát như vậy, thì các pháp bất thiện, tham ưu ở thế gian không lọt vào tâm được.

“Thiện nam tử Nan-đà kia tỉnh giác khi các thọ sanh khởi, tỉnh giác khi các thọ đình trú, tỉnh giác khi các thọ diệt; luôn trú trong chánh niệm, không cho tán loạn; tỉnh giác khi các tưởng sanh khởi, tỉnh giác khi các tưởng đình trú, tỉnh giác khi các tưởng diệt; tỉnh giác khi các giác[875] sanh khởi, tỉnh giác khi các giác trú, tỉnh giác khi các giác diệt; luôn trú trong chánh niệm, không cho tán loạn. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà thành tựu chánh niệm, chánh trí.

“Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: ‘Đóng kín cửa các căn như thiện nam tử Nan-đà; ăn uống có điều độ như thiện nam tử Nan-đà; đầu đêm, cuối đêm tinh tấn siêng năng tu tập như thiện nam tử Nan-đà; thành tựu chánh niệm, chánh trí như thiện nam tử Nan-đà.’ Như pháp truyền dạy cho Nan-đà cũng nên được đem dạy cho người khác.”

Khi ấy có Tỳ-kheo nọ nói kệ:

Khéo đóng cửa các căn,
Nhiếp tâm, trú chánh niệm,
Ăn uống biết điều độ,
Giác biết các tướng tâm,
Thiện nam tử Nan-đà,
Được Thế Tôn khen ngợi.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 276. NAN-ĐÀ THUYẾT PHÁP[876]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có chúng Đại Thanh văn ni ở trong vườn vua nước Xá-vệ. Tên các Tỳ-kheo-ni này là Thuần-đà Tỳ-kheo-ni, Dân-đà Tỳ-kheo-ni, Ma-la-bà Tỳ-kheo-ni, Ba-la-giá-la Tỳ-kheo-ni, Đà-la-tỳ-ca Tỳ-kheo-ni, Sai-ma Tỳ-kheo-ni, Nan-ma Tỳ-kheo-ni, Cáo-nan-xá Cù-đàm-di Tỳ-kheo-ni, Ưu-bát-la-sắc Tỳ-kheo-ni, Ma-ha Ba-xà-ba-đề Tỳ-kheo-ni. Những vị này cùng một số Tỳ-kheo-ni khác đều ở trong vườn vua.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề[877] cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni lần lượt trước sau đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Thế Tôn vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề mà thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ[878]. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, Ngài khiến họ lui về, bảo rằng:

"Tỳ-kheo-ni, thời gian thích hợp, nên đi!"

Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe những điều Phật dạy, vui vẻ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, mới bảo các Tỳ-kheo:

"Ta nay tuổi đã già yếu, không còn có thể vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp được. Tỳ-kheo Tăng các người, từ nay các Thượng tọa tôn đức giáo thọ các Tỳ-kheo-ni."

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Thế Tôn, tuần tự theo thứ lớp giáo thọ các Tỳ-kheo-ni. Theo thứ tự, đến phiên Nan-đà.

Bấy giờ, theo thứ tự, Nan-đà nên đi nhưng không muốn đi giáo thọ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau lần lượt đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, cho đến… xin được nghe pháp. Nghe xong họ vui vẻ, đảnh lễ rồi ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, liền hỏi Tôn giả A-nan:

“Hôm nay đến phiên ai giáo thọ các Tỳ-kheo-ni?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Thượng tọa đã lần lượt giáo thọ Tỳ-kheo-ni rồi, nay tới phiên Nan-đà, nhưng Nan-đà không muốn giáo thọ.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Ngươi hãy giáo thọ các Tỳ-kheo-ni, vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp. Vì sao? Vì Ta đã đích thân dạy dỗ các Tỳ-kheo-ni, nên ngươi cũng phải như vậy. Ta đã vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp, thì ngươi cũng nên như vậy.”

Bấy giờ, Nan-đà im lặng vâng lời.

Sáng sớm hôm sau, Nan-đà đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, thu cất y bát, rửa chân xong vào thất tọa thiền. Rồi tỉnh giác thiền tịnh, Nan-đà đắp y Tăng-già-lê và dẫn theo một Tỳ-kheo đi đến vườn vua. Các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tôn giả Nan-đà đến, vội vàng trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Nan-đà an tọa xong, các Tỳ-kheo-ni cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni:

“Này các cô! Các cô có điều gì xin hỏi tôi, tôi sẽ vì các cô mà nói pháp. Các cô nếu hiểu rồi, thì nói là đã hiểu; nếu chưa hiểu thì nên nói là chưa hiểu. Đối với những nghĩa lý mà tôi đã nói ra, nếu đã hiểu thì hãy khéo thực hành, nếu không hiểu thì phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng nói lại.”

Các Tỳ-kheo-ni bạch Tôn giả Nan-đà:

“Ngày nay chúng con nghe Tôn giả dạy, cho phép chúng con hỏi, bảo chúng con rằng: ‘Các cô nếu hiểu rồi, thì nói là đã hiểu; nếu chưa hiểu, thì nên nói là chưa hiểu. Đối với những nghĩa lý mà tôi đã nói ra, nếu đã hiểu thì hãy khéo thực hành, nếu không hiểu thì phải hỏi lại.’ Chúng con nghe được điều này, lòng rất vui mừng. Bây giờ, chúng con xin hỏi về những nghĩa lý chưa được hiểu.”

Lúc đó Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Thế nào các cô, khi quán sát về nội nhập xứ của mắt có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Khi quán sát về nội nhập xứ của tai mũi, lưỡi, thân, ý có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Bạch Tôn giả Nan-đà, vì đối với pháp này chúng con đã từng thấy biết như thật. Đối với sáu nội nhập xứ quán sát là vô ngã, chúng con từng hiểu ý như vầy: sáu nội nhập xứ là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Lành thay! Các cô nên hiểu như vậy. Sáu nội nhập xứ nên quán sát là vô ngã.

“Này các Tỳ-kheo-ni, ngoại nhập xứ của sắc có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Ngoại nhập xứ của thanh, hương, vị, xúc, pháp, có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu ngoại nhập xứ này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu ngoại nhập xứ như thật là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà khen ngợi các Tỳ-kheo-ni:

“Tốt lắm! Các cô đối với nghĩa này nên quán sát như vầy: ‘Sáu ngoại nhập xứ là vô ngã. Nếu duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, vậy thì nhãn thức này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?’”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, vậy thì ý thức này có phải là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu thức thân này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thức thân như thật là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Lành thay! Đối với nghĩa này các cô nên quán sát như vầy: ‘Sáu thức thân như thật là vô ngã; duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, vậy thì xúc này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?’”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, vậy thì xúc này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu xúc này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý như vầy: Sáu xúc như thật là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: ‘Sáu xúc thân như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên thọ, vậy thì thọ này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?’”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên thọ, vậy thì thọ này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu thọ thân này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thọ thân như thật là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà lại bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: ‘Sáu thọ thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tưởng, vậy thì tưởng này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?’”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Hỏi tiếp:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,... pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tưởng, vậy thì tưởng này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu tưởng thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu tưởng thân như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu tưởng thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tư, vậy thì tư này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tư, vậy thì tư này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu tư thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu tư thân này như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu tư thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên ái, vậy thì ái này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên ái, vậy thì ái này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu ái thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu ái thân này như thật là vô ngã.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Đối với nghĩa này các cô nên quán sát như vầy: ‘Sáu ái thân này như thật là vô ngã.’

“Này các Tỳ-kheo-ni, ví như nhờ vào có dầu và nhờ vào tim đèn nên đèn được cháy sáng. Dầu này là vô thường, tim đèn là vô thường, lửa là vô thường, cây đèn cũng là vô thường. Nếu có người bảo rằng không dầu, không tim, không lửa, không đèn mà có ánh sáng thường trụ mãi mãi, không biến đổi, thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không.”

Tôn giả Nan-đà nói:

“Vì sao? Vì nhờ vào có dầu, tim, cây đèn, nên đèn cháy sáng. Dầu, tim và cây đèn này đều là vô thường. Nếu không dầu, không tim, không đèn thì ánh sáng của cây đèn cũng theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật. Như vậy, này các cô, sáu nội nhập xứ này là vô thường. Nếu có người bảo rằng ‘Hỷ lạc do nhân duyên sáu nội nhập xứ này mà sanh; nó thường hằng, thường trụ, không biến đổi, an ổn’, thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì chúng con đã từng quán sát như thật rằng vì những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: Do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; những pháp làm duyên kia nếu diệt đi, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật.”

“Này các Tỳ-kheo-ni, thí như cây đại thọ có gốc, cành, nhánh, lá. Gốc chúng cũng là vô thường, nên cành, nhánh, lá cũng đều là vô thường. Nếu có người bảo rằng không có cành, nhánh, lá của cây này, mà chỉ có cái bóng của nó là thường trụ mãi mãi, không biến đổi, thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì như gốc, cành, nhánh, lá cây lớn này; gốc chúng cũng là vô thường, nên cành, nhánh, lá cũng là vô thường. Không gốc, không cành, không nhánh, không lá, thì cái bóng nương vào nơi cây đó, tất cả cũng đều không.”

Hỏi tiếp:

“Này các cô, duyên vào ngoại lục nhập xứ vô thường. Nếu bảo rằng ‘hỷ lạc do nhân duyên sáu ngoại nhập xứ mà sanh là thường trụ mãi mãi, không biến đổi và an ổn,’ thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả, không. Vì sao? Vì đối với nghĩa này chúng con đã quán sát như thật, là do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, vắng lặng, mát mẻ, chân thật.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Các Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này nên quán sát như thật, là do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, vắng lặng, mát mẻ, chân thật.

“Các cô hãy nghe tôi nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ này mà hiểu rõ. Như người đồ tể mổ trâu một cách thiện nghệ, hay người học trò của ông ta, tay

cầm dao bén để lột da con trâu, bằng cách lòn lách vào giữa da và thịt mà không phạm vào phần thịt bên trong, cũng không rách phần da ở bên ngoài, kể cả viêïc mổ lột chân cẳng gân cốt con trâu, sau đó dùng tấm da ấy phủ lên nó trở lại. Nếu có người bảo rằng: 'Da thịt của con trâu này hoàn toàn không bị cắt rời.' Vậy, lời nói này có đúng không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì người đồ tể thiện nghệ này và học trò của ông ta tay cầm dao bén, lòn lách vào giữa da và thịt, để lột da mà không chạm đến da thịt của nó, kể cả chân cẳng gân xương, tất cả đều đứt hết, sau đó trùm lại con trâu ấy. Nhưng da thịt đã bị cắt rời, không phải là không bị cắt rời."

"Này các cô, tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của thí dụ này: Con trâu dụ cho sắc thô của thân người, như được nói chi tiết trong kinh Giỏ rắn độc. Thịt là chỉ cho nội lục nhập xứ. Da ngoài chỉ cho ngoại lục nhập xứ. Người đồ tể chỉ cho bậc hữu học thấy dấu[879]. Gân xương ở khoảng giữa da thịt chỉ cho sự câu hữu của hai món tham-hỷ. Dao bén chỉ cho trí tuệ sắc bén. Đa văn Thánh đệ tử dùng dao bén trí tuệ chặt đứt tất cả những kết sử, triền phược, tùy miên, phiền não, tùy phiền não. Cho nên, các cô nên học như vậy. Đối với những pháp đáng yêu thích, tâm không nên đắm trước, vì đểø đoạn trừ tham vậy. Đối với những pháp đáng sân hận, cũng không nên sanh tâm sân hận, vì để đoạn trừ sân vậy. Đối với những pháp đáng si, không nên sanh tâm si, vì để đoạn trừ si vậy. Đối với năm thọ ấm phải quán sát sanh diệt. Đối với sáu xúc nhập xứ phải quán sát về sự tập khởi và sự diệt tận. Đối với bốn Niệm xứ nên khéo buộc tâm. An trú nơi bảy giác phần; khi tu bảy giác phần rồi, thì đối với dục lậu kia tâm không duyên đắm, tâm giải thoát. Đối với hữu lậu, tâm không duyên đắm, tâm giải thoát. Đối với vô minh lậu, tâm không duyên đắm, tâm được giải thoát. Các cô nên học như vậy."

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà, vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng đi với năm trăm Tỳ-kheo-ni quyến thuộc lần lượt đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, lui đứng qua một bên, … cho đến đảnh lễ Phật rồi trở về.

Bấy giờ Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, Ngài mới bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như trăng sáng đêm mười bốn, có nhiều người ngắm trăng; trăng đã tròn hay chưa tròn? Nên biết vầng trăng ấy chưa tròn lắm. Cũng vậy, thiện nam tử Nan-đà vì năm trăm Tỳ-kheo-ni chân chánh giáo thọ, chân chánh thuyết, đối với sự giải thoát của họ, vẫn chưa phải là rốt ráo. Nhưng những Tỳ-kheo-ni này khi mạng chung không một kết sử nào là không đoạn, để có thể khiến cho họ sanh trở lại đời này."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

"Hãy vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp."

Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Tôn giả mang bát vào thành khất thực. Thọ trai xong, Tôn giả đi tới vườn vua, rồi ngồi xuống chỗ ngồi vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rời khỏi chỗ ngồi, đứng dậy ra về.

Một hôm, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau lần lượt đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật,… cho đến đảnh lễ ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã đi rồi, bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như trăng sáng đêm rằm, không còn ai nghi ngờ về vầng trăng tròn hay không tròn, nhưng vầng trăng kia hoàn toàn tròn đầy. Cũng vậy, thiện gia nam tử Nan-đà, đã vì các Tỳ-kheo-ni chân chánh giáo thọ như vậy, cứu cánh giải thoát. Nếu lúc mạng chung, dù không có người nào nói họ sẽ đi về đâu, nhưng họ cũng có thể tự biết đây là biên tế của khổ."

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng quả thứ nhất[880].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 277. LUẬT NGHI BẤT LUẬT NGHI[881]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bất luật nghi và luật nghi[882], các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bất luật nghi? Nếu nhãn căn không được luật nghi thâu giữ[883], thì nhãn thức bị đắm sắc. Vì bị đắm sắc nên sanh ra khổ thọ. Vì khổ thọ nên không được nhất tâm[884]. Vì không nhất tâm nên không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên không lìa nghi hoặc. Vì không lìa nghi hoặc nên bị chúng làm mê lầm chịu khổ mãi mãi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là bất luật nghi.

"Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được luật nghi thâu giữ; khi nhãn thức nhận thức sắc, tâm không nhiễm trước[885]. Khi tâm đã không nhiễm trước thì thường trụ an vui. Vì tâm đã trụ trong an vui nên thường được nhất tâm. Vì đã nhất tâm nên thấy biết như thật. Vì đã thấy biết như thật nên lìa nghi hoặc. Vì đã lìa nghi hoặc nên không bị chúng làm mê lầm và thường trụ trong an vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là luật nghi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 278. THOÁI BẤT THOÁI[886]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có pháp thoái chuyển, không thoái chuyển và sáu xúc nhập xứ.[887] Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là pháp thoái chuyển? Khi mắt biết sắc, tri giác dục vọng phát sanh[888], Tỳ-kheo đó vui mừng, khen ngợi, chấp lấy, dính mắc, thuận theo sự xoay chuyển của pháp này, nên biết Tỳ-kheo này đã thoái chuyển các pháp lành[889]. Thế Tôn nói đó là pháp thoái chuyển. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào là pháp không thoái chuyển? Khi mắt biết sắc mà kết buộc của tri giác dục vọng không sanh, Tỳ-kheo đó không vui mừng, không khen ngợi, không chấp lấy, không dính mắc và đối với pháp này không thuận theo sự xoay chuyển, nên biết Tỳ-kheo này không thoái chuyển các pháp lành. Thế Tôn nói đó là pháp không thoái chuyển. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào là sáu thắng nhập xứ[890]? Khi nhãn thức duyên sắc, mà không sanh tri giác dục vọng dẫn đến kết buộc ô nhiễm, thì nên biết Tỳ-kheo này đã thắng được nhập xứ kia[891]. Thế Tôn nói đó là thắng được nhập xứ kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sáu thắng nhập xứ đã thắng được rồi, thì sẽ đoạn trừ được kết sử tham dục và sẽ đoạn trừ được kết sử ngu si, sân hận. Giống như ông vua đánh thắng oán địch và được tôn là 'Ông vua chiến thắng', người đã đoạn trừ các kết sử rồi được gọi là 'Bà-la-môn chiến thắng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 279. ĐIỀU PHỤC[892]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sáu căn này[893] mà không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, thì đời vị lai sẽ chịu quả báo khổ.

"Sáu căn là những gì? Nhãn căn không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, thì ở đời vị lai sẽ chịu báo khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Phàm phu ngu si không học, khi mắt thấy sắc, chấp thủ tướng chung, chấp thủ tướng riêng; bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, đều an trụ với bất luật nghi được chấp thọ[894]; các ác pháp bất thiện tham ái của thế gian lọt vào tâm, những điều như thế đều do không thể chấp trì luật nghi, phòng hộ nhãn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như thế

đối với sáu căn, không điều phục, không đóng kín, không giữ gìn, không chấp trì, không tu tập thì ở đời vị lai sẽ chịu quả báo khổ.

"Thế nào là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập thì ở đời vị lai sẽ được an vui? Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc không chấp thủ tướng chung, không chấp thủ tướng riêng; bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, vẫn thường an trú với luật nghi. Những pháp ác, bất thiện tham ái ở thế gian không lọt vào tâm, có thể sanh ra các luật nghi, khéo thủ hộ nhãn căn[895]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập, thì ở đời vị lai sẽ được an vui.

Đức Phật liền nói bài kệ:

Nơi sáu xúc nhập xứ,
Trú vào không luật nghi;
Những Tỳ-kheo như vậy,
Mãi mãi chịu khổ lớn.
Đối với các luật nghi,
Luôn tinh cần tu tập,
Chánh tín, tâm không hai,
Các lậu chẳng vào tâm.
Mắt thấy những sắc kia,
Vừa ý không vừa ý;
Vừa ý, không sanh muốn,
Không vừa ý, chẳng ghét.
Tai nghe những âm thanh,
Có niệm và không niệm;
Đối niệm, không ưa đắm,
Không niệm, không khởi ác.
Mũi ngửi đến các mùi,
Hoặc thơm, hoặc là hôi;
Đối thơm, hôi, bình đẳng,

Không muốn, cũng không trái.
Đối các vị để ăn,
Chúng cũng có ngon, dở;
Vị ngon không khởi tham,
Vị dở không kén chọn.
Thân xúc tạo vui sướng,
mà chẳng sanh buông lung;
Xúc chạm bị khổ đau,
Không sanh tưởng oán ghét.
Khổ vui đều buông hết,
Chưa diệt khiến cho diệt.
Phải quán sát tâm ý,
Các tướng, các tướng kia,
Giả dối mà phân biệt,
Dục tham càng rộng lớn.
Giác ngộ các ác kia,
An trú tâm lìa dục.
Khéo nhiếp sáu căn này,
Sáu cảnh xúc không động,
Dẹp sạch các ma oán,
Vượt qua bờ sống chết.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 280. TẦN-ĐẦU THÀNH[896]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Thân-thứ[897], phía bắc thành Tần-đầu[898].

Bấy giờ các Bà-la-môn, trưởng giả trong thành Tần-đầu đều nghe Thế Tôn đang ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía bắc thành Tần-đầu. Họ nghe vậy rồi, tất cả đều ra khỏi thành, đến rừng Thân-thứ, chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật nói với các Bà-la-môn, trưởng giả thành Tần-đầu:

"Nếu có người hỏi các ông: 'Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính, lễ bái, thừa sự, cúng dường?' thì các ông nên đáp là: 'Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mắt thấy sắc mà chưa lìa được tham, chưa lìa được dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa niệm, nội tâm không tịch tịnh, việc làm phi pháp, hành vi thô tháo. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Tỳ-kheo như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, thừa sự, cúng dường.' Nói như vậy xong, lại có người khác hỏi: 'Vì sao những Sa-môn này không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn kia, khi mắt thấy sắc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm họ không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Chúng tôi tìm sự sai biệt ở đây, nhưng không thấy họ khác biệt chúng tôi chỗ nào. Vì vậy, chúng tôi không cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các hạng Sa-môm, Bà-la-môn như vậy.'

"Nếu có người hỏi: 'Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Nếu những vị ấy mắt thấy sắc mà lìa dục, lìa tham, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, trong tâm tịch tịnh, không hành động phi pháp, làm những hạnh bình đẳng, việc làm không lôi thôi và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Sa-môn, Bà-la-môn như vậy đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường.'

"Nếu lại hỏi: 'Vì sao những Sa-môn, Bà-la-môn này được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, nội tâm

tịch tịnh, hành động đúng pháp, hành động không thô tháo; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Ở đây, chúng tôi tìm sự khác biệt và thấy và những vị ấy có chỗ khác chúng tôi. Vì thấy có sự sai biệt, nên chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.'

"Đã trả lời như vậy, nếu có người lại hỏi: 'Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi gì, có hình mạo thế nào và có dấu hiệu nào để khiến cho các ông biết những Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, hướng đến điều phục tham; lìa sân, hướng đến điều phục lìa sân; lìa si, hướng đến điều phục lìa si?' Các ông nên trả lời rằng: 'Chúng tôi thấy Sa-môn, Bà-la-môn này có những biểu hiện như thế này: Ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, giường thấp, hoặc nơi nệm cỏ, tu hạnh viễn ly, xa lìa người nữ, ưa gần người độc cư để cùng thiền định tư duy; nếu ở những chỗ đó mà không có sắc được thấy bởi mắt có thể sanh tâm tham đắm; và không có tiếng được nghe bởi tai có thể sanh tâm tham đắm; mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, có thể sanh tâm tham đắm. Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi như vậy, có hình mạo như vậy và có dấu hiệu như vậy để khiến cho các chúng tôi biết những Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, hướng đến điều phục tham; lìa sân, hướng đến điều phục lìa sân; lìa si, hướng đến điều phục lìa si."

Khi ấy, các Sa-môn và gia chủ Bà-la-môn, bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Không tự khen mình, không chê người, mà chỉ nói ý nghĩa. Mỗi người nơi các nhập xứ tự mình phân biệt nhiễm ô hay thanh tịnh, nói rộng duyên khởi đúng lời nói của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Giống như người cứu được kẻ chết chìm, như mở chỗ bít kín, như chỉ lối cho kẻ lầm đường, như thắp đèn nơi tối. Cũng vậy, Thế Tôn không khen mình, chê người, mà chỉ nói ý nghĩa… cho đến, như lời Như Lai nói."

Các gia chủ Bà-la-môn ở thành Tần-đầu, sau khi nghe những gì Đức Phật đã nói, vui vẻ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 281. OANH PHÁT MỤC-KIỀN-LIÊN[899]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá.

Bấy giờ có Mục-kiền-liên búi tóc[900] xuất gia, đi đến chỗ Phật, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Mục-kiền-liên búi tóc:

"Ông từ đâu đến?"

Mục-liên liền bạch Phật:

"Tôi theo chúng ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn Giá-la-ca[901] xuất gia, vừa hội họp ở giảng đường Vị tằng[902] để nghe pháp và từ rừng đó đến đây."

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Ông vì những phước lực[903] gì mà nghe thuyết pháp từ các chúng Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia kia?"

Mục-kiền-liên tóc búi bạch:

"Tôi thử nghe phước lợi mà họ luận nghị tranh hơn nhau, nghe phước lợi mà họ phản bác luận nghị nhau."

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Từ xưa tới nay, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia, luận nghị tranh hơn nhau, phản bác luận nghị nhau về phước lợi, phá hoại lẫn nhau."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Cù-đàm vì phước lợi mà nói những pháp gì cho các đệ tử, để cho các đệ tử nói lại cho người khác nghe mà không phỉ báng Như Lai, không thêm, không bớt; nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng theo thuận thứ của pháp, để không một người nào có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích?"

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Vì phước lợi quả báo của minh, giải thoát, mà nói lại cho người nghe, thì không phỉ báng Như Lai, không trái đạo lý, nói đúng pháp, đúng thuận thứ của pháp, không ai có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, có pháp nào mà các đệ tử tu tập, thường xuyên tu tập, thì sẽ khiến thành tựu viên mãn phước lợi, minh[904], giải thoát chăng?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Có bảy giác phần, tu tập và thường xuyên tu tập, thì sẽ khiến thành tựu viên mãn phước lợi, minh, giải thoát."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Có pháp nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bảy giác phần đầy đủ chăng?"

Phật bảo:

"Có bốn Niệm xứ, tu tập, tu tập nhiều, sẽ khiến bảy giác phần được đầy đủ."

Mục-kiền-liên tóc búi lại bạch Phật:

"Lại có pháp nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ chăng?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Có ba diệu hành, tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ."

Mục-kiền-liên bạch Phật:

"Lại có pháp nào mà tu tập, tu tập, thì sẽ khiến cho ba diệu hạnh đầy đủ chăng?"

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Có luật nghi của sáu xúc nhập xứ[905], tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến ba diệu hạnh đầy đủ."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Thế nào là luật nghi của sáu xúc nhập xứ mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho ba diệu hạnh đầy đủ?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

“Nếu sắc được nhận thức bởi mắt, vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ, có khả năng nuôi lớn dục lạc, khiến cho người hệ lụy; Tỳ-kheo kia, khi thấy sắc này, không hoan hỷ, không tán thán, không duyên theo, không đắm trước, không trụ vào. Hoặc sắc được nhận thức bởi mắt, không vừa ý, không đáng ưa, không đáng nhớ, đưa đến cảm giác khổ; các Tỳ-kheo này khi thấy, không sợ, không ghét, không hiềm, không tức tối. Đối với sắc đẹp kia, khi mắt đã thấy, hoàn toàn không duyên đắm. Đối với sắc không đẹp, khi mắt đã thấy, hoàn toàn không duyên đắm, nội tâm an trụ bất động, khéo tu giải thoát, tâm không lười mỏi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thức pháp lại cũng như vậy. Như vậy, đối với sáu xúc nhập mà tu tập, tu tập nhiều, thì đầy đủ ba diệu hành.

“Thế nào là tu ba diệu hành khiến đầy đủ bốn Niệm xứ? Đa văn Thánh đệ tử ở chỗ vắng vẻ trong rừng, dưới bóng cây, tu học như vầy, tư duy như vầy: ‘Ác hành của thân này, đời này và đời sau phải chịu báo ác. Nếu ta hành động với ác hành của thân, chắc phải tự sanh chán nản, hối hận, bị người khác chê trách, Đại Sư cũng chê trách, những người phạm hạnh[906] cũng đúng pháp mà chê trách ta; tiếng ác đồn khắp mọi nơi, thân hoại mạng chung thì sẽ rơi vào địa ngục.’ Đối với ác hành của thân, thấy quả báo đời này, đời sau như vậy, cho nên phải dứt trừ ác hành của thân, phải tu thân diệu hành. Đối với ác hành của miệng, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là đã tu tập ba diệu hành. Được bốn Niệm xứ thanh tịnh đầy đủ.

“Thế nào là tu tập bốn Niệm xứ để được bảy giác phần đầy đủ? Này Mục-kiền-liên, như vậy, an trụ với quán thân trên toàn thân. Khi an trụ với quán thân trên toàn thân, nhiếp niệm an trú không xao lãng; bấy giờ, phương tiện[907] tu tập niệm giác phần. Khi đã phương tiện tu tập niệm giác phần rồi, được niệm giác phần đầy đủ, ở nơi tâm niệm kia mà chọn lựa pháp, rồi suy tầm, suy tưởng, tư lường; bấy giờ, phương tiện tu tập trạch pháp giác phần. Khi phương tiện tu tập trạch pháp giác phần rồi, được trạch pháp giác phần đầy đủ, chọn lựa pháp này, suy tầm, suy tưởng, tư lường, phương tiện tu tập tinh tấn giác phần. Khi đã phương tiện tu tập tinh tấn giác phần rồi, được tinh tấn giác phần đầy đủ, nhờ siêng năng tinh tấn nên sanh tâm hoan hỷ; bây giờ, phương tiện tu tập hoan hỷ giác phần. Khi phương tiện tu tập hoan hỷ giác phần rồi, được hoan hỷ giác phần đầy đủ; do tâm hoan hỷ, thân tâm tịch tĩnh; bây giờ, tu tập ỷ tức[908] giác phần. Khi đã tu tập ỷ tức giác phần rồi, được ỷ giác phần đầy đủ, thân tâm tịch tĩnh, được tam-ma-đề[909]; bây giờ, tu tập định giác phần. Khi đã tu tập định

giác phần rồi, được định giác phần đầy đủ. Tức là tâm chuyên nhất, tham ưu đình chỉ, nội tâm hành xả[910]; phương tiện tu tập xả giác phần. Khi đã phương tiện tu tập xả giác phần, được xả giác phần thanh tịnh đầy đủ. Đối với thọ, tâm, pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, bảy giác phần được đầy đủ.

"Thế nào là tu tập bảy giác phần để đầy đủ minh, giải thoát? Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo tu tập niệm giác phần, y viễn ly[911], y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả[912], tiến đến tu niệm giác phần, chứng đắc minh, giải thoát, thanh tịnh viên mãn. (*Chi tiết, cho đến*) tu tập xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là tu tập bảy giác phần, chứng đắc minh, giải thoát, thanh tịnh viên mãn. Như vậy, Mục-kiền-liên, pháp pháp nương nhau từ bờ này mà đến bờ kia."

Sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, Mục-kiền-liên tóc búi xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Lúc này, Mục-kiền-liên thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, hết những nghi ngờ mê hoặc, không do ai khác mang đến. Ở trong Chánh pháp luật, tâm đạt được sự không sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch rằng:

"Nay con có được xuất gia, thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật không?"

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Nay ông đã được[913] xuất gia, được thọ Cụ túc giới trong Chánh pháp luật."

Sau khi được xuất gia rồi, Mục-kiền-liên chuyên cần tư duy, không buông lung, cho đến thành A-la-hán.

---o0o---

KINH 282. CHƯ CĂN TU[914]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà[915].

Bấy giờ có một niên thiếu tên là Uất-đa-la[916], là đệ tử của Ba-la-xa-na[917], đi đến chỗ Phật, cung kính hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Uất-đa-la:

"Thầy con là Ba-la-xà-na có dạy cho các con tu tập các căn không?"

Uất-đa-la trả lời:

"Bạch Cù-đàm, đã có dạy."

Đức Phật bảo Uất-đa-la:

"Thầy con dạy tu về các căn như thế nào?"

Uất-đa-la bạch Phật:

"Thầy con nói, mắt không nhìn thấy sắc, tai không nghe tiếng[918]; đó là tu về căn.

Phật bảo Uất-đa-la:

"Nếu như lời thầy con nói thì những người mù tu căn chăng? Vì sao? Vì chỉ có người mù mới không thấy sắc bằng mắt."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật. Tôn giả nói với Uất-đa-la:

"Như lời của Ba-la-xà-na nói, thì người điếc tu căn chăng? Vì sao? Vì chỉ có người điếc tai mới không nghe tiếng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

"Khác sự tu căn vô thượng[919] trong pháp luật của Hiền thánh."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về sự tu căn vô thượng trong pháp luật của Hiền thánh, để cho các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành theo."

Phật bảo A-nan:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, thấy sắc vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, vừa không vừa ý, muốn tu lìa bỏ cả hai, sự nhàm tởm và không nhàm tởm của Như Lai, an trụ xả tâm, với chánh niệm chánh trí.[920]

“Như vậy, A-nan, nếu có người nào đối với năm trường hợp[921] này, tâm khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo thủ hộ, khéo nhiếp trì, khéo tu tập, thì đó là ở nơi mắt và sắc mà tu tập căn vô thượng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp cũng lại như vậy.

“Này A-nan, đó gọi là tu căn vô thượng trong pháp luật của Hiền thánh.”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh?”

Phật bảo A-nan:

“Duyên và sắc, nhãn thức sanh; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia cũng phải biết như thật như vầy: ‘Ta, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đây là tịch diệt, đấy là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm[922]. Giống như người lực sĩ trong khoảnh khắc khảy móng tay; cũng vậy, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, trong chốc lát như vậy đều diệt hết, đạt đến chỗ lìa bỏ nhàm tởm và không nhàm tởm, an trụ xả.’

“Cũng vậy duyên tai và tiếng, sanh nhĩ thức; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết như thật như vầy: ‘Ta, nhĩ thức nghe tiếng, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đấy là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm. Giống như người lực sĩ trong khoảnh khắc khảy móng tay ra tiếng liền mất; cũng vậy, duyên tai và tiếng, sanh nhĩ thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý;

sanh rồi đều diệt tận, đó là xả. Đạt được xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.’

“Duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết như thật như vầy: ‘Ta, duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm. Thí như hoa sen ở dưới nước không nhiễm bùn; cũng vậy, duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt hết. Có nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.’

“Duyên lưỡi và vị, sanh thiệt thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia biết như thật như vầy: ‘Ta, duyên lưỡi và vị, sanh thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Có nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Như người lực sĩ nhổ hết vị ra không còn gì nữa; cũng vậy, duyên lưỡi và vị, sanh thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, xa lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.’

“Duyên thân và thức, sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật như vầy: ‘Ta, duyên thân và xúc sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Thí như viên sắt đốt thật nóng, rưới vào một giọt nước, giọt nước liền tiêu mất; cũng vậy, duyên thân và xúc sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.’

“Duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt tận. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật như vầy: ‘Ta, duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, đó là tịch diệt, thắng diệu. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Thí như người lực sĩ chặt ngọn cây ta-la, cũng vậy, duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.’

"Này A-nan, đó là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh.

"Thế nào là vị hữu học thấy đạo[923] trong pháp luật Hiền thánh?"

Phật bảo A-nan:

"Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hổ thẹn, ghét tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm duyên nhau sanh ra ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hổ thẹn, ghét tởm. Này A-nan, đó gọi là hữu học thấy đạo trong pháp luật Hiền thánh.

"Này A-nan, đó gọi là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh.

"Ta đã nói về sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh; đã nói hữu học thấy đạo trong pháp luật Hiền thánh.

"Này A-nan, Ta vì các Thanh văn đã làm việc cần làm. Các ông cũng hãy làm những việc cần làm. Nói chi tiết như kinh Giỏ rắn độc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 12

KINH 283. CHỦNG THỌ[924]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với pháp kết sử hệ phược mà tùy thuận nếm vị, rồi đoái tưởng, tâm hệ lụy, thì ái sanh[925]; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy. Như người trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu mềm, cần yêu quí bảo vệ làm cho nó an ổn, vun bồi dất, tùy thời tưới nước, nóng lạnh điều hòa. Nhờ những nhân duyên này nên cây mới lớn dần. Cũng vậy, này các Tỳ-

kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà nếm vị, chăm sóc cho lớn, thì ân ái sanh; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu đối với các pháp kết sử ràng buộc mà thùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuần thành cũng diệt. Cũng giống trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ, mềm yếu, mà không yêu quý bảo vệ, không làm cho nó an ổn, không vun bồi phân đất, không tưới nước theo thời, không tạo sự thích hợp nóng lạnh, thì cây ấy sẽ không thể tăng trưởng. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng táp; hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro; hoặc để cho gió lốc bốc lên; hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, làm như vậy há không phải là chặt đứt gốc rễ cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt, thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuần thành cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 284. ĐẠI THỌ[926]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận nếm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, tâm dong ruổi, đuổi theo danh sắc[927]; danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành một khối khổ lớn như vậy. Thí như gốc cây lớn, có rễ, có cành, nhánh, lá, hoa, quả; rễ nó được trồng sâu, bền chắc, được vun đắp phân tro, dùng nước để tưới, thì cây ấy vững chắc, trọn đời không bị mục hư. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận nếm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, tâm dong ruổi, đuổi theo danh sắc; danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu đối với pháp bị chấp thủ, mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm tởm, tâm không tham luyến, không hệ lụy, thức không dong ruổi chạy theo danh sắc, do đó danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não sẽ diệt và như vậy thuần khối khổ lớn đã tụ tập cũng sẽ diệt. Giống như trồng cây, nếu không tùy thời bảo vệ để cho cây an ổn, không bón phân đất, không tùy thời tưới nước, để cho lạnh nóng bất thường, thì cây sẽ không tăng trưởng được. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng táp; hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro; hoặc để cho gió lốc bốc lên; hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, làm như vậy há không phải là chặt đứt cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt, thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm tởm, tâm không tham luyến, không hệ lụy, thức không dong ruổi chạy theo danh sắc, do đó danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não sẽ diệt và như vậy thuần khối khổ lớn đã tụ tập cũng sẽ diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 285. PHẬT PHƯỢC[928]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên cần tinh tấn thiền định, tư duy, khởi nghĩ như vầy: 'Thế gian bị hãm nhập tai họa[929]; đó là sanh, già, bệnh, chết, đổi dời, thọ sanh. Nhưng chúng sanh lại không biết như thật về bên trên và sở y[930] của sanh, già, bệnh, chết.'

"Ta nghĩ rằng: 'Do có pháp gì nên có sanh, do pháp gì làm duyên nên có sanh?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức[931]: 'Do có hữu nên có sanh, duyên hữu nên có sanh.'

"Ta lại tư duy: 'Do có pháp gì nên có hữu, do pháp gì làm duyên nên có hữu?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Do có thủ nên có hữu, duyên thủ nên có hữu.'

"Ta lại nghĩ rằng: 'Thủ lại do duyên gì và vì có pháp gì nên có thủ, vì duyên pháp gì nên có thủ?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Đối với pháp bị chấp thủ mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, ái dục tăng trưởng. Vì ái kia có nên có thủ. Do ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.'

"Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Giống như nhờ dầu, tim đèn, nên đèn được đốt sáng, vậy khi thường xuyên dầu và tim được thêm lên, thì ánh sáng ngọn đèn này có tồn tại lâu không?"

"Bạch Thế Tôn, tồn tại lâu vậy."

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc bị chấp thủ, mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, ái dục tăng trưởng. Vì ái kia có nên có thủ. Do ái duyên thủ, thủ

duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.

“Lúc ấy Ta lại nghĩ: ‘Do không có pháp gì mà không có lão, bệnh, tử này? Vì pháp gì diệt mà lão, bệnh, tử bị diệt?’ Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Vì không có sanh nên không có lão, bệnh, tử; và vì sanh diệt nên lão, bêïnh, tử diệt.’

“Ta lại suy nghĩ như vầy:‘Vì không có pháp gì mà không có sanh? Do pháp gì diệt mà sanh diệt?’ Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Vì không có hữu nên không có sanh; vì hữu diệt nên sanh diệt.’

“Ta lại tư duy: ‘Vì không có pháp gì nên không có hữu? Vì pháp gì diệt nên hữu diệt?’ Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Pháp bị chấp thủ là vô thường, là sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì diệt ái. Vì diệt ái nên thủ bị diệt; vì diệt thủ nên hữu bị diệt; vì diệt hữu nên sanh bị diệt; vì diệt sanh nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và luôn khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập như vậy cũng diệt.’

“Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Thí như dầu, tim đèn, nếu không châm thêm dầu và sửa tim, thì phải chăng ánh sáng của cây đèn này trong vị lai không còn nữa và nó sẽ bị tắt mất chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp bị chấp thủ nên quán sát là vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, cho đến luôn khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập như vậy cũng diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 286. THỦ[932]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên cần tinh tấn thiền định, tư duy. *Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:*

"Ví như vác mười bó củi, hai mươi bó, ba mươi bó, bốn mươi bó, năm mươi bó, trăm bó, ngàn bó, trăm ngàn bó, gom chất lại thành một đống, đốt lên thành một đống lửa lớn. Nếu có người nào cho thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao, lửa này có tiếp tục cháy mãi được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ, mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, thì ái dục tăng trưởng. Ái này lấy thủ làm duyên. Thủ duyên hữu và cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đống lửa đang cháy kia mà không thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo nghĩ sao, lửa kia có bị tắt không?"

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp bị chấp thủ nên quán sát là vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì ái diệt. Ái diệt thì thủ diệt; nói đầy đủ như vậy cho đến, khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập kia cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 287. THÀNH ẤP[933]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, tinh tấn chuyên cần thiền định tư duy, khởi nghĩ như vầy: 'Do có pháp gì nên có già chết; duyên pháp gì nên có già chết?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức[934]: 'Vì có sanh nên có già chết; vì duyên sanh nên có già chết; và đối với hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc cũng như vậy.

"Do có pháp gì nên có danh sắc, vì duyên pháp gì nên có danh sắc?'Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì có thức nên có danh sắc, vì duyên thức nên có danh sắc.' Khi Ta tư duy như vậy, ngang đến thức thì quay trở lại, không thể vượt qua nó được[935]. Nghĩa là duyên thức nên có danh sắc. Duyên danh sắc nên có lục nhập. Duyên lục nhập nên có xúc. Duyên xúc nên có thọ. Duyên thọ nên có ái. Duyên ái nên có thủ. Duyên thủ nên có hữu. Duyên hữu nên có sanh. Duyên sanh nên có lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Bấy giờ, Ta suy nghĩ: 'Do không có pháp gì nên không có già chết; do pháp gì diệt nên già chết diệt?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có sanh nên không già chết; vì sanh diệt nên già chết diệt.' Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. *Nói đầy đủ như kinh trên.*

"Ta lại tư duy: 'Do không có pháp gì, nên không có hành; do pháp gì diệt nên hành diệt?" Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có vô minh nên không có hành; vì vô minh diệt nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt; thức diệt nên danh sắc diệt; danh sắc diệt nên lục nhập diệt; lục nhập diệt nên xúc diệt; xúc diệt nên thọ diệt; thọ nên ái diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt.'

"Bấy giờ, Ta nghĩ rằng: 'Ta đã gặp được con đường của cổ Tiên nhân, lối mòn của cổ Tiên nhân; dấu chân của cổ Tiên nhân. Cổ Tiên nhân đã từng đi theo dấu này, nay Ta cũng đi theo[936].' Ví như có người đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua

xưa, vườn cảnh, ao tắm, rừng cây sạch sẽ, người ấy nghĩ rằng: 'Bây giờ ta nên đến tâu cho vua biết.' Người ấy vội vàng đi đến quốc vương tâu: 'Đại vương biết cho, tôi đang đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ao tắm, suối rừng sạch trong. Đại vương có thể đến đó nghỉ ngơi.' Quốc vương liền đến đó, cư trú nơi đó, rất an lạc, yên ổn và nhân dân cũng được phồn thịnh.

"Nay Ta cũng như vậy, gặp được con đường của cổ Tiên nhân, lối mòn của cổ Tiên nhân; dấu chân của cổ Tiên nhân; chỗ Tiên nhân xưa đã đi, nay Ta cũng đi theo. Con đường đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Ta từ nơi đạo này mà thấy được lão, bệnh, tử; sự tập khởi của lão, bệnh, tử; sự diệt tận của lão, bệnh, tử; con đường đưa đến sự diệt tận của lão, bệnh, tử; thấy được về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, thấy sự tập khởi của hành, sự diệt tạân của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Ta đối với pháp này tự biết, tự giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác. Rồi khai thị, hiển phát, vì an lạc và lợi ích của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-ba-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia, cả bốn chúng, được nghe, chân chánh hướng theo, khởi lòng tin ưa, biết pháp lành, khiến cho phạm hạnh thêm rộng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 288. LÔ[937]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, cùng nhau hỏi thăm, chúc tụng, rồi ngồi xuống xuống một bên, bạch Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đáp lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Nhân giả cứ hỏi, điều gì biết được tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thế nào, có sự già không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, có.”

Lại hỏi:

“Có sự chết không?”

Đáp:

“Có.”

Lại hỏi:

"Thế nào, già chết là tự tác hay tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự chẳng phải tha mà vô nhân tác chăng?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, già chết chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng do duyên sanh nên có già chết.”

“Như vậy, sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc có phải là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự tha tác mà vô nhân tác chăng?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng danh sắc này do duyên thức mà sanh.”

Lại hỏi:

“Thức này có phải là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự tha tác mà vô nhân tác chăng?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, thức này chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng thức này do duyên danh sắc mà sanh.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, trước đây Hiền giả nói danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, chẳng phải chẳng tự và tha, vô nhân tác, nhưng danh sắc này duyên thức mà sanh ra. Bây giờ, lại nói danh sắc duyên thức, vậy nghĩa này là thế nào?”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đáp:

“Nay tôi sẽ nói thí dụ, nếu là người trí thì nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như ba cây lau được dựng lên nơi đất trống, nhờ nương tựa vào nhau mà có thể đứng vững; nếu lấy ra một cây thì hai cây kia cũng không đứng được; nếu lấy đi hai cây thì một cây cũng không đứng vững, vì chúng phải nương vào nhau mới có thể đứng được. Thức duyên danh sắc lại cũng như vậy, phải nương tựa lẫn nhau mới sanh trưởng được.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Lành thay! Lành thay! Trong hàng Thanh văn đệ tử của Thế Tôn, Tôn giả Câu-hi-la là người trí tuệ sáng suốt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, tự thân chứng nghiệm đầy đủ với pháp cam lộ. Nghĩa là Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la có nghĩa biện tài[938] sâu xa như vậy, thì có thể giải đáp tất cả các nạn vấn. Như ngọc quý vô giá, mà thế gian đội trên đầu; nay tôi cũng xin đội Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la trên đầu.

“Bạch Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, hôm nay tôi rất vui mừng vì đã được nhiều lợi ích từ nơi Tôn giả. Còn những người phạm hạnh khác nhiều lần gặp được Tôn giả thì chắc chắn cũng được thiện lợi, vì Tôn giả khéo thuyết pháp. Nay tôi sẽ đem những điều được nghe từ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la thuyết pháp, dùng ba mươi cách tán thán mà khen ngợi, tùy hỷ.

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nói già, chết là đáng ghê tởm, ly dục, diệt tận, đó gọi là Pháp sư. Hay nói rằng: Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức là đáng chán chê, ly dục, diệt tận, thì đó cũng gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với già, chết mà nhàm tởm, lo sợ, hướng đến ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp sư. Cho đến, đối với thức mà nhàm tởm, lo sợ, hướng đến ly dục, diệt tận, thì đó cũng gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với già chết mà nhàm tởm, lo sợ, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, thì đó gọi là Pháp sư. Cho đến, đối với thức mà nhàm tởm, lo sợ, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, thì đó gọi là Pháp sư."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Trong hàng Thanh văn đệ tử của Thế Tôn, người có trí tuệ sáng suốt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, tự thân chứng nghiệm đầy đủ với pháp cam lộ. Vì Tôn giả Xá-lợi-phất là người có khả năng hỏi những điều sâu xa của chánh trí. Giống như hạt châu vô giá được người thế gian đội trên đầu. Ngày nay Tôn giả cũng vậy, được tất cả phạm hạnh cung kính, phụng sự một cách trân trọng. Hôm nay tôi rất vui mừng, vì được nhiều lợi ích nhờ cuộc đàm luận với Tôn giả về diệu nghĩa."

Hai vị Chánh sĩ tùy hỷ lẫn nhau, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

---O0O---

KINH 289. VÔ VĂN (1)[939]

Tôi nghe như vầy:

Môt thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si vô học[940], đối với thân bốn đại mà ghê tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ. Nhưng không phải là đối với thức. Vì sao? Vì họ thấy thân bốn đại có thêm, bớt, có lấy, bỏ. Nhưng đối với tâm, ý, thức, thì kẻ phàm phu ngu si vô học không thể sanh nhàm tởm, lìa dục, giải thoát. Vì sao? Vì họ từ lâu đời ở nơi đây[941] mà ấp ủ, nâng niu, hệ lụy ngã, hoặc sở đắc, hoặc chấp thủ, nói rằng 'Đây là ta, đây là của ta, hay ở trong nhau[942].' Cho nên kẻ phàm phu ngu si vô học không thể ở nơi đây này mà sanh nhàm tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ được. Kẻ phàm phu ngu si thà ở nơi thân do bốn đại mà chấp là ngã, là ngã sở, chứ không thể ở nơi thức mà chấp là ngã, là ngã sở. Vì sao? Vì thân do bốn đại, hoặc thấy chỉ tồn tại trong khoảng mười năm,

hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến trăm năm rồi thì tiêu vong, hoặc kéo dài hơn một chút. Còn tâm, ý, thức này thì sự sanh diệt, biến chuyển, đổi khác, ở trong từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong từng thoáng chốc. Cũng như con vượn rong chơi trong rừng cây kia, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt đi nơi khác, chuyền từ cành này qua nhánh nọ, buông cây này nắm cây kia. Tâm, ý, thức cũng lại như vậy, thoáng sanh, thoáng diệt.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ. Khi cảm giác lạc thọ, biết như thật là đang có cảm giác lạc thọ. Khi lạc xúc kia diệt, thọ do lạc xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Như lạc thọ; các thọ sanh bởi nhân duyên là khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Khi cảm giác xả thọ, biết như thật là đang có cảm giác xả thọ. Khi xả xúc kia diệt; xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Người ấy tư duy rằng: 'Thọ này sanh bởi xúc, lạc do xúc, hệ lụy xúc. Do có lạc bởi xúc thế này thế kia mà có lạc bởi thọ thế này thế kia. Khi lạc do xúc chạm thế này thế kia ấy diệt thì lạc do cảm thọ thế này thế kia ấy cũng diệt, mát mẻ, tịch tĩnh. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sanh ra nhàm tởm; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm tởm. Vì nhàm tởm nên không ưa thích. Vì không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 290. VÔ VĂN (2)[943]

Tôi nghe như vầy:

Môt thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si vô học, đối với thân bốn đại mà ghê tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ. Nhưng không phải là đối với thức. Vì sao? Vì họ thấy thân bốn đại có thêm, bớt, có lấy, bỏ. Nhưng đối với tâm, ý, thức, thì kẻ phàm phu ngu si vô học không thể sanh nhàm tởm, lìa dục, giải thoát. Vì họ từ lâu đời ở nơi đây mà ấp ủ, nâng niu, hệ lụy ngã, hoặc sở đắc, hoặc chấp thủ, nói rằng 'Đây là ta, đây là của ta, hay ở trong nhau.' Cho nên kẻ phàm phu ngu

si vô học không thể ở nơi đây mà sanh nhàm tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ được.

"Kẻ phàm phu ngu si thà ở nơi thân do bốn đại mà chấp là ngã, là ngã sở, chứ không thể ở nơi thức mà chấp là ngã, là ngã sở. Vì sao? Vì thân do bốn đại, hoặc thấy chỉ tồn tại trong khoảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến trăm năm rồi thì tiêu vong, hoặc kéo dài hơn một chút. Còn tâm, ý, thức này thì sự sanh diệt, biến chuyển, đổi khác, ở trong từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong từng thoáng chốc. Cũng như con vượn rong chơi trong rừng cây kia, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt đi nơi khác, chuyền từ cành này qua nhánh nọ, buông cây này nắm cây kia. Tâm, ý, thức cũng lại như vậy, thoáng sanh, thoáng diệt.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ. Khi cảm giác lạc thọ, biết như thật là đang có cảm giác lạc thọ. Khi lạc xúc kia diệt, thọ do lạc xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Như lạc thọ; các thọ sanh bởi nhân duyên là khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Khi cảm giác xả thọ thì biết như thật là đang có cảm giác xả thọ. Khi xả xúc kia diệt; xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh.

"Ví như hai thanh gỗ cọ xát vào nhau, hòa hợp sanh ra lửa. Nếu hai thanh gỗ rời nhau, thì lửa cũng theo đó mà diệt mất. Cũng vậy, các thọ duyên xúc mà tập khởi, do xúc mà sanh, do xúc mà tập khởi; nếu khi sự xúc chạm thế này thế kia mà tập khởi, thì những cảm thọ thế này thế kia cũng tập khởi. Khi sự tập khởi của sự xúc chạm thế này thế kia diệt, thì sự tập khởi của cảm thọ thế này thế kia cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc được giải thoát; và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát; đối với sanh già bệnh chết ưu bi não khổ cũng được giải thoát. Ta nói người này đối với khổ đã được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 291. XÚC[944]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã nói về nội xúc pháp[945], các ông có bắt nắm[946] không?"

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, pháp nội xúc được nói, con đã bắt nắm rồi."

Lúc Tỳ-kheo này ở trước Phật tự mình xác nhận như vậy, nhưng dù là như vậy Thế Tôn vẫn tỏ vẻ không hài lòng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật. Phật bảo A-nan:

"Nội xúc pháp theo như pháp luật của bậc Thánh, khác với những điều Tỳ-kheo này nói."

A-nan, bạch Phật:

"Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về nội xúc pháp trong pháp luật của Hiền thánh. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, thực hành."

Phật bảo A-nan:

"Này, A-nan, lành thay! Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên tư duy như vầy: 'Có nhiều loại khổ khác nhau của chúng sanh; khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc[947]? Lúc nắm bắt như vậy, nên biết cái khổ này do nhân là ức-ba-đề[948], tập là ức-ba-đề, sanh bởi ức-ba-đề, chuyển hiện[949] ức-ba-đề.'

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, với nội xúc pháp, lại nữa, ức-ba-đề do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì chuyển hiện[950]? Vị ấy, trong khi nắm bắt, biết rằng, ức-ba-đề do ái là nhân, ái là tập, do ái mà sanh, do ái mà chuyển hiện. Lại nữa này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên biết ái do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì chuyển hiện? Khi nắm như vậy, thì nên biết rằng sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ[951]; ở nơi sắc này, ái sanh khi sanh nơi đó, ái hệ lụy khi hệ lụy nơi đó, ái cư trú khi cư trú nơi đó[952].

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, thì ở nơi sắc này ái càng tăng trưởng. Khi ái đã tăng trưởng thì ức-ba-đề tăng trưởng; ức-ba-đề tăng trưởng thì khổ tăng trưởng. Nếu khổ tăng trưởng thì chắc chắn sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này đối với khổ không giải thoát.

“Ví như ao nước trong mát ở bên đường, đầy đủ hương vị, có người lén lấy chất độc bỏ vào ao. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: ‘Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết.’ Những người khát nước này không tin lời, cứ uống; tuy được vị ngon, nhưng trong chốc lát lại bị chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, *(chi tiết như trên, cho đến)* sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc đẹp đẽ được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì đối với ái này chắc chắn được dứt lìa. Vì ái lìa nên ức-ba-đề lìa, ức-ba-đề lìa nên khổ lìa, khổ đã lìa nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não lìa.

“Ví như bên đường có ao nước trong mát, đầy đủ hương vị, có kẻ lén dùng chất độc bỏ vào trong nước. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: ‘Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết.’ Những người kia nghĩ thầm: ‘Nước này có chất độc, nếu ta uống vào thì sẽ chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Thôi ta cố chịu khát, ăn đỡ cơm khô, không dám uống nước.’

“Cũng như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, cho đến… sẽ giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Vì vậy, này A-nan, đối với pháp này thấy như vậy, nghe như vậy, cảm nhận như vậy, nhận thức như vậy; đối với quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng theo như đạo lý này nên quán sát như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 292. TƯ LƯƠNG[953]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tư lương quán sát như thế để chân chánh diệt tận khổ, đạt đến nơi tột cùng của mé khổ? Khi tư lương về tất cả những cái khổ khác nhau của chúng sanh; các khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc[954]? Khi suy nghĩ thì biết rằng, do thủ làm nhân, thủ tập, thủ sanh, thủ xúc. Nếu thủ này diệt, không còn sót, thì chắc chắn các khổ này cũng sẽ diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp[955]; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thủ đã diệt.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tột cùng của mé khổ; khi ấy, tư duy thủ kia do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Tư duy, thủ này do ái làm nhân, ái tập, ái sanh, ái xúc. Khi ái này vĩnh viễn diệt, không còn, thì thủ cũng theo đó mà diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là ái đã diệt.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tột cùng của mé khổ; khi ấy, tư duy ái này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Tư lương ái là do thọ làm nhân, thọ tập, thọ sanh, thọ xúc. Khi thọ này vĩnh viễn diệt, không còn, thì ái cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thọ diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy thọ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thọ này do xúc làm nhân, xúc tập, xúc sanh, xúc duyên. Khi xúc này vĩnh viễn diệt mất, không còn sót, thì thọ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy xúc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết xúc này do sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ sanh, sáu nhập xứ xúc. Khi sáu nhập xứ này diệt, không còn sót, thì xúc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy sáu nhập xứ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết sáu nhập xứ này là do danh sắc làm nhân, danh sắc tập, danh sắc sanh, danh sắc xúc; nên khi danh sắc này diệt hết, không còn sót, thì sáu nhập xứ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là danh sắc diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy danh sắc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết danh sắc là do thức làm nhân, thức tập, thức sanh, thức xúc; khi thức này diệt không còn, thì danh sắc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thức diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy thức này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thức này là do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc. Khi làm các phước hành[956], thì thiện thức sanh; làm những hành không phước, không thiện thì thức bất thiện sanh; làm hành vô sở hữu[957], thì thức vô sở hữu sanh. Vì cái thức này do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc; nên khi hành kia diệt, không còn thì thức cũng bị

diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là hành diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy hành này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết hành này do vô minh làm nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Phước hành này do vô minh làm duyên, phi phước hành cũng do vô minh làm duyên, phi phước phi phi phước hành cũng do vô minh làm duyên. Nên biết hành này do vô minh là nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Khi vô minh này hoàn toàn bị diệt không còn, thì hành này cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là vô minh diệt."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ý các ông nghĩ sao? Nếu không ái nhiễm vô minh mà sanh minh[958] thì người ấy còn duyên vô minh này làm các phước hành, phi phước hạnh, hoặc làm vô sở hữu hành chăng[959]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không vậy. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử không ái nhiễm vô minh thì sanh minh; vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, như vậy cho đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng diệt."

Phật nói:

"Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, Ta cũng nói như vậy, các Tỳ-kheo cũng biết như vậy. Ở nơi pháp này pháp kia mà khởi lên pháp này pháp kia; sanh pháp này pháp kia, diệt pháp này pháp kia, diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Đa văn Thánh đệ tử nếu ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng nào[960], thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót.

"Ví như người lực sĩ lấy món đồ gốm vừa mới nung, còn nóng, đặt trên đất, chỉ trong chốc lát vật này bị tan hoại, sức nóng cũng tan mất. Cũng vậy, Tỳ-kheo ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 293. THẬM THÂM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã vượt nghi, dứt trừ do dự, nhổ sạch gai tà kiến, không còn thoái chuyển, tâm không chấp trước nữa, thì nơi nào có ngã? Ta vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận duyên khởi xuất thế của bậc Hiền thánh tương ưng với Không. Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy, *(chi tiết ....)* cho đến, thuần khối khổ lớn tụ tập như vậy bị diệt.

"Thuyết pháp như vậy, nhưng Tỳ-kheo kia vẫn còn nghi hoặc, còn do dự. Trước chẳng đắc mà tưởng đắc, chẳng đạt mà tưởng đạt, chẳng chứng mà tưởng chứng. Nay nghe pháp xong tâm sanh lo khổ, hối hận, mê mờ, chướng ngại. Vì sao? Vì đây là chỗ sâu xa, tức là pháp duyên khởi. Lại càng sâu xa, khó thấy gấp bội, đó là lìa tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tĩnh, Niết-bàn. Như hai pháp này, là pháp hữu vi và vô vi. Hữu vi, hoặc sanh. hoặc trụ, hoặc dị, hoặc diệt. Vô vi, là chẳng sanh, chẳng trụ, chẳng dị, chẳng diệt. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là các hành là khổ; Niết-bàn là tịch diệt. Nhân tập nên khổ tập; nhân diệt nên khổ diệt; cắt đứt các nẻo, diệt hẳn tương tục. Tương tục diệt[961],

đây gọi là khổ biên. Này các Tỳ-kheo, cái gì diệt? Đó là khổ hữu dư. Cái ấy nếu diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh, nghĩa là đã diệt hết tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 294. NGU SI HIỆT TUỆ[962]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Kẻ phàm phu ngu si không học bị vô minh che lấp, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân[963] này. Bên trong thân có thức này, ngoài thân có danh sắc. Hai nhân duyên này sanh ra xúc. Bị xúc chạm sáu xúc nhập[964] này, phàm phu ngu si không học cảm nghiệm các cảm thọ khổ lạc, nhân đây khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ.

"Người có trí thông bác, bị vô minh che mờ, ái duyên ràng buộc nên có được thức thân này. Như vậy, bên trong có thức thân, ngoài có danh sắc. Hai duyên này sanh ra sáu xúc nhập xứ. Bị xúc chạm bởi sáu xúc, người trí cảm nghiệm các cảm thọ khổ và lạc, nhân đây khởi lên những thứ sai biệt. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ.

"Người ngu tối và người trí tuệ, hai hạng người này ở nơi Ta tu các phạm hạnh, có cái gì sai khác không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn, cúi xin diễn nói, các Tỳ-kheo nghe xong, sẽ lãnh thọ và thực hành."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, đối với kẻ phàm phu ngu si không học vì bị vô minh che khuất, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân này. Vô minh chẳng dứt, ái duyên chẳng hết, nên sau khi chết rồi lại tái sanh. Vì trở lại thọ thân nên không được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao? Vì kẻ phàm phu ngu si vốn chẳng tu phạm hạnh, chân chánh hướng đến dứt sạch khổ, tận cùng của mé khổ, nên người này sau khi chết trở lại tái sanh. Bởi thọ thân trở lại nên không giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não.

“Người trí tuệ vì bị vô minh che khuất, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân này. Kia vô minh dứt trừ, ái duyên hết sạch. Do vô minh dứt trừ, ái duyên hết sạch, nên sau khi chết không còn tái sanh nữa. Vì chẳng thọ sanh trở lại nên giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Vì sao? Vì người này trước đây đã tu phạm hạnh, chân chánh hướng đến dứt sạch khổ, tận cùng của mé khổ, nên người này sau khi chết không tái sanh trở lại. Bởi không thọ thân nên giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đó là chỗ sai khác giữa phàm phu và người trí tuệ khi ở nơi Ta tu các phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 295. PHI NHỮ SỞ HỮU[965]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thân này chẳng phải sở hữu của các ông, chẳng phải là sở hữu của người khác. Nghĩa là sáu xúc nhập xứ, vốn do ước nguyện mà tu hành trước kia[966] nên thọ được thân này. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi mà khéo tư duy, quán sát chân chánh là có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân này. Nghĩa là vì cái này có nên sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy. Đó gọi là có nhân có duyên để tập khởi thế gian. Trái lại, nếu cái này không, thì sáu thức thân không; sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng không. Nghĩa là vì cái này không, nên không có sanh,

già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai, thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng diệt.

"Đa văn Thánh đệ tử, nếu đối với sự tập khởi của thế gian, sự diệt tận của thế gian, mà chánh trí như thật, khéo léo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập, thì đó gọi là Thánh đệ tử chiêu cảm được pháp lành này, đạt được pháp lành này, biết pháp lành này, nhập pháp lành này; giác ngộ biết, giác ngộ thấy được sự sanh diệt của thế gian; thành tựu được sự xuất ly của Hiền thánh, dứt sạch khổ và đến nơi tận cùng của mé khổ một cách chân chánh. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử đã biết như thật về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận của thế gian, nên khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 296. NHÂN DUYÊN[967]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.

"Thế nào là pháp nhân duyên[968]? Là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến, tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Thế nào là pháp duyên sanh[969]? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới[970]. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Các pháp này, pháp trụ, pháp không[971], pháp như, pháp nhĩ, pháp chẳng lìa như, pháp chẳng khác như, chân đế, chân thật, không điên đảo. Tùy thuận duyên khởi như vậy, đó gọi là pháp duyên sanh[972]. Tức là: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó gọi là pháp duyên sanh.

“Đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh này bằng chánh tri mà thấy rõ như thật, không truy tìm về đời trước[973] mà nói rằng: ‘Tôi trong đời quá khứ hoặc có, hay không có? Tôi trong quá khứ là loài gì, tôi trong quá khứ như thế nào[974]?’ Không truy tìm tương lai mà nói rằng: ‘Tôi ở đời vị lai hoặc có, hay không có? Tôi là loài gì, tôi sẽ như thế nào?’ Bên trong chẳng do dự[975]: ‘Đây là những thứ gì? Tại sao có cái này? Trước đây chúng là cái gì? Sau này chúng sẽ là cái gì? Chúng sanh này từ đâu đến? Ở đây mất rồi sẽ đi về đâu[976]?’

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào khởi các kết sử kiến[977] phàm tục, tức là, kết sử của ngã kiến, kết sử của chúng sanh, kết sử của thọ mệnh, hoặc kết sử của kiến chấp cữ kiêng tốt xấu[978]. Khi tất cả những điều đó được đoạn tận, được biến tri, cắt đứt gốc rễ, như chặt ngọn cây đa-la, ở đời vị lai thành pháp bất sanh. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh bằng chánh trí mà như thật khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo tu tập, khéo thể nhập.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 297. ĐẠI KHÔNG PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[979], Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ vì các ông nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng sau cùng đều thiện; thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch; đó gọi là kinh Đại không pháp. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo tư duy. Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là kinh Đại không pháp? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức,… cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

“Vì duyên sanh nên có già chết. Nếu có người hỏi: ‘Ai già chết, già chết thuộc về ai?’ Người ấy sẽ đáp: ‘Ngã chính là già chết, nay già chết thuộc về ngã, già chết là ngã.’ Điều được nói rằng: ‘Mệnh tức là thân,’ hoặc nói ‘Mệnh khác, thân khác,’ thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng ‘Mệnh tức là thân’, với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng ‘Mệnh khác, thân khác’, với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là duyên sanh nên có già chết…

“Cũng vậy sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, damh sắc, thức, hành; do duyên vô minh nên có hành. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là hành, hành thuộc về ai?’ Người này sẽ đáp: ‘Hành là ngã, hành là của ngã.’ Điều được nói rằng: ‘Mệnh tức là thân,’ hoặc nói ‘Mệnh khác, thân khác,’ thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng ‘Mệnh tức là thân’, với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng ‘Mệnh khác, thân khác’, với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là vô minh duyên hành. Nếu các Tỳ-kheo, ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thì còn ai già chết, già chết thuộc về ai? Khi già chết đã dứt trừ, thì biết là đã dứt hẳn cội gốc của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đời vị lai không thể tái sanh.

“Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thì còn ai sanh, sự sanh thuộc về ai, cho đến ai hành, hành thuộc về ai? Khi hành đã chắc chắn dứt trừ, thì biết là đã dứt cội gốc của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đời sau không thể tái sanh.

“Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thời khi vô minh này diệt, hành cũng diệt, cho đến việc tụ tập thuần một khối khổ lớn cũng bị diệt. Đó gọi là kinh Đại không pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 298. PHÁP THUYẾT NGHĨA THUYẾT[980]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa[981] về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

"Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán[982], bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

"Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

"Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

"Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

"Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

"Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

"Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

"Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

"Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

"Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

"Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia[983], siêu việt, hòa hợp, xuất sanh[984], được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.

"Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 299. DUYÊN KHỞI PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, pháp duyên khởi mà Ngài nói, là do Thế Tôn làm ra hay do người khác làm ra?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Nhưng dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đẳng chánh giác, vì tất cả chúng sanh mà phân biệt, diễn nói, chỉ dạy hiển bày; đó là: Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành, … cho đến việc tụ tập thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành cũng diệt,… cho đến việc thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 300. THA[985]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật; cùng Đức Thế Tôn đón chào vui vẻ. Sau khi vui vẻ chào hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, tự mình làm và tự mình cảm thọ chăng[986]?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta nói điều này không khẳng định. Tự mình làm và tự mình cảm thọ, điều này không được khẳng định[987]."

Bà-la-môn hỏi:

"Bạch Cù-đàm, người khác làm và người khác cảm thọ chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Người khác làm và người khác cảm thọ; điều này không khẳng định[988]."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Tôi hỏi, tự mình làm và tự mình cảm thọ chăng? Ngài đáp không khẳng định. Tôi hỏi, người khác làm và người khác cảm thọ chăng? Ngài đáp không khẳng định, nghĩa này như thế nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu tự mình làm và tự mình cảm thọ thì sẽ rơi vào thường kiến. Nếu người khác làm và người khác cảm thọ thì sẽ rơi vào đoạn kiến. Thuyết nghĩa, thuyết pháp là lìa hai bên này, Ta thuyết pháp ở nơi Trung đạo. Tức là nói rằng: 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến việc thuần một khối khổ lớn bị diệt.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 301. CA-CHIÊN-DIÊN[989]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nhà khách trong rừng sâu, xóm Na-lê[990]. Bấy giờ Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên[991] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Ngài nói 'Chánh kiến.' Vậy thế nào là chánh kiến? Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn thi thiết chánh kiến?"

Phật bảo Tán-đà Ca-chiên-diên:

"Thế gian có hai sở y, hoặc có hoặc không[992], bị xúc chạm bởi thủ. Do bị xúc chạm bởi thủ nên hoặc y có hoặc y không. Nếu không có chấp thủ này vốn là kết sử hệ lụy của tâm và cảnh[993]; nếu không thủ, không trụ, không còn chấp ngã, thì khi khổ sanh là sanh, khổ diệt là diệt, đối với việc này không nghi, không hoặc, không do người khác mà tự biết; đó gọi là chánh kiến. Đó gọi là chánh kiến do Như Lai thi thiết. Vì sao? Thế gian tập khởi, bằng chánh trí mà quán sát như thật, thì thế gian này không phải là không[994]. Thế gian diệt, bằng chánh trí mà thấy như thật, thế gian này không phải là có. Đó gọi là lìa hai bên, nói pháp theo Trung đạo. Nghĩa là, 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là, duyên vô minh nên có hành,… cho đến, thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành diệt,… cho đến, thuần một khối khổ lớn diệt.'"

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên nghe những gì Phật đã dạy, chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát, thành A-la-hán.

---o0o---

KINH 302. A-CHI-LA[995]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, mang bát ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp[996] có chút việc đi ra khỏi thành Vương xá, hướng về núi Kỳ-xà-quật, từ xa trông thấy Đức Phật, vọâi vàng đi đến, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho không?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nay không phải là lúc để bàn luận. Ta đang vào thành khất thực. Chờ khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe."

Đức Phật nói như vậy lần thứ hai.

Ca-diếp lại bạch lần thứ ba.

"Bạch Cù-đàm, sao lại làm khó tôi! Tại sao có sự khác biệt này?[997] Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho[998]."

Phật bảo A-chi-la Ca-diếp:

"Vậy thì tùy ý ông hỏi."

A-chi-la Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ, lạc có phải do tự tác không?"

Phật đáp:

"Nói khổ, lạc do tự tác, điều này Ta không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào khổ, lạc là do người khác làm ra chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nói khổ do người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Khổ, lạc do tự mình và người khác làm ra chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nói khổ do tự mình và người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, tôi hỏi khổ tự tác chăng? Ngài đáp không ký thuyết. Tôi hỏi khổ tha tác, tự tha tác chăng? Chẳng phải tự, tha, vô nhân tác chăng? Ngài cũng đáp là không ký thuyết. Vậy, nay không có cái khổ này chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Chẳng phải không có cái khổ này, mà thật có cái khổ này."

Ca-diếp bạch Phật:

"Lành thay, bạch Cù-đàm! Ngài nói có cái khổ này. Vậy xin vì tôi thuyết pháp khiến cho tôi biết khổ, thấy khổ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Nếu thọ tức là tự cảm thọ[999], thì Ta mới có thể nói nói khổ do tự tạo. Nếu người khác thọ người khác tức là thọ giả[1000], thì Ta nói là tha tạo. Nhưng nếu nói thọ, vừa tự thọ vừa cái khác cảm thọ rồi mang lại khổ, như thế thì tự làm vừa do người khác làm, nhưng Ta cũng chẳng nói như vậy. Hoặc chẳng phải nhân tự, tha, mà là vô nhân sanh ra khổ, Ta cũng chẳng nói như vậy. Như Lai thuyết pháp lìa hai bên này mà nói Trung đạo; tức là 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh nên có hành,… cho đến thuần một khối khổ lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,… cho đến thuần một khối khổ lớn bị diệt."

Phật nói kinh này xong, A-chi-la Ca-diếp liền lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua mọi hồ nghi, không do người khác mà biết, chẳng do người khác độ thoát, đối với Chánh pháp luật, tâm được không sợ hãi.

Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

"Thế Tôn, nay con đã được Phật hóa độ, từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời làm Ưu-bà-tắc, xin Ngài chứng tri cho con."

A-chi-la Ca-diếp nghe Phật dạy xong, vui mừng, hài lòng làm lễ mà đi.

A-chi-la Ca-diếp sau khi từ giã Phật đi không lâu, thì bị một con nghé đực húc chết. Lúc mạng chung, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khất thực. Lúc ấy cũng có nhiều Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực, nghe đồn A-chi-la Ca-diếp được nghe pháp từ Thế Tôn; sau khi từ giã Phật chẳng bao lâu bị một con nghé đực húc chết, khi mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu cất y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, nghe chuyện A-chi-la Ca-diếp, sau khi được nghe pháp luật, ra về chẳng bao lâu bị tai nạn một con nghé đực húc chết. Lúc từ trần các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn, A-chi-la Ca-diếp sanh vào loài nào, thọ sanh nơi đâu và có sở đắc gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp và thứ pháp[1001], không còn chấp thủ nơi pháp, đã đạt đến Bát-niết-bàn. Các ông nên đến cúng dường thân A-chi-la Ca-diếp."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thọ ký A-chi-la Ca-diếp bậc nhất.

---o0o---

KINH 303. ĐIẾM-MÂU-LƯU[1002]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, dọc đường gặp tu sĩ ngoại đạo tên là Điếm-mâu-lưu[1003], có chút việc đi đến núi Kỳ-xà-quật, từ xa trông thấy liền đi đến chỗ Thế Tôn; hai bên chào đón ân cần xong, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, tôi có vài điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho chăng?"

"Nay không phải là lúc để bàn luận; Ta đang vào thành khất thực. Chờ khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe."

Đức Phật nói như vậy lần thứ hai.

Điếm-mâu-lưu lại bạch lần thứ ba.

"Bạch Cù-đàm, sao lại làm khó tôi! Tại sao có sự khác biệt này? Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho."

Phật bảo Điếm-mâu-lưu:

"Vậy thì tùy ý ông hỏi."

Xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu liền hỏi Sa-môn Cù-đàm:

"Bạch Ngài, khổ, lạc do tự tạo chăng?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

"Bảo khổ, lạc do tự tạo, điều này Ta không ký thuyết."

Lại hỏi Sa-môn Cù-đàm:

"Khổ, lạc có phải do người khác tạo chăng?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

"Nói khổ, lạc do người khác tạo, điều này Ta không ký thuyết."

Lại hỏi Sa-môn Cù-đàm:

"Khổ, lạc tự người khác tạo chăng?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

"Nói khổ, lạc do tự người khác tạo, điều này Ta không ký thuyết."

Lại hỏi Cù-đàm:

"Khổ, lạc chẳng phải do tự, chẳng phải do người khác, vô nhân tác chăng?

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

"Nói rằng khổ, lạc chẳng phải tự, chẳng phải người khác, vô nhân tạo, điều này Ta không ký thuyết."

Phật dạy đầy đủ như kinh A-chi-la Ca-diếp ở trên, cho đến Thế Tôn thọ ký cho xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu đầu tiên.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 13

KINH 304. LỤC LỤC[1004]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[1005], Câu-lưu-sấu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, Ta sẽ vì các ông nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Có sáu pháp sáu[1006]. Những gì là sáu? Đó

là, sáu nội nhập xứ, sáu ngoại nhập xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu ái thân.

"Sáu nội nhập xứ[1007] là những gì? Đó là, nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ, thiệt nhập xứ, thân nhập xứ, ý nhập xứ.

"Sáu ngoại nhập xứ[1008] là những gì? Đó là, sắc nhập xứ, thanh nhập xứ, hương nhập xứ, vị nhập xứ, xúc nhập xứ, pháp nhập xứ. Sáu thức thân[1009] là những gì? Đó là, nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân[1010] là những gì? Đó là, nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc thân. Sáu thọ thân[1011] là những gì? Đó là, nhãn xúc sanh thọ, nhĩ xúc sanh thọ, tỷ xúc sanh thọ, thiệt xúc sanh thọ, thân xúc sanh thọ, ý xúc sanh thọ. Sáu ái thân[1012] là những gì? Đó là, mắt tiếp xúc sanh ái, tai tiếp xúc sanh ái, mũi tiếp xúc sanh ái, lưỡi tiếp xúc sanh ái, thân tiếp xúc sanh ái, ý tiếp xúc sanh ái.

"Nếu có người nói rằng 'mắt là ta'[1013], điều này chẳng đúng. Vì sao? Vì mắt là sanh diệt. Nếu mắt là ta thì ta này phải chịu sanh tử[1014]. Cho nên nói mắt là ta, điều này chẳng đúng. Cũng vậy, hoặc là sắc, hoặc nhãn thức, hoặc nhãn xúc, hoặc cảm thọ sanh bởi nhãn xúc, nếu là ta, thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì thọ do mắt tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu thọ do mắt tiếp xúc sanh ra là ta, thì ta này phải chịu sanh tử. Cho nên nói thọ do nhãn xúc sanh ra là ta, thì điều này không đúng. Vì vậy, thọ do mắt tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta. Cũng vậy, thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải ta. Vì sao? Vì thọ do ý tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu là ta thì ta này phải chịu sanh tử, cho nên nói thọ do ý tiếp xúc sanh ra là ta, thì điều này chẳng đúng. Cho nên thọ do ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên biết như thật cái được tác thành bởi trí, cái được tác thành bởi mắt, cái được tác thành bởi tịch diệt, khai phát thần thông, chánh hướng Niết-bàn. Thế nào là thấy biết như thật về cái được tác thành bởi do mắt, cho đến hướng đúng Niết-bàn?"

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, mắt chẳng phải ta. Nếu sắc, nhãn thức, nhãn xúc, hoặc cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc[1015]; kia cũng quán sát là chẳng phải ta. Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là biết thấy như thật về sự tác thành do mắt, cho đến chánh hướng Niết-bàn. Đó gọi là kinh nói về Sáu pháp sáu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---O0O---

KINH 305. LỤC NHẬP XỨ[1016]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[1017], Câu-lưu-sấu, bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, Ta sẽ vì các ông mà nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Đó là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ? Ở nơi nhãn nhập xứ mà không thấy biết như thật; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên đắm nhiễm nơi mắt; đắm nhiễm nơi sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc. Như vậy, sự niệm tưởng, sự ngu tối, tương ưng, luyến tiếc, kết buộc tâm, năm thọ ấm được tăng trưởng[1018]; và tham ái hữu đương lai[1019] câu hữu với hỷ tham cũng đều được tăng trưởng; do đó, thân tâm mệt nhọc[1020], thân tâm thiêu đốt, thân tâm hẫy hừng, thân tâm cuồng loạn, thân sanh ra cảm giác khổ. Vì thân sanh ra cảm giác khổ nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai sẽ tăng trưởng. Đó gọi là thuần một khối khổ lớn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với mắt thấy biết như thật; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, thấy biết như thật; vì thấy rồi, nên đối với mắt không đắm nhiễm; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, không đắm nhiễm. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp thấy biết như thật; đối với pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc, thấy biết như thật. Do thấy biết như thật nên đối với ý không đắm nhiễm; đối với pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc, mà không đắm nhiễm. Do không đắm nhiễm nên không

tương tạp[1021], không ngu tối, không niệm tưởng, không hệ lụy, tổn giảm năm thọ ấm và tham ái hữu tương lai câu hữu tham, hỷ, nhiễm trước nơi này hay nơi kia, tất cả đều bị tiêu diệt; do đó, thân không khổ nhọc, tâm không khổ nhọc, thân không cháy, tâm không bị thiêu đốt, thân không hẫy hừng, tâm không hẫy hừng, thân cảm thấy khoái lạc, tâm cảm thấy an vui. Vì thân tâm cảm thấy an vui nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai đều bị tiêu diệt và thuần một khối khổ ấm lớn cũng bị diệt.

"Biết như vậy, thấy như vậy, gọi là đã tu tập đầy đủ chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh ngữ đã nói trước, chánh nghiệp, chánh mạng, tu tập thanh tịnh đầy đủ, thì đó gọi là tu tập tám Thánh đạo thanh tịnh đầy đủ. Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi, thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ. Đối với pháp nên biết, nên thấu rõ, tất sẽ biết, sẽ thấu rõ; pháp nên biết, nên đoạn trừ, tất sẽ biết, sẽ đoạn trừ; pháp nên biết, nên chứng, tất sẽ biết, sẽ chứng; pháp nên biết, nên tu tập, sẽ tu tập[1022].

"Những pháp nào nên biết, nên thấu rõ? Đó là danh sắc. Những pháp nào cần phải biết, cần phải dứt trừ? Đó là vô minh, hữu ái. Những pháp nào nên biết, nên chứng? Đó là minh, giải thoát. Những pháp nào nên biết, nên tu? Đó là chánh quán.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp nên biết, nên thấu rõ này, mà tất biết, tất thấu rõ; pháp nên biết, nên đoạn trừ, mà tất biết, tất đoạn trừ; pháp nên biết, nên chứng, mà tất biết, tất chứng; pháp nên biết, nên tu, mà tất biết, tất tu; thì đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ mọi ràng buộc của ái, thật sự chứng đắc vô gián đẳng[1023], đạt đến cứu cánh của mé khổ.

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 306. NHÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng vẻ, chuyên tinh tư duy, nghĩ thầm: "Tỳ-

kheo nên biết thế nào, thấy thế nào để được thấy pháp?” Suy nghĩ như vậy rồi, từ chỗ ngồi thiền đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình con ở nơi vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: ‘Tỳ-kheo nên biết thế nào, nên thấy thế nào để được thấy pháp?’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Có hai pháp. Hai pháp gì? Mắt và sắc là hai. *(Nói chi tiết như trên*[1024] *cho đến)...*những thứ chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ, tưởng, tư câu sanh với xúc, bốn vô sắc ấm này, mắt và sắc, những pháp này gọi là con người. Ở nơi những pháp này mà khởi ý tưởng là con người, là chúng sanh, na-la, ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu[1025], phước-già-la, kỳ-bà, thiền-đầu[1026].

“Lại nói như vầy: ‘Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt pháp.’ Kia giả lập rồi nói như vầy: ‘Vị Tôn giả này tên như vậy, sanh như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, thọ mạng như vậy.’ Này Tỳ-kheo, đó là tưởng, là ghi nhớ, là ngôn thuyết[1027]; tất cả các pháp này đều là hữu vi, vô thường, do suy nghĩ mong cầu mà sanh ra. Nếu là pháp hữu vi, vô thường, do suy nghĩ mong cầu mà sanh ra, thì chúng là khổ. Khổ này phát sanh, rồi khổ đình trụ, rồi khổ diệt; và rồi khổ này tái diễn xuất sanh nhiều lần; tất cả đều khổ. Nếu cái khổ này dứt đi, không còn dư tàn, nhả ra hết, ly dục, tịch diệt, tịch tĩnh mà các khổ khác không tiếp nối, không phát sanh nữa; thì đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả tất cả hữu dư, tất cả ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân,… thân, xúc làm duyên sanh thức thân, cả ba hòa hợp sanh ra xúc; thọ câu sanh với xúc, tưởng, tư; bốn vô sắc ấm này, với thân căn là sắc ấm, gọi đó là con người. Chi tiết như trên cho đến diệt tận Niết-bàn.

“Duyên ý và pháp sanh ra ý thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ câu sanh với xúc, tưởng, tư; bốn vô sắc ấm này, vaø bốn đại, là sở y của con người; những pháp này gọi là con người. Chi tiết đầy đủ như trên, cho đến diệt tận Niết-bàn.

"Nếu có người nào, đối với các pháp này, tâm tùy nhập, an trú, giải thoát, không thoái chuyển, đối với người ấy những hệ lụy khởi lên đều không có ngã. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì đó là thấy pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 307. KIẾN PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: "Biết thế nào, thấy thế nào, để được gọi là thấy pháp?" Suy nghĩ xong, từ nơi thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: 'Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, gọi là thấy pháp?' Hôm nay con xin hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích cho."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói. Có hai pháp: Mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức… *Nói đầy đủ như trên."*

Tỳ-kheo này như lời Phật dạy, trình bài kệ:

"Mắt, sắc, hai thứ duyên,

Sanh tâm và tâm pháp,

Thức, xúc cùng câu sanh,

Thọ, tưởng… đều có nhân.

Chẳng ngã, chẳng của ngã,

Chẳng phải phước-già-la,

Chẳng phải ma-nậu-xà,

Cũng chẳng ma-na-bà.

Đây là pháp sanh diệt,

Khổ ấm, pháp biến dịch,

Nơi pháp này giả tưởng,

Giả lập là chúng sanh.

Na-la, ma-nậu-xà,

Cùng với ma-na-bà,

Cũng còn nhiều tưởng khác,

Đều từ khổ ấm sanh.

Các nghiệp ái vô minh,

Ấm tích lũy đời khác.

Sa-môn các đạo khác,

Nói về hai pháp khác.

Nếu họ nói như vậy,

Nghe rồi càng nghi hoặc.

Tham ái dứt không còn,

Vô minh lặng, diệt hẳn,

Ái sạch, các khổ dứt,

Vô thượng, Phật nói rõ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 308. BẤT NHIỄM TRƯỚC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chư Thiên, người thế gian, đối với sắc thì yêu thích, đắm nhiễm, bám trụ. Sắc này nếu vô thường, biến đổi, hoặc diệt mất, thì trời và người sẽ cảm thấy rất khổ đau. Đối với âm thanh, mùi, vị, xúc, pháp cũng yêu thích, đắm nhiễm, bám trụ; nếu các pháp này vô thường, biến đổi, hoặc diệt mất, thì trời, người sẽ sống trong đau khổ. Đối với sự hiện hữu của sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, Như Lai biết như thật. Vì đã biết như thật, nên đối với sắc không còn yêu thích, đắm nhiễm, bám vào. Cho dù nếu sắc này là vô thường, biến đổi, diệt tận đi nữa, thì vẫn sống an vui. Đối với sự hiện hữu, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, xuất ly của thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên biết như thật. Khi đã biết như thật thì không còn ưa thích, đắn nhiễm, bám vào. Cho dù sắc này là vô thường, biến đổi, diệt tận đi nữa, thì vẫn sống an vui. Vì sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra nhãn xúc; xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, nên sự tập khởi của thọ này, sự diệt tận của thọ này, vị ngọt của thọ này, sự tai hại của thọ này, xuất ly thọ này, nên biết như thật. Do nhân duyên sắc kia sự ách ngại phát sanh. Ách ngại bị diệt tận, đó gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn. Đối với sự hiện hữu của tai, mũi, lưỡi, thân, ý và… pháp làm

duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp này sanh ra xúc. Xúc duyên thọ, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui như vậy, đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly thọ này cũng phải biết như thật. Khi đã biết như thật rồi, pháp này làm nhân duyên sanh ra trở ngại và khi đã hết trở ngại rồi thì gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Nơi sắc, thanh, hương, vị,

Xúc, pháp, sáu cảnh giới,

Một hướng sanh vui thích,

Ái nhiễm, vui đắm sâu.

Chư Thiên và Người thế,

Chỉ vì cái vui này,

Khi biến đổi, diệt mất,

Họ sanh ra khổ đau.

Chỉ có bậc Hiền thánh,

Thấy chúng diệt, an vui,

Cái vui của thế gian,

Quán sát đều là oán.

Hiền thánh thấy là khổ,

Thế gian cho là vui,

Cái khổ của thế gian,

Đối với Thánh là vui.

Pháp sâu xa khó hiểu,

Thế gian sanh nghi hoặc,

Chìm đắm trong tối tăm,

Mờ mịt chẳng thấy gì.

Chỉ có người trí tuệ,

Mở bày sự sáng tỏ,

Lời sâu xa như vậy,

Phi Thánh nào ai biết?

Không lại thọ thân sau,

Đạt xa lẽ chân thật.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 309. LỘC NỮU (1)[1028]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên cạnh bờ hồ Yết-già[1029] tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu[1030], đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Đức Thế Tôn đã dạy, "Có người sống với người thứ hai; có người sống đơn độc một mình[1031]." Vậy thế nào là sống với người thứ hai? Sống đơn độc một mình?"

Phật bảo Lộc Nữu:

"Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi Như Lai nghĩa này."

Phật bảo Lộc Nữu:

"Nếu sắc được biết bởi mắt mà vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục[1032]. Nếu Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ,ï càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại[1033]. Ở đây, hoan hỷ, đắm sâu hoan lạc, tham ái, ách ngại; chúng được gọi là sống với người thứ hai [1034]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ngay lúc ở một mình nơi vắng vẻ, cũng gọi là sống với người thứ hai. Vì sao? Vì hỷ ái không đoạn, không diệt. Ái dục không được đoạn trừ, không được biến tri, chư Phật Như Lai gọi là sống với người thứ hai.

"Nếu có Tỳ-kheo nào đối với sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy. Do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên không hoan hỷ. Do không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc; không đắm sâu hoan lạc nên không tham ái; do không tham ái, nên không bị ách ngại. Ở đây, không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc, không tham ái, không ách ngại; được gọi là sống đơn độc một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ở nơi lầu các, gác cao, cũng vẫn là sống đơn độc một mình. Vì sao? Vì tham ái đã diệt tận, đã biến tri. Người mà tham ái diệt tận, đã biến tri, chư Phật Như Lai gọi là người sống đơn độc một mình."

Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, đảnh lễ mà đi.

---o0o---

KINH 310. LỘC NỮU (2)[1035]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên cạnh bờ hồ Yết-già[1036] tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, bạch Thế Tôn! Cúi xin vì con mà nói pháp. Con nghe pháp rồi, sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến: tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo:

"Lành thay! Lành thay! Lộc Nữu có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Lộc Nữu:

"Nếu có Tỳ-kheo mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, hỷ lạc, tán thán, hệ lụy. Do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, nên hoan hỷ tập khởi. Do hoan hỷ tập khởi nên khổ tập khởi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy. Do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên hoan hỷ không tập khởi. Do hoan hỷ không tập khởi nên diệt tận khổ. Các pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp lại cũng nói như vậy."

Tôn giả Lộc Nữu sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ lui ra.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Nữu nghe Phật giáo giới xong, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

---o0o---

KINH 311. PHÚ-LAN-NA[1037]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Phú-lan-na đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì con mà thuyết pháp. Con ở nơi vắng vẻ một mình, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,... cho đến: tự biết không tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo Phú-lan-na:

"Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu có Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ,ï càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại. Do đó cách xa Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Phú-lan-na, nếu Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy; do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên không hoan hỷ; do không hoan hỷ,ï nên không hoan lạc; không hoan lạc nên không tham; do không tham, mà không bị ách ngại; cho nên dần dần tiếp cận Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng nói như vậy."

Phật bảo Phú-lan-na:

"Ta đã tóm lược giáo pháp, vậy Phú-lan-na muốn an trú chỗ nào?"

Tôn giả Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được Thế Tôn tóm lược giáo giới, nay con muốn du hành trong nhân gian đi về xứ Thâu-lô-na ở phương Tây[1038]."

Phật bảo Phú-lan-na:

“Người ở Thâu-lô-na phương Tây hung dữ, nóng nảy, thô bạo, ưa chưởi bới. Phú-lan-na, nếu ngươi nghe những lời hung ác, nóng nảy, thô bạo, ưa mắng rủa, hủy nhục, thì ngươi sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu người nước Thâu-lô-na phương Tây kia mà trước mặt con có những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na ở phương Tây này vẫn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họi ở trước mặt ta tỏ ra hung ác, thô bạo, mắng chưởi hay hủy nhục, ta vẫn chưa bị họ dùng tay để đánh hoặc ném đá.’”

Phật bảo Phú-lan-na:

“Người Thâu-lô-na ở phương Tây này tuy hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chưởi, hủy nhục đối với ngươi, ngươi có thể tránh được. Nhưng nếu họ lại còn dùng tay đánh, đá ném nữa, thì ngươi như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu người Thâu-lô-na ở phương Tây dùng tay đánh, hay dùng đá ném con đi nữa, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng tay đánh, đá ném nhưng họ chẳng dùng dao gậy.’”

Phật bảo Phú-lan-na:

“Nếu những người này dùng dao gậy để hại ngươi, thì sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu những người này, lại dùng dao gậy để hại con, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng dao gậy hại ta, nhưng chưa giết ta.’”

Phật bảo Phú-lan-na:

“Giả sử những người này giết ngươi, thì sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu những người Thâu-lô-na phương Tây giết con, thì con nghĩ rằng: 'Các đệ tử của Thế Tôn có người nhàm chán thân này, hoặc dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc gieo mình xuống hố sâu. Người Thâu-lô-na phương Tây này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Đối với cái thân hủ bại của ta, chỉ tạo chút phương tiện khiến ta được giải thoát.'"

Phật bảo:

"Lành thay! Phú-lan-na! Ông khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay ngươi có thể đến ở lại Thâu-lô-na. Ngươi nên đến độ cho người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn."

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lan-na, sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phấn khởi, làm lễ rồi đi.

Sáng hôm sau Tôn giả Phú-lan-na đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, trở ra, giao lại ngọa cụ, đem y bát du hành đến nước Thâu-lô-na phương Tây và an cư tại đó. Tôn giả thuyết pháp cho năm trăm vị Ưu-bà-tắc và kiến lập năm trăm Tăng-già-lam, cúng dường các thứ giường nằm, chăn, mền đều đầy đủ. Trải qua ba tháng hạ, đầy đủ Tam minh, liền ở nơi ấy nhập Vô dư Niết-bàn.

---o0o---

KINH 312. MA-LA-CA-CỮU[1039]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Ma-la-ca-cữu[1040] đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp. Khi nghe pháp xong, một mình con ở chỗ vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến: không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu:

"Những người trẻ tuổi, thông minh, lanh lợi, xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp luật của Ta còn không biếng nhác; huống chi là ngày nay tuổi của

ngươi đã già, các căn đã suy yếu, mà đối với pháp luật của Ta lại muốn nghe Ta giáo giới vắn tắt.”

Ma-la-ca-cữu bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tuy tuổi già, các căn suy yếu, nhưng con vẫn còn muốn nghe Thế Tôn sơ lược chỉ dạy, nhắc nhở. Xin Thế Tôn vì con mà chỉ dạy sơ lược, nhắc nhở. Sau khi nghe pháp xong, một mình con sẽ ở chỗ vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy,… cho đến: tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Ma-la-ca-cữu bạch như vậy ba lần.

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

“Hãy thôi đi!”

Ba lần nói như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu:

“Bây giờ, Ta hỏi ngươi, cứ tùy ý mà đáp lời của Ta.”

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

“Nếu đối với sắc mà mắt chưa từng thấy, ngươi sẽ muốn thấy. Ở nơi sắc này ngươi có khởi lên dục, khởi lên ái, khởi niệm, khởi nhiễm trước không?”

Ma-la-ca-cữu đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Tai đối với âm thanh, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng nói như vậy.”

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

“Lành thay! Này Ma-la-ca-cữu, thấy, do thấy giới hạn; nghe, do nghe giới hạn[1041]; cảm giác, do cảm giác giới hạn; nhận thức, do nhận thức giới hạn.”

Và Phật nói bài kệ:

Nếu ngươi chẳng phải kia,

Kia cũng chẳng phải đây,

Cũng chẳng giữa hai bên,

Thì đây là mé khổ[1042].

Ma-la-ca-cữu bạch Phật:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.”

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

“Ngươi hiểu thế nào về cái nghĩa rộng rãi của pháp mà Ta đã nói lược?”

Ma-la-ca-cữu trình lên Phật bài kệ:

“Nếu mắt đã thấy sắc,

Mà mất đi chánh niệm,

Thì đối sắc được thấy,

Giữ lấy tướng yêu nhớ.

Người giữ tướng yêu thích,

Tâm thường bị vướng mắc,

Khởi lên các thứ ái,

Vô lượng sắc tập sanh.

Tham dục, nhuế, hại, giác,

Khiến tâm mình sụt giảm,

Nuôi lớn thêm các khổ,

Vĩnh viễn lìa Niết-bàn.

Thấy sắc chẳng chấp tướng,

Tâm mình theo chánh niệm,

Không nhiễm ái, ác tâm,

Cũng chẳng sanh hệ lụy.

Không khởi lên các ái,

Vô lượng sắc tập sinh,

Tham dục, nhuế, hại, giác,

Chẳng thể hại tâm mình.

Ít nuôi lớn các khổ,

Lần lượt gần Niết-bàn.

Đấng Nhật Tôn đã nói,

Lìa ái, đạt Niết-bàn.

Nếu tai nghe các tiếng,

Tâm mất đi chánh niệm,

Cứ giữ tướng âm thanh,

Giữ chặt mà không xả.

Mũi, hương, lưỡi thưởng vị,

Thân, xúc, ý nhớ pháp,

Quên mất đi chánh niệm,

Giữ tướng cũng như vậy;

Tâm mình sanh yêu thích,

Buộc đắm bám vững chắc,

Khởi lên các thứ ái,

Vô lượng pháp tập sanh,

Tham dục, nhuế, hại, giác,

Sụt giảm hại tâm mình,

Nuôi lớn các tụ khổ,

Vĩnh viễn lìa Niết-bàn.

Chẳng nhiễm nơi các pháp,

Chánh trí, trụ chánh niệm,

Tâm mình chẳng nhiễm ô,

Lại cũng không thích đắm,

Chẳng khởi lên các ái,

Vô lượng pháp tập sanh,

Tham, sân, nhuế, hại, giác,

Chẳng lui giảm tâm mình,

Các khổ theo đó giảm,

Dần dần gần Niết-bàn.

Ái tận, Bát-niết-bàn,

Thế Tôn đã nói thế.

"Đó gọi là giải rộng nghĩa của pháp Phật đã lược nói."

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Thật sự ngươi đã giải thích rộng nghĩa của nó đối với pháp Ta đã nói lược. Vì sao? Vì như ngươi đã nói kệ:

Nếu mắt thấy các sắc,

Quên mất đi chánh niệm,

Thì đối sắc được thấy,

Giữ lấy tướng ái niệm.

Như trên, nói đầy đủ chi tiết.

Tôn giả Ma-la-ca-cữu, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ, làm lễ rồi đi.

Sau khi, Tôn giả Ma-la-ca-cữu đã giải thích rộng nghĩa của nó, đối với pháp Thế Tôn đã nói lược, rồi một mình ở chỗ vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

---o0o---

KINH 313. KINH PHÁP[1043]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có kinh pháp, mà các Tỳ-kheo sùng kính, hướng tới; tuy đối với kinh pháp, khác tín tâm, khác sở thích, khác sở văn, khác tư duy sở hành, khác kiến giải thẩm sát và nhẫn khả[1044], nhưng có thể bằng chánh trí mà nói rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Ngài nói rộng thêm; các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe kỹ và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, khi mắt đã thấy sắc rồi, có nhận biết sắc nhưng không cảm giác tham đối với sắc, vị ấy biết như thật rằng: 'Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Nhưng hiện tại không có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt.' Nếu Tỳ-kheo nào mắt đã thấy sắc rồi, có nhận biết sắc nhưng không khởi tham đối với sắc, vị ấy biết như thật rằng: 'Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Nhưng hiện tại không có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt.' Các ông nghĩ sao? Ở đây, người này có tín, có sở thích, có sở văn, có tư duy sở hành, có kiến giải thẩm sát và nhẫn khả không?[1045]"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy[1046]."

"Quy hướng trên pháp này, thì có biết như thật bằng chánh trí những điều sở tri sở kiến ấy chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp cũng nói như vậy."

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có kinh pháp, mà các Tỳ-kheo sùng kính, hướng tới. Tuy đối với kinh pháp này, khác tín tâm, khác sở thích, khác sở văn, khác tư duy sở hành, khác kiến giải thẩm sát và nhẫn khả, nhưng có thể bằng chánh trí mà nói rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 314. ĐOẠN DỤC[1047]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy đoạn dục. Sau khi đã đoạn trừ dục nơi mắt, mắt cũng được đoạn tận, được biến tri, cắt đứt gốc rễ của nó, như chặt đầu cây đa-la, ở đời vị lai vĩnh viễn không tái sanh nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 315. NHÃN SANH[1048]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu mắt sanh khởi, đình trú, chuyển sanh, xuất hiện, thì khổ sanh khởi, bệnh đình trú, già, chết xuất hiện. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nếu mắt diệt tận, thì khổ sanh cũng diệt, bệnh dứt, (già) chết biến mất. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 316. NHÃN VÔ THƯỜNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt là vô thường. Nếu mắt là thường thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và cũng có thể nói: 'Đối với con mắt ta muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này.' Nhưng vì mắt là vô thường nên mắt phải chịu khổ bức bách sanh ra và đối với mắt không thể muốn nó như thế này, hay không muốn nó như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 317. NHÃN KHỔ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt là khổ. Nếu mắt là lạc, thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách; và đối với mắt có thể muốn nó phải được như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Nhưng vì mắt là khổ nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt không thể muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 318. NHÃN PHI NGÃ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt chẳng phải ngã. Nếu mắt là ngã thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt có thể muốn nó phải được như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Nhưng vì mắt chẳng phải là ngã, nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt không thể muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh Nội lục nhập xứ, ba kinh Ngoại lục nhập xứ cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 319. NHẤT THIẾT[1049]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón hỏi thăm nhau, ngồi một bên bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, nói rằng 'tất cả', vậy thế nào là tất cả?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tất cả, nghĩa là chỉ cho mười hai nhập xứ, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với pháp, đó gọi là tất cả. Nếu có người lại nói rằng: 'Đó không phải là tất cả, mà Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả. Nay ta bỏ tất cả này mà lập riêng tất cả khác,' thì người này chỉ nói trên ngôn thuyết. Nếu hỏi đến thì họ lại không biết và chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

Bà-la-môn Sanh Văn nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 320. NHẤT THIẾT HỮU[1050]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài nói tất cả đều có[1051], vậy thế nào là tất cả đều có?"

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

"Nay Ta hỏi, ông cứ tùy ý mà trả lời câu hỏi của Ta. Này Bà-la-môn, ý ông thế nào, mắt là có chăng?"

Đáp:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

"Sắc là có chăng?"

Đáp:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

"Này Bà-la-môn, vì có sắc, có nhãn thức, có nhãn xúc, nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc chăng?"

Bà-la-môn Sanh Văn đáp:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

"Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nói rộng ra như trên cho đến chẳng phải cảnh giới ấy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đứng lên từ giã.

---o0o---

KINH 321. NHẤT THIẾT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, nói là tất cả pháp, vậy thế nào là tất cả pháp?"

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

"Mắt, sắc, nhãn thức sanh ra nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp, ý thức sanh ra ý xúc; ý xúc làm hân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc, đó gọi là tất cả pháp. Nếu có người lại nói: 'Ở đây không phải là tất cả các pháp, như Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả pháp. Nay ta bỏ tất cả pháp này mà lập riêng tất cả pháp khác,' thì người ấy chỉ nói trên ngôn thuyết, nếu hỏi đến thì lại không biết, chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như ba kinh Bà-la-môn Sanh Văn đã hỏi, ba kinh có Tỳ-kheo khác hỏi và ba kinh Tôn giả A-nan hỏi, ba kinh Đức Thế Tôn nói về pháp nhãn, pháp căn, pháp y cũng dạy như trên.

---o0o---

KINH 322. NHÃN NỘI NHẬP XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn đã dạy, mắt là nội nhập xứ, Thế Tôn chỉ nói lược, không phân biệt đầy đủ. Vậy thế nào mắt là nội nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo này:

"Mắt là nội nhập xứ, là tịnh sắc do bốn đại tạo, không thể thấy, có đối ngại[1052]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý nội nhập xứ cũng nói như vậy."

Lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn đã dạy, ý là nội nhập xứ, nhưng không phân biệt rộng. Vậy thế nào ý là nội nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ý nội nhập xứ là tâm, ý, thức, phi sắc, không thể thấy, không đối ngại, thì đó gọi là ý nội nhập xứ."

Lại hỏi:

"Như lời Đức Thế Tôn đã dạy về sắc ngoại nhập xứ, Thế Tôn nói lược, không phân biệt đầy đủ. Vậy bạch Thế Tôn, thế nào là sắc ngoại nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Sắc ngoại nhập xứ, là sắc do bốn đại tạo, có thể thấy, có đối ngại. Đó gọi là sắc ngoại nhập xứ."

Lại hỏi Phật:

"Thế Tôn nói thanh là ngoại nhập xứ, nhưng không phân biệt đầy đủ. Vậy thế nào thanh là ngoại nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu thanh do bốn đại tạo, không thể thấy, nhưng có đối ngại. Như thanh, mùi vị cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế Tôn đã nói về xúc ngoại nhập xứ, nhưng không phân biệt đầy đủ, vậy thế nào là xúc ngoại nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xúc ngoại nhập xứ, là bốn đại và sắc do tứ đại tạo, không thể thấy, nhưng có đối ngại. Đó gọi là xúc ngoại nhập xứ."

Lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, Ngài chỉ nói pháp ngoại nhập xứ, chứ không phân biệt đầy đủ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Pháp ngoại nhập xứ là những pháp không gồm trong mười một loại nhập xứ này, không thể thấy, không đối ngại. Đó gọi là pháp ngoại nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 323. LỤC NỘI NHẬP XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu nội nhập xứ, là mắt nội nhập xứ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nội nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 324. LỤC NGOẠI NHẬP XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu ngoại nhập xứ. Vậy thế nào là sáu ngoại nhập xứ? Sắc ngoại nhập xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp ngoại nhập xứ. Đó gọi là sáu ngoại nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 325. LỤC THỨC THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu thức thân. Đó là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Đó gọi là sáu thức thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 326. LỤC XÚC THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu xúc thân. Đó là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Đó là sáu xúc thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 327. LỤC THỌ THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thọ thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra thọ. Đó gọi là sáu thọ thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 328. LỤC TƯỞNG THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu tưởng thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tưởng và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tưởng. Đó gọi là sáu tưởng thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 329. LỤC TƯ THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu tư thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tư và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tư. Đó gọi là sáu tư thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 330. LỤC ÁI THÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu ái thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra ái và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra ái. Đó gọi là sáu ái thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 331. LỤC CỐ NIỆM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thứ luyến nhớ[1053]. Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc, luyến nhớ pháp. Đó gọi là sáu thứ luyến nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 332. LỤC PHÚ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thứ che đậy[1054]. Đó là sắc hữu lậu giữ tâm che đậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp hữu lậu giữ tâm che đậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 333. VÔ THƯỜNG[1055]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, huống chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, chẳng luyến tiếc mắt quá khứ, chẳng hân hoan mắt vị lai, đối với mắt hiện tại sanh ra nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Như vô thường, thì khổ, không, vô ngã cũng nói như vậy.

Như bốn kinh Nội nhập xứ, bốn kinh Ngoại nhập xứ cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 334. HỮU NHÂN HỮU DUYÊN HỮU PHƯỢC PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ nói pháp cho các Tỳ-kheo, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Đó là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược.

"Thế nào là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược? Mắt có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của mắt, là duyên của mắt, là hệ phược của mắt? Đó là, nghiệp là nhân, nghiệp là duyên, nghiệp là hệ phược của mắt.

"Nghiệp có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của nghiệp, là duyên của nghiệp, là hệ phược của nghiệp? Ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là hệ phược của nghiệp.

"Ái có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của ái, là duyên của ái, là hệ phược của ái? Vô minh là nhân của ái, vô minh là duyên của ái, vô minh là hệ phược của ái.

"Vô minh có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì nhân của vô minh, là duyên của vô minh, là hệ phược của vô minh? Không tư duy đúng là nhân, không tư duy đúng là duyên, không tư duy đúng là hệ phược của vô minh.

"Không tư duy đúng có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của không tư duy đúng? là duyên của không tư duy đúng, là hệ phược của không tư duy đúng? Do mắt thấy sắc không tư duy đúng nên sanh ra si mê. Sự ngu si ấy là vô minh. Dục cầu si mê gọi là ái. Hành vi do ái tạo tác nên gọi là nghiệp.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, không tư duy đúng là nhân của vô minh. Vô minh là nhân của ái. Ái là nhân của nghiệp. Nghiệp là nhân của mắt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ vì các ông mà nói pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, đó là kinh Đệ nhất nghĩa không. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là kinh Đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ-kheo, khi mắt sanh thì nó không có chỗ đến; lúc diệt thì nó không có chỗ đi. Như vậy mắt chẳng thật sanh, sanh rồi diệt mất; có nghiệp báo mà không tác giả. Ấm này diệt rồi, ấm khác tương tục, trừ pháp tục số[1056]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp tục số.

"Pháp tục số, tức là nói, cái này có thì cái kia có, cái này khởi thì cái kia khởi, như vô minh duyên hành, hành duyên thức, nói chi tiết đầy đủ cho đến thuần một khối khổ lớn tập khởi. Lại nữa, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt, vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt. Như vậy, nói rộng cho đến thuần một khối khổ lớn tụ diệt.

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Đệ nhất nghĩa không."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 336. LỤC HỶ HÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu hỷ hành[1057]. Đó là: Này các Tỳ-kheo, nếu ngay khi thấy sắc, hỷ tiến hành nơi sắc xứ ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tiếp xúc pháp trần, khi ấy hỷ tiến hành nơi pháp xứ hành này. Các Tỳ-kheo gọi đó là sáu hỷ hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 337. LỤC ƯU HÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu ưu hành[1058]. Đó là, này các Tỳ-kheo, nếu mắt thấy sắc, mà ưu tiến hành nơi sắc xứ đó. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà ưu tiến hành nơi pháp xứ này, các Tỳ-kheo gọi đó là sáu ưu hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 338. LỤC XẢ HÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu xả hành[1059]. Đó là, này các Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, xả tiến hành nơi sắc xứ này. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng vậy, xả tiến hành nơi pháp xứ này, thì đó gọi là sáu hành xả của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 339. LỤC THƯỜNG HÀNH (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành[1060]. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí, thì đó gọi là sáu thường hành của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 340. LỤC THƯỜNG HÀNH (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Tỳ-kheo thành tựu sáu thường hành này, là điều thế gian khó làm được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 341. LỤC THƯỜNG HÀNH (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu pháp thường hành này, là điều thế gian khó làm được, thì người này đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 342. LỤC THƯỜNG HÀNH (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu được sáu pháp thường hành này, thì nên biết đó là Xá-lợi-phất v.v… Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khi mắt thấy sắc, an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó làm được, nên xứng đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 14

KINH 343. PHÙ-DI[1061]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-kheo Phù-di[1062] ở tại núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Phù-di, cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chào hỏi và chúc tụng nhau, rồi ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Phù-di:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ giải đáp cho không?"

Tôn giả Phù-di bảo các xuất gia ngoại đạo:

"Tùy theo những gì các vị hỏi, tôi sẽ trả lời các vị."

Lúc ấy, chúng xuất gia ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di:

"Khổ lạc có phải là do tự tác không?"[1063]

Tôn giả Phù-di đáp:

"Này các vị xuất gia ngoại đạo, nói 'khổ lạc là do tự tác'; điều này Đức Thế Tôn bảo, 'Ta không khẳng định[1064] '."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là do tha nhân tác không?"

Đáp:

"Khổ lạc là do tha nhân tác; điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định'."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác không?"

Đáp:

"Khổ lạc là do vừa tự vừa tha nhân tác; những điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định'."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là chẳng phải vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo không?"

Đáp:

"Khổ lạc là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, những điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định.'"

Chúng xuất gia ngoại đạo lại hỏi:

"Thế nào, Tôn giả Phù-di, khi chúng tôi hỏi có phải khổ lạc là do tự tác; thì bảo là không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải do tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, thì bảo rằng không khẳng định. Vậy hiện tại Sa-môn Cù-đàm nói khổ lạc được sanh ra như thế nào?"

Tôn giả Phù-di đáp:

"Này chúng xuất gia ngoại đạo, Đức Thế Tôn bảo khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi."

Lúc ấy chúng xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phù-di nói, tâm không hoan hỷ, chỉ trích, rồi bỏ ra đi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách chỗ Tôn giả Phù-di không xa, đang ngồi dưới bóng cây. Lúc ấy Tôn giả Phù-di biết chúng xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, mới đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hai vị cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chúc tụng rồi, Tôn giả đem những câu hỏi của chúng xuất gia ngoại đạo trình lại đầy đủ cho Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi đã giải đáp như vậy, không mắc tội hủy báng Đức Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Nói tùy thuận pháp, hành pháp chăng? Không bị những người khác nhân nơi luận pháp đến nạn vấn chỉ trích chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Này Tôn giả Phù-di, những điều thầy nói là đúng như lời Phật dạy, không hủy báng Như Lai, nói như những gì Phật đã nói, nói như pháp, pháp hành, pháp thuyết, không bị những người khác nhân nơi luận nghĩa, mà đến cật

vấn, quở trách. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn dạy khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.

"Tôn giả Phù-di, những gì các Sa-môn, Bà-la-môn kia hỏi về khổ lạc là do tự tác, điều này cũng sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo rằng chúng không sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, hay bảo là vô duyên tạo, chúng cũng đều sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo không phải sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được.

"Tôn giả Phù-di, những gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói về khổ lạc là do tự tác, chúng cũng duyên xúc mà sanh ra; nếu bảo là chúng không sanh ra từ xúc, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha tạo, là do tự tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, vô nhân tác, chúng cũng duyên vào xúc mà sanh ra. Nếu bảo không phải sanh ra từ xúc, điều này không thể có được."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang ngồi dưới bóng cây cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bàn luận những việc như vậy. Sau khi nghe, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem những lời bàn luận giữa Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bạch một cách đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, Tôn giả Xá-lợi-phất có người đến hỏi, đã có thể tùy thời mà đáp. Lành thay! Vì Xá-lợi-phất là người có trí ứng phó kịp thời, nên có người đến hỏi, liền có thể tùy thời mà giải đáp. Hàng Thanh văn của Ta nếu gặp có người hỏi, thì cũng nên tùy thời mà đáp như cách Xá-lợi-phất đã nói.

"Này A-nan, trước đây khi Ta ở trong núi tại Tiên nhân trú xứ, thành Vương xá, bấy giờ có chúng xuất gia ngoại đạo đã đem ý vị như vậy, văn cú như vậy, nghĩa lý như vậy đến hỏi Ta. Ta vì họ mà đem ý vị thế này, văn cú thế này, nghĩa lý thế này nói cho họ, giống như những gì Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói.

"A-nan, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng khổ lạc là do tự tác, Ta liền đến hỏi họ: 'Thật sự các vị có nói khổ lạc là do tự tác không?' Họ đáp: 'Tôi nói như vậy' Ta liền nói với họ: 'Các vị có thể chấp chặt lấy nghĩa này cho

đây là chân thật, còn những gì khác đều là ngu dối. Ta không chấp nhận như vậy. Vì sao? Vì Ta nói sự sanh khởi của khổ lạc khác hẳn với điều này.' Nếu họ hỏi Ta: 'Cù-đàm nói sự sanh khởi của khổ lạc là khác như thế nào?' Ta đáp: 'Khổ lạc sanh ra từ duyên khởi.' Cũng vậy nếu họ nói: 'Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, chẳng phải do tự, chẳng phải do tha, vô nhân tạo, Ta cũng đến chỗ họ nói như trên.'"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Như nghĩa lý Thế Tôn vừa nói, con đã hiểu. Có sanh nên có già chết, chẳng phải duyên nào khác mà có sanh nên có già chết. Cho đến vì vô minh nên có hành, chẳng phải duyên nào khác mà có vô minh nên có hành. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt; và thuần một khối khổ lớn diệt."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 344. CÂU-HI-LA[1065]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đang ở tại núi Kỳ-xà-quật. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả Câu-hi-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau chào hỏi. Sau khi chào hỏi, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi. Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Nhân giả cứ hỏi. Nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đa văn Thánh đệ tử, ở trong pháp luật này, thành tựu pháp nào để gọi là có đầy đủ chánh kiến[1066], thành tựu được trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối

với Phật[1067], thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn.

"Thế nào là biết như thật pháp bất thiện? Các nghiệp chẳng lành của thân, miệng, ý; đó gọi là pháp bất thiện. Biết như thật pháp bất thiện là như vậy.

"Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc (căn) chẳng lành, sân là gốc chẳng lành, si là gốc chẳng lành; đó gọi là bất thiện căn. Biết như thật bất thiện căn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Các nghiệp lành của thân, miệng, ý; đó gọi là thiện pháp. Biết như thật về thiện pháp là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiêïn căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.

"Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, như vậy, đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật pháp thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về thiện căn; cho nên ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay ngoài ra còn có pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn; đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức[1068]; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia[1069]; đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Lại còn có những pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về lậu[1070], biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu.

"Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu[1071], đó gọi là lậu. Phải biết như thật về sự hiện hữu của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Vô minh tập khởi là lậu tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của lậu? Vô minh diệt là lậu diệt. Biết như thật về sự diệt tận của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu? Tám Thánh đạo *(nói như trên)*. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.

"Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, mong muốn không được là khổ. Như vậy, nói tóm, năm thọ ấm là khổ; đó gọi là khổ. Biết như thật về khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của khổ. Biết như thật về sự tập khởi của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều đoạn trừ, không còn sót, cho đến, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của khổ. Biết như thật về sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ? Tám Thánh đạo như đã nói ở trên. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con

đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[1072], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có pháp này, còn có pháp nào khác nữa không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Còn có pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về già chết, biết như thật về sự tập khởi của già chết, biết như thật về sự diệt tận của già chết, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như kinh Phân biệt đã nói ở trước.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, sanh diệt tận thì già chết diệt tận… Con đường đưa đến sự diệt tận của già chết là gồm tám Thánh đạo như trước đã nói. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với già chết này… cho đến, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[1073], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

"Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành. Thánh đệ tử biết như thật về hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

"Thế nào là biết như thật về hành? Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành và ý hành. Biết như thật về sự hiện hữu của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt tận thì hành diệt tận. Biết như thật về sự diệt tận của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo như trước đã nói.

“Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đó gọi là Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật về sự diệt tận của hành, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành; trong pháp luật này[1074], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Chỉ có những pháp này, hay còn có pháp nào khác không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thầy đuổi theo cái gì vậy, rốt cuộc rồi Thầy cũng không thể đến chỗ tột cùng của các luận thuyết, đạt đến biên tế của chúng được! Nếu Thánh đệ tử đã đoạn trừ vô minh và phát sanh minh trí, thì đâu cần tìm cầu gì nữa!”

Sau khi đàm đạo xong, hai vị Chánh sĩ mỗi người trở về trú xứ của mình.

---O0O---

KINH 345. TẬP SANH[1075]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như những gì Ta đã nói về những câu hỏi của A-dật-đa trong Ba-la-diên-da[1076] bằng bài kệ:

Người đã thông pháp số[1077],
Người thành các môn học[1078],
Oai nghi, hạnh đầy đủ,
Vì con phân biệt nói.

“Này Xá-lợi-phất, học những gì? Những gì là pháp số[1079]?”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng, không đáp; lần thứ hai, lần thứ ba cũng im lặng.

Phật bảo:

"Xá-lợi-phất, thực thể[1080]!"

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đối với thực thể[1081] mà nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Tỳ-kheo đối với thức ăn mà sanh nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận; đó gọi là thực thể diệt tận. Vị ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Đó gọi là học.

"Lại nữa, Xá-lợi-phất, thực thể!"

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo đối với thực thể mà nhàm tởm, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Vị ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhàm tởm, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Đó gọi là pháp số."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Đúng thế, đúng thế! Như Xá-lợi-phất nói, Tỳ-kheo đối với thực thể mà sanh ra nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đây gọi là pháp số."

Nói như vậy rồi, Thế Tôn đứng lên đi vào thất tọa thiền. Tôn giả Xá-lợi-phất biết Đức Thế Tôn đã đi, sau đó không lâu nói với các Tỳ-kheo:

"Chư vị, vì tôi không thể hiểu rõ câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn nên tôi im lặng. Sau một hồi, Đức Thế Tôn lại vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được nghĩa của nó như vậy. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm hay cho đến bảy ngày đêm lại hỏi nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác thì tôi cũng có thể giải thích, nói rộng nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm."

Bây giờ, có một số Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. Ở trong đại chúng đã nói lên tiếng rống con sư tử: 'Đối với câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn, tôi đã không thể trả lời, vì không thể hiểu rõ, nên cho đến ba lần Ngài hỏi tôi đều im lặng, không đáp được. Sau đó Đức Thế Tôn lại đã vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, hay cho đến suốt bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì tôi có thể giải thích với văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm.'"

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Quả thật, nếu Ta một ngày một đêm, cho đến bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, trong ý nghĩa những điều được hỏi, cũng có thể giải thích với câu khác, ý vị khác cho đến bảy ngày đêm. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo nhập vào pháp giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 346. TAM PHÁP[1082]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba pháp mà thế gian không yêu thích, không nhớ nghĩ, không vừa ý. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Thế gian nếu không có ba pháp không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ, không vừa ý này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng không biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Vì thế gian có ba pháp già, bệnh, chết, không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ và không vừa ý này, cho nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có

Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Vì ba pháp chưa đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm[1083], không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động[1084], không luật nghi, chẳng học giới.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa dao động, không luật nghi, chẳng học giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, lười biếng.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa không tin, khó dạy, lười biếng. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, thường hay tìm điều dở của người.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể xa lìa không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm cầu điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì ba pháp này không đoạn trừ nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen bạn xấu. Vì sao? Vì do không tàm, không quí nên buông lung; vì buông lung nên không cung kính; vì không cung kính nên quen theo bạn xấu; vì quen theo bạn xấu nên không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, hay ưa tìm điều dở của người; vì ưa tìm điều dở của người nên không tin, khó dạy, nói năng ngang trái, lười biếng; vì lười biếng nên dao động, không luật nghi, không học giới; vì không học giới nên thất niệm, không chánh tri, loạn tâm; vì loạn tâm nên không chánh tư duy, thân cận tà đạo, tâm biếng nhác; vì tâm biếng nhác nên

thân kiến, giới thủ, nghi; vì nghi nên không lìa tham, nhuế, si; vì không lìa tham, nhuế, si nên không thể lìa được già, bệnh, chết.

“Nếu dứt được ba pháp này thì mới có thể lìa được già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si. Ba pháp này dứt rồi mới có thể lìa già, bệnh, chết.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Vì dứt được ba pháp này nên có thể lìa được tham, sân, si.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo, khởi tâm biếng nhác. Vì dứt ba pháp này nên lìa thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì dứt ba pháp nên có lìa không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Vì dứt ba pháp này nên lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì dứt được ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động, không luật nghi, phạm giới. Vì dứt ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì dứt ba pháp nên lìa được dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, biếng nhác. Vì dứt được ba pháp này nên lìa được dao động, không luật nghi, phạm giới.

“Lại vì dứt được ba pháp nên lìa được chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa được không tin, khó dạy, biếng nhác.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tâm không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Vì dứt được ba pháp này nên lìa sự không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quí, buông lung. Vì sao? Vì do tàm quí nên không buông lung. Vì không buông lung nên tâm cung

kính, nói năng hòa nhã, làm thiện tri thức. Vì là thiện tri thức nên ưa thấy Hiền thánh, ưa nghe Chánh pháp, chẳng tìm điều dở của người. Vì chẳng ưa tìm điều dở của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn. Vì tinh tấn nên không dao động, an trú trong luật nghi, học giới. Nhờ học giới nên không thất niệm, an trú chánh tri, chẳng loạn tâm. Nhờ không loạn tâm nên chánh tư duy, gần gũi chánh đạo, tâm không biếng nhác. Nhờ tâm không biếng nhác nên không chấp trước thân kiến, không chấp trước giới thủ, vượt khỏi nghi hoặc. Nhờ chẳng nghi nên chẳng khởi tham, nhuế, si. Nhờ lìa tham, nhuế, si nên có thể dứt già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 347. TU-THÂM[1085]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có các quốc vương, đại thần, gia chủ, Bà-la-môn, cư sĩ và những người khác ở thế gian, cung kính tôn trọng, cúng dường; Phật và chúng Thanh văn được nhiều lợi dưỡng: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men. Còn đối với các ngoại đạo tà giáo, họ hoàn toàn chẳng cung kính, tôn trọng, cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men.

Bấy giờ, các ngoại đạo tụ tập tại giảng đường Vị tằng, bàn luận như vầy: 'Chúng ta từ trước đến nay, thường được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men mà ngày nay lại bị dứt tuyệt. Họ chỉ cung kính, cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Nay trong chúng này, ai là người có trí tuệ, là bậc đại sĩ, có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-đàm, xuất gia, nghe pháp Sa-môn Cù-đàm, rồi trở về nói lại đầy đủ. Chúng ta sẽ dùng pháp được nghe đó để giáo hóa quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ khiến cho họ tin ưa, có thể họ sẽ trở lại cúng dường chúng ta như trước?' Lúc ấy có người lên tiếng:

"Có một thiếu niên tên là Tu-thâm[1086], thông minh, có trí tuệ, có thể lén vào trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, nghe pháp Cù-đàm xong rồi trở về trình bày lại."

Bấy giờ, các ngoại đạo đi đến chỗ Tu-thâm bảo rằng:

“Hôm nay chúng tôi tập hợp đại chúng tại giảng đường Vị tằng bàn luận như vầy: ‘Từ trước đến nay chúng ta được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và những người khác cung kính, phụng sự, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, nhưng ngày nay bỗng bị dứt tuyệt. Nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và mọi người đều đua nhau phụng sự Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Trong đại chúng này ai là người thông minh, trí tuệ có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, học đạo, nghe pháp Sa-môn Cù-đàm rồi trở về nói lại và đem ra giáo hóa quốc vương, các đại thần, gia chủ, cư sĩ để chúng của ta trở lại được cung kính, tôn trọng cúng dường?’ Trong chúng có người nói rằng: ‘Chỉ có Tu-thâm thông minh trí tuệ, có thể lén đến trong pháp của Cù-đàm xuất gia học đạo, nghe Cù-đàm thuyết pháp chắc chắn có thể lãnh hội được để trở về nói lại.’ Cho nên chúng tôi cùng nhau đến đây mời Nhân giả nên nhận lời đi.”

Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời, đi đến trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành ngoài đất trống. Tu-thâm liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch các Tôn giả, nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh không?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đưa Tu-thâm đi đến chỗ Đức Thế Tôn, thành kính đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay ngoại đạo Tu-thâm muốn cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tu-thâm, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm này được xuất gia.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo giúp cho Tu-thâm xuất gia, trải qua được nửa tháng. Một hôm có vị Tỳ-kheo nói với Tu-thâm[1087]:

“Tu-thâm nên biết, chúng tôi đã chấm dứt sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Tu-thâm bạch Tỳ-kheo:

"Bạch Tôn giả, thế nào, có phải học ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu Sơ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Thế nào, có phải lìa có giác, lìa có quán, nội tịnh nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu Nhị thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Thế nào, có phải lìa hỷ, an trụ tâm xả, có chánh niệm, chánh tri, thân tâm thọ lạc, điều mà Thánh nói đến là xả[1088], thành tựu Tam thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Bạch Tôn giả, thế nào, có phải là lìa khổ dứt lạc, đoạn trừ ưu, hỷ từ trước, không khổ, không lạc, xả tịnh, niệm nhất tâm[1089], thành tựu đệ Tứ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Chứng tịch tĩnh giải thoát[1090], vượt sắc, vô sắc, tự thân tác chứng và thành tựu, phải chăng là không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?"

Đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

Lại hỏi:

“Thế nào, bạch Tôn giả, lời nói của Tôn giả chẳng đồng nhất, trước sau mâu thuẫn. Tại sao không đắc thiền định nhưng lại tuyên bố như vậy[1091]?”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi được tuệ giải thoát[1092].”

Khi nói vậy rồi, các Tỳ-kheo đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Tu-thâm suy nghĩ: ‘Những gì các Tôn giả này nói không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, đã nói không chứng đắc chánh thọ[1093], mà lại tuyên bố là tự thân tác chứng.’ Suy nghĩ xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo kia ở trước mặt con đã tuyên bố: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Con liền hỏi Tôn giả kia: ‘Có phải được ly dục và pháp ác bất thiện… cho đến tự tri tự tác chứng, thì không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?’ Vị ấy trả lời con: ‘Không phải vậy, Tu-thâm.’ Con liền hỏi: ‘Những gì Tôn giả nói là bất đồng, trước sau mâu thuẫn, đã nói không nhập chánh thọ mà lại tuyên bố là tự tri tự tác chứng?’ Vị ấy đáp với con rằng: ‘Tôi được tuệ giải thoát.’ Nói như vậy xong, mỗi người đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Hôm nay, con xin hỏi Thế Tôn, vì sao những lời nói của họ không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, không đắc chánh định mà lại nói tự biết tác chứng?”

Phật bảo Tu-thâm:

“Trước hết họ biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn[1094]. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Tu-thâm bạch Phật:

“Nay con không hiểu, trước hết phải biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn. Các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư

duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Không luận là ngươi biết hay không biết, mà trước hết phải tự biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, như các thiện nam tử kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, tâm khéo giải thoát đã.”

Tu-thâm bạch Phật:

“Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con biết được trí pháp trụ, thấy được trí pháp trụ.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý mà đáp cho Ta. Tu-thâm nghĩ thế nào? Có phải vì có sanh nên có già, chết; không phải lìa sanh mà có già, chết chăng?”

Tu-thâm đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có sanh nên có già, chết; không thể lìa sanh mà có già, chết được.”

Phật bảo:

“Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng vậy. Có phải vì có vô minh nên có hành; không phải lìa vô minh mà có hành chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có vô minh nên có hành; không thể lìa vô minh mà có hành được.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Có phải vì không sanh nên không có già, chết; không thể lìa cái diệt của sanh, mà già, chết diệt chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không sanh nên không già chết và không thể lìa cái diệt của sanh mà già chết diệt được."

"Như vậy cho đến không có vô minh, nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không có vô minh nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt được."

Phật bảo Tu-thâm:

"Người biết như vậy, thấy như vậy, có phải là ly dục và pháp ác bất thiện, cho đến tự thân tác chứng an trụ đầy đủ chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không phải vậy."

Phật bảo Tu-thâm:

"Đó gọi là trước hết biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Tu-thâm thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thoát khỏi nghi, được niềm tin không do ai khác, được độ không do người khác, ở trong Chánh pháp tâm được vô sở úy, cúi đầu lễ dưới chân Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, nay con xin sám hối. Con đã ở trong Chánh pháp trộm lén xuất gia, cho nên con xin sám hối."

Phật bảo Tu-thâm:

"Thế nào là ở trong Chánh pháp trộm lén xuất gia?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có nhiều người ngoại đạo đến chỗ con nói với con: 'Tu-thâm nên biết, chúng ta trước đây được quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ và người thế gian đều cung kính, cúng dường, mà nay bị đoạn tuyệt. Bởi vì họ đều cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Ngày nay ông hãy lén đến trong chúng Thanh văn của Sa-môn Cù-đàm xuất gia, thọ giới pháp; khi đã thông đạt pháp của họ rồi, trở về nói cho chúng tôi nghe và đem giáo pháp đã nghe đó giáo hóa thế gian khiến họ trở lại cung kính, cúng dường như trước.' Bạch Thế Tôn vì vậy nên con đã ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia, hôm nay con xin sám hối. Xin Thế Tôn thương xót cho phép con được sám hối."

Vì lòng từ bi nên Phật bảo Tu-thâm:

"Ta nhận sự sám hối của ngươi. Ngươi nên nói đầy đủ: 'Ngày xưa vì con ngu si, bất thiện, vô trí nên ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia. Ngày nay ăn năn lỗi lầm, tự thấy tội, tự biết tội, trong đời sau sẽ thành tựu luật nghi, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm.' Vì sao? Vì người có tội tự thấy, tự biết và ăn năn lỗi lầm nên ở đời sau luật nghi sẽ thành tựu, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm."

Phật lại bảo Tu-thâm:

"Hôm nay Ta sẽ nói thí dụ, người trí tuệ nhờ thí dụ sẽ được hiểu. Ví như nhà vua có người tuần canh, bắt được giặc cướp trói lại, đưa đến chỗ nhà vua tâu rằng: 'Bạch Đại vương, người này là trộm cướp, xin Đại vương xử tội.' Vua ra lệnh: 'Đem tội nhân đi, trói ngược hai tay và hãy công bố tiếng xấu khắp nước; sau đó đem tội nhân đến chỗ hành phạt ở ngoài kinh thành, dùng trăm mũi giáo đâm khắp thân thể tội nhân.' Người đứng ra hành hình theo lệnh vua, bắt tội nhân này trói ngược hai tay, loan tin xấu khắp thành ấp; sau đó đem tội nhân đến chỗ thọ hình ở ngoài thành và dùng trăm mũi giáo nhọn đâm khắp thân thể tội nhân. Đến trưa vua hỏi: 'Tội nhân còn sống không?' Các quan đáp: 'Còn sống.' Vua lại ra lệnh các quan đâm thêm một trăm mũi giáo nữa; đến chiều lại đâm thêm trăm mũi giáo nữa, mà người kia vẫn không chết."

Phật hỏi Tu-thâm:

"Nhà vua trị tội dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân người tội này, vậy có còn chỗ nào toàn vẹn bằng lòng bàn tay chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tu-thâm:

"Khi tội nhân này vì nhân duyên bị ba trăm mũi giáo đâm vào thân, người ấy phải chịu khổ cùng cực phải không?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, khổ tột cùng! Nếu bị một mũi giáo đâm vào cũng đã là đau đớn, không chịu nổi, huống chi là ba trăm mũi giáo mà có thể cam chịu được sao!"

Phật bảo Tu-thâm:

"Việc này còn có thể chịu đựng được, nhưng nếu như ở nơi Chánh pháp luật mà có kẻ trộm lén xuất gia, trộm thọ trì giới pháp rồi đem nói lại cho người, sẽ phải chịu thống khổ gấp bội hơn cả người kia."

Trong lúc Phật nói pháp ấy rồi, ngoại đạo Tu-thâm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 348. THẬP LỰC[1095]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai thành tựu mười lực, được bốn vô úy, biết trú xứ của Phật trước kia[1096], thường chuyển Phạm luân[1097], ở trong đại chúng phát lên tiếng gầm sư tử: 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, có nghĩa là duyên vô minh nên có hành. Nói đầy đủ cho đến tập khởi thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn bị diệt.' Này các Tỳ-kheo, đây là giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử; cho đến[1098], người ấy tất khéo hiển hiện. Giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử như vậy, đủ khiến cho người thiện nam phát lòng tin, chân chánh xuất gia, phương tiện tu tập, sống không buông lung. Ở trong Chánh pháp luật, tinh tấn chuyên cần khổ hạnh, dù da bọc xương, máu thịt khô kiệt, nếu chưa đạt

được điều cần phải đạt, thì không xả bỏ phương tiện ân cần tinh tấn, cứng rắn chịu đựng. Vì sao? Vì biếng nhác thì an trụ với khổ, hay sanh ra các ác pháp bất thiện, nên kết sử hữu tương lai[1099] bừng bừng, làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; nghĩa lớn bị thoái giảm[1100]. Người tinh tấn vui đời sống cô độc, không sanh các ác pháp bất thiện đưa đến kết sử hữu tương lai, quả báo khổ bừơng bừng; không làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; đầy đủ nghĩa lớn, đạt thành trường giáo pháp bậc nhất[1101]. Đó là những người ở trước Đại sư, tự thân được nghe nói pháp, tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng Bồ-đề, chánh giác của Thiện Thệ[1102]. Cho nên các Tỳ-kheo phải quán sát tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi, nên siêng năng tu học; rằng 'Ta nay xuất gia không ngu, không mê, có quả có lạc[1103]; những ai cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, tất đều được quả báo lớn, phước lợi lớn'. Các ông nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 349. THÁNH XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thiện lai Tỳ-kheo! Nếu khéo xuất gia, khéo được lợi mình, thì trong thời gian lâu dài lúc nào cũng được sanh ra chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ, không ngu, không si, không câm ngọng[1104]; nói hay, nói dở đều có khả năng hiểu nghĩa.

"Ta nay trong đời này là Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nói pháp tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng đúng Bồ-đề, khéo đến Đẳng chánh giác[1105]. Tức là, 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt thì hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt.'

"Này các Tỳ-kheo, các ông chỗ khó được đã được, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn và thuần

một khối khổ lớn diệt. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi; sự xuất gia như vậy, không ngu, không si, có quả, có lạc, có quả báo lạc. Và người cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, chắc chắn sẽ được quả báo tốt, phước lớn và lợi ích rộng lớn. Các Tỳ-kheo nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 350. THÁNH ĐỆ TỬ[1106]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử không nên nghĩ rằng: 'Vì cái gì có nên cái này có, vì cái gì khởi nên cái này khởi[1107]; vì cái gì không nên cái này không; vì cái gì diệt nên cái này diệt.' Nhưng đa văn Thánh đệ tử nên biết rằng: 'Vì cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, tức là duyên vô minh nên có hành… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt nên hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 351. MẬU-SƯ-LA[1108]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-la, Tôn giả Mậu-sư-la, Tôn giả Thù Thắng và Tôn giả A-nan[1109] đang ở bên ao Tượng nhĩ tại nước Xá-vệ[1110]. Bấy giờ Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

"Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tướng, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh nào

như vậy phát sanh không, tức là nói 'Do sanh nên có già chết; không lìa sanh mà có già chết[1111]'?"

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

"Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tướng, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Vì có sanh nên có già, chết, không thể ngoại trừ sanh mà có già, chết.' Có thuyết như vậy[1112]."

"Bạch Tôn giả Mậu-sư-la, có tin tưởng khác… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh nào như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn[1113]' chăng?"

Tôn giả Mậu-sư-la đáp:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.'"

Tôn giả Na-la lại hỏi Tôn giả Mậu-sư-la:

"Nói rằng 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;' vậy thì thầy có phải là A-la-hán đã dứt các lậu chăng?'"

Tôn giả Mậu-sư-la im lặng, không đáp. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, cũng không đáp. Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

"Thôi, Tôn giả cứ im lặng, tôi sẽ thay Tôn giả trả lời Tôn giả Na-la."

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

"Tôi xin dừng nơi đây, Tôn giả hãy giải đáp giúp tôi."

Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.'"

Bấy giờ, Tôn giả Na-la hỏi Tôn giả Thù Thắng:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn; vậy nay Tôn giả là A-la-hán lậu tận' chăng?"

Tôn giả Thù Thắng nói:

"Tôi nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,' nhưng tôi chẳng phải là A-la-hán sạch hết các lậu."

Tôn giả Na-la nói:

"Lời nói của Tôn giả không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn. Như Tôn giả nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;' nhưng lại nói không phải là A-la-hán sạch hết các lậu, như vậy là thế nào?"

Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la:

"Bây giờ sẽ nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu liền. Như giữa cánh đồng vắng bên đường có giếng nước, nhưng không có dây cũng không có gàu để lấy nước. Người đi đường lúc ấy bị cơn khát bức bách, đi quanh giếng tìm nhưng không có dây, cũng không có gàu. Người ấy xem xét kỹ nước giếng thấy biết như thật mà chẳng chạm vào thân. Cũng như thế tôi nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,' nhưng tự mình chưa được là bậc A-la-hán sạch hết các lậu."

Khi ấy Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Na-la:

"Tôn giả Na-la nghĩ thế nào về điều Tôn giả Thù Thắng nói."

Tôn giả Na-la trả lời Tôn giả A-nan:

"Tôn giả Thù Thắng khéo nói và biết như thật, đâu còn gì để nói nữa."

Sau khi đàm đạo xong, các vị Chánh sĩ rời chỗ ngồi đứng lên, rồi ra đi.

---o0o---

KINH 352. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)[1114]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn[1115], ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Thế nào là chẳng biết như thật về pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự tập khởi của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự diệt tận của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp? Là đối với pháp già chết mà không biết như thật; và không biết như thật về sự tập khởi đối với già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, không biết như thật đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ,… không biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Như vậy là không biết như thật về các pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì Sa-môn, Bà-la-môn này được kể vào hàng Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh, đúng với nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, ngay trong đời này mà tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Biết như thật những pháp gì? Biết như thật những pháp gì, sự tập khởi của pháp gì, sự diệt tận của pháp gì, con đường đưa đến sự diệt tận của pháp gì? Đó là pháp già chết nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Đó là biết như thật về các pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 353. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)[1116]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn; người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn, hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Không biết như thật về những pháp nào, không biết như thật về sự tập khởi của những pháp nào, về sự diệt tận của những pháp nào, về con đường đưa đến sự diệt tận của những pháp nào? Không biết như thật về pháp sáu nhập xứ; không biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ diệt, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ. Nhưng nếu đối với xúc mà vị này lại biết như thật thì không thể được; đối với sự tập khởi của xúc, về sự diệt tận của xúc, về con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà biết như thật, thì không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết mà biết như thật thì cũng không thể có được.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về của sáu nhập xứ; biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì việc biết như thật về sự hiện hữu của xúc, điều này có thể có được. Cũng vậy, biết như thật đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết…, điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 354. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (3)[1117]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nói như trên, chỉ có một vài điểm sai biệt như:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về sáu nhập xứ mà muốn vượt thoát khỏi xúc, thì không thể có được; đối với sự tập khởi của xúc, sự diệt tận của xúc, con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà muốn vượt thoát, thì cũng không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết mà muốn vượt thoát khỏi chúng, điều này cũng không thể có được. Và muốn vượt thoát khỏi sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này không thể có được.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật sáu nhập xứ; biết như thật đối với sự tập khởi của sáu nhập xứ, đối với sự diệt tận của sáu nhập xứ, đối với con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì vượt thoát khỏi sự hiện hữu của xúc; điều này có thể có được. Cũng vậy, muốn vượt thoát khỏi thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết, điều này có thể có được,… muốn vượt thoát khỏi con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, từ già chết… lục nhập xứ có ba kinh, từ già chết đến hành có ba kinh cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 355. LÃO TỬ[1118]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy giác tri về già chết[1119], giác tri về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy, cho đến giác tri về hành, về sự tập khởi của hành, về sự diệt tận của hành, về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về già chết? Giác tri rằng duyên sanh nên có già chết, như vậy gọi là giác tri về già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của già chết? Sanh diệt đi thì già chết cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết? Tám Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, như vậy gọi là giác tri lão về con đường đưa đến sự diệt tận của tử.

"Cho đến, thế nào là hãy giác tri thế nào về hành? Có ba hành: thân hành, khẩu hành, ý hành; như vậy gọi là giác tri về sự hiện hữu của hành.

"Thế nào là hãy giác tri về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi; như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt đi thì hành cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Tám Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của hành, như vậy gọi là giác tri về con đường đưa đến sự diệt tận của hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 356. CHỦNG TRÍ[1120]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn mươi bốn thứ trí[1121], hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Bốn mươi bốn thứ trí là gì? Đó là trí về già chết, trí về sự tập khởi của già chết, trí về sự diệt tận của già chết, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với trí sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về sự tập khởi của hành, trí về sự diệt tận của hành, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Đây gọi là bốn mươi bốn trí."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 357. VÔ MINH TĂNG (1)[1122]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí về sanh duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh làm duyên mà có già chết[1123]; trí về sanh quá khứ làm duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có già chết; trí về sanh vị lai làm duyên nên có già chết; cùng với trí về pháp trụ, là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri[1124]. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về vô minh duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh làm duyên mà có hành; trí về vô minh quá khứ làm duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh quá khứ làm duyên mà có hành; trí về vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí về sự chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành; cùng với trí pháp trụ là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Đó gọi là bảy mươi bảy thứ trí."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 358. VÔ MINH TĂNG (2)[1125]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có pháp tăng, pháp giảm, hãy lắng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là pháp tăng? Vì cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi, là do duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức… cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tậpï. Đó gọi là pháp tăng.

"Thế nào là pháp giảm? Vì cái này không nên cái kia không, do cái này diệt nên cái kia diệt, là vì vô minh diệt nên hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt. Đó gọi là pháp giảm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như pháp tăng và pháp giảm. Cũng vậy, pháp sanh, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng nói như trên.

Như ba kinh đang nói, nên biết có ba kinh cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 359. TƯ LƯƠNG (1)[1126]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu để cho suy lường, để cho vọng tưởng sanh khởi, để cho kia sai sử, thì thức duyên níu mà tồn tại[1127]. Vì có chỗ duyên níu cho thức trụ nên trong đời vị lai có sanh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng, không để cho kia sai sử thì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại. Vì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 360. TƯ LƯỜNG (2)[1128]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử[1129] khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 361. TƯ LƯỜNG (3)[1130]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc[1131]. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 362. ĐA VĂN ĐỆ TỬ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo đa văn?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào nghe pháp già, bệnh, chết sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Đó là Như Lai tuyên bố về Tỳ-kheo đa văn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 363. THUYẾT PHÁP TỲ-KHEO (1)[1132]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp. Thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp? Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo thuyết pháp?"

[1133]Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào nói về già, bệnh, chết, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó là Tỳ-kheo thuyết pháp. Cũng vậy, nói các pháp sanh, thủ, hữu, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo nói pháp. Các Tỳ-kheo, đó là Như Lai nói về Tỳ-kheo nói pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 364. THUYẾT PHÁP TỲ-KHEO (2)[1134]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Gọi là hướng đến pháp thứ pháp, vậy này các Tỳ-kheo, thế nào là hướng đến pháp thứ pháp?"

[1135]

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với già, bệnh, chết mà sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Cũng vậy, từ sanh cho đến hành, mà sanh nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Đây cũng gọi là Như Lai thi thiết sự hướng đến pháp thứ pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 15

KINH 365. THUYẾT PHÁP[1136]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Gọi là 'Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại[1137].' Vậy thế nào là Như Lai nói về Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con mà nói về Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu có Tỳ-kheo đối với già, bệnh, chết sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 366. TỲ-BÀ-THI[1138]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đức Phật Tỳ-bà-thi[1139] khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng vẻ chuyên cần tinh tấn thiền định tư duy và nghĩ như vầy: 'Tất cả thế gian đều nhập vào trong sanh tử, tự sanh, tự chín, tự diệt và tự chìm mất[1140], nhưng những chúng sanh này chẳng biết như thật về con đường xuất thế gian, vượt qua khỏi già chết.' Ngài liền tự quán sát: 'Do duyên gì mà có già chết này?' Ngài quán sát tư duy chân chánh như vậy, đạt được hiện quán như thật[1141], khởi lên biết: 'Vì có sanh nên có già chết này, vì duyên vào sanh nên có già chết.' Ngài lại chân chánh tư duy: 'Do duyên gì nên có sanh này?' Ngài lại chân chánh tư duy nên đạt được hiện quán như thật, biết rằng: 'Do duyên hữu nên có sanh.' Ngài lại chân chánh tư duy: 'Vì duyên gì nên có hữu?' Ngài lại chân chánh tư duy, phát khởi hiện quán như thật, biết rằng: 'Do có thủ nên có hữu.' Ngài lại tư duy chân chánh: 'Do duyên gì nên có thủ?' Ngài lại tư duy chân chánh, phát khởi hiện quán như thật, quán sát thấy chấp thủ pháp, đắm trước vị, tham luyến, ái được tăng trưởng do duyên xúc. Nên biết, duyên ái nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy. Ví như nhờ vào dầu và tim đèn nên đèn sáng. Nếu người kia lúc nào cũng châm thêm dầu và khơi tim, thì đèn kia luôn sáng, thắp sáng không ngừng.' *Chi tiết như thí dụ về cái thành trước đây*[1142]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp[1143] *đều nói chi tiết như trên.*

---o0o---

KINH 367. TU TẬP[1144]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện tu tập thiền định, tư duy, nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo cần phải tinh tấn siêng năng phương tiện thiền định, tư duy, khiến nội tâm tĩnh lặng, hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết được hiển hiện như thật[1145], sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết được hiển hiện như thật. Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành được hiển hiện như thật; sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành được hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 368. TAM-MA-ĐỀ[1146]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên tu vô lượng tam-ma-đề, chuyên cần tinh tấn cột niệm tu vô lượng Tam-ma-đề, khi đã chuyên cần tinh tấn cột niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết hiển hiện như thật, cho đến hành hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 369. THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN (1)[1147]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thuở xưa Đức Phật Tỳ-bà-thi khi chưa thành Chánh giác, trụ chỗ Bồ-đề[1148] không bao lâu thì thành Phật. Rồi đến dưới cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa ngồi kiết già, ngồi thẳng, chánh niệm. Ngồi suốt bảy ngày, đối với mười hai duyên khởi, quán sát thuận nghịch như vầy: ‘Do cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành… cho đến, duyên sanh nên có già chết và tụ tập thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn diệt.”

Đức Phật Tỳ-bà-thi sau đúng bảy ngày tịnh tọa, từ tam-muội tỉnh giác nói kệ này:

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Lìa hẳn các nghi hoặc,

Biết pháp nhân duyên sanh.

Nếu biết nhân sanh khổ,

Biết các thọ diệt tận,

Biết pháp nhân duyên hết,

Thì biết hữu lậu hết.

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Lìa hẳn các nghi hoặc,

Biết có nhân sanh khổ.

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Lìa hẳn các nghi hoặc,

Biết các thọ diệt hết.

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Lìa hẳn các nghi hoặc,

Biết pháp nhân duyên hết.

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Lìa hẳn các nghi hoặc,

Biết hết các hữu lậu.

Các pháp sanh như thế,

Phạm chí siêng thiền tư,

Chiếu sáng khắp thế gian,

Như mặt trời giữa không,

Phá tan các quân ma,

Biết các kết giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-ba-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp[1149] *cũng nói như vậy.*

---o0o---

KINH 370. THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tòa đại Bồ-đề[1150], bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại Uất-tỳ-la[1151], thì sau đó một thời gian ngắn Ngài thành Chánh giác. Ngài đến dưới bóng cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa, ngồi kiết già, chánh thân, chánh niệm. Nói đầy đủ như trên.

---O0O---

KINH 371. THỰC[1152]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức[1153]. Bốn loại thức ăn này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc[1154] gì? Bốn loại thức ăn này do ái là nhân, ái là tập, ái là sanh, ái là xúc. Ái này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Ái do thọ là nhân, thọ là tập, thọ là sanh, thọ là xúc. Thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Thọ do xúc là nhân, xúc là tập, xúc là sanh, xúc là xúc. Xúc này do nhân là gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Xúc do sáu nhập xứ là nhân, sáu nhập xứ là tập, sáu nhập xứ là sanh, sáu nhập xứ là xúc. Khi sáu nhập xứ tụ tập thì xúc tụ tập, xúc tụ tập thì thọ tụ tập, thọ tụ tập thì ái tụ

tập, ái tụ tập thì thức ăn tụ tập. Vì thức ăn tụ tập nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai tụ tập và thuần một khối khổ lớn tụ tập như vậy. Ngược lại nếu sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức ăn diệt. Vì thức ăn diệt nên sanh, lão, bëïnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai cũng diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 372. PHẢ-CẦU-NA[1155]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Phả-cầu-na[1156] đang đứng sau, quạt hầu, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn ai ăn thức này[1157]?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

"Ta không nói có người ăn thức[1158]. Nếu Ta nói có người ăn thức, thì ngươi nên hỏi câu ấy. Ở đây Ta nói thức là thức ăn, vậy ngươi nên hỏi như vầy: 'Do nhân duyên gì mà có thức ăn của thức?' Ta sẽ đáp: 'Thức ăn của thức, có thể chiêu cảm hữu trong vị lai khiến cho nó tiếp tục sanh; do có hữu nên có sáu nhập xứ; do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc.'"

Phả-cầu-na lại hỏi:

"Ai xúc?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người xúc. Nếu Ta nói có người xúc thì ngươi nên hỏi câu này: ‘Ai xúc?’ Ở đây ngươi nên hỏi như vầy: ‘Do nhân duyên gì mà sanh xúc?’ Ta sẽ đáp như vầy: ‘Do sáu nhập xứ làm duyên nên sanh xúc; do xúc làm duyên nên sanh thọ.’”

Lại hỏi:

“Ai thọ?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người thọ. Nếu Ta nói có người thọ, thì ngươi nên hỏi: ‘Ai thọ?’ Ở đây ngươi nên hỏi: ‘Do nhân duyên gì nên có thọ?’ Ta sẽ đáp như vầy: ‘Do xúc làm duyên nên có thọ; thọ làm duyên nên có ái.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai ái[1159]?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người ái. Nếu Ta nói có người ái, thì ngươi nên hỏi: ‘Ai ái?’ Ở đây ngươi nên hỏi: ‘Do nhân duyên gì nên có ái?’ Ta sẽ đáp như vầy: ‘Do duyên thọ nên có ái; do ái làm duyên nên có thủ.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai thủ?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người thủ. Nếu Ta nói có người thủ thì ngươi nên hỏi: ‘Ai thủ?’ Ở đây ngươi nên hỏi: ‘Vì duyên gì nên có thủ?’ Ta sẽ đáp: ‘Do duyên ái nên có thủ; do thủ làm duyên nên có hữu.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai hữu[1160]?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người hữu. Nếu Ta nói có người hữu thì ngươi nên hỏi: ‘Ai hữu?’ Ở đây ngươi nên hỏi: ‘Do duyên gì nên có hữu?’ Ta sẽ đáp: ‘Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyện hiện của hữu[1161] trong vị lai.’ Đó gọi là do có hữu nên có sáu nhập xứ; sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và thuần một khối khổ tụ tập như vậy. Ngược lại nếu lục nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 373. TỬ NHỤC[1162]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn từng nắm như thế nào?

“Ví như hai vợ chồng chỉ có một đứa con để thương yêu nuôi nấng. Họ muốn vượt qua con đường hiểm trong hoang mạc, chỗ có tai nạn. Lương thực thì đã hết sạch, đói khát cùng cực, không còn kế sách nào để cứu vãn, họ bàn nhau: ‘Chúng ta có một đứa con rất mực là thương yêu; nếu ăn thịt con thì mới có thể thoát qua cơn hiểm nạn này. Chớ để cả ba ở đây cùng chịu chết!’ Suy tính như vậy xong, họ ngậm ngùi thương xót rơi lệ, liền giết chết con, gượng ăn thịt con để đi qua khỏi hoang mạc. Thế nào, các Tỳ-kheo, vợ chồng người kia cùng nhau ăn thịt con há vì để nhận vị ngọt hay vì ham thích ngon sướng mà ăn?”

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không phải vậy!"

Lại hỏi:

"Này các Tỳ-kheo, có phải vợ chồng người kia gượng ăn thịt con để vượt qua khỏi đường hiểm trong hoang mạc chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm ăn thức ăn vo nắm nên quán như vậy. Khi quán như vậy thì thức ăn vo nắm được đoạn, được biết; thức ăn vo nắm được đoạn, được biết[1163] rồi, đối với năm công đức của dục, tâm tham ái sẽ đoạn trừ. Đối với ngũ dục tâm tham ái đã đoạn trừ, Ta không thấy đa văn Thánh đệ tử kia trên năm công đức của dục còn có một kết sử nào mà không dứt. Bởi vì còn có một kết sử trói buộc thì sẽ tái sanh lại cõi đời này.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng xúc chạm như thế nào? Ví như con bò bị lột da sống, khắp mọi nơi trên thân bị các sâu bọ rút rỉa, đất cát, bụi bặm, cây cỏ châm chích. Nếu như nằm nơi đất thì bị trùng ở đất ăn, nếu nằm nơi nước thì bị trùng ở nước ăn, nếu ở nơi hư không thì bị phi trùng ăn; nằm xuống đứng lên thường bị đau đớn thân mình. Như vậy, Tỳ-kheo đối với xúc thực nên quán như thế. Khi quán như thế thì xúc thực được đoạn, được biết. Người đã đoạn đã biết xúc thực, thì ba thọ ắt sẽ đoạn trừ. Ba thọ đã được đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng ý chí như thế nào? Ví như ven làng xóm hay thành ấp bốc lửa, nhưng không có khói, không có ngọn lửa. Bấy giờ có người thông minh, có trí tuệ, xả bỏ khổ, hướng đến an vui, chán chết, thích sống, liền nghĩ như vầy: 'Nơi kia có lửa lớn, nhưng không khói, không ngọn, người đi qua phải tránh, chớ để bị lạc vào trong đó, chắc chắn sẽ chết, không nghi gì nữa.' Suy nghĩ như vậy rồi người này thường mong ước phải bỏ đi xa. Quán ý tư thực cũng như vậy. Người nào quán như vậy thì ý tư thực được đoạn; người trừ được ý tư thực thì ba ái chắc chắn sẽ dứt. Ba ái đã đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn của thức như thế nào? Ví như quốc vương có quân lính tuần phòng bắt được trộm cướp, trói lại đem đến chỗ nhà vua. *(Như trong kinh Tu-thâm đã nói ở trước)*. Vì nhân duyên này nên phải chịu ba trăm mũi giáo, bị đau đớn khổ sở suốt ngày đêm. Quán sát thức thực cũng lại như vậy. Người nào quán như vậy thì thức thực được đoạn, được biết. Thức thực đã đoạn, đã biết rồi thì danh sắc sẽ được đoạn, được biết. Danh sắc đã đoạn, đã biết, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 374. HỮU THAM (1)[1164]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn cách ăn này mà có hỷ, có tham thì thức ăn sẽ trụ và tăng trưởng. Do thức trụ và tăng trưởng nó nên nhập vào danh sắc[1165]. Vì nó nhập vào danh sắc nên các hành tăng trưởng. Vì hành tăng trưởng nên hữu đời sau sẽ tăng trưởng. Vì hữu đời sau tăng trưởng nên tụ tập sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn.

“Nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ thì vì không tham không hỷ nên thức ăn không trụ, không tăng trưởng; vì thức ăn không trụ, không tăng trưởng nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên hành không tăng trưởng; vì hành không tăng trưởng nên hữu đời sau không sanh, không lớn; vì hữu đời sau không sanh không lớn nên không khởi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và thuần một khối khổ đã tụ tập sẽ diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 375. HỮU THAM (2)[1166]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời, đó là: một đoàn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì ắt phải có ưu bi, có trần cấu. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 376. HỮU THAM (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông, ánh sáng chiếu trên vách phía Tây. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ (*như đã nói rộng ở trước cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn*). Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ… (*như đã nói rộng ở trước cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập diệt đi*).

"Các Tỳ-kheo, ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu vào đâu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Rọi vào vách phía Tây."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu không có vách phía Tây, thì mặt trời sẽ chiếu vào đâu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Mặt trời sẽ chiếu sáng hư không, không có chỗ duyên vào."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì thức không có chỗ trụ, cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 377. HỮU THAM (4)[1167]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

Này các Tỳ-kheo, ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu sáng hướng nào?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Sẽ chiếu sáng ở vách phía Tây.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, đối với bốn loại thức ăn mà có tham, có hỷ, thời thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì thức cũng không trụ, tăng trưởng; cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt.

“Này các Tỳ-kheo, ví như họa sư và học trò của họa sư, gom các màu sắc muốn tô điểm vẽ vời giữa hư không, thì có thể vẽ được không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch không thể được. Vì sao? Vì hư không này không phải sắc, không có đối ngại, không thể thấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 378. HỮU THAM (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trừ và tăng trưởng cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

“Này các Tỳ-kheo, thí như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, muốn trang trí vẽ vời những hình ảnh trên sắc chất. Các Tỳ-kheo, ý các ông

nghĩ sao? Họa sư này hoặc đệ tử của ông này có thể dùng màu sắc trang trí vẽ vời trên sắc chất được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy, họ có thể trang trí vẽ vời trên sắc chất."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng… cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn. Này các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,… cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt. Này các Tỳ-kheo, ví như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, mà muốn không cần sắc chất để trang trí vẽ vời các hình ảnh, thì có thể vẽ vời được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,… cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 379. CHUYỂN PHÁP LUÂN[1168]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác[1169]. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết[1170], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất[1171], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn[1172], đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất[1173]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất[1174]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

“Này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành[1175], Ta nếu không sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp[1176], Ta không bao giờ được coi là đã giải thoát, đã xuất ly và cũng không tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, Ta sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác; do đó, ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta đã đã giải thoát, đã xuất ly và tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-như[1177] cùng tám vạn chư Thiên xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

"Biết pháp chưa?"

Kiều-trần-như bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đã biết."

Lại hỏi Tôn giả Kiều-trần-như[1178]:

"Biết pháp chưa?"

Câu-lân bạch Phật:

"Bạch Thiện Thệ, đã biết."

Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên gọi là A-nhã Câu-lân[1179].

Sau khi Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần xướng lên rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho Trời, Người, làm tăng thêm số chúng cõi Trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

Địa thần xướng lên xong, vọng đến các thần hư không, vua trời Tứ thiên, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, lần lượt truyền xướng, trong khoảnh khắc, lại vọng đến cõi Phạm thiên, nghe truyền vang âm thanh rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

Vì Thế Tôn ở trong trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, cho nên kinh này được gọi là kinh Chuyển pháp luân[1180].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 380. TỨ ĐẾ (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 381. TỨ ĐẾ (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế mà chưa hiện quán[1181], thì phải nên tu tập hiện quán, khởi ý muốn tăng thượng, nỗ lực tìm phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học[1182]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 382. ĐƯƠNG TRI[1183]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế nên biết, nên hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế nên biết, nên đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế nên biết, nên chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế nên biết, nên tu[1184]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 383. DĨ TRI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1185]. Như vậy, Tỳ-kheo đoạn ái dục, cởi bỏ các kết sử, đối với mạn, chứng đắc hiện quán[1186], đến nơi tột cùng của mé khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 384. LẬU TẬN[1187]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1188]. Như vậy, Tỳ-kheo này được gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã đạt được mục đích mình[1189], hết sạch các kết sử, chánh trí, khéo giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 385. BIÊN TẾ[1190]

Tôi nghe như vầy:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1191]. Như vậy, Tỳ-kheo này đạt đến tận cùng cứu cánh, tận cùng lìa hết cấu nhiễm, tận cùng phạm hạnh đã hoàn thành, thuần nhất trong sạch, được gọi là Thượng sĩ[1192]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 386. HIỀN THÁNH (1)

Tôi nghe như vầy:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh[1193]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 387. HIỀN THÁNH (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh[1194]."

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là không còn then khóa[1195]? Năm hạ phần kết sử[1196] đã lìa, đã biết; đó gọi là không còn then khóa.

"Thế nào là san bằng thành hào[1197]? Hào sâu vô minh đã đoạn, đã biết; đó gọi là san bằng thành hào[1198].

"Thế nào là vượt qua các hiểm nạn[1199]? Giải thoát sanh tử, tận cùng mé khổ[1200]; đó gọi là vượt qua các hiểm nạn.

"Thế nào là cởi mở các ràng buộc[1201]? Ái đã đoạn, đã biết[1202].

"Thế nào là dựng ngọn cờ Thánh đạo[1203]? Ngã mạn đã đoạn[1204], đã biết; đó gọi là dựng ngọn cờ Thánh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 388. NGŨ CHI LỤC PHẦN[1205]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành sáu phần, thủ hộ một, nương dựa vào bốn, trừ bỏ các đế, lìa các đường ngả tư, chứng các giác tưởng, tự chính mình tạo tác, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thuần nhất trong sạch, đó gọi là Thượng sĩ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 389. LƯƠNG Y

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chi phần cần phải có. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết nguyên nhân của bệnh; ba là khéo biết cách đối trị bệnh; bốn là khéo biết trị bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

“Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Lương y biết rành các chủng loại bệnh như vậy, như vậy; đó gọi là lương y khéo biết bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh? Lương y biết rành bệnh này do gió gây nên, do đàm ấm gây nên, nước nhớt nước dãi gây nên, khí lạnh gây nên, do các sự việc hiện tại gây nên, do thời tiết gây nên; đó gọi là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết cách đối trị bệnh? Lương y biết rành các loại bệnh, nên thoa thuốc, nên cho mửa, cho xổ, nên nhỏ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi; và những cách đối trị đại loại như vậy; đó gọi là lương y khéo biết cách đối trị.

“Thế nào là lương y khéo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Lương y khéo trị tất cả các chứng bệnh, khiến dứt trừ hoàn toàn, vĩnh viễn không tái phát trở lại sau này nữa; đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa.

“Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác là Bậc Đại Y vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sanh cũng lại như vậy. Bốn đức là gì? là Như Lai biết như thật đây là Khổ Thánh đế; biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế; đã biết như thật đây là Khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

“Này các Tỳ-kheo, các lương y thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y vương, biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Vì thế nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác được gọi là Đại Y vương.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 390. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)[1206]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng phải là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn. Những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, không thể trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng[1207] ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế về sự

diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, thì nên biết các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chính là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn; những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế hiện quán, nên khởi lòng mong muốn hơn lên, tinh cần, nỗ lực, phương tiện tu học. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 391. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)[1208]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

Nói rộng như trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:

"Nếu không biết như thật bốn Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này chẳng phải Sa-môn số, chẳng phải Bà-la-môn số[1209]. Nếu biết như thật đối với Thánh đế, thì Sa-môn, Bà-la-môn này…" cho đến…

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 392. NHƯ THẬT TRI[1210]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không thoát được khổ.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thoát được khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như đối với Khổ không giải thoát và giải thoát, chi tiết như trên; cũng vậy: [1211]

- Đối với (xả) đường ác không giải thoát và giải thoát.

- Có thể xả giới thoái giảm và không xả giới thoái giảm.

- Có thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thượng nhân và không thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thượng nhân.

- Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt.

- Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu bậc Đại sư và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu Đại sư.

- Không thể vượt qua khỏi khổ và có thể vượt qua khỏi khổ.

- Không thể thoát khổ và có thể thoát khổ.

Như những kinh trên đều lập lại tiếp theo bằng kệ:

"Nếu không biết cái khổ

Và nhân các khổ này;

Và tất cả pháp khổ

Tịch diệt trọn không còn;

Nếu không biết dấu đạo,

Tư duy[1212] tất cả khổ;

Không có tâm giải thoát,

Tuệ giải thoát cũng không,

Không thể vượt các khổ,

Để cứu cánh thoát khổ.

Nếu biết khổ như thật;

Cùng biết nhân các khổ;

Và tất cả các khổ

Tịch diệt hết không còn;

Nếu lại biết như thật,

Dấu đạo của dứt khổ,

Ý giải thoát đầy đủ,

Tuệ giải thoát cũng vậy,

Có thể vượt các khổ,

Cứu cánh được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 393. THIỆN NAM TỬ[1213]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có thiện nam tử, chánh tín, không gia đình, xuất gia học đạo[1214], thì tất cả điều cần làm là cần biết pháp bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện tu tập hiện quán."

Cũng như chương cú này, tất cả kinh bốn Thánh đế, đều nên nói đầy đủ như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Các kinh với nội dung: Biết như vậy, thấy như vậy, hiện quán như vậy, cũng nói như trên.[1215]

Lại nữa, cũng như kinh trên, với nội dung thêm bớt như sau:

"Đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn. Tất cả nên biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy[1216]. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(...)

"Nếu ba kết sử đã đoạn tận, tham, nhuế, si mỏng, chứng đắc Tư-đà-hàm. Tất cả đều biết như thật đối với bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ

Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.(...)”[1217] cũng nói như trên.

(...)

“Nếu năm hạ phần kết đã đoạn tận, chứng đắc A-na-hàm hạng Sanh Bát-niết-bàn[1218], không còn tái sanh vào cõi thế gian này nữa. Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)” cũng nói như trên.

(...)

“Nếu tất cả lậu đã đoạn tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời, tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)” cũng nói như trên.

(...)

“Nếu chứng được đạo Bích-chi-phật, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.(...)” cũng nói như trên.

(...)

“Nếu đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)” cũng nói như trên.

“Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

---o0o---

KINH 394. NHẬT NGUYỆT (1)[1219]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như mặt trời mọc, ánh sáng hiện trước. Cũng vậy, chân chánh diệt tận khổ cũng có dấu hiệu xuất hiện trước[1220]; tức là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 395. NHẬT NGUYỆT (2)[1221]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ ở của Tiên nhân, nước Ba-la-nại, thì bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện giữa thế gian, tất cả các vì tinh tú cũng không xuất hiện giữa thế gian này, thì ngày và đêm, nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều không xuất hiện. Như thế, thế gian sẽ luôn luôn tối tăm, không có ánh sáng, chỉ có đêm dài, thuần là một khối mù tối lớn hiện ra ở thế gian.

"Nếu Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, không nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thế gian này sẽ mù tối, không có ánh sáng chiếu rọi, như thế đêm dài thuần là bóng tối trùm khắp thế gian.

"Nếu mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, các tinh tú cũng xuất hiện, ngày và đêm nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều xuất hiện ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian nói Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì thế gian không còn tối tăm và đêm dài được soi sáng, thuần nhất, trí tuệ sẽ hiện ra ở thế gian."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 396. THÁNH ĐỆ TỬ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như mặt trời xuất hiện, đi vòng khắp giữa không trung, phá tan mọi tăm tối, ánh sáng chiếu rõ. Cũng vậy, Thánh đệ tử, có những pháp tập khởi, tất cả đều diệt hết rồi, xa lìa các trần cấu, sanh được mắt pháp cùng sanh với hiện quán, đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đoạn tận, gọi là Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác pháp, chắc chắn hướng đến Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, rồi giải thoát được khổ. Thánh đệ tử kia, trong lúc đó tuy có khởi lên ưu, khổ, chỉ nghe nói Thánh đệ tử kia ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, đầy đủ an trụ Sơ thiền; chứ không thấy Thánh đệ tử kia có một pháp không đoạn, để có thể khiến tái sanh vào đời này. Ở đây, đệ tử của bậc Thánh này được nghĩa lớn của mắt pháp. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này nếu chưa hiện quán thì nên siêng năng, tinh cần tìm phương tiện, khởi ý muốn tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 397. KHƯ-ĐỀ-LA[1222]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu ai nói như vầy 'Tôi đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán,' mà lại nói 'Tôi sẽ đạt được hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế'.[1223] Lời nói này không đúng. Vì

sao? Vì không có điều này. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này không thể có được. Ví như có người nói: 'Tôi muốn lấy lá khư-đề-la[1224] kết lại làm thành món đồ đựng nước để mang đi.' Điều này không thể có được. Vì sao? Vì không có điều này. Hay nói như vầy: 'Tôi đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế chưa hiện quán', điều này cũng không thể có được.

"Nếu lại nói: 'Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, sẽ chứng đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì việc này có thể có được. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã được hiện quán rồi, mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được. Ví như có người nói: 'Tôi lấy lá bát-đàm-ma[1225], lá ma-lâu-ca[1226] kết lại thành đồ đựng nước mang đi', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Như vậy, nếu nói rằng: 'Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt[1227] Thánh đế, nay muốn đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Nếu đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã hiện quán và muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 398. NHÂN-ĐÀ-LA TRỤ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người[1228]. Vì không biết như thật, nên nghe

người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

"Giống như cây trụ nhân-đà-la[1229] dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 399. LUẬN XỨ[1230]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 400. THIÊU Y[1231]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, liền khởi ý muốn mãnh liệt[1232], khẩn cấp dập tắt[1233]."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ nên nói như vậy[1234]! Hãy gác qua việc đầu và áo. Đối với bốn Thánh đế phải khởi ý muốn mãnh liệt, tinh tấn, siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Vì sao?

"Này Tỳ-kheo, vì ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, luôn luôn bị thiêu đốt mà các Tỳ-kheo không thấy đó là khổ cùng cực. Nếu như Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà chưa được hiện quán, Tỳ-kheo này nên nhẫn chịu khổ, lạc, ưu, bi; đối với bốn Thánh đế lại càng siêng năng tinh tấn tìm phương tiện, tu tập hiện quán, cần nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 401. BÁCH THƯƠNG[1235]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với cácTỳ-kheo:

"Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: 'Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp

tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?' Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiệân quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 402. BÌNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC[1236]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với bốn Thánh đế mà bình đẳng giác ngộ[1237], thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đối với bốn Thánh đế này, mà bình đẳng giác ngộ thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 403. NHƯ THẬT TRI[1238]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Giữa Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc[1239]; tại đây vua dựng một ngôi nhà

Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta cùng với các ông, đối với bốn Thánh đế mà không biết, không thấy, không tùy thuận giác[1240], không tùy thuận lãnh thọ[1241], cho nên phải dong ruổi trường kỳ trong sanh tử. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

"Nhưng vì Ta cùng các ông đối với Khổ Thánh đế này đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập[1242], nên dứt các dòng hữu[1243], đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập, nên dứt các dòng hữu, đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa. Cho nên, các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu tập hiện quán."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ta thường cùng các ông,

Trường kỳ lội sanh tử;

Vì không thấy Thánh đế,

Khổ lớn ngày càng tăng.

Nếu thấy bốn Thánh đế,

Dứt dòng biển hữu lớn,

Sanh tử đã trừ hết,

Không tái sanh đời sau.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 404. THÂN-THỨ[1244]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Giữ Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc; tại đây vua dựng một ngôi nhà Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy cùng Ta đi đến rừng Thân-thứ[1245]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi dưới bóng cây. Khi ấy, Đức Thế Tôn tay cầm nắm lá cây, hỏi các Tỳ-kheo:

"Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lá cây trong nắm tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô lượng, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể so sánh.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp mà Ta đã tự thấy, rồi tuyên thuyết[1246] cho mọi người như lá cây trong tay. Vì sao? Vì pháp này[1247] có lợi ích cho nghĩa[1248], có ích lợi cho pháp, ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cũng nhiều như lá cây trong rừng lớn, chánh pháp mà Ta tự mình chứng tri, thành Đẳng chánh giác, không được Ta nói ra, cũng nhiều như thế. Vì sao? Vì những pháp ấy[1249] không lợi ích cho nghĩa, không ích lợi cho pháp, không ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 405. KHỔNG[1250]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực. Sáng sớm hôm ấy có đám đông thiếu niên Ly-xa[1251] từ trong thành đi ra đến cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá[1252]. Tất cả các mũi tên đêàu lọt vào lỗ trống nơi cửa. Tôn giả A-nan thấy vậy, lấy làm lạ, thắc mắc "Các thiếu niên Ly-xa này có thể làm được một việc khó khăn như vậy!"

Sau khi Tôn giả vào thành khất thực trở về, cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực, gặp có đám đông thiếu niên Ly-xa từ trong thành đi ra đến trước cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá. Tất cả các mũi tên đêàu lọt vào lỗ trống nơi cửa. Con nghĩ thầm 'Kỳ diệu thật, các thiếu niên Ly-xa này, có thể làm được một việc khó khăn như vậy!'"

Phật bảo A-nan:

"Ngươi nghĩ thế nào? các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào lỗ cửa và tất cả những mũi tên đó đều trúng vào. Việc này là khó hay chẻ một sợi lông thành trăm phần, rồi bắn trúng vào một phần sợi lông và tất cả những mũi tên đó đều trúng, là khó?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Nếu chẻ sợi lông thành trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông, mỗi một phát đều trúng, điều này rất là khó."

Phật bảo A-nan:

"Chưa bằng đối với Khổ Thánh đế mà biết như thật, thì điều này mới thật là khó hơn. Cũng vậy, đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà thấy biết như thật, điều này mới thật sự là khó."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

Sợi lông chẻ trăm phần,

Khó bắn trúng một phần.

Quán mỗi một khổ ấm,

Là phi ngã, khó hơn!

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 406. MANH[1253]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp; trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hổng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên một lần kia, sẽ gặp được cái lỗ hổng này không?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được."

Phật bảo A-nan:

"Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật, lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô

lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 16

KINH 407. TƯ DUY (1)[1254]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, tư duy những điều thế gian tư duy[1255]. Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, đi đến nhà ăn, trải tòa ngồi, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tư duy những điều thế gian tư duy. Vì sao? Vì những điều tư duy của thế gian chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn[1256]. Các ông nên chân chánh tư duy, ‘Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.’ Vì sao? Vì tư duy như vậy có lợi ích cho pháp, có lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn.

“Vào thời quá khứ có một người ra khỏi thành Vương xá, đến bên bờ ao Câu-hy-la[1257], ngồi tư duy về sự tư duy của thế gian. Trong lúc đang tư duy bỗng thấy một đoàn quân gồm bốn quân chủng: voi, ngựa, xe, bộ binh, vô lượng vô số, tất cả đều vào trong một cái lỗ của ngó sen[1258]. Thấy vậy, người đó liền nghĩ: ‘Ta đã điên cuồng, mất tâm tính; điều thế gian không có mà nay ta thấy có.’

“Bấy giờ, cách ao này không xa, có nhiều người tụ tập lại một chỗ. Người này liền đi đến chỗ đám đông, nói rằng: ‘Các vị, nay tôi đã phát cuồng, tôi đã mất tâm tính, điều thế gian không có mà tôi thấy có.’ Người này kể đầy đủ như trên. Khi ấy mọi người đều bảo người này đã phát điên, mất tâm tính, những điều thế gian không có mà người này thấy có.”

Phật nói các Tỳ-kheo:

"Nhưng người này không phải điên cuồng mất tâm tính, mà là thấy chân thật. Vì sao? Vì lúc ấy cách ao Câu-hy-la không xa có các vị trời và A-tu-la khởi bốn thứ quân chủng chiến đấu giữa hư không. Lúc ấy, các vị trời đắc thắng, quân A-tu-la bại trận, nhập vào trong một cái lỗ ngó sen trong hồ này.

"Cho nên, Tỳ-kheo, các ông hãy cẩn thận chớ nên suy nghĩ về thế gian. Vì sao? Vì tư duy thế gian chẳng lợi ích gì cho nghĩa[1259], chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn. Mà nên tư duy về bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 408. TƯ DUY (2)[1260]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Hoặc nói thế gian là thường, hoặc nói thế gian là vô thường, thế gian vừa hữu thường vừa vô thường, thế gian chẳng phải hữu thường chẳng phải vô thường; thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Mạng là thân, hay mạng khác thân khác. Như Lai sau khi chết là có, Như Lai sau khi chết là không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi Thiền tịnh ở một chỗ, bằng thiên nhĩ, nên nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo đang tụ tập ở nhà ăn. Nghe xong, đi đến nhà ăn, trải tòa mà ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

"Các Tỳ-kheo ở đây tụ tập để bàn nói việc gì vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con tụ tập ở nhà ăn này bàn luận, 'Hoặc nói hữu thường, hoặc nói vô thường.' *Nói đầy đủ như trên.*"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ bàn luận nghĩa như vậy.[1261] Vì sao? Vì sự bàn luận này chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận hướng Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, nên luận nghị như thế này, 'Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.' Vì sao? Vì luận nghị này có lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 409. GIÁC (1)[1262]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, có người có giác tưởng tham giác, có người có giác tưởng sân giác, hoặc có người có giác tưởng hại giác[1263]. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, nên đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ khởi giác tưởng về tham giác, chớ khởi giác tưởng về nhuế giác, chớ khởi giác tưởng về hại giác[1264]. Vì sao? Vì những giác tưởng này chẳng lợi ích gì cho nghĩa, chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải chánh trí, chẳng phải chánh giác, không chánh hướng Niết-bàn. Các ông nên khởi giác tưởng về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì sự giác tưởng đối với bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, chánh trí, chánh niệm, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 410. GIÁC (2)[1265]

Tôi nghe như vầy:

Một thời… *nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:*

“Khởi giác tưởng về bà con thân thuộc; khởi giác tưởng về quốc thổ nhân dân; khởi giác tưởng về không chết, cho đến nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

---O0O---

KINH 411. LUẬN THUYẾT[1266]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận những đề tài như vầy[1267]: hoặc là bàn luận việc vua, việc giặc cướp, việc đấu tranh, việc tiền bạc, việc y phục, việc ăn uống, việc nam nữ, việc ngôn ngữ thế gian, việc sự nghiệp, việc trong biển cả. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ mà ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập để bàn luận việc gì?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con tụ tập ở đây bàn nói về việc vua…” Nói đầy đủ như trên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chớ bàn luận những đề tài như vầy: Bàn luận những việc vua… cho đến, không hướng đến Niết-bàn. Nếu có bàn luận thì nên nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh

đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 412. TRANH[1268]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, nói với nhau như vầy: ‘Tôi biết pháp luật, các ông không biết; những gì tôi nói là thành tựu, những gì tôi nói là hợp lý; những gì các ông nói là không thành tựu, không hợp lý; cái đáng nói trước thì lại nói sau, cái đáng nói sau thì nói trước. Thế rồi tranh luận nhau. Luận của tôi đúng; luận của các ông không bằng. Ai trả lời được thì trả lời đi!’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng các Tỳ-kheo tranh luận… Nói đầy đủ như trên cho đến, “bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 413. VƯƠNG LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: ‘Vua Ba-tư-nặc và vua Tần-bà-sa-la[1269], vua nào có thế lực lớn, vua nào giàu có hơn?’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông đang bàn luận việc gì?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông bàn những việc về thế lực lớn, về sự giàu sang của các vua làm gì? Này các Tỳ-kheo, chớ luận bàn như vậy. Vì sao? Vì việc này không đem lại lợi ích gì cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, cũng chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn[1270]. Các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích về nghĩa, về pháp, về phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 414. TÚC MẠNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Đời trước các ông làm những thứ nghề nghiệp gì, công xảo gì và lấy gì để tự sống?'

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông đang nói những gì?"

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông chớ bàn những việc đã làm đời trước. Vì sao? Vì việc này không đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh[1271], cũng

chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 415. ĐÀN-VIỆT[1272]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Đàn-việt mỗ giáp kia làm thức ăn thô sơ, chúng ta ăn xong không thấy ngon, không thấy khỏe. Chi bằng chúng ta bỏ thức ăn thô này mà đi khất thực. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo đi khất thực thường được thức ăn ngon, lại thấy sắc đẹp, có lúc lại nghe tiếng hay, có nhiều người quen biết, cũng được y phục, ngọa cụ, thuốc men."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền đi đến nhà ăn… Nói đầy đủ như vậy, cho đến, "hướng đúng Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 416. THỌ TRÌ (1)[1273]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã dạy không?"

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đã thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ngươi thọ trì bốn Thánh đế đó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như lời Thế Tôn đã dạy: 'Đây là Khổ Thánh đế', con liền thọ trì; 'đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.' Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy như vậy, con liền thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Ta đã dạy về Khổ Thánh đế, ngươi đã thọ trì chân thật. Ta dạy Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, ngươi đều thọ trì chân thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 417. NHƯ NHƯ[1274]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?"

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai phải, vì Phật mà làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

"Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi đã thọ trì như thế nào về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn nói khổ Thánh đế, con đều đã thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh[1275]. Đó là Khổ Thánh đế. Thế Tôn dạy về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Ông đã thọ trì chân thật về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo. Đó gọi là Tỳ-kheo thọ trì chân thật bốn Thánh đế của Ta.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 418. THỌ TRÌ (2)[1276]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?”

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật mà làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì. Bốn đế là gì? Như Thế Tôn đã dạy là Khổ Thánh đế, Khổ tập

Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, con cũng đều đã thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Như những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế, ngươi đều đã thọ trì.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Như những gì mà Sa-môn Cù-đàm đã nói về Khổ Thánh đế, ta sẽ bỏ đi và sẽ lập lại Khổ Thánh đế khác.' Điều đó chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ sẽ không biết và càng làm tăng thêm sự nghi hoặc, vì đó không phải là cảnh giới. 'Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lập lại bốn Thánh đế khác.' Điều đó cũng chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ chẳng biết và càng tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đó không phải là cảnh giới của họ.

"Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 419. NGHI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với Phật có nghi, đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu đối với Pháp, Tăng có nghi thì đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu người nào đối với Phật không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc. Nếu người nào đối với Pháp, Tăng không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi

hoặc; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 420. NGHI (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với Khổ Thánh đế có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Nếu đối với Khổ Thánh đế không nghi, thì đối với Phật cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi. Người đối với Tập, Diệt, Đạo Thánh đế không nghi, thì đối với Phật cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 421. THÂM HIỂM[1277]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy đi cùng Ta đi đến vách núi sâu nguy hiểm[1278]."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng Thế Tôn."

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đến vách núi sâu nguy hiểm[1279], trải tòa ngồi, sau khi đi quan sát chung quanh hang núi sâu hiểm trở xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Hang núi này thật là sâu và nguy hiểm."

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vách núi này thật là sâu hiểm, nhưng còn có thứ gì sâu hiểm cùng cực và đáng sợ hơn nó không?"

Phật biết ý của Tỳ-kheo này nên đáp liền:

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, vách núi này rất sâu hiểm, nhưng đối với nó còn có thứ sâu hiểm đáng sợ hơn nữa, đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Những vị này hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự sanh[1280]; hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, mà tạo tác các hành này, khiến cho các hành lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não càng ngày càng tăng trưởng, để rơi vào chỗ sâu hiểm của lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như vậy, Tỳ-kheo, cái này rất sâu hiểm; nguy hiểm hơn cả cái kia. Cho nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 422. ĐẠI NHIỆT[1281]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có địa ngục Đại nhiệt[1282]. nếu chúng sanh nào sanh vào địa ngục này thì chỉ một mực chịu nóng cháy."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã dạy, địa ngục Đại nhiệt này vô cùng nóng bức. Bạch Thế Tôn, chỉ có đây là cực kỳ nóng, hay còn có thứ nóng bức nào đáng sợ hơn, không còn đâu hơn?”

“Như vầy, Tỳ-kheo, địa ngục này tuy thật là nóng bức, nhưng cũng có thứ nóng bức đáng sợ hơn địa ngục ấy và không còn gì hơn. Những gì được gọi là thứ nóng bức đáng sợ hãi hơn địa ngục Đại nhiệt? Đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Như vậy, cho đến sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não là sự nóng bức thiêu đốt bừng bừng. Này Tỳ-kheo, đó gọi là sự nóng bức thiêu đốt bừng bừng thật đáng sợ, không còn gì hơn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 423. ĐẠI ÁM[1283]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có địa ngục vô cùng tối tăm, các chúng sanh sanh ra nơi đó không thấy được các phần thân thể của mình[1284].”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, địa ngục này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Như vầy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 424. MINH ÁM (1)[1285]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như mặt trời vận hành chiếu sáng các thế giới. Cho đến cả ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, chiếu sáng ngàn thế giới, ngàn núi Tu di, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Câu-da-ni, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn Tứ thiên vương, ngàn cõi Tam thập tam thiên, ngàn Diệm-ma thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa lạc thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên, ngàn Phạm thiên. Đó gọi là Tiểu thiên thế giới. Khoảng giữa một ngàn thế giới này có chỗ tối tăm, dù có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, có sức oai đức lớn cũng không thấy được. Những chúng sanh sanh ra những nơi này không thấy các phần thân thể của mình[1286].”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói, chỗ này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Như vầy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 425. MINH ÁM (2)[1287]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Từ Tiểu thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Trung thiên thế giới. Khoảng giữa Trung thiên thế giới có chỗ tối tăm…" như trên đã nói, cho đến, "đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 426. MINH ÁM (3)[1288]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Từ Trung thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Khoảng giữa các thế giới này là chỗ tối tăm. Dù có mặt trời, mặt trăng vận hành, chiếu khắp thế giới đi nữa, nhưng những chúng sanh kia vẫn không thấy,..." cho đến "... rơi vào chỗ tối tăm của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 427. THÁNH ĐẾ[1289]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về bốn Thánh đế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Bốn đế là gì? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là bốn Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Đương thuyết" (Ta sẽ nói) trên, cũng vậy, các kinh:

- *Có (bốn Thánh đế);*
  - *Nên biết (bốn Thánh đế).*

  Cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 428. THIỀN TƯ[1290]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên chuyên cần thiền định tư duy[1291], phát khởi chánh phương tiện[1292], để nội tâm tịch tĩnh. Vì sao? Vì Tỳ-kheo nào thiền định tư duy, nội tâm tịch tĩnh đã thành tựu rồi, thì sẽ hiển hiện như thật[1293]. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 429. TAM-MA-ĐỀ[1294]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu vô lượng Tam-ma-đề[1295], chuyên tâm chánh niệm. Vì sao? Vì khi tu vô lượng Tam-ma-đề, chuyên tâm chánh niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 430. TRƯỢNG (1)[1296]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc gốc chạm đất, hoặc thân chạm đất, hoặc đầu chạm đất. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ Thánh đế; không biết như thật về Khổ tậïp Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn này, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 431. TRƯỢNG (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc rơi xuống đất sạch, hoặc rơi xuống đất không sạch. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ Thánh đế; không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, vì không biết như thật, cho nên hoặc sanh vào đường lành, hoặc sanh vào đường ác. Thế nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 432. NGŨ TIẾT LUÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như cái bánh xe có năm tiết liên tục[1297]. Một người đại lực sĩ có thể quay nhanh bánh xe này. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về Khổ Thánh đế, không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, sẽ bị luân hồi trong năm đường, xoay vần một cách nhanh chóng; hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc Trời, hoặc Người, rồi lại đọa vào đường ác, trường kỳ luân chuyển. Cho nên Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 433. TĂNG THƯỢNG THUYẾT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp tăng thượng[1298]; nghĩa là bốn Thánh đế được khai thị, được thi thiết, được kiến lập, được phân biệt, được diễn giải, bày hiển hiện, được biểu lộ[1299]. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 434. HIỆT TUỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là hiệt tuệ[1300]? Có phải là biết như thật về Khổ Thánh đế, về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, hay không biết?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, theo như sự hiểu biết của chúng con về những lời dạy của Phật, đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, thì đó gọi là hiệt tuệ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nếu đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, đó gọi là hiệt tuệ. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện

quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 435. TU-ĐẠT[1301]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Tu-đạt-đa[1302] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời[1303]?”

Phật bảo gia chủ:

“Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời.”

Phật bảo gia chủ:

“Nếu có người bảo: ‘Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán’, lời nói này không đúng. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì điều này không thể có được. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ[1304] xếp lại làm đồ đựng nước mang đi thời không thể có được. Cũng vậy, đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,’ thì điều này không thể có được.

“Như có người lấy lá sen kết lại làm đồ chứa nước đem đi, thì việc này có thể có được. Cũng vậy, này gia chủ, đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,’ điều này có thể có được. Cho nên, gia chủ, đối với bốn

Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 436. ĐIỆN ĐƯỜNG (1)[1305]

Như điều trưởng giả Tu-đạt đã hỏi ở kinh trên, có Tỳ-kheo khác hỏi Đức Phật, cũng được nói như vậy. Chỉ có sai biệt nơi thí dụ:

“Như có con đường bốn bậc thềm đi lên điện đường. Nếu có người nói: ‘Không cần lên bậc thứ nhất mà lên ngay bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, lên điện đường,’ thì điều này không thể có được. Vì sao? Phải do bậc đầu tiên rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để lên được đến điện đường. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán’, thì điều này không thể có được.

“Này Tỳ-kheo, nếu có người nói: ‘Bằng bốn bậc thềm đưa lên điện đường, nhưng phải do từ bậc thềm đầu, rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư mới lên được điện đường,’ nói như vậy thì mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc thềm đầu tiên, sau đó mới leo lên bậc thềm thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên được điện đường, việc này có thể có được. Cũng vậy Tỳ-kheo, nếu đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,’ nên nói như vậy. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán, sau đó theo thứ lớp đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán, việc này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 437. ĐIỆN ĐƯỜNG (2)

Như Tỳ-kheo đã hỏi ở kinh trên, những điều Tôn giả A-nan hỏi, Đức Phật cũng dạy như vậy, chỉ có thí dụ là sai khác, Phật bảo A-nan:

"Như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường. Nếu có người nói: 'Không cần nhờ vào bậc ban đầu mà lên ngay bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư là lên được diện đường,' thì không thể có được. Cũng vậy A-nan, nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,' điều này không thể có được. Vì sao? Vì nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì không thể có được.

"Này A-nan, như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường, nếu có người nói: 'Phải do bậc đầu tiên, sau đó mới lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên tới điện đường,' nói như vậy mới đúng. Vì sao? Vì phải do vào bậc đầu tiên, tuần tự lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi mới tới điện đường, thì điều này có thể có được. Cũng vậy, A-nan đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán;' điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 438. CHÚNG SANH[1306]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như lấy hết cây cỏ trên quả đất này, dùng làm cây thương[1307] và xâu hết tất cả các loài thủy vật trong biển lớn; có thể xuyên suốt được tất cả không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì những con vật ở trong biển lớn đủ các hình tướng, chủng loại, hoặc có loài nhỏ quá, không thể xâu được, hoặc lớn quá, cũng không thể xâu được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đúng vậy, đúng vậy! Chúng sanh giới vô số vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 439. TUYẾT SƠN[1308]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cầm một cục sạn[1309], rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ông nghĩ sao? Sạn trong tay Ta đây là nhiều hay sạn ở núi Tuyết lớn nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sạn trong tay của Thế Tôn rất ít, còn sạn ở núi Tuyết thì nhiều trăm, muôn ngàn, ức, vô lượng, không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì ít như sạn ở trong tay Ta đang cầm. Còn những chúng sanh kia mà không biết như thật đối với Khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì nhiều như sạn ở núi Tuyết, nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 440. HỒ TRÌ ĐẲNG[1310]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như ao hồ, sâu rộng năm mươi do tuần, nước đầy tràn. Nếu có người dùng một sợi tóc, hoặc sợi lông, hoặc đầu ngón tay thấm vào nước hồ này cho đến ba lần, thì thế nào, này các Tỳ-kheo, giọt nước thấm của người kia nhiều hay nước trong hồ nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước trên sợi tóc, sợi lông, hay dầu ngón tay của người này rất ít, còn nước trong hồ thì nhiều vô lượng, vô số cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nhiều như nước trong hồ lớn, nhiều vô lượng, là gốc rễ khổ bị cắt đứt như cây đa la bị chặt ngọn, thành các pháp không tái sanh trong tương lai, mà đa văn Thánh đệ tử đoạn trừ khi thành tựu kiến đế[1311], đắc Thánh đạo quả. Những gì còn sót chưa đoạn tận, chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, ngón tay của người kia mà thôi. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như ví dụ hồ nước lớn, cũng vậy những ví dụ về hồ Tát-la-đa-tra-ca, Hằng-già, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đề, Ma-hê[1312]*, cùng bốn biển lớn cũng nói như trên.*

---o0o---

KINH 441. THỔ[1313]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất, lớn bằng trái lê[1314], bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào, các Tỳ-kheo, hòn đất trong tay Ta nhiều hay đất trong núi Tuyết nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa, hòn đất trong tay Thế Tôn rất ít, còn đất tại núi chúa Tuyết thì thật nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na do tha, cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng ít như hòn đất Ta đang cầm ở trong tay. Những chúng sanh mà không biết như thật khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nhiều hơn đất ở núi chúa Tuyết. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như núi chúa Tuyết. Cũng vậy các ví dụ về núi Ni-dân-đà-la, Tỳ-na-đa-ca, Mã-nhĩ, Thiện kiến, Khư-đề-la-ca, Y-sa-đà-la, Du-kiền-đà-la, Tu-di sơn vương[1315] và đất đai trên đại địa cũng lại như vậy. Như dụ trái lê, cũng vậy các ví dụ trái A-ma-lặc-ca, Bạt-đà-la, Ca-la-ca, quả đậu, cho đến ví dụ tép tỏi cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 442. TRẢO GIÁP[1316]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng trong móng tay khự một ít đất, rồi nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay đất ở đại địa này nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay của Thế Tôn là rất ít, ít lắm, còn đất ở đại địa thì nhiều vô lượng, cho đến không thể dùng toán số, hay thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Cũng như vậy, thân hình các chúng sanh mà có thể thấy được thì như đất trên móng tay; còn thân hình của chúng sanh vi tế không thể thấy được nhiều như đất trên đại địa. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đất liền nói trên, về thủy tánh cũng lại như vậy.

Các kinh khác tương tợ:[1317]

- "Ít như đất trên móng tay, cũng vậy, những chúng sanh được sanh ra trong cõi người;

- "Loại không được làm người cũng như đất đại địa.

- "Những chúng sanh được sanh ra nơi có văn minh (đô thị) cũng như đất dính trên móng tay;

- "Được sanh ra nơi biên địa cũng như đất trên đại địa.

- "Người thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất trên móng tay;

- "Người không thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất ở đại địa.

- “Những chúng sanh biết được pháp luật này, cũng như đất dính trên móng tay;

- “Chúng sanh không biết pháp luật cũng như đất ở đại địa.

- “Như biết, cũng vậy: biết bình đẳng, biết khắp tất cả, chánh tưởng, chánh giác, chánh giải, pháp hiện quán cũng như vậy.

- “Những chúng sanh biết có cha mẹ, thì cũng như đất dính trên móng tay;

- “Số chúng sanh không biết đến có mẹ cha cũng như đất ở đại địa.

- “Những chúng sanh biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn và làm những điều cần làm phước đời này, đời khác, sợ tội thường bố thí, ăn chay giữ giới thì cũng như đất dính trên đầu móng tay;

- “Số chúng sanh không biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn, làm những điều phước cần ở đời này, đời khác, sợ tọâi lỗi thường bố thí, ăn chay, giữ giới thì cũng như đất ở đại địa.

- “Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt thì cũng như đất trên móng tay;

- “Số chúng sanh không giữ gìn giới luật thì cũng như đất ở đại địa.

- “Cũng vậy, những chúng sanh lìa tham nhuế, tà kiến và chúng sanh không lìa tham nhuế, tà kiến cũng nói như vậy.

- “Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, ít như đất dính trên móng tay;

- “Số chúng sanh không giữ gìn năm giới nhiều như đất ở đại địa.

- “Những chúng sanh giữ gìn tám giới thì cũng như đất dính trên móng tay;

- “Số chúng sanh không giữ gìn tám giới thì cũng như đất ở đại địa.

- “Những chúng sanh giữ gìn mười điều lành thì cũng như đất trên móng tay;

- “Số chúng sanh không giữ mười điều lành thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ địa ngục, sau khi chết rồi được sanh làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ địa ngục sau khi chết được sanh lên cõi trời thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh từ địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh ở loài người sau khi chết rồi sanh trở lại làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh ở loài người sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ cõi trời sau khi chết trở lại sanh vào cõi Trời thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh ở cõi Trời sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa."

---o0o---

KINH 443. TỨ THÁNH ĐẾ DĨ SANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Trước kia, khi Ta chưa nghe pháp, đã có được chánh tư duy rằng, 'Đây là Khổ Thánh đế', chánh kiến đã phát sanh; 'Đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế', chánh kiến đã phát sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về đã sanh. Cũng vậy, đang sanh, sẽ sanh; kinh nói về khởi, tập, cận (gần), tu, tu nhiều, xúc, tác chứng cũng như vậy.[1318]

---o0o---

KINH 444. NHÃN DƯỢC HOÀN[1319]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như viên thuốc chữa mắt, rộng sâu một do tuần[1320]. Nếu có người nào lấy viên thuốc này đặt vào trong mỗi mỗi giới[1321], có thể khiến cho hết nhanh chóng[1322], nhưng đối với các giới kia cũng không thể cùng biên tế của nó được. Nên biết, số lượng các giới nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học giới loại thiện. Đối với chủng loại sai biệt của giới thiện, hãy học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 445. BỈ TÂM[1323]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới[1324]. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện[1325]. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy, chủng loại sai biệt của giới thiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 446. KỆ (1)[1326]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nói đầy đủ như trên, chỉ khác là nói thêm bài kệ này:

Thường hợp nên thường sanh,

Lìa nhau, thì sanh dứt.

Như người ôm gỗ nhỏ,

Mà vào trong biển lớn;

Người, gỗ đều bị chìm.

Biếng nhác cũng như vậy.

Nên lìa xa biếng nhác;

Siêng năng hạng thấp hèn.

Hiền thánh không giải đãi;

An trụ nơi viễn ly,

Thiền tinh tấn ân cần,

Vượt qua dòng sanh tử.

Như sơn gặp lụa trắng;

Lửa gặp gió cháy bừng,

Ngọc và sữa cùng sắc;

Chúng sanh cùng theo giới,

Tương tợ thì hòa hợp,

Tăng trưởng cũng như vậy.

---o0o---

KINH 447. HÀNH[1327]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới[1328]. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới.

Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những Đại đức, Thượng tọa, đa văn, xuất gia đã lâu, tu tập đầy đủ phạm hạnh.

Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều ít muốn, biết đủ, đầu đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư.

Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn.

Tôn giả A-na-luật-đà cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều được thiên nhãn sáng suốt.

Bấy giờ, cũng có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ, cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều dõng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành.

Lại có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều vì đại chúng sửa sang các thứ cúng dường đầy đủ.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều thông đạt luật hạnh.

Tôn giả Phú-lâu-na cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp.

Lại có Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng.

Khi đó cũng có Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc tổng trì đa văn.

Lại có Tôn giả La-hầu-la cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh.

Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều huân tập nhiều ác hạnh.

Đó gọi là Tỳ-kheo thường cùng đi và hòa hợp với nhau. Cho nên, Tỳ-kheo, nên khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 448. KỆ (2)[1329]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Nói đầy đủ như kinh trên. Phật liền nói kệ:

Thường hợp nên thường sanh,

Lìa nhau, thì sanh dứt.

Như người ôm gỗ nhỏ,

Mà vào trong biển lớn;

Người, gỗ đều bị chìm.

Biếng nhác cũng như vậy.

Nên lìa xa biếng nhác;

Siêng năng hạng thấp hèn.

Hiền thánh không giải đãi;

An trụ nơi viễn ly,

Thiền tinh tấn ân cần,

Vượt qua dòng sanh tử.

Như sơn gặp lụa trắng;

Lửa gặp gió cháy bừng,

Ngọc và sữa cùng sắc;

Chúng sanh lùng theo giới,

Tương tợ thì hòa hợp,

Tăng trưởng cũng như vậy.

---o0o---

KINH 449. GIỚI HÒA HỢP[1330]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Nói đầy đủ như trên… cho đến,

"Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Khi sát sanh thì đi cùng giới sát sanh. Khi tâm trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu thì đi cùng giới trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Khi tâm không sát sanh đi cùng giới không sát sanh. Khi tâm không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu đi cùng giới không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 450. TINH TẤN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Khi bất tín thì đi cùng giới bất tín. Khi phạm giới thì đi cùng giới phạm giới. Khi không tàm

không quý thì đi cùng giới không tàm không quý. Khi có lòng tín thì đi cùng giới có tín. Khi trì giới thì đi cùng giới trì giới. Khi tâm có tàm có quý thì đi cùng giới có tàm có quý. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như tín hay bất tín. Cũng vậy: tinh tấn hay không tinh tấn, thất niệm hay không thất niệm, chánh thọ hay không chánh thọ, đa văn hay thiểu văn, xan lẫn hay bố thí, ác tuệ hay thiện tuệ, khó nuôi hay dễ nuôi, khó thỏa mãn hay dễ thỏa mãn, ham muốn nhiều hay ham muốn ít, biết đủ hay không biết đủ, điều phục hay không điều phục, tất cả đều đi cùng giới đó. Như kinh trên đã nói đầy đủ.

---o0o---

KINH 451. GIỚI[1331]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hôm nay Ta sẽ nói về các chủng loại sai biệt của giới[1332]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là các giới? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 452. XÚC (1)[1333]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

“Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới… cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

“Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc… cho đến, thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Do duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, giới làm duyên nên sanh ra ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ sanh ra ý ái.

“Này các Tỳ-kheo, không phải do duyên các chủng loại sai biệt của ái nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của giới. Chính là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 453. XÚC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,… cho đến, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các thọ; do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Không phải do duyên nhãn xúc sanh ra nhãn giới, mà là duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Không phải duyên nhãn thọ sanh ra nhãn xúc, mà là duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Do duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Không phải duyên nhãn ái nên sanh ra nhãn thọ, mà là duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; duyên ý giới nên sanh ra ý xúc. Không phải duyên ý xúc sanh ra ý giới, mà là duyên ý giới nên sanh ra ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Không phải duyên ý thọ sanh ra ý xúc, mà duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Không phải duyên ý ái sanh ra ý thọ, mà duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Cho nên, Tỳ-kheo, không phải vì sanh các chủng loại sai biệt ái sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Không phải vì duyên các thọ sanh ra các xúc, cũng không phải vì duyên các xúc sanh ra các giới, mà chỉ có vì duyên các giới nên sanh ra các xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ; vì duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nên khéo phân biệt các chủng loại sai biệt giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 454. TƯỞNG (1)[1334]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng. Do duyên các chủng loại sai biệt tưởng nên sanh ra các chủng loại sai biệt dục. Do duyên các chủng loại sai biệt dục nên sanh ra các giác[1335]. Do duyên các chủng loại sai biệt giác nên sanh ra các chủng loại sai biệt nhiệt; vì duyên các thứ nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt cầu[1336].

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám: Nhãn giới… cho đến pháp giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc… cho đến, duyên các thứ nóng bức nên sanh ra các mong cầu? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc; duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ; duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn tưởng; duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn dục; do duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn giác; duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn nhiệt; duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn cầu. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; do duyên ý giới nên sanh ra ý xúc; duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ; duyên ý thọ nên sanh ra ý tưởng; duyên ý tưởng nên sanh ra ý giác; duyên ý giác nên sanh ra ý nhiệt; do duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc… cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ cầu.

"Này Tỳ-kheo, không phải do duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các thứ nhiệt. Không phải do duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ giác. Không phải do duyên các thứ giác nên sanh ra các thứ tưởng. Không phải vì duyên các thứ tưởng nên sanh ra các thứ thọ. Không phải do duyên các thứ thọ nên sanh ra các thứ xúc. Cũng không phải vì duyên các thứ xúc nên sanh ra các thứ giới, mà chỉ có duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc;… cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 455. TƯỞNG (2)[1337]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng; duyên các chủng loại sai biệt tưởng nên sanh ra các chủng loại sai biệt dục; duyên các chủng loại sai biệt dục nên sanh ra các chủng loại sai biệt giác; duyên các chủng loại sai biệt giác nên ra sanh các chủng loại sai biệt nhiệt; duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu.

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới, từ nhãn giới cho đến pháp giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc,… cho đến; thế nào là duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Không phải vì duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn giới, mà chỉ vì duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc[1338]. Duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn tưởng. Không phải vì duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn xúc, mà chỉ vì duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn tưởng. Duyên nhãn tưởng sanh ra nhãn dục. Không phải vì duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn tưởng, mà chỉ vì duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn dục. Duyên nhãn dục sanh ra nhãn giác. Không phải vì duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn dục, mà chỉ vì duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn giác. Duyên nhãn giác sanh ra nhãn nhiệt. Không phải vì duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn giác, mà chỉ vì duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn nhiệt. Duyên nhãn nhiệt sanh ra nhãn cầu. Không phải vì duyên nhãn cầu nên sanh ra nhiệt, mà chỉ vì duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn cầu.

"Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, vì duyên ý giới nên sanh ra ý xúc… cho đến duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu, cũng nói đầy đủ như vậy.

"Này Tỳ-kheo, đó gọi là duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc… cho đến vì duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu, chứ không phải duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các nhiệt,… cho đến không phải duyên các xúc nên sanh ra các giới, mà chỉ vì duyên các giới nên

sanh ra các thứ xúc,… cho đến, duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nội lục nhập xứ, ngoại lục nhập xứ cũng nói như vậy.[1339]

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 17

KINH 456. CHÁNH THỌ[1340]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, hữu diệt giới[1341].”

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, diệt giới. Các thứ giới như vậy do nhân duyên gì để có thể biết?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Quang giới kia do duyên tối tăm mà được biết. Tịnh giới do duyên bất tịnh nên biết. Vô lượng không nhập xứ giới do duyên sắc mà biết. Vô lượng thức nhập xứ giới do không[1342] mà được biết. Vô sở hữu nhập xứ giới do duyên sở hữu[1343] mà được biết. Phi tưởng phi phi tưởng nhaập xứ giới do duyên hữu đệ nhất[1344] mà được biết. Diệt giới là do duyên hữu thân[1345] mà được biết”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, từ quang giới cho đến diệt giới này do vào chánh thọ[1346] gì mà đạt được?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới; các cõi này ngay nơi chánh thọ đang tự hành mà đạt được[1347]. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới ở nơi chánh thọ của đệ nhất hữu[1348] mà đạt được và diệt giới do chánh thọ của diệt hữu thân[1349] mà đạt được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 457. THUYẾT[1350]

Tôi nhge như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi chiều, Đức Thế Tôn sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, đến trong bóng mát giảng đường, trải tòa, ngồi trước đại chúng, nói những câu kệ Ưu-đàn-na, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Vì duyên giới mà sanh thuyết[1351], chứ không phải không do giới. Duyên giới mà sanh kiến, không phải không do giới, Duyên giới mà sanh tưởng, không phải không do giới. Duyên giới hạ liệt[1352], Ta nói, sanh thuyết hạ liệt[1353], kiến hạ liệt, tưởng hạ liệt, tư hạ liệt[1354], dục hạ liệt[1355], nguyện hạ liệt, hạ sĩ phu hạ liệt[1356], sở tác hạ liệt, thi thiết hạ liệt, kiến lập hạ liệt, hạ bộ phận hạ liệt, hạ hiển thị hạ liệt, hạ thọ sanh hạ liệt.

"Trung giới[1357] cũng như vậy.

"Cũng vậy, đối với giới thù thắng[1358]. Do duyên thắng giới, Ta nói kia sanh thuyết thù thắng, kiến thù thắng, tưởng thù thắng, nguyện thù thắng, sĩ phu thù thắng, sở tác thù thắng, thi thiết thù thắng, kiến lập thù thắng, bộ phận thù thắng, hiển thị thù thắng, thọ sanh thù thắng".

Bấy giờ có Tỳ-kheo Bà-ca-lị[1359] đang đứng sau, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu đối với Chánh đẳng Chánh giác, mà khởi lên kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác, thì các kiến giải này cũng duyên theo giới mà sanh chăng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với Chánh đẳng Chánh giác mà khởi kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác[1360], cũng duyên theo giới mà sanh ra, không phải không duyên giới. Vì sao? Giới của phàm phu là vô minh giới. Như trước Ta đã nói, duyên hạ giới sanh hạ thuyết, hạ kiến,… cho đến, hạ thọ sanh. Duyên trung giới cũng như vậy, đối với thắng giới, cũng sanh thắng thuyết, thắng kiến, cho đến, thắng thọ sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 458. NHÂN[1361]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có nhân sanh ra dục tưởng, chứ không phải không có nhân; có nhân sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng[1362], chứ không phải không có nhân.

"Do nhân gì sanh dục tưởng? Do duyên dục giới. Duyên dục giới nên sanh ra dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu[1363]. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên dục cầu rồi, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng[1364], có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh dục tưởng.

"Thế nào là nhân duyên sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Đó là hại giới. Do duyên hại giới nên sanh hại tưởng, hại dục, hại giác, hại nhiệt, hại cầu. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên sự mong muốn làm hại, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đang an trú nơi sanh như vậy mà sanh tưởng nguy hiểm[1365], không tìm cách loại bỏ, không tỉnh giác[1366], không nhả ra, thì hiện tại người ấy ngay trong đời hiện tại an trú khổ; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang, chợt bốc lửa lớn. Nếu không có ai có sức mạnh để dập tắt lửa, nên biết, những chúng sanh ở trong đồng hoang đó chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn đang an trú nơi sanh mà sanh tưởng nguy hiểm, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, có nhân sanh tưởng xuất yếu[1367], chứ không phải không có nhân.

“Thế nào là nhân sanh tưởng xuất yếu? Đó là xuất yếu giới[1368]. Do duyên xuất yếu giới sanh xuất yếu tưởng, xuất yếu dục, xuất yếu giác, xuất yếu nhiệt, xuất yếu cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự xuất yếu, chúng sanh này[1369] phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng xuất yếu.

“Thế nào là nhân duyên sanh tưởng không nhuế, không hại[1370]? Đó là bất nhuế, bất hại giới. Do nhân duyên bất hại giới sanh bất hại tưởng bất hại dục, bất hại giác, bất hại nhiệt, bất hại cầu không hại. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự bất hại, chúng sanh phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng bất hại.

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ[1371], không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.

“Ví như ven thành ấp, làng xóm, có cánh đồng hoang chợt bốc lửa lớn. Có người có khả năng dùng tay, chân để dập tắt lửa. Nên biết, các chúng sanh sống nương cây cỏ đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ, không nhả ra,

ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 359. TỰ TÁC[1372]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Chúng sanh không phải tự mình làm, không phải cái khác làm.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Với luận thuyết như vậy thì Ta và ông không gặp nhau. Ông nay tự mình đi đến đây mà lại nói không tự mình làm, không phải cái khác làm.”

Bà-la-môn bạch:

“Thế nào, bạch Cù-đàm, chúng sanh là tự mình làm hay cái khác làm?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có phương tiện giới[1373] của chúng sanh, nhờ đó các chúng sanh biết tạo ra phương tiện chăng?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, có phương tiện giới của chúng sanh đó, khiến cho các chúng sanh biết tạo ra phương tiện.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có phương tiēïn giới nhờ đó mà các chúng sanh biết có phương tiện, thì đó là chúng sanh tự mình làm hay là cái khác làm[1374]?”

“Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới[1375] của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác, thì đó là chúng tự mình làm hay là cái khác làm?”

Bà-la-môn bạch:

“Chúng sanh có việc tự mình làm, có việc người khác làm. Bạch Cù-đàm, vì ở đời có nhiều công việc, bây giờ xin phép được cáo từ.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ở đời có nhiều công việc, ông nên đúng thời.”

Sau khi nghe lời Phật dạy, Bà-la-môn hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 460. CÙ-SƯ-LA[1376]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[1377]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la[1378] đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới[1379]. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về hỷ xứ[1380]. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc. Do nhân duyên hỷ xúc sanh lạc thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

"Lại nữa, này gia chủ, có nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về ưu xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh khổ xúc. Do nhân duyên khổ sanh khổ thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

"Lại nữa này gia chủ, nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về xả xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc, không khổ, không lạc. Do nhân duyên xúc không khổ, không lạc sanh thọ, không khổ, không lạc. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy."

Gia chủ Cù-sư-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả A-nan hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

---o0o---

KINH 461. TAM GIỚI (1)[1381]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[1382]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

> Hiểu rõ về Dục giới,
>
> Sắc giới cũng như vậy.
>
> Bỏ tất cả hữu dư,

Được tịch diệt vô dư.

Nơi thân hòa hợp giới[1383],

Đoạn tuyệt, chứng vô dư.

Đấng Chánh Giác[1384] đã chỉ,

Dấu vô ưu, ly cấu[1385].

Tôn giả A-nan nói kinh này xong, gia chủ Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, rồi lui ra.

---o0o---

KINH 462. TAM GIỚI (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[1386]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới[1387]."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

Nếu chúng sanh Sắc giới,

Và trụ Vô sắc giới,

Mà không biết Diệt giới,

Thì lại thọ các hữu.

Nếu đoạn được sắc giới,

Không trụ vô sắc giới,

Diệt giới, tâm giải thoát,

Thì xa lìa sanh tử.

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ, vui mừng làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 463. TAM GIỚI (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba thứ giới xuất ly, đó là xuất ly từ Dục giới cho đến Sắc giới và xuất ly từ Sắc giới cho đến Vô sắc giới. Ở đây, tất cả các hành, tất cả những tư tưởng về giới đều dứt hết. Đó gọi là ba thứ giới cần xuất ly, rồi Tôn giả nói bài kệ:

Biết xuất ly Dục giới,

Vượt luôn khỏi Sắc giới,

Tất cả hành tịch diệt,

Siêng tu, chánh phương tiện.

Đoạn trừ tất cả ái,

Tất cả hành diệt tận.

Biết tất cả hữu dư,

Không xoay chuyển lại hữu.

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ vui mừng làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 464. ĐỒNG PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa[1388]. Khi đến nơi ấy, Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa:

"Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này để chuyên tinh tư duy, đó là chỉ và quán[1389].

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

"Tu tập chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?"

Thượng tọa trả lời Tôn giả A-nan:

“Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Bạch Thượng tọa, thế nào là các giải thoát giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

“Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là đoạn giới. Đoạn trừ ái dục, đó là vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là diệt giới.”

Tôn giả A-nan, sau khi nghe Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên, bạch với năm trăm vị Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào trong lúc ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo trả lời Tôn giả A-nan:

“Nên dùng hai pháp chuyên tinh mà tư duy.” Chi tiết, cho đến, “diệt giới,” như vị Thượng tọa đã nói trên kia.

Khi Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như vậy, hoan hỷ tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng phương pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng hai pháp để chuyên tinh tư duy." Chi tiết, cho đến, "diệt giới," như năm trăm Tỳ-kheo đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Bậc Đạo Sư và các đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị. Hôm nay con đến Thượng tọa có tên là Thượng Tọa hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này giải đáp cho con, như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo, họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này mà đáp như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Cho nên biết rằng, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ngươi có biết vị Thượng tọa này là Tỳ-kheo như thế nào không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Thượng tọa này là A-la-hán, các lậu đã giũ sạch, đã vứt bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, tâm khéo giải thoát. Năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 465. TRƯỚC SỬ[1390]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn[1391]?"

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với những gì thuộc địa giới, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, mà biết như thật, thì tất cả những thứ đó đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đối với thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với thức thân này của chính mình và tất cả những tướng thuộc cảnh giới bên ngoài, thì không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.

"Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả những tướng của cảnh giới ở bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn, thì đó gọi là dứt sự ràng buộc của ái, dứt các kết sử, đoạn trừ ái, dừng kiêu mạn, đắc hiện quán, đến tột cùng của mé khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 466. XÚC NHÂN[1392]

Tôi nghe như vầy: Xem cht.52 kinh 465.

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn[1393]?"

Phật bảo La-hầu-la:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Tức là, ba thọ này, xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Do xúc nhân như thế này, thế kia sanh các thọ như thế này, thế kia. Nếu xúc thế này thế kia diệt, thọ thế này thế kia cũng diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Biết như vậy, thấy như vậy thì ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 467. KIẾM THÍCH[1394]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ; quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm; quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường. Nếu Tỳ-kheo quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ, quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm, quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường, hoại diệt, thì đó gọi là chánh kiến.”

Sau đó Thế Tôn nói bài kệ:

Quán vui, khởi tưởng khổ,

Khổ thọ như kiếm đâm,

Đối với không khổ vui,

Tu tưởng vô thường, diệt;

Đó gọi là Tỳ-kheo

Thành tựu được chánh kiến.

Đạo an vui tịch diệt,

Trụ nơi mé cuối cùng,

Vĩnh viễn lìa phiền não,

Dẹp tan chúng quân ma.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 468. TAM THỌ[1395]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?"

Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:

"Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi quán sát lạc thọ, vì muốn dứt trừ tham sử[1396] đối lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm

hạnh; vì muốn dứt trừ sân nhuế sử[1397] đối với khổ thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ ngu si sử[1398] đối với bất khổ bất lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh.

"Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với kết sử tham nơi lạc thọ đã dứt trừ, đã biết; đối với kết sử sân nhuế nơi khổ thọ đã dứt trừ, đã biết; và đối với kết sử si nơi bất khổ bất lạc thọ đã dứt trừ, đã biết, thì đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, bứt các kết buộc, diệt kiêu mạn[1399], đến tột cùng của mé khổ[1400]."

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Khi cảm nhận lạc thọ,

Thì không biết lạc thọ

Bị tham sử sai khiến,

Không thấy đường xuất ly.

Lúc cảm nhận khổ thọ,

Thì không biết khổ thọ

Bị sân nhuế sai sử,

Không thấy đường xuất ly.

Thọ không vui không khổ,

Đấng Chánh Giác đã nói,

Nếu không khéo quán sát,

Quyết không qua bờ kia.

Tỳ-kheo cần tinh tấn,

Chánh tri không động chuyển[1401],

Như tất cả thọ nàyï,

Người trí thường hiểu biết.

Người hiểu biết các thọ,

Hiện tại hết các lậu,

Người trí sáng mạng chung,

Không rơi vào các số[1402],

Các số đã dứt tuyệt,

Thường nhập Niết-bàn lạc.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 469. THÂM HIỂM[1403]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Biển lớn sâu hiểm[1404]. Đó là cái sâu hiểm mà người ngu ở thế gian này thường nói, không phải là sâu hiểm được nói trong pháp luật của Hiền thánh[1405]. Những gì mà thế gian nói về sự sâu hiểm thì đó chỉ là sự tích tụ số lượng nước nhiều mà thôi. Nếu các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, thì đó mới gọi là nơi sâu hiểm vô cùng của biển lớn.

“Phàm phu ngu si không học, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà trường kỳ chìm đắm, không chỗ dừng nghỉ.

“Đa văn Thánh đệ tử, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà không chìm đắm sanh tử, được chỗ dừng nghỉ.”

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Thân sanh các khổ thọ,

Bức bách cho đến chết,

Sầu bi không chịu nổi,

Than khóc, phát cuồng loạn.

Tâm tự sanh khốn quẫn,

Chiêu tập các khổ tăng,

Mãi chìm biển sanh tử,

Nào biết chỗ dừng nghỉ.

Xả các thọ nơi thân,

Khổ não sanh từ thân,

Bức bách cho đến chết,

Không khởi tưởng buồn lo,

Không than khóc kêu gào,

Thường nhẫn thọ các khổ,

Tâm không sanh chướng ngại,

Chiêu tập các khổ tăng,

Không chìm đắm sanh tử,

Quyết được nơi an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 470. TIỄN[1406]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng

trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến[1407]. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến[1408]. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lìa[1409]; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

"Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc."

"Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách… cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ. Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sử không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

"Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Đa văn đối khổ vui,

Không phải không cảm giác.

So với kẻ không học,

Người này thật xa khác[1410].

Thọ lạc, không buông lung,

Gặp khổ không tăng sầu;

Khổ vui thảy đều bỏ,

Không thuận cũng không trái.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không khuynh động[1411],

Đối với các thọ nàyï,

Trí tuệ thường biết rõ.

Vì biết rõ các thọ,

Hiện tại sạch các lậu,

Khi chết không đọa lạc[1412],

An trú Đại Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 471. HƯ KHÔNG[1413]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như giữa hư không, gió lộng từ bốn phương thổi đến như gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỳ-thấp-ba[1414], gió tỳ-lam-bà[1415], gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân gió dậy. Gió cảm thọ trong thân cũng như vậy. Đủ các thứ thọ khởi lên như lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không khổ không lạc của thân; cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc[1416], cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Như ở giữa hư không,

Các gió cuồng nổi dậy;

Gió Đông, Tây, Nam, Bắc,

Bốn phương đều như vậy.

Có bụi và không bụi,

Cho đến phong luân khởi.

Cũng vậy trong thân này,

Các thọ cũng dấy lên.

Hoặc lạc, hoặc khổ thọ,

Và không khổ không lạc,

Có ăn cùng không ăn,

Tham trước không tham trước.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không lay động[1417],

Đối với các thọ này,

Trí tuệ thường biết rõ.

Vì biết rõ các thọ,

Hiện tại sạch các lậu,

Khi chết không đọa lạc[1418],

An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 472. KHÁCH XÁ[1419]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như nhà khách có đủ hạng người đến ở. Hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia. Tất cả đều trọ ở trong đó. Thân này cũng lại như vậy. Đủ các thứ thọ sanh khởi như khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; thân

thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ không khổ không lạc; cảm thọ thực vị lạc[1420], cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm thọ phi thực vị lạc, cảm thọ phi thực vị khổ, cảm thọ phi thực vị không khổ không lạc; cảm thọ lạc do tham trước, cảm thọ khổ do tham trước, cảm thọ không khổ không lạc do tham trước; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Như ở trong nhà khách,

Đủ hạng người ở trọ,

Sát-lợi, Bà-la-môn,

Gia chủ và cư sĩ,

Chiên-đà-la, dân quê,

Người trì giới, phạm giới,

Kẻ tại gia, xuất gia,

Nhiều hạng người như vậy.

Thân này cũng như vậy,

Các thứ cảm thọ sanh,

Hoặc vui, hoặc khổ thọ,

Và không khổ không lạc,

Thực vị, phi thực vị,

Tham đắm, không tham đắm.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không lay động,

Đối với các thọ này,

Trí tuệ thường biết rõ,

Vì biết rõ các thọ,

Hiện tại hết các lậu,

Khi chết không đọa lạc,

An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 473. THIỀN[1421]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng[1422], thiền tịnh, tư duy: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?"

Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Biết các hành vô thường,

Đều là pháp biến dịch,

Nên nói thọ là khổ,

Chánh Giác biết điều này.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không lay động,

Đối với tất cả thọ,

Trí tuệ thường biết rõ.

Biết rõ tất cả thọ,

Hiện tại hết các lậu,

Khi chết không đọa lạc,

An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 474. CHỈ TỨC[1423]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh nghĩ rằng: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?'

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy rằng: 'Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?"

Phật bảo A-nan:

"Ta, vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Lại nữa A-nan, Ta, vì các hành tuần tự tịch diệt[1424], vì các hành tuần tự tĩnh chỉ[1425], nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ."

A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn vì các hành tuần tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Khi nhập[1426] Sơ thiền, thì ngôn ngữ tịch diệt. Nhập Nhị thiền thì giác quán[1427] tịch diệt. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt[1428]. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không nhập xứ[1429], sắc tưởng tịch diệt. Nhập Thức nhập xứ[1430], tưởng không nhập xứ vắng lặng. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tịch diệt. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tịch diệt. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần vắng lặng."

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn vì các hành tuần tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tưởng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ?”

Phật bảo A-nan:

“Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được?”

Phật bảo A-nan:

“Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 475. TIÊN TRÍ[1431]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phật Tỳ-bà-thi, khi chưa thành đạo, một mình ở chỗ thanh vắng thiền tịnh tư duy, bằng quán sát thọ như vầy mà quán sát các thọ: 'Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?' Như vậy quán sát, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt thì thọ diệt. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

"Giống như Phật Tỳ-bà-thi; Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca Tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp và Ta là Phật Thích-ca Văn, khi chưa thành Phật, cũng lại tư duy quán sát các thọ như vậy."[1432]

---o0o---

KINH 476. THIỀN TU[1433]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo, một mình ở chỗ vắng vẻ, thiền tịnh, tư duy, quán sát các thọ như vầy: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào

là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là xuất ly thọ?

Bấy giờ, Tỳ-kheo này sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ vắng thiền tịnh, tư duy, quán sát các thọ: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 477. A-NAN SỞ VẤN[1434]

Như kinh Tỳ-kheo hỏi ở trên, kinh này Tôn giả A-nan cũng hỏi như vậy.

---o0o---

KINH 478. TỲ-KHEO[1435]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; khi xúc diệt tận, thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 479. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Ta không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, thì Ta ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, không được giải thoát, xuất thọ, thoát khỏi các điên đảo, cũng không phải Chánh Đẳng Chánh Giác[1436]. Vì Ta biết như

thật đối với các thọ, sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất thọ, nên ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, Ta là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, là Bậc ra khỏi các điên đảo và đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 480. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN[1437]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này không phải là Sa-môn, không phải là Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không phải nghĩa Sa-môn, cũng không phải nghĩa Bà-la-môn[1438], ngay trong đời hiện tại không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật đối với các thọ; biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn, đồng với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, ngay trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

"Như Sa-môn, không phải Sa-môn. Cũng vậy, Sa-môn số[1439] và không phải Sa-môn số cũng đều như vậy."

---o0o---

KINH 481. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA[1440]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng Nhất-xa-năng-già-la[1441], nước Nhất-xa-năng-già-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta muốn ở lại tại đây nửa tháng để ngồi thiền. Các Tỳ-kheo, chớ đi du hành nữa[1442], trừ khi đi khất thực và Bố tát."

Rồi tọa thiền, không du hành nữa.

Bấy giờ, qua nửa tháng, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Khi Ta, bằng một ít thiền phần của thiền pháp được tư duy khi mới thành Phật, nay trong tháng này, tư duy rằng: Sự sanh khởi của tất cả cảm thọ của chúng đều có nhân duyên, không phải không có nhân duyên.

"Những gì là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác[1443] là nhân duyên, xúc là nhân duyên. Này các Tỳ-kheo, nếu dục không được diệt tận[1444], giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục kia được diệt tận, nhưng giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, nhưng xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, xúc diệt tận; nhưng do nhân duyên kia mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, là do nhân duyên cái kia diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Vì nhân duyên tà kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà kiến không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên tà trí không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Do nhân duyên chánh kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh kiến tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh trí tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục này không được mà được, không thu hoạch mà thu hoạch, không chứng mà chứng, thì cũng vì nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, vì nhân duyên cái kia tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Đó gọi là vì nhân duyên không diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; và vì nhân duyên diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên, con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này không phải là Sa-môn của Sa-môn, không phải Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn của Sa-môn, không đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đúng nghĩa Sa-môn, không đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên và con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn của Sa-môn, đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại tự tri tự tác

chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 482. HỶ LẠC[1445]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đang mùa hạ an cư, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì gia chủ, bằng nhiều hình thức mà thuyết pháp, khai thị, soi sáng, chỉ dạy, làm cho hoan hỷ. Sau khi được Phật khai thị, soi sáng, chỉ giáo, làm cho hoan hỷ, gia chủ đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi chắp tay, bạch Phật:

"Cúi xin Thế Tôn và đại chúng từ bi thọ nhận lời thỉnh nguyện của con, trong ba tháng hạ, cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ."

Bấy giờ Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời. Khi ấy Cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, đứng dậy từ giã trở về nhà mình. Qua ba tháng, ông đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo Cấp Cô Độc:

"Lành thay, gia chủ! Ông ba tháng qua đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự trang nghiêm tịnh trị thượng đạo[1446] này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởngï sự an lạc này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly[1447]."

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, tùy hỷ hoan hỷ, đứng dậy đảnh lễ ra về.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông Cấp Cô Độc đã về rồi, liền bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Khéo vì gia chủ Cấp Cô Độc thuyết pháp khích lệ ông Cấp Cô Độc rằng: 'Ông ba tháng đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự tịnh trị thượng đạo này, mà ở đời vị lai sẽ

được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởngï phước báo này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly.’

“Bạch Thế Tôn, giả sử Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp[1448] và phải tu tập viên mãn năm pháp.

“Thế nào là viễn ly năm pháp? Đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ xả được nuôi lớn bởi dục; đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi pháp bất thiện, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi pháp bất thiện. Đó gọi là năm pháp viễn ly.

“Thế nào là tu tập viên mãn năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an[1449], lạc và nhất tâm.”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đúng thế, đúng thế! Nếu Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp và phải tu tập viên mãn năm pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 483. VÔ THỰC LẠC[1450]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có niệm có thực vị, có niệm không thực vị[1451], có niệm vừa không thực vị vừa có thực vị. Có lạc có thực vị, có lạc không thực vị, có lạc vừa không thực vị vừa có thực vị. Có xả có thực vị, có niệm không thực vị, có xả vừa không thực vị vừa có thực vị. Có giải thoát có thực vị, có giải thoát không thực vị, có giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là niệm có thực vị? Niệm[1452] sanh ra do năm dục làm nhân duyên.

"Thế nào là niệm không thực vị? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện; có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó gọi là niệm không thực vị.

"Thế nào là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị?ø Tỳ-kheo có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và trụ Nhị thiền. Đó gọi là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là lạc có thực vị? Lạc, hỷ, do năm dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là lạc có thực vị.

"Thế nào là lạc không thực vị? Dứt có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh. Đó gọi là vô thực lạc.

"Thế nào là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ, tham, an trụ xả tâm với chánh niệm, chánh tri, trụ an lạc, điều mà Thánh nói là xả. Đó gọi là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là xả có thực vị? Xả do ngũ dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là xả có thực vị.

"Thế nào là xả không thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ tham, an trụ xả tâm, với chánh niệm, chánh tri, an trụ lạc, điều Thánh nói là xả, thành tựu và an trú Tam thiền. Đó gọi là xả không thực vị.

"Thế nào là xả vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo xa lìa khổ, dứt lạc; ưu và hỷ trước đã dứt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, nhất tâm, thành tựu và an trụ Tứ thiền. Đó gọi là vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là giải thoát có thực vị? Hành cùng đi với sắc[1453].

"Thế nào là vô thực giải thoát? Hành cùng đi với vô sắc.

"Thế nào là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo kia, giải thoát với tâm không nhiễm tham dục, không nhiễm sân nhuế, ngu si. Đó gọi là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 484. BẠT-ĐÀ-LA[1454]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la[1455] và Tôn giả A-nan đều ở vườn Cấp cô độc rừng cây Kỳ-đà. Khi ấy Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Bạt-đà-la. Sau khi thăm hỏi sức khỏe xong, ngồi xuống một bên, rồi Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Bạt-đà-la:

"Thế nào gọi là thấy đệ nhất[1456]? Thế nào là nghe đệ nhất? Thế nào là lạc đệ nhất? Thế nào là tưởng đệ nhất? Thế nào là hữu đệ nhất[1457]?"

Tôn giả Bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

"Có Phạm thiên, là đấng tự tại, tạo tác, biến hóa như ý, là cha của thế gian. Thấy được Phạm thiên thì gọi đó là cái thấy đệ nhất.

"Này A-nan, có chúng sanh có hỷ lạc do viễn ly sanh thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi hỷ lạc phát sanh do viễn ly. Chúng sanh này, sau khi xuất định, xướng lên giữa đại chúng: 'Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này! Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này!' Nghe được âm thanh này thì gọi là cái nghe đệ nhất.

"Lại nữa A-nan, nếu có chúng sanh ở nơi thân này có lạc do đã lìa hỷ thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi lạc do đã lìa hỷ này. Đó gọi là lạc đệ nhất.

"Thế nào là tưởng đệ nhất? Này A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả thức nhập xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ vô sở hữu nhập xứ. Nếu khởi lên tưởng này, thì gọi là tưởng đệ nhất.

"Thế nào là hữu đệ nhất? Lại nữa A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả Vô sở hữu nhập xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ. Nếu khởi hữu này, thì gọi là hữu đệ nhất."

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có nhiều người thấy như vậy, nói như vậy; vậy thì Tôn giả cũng giống họ, đâu có khác gì? Tôi dùng phương tiện hỏi Tôn giả, Tôn giả hãy lắng nghe, tôi sẽ vì Tôn giả mà nói. Theo như cái được quán sát này, mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái thấy đệ nhất. Theo như điều được nghe mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái nghe đệ nhất. Theo như lạc được phát sanh mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là lạc đệ nhất. Theo như điều được tưởng mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là tưởng đệ nhất. Như thực quán sát, lần lượt diệt tận các lậu, thì đó mới gọi là hữu đệ nhất.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ sau khi bàn luận xong, đứng dậy cáo từ.

---o0o---

KINH 485. ƯU-ĐÀ-DI[1458]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vua Bình-sa[1459] đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Đức Thế Tôn nói có bao nhiêu thọ?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Tâu Đại vương, Thế Tôn nói ba thọ: thọ khổ, thọ lạc thọ không khổ không lạc.”

Vua Bình-sa bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Chớ nói như vậy, rằng ‘Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc.’ Nhưng đúng ra phải nói có hai thọ là thọ khổ và thọ lạc. Thọ không khổ không lạc là tịch diệt.”

“Nói ba lần như vậy.”

Tôn giả Ưu-đà-di không thể xác lập ba thọ với vua và vua cũng không thể xác lập hai thọ. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di bạch lại với Phật những sự việc trên một cách đầy đủ:

“Con cũng không thể xác lập được ba thọ và vua cũng không thể xác lập được hai thọ; nên nay chúng con cùng đến hỏi Thế Tôn, xin quyết định nghĩa này, là có mấy thọ?”

Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

“Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ.

“Ta nói một thọ như thế nào? Như nói, ‘Những gì là thọ đều là khổ.’ Đó gọi là Ta nói có một thọ.

“Ta nói hai thọ như thế nào? Nói, ‘Thân thọ và tâm thọ.’ Đó gọi là có hai thọ.

“Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui.

“Thế nào là bốn thọ? Thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc.

“Thế nào là nói năm thọ? Lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ.

“Thế nào là sáu thọ? Thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ.

“Thế nào là mười tám thọ? Thọ, theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó gọi là mười tám thọ.

“Thế nào là ba mươi sáu thọ? Hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu ly tham; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu ly tham; xả y sáu tham trước, xả sáu ly tham. Đó gọi là ba mươi sáu thọ.

“Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ.

“Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia v.v… Này Tỳ-kheo, như vậy gọi là vô lượng thọ.

“Này Ưu-đà-di, Ta bằng nhiều hình thức như vậy nói như thật nghĩa của thọ. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau, trọn không nắm được nghĩa chân thật trong pháp luật của Ta, để tự dừng lại.

“Này Ưu-đà-di, nếu đối với nghĩa của nhiều loại thọ mà Ta đã nói đây, hiểu biết như thật, thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau. Với tranh luận đã khởi lên hay chưa khởi lên, có thể bằng pháp luật này mà ngăn ngừa, khiến cho nó đình chỉ.

“Nhưng này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.

“Nếu có người nói: ‘Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.’ Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

“Nếu có người nói: ‘Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.’ Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên.

“Nếu có kẻ xuất gia dị học nói: ‘Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tưởng thọ diệt và cho là đã đến chỗ tận cùng của lạc’, điều này không đúng. Vì sao? Vì đây không phải là danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn đã nói. Danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn nói là, như nói: ‘Này Ưu-đà-di, có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bồ-đề.’”

Phật nói kinh này xong, Ưu-đà-di và vua Bình-sa nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 486. NHẤT PHÁP (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà sanh chân chánh nhàm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ chứng đắc lậu tận. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhàm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ đến chỗ tận cùng mé khổ và giải thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 488. NHẤT PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ tận trừ các lậu hoặc. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ diệt trừ hết các lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 489. NHẤT PHÁP (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

"Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận,

quán sát xả ly, sẽ đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 18

KINH 490. DIÊM-PHÙ-XA[1460]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Na-la[1461], nước Ma-kiệt-đề.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở xóm Na-la, Ma-kiệt-đề.

Khi ấy, có xuất gia ngoại đạo tên là Diêm-phù-xa[1462], là bạn cũ của Xá-lợi-phất[1463], đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Xá-lợi-phất:

"Trong pháp luật của Hiền thánh có việc gì khó[1464]?"

Xá-lợi-phất bảo Diêm-phù-xa:

"Chỉ có xuất gia là khó."

"Xuất gia, cái gì là khó?"

Đáp:

"Ái lạc[1465] khó."

"Ái lạc, cái gì là khó?"

Đáp:

"Thường tu tập thiện pháp là khó[1466]."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành[1467] nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì thiện pháp tăng trưởng không?"

Đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Diêm-phù-xa nói:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đây là con đường tốt đẹp, đây là sự thực hành tốt đẹp, nếu được tu tập, tu tập nhiều, đối với các pháp thiện thường tu tập để tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu người xuất gia luôn luôn tu tập con đường này, thì chẳng bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận được các hữu lậu."

Khi ấy hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Tương tự như kinh trên, với những câu hỏi của Diêm-phù-xa, gồm bốn mươi kinh[1468].

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1469]

“Thế nào là vị khéo thuyết pháp? Thế nào là vị chánh hướng trong đời[1470]? Thế nào là vị thiện thệ trong đời[1471]?”

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu thuyết pháp mà điều phục dục tham, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si; đó gọi là vị khéo thuyết pháp. Nếu hướng đến sự điều phục dục tham, hướng đến sự điều phục sân nhuế, hướng đến sự điều phục ngu si; đó gọi là chánh hướng. Nếu tham dục đã bị đoạn tận, đã được biến tri không dư tàn; sân nhuế và ngu si đã bị đoạn tận, đã được biến tri không dư tàn; đó gọi là thiện thệ.”

Lại hỏi:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì có thể phát khởi thiện thệ[1472]?”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1473]

“Nói là Niết-bàn; thế nào là Niết-bàn?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Niết-bàn là sự đoạn tận vĩnh viễn của tham dục; sự đoạn tận vĩnh viễn sân nhuế, ngu si; sự đoạn tận vĩnh viễn của tất cả các phiền não. Đó gọi là Niết-bàn.”

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì chứng đắc Niết-bàn chăng?”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1474]

"Vì sao ở chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Vì để đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh[1475]."

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?"

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1476]

"Nói là hữu lậu đã đoạn tận. Thế nào là hữu lậu đã được đoạn tận?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu lậu có ba[1477]; đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Ba thứ hữu lậu này đã trừ hết, không còn sót, nên gọi là hữu lậu đã được đoạn tận."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì các lậu trừ hết không."

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1478]

"Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Tham dục, sân nhuế, ngu si đã trừ sạch không còn sót, thì gọi là A-la-hán."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để chứng đắc A-la-hán không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1479]

"Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn diệt tận không còn sót, đó gọi là A-la-hán."

Lại hỏi:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì chứng đắc A-la-hán không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1480]

"Nói là vô minh. Thế nào là vô minh?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Nói là vô minh, là không biết tiền tế, không biết hậu tế, không biết tiền, hậu, trung tế[1481]; không biết Phật, Pháp, Tăng; không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết thiện, bất thiện và vô ký; không biết trong, không biết ngoài. Nếu đối với những sự này hay sự kia mà không biết, bị ám chướng, đó gọi là vô minh[1482]."

Diêm-phù-xa nói với Xá-lợi-phất:

"Đây là khối u ám vĩ đại."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đoạn trừ vô minh không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1483]

"Gọi là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu?"

Như trên đã nói. [1484]

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1485]

"Nói là hữu. Thế nào là hữu?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu có ba; đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có hướng đến nào để tu tập và khi tu tập nhiều thì có đoạn trừ những hữu này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1486]

"Nói là hữu thân[1487]; thế nào là hữu thân?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu thân, đó là năm thọ ấm. Thế nào là năm thọ ấm? Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào, để đoạn trừ hữu thân này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1488]

"Nói là khổ; thế nào là khổ?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Khổ là chỉ cho sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ân ái xa cách nhau khổ, oán ghét gặp nhau khổ, những gì cầu không được khổ, lược nói về khổ của năm thọ ấm, thì đó gọi là khổ."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ những khổ này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1489]

"Nói là lưu[1490]; thế nào là lưu?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Lưu là chỉ cho dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những lưu này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1491]

"Nói là ách[1492]; thế nào là ách?"

Ách cũng nói như lưu.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất: [1493]

"Nói là thủ[1494]; thế nào là thủ?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Thủ có bốn, đó là dục thủ, ngã thủ, kiến thủ và giới thủ."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những thủ này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1495]

"Nói là hệ phược[1496]; thế nào là hệ phược?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Phược có bốn, đó là tham dục phược, sân nhuế phược, giới thủ phược và ngã kiến phược."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những phược này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1497]

"Gọi là kết; vậy thế nào là kết?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Kết có chín[1498], đó là ái kết, nhuế kết, mạn kết, vô minh kết, kiến kết, tha thủ kết[1499], nghi kết, tật kết và xan kết."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những kết này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1500]

"Gọi là sử, vậy thế nào là sử?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Sử có bảy, đó là tham dục sử, sân nhuế sử, hữu ái sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử và nghi sử."[1501]

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ những sử này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1502]

"Gọi là dục, vậy thế nào là dục?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Dục là, đối với sắc được nhận thức bởi mắt đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ, mà đam mê sắc. Tiếng được nhận thức bởi tai, hương bởi mũi, vị bởi lưỡi, xúc bởi thân đáng yêu, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, nhiễm đắm xúc.

"Này Diêm-phù-xa, năm phẩm chất này không phải là dục. Nhưng dục chỉ do giác tưởng tư duy."

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền nói bài kệ:

"Tất cả sắc thế gian,

Không phải ái dục sử[1503],

Duy chỉ là giác tưởng,

Đó chính là người dục[1504].

Bao nhiêu hiện sắc này,

Thường ở tại thế gian,

Điều phục tâm ái dục,

Đó là người thông tuệ.”

Diêm-phù-xa hỏi lại Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ được những dục này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bà luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1505]

“Gọi là cái; thế nào là cái[1506]?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Cái có năm, đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được những cái này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1507]

"Gọi là sự nghỉ ngơi, vậy thế nào là sự nghỉ ngơi?"[1508]

Xá-lợi-phất đáp:

"Sự nghỉ ngơi là sự đoạn trừ ba kết sử."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được ba kết sử này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1509]

"Nói là đạt đến sự nghỉ ngơi; thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến sự nghỉ ngơi là ba kết sử đã bị đoạn, đã được biết."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ được ba kết sử nàykhông?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1510]

"Gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng[1511], vậy thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng là đã vĩnh viễn đoạn tận tham dục, sân nhuế và ngu si[1512]. Đó gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng[1513]."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:[1514]

"Gọi là đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng[1515]; thế nào là được chỗ dừng nghỉ bậcthượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng là đối với tham dục vĩnh viễn đã đoạn, đã biết không dư tàn; đối với sân nhuế, ngu si, vĩnh viễn đã đoạn, đã biết không dư tàn. Đó gọi là chỗ dừng nghỉ bậc thượng."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đạtđến chỗ nghỉ ngơi tối thượng không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1516]

"Nói là thanh lương[1517], vậy thế nào là thanh lương?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Thanh lương là năm hạ phần kết đã trừ sạch; tức là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để có thể đoạn trừ năm hạ phần kết này, để đạt đến thanh lương không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1518]

"Gọi là được thanh lương, vậy thế nào là được thanh lương?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đối với năm hạ phần kết đã đoạn tận, đã niệm tri, đó gọi là được thanh lương."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1519]

"Gọi là thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là thanh lương bậc thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

“Thanh lương bậc thượng là khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ sạch không còn; tất cả mọi thứ phiền não đã vĩnh viễn trừ sạch không còn. Đó gọi là thanh lương bậc thượng.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đạt đượcthanh lương bậc thượng không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1520]

“Nói là đạt được thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là đạt được thanh lương bậc thượng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đạt được thanh lương bậc thượng là đối với tham dục đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn; đối với sân nhuế và ngu si đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn. Đó gọi là đạt được thanh lương bậc thượng.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương bậc thượng này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất[1521]:

“Gọi là ái, vậy thế nào là ái?”

Xá-lợi-phất đáp:

"Ái có ba, đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể diệt trừ được ba ái này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1522]

"Gọi là nghiệp đạo[1523], vậy thế nào là nghiệp đạo?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Nghiệp đạo. đó là mười nghiệp đạo bất thiện, tức sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để diệt trừ mười nghiệp đạo này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[1524]

"Gọi là ô uế, vậy thế nào là ô uế?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Uế có ba, đó là tham dục, sân nhuế và ngu si."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể trừ được ba uế này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Như kinh Uế, cũng vậy các kinh nói về Cấu bẩn [32], Cấu ghét [33], Gai nhọn [34],Luyến [35] và Hệ phược [36] cũng như vậy.

---o0o---

KINH 491. SA-MÔN XUẤT GIA SỞ VẤN[1525]

Như kinh Diêm-phù-xa hỏi, kinh Sa-môn xuất gia hỏi cũng như vậy.

---o0o---

KINH 492. NÊ THỦY[1526]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào[1527] được vô lượng tam-muội[1528], thân tác chứng, thành tựu và an trụ, nhưng đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân[1529], mà tâm không hoan hỷ[1530], luyến tiếc hữu thân[1531]. Giống như người tay dính keo mà nắm trên cành cây, thì tay liền bị dính trên cành không gỡ ra được. Vì sao? Vì keo dính tay.

"Nếu Tỳ-kheo tự thân đã tác chứng vô lượng Tam-ma-đề[1532], nhưng tâm không hoan hỷ[1533] đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân[1534]; luyến tiếc hữu thân, thì trọn không thể thoát ly, ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc mà phải sanh

lại cõi này; cuối cùng rồi cũng không phá được sự si ám. Như bên cạnh làng có ao bùn; lớp bùn rất sâu. Lâu ngày trời không mưa, nước ao khô cạn, đất nứt nẻ ra[1535]. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc và sẽ trở lại đọa vào cõi này.

"Nếu có Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn, này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân. Giống như người dùng bàn tay khô ráo, sạch sẽ, vịn vào cành cây, thì tay sẽ không bị dính theo cây. Vì sao? Vì bàn tay sạch. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân; ngay trong đời này tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung không còn sanh lại cõi này nữa.

"Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh. Giống như bên cạnh làng có ao bùn, nước từ bốn phía chảy vào, trời lại hay mưa, nước thường vào ao đầy dẫy, đồ dơ bẩn chảy ra hết, ao nước này trở nên trong sạch. Cũng vậy Tỳ-kheo ngay trong đời này mà tùy thuận giáo pháp; cho đến khi mạng chung sẽ không còn sanh trở lại cõi này. Bởi vậy, Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 493. THỪA THUYỀN NGHỊCH LƯU[1536]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo a-luyện-nhã[1537], hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới bóng cây, nên học như vầy: Quay vào bên trong mà tư duy, quán sát, tự biết trong tâm còn có dục tưởng không? Nếu không tự biết được, thì ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tịnh tướng, ở đó sẽ có ái dục khởi lên, trái với hạnh viễn ly[1538]. Giống như người dùng sức chèo thuyền nghịch dòng đi lên, thân nếu hơi mệt

mỏi, biếng nhác, thì thuyền quay trở lại, xuôi dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tư duy tịnh tưởng, trở lại sanh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly. Tỳ-kheo này tu học, tu phương tiện thấp kém, hành không thuần tịnh. Vì vậy lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tướng kia theo đó mà sanh ái dục, trôi nổi lăn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biết Tỳ-kheo này, không dám tự xác nhận là đối với năm phẩm chất của dục mà ly dục, giải thoát.

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi đất trống, trong rừng hoặc dưới bóng cây, tư duy như vầy: 'Trong nội tâm ta đã ly dục chưa?' Tỳ-kheo này sẽ ở nơi cảnh giới hoặc tiếp nhận tịnh tướng, mà biết tâm mình đã xa lìa tướng ấy, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy. Giống như lông chim vào lửa thì bị quắn lại, không có nở ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào, hoặc tiếp nhận tịnh tướng mà tùy thuận viễn ly, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy.

"Tỳ-kheo, nên biết như vầy, đối với phương tiện thực hành tâm không biếng nhác, chứng đắc pháp, tịch tĩnh, tĩnh chỉ, an ổn, khoái lạc, thuần tịnh nhất tâm và tự nói: 'Ta sau khi tư duy, đối với tịnh tướng, mà tùy thuận viễn ly, tùy thuận tu đạo, thì có thể tự xác nhận, đối với năm phẩm chất của dục, đã ly dục giải thoát."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ, phụng hành.

---o0o---

KINH 494. KHÔ THỌ[1539]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả đắp y mang bát ra khỏi núi, vào thành Vương xá khất thực; thấy bên lề đường một cây đại thọ khô liền đến bên cây này trải tọa cụ ngồi ngay thẳng và nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần

thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v… tất cả đều thành tựu không khác. Vì sao? Vì cây khô này có thủy giới. Cho nên, thiền tứ được sức thần thông, tự tại như ý; nếu muốn khiến cây khô này thành vàng, tức thì thành vàng không khác và những vật khác cũng đều thành tựu như vậy. Vì sao? Vì cây khô này có các giới. Cho nên, Tỳ-kheo thiền tứ, được sức thần thông, tự tại như ý, nến muốn làm thành các vật khác thì cũng đều thành tựu không khác. Tỳ-kheo nên biết, khi Tỳ-kheo thiền tứ, cảnh giới thần thông không thể nghĩ bàn. Cho nên, Tỳ-kheo phải tinh cần thiền tứ, học các thần thông."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 495. GIỚI[1540]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Người phạm giới, vì phá giới nên sở y sút giảm, tâm không an trú với sự an lạc[1541]. Vì tâm không an trú với sự an lạc nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật[1542], sự yếm ly, ly dục, giải thoát, vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn. Giống như cây bị mục thì tất cả cành, lá, hoa, trái đều không thể thành tựu. Tỳ-kheo phạm giới lại cũng như vậy, công đức sút giảm[1543], tâm không an trú với sự an lạc. Vì tâm không an trú với sự an lạc[1544] nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật, sự yếm ly, ly dục, giải thoát. Do thoái thất giải thoát nên vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn.

"Tỳ-kheo trì giới, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn. Ví như gốc cây không bị mục thời cành, lá, hoa, trái đều được thành tựu. Tỳ-kheo trì giới lại cũng như vậy, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an

lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 496. TRÁNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi với nhau, có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo cử tội. Nhưng Tỳ-kheo này, nếu không bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, thì nên biết Tỳ-kheo này ngang ngạnh lâu dài, tranh cãi, kiện tụng càng tăng, chống đối nhau, nuôi hận càng ngày càng sâu. Đối với những tội lỗi đã khởi lên, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được.

“Nếu Tỳ-kheo đã khởi lên việc tranh tụng, nhưng Tỳ-kheo phạm tội, hay Tỳ-kheo cử tội, bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, chịu khiển trách, thì nên biết Tỳ-kheo này không ngang ngạnh lâu dài, không chống đối nhau và hận thù không còn tăng trưởng; đối với tội đã khởi có thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn cho dừng lại.

“Thế nào là Tỳ-kheo bằng tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo nên tư duy như vầy: ‘Ta thật sự không phải, không tốt, không nên tạo tội, để cho người khác bắt gặp mình. Nếu ta không tạo tội này thì người kia sẽ không bắt gặp. Vì người kia bắt gặp ta phạm tội, khiến họ không vui vẻ và hiềm trách nên cử tội. Còn những Tỳ-kheo khác nếu nghe cũng sẽ hiềm trách. Cho nên việc tranh tụng xảy ra lâu dài, tính nganh ngạnh càng tăng và tranh cãi với nhau. Đối với những tội đã khởi, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được. Nay ta tự biết như mình đã nộp thuế[1545].’ Đó gọi là Tỳ-kheo đối với những tội đã khởi có thể tự quán sát.

“Thế nào là Tỳ-kheo cử tội có thể tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo cử tội nên nghĩ như vầy: ‘Trưởng lão Tỳ-kheo này phạm tội không tốt khiến ta bắt gặp. Nếu vị ấy không phạm tội không tốt đó thì ta đâu có bắt gặp. Vì ta đã bắt

gặp tội của người này khiến không vui nên phải nói ra. Còn những Tỳ-kheo khác nếu bắt gặp thì cũng sẽ không vui và cũng sẽ nêu tội. Sự tranh tụng cứ như vậy kéo dài tăng trưởng không dừng, không thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn những tội đã làm, khiến cho dừng lại. Từ ngày hôm nay ta tự mình từ bỏ nó, như mình nộp thuế.' Như vậy Tỳ-kheo cử tội nên khéo y cứ vào tư duy đúng, để nội tĩnh quán sát.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, người có tội và người cử tội phải y cứ vào tư duy đúng, tự quán sát đừng để cho sự ngang ngạnh tăng trưởng thêm lên. Này các Tỳ-kheo, không nên tranh tụng nữa, nếu việc tranh tụng có khởi lên thì có thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn khiến nó dừng lại."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 497. CỬ TỘI[1546]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác, khiến cho tâm an trụ, thì cần có bao nhiêu pháp để được cử tội người khác?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyến, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu pháp để tự an được tâm mình?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội phải nhờ vào năm pháp khiến cho tâm mình được an. Phải nghĩ rằng, ‘Người này do đâu mà biết được? Hãy là sự thật chứ đừng là không thật. Mong cho đúng thời, chứ đừng khiến phi thời. Mong cho vì ích lợi chứ đừng khiến không vì ích lợi. Mong nhu nhuyến, đừng khiến thô bạo. Mong là từ tâm, đừng khiến sân hận. Này Xá-lợi-phất, người bị cử tội phải đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy có sự cử tội người khác mà không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời, chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm. Bạch Thế Tôn, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật đó, phải dùng bao nhiêu pháp vì lợi ích khiến cho hối cải?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích khiến cho hối cải. Nên nói với người ấy rằng, ‘Trưởng lão, hôm nay Trưởng lão cử tội, không thật chứ chẳng phải thật; Trưởng lão nên hối cải. Phi thời chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm; Trưởng lão nên hối cải.’ Này Xá-lợi-phất, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật, thì phải dùng năm pháp vì lợi ích này, khiến cho hối cải, cũng khiến cho Tỳ-kheo trong vị lai không vì người khác mà cử tội không đúng sự thật.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khiến cho không bị hối hận[1547]?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, thì phải nhờ vào năm pháp để không tự mình phải hối hận. Người này phải nghĩ như vầy, ‘Tỳ-kheo kia cử tội không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải thời; không vì lợi ích chứ chẳng phải vì lợi ích, thô bạo chứ chẳng phải nhu nhuyến, sân hận chứ không phải từ tâm. Ta thật sự không phải hối hận.’ Tỳ-kheo bị cử tội không

thật đó phải nhờ vào năm pháp này để tự an tâm mình, không tự mình phải hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận; Tỳ-kheo cử tội đúng đó nên bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên bằng năm pháp vì lợi ích để khiến cho không bị hối hận. Nên nói như vầy, 'Trưởng lão, ngài đã cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải phi thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận.' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào cử tội đúng thì phải bằng năm pháp lợi ích này để khiến Tỳ-kheo đó không bị hối hận và cũng để cho Tỳ-kheo vị lai cử tội người khác đúng mà không bị hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng năm pháp lợi ích này để không bị hối hận. Nên nói như vầy, 'Tỳ-kheo này cử tội đúng chứ không phải không đúng, ông chớ hối hận; đúng thời chứ không phải phi thời; nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, ông chớ hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận, thì phải dùng bao nhiêu pháp để tự giải tỏa đối với sân hận?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì phải dùng năm pháp để tự giải tỏa. Nên nói với người ấy rằng, 'Trưởng lão, Tỳ-kheo cử tội ông là đúng sự thật chứ không phải không thật, ông chớ sân hận… cho đến từ tâm chứ không phải sân hận.' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì nên dùng năm pháp này để đối với sân hận được giải tỏa."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có người cử tội đúng, có người không đúng; đối với hai người này con tự an tâm. Nếu kia đúng sự thật thì con phải tự biết. Nếu kia không đúng thì con phải tự hóa giải rằng, 'Điều đó không đúng, nay ta tự biết là không có lỗi này.' Bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như những gì Thế Tôn đã dạy trong kinh Thí dụ xẻ gỗ[1548], dạy các Sa-môn: 'Nếu có giặc đến bắt ông, rồi dùng cưa, cưa xẻ thân ông. Các ông đối với giặc mà khởi lên niệm ác, nói lời ác, thì tự sanh ra chướng ngại. Cho nên, Tỳ-kheo, nếu bị giặc dùng cưa, cưa xẻ thân các ông, các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại mình mà thôi. Đối với những người đó nên sanh lòng từ bi, không oán hận; chứng nhập, thành tựu và trú với từ tâm cùng khắp bốn phương cảnh giới.' Cho nên, bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như lời Thế Tôn đã dạy, đối với cái khổ thân bị cưa xẻ mà còn tự an nhẫn; huống chi những cái khổ nhỏ nhặt, hay những lời phỉ báng nhỏ nhặt mà không an nhẫn được. Vì mục đích của Sa-môn, vì ước muốn của Sa-môn, muốn đoạn trừ pháp bất thiện, muốn tu tập pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn trừ; và đối với pháp thiện thì nên phương tiện tu tập tinh cần, khéo tự phòng ngừa, buộc niệm tư duy, không để buông lung. Hãy tu học như vậy."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu con cử tội Tỳ-kheo khác, đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; có nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, nhưng có Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn ôm lòng thù hận."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo loại nào khi nghe cử tội mà sanh tâm thù hận?"

Xá-lợi-phất bạch phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng năng tu học, không tự tỉnh quán sát, vì kế sống mà xuất gia, không vì cầu Niết-bàn; những người như vậy nghe con cử tội liền sanh sân nhuế."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Những hạng Tỳ-kheo nào nghe ông cử tội mà không sân hận?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào tâm không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, không bỏ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, không vì kế sống; những Tỳ-kheo như vậy nghe con cử tội thì hoan hỷ nhận lãnh như uống cam lộ. Như người nữ dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được hoa đẹp đẽ, yêu thích, đội lên đầu, cài lên đầu. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, chánh tín, có hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, siêng tu tập, tự tỉnh giác, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn, thì Tỳ-kheo như vậy khi nghe con cử tội vui vẻ nhận lãnh như uống cam lộ."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu Tỳ-kheo nào cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng hạnh Sa-môn, không cầu Niết-bàn, vì kế sống xuất gia, thì đối với Tỳ-kheo như vậy không nên dạy dỗ và nói chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này phá phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, không lừa gạt, có lòng tin, hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, chí sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, thì những Tỳ-kheo như vậy phải nên dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này thường tu phạm hạnh, có thể tự đứng vững."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 498. NA-LA-KIỀN-ĐÀ[1549]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Na-la-kiền-đà, trong vườn Am-la của người bán y[1550]. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ[1551] của Thế Tôn, huống lại là hơn!"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất! Lành thay những lời nói hi hữu đệ nhất này, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tự nói tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ của Thế Tôn, huống lại là hơn!"

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có thể biết rõ về tăng thượng giới của Phật quá khứ chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Đức Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết rõ tăng thượng giới của Phật vị lai, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết rõ giới tăng thượng của Phật hiện tại, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu ông không biết trong tâm của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại sở hữu các pháp đó, thì tại sao ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tán thán như vầy: 'Con tin sâu xa về Thế Tôn rằng: trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng trí tuệ Thế Tôn, huống lại là hơn!'"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết giới hạn trong tâm[1552] của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng con có thể biết giới hạn về pháp[1553] của chư Phật Thế Tôn. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, càng lúc càng sâu xa, càng lúc càng thù thắng, càng lúc càng tăng thượng, càng lúc càng vi diệu. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, khi biết một pháp tức thì đoạn một pháp, biết một pháp liền chứng một pháp, biết một pháp tức thì tu tập một pháp, cứu cánh đối với pháp. Cho nên đối với Đại Sư lòng tin được thanh tịnh và tâm được thanh tịnh. Thế Tôn là Bậc Đẳng Chánh Giác.

"Bạch Thế Tôn, như quốc vương có thành trì ở biên giới, vòng thành vây quanh vuông vức, bốn mặt kiên cố, chắc chắn, chỉ có một cửa, không có cửa thứ hai, sai người đứng giữ cửa; nhân dân ra vào đều từ cửa này. Việc đi ra hoặc đi vào, tuy người giữ cửa này không biết số người nhiều hay ít, nhưng biết nhân dân chỉ đi từ cửa này, không đi chỗ khác. Cũng vậy, con biết chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ, đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Chư Phật Thế Tôn đời vị lai cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú

bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Ngày nay, chư Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác hiện tại cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Này Xá-lợi-phất, chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại thảy đều đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 499. THẠCH TRỤ[1554]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Khi ấy có Tỳ-kheo Nguyệt Tử[1555] là đệ tử của Đề-bà-đạt-đa[1556], đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, chào hỏi xong đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thường thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe không?"

Nguyệt Tử thưa:

"Thưa, có thuyết pháp."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp thế nào?"

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp như vầy: ‘Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà tu tâm[1557], Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận rằng, ta đã ly dục, giải thoát khỏi năm dục công đức.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Đề-bà-đạt-đa của ông sao không thuyết pháp như vầy, ‘Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, lìa tâm dục, lìa tâm sân nhuế, lìa tâm ngu si, được pháp không tham, được pháp không sân và không si, không trở lại pháp dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu; thì Tỳ-kheo ấy có thể tự xác nhận, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’?”

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa:

“Vị ấy không thể như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất.”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Nếu có Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như gần thôn ấp có núi đá lớn, không thể cắt đứt được, không thể phá nát và xuyên thủng được, nó dày đặc và kín mít. Giả sử có gió từ phương Đông thổi tới, không thể làm cho nó lay động, cũng không thể vượt qua nó để đến phương Tây. Cũng vậy, gió từ phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc thổi đến cũng không thể làm cho nó lay động và vượt qua khỏi nó. Cũng vậy, Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như cột đồng nhân-đà[1558] được cắm sâu vào trong đất, đắp đất lên chặt kín, gió bốn phía có thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo

này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, cắm vào lòng đất tám khuỷu tay, gió bốn phương thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như người đốt lửa chưa cháy, cháy rồi thì không đốt nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 500. TỊNH KHẨU[1559]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó.

Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Khất thực xong, ngồi dưới bóng cây thọ trai. Trong lúc ấy có nữ ngoại đạo xuất gia Tịnh Khẩu[1560] từ trong thành Vương xá đi ra có chút việc, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi ăn dưới bóng cây, bà tiến đến hỏi:

“Sa-môn đang ăn phải không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Vâng, đang ăn.”

Lại hỏi:

"Sao, Sa-môn cúi mặt xuống[1561] mà ăn."

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Ngửa mặt lên[1562] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Xoay mặt bốn phương[1563] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không"

Lại hỏi:

"Xoay mặt bốn góc[1564] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Tôi hỏi Sa-môn đang ăn phải không, Sa-môn đáp là đang ăn. Tôi hỏi ngửa mặt lên mà ăn chăng? Sa-môn đáp là không; hỏi cúi mặt xuống mà ăn chăng? Sa-môn đáp không; hỏi xoay mặt bốn phương mà ăn chăng? Sa-môn đáp là không; hỏi xoay mặt bốn góc mà ăn chăng? Sa-môn đều trả lời không. Những gì Sa-môn nói như vậy là có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Này tỷ muội, những Sa-môn, Bà-la-môn có kiến thức về sự vật[1565], có kiến thức về hoành pháp[1566], kiếm ăn một cách tà mạng; những Sa-môn, Bà-la-

môn này cúi mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào ngước mặt nhìn xem hiện tượng trăng sao, kiếm ăn một cách tà mạng như vậy; Sa-môn, Bà-la-môn này ngửa mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm sứ giả cho người khác, kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn phương mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm thuốc trị các thứ bệnh[1567], kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn góc mà ăn. Này tỷ muội, tôi không thuộc vào cách kiếm ăn theo bốn thứ tà mạng này, mà tôi chỉ theo đúng pháp kiếm ăn để tự nuôi sống. Cho nên, tôi nói là không phải là bốn cách ăn tà mạng đó.”

Khi xuất gia ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ từ giã, rồi bà đi đến chỗ ngã tư đường trong thành Vương xá, khen ngợi rằng: ‘Sa-môn Thích tử nuôi sống chân chính[1568], tự nuôi sống rất chân chính! Nếu người nào muốn bố thí cúng dường, thì nên cúng dường cho Sa-môn Thích tử; nếu muốn tạo phước, thì nên đến Sa-môn Thích tử tạo phước.”

Lúc ấy các Sa-môn ngoại đạo nghe xuất gia nữ ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu khen ngợi Sa-môn họ Thích, bèn khởi tâm tật đố hại bà ấy. Nữ ngoại đạo ấy bị họ hại chết, được sanh lên cõi trời Đâu-suất, nhờ sanh lòng tin đối với Tôn giả Xá-lợi-phất.

---o0o---

KINH 501. THÁNH MẶC NHIÊN[1569]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

“Một thời, Thế Tôn ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà; tôi đang ở trong núi Kỳ-xà-quật này, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vầy: ‘Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo mà giác và quán đã dứt[1570], nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do đinh sanh, chứng và an trú Nhị thiền, đó gọi là sự im lặng của bậc Thánh.’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhiều lần.’ Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm lại khởi có giác, có quán. Bấy giờ, Đức Thế

Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, tức thì Ngài biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra trong núi Kỳ-xà-quật, trước mặt tôi. Ngài nói với tôi rằng:

"Này Mục-kiền-liên, ông nên im lặng như bậc Thánh, chớ sanh buông lung.

"Tôi nghe Đức Thế Tôn nói xong, liền xa lìa hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trụ Nhị thiền. Ba lần như vậy, Phật cũng dạy tôi ba lần: 'Ngươi nên im lặng như bậc Thánh chớ buông lung.' Tôi lại dứt hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị[1571] thiền.

"Nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp[1572], thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được vương pháp, không tinh cần phương tiện mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi."

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 502. VÔ MINH[1573]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

"Khi Đức Thế Tôn ở thành Vương xá, tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vầy: 'Thế nào gọi là Thánh trụ?'[1574] Lại nghĩ tiếp: 'Nếu có Tỳ-kheo nào không niệm tất cả tướng, vô tướng, tự thân tác chứng, thành

tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm[1575], thì đó gọi là Thánh trụ.' Tôi lại nghĩ: 'Ta nên ở nơi Thánh trụ này, không niệm tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm,' và an trụ nhiều lần. Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm chấp tướng[1576] lại sanh.' Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức thần thông biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra ở núi Kỳ-xà-quật, đến trước tôi, nói tôi rằng: 'Này Mục-kiền-liên, ông nên trụ nơi sự an trụ của bậc Thánh, chớ sanh buông lung.' Tôi nghe Đức Thế Tôn dạy xong, liền lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm. Ba lần như vậy; Thế Tôn cũng ba lần đến dạy tôi: 'Ngươi nên an trụ nơi Thánh trụ, chớ sanh buông lung.' Tôi nghe xong, liền xa lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm.

"Các Đại đức, nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp[1577], thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được hưởng vương pháp, không tinh cần phương tiện, mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi."

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 503. TỊCH DIỆT[1578]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nan cùng ở chung một phòng nơi vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, vào cuối đêm, trời gần sáng[1579], Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Lạ thay, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Hôm nay Tôn giả trụ trong tịch dieật chánh thọ[1580], tôi không nghe tiếng thở[1581] của Tôn giả.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời:

“Đó không phải là tịch diệt chánh thọ mà chỉ an trụ thô chánh thọ[1582]. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm nay tôi đã hầu chuyện với Đức Thế Tôn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Thế Tôn đang trú tại vườn Cấp cô độc, nước Xá-vệ, cách đây rất xa, làm sao cùng nói chuyện? Hiện tại Tôn giả đang ở Trúc viên, vậy làm sao hầu chuyện? Hay là Tôn giả đã dùng sức thần thông để đến chỗ Thế Tôn, hay Thế Tôn đã dùng sức thần thông đến chỗ Tôn giả?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi không dùng sức thần thông đến chỗ Đức Thế Tôn và Thế Tôn cũng không dùng thần thông để đến chỗ tôi. Nhưng đối với những lời Phật ở trong thành Vương xá, nước Xá-vệ, tôi vẫn nghe được; vì Thế Tôn và tôi đều có thiên nhãn và thiên nhĩ, nên tôi có thể hỏi Thế Tôn, được nói là ân cần tinh tấn. Thế nào là ân cần tinh tấn? Thế Tôn trả lời tôi: ‘Này Đại Mục-kiền-liên, ban ngày nếu Tỳ-kheo nào đi kinh hành hay ngồi thiền, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Đầu hôm hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Vào giữa đêm ra khỏi phòng, rửa chân, trở vào nằm nghiêng sang hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ muốn trỗi dậy. Đến cuối đêm, thức dậy từ từ, hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Này Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo ân cần tinh tấn.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thật là có sức thần thông lớn, sức công đức lớn, an tọa mà ngồi. Tôi cũng có sức lớn, được cùng ở chung với Tôn giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ví như núi lớn có người cầm một hòn đá nhỏ ném vào, đá cùng màu vị với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với sức lớn, đức lớn của Tôn giả, ngồi cùng chỗ ngồi. Cũng như vật đẹp đẽ tươi tốt của thế gian được mọi người tôn trọng; đức lớn, sức lớn của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng được những người phạm hạnh cung kính tôn trọng. Nếu ai

được gặp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, qua lại kết giao, cung kính cúng dường, người ấy được ích lớn. Nay tôi được cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên kết giao qua lại, cũng được thiện lợi.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Nay tôi được cùng với bậc Đại trí, Đại đức Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi, cũng giống như cầm hòn đá nhỏ ném vào núi lớn, thì đá cùng màu với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi và làm bạn nhau.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ giã về chỗ của mình.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 19

KINH 504. XAN CẤU[1583]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, trong thành Vương xá[1584]. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc bấy giờ, vua Thích Đề-hoàn Nhân đang ở trên ngôi lầu Thượng diệu[1585]. Đêm hôm đó, ông đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng của Thích Đề-hoàn Nhân[1586] chiếu rực khắp cả núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân ngồi xuống và đọc bài kệ:

Điều phục tánh keo kiệt,

Đại đức tùy lúc thí,

Là bậc hiền bố thí,

Đời sau thấy thù thắng[1587].

Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Đế Thích:

“Này Kiều-thi-ca[1588], thế nào là điều phục tánh keo kiệt, để thấy nơi thù thắng mà ông nói rằng:

Điều phục tánh keo kiệt,

Đại đức tùy lúc thí,

Là bậc hiền bố thí,

Đời sau gặp thù thắng.

Khi ấy, Đế Thích đáp:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều kính lễ con. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, con được đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều cung kính làm lễ. Do thấy quả báo này, nên nói bài kệ đó.

“Lại nữa, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cho đến chỗ mà mặt trời đi khắp, chiếu sáng khắp chỗ, đến ngàn thế giới, ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, ngàn Phất-bà-đề-xá, ngàn Uất-đa-la-đề-xá, ngàn Cù-đà-ni-ca, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Tứ thiên vương, ngàn Tam thập tam thiên, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, ngàn Phạm thiên gọi là tiểu thiên thế giới; và trong tiểu thiên thế giới này, không có cung điện nào sánh bằng cung điện Tỳ-xà-diên[1589]. Cung điện Tỳ-xà-diên có một trăm lẻ một lầu quán; quán có bảy lớp; lớp có bảy phòng; phòng có bảy thiên hậu; mỗi thiên hậu có bảy thị nữ. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ở tiểu thiên thế giới không có đường quán trang nghiêm như Tỳ-xà-diên. Con thấy do điều phục tánh keo kiệt, mà có được diệu quả này, nên con nói kệ đó.”

Đại Mục-kiền-liên nói với trời Đế Thích:

“Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca, ông nhờ thấy được quả báo thắng diệu này nên nói bài kệ vừa rồi.”

Khi ấy Thiên đế Thích nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, liền biến mất.

---o0o---

KINH 505. ÁI TẬN[1590]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình nơi chỗ vắng thiền tịnh tư duy và nghĩ rằng: Thuở xưa, có lần Thích Đề-hoàn Nhân, ở trong hang đá núi Giới cách[1591], đã hỏi Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát[1592]. Thế Tôn đã vì ông mà nói, nghe xong ông đã tùy hỷ. Dường như ông ấy còn muốn hỏi lại nghĩa nào đó nữa[1593]. Nay ta nên đi đến hỏi về ý tùy hỷ của ông. Nghĩ như vậy rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên biến khỏi núi Kỳ-xà-quật, đến cõi trời Tam thập tam và đứng không xa một cái ao Phân-đà-lợi[1594] mấy. Lúc ấy, Đế Thích cùng năm trăm thể nữ đang nô đùa nơi ao tắm và có cả âm thanh mỹ diệu của các Thiên nữ. Bấy giờ Đế Thích từ xa trông thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, liền bảo các Thiên nữ:

"Đừng hát nữa! Đừng hát nữa!"

Các Thiên nữ liền im lặng. Đế Thích liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi lui đứng qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi trời Đế Thích:

"Trước kia, ở trong núi Giới cách, ông có hỏi Đức Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát, khi nghe rồi tùy hỷ, vậy thì ý ông thế nào? Vì nghe Phật nói xong tùy hỷ, hay là còn muốn hỏi nghĩa nào khác nữa, mà ông tùy hỷ?"

Thiên đế Thích đáp:

"Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cõi trời Tam thaạp tam của con, đa phần là say đắm buông lung theo dục lạc; hoặc nhớ việc trước, hoặc có khi không nhớ. Đức Thế Tôn hiện ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Tôn giả muốn biết những việc con hỏi khi ở trong núi Giới cách, nay xin Tôn giả có thể đến hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy sao thì Tôn giả cứ theo đó mà thọ trì. Bây giờ, ở chỗ này của con có một cung điện[1595] tốt đẹp, mới làm xong chưa bao lâu, mời Tôn giả vào viếng thăm."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng với Thiên đế Thích đi vào cung điện. Các Thiên nữ vừa thấy Đế Thích đến, liền trổi nhạc trời, ca múa. Đồ vật trang sức bằng anh lạc trên thân họ phát ra âm thanh vi diệu hợp với ngũ nhạc, như âm thanh của những nốt nhạc được trổi hay không khác. Các Thiên nữ chợt thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tất cả đều hổ thẹn, trốn núp vào trong phòng. Khi ấy, Thiên đế Thích thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả xem đất của cung điện này rất bằng phẳng; tường vách, cột kèo, lầu gác, cửa nẻo, màn lưới tất cả đều trang hoàng tốt đẹp."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Đế Thích:

"Này Kiều-thi-ca, nhờ nhân duyên phước đức đã tu thiện pháp trước đây, nên mới thành tựu được kết quả vi diệu này."

Đế Thích ba lần tự khen ngợi như trên, rồi hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ba lần trả lời như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nghĩ: Nay, Đế Thích này tự quá buông lung, đắm trước nơi trú xứ của giới thần[1596], ca ngợi đường quán này. Ta sẽ làm cho tâm ông sanh nhàm chán xa lìa.

Tôn giả liền nhập định, dùng sức thần thông, dùng một ngón chân bấm vào ngôi đường quán này, làm cho tất cả đều chấn động. Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biến mất. Các Thiên nữ thấy đường quán bị đảo lộn, rung chuyển, thì hoảng hốt sợ hãi, vội vàng chạy đến tâu với Thiên đế Thích:

"Đây là Đại Sư của Kiều-thi-ca, có sức công đức lớn như vậy ư?"

Đế Thích bảo các Thiên nữ:

"Vị ấy chẳng phải là Thầy của ta, mà là Đại Mục-kiền-liên, đệ tử của Đại Sư, là người có phạm hạnh thanh tịnh và có công đức thần lực rất lớn."

Các Thiên nữ thưa:

"Lành thay! Kiều-thi-ca, có được người đồng học, mà có phạm hạnh, công đức, thần lực lớn lao như vậy, huống gì là công đức, thần lực của Bậc Đại Sư thì không biết thế nào nữa!"

---O0O---

KINH 506. ĐẾ THÍCH[1597]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên tảng đá mềm xốp màu xám[1598], tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la[1599], loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la[1600], không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, toàn thể bốn chúng cùng đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, lễ dưới chân, rồi cùng ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Tôn giả có biết Đức Thế Tôn đang an cư ở đâu không?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Tôi nghe Thế Tôn đang ở trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam."

Sau khi nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, tất cả bốn chúng đều tùy hỷ, hoan hỷ, đứng dậy làm lễ mà lui.

Bấy giờ bốn chúng đã qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả ngồi im. Khi ấy, bốn chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên biết, chúng tôi không được gặp Đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn gặp Đức Thế Tôn. Xin Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng tôi mà lên cõi trời Tam thập tam, thay cho chúng tôi hầu thăm Đức Thế Tôn, có được ít bệnh ít não, đi đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Và Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn là bốn chúng ở Diêm-phù-đề mong muốn gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Đức Thế Tôn được, còn trời Tam

thập tam vì có thần lực nên họ đi xuống nhân gian! Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đề."

Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Khi bốn chúng biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã im lặng nhận lời rồi, thì mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với vô lượng quyến thuộc của Thiên chúng cõi trời Tam thập tam đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trông thấy Đức Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: 'Nay Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng chư Thiên đang vây quanh, không khác gì chúng hội ở cõi Diêm-phù-đề.'

Khi ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, bèn nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Này Đại Mục-kiền-liên, không phải là vì tự lực, mà khi Ta muốn thuyết pháp cho chư Thiên thì chư Thiên kia liền vân tập đến và muốn khiến cho họ đi, thì họ lập tức trở về. Chư Thiên kia theo tâm Ta mà đến, tùy tâm Ta mà đi."

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Có vô số đại chúng chư Thiên vân tập. Trong Thiên chúng này, phải chăng có vị đã từng nghe pháp được thuyết từ Phật Thế Tôn, đã chứng đắc bất hoại tịnh[1601], nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này?"

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy! Trong hàng chư Thiên đang vân tập ở đây, có vị đời trước nghe pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.

Khi ấy Thiên đế Thích thấy Thế Tôn và Tôn giả Mục-kiền-liên cùng khen ngợi, cùng nói chuyện với các Thiên chúng, liền thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong chúng hội chư Thiên ở đây, tất cả đều từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

Lúc đó có một Tỳ-kheo, thấy Thế Tôn và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Đế Thích trao đổi những lời tốt đẹp, Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, chư Thiên đến trong pháp hội này đều là những người từ đời trước đã từng nghe chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, sau khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

Lúc ấy có một Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con cũng đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, nên lại sanh đến đây."

Lại có Thiên tử nói:

"Con đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp."

Có vị nói:

"Đã đạt được bất hoại tịnh đối với Tăng."

Có vị nói:

"Đã thành tựu được Thánh giới, nên lại sanh đến cõi này."

Vô lượng ngàn số chư Thiên như vậy, đến trước Thế Tôn mỗi người tự ký thuyết là đã đạt được pháp Tu-đà-hoàn, tất cả ở trước Phật liền biến mất.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết chúng chư Thiên đi chưa bao lâu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên hữu, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bốn chúng ở cõi Diêm-phù-đề xin cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn và kính hầu thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, đi, đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Bốn chúng nhớ mong, trông gặp Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, bốn chúng ở nhân gian không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Thế Tôn, nhưng chư Thiên có thần lực, công đức lớn nên có thể bay xuống cõi Diêm-phù-đề! Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót bốn chúng, mà trở về cõi Diêm-phù-đề."

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Ngươi hãy trở về nói với người cõi Diêm-phù-đề rằng: Sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá[1602]."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời dạy Thế Tôn, liền nhập chánh định trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Tam thập tam biến mất, hiện đến Diêm-phù-đề, báo với bốn chúng:

"Các người nên biết, sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá."

Đúng như bảy ngày đã hẹn, Đức Thế Tôn từ cõi trời Tam thập tam trở lại Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá. Thiên long, Quỷ thần cho đến Phạm thiên, đều theo Thế Tôn xuống nơi này. Ngay lúc ấy, gọi hội này là chỗ trời xuống[1603].

---o0o---

KINH 507. CHƯ THIÊN[1604]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ có bốn mươi Thiên tử[1605] đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đại Tôn giả Mục-kiền-liên nói với các Thiên tử:

“Lành thay! Các Thiên tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng; thành tựu Thánh giới[1606].”

Bốn mươi Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên hữu, chắp tay thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Chúng con nhờ đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới, nên được sanh lên cõi Trời.”

Có một Thiên tử nói:

“Đối với Phật đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đối với Pháp đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đối với Tăng đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đã được thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi Trời.”

Bốn mươi Thiên tử đều đến trước Tôn giả đại Mục-kiền-liên, mỗi người tự thuật lại sự thành tựu của chính mình và tự xác nhận đã được quả Tu-đà-hoàn, rồi liền biến mất.

Như bốn mươi Thiên tử cũng vậy, bốn trăm, tám trăm, mười ngàn Thiên tử cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 508. ĐỒ NGƯU NHI[1607]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-xoa-na[1608] cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi mới hỏi việc này. Lúc ấy Thầy hỏi tôi sẽ trả lời Thầy."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực, đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì, Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, thân to lớn như lầu các, đi giữa hư không, đang khóc lóc, kêu gào, buồn lo, đau khổ. Thấy vậy, tôi chợt nghĩ chúng sanh này mang cái thân to lớn như thế mà cũng bị buồn lo, đau khổ quá như vậy, nên tôi mỉm cười."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì

sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ, chúng sanh có thân to lớn kia ở tại thành Vương xá này, làm người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm. Khi ra khỏi địa ngục, vì dư báo tội giết trâu bò, nên phải chịu cái thân như vậy, thường chịu những sự buồn lo đau khổ như vậy.”

Như vậy, này các Tỳ-kheo, những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 509. ĐỒ NGƯU GIẢ[1609]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-xoa-na cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

“Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay, Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Sáng nay, tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói, tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, gân với xương liền nhau, toàn thân nhơ bẩn, hôi hám đáng tởm, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói theo mổ ăn, hoặc moi nội tạng từ xương sườn ra ăn; cực kỳ đau đớn, kêu la, gào thét. Tôi thấy vậy tâm liền nghĩ: Chúng sanh đã mang cái thân như vậy, lại còn chịu sự thống khổ vô ích như vậy?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là đệ tử của người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ. Vì dư báo tội giết trâu bò, nên ngày nay phải chịu cái thân này và phải tiếp tục chịu đau khổ vô ích như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 510. ĐỒ DƯƠNG GIẢ[1610]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na[1611] cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi trong hư không, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can chó đói rượt theo cấu xé để ăn, hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn; thống khổ bức bách, kêu la, gào thét. Tôi liền nghĩ: ‘Chúng sanh này đã phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự đau đớn vô ích như vậy.’”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã làm nghề giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân như vậy, vì dư báo tội này, nên ngày nay phải tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật, không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 511. ĐỒ DƯƠNG ĐỆ TỬ[1612]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn, không có da bao bọc, giống như một đống thịt đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm đệ tử của người giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân này, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 512. ĐỌA THAI[1613]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn không da, giống như một đống thịt đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này này thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, tự phá thai. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Vì dư báo này nên vị ấy phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 513. ĐIỀU TƯỢNG SĨ[1614]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông; lông như cây kim lớn, mỗi cây kim đều có lửa cháy, đốt ngược lại thân thể, đau buốt tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm nghề luyện voi. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như người luyện voi, cũng vậy người luyện ngựa, luyện trâu bò, dèm siểm người và đủ các thứ khổ bức hiếp người, lại cũng như vậy.[1615]

---o0o---

KINH 514. HIẾU CHIẾN[1616]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rực lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa thích chiến tranh, dùng đao kiếm chém giết người. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 515. LIỆP SƯ[1617]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông tua tủa như tên, tất cả đều bốc lửa, trở lại đốt cháy chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 516. SÁT TRƯ[1618]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như chỉa như mâu, Tất cả đều bốc lửa cháy trở lại thiêu đốt chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là kẻ đồ tể giết heo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 517. ĐOẠN NHÂN ĐẦU[1619]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn, không có đầu, hai bên có mắt, trước ngực có miệng, thân thể thường chảy máu, các loài trùng rúc rỉa, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa cắt đầu người. Vì tội này nên ở trong trăm ngàn năm đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như chặt đầu người, nắm đầu người cũng như vậy.

---o0o---

KINH 518. ĐOÀN ĐỒNG NHÂN[1620]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh, dịch hoàn như cái lu nước[1621], ngồi thì xoạc chân lên trên, đi thì phải vác lên vai... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm thợ đúc đồng, làm đồ giả, gạt người[1622]. Vì tội này nên đọa vào địa ngục. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như người thợ đúc đồng, cũng vậy người cân lường dối trá, kẻ thôn chủ, kẻ chủ chợ cũng lại như vậy.

---o0o---

KINH 519. BỔ NGƯ SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lấy cái lưới đồng hoặc sắt tự quấn vào thân mình, lửa thường cháy đỏ trở lại đốt thân người đó, đau đớn tận xương tủy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bắt cá. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như người bắt cá, cũng vậy bắt chim, lưới thỏ lại cũng như vậy[1623].

---o0o---

KINH 520. BỐC CHIÊM NỮ[1624]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh[1625] trên đầu có cái cối sắt, hừng hực lửa đỏ,

xoay lại nghiền tán đầu của người đó, đi giữa hư không, chịu vô lượng khổ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là người nữ làm thầy bói đoán tướng[1626], chuyên hành nghề bói toán, dối gạt, mê hoặc người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 521. BỐC CHIÊM SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân tự chuyển động xoay như gió xoáy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bói toán mê hoặc nhiều người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 522. HÁO THA DÂM[1627]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lưng gù đi lom khom[1628], bộ dạng như sợ hãi, đồ mặc toàn thân đều bốc lửa, trở lại đốt thân, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa làm việc tà dâm. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 523. MẠI SẮC[1629]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào buổi sáng sớm cùng vào thành Ba-la-nại khất thực. Giữa đường Tôn giả Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Thường khi Đức Thế Tôn và các đệ tử của Ngài vui vẻ, mỉm cười là có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Chúng ta hãy đi khất thực xong, khi trở về trước Thế Tôn sẽ hỏi việc này."

Bấy giờ, cả hai vào thành khất thực, ăn xong, trở về rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Sáng nay giữa đường vì lý do gì Thầy lại vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân đầy máu mủ, hôi hám, dơ nhớp, đi giữa hư không, bị chim, quạ, chó sói, chó đói rượt theo cấu xé để ăn. Kẻ ấy khóc lóc, kêu gào. Tôi liền nghĩ: 'Chúng sanh này phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự thống khổ như vậy, sao mà đau đớn thay!'"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Ba-la-nại này, là người nữ buôn bán nhan sắc để sanh sống. Bấy giờ có Tỳ-kheo theo Phật Ca-diếp xuất gia. Người con gái ấy đem lòng không trong sạch mời vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo này trực tâm, nhận lời mời, không hiểu được ý cô. Cô gái nổi giận, lấy nước bất tịnh tạt vào mình Tỳ-kheo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo tội này, nên nó phải mang thân này, tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

---o0o---

KINH 524. SÂN NHUẾ ĐĂNG DU SÁI[1630]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* ta ở giữa đường thấy một chúng sanh[1631] thân hình to lớn, toàn thân lửa cháy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào, chịu đau đớn khổ não... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, là đệ nhất phu nhân của Tự tại vương[1632]. Khi cùng ngủ với nhà vua, bỗng nổi lòng sân hận, lấy dầu thắp đèn rưới lên người vua. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 525. TẮNG TẬT BÀ-LA-MÔN[1633]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói ta ở giữa đường thấy một chúng sanh toàn thân nhơ nhớp, bôi đầy phẩn uế và cũng ăn phẩn uế, đi giữa hư không, hôi hám khổ não, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, làm thầy Bà-la-môn của Tự tại vương. Vì tâm tật đố nên khi thỉnh chúng Thanh văn của Phật Ca-diếp thọ trai, ông đã lấy phẩn uế bôi lên trên thức ăn, thử xúc não chúng Tăng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---O0O---

KINH 526. BẤT PHÂN DU[1634]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ta ở giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, trên đầu đội một cái vạc bằng đồng lớn sôi sùng sục, trào ra rưới khắp thân thể, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia ở chỗ Phật Ca-diếp, làm Tỳ-kheo tri sự. Có nhiều thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ-kheo. Bấy giờ, có nhiều khách Tỳ-kheo. Vị tri sự này không chia dầu đúng thời, đợi cho các Tỳ-kheo khách đi rồi mới chia. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 527. ĐẠO THỦ THẤT QUẢ[1635]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, có hòn sắc nóng ra vào từ thân, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia trong pháp Phật Ca-diếp, làm Sa-đi giữ vườn trái của chúng Tăng, trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 528. ĐẠO THỰC THẠCH MẬT[1636]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, lưỡi rộng dài, thấy có búa bén lửa đỏ rực, búa này cắt lưỡi người ấy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, dùng búa cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng; đường phèn dính trên lưỡi búa, lấy cắp ăn. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 529. ĐẠO THỦ NHỊ BÍNH[1637]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, có hai cái vòng sắt ở hai bên hông, bốc lửa xoay vần trở lại thiêu đốt thân họ, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, cắp lấy hai cái bánh kẹp vào nách. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 530. TỲ-KHEO[1638]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, dùng một lá sắt quấn vào thân, áo quần, chăn mền, giường nằm đều là sắt nóng, tất cả đều bị đốt cháy hừng hực, ăn hòn sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào; cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, đi xin y áo và vật thực cho chúng Tăng; cúng dường Tăng xong, còn dư liền tự mình thọ dùng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Tỳ-kheo, cũng vậy Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

---o0o---

KINH 531. GIÁ THỪA NGƯU XA[1639]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh to lớn, mang trên cổ chiếc xe sắt đang cháy, chặt đứt gân cổ, tiếp đến chân tay, gân quấn

quanh cổ họ, đi trên đất sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, đánh xe bò để sanh sống. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 532. MA-MA-ĐẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, bị các cây đinh sắt nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế[1640], quở trách các Tỳ-kheo rằng: 'Này các Trưởng lão, các ông nên đi khỏi chỗ này, ở đây đạm bạc không thể cung cấp được. Mỗi người tùy ý tìm nơi sung túc, đầy đủ cơm áo, giường chiếu thuốc men, chữa bệnh, chắc có thể đầy đủ không thiếu'. Các Tỳ-kheo ở trước đó đều bỏ đi, còn khách Tăng nghe thế cũng không đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 533. ÁC KHẨU HÌNH DANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, hình tướng như Tỳ-kheo, quấn tấm sắt làm y phục, toàn thân bị thiêu đốt, cũng lấy bát sắt đựng viên sắt nóng để ăn... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế, bằng ác khẩu hình dung tên các Tỳ-kheo, hoặc nói đây là ông trọc xấu xa, đây là ông tác phong xấu, đây là ông y phục xấu. Do những lời nói ác như vậy khiến cho các Tỳ-kheo ở trước đó bỏ đi, các Tỳ-kheo chưa đến không muốn đến. Do toại này cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 534. HẢO KHỞI TRANH TỤNG[1641]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng tăng, lắm mồm mép, làm mất sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo ở trước chán bỏ đi, người chưa đến không muốn đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như Đại Mục-kiền-liên là thấy chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 535. ĐỘC NHẤT (1)[1642]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm[1643]. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở nơi rừng Khủng bố[1644] nơi có nhiều cầm thú, trong núi Thất-thâu-ma-la[1645], thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở một mình chỗ vắng, thiền tịnh tư duy. Tôn giả nghĩ thầm: 'Có nhất thừa đạo[1646] khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được pháp chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.'

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết được ý nghĩ của Tôn giả A-na-luật, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay dùng thần lực biến khỏi rừng Khủng bố chỗ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la, thôn Bạt-kỳ và hiện ra trước Tôn giả A-na-luật, tại tinh xá Tòng lâm nơi thành Xá-vệ, bảo A-na-luật rằng:

"Phải chăng Thầy ở một mình nơi chỗ vắng, thiền tịnh, tư duy nghĩ rằng: 'Có đạo nhất thừa khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh

đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.’

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói Tôn giả A-na-luật:

“Thế nào gọi là tin ưa bốn Niệm xứ?”

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo nào đối với niệm xứ quán thân trên thân, tâm duyên thân, an trụ với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Cũng vậy, đối với quán niệm xứ thọ, tâm, pháp, mà an trụ với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo tin ưa bốn Niệm xứ.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bằng tam-muội chánh thọ như vậy, từ cửa tinh xá Tòng lâm nước Xá-vệ, trở về rừng Khủng bố chỗ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la nơi thôn Bạt-kỳ.

---O0O---

KINH 536. ĐỘC NHẤT (2)[1647]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Sao gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ?”

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Nếu Tỳ-kheo, đối với nội thân khởi tưởng yểm ly; đối với nội thân khởi tưởng không yểm ly; tưởng yểm ly, tưởng không yểm ly đều xả, an trụ với chánh niệm, chánh tri. Cũng vậy, ngoại thân, nội ngoại thân, cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, cảm thọ trong ngoài; tâm bên trong, tâm bên ngoài, tâm bên trong ngoài, pháp bên trong, pháp bên ngoài, pháp trong ngoài, khởi tưởng yểm ly, không khởi tưởng yểm ly, tưởng yểm ly và tưởng

không yểm ly đều xả, an trụ với chánh niệm, chánh tri. Như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập tam-muội từ tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, nhờ sức thần thông tam-muội, như lực sĩ co duỗi canh tay, trong khoảnh khắc đã trở về rừng Khủng bố đầy cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la tại thôn Bạt-kỳ.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 20

KINH 537. THỦ THÀNH DỤC TRÌ[1648]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành[1649], nước Xá-vệ.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất[1650] đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Hy hữu thay, A-na-luật! Có đại oai đức, đại thần lực[1651], do công đức gì, tu tập, tu tập nhiều mà được như vậy?"[1652]

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiên thế giới chỉ tạo ít phương tiện[1653] mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy mọi vật trên đất bằng. Cũng

như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán tiểu thiên thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả cùng bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 538. MỤC-LIÊN SỞ VẤN[1654]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, Tôn giả A-na-luật cũng đều ở nước Xá-vệ[1655].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Đối với ngàn núi Tu-di, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà có thể xem xét tất cả. Như người mắt sáng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống thấy ngàn rừng cây đa-la. Cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, thần lực lớn này, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà thấy được cả ngàn núi Tu-di. Như vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 539. A-NAN SỞ VẤN[1656]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà được thành tựu oai đức, oai lực và thần thông lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả A-nan:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết được sanh lên cõi trời. Thí như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thấy mọi người qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực thần thông lớn này; thấy tất cả chúng sanh lúc sanh, lúc chết, cõi lành, cõi ác. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà sanh vào địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thì vì

nhân duyên chánh kiến này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời.

"Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực, thần thông lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 540. SỞ HOẠN (1)[1657]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm[1658], nước Xá-vệ, thân bị bệnh khổ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả A-na-luật, bệnh của Tôn giả nặng hay nhẹ, có chịu đựng được không? Bệnh giảm dần dần, không tăng thêm chăng?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Bệnh tôi không yên, thật là khó chịu đựng, đau đớn toàn thân, càng lúc nặng thêm, không bớt."

Rồi Tôn giả nói ba thí dụ như kinh Sai-ma[1659] ở trên đã nói; rồi tiếp:

"Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, nhưng tôi vẫn chịu đựng được, với chánh niệm, chánh tri."

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tâm an trụ ở chỗ nào mà có thể chịu đựng được cái khổ lớn như vậy với chánh niệm, chánh tri?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm trụ bốn Niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể dù có bị đau đớn, cũng có thể chịu đựng được với chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ, có thể chịu đựng tất cả mọi đau đớn nơi thân, với chánh niệm, chánh tri.”

Các Tôn giả cùng nhau bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 541. SỞ HOẠN (2)[1660]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, bệnh mới vừa giảm bớt chưa bao lâu.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tôn giả có được an ổn, cảm thấy an lạc[1661] không?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Tôi được an ổn, cảm thấy an lạc. Các thứ đau đớn nơi thân thể đều đã bớt dần.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tâm trụ ở chỗ nào mà những đau nhức của thân dần dần được an ổn?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“An trụ bốn Niệm xứ, nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ. Do an trụ bốn Niệm xứ này nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn.”

Các Tôn giả bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 542. HỮU HỌC LẬU TẬN[1662]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm[1663], nước Xá-vệ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học[1664] mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?'"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Hãy an trụ nơi bốn Niệm xứ. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, tu tập nhiều, ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 543. A-LA-HÁN TỲ-KHEO[1665]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nếu Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, lìa các kết sử hữu[1666], bằng chánh trí tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ chăng?”

Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã lìa các kết sử hữu, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát; vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, hiện tại sống an lạc. Tại sao như thế? Vì tôi cũng đã lìa các hữu lậu, đã đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, tâm khéo giải thoát, cũng tu bốn Niệm xứ, để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, đến chỗ chưa đến,… *cho đến* hiện tại sống an lạc.”

Các Tôn giả bàn luận xong, đều tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi.

---o0o---

KINH 544. HÀ CỐ XUẤT GIA[1667]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả, vì cớ gì Tôn giả xuất gia ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Vì để tu tập.”

Lại hỏi:

"Tu tập những gì?"

Đáp:

"Tu các căn, tu các lực, tu các giác phần, tu các niệm xứ. Các ông muốn nghe tu những gì?"

Lại hỏi:

"Căn, lực, giác phần, những danh tự ấy chúng tôi chưa biết; huống chi là lại hỏi nghĩa. Nhưng chúng tôi muốn nghe niệm xứ."

Tôn giả A-na-luật bảo:

"Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo tu niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán pháp trên pháp."

Bấy giờ, chúng xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 545. HƯỚNG NIẾT-BÀN[1668]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

"Ví như cây lớn sanh trưởng mà nghiêng xuống dưới, càng nghiêng sâu càng muốn đổ[1669]. Nếu chặt rễ nó, cây sẽ phải ngã, thuận theo chiều nghiêng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ, lâu ngày nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến viễn ly, nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến giải thoát; nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến Niết-bàn[1670]."

Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 546. THÁO QUÁN TRƯỢNG[1671]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê[1672], xóm Bạt-lan-na[1673]. Lúc ấy có Phạm chí cầm gậy tháo quán[1674], đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Do nhân gì, duyên gì, vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau?"

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:

"Vì do bị trói buộc bởi tham dục[1675] nên vua tranh giành với vua; các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau."

Phạm chí lại hỏi:

"Do nhân gì, duyên gì, những người xuất gia tranh giành nhau?"

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Vì do bị trói buộc bởi kiến dục[1676] nên người xuất gia tranh giành với người xuất gia."

Phạm chí lại hỏi:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người nào lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này không?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Có, này Phạm chí, Đại Sư của tôi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có thể lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này."

Phạm chí lại hỏi:

"Phật Thế Tôn hiện nay đang ở chỗ nào?"

Đáp:

"Đức Thế Tôn hiện tại đang ở giữa những người Ba-la-kỳ, nơi rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Xá vệ, nước Câu-tát-la."

Bấy giờ, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai áo bên hữu, gối phải quỳ sát đất, hướng về nơi ở của Phật chắp tay tán thán: 'Nam-mô Phật! Nam-mô Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa mọi sự ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa mọi sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch hết cội gốc.'

Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tháo quán nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 547. TÚC SĨ[1677]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn Bà-la-na[1678]. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy[1679] tuổi già, các căn suy yếu, đến chỗ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi, mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?"

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

"Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi."

Phạm chí nói:

“Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niên, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc[1680]. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, hoàn toàn đẹp đẽ, mà thành tựu được pháp của bậc cao niên, thì được kể vào hàng tôn túc.”

Phạm chí hỏi:

“Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niên, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

“Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai; hương được nhận thức bởi mũi; vị được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này, mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da tắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng tôn túc.”

Bấy giờ, Phạm chí mới nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, nếu tự xét lại mình thì tuy tôi đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà đã thành tựu được pháp của bậc cao niên.

“Thưa Tôn giả, thế gian bận nhiều việc, tôi xin cáo từ.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Này Phạm chí, ông tự biết đúng thời."

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ, vui mừng rồi trở về nhà mình.

---o0o---

KINH 548. MA-THÂU-LA.[1681]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm[1682]. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phương vương tử[1683] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính con Phạm thiên[1684] từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên[1685], nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la:

"Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian[1686]. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp.

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương, tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời."

Tôn giả liền hỏi:

“Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn[1687], nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?”

Vua đáp:

“Như ý.”

Tôn giả lại hỏi:

“Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua[1688]. Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?”

Vua đáp:

“Như ý.”

“Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng.”

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng.”

“Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác.”

“Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bị chặt tay chân,

xẻo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc.”

Lại hỏi:

“Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xẻo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết.”

“Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:

“Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?”

Lại hỏi:

“Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán[1689] vua đã nghe được những gì?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào Đại vương, bốn chủng tánh như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp."

Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ vui mừng làm lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 549. CA-LÊ[1690]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-tra, nước A-bàn-đề[1691].

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào[1692] Câu-la-la-tra, tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca-lê-ca[1693].

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đảnh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa[1694]. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,

Tịch diệt mà không loạn[1695].

Hàng phục quân dũng mãnh,

Sắc đẹp đẽ đáng yêu[1696].

Một mình, chuyên thiền tứ,

Nếm Thiền lạc vi diệu,

Đó gọi là xa lìa,

Các bạn bè thế gian.

Các bạn bè thế gian,

Không gần gũi ta được.

“Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Ưu-bà-di:

“Này chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất[1697]; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này[1698]. Này chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó[1699], thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,

Tịch diệt mà không loạn.

Hàng phục quân dũng mãnh,

Sắc đẹp đẽ đáng yêu.

Một mình, chuyên thiền tứ,

Nếm Thiền lạc vi diệu,

Đó gọi là xa lìa,

Bạn bè của thế gian.

Các bạn bè thế gian,

Không gần gũi ta được.

“Này chị, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy.”

Ưu-bà-di thưa:

“Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con.”

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 550. LY[1700]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

“Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả[1701], nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất

thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như[1702]. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niệm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niệm[1703]: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niệm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại[1704]. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp luật hiện tại của Thế Tôn[1705], lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ[1706]. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái[1707]. Khi Thánh đệ tử niệm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri

giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niệm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy[1708], giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp[1709], tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bố thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức[1710], niệm: Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi nay sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra

khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 551. HA-LÊ (1)[1711]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tại tinh xá họ Thích trong thôn Ha-lê.

Bấy giờ trưởng giả Ha-lê Tụ lạc[1712] đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như bài kệ Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm[1713]:

Đoạn tất cả các dòng,

Lấp kín nguồn nước chảy;

Sống thân cận làng xóm,

Mâu ni không khen ngợi.

Năm dục đã trống rỗng.

Quyết không đầy trở lại;

Lời tranh tụng thế gian,

Chung cuộc không xảy nữa.

Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, kệ này có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời gia chủ:

"Con mắt là dòng chảy. Tham phát khởi bởi thức con mắt. Nương vào giới con mắt mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy[1714]. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là dòng chảy tham phát khởi bởi ý thức. Nương vào ý giới mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy."

Gia chủ lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thế nào gọi là không chảy trào ra[1715]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Thức của con mắt; ái và hỷ y trên sắc được nhận thức bởi mắt mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diêt, thì đó gọi là không chảy trào ra. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; là ý thức; tham dục y trên pháp được nhận thức bởi ý mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệât, thì đó gọi là không chảy trào ra."

Lại hỏi:

"Thế nào là nguồn[1716]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng."

"Thế nào là lấp nguồn của dòng này?"

"Sự hệ lụy do giới con mắt tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng. Sự hệ lụy do tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng."

Lại hỏi:

“Thế nào là thân cận, tán thán nhau?”[1717]

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Tại gia, xuất gia thân cận nhau, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khổ, việc gì cũng đều làm chung; đó gọi là thân cận, tán thán nhau.”

Lại hỏi:

“Thế nào là không khen ngợi?”[1718]

“Là tại gia, xuất gia không cùng thân cận, không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui; phàm làm việc gì cũng đều không cùng nhau vui vẻ tán thành; đó gọi là không khen ngợi.”

“Thế nào dục không trống không[1719]?”

“Có năm phẩm chất của dục; sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Tiếng bởi tai, hương bởi mũi đối với hương, vị bởi lưỡi đối với vị, xúc bởi thân đối với xúc, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Đối với năm dục này mà không lìa tham, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát, thì đó gọi là dục không trống không.”

“Thế nào gọi là dục trống không?”

“Là đối với năm dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát khao, thì đó gọi là dục trống không.”

“Nói bị hệ lụy trói buộc bởi ngã, đó là khi tâm pháp trở lại đầy[1720].

“Vị Tỳ-kheo A-la-hán kia, đã đoạn tận các lậu, cắt đứt gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa, thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng.

“Cho nên, Thế Tôn trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm bằng bài kệ:

Đoạn tất cả các dòng,

Lấp kín nguồn nước chảy;

Sống thân cận làng xóm,

Mâu-ni không khen ngợi.

Năm dục đã trống rỗng,

Quyết không đầy trở lại;

Lời tranh tụng thế gian,

Chung cuộc không xảy nữa.

Đó gọi là sự phân biệt nghĩa lý bài kệ mà Như Lai đã nói."

Bấy giờ, gia chủ Ha-lê Tụ lạc khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi ra về.

---o0o---

KINH 552. HA-LÊ (2)[1721]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê[1722] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như lúc Đức Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Thiên đế Thích[1723] rằng: 'Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự diệt tận ái[1724], tâm khéo chân chánh giải thoát, rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh'. Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyeät đối thanh tịnh?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyeät đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch dieät, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyeät đối thanh tịnh.”

Gia chủ thôn chủ Ha-lê, sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 553. HA-LÊ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như khi Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Đế Thích rằng: Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự dứt sạch ái, tâm khéo chân chánh giải thoát, đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Làm thế nào mà ở trong Pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, tốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyeät đối thanh tịnh?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi giới con mắt; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyeät đối thanh tịnh. Đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giới; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ,

thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh.”

Gia chủ thôn Ha-lê, nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 554. HA-LÊ (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ chủ thôn Ha-lê mắc bệnh khổ. Sau khi nghe, vào buổi sáng sớm, đắp y mang bát vào thôn Ha-lê khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ thôn chủ Ha-lê. Gia chủ thôn chủ Ha-lê từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, ông muốn rời chỗ nằm đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy gia chủ muốn đứng dậy, liền bảo gia chủ:

“Gia chủ chớ đứng dậy! May còn có chỗ ngồi, tôi có thể tự ngồi nơi đó.”

Tôn giả lại nói với gia chủ:

“Thế nào gia chủ, tật bệnh có chịu đựng được không? Mọi thứ đau đớn của thân thể có thuyên giảm không? Không tăng thêm chăng?”

Gia chủ đáp:

“Thưa Tôn giả, bệnh con rất khó nhẫn chịu. Những sự đau đớn của thân thể càng tăng thêm, không bớt chút nào!”

Gia chủ liền nói ba thí dụ như kinh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói trước.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Cho nên ông nên tu tập bất hoại tịnh đối với Phật, tu tập bất hoại tịnh đối với Pháp, tu tập bất hoại tịnh đối với Tăng, tu tập và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy.”

Gia chủ đáp:

“Bốn Bất hoại tịnh như Đức Phật dạy con đã thành tựu được tất cả. Hiện tại con đã thành tựu Phật bất hoại tịnh, Pháp bất hoại tịnh, Tăng bất hoại tịnh và đã thành tựu Thánh giới.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niẹâm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lấy[1725], giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bố thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh, khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia.

“Này gia chủ, như vậy nên biết nương vào bốn pháp Bất hoại tịnh và thêm sáu Niệm xứ nữa.”

Gia chủ thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bốn pháp Bất hoại tịnh và sáu Niệm xứ mà Đức Thế Tôn đã nói, ở đây, tất cả con đều thành tựu. Con đang tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ có thể tự xác nhận là đắc quả A-na-hàm."

Bấy giờ, gia chủ thưa:

"Mời Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nhận lời mời. Gia chủ thôn chủ Ha-lê, biết Tôn giả đã nhận lời, liền sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống ngon, tự tay cúng dường. Thọ trai xong, sau khi rửa bát, súc miệng, Tôn giả vì gia chủ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, xong Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 555. HA-LÊ (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Lúc đó có gia chủ ở Bát thành[1726] tên là Đà-thí[1727] thân bị bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ Đà-thí mắc bệnh, sáng sớm đắp y mang bát vào Bát thành khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ Đà-thí. Như kinh gia chủ Ha-lê đã nói như vậy.

---o0o---

KINH 556. VÔ TƯỚNG TÂM TAM-MUỘI[1728]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng An-thiền[1729] tại thành Sa-kỳ[1730].

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Phật ngồi im lặng.

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu vô tướng tâm tam-muội[1731], không vọt lên, không chìm xuống[1732], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thì vô tướng tâm tam-muội này, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là trí quả, là trí công đức.”

Khi các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau đó các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Này các tỷ muội, nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát. Thế Tôn nói là trí quả, là trí công đức.”

Các Tỳ-kheo-ni đều nói:

“Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại Sư và đệ tử có cùng một câu nói, cùng một vị, cùng một nghĩa, tức là Đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay các Tỳ-kheo-ni có đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như vậy, vị như vậy, nghĩa như vậy hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói câu như vậy, vị như vậy và nghĩa như vậy, giống như những gì Tôn giả A-nan nói không khác. Cho nên thật là kỳ đặc, Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng vị và cùng nghĩa.”

Các Tỳ-kheo-ni sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, tất cả đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 557. XÀ-TRI-LA[1733]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cù-sư-la[1734], thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la[1735] đến chỗ Tôn giả A-nan đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống[1736], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn dạy nó là trí quả, trí công đức."

Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:

"Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó, có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một vị và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa."

Sau khi Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe những gì Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạt cũng hỏi như vậy.

---o0o---

KINH 558. A-NAN[1737]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: "Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: 'Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có'. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe."

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

"Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?"

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

"Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức."

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 21

KINH 559. CA-MA[1738]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ[1739]. Bấy giờ Tôn giả A-nan và Tôn giả Ca-ma[1740] cũng ở tại tinh xá Kê lâm[1741], nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ca-ma đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi xong, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

"Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, có mắt, có sắc[1742]; có tai, có âm thanh; có mũi, có mùi; có lưỡi, có vị; có thân, có xúc; có ý, có pháp. Nhưng có Tỳ-kheo có những pháp này mà lại không giác tri được. Vì sao, Tôn giả A-nan, Tỳ-kheo này vì có tưởng nên không giác tri được, hay vì không có tưởng nên không giác tri được?"

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma:

"Người có tưởng cũng không giác tri được, huống chi là người không có tưởng!"

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Những gì là có tưởng, có pháp mà không giác tri được?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

"Nếu Tỳ-kheo nào ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, chứng và an trụ Sơ thiền; như vậy Tỳ-kheo có tưởng có pháp mà không giác tri. Cũng vậy, chứng và an trụ đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ. Như vậy Tỳ-kheo có tưởng có pháp mà không giác tri."

"Thế nào là không có tưởng, có pháp mà không giác tri?"

"Tỳ-kheo như vậy không niệm tưởng hết thảy tưởng, thân tác chứng, thành tựu và an trú vô tưởng tâm tam-muội[1743]; đó gọi là Tỳ-kheo không có tưởng, có pháp mà không giác tri."

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo nào đạt được tâm vô tướng tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đây là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

"Nếu Tỳ-kheo nào đạt được tâm vô tướng tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức[1744]."

Hai vị Tôn giả cùng nhau bàn luận rồi tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 560. ĐỘ LƯỢNG[1745]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tự xác nhận[1746] trước mặt tôi, tôi sẽ chào mừng ủy lạo rằng: Lành thay! Hoặc do suy cầu bốn đạo[1747]. Những gì là bốn? Đó là, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi mà trụ tâm như vầy: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ phân biệt chỉ quán, đối với pháp mà lượng độ, tu tập, tu tập nhiều rồi, dứt hết các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủy dụ: 'Như vậy, lành thay!' Hoaïc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ nhất.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thẳng tư duy, đối với pháp tuyển trạch, tư lương mà trụ tâm: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ chỉ quán. Như thế chánh hướng an trụ nhiều, lìa được các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủy dụ: 'Như vậy, lành thay!' Hoaïc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ hai.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị nắm giữ bởi sự động loạn, vì để điều phục tâm mà ngồi, ngồi ngay ngắn trụ tâm: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, chỉ quán, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ hóa[1748]. Như thế chánh hướng an trụ nhiều, lìa được các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủy dụ: 'Như vậy, lành thay!' Hoaïc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ ba.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chỉ và quán hòa hợp, cả hai cùng thực hành, tác ý như thế mà chánh hướng an trụ nhiều, thì sẽ dứt hết các sử. Nếu có Tỳ-

kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủy dụ: 'Như vậy, lành thay!' Hoặc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ tư[1749]."

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 561. BÀ-LA-MÔN[1750]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy, có Bà-la-môn đến chỗ Tôn giả A-nan cùng chào đón hỏi thăm, rồi ngồi lui sang một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Vì sao Tôn giả ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?"

Tôn giả A-nan trả lời Bà-la-môn:

"Vì đoạn trừ."

Bà-la-môn ấy lại hỏi:

"Thưa Tôn giả, đoạn dứt cái gì?"

"Đoạn dứt ái."[1751]

"Thưa Tôn giả A-nan, y chỉ gì để đoạn dứt ái?"

"Này Bà-la-môn, y chỉ dục[1752] để đoạn dứt ái."

"Thưa Tôn giả A-nan, há không phải không có biên tế[1753]?"

"Này Bà-la-môn, không phải không có biên tế. Quả vậy, có biên tế, không phải không có biên tế."

"Thưa Tôn giả A-nan, thế nào là có biên tế, không phải không có biên tế?"

“Này Bà-la-môn, nay tôi hỏi ông, tùy ý mà trả lời. Ông nghĩ thế nào, trước đây có ý dục đến tinh xá không?”

Bà-la-môn đáp:

“Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan!”

“Như thế, Bà-la-môn, sau khi đến tinh xá, dục kia dứt phải không?

“Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan, kia tinh tấn, phương tiện, trù lượng mà đi đến tinh xá.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Sau khi đến tinh xá thì sự tinh tấn, phương tięân, trù lượng có dứt không?”

“Đúng vậy.”

Tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn:

“Như thế, Bà-la-môn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đấng Tri giả, Kiến giả, nói bốn Như ý túc, bằng nhứt thừa đoạn mà thanh tịnh chúng sanh, diệt khổ não, đoạn ưu bi. Những gì là bốn? Như ý túc được thành tựu với sự cần hành trên dục định[1754]. Như ý túc được thành tựu với sự cần hành trên tinh tấn định, tâm định, tư duy định[1755]. Như thế Thánh đệ tử tu dục định, đoạn tham ái, thành tựu bốn Như ý túc. Y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y diệt, hướng đến xả đoạn dứt ái; tham ái dứt rồi, thì dục kia cũng dứt; tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, đoạn tham ái, thành tựu, y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y tịch diệt, hướng đến xả tham ái dứt sạch; ái dứt sạch rồi, tư duy định liền dứt.”

“Này Bà-la-môn, ý ông thế nào? Đây chẳng phải là biên tế chăng?”

Bà-la-môn thưa:

“Thưa Tôn giả A-nan, đây là biên tế chẳng phải không biên tế.”

Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 562. CÙ-SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó. Lúc ấy có trưởng giả Cù-sư-la đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

"Thưa Tôn giả A-nan, thế nào gọi là vị thuyết pháp trong thế gian? Sao gọi là thiện hướng trong thế gian[1756]? Sao gọi là thiện đáo trong thế gian[1757]?"

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la:

"Bây giờ, tôi hỏi ông, tùy ý đáp câu hỏi của tôi. Này Trưởng giả, ý ông nghĩ sao, nếu có vị thuyết pháp để điều phục tham dục, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, được gọi là vị thuyết pháp trong thế gian không?"

Trưởng giả đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nếu có vị thuyết pháp để điều phục tham dục, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, vị ấy được gọi là vị thuyết pháp trong thế gian."

Tôn giả A-nan lại hỏi trưởng giả:

"Ý ông nghĩ sao, nếu trong đời có vị hướng đến điều phục tham dục, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, đó gọi là vị thiện hướng trong thế gian. Nếu trong đời có vị đã điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, vị đó gọi là thiện đáo hay chẳng phải?"

Trưởng giả đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nếu trong đời có vị đã điều phục tham dục không dư tàn; điều phục sân nhuế, ngu si không dư tàn, vị đó gọi là thiện đáo."

Tôn giả A-nan nói:

"Tôi thử hỏi ông, ông đã chân thật trả lời nghĩa ấy như vậy, ông nên ghi nhận giữ gìn."

Trưởng giả Cù-sư-la sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan chỉ dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

---o0o---

KINH 563. NI-KIỀN[1758]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó. Lúc ấy có Vô Úy người Ly-xa[1759] là đệ tử của Ni-kiền và Thông Minh đồng tử[1760] người Ly-xa là đệ tử của A-kỳ-tỳ[1761], cả hai cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau ân cần hỏi thăm xong, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy, Ly-xa Vô Úy nói với Tôn giả A-nan:

"Thầy tôi Ni-kiền Tử đã diệt trừ pháp thiêu đốt[1762], thanh tịnh siêu xuất, đã vì các đệ tử nói đạo lý như vầy: Nghiệp của đời trước, do thực hành khổ hạnh nên chắc chắn có thể được trút bỏ[1763]; thân nghiệp chẳng tạo tác, chặt đứt cầu đò, trong đời vị lai, không còn các lậu, các nghiệp vĩnh viễn đoạn tận. Vì nghiệp đã vĩnh viễn đoạn tận nên các khổ vĩnh viễn chấm dứt; vì khổ vĩnh viễn chấm dứt nên cứu cánh biên tế khổ. Thưa Tôn giả A-nan, nghĩa này như thế nào?"

Tôn giả A-nan bảo Vô-úy:

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bâïc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất[1764], bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như[1765]. Những gì là ba? Như vậy, Thánh đệ tử sống an trụ trong tịnh giới, thọ trì Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi đầy đủ, tín nơi các tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi[1766]. Giữ gìn tịnh giới đầy đủ như vậy; nghiệp cũ dần dần trút sạch, ngay trong hiện tại được lìa nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ[1767]. Này trưởng giả Ly-xa, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bâïc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như."

Lại nữa Vô Úy, với tịnh giới đã đầy đủ như thế, mà ly dục, lìa pháp ác bất thiện... *cho đến*, chứng và an trụ đệ Tứ thiền. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói lìa nhiệt não được pháp như thật.

Lại có tam-muội chánh thọ, đối với Khổ Thánh đế này biết như thật: Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo Thánh đế biết như thật. Thành tựu một cách đầy đủ tâm trí tuệ như thế, nghiệp mới chẳng tạo, nghiệp cũ dần dần dứt sạch, ngay trong hiện tại được lìa nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ[1768]. Này trưởng giả Ly-xa, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bâïc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp như thật."

Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền Tử là Ly-xa Vô Úy, im lặng trong giây lâu. Đệ tử của A-kỳ-tỳ là Ly-xa Thông Minh lặp lại với Vô Úy rằng:

"Lạ thay, Vô Úy! Sao im lặng như vậy? Pháp được khéo giảng nói bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đấng Tri giả, Kiến giả, ông nghe mà không tùy hỷ chăng?"

Ly-xa Vô Úy đáp:

"Vì tôi đang suy nghĩ nghĩa ấy nên im lặng. Ai nghe pháp được khéo giảng nói bởi Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm, mà không tùy hỷ? Nếu có người nào nghe pháp được khéo giảng nói bởi Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm mà không tùy hỷ thì đó là kẻ ngu si, sẽ lâu dài cam chịu khổ quả, không phải nghĩa lợi, không phải hữu ích."

Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền Tử là Ly-xa Vô Úy và đệ tử của A-kỳ-tỳ là Ly-xa Thông Minh nghe lại lời nói pháp của Phật do Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

---o0o---

KINH 564. TỲ-KHEO-NI[1769]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni khởi tâm nhiễm trước đối với Tôn giả A-nan, sai người đến thưa Tôn giả A-nan:

"Thân con bị bệnh khổ, xin Tôn giả thương xót đến thăm."

Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y mang bát đến chỗ Tỳ-kheo-ni kia. Tỳ-kheo-ni kia từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, để thân thể lõa lồ nằm trên giường. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy thân thể của Tỳ-kheo-ni liền thu nhiếp các căn, đứng xoay lưng lại. Tỳ-kheo-ni kia trông thấy Tôn giả A-nan thu nhiếp các căn, đứng xoay lưng lại, liền tự cảm thấy hổ thẹn. Cô đứng lên khoác lại y phục, trải tọa cụ, đón tiếp Tôn giả A-nan, mời ngồi, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả, rồi lui đứng sang một bên.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền vì Tỳ-kheo-ni này nói pháp:

"Này cô, như cái thân này là do thức ăn uế tạp nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô, nương nơi thức ăn uế tạp thì nên dứt các thức ăn uế tạp. Nếu nương nơi kiêu mạn, thì nên dứt kiêu mạn. Nương nơi ái dục, hãy dứt ái dục.

"Này cô, thế nào gọi là nương nơi thức ăn uế tạp thì dứt thức ăn uế tạp? Thánh đệ tử đối với sự ăn uống, phải xét lường, suy nghĩ mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú, không ăn với ý tưởng kiêu mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp, mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc nên trụ như thế. Thí như khách buôn dùng dầu tô hay dầu nấu đặc để bôi xe, không có ý tưởng nhiễm trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì chuyên chở. Lại như người bị bệnh ghẻ bôi dầu không ý tưởng nhiễm trước hay ưa thích, không ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không có ý tưởng làm đẹp mà vì lành bệnh ghẻ. Như thế Thánh đệ tử xét lường mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú, không ăn với ý tưởng kiêu mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp; mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc, không lỗi lầm, trụ an ổn. Này cô, đó gọi là nương thức ăn thì dứt ăn.

"Nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn. Thế nào là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, sạch hết các hữu lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, tự biết

không còn tái sanh nữa.’ Nghe rồi liền nghĩ rằng: ‘Thánh đệ tử kia hết sạch hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn ta ngày nay, vì sao không hết hữu lậu, vì sao không tự biết không còn tái sanh nữa?’ Ngay lúc đó chắc chắn sẽ có thể dứt các hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Này cô, đó gọi là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn.

“Này cô, thế nào là nương ái thì dứt ái? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, hết sạch các pháp hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn chúng ta sao chẳng hết hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Ngay lúc ấy có thể dứt các hữu lậu tự biết không còn tái sanh nữa Này cô, đó gọi là nương ái thì ái dứt. Này cô, người không còn việc để làm, tức là người đã cắt đứt cầu đò, đoạn tuyệt dâm dục.”

Khi Tôn giả A-nan nói pháp, Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp đắc pháp, giác pháp, nhập pháp, không còn hồ nghi, chẳng do người khác, đối với Chánh pháp luật tâm không sợ hãi.

Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan và thưa:

“Ngày nay con xin phát lồ sám hối. Con ngu si, không tốt, làm ra chuyện xấu xa như thế. Nay ở nơi Tôn giả A-nan, con tự thấy lỗi lầm, tự biết lỗi, con xin phát lồ sám hối, mong Tôn giả thương xót.”

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni:

“Bây giờ cô đã chân thật tự thấy tội, biết lỗi, ngu si, bất thiện. Cô tự biết đã tạo tội xấu xa. Cô tự biết, tự thấy và ăn năn lỗi lầm, ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới. Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn khiến cô được tăng trưởng pháp lành trọn không thoái giảm. Vì sao? Vì nếu người tự thấy tội, tự biết tội, luôn sám hối thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới, pháp lành tăng trưởng, trọn không thoái giảm.”

Sau khi Tỳ-kheo-ni này nghe Tôn giả A-nan nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 565. BÀ-ĐẦU[1770]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng Tôn giả A-nan ở tại Kiều-trì[1771], du hành trong nhân gian, đi đến rừng Thân-thứ[1772], phía Bắc làng Bà-đầu[1773]

Bấy giờ các thiếu niên tại làng Bà-đầu nghe nói Tôn giả A-nan ở tại Kiều-trì, du hành trong nhân gian, đi đến rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Bà-đầu, bèn kêu gọi nhau tập hợp lại, rồi cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo các thiếu niên:

"Này các Hổ chủng[1774], Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nói bốn thứ thanh tịnh[1775]: Giới thanh tịnh, Tâm thanh tịnh, Kiến thanh tịnh, Giải thoát thanh tịnh.

"Thế nào là Giới thanh tịnh? Thánh đệ tử trụ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, oai nghi đầy đủ, đối với tội vi tế cũng sanh sợ hãi, giữ gìn các học giới, giới thân chưa trọn vẹn có thể làm cho đầy đủ hoàn toàn, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn phương tiện siêu xuất, siêng năng dũng mãnh, thân, tâm pháp luôn luôn nhiếp thọ[1776]; đó gọi là Giới tịnh đoạn.

"Này các Hổ chủng? Thế nào là Tâm tịnh đoạn? Thánh đệ tử ly dục, lìa pháp ác bất thiện chứng và an trụ đệ Tứ thiền; định thân chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ, đã đầy đủ rồi thì tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Tâm tịnh đoạn[1777].

"Này các Hổ chủng, thế nào gọi là Kiến tịnh đoạn? Thánh đệ tử nghe Đại Sư nói pháp; với pháp được nói như vậy, như vậy, thì như vậy, như vậy mà nhập chánh quán như thật, như vậy, như vậy mà được hoan hỷ, được tùy hỷ, được theo Phật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử tuy chẳng nghe Đại Sư nói pháp, nhưng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng. Nghe các vị phạm hạnh được tôn trọng nói như vậy, như vậy, thì như vậy, như vậy mà nhập chánh quán như thật, như vậy, như vậy mà được hoan hỷ, được tùy hỷ, có tín đối với Chánh pháp.

"Lại nữa, Thánh đệ tử chẳng được nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói. Chỉ nghe những điều đã nghe và thọ trì trước kia, đọc đi đọc lại tập quen. Sau khi thọ trì những điều đã nghe trước kia mà đọc đi đọc lại như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

“Lại nữa Thánh đệ tử chẳng nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói lại, cũng chẳng có thể đọc lại những điều đã được thọ trì trước kia, nhưng với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác; với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

“Lại nữa, Thánh đệ tử chẳng nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói lại, cũng chẳng có thể đọc lại những điều đã được thọ trì trước kia, cũng chẳng có thể với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác; nhưng đối với pháp đã được nghe trước kia một mình ở chỗ vắng vẻ tư duy quán sát. Tư duy quán sát như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

“Như thế từ người khác được nghe, bên trong chánh tư duy. Đó gọi là chánh kiến chưa khởi khiến khởi; chánh kiến đã khởi làm cho rộng thêm. Đó gọi là tuệ thân[1778] chưa đầy đủ làm cho đầy đủ; tuệ thân đã đầy đủ rồi, tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Kiến tịnh đoạn[1779].

“Này các Hổ chủng, thế nào gọi là Giải thoát thanh tịnh đoạn? Thánh đệ tử đối với tâm tham mà vô dục được giải thoát; đối với tâm sân, si mà vô dục được giải thoát. Giải thoát như thế chưa đầy đủ khiến cho đầy đủ; đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Giải thoát tịnh đoạn[1780].”

Sau khi nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy xong, các thiếu niên làng Bà-đầu, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 566. NA-GIÀ-ĐẠT-ĐA (1)[1781]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la[1782], cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có trưởng giả Chất-đa-la[1783] đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi

im lặng. Trưởng giả Chất-đa-la liền cúi đầu đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi đến phòng Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa; đảnh lễ Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, rồi ngồi lui qua một bên. Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

"Có lời nói như vầy:

Chi xanh[1784] được phủ trắng[1785]

Xe một bánh lăn quay;

Lìa kết, đến quán sát,

Cắt dòng, chẳng còn trói.

"Này Trưởng giả, bài kệ này có nghĩa gì?"

Trưởng giả Chất-đa-la thưa:

"Tôn giả Na-già-đạt-đa, có phải Đức Thế Tôn nói bài kệ này không?"

"Phải."

Chất-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

"Xin Tôn giả im lặng chốc lát, tôi sẽ suy nghĩ ý nghĩa này."

Sau một hồi im lặng suy nghĩ, Chất-đa-la nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

"Xanh nghĩa là Giới[1786]. Phủ trắng[1787] là giải thoát. Một bánh là thân niệm. Quay là quay ra. Xe là chỉ quán[1788]. Lìa kết[1789], có ba thứ kết là tham, sân, si. A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

"Quán sát[1790] nghĩa là thấy. Đến, là người đến[1791].

"Cắt dòng[1792], nghĩa là dòng ái nơi sanh tử. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

“Chẳng còn trói[1793], là ba hệ phược: tham dục phược, sân nhuế phược, ngu si phược. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

“Thế nên, này Tôn giả Na-già-đạt-đa, Thế Tôn nói bài kệ này:

“Chi xanh được phủ trắng

Xe một bánh lăn quay;

Lìa kết, quán sát đến,

Cắt dòng, chẳng còn trói.”

“Thế Tôn nói bài kệ này, tôi đã phân biệt rồi.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

“Ông đã nghe nghĩa này trước rồi chăng?”

“Thưa, không được nghe.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa nói:

“Này Trưởng giả, ông được lợi ích tốt lành, ở nơi Phật pháp sâu xa này mà được thâm nhập bằng tuệ nhãn của Hiền thánh.”

Trưởng giả Chất-đa-la sau khi nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 567. NA-GIÀ-ĐẠT-ĐA (2)[1794]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng

tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi im lặng. Trưởng giả Chất-đa-la liền cúi đầu đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi đến phòng Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa; đảnh lễ Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, rồi ngồi lui qua một bên. Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

"Có vô lượng tâm tam-muội, vô tướng tâm tam-muội, vô sở hữu tâm tam-muội, không tâm tam-muội. Thế nào, trưởng giả, các pháp này vì có nhiều nghĩa khác nhau nên có nhiều tên khác nhau, hay là chỉ có một nghĩa mà có nhiều tên?"

Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Tôn giả Na-già-đạt-đa:

"Các tam-muội này là do Thế Tôn nói hay Tôn giả tự ý nói?"

Tôn giả Na-già-đạt-đa đáp:

"Đây là do Thế Tôn nói."

Trưởng giả Chất-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

"Xin cho tôi được suy nghĩ một chút nghĩa này, rồi sẽ trả lời."

Sau giây lát suy nghĩ, trưởng giả nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

"Có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị khác nhau, có pháp chỉ một nghĩa mà nhiều vị."

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả:

"Thế nào là có pháp nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị khác nhau?"

Trưởng giả Chất-đa-la đáp:

"Vô lượng tâm tam-muội[1795], nghĩa là tâm của Thánh đệ tử câu hữu với từ, không oán, không hận, không sân, khoan dung, rộng lớn, tu tập vô lượng, duyên khắp mọi phương. Cũng thế phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư, trên dưới tất cả tâm câu hữu với từ, không oán, không hận, không

sân, khoan dung, rộng lớn, tu tập vô lượng, sung mãn khắp mọi phương, duyên khắp tất cả thế gian mà an trú. Đó gọi là vô lượng tâm tam-muội.

"Thế nào là vô tướng tâm tam-muội[1796]? Thánh đệ tử đối với tất cả tướng đều không niệm tưởng, tự thân tác chứng vô tướng tâm tam-muội. Đó gọi là vô tướng tâm tam-muội.

"Thế nào gọi là vô sở hữu tâm tam-muội[1797]? Thánh đệ tử vượt qua tất cả vô lượng thức nhập xứ, vô sở hữu, trụ vô sở hữu. Đó gọi là vô sở hữu tâm tam-muội.

"Thế nào gọi là không tâm tam-muội[1798]? Thánh đệ tử, thế gian trống rỗng[1799], quan sát như thật rằng thế gian trống rỗng, thường trụ, không biến đổi, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đó gọi là không tâm tam-muội.

"Đó gọi là pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị."

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả:

"Thế nào là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị?"

"Thưa Tôn giả, tham là có lượng[1800]. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng[1801]. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không phải ngã, không phải ngã sở. Đó là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị."

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi:

"Thế nào, trưởng giả, nghĩa này ông đã nghe trước rồi phải không?

"Thưa Tôn giả con không nghe."

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại bảo trưởng giả:

"Này Trưởng giả, ông được lợi ích lớn, ở nơi Phật pháp sâu xa này mà được thâm nhập bằng tuệ nhãn của Hiền thánh."

Trưởng giả Chất-đa-la sau khi nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

Sau khi trưởng giả nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 568. GIÀ-MA[1802]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đến đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đến đảnh lễ Tỳ-kheo Già-ma[1803], rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tỳ-kheo Già-ma:

"Hành, thế nào gọi là hành[1804]?"

Tỳ-kheo Già-ma đáp:

"Hành, nghĩa là có ba hành: thân hành, khẩu hành và ý hành."

"Thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là ý hành?"

"Này Trưởng giả, hơi thở ra vào là thân hành; có giác, có quán gọi là khẩu hành; tưởng, tư gọi là ý hành."

"Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác, có quán[1805] gọi là khẩu hành; có tưởng, tư[1806] gọi là ý hành? Này Trưởng giả, hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, thuộc nơi thân, nương nơi thân mà chuyển, do đó hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác, có quán nên miệng nói năng, thế nên có giác, có quán gọi là khẩu hành. Tưởng, tư là ý hành. Nương nơi tâm, thuộc về tâm, y tâm mà chuyển, do đó tưởng, tư là ý hành."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

"Giác, quán rồi phát ra miêïng nói, thế nên giác, quán thuộc về khẩu hành. Tưởng, tư là tâm sở pháp, nương nơi tâm, thuộc nơi tâm mà tưởng chuyển, thế nên tưởng, tư gọi là ý hành."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả có bao nhiêu pháp:

Lúc người bỏ thân này,

Thân xác nằm trên đất,

Ném vào trong gò mả,

Vô tâm như gỗ đá?

Tôn giả đáp lại:

Hơi ấm, thọ và thức,

Lúc xả thân đều bỏ,

Thân kia trong gò mả,

Vô tri như gỗ đá.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Người chết và người nhập chánh thọ Diệt tận[1807] có khác nhau không?”

“- Xả thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận định, thân, khẩu, ý hành diệt, nhưng không xả thọ mạng, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận định.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Thế nào là nhập Diệt tận chánh thọ?”

“- Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ không nói, ‘ta đang nhập Diệt tận chánh thọ, ta sẽ nhập Diệt tận chánh thọ’. Nhưng trước đó đã làm phương tiện tắt dần như thế; như phương tiện từ trước, hướng đến nhập Diệt tận chánh thọ.”

“Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, trước hết diệt pháp gì, là diệt thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

"- Này Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ trước hết diệt khẩu hành, kế đến thân hành, sau đó là ý hành."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

"Thế nào là xuất Diệt tận chánh thọ?"

Tôn giả đáp:

"Trưởng giả, người xuất Diệt tận chánh thọ cũng không nghĩ rằng: 'Ta nay xuất chánh thọ, ta sẽ xuất chánh thọ'. Nhưng trước kia đã tác thành tâm phương tiện; như tâm trước kia mà khởi."

"Khởi Diệt tận chánh thọ, pháp nào khởi trước, là thân hành, khẩu hành hay ý hành?"

"- Này Trưởng giả, từ Diệt tận chánh thọ khởi, ý hành khởi trước, kế đến thân hành, rồi đến khẩu hành."

"Tôn giả, sự nhập Diệt tận định, thế nào là thuận xuôi, chảy xuôi, chảy sâu[1808]?"

"- Này Trưởng giả, sự nhập Diệt tận chánh thọ thuận xuôi về viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu về viễn ly; thuận xuôi về xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu về xuất ly; thuận xuôi Niết-bàn, chảy xuôi Niết-bàn, chảy sâu vào Niết-bàn."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

"Lúc trụ Diệt tận chánh thọ, được xúc bởi bao nhiêu xúc?"

Tôn giả đáp:

"- Này Trưởng giả, xúc bất động, xúc vô tướng, xúc vô sở hữu."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

"Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, tác thành bao nhiêu pháp?"

Tôn giả đáp:

“Này Trưởng giả, điều ấy nên hỏi trước, sao đến bây giờ mới hỏi? Nhưng tôi cũng nói cho ông biết. Tỳ-kheo nhập Diệt tận chánh thọ tu hai pháp: Chỉ và quán.”

Sau khi trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả nói xong, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 569. LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (1)[1809]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, có trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi im lặng.

Trưởng giả Chất-đa-la liền rời khỏi chỗ ngồi, trịch vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay thưa thỉnh các Thượng tọa:

“Con cúi xin chư tôn nhận lễ cúng dường, bữa ăn đạm bạc của con.”

Khi ấy các Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả biết các Thượng tọa đã im lặng nhận lời mời, vội vã đảnh lễ rồi lui. Về nhà, sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống, trải chỗ ngồi. Sáng sớm, sai người đến báo đã đến giờ. Các Thượng tọa đều đắp y mang bát đến nhà trưởng giả, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn. Trưởng giả cúi đầu đảnh lễ các Thượng tọa, rồi ngồi lui qua một bên thưa rằng:

“Thưa các Thượng tọa, gọi là đa dạng giới[1810]. Vậy thế nào là đa dạng giới?”

Bấy giờ, các Thượng tọa im lặng. Ba lần thưa như vậy. Lúc ấy Tôn giả Lê-tê-đạt-đa[1811] ngồi hạ tọa trong chúng, thưa với các Tỳ-kheo Thượng tọa:

“Thưa các Tôn giả, con muốn đáp câu hỏi của trưởng giả này.”

Các Thượng tọa đáp:

"Được."

Trưởng giả Chất-đa-la liền hỏi:

"Thưa Tôn giả, đa dạng giới; những gì là đa dạng giới?"

Lê-tê-đạt-đa đáp:

"Này trưởng giả, nhãn giới khác, sắc giới khác, nhãn thức giới khác; nhĩ giới khác, thanh giới khác, nhĩ thức giới khác; tỷ giới khác, hương giới khác, tỷ thức giới khác; thiệt giới khác, vị giới khác, thiệt thức giới khác; thân giới khác, xúc giới khác, thân thức giới khác; ý giới khác, pháp giới khác, ý thức giới khác. Như vậy, Trưởng giả, đó gọi là đa dạng giới."

Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đem các thứ thức ăn ngon lành, tinh khiết cúng dường. Sau khi chúng Tăng thọ thực, súc miệng, cất y bát xong, trưởng giả Chất-đa-la trải một chỗ ngồi thấp ở trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Các Thượng tọa vì trưởng giả nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó các Thượng tọa rời chỗ ngồi mà đi. Dọc đường các Thượng tọa nói với Lê-tê-đạt-đa:

"Lành thay, lành thay! Tỳ-kheo Lê-tê-đạt-đa, ông thật khéo biện tài và nói rất đúng lúc. Nếu ở trường hợp khác, ông cũng nên ứng đáp như vậy."

Các Thượng tọa sau khi nghe những lời của Lê-tê-đạt-đa, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 570. LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (2)[1812]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la cùng với chúng Tăng gồm các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa các Thượng tọa:

"Theo cái thấy của thế gian, có người nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu ở thế gian. Thế nào, thưa Tôn giả, có sở kiến khác nhau đó là do gốc gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì[1813]?"

Các Thượng tọa im lặng chẳng đáp. Được hỏi ba lần như vậy, các Thượng tọa vẫn im lặng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo hạ tọa là Lê-tê-đạt-đa thưa với các Thượng tọa:

"Thưa các Thượng tọa, con muốn đáp câu hỏi của Trưởng giả này."

Các Thượng tọa bảo:

"Khéo đáp được thì đáp."

Trưởng giả liền hỏi Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

"Những sở kiến của thế gian do gốc gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì?"

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

"Này Trưởng giả, những gì là sở kiến của thế gian, hoặc nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu của thế gian; các sở kiến ấy đều lấy thân kiến làm gốc, thân kiến tập, thân kiến sanh, thân kiến chuyển."

Trưởng giả lại hỏi:

"Thế nào là thân kiến[1814]?"

Tôn giả đáp:

"Này Trưởng giả, phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến."

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

"Làm thế nào để không có thân kiến này?"

Tôn giả đáp:

“Này Trưởng giả, đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc[1815]; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến.”

“Cha của Tôn giả tên gì? Sanh ở đâu?”

“Tôi sanh ở phía sau nhà trưởng giả.”

Trưởng giả Chất-đa-la bảo Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

“Hai cụ thân sanh của con và Tôn giả vốn là chỗ quen biết.”

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

“Vâng, đúng như thế.”

Trưởng giả Chất-đa-la bảo Lê-tê-đạt-đa:

“Nếu Tôn giả ở trong vườn Am-la này, suốt đời con xin cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men.”

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa im lặng nhận lời. Vì Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đã nhận sự cúng dường rồi nên thường bị chướng ngại, lâu ngày không đến chỗ Thế Tôn.

Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ.

Sau khi được sự khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, trưởng giả Chất-đa-la tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 571. MA-HA-CA[1816]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng chúng Tăng gồm các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa với các Thượng tọa:

"Xin thỉnh các Tôn giả nhận lời mời của con đến trại bò[1817] thọ thực."

Các Thượng tọa im lặng nhận lời mời. Trưởng giả Chất-đa-la biết các Thượng tọa im lặng nhận lời rồi, liền vội vàng trở về nhà. Suốt đêm trưởng giả chuẩn bị đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống, sáng sớm sắp xếp chỗ ngồi, rồi sai người đến thưa với các Thượng tọa biết đã đến giờ. Các Thượng tọa đắp y mang bát đến nhà trưởng giả Chất-đa-la trong thôn trại bò. Khi đã ngồi xong, trưởng giả Chất-đa-la tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống cúng dường. Sau khi các Thượng tọa thọ trai, súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chất-đa-la trải một chỗ ngồi thấp trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Trưởng giả Chất-đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa vì ăn mật, tô, lạc, quá no, lúc ấy vào tháng cuối xuân, trời nóng bức, nên đi đường rất mệt nhọc.

Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ tọa tên là Ma-ha-ca[1818] thưa với các vị Thượng tọa:

"Hôm nay trời quá oi bức, con muốn nổi mây mưa và gió mát có được không?"

Các Thượng tọa đáp:

"Ngươi có thể làm như vậy thì tốt lắm."

Ma-ha-ca liền nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy[1819], liền khi đó mây nổi, mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi tới. Đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca hỏi các Thượng tọa:

"Việc làm này có thể dừng lại được chưa?"

Các Thượng tọa đáp:

"Hãy dừng đi."

Lúc ấy, Ma-ha-ca liền ngưng thần thông, rồi trở về phòng riêng. Trong khi đó trưởng giả Chất-đa-la nghĩ thầm: Vị Tỳ-kheo tối hạ tọa mà có thể có sức thần thông lớn như thế, huống chi là các bậc trung tọa, thượng tọa. Nghĩ như thế liền đảnh lễ chân các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca

đến phòng của Tỳ-kheo này, làm lễ Tôn giả Ma-ha-ca, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

"Thưa Tôn giả, con muốn được thấy sự hóa hiện thần túc siêu quá người thường của Tôn giả[1820]."

Tôn giả Ma-ha-ca nói:

"Trưởng giả chớ nên thấy, sẽ sợ hãi!"

Ba lần thỉnh, ba lần Tôn giả đều từ chối. Trưởng giả lại thỉnh nữa:

"Xin Tôn giả cho xem thần thông biến hóa."

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả:

"Thôi ông hãy ra ngoài, lấy cỏ khô và củi gom lại một đống, rồi đem tấm đệm trùm lên trên."

Trưởng giả Chất-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống, rồi đến thưa Tôn giả:

"Đống củi đã có và con đã phủ lên bằng một tấm đệm."

Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội hỏa quang, từ lỗ trống then cửa phát ra ngọn lửa. Lửa đốt trụi đống củi, chỉ có tấm đệm trắng không cháy. Tôn giả bảo trưởng giả:

"Nay ông thấy không?"

"Đã thấy, thưa Tôn giả, thật là kỳ diệu!"

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả:

"Ông nên biết, đây đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Trưởng giả, thế nên việc này cùng với công đức khác, tất cả đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những pháp đạo phẩm khác."

Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca:

"Xin Tôn giả ở luôn trong rừng này, con sẽ trọn đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men tùy bệnh."

Tôn giả Ma-ha-ca vì có việc phải đi nên không nhận lời mời của trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong, tùy hỷ, hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng lên làm lễ rồi đi.

Tôn giả Ma-ha-ca không muốn làm cho người cúng dường lợi dưỡng trở thành tội chướng, nên Tôn giả vội vã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi không trở lại.

---o0o---

KINH 572. HỆ[1821]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la, cùng số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo Thượng tọa tụ tập ở nhà ăn, cùng bàn luận như sau:

"Các vị nghĩ thế nào, mắt trói buộc sắc chăng? Sắc trói buộc mắt chăng? Cũng thế, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, là ý trói buộc chăng? Hay pháp trói buộc ý?"

Trong khi đó, trưởng giả Chất-đa-la đang đi lo công việc, ngang qua tinh xá, trông thấy các Tỳ-kheo Thượng tọa tụ tập tại nhà ăn, liền đến trước đảnh lễ các Thượng tọa và thưa hỏi:

"Chư Tôn giả tụ tập tại nhà ăn đang bàn luận điều gì vậy?"

Các Thượng tọa đáp:

"Này Trưởng giả, chúng tôi hôm nay tụ tập tại nhà ăn này, bàn luận rằng: Có phải mắt trói buộc sắc, hay sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, là ý trói buộc chăng? Hay pháp trói buộc ý?"

Trưởng giả hỏi:

“Thưa các Tôn giả, các Tôn giả sẽ nói thế nào về nghĩa này?”

Các Thượng tọa nói:

“Còn đối với trưởng giả, ông nghĩ sao?”

Trưởng giả thưa các Thượng tọa:

“Theo ý con, mắt chẳng trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt; cho đến chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Nhưng ở khoảng giữa có dục tham[1822], theo đó mà trói buộc. Ví như hai con bò, một đen, một trắng, mang cái ách. Có người hỏi: bò đen trói buộc bò trắng hay bò trắng trói buộc bò đen? Hỏi như thế có đúng không?”

Các Thượng tọa đáp:

“Này Trưởng giả, hỏi như thế không đúng. Vì sao? Vì chẳng phải bò đen trói buộc bò trắng và cũng không phải bò trắng trói buộc bò đen. Cái ách kia là vật trói buộc cả hai.”

“Cũng vậy, thưa các Tôn giả, chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt cho đến không phải ý trói buộc pháp, không phải pháp trói buộc ý, nhưng ở giữa đó, tham dục là sự trói buộc.”

Trưởng giả Chất-đa-la nghe các Tỳ-kheo Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 573. A-KỲ-TỲ-CA[1823]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la.

Bấy giờ có ngoại đạo A-kỳ-tỳ-ca[1824], là chỗ thân hậu của tiên nhân của trưởng giả Chất-đa-la, đi đến chỗ Chất-đa-la, cùng nhau chào hỏi ân cần, rồi đứng một bên. Trưởng giả Chất-đa-la hỏi ngoại đạo A-kỳ-tỳ-ca:

“Nhân giả xuất gia được bao lâu rồi?”

“Trưởng giả, tôi xuất gia đến nay đã hơn hai mươi năm[1825].”

Trưởng giả Chất-đa-la hỏi:

“Nhân giả xuất gia đã hơn hai mươi năm, có được pháp siêu quá người thường[1826], tột cùng tri kiến và an lạc trụ không?”

A-kỳ-tỳ-ca đáp:

“Này Trưởng giả, tuy tôi đã xuất gia hơn hai mươi năm mà chẳng được pháp siêu quá người thường, tột cùng tri kiến và an lạc trụ. Chỉ có lõa hình, nhổ tóc, khất thực, du hành trong nhân gian, nằm trên tro đất.”

Trưởng giả Chất-đa-la bảo:

“Đây không phải là pháp luật đúng danh xưng. Đây là ác tri kiến; chẳng phải là con đường xuất yếu, chẳng gọi là Đẳng giác, chỗ chẳng đáng khen ngợi, chẳng có thể nương tựa. Luống gọi là người xuất gia hơn hai mươi năm, lõa hình, nhổ tóc, du hành khất thực trong nhân gian, nằm trên tro đất.”

A-kỳ-tỳ-ca hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

“Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã được bao lâu?”

Trưởng giả Chất-đa-la đáp:

“Tôi làm đệ tử của Thế Tôn hơn hai mươi năm.”

Lại hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

“Ông là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã hơn hai mươi năm, có được pháp siêu quá người thường, tột cùng tri kiến và an lạc trụ không?”

Trưởng giả Chất-đa-la đáp:

“Ông nên biết, trưởng giả Chất-đa-la sẽ không còn thọ sanh vào bào thai nữa, không còn tăng thêm mồ mả, không còn sanh khởi từ khí huyết. Như Thế Tôn nói: ‘Năm hạ phần kết sử, Ta không còn thấy một kết nào mà không đoạn. Nếu có một kết nào chưa đoạn, sẽ còn trở lại sau đời này’.”

Trong lúc trưởng giả nói như vậy, A-kỳ-tỳ-ca càng thêm buồn bã, than thở rơi lệ, lấy áo lau mặt và nói với trưởng giả Chất-đa-la:

"Tôi phải tính sao bây giờ?"

Trưởng giả Chất-đa-la đáp:

"Nếu ông có thể ở trong Chánh pháp luật xuất gia, tôi sẽ cung cấp y bát và những vật cần thiết."

A-kỳ-tỳ-ca suy nghĩ giây lát, rồi nói với trưởng giả Chất-đa-la:

"Tôi nay tùy theo anh, xin chỉ dạy tôi việc cần làm."

Trưởng giả Chất-đa-la liền đưa A-kỳ-tỳ-ca đế chỗ các Thượng tọa, rồi ngồi lui qua một bên, thưa các Tỳ-kheo Thượng tọa:

"A-kỳ-tỳ-ca này là chỗ thân hậu của tiên nhân của con, ngày nay xin được xuất gia làm Tỳ-kheo. Mong các Thượng tọa độ cho xuất gia. Con sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết."

Các Thượng tọa liền cho xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Xuất gia xong, A-kỳ-tỳ-ca suy nghĩ những lý do mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia tăng tiến học đạo, tịnh tu phạm hạnh, đắc quả A-la-hán.

---o0o---

KINH 574. NI-KIỀN[1827]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có Ni-kiền Nhã-đề Tử[1828] cùng với năm trăm quyến thuộc đi đến rừng Am-la, muốn dụ trưởng giả Chất-đa-la làm đệ tử. Trưởng giả Chất-đa-la nghe tin Ni-kiền Nhã-đề Tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng Am-la muốn dụ mình làm đệ tử. Sau khi nghe như vậy rồi, ông liền đi đến chỗ Ni-kiền Nhã-đề Tử. Hai bên cùng nhau chào hỏi, rồi mỗi người ngồi lui qua một bên. Bấy giờ Ni-kiền Nhã-đề Tử nói với trưởng giả Chất-đa-la:

"Ông có tin Sa-môn Cù-đàm được tam-muội không giác không quán[1829] chăng[1830]?"

Trưởng giả Chất-đa-la đáp:

“Tôi không vì tin mà đến đây[1831].”

A-kỳ-tỳ-ca[1832] nói:

“Này Trưởng giả, ông không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực. Này Trưởng giả, nếu người có thể dứt được hữu giác hữu quán, cũng có thể dùng dây buộc gió; hoặc người dứt hữu giác hữu quán, cũng có thể lấy một nắm đất ngăn được dòng nước sông Hằng. Ta trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, tri kiến thường sanh.”

Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Ni-kiền Nhã-đề Tử:

“Tín được đặt trước hay trí được đặt trước? Tín và trí cái nào trước, cái nào hơn?”

Ni-kiền Nhã-đề Tử đáp:

“Tín nên đặt trước, sau đó có trí. Tín và trí so sánh nhau thì trí là hơn.”

Trưởng giả Chất-đa-la nói với Ni-kiền Nhã-đề Tử:

“Tôi đã cầu được dứt hữu giác hữu quán, nội tịnh, nhất, không giác không quán, có hỷ lạc do tam-muội sanh, chứng và an trụ đệ Nhị thiền. Ban ngày tôi cũng ở trong tam-muội này. Ban đêm tôi cũng ở trong tam-muội này. Có trí như vậy thì cần gì tin Thế Tôn!”

Ni-kiền Nhã-đề Tử nói:

“Ngươi quanh co, dối trá, không chất trực, bản chất không chất trực.”

Trưởng giả Chất-đa-la nói:

“Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực, vì sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, dối trá, không chất thực, bản chất không chất trực? Nếu như lời trước của ông là thật, thì lời sau là dối trá; hoặc lời sau thật thì lời trước dối trá! Trước ông đã nói: ‘Ta trong đi, đứng, nằm, ngồi tri kiến thường sanh, đối với trước sau, việc nhỏ như vậy mà còn không rõ thì làm sao biết được pháp siêu quá người thường, hoặc tri kiến, hoặc việc trụ an lạc?’”

Trưởng giả lại hỏi Ni-kiền Nhã-đề Tử:

“Có người hỏi một liền đáp một, cho đến hỏi mười đáp mười, ông có như vậy không? Nếu không hỏi một đáp một, hỏi mười đáp mười, mà đến rừng Am-la này hòng mong dụ dỗ tôi sao?”

Ngay lúc ấy Ni-kiền Nhã-đề Tử nghẹn thở, lắc đầu, chắp tay chào và đi thẳng không nhìn lại.

---o0o---

KINH 575. BỆNH TƯỚNG[1833]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ trưởng giả Chất-đa-la bị bệnh khổ, các thân thuộc vây quanh. Có nhiều vị trời đến chỗ trưởng giả Chất-đa-la, bảo rằng:

“Này Trưởng giả, ông nên phát nguyện làm Chuyển luân vương.”

Trưởng giả Chất-đa-la nói với chư Thiên:

“Nếu làm Chuyển luân vương; kia cũng vô thường, khổ, không, vô ngã.”

Rồi, các thân thuộc của trưởng giả bảo trưởng giả:

“Ông nên buộc niệm lại! Ông nên buộc niệm lại!”

Trưởng giả Chất-đa-la nói với thân thuộc:

“Vì sao các ông dạy tôi phải buộc niệm lại?”

Những người thân nói rằng:

“Ông đã nói: Vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì vậy nên chúng tôi bảo ông nên buộc niệm lại, buộc niệm lại!”

Trưởng giả nói với các quyến thuộc:

"Có chư Thiên đến chỗ tôi, nói với tôi: Ông nên phát nguyện được làm Chuyển luân Thánh vương, sẽ tùy nguyện đắc quả. Tôi liền đáp: Chuyển luân Thánh vương lại cũng vô thường, khổ, không, vô ngã."

Các quyến thuộc hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

"Chuyển luân vương có gì mà chư Thiên bảo ông mong cầu?"

Trưởng giả đáp:

"Chuyển luân vương đem chánh pháp cai trị, giáo hóa. Vì chư Thiên thấy phước lợi như vậy nên dạy tôi phát nguyện mong cầu."

Các quyến thuộc hỏi:

"Nay ông dụng tâm như thế nào?"

Trưởng giả đáp:

"Này các thân quyến, ngày nay tâm tôi nguyện rằng chỉ không còn thọ sanh vào bào thai nữa, không thêm mồ mả, không thọ nhận huyết khí. Như Thế Tôn nói: Năm hạ phần kết sử, Ta không thấy có, không tự thấy một kết nào mà không đoạn. Nếu kết không đoạn thì còn sanh lại đời này."

Ngay lúc ấy Trưởng giả ngay từ giường nằm, ngồi kiết già, chánh niệm và nói kệ:

Chứa thức ăn đã chứa,

Rộng độ các hoạn nạn;

Bố thí tăng ruộng phước,

Vun trồng năm chủng lực.

Vì mong muốn nghĩa ấy,

Người tục sống tại nhà.

Ta điều được lợi này,

Đã khỏi các thứ nạn.

Điều thế gian nghe quen,

Xa lìa các việc khó;

Sanh vui, biết chút khó,

Tùy thuận Đẳng Chánh Giác.

Cúng dường người trì giới,

Khéo tu các phạm hạnh;

Lậu tận A-la-hán,

Và ẩn sĩ Thanh văn.

Kiến siêu việt như vậy,

Trên các cõi thù thắng;

Thường làm người bố thí,

Cuối cùng được quả lớn.

Tập hành bố thí chúng,

Cho các ruộng phước tốt;

Nơi đời này mạng chung,

Hóa sanh về cõi trời.

Năm dục được đầy đủ,

Tâm vô lượng mừng vui;

Được báo vi diệu này,

Vì không tâm keo bẩn;

Thọ sanh ở nơi nào,

Đều luôn được vui vẻ.

Trưởng giả Chất-đa-la nói kệ này xong, liền mạng chung, sanh vào cõi Vô phiền nhiệt thiên.

Bấy giờ Thiên tử Chất-đa-la nghĩ rằng: Ta không nên đình trú ở đây, mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Tỳ-kheo Thượng tọa. Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức Thiên thần hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ, ra khỏi phòng ban đêm đi kinh hành nơi đất trống, trông thấy ánh sáng kỳ diệu, chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ:

Sắc trời nào vi diệu,

Trụ ở giữa hư không;

Giống như núi vàng rực,

Ánh sáng Diêm-phù-đàn?

Thiên tử Chất-đa-la nói kệ đáp:

Tôi là vua trời, người,

Là đệ tử Cù-đàm;

Trong rừng Am-la này,

Trưởng giả Chất-đa-la.

Nhờ tịnh giới đầy đủ,

Hệ niệm tự tịch tịnh;

Thân giải thoát đầy đủ,

Thân trí tuệ cũng thế.

Tôi biết pháp nên đến,

Nhân giả cần nên biết;

Nên nơi Niết-bàn kia,

Pháp này pháp như vậy.

Thiên tử Chất-đa-la nói kệ xong, liền biến mất.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 22

KINH 576. NAN-ĐÀ LÂM[1834]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu

lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Chẳng ở rừng Nan-đà,

Trọn chẳng được khoái lạc;

Trong cung trời Đao-lợi,

Được danh xưng Thiên đế.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trẻ con[1835], ngươi nào biết,

Điều A-la-hán nói:

Tất cả hành vô thường,

Đấy là pháp sanh-diệt.

Đã sanh rồi lại diệt,

Tịch diệt cả là vui.

Bấy giờ, Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi liền biến mất.

---o0o---

KINH 577. CÂU TỎA[1836]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Bứt tất cả xiềng xích,

Mâu-ni không có nhà;

Sa-môn ham giáo hóa:

Tôi chẳng nói 'Lành thay!'

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả loài chúng sanh,

Thảy cùng ràng buộc nhau;

Kia có người trí tuệ,

Ai chẳng khỏi thương xót?

Thiện Thệ vì thương xót,

Thường dạy dỗ chúng sanh.

Người thương xót chúng sanh,

Đó là đúng như pháp.

Thiên tử kia lại nói bài kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử kia sau khi nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi liền biến mất.

---o0o---

KINH 578. TÀM QUÝ[1837]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Thường tập lòng hổ thẹn,

Thường có hạng người này;

Hay xa lìa điều ác,

Như ngựa khôn thấy roi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

Thường tập lòng hổ thẹn,

Người này thật ít có;

Hay xa lìa điều ác,

Như ngựa lành thấy roi.

Vị Thiên tử kia lại nói bài kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói kệ xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 579. BẤT TẬP CẬN[1838]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Chẳng gần gũi Chánh pháp,

Ưa đắm các tà kiến;[1839]

Ngủ mê chẳng tự biết,

Nhiều kiếp tâm sao ngộ?

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

Chuyên tu nơi Chánh pháp,

Xa lìa nghiệp bất thiện;

Là La-hán lậu tận,

San phẳng đời gập ghềnh[1840].

Thiên tử kia nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân rồi biến mất.

---o0o---

KINH 580. THIỆN ĐIỀU[1841]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nhờ pháp, khéo điều phục,

Không đọa các tà kiến;[1842]

Tuy còn đắm ngủ say,

Có thể tùy thời ngộ.

Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Nếu nhờ pháp điều phục,

Chẳng theo các tà kiến;

Rốt ráo dứt vô tri,

Hay vượt đời ân ái.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi biến mất.

---o0o---

KINH 581. LA-HÁN (1)[1843]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Việc mình đã làm xong;

Tất cả lậu dứt sạch,

Mang thân tối hậu này,

Xác định nói: 'có ngã,'

Và nói: 'ngã sở' không?[1844]

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Việc mình đã làm xong;

Các hữu lậu đã sạch,

Mang thân tối hậu này.

Giả sử còn nói ngã,

Ngã sở, cũng không lỗi.

Thiên tử lại nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Việc mình đã làm xong;

Tất cả lậu hết sạch,

Mang thân tối hậu này.

Tâm nương nơi ngã mạn,

Mà nói là có ngã;

Và nói về ngã sở,

Có nói như thế không?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã lìa nơi ngã mạn,

Không còn tâm ngã mạn;

Siêu việt ngã, ngã sở,

Ta nói là lậu tận.

Đối ngã, ngã sở kia,

Tâm trọn chẳng chấp trước;

Hiểu danh tự thế gian,

Bình đẳng giả danh nói.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chứng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 582. LA-HÁN (2)[1845]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Lậu tận, tối hậu thân;

Có thể nói: 'có ngã',

Và nói: ‘ngã sở’ chăng?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Lậu tận, tối hậu thân;

Cũng nói là có ngã,

Và nói có ngã sở.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Việc mình đã làm xong;

Đã sạch các hữu lậu,

Chỉ còn thân sau cùng.

Sao còn nói có ngã,

Và nói có ngã sở?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,

Việc mình đã làm xong;

Tất cả lậu hết sạch,

Chỉ còn thân sau cùng.

Ta nói sạch các lậu,

Cũng chẳng chấp ngã sở;

Hiểu danh tự thế gian,

Bình đẳng giả danh nói.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 583. NGUYỆT THIÊN TỬ[1846]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ có La-hầu-la A-tu-la vương[1847] che Nguyệt Thiên tử[1848]. Lúc ấy các Nguyệt Thiên tử đều sợ hãi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui sang một bên và nói kệ khen ngợi Phật:

Nay lễ Tối Thắng Giác,

Hay thoát tất cả chướng;

Con nay gặp khổ não,

Thế nên đến quy y.

Chúng con Nguyệt Thiên tử,

Quy y Đấng Thiện Thệ;

Phật thương xót thế gian,

Xin cứu thoát Tu-la.

Thế Tôn liền nói kệ đáp:

Phá tan mọi tăm tối,

Ánh sáng chiếu hư không;

Nay Tỳ-lô-giá-na[1849],

Bày ánh sáng thanh tịnh.

La-hầu tránh hư không,

Phóng bay nhanh như thỏ.

A-tu-la La-hầu,

Vội bỏ trăng trở về;

Toàn thân tuôn mồ hôi,

Kinh hoảng chẳng an ổn;

Thần hôn, chí mê loạn,

Giống như người bệnh nặng.

Bấy giờ, có A-tu-la tên là Bà-trĩ[1850] thấy A-tu-la La-hầu-la vội vàng bỏ mặt trăng trở về liền nói kệ:

La-hầu A-tu-la,

Bỏ trăng sao nhanh thế?

Toàn thân tuôn mồ hôi,

Như người bị bệnh nặng.

A-tu-la La-hầu-la trả lời bằng bài kệ:

Cù-đàm thuyết chú kệ;

Nếu không nhanh bỏ trăng.

Đầu vỡ làm bảy mảnh,

Chịu khổ như sắp chết.

A-tu-la Bà-trĩ lại nói bài kệ:

Phật xuất hiện, hiếm có;

An ổn cho thế gian.

Ngài thuyết kệ khiến cho

La-hầu bỏ mặt trăng.

Phật nói kinh này rồi, bấy giờ Nguyệt Thiên tử sau khi những điều Phật thuyết, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 584. TỘC BẢN[1851]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Ngài có bản tộc chăng?

Có tộc nối dõi chăng?

Thân thuộc thảy đều không?

Làm sao cởi trói buộc? [1852]

Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

Ta không có tộc bản

Cũng không tộc nối dõi;

Thân thuộc cắt vĩnh viễn,

Giải thoát mọi ràng buộc.

Thiên tử lại nói kệ:

Thế nào là tộc bản?

Thế nào là dòng tộc?

Thế nào có thân thuộc?

Thế nào dây trói chắc?

Bấy giờ, Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

Mẹ, tộc bản của đời;

Vợ là tộc nối dõi[1853];

Có con có thân thuộc;

Ái là dây trói chặt.

Rồi, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lành thay không dòng họ,

Không sanh tộc cũng tốt;

Lành thay không tương thuộc!

Lành thay giải thoát buộc!

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 585. ĐỘC NHẤT TRỤ[1854]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích[1855].

Bấy giờ Thế Tôn mới cạo râu tóc. Vào cuối đêm, Ngài ngồi kiết già, thân ngay, ý chánh, cột niệm ở trước mặt, lấy y trùm lên đầu. Bấy giờ bên tháp Ưu-la-đề-na có Thiên thần cư ngụ, phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch Phật rằng:

"Sa-môn lo buồn phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

"Ta mất gì đâu?"

Thiên thần lại hỏi:

"Sa-môn hoan hỷ phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

"Ta được gì đâu?"

Thiên thần lại hỏi:

"Sa-môn không lo buồn, không hoan hỷ phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

"Đúng vậy! Đúng vậy!"

Bấy giờ Thiên thần nói kệ:

Vì lìa các phiền não,

Vì chẳng có vui mừng;

Làm sao sống một mình,

Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Giải thoát không ưu não,

Cũng không có hoan hỷ;

Buồn không thể phá hoại,

Nên Ta sống một mình.

Thiên thần này lại nói kệ:

Làm sao không ưu não,

Làm sao không hoan hỷ;

Làm sao ngồi một mình,

Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Phiền não sanh hoan hỷ,

Hoan hỷ sanh phiền não;

Không não cũng không hỷ,

Thiên thần nên gìn giữ.

Thiên thần lại nói kệ:

Lành thay! Không phiền não,

Lành thay! Không hoan hỷ;

Lành thay! Sống một mình,

Không bị buồn phá hoại?

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên thần kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 586. LỢI KIẾM[1856]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ:

Như gươm bén làm hại,

Cũng như lửa cháy đầu;

Đoạn trừ lửa tham dục,

Chánh niệm cầu xa lìa.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí như gươm bén hại,

Cũng như lửa cháy đầu;

Đoạn trừ thân sau rốt[1857],

Chánh niệm cầu xa lìa.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 587. THIÊN NỮ[1858]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ rằng:

Các Thiên nữ vây quanh,

Như chúng Tỳ-xá-chi[1859];

Trong rừng rậm si hoặc,

Do đâu được ra khỏi?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Đạo chánh trực bình đẳng,

Phương thoát ly sợ hãi;

Cỡi chiếc xe tịch mặc,

Che kín bởi pháp tưởng[1860].

Tàm quý vòng dây cổ[1861],

Chánh niệm là dây buộc;

Trí tuệ người đánh xe,

Chánh kiến dẫn đường trước.

Cỗ xe mầu nhiệm ấy,

Cùng đưa cả nam nữ;

Ra khỏi rừng sanh tử,

Chóng đến nơi an lạc.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 588. TỨ LUÂN[1862]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Có bốn chuyển, chín cửa,

Sống đầy đủ tham dục;

Đắm chìm sâu trong bùn,

Voi lớn làm sao ra?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Cắt dây dài ái hỷ,

Tham dục cùng các ác;

Nhổ gốc rễ ái dục,

Hướng thẳng đến chỗ kia.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 589. ĐẠI PHÚ[1863]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Nước Lại-tra-bàn-đề,

Có các khách buôn bán[1864];

Giàu có nhiều của cải,

Tranh nhau mong làm giàu.

Tìm cách cầu tài lợi,

Như đốt lửa cháy bùng;

Tâm tranh thắng như thế,

Dục tham luôn dong ruổi.

Thế nào nên dứt tham,

Hết cần cầu thế gian.

Thế Tôn nói kệ đáp:

Bỏ tục sống không nhà,

Vợ con cùng tiền của;

Lìa dục, tham, sân, si,

La-hán sạch các lậu.

Chánh trí tâm giải thoát,

Ái tận dứt phương tiện.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 590. GIÁC THỤY MIÊN[1865]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ tại nước Câu-tát-la có các nhà buôn với năm trăm cỗ xe cùng đi buôn bán. Họ đi đến chỗ hoang mạc. Hoang mạc này có bọn cướp năm trăm tên, đuổi theo sau, lén tìm cơ hội cướp đoạt. Bấy giờ, nơi hoang mạc ấy có một Thiên thần đang ở bên đường. Thiên thần ấy nghĩ thầm: 'Ta nên đi đến nước Câu-tát-la kia, chỗ các nhà buôn để hỏi nghĩa lý. Nếu họ vui lòng cho ta được hỏi và giải thích, ta sẽ tìm cách khiến họ an ổn, được thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ, như những Thiên thần khác.' Sau khi suy nghĩ xong, Thiên thần ấy phóng ánh sáng chiếu khắp các cỗ xe của những nhà buôn và nói kệ:

Ai đối thức lại ngủ,

Ai đối ngủ lại thức;

Người nào hiểu nghĩa này,

Ai hay vì tôi nói.

Trong các nhà buôn đó có một Ưu-bà-tắc tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, nhất tâm hướng về Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Vị ấy đối với Phật, Pháp, Tăng lìa nghi, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo lìa nghi, thấy bốn Thánh đế, đắc quả hiện quán thứ nhất[1866]. Trong các nhà buôn cùng kết bạn đi đường đó, Ưu-bà-tắc kia vào khoảng cuối đêm ngồi thẳng suy nghĩ, cột niệm ở trước; đối với mười hai nhân duyên, quán sát thuận nghịch; nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có

ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, duyên lão có bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như thế thuần đại khổ tụ tập. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão diệt, lão diệt thì bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt."

Vị Ưu-bà-tắc ấy suy nghĩ xong liền nói kệ:

Đối người thức ta ngủ,

Đối người ngủ ta thức;

Ta hiểu rõ nghĩa này,

Nói rõ được cho người.

Lúc ấy, Thiên thần hỏi Ưu-bà-tắc:

"Thế nào là tỉnh thức ngủ mê, thế nào là ngủ mê tỉnh thức, thế nào là có thể biết, thế nào là có thể xác nhận?"

Ưu-bà-tắc nói kệ:

Tham dục và sân nhuế,

Ngu si được lìa dục;

A-la-hán lậu tận,

Chánh trí tâm giải thoát.

Vị ấy là thức tỉnh,

Đối kia ta mê ngủ;

Chẳng biết nhân sanh khổ,

Và khổ nhân duyên tập.

Đối tất cả khổ này,

Dứt hết không còn sót;

Lại chẳng biết Chánh đạo,

Đưa đến nơi hết khổ.

Như thế là đang ngủ,

Đối kia ta lại thức;

Như thế đối với ngủ,

Như thế đối với thức.

Khéo biết nghĩa như thế,

Như thế hay xác nhận.

Thiên thần lại nói kệ:

Lành thay! Ngủ trong thức,

Lành thay! Thức trong ngủ;

Lành thay! Khéo hiểu nghĩa,

Lành thay! Khéo xác nhận.

Lâu xa nay mới thấy,

Các anh em nên đến;

Nhờ ân lực của người,

Khiến cả bọn thương nhân,

Được thoát khỏi giặc cướp;

Đi theo đường an ổn.

Như thế, các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la và cả đám thương nhân theo đường đi an ổn, thoát khỏi nơi hoang vắng, nguy hiểm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 591.[1867]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ, trên một hòn đảo, có một Ưu-bà-tắc đến nhà một Ưu-bà-tắc khác, cùng ngồi, cực lực chê bai dục như sau: 'Dục này hư vọng, không thật, là pháp hư dối, như huyễn hóa, lừa gạt con nít.'

"Nói xong rồi trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà Ưu-bà-tắc này có Thiên thần đang trú ngụ. Vị Thiên thần này nghĩ thầm: 'Ưu-bà-tắc này không hơn gì, chẳng khác gì các Ưu-bà-tắc khác; ngồi giữa đông người cực lực chê bai dục: 'Dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa gạt

con nít.’ Rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo năm dục. Bây giờ hãy giúp ông ta giác ngộ. Liền nói kệ rằng:

Giữa đám đông tụ họp,

Chê trách dục vô thường;

Tự chìm trong ái dục,

Như trâu lún bùn sâu.

Ta xem trong hội kia,

Các vị Ưu-bà-tắc;

Đa văn hiểu rõ pháp,

Gìn giữ giới thanh tịnh.

Ngươi thấy kia vui pháp,

Mà nói dục vô thường;

Sao tự buông theo dục,

Chẳng đoạn dứt tham ái?

Vì sao vui thế gian,

Nuôi vợ con quyến thuộc?

Vị Thiên thần ấy khai thị cho Ưu-bà-tắc kia như thế. Ưu-bà-tắc đó được giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lòng tin chân chánh, không nhà xuất

gia học đạo, tinh cần tu tập, dứt sạch hết các pháp hữu lậu, đắc quả A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 592. TU-ĐẠT[1868]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà[1869], nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc có chút việc đến thành Vương xá, ngủ đêm lại ở một nhà trưởng giả nọ. Ban đêm, nghe thấy gia chủ bảo với vợ con, tôi tớ, người giúp việc rằng:

"Các người nên thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cơm làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa."

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy nghĩ thầm: 'Người gia chủ này hôm nay làm gì đây? Hoặc là gả con gái, hay là cưới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?' Suy nghĩ xong, liền hỏi gia chủ:

"Ông làm gì? Có phải là gả con gái, hay cưới dâu, hoặc mời khách vua quan?"

Gia chủ này trả lời ông Cấp Cô Độc :

"Tôi không gả con, không cưới dâu, không mời khách vua quan gì cả, mà chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng để cúng dường."

Chưa bao giờ trưởng giả Cấp Cô Độc nghe danh tự Phật, mà nay được nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui mừng hỏi gia chủ kia:

"Thế nào gọi là Phật?"

Gia chủ đáp:

"Có Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật."

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi:

"Thế nào gọi là Tăng?"

Gia chủ kia đáp:

"Nếu người thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; hoặc người thuộc dòng Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, những thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia. Đó gọi là Tăng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng thiết lễ cúng dường."

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi gia chủ kia:

"Hôm nay tôi có thể đến gặp Thế Tôn được không?"

Gia chủ kia đáp:

"Ông cứ ở đây. Tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà tôi, ở đây ông sẽ gặp Ngài."

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc suốt đêm hôm ấy hết lòng nghĩ đến Phật được ngủ một giấc ngon. Trời vẫn chưa sáng, bỗng thấy tướng sáng, tưởng đâu trời đã sáng, bèn đi ra khỏi nhà, đi về phía cửa thành. Đến dưới cửa thành, đêm mới canh hai, cửa thành chưa mở. Theo thường pháp của vua phải đợi lệnh mới cho đi lại. Hết canh một, cửa thành mới đóng. Đến cuối giữa đêm mới lại mở cửa cho người đi lại sớm. Khi trưởng giả Cấp Cô Độc thấy cửa thành mở, nghĩ thầm: 'Đúng là qua đêm, trời sáng, cửa mở, theo tướng sáng ra khỏi thành.'

Đến khi ông ra khỏi cửa thành rồi tướng sáng liền tắt, bỗng trở lại tối tăm. Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng. "Có lẽ bị người lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi đây?" Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa thành có Thiên thần đang cư ngụ, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia đến nghĩa địa Hàn lâm, ánh sáng chiếu khắp, Thiên thần bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

"Ông hãy đi tới, có thể được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui."

Thiên thần liền nói kệ:

Ngựa hay cả trăm con,

Vàng ròng đầy trăm cân,

Xe la và xe ngựa,

Mỗi thứ đến trăm cổ,

Đủ các thứ quý báu,

Đều chất đầy trên đó.

Do thiện căn đời trước,

Được phước báu như vậy,

Nếu người tâm kính trọng,

Hướng Phật đi một bước,

Được phước này nhiều hơn,

So với phước trên kia,

Bằng một phần mười sáu.

"Thế nên trưởng giả cứ đi tới trước, chớ trở lui."

Thiên thần lại nói tiếp kệ:

Long tượng tại núi Tuyết,

Trang sức bằng vàng ròng,

Thân to, ngà dài lớn,

Đem voi này cho người,

Chẳng bằng phước hướng Phật,

Chỉ một phần mười sáu.

“Thế nên trưởng giả mau đi tới trước, được lợi ích lớn, đừng trở lui.”

Thiên thần liền nói kệ:

Gái nước Kim-bồ-xà,

Số đến cả trăm người,

Đủ các thứ báu đẹp,

Trang sức đầy châu ngọc,

Đem bố thí tất cả,

Cũng chẳng bằng công đức,

Hướng đến Phật một bước,

Bằng một phần mười sáu.

“Thế nên, trưởng giả mau đi nhanh tới trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi Thiên thần:

“Hiền giả! Hiền giả là ai?”

Thiên thần đáp:

“Tôi là Ma-đầu-tức-kiện-đại ma-na-bà, trước đây là người quen của trưởng giả, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên tôi khởi lòng tin kính, do công đức này được sanh cõi trời, trấn giữ cả thành này. Thế nên tôi bảo trưởng giả chỉ nên đi tới trước, chớ có trở lui cứ đi tới trước sẽ được lợi ích lớn, đừng trở về.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Đức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ. Được nghe Chánh pháp chẳng phải là chuyện nhỏ. Bởi thế Thiên thần khuyên ta nên đi tới gặp Phật”.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc theo ánh sáng kia, đi qua nghĩa địa Hàn lâm. Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống, trưởng giả từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của thế gian cung kính thăm hỏi:

“Bạch Thế Tôn, Ngài có được an ổn?”

Thế Tôn nói kệ:

Bà-la-môn, Niết-bàn,

Là luôn luôn an vui,

Chẳng đắm nhiễm ái dục,

Đã vĩnh viễn giải thoát,

Dứt tất cả mong cầu,

Điều phục tâm hừng hẫy,

Tâm được lặng, dừng bặt,

Tâm lặng, ngủ an ổn.

Thế Tôn dẫn trưởng giả Cấp Cô Độc vào trong phòng, ngồi trên chỗ ngồi, thân ngay thẳng, hệ niệm. Khi ấy Thế Tôn vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ

dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Xong rồi, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bố thí, trì giới, làm việc phước để sanh về cõi trời, vị ngọt của dục, tai hại của dục và sự xuất ly dục. Trưởng giả nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do người khác, được tin, chẳng phải do người khác được độ, vào Chánh pháp luật, tâm được vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thiện Thệ, con đã được độ. Từ nay đến suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, được làm Ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con!"

Thế Tôn hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

"Ông tên là gì?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Con tên là Tu-đạt-đa. Vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là Cấp Cô Độc."

Thế Tôn lại hỏi:

"Ông ở đâu?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh."

Phật hỏi trưởng giả:

"Nước Xá-vệ có tinh xá không?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Thưa không."

Phật bảo trưởng giả:

"Ông hãy ở nơi ấy kiến lập tinh xá để các Tỳ-kheo lui tới tạm trú."

Trưởng giả bạch Phật:

"Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ, con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Thế Tôn im lặng nhận lời, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra.

---o0o---

KINH 593. CẤP CÔ ĐỘC[1870]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, từ trần sanh về cung trời Đâu-suất, làm Thiên tử cõi trời này, suy nghĩ rằng: "Ta chẳng nên ở đây lâu, nên đến gặp Đức Thế Tôn". Nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Đâu-suất, hiện ra trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Thiên tử Cấp Cô Độc thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Thiên tử Cấp Cô Độc nói kệ:

Nơi rừng Kỳ-hoàn này,

Tiên nhân Tăng[1871] trụ đó;

Các Vua[1872] cũng ở đó,

Khiến con càng vui mừng.

Tin sâu nghiệp, tịnh giới,

Trí tuệ, thọ tối thắng;

Lấy đó tịnh chúng sanh,[1873]

Không dòng họ, tài vật.

Xá-lợi-phất Đại trí,

Chánh niệm thường tịch tĩnh;

An nhàn tu viễn ly,

Bạn lành người mới học.

Nói kệ này xong liền biến mất.

Đức Thế Tôn sau đêm ấy, vào trong chúng Tăng trải tọa cụ ngồi trước chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Trong đêm này có một Thiên tử dung mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, rồi ngồi lui qua một bên nói kệ:

Ở rừng Kỳ-hoàn này,

Tiên nhân Tăng trụ đó;

Các Vua cũng ở đó,

Khiến con càng vui mừng.

Tin sâu nghiệp tịnh giới,

Trí tuệ, thọ tối thắng;

Lấy đó tịnh chúng sanh,

Không dòng họ, tài vật.

Xá-lợi-phất Đại trí,

Chánh niệm thường tịch tĩnh;

An nhàn tu viễn ly,

Bạn lành người mới học.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như con hiểu lời Thế Tôn nói, gia chủ Cấp Cô Độc sanh lên cõi trời kia rồi đến diện kiến Thế Tôn, nhưng gia chủ Cấp Cô Độc kia, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất rất mực kính trọng.”

Phật bảo A-nan:

“Này A-nan, đúng thế! Này A-nan, gia chủ Cấp Cô Độc sanh về cõi trời kia rồi đến gặp Ta.”

Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Tất cả trí thế gian,

Chỉ trừ trí Như Lai;

So trí Xá-lợi-phất,

Không bằng phần mười sáu.

Như trí Xá-lợi-phất,

Cùng tất cả trời người;

So với trí Như Lai,

Không bằng phần mười sáu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 594. THỦ THIÊN TỬ[1874]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tinh xá Khoáng dã. Bấy giờ có gia chủ Khoáng dã bệnh nặng từ trần, sanh về cõi trời Vô nhiệt. Sau khi sanh về cõi trời ấy, liền nghĩ rằng: 'Ta không nên ở đây lâu, không gặp Thế Tôn.' Nghĩ xong, trong khoảnh khắc, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ cõi trời Vô nhiệt, hiện ra trước Phật. Thân thể Thiên tử ấy trụ lại trên mặt đất mà không thể tự đứng, giống như dầu bơ tụ lại trên đất không thể tự đứng. Thân thể của Thiên tử ấy nhỏ nhắn, mềm nhũn, không thể tự đứng dậy được."

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

"Ông nên biến hóa thành thân thô để đứng trên đất."

Thiên tử liền hóa thành thân thô đứng trên đất. Thiên tử ấy đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thủ thiên tử:

"Này, Thủ thiên tử[1875], những kinh pháp mà ông đã học trước đây khi làm thân người, ở thế gian này nay còn nhớ chẳng quên chăng?"

Thủ Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Những pháp mà khi làm người ở thế gian, con đã nghe nhưng không hiểu hết, nay vẫn còn nhớ. Như Thế Tôn khéo nói, Thế Tôn nói rằng: 'Nếu người được ở nơi an vui, có thể nhớ nghĩ pháp, chứ không phải ở chỗ khổ não.' Lời nói này rất chân thật. Như Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đề thuyết pháp cho đủ tất cả các loài và bốn chúng vây quanh. Bốn chúng kia nghe Phật dạy, tất cả đều cung kính vâng làm. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô nhiệt vì các Thiên nhân nơi đại hội nói pháp. Các vị trời này đều lãnh thọ tu học."

Phật bảo Thủ thiên tử:

“Lúc ông ở thế gian, đối với những pháp gì không biết chán đủ mà được sanh về cõi trời Vô nhiệt?”

Thủ thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở nơi ba pháp không biết chán, nên khi thân hoại, sanh lên cõi trời Vô nhiệt. Những gì là ba pháp? Đó là vì con thấy Phật không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do con đối với Pháp của Phật không biết chán nên sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do cúng dường chúng Tăng không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt.”

Rồi Thủ Thiên tử nói kệ:

Thấy Phật không biết chán,

Nghe Pháp cũng không chán;

Cúng dường các chúng Tăng,

Cũng chưa từng biết đủ.

Thọ trì pháp Hiền thánh,

Điều phục tham trước bẩn;

Ba pháp không biết đủ,

Nên sanh Vô nhiệt thiên.

Thủ thiên tử sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 595. ĐÀO SƯ[1876]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử Vô phiền tướng mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử nói kệ:

Sanh cõi trời Vô phiền,

Bảy Tỳ-kheo giải thoát;

Tham, sân, nhuế đã hết,

Siêu thoát vượt ân ái.

Ai qua khỏi các dòng,

Quân ma chết khó vượt?

Ai bứt cùm ma chết,

Trọn thoát gông phiền não?[1877]

Thế Tôn nói kệ đáp:

Tôn giả Ưu-ba-ca,

Cùng Ba-lợi-kiện-trà;

Phất-ca-la-sa-lê,

Bạt-đề, Kiền-đà-điệp.

Với Bà-hưu-nan-đề,

Và Bà-tỳ-sấu-nậu;

Tất cả bảy vị này,

Đều vượt qua các dòng.

Bứt tuyệt cùm ma chết,

Vượt chỗ khó vượt kia;

Bứt cùm các ma chết,

Siêu việt ách cõi trời.

Nói pháp rất thâm diệu,

Giác ngộ người khó biết;

Khéo hỏi nghĩa sâu xa,

Hiện nay người là ai?

Thiên tử ấy nói kệ bạch Phật:

Con là A-na-hàm,

Sanh cõi trời Vô phiền;

Nên biết những điều ấy,

Bảy Tỳ-kheo giải thoát.

Hết tham dục, sân nhuế,

Trọn thoát mọi ân ái.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Ý nhập xứ thứ sáu;
Nếu danh kia và sắc,
Được dứt sạch không còn.
Biết rõ các pháp này,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham hữu đều đã hết,
Trọn thoát mọi ân ái.

Thiên tử lại nói kệ:

Thôn Bệ-bạt-lăng-già[1878],
Con cư ngụ trong ấy;
Tên Nan-đề-bà-la,
Chuyên làm các đồ gốm.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Giữ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,

Lìa dục tu phạm hạnh.

Đời đời làm bạn con,

Con cũng bạn vị ấy;

Các Chánh sĩ như vậy,

Đời trước cùng hòa hợp,

Khéo tu nơi thân tâm,

Còn giữ thân cuối này.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

Ông là bậc Hiền sĩ,

Như lời ông đã nói;

Thôn Bệ-bạt-lăng-già,

Tên Nan-đề-bà-la.

Đệ tử Phật Ca-diếp,

Thọ pháp Ưu-bà-tắc;

Cúng dường bậc cha mẹ,

Lìa dục tu phạm hạnh.

Trước kia bạn của ông,

Ông cũng là bạn họ;

Các Chánh sĩ như vậy,

Đời trước cùng hòa hợp,

Khéo tu thân tâm kia,

Còn giữ thân cuối này.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe lời Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi biến mất.

---o0o---

KINH 596. THIÊN TỬ (1)[1879]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử[1880] tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Đời này nhiều sợ hãi,

Chúng sanh thường não loạn;

Đã khởi cũng là khổ,

Chưa khởi cũng sẽ khổ.

Có chỗ lìa sợ chăng?

Mong Bậc Tuệ Nhãn nói.

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ đáp:

Ngoại trừ cần hành khổ,

Ngoại trừ trị các căn;

Ngoại trừ xả tất cả,

Không đâu thấy giải thoát.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 597. THIÊN TỬ (2)[1881]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Thế nào các chúng sanh,

Được thân tướng tốt đẹp;

Cần tu phương tiện gì,

Được con đường giải thoát?

Chúng sanh trụ pháp gì,

Nên tu tập pháp gì?

Là những chúng sanh nào,

Được chư Thiên cúng dường?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Giữ giới, trí tuệ sáng,

Tự tu tập chánh định;

Chánh trực, tâm buộc niệm,

Tinh cần, ưu tư diệt.

Được trí tuệ bình đẳng,

Tâm kia khéo giải thoát;

Do những nhân duyên này,

Được thân tướng đẹp đẽ.

Thành tựu đạo giải thoát,

Tâm trụ trong đó học;

Người đủ đức như thế,

Được chư Thiên cúng dường.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 598. THỤY MIÊN[1882]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Chìm đắm trong ngủ nghỉ,

Ngáp dài, không vui vẻ;

Ăn no, tim hồi hộp,

Lười biếng, không siêng năng.

Mười[1883] điều che chúng sanh,

Khiến Thánh đạo không hiện.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm chìm đắm ngủ nghỉ,

Ngáp dài, không vui vẻ;

Ăn no, tim hồi hộp,

Lười biếng, không siêng năng.

Người tinh cần tu tập,

Hay khai phát Thánh đạo.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 599. KẾT TRIỀND.[1884]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Trói ngoài, không phải trói,

Trói trong trói chúng sanh;

Nay xin hỏi Cù-đàm,

Ai nơi trói lìa trói?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Người trí kiến lập giới,

Nội tâm tu trí tuệ;

Tỳ-kheo siêng tu tập,

Nơi trói hay thoát trói.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 600. NAN ĐỘ[1885]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Khó vượt, khó thể nhẫn,

Sa-môn vì không biết;

Khởi nhiều thứ gian nan,

Càng mê muội chìm đắm.

Tâm giác tưởng chi phối,

Thường thường bị chìm đắm;

Sa-môn làm thế nào,

Khéo nhiếp hộ tâm mình?

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Như con rùa khôn khéo,

Tự thu mình trong mai;

Tỳ-kheo tập thiền tư,

Khéo nhiếp các giác tưởng.

Tâm kia không chỗ nương,

Không gì làm sợ hãi;

Đó là tự ẩn kín,

Không bị ai phỉ báng.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 601. TIỂU LƯU[1886]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ

dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Tát-la[1887] dòng thác nhỏ,

Nơi đâu sẽ nghịch dòng?

Con đường tắt sanh tử,

Nơi nào mà chẳng chuyển?

Các khổ lạc thế gian,

Do đâu dứt không còn?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,

Cùng với ý nhập xứ;

Danh sắc dứt không còn,

Tát-la ngược dòng nhỏ.

Đường sanh tử không chuyển,

Khổ lạc dứt không còn.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 602. LỘC BÁC[1888]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Đùi nai Y-ni-da[1889],

Bậc tôn trong Tiên nhân;

Ăn ít, không đắm vị,

Thiền tư, thích núi rừng.

Nay con kính cúi đầu,

Xin hỏi Đức Cù-đàm;

Làm sao lìa khỏi khổ?

Làm sao giải thoát khổ?

Nay con hỏi giải thoát,

Nơi đâu mà dứt sạch?

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm dục của thế gian,

Tâm pháp là thứ sáu;

Nơi dục ấy không dục,

Giải thoát tất cả khổ.

Như thế ra khỏi khổ,

Như thế giải thoát khổ;

Ông hỏi về giải thoát,

Chính nơi kia diệt tận.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 603. CHƯ LƯU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Làm sao qua các dòng,

Làm sao qua biển lớn;

Làm sao trừ được khổ,

Làm sao được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Lòng tin vượt các dòng,

Không buông lung qua biển;

Tinh tấn hay trừ khổ,

Trí tuệ được thanh tịnh.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

-ooOoo-

TẠP A-HÀM QUYỂN 23

KINH 604. A-DỤC VƯƠNG NHÂN DUYÊN[1890]

Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà.
Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, mang bát, cùng với Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Như bài kệ nói:
Sắc thân như núi vàng,
Rất đoan nghiêm vi diệu;
Bước đi như ngỗng chúa,
Mặt như trăng sáng đầy;
Thế Tôn cùng đại chúng.
Lúc ấy, Thế Tôn lấy chân giẫm lên phần đất giới hạn cửa thành tạo thành sáu thứ chấn động. Như bài kệ nói:
Biển lớn và đất bằng,
Thành quách cùng núi non,
Chân Mâu-ni giẫm lên,
Dao động như thuyền sóng.
Đức Phật biến hiện thần lực như thế, lúc đó nhân dân cùng cất tiếng xướng lớn rằng:
“Kỳ diệu thay, pháp chưa từng có, thần lực biến hiện như Đức Thế Tôn khi vào thành, hiển bày những việc chưa từng có như thế. Như bài kệ nói:
Đất thấp liền bằng lên,
Đất cao thành thấp xuống;
Do oai thần của Phật,
Nên gai góc, sỏi đá,
Đều chẳng còn thấy nữa.
Người mù, điếc, câm, ngọng,
Liền được thấy, nghe, nói;
Nhạc khí trong thành quách,
Chẳng đánh, phát diệu âm.”

Bấy giờ, Thế Tôn tỏa ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng của ngàn mặt trời. Như kệ nói:
Thế Tôn thân sáng chói,
Chiếu khắp cả thành ấp.
Nhân dân nhờ ánh Phật,
Mát như thoa chiên-đàn.
Bấy giờ, Đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một đẳng cấp thượng và một đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa; một tên Xà-da, một tên Tỳ-xà-da[1891]. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân, đồng tử Xà-da nghĩ thầm: "Mình đem bột này cúng dường." Rồi tay nắm một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn. Khi ấy, Tỳ-xà-da chắp tay tùy hỷ. Như bài kệ nói:
Thấy Thế Tôn đại bi,
Toàn thân sáng một tầm.
Được nhìn thấy Thế Tôn,
Sanh lòng tin kính lớn,
Dâng nắm cát cúng dường,
Được thoát bờ sanh tử.
Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: "Nhờ căn lành của công đức huệ thí này, mong con được làm một vị Tản cái vương[1892] của một thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phật."
Như bài kệ đã nói:
Mâu-ni biết tâm kia,
Cùng ý kia mong muốn,
Được quả thêm căn lành,
Cùng với sức phước điền;
Phật với tâm đại bi,
Nhận nắm cát cúng dường.
Xà-da nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, Thế Tôn mỉm cười. A-nan thấy Phật mỉm cười, liền chắp tay hướng về Phật, bạch Phật:
"Bạch Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải không nhân duyên gì mà mỉm cười." Như kệ nói:
Thế Tôn lìa cười đùa.
Vô Thượng Tôn trên đời,
Răng trắng như ngọc quý,
Đấng Tối Thắng mỉm cười.
Dũng mãnh siêng tinh tấn,
Không Thầy mà tự giác;
Lời hay khiến thích nghe,

Tiếng dịu dàng siêu tuyệt,
Huyền ký đồng tử kia,
Bằng Phạm âm trong vắt.
Lưỡng Túc Tôn vô thượng,
Ghi nhận quả thí cát.

Khi ấy Thế Tôn bảo A-nan:

"Đúng thế! Đúng thế! Như lời ngươi nói. Chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay Ta cười là vì có nhân duyên."

"A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đồng tử này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phất[1893] thống lãnh một phương, làm Chuyển luân vương, họ Khổng Tước[1894], tên A-dục[1895], đem chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương, đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sanh." Như kệ nói:

Sau khi Ta diệt độ,
Người này sẽ làm vua,
Họ Khổng Tước, tên Dục,
Ví như vua Đảnh sanh,
Nơi Diêm-phù-đề này,
Được tôn quý bậc nhất.

"A-nan! Hãy lấy nắm cát được bố thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. Ta sẽ đi nơi đó."

A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rãi trên chỗ kinh hành.

Đức Phật dạy:

A-nan nên biết, sau này tại thành ấp Ba-liên-phất có vua hiệu là Nguyệt Hộ[1896]. Vị vua ấy sẽ sanh con tên là Tần-đầu-sa-la[1897], cai trị nước đó. Vua lại có một người con nữa tên là Tu-sư-ma[1898]. Thời bấy giờ, nước Chiêm-bà có một thiếu nữ Bà-la-môn rất đẹp, khiến người ưa thích, nàng là trân bảo của đất nước. Các nhà tướng số xem tướng thiếu nữ này đều đoán rằng: 'Nàng sẽ là vương phi và sẽ sanh ra hai người con. Một người sẽ thống lãnh thiên hạ và một người sẽ xuất gia học đạo, thành tựu Thánh đạo.' Người Bà-la-môn nghe tướng sư nói vậy vui mừng vô hạn, liền đưa con gái của ông ta đến ấp Ba-liên-phất, sắm sửa trang điểm cho cô gái thật xinh đẹp. Ông muốn đem gả cho vương tử Tu-sư-ma. Tướng sư bảo: 'Nên gả cho Tần-đầu-sa-la vương. Cô này sẽ sanh con phước đức. Đứa con sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua.' Bà-la-môn đem con gái gả cho nhà vua này. Vua thấy thiếu nữ đoan chánh, có đức hạnh, bèn phong làm phu nhân.

Những bà phu nhân trước và các thế nữ thấy phu nhân này đi đến liền nghĩ rằng: 'Thiếu nữ này quá đoan chánh, là trân bảo của đất nước. Nếu nhà vua say đắm nàng, nhà vua sẽ bỏ chúng ta, cho đến mắt không nhìn tới nữa.' Phu nhân và các cung phi bắt thiếu nữ ấy học nghề thợ cạo. Sau khi học xong,

nàng lo việc cắt tỉa râu tóc cho vua. Khi cắt râu tóc, nhà vua rất hoan hỷ, bèn hỏi cô gái:
"Cô ước mơ điều gì?
Thiếu nữ tâu:
"Tôi chỉ mong được vua để tâm, thương yêu nghĩ đến."
Nàng nói như vậy ba lần.
Lúc ấy vua bảo:
"Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lợi. Còn nàng là thợ cạo. Làm sao ta có thể thương tưởng nàng được?"
Thiếu nữ tâu:
"Tôi chẳng phải là con dòng hạ tiện. Tôi con gái của dòng họ cao quý Bà-la-môn. Các tướng sư nói với cha tôi rằng: 'Cô gái này nên gả cho Quốc vương.' Vì thế nên tôi mới đến đây."
Vua lại hỏi:
"Nếu như thế, ai khiến nàng học tập cái nghề hèn mọn này?"
Thiếu nữ đáp:
"Phu nhân trước và các thế nữ bắt tôi phải học nghề này."
Nhà vua liền ra lệnh:
"Từ nay về sau, nàng chớ làm nghề hạ tiện này nữa."
Vua liền lập nàng làm Đệ nhất phu nhân. Nhà vua cùng nàng thụ hưởng dục lạc. Chẳng bao lâu nàng mang thai. Đầy tháng thì sanh con. Lúc sanh nở an ổn, mẹ không ưu não. Qua bảy ngài đặt tên là Vô Ưu[1899]. Rồi lại sanh thêm một người nữa đặt tên là Ly Ưu[1900]. Vô Ưu có thân thể thô nhám, vua cha không muốn đến gần bồng bế, không có tình quyến luyến. Nhà vua lại muốn thử hai người con, nên gọi Bà-la-môn Tân-già-la-a[1901] bảo rằng:
"Hòa thượng xem giùm hai đứa con của ta. Sau khi ta từ trần, ai sẽ làm vua?"
Ba-la-môn đáp:
"Xin đem các thái tử này ra khỏi thành, đến lầu Kim điện trong công viên[1902]. Ở nơi đó, tôi sẽ xem tướng."
Bèn ra khỏi thành, đến khu vườn ấy. Trong khi ấy, mẹ vua A-dục nói với A-dục:
"Con hãy theo vua cha ra nơi dinh thự trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, sau khi nhà vua mất rồi ai sẽ làm vua? Sao con không đi?"
A-dục đáp:
"Vua cha chẳng nghĩ gì đến con và cũng chẳng vui khi thấy con."
Bà mẹ lại bảo:
"Con chỉ đến nơi ấy thôi."
A-dục thưa:
"Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ đưa đồ ăn uống đến cho con."

Mẹ đáp:
“Được. Con hãy ra khỏi thành đi.”
A-dục đi ra khỏi thành. Lúc ra cửa, gặp một vị đại thần tên là A-nậu-la-đà[1903]. Vị quan này hỏi A-dục:
“Vương tử đi đâu thế?”
A-dục đáp:
“Tôi nghe Đại vương ra ngoài thành, ở trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, để sau khi vua băng hà, ai sẽ làm vua. Bây giờ, tôi đi đến nơi ấy.”
Nhà vua đã ra lệnh cho các đại thần:
“Nếu A-dục đến thì phải khiến cưỡi con voi già chậm lụt mà đến và thêm người già làm tùy tùng.”
A-dục cưỡi voi già đến trong viên quán và ngồi dưới đất, giữa các vương tử. Bấy giờ, các vương tử soạn thức ăn uống. Mẹ của A-dục lấy chén nung đựng đầy sữa và cơm trao cho A-dục. Trong lúc các vương tử ăn uống như thế, vua cha hỏi thầy tướng:
“Trong đây ai có tướng vua, sẽ kế vị ta được?”
Thầy tướng nhìn kỹ các vương tử, thấy A-dục đầy đủ tướng vua, sẽ được kế vị. Nhưng lại nghĩ thầm: ‘Nhà vua không hài lòng về vương tử A-dục này. Nếu ta nói A-dục sẽ làm vua, chắc chắn Đại vương không vui.’ Ông liền nói rằng:
“Bấy giờ tôi xin ghi nhận chung chung.”
Vua nói lại:
“Cứ theo lời sư chỉ.”
Thầy tướng nói:
“Trong đây người nào cưỡi cỗ xe đẹp nhất thì người ấy sẽ làm vua.”
Các vương tử nghe nói như thế, mỗi người đều nghĩ rằng: ‘Cỗ xe của mình đẹp nhất.’ Lúc ấy A-dục nói:
“Tôi cưỡi con voi già, tôi được làm vua.”
Vua lại bảo thầy tướng:
“Xin xem lại rồi xác nhận.”
Thầy tướng lại đáp:
“Trong đây người nào có chỗ ngồi bậc nhất, người ấy sẽ làm vua.”
Các vương tử cùng bảo nhau.
“Chỗ ta ngồi là bậc nhất.”
A-dục nói:
“Nay tôi ngồi dưới đất, là chỗ ngồi bậc nhất, tôi sẽ làm vua.”
Vua lại bảo thầy tướng:
“Hãy xem lại một lần nữa.”
Thầy tướng lại bảo rằng:

"Trong đây vị nào có chén bát và thức ăn quý giá hơn hết, thì người ấy sẽ làm vua."
Chi tiết, cho đến, A-dục nghĩ thầm: 'Ta có cỗ xe tốt nhất; chỗ ngồi bậc nhất và thức ăn ngon nhất.'
Nhà vua xem tướng các con xong rồi, trở về cung. Mẹ của A-dục hỏi A-dục:
"Bà-la-môn tiên đoán người nào sẽ làm vua?"
A-dục thưa mẹ:
"Người có cỗ xe tốt nhất, người có chỗ ngồi bậc nhất và đồ dùng quý nhất, thức ăn ngon nhất, người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy con sẽ làm vua. Vì con cưỡi con voi già, ngồi dưới đất, chén bát thuần khiết đựng đầy thức ăn như cơm gạo khô trộn sữa."
Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên tỏ vẻ cung kính mẹ của A-dục. Mẹ của A-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-la-môn và tiện dịp hỏi:
"Sau khi Đại vương từ trần ai sẽ làm vua?"
Thầy tướng đáp:
"Điều này không thể nói được."
Bà hỏi mãi ba lần ông mới đáp:
"Tôi sẽ nói nhưng lệnh bà hãy cẩn thận, chớ cho ai biết. Lệnh bà sanh được người con này là A-dục. Chính người này sẽ làm vua vậy."
Phu nhân bảo rằng:
"Tôi nghe lời nói này hết sức vui mừng. Nếu nhà vua nghe được, đối với thầy tướng vua sẽ không còn tin kính nữa. Vậy thầy nên trở về chốn cũ. Nếu con tôi làm vua thì thầy cũng sẽ được tất cả những điều tốt đẹp. Tôi sẽ cúng dường suốt đời."
Lúc ấy nước láng giềng Đức-xoa-thi-la[1904] làm phản, vua Tần-đầu-la bảo A-dục:
"Con hãy đem bốn binh chủng đi bình phạt nước kia."
Khi vương tử ra đi, chẳng cho binh giáp. Bấy giờ, người đi theo thưa với vương tử:
"Nay đi bình phạt nước kia, nhưng không có quân cụ, thì làm sao dẹp yên được?"
A-dục nói:
"Nếu ta sẽ làm vua thì do phước báu của căn lành, binh giáp tự nhiên đến."
Ứng theo tiếng nói của A-dục, mặt đất liền nứt ra, binh giáp từ đất hiện ra. A-dục bèn đem bốn thứ quân binh đến bình phạt nước ấy.
Nhân dân các nước kia nghe A-dục đến liền sửa sang đường sá, trang nghiêm thành quách, mang bình quý đựng nước và các thức cúng dường, đón tiếp kính dâng vương tử và nói rằng:
"Chúng tôi không phản Đại vương và vương tử A-dục. Nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch với Thánh hóa."

Nhân dân đem các thức cúng dường vương tử; rước vương tử vào thành. Sau khi bình định nước này rồi, lai sai đi chinh phạt nước Khư-sa.
Đương thời có hai vị đại lực sĩ giúp vua sửa sang đường sá, dời các đá núi. Lại có chư Thiên đến tuyên lệnh cho nước này rằng: 'A-dục sẽ làm vua thiên hạ này. Các người chớ nên khởi ý chống đối.' Quốc vương kia bèn quy hàng. Như thế, chi tiết cho đến, bình định thiên hạ này cho đến bờ biển.
Một hôm vương tử Tu-sư-ma ra ngoài thành dạo chơi, lại gặp một vị đại thần. Vị đại thần này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần. Đại thần nghĩ rằng: 'Vương tử này chưa được ngôi vua, mà cách xử sự như thế. Nếu được làm vua thì không thể nào chịu nổi.' Lại nghe A-dục được thiên hạ, chinh phục được năm trăm đại thần. Họ nói: 'Chúng ta sẽ cùng nhau lập A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này.'
Nước Đức-xoa-thi-la lại làm phản. Các quan cùng nhau luận bàn, đề nghị vương tử Tu-sư-ma đi dẹp loạn. Vua bằng lòng. Vương tử liền đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được, vua cha lại bị bệnh nặng, bảo các quan:
"Nay ta muốn lập Tu-sư-ma làm vua. Hãy lệnh cho A-dục đến nước kia."
Bấy giờ, các quan muốn lập A-dục lên làm vua. Họ lấy sắc vàng bôi lên thân thể, mặt mày và tay chân của A-dục. Rồi các quan tâu với vua:
"Vương tử A-dục nay đang bệnh nặng."
Các quan trang nghiêm cho A-dục tề chỉnh rồi dẫn đến chỗ vua:
"Nay nên lập người con này làm vua. Chúng tôi từ từ sẽ lập Tu-sư-ma làm vua sau."
Vua nghe những lời này không vui; lo lắng, buồn bực, im lặng không đáp.
Lúc ấy A-dục thầm suy nghĩ: 'Nếu ta xứng đáng làm được ngôi vua, chư Thiên sẽ đến rưới nước trên đỉnh đầu ta, lấy lụa trắng quấn trên đầu.'
Nói vừa dứt, chư Thiên lấy nước rưới trên đỉnh đầu A-dục và lấy lụa trắng quấn lên đầu. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liền từ trần. A-dục lo việc tang lễ cho vua cha đúng theo nghi thức vương triều. A-dục kế vị xong, phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần.
Trong khi ấy, vương tử Tu-sư-ma nghe vua cha băng hà, nay lại lập A-dục lên làm vua, sanh lòng bất bình, tập hợp binh lính kéo về đánh lại A-dục. Trong bốn cổng thành của A-dục, hai cổng có đặt hai lực sĩ. Cổng thứ ba thì đặt một đại thần. Tự mình giữ cửa Đông.
Đại thần A-nậu-lâu-đà làm con voi máy bằng gỗ và đúc tượng A-dục. Tượng A-dục cỡi voi, đặt ở ngoài cửa Đông. Lại làm hầm lửa không khói, lấy vật phủ lên. Khi Tu-sư-ma đi đến, đại thần A-nậu-lâu-đà nói với Tu-sư-ma:
"Vương tử muốn làm vua, A-dục đang ở cửa Đông, đến đó đánh thắng được ông ấy, tự nhiên được làm vua."
Vương tử Tu-sư-ma vội vàng đi thẳng đến cửa Đông, liền bị rơi xuống hầm lửa mà chết.

Bấy giờ, có một đại lực sĩ tên là Bạt-đà-la-do-đà[1905] nghe Tu-sư-ma đã chết, ông đâm ra chán đời, đem tất cả quyến thuộc vào trong Phật Pháp xuất gia học đạo, gắng sức tinh tấn, chẳng bao lâu sạch các lậu, thành A-la-hán.
Vua A-dục bằng chánh pháp trị hóa dân chúng. Bấy giờ bọn quần thần cậy vào thế đưa A-dục lên ngôi nên tỏ ra khinh mạn A-dục, không tuân hành nghi lễ vua tôi. Vua biết các quan khinh lời mình, bèn bảo bá quan:
"Các người hãy chặt cây hoa trái mà trồng gai góc."
Các quan tâu:
"Chúng tôi chưa từng thấy nghe dẹp bỏ hoa trái mà trồng gai góc, chỉ thấy dẹp bỏ gai góc mà trồng hoa trái."
Cho đến, ba lần vua ra lệnh phải chặt bỏ, nhưng các quan cũng chẳng làm theo.
Bấy giờ, vua A-duc tức giận các quan đại thần, liền lấy gươm bén giết chết hết năm trăm đại thần. Lại có lúc vua đem các thể nữ ra vườn ngoài chơi đùa. Vua thấy một gốc cây Vô ưu đang trổ đầy hoa. Nghĩ hoa này cùng tên với mình, trong lòng rất hoan hỷ. Vì vua có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi, nên các thể nữ không yêu mến. Họ chán ghét vua, nên dùng tay bẻ gãy hết cây Vô ưu. Nhà vua nghỉ, vừa thức giấc dậy, thấy cây Vô ưu trơ trọi, hoa thì nằm ngỗn ngang trên đất. Vua nổi trận lôi đình, bắt các thể nữ trói lại và đốt chết hết. Vì vua làm điều bạo ác nên gọi là Bạo ác A-dục vương[1906].
Lúc ấy đại thần A-nậu-lâu-đà tâu:
"Vua không nên làm những điều đó. Sao lại tự tay giết các quan và thể nữ? Bây giờ, Đại vương nên lập ra một tên đao phủ. Ai có tọâi đáng chết thì giao cho người đó."
Vua liền ra lệnh lập người đao phủ. Trong nước vua A-dục có hòn núi tên là Kỳ-lê, nơi đó có nhà người thợ dệt. Người này có một người con tên là Kỳ-lê[1907], tánh tình rất hung ác, hay đánh đập, bắt trói các bé trai, bé gái và bắt các sanh vật trên đất cũng như dưới nước, cho đến ngỗ nghịch với cha mẹ. Vì thế người đời đồn đại là 'Hung ác Kỳ-lê tử[1908].' Bấy giờ các sứ giả của vua đến nói với nó:
"Ngươi có thể vì vua làm đao phủ để chém những tội nhân không?"
Kỳ-lê đáp:
"Tất cả những người có tội ở Diêm-phù-đề này tôi đều có thể trừ sạch, huống chi chỉ có một xứ này!"
Các sứ giả trở về tâu vua:
"Người kia đã tìm được kẻ hung ác rồi."
Vua ra lệnh:
"Hãy đem hắn về đây."
Các sứ giả đi gọi nó. Nó đáp:
"Chờ một chút, để tôi từ giã cha mẹ trước đã."

Nó nói đầy đủ những sự việc trên. Cha mẹ nó khuyên can:
“Con chớ làm việc ấy!”
Cha mẹ can ngăn ba lần, hắn sanh tâm bất nhân, giết chết cha mẹ sau đó mới đi.”
Các sứ giả hỏi:
“Sao lâu thế, không đến sớm?”
Tên hung ác ấy thuật lại đầu đuôi sự việc. Các sứ giả đem việc này tâu lại nhà vua. Vua ra lệnh cho hắn:
“Có tội nhân phạm tội đáng chết, ta giao cho ngươi phải biết đấy.”
Hắn tâu:
“Xin vua làm nhà cho tôi.”
Vua cho xây cất nhà cửa, phòng ốc cho Kỳ-lê rất đàng hoàng, nhưng chỉ mở một cửa. Cửa cũng rất nghiêm ngặt. Bên trong ấy bày la liệt các đồ trị tội như cảnh địa ngục. Ngục ấy rất đẹp. Khi ấy tên hung ác kia tâu vua:
“Bây giờ, xin vua một điều. Nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra.”
Vua trả lời:
“Ta chấp nhận như lời xin của ngươi.”
Một hôm tên đao phủ đi vào chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về địa ngục. Lúc ấy có Tỳ-kheo đang giảng kinh Địa ngục: ‘Có chúng sanh rơi xuống địa ngục, ngục tốt nắm lấy tội nhân ấy, dùng kiềm sắt nóng banh miệng tội nhân, nhét viên sắt nóng vào trong miệng. Kế đó sau đó lấy búa sắt cắt chặt thân thể, rồi lại lấy gông cùm, xiềng xích trói buộc thân, rồi đến xe lửa, lò than, vạc sắt, đến sông tro, kế đến núi đao, cây kiếm.’ Đầy đủ như kinh Ngũ Thiên Sứ đã nói. Tên đao phủ nghe các Tỳ-kheo nói những việc như thế, liền lập chỗ ở ấy làm những cách trị tội nhân như các Tỳ-kheo đã nói, bắt chước theo pháp này để trị tội nhân.
Một thời kia, có người lái buôn cùng với vợ đi ra trên biển. Trong lúc đang ở ngoài biển khơi thì người vợ sanh con, đặt tên là Hải[1909]. Gia đình này sống trên mặt biển như vậy hơn mười năm, thu nhặt châu báu, rồi trở về quê hương. Dọc đường họ bị năm trăm tên cướp giết chết và đoạt hết châu báu.
Bấy giờ, đứa con của người lái buôn thấy cha bị giết chết và của cải mất hết, nên sanh ra chán cái khổ của thế gian, bèn ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo, rồi trở về nhà du hành qua các nước, dần dần đến ấp Ba-liên-phất.
Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, người này đắp y mang bát vào trong thành khất thực, đi lầm vào nhà tên đao phủ. Bấy giờ, Tỳ-kheo này từ xa nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, xe lửa v.v… trừng trị tội nhân như ở trong ngục. Tỳ-kheo sợ hãi, lông dựng đứng, liền muốn quay ra khỏi cửa. Ngay khi ấy tên đao phủ hung ác liền đi tới nắm lấy Tỳ-kheo nói rằng:

“Ai đã vào đây rồi thì không thể ra được. Bây giờ người phải chết đây thôi.”
Tỳ-kheo nghe nói trong lòng hết sức buồn thảm, nước mắt đầm đìa. Tên đao phủ hỏi:
“Tại sao ông lại khóc lóc như trẻ con?”
Tỳ-kheo nói kệ đáp:
Tôi không phải sợ chết.
Chí nguyện cầu giải thoát;
Chỗ mong cầu chưa toại,
Vì thế nên tôi khóc.
Thân người rất khó được,
Xuất gia cũng như vậy.
Gặp Thích Sư tử vương,
Từ nay không thấy nữa.
Tên đao phủ hung ác nói với Tỳ-kheo:
“Ông nhất định phải chết, còn ưu não cái gì?”
Tỳ-kheo trả lời bằng những lời bi ai:
“Hãy cho tôi sống thời gian ngắn một tháng.”
Tên hung ác không chịu. Như vậy số ngày bớt dần lại còn bảy ngày hắn mới bằng lòng. Tỳ-kheo kia biết sắp chết, nên dũng mãnh tinh tấn, tọa thiền nhất tâm, cuối cùng cũng không thể đắc đạo được. Đến ngày thứ bảy, trong cung vua có cung nữ phạm tội nặng đến chết, bị đem giao cho tên đao phủ hung ác nay trị tội. Tên đao phủ đem nữ tội nhân bỏ vào cối dùng chày giã nát thân thể cô gái. Tỳ-kheo trông thấy việc đó nên rất chán ghét thân này: ‘Ôi, khổ thay chốc nữa ta cũng sẽ như vậy!’ Rồi nói kệ:
Ôi bậc Thầy đại bi,
Diễn nói Chánh diệu pháp:
Thân này như bọt nước,
Đúng nghĩa không có thật.
Sắc gái đẹp trước kia,
Nay đây còn đâu nữa?
Sanh tử rất đáng xả,
Kẻ ngu si tham đắm.
Buộc tâm vào nơi ấy,
Nay nên thoát gông cùm;
Vượt qua biển Tam hữu,
Rốt ráo không sanh lại.
Như thế siêng phương tiện,
Chuyên tinh tu Phật pháp;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đắc thành A-la-hán.

Khi ấy tên đao phủ nói với Tỳ-kheo:
“Kỳ hạn đã hết.”
Tỳ-kheo hỏi:
“Tôi không hiểu điều ông nói.”
Tên đao phủ đáp:
“Trước đây người kỳ hạn bảy ngày, nay đã mãn.”
Tỳ-kheo nói kệ đáp:
Tâm tôi được giải thoát,
Vô minh tối tăm lớn.
Đoạn trừ các hữu cái[1910],
Do giết giặc phiền não.
Mặt trời tuệ đã hiện,
Soi sáng tâm ý thức;
Rõ ràng thấy sanh tử,
Khởi lòng thương xót người.
Tùy thuận tu Chánh pháp,
Nay thân thể ta đây;
Muốn làm gì mặc ý,
Không còn có lẫn tiếc.
Lúc bấy giờ, tên hung ác kia bắt Tỳ-kheo bỏ vào trong vạc dầu sắt, lấy củi đun vào nhưng lửa không cháy. Dù có cháy nhưng chẳng nóng. Tên ấy thấy lửa không cháy, liền đánh đập người bị sai, rồi tự đốt lửa. Lửa bỗng cháy bừng dữ dội. Thật khá lâu, nó mở nắp vạc sắt; thấy Tỳ-kheo ấy giữa vạc dầu sôi ngồi trên hoa sen. Tên hung ác vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, liền đến tâu với Quốc vương. Nhà vua vội vàng sai thắng xe ngựa, dẫn theo đám đông vô số người, đến xem Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết đã đến lúc có thể điều phục vua, liền phóng thân lên hư không như con chim nhạn chúa, phô bày các thứ biến hóa. Như kệ sau đây:
Vua thấy Tỳ-kheo này,
Thân bay lên hư không;
Lòng vô cùng hoan hỷ,
Chắp tay nhìn vị Thánh:
Nay tôi xin được nói,
Điều không rõ trong ý:
Hình thể không khác người,
Thần thông chưa từng có.
Vì tôi phân biệt nói:
Tu tập những pháp gì;
Khiến ngài được thanh tịnh,
Xin vì tôi giảng rộng?

Khiến được pháp thắng diệu,
Tôi hiểu pháp tướng rồi;
Sẽ làm đệ tử ngài,
Hoàn toàn không hối tiếc.

Tỳ-kheo kia nghĩ thầm: ‘Nay ta đã điều phục được vị vua này, có nhiều điều cần phải hướng dẫn: Hộ trì Phật pháp, phân bố rộng rãi xá-lợi của Như Lai, đem an vui cho vô lượng chúng sanh, nơi cõi Diêm-phù-đề này, khiến mọi người đều tin Tam bảo.’ Vì nhân duyên này nên tự hiển lộ các đức kia. Tỳ-kheo hướng về vua nói kệ:

Tôi là đệ tử Phật,
Đã được sạch các lậu;
Lại nữa, là con Phật,
Không đắm tất cả hữu.
Nay tôi đã điều phục,
Đấng Lưỡng Túc Vô Thượng;
Tâm tĩnh chỉ, tịch tĩnh,
Mối sợ lớn sanh tử.
Nay tôi đều được thoát,
Trọn lìa được ba cõi;
Trong Thánh pháp Như Lai,
Được lợi ích như vậy.

Vua A-dục nghe Tỳ-kheo nói như vậy, khởi lòng tin kính Phật vô hạn. Vua lại thưa:

“Lúc Phật chưa diệt độ, Ngài đã huyền ký điều gì?”

Tỳ-kheo đáp:

“Phật huyền ký Đại vương: ‘Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm, tại thành Ba-liên-phất, có ba ức nhà. Nước ấy có vua tên A-dục, sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề này, làm Chuyển luân vương, dùng Chánh pháp cai trị giáo hóa và lại phân bố xá-lợi Ngài khắp Diêm-phù-đề, dựng tám vạn bốn ngàn tháp. Phật đã huyền ký Đại vương như vậy. Nhưng ngày nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này, giết hại vô lượng nhân dân. Bây giờ, vua nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến họ an ổn. Như lời Phật huyền ký Đại vương, Đại vương nên như pháp tu hành.”

Và Tỳ-kheo nói kệ:

Nên thực hành từ tâm,
Chớ não hại chúng sanh;
Nên tu tập Phật pháp,
Rộng phân bố xá-lợi.

Bấy giờ, A-dục vô cùng kính tin Phật, chắp tay làm lễ Tỳ-kheo:

"Tôi phạm tội lớn, nay đối trước Tỳ-kheo xin sám hối. Những việc làm của tôi thật sự không thể tha thứ được. Nay nguyện làm Phật tử. Hãy nhận sự sám hối của tôi. Mong hỷ xả, chớ quở trách. Tôi là kẻ ngu si, nay lại quy y."
Và vua nói kệ:
Tôi nay quy y Phật,
Pháp thắng diệu vô thượng;
Chúng Tỳ-kheo tôn kính;
Nay tôi trọn quy mạng.
Nay tôi phải dũng mãnh,
Vâng lời Thế Tôn dạy;
Nơi Diêm-phù-đề này,
Dựng khắp các tháp Phật.
Cúng dường đủ các thứ,
Treo lụa và tràng phan;
Trang nghiêm tháp Thế Tôn,
Tráng lệ đời ít có.
Tỳ-kheo độ A-dục xong, liền nương nơi hư không mà hóa. Nhà vua từ ngục mà ra, tên đao phủ tâu vua:
"Vua không đi được."
Vua hỏi:
"Nay người muốn giết ta sao?"
Đáp:
"Đúng vậy."
Vua nói:
"Ai là người đầu tiên vào ngục này?"
"Chính tôi."
"Nếu như vậy, thì ngươi đáng chết trước."
Vua ra lệnh đem tên hung ác này bỏ vào nhà có bôi keo, lấy lửa đốt cháy. Rồi ra lệnh phá hoại địa ngục này, ban sự không sợ hãi cho chúng sanh.
Bấy giờ, vua muốn xây tháp xá-lợi, đem bốn binh chủng đến thành Vương xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, rồi trở về sửa sang tháp này giống như trước không khác. Như vậy, A-dục đã lấy xá-lợi từ bảy tháp Phật. Sau đó lại đưa đến thôn La-ma-la[1911]. Rồi, các Long vương đưa vua vào Long cung. Vua đòi vua Rồng cúng dường xá-lợi. Long vương liền trao cho vua. Vua ra khỏi Long cung. Như bài kệ nói:
Trong thôn La-ma-la,
Nơi đó có tháp Phật;
Do Long vương thờ phụng,
Giữ gìn và cúng dường.
Vua đòi vua Rồng chia,

Các rồng sẵn lòng cho;
Vua cầm xá-lợi này,
Đem đến các phương khác.
Vua làm tám muôn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng xá-lợi Phật. Lại làm tám muôn bốn ngàn bình tứ bảo để chứa các ngàn hộp này. Rồi làm vô lượng trăm ngàn tràng phan, tàn lọng lụa trắng, khiến cho các quỷ thần mỗi vị cầm giữ đồ vật cúng dường xá-lợi. Vua lại ra lệnh cho các quỷ thần rằng: 'Diêm-phù-đề cho đến làng, xóm, thành ấp, ven biển, đầy một ức nhà, hãy lập tháp Xá-lợi để thờ Thế Tôn.'
Đương thời có nước tên là Đức[1912]-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức nhà. Người nước ấy nói với quỷ thần: 'Hãy cho chúng tôi ba mươi sáu hộp xá-lợi. Chúng tôi sẽ dựng tháp Phật.' Vua làm phương tiện: nước nào ít dân, chia thêm cho đủ số dân mà dựng tháp.
Bấy giờ, tại ấp Ba-liên-phất có Thượng tọa tên Da-xá. Vua đi đến chỗ Thượng tọa thưa:
"Tôi muốn một ngày dựng tám vạn bốn ngàn tháp khắp cả Diêm-phù-đề. Ý nguyện như vậy."
Như kệ tán thán:
Đại vương tên A-dục,
Từ tám ngôi tháp trước,
Lấy ra xá-lợi Phật
Nơi Diêm-phù-đề này.
Xây dựng các tháp Phật,
Tám muôn và bốn ngàn;
Rộng rãi và thắng diệu,
Một ngày đều hoàn tất.
Thượng tọa nói với vua:
"Lành thay, Đại vương! Ấn định mười lăm ngày sau, khi nguyệt thực[1913] cho xây các tháp Phật cõi Diêm-phù-đề."
Như vậy chỉ trong một ngày, dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Nhân dân thế gian vui mừng vô hạn cùng gọi là 'Pháp A-dục vương'[1914]. Tán thán như bài kệ sau:
Vua dòng thánh Khổng Tước,
An vui người thế gian.
Nơi Diêm-phù-đề này,
Kiến lập pháp thắng diệu.
Trước gọi là Ác vương,
Nay tạo nghiệp tốt lành;
Cùng xưng gọi Pháp vương,
Tương truyền mãi về sau.

Vua đã dựng tám muôn bốn ngàn tháp, nên lấy làm phấn khởi, vui mừng, đem các quần thần đi đến tinh xá Kê tước[1915]. Vua thưa với Thượng tọa Da-xá:
"Có Tỳ-kheo nào được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Tôi sẽ đi đến Tỳ-kheo ấy cúng dường cung kính."
Thượng tọa Da-xá đáp:
"Lúc Phật sắp Niết-bàn, hàng phục Long vương A-ba-la[1916], thợ gốm Chiên-đà-la[1917], rồng Cù-ba-lê[1918], đi đến nước Ma-thâu-la[1919], Phật bảo Tôn giả A-nan: 'Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm có trưởng giả tên là Cù-đà[1920] có con tên là Ưu-ba-quật-đa[1921] sẽ xuất gia học đạo, bằng Vô tướng Phật[1922] mà dạy dỗ người, là bậc nhất, sẽ làm Phật sự.' Phật bảo A-nan: 'Có thấy núi xa kia chăng?' A-nan bạch: 'Bạch Thế Tôn, thấy.' Phật bảo A-nan: 'Núi này tên là Ưu-lưu-mạn-trà[1923], đó là chỗ A-lan-nhã gọi là Na-trà-bà-đê[1924], phù hợp với sự tịch tĩnh.' Phật nói kệ ca ngợi:
Tỳ-kheo Ưu-ba-quật,
Vị Giáo thọ bậc nhất;
Tiếng đồn khắp bốn phương,
Được thọ ký tối thắng.
Sau khi Ta diệt độ,
Sẽ làm các Phật sự;
Độ tất cả chúng sanh,
Số lượng nhiều vô hạn."
Nhà vua hỏi Thượng tọa Da-xá:
"Tôn giả Ưu-ba-quật nay đã ra đời chưa?"
Thượng tọa đáp:
"Vị ấy đã ra đời và xuất gia học đạo, hàng phục phiền não, là A-la-hán cùng với vô lượng Tỳ-kheo quyến thuộc một muôn tám ngàn đang trú tại A-lan-nhã ở núi Ưu-lưu-mạn-trà. Vì thương xót chúng sanh, nên nói pháp tịnh diệu như Phật, hóa độ vô lượng trời, người khiến cho được vào thành cam lộ."
Nhà vua nghe xong vui mừng khôn xiết. Tức thì ra lệnh cho quần thần nhanh chóng sửa soạn xe cộ, đưa vô lượng quyến thuộc đến nơi ấy, để cung kính cúng dường Ưu-ba-quật-đa.
Bấy giờ, các quan tâu với vua rằng:
"Vị Thánh này đang ở tại nước của vua. Nên sai tín sứ rước vị ấy. Vị ấy sẽ tự mình đến."
Vua trả lời các quan:
"Không nên sai tín sứ đến nơi ấy. Ta nên tự đến, không nên để vị ấy tới đây."
Và vua nói kệ:
Ngươi được lưỡi Kim cang,

Vẫn không thể phá vỡ,
Ngăn ta đến nơi kia,
Gần gũi người nhà nông[1925]."
Vua sai tín sứ đến báo Tôn giả: 'Ngày nào đó, vua sẽ đến chỗ Tôn giả.'
Tôn giả suy nghĩ: 'Nếu vua đến sẽ có rất đông người đi theo, chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và hại nhân dân làng xóm.' Suy nghĩ xong, Tôn giả trả lời sứ giả rằng:
"Tôi sẽ tự đi đến cung vua."
Khi vua nghe Tôn giả tự đến, vui mừng sung sướng vô hạn. Từ Ma-thâu-la đến Ba-liên-phất, ở khoảng giữa hai nơi, vua cho đặt thuyền bè, trên thuyền treo phướn lọng. Tôn giả Ưu-ba-quật, vì thương xót vua nên đem chúng A-la-hán một muôn tám ngàn vị theo đường thủy đến vương quốc. Bấy giờ, người trong nước tâu vua:
"Tôn giả Ưu-ba-quật đem một muôn tám ngàn Tỳ-kheo đến đây rồi."
Vua sung sướng mừng rỡ khôn xiết, vội cởi chuỗi ngọc giá trị ngàn vàng trao cho họ. Rồi vua cùng các đại thần, quyến thuộc đi đến chỗ Tôn giả, cởi bỏ hành lý, năm vóc sát đất, làm lễ trước Tôn giả, quỳ gối chắp tay thưa rằng:
"Tôi nay thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, tuy ngồi ở ngôi vua mà không lấy làm vui. Hôm nay thấy được Tôn giả, vui mừng khôn xiết. Đệ tử của Như Lai mới có thể như vậy, thấy Tôn giả như thấy được Phật."
Và vua nói kệ:
"Tịch diệt, đã qua đời,
Nay ngài làm Phật sự.
Dứt ngu si thế gian,
Như mặt trời Phật chiếu.
Vì đời làm Đạo sư,
Bậc thuyết pháp đệ nhất;
Chúng sanh đáng nương cậy,
Nay tôi rất hoan hỷ."
Nhà vua ra lệnh cho sứ giả loan báo khắp nước rằng:
"Tôn giả Ưu-ba-quật ngày nay đến nước này."
Bèn xướng lên rằng:
"Ai muốn được giàu sang,
Xa lìa khổ bần cùng;
Thường được vui cõi trời;
Ai giải thoát Niết-bàn.
Nên gặp Ưu-ba-quật,
Cung kính và cúng dường.
Ai chưa thấy chư Phật,

Nay thấy Ưu-ba-quật.”
Bấy giờ, nhà vua chỉnh trang bờ cõi, đắp đường bằng phẳng, treo lụa, phan, lọng, xông hương, rãi hoa, tấu nhạc. Nhân dân cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật để cúng dường cung kính.
Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật tâu vua:
“Tâu Đại vương, ngài nên đem chánh pháp cai trị, giáo hóa, thương xót chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp, nên đối với Tam bảo cúng dường, cung kính, tu niệm và khen ngợi, vì người giảng nói rộng. Vì sao? Vì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, thường huyền ký rằng: ‘Chánh pháp của Ta được ký thác nơi Quốc vương và Tỳ-kheo Tăng của ta’.”
Và Tôn giả nói kệ:
“Bậc Thế Hùng tôn kính,
Chánh pháp rất thắng diệu;
Ký thác nơi Đại vương,
Cùng với Tỳ-kheo Tăng.”
Nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật:
“Tôi đã dựng lập Chánh pháp.”
Và vua nói kệ:
“Tôi đã tạo các tháp,
Trang nghiêm các bờ cõi;
Khởi cúng dường mọi thứ,
Phan, lọng cùng trân bảo.
Phân bố xá-lợi Phật,
Khắp cả Diêm-phù-đề;
Tôi tạo các phước này,
Ý nguyện đã trọn vẹn.
Chính mình và vợ con,
Trân bảo và đất đai;
Nay đều xả thí hết,
Cúng dường tháp Hiền thánh.”
Tôn giả Ưu-ba-quật khen ngợi vua:
“Lành thay! Lành thay, Đại vương nên thực hành pháp như vậy.”
Tôn giả nói kệ:
“Xả thân mạng của cải,
Đời đời không lo âu;
Được phước lành vô cùng,
Ắt được Vô thượng giác.”

Vua thỉnh Tôn giả Ưu-ba-quật vào thành, rồi sửa soạn chỗ ngồi các loại, mời Tôn giả an tọa. Còn chúng Tăng được mời đến tinh xá Kê tước. Vua thưa Tôn giả rằng:
"Tôn giả dung mạo đẹp đẽ, thân thể mềm mại, còn tôi hình thù xấu xí, da dẻ sần sùi."
Tôn giả nói kệ:
"Lúc tôi hành bố thí,
Tâm tịnh, tài vật tốt;
Không bằng vua bố thí,
Đem cát cúng dường Phật."
Vua nói kệ đáp:
"Khi trẫm còn trẻ thơ,
Cúng dường Phật nắm cát;
Nay được quả như vầy,
Huống chi thí vật tốt."
Tôn giả nói kệ khen:
"Khoái thay! Thiện Đại vương,
Cúng dường nắm đất cát;
Trong ruộng phước Vô thượng,
Vun trồng quả vô tận."
Bấy giờ, vua A-dục bảo các đại thần:
"Ta nhờ lấy nắm cát cúng dường Phật được quả báo như vầy; làm sao mà chẳng tin kính đối với Thế Tôn?"
Vua lại thưa với Tôn giả:
"Tôn giả chỉ cho tôi chỗ Phật nói pháp, những nơi Phật du hành, nên đến cúng dường lễ bái, vì các chúng sanh đời sau nhiếp thọ các căn lành."
Và rồi nói kệ:
"Chỉ cho tôi Pháp Phật,
Các nước và trú xứ;
Cúng dường và tin kính,
Vì chúng sanh đời sau."
Tôn giả nói:
"Lành thay! Lành thay Đại vương, có thể phát diệu nguyện, tôi sẽ chỉ cho Đại vương nơi chỗ, để vì chúng sanh đời sau."
Bấy giờ, vua đem bốn loại binh chủng và các thứ cúng dường hương hoa, tràng phan và kỹ nhạc, đem luôn Tôn giả khởi hành đến rừng Long tần[1926], chỉ đây là chỗ Như Lai đản sanh. Và Tôn giả nói kệ:
"Nơi Như Lai đản sanh,
Khi sanh đi bảy bước;
Xoay nhìn khắp bốn phương,

Đưa tay chỉ lên trời:
Nay Ta sanh lần cuối,
Sẽ đắc đạo Vô thượng;
Trên Trời và cõi Người,
Ta là Vô Thượng Tôn."
Bấy giờ, nhà vua năm vóc sát đất, cúng dường lễ bái, liền dựng tháp Phật.
Tôn giả tâu vua:
"Đại vương muốn thấy chư Thiên, thấy chỗ Đức Phật khi đản sanh đi bảy bước không?"
Nhà vua thưa:
"Rất muốn được thấy."
Tôn giả đưa tay chỉ cành cây mà Ma-da Phu nhân đã vịn vào, Tôn giả bảo thần cây:
"Thọ thần, nay hãy hiện ra, để vua được thấy, sanh đại hoan hỷ."
Vừa dứt tiếng, liền thấy thọ thần đứng bên Tôn giả nói rằng:
"Ngài dạy điều gì tôi sẽ vâng theo."
Tôn giả nói với vua:
"Vị thần này đã thấy Phật lúc sanh."
Vua nói kệ hỏi thần:
"Ngài thấy thân trang nghiêm,
Lúc sanh có hoa sen,
Chân bước đi bảy bước,
Miệng cất lên tiếng nói."
Thần đáp lại bằng bài kệ:
"Tôi thấy thân tốt đẹp,
Đấng Thế Tôn mới sanh,
Chân bước đi bảy bước,
Miệng cất lên tiếng nói,
'Ở trong trời và người,
Ta là Vô Thượng Tôn'."
Vua hỏi thần:
"Khi Phật sanh có điềm lành gì?"
Thần đáp:
"Tôi không thể nói những việc quá mầu nhiệm. Nay lược nói phần ít:
Ánh sáng soi chiếu suốt,
Thân thể đủ tướng đẹp,
Khiến người vui mừng thấy,
Cảm động đến đất trời."
Vua nghe thần nói, vui mừng ban cho thần mười muôn lượng trân bảo rồi đi.
Tôn giả Ưu-ba-quật lại đưa vua vào trong thành nói.

“Nơi này Bồ-tát hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng trang nghiêm sáng chói.”
Nhà vua liền hướng về nơi ấy làm lễ và cúng dường các thứ. Tôn giả lại đưa vua đến trong Thiên tự, bảo vua:
“Lúc Thái tử sanh ra được đưa đến vị thần ở Thiên tự kia lễ bái. Nhưng bấy giờ các thần đó đều lễ bái Bồ-tát. Khi đó, nhân dân mới lập danh Bồ-tát, rằng đó là Trời trên các Trời. Vua lại đem các thứ cúng dường.”
Tôn giả lại đưa vua đến chỉ chỗ và nói:
“Nơi đây vua cha đem Bồ-tát đến các chỗ cho các Bà-la-môn, bảo đoán xem tướng của Ngài.”
Vua lại cúng dường đủ thứ. Lại chỉ cho vua chỗ này là nhà học của Bồ-tát, chỗ này học cỡi voi, chỗ này học cỡi ngựa, cỡi xe, bắn cung, chỗ này Bồ-tát học các kỹ thuật, chỗ này Bồ-tát rèn luyện thân, chỗ này là nơi dạo chơi của sáu muôn phu nhân của Bồ-tát. Chỗ này Bồ-tát thấy người già, bệnh, chết, chỗ này Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-phù-đề, ngồi thiền đắc ly dục, bóng cây chẳng rời thân, phụ vương hướng về đó làm lễ. Chỗ này Bồ-tát đem trăm ngàn thiên thần ra khỏi thành và đi; chỗ này Bồ-tát cởi chuỗi ngọc trao cho Xa-nặc, sai đem ngựa trở về nước và nói kệ:
Bồ-tát ở nơi này,
Cởi chuỗi ngọc và mũ,
Trao cho chàng Xa-nặc,
Giục ngựa trở về nước,
Đi một mình không bạn,
Ngài vào núi học đạo.
Lại chỗ này Bồ-tát đổi lấy áo ca-sa của thợ săn, khoác áo này rồi xuất gia, chỗ này là chỗ chư Tiên nhân cung thỉnh Ngài, chỗ này là chỗ vua Bình-sa muốn chia cho Bồ-tát một nửa nước, chỗ này Bồ-tát hỏi đạo nơi Tiên nhân Ưu-lam-phất, chỗ này Bồ-tát sáu năm khổ hạnh. Như kệ nói:
Khổ hạnh trong sáu năm,
Chịu khổ não cùng cực,
Biết không phải chân đạo,
Liền bỏ hạnh tu đó.
Chỗ này hai người nữ dâng sữa cúng Bồ-tát. Như kệ nói:
Đại Thánh ở nơi đây,
Nhận sữa hai người nữ,
Từ đây đứng lên đi,
Đi đến cây Bồ-đề.
Chỗ này rồng Ca-lê[1927] khen ngợi Bồ-tát. Như kệ nói:
Nơi này rồng Ca-lê
Khen ngợi đức Bồ-tát,

Nên theo đạo thời cổ,
Chứng diệu quả Vô thượng.
Vua hướng về Tôn giả và nói kệ:
Nay tôi muốn thấy rồng,
Rồng kia đã thấy Phật,
Từ đây đến Bồ-tát,
Chứng đắc quả thắng diệu.
Tôn giả lấy tay chỉ Long vương bảo:
“Này Long vương Ca-lê, ông đã thấy Phật, nay nên hiện thân.”
Long vương nghe tiếng liền xuất hiện, đứng trước Tôn giả, chắp tay thưa:
“Thưa Tôn giả có điều gì chỉ dạy?”
Tôn giả nói với vua:
“Long vương này thấy Phật, khen ngợi Như Lai.”
Vua chắp tay hướng về Long vương nói kệ:
“Ngài thấy thân Kim cương,
Thầy tôi, Bậc Vô Thượng,
Mặt như trăng sáng đầy,
Xin nói oai đức ngài,
Công đứùc của mười lực,
Lúc ngài đến đạo tràng.”
Long vương đáp lại:
“Nay tôi sẽ diễn nói,
Lúc chân đạp trên đất,
Cõi đất sáu chấn động,
Ánh sáng nơi mặt trời,
Chiếu khắp ba ngàn cõi,
Đi đến cây Bồ-đề.”
Bấy giờ nhà vua ở các nơi ấy cúng dường các thứ và dựng tháp miếu. Kế đó Tôn giả đưa vua đến cội cây nơi Phật thành đạo, bảo vua rằng:
“Tại cây này, Đại Bồ-tát do sức tam-muội phá quân ma, đắc vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”
Tôn giả nói kệ:
“Mâu-ni Ngưu Vương Tôn,
Ở cây Bồ-đề này,
Hàng phục quân ma ác,
Được thắng quả Bồ-đề,
Đáng kính trong trời, người,
Chẳng có ai sánh bằng.”
Vua cúng dường vô lượng trân bảo và các thứ, cùng dựng tháp miếu lớn. Chỗ này, Tứ thiên vương mỗi vị ôm một cái bát đem dưng cúng Phật, hợp

lại thành một bát. Chỗ này là chỗ Như Lai nhạân những bữa ăn cúng dường của anh em khách buôn. Chỗ này khi Như Lai đến nước Ba-la-nại, có ngoại đạo A-thời-bà[1928] hỏi Phật. Chỗ này là vườn Lôïc dã, Tiên nhân trú xứ. Như Lai ở trong đó, vì năm vị Tỳ-kheo ba lần chuyển Pháp luân mười hai hành.
Tôn giả nói kệ:
"Nơi đây vườn Lộc dã,
Như Lai chuyển pháp luân;
Ba chuyển mười hai hành,
Năm người được dấu đạo."
Nhà vua cúng dường nơi này đủ thứ và xây dựng tháp miếu. Chỗ này Như Lai hóa độ tiên nhân Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp[1929]. Chỗ này Như Lai nói pháp cho vua Bình-sa[1930], vua thấy được chân lý cùng với vô lượng nhân dân, chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai nói pháp cho Thiên đế Thích. Đế Thích cùng với tám muôn chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai thị hiện thần lực, biến hóa các thứ. Chỗ này Như Lai lên trời vì mẹ thuyết pháp, dẫn theo vô lượng Thiên chúng xuống nhân gian. Vua lại cúng dường các thứ và cho xây dựng tháp miếu.
Tôn giả bảo vua A-dục:
"Đến nước Cưu-thi-la-kiệt[1931], nơi đây Như Lai làm xong đầy đủ Phật sự, nhập Vô dư Niết-bàn."
Tôn giả nói kệ:
"Độ thoát các Trời, Người,
Rồng, Tu-la, Dạ-xoa;
Kiến lập pháp vô tận,
Phật sự đã hoàn tất.
Nơi hữu được tịch diệt,
Đại bi vào Niết-bàn;
Như củi hết lửa tắt;
Rốt ráo được thường trụ."
Vua nghe những lời này buồn bã, đau xót đến ngất xỉu trên đất. Bấy giờ các quan lấy nước rửa mặt cho vua. Một hồi lâu tỉnh lại, bật khóc, nước mắt ràn rụa. Sau đó vua cúng dường đủ thứ và cho xây dựng tháp miếu lớn.
Vua thưa Tôn giả:
"Ý nguyện tôi muốn được thấy các Đại đệ tử của Phật được thọ ký, muốn cúng dường xá-lợi các ngài. Xin Tôn giả chỉ cho!"
Tôn giả nói với vua:
"Lành thay! Lành thay Đại vương đã phát được diệu tâm như vậy."
Tôn giả đem vua đến nước Xá-vệ vào tinh xá Kỳ-hoàn, đưa tay chỉ tháp:
"Đây là tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua nên cúng dường."
Vua nói:

"Vị này có công đức gì?"
Tôn giả đáp:
"Đây là vị Pháp vương thứ nhì, tùy thuận chuyển pháp luân."
Và Tôn giả nói kệ:
"Trí tất cả chúng sanh,
Sánh với Xá-lợi-phất,
Bằng một phần mười sáu;
Trừ trí của Như Lai.
Như Lai chuyển pháp luân,
Ngài có thể tùy chuyển;
Ngài có vô lượng đức,
Ai có thể nói hết!"
Nhà vua vui mừng vô hạn, bỏ ra mười muôn lượng trân bảo cúng dường tháp Xá-lợi-phất và nói kệ:
"Con lạy Xá-lợi-phất,
Giải thoát mọi sợ hãi;
Danh đồn khắp thế gian,
Trí tuệ không ai bằng."
Kế đến, Tôn giả chỉ cho vua tháp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vua muốn cúng dường tháp này nên hỏi:
"Vị này có công đức gì?"
Tôn giả đáp:
"Vị này Thần túc bậc nhất. Lấy ngón chân ấn trên đất, đất liền chấn động, đến Long cung, hàng phục Long vương Nan-đà, Bạt-nan-đà[1932]."
Và Tôn giả nói kệ:
"Ấn ngón chân động đất,
Đến tận cung Đế Thích;
Thần túc không ai bằng,
Ai có thể nói hết?
Hai vua rồng hung bạo,
Trông thấy đều sợ hãi;
Với sức thần túc kia,
Hàng phục hết sân nhuế."
Bấy giờ, vua cúng dường tháp mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen:
"Bậc Thần túc đệ nhất,
Lìa khỏi già, bệnh, chết;
Có công đức như vậy,
Nay lễ Mục-kiền-liên."
Kế đến, Tôn giả chỉ tháp Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, nói với vua:
"Đây là tháp Ma-ha Ca-diếp, vua nên cúng dường."

Vua hỏi:
“Vị này có công đức gì?”
Tôn giả đáp:
“Tôn giả này ít muốn, biết đủ, Đầu-đà bậc nhất, được Như Lai chia cho nửa tòa và y Tăng-già-lê. Tôn giả ấy thương xót chúng sanh, hưng lập Chánh pháp.”
Tôn giả nói kệ:
“Ruộng công đức bậc nhất,
Thương xót loài bần cùng;
Khoác Tăng-già-lê Phật,
Xây dựng nên Chánh pháp.
Tôn giả có đức lớn,
Ai có thể nói hết?”
Vua lại cúng dường mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen ngợi:
“Thường ưa thích tịch tịnh,
Nương náu nơi rừng rậm;
Ít muốn, biết đủ, giàu.
Nay lễ Đại Ca-diếp.”
Kế đến, Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Bạc-câu-la và nói với vua:
“Đây là tháp của Bạc-câu-la, vua nên cúng dường.”
Vua hỏi:
“Vị này có công đức gì?”
Tôn giả đáp:
“Tôn giả ấy được Bậc nhất không bệnh, cho đến, chẳng nói cho ai được một câu pháp, lặng lẽ không lời.”
Vua bảo:
“Đem một tiền cúng dường.”
Các quan tâu vua:
“Công đức như nhau vì sao nơi đây cúng một tiền?”
Vua bảo:
“Hãy nghe tôi nói,
Tuy trừ si, vô minh,
Trí tuệ hay soi xét,
Tuy có tên Bạc-câu,
Có ích gì cho đời?”
Bấy giờ, đồng tiền kia trở về lại chỗ vua. Các đại thần trông thấy, cho là việc lạ lùng hiếm có. Tất cả đồng lên tiếng khen ngợi:
“Ôi! Tôn giả! Ngài ít muốn, biết đủ, đến nỗi chẳng cần một đồng tiền.”
Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả A-nan, nói với vua:
“Đây là tháp của Tôn giả A-nan, nên cúng dường.”

Vua hỏi:
"Tôn giả A-nan có công đức gì?"
"Tôn giả này là thị giả của Phật, Đa văn bậc nhất, kết tập kinh Phật."
Và nói kệ:
"Giữ gìn bát Như Lai,
Giỏi nhớ, hay quyết đoán,
Học rộng như biển lớn,
Biện tài tiếng dịu dàng,
Làm vui lòng trời, người,
Khéo biết tâm chư Phật,
Tất cả điều sáng tỏ,
Là rương báu công đức,
Được khen ngợi tối thắng,
Hàng phục phiền não tránh,
Những công đức như thế,
Xứng đáng nên cúng dường."
Vua liền cúng dường một trăm ức lượng trân bảo. Các quan tâu vua:
"Vì sao ở đây bệ hạ lại cúng dường nhiều hơn những nơi trước?"
Vua đáp:
"Hãy nghe tôi nói lý do trong tâm của mình:
Thân thể của Như Lai,
Pháp thân tánh thanh tịnh,
Vị này hay vâng giữ,
Vì thế cúng dường hơn.
Đèn Pháp còn ở đời,
Dứt lòng si tối này,
Đều nhờ nơi Tôn giả;
Vì thế cúng dường hơn.
Như nước trong biển lớn,
Dấu chân trâu không chứa;
Như biển trí của Phật,
Người khác khó phụng trì.
Duy Tôn giả A-nan,
Nghe qua đều nhớ hết,
Không khi nào quên mất;
Vì thế cúng dường hơn.
Khi vua cúng dường các thứ như thế xong, vua hướng về Tôn giả Ưu-ba-quật chắp tay và nói kệ:
"Nay tôi mang thân này,
Chẳng còn phụ thân này,

Tu vô lượng công đức,
Nay làm Vua loài người,
Tôi đem lòng kiên thật,
Tạo lập các tháp miếu,
Trang nghiêm nơi thế gian,
Như sao làm đẹp trăng.
Vâng pháp đệ tử Phật,
Thực hành các lễ tiết,
Nay tôi đã làm hết,
Cúi đầu trước Tôn giả.
Nhờ ân lực Tôn giả,
Nay thấy việc thắng diệu,
Chóng được lợi lành lớn,
Nhờ đây phân biệt pháp.”

Vua cúng dường như trên và thường đi đến Bồ-đề đạo tràng. Dưới cây này, Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bằng sự cúng dường trân bảo hiếm có trong thế gian, vua cúng dường cây Bồ-đề. Lúc ấy, phu nhân của vua tên là Đề-xá-la-hy-đa[1933], phu nhân nghĩ rằng: ‘Vua yêu ta và ta cũng hết sức yêu vua. Ngày nay vua bỏ ta đi, đem châu báu đến chỗ cây Bồ-đề. Bấy giờ, ta sẽ làm cách chết cây Bồ-đề này. Khi cây đã chết khô, lá tàn rụng, vua sẽ không đến nữa, ngài sẽ cùng ta vui vầy.’ Phu nhân lại gọi Chú sư đến, bảo Chú sư bảo rằng:

“Ngươi có thể làm chết cây Bồ-đề này không?”

Chú sư đáp:

“Có thể, cho tôi một ngàn lượng vàng.”

Phu nhân liền trao cho người ấy một ngàn lượng tiền vàng. Chú sư đến cây Bồ-đề, dùng câu chú niệm chú nơi cây và lấy giải lụa buộc cây lại. Cây dần dần chết khô, lá úa tàn rụng. Cây chưa chết hẳn, lá xơ xác rơi rụng. Chú sư tâu phu nhân:

“Phải lấy sữa nóng rưới lên cây mới có thể làm cho cây khô.”

Phu nhân tâu vua:

“Tôi muốn đem sữa đến cúng dường cây Bồ-đề.”

Vua đáp:

“Tùy ý khanh chăng?”

Như thế, cho đến, lấy sữa nóng rưới lên cây Bồ-đề, cây bị khô héo. Các phu nhân tâu vua:

“Cây Bồ-đề bỗng nhiên chết khô, lá úa tàn rụng!”

Và họ nói kệ:

Cây Như Lai y cứ,
Gọi là cây Bồ-đề,

Tại đó thành Chánh giác,
Đầy đủ nhất thiết trí.
Nay Đại vương nên biết,
Cây này đang khô chết,
Sắc lá cũng biến khác,
Chẳng biết vì cớ sao?
Nhà vua nghe lời này, liền ngất xỉu trên đất. Đám quần thần lấy nước rải lên mặt vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại, rơi nước mắt rồi bảo:
Ta thấy cây Bồ-đề,
Như là thấy Như Lai,
Nay nghe cây này chết,
Ta cũng sẽ chết theo.
Phu nhân Đề-xá-la-hy-đa thấy vua ưu sầu, tâu vua:
"Xin Đại vương chớ buồn rầu. Tôi sẽ làm vui lòng Đại vương."
Vua nói:
"Nếu không có cây ấy, mệnh sống của ta cũng không còn. Như Lai nơi cây này đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu cây này không còn, ta sống để làm gì?"
Phu nhân nghe vua nói lời quyết định như thế, liền trở lại lấy sữa lạnh tưới dưới gốc cây Bồ-đề, cây từ từ sống lại. Vua nghe nói lấy sữa tưới cây sống lại, mỗi ngày vua cho ngàn thau sữa tưới gốc cây, cây sống lại như trước, các phu nhân tâu vua:
"Cây Bồ-đề tươi tốt lại như xưa. "
Nghe xong vua lấy làm mừng, vội đến dưới cây Bồ-đề nhìn chăm chăm không rời và nói kệ:
"Việc các vua chưa làm,
Vua Bình-sa, Trì quốc,
Nay ta nên cúng dường,
Ta tắm cây Bồ-đề,
Bằng sữa và nước thơm,
Hương hoa và hương xoa,
Sẽ lại cúng dường Tăng,
Hiền thánh năm bộ chúng."
Vua cho bày bốn cái bồn báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê chứa đầy các thứ sữa thơm cùng các thứ nước thơm, đem các thứ thức ăn uống, tràng phan, bảo cái. Mỗi thứ có cả ngàn loại cùng với hương hoa kỹ nhạc. Vua thọ trì bát quan trai giới, mặc y phục sạch sẽ, ôm lò hương đến ở trên điện, hướng bốn phương làm lễ, tâm nghĩ miệng nói: 'Đệ tử Hiền thánh của Như Lai ở các phương, xin thương xót con mà thọ nhận sự cúng dường của con'. Vua nói kệ:

"Thánh đệ tử Như Lai,
Các căn thuận tịch tĩnh,
Lìa dục cả ba cõi,
Chư Thiên nên cúng dường;
Xin hãy nhóm nơi đây,
Nhận tấm lòng biết ơn,
Thương xót theo ý con,
Khiến giống pháp lớn mạnh.
Thường thích nơi vắng lặng,
Giải thoát những chấp trước,
Chân tử của Như Lai,
Từ pháp mà hóa sanh,
Được chư Thiên cúng dường;
Nên vì thương xót con,
Nay xin đều nhóm lại,
Theo ý mọn của con.
Chư Thánh khắp các nơi,
Kế-tân, Đa-ba-bà,
Đại lâm, Ly-bà-đa,
Bên ao lớn A-nậu,
Khắp sông ngòi rừng núi,
Như thế tất cả chỗ,
Các Thánh ở trong đó,
Nay nên đến nhóm lại,
Xin vì thương xót con,
Theo ý mọn của con.
Lại ở trên cõi trời,
Cung điện Thi-lê-sa,
Trong thất đá Hương sơn,
Bậc thần thông đầy đủ,
Xin đều nhóm lại đây,
Vì thương xót con vậy."

Lúc vua nói như vậy, ba mươi vạn Tỳ-kheo cùng tập hợp lại. Trong đại chúng ấy có mười vạn A-la-hán, hai mươi vạn các vị Hữu học và phàm phu Tỳ-kheo. Còn lại tòa của Thượng tọa không có người ngồi. Vua hỏi các Tỳ-kheo:

"Tòa của Thượng tọa sao không có người ngồi?"

Trong đại chúng có một Tỳ-kheo tên là Da-xá, là bậc A-la-hán đầy đủ lục thông, tâu vua:

"Tòa này là tòa của Thượng tọa, trong đây ai không dám ngồi."

Vua lại hỏi:
“Ở chỗ Tôn giả có Thượng tọa chăng?”
Tôn giả Da-xá đáp:
“Tâu Đại vương, có Thượng tọa mà Phật đã huyền ký tên là Tân-đầu-lư[1934]. Thượng tọa ấy xứng đáng ngồi chỗ ấy.”
Vua hết sức vui mừng nói rằng:
“Trong đây có Tỳ-kheo nào thấy Phật không?”
Tôn giả Da-xá đáp:
“Thưa Đại vương có ngài Tân-đầu-lư, ngài vẫn còn ở thế gian.”
Vua lại thưa:
“Có thể gặp được Tỳ-kheo ấy không?”
Tôn giả Da-xá đáp:
“Chẳng bao lâu sẽ gặp. Vị ấy sẽ đến ngay.”
Vua rất hoan hỷ nói kệ:
Sung sướng được lợi ích,
Vì nhiếp thọ cho con,
Khiến con tự mắt thấy,
Tôn giả Tân-đầu-lư.
Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lư đem vô lượng A-la-hán thứ lớp đi theo, ví như con nhạn chúa từ hư không đến, ngồi vào chỗ Thượng tọa. Tỳ-kheo Tăng đều kính lễ, theo thứ lớp ngồi xuống. Nhà vua trông thấy Tôn giả Tân-đầu-lư râu tóc bạc trắng, như thân Bích-chi-phật. Vua sụp xuống lễ chân Ngài, quỳ dài chắp tay, chiêm ngưỡng dung mạo của Tôn giả và nói kệ:
Con nay ở ngôi vua,
Thống lãnh Diêm-phù-đề,
Chẳng lấy làm hoan hỷ,
Nay được thấy Tôn giả,
Con nay thấy Tôn giả,
Như thấy Phật tại thế,
Lòng con đầy phấn khởi.
Hơn cả thấy ngôi vua.
Vua lại thưa Tôn giả:
“Tôn giả đã từng thấy Thế Tôn, bậc ba cõi đều kính ngưỡng, tôn sùng chăng?”
Lúc đó Tôn giả Tân-đầu-lư lấy tay vén lông mày nhìn vua và nói:
“Tôi được thấy Như Lai,
Thế gian không gì sánh,
Toàn thân màu vàng sáng,
Ba mươi hai tướng đẹp,
Mặt tịnh như trăng rằm,

Tiếng Phạm âm êm ái,
Hàng phục phiền não tránh,
Thường an trú tịch diệt.”
Vua lại hỏi:
“Tôn giả thấy Phật nơi nào?”
“Tôn giả đáp:
“Khi Như Lai đem năm trăm vị A-la-hán đến thành Vương xá an cư lần đầu. Lúc ấy tôi cũng ở trong chúng đó.”
Và Tôn giả nói kệ:
“Thế Tôn Đại Mâu-ni,
Hạng lìa dục vây quanh,
Ở tại thành Vương xá,
Kiết hạ tròn ba tháng.
Tôi ở trong chúng ấy,
Thường ở bên Như Lai,
Nay Đại vương nên biết,
Chính mắt tôi thấy Phật.”
“Lại nữa, lúc Phật ở Xá-vệ, Như Lai hiện thần lực lớn, biến hóa đủ thứ, biến hình chư Phật đầy đủ khắp các phương cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Tôi lúc ấy cũng ở đó, trông thấy các tướng thần thông của Như Lai biến hóa.”
Tôn giả nói kệ:
“Sức thần thông Như Lai,
Hàng phục các ngoại đạo,
Phật dạo khắp mười phương,
Chính tôi thấy tướng kia.”
“Lại nữa, khi Như Lai ở tại cõi trời thuyết pháp cho Mẫu thân, tôi cũng có trong ấy. Khi thuyết pháp cho Mẫu thân xong, Ngài dẫn chư Thiên từ trời xuống nước Tăng-ca-xa[1935]. Khi ấy tôi thấy hai việc này, trời, người điều phước lạc. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-la[1936] hóa làm Chuyển luân vương đem vô lượng quyến thuộc nương hư không đến chỗ Thế Tôn, tôi cũng thấy việc này.”
Rồi Tôn giả nói kệ:
Như Lai trên cõi trời,
Ngài kiết hạ nơi đó,
Tôi cũng ở trong ấy,
Là quyến thuộc Như Lai.
“Lại nữa, lúc Như Lai ở tại nước Xá-vệ cùng với năm trăm A-la-hán. Khi ấy con gái của trưởng giả Cấp Cô Độc đang ở tại nước Phú-lâu-na-bạt-đà-na[1937]. Một hôm cô này thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi ấy các Tỳ-kheo mỗi vị đều nương hư không đến chỗ thỉnh. Tôi cũng dùng thần lực hiệp núi

lớn lại mà đi đến chỗ được thỉnh. Thế Tôn quở trách tôi, 'Ngươi đâu được hiện thần túc như thế. Bấy giờ, Ta phạt ngươi sống mãi ở thế gian, không được vào Niết-bàn, hộ trì Chánh pháp của Ta chớ khiến cho diệt mất'."
Rồi Tôn giả nói kệ:
"Thế Tôn nhận lời thỉnh,
Cùng năm trăm Tỳ-kheo.
Tôi liền dùng thần lực,
Nhấc núi lớn mà đi.
Thế Tôn trách phạt tôi
Ở đời, khoan diệt độ,
Hộ trì Chánh pháp Phật,
Chớ để pháp diệt mất."
"Lại nữa, Như Lai dẫn chư Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Khi ấy vua cùng với hai em bé chơi đùa trên đất cát, thấy Phật từ xa đi tới, nắm một nắm cát dâng cúng Phật. Lúc ấy Phật thọ ký cho đứa bé kia: 'Sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, đứa bé này sẽ làm vua nước Ba-liên-phất, thống lĩnh Diêm-phù-đề, gọi là A-dục, sẽ phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta; trong một ngày sẽ dựng tám muôn bốn ngàn tháp.' Nay chính là nhà vua, lúc đó tôi cũng có mặt ở đó."
Rồi Tôn giả nói bài kệ:
"Lúc vua còn thơ ấu,
Đem cát dâng cúng Phật;
Lúc Phật thọ ký vua,
Chính tôi cũng ở đấy."
Vua thưa Tôn giả:
"Hiện nay Tôn giả ở đâu?"
Tôn giả đáp:
"Tôi ở tại Bắc sơn, núi tên là Kiền-đà-ma-la[1938], cùng với các vị Tăng đồng phạm hạnh."
Vua lại hỏi:
"Có bao nhiêu người?"
Tôn giả đáp:
"Có sáu muôn Tỳ-kheo A-la-hán."
Tôn giả bảo vua:
"Vua cần gì hỏi nhiều. Nay vua nên sửa soạn cúng dường chư Tăng. Các vị ấy thọ thực xong, sẽ khiến cho vua hoan hỷ."
Vua thưa:
"Vâng, đúng vậy thưa Tôn giả! Nhưng bây giờ, trước tiên là tôi cúng dường cây Bồ-đề, vì nghĩ đến nơi Phật giác ngộ. Sau đó cúng dường hương hoa, đồ ăn thức uống ngon cho chúng Tăng."

Vua ban lệnh cho các quần thần tuyên bố khắp nước: ‘Ngày nay vua muốn xả mười muôn lượng vàng bố thí cho chúng Tăng, cả ngàn vò nước thơm rưới lên cây Bồ-đề.’ Vua tập hợp năm bộ chúng.
Bấy giờ có vương tử Câu-na-la[1939] ở bên cạnh vua, đưa hai ngón tay mà không nói, ý muốn cúng dường gấp đôi. Đại chúng trông thấy vương tử như vậy đều phì cười. Vua cũng cười và bảo:
“Ô hay! Vương tử, chính con có thêm công đức cúng dường.”
Vua lại nói:
“Ta lại đem ba mươi muôn lượng vàng cúng dường chúng Tăng. Thêm một ngàn vò nước thơm rưới tắm cây Bồ-đề.”
Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý nói gấp bốn.
Lúc ấy vua nổi giận bảo các quan:
“Ai dạy vương tử làm như vậy? Cùng tranh với ta sao?”
Một vị quan thưa:
“Tâu Đại vương, không ai dám tranh với Đại vương. Nhưng vương tử thông tuệ, lợi căn vì muốn tăng thêm công đức nên làm như vậy.”
Nhà vua quay lại nhìn vương tử, rồi bạch Thượng tọa:
“Trừ các vật thuộc kho tàng của con, tất cả những vật ở Diêm-phù-đề, phu nhân, thể nữ, quần thần, quyến thuộc và con của con là Câu-na-la đều bố thí cho chúng Tăng Hiền thánh.”
Vua tuyên bố cho cả nước tập hợp năm chúng và nói kệ:
“Trừ vật kho tàng vua;
Phu nhân và thể nữ,
Thần dân tất cả chúng,
Bố thí Hiền thánh Tăng.
Thân ta cùng vương tử,
Cũng đều xả bỏ hết.”
Bấy giờ, vua, Thượng tọa và Tỳ-kheo Tăng lấy vò nước thơm tưới cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề càng thêm tươi tốt, sum sê. Có bài kệ:
“Vua tưới cây Bồ-đề,
Nơi Vô thượng Giác ngộ;
Cây càng thêm tươi tốt,
Cây lá đều mơn mởn.”
Vua cùng quần thần vui mừng vô hạn. Vua tưới tắm cây Bồ-đề xong, kế đến vua lại cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, Thượng tọa Da-xá tâu vua:
“Đại vương, hôm nay có đông đảo Tỳ-kheo Tăng tụ tập, nên phát lòng tin thuần thục cúng dường.”
Nhà vua tự tay cúng dường từ trên xuống dưới. Khi ấy, có hai Sa-di ăn xong, mỗi người lấy lương khô vo thành viên kẹo ném nhau. Nhà vua trông thấy phì cười nói:

“Các Sa-di này chơi trò con nít.”
Cúng dường xong, vua trở lại đứng trước Thượng tọa. Thượng tọa nói với vua:
“Vua chớ sanh tâm bất tín kính.”
Vua thưa:
“Thượng tọa, con không có tâm không kính tin, nhưng thấy Sa-di chơi trò trẻ con. Như trẻ con thế gian lấy hòn đất ném nhau, còn hai Sa-di thì lấy bánh và kẹo ném nhau.”
Thượng tọa tâu vua:
“Hai chú Sa-di này đều là A-la-hán giải thoát, nên cúng dường thức ăn cho các vị ấy.”
Vua nghe rồi tăng thêm lòng tin và thầm nghĩ: ‘Hai Sa-di này có thể được bố thí bằng cách gián tiếp[1940]. Hôm nay ta sẽ bố thí lụa và y kiếp-bối cho tất cả chúng Tăng.’
Bấy giờ, hai Sa-di biết tâm niệm của vua, nói với nhau: ‘Chúng ta làm cho vua thêm kính tín.’ Một Sa-di mang cái nồi trao cho vua, một Sa-di trao cho vua cỏ nhuộm màu.
Vua hỏi Sa-di kia:
“Những thứ này để làm gì?”
Hai Sa-di tâu vua:
“Nhà vua vì chúng tôi mà bố thí chúng Tăng lụa và y kiếp-bối. Chúng tôi muốn nhà vua nhuộm thành màu sắc để bố thí cho chúng Tăng.”
Vua nghĩ rằng: ‘Ta tuy đã nghĩ trong tâm, mà chưa nói ra, nhưng hai vị đạt sĩ này đắc tha tâm trí nên biết được tâm ta.
Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ:
“Tộc tánh là Khổng Tước,
Các quyến thuộc nội ngoại;
Do sự bố thí này,
Đều được lợi ích lớn.
Gặp được ruộng phước tốt,
Vui mừng đúng thời thí.”
Vua bảo Sa-di:
“Nay tôi nhân quý Tôn giả bố thí y cho chúng Tăng.”
Cúng y cho chúng Tăng rồi, vua lại đem ba y cùng với bốn ức muôn lượng trân bảo bố thí cho năm bộ chúng, chú nguyện xong, lại đem bốn mươi ức muôn lượng trân bảo, chuộc lấy cung nhân, thể nữ, thái tử, quần thần của cõi Diêm-phù-đề.
Vua A-dục đã tạo ra vô lượng công đức như vậy.”[1941]

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 24

KINH 605. NIỆM XỨ (1)[1942]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 606. NIỆM XỨ (2)[1943]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

"Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 607. TỊNH[1944]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc[1945], rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo nhất thừa[1946] làm thanh tịnh chúng sanh, khiến vượt khỏi ưu bi, dứt khổ não và đạt được pháp như thật[1947], đó là pháp bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 608. CAM LỘ[1948]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào lìa bốn Niệm xứ, là lìa Thánh pháp như thật. Người nào lìa Thánh pháp như thật, là sẽ lìa Thánh đạo. Ai lìa Thánh đạo, là lìa pháp cam lộ[1949]. Người nào lìa pháp cam lộ, là không thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này không thoát được khổ. Nếu Tỳ-kheo nào không lìa bốn Niệm xứ, là không lìa Thánh pháp như thật; không lìa Thánh pháp như thật, là không lìa Thánh đạo; không lìa Thánh đạo, là không lìa pháp cam lộ; không lìa pháp cam lộ, là thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này thoát khỏi các khổ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 609. TẬP[1950]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ[1951]. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ.”

"Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ?

"Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập–diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thế gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ.

"Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập–diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

"Ức niệm tập thì pháp tập[1952], ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập–diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

"Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 610. CHÁNH NIỆM[1953]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

"Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Sống chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh

niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, thì đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn Niệm xứ cũng được thuyết như vậy.

---o0o---

KINH 611. THIỆN TỤ[1954]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tụ thiện pháp và có tụ bất thiện pháp[1955].

“Thế nào là tụ thiện pháp? Chỉ cho bốn Niệm xứ. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì đây là tụï hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

“Thế nào là tụ bất thiện pháp? Chỉ cho năm cái[1956], đây là thuyết chính. Vì sao? Vì đây là tụ hoàn toàn thuần nhất bất thiện. Những gì là năm? Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 612. CUNG[1957]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người cầm bốn thứ cung cứng[1958], dùng hết sức mạnh bắn vào bóng cây đa-la, qua nhanh không trở ngại. Cũng vậy, bốn hạng Thanh văn[1959] của

Như Lai, với tăng thượng phương tiện, lợi căn, trí tuệ, sống đến một trăm năm tuổi thọ; đối với pháp được giảng thuyết, được truyền trao bởi Như Lai, chỉ trừ lúc ăn uống, ngủ nghỉ, bồ tả[1960], trong khoảng trung gian, thường nói, thường nghe, với trí tuệ sáng suốt lanh lợi, đối với những gì Như Lai đã dạy, triệt để lãnh thọ, giữ gìn, không chướng ngại; ở chỗ Như Lai không có gì để hỏi thêm. Như Lai nói pháp không có chung cực. Nghe pháp suốt cả đời, cho đến khi trăm tuổi mạng chung, mà pháp được Như Lai nói vẫn không cùng tận. Nên biết, vô lượng vô biên; danh thân, cú thân, vị thân, mà Như Lai đã thuyết cũng lại vô lượng, không có chung cực; đó chính là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tất cả kinh bốn Niệm xứ đều lấy câu tổng quát này. Tức là: "Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ tu tập, phát khởi tăng thượng dục, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, cần nên học.

---o0o---

KINH 613. BẤT THIỆN TỤ[1961]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tụ bất thiện và tụ thiện.

"Tụ bất thiện là gì? Ba căn bất thiện. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì tích tụ các pháp thuần bất thiện là ba căn bất thiện. Những gì là ba? Đó là: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

"Tụ thiện là gì? Bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì đầy đủ thuần thiện, là bốn Niệm xứ. Đó gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như ba bất thiện căn, cũng vậy ba ác hạnh là thân ác hạnh, miệng ác hạnh, ý ác hạnh.[1962]

Ba tưởng là dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng.

Ba giác là dục giác, nhuế giác, hại giác.[1963]

Ba giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.[1964]

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 614. ĐẠI TRƯỢNG PHU[1965]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như được nói, Đại trượng phu. Thế nào là Đại trượng phu, không phải là Đại trượng phu?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo hỏi Như Lai về nghĩa Đại trượng phu. Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân này rồi, tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch các lậu, Ta nói người này không phải là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, mà tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch hết các lậu, Ta không nói người kia là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không được giải thoát. Nếu Tỳ-

kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Nếu an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp và khi an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp rồi, mà tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo Đại trượng phu và không phải Đại trượng phu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 615. TỲ-KHEO-NI[1966]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Dọc đường suy nghĩ: 'Nay ta đến chùa Tỳ-kheo-ni trước.' Liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Từ xa các Tỳ-kheo-ni thấy Tôn giả A-nan đến, vội vàng trải sàng tọa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm[1967] tu bốn Niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống[1968]."

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phàm tu tập bốn Niệm xứ, an trú với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy."

Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khất thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi lui qua một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trụ nơi bốn Niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thảy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trụ niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trụ niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, thì Tỳ-kheo này nên khởi tịnh tín, nắm lấy tướng tịnh[1969]. Sau khi khởi tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ tướng tịnh rồi, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sanh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an thì sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc thì tâm sẽ định[1970]. Với tâm định, Thánh đệ tử hãy học điều này: 'Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, thì nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi giác tưởng và quán tưởng[1971]. Không giác, không quán, an trụ lạc với xả và chánh niệm. Sau an trú lạc, thì biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 616. TRÙ SĨ[1972]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng[1973], không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thoái giảm và tự sanh ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa các vị để phụng dưỡng tôn chủ; chua, mặn, lạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều các vị chua, mặn, lạt; không hay tự thân hầu hạ hai bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng; vì không vui lòng nên không ban thưởng và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não[1974], không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thắng diệu; trong hiện tại, cũng

không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sốngï an lạc nay trong hiện tại[1975], cứu cánh Niết-bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại.

"Nếu Tỳ-kheo nào, có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thoái giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, lạt, mặn; khéo bắt nắm dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, thì chắc chắn sẽ được yêu mến gấp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thoái giảm và tự bị chướng ngại.

"Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 617. ĐIỂU[1976]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà[1977], bị chim Ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: 'Vì ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!'

“Chim Ưng bảo La-bà:

“–Nơi nào là chỗ ở tự do của ngươi?

“La-bà đáp:

“–Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cày trong đồng ruộng[1978]. Đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.

“Chim Ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với La-bà, bảo:

“–Cho ngươi trở về nơi rãnh cày trong đồng ruộng, thử có thoát được không?

“La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim Ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cày. Sau đó ở trên khối đất to, La-bà muốn khiêu chiến cùng chim Ưng. Chim Ưng phẫn nộ mắng: ‘Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?’

“Quá đỗi phẫn nộ chim Ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng La-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim Ưng đang đà lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. Bấy giờ, chim La-bà đang phục sâu dưới khối đất, ngẩng lên nói kệ:

“Chim Ưng dùng sức đến,

La-bà trong cõi mình.

Sức cường thịnh theo sân,

Nên gây họa nát thân.

Ta thông đạt tất cả,

Nên nương trong cõi mình;

Dẹp oán, tâm tùy hỷ,

Tự vui xét sức mình.

Ngươi dầu có hung ác,

Sức trăm ngàn rồng, voi;

Không bằng trí tuệ ta,

Trong một phần mười sáu.

Xem trí ta thù thắng,

Tiêu diệt được chim Ưng."

"Như vậy, này Tỳ-kheo, như chim Ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nỗi phải bị tai hoạn. Tỳ-kheo các ông cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học.

"Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: Sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm vời dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo.

"Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

---o0o---

KINH 618. TỨ QUẢ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với bốn Niệm xứ mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ đạt được bốn quả Thánh và, bốn loại phước lợi, đó là: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 619. TƯ-ĐÀ-GIÀ[1979]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian đến trong rừng Thân-thứ, tại phía Bắc xóm Tư-già-đà[1980]. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một nghệ sư leo phướn[1981], dựng cột phướn trên vai và bảo học trò: 'Các con hãy leo lên, leo xuống cột phướn. Hãy hộ trì ta, ta cũng hộ trì các con; thay đổi nhau mà hộ trì, đi dạo làm trò vui, chúng ta sẽ kiếm được nhiều tiền của.' Lúc ấy, người học trò bạch thầy: 'Không bằng nói như vầy: Chỉ cần mỗi người tự chăm sóc hộ trì chính mình, đi dạo làm trò vui, thì sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả an ổn mà lên xuống.' Ông thầy đáp: 'Đúng như lời con nói, mỗi người phải tự chăm sóc hộ trì chính mình. Nhưng nghĩa này cũng như ta đã nói. Khi hộ trì mình, tức là hộ trì người khác. Khi hộ trì người khác cũng là hộ trì chính mình.'

"Tâm tự thân cận, tu tập; tùy sự hộ trì mà tác chứng. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người[1982]. Thế nào là tự hộ trì mình tức là hộ trì người? Không khủng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Cho nên các Tỳ-kheo cần phải học như vậy. Người tự hộ trì là tu tập bốn Niệm xứ. Hộ trì người cũng là tu tập bốn Niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 620. DI HẦU[1983]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Trong núi Đại tuyết, chỗ hiểm trở băng giá, khỉ vượn sống còn không được, huống chi là con người. Hoặc có núi có khỉ, vượn ở mà không có người. Hoặc có núi nơi người và thú cùng ở chung. Trên lối đi của khỉ vượn, thợ săn dùng keo bôi lên cỏ. Những con vượn khỉ nào khôn ngoan thì tránh xa bỏ đi. Những vượn khỉ con ngu si không biết tránh xa, thì dùng tay chạm vào chút xíu, liền bị dính tay. Nó dùng tay kia để gỡ, tức thì dính cả hai tay. Nó lại dùng chân để gỡ, hai chân cũng bị keo dính luôn. Nó dùng miệng cắn cỏ, miệng cũng bị keo dính chặt. Năm chỗ đều bị dính keo, phải nằm co quắp trên đất. Thợ săn đi đến, vội lấy gậy xỏ vào khiêng đi.

"Tỳ-kheo nên biết, bọn vượn khỉ ngu si rời bỏ cảnh giới của mình, chỗ ở của cha mẹ, đi chơi nơi cảnh giới kẻ khác, nên bị khổ não này. Cũng vậy, Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, sống nương ở nơi làng xóm, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn khất thực, không khéo hộ trì thân và không thủ hộ các căn. Mắt thấy sắc liền sanh ra nhiễm đắm; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc đều sanh ra nhiễm đắm. Tỳ-kheo ngu si sau khi các căn bên trong và các cảnh bên ngoài bị trói buộc năm chỗ, nên bị lệ thuộc vào ước muốn của ma. Cho nên các Tỳ-kheo cần nên học tập như vầy: 'Hãy chỉ nơi đi lại của mình, chỗ ở của cha mẹ mà sống, chớ đi đến chỗ khác và cảnh giới kẻ khác.'

"Thế nào là nơi đi lại của mình, nơi ở của cha mẹ Tỳ-kheo? Là chỉ cho bốn Niệm xứ: Sống với chánh niệm quán thân trên thân, sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 621. NIÊN THIẾU TỲ-KHEO[1984]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dạy dỗ cho họ như thế nào? Nên nói pháp cho họ như thế nào?"

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dùng bốn Niệm xứ dạy cho họ tu tập. Những gì là bốn? Đó là: Sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh trí, chánh niệm, tâm tịch định… cho đến, biết rõ thân[1985]. Sống chánh niệm quán, thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm định tĩnh… cho đến biết pháp. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo còn trụ ở địa vị hữu học mà chưa thăng tiến được, nhưng đang chí cầu Niết-bàn an ổn, thì hãy sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh… cho đến xa lìa đối với pháp.

"Nếu A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, đã bỏ hết gánh nặng, dứt hẳn các kết sử, bằng chánh tri mà khéo giải thoát; nhưng chính lúc này, cũng tu, sống quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm vắng lặng, sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp,… cho đến xa lìa đối với pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, tùy hỷ hoan hỷ, đảnh lễ mà lui.

---o0o---

KINH 622. AM-LA NỮ[1986]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Bạt-kỳ, du hành trong nhân gian, đến nghỉ trong vườn Am-la, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có nàng kỹ nữ Am-la nghe tin Đức Thế Tôn

du hành từ Bạt-kỳ đến ở trong vườn Am-la, liền sửa soạn đánh xe ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Khi đến cửa vườn Am-la, xuống xe đi bộ, từ xa trông thấy Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng đang vây quanh. Thế Tôn thấy nàng Am-la sắp đến, bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông nên tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông.

"Thế nào là Tỳ-kheo tinh cần nhiếp tâm an trụ? Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì nên đoạn trừ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm; đối với pháp ác bất thiện nếu chưa sanh, thì đừng để sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh; nếu pháp thiện đã sanh, thì khiến an trụ không để mất. Tu tập đầy đủ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm. Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần an trụ nhiếp tâm.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo chánh trí? Nếu Tỳ-kheo nào trong những oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí; quay nhìn, trông, ngắm, co, duỗi, cúi, ngước, cầm y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, thức, nói, im lặng, đều an trụ với chánh trí. Đó là chánh trí.

"Thế nào là chánh niệm? Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Cho nên, các ông hãy tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông."

Khi nàng Am-la đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó Ngài im lặng.

Nàng Am-la sửa lại y phục đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời mời cúng dường trưa mai của con."

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Người nữ Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi cáo từ về nhà mình, sửa soạn thức ăn, sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm hôm sau cho người đến bạch Phật là đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà người nữ Am-la, an tọa xong. Lúc này người nữ Am-la tự tay cúng dường các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thọ thực rồi, rửa tay, rửa bát xong, người nữ Am-la đặt một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật, nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói kệ tùy hỷ:

Bố thí, người yêu mến,

Được nhiều người theo mình;

Tiếng tăm ngày càng rộng,

Gần xa đều nghe hết.

Trong chúng thường hòa nhã,

Lìa keo kiệt, không sợ;

Cho nên trí tuệ thí,

Đoạn keo lẫn không còn.

Sanh lên trời Đao-lợi,

Mãi mãi hưởng khoái lạc;

Suốt đời thường tu đức,

Vui chơi vườn Nan-đà[1987].

Gồm trăm thứ nhạc trời,

Năm dục đẹp lòng mình;

Kia khi ở đời này,

Được nghe Phật nói pháp.

Làm đệ tử Thiện Thệ,

Vui hóa sanh về đó.

Sau khi Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 623. THẾ GIAN[1988]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các sắc đẹp thế gian[1989]; người có sắc đẹp thế gian có thể khiến cho mọi người tụ tập lại để ngắm nhìn chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy!"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian, lại có thể múa hát ca nhạc, có càng làm cho mọi người tụ tập lại để xem không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có vậy!"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hoặc có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian mà ở một chỗ múa hát, ca nhạc, diễn trò, lại có đám đông tụ tập lại một nơi. Nếu có người không ngu, không si, ham vui, chán khổ, tham sống, sợ chết. Có người khác bảo nó rằng: 'Người đàn ông kia, ngươi hãy bưng bát dầu đầy này, đi qua giữa

người đẹp thế gian và đám đông. Ta sai một kẻ giỏi giết người cầm đao theo sau. Nếu ngươi làm rơi đi một giọt dầu, thì sẽ bị chém chết liền.' Thế nào, Tỳ-kheo, người bưng bát dầu này có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người mà chỉ nhìn xem kỹ nữ và mọi người kia chăng?"

Các Tỳ-kheo, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể! Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người này tự thấy ở sau mình có người cầm đao, nên lúc nào cũng nghĩ rằng: 'Nếu ta làm rơi đi một giọt dầu, thì tên đao phủ kia sẽ chém đầu ta.' Nên chỉ để hết tâm chú ý vào bát dầu, bước đi chậm rãi giữa mọi người và sắc đẹp thế gian mà không dám liếc ngó quay nhìn."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp[1990], trụ nơi thân niệm xứ, thì đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy.

"Thế nào là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ, Như vậy, này các Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Chuyên tâm chánh niệm,

Giữ gìn bát dầu;

Tự tâm theo giữ,

Chưa từng tới đó.

Rất khó vượt qua,

Vi tế thắng diệu;

Những gì Phật dạy,

Là lời gươm bén.

Cần một lòng mình,

Chuyên tinh gìn giữ;

Không phải là việc;

Buông lung người đời.

Như vậy thâm nhập,

Giáo không buông lung.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 624. UẤT-ĐỂ-CA[1991]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Uất-để-ca[1992] đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Đức Thế Tôn! Xin vì con nói pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* không còn tái sanh nữa."

Phật bảo Tôn giả Uất-để-ca:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì ngươi nói. Nhưng đối với những pháp mà Ta đã nói, mà không làm cho Ta hài lòng, thì sự nghiệp của người kia cũng không thành tựu. Tuy đi theo sau Ta nhưng không được lợi ích, trái lại còn sanh chướng ngại."

Uất-đề-ca bạch Phật:

"Theo những gì Thế Tôn đã nói, con có thể làm Thế Tôn hài lòng, sự nghiệp của con được thành tựu không sanh chướng ngại. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư duy sống không buông lung. *Nói đầy đủ như trên,… cho đến* không còn tái sanh nữa. Hai ba lần bạch thỉnh như vậy."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Uất-đề-ca:

"Trước hết ngươi nên làm thanh tịnh nghiệp bản sơ[1993] của mình, sau đó tu tập phạm hạnh."

Uất-đề-ca bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con làm thế nào để tẩy sạch nghiệp bản sơ của mình để tu tập phạm hạnh?"

Phật dạy Uất-đề-ca:

"Trước hết ngươi phải làm thanh tịnh cho giới, chánh trực cho tri kiến, ba nghiệp phải đầy đủ, sau đó tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là: Sống an trú chánh niệm quán thân trên nội thân, phương tiện, tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, sống an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói đầy đủ như vậy."

Khi Uất-đề-ca nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra.

Sau khi nghe Phật chỉ dạy rồi, một mình Uất-đề-ca ở chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tự suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,… cho đến không còn tái sanh nữa.

Như những gì Uất-để-ca hỏi. Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi, cũng dạy như trên.

---o0o---

KINH 625. BÀ-HÊ-CA[1994]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy có một Tỳ-kheo tên là Bà-hê-ca[1995] đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lành thay! Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp."

Như kinh đã nói đầy đủ với Tôn giả Uất-đề-ca ở trước, chỉ có sự sai biệt là:

"Như vậy, này Bà-hê-ca, Tỳ-kheo làm sạch nghiệp bản sơ, là an trú chánh niệm quán thân trên thân, vượt qua các ma, an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp vượt qua các ma."

Sau khi Tỳ-kheo Bà-hê-ca nghe Phật nói pháp, chỉ dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ đảnh lễ lui ra. Sau đó một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung… cho đến không còn tái sanh nữa.

---o0o---

KINH 626. TỲ-KHEO

Kinh thứ hai cũng nói như kinh trên, chỉ có sự sai khác là: Như vậy, Tỳ-kheo vượt qua sanh tử.

---o0o---

KINH 627. A-NA-LUẬT[1996]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tầm cầu an ổn Niết-bàn, Thánh đệ tử ấy đối với Chánh pháp luật phải làm thế nào để tu tập, tu tập nhiều, dứt sạch các lậu… cho đến tự biết không còn tái sanh nữa”.

Phật bảo A-na-luật:

“Nếu Thánh đệ tử còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tầm cầu an ổn Niết-bàn, vị ấy lúc bấy giờ hãy chánh niệm an trú quán thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, chánh niệm an trú quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Khi Thánh đệ tử tu tập nhiều như vậy rồi, thì sẽ sạch hết các lậu… cho đến tự biết không còn tái sanh nữa.”

Phật dạy kinh này xong, Tôn giả A-na-luật nghe những gì Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 628. GIỚI[1997]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm[1998], ấp Ba-liên-phất[1999]. Khi ấy các Tôn giả Ưu-đà-di, A-nan-đà cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng ân cần chào hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, đã vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới, khiến cho không đứt, không khuyết, không rạn[2000], không lìa, không bị giới thủ[2001], khéo rốt ráo, khéo thọ trì, được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ. Vì sao Như Lai Ứng Đẳng Chánh, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới khiến cho không đứt, không khuyết,… cho đến được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

“Vì để tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 629. BẤT THOÁI CHUYỂN[2002]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều, mà không thoái chuyển không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến người tu hành không bị thoái chuyển, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 630. THANH TỊNH[2003]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Rồi, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và càng trở nên sáng chói không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và trở nên sáng chói, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai Tôn giả bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 631. ĐỘ BỈ NGẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Một hôm Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, sẽ được qua bờ bên kia, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 632. A-LA-HÁN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

---o0o---

KINH 633. NHẤT THIẾT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Được nói là tất cả các pháp. Tất cả pháp là bốn Niệm xứ, đó gọi là chánh thuyết. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Một thời, Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

---o0o---

KINH 634. HIỀN THÁNH[2004]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, thì gọi đó là Hiền thánh xuất ly[2005]. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như xuất ly, cũng vậy chính thức hết khổ, giải thoát khổ, được quả vị lớn, được pháp cam lộ, cứu cánh cam lộ, chứng pháp cam lộ, cũng nói đầy đủ như vậy. [2006]

---o0o---

KINH 635. QUANG TRẠCH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh; chúng sanh đã thanh tịnh rồi khiến cho càng trở nên sáng chói. Những gì là bốn? Đóù là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thanh tịnh chúng sanh, cũng vậy chúng sanh chưa qua được bờ bên kia khiến cho qua, đắc A-la-hán, đắc Bích-chi-phật, đắc Vô thượng Bồ-đề cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 636. TỲ-KHEO[2007]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói về bốn Niệm xứ.

"Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Này các Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giảng nói chánh pháp, những lời giảng nói ban đầu, khoảng giữa và sau cùng, tất cả đều lành, nghĩa lành, vị lành, hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh được hiển hiện. Nếu có tộc tánh nam, hay tộc tánh nữ, nghe pháp từ Phật, được tín tâm thanh tịnh; tu học như vậy: thấy sự tai hại của tại gia liên hệ với dục lạc, là phiền não ràng buộc, nên thích sống ở nơi vắng vẻ,

xuất gia học đạo, không thích tại gia, mà sống không nhà; chỉ muốn một mực thanh tịnh, suốt đời hoàn toàn thuần nhất trong sạch, phạm hạnh trong sáng, 'Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà.' Suy nghĩ như vậy rồi, liền vất bỏ tiền tài, thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; thân hành đoan chánh, giữ gìn bốn sự lỗi lầm của miệng, chánh mạng thanh tịnh; tu tập giới Hiền thánh, giữ gìn cửa các căn, chánh niệm hộ tâm.

"Khi mắt thấy sắc thì không nắm giữ hình tướng; nếu đối với mắt mà an trụ bất luật nghi[2008], tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện hay lọt vào tâm. Nhưng hiện tại, đối với mắt mà khởi chánh luật nghi; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng khởi chánh luật nghi như vậy.

"Người kia sau khi thành tựu được Giới luật Hiền thánh, lại khéo nhiếp thủ các căn, đi tới đi lui, quay nhìn, co duỗi, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều trụ ở trong chánh trí.

"Người kia sau khi thành tựu Thánh giới, phòng hộ các căn môn này, lại tu tập chánh trí chánh niệm, tịch tịnh viễn ly; chỗ vắng, dưới bóng cây, hay trong phòng vắng, ngồi một mình, chánh thân, chánh niệm, buộc tâm an trụ, đoạn tham ưu thế gian, lìa tham dục, trừ sạch tham dục; dứt trừ các triền cái ở đời là sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; xa lìa các triền cái sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; trừ sạch các triền cái sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; đoạn trừ năm triền cái chúng làm tâm suy yếu tuệ bạc nhược, chướng ngại các giác phần, không hướng đến Niết-bàn. Thế nên, vị ấy an trú chánh niệm quán niệm thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu của thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ tâm pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 637. BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA[2009]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu bốn Niệm xứ. Nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:… cho đến xuất gia như vậy, rồi ở nơi yên tĩnh, nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, thành tựu luật nghi đầy đủ; đối với tội nhỏ nhặt cũng sanh lòng sợ hãi lớn, thọ trì học giới, lìa sát sanh, dứt sát sanh, không thích sát sanh,… cho đến tất cả nghiệp đạo như đã nói ở trước, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh. Thành tựu học giới như vậy là nhờ tu bốn Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 638. THUẦN-ĐÀ[2010]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi phất đang ở trong làng Ma-kiệt-đề Na-la[2011], bị bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà[2012] chăm sóc, cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bệnh mà Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất, nhặt lấy xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương xá. Đến nơi, thâu cất y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ rồi, lui đứng một bên, bạch:

"Bạch Tôn giả, Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây."

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời. Sa-di Thuần-đà nói với con

rằng: ‘Hòa thượng Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.’”

Phật dạy:

“Thế nào A-nan? Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới[2013] mà Niết-bàn, hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân, hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Hay là pháp được thuyết mà Ta tự chứng tri, thành Đẳng chánh giác, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo; đem những pháp này mà nhập Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Tuy không đem cái thân thọ giới… cho đến các pháp đạo phẩm mà Niết-bàn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất giữ giới, học nhiều, ít muốn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu, hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng, hay làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi, vì chúng nói pháp. Cho nên bạch Thế Tôn, con vì pháp, vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thấy buồn rầu khổ não.”

Phật dạy A-nan:

“Ngươi chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc sanh[2014], hoặc khởi, hoặc tạo tác, đều là pháp hữu vi bại hoại; làm sao có thể không bại hoại? Muốn cho không hoại, không có trường hợp ấy. Trước đây Ta đã nói, tất cả những vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp trái lìa, chẳng thể giữ mãi[2015]. Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa, trái sum sê tươi tốt, cành lớn gãy trước. Như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai, Đại Thanh văn vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá-lợi-phất an trụ thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy với Ta không phải trống không, vì có Xá-lợi-phất. Như trước đây Ta đã nói. Nay ngươi, này A-nan, như từ trước Ta đã nói, tất cả những thứ ưa thích,

hợp ý đều là pháp biệt ly, bởi vậy cho nên A-nan đừng quá buồn rầu. A-nan nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Cho nên, A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo để tự nương tựa. Hãy lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa vào chỗ nào khác."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? Thế nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác?"

Phật đáp:

"Nếu Tỳ-kheo nào sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. A-nan, đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

---o0o---

KINH 639. BỐ-TÁT[2016]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Am-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

"Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lìa tiền tài[2017] và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não.

“Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum sê tươi tốt, thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị Đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các ông chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sanh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, thì điều này không thể có được. Từ trước Ta đã nói: ‘Tất cả mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán.’ Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các ông hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 25

KINH 640. PHÁP DIỆT TẬN TƯỚNG[2018]

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Trong đời tương lai, nước Ma-thâu-la[2019] này sẽ có con một thương nhân tên là Quật-đa[2020]. Quật-đa có con tên là Ưu-ba-quật-đa[2021], sau khi Ta diệt độ một trăm năm, sẽ làm Phật sự, là vị tối đệ nhất trong những vị thầy Giáo thọ. Này A-nan, ngươi có thấy cụm rừng màu xanh ở đàng xa kia không?”

A-nan bạch Phật:

“Thưa vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn!”

“A-nan, nơi đó gọi là núi Ưu-lưu-mạn-trà[2022]. Sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, núi này có nơi A-lan-nhã là Na-tra-bạt-trí[2023]. Nơi này thích hợp bậc nhất cho sự tịch tịnh vắng lặng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ như vầy: ‘Nếu Ta đem giáo pháp phó chúc cho loài Người thì sợ rằng giáo pháp của Ta sẽ không tồn tại lâu dài. Nếu phó chúc cho loài Trời, thì cũng sợ rằng giáo pháp của Ta không tồn tại lâu dài và con người thế gian sẽ không có người nào nhận lãnh giáo pháp. Nay Ta nên đem Chánh pháp phó chúc cho cả Trời, Người. Chư Thiên và Người thế gian cùng nhau nhiếp thọ pháp, thì giáo pháp của Ta sẽ không bị dao động trong một ngàn năm.’

Khi ấy, Thế Tôn đang khởi tâm thế tục. Bấy giờ, Thiên đế Thích và bốn Đại Thiên vương biết tâm niệm của Phật, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên đế Thích và Tứ thiên vương:

“Như Lai không còn bao lâu sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà vào Bát-niết-bàn. Sau khi Ta vào Bát-niết-bàn, các ông nên hộ trì Chánh pháp.”

Rồi Thế Tôn lại bảo Thiên vương phương Đông:

“Ông nên hộ trì Chánh pháp phương Đông.”

Lại bảo Thiên vương phương Bắc, phương Tây, phương Nam:

“Các ông nên hộ trì Chánh pháp ở phương Bắc… Sau một ngàn năm, khi giáo pháp của Ta bị diệt, ở thế gian sẽ xuất hiện phi pháp và mười điều lành ắt sẽ bị hoại. Trong cõi Diêm-phù-đề gió dữ sẽ bạo khởi, mưa không đúng thời, nhân thế phần nhiều đói kém. Mưa thì bị nạn mưa đá; sông rạch khô cạn, hoa quả thì không đậu; con người thì không còn nước da tươi sáng. Trùng thôn, quỷ thôn[2024], tất cả đều bị tiêu diệt. Đồ ăn thức uống không còn mùi vị. Trân bảo chìm mất. Nhân dân ăn uống các loại cỏ thô nhám.

“Bấy giờ có Thích-ca vương, Da-bàn-na vương[2025], Bát-la-bà vương[2026], Đâu-sa-la vương[2027], cùng nhiều quyến thuộc. Bát Phật, răng Phật, đảnh cốt của Như Lai được an trí ở phương Đông. Phương Tây có vua tên là Bát-la-bà, cùng trăm ngàn quyến thuộc, phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Bắc có vua tên là Da-bàn-na cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Nam có vua tên là Thích-ca, cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Đông có vua tên là Đâu-sa-la cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Bốn phương đều loạn, các Tỳ-kheo phải tập trung vào nước giữa.

“Lúc ấy, có vua nước Câu-diệm-di tên là Ma-nhân-đà-la-tây-na[2028], sanh một người con, tay tựa thoa máu, thân như giáp trụ, có sức dũng mãnh. Cùng ngày sanh vương tử này, năm trăm đại thần cũng sanh ra năm trăm người con đều giống như vương tử, tay như thoa máu, thân như giáp trụ.

“Bấy giờ, nước Câu-diệm-di có một ngày mưa máu. Vua Câu-diệm-di thấy hiện tượng ác này thì vô cùng sợ hãi. Vua cho mời thầy tướng hỏi. Thầy tướng tâu vua:

“–Nay vua sanh con, người này sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề, sẽ giết hại nhiều người. Sanh con được bảy ngày đặt tên là Nan Đương. Theo năm tháng dần dần trưởng thành, bấy giờ bốn vua ác ở bốn nơi kéo đến, sát hại nhân dân.

“Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na nghe việc này thì sợ hãi.

“Bấy giờ, có vị Thiên thần báo rằng:

“–Đại vương nên lập Nan Đương lên làm vua, thì mới có đủ khả năng hàng phục bốn vua ác kia.”

“Lúc ấy vua Ma-nhân-đà-la-tây-na vâng lời dạy của Thiên thần, liền nhường vương vị cho con, lấy hạt minh châu trong búi tóc, đặt lên đầu con mình. Tập hợp các đại thần, dùng nước thơm rưới lên đỉnh đầu con. Triệu tập những người con sanh cùng ngày của năm trăm đại thần, thân mặc giáp trụ, theo vua ra trận, đã chiến thắng và giết hại tất cả những người của bốn vua ác kia, làm vua cõi Diêm-phù-đề, cai trị nước Câu-diệm-di.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

“Tại nước Ba-liên-phất, sẽ có Bà-la-môn tên là A-kỳ-ni-đạt-đa[2029], thông đạt kinh luận Tỳ-đà[2030]. Bà-la-môn này sẽ cưới vợ, sau đó có chúng sanh trung ấm sẽ đến làm con. Lúc vào thai mẹ, người mẹ rất thích luận nghị cùng người. Bà-la-môn này liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: ‘Vì chúng sanh ở trong thai này sẽ thông đạt tất cả các luận thuyết, cho nên khiến người mẹ sanh ra tâm ưa thích luận nghị với người như vậy.’ Như vậy, khi đủ ngày tháng, ra khỏi thai mẹ, trở thành một đồng tử thông đạt tất cả các thứ kinh luận. Thường dùng kinh luận để truyền dạy cho năm trăm người con Bà-la-môn; ngoài ra còn đem các thứ luận khác truyền dạy cho mọi người; dùng y phương dạy cho người học thuốc, nên có rất nhiều đệ tử như vậy. Vì có rất nhiều đệ tử nên gọi là ‘Đệ Tử’[2031]. Sau đó cầu xin cha mẹ

đi xuất gia học đạo. Cho đến khi cha mẹ đã chấp thuận ông xuất gia, ông liền xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, thông đạt ba tạng, thường khéo thuyết pháp, nói năng biện tài lưu loát, thu phục rất nhiều quyến thuộc."

Lại nữa, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

"Trong ấp Ba-liên-phất này sẽ có đại thương chủ tên là Tu-đà-na[2032], có chúng sanh trung ấm đến nhập thai mẹ. Chúng sanh kia khi vào thai mẹ, khiến cho người mẹ chất trực, nhu hòa, không có tâm niệm tà, các căn trầm lặng. Bấy giờ thương chủ liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: 'Vì chúng sanh ở trong thai cực kỳ lương thiện cho nên khiến cho người mẹ như vậy,… cho đến các căn trầm lặng.' Đến khi đủ ngày tháng, đồng tử ra đời, đặt tên là Tu-la-tha; theo năm tháng trưởng thành. Cho đến một hôm đồng tử bộc bạch cùng cha mẹ, cầu xin xuất gia học đạo, cha mẹ đều đồng lòng. Đồng tử này xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, luôn nỗ lực siêng năng tu tập đạo nghiệp, chứng đắc lậu tận, chứng quả A-la-hán. Song ít học, ít muốn, biết đủ và ít biết. Luôn luôn sống nơi núi rừng, núi có tên là Kiền-đà-ma-la[2033].

"Bấy giờ, vị Thánh nhân này thường đến nói pháp cho vua Nan Đương. Phụ vương của vua đã đến ngày bị vô thường mang đi. Nan Đương thấy cha qua đời, hai tay ôm lấy thi thể cha khóc lóc bi thảm, đau buồn thương tâm. Lúc ấy, vị Tam tạng này, dẫn theo nhiều tùy tùng đến chỗ vua, vì vua mà nói pháp. Sau khi vua nghe pháp xong, sầu não vơi đi, sanh lòng đại tín kính đối trong Phật pháp nên phát lời nguyẹân rằng: 'Từ nay trở về sau, ta sẽ cúng dường cho các Tỳ-kheo không e sợ, vừa ý là vui.' Rồi hỏi Tỳ-kheo:

"–Bốn vị vua bạo ác trước kia, đã hủy hoại Phật pháp bao nhiêu năm?

Các Tỳ-kheo đáp:

"–Trong vòng mười hai năm.

Nhà vua tâm nghĩ miêïng nói như sư tử rống:

"–Trong vòng mười hai năm ta sẽ cúng dường năm chúng, cho đến chuẩn bị mọi thứ để bố thí.

"Ngày vua bố thí trời sẽ mưa nước mưa thơm khắp cõi Diêm-phù-đề, tất cả các thứ cây trồng đều được tăng trưởng, dân chúng mọi nơi đều mang đồ cúng dường đến nước Câu-diệm-di để cúng dường Tăng chúng.

“Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sự cúng dường hậu hĩ. Các Tỳ-kheo ăn đồ của tín thí mà không đọc tụng kinh sách, không tát-xà vì người học kinh[2034], hí luận cho hết ngày, nằm ngủ suốt đêm, tham đắm lợi dưỡng, thích trang điểm cho mình, thân mặc quần áo đẹp đẽ, tránh xa pháp lạc xuất yếu, tịch tĩnh, xuất gia cái vui của Tam-bồ-đề. Thân hình thì Tỳ-kheo, mà xa lìa công đức Sa-môn. Đó là kẻ đại tặc trong pháp Phật, kẻ đồng lõa phá hoại ngọn cờ Chánh pháp trong thời Mạt thế, dựng cờ ma ác; dập tắt ngọn đuốc Chánh pháp, đốt lên ngọn lửa phiền não; đập vỡ trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm khô biển Chánh pháp, làm đổ núi Chánh pháp, phá thành trì Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy diệt trí tuệ thiền định, cắt đứt chuỗi ngọc giới, làm nhiễm ô Chánh đạo.

“Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, sanh lòng ác đối với các Tỳ-kheo, hủy nhục, mắng nhiếc, chán ghét xa lìa, không thân cận các Tỳ-kheo nữa. Mọi loài cùng thốt lên lời than: ‘Than ôi! Ác Tỳ-kheo như vậy thì không nên ở trong pháp của Như Lai.’ rồi nói kệ:

Làm hạnh ác, không tốt,

Làm các pháp tà kiến;

Những người ngu si này,

Làm đổ núi Chánh pháp.

Hành các giới pháp ác,

Bỏ các hạnh như pháp;

Xả các pháp thắng diệu,

Bỏ pháp Phật hiện tại.

Bất tín, không tự chế,

Thích làm các hạnh ác;

Hư ngụy lừa thế gian,

Đả phá pháp Mâu-ni.

Hủy hình tập việc ác,

Hung bạo và làm càn;

Dùng pháp lừa mọi người;

Sân hận, tự cao ngạo;

Tham đắm cầu lợi danh;

Không ác nào không làm.

Như pháp Phật đã dạy,

Dấu hiệu pháp tiêu mất,

Người nay ắt đã thấy,

Bị người trí khinh miệt.

Hiện tượng này đã hiện,

Biển Chánh pháp Mâu-ni

Không bao lâu khô cạn,

Nay Chánh pháp ít thấy;

Kẻ ác còn đến diệt,

Hủy hoại Chánh pháp ta.

“Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Thần đều lấy làm buồn, không còn ủng hộ các Tỳ-kheo nữa và cùng tuyên bố: ‘Pháp Phật sau bảy ngày nữa sẽ bị diệt tận.’ Họ cùng nhau thương khóc kêu gào và bảo nhau: ‘Đến ngày Tỳ-kheo thuyết giới họ cùng nhau đấu tranh, Chánh pháp Như Lai vì vậy mà bị tiêu diệt.’ Chư Thiên khóc lóc bi thương như vậy.

“Trong lúc đó, tại thành Câu-diệm-di có năm trăm Ưu-bà-tắc nghe chư Thiên nói những lời như vậy, cùng nhau đến giữa các Tỳ-kheo, ngăn cản các Tỳ-kheo đấu tranh và nói kệ rằng:

Than ôi! Năm kịch khổ,

Thương xót quần sanh sanh.

Nay pháp Phật sắp diệt,

Pháp vua Thích sư tử.

Ác luân hoại Pháp luân,

Như vậy, có kim cương;

Mới có thể không hoại.

Thời an ổn không còn;

Pháp nguy hiểm đã sanh;

Người minh trí đã qua;

Nay thấy tướng như vậy,

Nên biết không còn lâu.

Pháp Mâu-ni đoạn diệt,

Thế gian không sáng nữa.

Lời ly cấu, tịch diệt,

Mặt trời Mâu-ni lặn.

Người đời mất kho báu,

Thiện ác không khác nhau.

Thiện ác đã không phân,

Ai sẽ được Chánh giác?

Đèn pháp còn tại thế,

Kịp thời làm việc lành;

Vào ruộng phước vô lượng;

Pháp này ắt sẽ diệt.

Cho nên lũ chúng ta,

Biết của không bền chắc;

Kịp thời giữ lấy lõi.

"Đến ngày mười lăm lúc thuyết giới, Chánh pháp sẽ tiêu mất. Cũng trong ngày này, năm trăm Ưu-bà-tắc, tạo ra năm trăm tháp Phật trong cùng ngày. Lúc bấy giờ, các Ưu-bà-tắc bận công việc khác nên không tới lui trong chúng Tăng. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha[2035] đang ở tại núi Kiền-đà-ma-la,

ngài quán sát nơi nào trong ngày hôm nay ở cõi Diêm-phù-đề, có chúng Tăng thuyết giới. Ngài thấy có nước Câu-diệm-di đệ tử của Như Lai thuyết giới làm bố-tát; ngài liền đến Câu-diệm-di. Chúng Tăng nước này bấy giờ có đến trăm ngàn người; trong đó chỉ có một vị A-la-hán tên là Tu-la-tha. Lại có một vị Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là cuộc nhóm họp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, vị Duy-na hành thẻ sa-la[2036], bạch Thượng tọa Tam tạng rằng:

"–Chúng Tăng đã họp, gồm trăm ngàn vị. Nay xin vì thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa.

"Lúc ấy vị Thượng tọa trả lời rằng:

"–Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp nơi đây, gồm có trăm ngàn trong chúng này như vậy. Ta là Thượng tọa, đã thông đạt Tam tạng vẫn còn không học Giới luật, huống chi là những người khác mà có sở học! Nay sẽ thuyết Giới luật cho ai? Rồi nói kệ rằng:

Nay là ngày mười lăm,

Đêm vắng lặng, trăng tỏ;

Như vậy các Tỳ-kheo,

Nay họp nghe thuyết giới.

Tất cả chúng Tăng nhóm,

Diêm-phù-đề lần cuối.

Ta Thượng thủ trong chúng,

Không học pháp Giới luật.

Huống chi Tăng chúng khác,

Mà có chỗ học tập?

Sao giỏi pháp Mâu-ni,

Thích-ca sư tử vương?

Người nào có trì giới,

Người ấy mới nói được.

"Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chắp tay thưa Thượng tọa rằng:

"–Thượng tọa, chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa, như Đức Phật khi còn tại thế. Những pháp sở học của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng chúng Đại Tỳ-kheo, nay tôi cũng đã học hết. Như Lai tuy đã diệt độ đến nay đã ngàn năm, những Luật nghi mà Ngài đã chế lập, tôi cũng đã được đầy đủ.

Rồi nói kệ rằng:

Thượng tọa nghe tôi nói,

Tôi tên Tu-la-tha;

A-la-hán hết lậu,

Sư tử rống trong chúng.

Đệ tử thật Mâu-ni,

Các quỷ thần tin Phật

Nghe lời bậc Thánh dạy,

Buồn thương khóc rơi lệ.

Cúi đầu nghĩ pháp diệt,

Từ nay trở về sau,

Không có người nói pháp.

Tỳ-ni Biệt giải thoát.

Không còn tại thế gian.

Cầu pháp nay đã sập;

Nước pháp không còn chảy;

Biển pháp đã khô cạn;

Núi pháp đã sụp đổ.

Pháp hội tuyệt từ nay;

Cờ pháp không thấy nữa.

Chân pháp không đi lại.

Giới luật nghi mất luôn;

Đèn pháp không còn chiếu;

Bánh xe pháp không chuyển.

Cửa cam lộ bít kín.

Pháp sư không ở đời,

Người thiện nói diệu đạo;

Chúng sanh không biết thiện,

Không khác nào dã thú.

“Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-da Phu nhân từ trên Trời xuống, đến chỗ chúng Tăng kêu gào khóc lóc: ‘Than ôi, khổ thay! Đó là con của ta, đã từng trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các hạnh khổ, không màng gì đến việc lao thân khổ trí, tích đức thành Phật, mà hôm nay bỗng nhiên bị tiêu diệt!’, rồi nói kệ:

Tôi là thân mẫu Phật.

Con tôi từng khổ hạnh,

Trải qua vô số kiếp,

Cứu cánh thành Chánh đạo.

Khóc thương không kiềm được,

Nay pháp bỗng bị diệt.

Than ôi! Bậc Trí tuệ,

Hiện tại Ngài ở đâu,

Trì pháp bỏ tranh tụng?

Sanh ra từ miệng Phật;

Tối thượng trên các vua,

Đệ tử Phật chân thật.

Tu hạnh diệu Đầu-đà,

Đêm nghỉ nơi rừng sâu;

Thật sự con Phật vậy,

Hiện nay đang ở đâu?

Hiện tại ở thế gian,

Oai đức không hiện hữu.

Giữa núi rừng hoang vắng,

Các Thần đều im lặng.

Thí, giới, thương quần sanh,

Tin giới tự trang nghiêm;

Hạnh ngay thẳng, nhẫn nhục,

Quán sát pháp thiện ác:

Các thắng pháp như vậy,

Hiện nay bỗng biến mất!

“Bấy giờ, vị đệ tử của Thượng tọa kia nghĩ như vầy:

“–Tỳ-kheo Tu-la-tha tự nói: ‘Giới luật mà Đức Như Lai đã chế lập, ta giữ gìn đầy đủ.’

Lúc ấy, vị Thượng tọa này có người đệ tử tên là An-già-đà khởi lên tâm không nhẫn, phẫn hận cực độ, từ chỗ ngồi đứng dậy mạ nhục vị Thánh kia: ‘Ông là một Tỳ-kheo hạ tọa, ngu si, không trí mà dám hủy nhục Hòa thượng của tôi.’ Liền cầm dao bén giết vị Thánh kia. Rồi nói bài kệ:

Ta là An-già-đà,

Đệ tử của Thất-sa;

Dùng kiếm bén giết ngươi,

Tự bảo 'Ta có đức'.

"Lúc này, có một con quỷ tên là Đại Đề-mộc-khư suy nghĩ rằng: 'Thế gian chỉ có một vị A-la-hán này, mà bị tên đệ tử Tỳ-kheo ác giết hại.' Liền dùng chày Kim cương bén, đầu chày lửa cháy rực, đánh vỡ đầu người này chết tại chỗ. Rồi nói bài kệ:

Ta là thần quỷ ác,

Tên Đại Đề-mộc-khư;

Dùng chày Kim cương này,

Chẻ đầu ngươi làm bảy.

Bấy giờ, đệ tử của vị A-la-hán, thấy người đệ tử Thượng tọa kia sát hại thầy mình, không kiềm được cơn tức giận nên giết vị Tam tạng. Lúc này, chư Thiên và loài Người đều bi thương kêu khóc: 'Than ôi, khổ thay! Chánh pháp Như Lai hiện tại không còn nữa.' Chợt cõi đất chấn rung động sáu cách, vô lượng chúng sanh sầu não cực độ, kêu gào khóc lóc: 'Than ôi! Ngày nay Chánh pháp không còn hiện hữu ở đời.' Than xong những lời này rồi mọi người giải tán.

"Bấy giờ, năm trăm Ưu-bà-tắc nước Câu-diệm-di nghe những lời này xong, đi vào chùa, đưa tay vỗ đầu, khóc lớn cao tiếng: 'Than ôi! Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp quần sanh không kể loài to lớn hay vi tế. Ai có thể vì chúng con mà nói nghĩa pháp? Từ nay Trời, Người không thể nào giải thoát được nữa. Chúng sanh ngày nay vẫn còn ở trong bóng tối, không có người dẫn đường; luôn luôn huân tập các thói ác và lấy đây làm vui thích như các loài dã thú mà không chịu nghe diệu pháp của Mâu-ni, để rồi khi thân hoại

mạng chung đọa vào ba đường giống như sao rụng. Từ nay về sau người đời không còn nhớ đến trí tuệ tam-muội tịch tĩnh, pháp vi diệu thập lực.'

"Bấy giờ, vua Câu-diệm-di nghe các Tỳ-kheo giết hại chân nhân A-la-hán và Pháp sư Tam tạng, sanh lòng buồn thương, hãi hùng than thở ngồi im. Lúc ấy, bọn tà kiến tranh nhau đánh phá tháp miếu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đó pháp Phật tan tác chóng tàn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bảo Thích Đề-hoàn Nhân, bốn Đại Thiên vương, chư Thiên và Người đời:

"Sau khi Ta diệt độ, dấu hiệu diệt tận của pháp như trên đã nói. Cho nên, hiện tại các ông không thể không nỗ lực tinh tấn hộ trì Chánh pháp, để còn mãi tại thế gian."

Lúc ấy chư Thiên và loài Người, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, mọi người đều tỏ ra thương cảm, dùng tay lau nước mắt, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi mọi người tự rút lui.

---o0o---

KINH 641. A-DỤC VƯƠNG THÍ BÁN A-MA-LẶC QUẢ NHÂN DUYÊN KINH[2037]

Vua A-dục, đối với Pháp của Như Lai đạt được niềm tin kính sâu xa. Một hôm, vua hỏi các Tỳ-kheo:

"Đối trong pháp của Như Lai, ai là người thực hành bố thí nhất?"

Các Tỳ-kheo trả lời vua rằng:

"Trưởng giả Cấp Cô Độc, là người thực hành đại bố thí nhất."

Vua lại hỏi:

"Ông bố thí bao nhiêu vật báu?"

Tỳ-kheo đáp:

"Có đến ức ngàn vàng."

Vua nghe vậy, suy nghĩ như vầy: ‘Gia chủ kia còn có thể bỏ ra ức ngàn vàng. Nay ta là vua, vì lý do gì cũng lại bỏ ức ngàn vàng ra bố thí? Nên bỏ ra ức trăm ngàn vàng bố thí.’

Bấy giờ, vua cho khởi công xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật và trong mỗi tháp này lại bỏ ra ngàn trăm vàng để cúng. Lại cứ năm năm tổ chức đại hội một lần. Mỗi hội có ba trăm ngàn vị Tỳ-kheo. Dùng ba trăm ức vàng cúng dường vào trong chúng Tăng đó. Phần thứ nhất là A-la-hán. Phần thứ hai là những vị hữu học. Phần thứ ba là những phàm phu chân thật. Trừ kho tàng riêng ra, vật gì ở Diêm-phù-đề này; gồm phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần, đều có thể đem cúng dường cho Thánh tăng, rồi dùng bốn mươi ức tiền vàng chuộc chúng trở lại. Như vậy mà tính toán cho đến dùng hết chín mươi sáu ức ngàn tiền vàng.

Cho đến một hôm, vua bị bệnh nặng. Vua tự biết thân mạng mình sắp kết thúc. Lúc ấy có đại thần tên là La-đà-quật-đa[2038], kiếp trước là đứa trẻ đồng bạn với vua, khi vua cúng dường nắm đất cho Phật. Bấy giờ, đại thần La-đà-quật-đa thấy vua đang bị bệnh nặng mạng sắp lâm chung, cúi đầu hỏi vua bằng kệ:

Dung mạo luôn tươi tốt,

Trăm ngàn nữ vây quanh;

Giống như những đóa sen,

Ong mật tụ tập lại.

Nay nhìn dung nhan vua,

Không còn tươi thắm nữa.

Vua liền dùng kệ đáp:

Nay ta không còn lo

Mất tiền tài, vương vị.

Thân này cùng người thân,

Và các thứ châu báu.

Nay ta chỉ có buồn

Không còn thấy Hiền thánh

Để cúng dường tứ sự.

Nay ta chỉ nghĩ thế,

Nên nhan sắc biến đổi,

Tâm ý lại không an.

"Lại nữa, sở nguyện của ta là muốn dùng hết ức trăm ngàn tiền vàng để làm công đức. Nhưng nay nguyện chưa thành, phải để lại đời sau. Nếu đem cả vàng bạc trân báu đã đem ra cúng dường mà tính góp lại trước sau, thì chỉ thiếu có bốn ức là chưa đủ."

Vua liền chuẩn bị các thứ trân bảo gởi cúng vào chùa Kê tước[2039]. Con của Pháp Ích tên là Tam-ba-đề[2040] được lập lên làm thái tử.

Các đại thần thưa thái tử rằng:

"Chẳng còn bao lâu, Đại vương sẽ qua đời. Nay đem các thứ trân báu này gởi cúng vào chùa, trong khi của cải vật báu trong kho đã hết sạch. Theo pháp của các vua thì lấy vật làm trọng. Vậy nay thái tử nên xét lại việc này, không nên để Đại vương dùng hết."

Bấy giờ, thái tử ra lệnh cho người giữ kho, không được xuất vật báu ra cho Đại vương dùng nữa. Lúc này nhà vua tự biết là những vật mà mình đòi hỏi sẽ không được nữa, nên đem đồ đựng thức ăn bằng vàng cúng vào cho chùa. Thái tử ra lệnh không cung cấp đồ đựng bằng vàng, mà cung cấp đồ bằng bạc. Sau khi vua ăn xong lại gởi cúng vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đựng bằng bạc, mà cung cấp đồ bằng đồng. Vua cũng đem đồ này gởi cúng

vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đồng, mà cung cấp đồ gốm. Lúc này trong tay nhà vua chỉ có nửa trái a-ma-lặc[2041], lòng buồn thương rơi lệ, vua bảo các đại thần:

“Hiện nay, ai là chủ đất này?”

Bấy giờ, các đại thần bạch Đại vương:

“Vua là chủ đất này.”

Nhà vua liền dùng kệ đáp:

Các ngươi hộ tâm ta,

Tại sao lại nói dối?

Ta đang ở vương vị,

Lại không được tự tại!

Nửa trái A-ma-lặc,

Đang ở trong tay ta;

Nó là vật của ta,

Ở đây được tự do.

Phú quý đáng chán bỏ,

Than ôi! Lại tôn trọng!

Xưa cai trị Diêm-phù,

Nay bỗng dưng nghèo hèn.

Như sông Hằng cuộn trôi,

Một đi không trở lại;

Phú quý cũng như vậy,

Qua rồi không trở lại.

Vua lập lại bài kệ như Phật đã dạy:

Phàm thịnh ắt có suy,

Vì suy là cứu cánh.

Nên Như Lai nói vậy,

Chân thật không sai khác.

Những lời dạy trước đây,

Nay tức thì thông suốt.

Nay có điều cầu cạnh,

Lại không vâng lời ta.

Như gió bị núi ngăn,

Như nước bị bờ cản;

Nay giáo lệnh của ta,

Từ đây tuyệt vĩnh viễn.

Theo sau, vô lượng chúng,

Đánh trống thổi loa ốc;

Thường chơi các kỹ nhạc,

Thụ hưởng vui năm dục.

Thể nữ hàng trăm người,

Ngày đêm ta khoái lạc;

Hôm nay đều không còn,

Như cây không hoa trái.

Tướng mạo dần khô kiệt,

Sắc lực cũng như vậy;

Như hoa dần héo tàn,

Nay ta cũng như vậy.

Bấy giờ, vua A-dục bảo người hầu rằng:

"Nay ngươi, nếu còn nhớ ân nuôi dưỡng của ta, thì ngươi hãy đem nửa trái A-ma-lặc này gởi cúng vào cho chùa Kê tước, thay ta lễ bái sát chân các Tỳ-kheo Tăng, thưa rằng: 'Vua A-dục hỏi thăm các vị đại Thánh, tôi là A-dục vương, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này; tất cả mọi sở hữu của tôi ở cõi Diêm-phù-đề, ngày nay bỗng dưng mất hết, không còn của quý nào để cúng dường cho chúng Tăng nữa. Đối với tất cả mọi thứ của cải, tôi không còn được tự tại, nay chỉ có nửa trái A-ma-lặc này là tôi được tự do. Đây là lần cuối cùng bố thí ba-la-mật, xin thương xót tôi mà thu nhận sự cúng dường này, khiến tôi được phước khi cúng dường chúng Tăng.'"

Rồi nói kệ rằng:

Nửa trái A-ma-lặc,

Đây, sở hữu của ta;

Được tự tại đối ta,

Nay cúng dường đại chúng.

Tâm hướng về Thánh chúng,

Không ai khác giúp ta.

Xin thương xót cho ta,

Nhận lấy A-ma-lặc.

Vì ta ăn quả này,

Nhờ phước vô lượng này;

Đời đời được diệu lạc,

Dụng không bao giờ hết.

Bấy giờ, người sứ giả kia, nhận lệnh của vua rồi, liền đem nửa trái A-ma-lặc đi vào chùa Kê tước, đến trước Thượng tọa, năm vóc gieo xuống đất làm lễ, quỳ gối chắp tay hướng lên Thượng tọa mà nói kệ rằng:

Người thống lãnh Diêm-phù,

Một lọng, một tiếng trống;

Đi dạo không chướng ngại,

Như trời chiếu thế gian.

Báo nghiệp hành đã đến,

Ở đời chẳng còn lâu;

Vua không còn uy đức,

Như mây che mặt trời.

Vua hiệu là A-dục,

Cúi đầu lễ chân Tăng;

Gởi cúng dường vật này,

Nửa trái A-ma-lặc.

Nguyện cầu phước đời sau,

Xin vì vua, thương xót;

Thánh chúng vì thương vua,

Nhận nửa trái cúng dường.

Bấy giờ, vị Thượng tọa kia bảo Đại chúng:

“Ai nghe những lời này mà không nhàm chán thế gian? Chúng ta nghe việc này, không thể không sanh nhàm chán, xa lìa. Như kinh Phật đã dạy: ‘Thấy sự suy giảm của người, nên sanh ra nhàm chán, xa lìa.’ Nếu chúng sanh hiểu

biết khi nghe việc này há không thể từ bỏ thế gian được sao?” Rồi nói kệ rằng:

Người trong đời, vua nhất,

A-dục dòng Khổng Tước;

Tự tại Diêm-phù-đề,

Làm chủ A-ma-lặc.

Thái tử cùng các thần,

Đoạt vật vua bố thí;

Gởi nửa A-ma-lặc,

Hàng phục người tiếc của.

Khiến họ sanh tâm chán,

Người ngu không biết thí;

Được diệu lạc nhân quả,

Chỉ cúng nửa Ma-lặc.

Lúc ấy vị Thượng tọa nghĩ như vầy: ‘Làm thế nào để đem nửa trái A-ma-lặc này chia đều cho khắp tất cả chúng Tăng được?’ Sau đó bảo đem nghiền nát, bỏ vào trong nồi nấu lên, làm vậy xong tất cả chúng Tăng đều được chia đủ cả.

Bấy giờ, vua lại hỏi vị đại thần bên cạnh rằng:

“Ai là vua cõi Diêm-phù-đề?”

Đại thần thưa vua rằng:

“Chính Đại vương.”

Lúc ấy vua đang nằm ngồi dậy, quay nhìn bốn phía, chắp tay làm lễ cảm niệm ân đức chư Phật, lòng nghĩ miệng nói: ‘Nay ta đem cõi Diêm-phù-đề này cúng dường cho Tam bảo, tùy ý sử dụng.’ Rồi nói kệ rằng:

Nay, Diêm-phù-đề này,

Nhiều trân bảo trang sức;

Cúng cho ruộng phước lành,

Tự nhiên được quả báo.

Đem công đức bố thí này,

Chẳng cầu Thiên đế Thích;

Phạm vương cùng nhân chủ,

Các diệu lạc thế giới.

Những quả báo như vậy,

Tôi đều không thụ dụng;

Nhờ công đức thí này,

Mà mau thành Phật đạo.

Nơi tôn ngưỡng cho đời,

Thành được Nhất thiết trí;

Làm bạn lành thế gian,

Là Đạo sư bậc nhất.

Bấy giờ, nhà vua đem những lời này viết lên trên giấy rồi phong kín lại, dùng răng cắn vào làm dấu ấn. Sau khi làm xong việc này, nhà vua qua đời.

Bấy giờ, thái tử cùng các quần thần, cung nhân thể nữ, nhân dân trong nước dâng các thứ cúng dường, tống táng theo nghi thức của quốc vương, mà làm lễ trà tỳ.

Lúc này, các đại thần muốn lập thái tử lên nối ngôi vị vua, nhưng trong triều có một đại thần tên là A-nậu-lâu-đà, nói với các quần thần rằng:

"Không được lập thái tử lên làm vua. Vì sao? Vì Đại vương A-dục lúc còn sanh tiền, vốn có nguyện đem mười vạn ức tiền vàng, làm công đức, nhưng còn thiếu bốn ức nữa, chưa đủ mười vạn. Vì muốn cho đủ số, nên nay cõi Diêm-phù-đề này đã được xả cúng cho Tam bảo. Nay đại địa này thuộc về Tam bảo, làm sao mà lập làm vua được?"

Sau khi các đại thần nghe vậy, liền đem bốn ức tiền vàng cúng vào cho chùa, sau đó liền lập con của Pháp Ích lên làm vua tên là Tam-ba-đề. Kế đến nối tiếp vương vị là thái tử Tỳ-lê-ha-ba-đê[2042]; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-ba-đê là thái tử Tỳ-lê-ha-tây-na[2043]; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-tây-na là thái tử Phất-sa-tu-ma[2044]; nối tiếp vương vị Phất-sa-tu-ma là thái tử Phất-sa-mật-đa-la[2045]. Bấy giờ Phất-sa-mật-đa-la hỏi các vị đại thần rằng:

"Ta phải làm những việc gì để khiến cho danh đức của ta tồn tại mãi ở thế gian?"

Lúc ấy, những vị hiền thần tin ưa Tam bảo thưa vua rằng:

"Đại vương A-dục là Quốc vương đầu tiên của dòng họ. Khi còn sống, vua cho xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Như Lai và phát tâm cúng dường đủ thứ, chính danh đức này lưu truyền mãi đến hôm nay. Nếu nhà vua muốn cầu danh đức này thì cũng phải cho tạo lập tám vạn bốn ngàn tháp và các thứ cúng dường."

Nhà vua nói:

“Vì Đại vương A-dục có oai đức lớn nên có khả năng thực hiện được những việc làm này, ta thì không thể nào làm được, hãy nghĩ đến việc khác đi.”

Trong đó, có vị nịnh thần gian ác, không có lòng tin, tâu vua:

“Thế gian có hai loại pháp lưu truyền mãi ở đời không dứt: Một là làm lành, hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các hạnh lành, thì nay vua nên làm các hạnh ác như phá hoại tám vạn bốn ngàn tháp.”

Lúc này vua nghe theo lời vị nịnh thần, lập tức cho khởi bốn binh chúng đi đến các chùa chiền phá hoại các tháp thờ. Trước hết vua đi vào chùa Kê tước, liền bị con sư tử đá trước cổng chùa rống lên, làm cho vua vô cùng kinh hoàng sợ hãi khi nghe nó và tự nghĩ: ‘Không phải là loài thú thật, mà có thể rống lên được sao?’ Vua trở về trong thành. Ba lần như vậy, nhà vua muốn phá hoại chùa này.

Bấy giờ, vua cho gọi các Tỳ-kheo lại và hỏi các Tỳ-kheo:

“Ta phá hoại tháp là thiện hay là pháp hoại Tăng phòng là thiện?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không nên làm cả hai. Nếu vua muốn phá hoại chúng, thì thà phá hoại Tăng phòng, chớ nên phá hoại tháp Phật.”

Lúc ấy vua sát hại các Tỳ-kheo, cùng phá hoại các tháp thờ và như vậy dần dần cho đến nước Bà-già-la. Lại ra sắc lệnh: ‘Nếu có người nào mang được đầu Sa-môn Thích tử đến, sẽ được thưởng ngàn tiền vàng.’

Bấy giờ, trong nước này có một vị A-la-hán hóa ra rất nhiều đầu Tỳ-kheo cho mọi người mang đến chỗ vua, làm cho của báu trong kho tàng nhà vua đều cạn hết. Khi nhà vua nghe vị A-la-hán đã làm những việc như vậy, thì càng nổi giậân hơn, muốn giết vị A-la-hán này. Lúc này, vị A-la-hán vào định Diệt tận nên nhà vua dùng vô lượng cách để sát hại vị Thánh nhân này, rốt cuộc cũng không thể được. Vì ngài vào định Diệt tận nên không thể làm tổn thương thân thể ngài được và như vậy vua tiến dần đến cửa tháp Phật. Ở trong tháp này có một vị quỷ thần đang ở để bảo vệ tháp Phật tên là Nha Xỉ[2046]. Vị quỷ thần này nghĩ rằng mình là đệ tử của Phật, vì thọ trì giới cấm không sát hại chúng sanh, nên nay mình không thể giết hại nhà vua được. Lại nghĩ: ‘Có một vị thần tên là Trùng[2047], mạnh mẽ hung bạo, thường làm các việc ác, cầu kết hôn con gái ta, ta không chịu. Nay vì để bảo vệ Chánh

pháp nên phải gả cho nó, khiến nó bảo hộ pháp Phật.’ Liền kêu vị thần kia bảo rằng:

“Nay ta gả con gái cho ngươi, song cùng lập giao ước là ngươi phải hàng phục vị vua này, chớ để ông ta tạo ra các việc ác, hoại diệt Chánh pháp.”

Lúc này chỗ vua lại có một vị đại quỷ thần tên là Ô-trà, vì oai đức đầy đủ nên vị thần kia không thể làm gì vua được. Lúc này thần Nha Xỉ muốn tìm cách hủy diệt sức mạnh tự nhiên hiện tại của vua do vị thần này mang lại. Nay ta nên giả làm thân với hắn và như vậy cùng làm bạn tri thức với vị thần kia. Sau khi kết bạn tri thức thân nhau rồi, liền dẫn vị thần này đến giữa biển lớn phương Nam. Lúc đó thần Trùng mới sang dẹp núi lớn, xua đuổi bức bách từ trên vua cho đến bốn binh chúng không ai là không chết hết. Dân chúng đều reo hò: ‘Sướng thay, sướng thay!’ và người đời cùng truyền nhau từ ‘sướng thay’ này.

Nhà vua này mất rồi, dòng dõi Khổng tước vĩnh viễn cáo chung từ đây. Cho nên sự giàu sang, sung sướng ở thế gian không đáng để tham. Đại vương A-dục là người có trí, giác ngộ cuộc đời là vô thường, thân mạng khó mà bảo tồn, của cải của năm nhà cũng như huyễn hóa. Khi đã giác ngộ được điều này rồi, thì phải nỗ lực tinh tấn tạo các thứ công đức, cho đến lúc mạng chung tâm luôn nhớ đến Tam bảo, niệm niệm không gián đoạn, không có gì phải luyến tiếc, chỉ có nguyện thành tựu rốt ráo Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác thôi.

---o0o---

KINH 672. TỨ LỰC (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực; đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Giác lực là thế nào? Là chỉ cho tuệ, đại tuệ, thâm tuệ, nan thắng tuệ; đó gọi là giác lực. Tinh tấn lực là thế nào? Là xa lìa đối với pháp bất thiện, số bất thiện[2048]; pháp đen, số đen; pháp có tội, số có tội, pháp không nên thân cận, số không nên thân cận. Sau khi tránh xa các pháp này rồi, nếu đối với các pháp thiện, số thiện; pháp trắng, số trắng, pháp vô tội, số vô tội, pháp nên thân cận, số nên thân cận, những pháp như vậy mà tu tập, tăng thượng tinh cần, nỗ lực

phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí; đó gọi là Tinh tấn lực. Còn vô tội lực, nhiếp lực như kinh trên đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 673. NGŨ LỰC[2049]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 674. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Các Tỳ-kheo nên học như vầy: ‘Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 675. ĐƯƠNG TRI NGŨ LỰC[2050]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Tín lực kia, nên biết, đó là Bốn bất hoại tín. Tinh tấn lực, đó là bốn Chánh đoạn. Niệm lực là bốn Niệm xứ. Định lực là bốn Thiền. Tuệ lực là bốn Thánh đế.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 676. ĐƯƠNG HỌC NGŨ LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 677. NGŨ HỌC LỰC[2051]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm học lực[2052]. Những gì là năm? Tín lực là học lực, Tinh tấn lực là học lực, Tàm lực là học lực, Quý lực là học lực, Tuệ lực là học lực[2053].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 678. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (1)[2054]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu tín lực là học lực[2055]; nên thành tựu tinh tấn lực là học lực; nên thành tựu tàm lực là học lực; nên thành tựu quý lực là học lực; nên thành tựu tuệ lực là học lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 679. QUẢNG THUYẾT HỌC LỰC[2056]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Tín lực là học lực, là thế nào? Tỳ-kheo khéo thâm nhập tín tâm đối với Như Lai, gốc rễ bền chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng đồng pháp khác không thể phá hoại; đó gọi là căn Tín.

“Tinh tấn lực là học lực, là thế nào? Là bốn Chánh đoạn, như đã nói đầy đủ ở trước.

“Tàm lực là học lực, là thế nào? Là hổ thẹn, xấu hổ đối với pháp ác, bất thiện, các số phiền não[2057] đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Tàm lực là học lực.

“Quý lực là học lực, là thế nào? Là lấy làm thẹn các điều đáng thẹn, tự thẹn về các pháp ác, bất thiện, các số phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Quý lực là học lực.

“Tuệ lực là học lực, là thế nào? Là Thánh đệ tử trụ trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt của thế gian, về sự xuất ly, yểm ly của Thánh hiền, về sự chân chánh diệt tận khổ đã quyết định. Đó gọi là Tuệ lực là học lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 680. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: ‘Ta sẽ thành tựu Tín lực là học lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Tuệ lực là học lực’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 681. BẠCH PHÁP (1)[2058]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp thiện mà thay đổi hoặc thoái thất, hay không trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên[2059] dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách họ. Những gì là năm? Bảo rằngï: 'Ông không có tín thâm nhập trong các pháp thiện[2060]. Nếu y trên tín thì có thể xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không tàm, không quý; không tuệ thâm nhập pháp thiện[2061]. Nếu y trên tuệ, có thể xa lìa các pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với Chánh pháp mà không đổi thay, không thoái thất, trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến chúc mừng. Những gì là năm? Có chính tín thâm nhập pháp. Nếu y trên tín, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Tinh tấn, có tàm, có quý, có tuệ thâm nhập. Nếu người nào y cứ vào tuệ, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 682. BẠCH PHÁP (2)[2062]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào hoàn giới, thoái thất giới[2063], Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách[2064]. Những gì là năm? Hoặc Tỳ-kheo không có tín đối với pháp thiện. Nếu y trên tín, thì tránh xa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Hoặc không có tinh tấn, tàm, quý và tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, thì xa lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện.

"Nếu có Tỳ-kheo suốt đời thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến an ủi, khuyến khích, như trên đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 683. BẤT THIỆN PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, hoặc không muốn pháp ác bất thiện sanh khởi, duy chỉ có tín nơi pháp thiện. Nếu tín bị thoái giảm, an trú lâu dài nơi bất tín, các pháp bất thiện lại sanh,… cho đến nếu muốn cho các pháp ác bất thiện không còn sanh, duy chỉ có tinh tấn, tàm, quý, tuệ. Nếu tinh tấn, tàm, quý, tuệ lực bị thoái giảm an trú lâu dài với ác tuệ, thì pháp ác bất thiện sẽ sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào y trên tín, thì sẽ xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Người nào y cứ vào tinh tấn, tàm, quý, tuệ, thì lìa được pháp ác bất thiện và tu các pháp thiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 684. THẬP LỰC[2065]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, thì có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác; đối với đời vị lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; phạm hạnh chưa chế có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó, Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát.

“Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

“Những gì là học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

“Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ[2066], đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[2067], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về việc thọ quả tạo nhân báo của nghiệp[2068] quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh[2069], của các thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo[2070], đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm, ngàn kiếp; Ta bấy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sanh ra, chỗ này sanh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường ác, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sanh vào trong địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh kiếp sau nữa.’ Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 685. NHŨ MẪU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như đứa trẻ, cha mẹ sanh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhả ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhả ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, thì có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết phân biệt được rồi, thì đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời săn sóc, trông chừng và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, thì nhũ mẫu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, thì Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom; còn những Thanh văn nào đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, thì Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực, như trên đã nói đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 686. SƯ TỬ HỐNG (1)[2071]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như Lai có sáu thứ lực. Nếu thành tựu được sáu lực này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[2072], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó là lực ban đầu của Như Lai, biết như thật về xứ, phi xứ.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự thọ pháp an lạc của tâm[2073] quá khứ, vị lai và hiện tại. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó là lực thứ hai của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về Thiền giải thoát, tam-muội, chánh thọ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ ba của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về những sự việc trong đời trước của thời quá khứ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ tư của Như Lai.

“Với Thiên nhãn thanh tịnh của Như Lai vượt qua mắt người thường thấy các chúng sanh chết nơi này sanh ra nơi kia. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, lậu kết của Như Lai đã diệt hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát. Như trên đã nói đầy đủ… Cho đến ở giữa chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 687. SƯ TỬ HỐNG (2)[2074]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.

“Lại, hoặc có người đến hỏi về trí lực lạc thọ do tự mình[2075] của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lạc thọ do tự mình của Như Lai. Đó gọi là trí lực thứ hai của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói hỏi về trí lực thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực đời trước thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về đời trước của Như Lai.

“Hoặc có người lại đến hỏi về trí lực thiên nhãn của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về sở kiến thiên nhãn của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực lậu tận của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lậu tận của Như Lai.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 688. THẤT LỰC (1)[2076]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, tinh tấn lực,

Tàm lực và quý lực;

Chánh niệm, định, tuệ lực,

Đó gọi là bảy lực.

Người thành tựu bảy lực,

Là hết các hữu lậu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 689. ĐƯƠNG THÀNH THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bảy lực như trên đã nói, *nhưng có một vài sai biệt.*

"Cho nên Tỳ-kheo, phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu Tín lực. Cũng vậy, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực cũng phải học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 690. THẤT LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bảy lực, như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, Tinh tấn lực,

Cùng nói Tàm, Quý lực;

Niệm lực, Định, Tuệ lực,

Đó gọi là bảy lực.

Người thành tựu bảy lực,

Dứt nhanh các hữu lậu.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 691. QUẢNG THUYẾT THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

“Tín lực là thế nào? Là phát khởi lòng tin sâu xa, vững chắc đối với Như Lai, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng những kẻ đồng pháp khác không thể nào phá hoại được, đó gọi là Tín lực.

“Tinh tấn lực là những gì? Là chỉ cho bốn Chánh đoạn. *Như trên đã nói đầy đủ.*

“Tàm lực là thế nào? Là hổ thẹn về pháp ác bất thiện. *Như trên đã nói.*

“Quý lực là thế nào? Là đối với việc đáng thẹn nên thẹn, thẹn về những pháp ác bất thiện khởi lên. *Như trên đã nói.*

“Niệm lực là những gì? Là chỉ cho bốn Niệm xứ. *Như trên đã nói.*

“Định lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thiền. *Như trên đã nói.*

“Tuệ lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thánh đế. *Như trên đã nói.*”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 692. BÁT LỰC[2077]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tám lực. Tám lực là những gì? Lực của vương giả là sự tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của người nữ là sự kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 693. QUẢNG THUYẾT BÁT LỰC[2078]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ bằng kết hận biểu hiện. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 694. XÁ-LỢI-PHẤT VẤN[2079]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Tỳ-kheo lậu tận tâm thuận hướng về sự viễn ly, chảy rót vào viễn ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly; tâm thuận hướng về sự thoát ly, chảy rót vào thoát ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly thoát ly; thuận hướng về Niết-bàn, chảy rót vào Niết-bàn, chuyển vần sâu vào Niết-bàn. Nếu khi thấy năm dục thì như thấy hầm lửa; khi thấy rồi, đối với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm dứt khoát không trụ vào, tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 695. DỊ TỲ-KHEO VẤN

Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, kinh Tỳ-kheo khác hỏi Phật cũng vậy.

---o0o---

KINH 696. VẤN CHƯ TỲ-KHEO

Kinh hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 697. CỬU LỰC[2080]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 698. QUẢNG THUYẾT CỬU LỰC[2081]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.

“Tín lực là thế nào? Như trên đã nói, là khởi lòng tin chân chánh vững chắc sâu xa vào Như Lai.

“Tinh tấn lực là những gì? Như trên đã nói, là chỉ cho bốn Chánh đoạn.

“Tàm lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

“Quý lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

“Niệm lực là thế nào? Như trên đã nói, là sống quán niệm thân trên thân.

“Định lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thiền.

“Tuệ lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thánh đế.

“Số lực là thế nào? Thánh đệ tử, nếu ở nơi phòng vắng hay dưới bóng cây, phải học như vầy: ‘Người thân miệng làm hạnh ác, thì ngay trong hiện tại và đời sau sẽ nhận lãnh quả báo ác.’ Như đã nói đầy đủ ở trên.

“Tu lực là thế nào? Là tu bốn Niệm xứ. Như trước đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 699. THẬP LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Mười lực. Những gì là mười? Lực của vương giả là tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của công xảo là máy móc. Lực của giặc cướp là đao kiếm. Lực của người nữ là kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 700. QUẢNG THUYẾT THẬP LỰC[2082]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của công xảo máy móc, là người chế tạo ra máy móc biểu hiện sức mạnh bằng công xảo của nó. Lực của giặc cướp đao kiếm, là bọn giặc cướp quyết biểu hiện sức mạnh của nó bằng đao kiếm. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia

nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 701. NHƯ LAI LỰC (1)[2083]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có mười lực của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Những gì là mười? Là Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi là lực ban đầu,… cho đến hết lậu, đã nói như trên[2084].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 702. NHƯ LAI LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.”

Như đã nói đầy đủ ở trên[2085]*.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 703. NHƯ LAI LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có pháp nào mà được ý giải, thân tác chứng, tất cả đều do trí vô úy của Như Lai phát sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Ta, mà không siểm nịnh, không giả ngụy, sanh tâm ngay thẳng, Ta sẽ vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy. Sáng sớm vì họ nói pháp, giáo giới, truyền dạy, thì đến lúc giữa trưa sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Nếu chiều tối vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy thì đến sáng sớm hôm sau sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Khi đã truyền dạy như vậy rồi, thì họ sẽ sanh tâm ngay thẳng; thật thì biết thật, không thật thì biết không thật, trên thì biết là trên, không trên thì biết là không trên. Những điều nên biết, nên thấy, nên được, nên hiểu biết, thì tất cả đều biết rõ. Trường hợp ấy có xảy ra. Đó gọi là năm lực của hữu học và mười lực của Như Lai.

"Những gì là năm lực của hữu học? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

"Mười lực của Như Lai. Những gì là mười? Biết như thật xứø phi xứ[2086]. Như đã nói mười lực đầy đủ ở trên. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai… cho đến trí lực lậu tận, cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, trí lực xứ phi xứ đó Ta nói là định chứ chẳng phải không định,… cho đến trí lực lậu tận, ta nói là định, chẳng phải không định. Định là chánh đạo, Phi định là tà đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 704. BẤT CHÁNH TƯ DUY[2087]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu không chánh tư duy[2088], tham dục triền cái chưa khởi sẽ khởi; tham dục triền cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi triền cái chưa khởi thì sẽ khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ không khởi; niệm giác chi đã khởi sẽ thoái thất. Trạch pháp, tinh tấn, khinh an[2089], hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ không khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi đã khởi sẽ thoái thất.

"Nếu Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến diệt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái chưa khởi sẽ không khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ đoạn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi rồi thì sẽ tái sanh khiến thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi sẽ tái sanh khiến thêm rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 705. BẤT THOÁI[2090]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp bất thoái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đó gọi là pháp thoái. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ khiến tăng rộng. Đó gọi là pháp bất thoái. Những gì là bảy? Đó Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an[2091] giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Đó gọi là pháp bất thoái."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 706. CÁI[2092]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp, có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, có thể làm cho sút giảm trí tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi. Như vậy, năm pháp này có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu có bảy Giác chi, thì có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 707. CHƯỚNG CÁI[2093]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm chướng, năm cái[2094], phiền não nơi tâm[2095], có thể làm sút giảm trí tuệ và làm phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân

cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não ở tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu là bảy Giác chi, thì chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.

Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi… *Như đã nói ở trên*… cho đến Xả giác chi. Như bảy Giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Tham dục, sân nhuế cái,

Thùy miên, trạo hối, nghi;

Như năm thứ cái này,

Tăng trưởng các phiền não.

Năm cái che thế gian,

Đắm sâu khó độ được;

Ngăn che đối chúng sanh,

Khiến không thấy chánh đạo.

Nếu đắc Thất giác chi,

Thì có thể chiếu sáng;

Chỉ lời chân thật này,

Đấng Chánh Giác đã nói.

Niệm giác chi là đầu,

Trạch pháp, chánh tư duy;

Tinh tấn, ỷ[2096], hỷ giác,

Tam-muội, xả giác chi.

Như bảy Giác chi này,

Chánh đạo của Mâu-ni;

Tùy thuận Đấng Đại Tiên,

Thoát sợ hãi sanh tử.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 708. THỌ[2097]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có thiện gia nam tử, xả bỏ công việc đời, xuất gia học đạo; cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín sống không nhà, xuất gia học đạo. Trong số xuất gia như vậy, có người ngu si, nương vào nơi xóm làng, thành ấp; sáng đắp y mang bát vào thôn khất thực, nhưng vì không khéo giữ thân, không giữ gìn cửa các căn, không nhiếp thu các niệm mình, nên khi nhìn thấy những thiếu nữ trang điểm xinh đẹp, sanh tâm đắm nhiễm, không chánh tư duy, tâm chạy theo nắm bắt sắc tướng, tưởng đến sắc dục, làm cho tâm dục hừng hẫy, thiêu

đốt tâm, thiêu đốt thân, trả lại giới, trở về thế gian, tự thụt lùi chìm đắm. Trong khi đã yểm ly việc đời, xuất gia học đạo rồi mà còn nhiễm đắm trở lại, làm tăng thêm các tội nghiệp để tự phá hoại, che lấp, chìm đắm.

"Có năm loại cây lớn, hạt mầm của nó rất nhỏ, nhưng cây lớn lên thì to lớn, bóng cây có thể che tối các loại cây tạp nhỏ, khiến âm u héo úa, không sanh trưởng được. Những gì là năm? Đó là cây kiền-giá-da[2098], cây Ca-tỳ-đa-la[2099], cây A-thấp-ba-tha[2100], cây Ưu-đàm-bát-la[2101], cây Ni-câu-lưu-tha[2102]. Như vậy, năm loại cây đại thọ[2103] này, tuy mầm của nó rất nhỏ, nhưng từ từ phát triển lớn lên, bóng của nó che khuất các cây nhỏ, có thể khiến cho tất cả bị che khuất rũ xuống. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, dần dần tăng trưởng; là sân nhuế[2104], thùy miên, trạo hối, nghi cái, dần dần tăng trưởng. Vì tăng trưởng, nên khiến cho thiện tâm bị che khuất rũ xuống. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái. Những gì là bảy? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Tu tập bảy Giác chi như vậy, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái chuyển."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 709. THẤT GIÁC CHI[2105]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

"Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 710. THÍNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỳ-kheo lìa tham dục, thì tâm giải thoát; lìa vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán[2106], cứu cánh biên tế khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 711. VÔ ÚY (1)[2107]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ có vương tử Vô Úy[2108] thường ngày đi bộ, thong thả dạo chơi, đi đến chỗ Đức Phật; sau khi diện kiến chào hỏi Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[2109].' Còn Thế Tôn thì thế nào?"

Phật bảo Vô Úy:

“Vì các Sa-môn, Bà-la-môn nói những điều mà họ không suy nghĩ, ngu si, không phân biệt, không khéo léo, chẳng biết suy nghĩ, chẳng biết suy lường nên nói: ‘Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên.’ như vậy. Vì sao? Vì chúng sanh phiền não có nhân, có duyên và chúng sanh thanh tịnh, có nhân, có duyên.

“Chúng sanh phiền não có nhân gì, duyên gì? Chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, duyên gì? Vì tham dục chúng sanh tăng thượng nên đối với của cải, đồ vật của người khác khởi lên lòng tham nói rằng: ‘Vật này là sở hữu của tôi thì tốt.’ Nó yêu thích không muốn xa lìa. Đối với chúng sanh khác khởi lên lòng sân hận, hung ác, toan tính, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, gia tăng những việc trái đạo, tạo ra các nạn, không từ bỏ sân nhuế. Thân ham ngủ nghỉ, tâm lại lười biếng, tâm luôn dao động; bên trong không tịch tĩnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Này Vô Úy, vì những nhân như vậy, những duyên như vậy, nên chúng sanh phiền não. Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy nên chúng sanh thanh tịnh.” [2110]

Vô Úy bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, một phần triền cái đã đủ là phiền não tâm, huống chi là tất cả!”

Vô Úy lại bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, có duyên gì?“

Phật bảo Vô Úy:

“Nếu Bà-la-môn nào có một niệm thù thắng, quyết định thành tựu; những việc đã làm từ lâu, những lời nói từ lâu, có thể tùy theo nhớ nghĩ, ngay lúc ấy tu tập Niệm giác chi. Khi Niệm giác chi đã tu tập rồi, thì niệm giác đầy đủ. Khi niệm giác đã đầy đủ rồi, thì có sự lựa chọn, phân biệt, tư duy, lúc bấy giờ tu tập Trạch pháp giác chi. Khi đã tu tập Trạch pháp giác chi rồi, thì trạch pháp giác đầy đủ. Khi đã lựa chọn, phân biệt, suy lường pháp rồi, thì sẽ nỗ lực tinh tấn; ở đây, tu tập Tinh tấn giác chi. Khi đã tu tập Tinh tấn giác chi rồi, thì tinh tấn giác đầy đủ. Khi đã nỗ lực tinh tấn rồi, thì hoan hỷ sẽ sanh, xa lìa các tưởng về thức ăn, tu hỷ giác chi. Khi đã tu Hỷ giác chi rồi, thì hỷ giác đầy đủ. Khi Hỷ giác chi đã đầy đủ rồi, thì thân và tâm khinh an[2111]; lúc ấy tu Khinh an giác chi. Khi đã tu Khinh an giác chi rồi, thì khinh an giác sẽ đầy đủ. Khi thân đã khinh an rồi, thì sẽ được an lạc và khi đã an lạc rồi thì tâm sẽ định; khi ấy tu Định giác chi. Khi đã tu Định giác chi rồi,

thì định giác sẽ đầy đủ, Khi định giác chi đã đầy đủ rồi, thì tham ái sẽ bị diệt và tâm xả sanh ra; khi ấy tu Xả giác chi. Khi đã tu Xả giác chi rồi, thì xả giác sẽ đầy đủ. Như vậy, này Vô Úy, vì nhân này, duyên này mà chúng sanh thanh tịnh."

Vô Úy bạch Cù-đàm:

"Nếu một phần (*trong bảy Giác chi này*) đầy đủ, thì cũng khiến cho chúng sanh thanh tịnh, huống chi là tất cả."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, kinh này tên gì và phải phụng trì như thế nào?"

Phật bảo vương tử Vô Úy:

"Nên gọi đây là kinh Giác Chi."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, đây là giác phần tối thắng. Bạch Cù-đàm, con là Vương tử, đã an lạc, mà vẫn thường cầu an lạc, nhưng ít khi ra vào. Nay lên trên núi, tứ chi tuy mỏi mệt, nhưng được nghe Cù-đàm nói kinh Giác Chi nên quên tất cả sự mệt nhọc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, vương tử Vô Úy nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi lui.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 26

KINH 642. TRI[2112]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba căn: Căn vị tri đương tri, căn tri, căn vô tri[2113]. Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

Khi hiểu biết học địa,

Tùy thuận tiến thẳng đường;

Cần phương tiện siêng năng,

Khéo tự hộ tâm mình.

Tự biết hết tái sanh,

Đạo vô ngại đã biết;

Đã biết giải thoát rồi,

Cuối cùng được vô tri.

Bất động ý giải thoát[2114],

Tất cả hữu đều dứt;

Các căn đầy đủ cả,

Vui nơi căn vắng lặng.

Giữ thân sau cùng này,

Hàng phục các ma oán.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 643. TỊNH[2115]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 644. TU-ĐÀ-HOÀN[2116]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri[2117]; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 645. A-LA-HÁN[2118]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với năm Căn này, người nào quán sát như thật, không khởi lên các lậu, tâm sẽ chứng đắc ly dục giải thoát[2119]. Đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình[2120], hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 646. ĐƯƠNG TRI[2121]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 647. PHÂN BIỆT[2122]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Sao gọi là căn Tín? Tỳ-kheo khởi tín tâm thanh tịnh, căn bản bền chắc đối với Như Lai mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng thế gian khác không thể làm cản trở, phá hoại tâm ấy, thì đó gọi là căn Tín.

"Sao gọi là căn Tinh tấn? Pháp ác bất thiện đã sanh, khiến cho đoạn mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện đã sanh, khiến cho an trú không mất, khiến không sanh, tu tập tăng rộng, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Đó gọi là căn Tinh tấn.

"Sao gọi là căn Niệm? Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân; và thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như vậy. Đó gọi là căn Niệm.

"Sao gọi là căn Định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, cho đến, chứng và an trú Tứ thiền. Đó gọi là căn Định.

"Sao gọi là căn Tuệ? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ Thánh đế, biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là căn Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 648. LƯỢC THUYẾT[2123]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm Căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri[2124]; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 649. LẬU TẬN[2125]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này, sau khi đã quán sát như thật, dứt sạch các lậu, ly dục giải thoát; đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 650. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1) [2126]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với căn Tín này, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín mà không biết như thật, thì rốt cuộc Ta ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đã không được cho là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo và cũng không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín này, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật; vì đối với sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật, nên ở giữa chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Ta đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 651. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)[2127]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai biệt:

“Các Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của căn Tín này, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly của căn Tín, mà Ta không biết như thật, thì Ta không được ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho là giải thoát, là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng vậy, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly căn Tín, Ta biết như thật, nên ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn Ta đã giải thoát, đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 652. HƯỚNG[2128]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với năm Căn này, hoặc nhạy bén hay đầy đủ, thì đạt A-la-hán; hoặc mềm hay yếu kém, thì đạt A-na-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn thì đạt Tư-đà-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn nữa thì đạt Tu-đà-hoàn. Người nào đầy đủ, thì thành tựu việc đầy đủ; người nào không đầy đủ, thì thành tựu việc không đầy đủ[2129]. Đối với năm Căn này không phải trống không, không quả. Nếu người nào đối với năm Căn này tất cả đều cho là không, thì Ta nói họ thuộc về số phàm phu ngoại đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 653. QUẢNG THUYẾT[2130]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai khác:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này mà có sự tăng thượng minh lợi, mãn túc[2131] thì sẽ đạt A-la-hán Câu phần giải thoát[2132]; hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Thân chứng[2133]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Kiến đáo[2134]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín giải thoát[2135]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Nhất chủng[2136]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tư-đà-hàm; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Gia gia[2137]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém thì sẽ đạt Thất hữu[2138]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay

yếu kém, thì sẽ đạt Pháp hành[2139]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín hành[2140]. Đó gọi là Tỳ-kheo vì nhân duyên căn ba-la-mật, nên biết quả ba-la-mật[2141], vì nhân duyên quả ba-la-mật, nên biết người ba-la-mật[2142]. Người đầy đủ như vậy, thì làm việc đầy đủ; người giảm thiểu, thì làm việc giảm thiểu[2143]. Các căn này không phải rỗng không, không quả. Nếu người nào không có các căn này, thì Ta nói kẻ đó thuộc vào số phàm phu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 654. TUỆ CĂN (1) [2144]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Năm Căn này, căn Tuệ nhiếp thọ tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ thâu nhiếp tất cả nên Tuệ trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 655. TUỆ CĂN (2) [2145]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.

“Các công đức này Tuệ đứng hàng đầu, vì Tuệ nhiếp trì tất cả.”

Cho đến sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 656. TUỆ CĂN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thánh đệ tử thành tựu căn Tuệ thì có thể tu tập căn Tín, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Đó gọi là thành tựu căn Tín. Thành tựu căn Tín tức là căn Tuệ.

“Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Cho nên khi đối với năm căn này, căn Tuệ đứng hàng đầu vì nhiếp trì tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ trên hết vì Tuệ thâu nhiếp tất cả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 657. TUỆ CĂN (4)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thánh đệ tử thành tựu căn Tín, học như vầy: 'Thánh đệ tử sanh tử từ vô thỉ. Bị vô minh che lấp, ái trói buộc, chúng sanh mãi mãi trôi lăn qua lại trong sanh tử, không biết bản tế. Vì có nhân nên có sanh tử. Nếu nhân vĩnh viễn đoạn tận thì sẽ không có sanh tử. Vô minh là khối tối tăm vĩ đại làm chướng ngại, ai nhập Bát-niết-bàn? mà chỉ có khổ diệt, khổ dứt, mát mẻ không còn (?).' Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy. Trong năm Căn này, Tuệ nhiếp trì tất cả nên nó là hàng đầu. Thí như cây đòn nóc của nhà gác, vì nó giữ vững các cây nên nó ở trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 658. TUỆ CĂN (5) [2146]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, là Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thế nào là căn Tín? Tín tâm mà Thánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai[2147], có gốc rễ bền chặt, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các pháp thế gian không thể nào phá hoại được; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Là bốn Chánh đoạn. Thế nào là căn Niệm? Là bốn Niệm xứ. Thế nào là căn Định? Là bốn Thiền. Thế nào là căn Tuệ? Là bốn Thánh đế. Những công đức này đều lấy Tuệ làm đầu, thí như nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 659. TUỆ CĂN (6) [2148]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thế nào là căn Tín? Tín tâm thanh tịnh màThánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai khi phát tâm Bồ-đề[2149]; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Tinh tấn phương tiện được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề[2150]; đó gọi là căn Tinh tấn. Thế nào là căn Niệm? Niệm được phát khởi đối với Như Lai lúc mới phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Niệm. Thế nào là căn Định? Tam-muội được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề khởi Tam-muội; đó gọi là căn Định. Thế nào là căn Tuệ? Tuệ được phát khởi đối với Như Lai lúc bắt đầu phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Tuệ. Còn những thí dụ về nhà, gác thì như đã nói ở trên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 660. KHỔ ĐOẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Đối với năm Căn này, nếu tu tập, tu tập nhiều, thì tất cả những cái khổ quá khứ, hiện tại, vị lai đều sẽ dứt sạch.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn khổ, cũng vậy cứu cánh biên tế khổ, đoạn tận khổ, dập tắt khổ, diệt tận khổ, qua dòng khổ, giải thoát mọi trói buộc, tổn hại sắc, đoạn tận tất cả lậu quá khứ, hiện tại, vị lai; đều cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 661. NHỊ LỰC (1) [2151]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai loại sức mạnh. Những gì là hai? Sức mạnh của số[2152] và sức mạnh của tu[2153]. Thế nào là sức mạnh của số? Thánh đệ tử ở dưới bóng cây, ngồi trong rừng vắng, tư duy như vầy: 'Đối với ác hành của thân, đời này và đời sau chịu báo ác. Nếu thân ta làm hạnh ác, thì tự ta phải tự chê trách và khiến người khác cũng chê trách ta. Đại Sư của ta cũng sẽ chê trách ta, Đại đức phạm hạnh của ta cũng chê trách ta. Ta sẽ bị khiển trách đúng pháp, tiếng ác của ta vang khắp, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ác thú, sanh trong địa ngục. Quả báo đời này và đời sau như vậy. Đoạn trừ ác hành của thân; tu thiện hành của thân. Cũng như thân làm ác, miệng, ý làm ác cũng nói như vậy. Đó gọi là sức mạnh của số. Thế nào là sức mạnh của tu? Tỳ-kheo học sức mạnh của số; Thánh đệ tử đã thành tựu được sức mạnh của số rồi, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 662. NHỊ LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thánh đệ tử đã học sức mạnh của số đã thành tựu, tham, nhuế, si hoặc tiết hoặc giảm, hoặc hết sạch. Thánh đệ tử y trên sức mạnh của số, xác lập trên sức mạnh của số như vậy, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu lực. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 663. NHỊ LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Cái gì là sức mạnh của tu? Đó là bốn Niệm xứ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như bốn Niệm xứ, cũng vậy tu bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần, Bốn đạo[2154]*, Bốn pháp cú*[2155]*, Chỉ quán, cũng nói như vậy.* [2156]

---o0o---

KINH 664. TAM LỰC (1) [2157]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba thứ lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Định, lực Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 665. TAM LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực; đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Như vậy Tỳ-kheo phải học như vầy: ‘Ta phải thành tựu lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 666. TAM LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực: lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lực Tín là thế nào? Thánh đệ tử, đối với Như Lai, đã thâm nhập tịnh tín, căn bản vững chắc, không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những kẻ đồng pháp nào có thể phá hoại được. Đó gọi là lực Tín. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn. Lực Tuệ là những gì? Là bốn Thánh đế.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 667. TỨ LỰC (1) [2158]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn lực. Những gì là bốn? Lực Tín, lực Tinh tấn, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Tín, lực Niệm, lực Định, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp."

Ba lực của những kinh này cũng nói như trên, nhưng chỉ có một vài sai biệt:

"Lực Giác là thế nào? Biết như thật, đối với pháp thiện, bất thiện; biết như thật là có tội, không tội; đáng thân cận[2159], không thân cận; pháp thấp kém, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có phân biệt, pháp không phân biệt; pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi. Đó gọi là lực Giác. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn như đã nói đầy đủ ở trước. Lực không tội là thế nào? Là thân, miệng, ý không tạo tội; đó gọi là lực không tội. Lực Nhiếp là những gì? Là bốn nhiếp sự. Đó là Huệ thí, Ái ngữ, Hành lợi, Đồng lợi."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 668. TỨ NHIẾP SỰ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Bố thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi[2160] tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí tuệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi[2161] tối thắng là, A-la-hán thì trao cho quả A-la-hán[2162]. A-na-hàm thì trao cho A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho Tu-đà-hoàn. Người Tịnh giới thì trao người khác bằng Tịnh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 669. NHIẾP[2163]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu như có pháp nào để nhiếp thủ đại chúng thì tất cả đều ở trong Bốn nhiếp sự. Hoặc một nhiếp thủ là bố thí, hoặc một nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một nhiếp thủ là đồng lợi. Ở trong thời quá khứ, những pháp nào đã nhiếp thủ đại chúng trong thời quá khứ cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Những pháp nào sẽ nhiếp thủ đại chúng trong thời vị lai cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Hoặc một pháp nhiếp thủ là bố thí, hoặc một pháp nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một pháp nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một pháp nhiếp thủ là đồng lợi."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Bố thí cùng ái ngữ,

Hoặc hành vi hành lợi,

Đồng lợi các hành vi,

Mỗi tùy chỗ thích hợp.

Nhờ đây nhiếp thế gian,

Như xe lăn nhờ gang[2164].

Đời không Bốn nhiếp sự,

Quên ơn mẹ nuôi con.

Cũng không tôn trọng cha,

Không khiêm tốn phụng sự.

Vì có bốn nhiếp sự,

Và tùy thuaận pháp này.

Cho nên có Đại sĩ,

Đức trùm cả thế gian[2165].

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 670. TỨ LỰC (2) [2166]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Bốn lực. Những gì là bốn? Đó là lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp, như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu được bốn lực này, thì tránh xa được năm sự sợ hãi. Những gì là năm? Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác. Đó gọi là năm sự sợ hãi."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 671. TỨ LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Thánh đệ tử thành tựu Bốn lực này, phải học như vầy: 'Ta chẳng sợ không sống. Vì lý do gì mà ta phải sợ không sống? Nếu ai mà thân hành hạnh bất tịnh, miệng hành hạnh bất tịnh, ý hành hạnh bất tịnh, làm các việc tà tham, bất tín, biếng nhác, không tinh tấn, mất niệm, không định, ác tuệ, keo lẫn không nhiếp thủ; thì kẻ đó đáng sợ không sống. Ta có bốn lực, đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Vì đã thành tựu bốn lực này, nên chẳng nên sợ. Như sợ không sống, cũng vậy sợ tiếng xấu, sợ ở giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác cũng nói như trên'..."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 672. TỨ LỰC (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn lực; đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Giác lực là thế nào? Là chỉ cho tuệ, đại tuệ, thâm tuệ, nan thắng tuệ; đó gọi là giác lực. Tinh tấn lực là thế nào? Là xa lìa đối với pháp bất thiện, số bất thiện[2167]; pháp đen, số đen; pháp có tội, số có tội, pháp không nên thân cận, số không nên thân cận. Sau khi tránh xa các pháp này rồi, nếu đối với các pháp thiện, số thiện; pháp trắng, số trắng, pháp vô tội, số vô tội, pháp nên thân cận, số nên thân cận, những pháp như vậy mà tu tập, tăng thượng tinh cần, nỗ lực phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí; đó gọi là Tinh tấn lực. Còn vô tội lực, nhiếp lực như kinh trên đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 673. NGŨ LỰC [2168]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 674. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 675. ĐƯƠNG TRI NGŨ LỰC[2169]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Tín lực kia, nên biết, đó là Bốn bất hoại tín. Tinh tấn lực, đó là bốn Chánh đoạn. Niệm lực là bốn Niệm xứ. Định lực là bốn Thiền. Tuệ lực là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 676. ĐƯƠNG HỌC NGŨ LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 677. NGŨ HỌC LỰC[2170]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm học lực[2171]. Những gì là năm? Tín lực là học lực, Tinh tấn lực là học lực, Tàm lực là học lực, Quý lực là học lực, Tuệ lực là học lực[2172]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 678. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (1) [2173]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu tín lực là học lực[2174]; nên thành tựu tinh tấn lực là học lực; nên thành tựu tàm lực là học lực; nên thành tựu quý lực là học lực; nên thành tựu tuệ lực là học lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 679. QUẢNG THUYẾT HỌC LỰC [2175]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Tín lực là học lực, là thế nào? Tỳ-kheo khéo thâm nhập tín tâm đối với Như Lai, gốc rễ bền chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng đồng pháp khác không thể phá hoại; đó gọi là căn Tín.

"Tinh tấn lực là học lực, là thế nào? Là bốn Chánh đoạn, như đã nói đầy đủ ở trước.

"Tàm lực là học lực, là thế nào? Là hổ thẹn, xấu hổ đối với pháp ác, bất thiện, các số phiền não[2176] đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Tàm lực là học lực.

"Quý lực là học lực, là thế nào? Là lấy làm thẹn các điều đáng thẹn, tự thẹn về các pháp ác, bất thiện, các số phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo

khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Quý lực là học lực.

"Tuệ lực là học lực, là thế nào? Là Thánh đệ tử trụ trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt của thế gian, về sự xuất ly, yểm ly của Thánh hiền, về sự chân chánh diệt tận khổ đã quyết định. Đó gọi là Tuệ lực là học lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 680. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu Tín lực là học lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Tuệ lực là học lực'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 681. BẠCH PHÁP (1) [2177]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp thiện mà thay đổi hoặc thoái thất, hay không trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên[2178] dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách họ. Những gì là năm? Bảo rằngï: 'Ông không có tín thâm nhập trong các pháp thiện[2179]. Nếu y trên tín thì có thể xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không tàm, không quý; không tuệ thâm nhập pháp thiện[2180]. Nếu y trên tuệ, có thể xa lìa các pháp bất thiện, tu các pháp

thiện. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với Chánh pháp mà không đổi thay, không thoái thất, trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến chúc mừng. Những gì là năm? Có chính tín thâm nhập pháp. Nếu y trên tín, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Tinh tấn, có tàm, có quý, có tuệ thâm nhập. Nếu người nào y cứ vào tuệ, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 682. BẠCH PHÁP (2) [2181]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào hoàn giới, thoái thất giới[2182], Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách[2183]. Những gì là năm? Hoặc Tỳ-kheo không có tín đối với pháp thiện. Nếu y trên tín, thì tránh xa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Hoặc không có tinh tấn, tàm, quý và tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, thì xa lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện.

"Nếu có Tỳ-kheo suốt đời thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến an ủi, khuyến khích, như trên đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 683. BẤT THIỆN PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, hoặc không muốn pháp ác bất thiện sanh khởi, duy chỉ có tín nơi pháp thiện. Nếu tín bị thoái giảm, an trú lâu dài nơi bất tín, các pháp bất thiện lại sanh,… cho đến nếu muốn cho các pháp ác bất thiện không còn sanh, duy chỉ có tinh tấn, tàm, quý, tuệ. Nếu tinh tấn, tàm, quý, tuệ lực bị thoái giảm an trú lâu dài với ác tuệ, thì pháp ác bất thiện sẽ sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào y trên tín, thì sẽ xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Người nào y cứ vào tinh tấn, tàm, quý, tuệ, thì lìa được pháp ác bất thiện và tu các pháp thiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 684. THẬP LỰC [2184]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, thì có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác; đối với đời vị lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn

Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; phạm hạnh chưa chế có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó, Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát.

"Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

"Những gì là học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

"Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ[2185], đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[2186], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về việc thọ quả tạo nhân báo của nghiệp[2187] quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh[2188], của các thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo[2189], đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm, ngàn kiếp; Ta bấy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sanh ra, chỗ này sanh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường ác, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sanh vào trong địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh kiếp sau nữa.' Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 685. NHŨ MẪU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như đứa trẻ, cha mẹ sanh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhả ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhả ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, thì có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết phân biệt được rồi, thì đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời săn sóc, trông chừng và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, thì nhũ mẫu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, thì Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom; còn những Thanh văn nào đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, thì Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực, như trên đã nói đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 686. SƯ TỬ HỐNG (1) [2190]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai có sáu thứ lực. Nếu thành tựu được sáu lực này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[2191], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó là lực ban đầu của Như Lai, biết như thật về xứ, phi xứ.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự thọ pháp an lạc của tâm[2192] quá khứ, vị lai và hiện tại. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó là lực thứ hai của Như Lai.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về Thiền giải thoát, tam-muội, chánh thọ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ ba của Như Lai.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về những sự việc trong đời trước của thời quá khứ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ tư của Như Lai.

"Với Thiên nhãn thanh tịnh của Như Lai vượt qua mắt người thường thấy các chúng sanh chết nơi này sanh ra nơi kia. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ năm của Như Lai.

"Lại nữa, lậu kết của Như Lai đã diệt hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát. Như trên đã nói đầy đủ… Cho đến ở giữa chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 687. SƯ TỬ HỐNG (2) [2193]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.

"Lại, hoặc có người đến hỏi về trí lực lạc thọ do tự mình[2194] của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lạc thọ do tự mình của Như Lai. Đó gọi là trí lực thứ hai của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói hỏi về trí lực thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực đời trước thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về đời trước của Như Lai.

"Hoặc có người lại đến hỏi về trí lực thiên nhãn của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về sở kiến thiên nhãn của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực lậu tận của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lậu tận của Như Lai."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 688. THẤT LỰC (1) [2195]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, tinh tấn lực,

Tàm lực và quý lực;

Chánh niệm, định, tuệ lực,

Đó gọi là bảy lực.

Người thành tựu bảy lực,

Là hết các hữu lậu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 689. ĐƯƠNG THÀNH THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bảy lực như trên đã nói, *nhưng có một vài sai biệt.*

"Cho nên Tỳ-kheo, phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu Tín lực. Cũng vậy, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực cũng phải học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 690. THẤT LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bảy lực, như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, Tinh tấn lực,

Cùng nói Tàm, Quý lực;

Niệm lực, Định, Tuệ lực,

Đó gọi là bảy lực.

Người thành tựu bảy lực,

Dứt nhanh các hữu lậu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 691. QUẢNG THUYẾT THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

"Tín lực là thế nào? Là phát khởi lòng tin sâu xa, vững chắc đối với Như Lai, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng những kẻ đồng pháp khác không thể nào phá hoại được, đó gọi là Tín lực.

"Tinh tấn lực là những gì? Là chỉ cho bốn Chánh đoạn. *Như trên đã nói đầy đủ.*

"Tàm lực là thế nào? Là hổ thẹn về pháp ác bất thiện. *Như trên đã nói.*

"Quý lực là thế nào? Là đối với việc đáng thẹn nên thẹn, thẹn về những pháp ác bất thiện khởi lên. *Như trên đã nói.*

"Niệm lực là những gì? Là chỉ cho bốn Niệm xứ. *Như trên đã nói.*

"Định lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thiền. *Như trên đã nói.*

"Tuệ lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thánh đế. *Như trên đã nói.*"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 692. BÁT LỰC [2196]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tám lực. Tám lực là những gì? Lực của vương giả là sự tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của người nữ là sự kết hận. Lực của trẻ con là khóc.

Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 693. QUẢNG THUYẾT BÁT LỰC[2197]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ bằng kết hận biểu hiện. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 694. XÁ-LỢI-PHẤT VẤN[2198]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Tỳ-kheo lậu tận tâm thuận hướng về sự viễn ly, chảy rót vào viễn ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly; tâm thuận hướng về sự thoát ly, chảy rót vào thoát ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly thoát ly; thuận hướng về Niết-bàn, chảy rót vào Niết-bàn, chuyển vần sâu vào Niết-bàn. Nếu khi thấy năm dục thì như thấy hầm lửa; khi thấy rồi, đối với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm dứt khoát không trụ vào, tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 695. DỊ TỲ-KHEO VẤN

Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, kinh Tỳ-kheo khác hỏi Phật cũng vậy.

---o0o---

KINH 696. VẤN CHƯ TỲ-KHEO

Kinh hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 697. CỬU LỰC[2199]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 698. QUẢNG THUYẾT CỬU LỰC[2200]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.

"Tín lực là thế nào? Như trên đã nói, là khởi lòng tin chân chánh vững chắc sâu xa vào Như Lai.

"Tinh tấn lực là những gì? Như trên đã nói, là chỉ cho bốn Chánh đoạn.

"Tàm lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

"Quý lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

"Niệm lực là thế nào? Như trên đã nói, là sống quán niệm thân trên thân.

"Định lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thiền.

"Tuệ lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thánh đế.

"Số lực là thế nào? Thánh đệ tử, nếu ở nơi phòng vắng hay dưới bóng cây, phải học như vầy: 'Người thân miệng làm hạnh ác, thì ngay trong hiện tại và đời sau sẽ nhận lãnh quả báo ác.' Như đã nói đầy đủ ở trên.

"Tu lực là thế nào? Là tu bốn Niệm xứ. Như trước đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 699. THẬP LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Mười lực. Những gì là mười? Lực của vương giả là tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của công xảo là máy móc. Lực của giặc cướp là đao kiếm. Lực của người nữ là kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 700. QUẢNG THUYẾT THẬP LỰC[2201]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của công xảo máy móc, là người chế tạo ra máy móc biểu hiện sức mạnh bằng công xảo của nó. Lực của giặc cướp đao kiếm, là bọn giặc cướp quyết biểu hiện sức mạnh của nó bằng đao kiếm. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 701. NHƯ LAI LỰC (1)[2202]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có mười lực của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Những gì là mười? Là Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi là lực ban đầu,… cho đến hết lậu, đã nói như trên[2203]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 702. NHƯ LAI LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai."

Như đã nói đầy đủ ở trên[2204].

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 703. NHƯ LAI LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có pháp nào mà được ý giải, thân tác chứng, tất cả đều do trí vô úy của Như Lai phát sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Ta, mà không siểm nịnh, không giả ngụy, sanh tâm ngay thẳng, Ta sẽ vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy. Sáng sớm vì họ nói pháp, giáo giới, truyền dạy, thì đến lúc giữa trưa sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Nếu chiều tối vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy thì đến sáng sớm hôm sau sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Khi đã truyền dạy như vậy rồi, thì họ sẽ sanh tâm ngay thẳng; thật thì biết thật, không thật thì biết không thật, trên thì biết là trên, không trên thì biết là không trên. Những điều nên biết, nên thấy, nên được, nên hiểu biết, thì tất cả đều biết rõ. Trường hợp ấy có xảy ra. Đó gọi là năm lực của hữu học và mười lực của Như Lai.

"Những gì là năm lực của hữu học? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

"Mười lực của Như Lai. Những gì là mười? Biết như thật xứø phi xứ[2205]. Như đã nói mười lực đầy đủ ở trên. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai… cho đến trí lực lậu tận, cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, trí lực xứ phi xứ đó Ta nói là định chứ chẳng phải không định,… cho đến trí lực lậu tận, ta nói là định, chẳng phải không định. Định là chánh đạo, Phi định là tà đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 704. BẤT CHÁNH TƯ DUY[2206]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu không chánh tư duy[2207], tham dục triền cái chưa khởi sẽ khởi; tham dục triền cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi triền cái chưa khởi thì sẽ khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ không khởi; niệm giác chi đã khởi sẽ thoái thất. Trạch pháp, tinh tấn, khinh an[2208], hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ không khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi đã khởi sẽ thoái thất.

"Nếu Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến diệt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái chưa khởi sẽ không khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ đoạn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi rồi thì sẽ tái sanh khiến thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi sẽ tái sanh khiến thêm rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 705. BẤT THOÁI[2209]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp bất thoái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đó gọi là pháp thoái. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ khiến tăng rộng. Đó gọi là pháp bất thoái. Những gì là bảy? Đó Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an[2210] giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Đó gọi là pháp bất thoái."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 706. CÁI[2211]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp, có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, có thể làm cho sút giảm trí tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi. Như vậy, năm pháp này có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu có bảy Giác chi, thì có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 707. CHƯỚNG CÁI[2212]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm chướng, năm cái[2213], phiền não nơi tâm[2214], có thể làm sút giảm trí tuệ và làm phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não ở tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu là bảy Giác chi, thì chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.

Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi… *Như đã nói ở trên*… cho đến Xả giác chi. Như bảy Giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền

não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Tham dục, sân nhuế cái,

Thùy miên, trạo hối, nghi;

Như năm thứ cái này,

Tăng trưởng các phiền não.

Năm cái che thế gian,

Đắm sâu khó độ được;

Ngăn che đối chúng sanh,

Khiến không thấy chánh đạo.

Nếu đắc Thất giác chi,

Thì có thể chiếu sáng;

Chỉ lời chân thật này,

Đấng Chánh Giác đã nói.

Niệm giác chi là đầu,

Trạch pháp, chánh tư duy;

Tinh tấn, ỷ[2215], hỷ giác,

Tam-muội, xả giác chi.

Như bảy Giác chi này,

Chánh đạo của Mâu-ni;

Tùy thuận Đấng Đại Tiên,

Thoát sợ hãi sanh tử.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 708. THỌ[2216]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có thiện gia nam tử, xả bỏ công việc đời, xuất gia học đạo; cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín sống không nhà, xuất gia học đạo. Trong số xuất gia như vậy, có người ngu si, nương vào nơi xóm làng, thành ấp; sáng đắp y mang bát vào thôn khất thực, nhưng vì không khéo giữ thân, không giữ gìn cửa các căn, không nhiếp thu các niệm mình, nên khi nhìn thấy những thiếu nữ trang điểm xinh đẹp, sanh tâm đắm nhiễm, không chánh tư duy, tâm chạy theo nắm bắt sắc tướng, tưởng đến sắc dục, làm cho tâm dục hừng hẫy, thiêu đốt tâm, thiêu đốt thân, trả lại giới, trở về thế gian, tự thụt lùi chìm đắm. Trong khi đã yểm ly việc đời, xuất gia học đạo rồi mà còn nhiễm đắm trở lại, làm tăng thêm các tội nghiệp để tự phá hoại, che lấp, chìm đắm.

"Có năm loại cây lớn, hạt mầm của nó rất nhỏ, nhưng cây lớn lên thì to lớn, bóng cây có thể che tối các loại cây tạp nhỏ, khiến âm u héo úa, không sanh trưởng được. Những gì là năm? Đó là cây kiền-giá-da[2217], cây Ca-tỳ-đa-la[2218], cây A-thấp-ba-tha[2219], cây Ưu-đàm-bát-la[2220], cây Ni-câu-lưu-tha[2221]. Như vậy, năm loại cây đại thọ[2222] này, tuy mầm của nó rất nhỏ, nhưng từ từ

phát triển lớn lên, bóng của nó che khuất các cây nhỏ, có thể khiến cho tất cả bị che khuất rũ xuống. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, dần dần tăng trưởng; là sân nhuế[2223], thùy miên, trạo hối, nghi cái, dần dần tăng trưởng. Vì tăng trưởng, nên khiến cho thiện tâm bị che khuất rũ xuống. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái. Những gì là bảy? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Tu tập bảy Giác chi như vậy, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái chuyển."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 709. THẤT GIÁC CHI[2224]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

"Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 710. THÍNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là

tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỳ-kheo lìa tham dục, thì tâm giải thoát; lìa vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán[2225], cứu cánh biên tế khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 711. VÔ ÚY (1)[2226]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ có vương tử Vô Úy[2227] thường ngày đi bộ, thong thả dạo chơi, đi đến chỗ Đức Phật; sau khi diện kiến chào hỏi Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[2228].' Còn Thế Tôn thì thế nào?"

Phật bảo Vô Úy:

"Vì các Sa-môn, Bà-la-môn nói những điều mà họ không suy nghĩ, ngu si, không phân biệt, không khéo léo, chẳng biết suy nghĩ, chẳng biết suy lường nên nói: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên.' như vậy. Vì sao? Vì chúng sanh phiền não có nhân, có duyên và chúng sanh thanh tịnh, có nhân, có duyên.

"Chúng sanh phiền não có nhân gì, duyên gì? Chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, duyên gì? Vì tham dục chúng sanh tăng thượng nên đối với của cải, đồ vật của người khác khởi lên lòng tham nói rằng: 'Vật này là sở hữu của tôi thì tốt.' Nó yêu thích không muốn xa lìa. Đối với chúng sanh khác khởi lên

lòng sân hận, hung ác, toan tính, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, gia tăng những việc trái đạo, tạo ra các nạn, không từ bỏ sân nhuế. Thân ham ngủ nghỉ, tâm lại lười biếng, tâm luôn dao động; bên trong không tịch tĩnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Này Vô Úy, vì những nhân như vậy, những duyên như vậy, nên chúng sanh phiền não. Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy nên chúng sanh thanh tịnh."[2229]

Vô Úy bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, một phần triền cái đã đủ là phiền não tâm, huống chi là tất cả!"

Vô Úy lại bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, có duyên gì?"

Phật bảo Vô Úy:

"Nếu Bà-la-môn nào có một niệm thù thắng, quyết định thành tựu; những việc đã làm từ lâu, những lời nói từ lâu, có thể tùy theo nhớ nghĩ, ngay lúc ấy tu tập Niệm giác chi. Khi Niệm giác chi đã tu tập rồi, thì niệm giác đầy đủ. Khi niệm giác đã đầy đủ rồi, thì có sự lựa chọn, phân biệt, tư duy, lúc bấy giờ tu tập Trạch pháp giác chi. Khi đã tu tập Trạch pháp giác chi rồi, thì trạch pháp giác đầy đủ. Khi đã lựa chọn, phân biệt, suy lường pháp rồi, thì sẽ nỗ lực tinh tấn; ở đây, tu tập Tinh tấn giác chi. Khi đã tu tập Tinh tấn giác chi rồi, thì tinh tấn giác đầy đủ. Khi đã nỗ lực tinh tấn rồi, thì hoan hỷ sẽ sanh, xa lìa các tưởng về thức ăn, tu hỷ giác chi. Khi đã tu Hỷ giác chi rồi, thì hỷ giác đầy đủ. Khi Hỷ giác chi đã đầy đủ rồi, thì thân và tâm khinh an[2230]; lúc ấy tu Khinh an giác chi. Khi đã tu Khinh an giác chi rồi, thì khinh an giác sẽ đầy đủ. Khi thân đã khinh an rồi, thì sẽ được an lạc và khi đã an lạc rồi thì tâm sẽ định; khi ấy tu Định giác chi. Khi đã tu Định giác chi rồi, thì định giác sẽ đầy đủ, Khi định giác chi đã đầy đủ rồi, thì tham ái sẽ bị diệt và tâm xả sanh ra; khi ấy tu Xả giác chi. Khi đã tu Xả giác chi rồi, thì xả giác sẽ đầy đủ. Như vậy, này Vô Úy, vì nhân này, duyên này mà chúng sanh thanh tịnh."

Vô Úy bạch Cù-đàm:

"Nếu một phần (*trong bảy Giác chi này*) đầy đủ, thì cũng khiến cho chúng sanh thanh tịnh, huống chi là tất cả."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, kinh này tên gì và phải phụng trì như thế nào?"

Phật bảo vương tử Vô Úy:

"Nên gọi đây là kinh Giác Chi."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, đây là giác phần tối thắng. Bạch Cù-đàm, con là Vương tử, đã an lạc, mà vẫn thường cầu an lạc, nhưng ít khi ra vào. Nay lên trên núi, tứ chi tuy mỏi mệt, nhưng được nghe Cù-đàm nói kinh Giác Chi nên quên tất cả sự mệt nhọc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, vương tử Vô Úy nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi lui.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 27

KINH 712. VÔ ÚY (2) [2231]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có nhân, không có duyên cho sự vô trí, vô kiến, của chúng sanh. Không nhân, không duyên cho trí kiến của chúng sanh[2232].' Như đã nói đầy đủ... *cho đến* vương tử Vô Úy, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui.

---o0o---

KINH 713. CHUYỂN THÚ[2233]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ như vầy: 'Hôm nay còn quá sớm, chưa đến giờ đi khất thực. Chúng ta hãy ghé qua tinh xá các ngoại đạo.' Số đông các Tỳ-kheo này liền vào tinh xá ngoại đạo, cùng các ngoại đạo chào hỏi nhau. Sau khi chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên.

Các ngoại đạo hỏi Tỳ-kheo rằng:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp đoạn trừ năm cái, chúng che lấp tâm làm cho tuệ lực suy kém, là phần chướng ngại, không chuyển hướng Niết-bàn. An trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác ý. Chúng tôi cũng vậy, vì các đệ tử nói đoạn năm cái vốn che lấp tâm làm cho tuệ lực suy giảm và khéo an trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác phần. Chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm có gì là khác nhau, đều có thể nói pháp?"

Khi các Tỳ-kheo nghe những điều ngoại đạo nói, trong lòng không vui, bèn chỉ trích ngược lại[2234], rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui sang một bên, đem những lời nói của ngoại đạo bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc ngoại đạo kia nói như vậy, các ông nên hỏi ngược lại rằng: 'Năm cái của ngoại đạo, chủng loại lý ưng là mười. Bảy Giác chi, đáng ra phải là mười bốn.' Mười của năm cái là những gì? Mười bốn của bảy giác là những gì? Nếu hỏi như vậy, những ngoại đạo kia sẽ tự giật mình tán loạn. Theo pháp của ngoại đạo[2235], tâm sanh sân nhuế, kiêu mạn, chê bai, hiềm hận, không nhẫn thọ, hoặc im lặng cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi[2236].

"Này các Tỳ-kheo, mười của năm cái là những gì? Đó là có tham dục bên trong, tham dục bên ngoài. Tham dục bên trong kia là triền cái, là chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Tham dục bên ngoài kia là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn.

"Sân nhuế có tướng sân nhuế. Nếu sân nhuế cùng với tướng sân nhuế[2237], tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển đến Niết-bàn. Có thùy, có miên[2238]; thùy này, miên này tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có trạo cử, có hối tiếc; trạo cử này, hối tiếc này tức là cái[2239], chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có nghi pháp thiện, có nghi pháp bất thiện[2240]; nghi pháp thiện này, nghi pháp bất thiện này tức là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là năm cái nói mười.

"Bảy Giác phần nói là mười bốn là những gì? Có tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên trong[2241], có tâm an trú chánh niệm nói pháp bên ngoài. Niệm trụ pháp bên trong này chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng đến Niết-bàn; niệm trụ pháp bên ngoài này cũng chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng hướng đến Niết-bàn. Có tuyển trạch pháp thiện, tuyển trạch pháp chẳng thiện[2242]. Tuyển trạch pháp thiện kia là chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tuyển trạch pháp chẳng thiện kia cũng chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có tinh tấn để đoạn pháp bất thiện, có tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện[2243]. Tinh tấn để đoạn trừ pháp bất thiện kia là chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện kia cũng chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có hỷ, có hỷ xứ[2244]. Hỷ này là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Hỷ xứ này cũng là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có thân khinh an, có tâm khinh an[2245]. Thân khinh an này là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tâm khinh an này cũng là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có định, có tướng định[2246]. Định này chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tướng định này cũng chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có xả pháp thiện, có xả pháp bất thiện[2247]. Xả pháp thiện này chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; xả pháp bất thiện này cũng chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Đó gọi là bảy Giác phần nói là mười bốn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 714. HỎA[2248]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Có các xuất gia ngoại đạo nói như vậy, nên hỏi lại rằng: 'Nếu tâm yếu kém, còn do dự, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Những gì tu không đúng lúc[2249]? Nếu lại tâm điệu cử[2250]; với tâm điệu cử, do dự ấy, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Và những gì là không đúng lúc? Nếu hỏi như vậy, các ngoại đạo kia tâm sẽ giật mình, phân tán, nói lãng sang những pháp khác; tâm sanh phẫn nhuế, kiêu mạn, hủy báng, hiềm hận không nhẫn thọ; hoặc im lặng, cúi đầu, không thể biện luận âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi[2251].

"Này các Tỳ-kheo, nếu lúc tâm yếu kém, tâm do dự, thì không nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Khi tâm yếu kém phát sanh, vì yếu kém, do dự, các pháp này càng làm tăng thêm yếu kém. Thí như một đóm lửa mà muốn cháy mạnh lên, lại bỏ than tro[2252] vào. Thế nào, này Tỳ-kheo, chẳng phải vì thêm tro vào khiến cho lửa tắt chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn!"

"Cũng vậy, Tỳ-kheo, yếu đuối, do dự, nếu tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần, thì đây không phải thời, vì tăng thêm lười biếng thôi.

"Hoặc khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, bấy giờ, không nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử khởi lên, với tâm điệu cử, do dự, các pháp này làm cho tăng thêm. Thí như lửa đang cháy, muốn dập tắt mà đem cỏ khô thêm vào. Ý các ông thế nào? Há không khiến cho lửa cháy bùng lên đó sao?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, làm tăng thêm điệu cử.

“Này các Tỳ-kheo, khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự. Lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự, bằng các pháp này mà được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷû. Thí như một đóm lửa muốn cho nó cháy lên, thì nên cho cỏ khô vào. Thế nào Tỳ-kheo! Lửa này có cháy hừng lên không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tâm yếu đuối sanh khởi như vậy, nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần để được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

“Hoặc khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì bằng các pháp này mà có thể khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm nhiếp trì. Thí như lửa đang cháy, muốn cho nó tắt, chỉ cần cho than tro vào, thì lửa này sẽ tắt.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần thì không đúng thời; nếu tu Khinh an, Định, Xả giác phần thì tự nó mới đúng thời. Vì các pháp này khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. Niệm giác phần thì hỗ trợ cho tất cả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 715. THỰC[2253]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm triền cái, bảy Giác phần, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

"Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? Đó là tướng xúc[2254]. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng[2255], tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi; tham dục đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái[2256].

"Những gì là thức ăn của sân nhuế triền cái? Đó là tướng chướng ngại[2257]. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, thì sân nhuế cái chưa khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của sân nhuế triền cái.

"Những gì là thức ăn của thùy miên cái? Gồm có năm pháp. Những gì là năm? Đó là yếu đuối, chẳng vui, ngáp ợ, ăn nhiều, lười biếng. Đối với chúng không tư duy đúng, khi thùy miên cái chưa khởi thì khiến khởi, thùy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của thùy miên cái.

"Những gì là thức ăn của trạo hối? Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc, giác tưởng về mọi người, giác tưởng về chư Thiên, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh qua[2258]. Tự mình nhớ nghĩ hay dò người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh giác tưởng. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi; trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.

"Những gì là thức ăn của nghi cái? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh,

nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; nghi cái đã khởi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của nghi cái.

"Thí như thân thể nhờ vào thức ăn mà được nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, bảy Giác phần cũng nhờ vào thức ăn mà tồn tại, nhờ vào thức ăn mà nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ ăn.

"Cái gì là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần? Không tư duy về bốn Niệm xứ, Niệm giác phần chưa khởi sẽ chẳng cho khởi; Niệm giác phần đã khởi rồi, khiến cho giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần.

"Cái gì chẳng phải là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Lựa chọn đối với pháp thiện, lựa chọn đối với pháp bất thiện; không tư duy đối với chúng, Trạch pháp giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Trạch pháp giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Trạch pháp giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Tinh tấn giác phần? bốn Chánh đoạn; đối với chúng không tư duy, tinh tấn giác phần chưa khởi sẽ không khởi; Tinh tấn giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là không phải thức ăn của Tinh tấn giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Hỷ giác phần? Có pháp Hỷ, có pháp hỷ xứ; đối với chúng không tư duy, Hỷ giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Hỷ giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Hỷ giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an cùng tâm khinh an; đối với chúng không tư duy, khi Khinh an giác phần chưa sanh sẽ không cho khởi; Khinh an giác phần đã sanh sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Khinh an giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Định giác phần? Có bốn Thiền; đối với chúng không tư duy, Định giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Định giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Định giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Xả giác phần? Có ba giới; đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; đối với chúng không tư duy, Xả giác phần chưa

khởi sẽ không cho khởi; Xả giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Xả giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của tham dục cái? Quán bất tịnh; tư duy đối với nó, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến cho bị dứt. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của tham dục cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái? Tư duy về tâm từ kia,[2259] sân nhuế cái chưa sanh sẽ không khởi; sân nhuế cái đã sanh sẽ khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái? Tư duy về sự chiếu sáng[2260] kia, khi thùy miên chưa sanh, không cho khởi; thùy miên đã sanh rồi, khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái? Tư duy đúng về sự tĩnh chỉ kia, trạo hối cái chưa sanh sẽ không khởi; trạo hối cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của nghi cái? Tư duy về pháp duyên khởi, nghi cái chưa sanh sẽ không khởi; nghi cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của nghi cái.

"Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mà sống, nhờ vào ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của Niệm giác phần? Tư duy bốn Niệm xứ rồi, Niệm giác phần chưa sanh sẽ khiến cho sanh khởi; Niệm giác phần đã sanh càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Niệm giác phần.

"Những gì là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Có lựa chọn pháp thiện, có lựa chọn pháp bất thiện; khi tư duy về chúng, nếu Trạch pháp giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Trạch pháp giác phần đã sanh rồi, thì càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Trạch pháp giác phần.

"Những gì là thức ăn của Tinh tấn giác phần? Tư duy về bốn Chánh đoạn, nếu Tinh tấn giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Tinh tấn giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Tinh tấn giác phần.

"Những gì là thức ăn của Hỷ giác phần? Có Hỷ, có Hỷ xứ; tư duy về chúng, nếu Hỷ giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi; Hỷ giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Hỷ giác phần.

"Những gì là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an, tâm khinh an; tư duy về chúng, nếu Khinh an giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi, Khinh an giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Khinh an giác phần.

"Những gì là thức ăn của Định giác phần? Tư duy về bốn Thiền, Định giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Định giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Định giác phần.

"Những gì là thức ăn của Xả giác phần? Gồm có ba giới. Những gì là ba? Đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; tư duy về chúng, Xả giác phần chưa sanh khiến cho sanh khởi; Xả giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 716. PHÁP (1)[2261]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào mà pháp ác bất thiện chưa sanh lại khiến cho nó sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho bị giảm đi. Đó là không tư duy chân chánh.

"Này các Tỳ-kheo, không tư duy chân chánh, tham dục cái chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

"Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh thì không sanh; đã sanh rồi, khiến cho đoạn; pháp thiện chưa sanh, thì khiến sanh; đã sanh rồi, thì cho tái sanh khiến tăng rộng. Đó là tư duy chân chánh.

"Này Tỳ-kheo, tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh, sẽ khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho nó dứt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; sanh rồi, cho tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 717. PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào như là tri thức ác, bạn đảng ác mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng; pháp thiện chưa sanh lại khiến không sanh; đã sanh rồi lại khiến giảm đi.

"Với tri thức ác, bạn đảng ác; tham dục cái chưa sanh, ï khiến sanh; đã sanh thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến không sanh, đã sanh rồi khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

"Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một pháp nào, mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi, khiến nó dứt; khi pháp thiện chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Đó là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng.

"Với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, tham dục cái chưa sanh, thì không cho sanh; đã sanh rồi, thì khiến cho diệt đi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, thì khiến cho không sanh, đã sanh rồi, thì khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến

tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần khi chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến chúng tăng rộng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 718. XÁ-LỢI-PHẤT[2262]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Bảy Giác phần này quyết định mà được, không tinh cần mà được, tôi tùy theo ý muốn mà chứng nhập một giác phần[2263]. Hoặc buổi sáng, giữa trưa, hay buổi chiều mà nếu muốn chứng nhập, thì nhiều lần chứng nhập tùy theo sở dục. Thí như vua, đại thần, có đủ thứ y phục để ở trong rương tráp, tùy theo nhu cầu cần dùng của mình mà vào lúc trưa hay chiều, theo ý dùng tự do. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần này, vì quyết định mà được, không tinh cần mà được, tùy ý chứng nhập. Tôi, đối với Niệm giác phần này, là thuần trắng thanh tịnh, lúc khởi biết khởi, lúc diệt biết diệt, lúc biến mất biết biến mất; đã khởi biết đã khởi, đã diệt biết đã diệt. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, thì cũng nói như vậy.”

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 719. ƯU-BA-MA[2264]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ma[2265], Tôn giả A-đề-mục-đa[2266] đang ngụ tại tinh xá Kê lâm ở ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Tôn giả A-đề-mục-đa vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh thức dậy, đến chỗ

Tôn giả Ưu-ba-ma, chào hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ưu-ba-ma:

"Tôn giả, có thể cho biết phương tiện của bảy Giác phần[2267], được chứng nhập với an trú lạc[2268] như vậy, hay chứng nhập với an trú khổ như vậy?"

Ưu-ba-ma đáp rằng:

"Tôn giả A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần thì cũng có thể chứng nhập với an trú lạc như vậy, cũng có thể chứng nhập với an trú khổ như vậy."

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo làm thế nào để khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần?"

Ưu-ba-ma đáp rằng:

"Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, tư duy biết rằng[2269] 'Tâm kia không khéo giải thoát, không bỏ ngủ nghỉ, không khéo điều phục trạo hối. Như tư duy về pháp Niệm giác xứ của ta, tuy phương tiện tinh tấn cũng không đạt được bình đẳng.' Cũng vậy, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, trước hết tư duy: 'Tâm khéo giải thoát, dẹp bỏ ngủ nghỉ, điều phục trạo hối, đối với pháp Niệm giác xứ này như ta tư duy rồi, sau đó tuy không tinh cần phương tiện mà đạt được bình đẳng. Như vậy A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo biết phương tiện tu bảy Giác phần, chứng nhập với an trú lạc như vậy, chứng nhập với an trú khổ như vậy."

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 720. A-NA-LUẬT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật cũng ở nước Xá-vệ, trong tinh xá Tòng lâm. Lúc ấy, có số đông các Tỳ-kheo đến chỗ A-na-luật, chào hỏi khích lệ nhau. Sau khi chào hỏi khích lệ xong, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả có biết, khi phương tiện tu bảy Giác phần, có sanh ra lạc trú không?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Tôi biết, lúc Tỳ-kheo phương tiện tu bảy Giác phần, sanh ra lạc trú."

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Thế nào là biết Tỳ-kheo khi phương tiện tu bảy Giác phần, sanh lạc trú?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo phương tiện tu Niệm giác phần, mà khéo biết tư duy, tâm ta khéo giải thoát, khéo bỏ ngủ nghỉ, khéo điều phục trạo hối. Như pháp niệm giác phần xứ này, tư duy rồi, nỗ lực phương tiện, tâm không lười biếng, thân khinh an không loạn động, buộc tâm an trụ, không khởi loạn niệm, nhất tâm chứng nhập. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là biết Tỳ-kheo lúc phương tiện tu bảy Giác phần, thì sanh ra lạc trú."

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả A-na-luật đã nói, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 721. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (1)[2270]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bảy báu hiện ra ở thế gian: bánh xe vàng báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quan giữ kho báu. Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng có báu bảy Giác phần hiện ra.

"Trai giới[2271], ngồi trên lầu quán, đại thần vây quanh, có bánh xe vàng báu xuất hiện từ phương Đông, bánh xe có ngàn căm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, vua nghĩ: 'Có điềm lành này, nên chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương. Ta nay nhất định là Luân vương.' Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: 'Nếu đây là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì hãy quay theo con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.' Lúc ấy bánh xe báu liền xuất phát, lăn đi phía trước vua và số đông, ở phương Đông, nương vào hư không, nhắm hướng Đông mà đi, lăn theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo bánh xe báu; bốn binh chủng cùng theo. Nếu đến nơi nào bánh xe báu dừng lại thì vua và bốn binh chủng cũng dừng lại nơi đó. Các Tiểu vương những xứ phương Đông thấy Thánh vương đến, tất cả đều quy phục.

"Như Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian; đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 722. CHUYỂN LUÂN (2)[2272]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bảy báu cũng hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương ra đời, bánh xe vàng báu xuất hiện như thế nào? Bấy giờ Thánh vương Quán đảnh dòng Sát-lợi, nhằm vào ngày rằm, tắm rửa sạch sẽ, thọ trì trai giới, ở trên lầu các, đại thần vây quanh. Khi ấy, có bánh xe vàng báu từ phương Đông xuất hiện. Bánh xe có ngàn căm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, bằng vàng ròng cõi trời. Vua tự nghĩ: 'Nghe từ xa xưa truyền lại rằng, ngày rằm nhằm ngày bố-tát, Đại vương Quán đảnh dòng Sát-lợi, tắm rửa sạch sẽ, thọ trì trai phước, thì có bánh xe báu hiện ra. Nay cũng như ngày xưa, đã có điềm lành này, nên biết

ta là Chuyển luân Thánh vương.' Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: 'Nếu là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì phải quay lại con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.' Nói xong lời này rồi, bấy giờ bánh xe báu liền từ trước vua nhắm hướng Đông mà đi theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Nhà vua cùng bốn binh chủng theo bánh xe báu, đến phương Đông. Các Tiểu vương các nước phương Đông thấy Thánh vương đến, đều tung hô: 'Lành thay, hoan nghinh Đại vương đến! Đây là nước của Đại vương. Nước này an ổn, nhân dân phồn vinh an lạc. Xin ngài dừng lại ở đây, giáo hóa mọi người nước này. Chúng tôi thảy đều là tùy tùng của Thiên tôn.'

Thánh vương đáp rằng:

"–Này các chủ tụ lạc, từ nay các ngươi nên khéo giáo hóa người dân trong nước. Nếu có ai nghịch lại, thì nên đến báo cho ta, sẽ theo như pháp luật mà giáo hóa. Chớ nên làm những điều phi pháp. Và cũng nên khiến mọi người trong nước khéo cải hóa những điều phi pháp. Nếu đúng như vậy, thì đó là theo sự giáo hóa của ta.

"Từ biển Đông này, Thánh vương nương theo đường của Thánh vương xưa đến biển Nam. Rồi nương theo con đường của Thánh vương xưa vượt biển Nam mà đến biển Tây; theo con đường của Thánh vương xưa vượt qua biển Tây đến biển Bắc. Các Tiểu vương quốc của các phương Nam, Tây, Bắc đều cung đón thỉnh mời cũng nói đầy đủ như phương Đông. Bấy giờ, bánh xe vàng báu mà Thánh vương đã đi theo này vượt qua biển Bắc, trở lại trên cung điện Chánh trị, ở giữa hư không. Đó là Chuyển luân Thánh vương khi xuất hiện ở đời thì có bánh xe vàng báu hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, voi trắng báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Đại vương Quán đảnh dòng Sát-lợi thấy voi hoàn toàn trắng, màu sắc nó tươi đẹp, bảy chi vững vàng[2273]. Thánh vương thấy vậy, lòng hân hoan nghĩ: 'Voi báu này, nay lại ứng hiện đối với ta.' Vua liền cho kêu tượng sư, người điều phục voi giỏi, bảo nhanh chóng điều phục voi báu này, khi nào điều phục xong hãy đưa đến. Tượng sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được voi; đầy đủ tất cả dấu hiệu chứng tỏ đã được điều phục. Giống như voi khác đã được điều phục trong một năm; con voi báu này chỉ được điều phục trong vòng một ngày mà được như vậy. Sau khi đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua, tâu lên vua rằng: 'Voi này đã được điều phục xong, giờ xin vua biết cho.'

"Bấy giờ, Thánh vương, xem kỹ tướng voi đã được điều phục hoàn bị này, rồi cưỡi voi báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì voi báu này hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngựa báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Chuyển luân Thánh vương sở hữu một con ngựa báu, thân toàn màu xanh, đầu đen, đuôi đỏ. Thánh vương thấy ngựa, lòng sanh hân hoan, nghĩ: 'Ngựa thần này, nay lại ứng hiện đối với ta.' Vua liền giao cho mã sư, hãy nhanh chóng điều phục nó, khi nào điều phục xong thì dẫn đến đây. Mã sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được ngựa này. Giống như ngựa khác đã được điều phục cả năm, ngựa báu này chỉ không đầy một ngày mà được điều phục như vậy. Sau khi biết ngựa đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua thưa rằng: 'Ngựa này đã được điều phục xong.'

"Bấy giờ, Thánh vương xem kỹ tướng ngựa báu đã được điều phục hoàn bị, rồi cưỡi ngựa báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì ngựa báu cũng hiện ra thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc báu mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, hình dáng của nó có tám cạnh, chiếu ánh sáng đượm, không tỳ vết, thường làm đèn sáng trong cung vua. Chuyển luân Thánh vương thí nghiệm ngọc báu. Vào một đêm trời mưa tối tăm, cầm ngọc báu đi trước dẫn đường, đem bốn binh chủng vào trong vườn rừng, ánh sáng của nó tỏa rạng ra cỡ một do-tuần. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì Ngọc nữ hiền báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc nữ mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, không đen không trắng, không cao không thấp, không lớn quá, không nhỏ quá, không mập không ốm, thân thể đoan chánh, thân thể lúc lạnh thì ấm, lúc nóng thì mát, thân thể mềm mại như áo ca-lăng-già; những lỗ chân lông trên cơ thể toát ra mùi hương chiên-đàn, hơi thở mũi, miệng thoảng mùi thơm Ưu-bát-la; ngủ sau dậy trước, hầu hạ nhà vua, theo sắc mặt biết ý mà phục vụ; lời nói dịu dàng đáng yêu, đoan tâm chánh niệm làm cho vua phát sanh đạo ý; tâm không vượt trái, huống chi là thân và khẩu. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì có Ngọc nữ hiện ra thế gian.

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì thần báu chủ kho tàng hiện ra thế gian? Vì đại thần chủ kho tàng của Chuyển luân Thánh vương, vốn hay làm việc bố thí, nên khi sanh ra đã có thiên nhãn, có thể thấy kho tàng ẩn dấu là có chủ hay không chủ, hoặc dưới nước hay trong đất, hoặc gần hay xa, tất cả đều thấy hết. Khi Chuyển luân Thánh vương cần trân bảo thì lập tức ra lệnh, tùy theo chỗ cần dùng của vua liền dâng lên. Một hôm Thánh vương muốn xem thử khả năng của vị đại thần này, nên cho giong thuyền ra biển và bảo vị đại thần này:

“–Ta đang cần vật báu.

Đại thần tâu vua rằng:

“–Xin dừng bên bờ một chút, thần sẽ dâng lên.

Vua bảo đại thần này:

“–Hiện tại ta không cần vật báu bên bờ, mà cần đưa hết cho ta ngay[2274]!

“Bấy giờ, ngay trong nước đại thần liền lấy ra bốn chum vàng, bên trong đựng đầy kim bảo dâng lên Thánh vương, tùy theo chỗ cần dùng của vua mà lấy sử dụng. Nếu lấy đủ rồi, những kim bảo còn lại đều được trả lại trong nước. Đó gọi là Thánh vương khi xuất hiện ở đời, thì có thần chủ kho tàng như vậy hiện ra ở thế gian.

“Khi Thánh vương xuất hiện ở đời, có thần chủ binh hiện ra ở thế gian như thế nào? Có vị đại thần chủ binh thông minh, tài trí, biện thông. Cũng như người ở thế gian thành tựu sự suy tính khéo léo, thần này tùy theo chỗ cần của Đại vương mà đáp ứng như cần đi, cần dừng lại, cần xuất, cần nhập; hay bốn loại binh chủng của Thánh vương đang hành quân đường xa chợt dừng lại vẫn khiến không bị mệt mỏi; biết tất cả những gì vua cần nên làm, cùng những việc có công đức ngay trong hiện tại và đời sau đem trình tâu Thánh vương. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có sự xuất hiện của thần chủ binh. Cũng vậy, khi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian.

“Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 723. NIÊN THIẾU[2275]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay, Tỳ-kheo! Nương[2276] vào người mà nghe pháp, các Cf. S. 46.3. *Sīla* (phần đầu). Tỳ-kheo trẻ tuổi nên cúng dường, phụng sự các vị Trưởng lão tôn túc. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo nhỏ tuổi nào cúng dường, phụng sự các vị Tỳ-kheo Trưởng lão, thì lúc nào cũng nghe được pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu được hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh; bấy giờ tu Niệm giác phần. Sau khi tu Niệm giác phần rồi, Niệm giác phần sẽ đầy đủ. Khi Niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp lựa chọn, phân biệt, suy lường; bấy giờ, phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần, chi tiết cho đến, tu tập Xả giác phần sẽ đều đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 724. QUẢ BÁO PHỤNG SỰ[2277]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo trì giới, tu đức, có tàm quý, thành tựu pháp chân thật. Người nào thấy vị này, sẽ được nhiều quả báo. Hoặc lại nghe vị này, hoặc còn nhớ nghĩ đến, theo xuất gia, sẽ được nhiều công đức; huống chi là lại gần gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì gần gũi, phụng sự người như vậy, thì lúc nào cũng sẽ được nghe pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh, phương tiện tu tập

Định giác phần. Sau khi đã tu tập rồi, sự tu tập sẽ đầy đủ… cho đến, Xả giác phần tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 725. BẤT THIỆN TỤ[2278]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói tụ bất thiện là nói năm triền cái, đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ thuần bất thiện, đó chính là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

“Nói tụ thiện là nói bảy Giác phần, đó là chánh thuyết. Vì sao? Thuần nhất thanh tịnh, đó chính là bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 726. THIỆN TRI THỨC[2279]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tinh xá Giáp cốc[2280] thành Vương xá. Khi ấy Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Bấy giờ, Tôn giả ở một mình nơi vắng, thiền tịnh tư duy và nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.’

Rồi Tôn giả từ thiền tịnh tỉnh giác, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, Con ở một mình nơi vắng, thiền định tư duy và nghĩ như vầy: 'Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng'."

Phật bảo A-nan:

"Chớ nghĩ như vầy: 'Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.' Vì sao? Thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch[2281], chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Vì Ta là thiện tri thức nên có chúng sanh ở nơi Ta mà tiếp nhận Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, Trạch giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Vì vậy cho nên, A-nan, thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 727. CÂU-DI-NA[2282]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Lực sĩ, du hành trong nhân gian, đến khoảng giữa thành Câu-di-na-kiệt và sông Hy-liên, ở cạnh tụ lạc. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Hôm nay, Ta bị đau lưng, muốn nằm nghỉ một chút. Hãy gấp Uất-đa-la-tăng làm bốn lớp cho Thế Tôn."

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy, gấp làm bốn lớp, trải Uất-đa-la-tăng xong bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn con đã gấp làm bốn lớp và đã trải Uất-đa-la-tăng rồi, xin Thế Tôn biết cho!"

Bấy giờ, Thế Tôn gối đầu lên Tăng-già-lê gấp dày, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm chánh trí, với giác tưởng muốn trỗi dậy, bảo Tôn giả A-nan:

"Ông hãy nói về bảy Giác phần."

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đó là Niệm giác phần, được Thế Tôn nói sau khi tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Và đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, được Thế Tôn nói sau khi thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y dục, y diệt, hướng đến xả."

Phật bảo A-nan:

"Ông nói tinh tấn chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con nói tinh tấn. Bạch Thiện Thệ, con nói tinh tấn."

Phật bảo A-nan:

"Chỉ tu tập tinh tấn, tu tập nhiều, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Nói xong, Ngài ngồi ngay thẳng, cột niệm. Lúc này, có một Tỳ-kheo liền nói kệ rằng:

Thích nghe pháp vi diệu,

Chịu đau, bảo người nói;

Tỳ-kheo liền nói pháp,

Nói về bảy Giác phần.

Lành thay! Ngài A-nan,

Hiểu rõ khéo diễn thuyết;

Pháp thanh thịnh thù thắng,

Nói lìa cấu vi diệu.

Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn,

Hỷ, Khinh an, Định, Xả;

Đó là bảy Giác phần,

Pháp vi diệu khéo nói.

Nghe nói bảy Giác phần,

Đạt sâu vị Chánh giác;

Thân chịu nhiều đau nhức,

Gắng chịu ngồi lắng nghe.

Hãy nhìn vua chánh pháp,

Thường vì người nói năng;

Mà còn thích nghe nói,

Huống chi người chưa nghe.

Trí tuệ lớn bậc nhất,

Mười lực, bậc đáng lễ;

Ngài cũng lại vội vàng,

Đến nghe nói Chánh pháp.

Người hiểu biết thông đạt,

Khế kinh, A-tỳ-đàm;

Người thông suốt Pháp luật,

Còn nghe huống chi người.

Nghe nói pháp như thật,

Chuyên tâm tĩnh giác nghe;

Những pháp Phật đã dạy,

Được lìa dục, vui sướng.

Vui sướng thân nhẹ nhàng,

Tâm tự vui cũng vậy;

Tâm vui được chứng nhập,

Chánh quán trong việc làm.

Nhàm chán ba đường ác,

Lìa dục tâm giải thoát;

Chán các Hữu đường ác,

Không tạo nhân Trời, Người.

Vô dư, như đèn tắt,

Cứu cánh Bát-niết-bàn;

Nghe pháp nhiều phước lợi,

Những lời dạy tối thắng;

Cho nên luôn tư duy,

Nghe lời Đại Sư dạy.

Tỳ-kheo này nói kệ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 728. THUYẾT[2283]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần,… cho đến Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 729. DIỆT[2284]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu tập bảy Giác phần. Tu tập những gì là bảy Giác phần? Là Niệm giác phần,… cho đến Xả giác phần. Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Ỷ, Định và Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 730. PHÂN[2285]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo, quá khứ đã tu bảy Giác phần như vậy, vị lai cũng sẽ tu bảy Giác phần như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 731. CHI TIẾT[2286]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì không khởi, trừ phi có Phật điều phục giáo thọ[2287]. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì khởi, vì được Phật điều phục giáo thọ, không phải khác. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 732. KHỞI[2288]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Giác chi chưa khởi không khởi, vì không có Thiện Thệ. Giác chi chưa khởi thì khởi, có Thiện Thệ điều phục giáo thọ, không phải khác."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 733. THẤT ĐẠO PHẨM (1)[2289]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là giác phần. Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Giác phần là bảy pháp Đạo phẩm[2290]. Nhưng này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần phải theo thứ tự mà khởi, được tu tập đầy đủ."

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần theo thứ tự mà khởi và tu tập đầy đủ?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân. Vị kia khi sống quán nội thân trên thân, nhiếp tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Niệm giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập Niệm giác phần, tu tập mãn túc. Khi Niệm giác phần đã được mãn túc, đối với pháp mà tuyển trạch, phân biệt, tư lường, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập, tu tập mãn túc. Như vậy cho đến tu tập mãn túc Xả giác phần. Như sống quán niệm nội thân trên thân, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp cũng vậy, lúc bấy giờ, chuyên tâm, cột niệm, không quên,… cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. An trú như vậy, thì giác phần khởi theo thứ tự; khi đã khởi theo thứ tự rồi, tu tập mãn túc.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 734. QUẢ BÁO (1)[2291]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu Tỳ-kheo đã tu tập bảy Giác phần như vậy, sẽ được hai loại quả: Hiện tại lậu tận mà Vô dư Niết-bàn, hoặc được quả A-na-hàm.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 735. QUẢ BÁO (2)[2292]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Tỳ-kheo sau khi tu tập bảy Giác phần như vậy, tu tập nhiều, sẽ được bốn quả, bốn phước lợi. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 736. THẤT CHỦNG QUẢ[2293]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả, bảy phước lợi. Những gì là bảy? Đó là Tỳ-kheo được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại[2294]. Hoặc lúc qua đời, mà không được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại[2295], nhưng lúc qua đời mà đoạn tận năm hạ phần kết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không được Trung Bát-niết-bàn, thì được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không được Sanh Bát-niết-bàn, thì được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Vô hành Bát-niết-bàn, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Hữu hành Bát-niết-bàn, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nọ nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 737. THẤT ĐẠO PHẨM (2)[2296]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Gọi là giác phần, vậy thế nào là giác phần?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi pháp y cứ; xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Bảy Giác phần là bảy pháp Đạo phẩm[2297]. Các Tỳ-kheo, bảy Giác phần này theo thứ lớp khởi, khi đã theo thứ lớp khởi rồi, thì sự tu tập sẽ đầy đủ".

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế nào là bảy Giác phần theo thứ lớp mà khởi. Sau khi theo thứ lớp khởi, sự tu tập được đầy đủ?"

"Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Vị ấy sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân, chuyên tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần. Sau khi tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần, sự tu tập được đầy đủ. Nghĩa là khi đã tu Niệm giác phần rồi, thì tuyển trạch pháp, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần. Sau khi tinh cần phương tiện tu Trạch pháp giác phần rồi, sự tu tập được đầy đủ. Cũng vậy, đối với Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phần cũng nói như vậy. Như nội thân, cũng vậy an trụ chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, chuyên tâm, cột niệm, không quên lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần. Sau khi tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần, sự tu tập được đầy đủ. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với bảy Giác phần theo thứ lớp khởi; khi đã theo thứ lớp khởi rồi, sự tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 738. QUẢ BÁO (3)[2298]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Tu tập bảy Giác phần này, tu tập nhiều, sẽ được hai quả: Hiện tại chứng trí; hoặc còn hữu dư y, chứng quả A-na-hàm[2299]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 739. QUẢ BÁO (4)[2300]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bốn quả. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 740. QUẢ BÁO (5)[2301]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có sự sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả. Những gì là bảy? Đó là hiện tại chánh trí hữu dư Niết-bàn. Cho đến khi qua đời, nếu không vậy[2302]. Nếu không như vậy, năm hạ phần kết hết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 741. BẤT TỊNH QUÁN[2303]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu Bất tịnh quán. Sau khi tu tập nhiều rồi, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu Bất tịnh quán và khi tu tập nhiều rồi, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo ấy tu Bất tịnh quán song hành với Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 742. NIỆM TỬ TƯỞNG[2304]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết cùng Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,… cho đến Xả giác phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 743. TỪ (1)[2305]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Hoàng chẩm[2306] của dòng họ Thích. Bấy giờ, buổi sáng sớm, số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ: ‘Nay còn rất sớm, chưa đến giờ khất thực. Chúng ta có thể ghé vào tinh xá ngoại đạo.’ Sau đó số đông các Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo, cùng các xuất gia ngoại đạo chào hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi đối diện một bên. Các xuất gia ngoại đạo hỏi:

“Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như vầy: ‘Không đoạn trừ năm triền cái vốn làm phiền não tâm, tuệ lực suy yếu, là phần chướng ngại, không đưa đến Niết-bàn. Nếu khéo nhiếp tâm mình, an trụ bốn Niệm xứ, tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn, bốn phương, bốn duy, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian. Tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn. Cũng vậy, tu tập tâm hợp với Bi, Hỷ, Xả cũng nói như vậy.’ Chúng tôi cũng vì các đệ tử nói như vậy. Vậy chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm kia có những gì khác nhau? Nghĩa là cả hai đều nói pháp!”

Khi các Tỳ-kheo nghe những lời của các xuất gia ngoại đạo nói lòng không vui, im lặng, không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Khất thực xong rồi trở về lại tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem những lời của các xuất gia ngoại đạo kia trình lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Theo những lời nói của các xuất gia ngoại đạo kia, các ông nên hỏi lại là: Tu tập Từ tâm lấy gì làm chỗ tối thắng?[2307] Tu tập Bi, Hỷ, Xả tâm lấy gì làm tối thắng? Khi được hỏi như vậy, của các xuất gia ngoại đạo kia trong lòng giật mình kinh hãi, hoặc nói quàng sang chuyện khác, hoặc nổi giận, khinh mạn, chê bai, phản đối, không nhẫn thọ, hoặc im lặng, buồn hiu, cúi đầu không nói lời nào, lặng lẽ tư duy. Vì sao? Vì Ta không thấy ai trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những điều Ta nói mà tùy thuận ưa thích, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn.

"Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, tịnh là tối thắng[2308]; Bi tâm tu tập, tu tập nhiều, Không nhập xứ là tối thắng[2309]; Hỷ tâm tu tập, tu tập nhiều, Thức nhập xứ là tối thắng; Xả tâm tu tập, tu tập nhiều, Vô hữu nhập xứ là tối thắng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 744. TỪ (2)[2310]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu tập Từ tâm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập Từ tâm sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y vào viễn ly, y vào vô dục, y vào diệt hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 745. KHÔNG[2311]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, khi tu tập nhiều rồi sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với Không nhập xứ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như tu Không nhập xứ, cũng vậy ba kinh Thức nhập xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 746. AN-NA-BAN-NA NIỆM (1)[2312]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu tập A-na-ban-na niệm[2313], tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với An-na-ban-na niệm, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,… cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 747. VÔ THƯỜNG[2314]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm[2315] câu hữu với Vô thường tưởng, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,… cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Vô thường tưởng, cũng vậy hai mươi kinh: Vô thường khổ tưởng, Khổ vô ngã tưởng, Quán thực tưởng, Tất cả thế gian không khả lạc tưởng, Tận tưởng, Đoạn tưởng, Vô dục tưởng, Diệt tưởng, Hoạn tưởng, Tư tưởng,[2316] Bất tịnh tưởng, Thanh ứ tưởng, Nùng nội tưởng, Phùng trướng tưởng, Hoại tưởng, Thực bất tận tưởng, Huyết tưởng, Phân ly tưởng, Cốt tưởng, Không tưởng, mỗi một kinh cũng nói như trên.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 28

KINH 748. NHẬT XUẤT[2317]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ có tiền tướng là chánh kiến[2318]. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh chí[2319], chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh

giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được Chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh kiếp sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 749. VÔ MINH (1)[2320]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vô minh làm tiền tướng nên sanh ra các pháp ác bất thiện. Rồi theo đó sanh ra vô tàm, vô quý. Vô tàm, vô quý đã sanh ra rồi, theo đó sanh ra tà kiến. Tà kiến đã sanh ra rồi, có thể khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, thì theo đó sanh ra tàm quý. Tàm quý đã sanh ra rồi, có thể sanh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sanh ra rồi, sẽ theo thứ tự khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi sẽ được chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh vào đời sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 750. VÔ MINH (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh định rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 751. KHỞI[2321]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc tà[2322], Ta sẽ không nói đến. Vì sao? Vì nếu người xuất gia hay tại gia mà còn khởi lên việc tà, thì không vui thích Chánh pháp. Những gì là việc tà? Đó là tà kiến… cho đến tà định.

“Nếu là người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc chánh, Ta sẽ tán thán. Vì sao? Vì người khởi lên việc chánh, là người vui thích Chánh pháp, thiện xảo nơi Chánh pháp. Những gì là việc chánh? Đó là chánh kiến… cho đến chánh định. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tại gia cùng xuất gia,

Mà khởi lên việc tà;

Người kia không vui thích

Chánh pháp tối vô thượng.

Tại gia cùng xuất gia,

Mà khởi lên việc chánh;

Thì tâm luôn vui thích,

Chánh pháp tối vô thượng.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 752. CA-MA[2323]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Ca-ma[2324] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là dục; thế nào là dục?"

Phật bảo Ca-ma:

"Dục là chỉ cho năm công năng của dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi; xúc biết bởi thân thức đáng yêu, vừa ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng chúng không phải là dục, sự tham đắm nơi chúng, đó gọi là dục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Năm sắc tạp thế gian,

Tự chúng phi ái dục.

Cái giác tưởng tham dục,

Là dục của con người.

Các sắc thường ở đời,

Hành giả đoạn tâm dục.

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có con đường đưa đến đoạn trừ ái dục này không?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có tám Thánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục, đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Ca-ma nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 753. A-LÊ-SẮT-TRA[2325]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra[2326] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là cam lộ[2327]; thế nào gọi là cam lộ?"

Phật bảo A-lê-sắt-tra:

"Cam lộ là một danh thuyết của giới[2328], nhưng Ta vì người đã đoạn tận hữu lậu mà hiện nói danh từ này."

Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có con đường nào mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ được pháp cam lộ không?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có, đó là tám Thánh đạo phần: Từ chánh kiến… cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 754. XÁ-LỢI-PHẤT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nói là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội[2329] của bậc Hiền thánh; thế nào là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Đó là Bảy chánh đạo phần, là căn bản, là các tư cụ cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh. Những gì là bảy? Là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Này Xá-lợi-phất, sau khi lấy bảy Đạo phần này làm tác nghiệp căn cơ[2330] rồi, tâm được chuyên nhất; đó gọi là những tư cụ căn bản cho chánh tam-muội bậc Hiền thánh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 755–757. TỲ-KHEO

Tôi nghe như vầy:

Như ba kinh trên, cũng vậy ba kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 758. ÚY[2331]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sự sợ hãi của con không mẹ. Sự sợ hãi của con có mẹ. Đó là điều mà kẻ phàm ngu si không học, nói đến. Nhưng không hiểu gì về sự sợ hãi của con không mẹ, sự sợ hãi của con có mẹ.

"Này các Tỳ-kheo, có ba sự sợ hãi của con không mẹ[2332], mà phàm phu ngu si, không học đã nói. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo, khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước, bị sóng cuốn theo dòng, con thất lạc mẹ, mẹ thất lạc con. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ nhất, mà kẻ phàm ngu si, vô học nói.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, xóm làng; dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi là sựï sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, có một lúc trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi sựï sợ hãi của con không mẹ thứ ba, mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

"Song tất cả những sự sợ hãi này là sự sợ hãi của con có mẹ, mà kẻ phàm ngu si, vô học lại nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước; mọi người bôn ba lưu lạc, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ nhất mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sựï sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, làng xóm, dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sựï sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi ở trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ ba mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sựï sợ hãi của con không mẹ.

"Này Tỳ-kheo, có ba thứ sợ hãi của con không mẹ mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết. Những gì là ba? Này Tỳ-kheo, khi người con già, không có người mẹ nào có thể nói: 'Con, con chớ già, để mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi người mẹ già, cũng không có người con nào bảo: 'Mẹ, mong mẹ chớ già! Con già thay mẹ cho!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ nhất mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, khi người con bị bệnh, người mẹ không thể nói: 'Con đừng bệnh! Mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi mẹ bị bệnh, con cũng không thể bảo: 'Mẹ đừng bệnh, để con bệnh thay mẹ!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

"Lại nữa, khi người con chết, người mẹ không thể nói: 'Con, đừng chết! Nay mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi người mẹ chết, người con cũng không thể bảo: 'Mẹ, đừng chết! Con sẽ thay mẹ!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ ba mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Có đạo lộ nào, có hành trì nào[2333] để tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì dẫn đến đoạn trừ được ba sự sợ hãi này. Những gì là đạo lộ? Những gì là hành trì mà tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau? Đó là tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 759. THỌ[2334]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba thọ, là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh. Những gì là ba? Đó là lạc thọ, khổ thọ, không lạc không khổ thọ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có đạo lộ, có hành trì nào để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 760. TAM PHÁP[2335]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở đời có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Ba điều này không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Ở thế gian nếu không có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, thì không có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; và thế gian cũng chẳng có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai. Vì thế gian có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, nên Như Lai, Ứng Cúng,

Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian và thế gian biết có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng, yêu, không đáng nhớ này. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 761. HỌC[2336]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Học[2337] và Vô học. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế là Học? Học thành tựu chánh kiến, học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Học. Những gì là Vô học? Vô học thành tựu chánh kiến, Vô học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Vô học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Học và Vô học, cũng vậy Đại sĩ và Chánh sĩ cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 762. LẬU TẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Thánh lậu tận. Sao gọi là Thánh lậu tận? Vô học thành tựu chánh kiến,… cho đến không còn Học thành tựu chánh định. Đó gọi là bậc Thánh lậu tận."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 763. TÁM THÁNH ĐẠO PHẦN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Đó là Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 764. TU (1)[2338]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về sự tu tập tám Thánh đạo. Hãy lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Tu tập tám Thánh đạo là thế nào? Tỳ-kheo tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, đều y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đó gọi là tu tám Thánh đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 765. TU (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về Tỳ-kheo đã tu tập tám Thánh đạo trong quá khứ, sẽ tu tập tám Thánh đạo trong vị lai, chi tiết cho đến, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

---o0o---

KINH 766. THANH TỊNH[2339]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi sẽ không khởi, trừ phi có sự điều phục của Phật… cho đến chánh định cũng nói như vậy.

"Nếu đối với chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi có thể khởi… cho đến chánh định cũng nói như vậy[2340]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như chỉ trừ những gì Phật đã điều phục, cũng vậy chỉ trừ những gì Thiện Thệ đã điều phục cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 767. TỤ[2341]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nói tụ bất thiện tức chỉ cho năm triền cái. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần bất thiện, đó là năm triền cái. Những gì là năm? Đó la tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái.

"Nói tụ thiện, tức chỉ cho tám Thánh đạo. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần đầy pháp thiện, đó là tám Thánh đạo. Những gì là tám? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 768. BÁN[2342]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Sơn cốc[2343], thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở nơi chỗ vắng, tự nghĩ như vầy: "Một nửa phạm hạnh, tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng[2344]… cho đến Phật bảo A-nan:

"Phạm hạnh viên mãn, thuần nhất thanh tịnh, tức là thiện tri thức. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức nên khiến cho các chúng sanh tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả… cho đến tu chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 769. BÀ-LA-MÔN[2345]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm, đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn[2346], đi xe ngựa trắng, cùng với đoàn tùy tùng số đông thanh niên, đi ngựa trắng, xe trắng, dàm ngựa trắng, roi trắng, đầu đội mão trắng, dù lọng trắng; tay cầm phất trắng, mặc y phục trắng, đeo anh lạc trắng, dùng hương trắng thoa mình, tùy tùng đều mặc đồ trắng, ra khỏi thành Xá-vệ, muốn vào rừng để truyền dạy đọc tụng. Mọi người trông thấy vậy đều bảo: 'Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.'

Sau khi Tôn giả thấy Bà-la-môn, cùng với các quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng như vậy rồi, thì vào thành khất thực, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật; cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực, thấy Bà-la-môn Sanh Văn đi xe ngựa trắng, cùng quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng, được mọi người khen rằng: 'Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.' Thế nào Thế Tôn! Đối với Chánh pháp luật, thì đó là xe của người đời, hay là xe của Bà-la-môn?"

Phật bảo A-nan:

"Đó là xe của người đời, chứ chẳng phải xe Pháp luật của Ta, hay xe của Bà-la-môn. Này A-nan, xe Chánh pháp luật của Ta, xe của trời, xe của Bà-la-môn, xe lớn là có khả năng điều phục quân ma phiền não. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói:

"Này A-nan, những gì là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân ma phiền não? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến… cho đến chánh định. A-nan, đó gọi là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân phiền não."

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín, giới là cái ách,

Tàm quý là vòng cổ;

Chánh niệm khéo hộ trì,

Là người khéo điều khiển.

Xả, tam-muội: càng xe,

Trí, tinh tấn bánh xe;

Nhẫn, vô trước: giáp sắt,

An ổn, đi đúng pháp.

Tiến thẳng không thoái lui,

Vĩnh viễn không chỗ lo;

Người trí đi chiến xa,

Dẹp kẻ thù vô trí.

---o0o---

KINH 770. TÀ[2347]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên xa lìa tà kiến, nên đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, thì Ta đã không bao giờ nói nên xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, thì tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, nên tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến tu không được, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, thì sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói phải tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 771. BỈ NGẠN[2348]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn, đến chỗ Phật, cùng diện kiến thăm hỏi, ủy lạo; sau khi thăm hỏi ủy lạo xong, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, nói là chẳng phải bờ bên kia, cùng bờ bên kia. Vậy, thế nào là chẳng phải bờ bên kia và thế nào là bờ bên kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tà kiến là chẳng phải bờ bên kia; chánh kiến là bờ bên kia. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định là chẳng phải bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia; cũng vậy chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định là bờ bên kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người đời thật ít ai,

Vượt qua bờ bên kia.

Hết thảy các thế gian,

Quanh quẩn dạo bờ này.

Nơi Chánh pháp luật này,

Nếu ai khéo tùy thuận;

Thì có thể vượt bờ,

Bờ sanh tử khó vượt[2349].

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 772–774

Ba kinh này cũng vậy: Có Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 775. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (1)[2350]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và tăng trưởng, như nói về không chánh tư duy[2351]. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa khởi khiến khởi, đã khởi rồi tái sanh khiến tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến cho diệt, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt. Như tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 776. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, không sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho thoái thất như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho không sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến cho thoái thất. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 777. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (3)[2352]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi khiến thoái thất, đó là không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào là pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì sẽ khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 778. THIỆN ÁC TRI THỨC (1)[2353]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh lại sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng

vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến diệt. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến diệt."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 779. THIỆN TRI THỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho chánh kiến chưa sanh, sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 780. THIỆN ÁC TRI THỨC (2)[2354]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như đã nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm trăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến diệt; hay chánh kiến chưa sanh, khiến sanh; chánh kiến đã sanh, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi khiến cho diệt; hay chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 781. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay pháp thiện chưa sanh, không cho sanh, đã sanh rồi khiến thoái thất, như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, có thể khiến tà kiến chưa sanh, sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến thoái thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đã nói về tà kiến và chánh kiến. Cũng vậy bảy kinh nói về tà chí, chánh chí; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà phương tiện, chánh phương tiện; tà niệm, chánh niệm; tà định, chánh định cũng nói như trên. Như tám kinh nói về nội pháp. Cũng vậy, tám kinh nói về ngoại pháp cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 782. PHI PHÁP THỊ PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp sai và pháp đúng[2355]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là pháp sai, là pháp đúng? Tà kiến là pháp sai; chánh kiến là pháp đúng… cho đến tà định là pháp sai; chánh định là pháp đúng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phi pháp và Thị pháp. Cũng vậy, Phi luật và Chánh luật, Phi Thánh và Thị Thánh, Bất thiện pháp và Thiện pháp, Phi tập pháp và Tập pháp, Phi thiện tai pháp và Thiện tai pháp, Hắc pháp và Bạch pháp, Phi nghĩa và Chánh nghĩa, Ty pháp và Thắng pháp, Hữu tội pháp và Vô tội pháp, Ưng khử pháp và Bất khử pháp, kinh nào cũng đều nói như trên.

---o0o---

KINH 783. ĐOẠN THAM[2356]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-sư-la tại Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Lúc ấy có Bà-la-môn đến chỗ Tôn giả cùng thăm hỏi và khích lệ nhau. Sau khi thăm hỏi và khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạïch Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để ký thuyết cho không?”

A-nan đáp rằng:

“Theo những gì ông hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Bà-la-môn hỏi:

“Vì sao xuất gia tu phạm hạnh ở chỗ Sa-môn Cù-đàm?”

A-nan đáp:

"Này Bà-la-môn, vì muốn cắt đứt."

Lại hỏi:

"Cắt đứt những gì?"

Đáp rằng:

"Cắt đứt tham dục, cắt đứt sân nhuế, ngu si."

Lại hỏi:

"Tôn giả A-nan, có con đường, dấu tích nào có thể cắt đứt tham dục, sân nhuế, ngu si không?"

A-nan đáp rằng:

"Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Bà-la-môn nói:

"Tôn giả A-nan, quý tốt thay con đường đó, quý tốt thay dấu tích ấy, khi tu tập, tu tập nhiều có thể cắt đứt những thứ tham dục, nhuế, si ấy."

Khi Tôn giả A-nan nói pháp này, Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như cắt đứt tham, nhuế, si; cũng vậy, điều phục tham, nhuế, si và đắc Niết-bàn, cùng yểm ly và chẳng đến Niết-bàn, cùng nghĩa Sa-môn và nghĩa Bà-la-môn, cùng giải thoát và cắt đứt khổ, cùng cứu cánh mé khổ và chánh thức hết khổ, kinh nào cũng đều nói như trên.[2357]

---o0o---

KINH 784. TÀ CHÁNH[2358]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là tà? Là chỉ cho tà kiến… cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chỉ cho chánh kiến… cho đến chánh định.

"Thế nào là chánh kiến? Là nói có bố thí, có chú thuyết, có trai tự[2359], có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh[2360], có A-la-hán thiện đáo[2361], thiện hướng[2362], tự tri tự tác chứng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh đời sau[2363].'

"Thế nào là chánh chí? Là chỉ cho xuất yếu chí, vô nhuế chí, bất hại chí[2364].

"Thế nào là chánh ngữ? Là xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời thêu dệt.

"Thế nào là chánh nghiệp? Là lìa sát, đạo, dâm.

"Thế nào là chánh mạng? Là cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp.

"Thế nào là chánh phương tiện? Là dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước.

"Thế nào là chánh niệm? Là nhớ nghĩ không dối không hư, luôn tùy thuận.

"Thế nào là chánh định? Là trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 785. QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO[2365]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ[2366], chuyển hướng cõi thiện[2367]; có chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ[2368].

"Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có chú thuyết… cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau[2369]. Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt tuệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh chí? Chánh chí có hai loại: Có chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Chánh chí giác tri về xuất yếu, giác tri về vô nhuế, giác tri về bất hại; đó gọi là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có loại chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mạng, niệm tưởng xa lìa bốn ác hạnh của miệng và các ác hạnh khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có loại chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hạnh nơi thân và các thứ ác hạnh khác nơi thân; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có loại chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh mạng thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; đối với các tà mạng, vô lậu, không thích đắm trước cố thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh phương tiện? Chánh phương tiện có hai loại: Có chánh phương tiện thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh phương tiện thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với ức niệm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh niệm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh định thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tán, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 786. HƯỚNG TÀ[2370]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo tâm hướng theo tà, là trái nghịch với pháp, không vui thích nơi pháp[2371]. Nếu hướng theo chánh, là không trái với pháp, tâm vui thích pháp. Những gì là tà? Tà kiến… cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chánh kiến… cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 787. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (1)[2372]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp[2373].

"Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái lại với pháp, không ưa thích pháp.

"Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến chân chánh, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 788. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (2)[2374]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp[2375].

"Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Thí như hạt giống quả đắng đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó, thì vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả đều mang vị đắng. Vì sao? Vì hạt giống đắng. Cũng vậy, người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, cho đến, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp.

"Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Thí như giống mía ngọt, lúa mì, nho, đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó, thì khi nó gặp vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả những vị này cũng đều trở thành ngon ngọt. Vì sao? Vì hạt mầm ngọt. Cũng vậy, người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh trên, thế gian và xuất thế gian cũng nói như vậy và cũng nói kệ rằng:

Không nên gần pháp ác,

Không nên hành buông lung;

Không nên tập tà kiến,

Tăng trưởng nơi thế gian.

Giả sử có thế gian,

Người chánh kiến tăng thượng;

Dù trải trăm ngàn tuổi,

Quyết không vào đường ác.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 789. SANH VĂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ngồi sang qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, gọi là chánh kiến; thế nào là chánh kiến?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành; có loại chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có chú thuyết… cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau[2376]. Này Bà-la-môn, đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Bà-la-môn, thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt tuệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như Chánh kiến. Cũng vậy, Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định, kinh nào cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 790. TÀ KIẾN (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

“Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là tà kiến… cho đến tà định.

“Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là chánh kiến… cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 791. TÀ KIẾN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tà, có tà đạo; có chánh, có chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến.

"Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời thêu dệt, không tham, không nhuế và chánh kiến."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 792. TÀ KIẾN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Những gì là ác thú đạo? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu." *Ngoài ra đều nói như trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 793. THUẬN LƯU NGHỊCH LƯU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có đường thuận dòng, có đường nghịch dòng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là đường thuận dòng? Đó là tà kiến… cho đến tà định. Những gì là con đường nghịch dòng? Đó là chánh kiến… cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như thuận dòng và nghịch dòng. Cũng vậy, đường thoái và đường tiến, đường xuống và đường lên, cùng ba kinh Đạo tích, cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 794. SA-MÔN SA-MÔN PHÁP[2377]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Sa-môn và pháp Bà-la-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo: Từ chánh kiến… cho đến chánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 795. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA[2378]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn và nghĩa Sa-môn. Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Tham dục đã vĩnh viễn trừ hết; sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ hết; tất cả mọi phiền não vĩnh viễn tận trừ. Đó gọi là nghĩa Sa-môn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 796. SA-MÔN SA-MÔN QUẢ[2379]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 29

KINH 797. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN QUẢ[2380]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn[2381] và quả Sa-môn[2382]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

"Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 798. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA[2383]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn, Sa-môn và nghĩa Sa-môn[2384]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là Sa-môn? Người thành tựu pháp Sa-môn này. Những gì là nghĩa Sa-môn? Đã đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, si mê; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các phiền não."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 799. SA-MÔN QUẢ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Có quả Sa-môn. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 800. BÀ-LA-MÔN[2385]

Cũng vậy, pháp Bà-la-môn, Bà-la-môn, nghĩa Bà-la-môn, quả Bà-la-môn; pháp phạm hạnh, người phạm hạnh, nghĩa phạm hạnh, quả phạm hạnh, đều nói như trên.

---o0o---

KINH 801. NGŨ PHÁP[2386]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi hành xử đầy đủ; đối

với những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nào ăn uống biết lường, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng hoang vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 802. AN-NA-BAN-NA NIỆM (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 803. AN-NA-BAN-NA NIỆM (3)[2387]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu tập An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ? Tỳ-kheo, nương vào xóm làng, thành ấp mà ở; sáng sớm đắp y, mang bát, vào thôn khất thực, nên khéo hộ trì thân, giữ gìn các căn, khéo cột tâm an trụ; khất thực xong trở về chỗ ở, cất y bát, rửa chân xong, hoặc vào trong rừng, trong phòng vắng, dưới bóng cây, hoặc nơi đất trống, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm trước mặt, cắt đứt mọi tham ái thế gian, ly dục thanh tịnh, đoạn trừ sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các nghi hoặc, đối với các pháp lành, tâm được quyết định; viễn ly năm triền cái vốn làm phiền não tâm, khiến tuệ lực suy giảm, là phần chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn.

"Niệm hơi thở vào[2388], cột niệm, hãy khéo học. Niệm hơi thở ra[2389], cột niệm, hãy khéo học. Hơi thở dài[2390], hơi thở ngắn[2391]. Cảm giác biết toàn thân khi thở vào, khắp toàn thân thở vào, hãy khéo học[2392]; cảm giác biết toàn thân khi thở ra, khắp toàn thân thở ra, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở vào[2393], tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học; giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở ra, tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học. Giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành[2394], giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở vào, giác tri tâm hành an tịnh thở vào, hãy khéo học[2395]. Giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở ra, giác tri tâm hành an tịnh thở ra, hãy khéo học. Giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào[2396], giác tri tâm giải thoát thở vào, hãy khéo học. Giác tri tâm giải thoát khi hơi thở ra, giác tri tâm giải thoát thở ra, hãy khéo học. Quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt[2397] khi hơi thở vào, quán sát diệt thở vào, phải khéo học. Quán sát diệt khi hơi thở ra, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 804. ĐOẠN GIÁC TƯỞNG[2398]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu An-na-ban-na niệm tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng. Thế nào tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng? Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, nói đầy đủ như trên… cho đến khéo học đối với việc quán sát diệt khi hơi thở ra. Đó gọi là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn trừ giác tưởng, cũng vậy không dao động, được quả lớn, phước lợi lớn; cũng vậy được cam lộ, cứu cánh cam lộ và được hai quả, bốn quả, bảy quả, kinh nào cũng nói như trên.[2399]

---o0o---

KINH 805. A-LÊ-SẮT-TRA[2400]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, các ông có tu tập không?"

Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra, đang ngồi ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy."

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

"Ông tu tập thế nào An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đối các hành quá khứ con không luyến tiếc, các hành vị lai không sanh ra hoan lạc, đối với các hành hiện tại không sanh ra đắm nhiễm; khéo chân chánh trừ diệt những tưởng về đối ngại[2401] bên trong và bên ngoài. Con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

“Ông thật sự đã tu An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, chứ chẳng phải không tu. Song có Tỳ-kheo đối với chỗ tu tập An-na-ban-na niệm của ông lại còn có phần vi diệu hơn, vượt trội hơn. Những gì là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm tu tập? Tỳ-kheo nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, như đã nói ở trên… cho đến, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Này Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra, đó gọi là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm mà ông tu tập.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 806. KẾ-TÂN-NA[2402]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Hôm ấy, vào sáng sớm Đức Thế Tôn đắp y, bưng bát, vào thành Vương xá khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, thiền tịnh ban ngày.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Kế-tân-na, cũng vào sáng sớm, đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Xong, trở về cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà ngồi thiền tịnh dưới một bóng cây cách Đức Phật không xa; thẳng người bất động, thân tâm chánh trực, tư duy thắng diệu.

Vào buổi chiều hôm ấy, có số đông các Tỳ-kheo sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu dảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tôn giả Kế-tân-na không? Cách Ta không xa, vị đó đang ngồi ngay thẳng trang nghiêm, thân tâm bất động, an trú thắng diệu trú[2403]."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Chúng con thường xuyên thấy Tôn giả này ngồi thẳng trang nghiêm, khéo thu nhiếp thân mình không lay không động, chuyên tâm thắng diệu."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, không lay không động, trụ vào thắng diệu, thì Tỳ-kheo này sẽ đạt được tam-muội này mà không cần đến phương tiện, tùy theo ý muốn liền có được."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Tam-muội gì mà Tỳ-kheo đạt được tam-muội này thì thân tâm bất động, an trụ thắng diệu trụ?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm mà ở, sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, ăn xong trở về tinh xá cất y bát, sau khi rửa chân xong, vào ngồi trong rừng, hoặc nơi phòng vắng, đất trống, cột niệm tư duy… cho đến, quán sát diệt, thở ra, phải khéo học. Đó gọi là Tam-muội, nếu Tỳ-kheo nào ngồi trang nghiêm suy tư, thân tâm sẽ bất động, an trụ thắng diệu trụ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 807. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA[2404]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la[2405]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta muốn tọa thiền trong vòng hai tháng. Các Tỳ-kheo chớ nên tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và khi bố-tát."

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, liền ở lại đây hai tháng[2406] để thiền tọa, không một Tỳ-kheo nào dám tới lui, chỉ trừ lúc đưa thức ăn và bố-tát.

Bấy giờ, sau khi trải qua hai tháng thiền tọa xong, Ngài từ thiền tịnh tỉnh giấc, ngồi trước Tỳ-kheo Tăng; bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có những xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi các ông: 'Sa-môn Cù-đàm trong hai tháng tọa thiền gì?' Thì các ông nên đáp rằng: 'Trong hai tháng Như Lai bằng An-na-ban-na niệm an trú trong thiền tịnh tư duy. Vì sao? Vì suốt trong hai tháng này Ta luôn luôn an trụ tư duy nhiều nơi niệm An-na-ban-na. Khi hơi thở vào, biết như thật niệm hơi thở vào; khi hơi thở ra, biết như thật niệm hơi thở ra. Hoặc dài, hoặc ngắn. Cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở vào; cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở ra. An tịnh thân hành, biết như thật niệm hơi thở vào;… cho đến, diệt, biết như thật hơi thở ra. Sau khi Ta đã biết, bấy giờ, Ta tự nghĩ: 'Ở đây vẫn còn trụ tư duy thô. Nay Ta sau khi đình chỉ tư duy này, hãy tu thêm các tu tập vi tế khác mà an trụ.'

"Rồi, Ta sau khi đình chỉ tư duy thô, liền nhập tư duy vi tế và an trụ nhiều nơi đó mà an trụ. Khi đó có ba vị Thiên tử, tướng mạo rất tuyệt diệu, sáng sớm, ra đi đến chỗ Ta. Một Thiên tử nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm đã đến thời[2407].' Lại có một Thiên tử nói: 'Đây chẳng phải đã đến thời, mà sắp đến.' Vị Thiên tử thứ ba nói: 'Chẳng phải đã đến thời, cũng chẳng phải sắp đến, mà đây là an trụ tu tập. Đây là sự tịch diệt của vị A-la-hán[2408] vậy'."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có chánh thuyết nào về Thánh trụ[2409], Thiên trụ[2410], Phạm trụ[2411], Học trụ[2412], Vô học trụ[2413], Như Lai trụ[2414]; và hiện pháp lạc[2415] trụ của Thánh nhân vô học mà hàng hữu học chưa được sẽ được, chưa đến sẽ đến, chưa chứng sẽ chứng; đó là nói về An-na-ban-na niệm. Đây là chánh thuyết. Vì sao? Vì An-na-ban-na niệm là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ… cho đến Vô học hiện pháp lạc trú."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 808. CA-MA[2416]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn cây Ni-câu-luật tại Ca-tỳ-la-việt[2417]. Bấy giờ có Ma-ha-nam dòng họ Thích[2418] đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Ca-ma[2419], đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Ca-ma, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tỳ-kheo Ca-ma rằng:

"Thế nào, Tôn giả Ca-ma, có phải bậc Học trụ[2420] tức là Như Lai trụ[2421] không? Hay Học trụ khác, Như Lai trụ khác?"

Tỳ-kheo Ca-ma đáp rằng:

"Này Ma-ha-nam, Học trụ khác, Như Lai trụ khác. Ma-ha-nam, Học trụ là do đoạn trừ năm triền cái mà an trụ nhiều[2422]. Như Lai trụ đối với năm triền cái đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt đầu cây đa-la, làm cho không còn sanh trưởng nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh.

"Một thời, Thế Tôn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la[2423]. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: 'Ta muốn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la này thiền tọa trong vòng hai tháng[2424], Tỳ-kheo các ông chớ tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và lúc bố-tát, nói đầy đủ như trước… cho đến Vô học hiện pháp lạc trụ.' Này Ma-ha-nam, vì vậy cho nên biết, Học trụ khác, Như Lai trụ khác."

Sau khi Ma-ha-nam thuộc dòng họ Thích nghe những gì Tỳ-kheo Ca-ma đã nói, hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 809. KIM CƯƠNG[2425]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương[2426]. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng:

"Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán; tu tập bất tịnh quán nhiều thì sẽ được quả lớn, phước lợi lớn."

Các Tỳ-kheo sau khi đã tu tập bất tịnh quán rồi, đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự vẫn, hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.

Có Tỳ-kheo kia sanh lòng cực kỳ nhàm chán sự bất tịnh xấu xa[2427], nên đến chỗ con Phạm chí Lộc Lâm[2428] nói với người con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bát xin tặng lại ông."

Bấy, người con Phạm chí Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này, rồi mang đao đến bờ sông Bạt-cầu-ma[2429] để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không, khen ngợi con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông được vô lượng công đức, có thể khiến cho Sa-môn Thích tử trì giới có đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông."

Sau khi con Phạm chí Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, thì ác tà kiến tăng thêm, tự nghĩ: 'Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta.' Nghĩ xong tay cầm đao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiền, gặp các Tỳ-kheo nói như vầy:

"Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ ta có thể độ cho, ai chưa thoát sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn sẽ khiến được Niết-bàn."

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn." Bấy giờ con Phạm chí Lộc Lâm liền dùng đao bén giết Tỳ-kheo này và lần lượt, giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm, lúc thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

"Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?"

A-nan bạch Phật rằng:

"Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, nói đầy đủ… cho đến giết hại sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp."

Phật bảo A-nan:

"Vì vậy, nay Ta sẽ lần lượt nói về sự an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều nhanh chóng lắng xuống. Như trời mưa lớn, những thứ bụi bặm đã khởi lên hay chưa khởi lên đều khiến cho chúng lắng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tu tập an trụ nơi vi tế trụ, có thể khiến các pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống.

"Này A-nan, thế nào là an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống? Đó là an trụ vào An-na-ban-na niệm."

A-nan bạch Phật:

"Thế nào là tu tập an trụ vào An-na-ban-na niệm, theo đó mà khai mở giác, thì những pháp ác bất thiện dù đã khởi hay chưa khởi lên cũng có khả năng khiến chúng dừng lại?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo, nương vào làng xóm mà ở, *như đã nói đầy đủ ở trước*… cho đến khéo học như quán diệt khi niệm hơi thở ra."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 810. A-NAN[2430]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương. Bấy giờ giờ Tôn giả A-nan ở một mình nơi vắng, thiền quán tư duy, tự nghĩ như vầy: 'Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?'

Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Khi con ở một mình nơi chỗ vắng, thiền quán tư duy tự nghĩ: 'Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?'."

Phật bảo A-nan:

"Có một pháp được tu tập, tu tập nhiều,… cho đến hai pháp đầy đủ. Những gì là một pháp? Đó là An-na-ban-na niệm, được tu tập, tu tập nhiều, có khả năng làm cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Bốn Niệm xứ đã đầy đủ rồi, bảy Giác phần đầy đủ. Bảy Giác phần đã đầy đủ rồi, minh và giải thoát[2431] đầy đủ.

"Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở… cho đến khéo học quán diệt khi niệm hơi thở ra.

"Này A-nan, như vậy Thánh đệ tử, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Hoặc dài hoặc ngắn. Giác tri tất cả thân hành, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Thân hành an tịnh khi niệm hơi thở vào, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở vào; thân hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Nếu khác với thân[2432], kia cũng như vậy, tùy theo thân tương tự tư duy.

"Nếu có lúc Thánh đệ tử giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành, giác tri tâm hành an tịnh, khi niệm hơi thở vào, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở vào; tâm hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ. Nếu khác với thọ thì kia cũng tùy theo thọ tương tự tư duy[2433].

"Nếu có khi Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, tâm định, tâm giải thoát, khi niệm hơi thở vào, học như tâm giải thoát niệm hơi thở vào. Tâm giải thoát khi niệm hơi thở ra, học như tâm giải thoát niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán tâm nơi tâm. Nếu có tâm khác, kia cũng tùy theo tâm tương tự tư duy.

"Nếu có khi Thánh đệ tử quán vô thường, đoạn, vô dục, diệt, học an trụ quán như vô thường, đoạn, vô dục, diệt. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Nếu có pháp khác, kia cũng tùy theo pháp tương tự tư duy. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ."

A-nan bạch Phật:

"Khi tu tập An-na-ban-na niệm như vậy, khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Thế nào là tu bốn Niệm xứ làm cho bảy Giác phần đầy đủ?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Sau an trụ với chánh niệm, cột niệm trụ yên không cho mất, bấy giờ, phương tiện tu Niệm giác phần. Khi đã tu niệm giác phần rồi, niệm giác phần được đầy đủ. Khi niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp mà tuyển trạch, tư lường; bấy giờ phương tiện tu Trạch pháp giác phần. Khi đã tu trạch pháp giác phần rồi, trạch pháp giác phần được đầy đủ. Sau khi đối với pháp đã tuyển trạch, phân biệt, tư lường rồi, phương tiện tinh cần sẽ đạt được, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Tinh tấn giác phần. Khi đã tu tinh tấn giác phần rồi, tinh tấn giác phần được đầy đủ. Sau khi phương tiện tinh tấn, tâm được hoan hỷ, lúc bấy giờ phương tiện tu Hỷ giác phần. Khi đã tu hỷ giác phần rồi, hỷ giác phần được đầy đủ. Khi đã có hoan hỷ rồi, thân tâm khinh an, lúc bấy giờ phương tiện tu Khinh an giác phần. Khi đã tu khinh an phần rồi, khinh an giác phần được đầy đủ. Sau khi thân tâm an lạc rồi đạt được tam-muội, lúc bấy giờ tu định giác phần. Sau khi đã tu Định giác phần rồi, định giác phần được đầy đủ. Khi định giác phần đã đầy đủ rồi, tham ưu thế gian bị diệt, đạt được xả bình đẳng, lúc bấy giờ phương tiện tu Xả giác phần. Sau khi đã tu xả giác phần

rồi, xả giác phần được đầy đủ. Đối với thọ, tâm, pháp trên pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Đó gọi là tu bốn Niệm xứ thì bảy Giác phần sẽ đầy đủ.”

A-nan bạch Phật:

“Đó gọi là tu bốn Niệm xứ, bảy Giác phần sẽ đầy đủ. Thế nào là khi tu bảy Giác phần thì minh và giải thoát sẽ đầy đủ?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Sau khi đã tu niệm giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ… cho đến khi tu xả giác phần y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, khi đã tu xả giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ.

“A-nan, đó gọi là mọi pháp đều tùy thuộc vào nhau, mọi pháp đều ảnh hưởng lẫn nhau. Mười ba pháp như vậy, một pháp làm tăng thượng, một pháp là cửa ngõ, theo thứ lớp tiến lên, tu tập đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 811–812. TỲ-KHEO

Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi và Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên. [2434]Tóm tắt có hai kinh.

---o0o---

KINH 813. KIM-TỲ-LA[2435]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Kim-tỳ, tụ lạc Kim-tỳ-la[2436]. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Kim-tỳ-la:

“Nay Ta sẽ nói về sự tinh tấn tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Đức Thế Tôn lập lại ba lần như vậy, trong khi Tôn giả Kim-tỳ-la[2437] vẫn ngồi im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-tỳ-la:

"Nay Đại Sư nhắc bảo thầy."

Ba lần như vậy.

Tôn giả Kim-tỳ-la nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi đã biết, Tôn giả A-nan! Tôi đã biết, Tôn giả Cù-đàm[2438]!"

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật đúng lúc. Bạch Thế Tôn, đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, xin vì các Tỳ-kheo nói về tu tập tinh tấn bốn Niệm xứ. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ phụng hành."

Phật bảo A-nan:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Tỳ-kheo, nếu lúc niệm hơi thở vào, học như hơi thở vào;… cho đến lúc diệt niệm hơi thở ra thì, nên học như diệt niệm hơi thở ra.

"Bấy giờ Thánh đệ tử khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào;… cho đến thân hành tĩnh chỉ khi niệm hơi thở ra, học như thân hành tĩnh chỉ hơi thở ra.

"Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân rồi, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Thí như, có người cỡi xe từ phương Đông lắc lư mà đến, lúc bấy giờ có giẫm đạp lên gò nỗng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử lúc niệm hơi thở và học như niệm hơi thở vào. Cũng vậy,… cho đến khéo tư duy bên trong. Nếu bấy giờ Thánh đệ tử giác tri hỷ,... *cho đến*, học giác tri ý hành tĩnh chỉ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thọ nơi thọ; khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ rồi, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy.

“Thí như, có người cỡi xe từ phương Nam đi xe lại. Thế nào A-nan, nó có giẫm đạp lên gò nỗng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử khi an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ, biết khéo tư duy bên trong. Thánh đệ tử giác tri tâm, tâm hân hoan, tâm định, tâm giải thoát khi hơi thở và học như tâm giải thoát hơi thở vào; tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Đệ tử bậc Thánh lúc này sống quán niệm tâm trên tâm; khi đệ tử bậc Thánh đã sống quán niệm tâm trên tâm như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

“Thí như, có người đi xe từ phương Tây lại, có giẫm đạp lên gò nỗng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh giác tri tâm… cho đến tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Cũng vậy, Thánh đệ tử bấy giờ an trụ chánh niệm quán tâm trên tâm, biết khéo tư duy bên trong.

Khéo ở nơi thân, thọ, tâm mà diệt bỏ tham ưu, bấy giờ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Sau khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

"Này A-nan, thí như nơi ngã tư đường có ụ mô đất, có người cỡi xe từ phương Bắc đi xe lại, có giẫm đạp lên ụ mô đất không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp, biết khéo tư duy bên trong.

"Này A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo phương tiện tinh tấn tu bốn Niệm xứ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 814. BẤT BÌ[2439]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu An-na-ban-na niệm. An-na-ban-na niệm được tu tập, tu tập nhiều rồi, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm[2440].

"Thế nào là tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm?

"Tỳ-kheo khi nương vào làng xóm mà ở… cho đến quán diệt lúc hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là khi tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

"Tỳ-kheo muốn cầu ly dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú Sơ thiền; Tỳ-kheo ấy nên tu An-na-ban-na niệm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

“Tỳ-kheo muốn cầu đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; ba kết hoàn toàn hết, đắc quả Tu-đà-hoàn; ba kết đã hết, tham, nhuế, si đã mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm; năm hạ phần kết sử đã hết, đắc quả A-na-hàm; đạt được vô lượng sức thần thông, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí và Lậu tận trí; Tỳ-kheo ấy nên tu An-na-ban-na niệm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm, được quả lớn, phước lợi lớn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 815. BỐ-TÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật hạ an cư ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ số đông các Thượng tọa Thanh văn, an cư ở chung quanh Thế Tôn, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong hang động.

Khi ấy, có số đông các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi.

Các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân Thượng tọa, rồi ngồi một bên. Khi ấy các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ như vầy: ‘Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo trẻ này. Hoặc một người nhận một người; hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.’ Sau khi nghĩ như vậy xong liền nhiếp thọ hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba, hay nhiều người; hoặc có Thượng tọa… cho đến nhận sáu mươi người.

Bấy giờ là ngày mười lăm, lúc bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi ở trước đại chúng. Sau khi Đức Thế Tôn quán sát các Tỳ-kheo xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ta rất hoan hỷ vì các Tỳ-kheo đã làm những việc chính đáng. Cho nên Tỳ-kheo phải nỗ lực tinh tấn.”

Ở tại Xá-vệ, sau khi tháng Ca-đê[2441] đã mãn, các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nghe rằng: 'Đức Thế Tôn an cư ở nước Xá-vệ, tháng Ca-đê đã mãn, may y đã xong, đắp y mang bát đang du hành trong nhân gian ở nước Xá-vệ.' Các Tỳ-kheo đi dần đến nước Xá-vệ, sau khi cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo du hành nhân gian nói pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi các Tỳ-kheo du hành nhân gian nghe Phật nói pháp, đều hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi. Họ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ như vầy: 'Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo du hành nhân gian này. Hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.' Sau đó liền nhiếp thọï, hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba,… cho đến nhận sáu mươi người. Có Tỳ-kheo Thượng tọa nhận các Tỳ-kheo du hành nhân gian giáo giới, giáo thọ, làm khéo biết thứ lớp trước sau.

Bấy giờ, ngày mười lăm, ngày bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng, sau khi quán sát chúng Tỳ-kheo, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, Ta rất hoan hỷ vì các ông đã làm những việc chính đáng. Các Tỳ-kheo, chư Phật quá khứ, cũng có chúng Tỳ-kheo mà sở hành chính đáng, như chúng hiện tại này vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ có chúng và cũng sẽ có những sở hành chính đáng như vậy, như chúng hiện tại này vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo Trưởng lão trong chúng hiện tại này, có vị đã đắc và an trụ đầy đủ Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh hết khổ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, tham, thuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Có Tỳ-kheo năm hạ phần kết đã hết, đắc A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không tái sanh vào cõi đời này nữa. Có Tỳ-kheo đắc cảnh giới Vô lượng thần thông Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí. Có Tỳ-kheo tu quán bất tịnh để đoạn tham dục, tu tâm từ để đoạn sân nhuế, tu vô thường để đoạn ngã mạn, tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng.

"Thế nào là tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở… cho đến quán diệt khi hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm để đoạn trừ giác tưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 816. HỌC (1) [2442]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học[2443], tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người đầy đủ ba học,

Là Tỳ-kheo chánh hạnh;

Tăng thượng giới, tâm, tuệ,

Nỗ lực siêng ba pháp.

Dũng mãnh, thành trì vững,

Luôn giữ gìn các căn.

Ngày cũng như ban đêm,

Ban đêm cũng như ngày.

Trước lại cũng như sau,

Sau lại cũng như trước;

Như trên cũng như dưới,

Như dưới cũng như trên.

Các tam-muội vô lượng,

Chiếu khắp cả các phương;

Đó lối đi giác ngộ,

Tập tươi mát bậc nhất[2444].

Lìa bỏ vô minh tránh,

Tâm ấy khéo giải thoát.

Ta Đấng Thế Gian Giác,

Minh hạnh đều đầy đủ.

Trụ chánh niệm không quên,

Tâm này được giải thoát.

Khi thân hoại mạng chung,

Như đèn hết dầu tắt.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 817. HỌC (2) [2445]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi, hành xứ, thấy tội nhỏ nhặt sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện… cho đến, chứng và an trụ đệ Tứ thiền.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ Thánh đế này, biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ như đã nói ở trên.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 818. HỌC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Tỳ-kheo học tăng thượng Giới, không phải học tăng thượng Ý, tăng thượng Tuệ. Có vị học tăng thượng Giới, tăng thượng Ý, không phải học tăng thượng Tuệ.

"Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trụ, thì sự tu tập tăng thượng Giới, tăng thượng Ý cũng sẽ đầy đủ. Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, thì sẽ sống theo tuổi thọ của trí tuệ vô thượng." [2446]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 819. HỌC (4) [2447]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hơn hai trăm năm mươi giới[2448], cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự minh cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 820. HỌC (5) [2449]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới[2450], giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại[2451], giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế… cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Năm hạ phần kết này đã đoạn trừ, đắc Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải

thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến,'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 821. HỌC (6) [2452]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hơn hai trăm năm mươi giới[2453], cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thiện nam tử tự theo ý muốn của mình mà học, Ta nói cho ba học. Nếu học ba học này, thì sẽ tóm thâu được tất cả các học giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới[2454], giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế,… cho đến nên giữ gìn học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn ba kết là thân kiến, giới thủ, nghi; và tham, nhuế, si đã mỏng, thành tựu Nhất chủng đạo[2455]. Ở vào địa vị này chưa phải là đẳng giác, nên gọi là Tư-đà-hoàn, hay gọi là Gia-gia, gọi là Thất hữu, gọi là Tùy pháp hành, gọi là Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế… cho đến thọ trì học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn được năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; nếu đoạn trừ được năm hạ phần này có thể được Trung Bát-niết-bàn. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Sanh Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Vô hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến,'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 822. NIẾT-BÀN (1) [2456]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới thì đầy đủ[2457], nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế… cho đến nên gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ được ba kết đó là thân kiến, giới thủ và nghi; khi đã đoạn trừ ba kết này, thì sẽ được Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối… cho đến nên gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, được A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không còn tái sanh vào đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu, giải thoát tri kiến, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 823. NIẾT-BÀN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới đầy đủ[2458], nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế… cho đến nên gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy thì sẽ đoạn được ba kết và tham, nhuế, si còn mỏng, được Nhất chủng đạo[2459]. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tư-đà-hàm; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được gọi là Gia-gia[2460]; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì, sẽ được Tu-đà-hoàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy pháp hành; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối… cho đến nên gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, thì sẽ được

Trung Bát-niết-bàn. Ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Sanh Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ giải thoát tâm dục hữu lậu, giải thoát tâm hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 824. HỌC (6)[2461]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai học. Những gì là hai? Đó là thượng oai nghi học và thượng Ba-la-đề-mộc-xoa học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người học[2462], lúc học giới,

Thẳng đường, đi theo đó;

Chuyên xét, siêng phương tiện,

Khéo tự giữ thân mình.

Được sơ vô lậu trí[2463],

Kế, cứu cánh vô tri[2464];

Được vô tri giải thoát,

Đã vượt qua tri kiến.

Thành bất động giải thoát,

Các hữu kết diệt hết;

Các căn kia đầy đủ,

Các căn vui vắng lặng.

Giữ thân sau cùng này,

Hàng phục các ma oán.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 825. HỌC (7)[2465]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Học giới sẽ mang lại nhiều phước lợi, an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niệm là tăng thượng. Nếu Tỳ-kheo nào đã học giới được phước lợi; an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niệm là tăng thượng, thì sẽ khiến cho ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Phước lợi theo học giới,

Thiền định chuyên tư duy;

Trí tuệ là tối thượng,

Đời này là tối hậu.

Thân Mâu-ni cuối cùng,

Hàng ma qua bờ kia.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 826. HỌC (8)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng, khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tàm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng… cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi[2466].

"Thế nào trí tuệ là hơn hết? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là hơn hết.

"Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.

"Thế nào là Tỳ-kheo niệm tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niệm an trụ; điều chưa được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niệm an trụ. Điều đã được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niệm an trụ. Pháp chưa được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải

thoát niệm an trụ. Pháp đã được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng lên. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Phước lợi theo học giới,

Thiền định chuyên tư duy;

Trí tuệ là tối thượng,

Đời này là tối hậu.

Thân Mâu-ni cuối cùng,

Hàng ma qua bờ kia.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kinh Thi-bà-ca như Phật sẽ nói ở sau. Cũng vậy, Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo khác hỏi, Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo. Ba kinh này cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 827. CANH MA[2467]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như điền phu, có ba vieäc để làm ruộng, phải khéo tùy theo thời mà làm. Những gì là ba? Điền phu kia phải theo thời mà cày bừa, phải theo thời mà dẫn nước vào, phải theo thời mà gieo hạt. Khi điền phu kia đã theo thời cày bừa, đã dẫn nước, đã gieo hạt xuống rồi, thì không nghĩ rằng: 'Muốn ngay ngày hôm nay chúng sanh trưởng, có quả ngay hôm nay, chín ngay hôm nay, hoặc là ngày mai hay ngày sau.' Nhưng này các Tỳ-kheo, gia chủ kia sau khi đã cày bừa, dẫn nước, gieo hạt xuống rồi, tuy không nghĩ rằng: 'Đang sanh trưởng, có quả và chín ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Mà những hạt giống kia khi đã được gieo vào trong đất, thì tự chúng theo thời mà sanh trưởng, mà có quả, mà chín.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với ba học này, phải khéo tùy thời mà học, nghĩa là phải khéo học Giới, khéo học Ý, khéo học Tuệ; khi đã học chúng rồi không nghĩ rằng: 'Mong ta ngày nay không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Cũng không nghĩ rằng: 'Mong có thần lực tự nhiên mà có thể khiến cho không khởi lên các lậu, tâm giải thoát ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Khi đã tùy thời học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì tùy thời mà tự mình đạt không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, thí như gà mái ấp trứng, có thể từ mười cho đến mười hai ngày; phải tùy thời thăm chừng, chăm sóc giữ gìn ấm lạnh. Con gà mái ấp kia không nghĩ rằng: 'Ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau, ta sẽ dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng cào, để cho con của thoát ra khỏi vỏ một cách an toàn.' Nhưng gà mái ấp kia khéo ấp con nó, tùy thời chăm sóc thương yêu, con của nó sẽ tự nhiên thoát ra khỏi vỏ an toàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo học Ba học, tùy theo thời tiết sẽ tự đạt được không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 828. LÔ[2468]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: 'Ta phát ra tiếng bò.' Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa!

"Cũng vậy, có một nam tử ngu si vi phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: 'Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!' mà không học tập thắng dục về tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: 'Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!' Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo."

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Thú cùng móng, không sừng,

Đủ bốn chân, tiếng kêu;

Đi theo sau đàn bò,

Luôn cho là bạn bè.

Hình dạng chẳng phải bò,

Không thể kêu tiếng bò;

Cũng vậy, người ngu si,

Chẳng theo cột tâm niệm.

Đối lời dạy Thiện Thệ,

Không muốn siêng phương tiện;

Tâm biếng nhác, khinh mạn,

Không được đạo Vô thượng.

Như lừa trong đàn bò,

Mà luôn xa đàn bò.

Kia tuy theo đại chúng,

Nhưng luôn trái tâm hành.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 829. BẠT-KỲ TỬ[2469]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ Tôn giả Bạt-kỳ Tử hầu bên Phật. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói hơn hai trăm năm mươi giới khiến cho con nhà tộc tánh, cứ mỗi nửa tháng đến thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa tu-đa-la, khiến con nhà tộc tánh tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, con không thể theo đó để học."

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

"Ông có thể tùy thời mà học ba học được không?"

Bạt-kỳ Tử bạch Phật rằng:

"Có thể, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

"Ông sẽ tùy thời mà học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ; khi đã theo thời siêng năng học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì không bao lâu các hữu lậu sẽ được hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Sau khi Bạt-kỳ Tử đã nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử sau khi nhận lãnh những lời dạy dỗ, giáo giới của Phật xong; một mình ở nơi vắng, chuyên tinh tư duy, như đã nói ở trên… cho đến tâm khéo giải thoát, đắc A-la-hán.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 30

KINH 830. BĂNG-GIÀ-XÀ[2470]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Băng-già-kỳ tại Băng-già-xà[2471]. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương thích với giới[2472], khen ngợi pháp chế giới. Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp Thị[2473] đang ở tại thôn Băng-già nghe Thế Tôn nói pháp tương ưng với giới, khen ngợi giới này, trong lòng rất không kham nhẫn, không hoan hỷ, nói rằng: 'Sa-môn ấy khen ngợi giới này, tích cực chế giới này[2474].'

Sau khi đã trú ở đó như ý muốn tại thôn Băng-già, Đức Thế Tôn hướng đến nước Xá-vệ. Lần lượt du hành đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, Tôn giả Ca-diếp Thị liền sanh lòng hối hận: 'Ta nay mất lợi, bị bất lợi lớn, khi Thế Tôn nói về pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới; đối với Thế Tôn tâm ta không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'

Sáng sớm hôm sau, Tôn giả Ca-diếp Thị đắp y mang bát vào thôn Băng-già khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, gởi ngọa cụ[2475], rồi tự mang y bát đến thành Xá-vệ. Sau khi lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, cất y bát và rửa chân xong, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân và bạch Phật rằng:

"Con xin hối lỗi, Thế Tôn! Con xin hối lỗi, Thiện Thệ! Con là kẻ ngu si không tốt, không phân biệt được; khi con nghe Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Thế Tôn con đã không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'"

Phật bảo Ca-diếp Thị:

"Ở chỗ nào nơi Ta mà ông không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'?"

Ca-diếp Thị bạch Phật rằng:

"Lúc Thế Tôn ở trong rừng Băng-già-kỳ, tại thôn Băng-già-xà, vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này. Con lúc bấy giờ đối với Thế Tôn tâm không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.' Bạch

Thế Tôn, hôm nay con tự biết hối tội, tự thấy hối tội mình. Xin Đức Thế Tôn thương xót nhận sự hối lỗi của con.”

Phật bảo Ca-diếp Thị:

“Ông đã tự biết hối lỗi vì đã ngu si, không tốt, không phân biệt được, nên khi nghe Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Ta mà không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’ Ca-diếp, nay ông đã tự biết hối lỗi, đã tự thấy hối lỗi rồi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh[2476]. Nay Ta vì thương xót ông nên nhận sự sám hối của ông.”

Sau khi Ca-diếp Thị sám hối như vậy rồi, thì thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ bị suy giảm. Vì sao? Vì nếu có người nào tự biết tội, tự thấy tội, mà sám hối tội lỗi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh, thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ suy giảm.

“Giả sử Ca-diếp là một vị Thượng tọa, không muốn học giới, không coi trọng giới, không muốn chế giới, thì Tỳ-kheo như vậy Ta không khen ngợi. Vì sao? Vì nếu Đại Sư mà khen ngợi người này, thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Nếu người nào có việc làm giống như kia, thì mãi mãi sẽ chịu khổ không lợi ích gì. Cho nên Ta đối với Trưởng lão này, ban đầu không khen ngợi, vì vị ấy ngay lúc đầu đã không thích học giới. Như trưởng lão, trung niên, thiếu niên cũng như vậy.

“Nếu Thượng tọa Trưởng lão này, ban đầu coi trọng học giới, khen ngợi việc chế giới, thì Trưởng lão như vậy, Ta sẽ khen ngợi, vì ban đầu đã thích học giới. Đại Sư sẽ khen ngợi người này thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Đồng sở kiến, cho nên, đời vị lai sẽ được ích lợi lâu dài. Cho nên đối với vị Trưởng lão Tỳ-kheo kia, thường phải khen ngợi, vì sơ thủy đã vui thích học giới. Vị trung niên, thiếu niên cũng lại như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 831. GIỚI[2477]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu các Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão, sơ thủy không vui thích học giới, không coi trọng học giới, thấy Tỳ-kheo khác ban đầu vui thích học giới, coi trọng giới, khen ngợi việc chế giới, vị ấy cũng không tùy thời khen ngợi, đối với những Tỳ-kheo này Ta cũng không khen ngợi, vì vị ấy sơ thủy không vui thích học giới. Vì sao? Vì nếu Đại Sư khen ngợi vị ấy, thì người khác sẽ lại gần gũi tôn trọng, đồng kiến giải. Vì đồng kiến giải nên lâu dài chịu khổ không có lợi ích. Cho nên Ta đối với các trưởng lão,... trung niên, thiếu niên kia, cũng lại như vậy. Người vui thích học giới như trước đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 832. HỌC[2478]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiền,... *cho đến* chứng và an trú đệ Tứ thiền. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ Thánh đế này, biết như thật về Khổ tập Thánh đế này, Khổ diệt Thánh đế này, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này, thì đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Các kinh khác nói về Ba học, như đã nói Niệm xứ ở trước.

Như Thiền, Vô lượng, Vô sắc cũng vậy. Như bốn Thánh đế, cũng vậy bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, Bốn đạo, Bốn pháp cú và tu tập Chỉ quán cũng nói như vậy. [2479]

---o0o---

KINH 833. LY-XA[2480]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ có người luyện voi giỏi người Ly-xa, tên là Nan-đà[2481], đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui qua ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ly-xa Nan-đà rằng:

"Nếu Thánh đệ tử thành tựu bốn Bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn? Thành tựu Phật bất hoại tịnh; thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; thành tựu Thánh giới bất hoại tịnh. Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh lên cõi trời, ở đó được mười thứ pháp. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi

trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sanh vào cõi người. Ta thấy họ đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi người, người tốt đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử này tin không do người khác, ước muốn không do người khác[2482], không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhân bởi người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật."

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng:

"Giờ tắm đã đến, bây giờ xin ngài đi cho!"

Nan-đà đáp rằng:

"Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; vì đối với Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh." [2483]

Sau khi người huấn luyện voi Ly-xa Nan-đà nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 834. BẤT BẦN.[2484]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử nếu thành tựu được bốn Bất hoại tịnh, thì ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khốn; không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ. Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 835. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG[2485]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được bốn thứ thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Tuy lại làm Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời, nhưng vẫn còn chưa đoạn trừ được cái khổ của đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì Chuyển luân vương chưa đạt được bất hoại tịnh đối với Phật, chưa được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới.

Đa văn Thánh đệ tử mang y phấn tảo, xin ăn khắp mọi nhà, dùng ngọa cụ bằng cỏ, nhưng các vị đa văn Thánh đệ tử này đã giải thoát được cái khổ của các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì các vị đa văn Thánh đệ tử này đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Phật; đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 836. TỨ BẤT HOẠI TỊNH[2486]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên khởi lòng thương mến và lòng từ bi. Đối với những gì các ông nói, nếu có người nào thích nghe, thích lãnh thọ, thì các ông hãy vì họ mà nói về bốn bất hoại tịnh, khiến cho chứng nhập, khiến cho an trụ[2487]. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp; bất hoại tịnh đối với Tăng; thành tựu Thánh giới. Vì sao? Dù bốn đại: đất, nước, lửa,

gió có sự thay đổi tăng giảm, bốn bất hoại tịnh này chưa từng có sự tăng giảm biến khác. Chúng không tăng giảm biến khác, cho nên đa văn Thánh đệ tử đã thành tựu được đối với Phật, mà nếu bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì điều này không thể có được. Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Tôi sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới và sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 837. QUÁ HOẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu tin người, sanh năm điều lỗi lầm: Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ[2488], thì người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy của ta, được ta kính trọng, nay bị chúng Tăng từ bỏ. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, thì sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được an trụ lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sanh ra.

"Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến[2489]; ai tin kính người sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy ta, đã được ta kính trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?' Khi đã không vào chúa tháp rồi, thì không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai do dễ tin kính người sanh ra.

"Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhân gian. Nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn cung kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị

thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này. Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa nữa, thì sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vầy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 838. THỰC[2490]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh, nhiếp thọ và làm tăng trưởng bốn đại. Những gì là bốn? Đó là Đoàn thực, Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ phước đức thấm nhuần làm thức ăn an lạc[2491]. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 839. GIỚI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Người thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, được nghe Pháp, được chúng Tăng hộ niệm và thành tựu Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 840. GIỚI (2) [2492]

Kinh kế này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Người nào nếu thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, thì đối với sự bỏn sẻn nhơ nhớp trói buộc chúng sanh, sẽ xa lìa được lòng bỏn sẻn nhơ nhớp, tại gia mà an trụ giải thoát; tâm thường hành bố thí, thích bố thí, luôn an lạc trong việc thực hành xả thí bình đẳng, thành tựu được Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 841. NHUẬN TRẠCH[2493]

Kinh kế này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thánh đệ tử như vậy có bốn thứ phước đức thấm nhuần, thiện pháp thấm nhuần; nếu đem công đức ra để so sánh, nhiếp thọ, thì không thể so sánh là được bao nhiêu phước quả, bao nhiêu quả, bao nhiêu phước quả đã tích tập. Nhưng chúng được kể là rất nhiều phước lợi, điều đó được cho là sự tích tụ phước đức lớn. Thí như hợp lưu của năm con sông: Hằng hà, Da-bồ-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê[2494]; nước hiệp lưu các con sông này dù có dùng trăm bình, ngàn bình, trăm ngàn vạn bình cũng không thể nào đong lường được, vì nước này quá nhiều, điều đó được cho là sự hợp tụ các dòng nước lớn. Cũng vậy Thánh đệ tử đã thành tựu bốn thứ công đức thấm nhuần, nên không thể đo lường được phước đức của họ là nhiều hay ít, vì sự nhiều phước của họ được hiểu là do sự tích tụ nhiều thứ công đức lớn. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: ‘Ta sẽ thành bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Biển lớn nhiều tốt lành,

Sạch mình, sạch vật khác;

Sâu rộng mà lặng trôi,

Gồm đầy trăm dòng nước.

Tất cả các sông rạch,

Đều quy về biển lớn;

Nơi các loài nương sống.

Thân này cũng như vậy,

Tu công đức thí, giới;

Nơi trăm phước quy về.

---o0o---

KINH 842. BÀ-LA-MÔN[2495]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người Bà-la-môn nói đạo hư dối, ngu si, tà ác, không chân chánh thú hướng, chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Người ấy giáo hóa đệ tử như vầy: Vào ngày rằm, dùng bột hồ-ma, bột am-la-ma-la tắm gội thân thể, mặc áo kiếp-bối mới, đầu phủ tơ dài, trét phân bò trên đất, mà nằm lên, rồi bảo rằng: 'Thiện nam tử, buổi mai dậy sớm, cởi áo để ở một chỗ, thân hình trần truồng, chạy nhanh về hướng Đông. Giữa đường giả sử có gặp voi hung, ngựa dữ, trâu điên, chó dại, gai gốc, rừng rậm, hầm hố, nước sâu đi nữa vẫn phải thẳng tiến về phía trước chớ nên tránh. Nếu gặp hại mà chết, quyết sẽ được sanh lên cõi Phạm thiên.' Đó gọi là ngoại đạo ngu si tà kiến, chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Ta vì các đệ tử nói về đường chính bằng phẳng chẳng phải ngu si, mà là hướng đến trí tuệ Đẳng giác, hướng đến Niết-bàn. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến… cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 843. XÁ-LỢI-PHẤT (1) [2496]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Bảo là dòng[2497]; thế nào là dòng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Gọi là Nhập lưu phần[2498], vậy thế nào là Nhập lưu phần?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần[2499]. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Người Nhập lưu[2500] phải thành tựu bao nhiêu pháp?"

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

"Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 844. XÁ-LỢI-PHẤT (2) [2501]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi khích lệ xong, rồi đứng qua một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời không?"

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp.”

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

“Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ?”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan[2502]:

“Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ luận bàn xong, đều tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 845. KHỦNG BỐ (1) [2503]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù[2504], được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo của bậc Hiền thánh; vị Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ.

“Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh; người ấy tránh xa sự sát sanh, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh được dập tắt. Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi phát sanh ra từ nhân duyên oán thù của các tội trên.

“Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Là đối với Phật quyết định lìa nghi hoặc, đối với Pháp và Tăng quyết định lìa nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định lìa nghi hoặc.

“Thế nào gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo? Là biết như thật đây là Khổ Thánh đế, biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, đó gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo.

“Nếu đối với năm tội sợ hãi này mà dập tắt oán thù, đối với ba pháp quyết định xa lìa nghi hoặc, đối với Thánh đạo mà tri kiến như thật; Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng: ‘Ta đã đoạn tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 846. KHỦNG BỐ (2) [2505]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định."

Kinh tiếp[2506] cũng nói như vậy, nhưng có một vài sai khác:

"Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tri kiến như thật về mười hai duyên khởi như đã nói: sự này có, nên sự kia có; sự này khởi, nên sự kia khởi. Như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Đó gọi là tri kiến như thật của các Thánh đệ tử."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 847. THIÊN ĐẠO (1) [2507]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên[2508] làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh, lại tịnh hơn. Những gì là bốn? Thánh đệ tử có bất hoại đối tịnh với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi

là bốn Thiên đạo của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến cho tịnh, đã tịnh lại khiến cho tịnh hơn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 948. THIÊN ĐẠO (2) [2509]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[2510] như vầy: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với Như Lai sự này, mà sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an[2511]; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo đệ nhất của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa, Tỳ-kheo Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vầy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết, ngay đời hiện tại xa lìa mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri. Do biết pháp sự như vậy rồi, thì tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa Tỳ-kheo, nếu đối với Tăng sự, khởi chánh niệm như vầy: 'Tăng đệ tử của Thế Tôn, chánh trực thú hướng đáng được cung kính tôn trọng cúng dường, là ruộng phước vô thượng.' Vị ấy chân chánh suy niệm Tăng sự như vậy, liền sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa Thánh đệ tử tự nghĩ về những giới sự đã có, suy niệm nhớ nghĩ rằng: 'Giới này của ta là giới không khuyết, giới không ô uế, giới không tạp; giới được bậc minh trí khen; giới được kẻ trí không chán.' Đối với những giới sự như vậy, sau khi đã thật sự nhớ nghĩ đến rồi, thì tâm sẽ sanh ra tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 849. THIÊN ĐẠO (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[2512] như vầy: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh

Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậyï rồi, liền đoạn trừ tham ác và đoạn trừ lỗi tham ác bất thiện của tâm. Vì nghĩ đến Như Lai nên sanh tâm tùy hỷ; do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 850. THIÊN ĐẠO (4) [2513]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[2514] như vầy: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Thánh đệ tử ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậyï rồi, tâm không bị tham dục triền phược, sân hận, ngu si triền phược[2515]. Tâm ấy chánh trực, niệm tưởng Như Lai sự. Thánh đệ tử này được dòng nước pháp, được dòng nước của nghĩa[2516], được tùy hỷ lợi ích do niệm tưởng Như Lai[2517]. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh

khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 851. PHÁP KÍNH (1) [2518]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính[2519]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 852. PHÁP KÍNH (2) [2520]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[2521]. Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong khi khất thực nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh[2522] đều qua đời. Sau khi khất thực xong trở về tinh xá cất y bát và rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn, vậy bốn vị này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo Nan-đồ và Tỳ-kheo-ni Nan-đà vì đã hết các lậu nên đã được tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát; ngay trong đời này tự tri, tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Còn Ưu-bà-tắc Thiện Sanh và Ưu-bà-di Thiện Sanh vì năm hạ phần kết đã hết nên đắc A-na-hàm, sanh lên cõi trời mà vào Bát-niết-bàn, không còn sanh vào cõi này nữa."

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính... Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật,..., thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 853. PHÁP KÍNH (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[2523].

Như đã nói đầy đủ ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni kia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kia qua đời, cũng nói như trên[2524]."

---o0o---

KINH 854. NA-LÊ-CA[2525]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Phồn-kỳ-ca tại tụ lạc Na-lê-ca[2526]. Bấy giờ ở đây có nhiều người qua đời.

Lúc ấy, có các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin ở tụ lạc Na-lê-ca các Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá, Ni-ca-tra, Khư-lăng-ca-la, Ca-

đa-lê sa-bà, Xà-lộ, Ưu-ba-xà-lộ, Lê-sắc-tra, A-lê-sắc-tra, Bạt-đà-la, Tu-bạt-đà-la, Da-xá, Da-du-đà, Da-xá, Uất-đa-la[2527] tất cả đều qua đời tại đây. Sau khi nghe rồi trở về tinh xá cất y bát rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Sáng sớm số đông các Tỳ-kheo chúng con vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá và nhiều người qua đời. Bạch Thế Tôn, những người này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Kế-ca-xá và những người kia, đã đoạn năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên trời, không sanh lại cõi này nữa."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc đã qua đời. Lại có năm trăm Ưu-bà-tắc tại tụ lạc Na-lê-ca này qua đời. Tất cả đều dứt hết năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên cõi trời kia, không còn sanh trở lại đời này nữa."

"Lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc qua đời đều dứt hết ba kết, tham, nhuế và si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, sẽ chịu một lần sanh, mới rốt ráo thoát khổ. Tại tụ lạc Na-lê-ca này lại có năm trăm Ưu-bà-tắc qua đời tại tụ lạc Na-lê-ca này, đã dứt hết ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người rốt ráo thoát khổ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phàm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,… cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ấm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt,… cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ấm bị diệt như vậy.

“Nay Ta sẽ vì các ông nói về kinh Pháp kính. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 855. NAN-ĐỀ (1) [2528]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Ưu-bà-tắc Nan-đề [2529] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với năm căn [2530], mà trong tất cả thời [2531] đều không thành tựu, đó là do phóng dật hay chẳng phóng dật?”

Phật bảo Nan-đề:

“Đối với năm căn này, nếu trong tất cả thời đều không thành tựu, thì Ta nói họ thuộc vào hạng phàm phu [2532] Nếu vị Thánh đệ tử mà không thành tựu, thì đó là người phóng dật chứ chẳng phải không phóng dật.

“Này Nan-đề, nếu vị Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật mà không cầu hướng thượng, không ở trong rừng vắng, hoặc ngồi nơi đất trống, ngày đêm thiền tịnh tư duy, tinh cần tu tập, để được thắng diệu xuất ly, lợi ích tùy hỷ được. Do không tùy hỷ, hoan hỷ không sanh; do hoan hỷ không sanh, thân không khinh an; do thân không khinh an, cảm giác khổ phát sanh; do cảm giác khổ phát sanh, tâm không được định. Tâm không định, Thánh đệ tử ấy được gọi là phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.

“Như vậy, Nan-đề, nếu Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, mà tâm không khởi tưởng thỏa mãn, ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, nơi đất vắng, ngày đêm thiền định tư duy, phương tiện tinh tấn, hay khởi thắng diệu xuất ly, được tùy hỷ; do được tùy hỷ, hoan hỷ phát sanh; do hoan hỷ sanh, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác

thọ lạc, tâm được định. Nếu Thánh đệ tử tâm định thì được gọi là không phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Ưu-bà-tắc Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui.

---o0o---

KINH 856. NAN-ĐỀ (2)[2533]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[2534]. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề[2535] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với bốn bất hoại tịnh, trong tấ cả thời, không thành tựu, vậy thì Thánh đệ tử này là phóng dật hay không phóng dật?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Nếu đối với bốn bất hoại tịnh mà không lúc nào thành tựu, thì Ta bảo đó là những kẻ thuộc ngoài hạng phàm phu[2536].”

“Này Thích thị Nan-đề Thánh đệ tử hoặc phóng dật hay không phóng dật. Nay Ta sẽ nói...” *chi tiết đầy đủ như trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 857. NAN-ĐỀ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[2537]. Bấy giờ an cư ba tháng đầu hạ[2538] đã xong, có số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhân gian.

Bấy giờ, Thích thị Nan-đề nghe số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhân gian. Sau khi Thích thị Nan-đề nghe như vậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Hôm nay tứ chi thân thể con rã rời, bốn phương đổi thay; những pháp con đã nghe trước kia, nay tất cả đều mịt mờ, quên hết, khi nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói: 'Không bao lâu, khi nào may y xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Cho nên nay tâm con cảm thấy rất khổ đau vì không biết lúc nào sẽ gặp lại được Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?"

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

"Dù có gặp Phật hay không gặp Phật, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay không gặp, thì ông vẫn nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Những gì là năm? Ông nên tùy thời niệm tưởng Như Lai sự: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.' Niệm tưởng Pháp sự, Tăng sự, tự mình giữ giới sự cùng hành thế sự. Người hãy tùy thời nhớ nghĩ là: 'Ta đã được lợi cho mình. Đối với những bỏn sẻn cấu uế của chúng sanh, ta sẽ tu tập nhiều lìa khỏi cuộc sống bỏn sẻn cấu uế, tu bố thí giải thoát, bố thí xả, luôn bố thí nhiệt tình, vui thích xả, huệ thí bình đẳng, tâm luôn nhớ đến việc bố thí.' Như vậy, Thích thị Nan-đề, với năm chi của định này, hoặc đứng, đi, ngồi, nằm cho đến cùng với vợ con, luôn luôn phải buộc niệm tam-muội này."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 858. NAN-ĐỀ (4)[2539]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu hạ[2540]. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề nghe Phật kiết an cư ba tháng đầu hạ ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[2541]. Sau khi nghe liền nghĩ: 'Ta nên đến đó. Tại đó cúng dường và làm mọi công

việc để cung cấp cho Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.' Ông liền đến đó. Sau ba tháng, bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.'

Sau khi Thích thị Nan-đề nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn nói: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương thay đổi; những pháp con đã nghe trước đây, nay tất cả đều mờ mịt, quên hết. Con nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, con không biết bao giờ sẽ gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?"

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

"Dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì ông cũng nên tùy thời mà tu tập về sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Hãy niệm Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự, giới mình đã giữ, việc hành thí của mình, niệm chư Thiên."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 859. LÊ-SƯ-ĐẠT-ĐA[2542]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ.

như nói ở trước, nhưng có một vài sai biệt:

"Bấy giờ gia chủ tên là Lê-sư-đạt-đa[2543] và Phú-lan-na[2544]. Hai anh em nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn, may y cho Thế Tôn, như kinh Nan-đề đã nói đầy đủ ở trên."

Sau khi Phật nói kinh này xong, gia chủ Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 860. ĐIỀN NGHIỆP[2545]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ xong, các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn. Bấy giờ có gia chủ Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na[2546], hai anh em đang chăm sóc ruộng nương ở trong đầm Lộc kính[2547], nghe số đông các Tỳ-kheo ở tai nhà ăn may y cho Thế Tôn nói rằng: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Sau khi nghe xong bảo một người đàn ông rằng: 'Nay người nên đến chỗ Thế Tôn xem Thế Tôn, nếu đã đi rồi, hãy nhanh chóng trở về báo cho ta hay.'

Sau đó người đàn ông kia vâng lời dạy đến một chỗ kia, gặp Thế Tôn đang ra đi, liền vội vàng trở về báo cho Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na là 'Thế Tôn và đại chúng đang đến.'

Bấy giờ, Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đi nghinh đón Thế Tôn. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na theo con đường đang đi đến, liền ra ngoài lề đường trải tọa cụ, ngồi ngay thẳng. Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương đổi dời; tất cả mọi ức niệm, nay đều mờ mịt quên hết, không biết lúc nào sẽ được gặp lại Phật cùng các Tỳ-kheo tri thức? Hôm nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la; từ Câu-tát-la đến Ca-thi; từ Ca-thi đến Ma-la; từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà; từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già, từ Ương-già đến Tu-ma; từ Tu-ma đến Phân-đà-la; từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già[2548]. Cho nên hôm nay con vô cùng khổ não, không biết lúc nào được gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức."

Phật bảo Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na:

"Các người dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù có gặp các Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì các người cũng nên tùy thời mà tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các người hãy niệm Như Lai sự, nói đầy đủ… cho đến niệm Thiên. Nhưng này các gia chủ! Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì

đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch."

Gia chủ bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Ngài khéo nói pháp này. Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch. Con là đại thần của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc lúc muốn dạo viên quán, sai con cỡi voi lớn chở các cung nữ được sủng ái nhất của vua. Một ngồi trước con, một sau con, con ngồi ở giữa. Khi voi xuống đồi, người ở trước choàng vào cổ con, người sau ôm lưng con; khi voi lên đồi, người sau bám lấy gáy con, người trước vít lấy áo con.

"Các thể nữ này vì muốn chiếm lòng vui thích của nhà vua nên mặc xiêm y lụa là sặc sỡ, trang điểm bằng anh lạc và các loại hương vi diệu. Lúc cùng dạo chơi con luôn luôn giữ ba điều: Một là điều khiển voi, sợ rằng lạc mất đường chính; hai tự giữ tâm mình, sợ rằng sẽ sanh ra đắm nhiễm; ba tự giữ gìn, sợ rằng sẽ bị rơi ngã. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, đối với các thể nữ của vua, con không giây phút nào là không chánh tư duy."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay, lành thay! Có thể khéo giữ tâm mình."

Gia chủ bạch Phật:

"Những tài vật mà con có được ở tại gia, thường đem cúng dường cho Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và giúp đỡ cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng chung thọ dụng, chứ không kể là của con."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay, lành thay! Đối với của cải, gia chủ là người có tiền của giàu sang tột nhất tại nước Câu-tát-la, không ai có thể sánh bằng, mà không kể là của mình."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ này mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 31

KINH 861. ĐÂU-SUẤT THIÊN[2549]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, ĐứcThế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bốn trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất-đà[2550]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạngchung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 862. HÓA LẠC THIÊN[2551]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tám trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Hóa-lạc[2552]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 863. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sáu ngàn năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Tha hóa tự tại[2553]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đêĩ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phật đã nói sáu kinh; cũng vậy, Tỳ-kheo nọ hỏi sáu kinh và Phật hỏi các Tỳ-kheo sáu kinh cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 864. SƠ THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiền; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng cửa cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư[2554], ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 865. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sự sai biệt:

"Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn[2555]; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn[2556]; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn[2557]; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn[2558]; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn[2559]. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp,

lạc pháp, do công đức này mà sanh làm Đại Phạm thiên[2560], hoặc sanh về cõi Phạm phụ thiên[2561], hay sanh về cõi Phạm thân thiên[2562].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 867. ĐỆ NHỊ THIỀN THIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, mà dứt hữu giác, hữu quán, bên trong thanh tịnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trụ đệ Nhị thiền; hoặc nhớ nghĩ không hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy; mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức tư duy như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này tâm sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng pháp giới cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 868. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn[2563]; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Tự tánh Quang âm[2564]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng quang[2565]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu quang[2566]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 869. ĐỆ TAM THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, lìa tham hỷ, an trụ xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nhân nói là xả, với niệm, an trụ lạc, chứng và an trú đệ Tam thiền. Nếu không như vậy, mà với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, đối với các pháp sắc[2567], thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,… cho đến Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Biến tịnh[2568]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng tịnh[2569]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu tịnh[2570]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 870. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy lìa khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, xả, tịnh niệm[2571], nhất tâm, chứng và an trụ đệ Tứ thiền. Nếu không nhớ nghĩ như vậy, mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,… cho đến Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, thì sanh về cõi trời Nhân tánh Quả thật[2572]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Phước sanh[2573]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu phước[2574]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Tứ thiền, Bốn vô sắc định cũng được nói như vậy.

---o0o---

KINH 871. PHONG VÂN THIÊN[2575]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có vị Phong vân thiên[2576] nghĩ như vầy: 'Hôm nay ta muốn dùng thần lực dạo chơi.' Khi nghĩ như vậy thì mây gió liền nổi lên. Cũng vậy, như Phong vân thiên; Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tình thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên[2577] cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Nói như vậy, có Tỳ-kheo hỏi Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo, cũng được nói như vậy.[2578]

---o0o---

KINH 872. TÁN CÁI PHÚ ĐĂNG[2579]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, trời mưa nhỏ, có chớp lóe chiếu sáng. Phật bảo A-nan:

"Ông hãy lấy dù che đèn mang ra ngoài."

Tôn giả A-nan liền vâng lời lấy dù che đèn, đi theo sau Phật. Đến một nơi, Thế Tôn bỗng mỉm cười. Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Thế Tôn không khi nào cười mà không có nguyên nhân. Không rõ hôm nay Thế Tôn vì lý do gì mà mỉm cười?"

Phật bảo A-nan:

"Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai cười không phải là không có lý do. Hôm nay khi ông cầm dù che đèn đi theo Ta, thì Ta thấy Phạm thiên cũng lại như vậy, cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân[2580]; Thích Đề-hoàn Nhân[2581] cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la[2582] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất; Tỳ-lâu-lặc-ca[2583] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Đại Mục-kiền-liên; Tỳ-lâu-bặc-xoa[2584] Thiên vương cũng cầm dù đi theo sau Ma-ha Câu-hy-la; Tỳ-sa-môn[2585] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 873. TỨ CHỦNG ĐIỀU PHỤC[2586]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chúng được điều phục thiện hảo. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo được điều phục, Tỳ-kheo-ni được điều phục, Ưu-bà-tắc được điều phục, Ưu-bà-di được điều phục. Đó gọi là bốn chúng.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu biện tài[2587], vô úy[2588],

Đa văn, thông đạt pháp;

Hành pháp thứ pháp hướng[2589],

Thì đó là thiện chúng.

Tỳ-kheo giữ tịnh giới,

Tỳ-kheo-ni đa văn;

Ưu-bà-tắc tịnh tín,

Ưu-bà-di cũng vậy.

Đó gọi là thiện chúng,

Như mặt trời tự chiếu;

Tăng thiện hảo cũng vậy,

Đó là hảo trong Tăng.

Pháp này khiến Tăng hảo[2590],

Như mặt trời tự chiếu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

“Như điều phục. Cũng vậy, biện tài, nhu hòa, vô úy, đa văn, thông đạt pháp, nói pháp, pháp thứ pháp hướng, tùy thuận pháp hành cũng nói như vậy.”[2591]

---o0o---

KINH 874. TAM CHỦNG TỬ[2592]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh[2593], con thắng sanh[2594], con hạ sanh[2595].

“Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thì con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

“Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

“Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con hạ sanh.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tùy sanh và thượng sanh,

Cha có trí đều mong.

Hạ sanh, người không cần,

Vì không thể kế nghiệp.

Phép làm người của con,

Là làm Ưu-bà-tắc;

Đối Phật, Pháp, Tăng bảo,

Cần tu tâm thanh tịnh.

Mây tan ánh trăng hiện,

Vẻ vang dòng quyến thuộc.

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Năm giới. Cũng vậy, kinh Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ cũng nói như vậy."

---o0o---

KINH 875. TỨ CHÁNH ĐOẠN (1)[2596]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn[2597]. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn[2598]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 876. TỨ CHÁNH ĐOẠN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn[2599]. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn[2600]."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn và luật nghi,

Tùy hộ cùng tu tập;

Như bốn Chánh đoạn này,

Chư Phật đều đã dạy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 877. TỨ CHÁNH ĐOẠN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

“Thế nào là đoạn đoạn[2601]? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục[2602], phương tiện[2603], tinh cần[2604], nhiếp tâm gìn giữ[2605]. Đó gọi là đoạn đoạn[2606].

“Thế nào là luật nghi đoạn[2607]? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn[2608].

“Thế nào là tùy hộ đoạn[2609]? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn[2610].

“Thế nào là tu đoạn[2611]? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn[2612].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 878. TỨ CHÁNH ĐOẠN (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

“Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

“Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thieân chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

“Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn và luật nghi,

Tùy hộ cùng tu tập;

Như bốn Chánh đoạn này,

Chư Phật đều đã dạy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 879. TỨ CHÁNH ĐOẠN (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp ác bất thiện chưa khởi, thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện chưa sanh, thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện đã sanh, thì khiến cho tu tập thêm lợi ích, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

"Thế nào là luật nghi đoạn? Tỳ-kheo khéo phòng hộ căn con mắt, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Cũng vậy, đối với các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khéo phòng hộ, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Đó gọi là luật nghi đoạn[2613].

"Thế nào là tùy hộ đoạn? Tỳ-kheo đối với mỗi một tướng tam-muội chân thật, như tướng xanh bầm, tướng sình chướng, tướng mưng mủ, tướng hoại, tướng thú ăn chưa sạch mà khéo bảo vệ hộ trì, tu tập, giữ gìn, không khiến cho sút giảm. Đó gọi là tùy hộ đoạn[2614].

“Thế nào là tu đoạn? Tỳ-kheo nào tu tập bốn Niệm xứ, thì đó gọi là tu đoạn[2615].”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn, luật nghi đoạn,

Tùy hộ, tu tập đoạn;

Bốn thứ chánh đoạn này,

Những gì Chánh Giác nói.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Các lậu sẽ sạch hết.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

“Như bốn Niệm xứ. Cũng vậy, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, Tám đạo chi, Bốn đạo, Bốn pháp cú, Chánh quán tu tập cũng nói như vậy.”[2616]

---o0o---

KINH 880. BẤT PHÓNG DẬT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người tạo dựng công trình nơi thế gian, tất cả đều y cứ vào đất. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập pháp thiền, tất cả cũng đều y cứ vào không buông

lung để làm căn bản, lấy không buông lung[2617] làm tập khởi, lấy không buông lung làm sanh khởi, lấy không buông lung làm chuyển khởi. Tỳ-kheo nào không buông lung thì có khả năng tu tập bốn thiền.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 881. ĐOẠN TAM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Tỳ-kheo như vậy có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

“Như đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Cũng vậy, điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si và sự rốt ráo đoạn tham dục, rốt ráo đoạn sân nhuế, ngu si, xuất yếu, viễn ly, Niết-bàn cũng nói như vậy.”[2618]

---o0o---

KINH 882. BẤT PHÓNG DẬT CĂN BẢN[2619]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như trăm thứ cây, cỏ, thảo dược đều nương vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả các pháp thiện đều y cứ vào không buông lung làm gốc. *Như đã nói ở trên… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như hương hắc trầm thủy là loại hương trên các loại hương. Cũng vậy, trong các loại thiện pháp, không buông lung là trên hết.

“Thí như trong các loại hương lâu bền, xích chiên-đàn là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy… cho đến*Niết-bàn.

“Thí như các loài hoa sống ở dưới nước và trên đất, hoa ưu-bát-la là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản,*… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như hoa sanh sống từ đất, hoa ma-lợi-sa là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản cho chúng,... *cho đến* Niết-bàn.

“Này các Tỳ-kheo, thí như trong tất cả các dấu chân của loài thú, dấu chân voi là hơn hết. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là pháp căn bản hơn cả. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các loài thú, sư tử là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài thú. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng.*Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như tất cả nhà cửa lầu các, cái nóc là trên hết. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

“Thí như trong tất cả các thứ quả trong cõi Diêm-phù, chỉ có quả tên là diêm-phù là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

“Thí như trong tất cả các loại cây như cây câu-tỳ-đà-la[2620], cây tát-bà-da chỉ-la-câu-tỳ-đà-la là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong các núi, Tu-di sơn là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại vàng, vàng Diêm-phù-đề là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại vải, vải lông mịn già-thi[2621] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại màu, màu trắng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loài chim, Kim-sí điểu[2622] là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài súc sanh. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các vua, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các Thiên vương, Tứ Đại Thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các trời Tam thập tam, Đế Thích là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,… cho đến*Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Diệm-ma thiên, Tú-diệm-ma thiên vương[2623] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Đâu-suất-đà thiên, Đâu-suất-đà thiên vương[2624] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.*Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Hóa lạc thiên, Thiện Hóa lạc thiên vương[2625] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong cõi Tha hóa tự tại thiên, Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử[2626] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong cõi Phạm thiên, Đại Phạm thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy… cho đến*Niết-bàn.

“Thí như tất cả các dòng sông ở Diêm-phù-đề đều xuôi về biển lớn, biển lớn là bậc nhất, vì nó dung chứa tất cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều thuận dòng với không buông lung. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như tất cả nước mưa đều đổ về biển cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều xuôi dòng về biển không buông lung. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các hồ nước[2627], hồ A-nậu-đại[2628] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên,… cho đến*Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các sông ở Diêm-phù-đề, có bốn con sông lớn là bậc nhất đó là: sông Hằng, Tân-đầu, Bác-xoa và Tư-đa[2629]. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong ánh sáng của các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên,… cho đến*Niết-bàn.

“Thí như trong các chúng sanh có thân lớn, La-hầu-la A-tu-la[2630] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong các hạng hưởng thụ năm dục, Đảnh Sanh vương[2631] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong các thần lực ở cõi Dục, Thiên ma Ba-tuần là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng, Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, lìa tham dục là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các pháp chúng, chúng của Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các giới, khổ hạnh, phạm hạnh; Thánh giới[2632] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.*Như đã nói ở trên,… cho đến* Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 883. TỨ CHỦNG THIỀN[2633]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thiền[2634]. Có loại thiền, tam-muội thiện[2635], nhưng chẳng phải chánh thọ thiện[2636]; có loại thiền, chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội thiện; có loại thiền tam-muội thiện, mà chánh thọ cũng lại thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội thiện và cũng chẳng phải chánh thọ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng chẳng phải trụ chánh thọ thiện[2637]; có loại thiền, trụ chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải trụ tam-muội thiện; có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng cũng trụ chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải trụ tam-muội thiện, mà cũng chẳng phải trụ chánh thọ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội khởi thiện[2638], nhưng chẳng phải chánh thọ khởi thiện; có loại thiền, chánh thọ khởi thiện, nhưng chẳng phải tam-muội khởi thiện; có loại thiền, tam-muội khởi thiện và chánh thọ cũng khởi thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội khởi thiện và cũng chẳng phải chánh thọ khởi thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội, nhưng không phải thiện đối với thời của chánh thọ thiện[2639]; có loại thiền, thiện đối với thời của chánh thọ thiện, nhưng không phải thiện đối với thời của tam-muội; có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội thiện, cũng thiện đối với thời của chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải thiện đối với thời của tam-muội, cũng chẳng phải thiện đối với thời của chánh thọ.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội xứ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xứ thiện[2640]; có loại thiền, chánh thọ xứ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xứ thiện; có loại thiền, tam-muội xứ thiện, chánh thọ cũng xứ thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội xứ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ xứ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội nghinh thiện[2641], nhưng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện; có loại thiền, chánh thọ nghinh thiện, nhưng chẳng phải tam-muội nghinh cũng thiện; có loại thiền, tam-muội nghinh thiện, chánh thọ nghinh thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội nghinh thiện và cũng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm thiện; có loại thiền, chánh thọ niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm thiện; có loại thiền, tam-muội niệm thiện, chánh thọ niệm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện; có loại thiền, chánh thọ niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện; có loại thiền, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chánh thọ niệm bất niệm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội đến thì thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ đến[2642] thì thiện; có loại thiền, chánh thọ đến thì thiện, nhưng tam-muội đến thì không thiện; có loại thiền, tam-muội đến thì thiện,

chánh thọ đến thì cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội đến thiện và cũng chẳng phải chánh thọ đến thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác thì không thiện; có loại thiền, chánh thọ ác thì thiện, tam-muội ác thì không thiện[2643]; có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội ác thiện và cũng chẳng phải chánh thọ ác thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội phương tiện thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện; có loại thiền chánh thọ phương tiện thiện, nhưng chẳng phải tam-muội phương tiện thiện; có loại thiền tam-muội phương tiện thiện và chánh thọ cũng phương tiện thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội phương tiện thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội chỉ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện; có loại thiền chánh thọ chỉ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội chỉ thiện; có loại thiền tam-muội chỉ thiện, chánh thọ cũng chỉ thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội chỉ thiện và cũng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội cử thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ cử thiện; có loại thiền chánh thọ cử thiện, nhưng chẳng phải tam-muội cử thiện; có loại thiền tam-muội cử thiện và chánh thọ cũng cử thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội cử thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ cử thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội xả thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xả thiện; có loại thiền chánh thọ xả thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xả thiện; có loại thiền tam-muội xả thiện, thì chánh thọ cũng xả thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội xả thiện và cũng chẳng phải chánh thọ xả thiện[2644]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 884. VÔ HỌC TAM MINH (1)[2645]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có ba minh[2646]. Những gì là ba? Là Trí túc mạng chứng thông của bậc Vô học, Trí sanh tử chứng thông của bậc Vô học, Trí lậu tận chứng thông của bậc Vô học.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Quán sát biết kiếp trước,

Thấy trời sanh đường ác.

Các lậu sanh tử hết,

Là Minh của Mâu-ni.

Tâm ấy được giải thoát

Tất cả những tham ái;

Ba nơi đều thông suốt,

Nên gọi là Ba minh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 885. VÔ HỌC TAM MINH (2)[2647]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

“Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.’ Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

“Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

“Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh.”

Sau đó, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Quán sát biết đời trước,

Thấy trời sanh đường ác.

Các lậu sanh tử hết,

Là Minh của Mâu-ni.

Tâm ấy được giải thoát

Tất cả những tham ái;

Ba nơi đều thông suốt,

Nên gọi là Ba minh.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 886. TAM MINH[2648]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn[2649] đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên và nói:

“Đây là ba minh của Bà-la-môn[2650]! Đây là ba minh của Bà-la-môn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn rằng:

“Thế nào gọi là ba minh của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng[2651], không có các tì vết[2652]; cha mẹ bảy đời truyền thừa mà không bị chê bai; đời đời kế thừa nhau, luôn làm sư trưởng, biện tài đầy đủ; đọc tụng các kinh điển, danh tự của loại vật, phẩm loại sai biệt của vạn vật; lịch sử cổ kim[2653], năm thứ ký này[2654], tất cả đều được thông suốt; dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-đàm, đó gọi là ba minh của Bà-la-môn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không lấy ngôn thuyết, danh tự làm ba minh. Pháp môn của Hiền thánh nói ba minh chân thật[2655] là tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh. Đó là ba minh chân thật.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Như thế nào, thưa Cù-đàm, nói tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh là ba minh?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có ba loại ba minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Túc mạng chứng trí minh của bậc Vô học, sanh tử chứng trí minh của bậc Vô học, lậu tận chứng trí minh của bậc Vô học.”

Như đã nói đầy đủ ở kinh trên.

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tất cả pháp vô thường,

Trì giới, thiền vắng lặng;

Biết tất cả đời trước,

Đã sanh trời, đường ác.

Lậu hết, đoạn được sanh,

Là thông của Mâu-ni.

Biết được tâm giải thoát

Tất cả tham, nhuế, si.

Ta nói là ba minh,

Chẳng do ngôn ngữ nói.

“Này Bà-la-môn, đó là ba minh theo pháp luật của bậc Thánh đã nói.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đó là ba minh chân thật!”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 887. TÍN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, con tên là Tín.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tín có nghĩa là tin vào tăng thượng giới, vào bố thí, đa văn, huệ xả, trí tuệ. Đó gọi là Tín, chứ không phải tín chỉ là một danh tự suông.”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 888. TĂNG ÍCH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, con tên là Tăng Ích."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tăng ích có nghĩa là tăng ích cho tín; tăng ích cho giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Tăng ích, chứ không phải tăng ích chỉ là một danh tự suông."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 889. ĐẲNG KHỞI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Con tên là Đẳng Khởi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Đẳng khởi[2656] có nghĩa là làm phát khởi tín, phát khởi giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Đẳng khởi, chứ không phải đẳng khởi chỉ là một danh tự suông."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 890. VÔ VI PHÁP[2657]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông nói về pháp Vô vi cùng đạo tích vô vi[2658], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Thế nào là pháp Vô vi? Tham dục vĩnh viễn chấm dứt; sân nhuế, ngu si vĩnh viễn chấm dứt; tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Đó gọi là pháp Vô vi.

“Thế nào là Đạo tích vô vi? Tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Đạo tích vô vi.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

“Như Vô vi, cũng vậy nan kiến, bất động, bất khuất, bất tử, vô lậu, phú ấm, châu chữ, tế độ, y chỉ, ủng hộ, bất lưu chuyển, ly xí diệm, ly thiêu nhiên, lưu thông, thanh lương, vi diệu, an ổn, vô bệnh, vô sở hữu, Niết-bàn, cũng nói như vậy.”[2659]

---o0o---

KINH 891. MAO ĐOAN[2660]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như ao hồ dài rộng năm mươi do-tuần; chiều sâu cũng như vậy. Nếu có người dùng đầu một sợi lông nhúng vào nước hồ này, thì này Tỳ-kheo, thế nào, nước trong hồ này nhiều hơn hay là một chút nước dính trên đầu sợi lông nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước dính trên đầu sợi lông người này thì quá ít, so với vô lượng nước hồ gấp ngàn vạn ức thì không thể nào sánh được.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thấy chân đế đầy đủ thì chánh kiến đầy đủ. Đệ tử của Thế Tôn nếu thấy quả chân đế, thánh hiện quán[2661], vị ấy ngay lúc đó đã đoạn, đã biến tri, đã chặt đứt gốc rễ của nó, như cây đa-la đã bị chặt đứt ngọn không thể nào sống lại được. Những khổ đã được đoạn trừ thì nhiều đến vô lượng như nước trong hồ, còn cái khổ sót lại, thì ít như nước dính tên đầu sợi lông."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như giọt nước trên đầu sợi lông, cũng vậy giọt nước dính trên đầu ngọn cỏ cũng như vậy. Như nước trong ao hồ, cũng vậy nước sông Tát-la-đa-tra-già, sông Hằng, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đề, Ma-hê và biển cả cũng nói như vậy.[2662]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 892. LỤC NỘI XỨ[2663]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý nội nhập xứ. Đối với sáu pháp này kham nhẫn quán sát thì gọi là tín hành[2664], siêu việt, rời sanh vị[2665], rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà kham nhẫn tăng thượng quán sát, thì gọi là pháp hành[2666], siêu việt, rời sanh vị, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí, ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi đã đoạn tận, đã biến tri. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, quyết định không bị đọa vào đường ác, mà nhất định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ. Đối với các pháp này

mà bằng chánh trí quán sát không khởi lên các lậu, ly dục, giải thoát, thì gọi là A-la-hán, các lậu đã dứt, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh trí tâm giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, Sáu thức thân, Sáu xúc thân, Sáu thọ thân, Sáu tưởng thân, Sáu tự thân, Sáu ái thân, Sáu giới thân, Năm ấm cũng nói như trên."[2667]

---o0o---

KINH 893. NGŨ CHỦNG CHỦNG TỬ[2668]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm loại hạt giống sanh. Những gì là năm? Đó là hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ cành, hạt giống từ đốt, hạt giống từ hạt. Các loại hạt giống này nếu không bị gián đoạn, không bị phá, không bị mục, không bị thương, không bị đục lủng; khi mới gặp đất mà không gặp nước, thì các loại hạt giống này không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Hoặc nếu gặp nước mà không gặp đất, thì các loại hạt giống này cũng sẽ không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Điều cần là phải gặp đất, gặp nước, các hạt giống này mới có thể sanh trưởng lớn mạnh được. Cũng vậy, nghiệp, phiền não phải có ái, kiến, mạn, thì vô minh mới sanh hành. Nếu có nghiệp mà không có phiền não, ái, kiến, vô minh, thì hành sẽ bị diệt."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Hành, cũng vậy Thức, Danh sắc, Lục nhập xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử cũng nói như vậy."[2669]

---o0o---

KINH 894. NHƯ THẬT TRI[2670]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta, đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, nếu không biết như thật, thì trọn không thể ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các thế gian được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, lìa khỏi vọng tưởng điên đảo, cũng không gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Ta biết như thật đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, cho nên Ta ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, tâm lìa điên đảo, an trụ đầy đủ, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

---o0o---

Như thế gian, sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con

đường đưa đến sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian.[2671]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 895. TAM ÁI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba ái. Những gì là ba? Đó là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Vì muốn đoạn trừ ba ái này nên phải cầu bậc Đại sư."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

Như cầu bậc Đại sư, thứ sư, giáo sư, quảng đạo sư, độ sư, quảng độ sư, thuyết sư, quảng thuyết sư, tùy thuyết sư, A-xà-lê, đồng bạn, thiện hữu chân tri thức, thương xót, từ bi, muốn ý nghĩa, muốn an ổn, muốn an lạc, muốn xúc chạm, muốn thông suốt, người muốn, người tinh tấn, người phương tiện, người xuất ly, người kiên cố, người dõng mãnh, người kham năng, người nhiếp thọ, người thường, người học, người không buông lung, người tu, người tư duy, người nhớ nghĩ, người giác tưởng, người suy lường, người phạm hạnh, người thần lực, người trí, người thức, người tuệ, người phân

biệt, niệm xứ, chánh cần, căn lực, giác đạo, chỉ quán niệm thân, cầu chánh tư duy cũng nói như vậy.”[2672]

---o0o---

KINH 896. TAM LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba hữu lậu. Những gì là ba? Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Vì đoạn trừ ba hữu lậu này, nên cầu bậc Đại sư.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như cầu bậc Đại sư, cũng vậy… cho đến cầu Chánh tư duy cũng nói như vậy.[2673]

---o0o---

KINH 897. LA-HẦU-LA[2674]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, biết như thế nào, để thân có thức này của con cùng hết thảy tướng của cảnh giới bên ngoài không được nhớ tưởng đến, ở trung gian đó mà đoạn tận các hữu lậu?”[2675]

Phật bảo La-hầu-la:

“Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ. Đối với các pháp này phải chánh trí quán sát, dứt sạch các hữu lậu, với chánh trí tâm khéo giải thoát. Đó gọi là A-la-hán, đã hết sạch các hữu lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã trút hết gánh nặng, nhanh chóng được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh tri, tâm được giải thoát.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,… cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 898. NHÃN DĨ ĐOẠN

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo ở nơi mắt mà đoạn trừ dục tham. Dục tham đã đoạn, gọi là mắt đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đối với đời vị lai sẽ thành pháp chẳng sanh. Như mắt, cũng vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,… cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 899. NHÃN SANH

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo mắt sanh, trụ, thành tựu hiển hiện, thì khổ sanh, bệnh trụ, già chết hiển hiện. Cũng vậy,… cho đến ý cũng nói như vậy. Nếu mắt diệt mất đi, thì khổ sẽ được chấm dứt, bệnh sẽ dứt, già chết sẽ không còn,… cho đến ý cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,… cho đến Năm ấm

cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 900. VỊ TRƯỚC[2676]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo đối với vị ngọt của mắt mà đắm nhiễm, sẽ sanh ra tùy phiền não. Tùy phiền não sanh, đối với các nhiễm ô tâm không được ly dục; những chướng ngại kia cũng không thể đoạn được,… cho đến ý nhập xứ cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,… cho đến Năm ấm

cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 901. THIỆN PHÁP KIẾN LẬP[2677]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như tất cả công việc ở thế gian đều nương vào đất để kiến lập. Cũng vậy, tất cả pháp thiện đều y cứ vào sáu nội nhập xứ để tạo lập."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,… cho đến Năm ấm

cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 902. NHƯ LAI[2678] *ĐỆ NHẤT*

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hoặc có chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, không sắc, tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng, chẳng phải chẳng tưởng; đối với tất cả, Như Lai là bậc nhất,… cho đến, Thánh giới cũng nói như vậy."

---o0o---

KINH 903. LY THAM PHÁP ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu mọi công việc của chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập có được, cũng vậy trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, pháp ly tham dục là bậc nhất.”

Nói đầy đủ như vậy,… cho đến Thánh giới cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 904. THANH VĂN ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập được. Cũng vậy, trong tất cả chúng sanh, chúng Thanh văn của Như Lai là bậc nhất.”

Nói đầy đủ như vậy,… cho đến Thánh giới.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 32

KINH 905. NGOẠI ĐẠO[2679]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng Tôn giả thăm hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng[2680]:

"Thế nào, Xá-lợi-phất, Như Lai có sanh tử đời sau không[2681]?"

Xá-lợi-phất nói:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết[2682].'"

Lại hỏi:

"Thế nào, Xá-lợi-phất! Như Lai không có sanh tử đời sau phải chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.'"

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Như Lai vừa có sanh tử đời sau, vừa không có sanh tử đời sau chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.'"

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Như Lai vừa chẳng phải có sanh tử đời sau, vừa chẳng phải không có sanh tử đời sau chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết'"

Các xuất gia ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào, những điều chúng tôi hỏi, Như Lai có sanh tử đời sau; không có sanh tử đời sau; vừa có đời sau, vừa không có đời sau; vừa chẳng phải có đời sau, vừa chẳng phải không có đời sau. Tất cả đều đáp, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.' Tại sao là một Thượng tọa mà như ngu, như si, không khéo, không biết, như trẻ thơ không có trí tự tánh[2683]? Sau khi nói xong những lời này, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi."

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách nhau không xa, cả hai ban ngày ngồi thiền tư dưới bóng cây. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất

biết các xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi qua một bên, đem những việc bàn luận vừa rồi cùng các xuất gia ngoại đạo thưa lại đầy đủ cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sanh tử; đời sau không có sanh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sanh tử?"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo Xá-lợi-phất rằng:

"Nếu nói Như Lai đời sau có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sanh tử, đời sau vừa không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì đó là sắc. Vì Như Lai, sắc đã dứt hết, tâm khéo giải thoát, nên bảo có sanh tử đời sau, thì đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sanh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì điều này cũng không đúng. Vì Như Lai, đã dứt hết sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng[2684].

"Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sanh tử đời sau, thì đó là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái,… cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sanh tử[2685] đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sanh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, thì cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

"Tôn giả Xá-lợi-phất, vì nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: 'Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau.' Ngài đã không thể ký thuyết."

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, cả hai trở về chỗ của mình.

---o0o---

KINH 906. PHÁP TƯỚNG HOẠI[2686]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Vào buổi xế chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn, mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?"

Phật bảo:

"Đúng vậy, Ca-diếp, vì mạng trược, phiền não trược, kiếp trược, chúng sanh trược, kiến trược[2687] và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập!

"Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất[2688]. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp[2689] Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ[2690] sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

"Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.

"Này Ca-diếp, có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý cúng dường; khi đối với Đại Sư đã không kính, không trọng, không thành ý cúng dường, sau đó vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý cúng dường mà vẫn sống y chỉ[2691]. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai nhân đây chìm mất.

"Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến cho pháp luật của Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho pháp luật Như Lai không chìm, không mất, không sút giảm. Cho nên này Ca-diếp, nên học như vầy: 'Đối với Đại Sư nên tu cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh mà được Đại Sư khen ngợi, cũng phải cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 907. GIÁ-LA-CHÂU-LA[2692]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la [2693] đi đến chỗ Phật. Sau khi chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị kỳ cựu trong hàng ca vũ kịch [2694] ngày xưa nói như vầy 'Nếu các con hát ở trước mọi người', 'ca múa', diễn hài', 'trình diễn các thứ ca kỹ', 'làm cho mọi người vui cười hoan lạc'" [2695] Còn ở trong pháp Cù-đàm này thì nói như thế nào?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này!"

Ba lần như vậy, nhưng ông vẫn hỏi thỉnh không thôi.

Phật bảo thôn trưởng;

"Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà đáp. Xưa kia ở nơi thôn này chúng sanh không lìa tham dục, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của tham dục; không lìa sân nhuế, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của sân nhuế; không lìa ngu si, bị

trói buộc bởi sự ràng buộc của ngu si. Những con hát kia ở trước mọi người trình diễn ca múa, kỹ nhạc và diễn hài làm cho mọi vui cười hoan lạc. Vậy này thôn trưởng, ngay những người vui cười hoan lạc kia, há không phải đang làm tăng trưởng sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si mê đó sao?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, thưa Cù-đàm!"

"Này thôn trưởng, thí như có người dùng giây trói ngược, rồi có người trong một thời gian dài với ác tâm muốn làm cho người này chẳng đạt được nghĩa lợi ích, không được an ổn, không được an lạc, nên thường dùng nước nhỏ lên trên sợi dây trói. Người há không bị trói càng lúc càng xiết chặt hơn sao?"

Thôn trưởng nói:

"Đúng vậy, thưa Cù-đàm!"

Phật bảo:

"Này thôn trưởng, xưa kia chúng sanh cũng lại như vậy. Không xa lìa sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si; duyên vào những cuộc giải trí vui cười, hoan lạc, làm tăng thêm sự trói buộïc ấy."

Thôn trưởng nói:

"Thật vậy, thưa Cù-đàm, những con hát này đã làm cho mọi người vui cười hoan lạc, nhưng càng làm tăng thêm sự trói buộc cho tham dục, sân nhuế và si mê mà thôi. Vì nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung được sanh về đường thiện, điều này không thể có được."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu bảo các con hát xưa kia có thể làm cho mọi người vui cười, hoan lạc, vì nhờ nghiệp duyên này mà sanh về cõi trời Hoan hỷ, thì đây là tà kiến. Nếu người nào là tà kiến, có thể sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh."

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn thương rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng:

"Cho nên, trước đây ba lần hỏi, Ta không đáp và bảo thôn trưởng thôi, chớ hỏi nghĩa này."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ. Tôi tự mình nghĩ, tại sao từ trước đến giờ mình lại để cho những sở kiến ngu si, không minh bạch, không lương thiện của bọn nghệ sĩ kia lừa dối rằng: 'Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa,… cho đến được sanh về cõi trời Hoan hỷ.' Bây giờ, tôi lại nghĩ, làm sao các nghệ sĩ ca múa, diễn kịch có thể sanh về cõi trời Hoan hỷ được?

"Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ cái nghề nghệ sĩ ác bất thiện kia, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật dạy:

"Lành thay, thôn trưởng! Đây là điều chân thật."

Sau khi thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi vui vẻ ra về.

---o0o---

KINH 908. CHIẾN ĐẤU HOẠT[2696]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có vị thôn trưởng sống về nghề chiến đấu[2697], đi đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa nói như vầy: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch; nhờ vào nghiệp báo này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục[2698].' Còn ở trong pháp của Cù-đàm, nghĩa này như thế nào?"

Phật bảo vị thôn trưởng sống về chiến đấu:

"Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này!"

Ba lần hỏi lại như vậy, ba lần cũng lại bảo thôi, nhưng vẫn cứ hỏi không thôi.

Phật bảo thôn trưởng, bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời:

“Này thôn trưởng, theo ý ông thì sao: Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, thì người này trước đó há không khởi lên tâm làm thương tổn, sát hại; muốn bắt trói, xiềng xích, đâm chém, sát hại đối với kẻ khác sao?”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Sống làm nghề chiến đấu phạm ba thứ ác tà: Hoặc về thân, hoặc miệng, hoặc ý. Vì nhân duyên ba thứ ác tà này, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục thuộc đường thiện, thì điều này không thể xảy ra!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa thấy như vầy, nói như vầy: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, nhờ vào nhân duyên này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.’ Thì đây là tà kiến, vì người tà kiến chắc chắn sẽ sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh.”

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng này buồn thương rơi lệ. Phật bảo thôn trưởng:

“Vì nghĩa này, nên trước đây ba lần Ta bảo thôn trưởng thôi đi, mà không vì ông nói.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ mà mình tự nghĩ các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa ngu si, không

lương thiện, không minh bạch, sống lâu dài trong sự lừa dối, nói rằng: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch,… cho đến được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.' Cho nên thương khóc rơi lệ. Bây giờ, tôi lại nghĩ rằng các vị sống về chiến đấu và nhờ nhân duyên ác nghiệp, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục, thì điều đó không thể xảy ra được?

"Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ các nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi thôn trưởng sống về chiến đấu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 909. ĐIỀU MÃ[2699]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng luyện ngựa[2700] đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng luyện ngựa[2701]:

"Người luyện ngựa có bao nhiêu cách?"

Thôn trưởng đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm, có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu dùng ba cách này mà vẫn không điều khiển được ngựa nữa, thì phải làm sao?"

Thôn trưởng nói:

"Thì phải giết nó."

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, bậc Điều ngự trượng phu phải dùng bao nhiêu pháp để điều ngự vị ấy?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Ta cũng dùng ba pháp để điều ngự trượng phu[2702]. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu dùng ba pháp mà không điều phục được điều ngự trượng phu thì phải làm như thế nào?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu dùng ba pháp mà vẫn không điều phục được, thì phải giết người đó. Vì sao? Vì không để cho pháp của Ta bị khuất nhục."

Trưởng thôn luyện ngựa bạch Phật rằng:

"Trong pháp của Cù-đàm, sát sanh là bất tịnh. Vậy trong pháp của Cù-đàm không cho sát hại, nhưng hôm nay lại nói rằng: 'Người nào không điều phục được, thì cũng nên giết họ?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Như những lời ông đã nói, trong pháp của Như Lai, sát sanh là bất tịnh. Như Lai không thể sát hại. Này thôn trưởng, nhưng khi Ta dùng ba pháp để điều phục trượng phu mà không điều phục được thì sẽ không nói với, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Này thôn trưởng, nếu Như Lai khi điều ngự trượng phu mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?"

Thôn trưởng luyện ngựa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự trượng phu, mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thì thật sự đã sát hại rồi. Cho nên từ nay tôi xin

từ bỏ nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng luyện ngựa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 910. HUNG ÁC[2703]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có một thôn trưởng hung ác đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Vì không tu pháp gì, nên sanh sân nhuế đối với người khác; do đã sanh sân nhuế, nên miệng nói lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác tánh[2704]?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì không tu chánh kiến nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh. Vì không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy đặt tên là Ác Tánh.”

Lại hỏi Thế Tôn:

“Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện[2705]?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện,

chánh niệm, chánh định, nên không sân đối với người khác; do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện."

Thôn trưởng hung ác bạch Phật:

"Lạ thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu Chánh kiến, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Cho nên từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng hung ác, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 911. MA-NI CHÂU KẾ[2706]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế[2707], đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: 'Thế nào, Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là tịnh hay bất tịnh?' Trong các đại thần có người nói: 'Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.' Lại có vị nói: 'Không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.'

"Bạch Thế Tôn, vị nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là do nghe từ Phật hay là tự ý họ nói ra? Họ nói ra những lời này là tùy thuận pháp hay là không tùy thuận, là lời nói chân thật hay là lời nói hư vọng? Những lời nói như vậy không bị rơi vào chỗ đáng bị chỉ trích chăng?"

Phật bảo thôn trưởng:

“Đó là những lời nói chẳng phải chân thật, chẳng phải pháp, chẳng phải tùy thuận, đáng bị chỉ trích. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử mà tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là không thanh tịnh. Cho nên, nếu người nào tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu cho mình, thì chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Kỳ thay, Thế Tôn! Sa-môn Thích tử nhận và chứa vàng bạc của báu, là chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử. Đây là lời nói chân thật.

“Bạch Thế Tôn, vị nói lời này làm tăng trưởng thắng diệu, tôi cũng nói như vầy: ‘Sa-môn Thích tử không được tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu Sa-môn Thích tử mà nhận và cất chứa vàng bạc, trân báu cho là thanh tịnh, thì năm dục công đức ắt phải thanh thịnh!”

Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Đức Thế Tôn, sau khi biết thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi rồi, bảo Tôn giả A-nan:

“Nếu có Tỳ-kheo nào hiện đang nương vào vườn Trúc, khu Ca-lan-đà mà ở, thì hãy triệu tập hợp tất cả tại nhà ăn.”

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thông báo cho các Tỳ-kheo hiện còn đang ở đây, tập trung đến nhà ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung rồi, Tôn giả đến bạch Thế Tôn:

“Các Tỳ-kheo đã tập trung tại nhà ăn rồi. Xin Thế Tôn biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Hôm nay có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi đến chỗ Ta, nói như vầy: ‘Trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng:

Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, có phải là thanh tịnh không? Trong đó có vị nói là thanh tịnh, có vị nói là không thanh tịnh. Vậy nay xin hỏi Thế Tôn, vị nói thanh tịnh là được nghe từ Phật nói hay tự mình nói dối.' Như đã nói đầy đủ ở trên. Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

"Này các Tỳ-kheo, trong khi quốc vương, đại thần cùng nhau hội họp bàn luận, thì thôn trưởng Ma-ni Châu Kế này nói như sư tử rống ở trước mọi người là: 'Sa-môn Thích tử không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc, của báu.'

"Này các Tỳ-kheo, từ hôm nay các ông cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Cẩn thận chớ nên vì mình mà nhận lấy vàng bạc và các thứ vật báu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 912. VƯƠNG ĐẢNH[2708]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên ao Yết-già tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có thôn trưởng Vương Đảnh[2709] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng Vương Đảnh:

"Hiện nay chúng sanh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phàm phu, tục tử quê mùa thấp kém. Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

"Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, tục tử, quê mùa thấp kém. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

"Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu tục tử quê mùa thấp kém? Là có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách lạm chiếm một cách bất hợp pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; cũng không tùy thời cúng

dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

"Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp lạm chiếm tài vật một cách bất hợp pháp để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

"Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp tìm cầu tài vật chứ không bằng lạm chiếm để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

"Này thôn trưởng, Ta không nhất thiết nói bình đẳng trong hưởng thụ dục lạc, mà Ta nói người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

"Thế nào là hạng thấp kém, hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp,… cho đến chẳng cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc.

"Thế nào là hạng trung bình, hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp mà tìm cầu tài vật một cách bất hợp pháp,… cho đến chẳng mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

"Thế nào là hạng người, Ta nói hơn người, hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp để tìm cầu tài vật,… cho đến đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

"Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ chẳng phải pháp, bất chính, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ

vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Này thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà hiện tại vẫn không thể[2710] xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém? Nếu họ tự làm khổ ban đầu mới phạm giới, mới làm ô nhiễm giới,… cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Nếu họ tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,… cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Nếu họ tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,… cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn người.

"Này thôn trưởng, đó gọi là ba hạng người tự làm khổ mình, cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

"Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa đến[2711] ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu tục tử, quê mùa thấp kém; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình, mà cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

"Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thọ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

"Này thôn trưởng, vì bị dục tham làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế, ngu si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Đối trong hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

"Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến,… cho đến chánh định."

Trong lúc Đức Thế Tôn đang nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Sau khi thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con đã được độ, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay đến hết đời con xin làm Ưu-bà-tắc."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 913. KIỆT ĐÀM[2712]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành giữa những người Lực sĩ[2713], đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù[2714], trú xứ của Uất-bệ-la. Bấy giờ có thôn chủ Kiệt[2715]-đàm[2716] nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành giữa những người Lực sĩ, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù, trú xứ của Uất-bệ-la. Ngài nói về sự tập khởi của

khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại[2717]. Ông nghĩ: 'Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu ta đến thì chắc Sa-môn Cù-đàm sẽ vì ta mà nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.' Sau đó ông liền đến thôn Uất-bệ-la và đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, tôi nghe Thế Tôn thường vì người nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại. Lành thay! Thế Tôn vì tôi nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu Ta nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ quá khứ, Ta biết đối với điều đó ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích[2718]. Nay ông có khổ không? Nếu Ta nói về khổ vị lai, đối với điều đó Ta biết ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích. Nay ông có khổ không? Hôm nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

"Này thôn trưởng, tất cả những khổ phát sanh mà chúng sanh có, tất cả đều do dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục làm nhân, dục làm duyên mà khổ phát sanh."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp quá sơ lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi có chỗ không hiểu. Lành thay, Thế Tôn! Xin nói đầy đủ hơn cho chúng tôi được hiểu."

Phật bảo thôn trưởng:

"Bây giờ Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Này thôn trưởng, ý ông thế nào, nếu chúng sanh ở thôn Uất-bệ-la này hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị khiển trách, hoặc bị giết, tâm ông có khởi buồn thương khổ não không?"

Thôn trưởng bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cũng không nhất thiết là vậy! Nếu mọi người sống ở thôn Uất-bệ-la này đối với tôi mà có dục, có tham, có ái, có nghĩ, gần gũi nhau, mà gặp khi họ hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị trách, hoặc bị giết, thì tôi

sẽ cảm thấy buồn thương khổ não. Còn nếu những người kia đối với tôi mà không có dục, không có tham, không có ái, không có nghĩ và gần gũi nhau; khi gặp họ bị trói, đánh, trách, giết, thì làm sao tôi có thể sanh lòng buồn thương khổ não được?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên ông phải biết, mọi cái khổ của chúng sanh được phát sanh, tất cả chúng đều do từ dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ.

“Này thôn trưởng, ýù ông thế nào? Nếu ông cùng cha mẹ nuôi[2719] mà không gặp[2720] nhau, thì có sanh lòng tham dục thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, không!”

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu hoặc thấy, hoặc nghe cha mẹ nuôi, ông có sanh lòng dục, thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy!”

Lại hỏi:

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu cha mẹ nuôi kia bị vô thường biến khác, ông có sanh lòng buồn thương khổ não không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy! Nếu cha mẹ nuôi bị vô thường biến khác, thì tôi sẽ khổ đến gần chết được, đâu phải chỉ buồn thương khổ não!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên ông phải biết, nếu các chúng sanh có được cái khổ phát sanh, thì tất cả đều do ái dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ.”

Thôn trưởng nói:

“Lạ thay! Thế Tôn đã khéo nói thí dụ về cha mẹ nuôi như vậy. Tôi có cha mẹ nuôi, nhưng sống tại nơi khác[2721]. Hằng ngày tôi sai người thăm hỏi, vấn an sức khỏe thế nào. Khi họ đi chưa về tôi đã lấy làm lo lắng khổ sở, huống chi là lại bị vô thường mà không lo lắng khổ đau sao được!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên Ta nói mọi lo khổ của chúng sanh, tất cả đều do dục làm gốc rễ: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra lo khổ.”

Phật bảo thôn trưởng tiếp:

“Nếu có bốn ái niệm, mà bị vô thường biến khác, thì sẽ phát sanh ra bốn ưu khổ. Nếu có một hoặc hai, ba ái niệm bị vô thường biến khác, sẽ phát sanh một hoặc hai, ba ưu khổ.

“Này thôn trưởng, nếu tất cả đều không có ái niệm, sẽ không có trần lao ưu khổ.”

Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu không có ái niệm thế gian,

Thì không lo trần lao ưu khổ;

Tiêu diệt hết tất cả ưu khổ,

Giống như hoa sen không dính nước.

Trong khi Phật nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi mọi nghi hoặc, không nhờ vào người khác, không do người khác độ, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật; từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, đã siêu việt, bạch Thế Tôn, từ hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo; suốt đời con làm Ưu-bà-tắc. Xin Ngài nhớ nghĩ gia hộ con.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Kiệt-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 914. ĐAO SƯ THỊ (1)[2722]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người xin đồ ăn dư[2723], du hành trong nhân gian; đi khắp từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, đến trong vườn Hảo y Yêm-la, thôn Na-la[2724], nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ có thôn trưởng đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thị[2725] đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị:

"Ông có thể dùng 'Tật-lê luận[2726]' bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?"

Thôn trưởng thưa:

"Thưa thầy, thế nào là luận thuyết 'Tật-lê luận' có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?"

Ni-kiền bảo thôn trưởng rằng:

"Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vầy: 'Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi, Ngài thường có mong ước như vậy và nói như vậy phải không?' Nếu trả lời cho ông là không, thì ông nên hỏi rằng: 'Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?' Nếu trả lời là 'Có mong ước và có nói,' thì ông nên hỏi lại rằng: 'Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhân gian dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau.' Thôn trưởng, như vậy gọi là 'Tật-lê luận', sẽ làm cho

Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị vâng lời dạy bảo của Ni-kiền đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi không?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy.”

Thôn trưởng nói:

“Nếu như vậy, thì tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khất thực trong nhân gian và dẫn theo đông đảo đại chúng,… cho đến trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ta nhớ chín mươi mốt kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Này thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyến thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa[2727], nên được phước lợi này. Này thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Này thôn trưởng, Ta nói vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ ác kiến, thì cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sanh vào trong địa ngục.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi, vì con như ngu như si, không tốt, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đao Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 915. ĐAO SƯ THỊ (2)[2728]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đao Sư Thị, trước đây là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Ni-kiền bảo thôn trưởng:

"Ông có thể dùng 'Tật-lê luận' bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?"

Thôn trưởng thưa Ni-kiền:

"Thưa thầy[2729], thế nào là luận thuyết 'Tật-lê luận' có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?"

Ni-kiền bảo thôn trưởng:

"Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: 'Cù-đàm không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh phải không?' Nếu nói là không, thì ông nên nói rằng: 'Vậy, Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?' Nếu trả lời là thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh, thì ông nên hỏi lại rằng: 'Nếu muốn an ủi tất cả chúng sanh, vậy thì vì sao chỉ vì một hạng người này nói pháp mà không vì một hạng người kia mà nói pháp?' Hỏi như vậy thì đó gọi là 'Tật-lê luận' sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được."

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị được sự khuyến khích của Ni-kiền rồi, đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, Ngài há không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Lúc nào Như Lai cũng thương xót, an ủi tất cả chúng sanh và lúc nào cũng khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh."

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Nếu như vậy, thì tại sao Như Lai chỉ vì một hạng người này nói pháp, mà không vì một hạng người kia nói pháp?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Bây giờ, Ta hỏi ông, ông cứ tùy ý mà đáp cho Ta.

"Này thôn trưởng, thí như có ba loại ruộng: Loại ruộng thứ nhất thì mầu mỡ, phì nhiêu; loại ruộng thứ hai thì trung bình; loại ruộng thứ ba thì cằn cỗi.

"Thế nào thôn trưởng, người chủ của những đám ruộng kia, trước tiên cày bừa, gieo giống vào đám ruộng nào?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, trước tiên là phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng mầu mỡ phì nhiêu nhất."

"Này thôn trưởng, kế đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, kế đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng trung bình."

Phật bảo thôn trưởng:

"Kế đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?"

Thôn trưởng thưa:

“Kế đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng cằn cỗi xấu nhất.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì sao như vậy?”

Thôn trưởng thưa:

“Vì họ không muốn bỏ phế ruộng chỉ giữ lại giống mà thôi!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ta cũng như vậy, như đám ruộng mầu mỡ, phì nhiêu kia, các Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ mà giảng nói Chánh pháp, lúc đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp rồi, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và tự nghĩ như vầy: ‘Những pháp mà Phật đã nói ra, ta đều thọ trì, luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích và sống an ổn an vui.’

“Này thôn trưởng, như đám ruộng trung bình kia, các đệ tử Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di của Ta cũng lại như vậy. Ta cũng vì họ giảng nói Chánh pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp xong, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, mà lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và nghĩ như vầy: ‘Những pháp Thế Tôn đã nói ra ta đều thọ trì luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích, sống an ổn, an lạc.

“Này thôn trưởng, như đám ruộng xấu nhất của nhà nông kia, cũng vậy, Ta vì các dị học ngoại đạo Ni-kiền Tử, cũng vì họ mà nói pháp, pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Song đối với những người ít nghe pháp, Ta cũng vì họ mà nói và những người nghe pháp nhiều Ta cũng vì họ mà nói. Nhưng trong số những người này, đối với việc khéo nói pháp của Ta, đạt được một câu pháp mà biết được ý nghĩa của nó, thì cũng lại nhờ nghĩa lợi này mà sống yên ổn an lạc mãi mãi.”

Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật:

“Thật là kỳ diệu, Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại ruộng như vậyï.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ông hãy lắng nghe Ta cho thí dụ khác: Như một người có ba loại đồ vật đựng nước: loại thứ nhất không bị thủng, không bị hư, cũng không bị thấm rỉ; loại thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ; loại thứ ba thì vừa bị thủng, vừa bị hư, lại vừa bị thấm rỉ nữa.

“Thế nào, thôn trưởng, trong ba loại đồ đó người kia sẽ chọn loại nào để đựng nước sạch?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, trước hết là nên dùng loại không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Tiếp đến lại nên dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, kế đến nên đem loại không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Hai loại kia đã đầy rồi, sau cùng lại dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Sau cùng phải dùng loại vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ để đựng nước thôi! Vì sao? Vì chỉ tạm thời dùng vào việc nhỏ trong chốc lát.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Giống như loại đồ của người kia không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường

vì họ giảng nói Chánh pháp,… cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

"Giống như loại đồ thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng lại bị thấm rỉ, các đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,… cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

"Giống như loại đồ thứ ba vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ; các đệ tử dị học ngoại đạo của Ni-kiền lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng, dù nhiều hay ít Ta cũng vì họ mà nói. Nếu đối với một câu nói pháp của Ta mà họ biết được nghĩa của nó, thì cũng được sống an ổn, an vui mãi mãi."

Lúc thôn trưởng Đao Sư Thị nghe những gì Phật nói, tâm sợ hãi vô cùng, lông toàn thân dựng đứng lên, liền đến trước Phật lễ dưới chân, sám hối những lỗi lầm:

"Bạch Thế Tôn, con như ngu, như si, không tốt, không hiểu biết; đối với Thế Tôn con đã nói những lời lừa dối hư trá không chân thật."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 916. ĐAO SƯ THỊ (3)[2730]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đao Sư Thị đệ tử của Ni-kiền, đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo thôn trưởng:

"Ông muốn bàn luận về những vấn đề gì? Ni-kiền Nhã-đề Tử đã nói những gì?"

Thôn trưởng nói:

"Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó[2731]. Cũng vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu như Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó. Nếu vậy, sẽ không có chúng sanh đọa vào trong địa ngục! Vậy này thôn trưởng, ý ông thế nào? Những chúng sanh nào bất cứ lúc nào cũng có tâm sát sanh? Lúc nào họ lại có tâm không sát sanh,… cho đến lúc nào có tâm nói dối, lúc nào có tâm không nói dối?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, đối với ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sanh,… cho đến ít khi có tâm nói dối, mà phần nhiều là không có tâm sát sanh,… cho đến nói dối."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu như vậy, há chẳng phải không có người đọa vào trong địa ngục sao? Như những gì Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó,… cho đến nói dối cũng lại như vậy.'

"Này thôn trưởng, bậc Đại Sư kia, xuất hiện ở thế gian, bằng giác tưởng suy lường, nhập vào cõi giác tưởng mà an trú; đối với địa vị phàm phu tự đặt những điều được nói, nói, suy lường theo ý riêng, vì các đệ tử mà nói pháp như vầy: 'Ai sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó,… cho đến nói dối cũng lại như vậy.' Các đệ tử của vị ấy, nếu tin vào những lời nói ấy, cho rằng: 'Đại Sư của ta biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, có thể vì các đệ tử nói như vầy: 'Nếu ai sát sanh thì tất cả đều đọa vào trong địa ngục vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó.' Ta vốn có tâm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối nên sẽ bị đọa vào trong địa ngục.' Vì mắc vào tri kiến như vậy,… cho đến không bỏ được tri kiến này, nên chẳng chán cái nghiệp kia, chẳng biết hối cải nó; và đối với đời vị lai cũng chẳng bỏ được sát sanh,… cho đến chẳng bỏ được nói dối. Ý giải thoát[2732] của họ không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ; vì ý giải thoát đã không đầy đủ, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên đó là tà kiến

hủy báng Hiền thánh. Vì nhân duyên tà kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong đường ác địa ngục.

"Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên chúng sanh phiền não[2733]; có nhân, có duyên mà nghiệp của chúng sanh phiền não[2734].

"Này thôn trưởng, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, thường vì chúng sanh mà quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh; quở trách việc trộm cắp, tà dâm, nói dối, mà khen ngợi việc không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và thường đem pháp này giáo hóa, nhắc nhở lại các bậc Thanh văn làm cho tin ưa, nhớ đến là: 'Đại Sư của ta biết rõ những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, nên quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh,… cho đến quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước tới nay, vì ta ngu si không có trí tuệ nên có tâm sát sanh, do đó nên nay ta tự ăn năn trách mình.' Tuy không thể làm cho những nghiệp kia không sanh khởi nữa, nhưng nhờ vào sự ăn năn tự trách này, mà đời vị lai xa lìa được sát sanh,… cho đến xa lìa được trộm cắp, tà dâm, nói dối và cũng được chánh ý giải thoát đầy đủ, tuệ giải thoát đầy đủ. Khi ý giải thoát, tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi, sẽ không còn hủy báng Hiền thánh nữa, thành tựu được chánh khiến. Vì nhờ chánh kiến nên được sanh về đường lành ở cõi trời.

"Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên khiến nghiệp của chúng sanh phiền não hay thanh tịnh.

"Này thôn trưởng, Thánh đệ tử đa văn kia phải học như vầy: 'Tùy theo ngày đêm mà quán sát biết có tâm sát sanh khởi ít, biết có tâm không sát sanh khởi nhiều. Nếu có tâm sát sanh, thì sẽ ăn năn tự trách mình là chẳng đúng, chẳng tốt. Nếu không có tâm sát sanh, thì sẽ không có sự oán thù, tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, hoan hỷ sanh. Do hoan hỷ sanh, tâm khinh an. Do tâm khinh an, tâm cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc, tâm định. Do tâm định, tâm của vị Thánh đệ tử câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, bao trùm cả một phương, an trụ chánh thọ. Từ hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn bên trên, dưới khắp cả thế gian tâm đều câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, nếu khéo tu tập đầy khắp các phương, an trụ chánh thọ đầy đủ."

Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay quệt một tí đất rồi bảo thôn trưởng Đao Sư Thị rằng:

"Thế nào thôn trưởng, đất trong móng tay Ta là nhiều hay đất đại địa nhiều?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay rất là ít so với đất đại địa vô lượng vô số."

Phật bảo thôn trưởng:

"Như đất đã quệt ở trên là quá ít so với số đất đại địa vô lượng. Cũng vậy, đối với người tu tập tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, các nghiệp có số lượng như đất đã quệt ở trên, không thể mang đi, không thể khiến trụ. Cũng vậy, nếu dùng tâm Bi để đối trị với trộm cắp, dùng tâm Hỷ để đối trị với tà dâm, dùng tâm Xả để đối trị với nói dối, thì sẽ không so sánh được!"

Trong khi Phật nói những lời này, thôn trưởng Đao Sư Thị, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, xa lìa các nghi hoặc, không do người khác, không theo người khác, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật. Từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối bên hữu sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thế Tôn, con đã siêu việt! Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, suốt đời con xin làm Ưu-bà-tắc. Thí như người muốn tìm đèn sáng, lấy đuôi ngựa làm tim đèn, muốn thổi cho lửa bừng lên, nhưng cuối cùng không được sáng, cũng chỉ tự làm mệt mình chứ đèn thì không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền Tử ngu si, mà gần gũi với ngu si, hòa hợp với ngu si, phụng sự một cách ngu si, cũng chỉ tự làm khổ mệt mình, chứ không bao giờ được minh trí. Cho nên, hôm nay lần thứ hai con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi, đối với Ni-kiền Tử ngu si, không tốt, không hiểu biết kia ít tin, ít kính, ít quý mến, ít nhớ đến, nay xa lìa họ. Thế nên, hôm nay lần thứ ba con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, nguyện suốt đời làm Ưu-bà-tắc, tự làm sạch tâm mình."

Sau khi thôn trưởng Đao Sư Thị nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 917. TAM CHỦNG ĐIỀU MÃ[2735]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa để điều phục[2736]. Những gì là ba? Có loại nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sắc hoàn toàn, nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng người điều phục được. Những gì là ba? Có hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể cũng đầy đủ.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không toàn vẹn, hình thể không đầy đủ, không điều phục được? Hạng người biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Quán như vậy mà đoạn tận ba kết: thân kiến, giới thủ và nghi. Đoạn tận ba kết này thì được Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác; chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ. Đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật mà không thể dùng lời nói, ý nghĩa đầy đủ để theo đó thứ tự trình bày đầy đủ, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, mà cảm hóa đến những thứ như: y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không đầy đủ và hình thể không đầy đủ.

"Thế nào gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có người hỏi về Luận, Luật... *cho đến* có thể vì họ mà giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào gọi là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, nên không thể cảm hóa đến: y phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ.

“Thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, thì đó gọi là nhạy bén hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Những gì là hình thể đầy đủ? Đức lớn, tiếng tăm,... *cho đến* ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là hình thể đầy đủ; và đó cũng gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 918. THUẬN LƯƠNG MÃ[2737]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa tốt. Những gì là ba? Có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ. Ở trong Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiệân nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.

“Thế nào là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế, biết như thật về sự Tập khởi khổ Thánh đế, biết như thật về sự Diệt tận khổ Thánh đế, biết như thật về Con đường đưa đến sự Diệt tận khổ Thánh đế. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, trừ được năm hạ phần kết sử đó là: thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế. Sau khi đã đoạn được năm hạ phần kết sử này rồi thì được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật mà không có khả năng hiểu rõ hình thức cũng như ý nghĩa của nó để theo đó lần lượt quyết định giải nói, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường,

y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* đạt được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật, có khả năng đem văn nghĩa lần lượt tùy thuận quyết định mà giải nói, thì đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể chẳng đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, thì đó gọi là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* chứng đạt Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn sanh trở lại cõi đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* mà vì họ giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể đầy đủ? Là tiếng tăm, đức lớn có khả năng cảm hóa tài lợi,... *cho đến* các loại thuốc men, thì đó gọi là hình thể đầy đủ, đó cũng gọi là hành thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Sau khi Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ vâng làm.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 33

KINH 919[2738]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa hay. Những gì là ba? Có loại ngựa có đủ sự nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể. Cũng vậy, ở trong Pháp luật này có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam có đủ nhanh

nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ tập Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ diệt Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế'. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là chẳng có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật[2739],... *cho đến* không thể vì người mà giải nói, đó gọi là chẳng có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* chẳng cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là chẳng có đủ hình thể, hay đó cũng gọi là thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhạy. Thế nào là có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến*không thể cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là sắc có đủ? Hàng thiện nam nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ hình thể? Hàng thiện nam tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến*thể cảm hóa thuốc men các loại, đó gọi có đủ hình thể, hay đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 920. TAM[2740]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa tốt được vua dùng để kéo xe. Những gì là ba? Loại ngựa tốt có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn. Cũng vậy, ở Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam, là nơi thế gian phụng sự, cúng dường cung kính, là ruộng phước trên hết. Những gì là ba? Hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.

"Thế nào là có đủ sắc? Là hàng thiện nam sống an trụ tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, có đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế thường phát sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ lực? Đối với pháp ác bất thiện đã sanh khiến đoạn diệt, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh không cho sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện chưa sanh khiến sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện đã sanh, an trụ không cho mất, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đó gọi là có đủ lực. Thế nào là có đủ nhanh nhẹn? Là biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế',... *cho đến* đạt được A-la-hán, không còn tái sanh đời sau nữa, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn, hay gọi là hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 921. TỨ[2741]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ngựa tốt thế gian có đủ bốn năng lực[2742], nên biết chúng được vua dùng để kéo xe. Những gì là bốn? Đó là khôn ngoan[2743], nhanh nhẹn, kham năng,

thuần tánh[2744]. Cũng vậy, hàng thiện nam thành tựu bốn đức, được thế gian tôn trọng, phụng sự cúng dường, là đám ruộng phước trên hết. Những gì là bốn? Là thiện nam thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân vô học và giải thoát thân vô học."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 922. TIÊN ẢNH[2745]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi liền chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Này Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gậy chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thế gian.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gậy đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái, này Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đả thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển, đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thế gian.

"Cũng vậy, trong Chánh pháp luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng

giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết; nghe vậy liền phát sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, thì có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử mà sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng chính tự thân bị khổ vì lão bệnh tử mới sanh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, thì đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 923. CHỈ-THI[2746]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có người luyện ngựa tên là Chỉ-thi[2747] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Con coi thế gian thật là đáng khinh miệt, giống như bầy dê. Thế Tôn! Chỉ có con mới có khả năng điều phục ngựa điên, ngựa hoang, ngựa dữ. Con có phương pháp, chỉ cần trong giây lát là có thể khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo tật đó mà có cách điều phục.”

Phật bảo chủ tụ lạc luyện ngựa:

“Ông có bao nhiêu cách để điều phục ngựa?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Có ba cách để điều phục ngựa dữ. Những gì là ba? Một là mềm dịu, hai là thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật bảo chủ tụ lạc:

“Ông dùng ba phương cách này để điều phục ngựa, nếu không điều phục được, thì nên làm thế nào.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Nếu không điều phục được, thì nên giết nó. Vì sao? Vì chớ để nó làm nhục mình.”

Người luyện ngựa lại bạch Phật:

“Thế Tôn là Bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu[2748]. Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều ngự trượng phu?”

Phật bảo chủ tụ lạc:

“Ta cũng dùng ba cách để điều phục trượng phu. Những gì là ba? Một là một mực mềm dịu, hai là một mực thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật bảo tiếp chủ tụ lạc:

“Một mực mềm dịu là, như nói rằng: ‘Đây là thiện hành của thân; đây là quả báo của thân thiện hành. Đây là thiện hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý thiện hành. Đây gọi là trời. Đây gọi là người. Đây gọi là sự hóa sanh nơi cõi thiện. Đây gọi là Niết-bàn’. Đó gọi là một mực mềm dẻo.

“Một mực thô cứng là, như nói: ‘Đây là ác hành của thân; đây là quả báo của thân ác hành. Đây là ác hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý các hành. Đây gọi là địa ngục. Đây gọi là ngạ quỷ. Đây gọi là súc sanh. Đây gọi là ác thú. Đây gọi là đọa ác thú’. Đó là sự giáo hóa thô cứng của Như Lai.

“Vừa mềm dịu vừa thô cứng là có lúc thiện hành của thân; có lúc nói quả báo của thiện hành của thân. Có lúc nói thiện hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo thiện hành của miệng, ý. Có lúc nói ác hành của thân; có lúc nói quả báo ác hành của thân. Có lúc nói ác hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo ác hành của miệng, ý. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, ngạ quỷ, như vậy gọi là đường ác, như vậy gọi là đọa đường ác.’ Đó gọi là sự giáo hóa vừa mềm dịu vừa thô cứng của Như Lai.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thế Tôn! Nếu dùng ba phương pháp này để điều phục chúng sanh, nhưng nếu không điều phục được thì phải như thế nào?”

Phật bảo chủ tụ lạc:

“Cũng phải giết họ đi. Vì sao? Vì không nên để họ làm nhục Ta.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Đối với pháp của Thế Tôn, nếu sát sanh thì không thanh tịnh. Trong pháp của Thế Tôn cũng không cho sát sanh, mà nay lại bảo giết, vậy ý nghĩa của nó thế nào?”

Thế Tôn bảo chủ tụ lạc:

“Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp của Như Lai sát sanh là không thanh tịnh; trong pháp của Như Lai cũng không cho sát sanh. Nhưng trong pháp của Như Lai nếu dùng ba phương pháp để giáo dục, vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa. Chủ tụ lạc, ý ông thế nào? Trong pháp Như Lai, không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa, há không phải là giết sao?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, không nói đến họ, vĩnh viễn không dạy, không nhắc nữa thì đích thị họ đã chết rồi! Vì vậy cho nên, từ ngày hôm nay tôi lìa các nghiệp ác bất thiện.”

Phật bảo chủ tụ lạc:

“Lành thay những lời này!”

Người chủ tụ lạc luyện ngựa Chỉ-thi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

---o0o---

KINH 924. HỮU QUÁ[2749]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngựa thế gian có tám cách thái[2750]. Những gì là tám? Khi ngựa dữ kéo xe, thì chân sau đá người, chân trước quỳ xuống đất, đầu lúc lắc, cắn người. Đó gọi là cách thái thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ kéo xe, cúi đầu xuống làm rung ách. Đó gọi là cách thái thứ hai của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe thì mang xe xuống lề đường mà đi, hoặc làm cho xe nghiêng khiến cho nó bị lật. Đó gọi là cách thái thứ ba. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, ngẩng đầu lên mà chạy đi. Đó gọi là cách thái thứ tư của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, mới bị ít roi gậy, thì hoặc làm cho đứt dây cương, hay bứt dàm, chạy ngang chạy dọc. Đó gọi là cách thái thứ năm. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, giơ hai chân trước lên làm như người đứng. Đó là cách thái thứ sáu. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, phải dùng roi gậy mới chịu đứng yên, không động. Đó là cách thái thứ bảy. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, bốn chân chụm lại, phục sát đất không chịu đứng lên. Đó gọi là cách thái thứ tám.

“Con người dữ[2751] của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo, khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: ‘Thầy ngu si, không biết, không tốt. Người ta vừa cử tội thầy, sao thầy lại cử tội tôi?’ Như con ngựa dữ kia hai chân sau chõi lui, hai chân trước quỵ

xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; nhưng không dùng lời đứng đắn đáp lại, mà nói sang chuyện khác, hay không nhẫn, sân nhuế, kiêu mạn, che giấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; khiến cho người kia nhớ lại, nhưng lại nói rằng: ‘Tôi chẳng nhớ’ ngang ngạnh không phục, như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; bèn khinh miệt, không kể gì đến người khác, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi, như ngựa dữ kia bị ăn roi gậy, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp, để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gậy vẫn trơ trơ không động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sanh thoái thất, đến trước cửa chùa nói rằng: ‘Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc, tôi tự xả giới lui về,’ như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh pháp luật.

Đó gọi là Tỳ-kheo đối trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi lầm của con người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 925. BÁT CHỦNG ĐỨC[2752]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ngựa tốt ở thế gian thành tựu được tám đức, theo ý muốn của người, đi đường nhiều ít[2753]. Những gì là tám? Sanh nơi quê hương của giống ngựa tốt[2754]. Đó là đức thứ nhất của ngựa tốt.

"Lại nữa, thể tánh ôn hòa, không làm người kinh sợ[2755]. Đó là đức thứ hai của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt không lựa chọn đồ ăn thức uống. Đó là đức thứ ba của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt ghê tởm chỗ nhơ không sạch, chọn đất sạch để nằm. Đó là đức thứ tư của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt luôn thể hiện tính tình thái độ nhạy cảm trước người huấn luyện[2756], Mã sư sẽ luyện tập cho nó bỏ những thái độ này. Đó là đức thứ năm của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe, sẽ không để ý những con ngựa khác; tùy cỗ xe nặng nhẹ mà tận dụng sức lực của mình. Đó là đức thứ sáu của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt thường theo đường chánh, không đi lạc đường. Đó là đức thứ bảy của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt dù bị bệnh, hoặc già yếu vẫn gắng sức kéo xe không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của ngựa tốt.

"Cũng vậy, trượng phu[2757] trong Chánh pháp luật cũng thành tựu được tám đức, nên biết đó là bậc Hiền sĩ[2758]. Những gì là tám? Bậc Hiền sĩ an trụ

chánh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa[2759], có đủ oai nghi hành xử; thấy tội vi tế thường sanh lòng sợ hãi, giữ gìn học giới. Đó là đức thứ nhất của trượng phu trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, trượng phu tính tự hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng làm phiền, không làm sợ hãi phạm hạnh khác. Đó là đức thứ hai của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu đi khất thực, theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không hiềm, không đắm trước. Đó là đức thứ ba của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu sanh tâm yểm ly các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, các pháp ác bất thiện, cùng các phiền não, chúng dẫn đến thọ nhận các báo khổ nhiệt não nhiều lần; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai lại càng yểm ly. Đó là đức thứ tư của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu nếu có lỗi lầm của Sa-môn, mà quanh co, không chân thật, hãy nhanh chóng trình lên Đại Sư và thiện tri thức; Đại Sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt[2760]. Đó là đức thứ năm của vị trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu tâm cầu học có đủ, nghĩ như vầy: 'Giả sử người khác có học hay không học, ta cũng phải học. Đó là đức thứ sáu của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu thực hành tám Chánh đạo, chẳng thực hành phi đạo. Đó là đức thứ bảy của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của trượng phu.

"Trượng phu thành tựu tám đức như vậy, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến triển nhanh chóng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 926. SẮN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN[2761]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Thâm cốc tại làng Na-lê[2762]. Bấy giờ Thế Tôn bảo Sằn-đà Ca-chiên-diên[2763]:

"Nên tu thiền chân thật, chớ tập thiền ngang ngạnh[2764]. Như ngựa ngang ngạnh, cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó không nghĩ: 'Ta phải làm gì? Ta không phải làm gì?' mà chỉ nghĩ đến thóc và cỏ. Cũng vậy, trượng phu tu tập nhiều với tham dục triền[2765], cho nên, vị kia bằng tâm tham dục mà tư duy, không biết như thật con đường xuất ly[2766], tâm thường rong ruỗi, tùy theo tham dục triền mà cầu chánh thọ. Đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, tuy tu tập nhiều, cho nên, đối với đạo xuất ly không biết như thật; với tâm bị trùm kín bởi nghi[2767] mà tư duy để cầu chánh thọ.

"Này Sằn-đà, nếu thật là ngựa thuần giống[2768] thì khi cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó chẳng nghĩ đến cỏ, nước, mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, trượng phu không niệm tưởng tham dục triền mà an trụ[2769], biết như thật sự xuất ly; không với tham dục triền mà cầu chánh thọ; cũng không bị quấn chặt bởi sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, mà phần nhiều an trụ vào xuất ly; biết như thật về các triền sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; không với nghi triền mà cầu chánh thọ.

"Như vậy, Sằn-đà, Tỳ-kheo thiền như vậy không y cứ vào đất tu thiền, không y cứ vào nước, gió, lửa, không, thức, vô sở hữu, phi tưởng phi phi tưởng mà tu thiền; không y cứ vào thế giới này, không y cứ vào thế giới khác, không phải mặt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải đắc, không phải cầu, không phải tùy giác[2770], không phải tùy quán mà tu thiền. Này Sằn-đà, nếu Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, những Thiên chủ Y-thấp-ba-la[2771], Ba-xà-ba-đề[2772] đều cung kính, chắp tay, cúi đầu, làm lễ mà nói kệ tán thán:

Nam-mô Đại sĩ phu!

Nam-mô Đại sĩ phu!

Vì tôi không thể biết,

Ngài nương đâu mà thiền!

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng sau Phật cầm quạt hầu Phật. Bạt-lợi-ca liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo làm sao nhập thiền mà không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... *cho đến* giác quán mà tu thiền định? Làm sao Tỳ-kheo tu thiền được những Thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba-đề chắp tay, cung kính, cúi đầu, làm lễ và nói kệ tán thán:

Nam-mô Đại sĩ phu!

Nam-mô Đại sĩ phu!

Vì tôi không thể biết,

Ngài nương đâu mà thiền!

Phật bảo Tỳ-kheo Ba-lợi-ca:

"Tỳ-kheo, đối với địa tưởng có thể điều phục địa tưởng[2773], đối với thủy, hỏa, phong tưởng, Vô lượng không nhập xứ tưởng, Thức nhập xứ tưởng, Vô sở hữu xứ nhập xứ tưởng, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ tưởng; thế giới này, thế giới khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, cảm, biết; hoặc đắc, hoặc cầu, hoặc giác, hoặc quán, đều điều phục các tưởng kia.

"Này Bạt-ca-lợi, Tỳ-kheo tu thiền như vậy, không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... *cho đến* không y cứ vào giác, quán để tu thiền. Này Bat-lợi-ca, Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, thì các Thiên chủ Y-thấp-bà-la, Ba-xà-ba-đề đều cung kính, chắp tay, cúi đầu làm lễ và nói kệ tán thán:

Nam-mô Đại sĩ phu!

Nam-mô Đại sĩ phu!

Vì tôi không thể biết,

Ngài nương đâu mà thiền!

Khi nghe Phật nói kinh này, thì Tỳ-kheo Sằn-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Bạt-lợi-ca không còn khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 927. ƯU-BÀ-TẮC[2774]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ[2775]. Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam[2776] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc[2777]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Có đủ tướng người nam, ở tại gia, sống trong sạch, tu tập thanh bạch, nói rằng: 'Nay, suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!' Đó gọi là Ưu-bà-tắc.

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có đủ tín[2778]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc lấy chánh tín đối với Như Lai làm gốc, kiên cố, khó lay chuyển, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và người thế gian không ai có thể phá hoại được. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-ba-tắc có đủ tín."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ[2779]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc lìa bỏ sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, không vui thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ.

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ[2780]?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ là, khi nghe rồi, có thể ghi giữù, có thể tích tập. Nếu những gì Phật nói khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, người ấy đều có khả năng thọ trì. Đó gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ[2781]?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-ba-tắc có thí xả đầy đủ là khi bị xan cấu trói buộc, tâm lìa xan cấu, sống không nhà[2782], tu bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường hành bố thí, ưa xả tài vật, bố thí bình đẳng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có xả đầy đủ.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ là, biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ.”

Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 928. THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC[2783]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?"

Phật đáp:

"Ưu-bắc-tắc là người sống trong sạch tại gia... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn[2784]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn là vị mà ba kết sử: thân kiến, giới thủ, nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm là vị mà ba hạ phần kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục, sân nhuế, ngu si đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-ba-tắc Tư-đà-hàm."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm[2785]."

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc nói rằng:

"Kỳ thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!"

Khi Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 929. NHẤT THIẾT SỰ[2786]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích, là Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc là người sống tại gia trong sạch,... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao là làm thành mãn tất cả sự của Ưu-bà-tắc?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Ưu-bà-tắc nào có tín, nhưng không có giới, đó là không đủ, mà hãy nỗ lực tinh cần, đủ tịnh giới. Có đủ tín và giới, nhưng không bố thí thì cũng chưa đủ; vì chưa đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để làm được đủ. Tín, giới và thí đã đầy, nhưng nếu không tùy thời đến Sa-môn để lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Vì chưa đủ cho nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến chùa tháp, nhưng gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Tín, giới, thí và nghe tu tập đã

đầy, nhưng nghe rồi mà không ghi giữ, thì vẫn chưa có đủ; vì không đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến Sa-môn, chuyên tâm lắng nghe pháp, nghe rồi thì phải khéo ghi giữ. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp, thì đó chưa phải là đủ; vì không có đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, làm cho có đủ. Tín, giới, bố thí, nghe, nghe rồi thì khéo ghi giữ, ghi giữ rồi quán sát nghĩa lý sâu xa, mà không tùy thuận để biết hướng đến pháp và thứ pháp[2787], thì đó vẫn chưa có đủ; vì chưa có đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tín, giới, bố thí, nghe, ghi giữ, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa và tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp. Ma-ha-nam, đó gọi là có đủ tất cả sự của Ưu-bà-tắc."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao là Ưu-bà-tắc hay tự an ủy mình[2788], chẳng an ủy người khác[2789]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Ưu-bà-tắc nào có thể tự mình đứng vững trong giới nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ giới có đủ; tự mình làm việc bố thí, nhưng không thể xác lập bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa tháp, đến gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa tháp, đến gặp Sa-môn; tự mình chuyên nghe pháp, nhưng không thể khuyên người thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình thọ trì, nhưng không thể khiến người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa, nhưng không thể khuyên người quán sát nghĩa lý sâu xa; tự mình biết pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp, nhưng không thể khuyên người khiến họ tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp.

Này Ma-ha-nam, người thành tựu tám pháp như vậy, thì đó gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy, nhưng không thể an ủy người khác."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp để tự an ủyï và giúp người được an ủy?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, đó gọi là Ưu-bà-tắc tự an ủy và giúp người được an ủy.”

“Những gì là mười sáu pháp?

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy.

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối. Như vậy, này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp thì đó là một điều mà thế gian khó thành tựu được.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 930. TỰ KHỦNG[2790]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào, người vật theo hai bên, nào voi điên, người điên, xe điên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình phải cùng sống,

cùng chết với bọn điên cuồng này mà quên mất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ, sau khi mạng chung sẽ sanh vào nơi nào?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Đừng sợ hãi! Đừng sợ hãi! Sau khi mạng chung ông sẽ không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Thí như cây lớn thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ, sẽ ngã về nơi nào?"

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Về phía thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống."

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Vì sao? Vì ông đã lâu dài tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung, thân này bị hỏa thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió táp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức đã lâu dài từ trước được huân tập bởi chánh tín, bởi tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, nên thần thức sẽ hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời."

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 931. TU TẬP TRỤ[2791]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam dòng họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo còn ở nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, bạch Thế Tôn, người ấy nên tu tập thế nào, tu tập nhiều, để ở trong Pháp luật này được hết các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau[2792]'?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Tỳ-kheo còn nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, thì Tỳ-kheo ấy lúc bấy giờ, nên tu sáu niệm,... *cho đến* lên được Niết-bàn. Thí như người đói khát, thân thể ốm yếu, được thức ăn ngon, thân thể mập mạp. Cũng vậy Tỳ-kheo trụ nơi học địa, cầu con đường lên Niết-bàn an ổn chưa được, nên tu sáu tùy niệm... *cho đến* chóng đắc Niết-bàn an ổn.

“Những gì là sáu niệm?

“Đối với Phật sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử lúc nhớ nghĩ như vậy không khởi tham dục triền, không khởi tâm sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực, đạt nghĩa Như Lai[2793] và được Chánh pháp của Như Lai. Đối với Chánh pháp Như Lai và đối với Như Lai đạt được tâm tùy hỷ[2794]. Do tâm tùy hỷ nên hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm[2795] mà không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... *cho đến* Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Pháp sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này[2796] có thể lìa nhiệt não sanh tử, không đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự mình mà giác tri. Thánh đệ tử niệm pháp như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* ý nhớ nghĩ pháp được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Tăng sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Đệ tử Thế Tôn là những vị thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng[2797], hành pháp tùy thuận, có hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la-hán, là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là đệ tử Tỳ-kheo Tăng, tịnh giới có đủ, tam-muọâi có đủ, trí tuệ có đủ, giải thoát có đủ, giải thoát tri kiến có đủ của Thế Tôn; đáng được tôn nghinh, thừa sự cúng dường, là ruộng phước tốt. Thánh đệ tử khi niệm tưởng Tăng sự như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng Tăng được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Tịnh giới sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Giới không hoại, giới không khuyết, giới không nhơ, giới không tạp, giới không bị nô lệ[2798], giới được khéo hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhàm chán. Thánh đệ tử khi niệm tưởng giới như vậy, không khởi

tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến*niệm tưởng giới được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với Bố thí sự, Thánh đệ tử tự niệm tưởng: Ta được lợi lộc tốt, giữa những chúng sanh xan cấu mà ta lìa được tâm xan cấu, sống không nhà[2799], thực hành bố thí giải thoát, thường tự tay bố thí; thích pháp hành xả, bố thí bình đẳng có đủ. Lúc Thánh đệ tử niệm tưởng bố thí như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si,... *cho đến* niệm tưởng bố thí được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với chư Thiên, Thánh đệ tử niệm tưởng: Có Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Nếu người nào có lòng chánh tín, khi mệnh chung ở đây sẽ sanh lên các cõi trời kia. Ta cũng sẽ thực hành chánh tín này. Vị kia có tịnh giới, thí, văn, xả, tuệ đến khi mệnh chung ở đây đã sanh lên cõi trời kia. Nay ta cũng sẽ thực hành giới, thí, văn, xả, tuệ này. Thánh đệ tử niệm tưởng thiên như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực duyên đến (nhớ nghĩ) chư Thiên. Thánh đệ tử kia do trực tâm như vậy mà đạt được pháp lợi, nghĩa lợi sâu xa, được tùy hỷ lợi ích của chư Thiên. Do tùy hỷ nên sanh hoan hỷ. Do hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân đã khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc rồi nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm cũng không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp. Vì niệm tưởng chư Thiên được huân tập, nên thăng tiến Niết-bàn.

"Này Ma-ha-nam, nếu Tỳ-kheo nào còn ở học địa, muốn cầu lên Niết-bàn an lạc, mà tu tập nhiều như vậy, tất chóng được Niết-bàn, ở trong Chánh pháp luật các lậu nhanh chóng diệt tận, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, nhưng việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 932. THẬP NHẤT[2800]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Thích Ma-ha-

nam nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn vá y cho Thế Tôn nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.' Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, pháp đã nghe đều quên hết. Vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn, nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.' Cho nên nay con suy nghĩ: 'Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?'"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Dù có gặp, hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ông chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Này Ma-ha-nam, nên lấy chánh tín làm chủ, chứ không phải là không chánh tín; lấy giới có đủ, nghe có đủ, thí có đủ, tuệ có đủ làm gốc, chứ không phải là không trí tuệ.

"Cũng vậy, Ma-ha-nam, căn cứ vào năm pháp này, tu sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam, niệm Như Lai, nên niệm như vầy: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên sự... *cho đến* tự thực hành, đạt trí tuệ.

"Cũng vậy, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, thì sự học trọn không bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, trụ cửa cam lộ, gần vị giải thoát, chứ không thể tất cả cùng lúc chóng đắc cam lộ Niết-bàn. Ví như gà ấp trứng, năm hoặc mười trứng, tùy thời ấp nghỉ, thương yêu bảo vệ chăm sóc; cho dù khoảng giữa lại bỏ bê, cũng còn có thể dùng móng hoặc mỏ để mổ vỡ trứng cho gà con chui ra. Vì sao? Vì gà mẹ lúc ban đầu đã biết tùy thời ấp ủ hay nghỉ ngơi, khéo thương yêu bảo vệ. Cũng vậy, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, là trụ nơi sự học trọn không bại hoại... không thể tất cả cùng lúc chóng đắc cam lộ Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 933. THẬP NHỊ[2801]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn để vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát du hành trong nhân gian.' Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, trước đây những pháp đã nghe bây giờ bỗng quên hết, vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn,... *cho đến* du hành trong nhân gian. Con suy nghĩ: 'Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?'"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Dù có gặp hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ông lúc nào cũng vẫn phải siêng năng tu sáu pháp. Những gì là sáu pháp? Chánh tín là gốc; giới, thí, văn, không, tuệ là căn bản, chứ không phải không trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam, căn cứ vào sáu pháp này, mà nỗ lực tu tập tăng thượng sáu tùy niệm: Từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên. Thành tựu được mười hai niệm này, Thánh đệ tử đó giảm bớt các điều ác, không còn tăng trưởng và bị tiêu diệt không khởi nữa; lìa trần cấu, không tăng trần cấu; lìa bỏ không bám giữ, vì không bám giữ nên không dính mắc; vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 934. GIẢI THOÁT[2802]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Theo như những gì Phật đã dạy, con hiểu: Nhờ chánh định[2803] nên giải thoát, không thể không có chánh định. Thế nào, bạch Thế Tôn, có phải đạt chánh định trước, sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới đạt chánh định? Hay chánh định và giải thoát không trước không sau, cả hai sanh cùng lúc?"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng, Ma-ha-nam ba lần hỏi như vậy, nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật, A-nan nghĩ: 'Ma-ha-nam họ Thích đem nghĩa lý sâu xa hỏi Thế Tôn, nhưng Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu. Bây giờ ta nên nói sang chuyện khác để tiếp lời ông.'

"Này Ma-ha-nam, bậc hữu học cũng có giới, bậc vô học cũng có giới; bậc hữu học có tam-muội, bậc vô học cũng có tam-muội; bậc hữu học có tuệ, bậc vô học cũng có tuệ; bậc hữu học có giải thoát, bậc vô học cũng có giải thoát."

Ma-ha-nam hỏi Tôn giả A-nan:

"Thế nào là giới của bậc hữu học? Thế nào là giới của bậc vô học? Thế nào là tam-muội của bậc hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc vô học? Thế nào là tuệ của bậc hữu học? Thế nào là tuệ của bậc vô học? Thế nào là giải thoát của bậc hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc vô học?"

Tôn giả A-nan bảo Ma-ha-nam:

"Vị Thánh đệ tử này an trụ nơi tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi, hành xứ; thọ trì học giới; khi đã thọ trì học giới thành tựu rồi, ly dục, pháp ác bất thiện... *cho đến* chứng và an trụ Tứ thiền. Khi đã có đủ tam-muội như vậy rồi, biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ tập', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ diệt', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ diệt đạo'. Biết như vậy, thấy như vậy rồi, năm hạ phần kết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, được đoạn tận, được biến tri. Khi năm hạ phần kết này đã đoạn trừ rồi, sanh lên cõi kia, đắc Niết-bàn A-na-hàm, không sanh trở lại trong cõi này nữa. Ngay lúc ấy họ thành tựu học giới, học tam-muội, học tuệ và học giải thoát.

"Lại một lúc khác, các hữu lậu sẽ hết, vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cầm làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Lúc bấy giờ, vị ấy thành tựu vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát.

"Ma-ha-nam, đó gọi là những gì Thế Tôn nói về học giới, học tam-muội, học tuệ, học giải thoát của bậc hữu học; vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát của bậc vô học là như vậy."

Sau khi Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, bảo Tôn giả A-nan:

"Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vâng, họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo."

Phật bảo A-nan:

"Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi tốt, bằng tuệ nhãn của Hiền thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 935. SA-ĐÀ[2804]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có họ Thích, tên Sa-đà[2805], nói với Ma-ha-nam:

"Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?"

Ma-ha-nam đáp:

“Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới, đó gọi là Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp.”

Sa-đà bảo Ma-ha-nam:

“Tôn giả chớ nói, chớ bảo rằng: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp’, nhưng sau đó Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp, ba lần nói như vậy.

“Ma-ha-nam họ Thích, không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Sa-đà họ Thích cũng không thể khiến cho Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Ma-ha-nam họ Thích, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lại chỗ con, hỏi: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?’ Con liền đáp: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.’ Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp như vậy. Sa-đà họ Thích nói: ‘Ma-ha-nam họ Thích chớ nói rằng: Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp; mà Tu-đà-hoàn thành tựu chỉ ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp như vậy’, nói ba lần như vậy.

“Con cũng không thể khiến cho Sa-đà họ Thích chấp nhận bốn pháp và Sa-đà cũng không thể làm cho con chấp nhận ba pháp. Cho nên cả hai đến chỗ Thế Tôn, nay xin hỏi Thế Tôn Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?”

Bấy giờ, Sa-đà họ Thích từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật và chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có những pháp tương tợ như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo Tăng, thì con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo Tăng. Hoặc có những tương tợ như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hoặc Trời, hoặc Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Người thế gian, con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

“Theo Ma-ha-nam, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, còn ngươi thì thế nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, con còn biết nói sao đây, mà con chỉ còn nói tốt, nói chân thật thôi.”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Cho nên phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp: Là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới và nên thọ trì như vậy.”

Sau khi Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 936. BÁCH THỦ[2806]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận, hỏi:

“Ma-ha-nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích[2807] mệnh chung, Thế Tôn thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, nhất định hướng thẳng Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cứu cánh thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Này Ma-ha-nam, ông nên đến hỏi Phật rồi như những gì Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo.”

Khi ấy Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận như vầy: ‘Ma-ha-nam, thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Trong đó Bách Thủ họ Thích mệnh chung, Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay ông nên đến hỏi lại Thế Tôn,

như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ vâng theo.' Bây giờ con xin hỏi Phật, xin Ngài giải thích cho."

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Thánh đệ tử nói: 'Đại Sư Thiện Thệ! Đại Sư Thiện Thệ!' Miệng nói thiện thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Thiện thệ. Thánh đệ tử nói: 'Chánh pháp luật! Chánh pháp luật!' Miệng nói Chánh pháp luật, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Chánh pháp. Thánh đệ tử nói: 'Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tăng!' Miệng nói thiện hướng, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến thì tất nhiên nhập thiện hướng. Như vậy, này Ma-ha-nam, Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín; đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín; đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, bát giải thoát thành tựu, thân tác chứng, bằng trí tuệ mà thấy hữu lậu đã đoạn, đã biến tri. Như vậy, Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường ác, nói là A-la-hán Câu giải thoát[2808].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không đạt được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy thấy, biết hữu lậu đã đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tuệ giải thoát[2809].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy đã được bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ có đủ, nhưng không thấy hữu lậu đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Thân chứng[2810].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng thấy biết như thật đối với Chánh pháp luật. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Kiến đáo.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy có thấy biết như thật đối Chánh pháp luật, nhưng chẳng được Kiến đáo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến*Tín giải thoát.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật[2811], tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng, đối với năm pháp làm tăng trưởng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm,

định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy pháp hành.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng,... *cho đến* năm pháp ít trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy tín hành.

"Ma-ha-nam, ví như cây kiên cố[2812] này, đối với những gì Ta đã nói mà có thể hiểu nghĩa thì thật không có việc này; nếu nó có thể hiểu thì Ta cũng thọ ký, huống chi Bách Thủ họ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn.

"Này Ma-ha-nam, Bách Thủ họ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạnh chung Ta ký thuyết ông đắc Tu-đà-hoàn,... *cho đến* cứu cánh thoát khổ."

Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 937. HUYẾT[2813]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có bốn mươi Tỳ-kheo[2814] ở làng Ba-lê-da[2815], tất cả đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực[2816], còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: 'Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba-lê-da, đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để ngay đời này họ chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát.' Thế Tôn bảo bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-da:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái buộc cổ, mãi mãi xoay vần sanh tử, chẳng biết biên tế nguyên thủy của khổ[2817].

“Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Nước sông Hằng cuồn cuộn chảy vào biển lớn, trong khoảng ấy nước sông Hằng nhiều? hay là các ông từ trước đến nay bị xoay vần trong sanh tử, thân thể bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Theo chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử quá lâu, thân chúng con bị phá hoại, máu chảy rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông Hằng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy bỏ qua nước sông Hằng. Cho đến, nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là các ông trôi lăn trong sanh tử, thân xác bị phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Thế Tôn nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử, thân bị phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các ông mãi luân chuyển sanh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các ông đã từng sanh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng; hoặc mang thân ngựa, thân lạc đà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng chịu thân hoại mệnh chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số lượng không lường; hoặc đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, rồi thân hoại mênh chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Đối thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.”

Phật bảo:

“Những gì thuộc về sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán sát như thế đối với sắc sanh chán lìa, đối thọ, tưởng, hành, thức sanh chán lìa, đã chán lìa nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.”

Khi Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 938. LỆ[2818]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

“Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các ông tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các ông tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các ông đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó nhiều vô lượng. Các ông cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thỉ sanh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.

“Nếu vô thường, đó là khổ chăng?

“Bạch Thế Tôn, khổ.

“Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không.

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

"Này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 939. MẪU NHŨ[2819]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển chẳng biết cội gốc của khổ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các ông uống mãi luân chuyển trong sanh tử là nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các ông đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ông đã từng hoặc sanh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sanh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các ông đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thỉ sanh tử đến nay, chẳng biết cội gốc của khổ. "Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

"... Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 34

KINH 940. THẢO MỘC[2820]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ[2821] sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ [2822]của khổ. Các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ thế nào? Tất cả loại cỏ cây trên mặt đất này, nếu xẻ ra làm thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số thẻ tre đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo hãy học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 941. THỔ HOÀN LIỆP[2823]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Thế nào, các Tỳ-kheo? Nếu đem hết bùn đất nơi đại địa này vo lại thành viên như trái bà-la[2824] để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số viên đất đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 942. AN LẠC[2825]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh hưởng thụ khoái lạc an ổn, thì nên nghĩ rằng: 'Chúng ta mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi, cũng đã từng hưởng thụ khoái lạc kia, thú vui kia vô lượng.'

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 943. KHỔ NÃO[2826]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy các chúng sanh chịu các khổ não, thì nên nghĩ rằng: 'Ta từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi cho đến nay, cũng đã từng chịu khổ như vậy, đến số vô lượng.'

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

---o0o---

KINH 944. KHỦNG BỐ[2827]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Này các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, dựng đứng chân lông; nên nghĩ rằng: 'Quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng sát sanh, đã từng làm tổn thương, đã từng làm hại, đã từng làm ác tri thức, mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi vô thủy, không biết biên tế tối sơ của khổ.'

"Các Tỳ-kheo, nên học như vầy: Hãy đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 945. ÁI NIỆM[2828]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sanh mà khởi ái niệm hoan hỷ, thì nên nghĩ rằng: 'Chúng sanh như vậy, trong đời quá khứ chắc chắn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, tri thức của chúng ta, cứ mãi mãi luân chuyển sanh tử như vậy, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo, nên học như vầy: Hãy nỗ lực tinh cần, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

---o0o---

KINH 946. HẰNG HÀ[2829]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Ba-la-môn đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, sau khi chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đời vị lai sẽ có bao nhiêu Đức Phật?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Phật đời vị lai có vô lượng như số cát sông Hằng."

Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng:

"Các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác đời vị lai sẽ có vô lượng như số cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu phạm hạnh."

Bà-la-môn sau khi đã nghe những gì Đức Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường về, Ba-la-môn vừa đi vừa nghĩ: "Hôm nay

ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về chư Phật đời vị lai chứ chưa hỏi chư Phật quá khứ.” Liền trở lại hỏi Thế Tôn:

“Thế nào Cù-đàm, đời quá khứ có bao nhiêu Đức Phật?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng.”

Lúc ấy Bà-la-môn liền nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng, mà ta chưa từng thân cận. Giả sử vô lượng các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời vị lai như số cát sông Hằng, cũng sẽ không thân cận vui vầy, thì trong hiện tại ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh.” Nhân đó chắp tay bạch Phật:

“Nguyện xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chấp thuận cho ông xuất gia tu phạm hạnh, được làm Tỳ-kheo trong Chánh pháp luật.”

Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ cụ túc, sau khi xuất gia một mình ở nơi thanh vắng tư duy về nguyên nhân làm cho người thiện nam, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 947. LỤY CỐT[2830]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá[2831]. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người[2832], ở trong một kiếp sanh tử luân hồi, xương trắng chồng chất không bị mục nát, như núi Tỳ-phú-la. Nếu vị Thánh đệ tử nào biết như thật về Thánh đế khổ này, biết như thật về sự tập khởi của khổ này, biết như thật về sự diệt tận của khổ này, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt khổ này; sau khi vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tất đoạn trừ ba kết: thân

kiến, giới thủ và nghi. Khi đoạn trừ được ba kết này, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Một người, trong một kiếp,

Chồng chất xương cốt khô;

Để lâu không mục nát,

Như núi Tỳ-phú-la.

Nếu các Thánh đệ tử,

Chánh trí thấy chân đế;

Khổ cùng nguyên nhân khổ,

Lìa khổ được tịch diệt.

Tu tập tám con đường,

Hướng thẳng đến Niết-bàn;

Chỉ còn trải bảy lần,

Qua lại sanh trời người.

Sạch hết tất cả kết,

Giải thoát bờ mé khổ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 948. THÀNH TRÌ[2833]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bach Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?"

Phật bảo:

"Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như thành trì bằng sắt, vuông vức một do-tuần, từ trên xuống dưới cũng như vậy, bên trong đầy hạt cải. Cứ một trăm năm có người lấy một hạt cải. Số hạt cải kia có thể hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Cũng vậy Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy. Kiếp dài cả trăm, ngàn, vạn, ức khổ lớn nối tiếp nhau, mà xương trắng chất thành gò, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tỳ-kheo, đó gọi là từ vô thỉ sanh tử mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 949. NÚI[2834]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó biết được!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?"

Phật bảo:

"Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như núi đá lớn không bị vỡ, không bị lở sụt, vuông vức một do-tuần. Nếu có người nào dùng mảnh lụa ca-thi kiếp-bối[2835], cứ một trăm năm phủi qua một lần; phủi không ngừng nghỉ. Núi đá mòn hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Này Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy, cả đến trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chịu các khổ não... *cho đến* các Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 950. QUÁ KHỨ[2836]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ.”

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, quá khứ có bao nhiêu kiếp?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Ngài có thể nói thí dụ không?”

Phật bảo:

“Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như có người sống tới trăm tuổi. Buổi sáng nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ đến số kiếp như vậy, cho đến trăm tuổi mạng chung, cũng không thể nhớ được biên tế của số kiếp. Tỳ-kheo nên biết vô lượng số kiếp quá khứ như vậy. Vô lượng số kiếp quá khứ, mãi mãi chịu khổ và xương chất thành núi, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Cũng vậy, Tỳ-kheo từ vô thỉ sanh tử mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng’.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 951. VÔ HỮU NHẤT XỨ[2837]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không sanh không chết. Như vậy, từ vô thỉ sanh tử mãi mãi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 952. VÔ BẤT NHẤT XỨ[2838]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, Sư trưởng. Cũng vậy, Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử mãi mãi luân hồi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng’.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 953. BONG BÓNG NƯỚC MƯA[2839]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn, bong bóng nước thoáng sanh thoáng diệt. Cũng vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, ái cột cổ mình, từ vô thỉ sanh tử, nên sự sanh, sự chết mãi mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 954. CƠN MƯA TRÚT[2840]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn tầm tã khắp nơi, cả Đông, Tây, Nam, Bắc không nơi nào là không mưa. Cũng như, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trong vô lượng quốc độ, kiếp thành, kiếp hoại giống như trời mưa lớn, giọt mưa khắp nơi trong thiên hạ, không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ.

"Thí như ném gậy lên không trung, hoặc đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc khoảng giữa rơi xuống đất. Cũng vậy, từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Sanh tử vô thỉ như vậy, luân chuyển mãi mãi. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 955. NGŨ TIẾT LUÂN[2841]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Này Tỳ-kheo, thí như, hoặc có người lăn bánh xe năm tiết, luôn luôn lăn không nghỉ. Cũng vậy, chúng sanh lăn bánh xe vào năm đường,

hoặc rơi vào đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng đường Trời, Người, lúc nào cũng lăn không dừng. Cũng vậy, vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 956. TỲ-PHÚ-LA[2842]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở bên núi Tỳ-phú-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hành vô thường, tất cả hành không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Các Tỳ-kheo, đối tất cả hành nên sanh yểm ly, cầu vui giải thoát. Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ núi Tỳ-phú-la này gọi là núi Trường trúc[2843]. Chỗ dân chúng ở chung quanh núi gọi là ấp Đề-di-la[2844]. Người ấp Đề-di-la sống bốn vạn tuổi. Người ấp Đề-di-la lên đỉnh núi này, bốn ngày mới trở về. Đương thời có Phật Ca-la-ca Tôn-đề[2845] Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện thế gian, thuyết pháp giáo hóa; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày hiển thị. Hiện tại tên núi Trường trúc cũng mất, dân chúng ấp Đề-di-la cũng không còn, Đức Phật Như Lai kia cũng đã vào Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch, đối tất cả hành, nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này gọi là Bằng-ca[2846]. Lúc ấy chỗ người dân cư trú chung quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca[2847]. Tuổi thọ người dân lúc ấy là ba vạn tuổi. Người A-tỳ-ca lên núi này trong vòng ba ngày mới trở về lại. Đương thời có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, chặn sau đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Các Tỳ-kheo, tên núi Bằng-ca kia đã mất từ lâu, dân ấp A-tỳ-ca từ

lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Tỳ-kheo các ông, nên tu tập yểm ly, cầu vui giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này tên là Tú-ba-la-thủ[2848]. Chỗ nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Xích mã[2849]. Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây lên đỉnh núi này trong vòng hai ngày mới về lại được. Đương thời có Phật Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng... *cho đến* xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau đều thiện; nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Tỳ-kheo, nên biết tên núi Ba-la-thủ đã mất từ lâu, dân ấp Xích mã từ lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, ngày nay núi này tên là Tỳ-phú-la. Chỗ có dân chúng cư ngụ chung quanh núi, gọi là nước Ma-kiệt-đề. Tuổi thọ của những người dân này là trăm tuổi, nếu khéo tự điều hòa thì có được trăm tuổi. Người Ma-kiệt-đề lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là trở về. Nay Ta ở nơi này được thành Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn, diễn nói Chánh pháp, giáo hóa khiến được Niết-bàn tịch diệt, chánh đạo, thiện thệ giác tri.

"Tỳ-kheo nên biết, tên núi Tỳ-phú-la này cũng sẽ tiêu ma, người Ma-kiệt-đề cũng sẽ diệt vong. Chẳng còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn.

"Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thuở xưa núi Trường trúc,

Tên ấp Đề-di-ca.

Tiếp là núi Bằng-ca,

Tụ lạc A-tỳ-ca.

Núi Tú-ba-la-thủ,

Tên tụ lạc Xích mã.

Nay núi Tỳ-phú-la,

Tên nước Ma-kiệt-đà.

Tên núi đều hoại diệt,

Dân chúng cũng không còn.

Chư Phật Bát-niết-bàn,

Đã có gì cũng mất.

Tất cả hành vô thường,

Chúng là pháp sanh diệt.

Có sanh thì có diệt,

Chỉ tịch diệt là vui.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 957. THÂN MẠNG[2850]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia họ Bà-sa[2851], đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi. Chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có thì giờ rảnh để trả lời cho không?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải mệnh tức là thân không[2852]?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Mệnh tức là thân, điều này không xác định[2853]."

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải là mệnh khác thân khác không?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Mệnh khác thân khác, điều này cũng không xác định."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi hỏi 'Mệnh tức thân?' Thì được trả lời, 'Không xác định.' Hỏi: 'Mệnh khác thân khác?' Cũng được trả lời: 'Không xác định.'

"Sa-môn Cù-đàm, có những điều kỳ lạ gì[2854] mà khi đệ tử mệnh chung liền được xác định rằng: 'Người này sanh chỗ kia. Người kia sanh chỗ nọ.' Các đệ tử kia, khi ở nơi này mệnh chung xả thân, liền nương theo ý sanh thân[2855], sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mệnh khác, thân khác sao?"

Phật bảo Bà-sa:

"Đây là nói về hữu dư, chứ không nói vô dư[2856]."

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là hữu dư, chứ không nói vô dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Thí như lửa, có hữu dư[2857] thì có thể cháy, chứ không phải không có hữu dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Tôi thấy có lửa không có hữu dư mà cũng cháy.”

Phật bảo Bà-sa:

“Thế nào là thấy lửa không có hữu dư mà cũng cháy?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thí như một đống lửa lớn bị gió lốc thổi qua, làm lửa bốc lên không trung. Đó há không phải là lửa vô dư [2858] sao?”

Phật bảo Bà-sa:

“Lửa được gió thổi bốc lên tức là hữu dư, chứ chẳng phải vô dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, lửa bay trong không, sao gọi là hữu dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Lửa bay trong không trung nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư[2859].”

Bà-sa bạch Phật:

“Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, vãng sanh nơi khác, tại sao nói là hữu dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, sanh nơi khác. Ngay lúc ấy, nhân vì ái mà thủ, nhân vì ái mà trụ, nên nói là hữu dư[2860].”

Bà-sa bạch Phật:

"Chúng sanh vì ái lạc nên hữu dư, vì nhiễm đắm nên hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác.

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, thế gian nhiều duyên sự, xin phép được cáo từ!"

Phật bảo Bà-sa:

"Ông tự biết đúng lúc."

Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

---o0o---

KINH 958. MỤC-LIÊN[2861]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở nơi đây. Lúc ấy, có người xuất gia dòng họ Bà-sa, đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cùng Tôn giả gặp nhau thăm hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôi có việc muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ để trả lời cho không?"

Mục-kiền-liên đáp lời Bà-sa:

"Tùy những gì ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, có người đến hỏi: 'Thế nào, Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' họ đều tùy theo đó mà đáp. Còn Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' mà lại không xác định?"

Mục-kiền-liên bảo Bà-sa:

"Các Sa-môn, Bà-la-môn khác vì không biết như thật đối với sắc, sự tập khởi sắc, sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với việc Như Lai sau chết có còn, sanh ra chấp trước; hay sau khi chết Như Lai không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có, sanh khởi chấp trước. Không biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, sanh ra chấp trước; sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, sanh ra chấp trước. Như Lai, biết như thật đối với sắc, biết như thật đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không chấp trước; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có không sanh chấp trước. Và biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... biết như thật đối với sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không đúng; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, cũng không đúng. Vì Như Lai là sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, nhưng tất cả đều tịch diệt.

"Này Bà-sa, vì nhân như vậy, duyên như vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có', thì vì họ mà ký thuyết. Cũng vì nhân như vậy, duyên như vậy, đối Như Lai, nếu có người nào đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có', thì không vì họ mà ký thuyết."

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 959. KỲ TAI[2862]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi; sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi… *"Nói đầy đủ như trên."*

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia vui vẻ nói rằng:

"Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, hôm nay con có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà hỏi Tôn giả; Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà trả lời cho con, như những gì mà Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên thưa Cù-đàm, thật là kỳ đặc, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa."

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia có nhân duyên đến tụ lạc Na-lê[2863]. Sau khi lo liệu mọi việc đã xong, đến chỗ Tôn giả Tiên-đà Ca-chiên-diên[2864], cùng nhau thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, rồi hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Do nhân gì, duyên gì mà Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, hay sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không có; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', thì không vì họ mà ký thuyết?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa xuất gia:

"Bây giờ tôi hỏi ông, cứ theo ý mà đáp cho tôi. Ý ông thế nào? Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết[2865] rằng: 'Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng'. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn, vĩnh viễn diệt rồi, Như Lai đối với họ có ký thuyết rằng: 'Sau khi chết có, hay sau khi chết không có; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', không[2866]?"

Bà-sa xuất gia trả lời Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết rằng: 'Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi

tưởng’. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn; thì làm sao Cù-đàm đối với họ mà ký thuyết: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có’?”

Tiên-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-sa xuất gia:

“Cho nên vì nhân này, vì duyên này mà có người hỏi Như Lai: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có’, Như Lai không vì họ mà ký thuyết.”

Bà-sa xuất gia hỏi Tiên-đa Ca-chiên-diên:

“Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi như vậy?”

Tiên-đà Ca-chiên-diên đáp:

“Tôi xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật, mới hơn ba năm.”

Bà-sa xuất gia nói:

“Tiên-đà Ca-chiên-diên, nhanh thay, ngài được điều thiện lợi! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà đã đạt được luật nghi về thân, miệng như vậy và lại được trí tuệ biện tài như vậy.”

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 960. KỲ ĐẶC[2867]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh giờ để giải đáp cho không?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Tùy theo những gì ông muốn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì nhân gì, duyên gì, mà có người đến hỏi: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có’, Ngài không vì họ ký thuyết?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“…” Như những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên đã nói rộng ở trên,... *cho đến* “sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, con có chút duyên sự đến tụ lạc Na-lợi-già để lo liệu công việc đã xong, tạm ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên, đem nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy hỏi Sa-môn Ca-chiên-diên. Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy để trả lời những gì con hỏi, như những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên biết, thật là kỳ đặc! Giữa Thầy và đệ tử nghĩa cú vị cả hai đều đồng.”

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 961. HỮU NGÃ[2868]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có ngã không?”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ba lần hỏi như vậy, Thế Tôn cũng ba lần không đáp.

Lúc này, Bà-sa xuất gia thầm nghĩ: "Ta đã ba lần hỏi Sa-môn Cù-đàm, mà không thấy trả lời, thôi ta nên trở về."

Lúc ấy, Tôn giả A-nan, đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của kia. Nếu đáp rằng không ngã, thì sẽ làm cho nghi hoặc trước kia, há không tăng thêm nghi hoặc sao? Nói rằng trước có ngã, từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu trước vốn có ngã, đó là thường kiến; mà nay đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: 'Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sanh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... *cho đến* sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt.'"

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 962. KIẾN[2869]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng nhau thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm có thấy như vầy, có nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.'?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Ta không thấy như vầy, không nói như vầy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng.’?”

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có thấy như vầy, có nói như vầy: ‘Thế gian vô thường, vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Ta không thấy như vầy, không nói như vầy:... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không.”

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, những kiến giải này có những sai lầm nào, mà đối với tất cả những kiến giải này Ngài không ký thuyết?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Nếu thấy như vầy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng,’ thì đó là kiến giải điên đảo, là kiến giải do quán sát, là kiến giải dao động, là kiến giải cấu nhiễm, là kiến giải kết sử, là khổ, là ngại, là não, là nhiệt, bị kiến kết trói buộc; phàm phu ngu si không học ở đời vị lai sẽ bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não sanh.

“Này Bà-sa xuất gia, nếu thấy như vầy: ‘Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không có biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; là mạng là thân; mạng khác thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’, đó là đảo kiến,... *cho đến* ưu, bi, khổ, não sanh.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, sở kiến của Ngài thế nào?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Sở kiến của Như Lai đã hoàn toàn dứt hết. Này Bà-sa xuất gia, nhưng Như Lai thấy là thấy rằng ‘Đây là Khổ Thánh đế; đây là Khổ tập Thánh đế, sự diệt tận của Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế.’ Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, đối với tất cả kiến, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, đều khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, mát mẻ, chân thật. Đối với Tỳ-kheo giải thoát tất cả như vậy, sanh không đúng, không sanh cũng không đúng.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì sao nói, sanh không đúng?”

Phật bảo Bà-sa:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời cho Ta. Này Ba-sa, giống như có người đốt lửa trước ông, ông có thấy lửa cháy không? Ngay đó dập tắt lửa trước ông, ông có thấy lửa tắt không?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thấy như vậy.”

Phật bảo Bà-sa:

“Nếu có người hỏi ông: ‘Lửa vừa cháy đó, nay ở chỗ nào? Đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?’ Nếu hỏi như vậy, ông sẽ nói thế nào?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu có người nào đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vầy: ‘Nếu có ai đốt lửa trước tôi, nhờ nhân duyên củi, cỏ nên lửa cháy. Nếu không thêm củi, lửa tắt, vĩnh viễn không sanh khởi trở lại được. Nói đi về phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc thì không đúng.”

Phật bảo Bà-sa:

“Ta cũng sẽ nói như vầy: ‘Sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn tận gốc rễ của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể sanh lại được; đối với đời vị lai không thể sanh khởi trở lại nữa. Nếu bảo đến

phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc thì điều đó không đúng. Vì điều đó sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, vĩnh viễn tịch diệt."

Bà-sa bạch Phật:

"Con sẽ nói thí dụ."

Phật bảo Bà-sa:

"Ông biết đúng lúc."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thí như gần thành thị hay làng xóm, có một vùng đất mầu mỡ, mọc lên một khu rừng kiên cố. Có một cây to lớn bền chắc. Nó sanh trưởng đã trải qua hàng ngàn năm. Lâu ngày, cành lá rơi rụng; vỏ cây khô mục; chỉ còn gốc cây đứng trơ trọi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Pháp luật của Như Lai lìa bỏ những thứ cành nhánh cọng lá, chỉ còn trơ gốc không, đứng một mình kiên cố."

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 963. VÔ TRI[2870]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, người kia do không biết cái gì mà thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian thường, đấy là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Thế gian vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường; thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; thế gian hữu biên hay thế gian vô biên; thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'?"

Phật bảo Bà-sa:

“Vì đối với sắc không biết, nên thấy như vầy, nói như vầy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết nên thấy như vầy, nói như vầy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến*sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì biết pháp gì mà không thấy như vầy, không nói như vầy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* cho đến sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’?”

Phật bảo Bà-sa:

“Vì biết sắc nên không thấy như vầy, không nói như vầy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’. Và vì biết thọ, tưởng, hành, thức nên không thấy như vầy, không nói như vầy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến*sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’.”

Cũng như không biết và biết, nên không thấy và thấy như vầy. Cũng vậy, không nhận thức, có nhận thức; không đoạn, đoạn; không quán, quán; không sát, sát; không giác, giác[2871].

Phật nói kinh này xong, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 964. XUẤT GIA[2872]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh thì giờ giải đáp cho không?”

Bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng. Bà-sa xuất gia hỏi hai, ba lần, Phật cũng hai, ba lần ngồi im lặng. Lúc này, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Con cùng Cù-đàm cả hai tùy thuận nhau[2873]. Hôm nay có điều muốn hỏi vì sao Ngài lại im lặng?”

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: “Bà-sa xuất gia này lúc nào cũng chất trực, không dối trá. Những gì muốn hỏi hôm nay đều từ không biết, chứ không phải cố ý nhiễu loạn. Ta nay, nên dùng A-tỳ-đàm, Luật để nạp thọ ông ta.[2874]” Nghĩ xong, liền bảo Bà-sa xuất gia:

“Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà giải đáp.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có pháp thiện, pháp bất thiện[2875] không?”

Phật đáp:

“Có.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin Ngài vì con mà nói về pháp thiện, pháp bất thiện, khiến cho con được hiểu.”

Phật bảo Bà-sa:

“Hôm nay, Ta sẽ vì ông mà nói lược về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Này Bà-sa, tham dục là pháp bất thiện. Điều phục được tham dục là pháp thiện. Sân nhuế, ngu si là pháp bất thiện. Điều phục được sân nhuế ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện. Lìa sát sanh, là pháp thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt, tham nhuế, tà kiến là pháp bất thiện. Không trộm cắp... *cho đến* chánh kiến, đó là pháp thiện. Này Bà-sa, hôm nay Ta đã nói ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện. Cũng vậy, khi Thánh đệ tử biết như thật về ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện; biết

như thật về mười loại pháp thiện và mười loại pháp bất thiện, thì đối với tham dục được diệt tận không còn sót. Khi sân nhuế, ngu si, được diệt tận không còn, thì đối với tất cả pháp hữu lậu đều diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bà-sa bạch Phật:

"Có Tỳ-kheo nào, đối với Pháp luật này sạch được hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm; có rất nhiều Tỳ-kheo, đối với Pháp luật này đã sạch hết các hữu lậu,... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa."

Bà-sa bạch Phật:

"Hãy gác Tỳ-kheo lại! Có một Tỳ-kheo-ni nào đối với Pháp luật này mà hết sạch các hữu lậu, '... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa,' không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những một, hai, ba Tỳ-kheo-ni mà cho đến năm trăm, có rất nhiều Tỳ-kheo-ni, đối với Pháp luật này đã hết các hữu, '... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa'."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin gác Tỳ-kheo-ni lại! Có một Ưu-bà-tắc nào tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-tắc, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, được thành A-na-hàm không tái sanh lại cõi này nữa."

Bà-sa bạch Phật:

“Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào, đối với Pháp luật này tu các phạm hạnh; đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-di, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-di, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, đối với họ hóa sanh đắc A-na-hàm không tái sanh lại cõi này nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin hãy gác Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh lại! Có Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ ngũ dục, mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, có gia đình vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, mà đối với Pháp luật này đã đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si đã mỏng, đắc Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào hưởng thọ ngũ dục mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những một, hai, ba mà cho đến năm trăm, cho đến rất nhiều Ưu-bà-di ở tại gia, nuôi nấng con cái, hưởng thụ ngũ dục, trang điểm hoa thơm, mà đối với Pháp luật này đã đoạn tận ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sanh trong Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, như Sa-môn Cù-đàm đã thành Đẳng Chánh Giác; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, mà không được công đức như vậy, thì không đầy đủ[2876]. Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm thành Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, cùng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, do thành tựu những công đức như vậy, nên đó là sự đầy đủ. Thưa Cù-đàm, bây giờ con sẽ nói thí dụ.”

Phật bảo Bà-sa:

“Ông cứ tùy ý mà nói.”

Bà-sa bạch Phật:

“Như trời mưa to, nước chảy xuống thành dòng. Pháp luật của Cù-đàm lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc nam, hoặc nữ, tất cả đều theo dòng hướng đến Niết-bàn, chuyển đến Niết-bàn. Kỳ lạ thay! Phật, Pháp, Tăng, bình đẳng pháp và luật[2877]. Còn những xuất gia ngoại đạo khác đến chỗ Cù-đàm, ở trong Chánh pháp luật muốn cầu xuất gia thọ cụ túc thì phải mất bao nhiêu thời gian mới cho phép xuất gia?”

Phật bảo Bà-sa:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo khác muốn cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, phải qua bốn tháng ở bên Hòa thượng thọ y chỉ mà an trụ[2878]. Nhưng điều này chỉ vì người mà tạm bày ra giới hạn mà thôi[2879].”

Bà-sa bạch Phật:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo muốn đến cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, được phép ở bên Hòa thượng nhận lãnh y chỉ và nếu đủ bốn tháng thì cho phép xuất gia. Vậy, nay con có thể ở bên Hòa thượng bốn tháng thọ y chỉ. Nếu ở trong Chánh pháp luật mà được xuất gia thọ cụ túc, thì con sẽ xuất gia thọ cụ túc tu trì phạm hạnh ở trong pháp Cù-đàm.”

Phật bảo Bà-sa:

“Trước đây Ta không nói là tạm vì người mà bày ra giới hạn sao?”

Bà-sa bạch Phật:

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên độ Bà-sa này xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật.”

Xuất gia dòng họ Bà-sa liền được phép xuất gia thọ cụ túc thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật,... *cho đến* trong vòng nửa tháng những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, thì đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Như Lai.

Tôn giả Bà-sa tự nghĩ: "Nay ta đã học những gì nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng. Tất cả những điều đó ta đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng. Bây giờ, nên đến gặp Thế Tôn."

Ngay lúc ấy, Bà-sa đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, con đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Thế Tôn. Xin Thế Tôn vì con mà thuyết pháp, sau khi con nghe rồi, sẽ ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... *cho đến* tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo Bà-sa:

"Có hai pháp tu tập, tu tập nhiều, đó là chỉ và quán[2880]. Tu tập, tu tập nhiều hai pháp này, thì sẽ biết được quả báo của các cõi, hiểu rõ các cõi; biết các thứ cõi, hiểu rõ các thứ cõi. Tỳ-kheo như vậy là muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện,... *cho đến* thành tựu, trụ đệ Tứ thiền; an trụ từ, bi, hỷ xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; khiến ba kết của ta diệt tận, đắc Tu-đà-hoàn. Với ba kết đã tạân diệt, tham, nhuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Với năm hạ phần kết đã diệt tận, đắc A-na-hàm. Với các thứ cảnh giới thần thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu hai pháp, tu tập, tu tập nhiều. Nhờ tu tập hai pháp, nên biết các thứ cõi,... *cho đến* lậu tận."

Sau khi Tôn giả Bà-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, '... *cho đến* tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo phượng tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa hỏi các Tỳ-kheo:

"Có phải các ông phương tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Vâng."

Lúc này Bà-sa nói các Tỳ-kheo:

"Tôn giả cho tôi gởi lời kính lễ thăm hỏi Thế Tôn: 'Ngài sống nhẹ nhàng, ít bệnh, ít não, an lạc không?' Và thưa: 'Tỳ-kheo Bà-sa bạch Thế Tôn rằng: Con đã cúng dường, phụng sự Thế Tôn đầy đủ, khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại Sư cần làm, con đã làm xong. Đã cúng dường Đại Sư, khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bà-sa đê đầu kính lễ dưới chân Thế Tôn,... *cho đến* hài lòng chứ không phải không hài lòng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chư Thiên đã nói trước cho Ta rồi, nay các ông lại nói. Như Lai đã thành tựu tri kiến đệ nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-sa có đức lực như vậy."

Bấy giờ Thế Tôn vì Tỳ-kheo Bà-sa kia mà nói thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 965. UẤT-ĐÊ-CA[2881]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Uất-đê-ca[2882] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm, thế gian hữu biên chăng?"

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Điều này không xác định."

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Thế nào Cù-đàm, thế gian vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?"

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Điều này không xác định."

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, hỏi: 'Thế gian hữu biên chăng?' Được trả lời, 'Không xác định'. 'Thế gian vô biên chăng? Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?' Được trả lời: 'Không xác định'. Thưa Cù-đàm, vậy những pháp nào có thể được xác định."

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Là bậc Tri giả, Trí giả, Ta vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ."

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Như thế nào Cù-đàm vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ. Tất cả thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này mà xuất?"[2883]

Bấy giờ Thế Tôn im lặng không đáp. Qua hai, ba lần hỏi, Phật cũng hai, ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả bảo xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca:

"Ban đầu ông đã hỏi nghĩa này. Nay lại hỏi theo cách nói khác, cho nên Thế Tôn không ký thuyết. Này Uất-đê-ca, nay tôi sẽ vì ông mà nói thí dụ. Phàm người trí mà nghe thí dụ thì sẽ hiểu. Ví như quốc vương có thành lũy bao quanh bốn bề kiên cố; đường giao thông bằng phẳng và chỉ có một cửa. Người đứng giữ cửa lại là một người thông minh, sáng suốt, thường khéo đoán xét. Bên ngoài có người đến, nếu người đáng vào thì cho phép vào; người không đáng vào thì không cho phép. Khắp chu vi vòng thành, muốn tìm cửa thứ hai cũng không thể được. Ngay đến lỗ ra vào của chó mèo cũng không, huống chi là cửa thứ hai! Người giữ cửa thành kia cũng không biết rõ người vào kẻ ra là ai, nhưng người này biết tất cả người ra hay vào chỉ từ cửa này, chứ không phải nơi nào khác. Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chúng sanh thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này xuất. Nhưng biết chúng sanh hết khổ, cứu cánh biên tế khổ, tất cả đều từ đạo này mà xuất."

Sau khi xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 966. PHÚ-LÂN-NI[2884]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Phú-lân-ni[2885], ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Lúc ấy có các xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Phú-lân-ni:

"Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt, phá hoại sự hữu. Có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni, có đúng như vậy không?"

Phú-lân-ni bảo các xuất gia ngoại đạo:

"Tôi không biết điều đó. Không có trường hợp Thế Tôn dạy chúng sanh đoạn diệt, phá hoại hữu, khiến trở thành vô sở hữu. Theo tôi hiểu như vầy:

‘Thế Tôn dạy có những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy, khiến họ đoạn diệt những thứ đó’.”

Lúc ấy, các xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phú-lân-ni nói, không hài lòng. Bèn chỉ trích rồi ra về. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem những điều các xuất gia ngoại đạo đã nói, bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, con đã đáp lại những điều ngoại đạo nói như vậy, là không mắc vào tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là nói đúng pháp, nói như những gì Phật dạy, nói như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghĩa hiềm trách đó chăng?”

Phật bảo Phú-lân-ni:

“Như những gì ông đã nói, không hủy báng Như Lai, không mất thứ tự, như Ta ký thuyết; nói pháp như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghĩ hiềm trách. Vì sao? Này Phú-lân-ni, vì trước tiên, các chúng sanh đã có ngã mạn, tà mạn; tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi, không hiện quán tà mạn[2886], rối loạn như ruột chó, như vòng móc sắt, như cỏ rối, qua lại rong ruổi đời này sang đời khác, đời khác sang đời này, rong ruổi tới lui không thể lìa xa.

“Này Phú-lân-ni, tất cả chúng sanh đối với tà mạn, nếu ai vĩnh viễn diệt tận không còn sót, thì tất cả những chúng sanh đó lúc nào cũng an ổn, khoái lạc.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 967. CÂU-CA-NA[2887]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đến bờ sông Tháp-bổ[2888], cởi y để bên bờ, xuống nước rửa tay chân, rồi trở lên bờ mặc một y, lau chùi thân thể. Lúc ấy cũng có xuất gia ngoại đạo tên Câu-ca-na[2889] đến bên sông. Tôn giả

A-nan-đà nghe tiếng đi, liền ho đánh tiếng, Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nghe có tiếng người, nên hỏi:

"Ai đấy!"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Sa-môn."

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

"Sa-môn nào?"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Sa-môn họ Thích."

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh giờ để giải đáp cho không?"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Tùy ý cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ đáp."

Câu-ca-na hỏi:

"Thế nào, A-nan-đà, Như Lai sau khi chết có còn chăng?"

A-nan-đà đáp:

"Thế Tôn đã nói, điều này không xác định."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết không còn chăng? Sau khi chết vừa có vừa không chăng? Chẳng phải có, chẳng phải không chăng?"

A-nan-đà đáp:

"Thế Tôn đã nói, điều này không xác định."

Ngoại đạo Câu-ca-na nói:

“Thế nào, thưa Tôn giả A-nan-đà? Khi hỏi: ‘Như Lai sau khi chết còn’ thì đáp: ‘Không xác định”. Khi hỏi: ‘Sau khi chết không còn, sau khi chết vừa còn vừa không còn, sau khi chết chẳng phải còn, chẳng phải không còn’, thì đáp: ‘Không xác định’. Thế nào, A-nan-đà! Có phải vì không biết không thấy chăng?”

A-nan-đà đáp:

“Chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy, mà là biết tất cả, thấy tất cả.”

Lại hỏi Tôn giả A-nan-đà:

“Biết gì? Thấy gì?”

A-nan-đà đáp:

“Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sanh khởi, thấy chỗ đoạn tận triền phược, đó là biết, đó là thấy. Ta biết như vậy, thấy như vậy, sao nói là không biết, không thấy?”

Câu-ca-na ngoại đạo lại hỏi:

“Tôn giả tên gì?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Tôi tên là A-nan-đà.”

Câu ca-na ngoại đạo nói:

“Lạ thay! Đệ tử của Đại Sư mà ta được cùng luận nghị. Nếu ta biết Tôn giả này là Tôn giả A-nan-đà thì không dám mở lời hỏi.”

Nói những lời này xong liền bỏ đi.

---o0o---

KINH 968. CẤP CÔ ĐỘC[2890]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có gia chủ Cấp Cô Độc, ngày nào cũng đến viếng thăm Thế Tôn đảnh lễ và cúng dường. Gia chủ tự nghĩ: 'Ta đến quá sớm. Thế Tôn và các Tỳ-kheo còn đang tọa thiền, tư duy. Thôi ta nên đi qua trú xứ của các ngoại đạo.' Gia chủ đi vào tinh xá ngoại đạo, cùng họ chào đón, thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy ngoại đạo kia hỏi:

"Gia chủ, ông thấy Sa-môn Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?"

Gia chủ đáp:

"Tôi cũng không biết Thế Tôn thấy thế nào và Thế Tôn thấy những gì?"

Các ngoại đạo nói:

"Ông hãy nói cái thấy của chúng Tăng. Chúng Tăng thấy như thế nào, chúng Tăng thấy những gì[2891]?"

Gia chủ đáp:

"Tôi cũng chẳng biết thế nào là cái thấy của chúng Tăng, chúng Tăng thấy những gì?"

Ngoại đạo lại hỏi gia chủ:

"Nay hãy nói cái thấy của chính ông? Cái thấy của chính ông là gì?"

Gia chủ đáp:

"Các ông mỗi người hãy tự nói chỗ thấy của mình, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi cũng không khó."

Khi đó có một ngoại đạo nói như vầy:

"Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

“Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Gia chủ, thế gian vừa thường vừa vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian phi thường phi vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian hữu biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vô biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.”

Lại có người nói:

“Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.”

Lại có người nói:

“Mạng tức là thân.”

Lại có người nói:

“Mạng khác thân khác.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là không còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết vừa có vừa không.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Các ngoại đạo bảo gia chủ:

“Chúng tôi mỗi người đều trình bày sở kiến của mình, vậy ông nên nói sở kiến của ông.”

Gia chủ đáp:

“Sở kiến của tôi là, chân thật hữu vi, tư lương duyên khởi[2892]. Nếu chân thật là pháp hữu vi do tư lương, duyên khởi thì chúng là vô thường; mà vô thường là khổ. Biết như vậy rồi, đối với tất cả sở kiến đều vô sở đắc. Như sở kiến của các ông cho thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Sở kiến này là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi. Nếu là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi thì vô thường, mà vô thường là khổ. Cho nên các ông thân cận với cái khổ, chỉ chịu khổ, sống mãi trong khổ, chìm sâu vào trong khổ.

“Cũng vậy, các ông cho rằng: ‘Thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Chúng có lỗi như vậy. Hay: ‘Thế gian thường vô thường, phi thường, phi vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thế gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chết có, Như Lai sau khi chết không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Đều nói như trên.”

Có một ngoại đạo nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

“Như những gì ông đã nói: ‘Nếu có sở kiến gì, thì đó là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi, đó là pháp vô thường.’ Nếu vô thường là khổ, thì sở kiến của gia chủ cũng thân cận khổ, chịu khổ, sống khổ, vào sâu trong khổ.”

Gia chủ đáp:

"Trước kia tôi chẳng đã nói: 'Sở kiến thật sự là pháp hữu vi, do tư lương duyên khởi, thảy đều vô thường, mà vô thường là khổ. Khi đã biết khổ rồi, ta đối với sở kiến ấy vô sở đắc' đó sao?"

Các ngoại đạo nói:

"Đúng như thế! Thưa gia chủ!"

Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc ở nơi tinh xá ngoại đạo khuất phục dị luận, kiến lập chánh luận, ở trong chúng ngoại đạo rống lên tiếng rống sư tử rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem cuộc đàm luận với ngoại đạo thuật lại hết lên Thế Tôn.

Phật bảo gia chủ Cấp Cô Độc:

"Lành thay! Lành thay! Hãy nên tùy lúc hàng phục các ngoại đạo ngu si, kiến lập chánh luận."

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ đảnh lễ mà lui.

---o0o---

KINH 969. TRƯỜNG TRẢO[2893]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trảo[2894] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến[2895]."

Phật bảo:

"Này Hỏa chủng[2896], ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chăng?"

Trường Trảo ngoại đạo nói:

“Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận.”

Phật bảo Hỏa chủng:

“Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sanh. Này Hỏa chủng, nhiều người có cùng sở kiến như ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy, ông cùng với họ giống nhau. Này Hỏa chủng, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian.

“Này Hỏa chủng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vầy, nói như vầy: ‘Tôi chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vầy, nói như vầy: ‘Tôi không chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vầy, nói như vầy: ‘Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.’

“Này Hỏa chủng, nếu chủ trương chấp nhận tất cả, kiến chấp này cùng sanh với tham, chẳng phải không tham; cùng sanh với nhuế, chẳng phải không nhuế; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc; phiền não, chẳng thanh tịnh; ái lạc, chấp thủ, nhiễm trước sanh. Hay nếu có kiến chấp như vầy: ‘Ta không chấp nhận tất cả’, kiến chấp này chẳng cùng sanh với tham, chẳng cùng sanh với nhuế, chẳng cùng sanh với si; thanh tịnh, không phiền não; lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; không ái lạc, không chấp thủ, không nhiễm trước sanh. Này Hỏa chủng, hay nếu có kiến chấp như vầy: ‘Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần’; vậy nếu chấp nhận thì câu hữu với tham,... *cho đến* sanh nhiễm trước; còn nếu không chấp nhận thì ly tham... *cho đến* không sanh nhiễm trước. Đa văn Thánh đệ tử kia nên học: ‘Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: ‘Ta chấp nhận tất cả’, sẽ bị hai hạng người chê trách và cật vấn. Những gì là hai? Người không chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Họ sẽ bị hai hạng người này chê trách. Vì bị chê trách nên bị cật vấn. Vì bị cật vấn nên bị hại. Kiến chấp kia vì bị chê trách, bị cất vấn, bị phá hại nên họ xả bỏ kiến chấp đó, còn những kiến chấp khác thì không còn sanh trở lại. Cũng vậy đoạn kiến, xả kiến, ly kiến, các kiến khác, không còn tương tục, không khởi, không sanh.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vầy: ‘Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: ‘Tất cả không chấp nhận’, sẽ bị hai hạng người chê trách và hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Người chấp nhận tất cả và người một phần

chấp nhận, một phần không chấp nhận. Hai hạng người chê trách và cật vấn như vậy, '... *cho đến*không tương tục, không khởi, không sanh.'

"Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vầy: 'Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận', sẽ bị hai hạng người chê trách, hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Là người thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả và không chấp nhận tất cả'. Hai trường hợp bị trách như vậy, '... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh.'

"Lại nữa, Hỏa chủng, thân có sắc gồm bốn đại thô kệch như vậy, Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử sống mà luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả, thì sống đối thân kia sự tham dục thuộc về thân, sự nhớ tưởng về thân, cảm thọ về thân, sự nhiễm về thân, sự đắm trước về thân vĩnh viễn diệt trừ không còn.

"Này Hỏa chủng, có ba thứ cảm thọ. Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba thứ cảm thọ này cần có nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Ba cảm thọ này cần có xúc là nhân, do xúc tập, xúc sanh, xúc chuyển. Mỗi mỗi xúc tập khởi, thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt tận, thọ diệt tận; vắng lặng, trong mát, vĩnh viễn hết sạch. Người kia đối với ba thọ này, biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc; biết như thật mỗi mỗi thọ hoặc tập khởi, hoặc diệt tận, hoặc vị ngọt, hoặc tai hại, hoặc xuất ly. Khi đã biết như thật rồi, đối những thọ ấy liền quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Người ấy ngay nơi toàn thân mình biết như thật các cảm thọ, nơi toàn phần sanh mạng mình biết như thật các cảm thọ. Nếu người ấy sau khi thân hoại, mạng chung, ngay lúc ấy các thọ hoàn toàn chấm dứt, không còn gì nữa. Bấy giờ, người ấy nghĩ rằng: 'Lúc biết rõ cảm thọ lạc thì thân mình cũng hoại, lúc biết rõ cảm thọ khổ, thì thân mình cũng hoại, ngay lúc biết rõ cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ, thì thân mình cũng hoại, thảy đều thoát khổ. Đối với cái cảm thọ lạc kia lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ khổ kia lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ kia, lìa ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân nhuế, ngu si; lìa sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não'. Ta nói những điều này gọi là lìa khổ."

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới thọ giới cụ túc nửa tháng, Tôn giả đang cầm quạt đứng sau hầu Phật. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: 'Thế Tôn đã khen ngợi nói ở nơi pháp này, pháp kia mà đoạn dục, ly dục,

diệt tận dục, xả dục.' Tôn giả Xá-lợi-phất đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ, không khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, xuất gia ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Ông thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi các nghi hoặc, không do người khác độ, vào trong Chánh pháp luật, được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật và chắp tay bạch Phật:

"Con xin được xuất gia thọ giới cụ túc ở trong Chánh pháp luật, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh."

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Trường Trảo:

"Ông được xuất gia thọ cụ túc trở thành Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật."

Được xuất gia trở thành thiện lai Tỳ-kheo. Ông suy nghĩ lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà... *cho đến*tâm thiện giải thoát đắc A-la-hán.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 35

KINH 970. XÁ-LA-BỘ[2897]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ[2898] ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà[2899]; giữa đồ chúng của mình, tự tuyên bố như vầy: "Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết."

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng mình tuyên bố như vầy: "Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết." Sau khi nghe những lời này,

khất thực rồi họ trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng nay chúng con đắp y, mang bát vào thành Vương xá khất thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tuyên bố như vầy: 'Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết'. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ, mà đích thân đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến chỗ Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Xuất gia ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, Ngài nói với Xá-la-bộ:

"Ông có thật nói như vầy: 'Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Sau khi đã biết hết rồi, ta buông bỏ hết không'?"

Lúc ấy, Xá-la-bộ im lặng không đáp.

Phật bảo Xá-la-bộ:

"Ông nay nên nói. Vì sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ. Nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, thì Ta sẽ giúp cho ông đầy đủ."

Xá-la-bộ vẫn im lặng. Nói như vậy hai, ba lần, nhưng cả ba lần cũng vẫn giữ im lặng. Lúc ấy, Xá-la-bộ có một đệ tử phạm hạnh bạch Xá-la-bộ rằng:

"Thưa thầy, lý ra thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình. Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với thầy: 'Nếu đầy đủ thì Ngài sẽ tùy hỷ. Nếu không đầy đủ Ngài sẽ giúp cho đầy đủ'. Vì sao thầy im lặng mà không nói?"

Khi người đệ tử phạm hạnh khuyên, ông vẫn làm thinh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ:

"Nếu có người nói: 'Sa-môn Cù-đàm không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác'. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Khi được khéo can gián, khéo cật vấn, người kia sẽ nói lảng qua những việc khác; hoặc phẫn nộ, kiêu mạn, ôm hận, phẫn hận, chống đối, không chấp nhận, không có cách gì

tỏ bày; hoặc im lặng xấu hổ cúi đầu, âm thầm tự nghĩ, tự xét; như Xá-la-bộ hôm nay.

Hoặc lại có người nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm không có[2900] Chánh pháp luật'. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.

"Hay lại có người nói: 'Đệ tử[2901] nào của Sa-môn Cù-đàm không phải là bậc thiện hướng[2902].' Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay."

Bấy giờ, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà rống lên tiếng rống sư tử, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ:

"Giống như trâu bị cắt đi hai cái sừng, nhốt vào trong chuồng trâu trống, nó quỳ xuống đất rống to. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

"Giống như người con gái muốn nói giọng đàn ông, nhưng khi phát ra tiếng, thì liền là tiếng đàn bà. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

"Giống như con dã can muốn kêu tiếng chồn, như khi phát ra tiếng thì vẫn là tiếng dã can. Thầy cũng như vậy, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống."

Sau khi đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ ở trước Xá-la-bộ nói ra những lời trách cứ, hủy báng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

---o0o---

KINH 971. THƯỢNG TỌA[2903]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà trong thành Vương xá, có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa[2904] đang ở cạnh hồ này, ông ở trong chúng của mình tự nói như vầy: "Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh."

Sáng sớm hôm ấy, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, vị này ở trong chúng của mình tự nói như vầy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.” Các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tự nói như vầy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.’ Xin Thế Tôn vì thương xót nên đích thân đến ông ấy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn, liền trải chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa, Thế Tôn ngồi xong, bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa rằng:

“Có thật ông đã nói những lời như vầy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, thì tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh’ chăng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại.”

Lúc ấy, ngoại đạo kia chất giường dây[2905] lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi và nói kệ:

Tỳ-kheo sống đúng pháp,

Không khủng bố chúng sanh,

Ý lặng, hành xả ly,

Trì giới thuận đình chỉ.

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ tâm ngoại đạo Thượng Tọa này, Ngài liền nói kệ:

Nếu ông tự hành theo

Những gì kệ ông nói;

Đối với ông, Ta sẽ

Xem như người Hiền thiện.

Xét những gì ông nói,

Nói, làm không tương ưng.

Người giữ gìn tịnh giới:

Tĩnh lặng, tự điều phục;

Chớ khủng bố chúng sanh;

Ý tĩnh lặng, xa lìa.

Thuận điều phục, tĩnh lặng;

Tâm, miệng, thân lìa ác.

Khéo nhiếp nơi trụ xứ,

Không để cho phóng dật:

Đây gọi là tùy thuận,

Điều phục và tĩnh lặng.

Khi ấy, xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Liền từ trên chỗ ngồi bước xuống, chắp tay bạch Phật:

"Nay con có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật không?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa:

“Nay ông có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo rồi, tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 972. TAM ĐẾ[2906]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có nhiều tu sĩ Ba-la-môn ở cạnh ao Tu-ma-kiệt-đà, tập hợp lại một chỗ bàn luận như vầy: “Chân đế của Bà-la-môn như vậy[2907]. Chân đế của Ba-la-môn như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các xuất gia Bà-la-môn kia, Ngài đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Lúc ấy, các xuất gia Bà-la-môn từ xa trông thấy Đức Phật đang đến, liền vì Phật sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Phật ngồi vào chỗ ngồi xong, bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Các ông tụ tập ở bờ ao Tu-ma-kiệt-đà này, để bàn luận những gì?”

Xuất gia Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tập hợp nơi đây bàn luận như vầy: ‘Chân đế của Bà-la-môn như vậy. Chân đế của Bà-la-môn như vậy’.”

Phật bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Có ba chân đế của Bà-la-môn[2908] mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, lại vì người diễn nói. Xuất gia Bà-la-môn các ông nói như vầy: ‘Không hại tất cả chúng sanh.’ Đó là chân đế của Bà-la-môn, chẳng phải hư dối. Họ nói với nhau rằng: ‘Ta hơn, rằng ta bằng, rằng ta kém[2909].’ Nếu đối với chân đế kia không bị trói buộc, đắm trước và đối với tất cả thế gian biểu

hiện lòng từ, đó gọi là chân đế thứ nhất của Bà-la-môn, mà Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.

"Lại nữa, Bà-la-môn nói như vầy: 'Những gì là pháp tập khởi[2910] đều là diệt pháp.' Đó là chân đế, chẳng phải là hư vọng... *cho đến* đối với chân đế này chẳng chấp trước và đối với tất cả thế gian quán sát sanh diệt. Đó gọi là chân đế thứ hai của Bà-la-môn.

"Lại nữa, Bà-la-môn nói vầy: 'Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì. Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì[2911].' Đó là chân đế, chẳng phải hư vọng, như trước đã nói,... *cho đến* đối với chân đế kia không bị trói đắm và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau. Đó gọi là chân đế thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói."

Bấy giờ các xuất gia Bà-la-môn đều ngồi yên im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: "Hôm nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ, nhưng hiện tại trong chúng này không có một người có khả năng tự suy xét, muốn tạo nhân duyên để ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh!"

Ngài đã biết như vậy rồi, nên từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 973. CHIÊN-ĐÀ[2912]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có xuất gia ngoại đạo tên là Chiên-đà[2913] đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Vì lý do gì Tôn giả xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Vì muốn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, nên tôi xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm."

Chiên-đà lại hỏi:

“Vị ấy có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi cũng có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm, tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Vì nhiễm trước tham dục, làm che mờ tâm nên hoặc tự hại mình, hoặc hại người, hoặc hại cả hai, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau cả hai đều mắc tội; tâm lúc nào cũng cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ thì tự hại mình, hại người, mình người đều hại... *cho đến* lúc nào cũng có cảm giác buồn khổ.

“Lại nữa tham dục là sự mù quáng, là không có mắt, là không có trí, làm tuệ lực sút kém, làm chướng ngại, không phải là minh, chẳng phải Đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Đối với sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm tai hại như vậy nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai. Và lại hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội; hiện tại, đời sau đều không mắc tội; tâm pháp lúc nào cũng cảm thấy vui vẻ, sung sướng. Đối với sân nhuế, ngu si cũng như vậy. Trong hiện tại thường xa lìa nhiệt não, không chờ thời tiết mà chứng đắc các hiện pháp khác, duyên tự thân mà giác tri[2914]. Và vì những công đức lợi ích như vậy, nên nói cần đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Có đạo, có đạo tích nào, mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp:

“Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... *cho đến* chánh định.”

Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan:

“Đây là đạo hiền thiện vậy thay! Là tích hiền thiện vậy thay! Nếu tu tập, tu tập nhiều thì sẽ có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 974. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (1)[2915]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết nhiều pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui xong, Đức Phật im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đi.

Lúc ấy, có xuất gia ngoại đạo tên Bổ-lũ-đê-ca[2916] trên đường đi lại, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Ngài từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hỏa chủng, tôi từ chỗ Thế Tôn, nghe Đại Sư nói pháp, dạy dỗ, rồi tới đây.”

Bổ-lũ-đề-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đến nay vẫn còn chưa dứt sữa[2917], vẫn theo Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp chăng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Này Hỏa chủng, tôi không dứt sữa, vẫn ở nơi Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp."

Bổ-lũ-đề-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi đã dứt sữa từ lâu, xả bỏ những gì Thầy đã truyền dạy."

Xá-lợi-phất nói:

"Pháp của ông là pháp luật được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

"Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sữa, lìa bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cằn hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghé con bú sữa xong vội vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ môït cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

"Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng lìa bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.

"Lại nữa, Đại Sư của tôi là Bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên từ lâu được uống dòng sữa của Ngài, được nghe Đại Sư dạy dỗ chánh pháp, ví như con bò sữa không cộc cằn hung dữ, lại có nhiều dịch sữa. Nghé con của nó uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng vậy, là Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp."

Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Xá-lợi-phất:

"Tôn giả chóng được thiện lợi nơi Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp."

Xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-để-ca nghe những gì Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lên đường mà đi.

---o0o---

KINH 975. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2).[2918]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập hợp ở giảng đường Vị tằng hữu[2919] bàn luận như vầy: 'Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống, không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này hợp, điều này không hợp. Như con trâu mù đi cạnh bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, không có điều gì nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp.'"

Phậy bảo Bổ-lũ-đê-ca:

"Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói 'nên hay không nên, hợp hay không hợp', đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mươi tuổi; tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: 'Đây là bé con già tuổi'. Cũng vậy, này Hỏa chủng, các thứ luận thuyết cho rằng: 'Nên không nên, hợp không hợp' đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả."

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?"

Phật bảo ngoại đạo:

"Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không điều phục khiến họ điều phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không

đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

"Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới không thanh tịnh khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là không điều phục khiến họ điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý không điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn không đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực."

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, ý nghĩa ấy là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Sự kiên cố này là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Đó chính là tận trừ các hữu lậu."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 976. THI-BÀ (1)[2920]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Thi-bà[2921] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào đón thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thế nào là học? Gọi là học, vậy thế nào là học?"

Phật bảo Thi-bà:

"Học những gì nên học, nên gọi là học."

Thi-bà bạch Phật:

"Học những gì?"

Phật bảo Thi-bà:

"Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng ý, học tăng thượng tuệ."

Thi-bà bạch Phật:

"Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã taận, những việc làm đã xong, đã trút bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ những kết sử của hữu, bằng chánh trí mà khéo giải thoát, bấy giờ lại còn phải học những gì nữa?"

Phật bảo Thi-bà:

"Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận... *cho đến* chánh trí khéo giải thoát, chính lúc này giác tri tham dục vĩnh viễn sạch hết không còn và giác tri sân nhuế, ngu si vĩnh viễn sạch hết không còn, nên không còn tạo lại các điều ác, lúc nào cũng thực hành các điều lành. Thi-bà, đó gọi là học những gì nên học."

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thi-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 977. THI-BÀ (2)[2922]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Thi-bà[2923] đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, có một số xuất gia Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả những gì được giác tri bởi con người, tất cả những thứ ấy đều là nhân đã được tạo tác từ trước[2924]. Tu các khổ hạnh khiến cho các nghiệp quá khứ sạch hết, không còn tạo ra nghiệp mới, đoạn các nhân duyên, không còn các lậu trong đời vị lai. Vì các lậu đã hết nên nghiệp hết. Vì nghiệp hết nên hết khổ. Khổ hết nên rốt ráo biên tế của khổ.' Nay chủ trương của Cù-đàm là như thế nào?"

Phật bảo Thi-bà:

"Sa-môn, Bà-la-môn kia thật sự nói một cách mơ hồ, không suy xét, không cân nhắc, ngu si, không khéo léo, không biện biệt. Vì sao? Hoặc khổ khởi lên do gió mà chúng sanh giác tri, hoặc khởi do đờm, hoặc khởi từ nước dãi, hoặc khởi từ đẳng phần[2925], hoặc do tự hại, hoặc do kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu. Người tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm giữa tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ như vậy. Này Thi-bà, đó gọi là tự hại. Còn khổ do hay kẻ khác hại là, hoặc bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đó gọi là kẻ khác làm hại.

"Này Thi-bà, hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa Đông thì thật lạnh, mùa Xuân thì thật nóng, mùa Hạ vừa nóng vừa lạnh. Đó là bị thời tiết hại. Những điều này thật có ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Này Thi-bà, thế gian có những thực tế này như bị gió làm hại... *cho đến* bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia giác tri như thật. Ông cũng tự có những tai họa này: gió, đờm, nước dãi, thời tiết làm hại,... *cho đến* biết thời tiết làm hại như vậy, được giác tri như thật như vậy.

"Này Thi-bà, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã được tạo từ trước, thì đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình.

"Này Thi-bà, có năm nhân năm duyên sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân bởi tham dục triền phược, duyên bởi tham dục triền phược mà sanh tâm pháp ưu khổ. Nhân bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược; duyên bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược sanh tâm pháp ưu khổ. Này Thi-bà, đó là là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ?

"Này Thi-bà, có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ, lìa tham dục trói buộc, thì không khởi tâm ưu khổ. Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, ngay hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt những gì được thấy, duyên nơi chính mình mà giác tri.

"Này Thi-bà, lại có pháp hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, đó là tám Thánh đạo, chánh kiến... *cho đến* chánh định."

Lúc nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lìa hồ nghi, không do người khác, vào trong Chánh pháp luật, đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con có thể xuất gia, thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật chăng?"

Phật bảo Thi-bà:

"Nay người được xuất gia…" *Nói như trên,... cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 978. THƯƠNG CHỦ[2926]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la[2927] tại thôn Na-la. Bấy giờ tại thôn Na-la có Thương chủ [2928] xuất gia ngoại đạo, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia trước đây có một người thân, mệnh chung sanh về cõi trời. Ông ở cõi trời kia nhìn thấy Thương chủ xuất gia ngoại đạo, nghĩ rằng: "Ta muốn đến bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Thế Tôn, tu hành phạm hạnh. Sợ ông ta không nghe theo lời ta. Nay ta nên đến đó, bằng ý luận [2929] khiến cho hỏi." Sau đó liền hiện thân xuống thôn Na-la, đến chỗ Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia và nói kệ rằng:

Sao là ác tri thức,

Hiện tướng thiện tri thức?

Sao là thiện tri thức,

Đồng một thể như mình?

Vì sao cầu đoạn dứt?

Làm sao lìa thiêu đốt?

"Này Tiên nhân, nếu ông đem ý luận này hỏi những người kia, ai có thể giải rõ, nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì có thể theo người ấy xuất gia tu phạm hạnh."

Thương chủ xuất gia ngoại đạo nhận những lời mách bảo của vị Thiên nọ, đến chỗ Phú-la-na Ca-diếp đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được huống chi là có thể đáp lại.

Sau đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi Tử, San-xà-gia-tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-ba-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Nhã-đề Tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, tất cả đều không thể đáp.

Khi đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo nghĩ rằng: "Ta đem ý luận bài kệ này hỏi các bậc Thầy xuất gia, tất cả đều không đáp được. Nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ ngũ dục." Lại suy nghĩ: "Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm. Nhưng các vị Thầy Sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu như Phú-la-na Ca-diếp v.v... đều không thể đáp, mà Sa-môn Cù-đàm xuất gia tuổi trẻ, sao có thể thấu tỏ được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: 'Chớ khinh người xuất gia tuổi trẻ mới học. Hoặc có Sa-môn xuất gia tuổi trẻ oai đức lớn.' Hôm nay ta sẽ đến Sa-môn Cù-đàm, đem ý luận tâm niệm này để hỏi."

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương chủ kia, liền nói kệ:

Sao là ác tri thức,

Hiện tướng là thiện hữu?

Trong tâm thật xấu, tởm,

Miệng nói tôi đồng tâm,

Việc làm không vui chung,

Biết không phải thiện hữu.

Miệng nói lời yêu mến,

Tâm chẳng thật tương ưng,

Việc làm cũng không đồng,

Bậc tuệ nên giác tri,

Đây là ác tri thức.

Cùng ta đồng một thể,

Sao là thiện tri thức?

Cùng ta đồng một thể,

Chẳng phải thiện hữu kia:

Buông lung không chế ngự,

Bại hoại, ôm nghi hoặc.

Suy xét tìm manh mối,

An nơi thiện tri thức,

Như con trong lòng cha,

Không phải kẻ bên ngoài:

Đó là thiện tri thức.

Vì sao cầu đoạn tận?

Sanh vào nơi hoan hỷ,

Trong mát, đáng khen ngợi,

Tu tập quả phước lợi,

Trọn tĩnh lặng, mát mẻ,

Cho nên cầu đoạn tận.

Thế nào là thiêu đốt?

Vị tịch tĩnh vắng lặng,

Biết vị viễn ly kia,

Viễn ly ác thiêu đốt,

Nếm được vị pháp hỷ,

Tịch diệt lìa lửa dục,

Đó gọi lìa thiêu đốt.

Bấy giờ, Thương chủ xuất gia ngoại đạo tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta." Liền bạch Phật:

"Nay con có được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật của Sa-môn Cù-đàm chăng?"

Phật bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo:

“Nay ông có thể được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Sau khi được xuất gia như vậy rồi ông tư duy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

---o0o---

KINH 979. TU-BẠT-ĐÀ-LA [2930]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Sa-la song thọ, sanh địa của dòng họ Lực sĩ, nước Câu-di-na-kiệt[2931]. Bấy giờ Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc. Trong đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn, mà nhập Bát-niết-bàn.”

Khi ấy Tôn giả A-nan vâng lời dạy, treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về Bắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn đến nằm trên giường dây giữa hai cây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào ánh sáng, chánh niệm, chánh trí.

Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la[2932], tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu, được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ[2933]. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình’. Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cổng vườn. Tu-bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ nhập Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, tôi có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-đàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi."

A-nan đáp:

"Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm nhọc Thế Tôn!"

Qua ba lần Tu-bạt-đà-la nài nỉ Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bạt-đà-la nói:

"Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thuở xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-đàm-bát, nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, an trụ với tín tâm, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-đàm."

A-nan lại đáp:

"Này Tu-bạt-đà-la, hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên làm nhọc Thế Tôn."

Bấy giờ, Thế Tôn nhờ thiên nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo Tôn giả A-nan:

"Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo và đây là vị thiện lai Tỳ-kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bạt-đà-la."

Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, thì vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, phàm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v..., mỗi người tự lập tông như vầy: 'Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!' Thế nào, thưa Cù-đàm, có đúng là mỗi một phái đều có tông này chăng[2934]?"

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bạt-đa-la nói kệ:

Từ hai mươi chín tuổi,

Xuất gia tu thiện đạo;

Thành đạo tới ngày nay,

Trải qua năm mươi năm.

Tam-muội, minh, hạnh đủ,

Thường tu tập tịnh giới:

Lìa chút đạo phần này,

Ngoài đây không Sa-môn.

Phật bảo Tu-bạt-đà-la:

“Ở trong Chánh pháp luật, ai không được tám Chánh đạo, thì cũng không được sơ quả Sa-môn, cũng không được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Này Tu-bạt-đà-la, ở trong Chánh pháp luật này, ai được tám Chánh đạo thì được Sơ quả Sa-môn, được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ quả Sa-môn. Ngoài đây ra, ngoại đạo không có Sa-môn. Ở đây các ông ngoại đạo kia, chỉ Sa-môn, Bà-la-môn suông mà thôi. Cho nên nay Ta ở trong chúng, rống lên tiếng rống sư tử.”

Khi Phật nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la lìa xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi ấy Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hồ nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong Chánh pháp luật đắc vô sở úy. Từ chỗ ngồi đứng lên, ông sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được Đại Sư, được làm đệ tử Đại Sư, được mưa pháp của Đại Sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay nếu tôi được xuất

gia thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật, thì cũng sẽ được lợi ích như vậy.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la:

“Tỳ-kheo này, hãy đến đây tu hành phạm hạnh.”

Ngay lúc ấy Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền được xuất gia thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Từ đó tư duy như vậy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, tự nghĩ: “Ta không nỡ nhìn Phật Bát-niết-bàn, ta sẽ Bát-niết-bàn trước.” Lúc này, Tôn giả Tu-bạt-đà-la Bát-niết-bàn trước, sau đó Thế Tôn mới Bát-niết-bàn.

---o0o---

KINH 980. NIỆM TAM BẢO[2935]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu.

Bấy giờ nước Tỳ-xá-ly có nhiều khách buôn đến nước Đát-sát-thi-la[2936], phương tiện trang nghiêm[2937]. Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu. Nghe xong, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài ngồi im lặng. Các khách buôn từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con là những khách buôn, phương tiện trang nghiêm, muốn đi đến nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thế Tôn cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời cầu thỉnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật. Mỗi người trở về nhà mình sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống thơm ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, an trí nước sạch. Sáng sớm cho người đến bạch Phật đã đến giờ. Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, ngồi trên chỗ ngồi đã dọn. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn đặt những cái ghế nhỏ thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

"Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: 'Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn.' Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm pháp sự, 'Chánh pháp luật của Phật, được thấy trong hiện tại[2938], có thể xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận[2939], duyên vào tự mình mà giác tri[2940].' Lại niệm Tăng sự, 'đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... *cho đến* là ruộng phước của thế gian.' Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.

"Thời quá khứ, Trời và A-tu-la đánh nhau, lúc ấy Thiên đế Thích bảo các chúng trời:

"Trong khi các ngươi cùng chiến đấu với bọn A-tu-la, nếu ai sanh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta gọi là ngọn cờ Chiến thắng[2941]. Khi niệm đến ngọn cờ này thì khủng bố liền tan, nếu ai không niệm đến ngọn cờ của ta, thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na[2942], nếu không niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xa-na thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Bà-lưu-na[2943], lúc niệm đến ngọn cờ ấy, khủng bố liền tiêu trừ.

"Cũng vậy, các khách buôn, các ông ở nơi hoang vắng, bị khủng bố, thì nên niệm Như Lai sự, niệm Pháp sự, niệm Tăng sự."

Thế Tôn vì các khách buôn Tỳ-xá-ly nói kệ tùy hỷ cúng dường:

Cúng dường Tăng Tỳ-kheo,

Đồ ăn uống tùy thời;

Chuyên niệm chánh tư duy,

Chánh tri mà hành xả.

Tịnh vật, ruộng phước tốt,

Các ông đều đầy đủ.

Duyên công đức lợi này,

Lâu dài được an vui.

Khởi tâm mong cầu gì,

Các lợi đều ứng ngay.

Người vật thảy an ổn,

Đường sá qua lại tốt;

Đêm ngày đều an ổn,

Xa lìa mọi điều ác.

Như ruộng đất mầu mỡ,

Thuần chủng hạt giống tốt;

Thường vun tưới thấm nhuần,

Thu hoạch không thể kể.

Tịnh giới ruộng phước tốt,

Chủng tử thật tốt lành;

Cùng tùy thuận chánh hạnh,

Trọn thành tựu diệu quả.

Cho nên người bố thí,

Muốn cầu đủ công đức;

Phải hành theo trí tuệ,

Tự nhiên đủ các quả.

Đối Bậc Minh Hạnh Túc,

Chánh tâm tận cung kính;

Vun trồng các gốc lành,

Trọn được phước lợi lớn.

Biết thế gian như thật,

Chánh kiến được đầy đủ;

Chánh đạo thấy vẹn toàn,

Hoàn toàn mà tiến lên;

Xa lìa mọi trần cấu,

Chóng đắc đạo Niết-bàn.

Cứu cánh được thoát khổ,

Gọi là đủ công đức.

Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly thuyết pháp, chỉ dạy soi sáng, làm cho an vui rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---o0o---

KINH 981. CÂY PHƯỚN[2944]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng lên, thì nên niệm Phật, Pháp, Tăng, nói rộng như trước. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự thì mọi sự sợ hãi tự tiêu trừ.

"Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ Thích Đề-hoàn Nhân cùng đánh nhau với A-tu-la. Lúc ấy Đế Thích nói với các vị Tam thập tam thiên rằng: 'Này các Nhân giả, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, nếu có ai sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta[2945]. Khi niệm đến ngọn cờ này, thì mọi sự sợ hãi đều tiêu trừ.' Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hoặc ở trong nhà trống mà sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì nên niệm Như Lai là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Đương lúc niệm Phật, thì sự sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Vì Thiên đế Thích này còn giữ lòng tham, sân, si, đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, không được giải thoát, kinh hoàng sợ hãi bỏ chạy, mà còn dặn lại chư Thiên Tam thập tam nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa tham, sân, si, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, không có điều sợ hãi, trốn tránh, mà không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi?"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 982. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (1)[2946]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na[2947] tại nước Sa-chỉ[2948]. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp, Ta có thể lược nói và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó."

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu có chúng sanh nào ở nơi thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có[2949] ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc[2950], cho đến ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vị ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát[2951].

"Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo kia, ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có[2952] kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thanh tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

"Này Xá-lợi-phất, nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cùng hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy, do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

"Xá-lợi-phất, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ[2953].

"Xá-lợi-phất, đối với điều này Ta có nói thêm khi giải đáp câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca[2954].

Thế gian, xét sai biệt,

Bất động mọi hoàn cảnh[2955];

Ai tịch tĩnh, sạch bụi,

Bứt rễ, không hy vọng[2956];

Vượt qua biển ba hữu,

Không còn lo già chết[2957].

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ Tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 983. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (2)[2958]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, một mình ở chỗ vắng tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tueâ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'"

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một mình ở chỗ vắng con tư duy như vầy: Nếu có người nói như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, …, cho đến, tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'"

Phật dạy Tôn giả A-nan:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tueâ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy'. A-nan, Tỳ-kheo đó ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tueâ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'

"Này A-nan, nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài... *cho đến* tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.

"Này A-nan, ở đây Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Ba-la-diên Ưu-đà-da[2959].

Đoạn tận tưởng ái dục,

Ưu khổ cũng đều lìa;

Tỉnh giác đối ngủ nghỉ,

Diệt trừ trạo hối cái.

Xả tham, nhuế, thanh tịnh,

Hiện tiền quán sát pháp;

Ta nói trí giải thoát,

Diệt trừ màn vô minh[2960].

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 984. ÁI (1)[2961]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen[2962]. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắt, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

"Này các Tỳ-kheo, tại sao ái là lưới, là chất keo... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn[2963], ta như vầy, có ta[2964], không ta[2965], khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ ước muốn, ta sẽ như vầy, ta sẽ khác khác, mong ta ước muốn *(tồn tại nơi đây)*, mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác. Mười tám ái hành[2966] như vậy, phát khởi từ bên trong.

"Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy[2967]... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín,

bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 985. ÁI (2)[2968]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có khi từ ái sanh ra ái, từ ái sanh ra nhuế, từ nhuế sanh ra ái, từ nhuế sanh ra nhuế[2969].

"Thế nào là từ ái sanh ra ái? Có người đối với chúng sanh[2970] là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Mọi người khác đối với người này đáp lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó tự nghĩ: 'Ta đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Những người khác đối xử với chúng sanh kia cũng hoan hỷ, đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích ý[2971]. Cho nên ta lại sanh yêu mến mọi người khác.' Đó gọi là từ ái sanh ra ái.

"Thế nào là từ ái sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng mà những người khác đối xử với chúng sanh kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: 'Ta đối với chúng sanh kia, là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng những người khác đối xử với người kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Cho nên ta sanh ra sân nhuế đối với mọi người kia.' Đó gọi là từ ái sanh ra nhuế.

"Thế nào là từ nhuế sanh ra ái? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Những người khác lại đối xử với người kia không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý.[2972] Do đó nên ta đối với những người khác sanh ra ái niệm[2973]. Đó gọi là từ nhuế sanh ra ái.

“Thế nào là từ nhuế sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Mọi người khác đối xử với người này lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Do đó ta sanh lòng sân nhuế đối với người khác ấy.’ Đó gọi là từ nhuế sanh ra nhuế.

“Nếu Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán... *cho đến* thành tựu an trụ Sơ thiền, cho đến Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì ái từ ái sanh, nhuế từ nhuế sanh, nhuế từ ái sanh, ái từ nhuế sanh, tất cả đều đã đoạn, đã biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo nào sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Chính lúc này không bốc lên, không chống trả[2974], không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người[2975].

“Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

“Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị bốc lên.

“Thế nào là chống trả? Đối với người mạ lỵ thì mạ lỵ lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả.

“Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chưởi mà không mắng chưởi lại; đối với người sân giận mà không sân giận lại; đối với người đánh mà không đánh lại; đối với người xúc phạm mà không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

“Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái[2976]. Đó gọi là khởi trần lao.

“Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không khởi trần lao.

“Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục,... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục,... *cho đến*không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là hiềm người? Thấy ngã chân thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri[2977]. Đó gọi là hiềm người.

“Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là không hiềm người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 986. HAI SỰ KHÓ ĐOẠN[2978]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai sự đoạn tuyệt khó duy trì. Những gì là hai? Nếu nơi người thế tục, nơi phi nhân, mà duy trì sự đoạn tuyệt đối với những nhu cầu của cuộc sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm v.v... đó là việc làm khó. Lại nữa, Tỳ-kheo là người xuất gia, không nhà, đoạn trừ tham ái. Duy trì sự đoạn tuyệt ấy cũng là một việc làm rất khó.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thế gian có hai việc,

Trì đoạn thì khó làm.

Đó là lời chân thật,

Những gì Phật đã biết.

Tại gia tiền thu chi,

Cơm áo mọi vật dụng,

Tham ái bởi thế gian,

Muốn đoạn rất khó khăn.

Tỳ-kheo đã lìa dục,

Tin xuất gia, không nhà;

Diệt trừ các tham ái,

Trì đoạn cũng khó làm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 987. HAI PHÁP[2979]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta y chỉ, an trụ nhiều nơi hai pháp. Những gì là hai? Đó là, đối với các pháp thiện Ta chưa từng biết đủ; đối với việc đoạn pháp ác Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ cố gắng siêng năng, không bỏ thiện pháp, không được những điều chưa được thì quyết không dừng nghỉ; đối với tâm yếu kém chưa từng sanh vui mừng, lúc nào cũng ưa thích tiến lên, vượt lên đạo cả. Vì sống tinh tấn

như vậy nên mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với hai pháp này Tỳ-kheo nên y chỉ, an trụ nhiều. Đối với các pháp thiện thì không sanh ý tưởng thỏa mãn. Y chỉ trên những đoạn trừ chưa từng lìa bỏ,... *cho đến* da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực không ngừng mới có thể tu tập pháp thiện. Cho nên Tỳ-kheo đối với các điều hạ liệt chớ nên[2980] sanh ý tưởng hoan hỷ, hãy nên lúc nào cũng sống, tu tập thăng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, không bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 988. ĐẾ THÍCH (1)[2981]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, với hình sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên. Do oai lực của thân trời, ánh sánh chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã từng ở trong hang đá núi Cách giới[2982] nói rằng: 'Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận giải thoát, tâm khéo giải thoát, vị ấy đã tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh[2983].' Thế nào là Tỳ-kheo đã tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh?"

Phật bảo Đế Thích:

"Tỳ-kheo nào biết như thật khi tiếp nhận những cảm giác có được hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc; biết như thật về các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất. Sau khi đã biết như thật rồi, quán sát thọ kia vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Sau khi đã quán sát như vậy, chắc chắn đi đến tận cùng, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh.

"Này Câu-thi-ca, đó gọi là Tỳ-kheo đi đến tận cùng trong Chánh pháp luật, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh... *cho đến* Thiên đế Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 989. ĐẾ THÍCH (2)[2984]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, cuối đêm dậy kinh hành, trông thấy có ánh sánh chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thấy rồi liền nghĩ: 'Đêm nay hoặc có Đại lực quỷ thần đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này.'

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cuối đêm qua con ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chói lọi chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Thấy rồi nghĩ thầm: 'Chắc có vị Đại lực quỷ thần nào đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này.'"

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

'Cuối đêm qua Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên…" *Nói rộng như kinh trên*... hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ mà lui.

---o0o---

KINH 990. LỘC TRÚ (1)[2985]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát, đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ[2986]. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan vội vàng sửa soạn chỗ ngồi và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi đứng lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Thưa Tôn giả, pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na[2987] trước kia tu phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ[2988]. Còn chú là Lê-sư-đạt-đa[2989] không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sanh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biên tế của khổ.

"Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau và đời sau của họ cũng giống nhau?"

A-nan đáp:

"Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian."

Nói như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Này A-nan, hoặc[2990] có một người phạm giới[2991]. Người ấy không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Lại có một người phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những người này, so sánh mà nói rằng: 'Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, ở đây cả hai phải cùng sanh một chỗ, đồng thọ sanh như nhau và đời sau cũng như nhau.' Người nào so sánh như vậy, sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

"Này A-nan, người phạm giới kia, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không

còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này thoái đọa, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái đọa.

"A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thoái đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

"Cho nên, này A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người. Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.

"Như hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

"Hoặc người trạo cử tháo động[2992], không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

"Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn.

"Hoặc người khổ tham[2993], không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự khổ tham của họ đã diệt không còn."

Ô uế và thanh tịnh, cũng được nói như trên... *cho đến* "Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi."

"Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên đối với việc thuyết pháp nhất hướng của Như Lai tâm sanh hồ nghi. Thế nào, A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không!"

Phật bảo A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Như Lai nói pháp nếu là hai thì điều này không thể có. Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sanh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? A-nan, Phú-lan-na trì giới hơn, còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, thì Ta nói hai người cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sanh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.

"Giữa hai người này nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sanh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 991. LỘC TRÚ (2)[2994]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật hạ an cư tại ấp Lưu-lợi[2995] trong thành Di họ Thích. Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ an cư trong vườn Cấp cô đoạc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đi đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-ba-di Loậc Trụ từ xa trông thấy Tỳ-kheo vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo an tọa. Nói giống như kinh A-nan ở trước. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nói với Ưu-bà-di Lộc Trụ:

"Này cô, hãy thôi đi! Cô làm sao biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Này cô, chỉ có Như Lai mới có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Nói như vậy xong Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tỳ-kheo kia sau ba tháng hạ an cư, may y xong, đắp y mang bát đi đến ấp Lưu-lợi, thành Di của họ Thích, cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-di Lộc Trụ trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tính hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi.

“Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, lại có một người không lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát. Nếu suy xét về chúng, rằng: ‘Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, thì ở đây họ cùng đi đến một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau như nhau.’ Người nào so sánh như vậy, thường chịu khổ, không nghĩa, không lợi ích.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ hẹp hòi nhỏ mọn, thấp kém.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát, Ta nói người này là thắng diệu bậc nhất.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ. Cho nên, này Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia... *cho đến* Như Lai mới có thể biết căn tính ưu, liệt.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân, mạn, lúc nào cũng khởi ác hành nơi miệng…” *Còn lại, nói như trên đã nói.*

“Lại nữa, có người hiền thiện, an vui, cùng sống vui thích minh trí, người tu phạm hạnh thích ở chung, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... *cho đến* lúc nào cũng không được tâm giải thoát, nên biết người này trụ nơi đất hiền thiện, mà không thể thăng tiến. Chỗ đất hiền thiện đó là cõi trời, người.

“Lại nữa, có người căn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích phạm hạnh, lấy làm bạn hữu, ưa nghe chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều

phục kiến chấp, lúc nào cũng được tâm pháp giải thoát, nên biết người này ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp, có chỗ kham năng.

"Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì sẽ chuốc lấy tai hại, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi.

"Này Tỳ-kheo, Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ngu si, trí kém…" *Nói như kinh trên.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 992. PHƯỚC ĐIỀN[2996]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?"

Phật bảo gia chủ:

"Thế gian có hai loại ruộng phước. Những gì là hai? Đó là hữu học cùng vô học."

Và nói kệ:

Đời có Học, Vô học,

Đại hội thường kính thỉnh;

Tâm ngay thẳng chân thật,

Thân, miệng cũng như vậy.

Đó là ruộng phước tốt,

Người thí được quả lớn.

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 36

KINH 993. TÁN THƯỢNG TỌA[2997]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấygiờ có các Thượng tọa Tỳ-kheo, sống y chỉ bên cạnh Phật như Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá[2998] đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ-kheo một." Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

Tỳ-kheo Tối thượng tọa,

Đã đoạn các tham dục;

Vượt khỏi các thế gian,

Tất cả mọi tích tụ;

Trí sâu, ít nói năng,

Dõng mãnh siêng phương tiện;

Đạo đức sạch sáng ngời:

Con nay cúi đầu lạy.

Đấng hàng phục ma oán,

Xa lìa nơi đám đông;

Không bị năm dục trói,

Thường ở nơi vắng lặng;

Rỗng suốt, ít ham muốn:

Con nay cúi đầu lạy.

Thắng tộc Giá-la-diên,

Thiền tư không phóng dật,

Nội tâm vui chánh thọ,

Trong sạch lìa bụi nhơ,

Tuệ biện hiển nghĩa sâu:

Cho nên con cúi lạy.

Đấng đạt Thần thông tuệ,

Vượt qua sức thần thông;

Trong sáu thứ thần thông,

Tự tại không sợ hãi;

Là thần thông tối thắng:

Cho nên con cúi lạy.

Chúng sanh nơi năm đường,

Cho đến cõi Phạm thế;

Trời, người tưởng ưu liệt,

Trong đại thiên thế giới;

Mắt tịnh thiên thấy hết:

Cho nên con cúi lạy.

Sức phương tiện tinh cần,

Đoạn trừ tập khởi ái;

Xé toạc lưới sanh tử,

Tâm thường vui Chánh pháp;

Lìa các tưởng hy vọng,

Vượt qua bờ bên kia;

Trong sạch, không bụi nhơ:

Cho nên con cúi lạy.

Thoát hẳn mọi sợ hãi,

Lìa tài vật, không dính;

Biết đủ, không nghi hoặc,

Hàng phục giặc ma oán;

Quán niệm thân thanh tịnh:

Cho nên con cúi lạy.

Không có các thế gian,

Rừng gai góc phiền não;

Trừ hẳn kết phược sử,

Dứt nhân duyên ba cõi;

Tinh luyện diệt các cấu,

Rốt cùng sáng hiện bày;

Nơi rừng lìa khỏi rừng:

Cho nên con cúi lạy.

Dứt giả trá, si, nhuế,

Điều phục các ái hỷ;

Ra khỏi mọi kiến xứ,

Không cửa nhà nương tựa;

Thanh tịnh không vết nhơ:

Cho nên con cúi lạy.

Tâm kia chuyển tự tại,

Kiên cố không khuynh động;

Trí tuệ đại đức lực,

Khuất phục ma khó phục;

Đoạn trừ kết vô minh:

Cho nên con cúi lạy.

Đại nhân xa tối tăm,

Đấng Mâu-ni vắng lặng,

Chánh pháp lìa lỗi nhơ,

Ánh sáng tự hiện chiếu,

Soi khắp mọi thế giới,

Cho nên gọi là Phật.

Địa thần, hư không thiên,

Thiên tử Tam thập tam;

Ánh sáng ắt bị che,

Cho nên gọi là Phật.

Qua bờ sanh tử hữu,

Siêu việt vượt mọi loài;

Mềm mỏng khéo điều phục,

Chánh giác đệ nhất giác;

Đoạn tận mọi kết phược,

Hàng phục các ngoại đạo;

Đập tan bọn ma oán,

Đắc Vô thượng Chánh giác;

Lìa trần diệt các cấu:

Cho nên con cúi lạy.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

---o0o---

KINH 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN PHẬT[2999]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

"Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não và sống khinh lợi, an vui chăng?' Lại nói tiếp: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông'."

Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

"Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ dưới chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kỳ-xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

"Bà-kỳ-xá chớ nên khinh động."

Thế Tôn liền ngồi xuống hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

"Những bệnh khổ của ông có bình hòa, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm." Nói đầy đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước... *cho*

đến "… những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Ông đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Làm sao ông có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng vậy, với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận thức bởi ý, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin Đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Nên biết đúng lúc."

Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước và nói kệ:

Nay con ở trước Phật,

Cúi đầu cung kính lạy.

Đối với tất cả pháp,

Thảy đều được giải thoát.

Khéo hiểu các tướng pháp,

Tin sâu, vui Chánh pháp.

Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,

Thế Tôn là Đại Sư.

Thế Tôn hàng ma oán,

Thế Tôn Đại Mâu-ni;

Diệt trừ tất cả sử,

Tự độ các loài sanh.

Thế Tôn đối thế gian,

Giác tri tất cả pháp.

Thế gian ắt không có

Ai biết pháp hơn Phật.

Ở trong cõi Thiên, Nhân,

Cũng không ai bằng Phật.

Cho nên hôm nay con,

Lễ bậc Đại tinh tấn,

Cúi đầu lễ Thượng sĩ,

Lễ đấng Đại tinh tấn,

Đã nhổ gai ái dục.

Hôm nay giờ phút cuối,

Con được thấy Thế Tôn.

Cúi lễ đấng Nhật chủng,

Đêm nay Bát-niết-bàn.

Chánh trí buộc chánh niệm,

Đối thân hư hoại này;

Các dư lực còn lại,

Từ đêm nay diệt hẳn.

Ba cõi không còn nhiễm,

Vào Vô dư Niết-bàn.

Cảm thọ khổ và vui,

Cũng không khổ không vui;

Từ nhân duyên xúc sanh,

Hôm nay ắt đoạn tận.

Khổ thọ và lạc thọ,

Cũng không khổ không vui;

Từ nhân duyên xúc sanh,

Hôm nay đều biến tri.

Hoặc bên trong, bên ngoài,

Các cảm thọ khổ vui;

Đối thọ không chỗ đắm,

Chánh trí chánh buộc tâm;

Ban đầu, giữa, sau cùng,

Các tụ không chướng ngại.

Các tụ đã đoạn rồi,

Biết rõ ái không còn.

Người thấy rõ chân thật,

Nói chín mươi mốt kiếp;

Trong ba kiếp không trống,

Có đấng Đại Tiên nhân.

Cõi không không nơi tựa,

Chỉ sợ kiếp khủng bố.

Nên biết Đại Tiên nhân,

Lại xuất hiện thế gian,

An ủi các trời, người,

Mở mắt, lìa bụi mờ;

Thức tỉnh các chúng sanh,

Cho biết mọi thứ khổ:

Khổ khổ và khổ tập,

Tịch diệt, vượt qua khổ;

Bát Thánh đạo Hiền thánh,

An ổn đến Niết-bàn.

Điều thế gian khó được,

Hiện tiền tất đã được;

Đời này, được thân người,

Chánh pháp được diễn nói.

Theo những gì mình muốn,

Lìa cấu cầu thanh tịnh;

Chuyên tu tự lợi mình,

Chớ khiến rỗng không quả.

Luống không thời sanh lo,

Gần nơi địa ngục khổ.

Đối Chánh pháp được nói,

Không thích, không muốn nhận;

Sẽ ở lâu sanh tử,

Bao giờ dứt luân hồi!

Trường kỳ ôm ưu não,

Như người buôn mất của.

Nay con đủ mọi tốt,

Không còn sanh, già, chết.

Luân hồi đã chấm dứt,

Không còn sanh lại nữa.

Dòng nước sông ái, thức,

Từ nay tất cạn khô.

Đã nhổ cội rễ uẩn,

Khoen xích không tiếp nối.

Cúng dường Đại Sư xong,

Việc làm đã hoàn tất,

Gánh nặng đã buông xuống,

Hữu lưu đã đoạn xong;

Không còn thích thọ sanh,

Không còn tử đáng ghét;

Chánh trí, chánh buộc niệm,

Chỉ chờ phút cuối cùng.

Long tượng nhớ rừng hoang,

Sáu mươi thú hùng mạnh,

Một mai thoát gông xiềng,

Thong dong trong rừng núi.

Bà-kỳ-xá cũng vậy,

Miệng Đại Sư sanh con;

Chán bỏ lìa đồ chúng,

Chánh niệm chờ thời đến.

Nay nói với mọi người,

Những ai đến tụ hội;

Nghe kệ Ta sau cùng,

Nghĩa chúng được lợi ích.

Có sanh ắt có diệt,

Các hành đều vô thường.

Pháp chóng sanh, chóng tử,

Nào đáng nương cậy lâu.

Nên phải có chí mạnh,

Tinh cần cầu phương tiện;

Quán sát có sợ hãi,

Tùy thuận đạo Mâu-ni,

Mau hết khổ ấm này,

Chớ tăng thêm luân chuyển.

Đứa con từ miệng Phật,

Khen nói kệ này xong;

Xin từ biệt đại chúng,

Bà-kỳ-xá Niết-bàn.

Vì tấm lòng từ bi,

Nói kệ vô thượng này;

Tôn giả Bà-kỳ-xá,

Con sanh từ pháp Phật.

Do rũ lòng bi mẫn,

Nói kệ Vô thượng này;

Sau đó Bát-niết-bàn,

Tất cả nên kính lễ. [3000]

---o0o---

KINH 995. A-LUYỆN-NHÃ[3001]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Tỳ-kheo A-luyện-nhã[3002],

An trụ nơi vắng vẻ[3003],

Lặng lẽ tu phạm hạnh,

Ăn chỉ một lần ngồi[3004],

Do vì nhân duyên gì,

Nhan sắc được tươi sáng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Với quá khứ không lo,

Vị lai không mơ thích;

Hiện tại tùy chỗ được,

Chánh trí buộc giữ niệm.

Ăn uống luôn buộc niệm,

Nhan sắc thường tươi sáng.

Tâm, tưởng ruỗi vị lai,

Buồn tiếc theo quá khứ;

Lửa ngu si tự nấu,

Như mưa đá chết cỏ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 996. KIÊU MẠN[3005]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Không khéo điều phục tâm,

Khởi dục vọng kiêu mạn[3006];

Chưa từng tu tịch mặc,

Cũng chẳng vào chánh thọ[3007].

Ở rừng mà phóng dật,

Không qua đến bờ kia[3008].

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã lìa nơi kiêu mạn,

Tâm thường vào chánh định;

Trí sáng khéo phân biệt,

Giải thoát tất cả phược.

Một mình nơi rừng vắng,

Tâm này không phóng dật;

Nhanh chóng vượt qua bờ

Kẻ thù tử ma kia.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG[3009]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao được ngày đêm,

Công đức luôn tăng trưởng?

Làm sao sanh cõi trời?

Xin Ngài giải nói rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trồng vườn cây ăn quả,

Rừng cây cho bóng mát;

Cầu, thuyền dùng qua sông,

Tạo ra nhà phước đức;

Đào giếng giúp đỡ khát,

Khách xá giúp lữ hành;

Những công đức như vậy,

Ngày đêm thường tăng trưởng.

Giới đầy đủ như pháp,

Nhờ đó sanh cõi trời.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN[3010]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thí gì được sức lớn?

Thí gì được diệu sắc?

Thí gì được an vui?

Thí gì được mắt sáng?

Tu tập những thí nào,

Gọi là nhất thiết thí?

Nay xin hỏi Thế Tôn,

Xin Ngài phân biệt nói.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí ăn được sức lớn,

Thí y được diệu sắc;

Thí xe được an vui,

Thí đèn được mắt sáng;

Lữ quán để tiếp khách[3011],

Gọi là nhất thiết thí.

Đem pháp để dạy người,

Đó là thí cam lộ[3012].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 999. HOAN HỶ[3013]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-bề-lê[3014], tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

Chư Thiên và người đời,

Đều ưa thích thức ăn;

Vậy có các thế gian,

Phước lạc tự theo chăng[3015]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tịnh tín tâm huệ thí,

Đời này và đời sau

Theo chỗ người này đến,

Phước báo theo như bóng.

Cho nên bỏ keo kiệt,

Hành huệ thí không nhơ;

Thí rồi, tâm hoan hỷ,

Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê này bạch Phật:

“Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

Tịnh tín tâm huệ thí,

Đời này và đời sau;

Theo chỗ người này đến,

Phước báo theo như bóng;

Cho nên bỏ keo kiệt,

Hành huệ thí không nhơ;

Thí rồi tâm hoan hỷ,

Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ, đã từng làm quốc vương tên Tất-bề-lê, bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Và ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó cũng bố thí làm phước.

“Lúc ấy đệ nhất phu nhân đến nói với con: ‘Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.’

“Khi đó, con nói: ‘Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhân.’

“Các vương tử cũng đến tâu với con: ‘Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.’

“Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con bảo: ‘Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ngươi.’

“Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó

mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con và tâu con rằng: 'Đại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.'

"Khi đó, con đáp: 'Này Thiện nam, các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cung ứng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.'

"Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

"Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niệm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn."

Thiên tử Tất-bề-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1000. VIỄN DU[3016]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Người nào có thể làm

Thiện tri thức viễn du[3017]?

Người nào có thể làm

Thiện tri thức tại gia?

Người nào có thể làm

Thiện tri thức thông tài[3018]?

Người nào có thể làm

Thiện tri thức đời sau?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người dẫn đầu đoàn buôn,

Thiện tri thức du hành.

Vợ hiền lương trinh chính,

Thiện tri thức tại gia.

Thân tộc gần gũi nhau,

Thiện tri thức thông tài.

Công đức mình tu tập,

Thiện tri thức đời sau.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1001. XÂM BỨC[3019]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vận tối đem mạng đi,

Nên khiến người đoản mạng.

Bị sự già bức bách,

Mà không người cứu hộ.

Thấy già, bệnh, chết đó,

Khiến người sợ vô cùng.

Chỉ làm các công đức,

Vui đi đến chỗ vui.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vận tối đem mạng đi,

Nên khiến người đoản mạng.

Bị sự già bức bách,

Mà không người cứu hộ.

Thấy lỗi hữu dư này,

Khiến người sợ vô cùng.

Đoạn tham ái ở đời,

Nhập Niết-bàn vô dư.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1002. ĐOẠN TRỪ[3020]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Đối mấy pháp đoạn trừ?

Mấy pháp nên vất bỏ?

Và đối với mấy pháp,

Tăng thượng phương tiện tu?

Phải siêu việt mấy tụ[3021],

Tỳ-kheo vượt dòng siết[3022]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm đoạn trừ, năm xả[3023],

Đối năm căn tu thêm[3024],

Vượt lên năm hòa hợp[3025],

Tỳ-kheo qua dòng sâu.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1003. TỈNH NGỦ[3026]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mấy người ngủ khi thức?

Mấy người thức khi ngủ[3027]?

Mấy người đắm bụi nhơ?

Mấy người được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm người ngủ khi thức.

Năm người thức khi ngủ.

Năm người đắm bụi nhơ.

Năm người được thanh tịnh[3028].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1004. HỖ TƯƠNG HOAN HỶ[3029]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mẹ con vui với nhau,

Trâu chúa thích trâu mình.

Chúng sanh thích hữu dư[3030],

Không ai thích vô dư.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mẹ con lo lẫn nhau,

Trâu chúa lo trâu mình;

Hữu dư chúng sanh lo,

Vô dư thì không lo.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1005. NGƯỜI VẬT[3031]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ

Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vật gì là của người?

Cái gì bạn bậc nhất?

Cái gì để nuôi sống?

Chúng sanh nương nơi nào?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ruộng, nhà: của chúng sanh.

Vợ hiền: bạn bậc nhất;

Ăn uống để nuôi sống,

Chúng sanh nương vào nghiệp.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1006. YÊU AI HƠN CON [3032]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Yêu ai hơn yêu con.

Của nào quý hơn bò.

Sáng gì hơn mặt trời.

Tát-la[3033] không hơn biển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Yêu ai bằng yêu mình.

Tiền của nào hơn thóc.

Sáng gì hơn trí tuệ,

Tát-la đâu bằng thấy[3034].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1007. SÁT-LỢI[3035]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Hai chân, Sát-lợi tôn.

Bốn chân, bò đực[3036] hơn.

Trẻ đẹp[3037] là vợ nhất,

Quý sanh[3038] là con nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hai chân, Chánh giác tôn.

Bốn chân, ngựa thuần hơn.

Thuận chồng là vợ hiền,

Lậu tận con quý nhất[3039].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1008. CHỦNG TỬ[3040]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những cái sanh từ đất,

Cái gì là tối thắng?

Từ không rơi rụng xuống,

Cái gì là hơn hết?

Phàm ở nơi cầu thỉnh[3041],

Cái gì là bậc nhất?

Trong tất cả ngôn ngữ,

Biện thuyết nào là nhất?

Lúc ấy có một Thiên tử vốn con nhà nông, nay được sanh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

Ngũ cốc từ đất sanh,

Thì đó là tối thắng.

Hạt giống từ không trung,

Rơi xuống đất hơn hết.

Con bò giúp đỡ người[3042],

Chỗ cậy nhờ tốt nhất.

Lời nói yêu con cái,

Đây là lời hay nhất.

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị Thiên tử trả lời:

"Tôi không hỏi đến anh, cớ sao lại nhiều lời khinh tháo vọng nói. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

Những cái sanh từ đất,

Cái gì là tối thắng?

Từ không rơi xuống đất,

Cái gì là hơn hết?

Phàm ở nơi cầu thỉnh,

Cái gì là tối thắng?

Trong tất cả ngôn ngữ,

Biện thuyết nào là nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Từ dưới đất vọt lên,

Tam minh là tối thượng[3043].

Từ hư không rơi xuống,

Tam minh cũng bậc nhất.

Chúng đệ tử Hiền thánh,

Là thầy nương cao quý[3044].

Những gì Như Lai nói,

Là biện thuyết bậc nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Thế gian mấy pháp khởi[3045]?

Mấy pháp được thuận theo[3046]?

Đời mấy pháp thủ ái[3047]?

Đời mấy pháp tổn giảm[3048]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đời khởi do sáu pháp[3049].

Đời thuận hiệp sáu pháp.

Đời, sáu pháp thủ ái

Đời, sáu pháp tổn giảm.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1009. TÂM[3050]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lôi thế gian đi?

Ai câu dẫn thế gian[3051]?

Cái gì là một pháp,

Chế ngự nơi thế gian?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm đem thế gian đi,

Tâm câu dẫn thế gian;

Tâm kia là một pháp,

Hay chế ngự thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1010. PHƯỢC[3052]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì trói thế gian?

Điều phục gì để thoát[3053]?

Đoạn trừ những pháp nào,

Gọi là đạt Niết-bàn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục hay trói thế gian[3054],

Điều phục dục, giải thoát[3055];

Người đoạn trừ ái dục,

Nói là đạt Niết-bàn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1011. YỂM[3056]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì khép thế gian?

Gì bao phủ thế gian?

Gì kết buộc chúng sanh?

Đời dựng trên cái gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Suy già khép thế gian,

Chết bao phủ thế gian;

Ái kết buộc chúng sanh,

Pháp dựng đứng thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1012. VÔ MINH[3057]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì che thế gian?

Cái gì trói thế gian?

Cái gì nhớ chúng sanh?

Gì dựng cờ chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vô minh che thế gian,

Ái ràng buộc chúng sanh;

Ẩn phú nhớ chúng sanh[3058],

Ngã mạn, cờ chúng sanh.

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

Ai không bị trùm kín?

Ai không bị ái buộc?

Ai ra khỏi ẩn phú?

Ai không dựng cờ mạn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Như Lai Đẳng Chánh Giác,

Chánh trí tâm giải thoát,

Không bị vô minh phủ,

Cũng không bị ái buộc,

Vượt ra khỏi ẩn phú,

Bẻ gãy cờ ngã mạn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1013. TÍN[3059]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những gì là tài vật,

Mà thượng sĩ sở hữu[3060]?

Làm sao khéo tu tập,

Để đạt đến an vui?

Làm sao trong các vị,

Được vị ngọt tối thượng?

Làm sao trong chúng sanh,

Đạt tuổi thọ cao nhất[3061]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm thanh tịnh, tín lạc,

Là của bậc nhất của người.

Đối Chánh pháp tu hành,

Mang lại quả an lạc.

Lời vi diệu chân thật,

Là vị ngọt tuyệt nhất.

Đời sống tuệ Hiền thánh[3062],

Là tuổi thọ cao nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1014. ĐỆ NHỊ[3063]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thế nào là Tỳ-kheo,

Có bạn đồng với mình[3064]?

Thế nào là Tỳ-kheo,

Có tùy thuận giáo thọ[3065]?

Tỳ-kheo ở nơi nào,

Tâm rong chơi thỏa thích?

Thỏa thích nơi đó rồi,

Đoạn trừ các kết phược[3066]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tín, là bạn đồng hành,

Trí tuệ: vị giáo thọ;

Niết-bàn: chốn hỷ lạc,

Tỳ-kheo đoạn kết phược.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1015. TRÌ GIỚI[3067]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì là tốt đến già?

Gì là tốt xác lập?

Gì là của báu người?

Cái gì giặc chẳng đoạt?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chánh giới tốt đến già.

Tịnh tín tốt xác lập.

Trí tuệ, báu của người,

Công đức giặc không đoạt.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1016. CHÚNG SANH (1) [3068]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

> Pháp gì sanh chúng sanh?
>
> Những gì dong ruổi trước?
>
> Cái gì khởi sanh tử?
>
> Cái gì không giải thoát?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

> Ái dục sanh chúng sanh,
>
> Ý dong ruổi trước tiên;
>
> Chúng sanh khởi sanh tử[3069],
>
> Pháp khổ không giải thoát.

Thiên tử này lại nói kệ:

> Lâu thấy Bà-la-môn,
>
> Chóng đắc Bát-niết-bàn;
>
> Mọi sợ hãi đều qua,
>
> Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1017. CHÚNG SANH (2) [3070]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?

Những gì dong ruổi trước?

Cái gì khởi sanh tử?

Pháp gì chỗ nương cậy?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúnh sanh,

Ý dong ruổi trước tiên;

Chúng sanh khởi sanh tử,

Nghiệp pháp chỗ nương cậy.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1018. CHÚNG SANH (3) [3071]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?

Những gì dong ruổi trước?

Cái gì khởi sanh tử?

Pháp gì đáng sợ nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúng sanh,

Ý dong ruổi trước tiên;

Chúng sanh khởi sanh tử,

Nghiệp là đáng sợ nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1019. PHI ĐẠO[3072]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì gọi là phi đạo[3073]?

Cái gì ngày đêm dời[3074]?

Cái gì nhơ phạm hạnh?

Cái gì lụy thế gian[3075]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tham dục là phi đạo,

Tuổi thọ ngày đêm dời;

Người nữ nhơ phạm hạnh,

Người nữ lụy thế gian[3076].

Nhiệt hành, tu phạm hạnh,

Rửa sạch các lỗi nhỏ[3077].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1020. VÔ THƯỢNG[3078]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì ánh thế gian[3079]?

Pháp gì là trên hết?

Những gì là một pháp,

Chế ngự khắp chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Danh ngời sáng thế gian,

Danh là nhất trên đời;

Chỉ có một pháp 'danh',

Chế ngự cả thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1021. KỆ NHÂN[3080]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì nhân của kệ?

Kệ lấy gì trang nghiêm[3081]?

Kệ này nương nơi đâu[3082]?

Thể của kệ là gì[3083]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục[3084] là nhân của kệ,

Văn tự trang nghiêm kệ;

Danh là chỗ kệ nương,

Tạo tác[3085] là thể kệ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1022. BIẾT XE[3086]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao biết xe cộ?

Làm sao lại biết lửa?

Làm sao biết quốc độ?

Làm sao biết được vợ?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Thấy cờ lọng biết xe,

Thấy khói thời biết lửa;

Thấy vua biết quốc độ,

Thấy chồng biết được vợ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

- ---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 37

KINH 1023. PHẢ-CẦU-NA[3087]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấygiờ Tôn giả Phả-cầu-na[3088] đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, bị bệnh nguy khốn.

Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phả-cầu-na ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nguy khốn. Bệnh của Tỳ-kheo như vậy có thể chết. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót mà đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, chỗ Tôn giả Phả-cầu-na."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na, trải tòa mà ngồi và vì Tôn giả Phả-cầu-na thuyết pháp, dạy dỗ, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc mạng chung, các căn vui tươi, gương mặt thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Tôn giả A-nan khi cúng dường xá-lợi Tôn giả Phả-cầu-na xong, về chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đến thăm, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc Tôn giả này sắp qua đời, các căn vui tươi, sắc da thanh tịnh, nhuận ánh sáng tươi. Bạch Thế Tôn, không biết Tôn giả ấy sẽ sanh về đâu, thọ sanh thế nào, đời sau ra sao?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Khi bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, tâm không điều hòa, mạng sống suy mòn, nhưng được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói nhiều pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó là phước lợi được từ sự chỉ dạy, nhắc nhở của Đại Sư.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Sau đó bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, mạng sống suy mòn dần, không nhờ được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng gặp được các vị Đại đức đa văn, tu phạm hạnh, chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, nghe pháp.

"Lại nữa, A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết,... *cho đến* mạng sống suy mòn, không được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; lại không nghe các vị Đại đức đa văn phạm hạnh chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; nhưng trước kia đã lãnh thọ pháp, một mình ở nơi vắng lặng tư duy, quán sát, đoạn được năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy, quán sát pháp đã nghe từ trước.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng[3089], tâm không khéo giải thoát khỏi các lậu. Sau đó tuy mắc bệnh, thân bị khổ đau, mạng sống suy mòn, nhưng nghe được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận

giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự thuyết pháp của Đại Sư.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, chưa ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó biết thân khởi bệnh, chịu khổ đau vô cùng. Tuy chẳng được Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, nhưng lại được các vị Đại đức đa văn, phạm hạnh khác chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lớn từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bị bệnh, đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, không ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó thân bệnh khởi, sanh khổ đau vô cùng. Tuy không được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, cũng không được các vị Đại đức đa văn khác chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng ở chỗ vắng lặng tư duy, cân nhắc, quán sát, được ái tận giải thoát vô thượng, không khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy những gì đã được nghe từ giáo pháp[3090].

"Duyên gì các căn Tỳ-kheo Phả-cầu-na không được vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ nhuận tươi, trước khi Tỳ-kheo Phả-cầu-na chưa bị bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết? Tỳ-kheo này tự mình được nghe từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp của Đại Sư, đoạn năm hạ phần kết."

Rồi Thế Tôn xác nhận Tôn giả Phả-cầu-na đã đắc quả A-na-hàm.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 1024. A-THẤP-BA-THỆ[3091]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-thấp-ba-thệ[3092] ở giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, thân bị bệnh nặng, vô cùng đau khổ. Tôn giả Phú-lân-ni là vị chăm sóc, cung cấp. *Nói đầy đủ như kinh Bạt-ca-lê ở trước[3093]. Đó là, ba thọ... cho đến chuyển tăng không giảm.*

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông chớ hối hận[3094]."

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối hận!"

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông có phá giới không?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không phá giới."

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông không phá giới sao hối hận?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trước khi con chưa bệnh, con tu tập nhiều, chứng nhập tịnh lạc của thân an chỉ[3095]. Tu tập tam-muội nhiều. Còn hôm nay, con lại không nhập tam-muội kia được[3096]. Con tự suy nghĩ không lẽ tam-muội này thoái thất chăng?"

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Nay Ta hỏi ông, tùy ý đáp cho Ta. Này A-thấp-ba-thệ, ông có thấy sắc tức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi:

"Ông có thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ông đã không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, vậy vì sao lại hối hận?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì không chánh tư duy.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào tam-muội kiên cố, tam-muội bình đẳng, mà không nhập được tam-muội kia, thì không nên khởi nghĩ rằng mình thoái thất đối với tam-muội. Nếu Thánh đệ tử lại không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Mà chỉ nên giác tri như vậy, thì tham dục hoàn toàn sạch hết không còn; sân nhuế, ngu si hết hẳn không còn. Khi tất cả lậu đã tận trừ, tâm vô lậu giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Khi nghe Phật thuyết pháp này, Tôn giả A-thấp-ba-thệ không khởi các lậu, tâm được giải thoát, vui mừng, phấn khởi; vì tâm được vui mừng, phấn khởi nên thân bệnh liền dứt trừ.

Phật nói kinh này làm cho Tôn giả A-thấp-ba-thệ hoan hỷ, tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

Kinh Sai-ma-ca[3097]*. Nh nói về ngũ thọ ấ*m.

---o0o---

KINH 1025. TẬT BỆNH (1)[3098]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung

cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, mới học... *cho đến* bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc. Có Tỳ-kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót mà đến trú xứ này!"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ này. Tỳ-kheo bệnh này từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy nằm nghỉ, chớ dậy! Thế nào Tỳ-kheo, có thể chịu đựng được khổ đau không?" … Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói. "Ba thọ như vậy... cho đến bệnh khổ chỉ tăng không giảm."

Phật nói Tỳ-kheo bệnh:

"Bây giờ Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta."

"Ông không hối hận chăng[3099]?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự, có hối hận."

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

"Ông không phạm giới chăng?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự, không phạm giới."

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

"Nếu ông không phạm giới, tại sao ông lại hối hận?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp Thượng nhân và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc; con tự nghĩ, lúc mạng chung biết sanh nơi đâu? Cho nên sanh ra hối hận.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta. Thế nào Tỳ-kheo, vì có nhãn nên có nhãn thức phải không?”

Tỳ-kheo bệnh bạch:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Vì có nhãn thức nên có nhãn xúc và do nhãn xúc làm nhân làm duyên nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

“Thế nào Tỳ-kheo? Nếu không có nhãn thì không có nhãn thức phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo, nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc phải không? Nếu không có nhãn xúc thì không có nhãn xúc làm nhân làm duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong, phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

“Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung mới tốt đẹp được và đời sau cũng tốt đẹp.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo bệnh nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ-kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn ông vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Tỳ-kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn, nay Tôn giả đã mạng chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào Thế Tôn, Tỳ-kheo này sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh ra sao? Đời sau thế nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo kia đã qua đời kia thật sự là bảo vật[3100]. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, đối với pháp không sợ hãi, đắc Bát-niết-bàn. Các ông nên cúng dường xá-lợi.”

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo này là bậc nhất[3101].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1026. TẬT BỆNH (2)[3102]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên chỉ có sự sai biệt là:*

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: Ta đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói

buộc sai sử, cùng với tâm giải thoát, tuệ giải thoát kia, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Tỳ-kheo kia đối với thức thân của mình và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì trong hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, chuyển các kết, dừng ngã mạn, hiện quán cứu cánh thoát khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1027. TỲ-KHEO BỆNH[3103]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là*:... *cho đến* Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

“Ông không tự phạm giới phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không phải vì để thọ trì tịnh giới mà ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông vì những pháp gì mà ở chỗ Ta tu phạm hạnh?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vì ly tham dục nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Ông nên thật sự vì để ly tham dục nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Này Tỳ-kheo, vì tham dục trói buộc nên không ly được dục. Vì vô minh trói buộc nên tuệ không thanh tịnh. Cho nên Tỳ-kheo, ở nơi dục mà ly dục, tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào, ở nơi mà dục ly dục, tự thân tác chứng tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn các ái dục, chuyển kết phược, dừng ngã mạn, hiện quán, cứu cánh biên tế khổ. Cho nên Tỳ-kheo đối với pháp này phải khéo tư duy.”

Nói đầy đủ như trên... cho đến thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1028. TẬT BỆNH (3)[3104]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo cùng tụ tập ở giảng đường Già-lê-lệ[3105]. Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo bệnh.

Buổi chiều sau khi Thế Tôn từ thiền tịnh tỉnh giấc, đến giảng đường Già-lê-lệ, trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Nên chánh niệm, chánh trí để đợi thời. Đó là giáo huấn của Ta[3106]. Này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh niệm? Là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian, sống quán niệm ngoại thân trên thân, sống quán niệm nội ngoại thân trên thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; sống quán niệm nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, phương tiện tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo ức niệm chánh.

“Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo hoặc tới hoặc lui, an trụ chánh trí; nhìn trông, quán sát, co, duỗi, cúi, ngước, nắm cầm y bát, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức... *cho đến*năm mươi, sáu mươi người nói năng hay im lặng đều hành với chánh trí. Tỳ-kheo, đó gọi là chánh trí. Cũng thế, Tỳ-kheo nào an trụ vào chánh niệm, chánh trí, có thể khởi cảm thọ lạc, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ lạc cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ lạc, quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả. Vị ấy quán sát thân cùng với cảm thọ lạc là vô thường... *cho đến* xả. Nếu ở nơi thân và cảm thọ lạc mà kết sử tham dục[3107] vĩnh viễn không còn sai sử nữa[3108]. Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ khổ phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Cũng vậy, duyên vào thân khởi tư duy: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ khổ cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ khổ, là vô thường cho đến xả. Ở nơi thân này và cảm thọ khổ mà kết sử sân nhuế vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ không khổ, không vui phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Là duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ chẳng khổ chẳng lạc, cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh’. Quán sát thân và cảm thọ không khổ, không lạc kia, là vô thường cho đến xả. Nếu những gì ở nơi thân và cảm thọ không khổ không lạc mà kết sử vô minh sử vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc yểm ly, đối với thọ, tưởng, hành, thức yểm ly. Đã yểm ly rồi, ly dục. Ly dục rồi, được giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Khi đang cảm giác lạc;

Không biết cảm giác lạc.

Vì kết sử tham dục,

Nên không thấy xuất ly.

Khi đang cảm giác khổ,

Không biết cảm giác khổ.

Vì kết sử sân nhuế,

Nên không thấy xuất ly.

Cảm thọ không lạc, khổ,

Đẳng Chánh Giác đã nói,

Người kia không thể biết,

Nên không qua bờ kia.

Nếu Tỳ-kheo tinh tấn,

Chánh trí không xiêu động;

Nơi tất cả thọ kia,

Trí tuệ đều biết hết.

Thường biết các thọ rồi,

Hiện tại hết các lậu;

Mạng chung nương trí tuệ,

Niết-bàn, không đọa lạc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1029. TẬT BỆNH (4)[3109]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên.*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập nơi giảng đường Già-lê-lệ[3110], đa số đều bị bệnh. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là: cho đến "*... Thánh đệ tử nên quán sát như vầy, ở nơi sắc mà giải thoát, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Ta nói những người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bậc trí tuệ đa văn,

Đều tỏ rõ các thọ.

Đối cảm thọ khổ, lạc,

Phân biệt thật rõ ràng.

Nên biết sự chắc thật,

Phàm phu có lên xuống;

Nơi lạc không nhiễm trước,

Nơi khổ không xiêu động.

Biết thọ không thọ sanh.

Y cảm thọ tham, nhuế.

Đoạn trừ những pháp này,

Tâm kia khéo giải thoát.

Buộc niệm vào diệu cảnh,

Chánh hướng đợi hết đời.

Nếu Tỳ-kheo tinh cần,

Chánh trí chẳng xiêu động;

Đối với mọi thọ này,

Kẻ trí thường giác tri.

Thấu rõ các thọ rồi,

Hiện tại hết các lậu,

Mạng chung nương trí tuệ,

Niết-bàn không đọa lạc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 1030. CẤP CÔ ĐỘC (1)[3111]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc bị bệnh, thân thể khổ đau vô cùng.

Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự khất thực đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Thế Tôn thấy thế liền bảo:

“Gia chủ, chớ dậy mà tăng bệnh khổ.”

Thế Tôn ngồi xuống rồi bảo gia chủ:

"Thế nào gia chủ? Bệnh có thể chịu được không? Thân bệnh, đau đớn tăng hay giảm?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, rất đau đớn, khó chịu nổi!... *cho đến* nói ba thọ, *chi tiết như kinh Sai-ma... cho đến* "… cảm thọ khổ chỉ tăng chứ không giảm."

Phật bảo gia chủ:

"Nên học như vầy: Đối với Phật có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới."

Gia chủ bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã dạy về bốn bất hoại tịnh. Con có pháp này, trong pháp này có con. Bạch Thế Tôn, nay đối với Phật con có lòng tin thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay! Lành thay!" Rồi liền thọ ký cho gia chủ đắc quả A-na-hàm.

Gia chủ bạch Phật:

"Hôm nay, con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực ở đây."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ liền dạy tôi tớ sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành cúng dường Thế Tôn. Thế Tôn thọ thực xong, vì gia chủ nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1031. CẤP CÔ ĐỘC (2)[3112]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ, đến nhà ông thăm.

Từ xa gia chủ trông thấy A-nan, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma ở trước dạy... cho đến* "…bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo gia chủ:

"Đừng sợ hãi! Chỉ có phàm phu ngu si vô học vì không tin Phật, không tin Pháp, Tăng, không đầy đủ Thánh giới, nên có sự sợ hãi và sợ sau khi mạng chung cùng cái khổ đời sau. Còn ông đối với sự bất tín ấy ngày nay đã đoạn, đã biến tri. Đối với Phật đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đối với Pháp, Tăng đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đã thành tựu Thánh giới."

Gia chủ thưa Tôn giả A-nan:

"Ngày nay con còn sợ hãi cái gì? Lần đầu tiên con mới gặp Thế Tôn giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh, thành Vương xá, liền được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Từ đó đến nay, nhà có tiền của đều đem cúng dường cho đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di."

Tôn giả A-nan nói:

"Lành thay, gia chủ! Ông tự ký thuyết quả Tu-đà-hoàn."

Gia chủ bạch Tôn giả A-nan:

"Xin mời Tôn giả thọ thực tại đây."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Gia chủ liền cho sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cúng dường Tôn giả A-nan. Sau khi thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1032. CẤP CÔ ĐỘC (3)[3113]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ. Nghe vạây, hỏi Tôn giả A-nan:

"Thầy có biết chăng? Gia chủ Cấp Cô Độc thân đang bị bệnh khổ. Chúng ta hãy cùng đến thăm."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả A-nan đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma,* "... bệnh khổ của thân càng tăng chứ không giảm."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Nên học như vầy: Không chấp trước mắt, không có thức tham dục y trên nhãn giới mà sanh. Không chấp trước tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có thức tham dục y trên ý giới mà sanh. Không chấp trước sắc, không có thức tham dục y trên sắc giới sanh. Không chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có thức tham dục y trên pháp giới sanh. Không chấp trước địa giới, không có thức tham dục y trên địa giới sanh. Không chấp trước thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không có thức tham dục y trên thức giới sanh. Không chấp trước sắc uẩn, không có thức tham dục y trên sắc uẩn sanh. Không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức uẩn,... không có thức tham dục y trên thức ấm sanh."

Lúc ấy gia chủ Cấp Cô Độc cảm động rơi nước mắt. Tôn giả A-nan nói với gia chủ:

"Gia chủ khiếp sợ hạ liệt chăng[3114]?"

Gia chủ thưa với Tôn giả A-nan:

"Con không khiếp sợ hạ liệt. Con tự xét lại từ khi phụng sự Phật cho đến nay, đã hơn hai mươi năm, mà con chưa lần nào nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa, vi diệu như những gì vừa được nghe hôm nay."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Từ lâu tôi cũng chưa từng vì các gia chủ nói pháp như vậy."

Gia chủ thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Có bạch y tại gia nào có tín thù thắng, niệm thù thắng, lạc thù thắng, nhưng vì không nghe pháp sâu xa nên sanh ra thoái thất. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả thương xót vì hàng bạch y tại gia mà nói pháp thâm diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất, hôm nay xin Tôn giả thọ thực tại đây."

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Gia chủ liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành cung kính cúng dường. Thọ thực xong, ngài lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1033. ĐẠT-MA-ĐỀ-LY[3115]

Đạt-ma-đề-ly, kinh thứ nhất cũng nói đầy đủ như kinh đầu Đức Thế Tôn nói pháp cho gia chủ Cấp Cô Độc. *Kinh thứ hai cũng nói như vậy, chỉ có một vài sai khác là:*

"Nếu lại có gia chủ nào y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu niệm, từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên."

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu tùy niệm, ngày nay con đều thành tựu. Con thường tu tập niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông tự ký thuyết quả A-na-hàm."

Gia chủ bạch Phật:

"Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh thọ thực của con."

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ biết Phật đã nhận lời, liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành, cung kính cúng dường. Thế

Tôn thọ thực xong lại vì gia chủ nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1034. TRƯỜNG THỌ[3116]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có đồng tử Trường Thọ[3117] là cháu gia chủ Thọ Đề thân mắc bệnh nặng.

Bấy giờ Thế Tôn nghe đồng tử Trường Thọ thân mắc bệnh nặng, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự đi đến nhà đồng tử Trường Thọ. Đồng tử Trường Thọ từ xa thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như kinh Sai-ma đã nói đầy đủ;... cho đến* "… bệnh khổ chỉ tăng không giảm."

"Cho nên, đồng tử, nên học như vầy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy."

Đồng tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói về bốn bất hoại tịnh. Hiện tại con đều có. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo đồng tử:

"Ông nên y vào bốn bất hoại tịnh, để hướng lên tu tập sáu minh phần tưởng[3118]. Những gì là sáu? Quán tưởng tất cả hành là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng tất cả thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về sự chết."

Đồng tử bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói y vào bốn bất hoại tịnh để tu tập sáu minh phần tưởng. Hiện tại con đều có. Nhưng con tự nghĩ, sau khi chết, con không biết ông nội của con là gia chủ Thọ Đề[3119] sẽ thế nào?"

Bấy giờ gia chủ Thọ Đề nói với đồng tử Trường Thọ:

“Đối với ông, cháu đừng nghĩ đến. Hiện giờ cháu nên nghe Thế Tôn nói pháp, suy nghĩ và nhớ lấy, mới có thể được phước lợi, an vui, nhiêu ích lâu dài.”

Đồng tử Trường Thọ nói:

“Đối với tất cả hành con sẽ quán tưởng chúng là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về tử, lúc nào chúng cũng hiện hữu trước mặt.”

Phật bảo đồng tử:

“Hôm nay con đã tự ký thuyết quả Tư-đà-hàm.”

Đồng tử Trường Thọ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xin thỉnh Ngài thọ thực tại nhà con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trường Thọ đồng tử liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, vì đồng tử thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1035. BÀ-TẨU[3120]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại trú xứ Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ gia chủ Bà-tẩu[3121] thân bị bệnh khổ. Nói đầy đủ như kinh Gia chủ Đạt-ma-đề-na[3122] ở trước... được thọ ký đắc quả A-na-hàm... *cho đến* từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1036. SA-LA[3123]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có Sa-la họ Thích[3124] bị bệnh liệt nặng.

Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bệnh liệt nặng, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực, theo thứ tự đến nhà Sa-la họ Thích. Từ xa Sa-la họ Thích trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như đã nói đầy đủ trong kinh Sai-ma-ca... cho đến* "…bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm."

"Cho nên, Sa-la họ Thích, nên học như vầy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Sa-la họ Thích bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Con đều có đủ. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo Sa-la họ Thích:

"Cho nên ông phải y vào tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, để hướng lên tu tập năm hỷ xứ[3125]. Những gì là năm? Đó là niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí."

Sa-la họ Thích bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã nói y vào bốn bất hoại tịnh, để tu năm hỷ xứ, con cũng đã có. Con lúc nào cũng niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí."

Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Nay tự ông ký thuyết quả Tư-đà-hàm."

Sa-la bạch Phật:

"Xin Thế Tôn hôm nay, thọ thực tại nhà con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ Sa-la liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1037. DA-THÂU[3126]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú trong một tinh xá Khúc cốc, thôn Na-lê[3127]. Bấy giờ, gia chủ Da-thâu[3128] bị bệnh trầm trọng, như vậy... *cho đến* ký thuyết đắc quả A-na-hàm.*Như đã nói đầy đủ trong kinh Đạt-ma-đề-na*[3129].

---o0o---

KINH 1038. MA-NA-ĐỀ-NA[3130]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú bên ao Kiệt-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có gia chủ Ma-na-đề-na[3131] bị bệnh mới bớt[3132].

Bấy giờ gia chủ nói với một người nam:

"Này thiện nam tử, ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thay tôi đảnh lễ dưới chân, hỏi thăm cuộc sống có thoải mái, an lạc không? Ngày mai, xin cùng bốn vị nhận lời thỉnh của tôi. Nếu nhận lời, ông nên vì tôi bạch rằng tôi là người thế tục, bận nhiều công việc vương gia, không thể đích thân đến rước được; xin Tôn giả thương xót, đến giờ cùng bốn vị đến phó hội theo lời mời của tôi."

Lúc ấy người nam kia vâng lời gia chủ, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ dưới chân, thưa Tôn giả rằng:

"Gia chủ Ma-na-đề-na xin kính lễ và hỏi thăm cuộc sống của Tôn giả ít bệnh, ít não, thoải mái, an lạc không? Và trưa ngày mai, xin mời Tôn giả cùng bốn vị, thương xót mà nhận lời thỉnh cầu của gia chủ."

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời mời. Bấy giờ người kia lại vì gia chủ Ma-na-đề-na thưa Tôn giả A-na-luật:

"Gia chủ là người thế tục bận nhiều công việc vương gia không thể đích thân đến rước được, xin Tôn giả thương xót, cùng bốn vị nhận lời mời trưa ngày mai của gia chủ."

Tôn giả A-na-luật nói:

"Ông cứ an tâm, tôi tự biết thời. Ngày mai sẽ cùng bốn vị đến nhà gia chủ."

Khi ấy, người này theo lời dạy của Tôn giả A-na-luật về thưa lại gia chủ:

"Thưa A-lê[3133], nên biết, tôi đã đến Tôn giả A-na-luật, trình đầy đủ theo tôn ý và Tôn giả A-na-luật nói rằng gia chủ cứ an tâm, ngài tự biết thời."

Tối hôm đó, gia chủ Ma-na-đề-na sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành. Sáng sớm, lại sai người kia đến chỗ Tôn giả A-na-luật thưa đã đến giờ. Người kia liền vâng lời đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch rằng: "Đồ cúng dường đã sửa soạn xong, xin ngài biết thời."

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đắp y ôm bát cùng với bốn vị đi đến nhà gia chủ. Trong lúc ấy, các thể nữ đang đứng vây quanh gia chủ Ma-na-đề-na, đứng trong cửa bên trái, trông thấy Tôn giả A-na-luật cúi người ôm chân kính lễ, đưa tới chỗ ngồi; mỗi người tự cúi đầu hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên.

Tô giả A-na-luật hỏi thăm gia chủ:

"Cuộc sống có kham nhẫn, an vui không?"

Gia chủ đáp:

"Vâng, thưa Tôn giả, sống kham nhẫn an vui. Trước đây, con bị bệnh nặng nhưnghôm nay đã bớt rồi."

Tôn giả A-na-luật hỏi gia chủ:

"Gia chủ sống, trụ tâm thế nào để có thể khiến cho bệnh tật khổ não bớt dần?"

Gia chủ bạch:

"Thưa Tôn giả A-na-luật, con trụ vào bốn Niệm xứ, chuyên tu buộc niệm, nên các thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Những gì là bốn? Sống quán niệm nội thân trên thân, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nọâi tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, sống quán niệm nội pháp; ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-na-luật, con nhờ buộc tâm trụ vào bốn Niệm xứ nên mọi thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Thưa Tôn giả A-na-luật, nhờ trụ tâm được nên mọi thứ tất bệnh khổ đau đều được đình chỉ."

Tôn giả A-na-luật bảo gia chủ:

"Hôm nay, gia chủ tự ký thuyết quả A-na-hàm."

Lúc này, gia chủ Ma-na-đề-na mang các thứ đồ ăn thức uống thanh khiết, ngon lành, tự tay cúng dường đầy đủ. Sau khi thọ thực và súc rửa miệng xong, gia chủ Ma-na-đề-na lại ngồi nơi ghế thấp nghe pháp. Tôn giả A-na-luật nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1039. THUẦN-ĐÀ[3134]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư, tại thành Vương xá[3135]. Bấy giờ, có gia chủ Thuần-đà[3136] đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, Thế Tôn hỏi gia chủ Thuần-đà:

"Hiện tại, ông ưa thích tịnh hạnh[3137] của những Sa-môn, Bà-la-môn nào?"

Thuần-đà bạch Phật:

"Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, thờ Tỳ-thấp-ba Thiên[3138], cầm trượng, bình nước, thường rửa sạch tay mình[3139]. Vị Chánh sĩ như vậy thường khéo nói pháp rằng: 'Này thiện nam, vào ngày mười lăm mỗi tháng dùng mạt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, tu hành trai pháp, mặc đồ mới

sạch, đeo tràng hoa[3140] dài, lụa trắng, nằm lên trên đất trét phân bò. Này thiện nam, sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói như vầy: 'Đất này trong sạch. Ta cũng sạch như vậy'. Tay cầm cục phân trâu cùng nắm một nắm cỏ tươi, miệng nói: 'Cái này trong sạch. Ta cũng trong sạch như vậy.' Nếu ai như vậy thì được thấy là trong sạch. Nếu ai không như vậy, hoàn toàn không trong sạch'. Bạch Thế Tôn, Sa-môn, Bà-la-môn nào, nếu trong sạch như vậy thì đáng cho con kính ngưỡng."

Phật bảo Thuần-đà:

"Có pháp đen và báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống. Nếu ai đã thành tựu những pháp ác này, dù cho sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói rằng 'thanh tịnh' thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh. Người này cầm cục phân bò và nắm cỏ tươi nói rằng 'thanh tịnh' thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh.

"Này Thuần-đà, thế nào là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến* chạm hay không chạm, tất cả đều bất tịnh?

"Này Thuần-đà, đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng cũng không tránh xa sự sát hại, tay thường tanh máu, tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát hại, không hổ, không thẹn, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sanh.

"Đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người, cũng không xa lìa trộm cắp.

"Đối với những người được bảo hộ của cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm.

"Nói dối không chân thật: Hoặc ở chốn vua quan, các nhà nói chân thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình, vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ.

"Hoặc nói hai lưỡi chia lìa, đem chuyện chỗ này đến nói chỗ kia, đem chuyện chỗ kia đến nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp, khiến kẻ ly gián vui mừng.

"Hoặc không lìa bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều

người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cộc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không tùy thuận tam-muội[3141]. Nói những lời như vậy, không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu.

"Hoặc lời nói bại hoại thêu dệt[3142], nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời bại hoại như vậy.

"Không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng 'Nếu ta có vật này thì rất tốt'.

"Không xả bỏ sân nhuế tệ ác; trong tâm suy nghĩ, chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bị roi vọt, gậy gộc, đáng giết, muốn cho nó khó sống.

"Không bỏ tà kiến; điên đảo thấy như vầy: 'Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng[3143] mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Này Thuần-đà, đó gọi là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến* cầm lấy hay không cầm lấy tất cả đều bất tịnh.

"Này Thuần-đà, có pháp trắng, báo ứng trắng, tịnh và quả tịnh, nhẹ nhàng đi lên. Nếu ai đã tạo thành những thứ này, mà sáng sớm sờ đất, nói cái này tịnh ta tịnh, thì cũng được thanh tịnh, hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh; và cầm cục phân bò cùng nắm cỏ tươi, nếu nhân tịnh quả tịnh thì dù có cầm nắm hay không cầm nắm cũng được thanh tịnh.

"Thuần-đà, thế nào là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh?

"Đó là, có nghĩa là người không sát sanh, lìa bỏ sát sanh, bỏ đao trượng, biết hổ thẹn, thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh. Không trộm cướp, lìa bỏ trộm cướp, vật cho thì lấy, không cho không lấy, tâm sạch không tham. Lìa tà dâm hoặc đối người được cha mẹ bảo hộ,... *cho đến* người trao vòng hoa đều không cưỡng bức, làm chuyện tà dâm. Lìa nói dối, căn cứ vào sự thật mà nói. Xa lìa nói hai lưỡi, không đi đến chỗ này nói chuyện chỗ kia, đến chỗ kia nói chuyện chỗ này, phá hoại lẫn nhau; đã bị ly gián nên làm hòa

hợp, đã hòa hợp nên tùy hỷ. Xa lìa ác khẩu, không thô rắn, những lời nói ra khiến nhiều người ưa thích. Tránh lời nói hư hoại, nói lời chân thật, nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói có ý nghĩa, nói như pháp, nói chánh kiến. Lìa tham dục, đối với của cải, đồ vật người khác không tưởng là của mình mà sanh tham đắm. Lìa sân nhuế, không nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết hại, gây các tai nạn. Thành tựu chánh kiến, không thấy điên đảo, nói có bố thí, có quả báo, có phước, có quả báo thiện hạnh, ác hạnh, có đời này, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh, trong đời có A-la-hán, ngay trong đời này hay đời khác mà hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Này Thuần-đà, đó gọi là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh."

Sau khi gia chủ Thuần-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ ra về.

---o0o---

KINH 1040. XẢ HÀNH[3144]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư[3145], tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Ba-la-môn vào ngày mười lăm, gội đầu, rồi thọ trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng[3146], tay cầm nắm cỏ tươi đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Khi đó Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông gội đầu, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, đó là pháp của ai vậy?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đó là học pháp xả[3147]."

Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

"Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, cứ vào ngày mười lăm, gội đầu, giữ gìn trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cỏ tươi, tùy khả năng mà bố thí, làm phước. Thưa Cù-đàm, đó gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Những thực hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh thì khác ở đây."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vậy sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh như thế nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Lìa sát sanh, không thích sát sanh. Nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Y nơi sự không sát sanh, lìa bỏ sát sanh... *cho đến* nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Lìa trộm cướp, không thích trộm cướp, y nơi sự không trộm cướp, lìa bỏ sự lấy vật không cho. Lìa tà dâm, không thích tà dâm, y nơi sự không tà dâm, bỏ việc phi phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, không thích vọng ngữ, y nơi sự không nói dối, xả bỏ lời nói không thật. Lìa hai lưỡi, không thích nói hai lưỡi, y nơi sự không nói hai lưỡi, xả bỏ hành ly gián. Lìa ác khẩu, không thích ác khẩu, y nơi sự không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa lời thêu dệt, không thích lời thêu dệt, y nơi sự không nói thêu dệt, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa khổ tham, y tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, không sanh phẫn hận, y không giận, xả bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi điên đảo, y chánh kiến, xả bỏ tà kiến.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là sở hành về hạnh xả theo Pháp luật của Hiền thánh."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, lành thay! Những sở hành về hạnh xả theo Pháp luật của Hiền thánh."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1041. SANH VĂN[3148]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Phạm chí Sanh Văn[3149] đi đến chỗ Phật, cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông.

"Này Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ[3150]. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Nếu người thân tộc của con không sanh vào trong đường Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu con vì tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và cũng không có các thân tộc quen biết khác sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do lòng tin bố thí đó ai sẽ hưởng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và lại cũng không có những người quen biết khác sanh vào chốn ngạ quỷ, thì việc bố thí do lòng tin, tự mình sẽ được phước. Của bố thí do lòng tin của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-thần[3151].”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-thần kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp bất thiện, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà.* Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

“Này Bà-la-môn, thí chủ kia nếu lại phạm giới sanh trong loài voi, nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, nhưng cũng nhận được phước báo nhờ họ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

“Nếu lại sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên họ ắt sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sanh tương ứng mà được thọ dụng.

“Này Bà-la-môn, nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sanh, trộm cướp,... *cho đến*chánh kiến và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, nhờ công đức này mà sanh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống... *cho đến*những vật dụng như đèn đuốc.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu họ lại trì giới, thì sẽ được sanh lên cõi trời, vì họ nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống,... *cho đến* những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-thẩn, quả báo không mất."

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1042. BỀ-LA-MA (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ[3152] phía Bắc làng Bề-la-ma[3153]. Bấy giờ, các gia chủ làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng. Nghe vậy, họ cùng rủ nhau đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, có những chúng sanh khi mạng chung sanh vào địa ngục?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Vì nhân duyên tạo những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục."

Các gia chủ Bà-la-môn bạch Phật:

"Những gì là hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, để đến khi thân hoại mạng chung bị sanh vào địa ngục?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Vì nhân duyên sát sanh... *cho đến* tà kiến, đủ mười nghiệp bất thiện.

"Này Bà-la-môn, đó là những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Vì những nhân duyên gì mà chúng sanh khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Vì nhân duyên đã tạo ra những hành động đúng pháp, hành động chân chánh nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời.”

Lại hỏi Thế Tôn:

“Tạo những hành động gì đúng pháp, những hành động gì chân chánh để khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

“Là nhân duyên lìa sát sanh... *cho đến* chánh kiến, mười nghiệp lành thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời.

“Này các gia chủ Bà-la-môn, nếu người nào có những hành động đúng pháp, hành động chân chánh này, muốn cầu sanh vào nhà quyền quý Sát-lợi, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thế, dòng họ Cư sĩ có tiếng, đều được sanh vào đó. Vì sao? Vì nhân duyên hành động đúng pháp và hành động chân chánh. Hoặc lại muốn sanh vào Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên... *cho đến* Tha hóa tự tại thiên, đều sẽ được sanh về. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và hành động chân chánh, trì tịnh giới nên tự nhiên sẽ đạt được tất cả những gì mình muốn. Hoặc lại có người nào hành động đúng pháp và hành động chân chánh như vậy, mà muốn cầu sanh vào Phạm thiên thì cũng được sanh về. Vì sao? Vì đã tạo hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sẽ đạt được những sở nguyện. Hoặc lại muốn cầu sanh về cõi Quang âm, Biến tịnh,... *cho đến* A-già-ni-tra cũng lại như vậy. Vì sao? Vì người này trì giới thanh tịnh, tâm ly dục. Hoặc lại muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán,... *cho đến* chứng và trụ đệ Tứ thiền, tất cả được thành tựu. Vì sao? Vì người này hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên thành tựu mọi ước nguyện. Muốn cầu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tất cả đều được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên đạt được mọi ước nguyện. Muốn cầu đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vô lượng thần thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới, ly dục, nên đạt được mọi ước nguyện.”

Sau khi các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi ra về.

---o0o---

KINH 1043. BỀ-LA-MA (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng Bề-la-ma. Bấy giờ, các gia chủ Bà-la-môn trong làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ làng Bề-la-ma. Nghe vậy, họ đi xe ngựa trắng, có nhiều tùy tùng theo hai bên, cầm dù lọng cán vàng, bình tắm vàng, ra khỏi làng Bề-la-ma, đến rừng cây Thân-thứ. Đến đầu đường, họ xuống xe đi bộ, tiến vào cửa vườn, đến trước Thế Tôn, thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vì nhân gì, duyên gì có người khi mạng chung sanh vào địa ngục,... *cho đến* sanh lên trời?" *Nói đầy đủ như kinh trên.*

Sau khi các Bà-la-môn Tỳ-la-ma nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

---o0o---

KINH 1044. BỀ-NỮU-ĐA-LA[3154]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ, phía Bắc làng Bề-nữu-đa-la[3155]. Gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nữu-đa-la nghe Phật đang nghỉ nơi này; sau đó rủ nhau đến rừng cây Thân-thứ, đến trước Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn:

"Ta sẽ vì ông nói pháp tự thông[3156], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Những gì là pháp tự thông? Thánh đệ tử nên học như vầy: Tôi tự nghĩ, nếu có người muốn giết tôi, điều đó tôi không thích. Cũng như vậy, điều mà nếu tôi không thích người khác cũng không thích. Tại sao lại giết họ? Nhận ra điều này rồi, sẽ thọ trì sự không sát sanh, không thích sát sanh. *Chi tiết như trên.*

"Nếu tôi không thích bị người trộm cướp, người khác cũng không thích. Vậy tại sao tôi lại trộm cướp đối với người? Cho nên hãy giữ giới không trộm cướp, không thích việc trộm cướp. *Nói như trên.*

"Tôi đã không thích người xâm phạm đến vợ tôi, người khác cũng không thích. Vậy tại sao nay tôi lại xâm phạm đến vợ người? Cho nên phải giữ giới không tà dâm đối với người. *Nói như trên*.

"Tôi còn không thích bị người dối gạt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao lại dối gạt người khác? Cho nên, phải giữ giới không nói dối. *Nói như trên.*

"Tôi còn không thích người khác chia lìa thân hữu tôi, người khác cũng như vậy. Vậy tại sao nay tôi lại chia lìa thân hữu người khác? Cho nên không nói hai lưỡi.*Nói như trên.*

"Tôi còn không thích người khác nói lời thô ác, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người khác mà lại mạ nhục? Cho nên đối với người khác không nên nói lời ác khẩu. *Nói như trên*.

*"*Tôi còn không thích người nói lời thêu dệt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người lại nói lời thêu dệt? Cho nên đối với người khác không nên nói lời thêu dệt. *Nói như trên.*

"Bảy pháp như vậy gọi là Thánh giới. Lại nữa, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, đối với Tăng. Đó gọi là Thánh đệ tử thành tựu bốn bất hoại tịnh. Tự mình quán sát ngay bây giờ có thể tự ký thuyết, mình không còn vào địa ngục, không còn vào ngạ quỷ, súc sanh và không còn vào tất cả đường ác; đạt được pháp Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, người, cứu cánh biên tế khổ."

Sau khi gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nữu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1045. TÙY LOẠI[3157]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có những pháp thân cận[3158], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Những gì là pháp thân cận? Người sát sanh thân cận người sát sanh. Trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến, chúng tùy theo loại thân cận nhau. Thí như vật bất tịnh cùng với vật bất tịnh tự hòa hợp nhau; cũng như vậy, sát sanh cùng sát sanh... *cho đến* tà kiến cùng tà kiến, tự thân cận nhau. Cũng vậy Tỳ-kheo, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Thí như vật tịnh cùng vật tịnh hòa hợp nhau; sữa sanh lạc, lạc sanh tô, tô sanh đề hồ, đề hồ tự hòa hợp nhau. Cũng vậy, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Đó gọi là pháp thân cận nhau của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1046. XÀ HÀNH[3159]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp rắn bò[3160], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Thế nào là pháp rắn bò? Sát sanh, làm ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp ác, nói đầy đủ như kinh Thuần-đà trước. Lúc bấy giờ người ấy bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý. Khi bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý như vậy, một trong hai đường người đó đang hướng đến là địa ngục hoặc súc sanh. Chúng sanh bò trườn, là chỉ các loài chúng sanh đi bằng bụng như rắn, chuột, mèo, chồn. Đó gọi là pháp rắn bò.

“Thế nào là pháp không phải rắn bò? Không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, nói đầy đủ về mười nghiệp thiện như kinh Thuần-đà trước. Đó gọi là pháp không phải rắn bò. Khi thân không phải rắn bò, miệng không phải rắn bò, ý không phải rắn bò, thì một trong hai đường họ sẽ sanh về là cõi trời hoặc cõi người. Đó gọi là pháp không phải rắn bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1047. VIÊN CHÂU (1)[3161]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác. Nếu chúng sanh nào có nhân như vậy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục, đường ác. Giống như ném hạt châu tròn[3162] vào hư không, sẽ rơi lại xuống đất lăn đi, không đình trú tại một chỗ[3163]. Cũng vậy, nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ rơi vào địa ngục không có chỗ đình trú[3164].

“Thế nào là nghiệp ác? Sát sanh... *cho đến* nói lời thêu dệt, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là nghiệp ác.

“Thế nào là tâm ác[3165]? Tâm tham, tâm sân nhuế, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là tâm ác.

“Thế nào là kiến ác? Tà kiến điên đảo, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ rơi vào địa ngục, đường ác. Nếu nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ được sanh về cõi trời, đường lành.

“Này Bà-la-môn, thế nào là nghiệp thiện? Lìa sát sanh, không ưa sát sanh,... *cho đến* không nói lời thêu dệt. Đó gọi là nghiệp thiện.

“Thế nào là tâm thiện? Không tham, không sân, đó gọi là tâm thiện.

"Thế nào là kiến thiện? Chánh kiến, không điên đảo... *cho đến* kiến không tái sanh đời sau. Đó gọi là kiến thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sanh về cõi trời. Giống như ném hạt ma ni có bốn phương[3166] vào hư không, nó rơi chỗ nào sẽ nằm yên chỗ đó; cũng vậy ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sanh mà an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1048. VIÊN CHÂU (2)[3167]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người sát sanh, mà tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị chết yểu. Sự lấy của không cho được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tiền của nhiều khó khăn. Sự tà dâm được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, vợ con của nó bị người xâm phạm. Sự nói dối tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị người khác chê bai luôn. Sự nói hai lưỡi được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị bạn bè thân hữu xa lìa, chia rẽ. Sự nói thô ác được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, thường nghe những tiếng xấu. Sự nói lời thêu dệt được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, lời nói không được tin dùng. Tham dục được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tham dục kia sẽ tăng trưởng. Sân nhuế được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế kia sẽ tăng trưởng. Tà kiến được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, ngu si kia sẽ tăng trưởng.

"Nếu sự lìa bỏ sát sanh được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, chắc sẽ được sống lâu. Nếu sự lìa bỏ trộm cướp được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, tiền tài sẽ không mất. Nếu sự không tà dâm được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, vợ con sẽ thuần lương. Nếu sự không nói dối

được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ không bị chê bai. Nếu sự không nói hai lưỡi được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, thân hữu sẽ bền vững. Nếu sự không nói lời ác được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu sự không nói lời thêu dệt được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, lời nói sẽ được tin dùng. Nếu sự không tham lam được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, ái dục sẽ không tăng trưởng. Nếu sự không sân nhuế được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế sẽ không tăng trưởng. Nếu chánh kiến được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh làm người, ngu si sẽ không tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1049. NA NHÂN[3168]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sát sanh có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si,... *cho đến* tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si.

"Lìa sát sanh cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si,... *cho đến* lìa tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1050. PHÁP XUẤT KHÔNG XUẤT[3169]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nói là có pháp xuất và pháp xuất không xuất[3170]. Những gì là pháp xuất và pháp xuất không xuất? Nghĩa là không sát sanh, là sự xuất ly đối với sát sanh,... *cho đến* chánh kiến, là sự xuất ly đối với tà kiến."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1051. BỜ KIA BỜ NÀY[3171]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, được nói là bờ này, bờ kia. Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Sát sanh là bờ này; không sát sanh là bờ kia. Tà kiến là bờ này; chánh kiến là bờ bên kia."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Một ít người tu thiện,

Có thể qua bờ kia;

Tất cả mọi chúng sanh,

Chạy rông bờ bên này.

Đối Chánh pháp luật này,

Nếu quán pháp, tướng pháp;

Thì họ qua bờ kia,

Hàng phục bọn ma chết.

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Cũng vậy, ba kinh: Những gì Tỳ-kheo khác hỏi, Tôn giả A-nan hỏi và Phật hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

---o0o---

KINH 1052. CHÂN THẬT[3172]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp ác, có pháp chân thật[3173]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là pháp ác? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

"Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là pháp chân thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1053. ÁC PHÁP[3174]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp ác, pháp ác ác, có pháp chân thật, pháp chân thật chân thật[3175]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

“Thế nào là pháp ác? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

“Thế nào là pháp ác ác? Tự sát sanh, dạy người sát sanh,... *cho đến* tự khởi tà kiến, lại đem tà kiến dạy người làm. Đó gọi là pháp ác ác.

“Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến.

“Thế nào là pháp chân thật chân thật? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy cho người thực hành. Đó gọi là pháp chân thật chân thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1054. PHÁP CHÂN NHÂN[3176]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có người nam bất thiện và người nam thiện[3177]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1055. MƯỜI PHÁP (1)[3178]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có người nam bất thiện; có người nam bất thiện hơn người nam bất thiện; có người nam thiện; có người nam thiện hơn người nam thiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

"Thế nào là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện? Người tự tay sát sanh, rồi dạy người sát sanh,... *cho đến* tự thực hành tà kiến, rồi dạy người thực hành tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện.

"Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.

"Thế nào là người nam thiện hơn người nam thiện? Tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác thực hành. Đó gọi là người nam thiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1056. MƯỜI PHÁP (2)[3179]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt đâm xuống nước; người kia khi thân hoại mạng chung sẽ hạ nhập vào địa ngục, đường ác. Những gì là mười? Đó là sát sanh... *cho đến* tà kiến. Nếu người nào thành tựu mười

pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không; khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời. Những gì là mười? Đó là không sát sanh... *cho đến* chánh kiến.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1057. HAI MƯƠI PHÁP[3180]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là hai mươi? Tự tay sát sanh, bảo người sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại dùng tà kiến dạy người hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

"Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là hai mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời."

Phật nói kinh nay xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1058. BA MƯƠI PHÁP[3181]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh và khen ngợi sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người khác hành và thường khen ngợi người hành tà kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là ba mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh và thường khen ngợi công đức không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người hành và khen ngợi công đức chánh kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời.”

Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1059. BỐN MƯƠI[3182]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp này, như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là bốn mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh, khen ngợi sát sanh, thấy người sát sanh sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, dạy người khác hành, khen ngợi tà kiến, thấy hành tà kiến sanh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp thì sẽ như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung được sanh lên trên trời. Những gì là bốn mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh, miệng thường khen ngợi công đức không sát sanh, thấy người không sát sanh, sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, dạy người khác hành, thường khen ngợi công đức chánh kiến, thấy người hành chánh kiến sanh

lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1060. PHÁP PHI PHÁP KHỔ[3183]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có phi pháp, có chánh pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là phi pháp? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi pháp.

"Thế nào là chánh pháp? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1061. PHI LUẬT CHÁNH LUẬT[3184]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có phi luật, có chánh luật. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là phi luật? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi luật.

"Thế nào là chánh luật? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh luật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như Phi luật và chánh luật; cũng thế Phi Thánh và Thánh, Bất thiện và thiện, Phi thân cận và thân cận, Chẳng lành thay và lành thay, Hắc pháp và bạch pháp, Phi nghĩa và chánh nghĩa, Pháp kém và pháp hơn, Pháp tội và pháp không tội, Pháp bỏ và pháp không bỏ, tất cả đều nói như trên.[3185]

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 38

KINH 1062. THIỆN SANH[3186]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sanh[3187] vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nên biết thiện nam tử Thiện Sanh này có hai chỗ đoan nghiêm[3188]: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng[3189]: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tịch tĩnh, sạch các lậu,

Tỳ-kheo trang nghiêm tốt;

Ly dục, đoạn các kết,

Không tái sanh, Niết-bàn.

Giữ thân sau cùng này,

Hàng phục giặc ma oán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1063. XÚ LẬU[3190]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo[3191] hình tướng xấu xí khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh mạn, đến chỗ Phật. Khi ấy bốn chúng đang vây quanh bên Thế Tôn, thấy Tỳ-kheo này đến, tất cả đều có ý khinh mạn, liền nói với nhau rằng: "Tỳ-kheo đang đến kia là ai, mà hình tướng xấu xí, khó coi, bị mọi người khinh mạn vậy?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tỳ-kheo đang đến, hình tướng thô xấu, khó coi kia, bị mọi người khinh mạn không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Vâng, chúng con đã thấy vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có khởi ý tưởng kinh mạn. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này đã tận trừ các lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã đoạn tận các hữu kết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo, các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng xét đoán người."

Vị Tỳ-kheo này đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi lui qua một bên không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có ý khinh mạn,... *cho đến* các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng biết được người.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chim bay cùng thú chạy,

Tất cả sợ sư tử.

Sư tử vua loài thú,

Không có loài nào bằng.

Cũng vậy, người trí tuệ,

Tuy nhỏ nhưng mà lớn.

Chớ chấp thân tướng họ,

Mà sanh tâm khinh mạn.

Nào cần thân to lớn,

Thịt nhiều không trí tuệ.

Trí tuệ hiền thắng này,

Chính là bậc Thượng sĩ.

Ly dục, đoạn các kết,

Không tái sanh, Niết-bàn.

Giữ thân sau cùng này,

Hàng phục các ma quân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1064. ĐỀ-BÀ[3192]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa[3193] có được lợi dưỡng từ A-xà-thế[3194] con bà Tỳ-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà. Hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm trăm cỗ xe đến chỗ Đề-bà-đạt-đa; hằng ngày đem năm trăm chõ đồ ăn cúng dường Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm người thành nhóm riêng[3195] nhận sự cúng dường này.

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có những lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này. Khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* dẫn nhóm riêng năm trăm người hưởng thọ sự cúng dường này."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ nói Đề-bà-đạt-đa đang được lợi dưỡng. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa này, nếu hưởng thọ lợi dưỡng riêng thì đời này tự hoại và đời sau cũng bị hoại. Ví như cây chuối, lau, tre sanh quả liền chết, năm sau cũng hư hoại. Cũng lại như vậy, Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận sự cúng dường này, thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Thí như con la[3196] mang thai thì chết; cũng như vậy Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận các lợi dưỡng thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia, sẽ tùy theo thời gian nhiều ít hưởng thụ lợi dưỡng này, mà phải lâu dài chịu khổ, không lợi ích. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Dù có lợi dưỡng đến, tôi cũng không sanh tâm nhiễm trước.'"

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chuối sanh quả liền chết,

Lau tre cũng như vậy.

La mang thai thì chết;

Người vì tham mà chết.

Thường làm hạnh phi nghĩa,

Biết nhiều không khỏi ngu;

Pháp lành ngày tổn giảm,

Cành khô, rễ cũng tàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng.

---o0o---

KINH 1065. TƯỢNG THỦ[3197]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có Thủ Tỳ-kheo[3198] là người dòng họ Thích, mạng chung tại nước Xá-vệ.

Lúc ấy, sáng sớm có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Nghe xong vào thành Xá-vệ khất thực trở về cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn, Thủ Tỳ-kheo mạng chung sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thủ Tỳ-kheo này thành tựu ba pháp bất thiện, nên khi mạng chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba pháp bất thiện? Là tham dục, sân nhuế và ngu si. Ba pháp bất thiện này trói buộc tâm. Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích sẽ sanh vào địa ngục, đường ác.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tham dục, sân nhuế, si,

Trói buộc tâm con người;

Phát từ trong, tự hại.

Như lau, tre ra hoa.

Tâm không tham, nhuế, si,

Đó gọi là sáng suốt;

Phát từ trong, không hại,

Đó gọi là thắng xuất.

Cho nên phải lìa tham,

Tăm tối si, sân nhuế;

Tỳ-kheo trí tuệ sáng,

Khổ tận, Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1066. NAN-ĐÀ (1)

Như Thủ Tỳ-kheo, kinh Nan-đà cũng nói như vậy.

---o0o---

KINH 1067. NAN-ĐÀ (2)[3199]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật[3200], thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa."

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

"Ông đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói Nan-đà rằng: 'Đại Sư cho gọi ngươi.'"

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đến nói với Nan-đà:

"Thế Tôn cho gọi ông."

Nan-đà nghe xong liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Nan-đà:

"Có thật ngươi thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa không?"

Nan-đà bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Nan-đà:

"Ngươi là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y phục đẹp, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Ngươi nên tự nghĩ như vầy: 'Ta là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, nên trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục."

Sau khi vâng lời Phật dạy, Nan-đà trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nan-đà, Ta muốn ngươi,

Tu tập a-lan-nhã;

Đi khất thực từng nhà,

Thân mặc áo phấn tảo.

Thích ở chỗ núi khe,

Không tham luyến ngũ dục!

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1068. ĐÊ-SA[3201]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đê-sa[3202] tự nghĩ: "Ta là anh em con cô của Thế Tôn, nên không cần phải cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng cần phải sợ nễ, không chịu để can gián." Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đê-sa tự nghĩ mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng không cần sợ nễ, không chịu để can gián."Bấy giờ Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo:

"Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói rằng: 'Đại Sư cho gọi ngươi.'"

Lúc ấy Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói:

"Thế Tôn cho gọi ông."

Tỳ-kheo Đê-sa liền đi đến chỗ phật, cúi đầu lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo Đê-sa:

"Có thật ông nghĩ rằng: 'Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần dè dặt, không phải sợ nễ, không chịu để can gián' chăng?" Tỳ-kheo Đê-sa bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Tỳ-kheo Đề-sa:

"Ông không nên nghĩ thế. Ông phải nghĩ rằng: 'Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên phải cung kính, sợ nễ, nhẫn chịu sự can gián.'"

Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Lành thay, ngươi Đê-sa!

Lìa sân nhuế là tốt;

Chớ sanh tâm sân hận.

Người sân giận không tốt.

Nếu hay lìa sân mạn,

Tu hành tâm khiêm hạ;

Sau đó ở nơi Ta,

Tu tập các phạm hạnh.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Đê-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1069. TỲ-XÁ-KHU[3203]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử[3204] tụ họp ở nhà cúng dường[3205], thuyết pháp cho số đông các Tỳ-kheo, ngôn từ hoàn hảo, giọng tốt trong trẻo cú vị rõ ràng, chính xác, lời nói phù hợp với trí tuệ; thính giả thích nghe, lời nói lưu loát, hiển bày ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe.

Khi ấy Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày[3206], với thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, nghe tiếng thuyết pháp, Ngài xuất định, đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng và nói với Tỳ-kheo Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử:

"Lành thay, lành thay, Tỳ-xá-khư! Ông có thể ở nơi nhà cúng dường này mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, với ngôn từ hoàn hảo, cho đến, hiển hiện ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh, kính trọng. Ông hãy thường xuyên thuyết pháp như vậy cho các Tỳ-kheo, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh kính trọng, nhất tâm ưa nghe, sẽ được ích lợi lâu dài, sống an lạc."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Nếu không có thuyết pháp,

Khó phân rõ ngu, trí.

"Đây ngu! Đây trí tuệ!"

Không do đâu hiển hiện.

Khéo nói pháp tươi mát,

Nhân thuyết trí rõ ràng.

Thuyết pháp là sáng chiếu,

Sáng chói cờ Đại tiên.

Phật nói kinh này xong; Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử nghe những gì Phât dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

---o0o---

KINH 1070. NIÊN THIẾU[3207]

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo ở nhà cúng dường, tụ tập cùng nhau may y. Lúc đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.

Bấy giờ các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, ở nhà cúng dường, các Tỳ-kheo tụ tập may y. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y."

Bấy giờ Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo trẻ ấy:

"Có thật ông không muốn giúp đỡ các Tỳ-kheo may y chăng?"

Tỳ-kheo trẻ kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp."

Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi, mới bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ nói với[3208] Tỳ-kheo trẻ này. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này được bốn pháp tăng tâm[3209], đang hoàn toàn an trú trong hiện pháp lạc, chẳng phải do cố gắng mà được. Tỳ-kheo ấy theo bản tâm của mình, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia học đạo, tăng tiến tu học, hiện pháp tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Kém nỗ lực, đức mỏng,

Trí tuệ ít: không thể

Hướng thẳng đến Niết-bàn,

Thoát khỏi gông phiền não.

Hiền nhân trẻ tuổi này,

Sớm được chỗ thượng sĩ;

Lìa dục tâm giải thoát,

Niết-bàn dứt tái sanh.

Giữ thân tối hậu này,

Hàng phục các ma quân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1071. TRƯỞNG LÃO[3210]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên Thượng Tọa[3211], sống một mình tại một nơi, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư.

Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có Tôn giả tên là Thượng Tọa sống một mình, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư.”

Khi đó Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tọa nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi thầy.’”

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, đến nói lời như trên với Tỳ-kheo Thượng Tọa, Tỳ-kheo Thượng Tọa vâng lời đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Ông có thật sống một mình nơi chỗ vắng, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình chăng?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Này Tỳ-kheo, ông như thế nào sống một mình, khen ngợi người sống một mình, một mình đi khất thực, một mình trở về chỗ ở và một mình ngồi thiền tư?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

“Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Ông là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình. Nhưng lại có lối sống một mình thắng diệu hơn. Sao gọi là lối sống một mình thắng diệu? Đó là Tỳ-kheo phía trước thì khô cằn, phía sau thì diệt tận, ở giữa thì không tham hỷ[3212]. Đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thắng diệu hơn nữa.”

Khi ấy Phật nói kệ:

Chiếu sáng khắp tất cả,

Biết khắp các thế gian;

Chẳng chấp tất cả pháp,

Lìa hết tất cả ái.

Người này sống an lạc,

Ta nói là độc trụ.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tọa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ cáo từ.

---o0o---

KINH 1072. TĂNG-CA-LAM[3213]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Tăng-ca-lam[3214] du hành nhân gian ở Câu-tát-la, tới nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, trong vườn Cấp cô độc. Tỳ-kheo Tăng-ca-lam kia có vợ cũ đang ở trong nước Xá-vệ, nghe tin Tỳ-kheo Tăng-ca-lam du hành trong nhân gian từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, trong rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Nghe vậy, liền mặc y phục đẹp, trang điểm hoa anh lạc, ôm con đi thẳng đến Kỳ-hoàn, đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-ca-lam.

Trong lúc Tôn giả Tăng-ca-lam ra khỏi phòng đi kinh hành ngoài đất trống, người vợ cũ kia tiến đến trước mặt Tôn giả và nói:

"Đứa bé này còn nhỏ quá, anh bỏ con thơ đi tu, ai sẽ nuôi dưỡng nó?"

Tỳ-kheo Tăng-ca-lam không nói chuyện với nàng. Người vợ ba lần nói như vậy, Tỳ-kheo cũng không nói gì. Người vợ lại nói:

"Tôi đã nói cho anh biết ba lần như vậy mà anh chẳng nói với tôi, chẳng ngó ngàng tới, bây giờ tôi sẽ bỏ đứa bé này."

Người vợ liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu đường kinh hành mà đi và nói:

"Này Sa-môn, đây là con của ông! Ông hãy tự nuôi nấng. Nay tôi bỏ đi!"

Tôn giả Tăng-ca-lam cũng chẳng nhìn đến đứa bé. Người vợ ấy lại nói:

"Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa nhỏ. Chắc có lẽ ông đã được chỗ khó được của bậc Tiên nhân. Lành thay! Sa-môn chắc hẳn đã được giải thoát."

Thiếu phụ không toại nguyện đành ôm con đi.

Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày, với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường, Ngài nghe được những lời của người vợ cũ của Tôn giả Tăng-ca-lam, liền nói kệ:

Việc đến chẳng hoan hỷ,

Đi cũng chẳng lo buồn;

Với thế gian hòa hợp,

Giải thoát chẳng nhiễm trước.

Ta nói Tỳ-kheo kia,

Chân thật Bà-la-môn;

Việc đến chẳng hoan hỷ,

Đi cũng chẳng lo buồn.

Không nhiễm cũng không ưu,

Hai tâm đều vắng lặng;

Ta nói Tỳ-kheo này,

Là chân Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-già-lam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 1073. A-NAN[3215]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng tự suy nghĩ: "Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây và mùi hương của hoa. Hoặc lại có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió chăng?"

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật và lui đứng một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: ‘Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây, mùi hương của hoa. Hoặc có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió vừa ngược gió chăng?’”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Có ba loại mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Đó là hương thơm rễ cây, hương thơm của cây, hương thơm của hoa. Này A-nan, cũng có mùi hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió. Này A-nan, hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: Có thiện nam tử hay người thiện nữ nào sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như vậy đều được người lành trong tám phương, cùng phương trên, phương dưới, thảy đều tán thán rằng: ‘Ở phương kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... *cho đến* không uống rượu.’ Này A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay theo ngược chiều gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng phải hương cành, hoa,

Có thể bay ngược gió.

Chỉ có hương tịnh giới,

Của thiện nam, thiện nữ;

Ngược, thuận bay các phương,

Không đâu không nghe biết.

Đa-ca-la[3216], Chiên-đàn,

Ưu-bát-la, Mạt-lợi;

So sánh các mùi hương,

Giới hương là hơn hết.

Hương thơm như Chiên-đàn,

Lan tỏa có giới hạn;

Chỉ có hương giới đức,

Xông ngát tận cõi trời.

Hương thơm của tịnh giới,

Chánh thọ, chẳng phóng dật;

Chánh trí và giải thoát,

Ma đạo không thể vào.

Đây là đạo an ổn,

Đạo này rất thanh tịnh;

Hướng thẳng diệu thiền định,

Bứt dây trói của ma.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 1074. BỆN TÓC[3217]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Ma-kiệt-đề, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo. Xưa kia họ là những người xuất gia bện tóc[3218], nay đều đắc quả A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, sạch các hữu kết, chánh trí thiện giải thoát. Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến tại rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến[3219].

Bình-sa[3220] vua nước Ma-kiệt-đề, nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đề, đến trong rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến. Vua cùng với các tiểu vương, quần thần và đoàn tùy tùng, xe cộ một muôn hai ngàn chiếc, ngựa một muôn tám ngàn, người đi bộ theo đông vô số, các Bà-la-môn, gia chủ trong nước Ma-kiệt-đề đều đi theo.

Nhà vua rời khỏi thành Vương xá đi đến chỗ Thế Tôn, cung kính cúng dường. Tới đầu đường, vua xuống đi bộ. Lúc tiến vào đến cửa trong, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng, giở mão, dẹp bỏ lọng, quạt, dao gươm, cởi giày da. Vua đến trước Phật, sửa lại y phục tề chỉnh, trật vai áo bên phải, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, tự xưng danh tánh và bạch Phật:

"Thế Tôn, con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề."

Phật bảo Bình-sa vương:

"Đại vương, ngài là Bình-sa. Mời Đại vương an tọa."

Bình-sa vương lại lễ dưới chân Phật, từ tốn ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ Uất-bề-la Ca-diếp[3221] cũng đang ngồi tại đấy. Trong khi đó các gia chủ Bà-la-môn nghĩ rằng: "Có phải Đại Sa-môn này theo Uất-bề-la Ca-diếp tu phạm hạnh hay là Uất-bề-la Ca-diếp theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh?"

Thế Tôn biết được tâm niệm của các gia chủ, Ngài liền nói kệ hỏi:

Uất-bề-la Ca-diếp,

Nơi đây thấy lợi gì,

Bỏ sự phụng thờ xưa,

Thờ lửa và các việc?

Nay hãy nói nghĩa kia.

Nguyên do bỏ thờ lửa.

Uất-bề-la Ca-diếp nói kệ bạch Phật:

Tiền tài thức ăn ngon,

Nữ sắc, quả ngũ dục;

Quán sát vị lai thọ,

Đều vô cùng nhơ nhớp.

Thế nên đều ném bỏ,

Sự thờ lửa trước kia.

Thế Tôn lại nói kệ hỏi:

Ông chẳng đắm thế gian,

Năm dục tiền, vị, sắc...;

Sao lại bỏ trời, người?

Ca-diếp, tùy nghĩa nói.

Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn:

Thấy đạo lìa hữu dư,

Lối Vô dư tịch diệt,

Vô sở hữu, bất trước,

Không đường khác, đạo khác.

Thế nên đều ném bỏ,

Lối tu thờ lửa trước,

Đại hội[3222] đều thọ trì,

Phụng thờ nước, hoặc lửa.

Ngu si chìm trong đó.

Chí cầu đạo giải thoát.

Mù, không mắt trí tuệ,

Hướng sanh, già, bệnh, chết.

Chẳng thấy con đường chánh,

Trọn lìa nẻo sanh tử.

Nay mới nhờ Thế Tôn,

Được thấy đạo vô vi,

Lực mà Đại long nói,

Được qua bên bờ kia.

Mâu-ni rộng cứu giúp,

An úy vô lượng chúng,

Nay mới biết Cù-đàm,

Bậc siêu xuất chân đế.

Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp:

Lành thay! Này Ca-diếp,

Trước suy xét phi ác,

Kế phân biệt tìm cầu,

Mới đến nơi tốt dẹp.

“Này Ca-diếp, ông nên có lòng an úy tâm đồ chúng của ông.”

Khi ấy Uất-bề-la Ca-diếp liền nhập chánh thọ, do sức thần túc, hướng về phương Đông, bay lên hư không, hiện ra bốn thứ thần biến: đi, đứng, nằm, ngồi. Vào trong lửa tam-muội, toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đốt thân. Trên thân ra nước để rưới nước lên thân. Hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia; dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thần thông biến hóa xong, Ca-diếp cúi đầu lễ Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con, con là đệ tử."

Phật bảo Ca-diếp:

"Ta là Thầy ông. Ông là đệ tử. Ông hãy bình an ngồi xuống đi."

Tôn giả Uất-bề-la Ca-diếp ngồi lại chỗ cũ. Các gia chủ Bà-la-môn xứ Ma-kiệt-đề đều nghĩ thầm: "Uất-bề-la Ca-diếp đã quyết định ở nơi Đại Sa-môn tu hành phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Bình-sa vua xứ Ma-kiệt-đề, cùng các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

---o0o---

KINH 1075. ĐÀ-PHIÊU (1)[3223]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, có Đà-phiêu Ma-la Tử[3224], quê cũ ở thành Vương xá, lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uống và các vật dụng: giường nằm, chỗ ngồi,... và xếp đặt phiên thứ, sai thỉnh rất chu đáo. Lúc đó, có Tỳ-kheo Từ Địa[3225] trải qua ba lần nhận thức ăn thô dở. Trong khi ăn lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: "Quái lạ thay! Khổ thay! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử chắc cố tình đem thức ăn dở để là xúc não ta, khiến ta khi ăn cảm thấy cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho y mới được?"

Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la[3226] đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi vườn nhà vua thuộc thành Vương xá. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lễ chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa:

"A-lê[3227], vì sao không ngó ngàng và chẳng nói chuyện với tôi?"

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

"Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc não tôi, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ. Còn cô thì cứ bỏ mặc tôi."

Tỳ-kheo-ni nói:

"Làm gì bây giờ?"

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

"Cô hãy đến Thế Tôn bạch như vầy: 'Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái phạm, phạm tội Ba-la-di'. Tôi sẽ làm chứng và nói: 'Bạch Thế Tôn, đúng như lời em gái con đã nói'."

Tỳ-kheo-ni nói:

"A-lê, làm sao tôi lại đem tội Ba-la-di để vu báng cho Tỳ-kheo phạm hạnh?"

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

"Nếu cô không làm như thế, tôi và cô từ nay chấm dứt tình anh em. Cô đừng lui tới đây để chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa."

Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói:

"A-lê khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy."

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

"Cô hãy đợi tôi đi đến Thế Tôn trước, cô sẽ đi theo sau."

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một việc không đẹp thay! Thật phi lý thay[3228]! Đà-phiêu Ma-la Tử đã làm điều phi phạm hạnh với con, phạm tội Ba-la-di!"

Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật:

"Như lời nói của em gái con, trước đây con đã biết."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử đang ở giữa đại chúng.

Khi ấy Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử:

“Ông có nghe lời nói này không?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

“Bạch Thế Tôn, con đã nghe.”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Hôm nay ông như thế nào?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã biết! Như Thiện Thệ đã biết!”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Ông nói như Thế Tôn đã biết, nay chẳng hợp thời. Bây giờ ông có nhớ thì nói nhớ, không nhớ thì nói không nhớ.”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

“Con không tự nhớ.”

Trong lúc đó Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không đẹp thay! Thật phi lý thay! Tỳ-kheo-ni này nói: ‘Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử cùng với con làm điều phi phạm hạnh’. Tỳ-kheo Từ Địa lại nói: ‘Bạch Thế Tôn, đúng thế! Trước đây con đã biết như em con đã nói.’”

Phật bảo La-hầu-la:

“Bây giờ, Ta hỏi La-hầu-la, tùy ý ngươi đáp lời Ta. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: ‘Thật không đẹp thay! Thật phi lý thay! La-hầu-la cùng con làm điều phi phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di.’ Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: ‘Thưa đúng như vậy, trước đây con đã biết, như lời em gái con nói.’ Ngươi sẽ làm thế nào?”

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu con nhớ con sẽ nói nhớ, nếu không nhớ sẽ nói không nhớ."

Phật bảo La-hầu-la:

"Này người ngu si, ngươi còn nói được những lời này, huống chi Đà-phiêu Ma-la Tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, cớ sao không nói được những lời như vậy?"

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử, hãy để ức niệm[3229]. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, hãy diệt tránh bằng tự xác nhận[3230]. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng sẽ tích cực giáo giới can gián và khiển trách: 'Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?'"

Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng lên, vào phòng tọa thiền. Khi ấy các Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo Đà-phiêu tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng tích cực giáo giới can gián và khiển trách: 'Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?' Trong khi can ngăn như thế, Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: "Đà-phiêu Ma-la Tử không làm chuyện phi phạm hạnh; không phạm Ba-la-di. Đà-phiêu Ma-la Tử đã ba phen cho tôi thức ăn tệ, đáng sợ, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ, nên tôi đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử mà có sự thiên vị, giận hờn, ngu si, sợ hãi, nên cố ý nói như thế. Nhưng thật sự Đà-phiêu Ma-la Tử là người thanh tịnh, vô tội."

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền định ra, đến trước đại chúng trải tòa, ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa thì tích cực giáo giới can gián. Tỳ-kheo ấy nói rằng: 'Đà-phiêu Ma-la Tử thanh tịnh vô tội'."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vì sao ngu si, chỉ vì việc ăn uống, mà cố ý vọng ngữ?"

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu hay xả một pháp,

Biết mà cố vọng ngữ;

Chẳng kể gì đời sau,

Điều ác nào chẳng làm.

Thà ăn viên sắt nóng,

Như lửa than cháy hừng;

Không vì phạm giới cấm,

Ăn của thí cho Tăng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1076. ĐÀ-PHIÊU (2)[3231]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con xin vào Bát-niết-bàn ở trước Phật."

Thế Tôn im lặng, Tôn giả ba lần bạch như vậy. Phật bảo Đà-phiêu Ma-la Tử:

"Các pháp hành hữu vi đều như vậy cả."

Khi ấy, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử liền ở trước Phật nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy, hướng về phương Đông, Tôn giả bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nhập vào tam-muội lửa, dưới thân phát ra lửa, cả thân rỗng sáng; ánh sáng chiếu khắp các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân. Trên thân ra nước rưới ướt trên thân. Hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước rưới ướt trên thân. Khắp cả mười phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền

ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân vào Vô dư Niết-bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thắp cây đèn, dầu, tim đều hết. Đà-phiêu Ma-la Tử ở trong hư không đã nhập diệt, thân tâm đều bặt hết cũng như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Ví như đốt hòn sắt,

Lửa bừng sáng rực rỡ;

Sức nóng dần dần tắt,

Nào biết đi về đâu?

Cũng thế, sự giải thoát,

Vượt bùn lầy phiền não;

Đã cắt đứt các dòng,

Nào biết đi về đâu?

Chóng đắc dấu bất động,

Nhập Vô dư Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1077. GIẶC[3232]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Ương-cù-đa-la[3233] du hành nhân gian. Khi đi qua trong rừng Đà-bà-xà-lê-ca[3234], Ngài gặp những người chăn bò, người chăn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế Tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Phía trước có tên cướp Ương-cù-lợi-ma-la[3235] chuyên môn khủng bố người.”

Đức Phật nói với các người này:

“Ta không sợ.”

Nói xong, Ngài cứ theo đường mà đi. Họ nói ba lần, Đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấy Ương-cù-lợi-ma-la, tay cầm dao chạy thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ khiến cho Ương-cù-lợi-ma-la chạy như bay cũng không kịp. Chạy theo đến mệt đuối, Ương-cù-lợi-ma-la từ xa nói với Thế Tôn:

“Đứng lại, đứng lại, chớ đi!”

Thế Tôn vừa đi vừa đáp:

“Ta luôn dừng. Ngươi không tự dừng đó thôi.”

Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ:

Sa-môn vẫn rảo nhanh,

Lại nói ‘Ta luôn dừng.’

Nay tôi mệt, dừng nghỉ.

Sao nói ‘Ngươi chẳng dừng’?

Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Ương-cù-lợi-ma-la,

Ta nói Ta thường dừng:

Với tất cả chúng sanh,

Đã dừng mọi đao trượng.

Ông khủng bố chúng sanh,

Nghiệp ác không chịu dừng.

Với tất cả côn trùng,

Ta dứt dùng đao gậy.

Với côn trùng bé nhỏ,

Ông bức bách đe dọa;

Cố tạo nghiệp hung ác,

Trọn chẳng lúc nào thôi.

Ta đối tất cả thần[3236],

Dừng thôi mọi đao, trượng.

Ông đối với các thần,

Luôn làm khổ, bức bách.

Tạo tác ác nghiệp đen,

Đến nay không dừng nghỉ.

Ta dừng nơi pháp nghỉ,

Tất cả không phóng dật.

Ông chẳng thấy Bốn đế,

Nên chẳng dừng buông lung.

Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ bạch Phật:

Lâu mới thấy Mâu-ni,

Nên theo đường chạy đuổi;

Nay nghe lời vi diệu,

Sẽ bỏ điều ác xưa.

Nói ra như thế rồi,

Liền buông bỏ đao gậy;

Dập đầu dưới chân Phật,

Xin cho con xuất gia.

Phật đầy lòng từ bi,

Đại Tiên tràn thương xót;

Gọi Tỳ-kheo, thiện lai!

Xuất gia thọ cụ túc.

Ương-cù-lợi-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không nhà, tinh tấn tu phạm hạnh, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hỷ lạc, Tôn giả liền nói kệ:

Vốn mang tên 'Bất Hại'[3237]

Mà lại sát hại nhiều.

Nay được tên 'Kiến Đế',

Xa lìa sự tổn, sát.

Thân không giết, không hại,

Miệng ý cũng như thế;

Nên biết 'chân bất sát',

Chẳng bức bách chúng sanh.

Rửa sạch tay vấy máu,

Gọi là Ương ma-la;

Trôi nổi giữa dòng sâu,

Tam quy làm dừng bặt.

Quy y Tam bảo xong,

Xuất gia được cụ túc;

Thành tựu được tam minh,

Điều Phật dạy đã làm.

Chăn trâu, dùng gậy đánh,

Nài voi, dùng móc sắt;

Chẳng dùng đến gươm đao,

Thật huấn luyện trời, người.

Dao bén nhờ đá mài,

Tên thẳng nhờ lửa ấm;

Chặt gậy nhờ búa rìu,

Tự chế, nhờ trí tuệ.

Nơi dòng đời ân ái,

Chánh niệm mà vượt ra.

Người tuổi trẻ xuất gia,

Siêng tu lời Phật dạy;

Sẽ soi sáng thế gian,

Như mây tan trăng hiện.

Người tuổi trẻ xuất gia,

Siêng tu lời Phật dạy;

Nơi dòng đời ân ái,

Người trước kia phóng dật,

Sau đó hay tự kiểm;

Sẽ soi sáng thế gian,

Như mây tan trăng hiện.

Người trước kia phóng dật,

Sau này hay tự kiểm;

Chánh niệm mà siêu xuất.

Nếu thoát các nghiệp ác,

Chánh thiện hay khiến diệt;

Sẽ soi sáng thế gian,

Như mây tan trăng hiện.

Trước người tạo nghiệp ác,

Chánh niệm hay khiến diệt;

Nơi dòng đời ân ái,

Chánh niệm hay siêu xuất.

Tôi đã làm nghiệp ác,

Chắc hướng đến đường ác;

Đã nhận lấy báo ác,

Nợ trước vay đã trả.

Nếu người oán ghét tôi,

Được nghe Chánh pháp này;

Được pháp nhãn thanh tịnh,

Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Chẳng còn khởi tranh cãi,

Nhờ ân lực của Phật;

Tôi hiền lành, nhẫn nhục,

Cũng thường khen ngợi nhẫn.

Tùy thời được nghe pháp,

Nghe rồi tu hành theo.

Phật nói kinh này xong, Ương-cù-lợi-ma-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1078. TÁN-ĐẢO-TRA[3238]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, lúc sáng sớm đi ra bên bờ sông Tháp-bổ[3239], cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa. Tắm xong, lên bờ, khoác sơ một cái y đợi thân khô.

Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

"Ông trẻ tuổi xuất gia, tươi trắng, tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tráng thịnh đẹp đẽ. Đáng nên hưởng thụ ngũ dục, trang nghiêm chuỗi ngọc, xức dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục. Nhưng sao bây giờ lại trái với người thân, quay lưng với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly; cạo bỏ

râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà? Sao lại bỏ cái vui hiện tiền mà tìm cái lợi phi thời[3240]?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi không xả bỏ cái lạc hiện tại, để tìm cầu cái lạc phi thời. Thật sự chính tôi đang xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền."

Thiên tử hỏi Tỳ-kheo:

"Thế nào là xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền?"

Tỳ-kheo đáp:

"Như Thế Tôn nói, dục là phi thời[3241], vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã lìa sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyện tự tâm mà tri giác[3242]. Này Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền."

Thiên tử lại hỏi Tỳ-kheo:

"Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng dục là phi thời, ít vui, nhiều khổ? Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng lợi lạc trong đời hiện tại,... *cho đến*, tự giác tri?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi trẻ tuổi xuất gia, không thể nói rõ hết ý nghĩa Chánh pháp luật của Như Lai. Thế Tôn đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà gần đây. Ngài có thể đến hỏi Thế Tôn điều nghi ngờ. Thế Tôn sẽ nói, tùy sự ghi nhớ mà lãnh thọ."

Thiên tử lại nói:

"Này Tỳ-kheo, nơi chỗ Như Lai đang có nhiều chư Thiên oai lực vây quanh. Tôi trước chưa hỏi, không dễ gì đến được. Tỳ-kheo, nếu có thể vì tôi bạch trước Thế Tôn, tôi sẽ đi theo."

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi sẽ vì ngài đi đây."

Thiên tử thưa với Tỳ-kheo:

"Vâng, Tôn giả đi, tôi đi theo sau Tôn giả."

Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên; tường thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp với Thiên tử cho Thế Tôn nghe và bạch:

"Bạch Thế Tôn, vị Thiên tử này nếu là người thành thật chốc lát sẽ đến, nếu không thành thật sẽ không đến."

Lúc ấy vị Thiên tử kia từ xa nói vọng lại với Tỳ-kheo:

"Tôi đã ở đây. Tôi đã ở đây."

Bây giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh theo ái tưởng[3243],

Do ái tưởng mà trụ.

Vì chẳng biết rõ ái,

Nên thần chết tùy tiện[3244].

Phật bảo Thiên tử:

"Ông giải thích bài kệ này rồi mới có thể hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật nói kệ và bảo Thiên tử:

Nếu biết ái được yêu,

Ở đó không sanh yêu.

Người không có sự này,

Người khác không thể nói[3245].

Phật bảo Thiên tử:

"Ông hiểu nghĩa này rồi có thể hỏi câu khác."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật lại nói kệ:

Ai thấy: bằng, hơn, kém,

Ắt có ngôn luận sanh.

Ba việc chẳng khuynh động:

Không yếu mền, trung, thượng[3246].

Phật bảo Thiên tử:

"Hiểu được nghĩa này thì có thể hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật lại nói kệ:

Đoạn ái và danh sắc,

Trừ mạn, không ràng buộc;

Tịch diệt, dừng sân nhuế,

Lìa kết, bặt dục vọng.

Chẳng thấy nơi trời, người,

Đời này và đời khác.

Phật bảo Thiên tử:

"Ông hiểu nghĩa này rồi mới nên hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ, con đã hiểu."

Đức Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ biến mất.

---o0o---

KINH 1079. BẠT-CHẨN[3247]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia[3248] cuối đêm đến bên bờ sông Tháp-bổ, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đây là gò mả[3249], ban đêm bốc khói, ban ngày bốc lửa. Người Bà-la-môn kia thấy vậy, nói rằng: 'Hãy phá cái gò mả này đi. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy con rùa lớn[3250]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi con rùa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có cái cù lâu[3251], Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cái cù lâu này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có miếng thịt[3252]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi miếng thịt này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy chỗ giết chóc[3253]. 'Trừ đi chỗ giết chóc này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy cái lăng-kỳ[3254], Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cái lăng-kỳ này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có hai đường. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi hai đường này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có một cánh cửa. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cánh cửa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có con rồng lớn[3255]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Dừng lại, chớ bỏ qua con rồng to. Phải nên cung kính.'

"Này Tỳ-kheo, ông hãy đem luận này đến hỏi Thế Tôn. Như lời Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao? Vì trừ Như Lai ra, tôi không thấy ai trong thế gian này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn nào, mà đối với luận này có tâm ưa thích. Trừ các đệ tử, hay những người nghe từ tôi rồi nói lại."

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo sau khi nghe luận này từ Thiên tử ấy, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đem các luận của Thiên tử kia hỏi Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là gò mả? Thế nào là đêm thì bốc khói? Thế nào là ngày thì lửa cháy? Thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là đào lên? Thế nào là người trí? Thế nào là gươm đao? Thế nào là con rùa lớn? Thế nào là cù lâu? Thế nào là miếng thịt? Thế nào là chỗ giết chóc? Thế nào là lăng-kỳ? Thế nào là hai đường? Thế nào là cánh cửa? Thế nào là con rồng lớn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Gò mả là cái thân sắc gồm sắc đại thô phù của chúng sanh, bẩm thọ di thể của cha mẹ, ăn uống, y phục che chở, tắm rửa trau chuốt, nuôi dưỡng. Tất cả đều là pháp biến hoại, ma diệt. Ban đêm bốc khói nghĩa là giữa đêm có người thức dậy tùy giác tùy quán[3256]. Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy tạo các nghiệp thân, miệng[3257]. Bà-la-môn nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đào lên, nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là đa văn Thánh đệ tử. Gươm đao là gươm đao trí tuệ. Con rùa lớn nghĩa là năm cái[3258]. Cù lâu[3259] nghĩa là phẫn hận. Khúc thịt là bỏn xẻn tật đố. Giết chóc nghĩa là công năng năm dục[3260]. Lăng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường là nghi hoặc. Cánh cửa là ngã mạn. Con rồng to là bậc Lậu tận A-la-hán.

"Như vậy, này Tỳ-kheo, những gì Đại Sư cần làm cho đệ tử, do thương yêu, nghĩ tưởng đến, vì lợi ích mà an ủi. Đối với ông, việc Ta đã làm rồi. Các ông nên làm những việc cần làm. Hãy ở chỗ vắng trong rừng, trong nhà trống, chỗ núi non, nơi hẻo lánh, trong hang núi v.v... trải cỏ hoặc lá cây để ngồi, tư duy thiền định, không khởi buông lung, chớ để sau này phải hối tiếc. Đó là giáo huấn của Ta."

Phật liền nói kệ:

Nói thân là gò mả,

Giác, quán đêm bốc khói;

Nghiệp là lửa ban ngày.

Bà-la-môn: Chánh giác.

Tinh tấn: chăm khai quật,

Người trí tuệ sáng suốt,

Dùng gươm bén trí tuệ.

Bậc thăng tiến, chán lìa.

Năm cái là rùa to,

Phẫn hận là cù lâu;

Xan tật là khúc thịt,

Năm dục, nơi giết chóc.

Vô minh là lăng-kỳ,

Nghi hoặc là hai đường;

Cánh cửa hiện ngã mạn,

Rồng, La-hán lậu tận.

Cứu cánh dứt các luận,

Nên Ta nói như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1080. TÀM QUÝ[3261]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy có một Tỳ-kheo khác vì không trụ tâm, tâm tán loạn, không gìn giữ các căn. Tỳ-kheo kia sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, từ xa trông thấy Thế Tôn vội thu nhiếp các căn nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ-kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi, thấy rồi. Phật vào thành. Khất thực xong, Ngài trở về tinh xá cất y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền.

Chiều hôm ấy, sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực thấy có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng trông thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy?"

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con sáng sớm vào thành khất thực tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn, con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Ông thấy Ta rồi, có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Này Tỳ-kheo, pháp này phải nên như vậy. Nếu thấy Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại thấy Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như vậy sẽ được lợi ích, an ổn, khoái lạc, lâu dài."

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi:

Với tâm kia mê loạn,

Không chuyên trụ hệ niệm;

Sáng sớm mang y bát,

Vào thành ấp khất thực.

Dọc đường thấy Đại Sư,

Đầy oai đức, dung nghi;

Vui mừng sanh tàm quý,

Liền nhiếp trì các căn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 39

KINH 1081. KHỔ CHỦNG[3262]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Lộc dã, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, cũng có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành khất thực, đứng dưới gốc cây bên đường, vì nương vào ác tham[3263]nên sanh giác tưởng bất thiện[3264]. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, sống bằng vị ác tham nên sanh giác tưởng bất thiện, bảo rằng:

"Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng[3265], để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được."

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Thế Tôn đã biết được niệm ác trong tâm ta." Chợt lòng cảm thấy sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng.

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn vào thành khất thực, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng nay, Ta đắp y, ôm bát vào thành khất thực, thấy một Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, nương vào ác tham dục, phát sanh giác tưởng bất thiện. Khi Ta thấy vậy liền bảo rằng: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.’ Lúc đó, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: ‘Phật đã biết được niệm của ta.’ Lòng cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến nỗi lông dựng cả lên, rồi theo đường mà đi.”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dạy, sửa lại y phục, bày áo vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là hạt giống đắng? Thế nào là sanh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Phẫn nộ, phiền oán gọi là hạt giống đắng. Công đức ngũ dục gọi là sanh hôi thối. Đối với lục xúc nhập xứ không nhiếp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy. Và khi đã không nhiếp xúc nhập xứ, thì các tâm ác bất thiện, tham ưu tranh nhau sanh ra, đó gọi là ruồi nhặng[3266].”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tai mắt không phòng hộ,

Tham dục theo đó sanh;

Đó gọi là giống đắng,

Hôi thối, nước rỉ chảy.

Khí vị các giác quán,

Do nếm ác tham dục.

Nơi xóm làng, chỗ vắng,

Đối với ngày hoặc đêm,

Viễn ly, tu phạm hạnh,

Cứu cánh biên tế khổ.

Nếu nội tâm tịch tĩnh,

Quyết định biết chân thật.

Thức ngu thường an lạc,

Ruồi nhặng bị tận diệt.

Thân cận bậc Chánh sĩ,

Khéo nói đường Hiền thánh;

Biết rõ bát Chánh đạo,

Không tái sanh thân sau.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1082. UNG NHỌT[3267]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong Thế Tôn trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiền.

Khi ấy có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày[3268], dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng bất thiện. Khi ấy có Thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: "Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách." Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nổi nhọt, bướu phải không?"

Tỳ-kheo đáp:

“Sẽ trị cho khỏi.”

Thiên thần bảo Tỳ-kheo:

“Bệnh ung nhọt như cái vạc sắt, làm sao có thể bình phục được?”

Tỳ-kheo bảo:

“Chánh niệm, chánh trí đủ có thể bình phục.”

Thiên thần bạch rằng:

“Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh. Trị bệnh nhọt như vậy, cuối cùng có thể bớt, mà không bao giờ phát tác nữa.”

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, trở về vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng sớm nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong trở về rừng An-đà tọa thiền, nhập chánh thọ ban ngày. Có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng ác bất thiện. Khi ấy có thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách.” Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nổi nhọt, bướu phải không?’ *Nói đầy đủ như trên… cho đến* như vậy Tỳ-kheo: ‘Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Con người[3269] nổi nhọt, bướu,

Tự sanh ra bệnh khổ;

Mong cầu dục thế gian,

Tâm nương vào ác tham.

Vì sanh ra nhọt bướu,

Ruồi nhặng tranh nhau đến.

Nhọt, bướu là tham cầu,

Ruồi nhặng là ác giác,

Cùng các tâm tham nếm,

Thảy đều từ ý sanh;

Đục khoét tâm con người,

Để cầu hoa danh lợi.

Lửa dục càng hừng hực,

Vọng tưởng giác bất thiện;

Thân tâm ngày đêm suy.

Xa lìa đạo tịch tĩnh,

Nếu nội tâm vắng lặng,

Trí quyết định sáng suốt;

Không còn nhọt bướu kia,

Thấy Phật, đường an ổn,

Vết tích Chánh sĩ theo,

Hiền thánh khéo tuyên nói,

Con đường trí sáng biết,

Không còn thọ các hữu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1083. ĂN CỦ RỄ[3270]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi giảng đường Trùng các, bên ao Di-hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Khi đó, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không rành Pháp luật, nên lúc khất thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy nói với vị ấy:

"Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết Pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khất thực mà trước sau không theo thứ tự, trường kỳ sẽ chịu khổ, không bao giờ được lợi ích."

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa:

"Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi."

Đã ba lần như vậy, vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia nơi Pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khất thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu, mà nói rằng: 'Các Thượng tọa cũng không có thứ tự sao lại rầy tôi?' Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên đến bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Như trong đầm không, có hồ nước lớn, có một long tượng[3271] to ở trong đó, nhổ những củ rễ, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi thì thân thể mập mạp, sung sức và đầy hạnh phúc. Vì lý do này nên luôn sống lạc sướng. Có một con voi thuộc chủng tộc khác[3272], hình thể gầy yếu, bắt chước long tượng kia, nhổ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẫn bùn đất mà ăn. Ăn

vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy dẫn đến chỗ chết, hoặc khổ gần chết.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích đùa giỡn, tu phạm hạnh đã lâu, được Đại Sư khen ngợi; cũng được các vị tu phạm hạnh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm đắp y, ôm bát đi khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến người nào không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, giường nằm, thuốc men; vị ấy không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không theo đuổi; mà thấy được lỗi lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều đượm vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

“Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa được bao lâu, chưa quen rành Pháp luật, y theo các bậc Trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, mà không khéo hộ thân, không giữ gìn các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc men; mà sanh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lỗi lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly, vì tâm tham nếm thức ăn này, nên không thể làm cho thân lạc tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên chuyển đến cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất Chánh pháp, Chánh luật. Khổ giống như chết nghĩa là phạm Chánh pháp luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Long tượng nhổ rễ sen,

Nước rửa sạch rồi ăn,

Voi giống khác bắt chước,

Ăn rễ dính lẫn bùn.

Vì ăn nhầm bùn đất,

Gầy yếu bệnh đến chết.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1084. TRƯỜNG THỌ[3273]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh[3274], thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Mệnh sống rất ngắn, chỉ thoáng đã trở thành đời sau. Hãy nên siêng tu tập pháp thiện, tu các phạm hạnh. Không có gì sanh mà không chết. Nhưng người thế gian không siêng năng, nỗ lực chuyên tu pháp thiện, tu hiền, tu nghĩa."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đang trú giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như vậy. Mệnh sống con người rất ngắn,... *cho đến* không tu hiền, tu nghĩa. Nay ta nên đến làm nhiễu loạn.'

Ma Ba-tuần liền hóa thành một thiếu niên đến trước Phật, mà nói kệ:

Thường bức bách chúng sanh,

Được sống lâu cõi người.[3275]

Mê say tâm phóng dật,

Cũng không đến chỗ chết.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Đây là ác ma đến làm não loạn.' Liền nói kệ:

Thường bức bách chúng sanh,

Mạng sống thật ngắn ngủi;

Nên tinh tấn cần tu,

Như cứu lửa cháy dầu.

Chớ lười dù chốc lát,

Khiến ma chết chợt đến.

Biết ngươi là ác ma,

Mau đi khỏi nơi đây.

Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1085. THỌ MẠNG[3276]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành là vô thường, tất cả hành không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi[3277],... *cho đến* hãy đình chỉ tất cả hành hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm đang trú trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như vầy: ‘Tất cả hành là vô thường, không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi… cho đến nên đình chỉ tất cả hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát.’ Ta sẽ đến đó làm nhiễu loạn.” Liền hóa ra một thiếu niên đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật mà nói kệ:

Mạng sống trôi ngày đêm,

Không lúc nào cùng tận.[3278]

Mạng sống đến rồi đi,

Giống như bánh xe lăn.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Đó là ác ma muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Ngày đêm luôn đổi dời,

Mạng cũng theo đó giảm.

Mạng người tạm tiêu mất,

Giống như dòng nước nhỏ.

Ta biết ngươi ác ma,

Hãy tự tiêu mất đi.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1086. MA TRÓI[3279]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm thiền tư. Bây giờ, ta sẽ đến làm nhiễu loạn.’ Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

Tâm ta ở giữa không,

Cầm dây dài buông xuống.[3280]

Nhằm muốn trói Sa-môn,

Khiến ngươi không thoát được.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Ta nói, ở thế gian,

Năm dục, ý thứ sáu;

Đối chúng đã lìa hẳn,

Tất cả khổ đã dứt.

Ta đã lìa dục kia,

Tâm ý thức cũng diệt.

Ba-tuần, Ta biết ngươi,

Mau đi khỏi nơi đây.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1087. NGỦ NGHỈ[3281]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, nằm nghiêng bên phải, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá... *cho đến* nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.' Liền hóa thành một thiếu niên đứng trước mặt Phật mà nói kệ:

Ngủ sao, vì sao ngủ?

Đã diệt, sao còn ngủ?

Nhà trống, làm sao ngủ?

Ra được, sao lại ngủ?

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ đáp:

Vì lưới ái nên nhiễm,

Không ái, ai kéo đi?

Diệt tất cả hữu dư,

Chỉ Phật được ngủ yên.

Ngươi ác Ma Ba-tuần,

Nói những gì ở đây?

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1088. KINH HÀNH[3282]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ vào ban đêm, trời mưa bụi, có tia chớp lóe lên. Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Đêm tối, trời mưa bụi, tia chớp lóe lên, Sa-môn Cù-đàm ra khỏi phòng, đi kinh hành. Bấy giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.' Nó cầm một khối đá to, đùa giỡn trên hai tay, đến trước Phật bóp nát thành bụi nhỏ.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Dù núi Kỳ-xà-quật,

Trước Ta, bị bóp nát;

Thì chư Phật giải thoát,

Cũng không động mảy lông.

Giả sử trong bốn biển,

Khiến tất cả núi non;

Và thân tộc phóng dật[3283],

Khiến nát thành vi trần,

Cũng không làm lay động,

Một sợi tóc Như Lai.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1089. ĐẠI LONG[3284]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành, cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá, ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.' Liền hóa thành một con rồng to[3285] quấn Phật bảy vòng, cất đầu đến trên đảnh Phật, thân như chiếc thuyền to, đầu như cái buồm lớn, mắt đỏ như lò đồng, lưỡi như điện chớp, hơi thở dữ dội như tiếng sấm. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Giống như ngôi nhà trống,

Tâm Mâu-ni rỗng lặng;

Chuyển xoay ở trong đó,

Thân Phật cũng như vậy.

Vô lượng rồng hung ác,

Ruồi, muỗi, rệp, côn trùng;

Tụ lại ăn thân kia,

Cũng không động lông tóc.

Dù phá nát hư không,

Nghiêng úp cả đại địa;

Tất cả loài chúng sanh,

Đều đến gây kinh sợ.

Gươm, mâu, đao, tên bén,

Cũng đến hại thân Phật;

Mọi bạo hại như vậy,

Cũng không tổn mảy lông.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy lo buồn liền biến mất.

---o0o---

KINH 1090. NGỦ YÊN[3286]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ[3287], thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.’ Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến đứng trước Phật, mà nói kệ:

Nhân vì ta nên ngu?

Hay là vì đời sau?

Có nhiều tiền, của báu?

Cớ sao chọn ở rừng?

Một mình không bè bạn,

Mà mê đắm ngủ nghỉ?

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Không nhân ngươi nên ngủ,

Không phải vì đời sau,

Cũng không nhiều tiền của,

Chỉ gom báu vô ưu.

Vì thương xót thế gian,

Nên nằm nghiêng hông phải,

Thức cũng không nghi hoặc

Ngủ cũng không sợ hãi.

Hoặc ngày, hoặc lại đêm,

Không tăng cũng không giảm.

Vì thương chúng sanh ngủ,

Nên không có tổn giảm.

Dù dùng trăm mũi nhọn,

Xuyên thân, luôn khuấy động,

Vẫn được ngủ an ổn,

Vì lìa gươm bên trong.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

---o0o---

KINH 1091. CÙ-ĐỀ-CA[3288]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ[3289], thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Cù-đề-ca[3290] cũng ở thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân[3291], một mình tư duy, tu hạnh không phóng dật, tự được nhiều lợi ích, tự chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời[3292], nhiều lần bị thoái chuyển. Lần thứ nhất, thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, trở đi, trở lại; sau khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, chẳng bao lâu lại thoái chuyển.

Tôn giả Cù-đề-ca tự nghĩ: 'Một mình ta ở chỗ vắng tư duy, hành không phóng dật, tinh tấn tu tập để tự được lợi ích, khi tự thân chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời, mà nhiều lần lại còn thoái chuyển, cho đến sáu lần vẫn còn thoái chuyển lại. Bây giờ, ta nên dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.'

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, tại thành Vương xá, có đệ tử là Cù-đề-ca cũng ở thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, qua sáu lần thoái chuyển. Ông tự nghĩ: 'Ta đã qua sáu lần phản thoái mới trở lại được, chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy. Ta hãy

dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.’ Nếu Tỳ-kheo kia dùng đao tự sát, ta chớ để tự sát, mà ra khỏi cảnh giới của ta. Bây giờ ta nên đến bảo Đại Sư ông ấy.”

Bấy giờ, Ma Ba-tuần cầm đàn tỳ bà bằng lưu ly, đến chỗ Thế Tôn, vừa khảy đàn vừa nói kệ:

Đại trí đại phương tiện,

Tự tại thần lực lớn,

Được đệ tử sáng chói,

Mà nay muốn chết đi.

Đại Mâu-ni nên ngăn,

Chớ để ông tự sát.

Sao để đệ tử Phật,

Theo học Chánh pháp luật,

Học nhưng không chứng đắc,

Chỉ muốn chết cho xong?

Ma Ba-tuần nói kệ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ba-tuần, giống phóng dật,

Vì việc mình nên đến,

Bậc đã được kiên cố,

Thường trụ diệu thiền định.

Ngày đêm chuyên tinh tấn,

Không nghĩ đến tánh mạng,

Thầy ba cõi đáng sợ,

Đoạn trừ ái dục kia.

Đã chiết phục quân ma,

Cù-đề Bát-niết-bàn.

Tâm Ba-tuần buồn lo,

Tỳ bà rơi xuống đất.

Lòng ôm ấp ưu sầu,

Liền biến mất không hiện.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy cùng Ta đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, xem Tỳ-kheo Cù-đề-ca dùng đao tự sát.”

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca đã tự sát nằm trên đất, bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca tự sát, thân thể nằm trên đất không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, đã thấy.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy chung quanh thân thể Tỳ-kheo Cù-đề-ca bốc khói đen đầy khắp bốn phía không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là ác Ma Ba-tuần ở bên thân thiện nam Cù-đề-ca, đang quanh quẩn tìm thần thức; nhưng Tỳ-kheo Cù-đề-ca với tâm vô trụ[3293] mà cầm đao tự sát!”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo Cù-đề-ca thọ ký lần đầu tiên.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần nói kệ:

Trên dưới cùng các phương,

Tìm khắp thần thức kia,

Đều không thấy nơi này,

Cù-đề-ca để đâu?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Bậc kiên cố như vậy,

Không thể tìm ở đâu.

Nhổ sạch gốc ân ái,

Cù-đề Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1092. MA NỮ[3294]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Ta sẽ đến đó làm chướng ngại.'

Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

Một mình vào chỗ vắng,

Thiền tư, tĩnh tư duy,

Đã bỏ nước, tài bảo,

Ở đây cầu lợi gì?

Nếu cầu lợi xóm làng,

Sao không gần gũi người?

Đã không gần gũi người,

Rốt cuộc được gì nào?

Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Đã được tài lợi nhiều,

Tri túc, an tịch diệt,

Điều phục bọn quân ma,

Không đắm vào sắc dục.

Một mình riêng thiền tư,

Nếm vị thiền diệu lạc,

Cho nên không cùng người,

Quanh quẩn gần gũi nhau.

Ma lại nói kệ:

Cù-đàm nếu tự biết,

Đường Niết-bàn an ổn,

Riêng mình lạc vô vi,

Tại sao gượng dạy người?

Phật lại nói kệ đáp:

Chẳng phải chỗ ma cấm,

Lại hỏi qua bờ kia,

Thì Ta đáp chân chánh,

Khiến người đắc Niết-bàn.

Kịp thời không phóng dật,

Tự tại không theo ma.

Ma lại nói kệ:

Có đá như mỡ đặc,

Chim chóc muốn lại ăn,

Cuối cùng không được vị,

Trượt mỏ trở về không.

Nay ta cũng như chúng

Luống nhọc về Thiên cung.

Ma nói vậy xong, trong lòng cảm thấy lo buồn, tâm bỗng biến đổi, hối hận, cúi đầu sát đất, dùng ngón tay vẽ lên đất[3295].

Ma có ba người con gái: Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên là Ái Niệm, người thứ ba tên là Ái Lạc[3296] đi đến chỗ Ma Ba-tuần nói kệ:

Cha đang lo buồn gì?

Con người đáng gì lo,

Con dùng dây ái trói

Trói chúng như điều voi

Lôi đem đến trước cha,

Tùy ý cha sai khiến.

Ma đáp lại con gái:

Khi đã lìa ân ái,

Không dục nào lôi được

Đã ra khỏi cảnh ma

Cho nên ta lo buồn.

Bấy giờ, ba con gái ma từ thân phóng ra ánh sáng lóe lên như những tia chớp trong mây, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch Phật:

"Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, để giúp đỡ hầu hạ, xin Ngài sai khiến."

Bấy giờ, Thế Tôn không ngó ngàng đến. Biết Như Lai đã lìa ái dục, tâm thiện giải thoát. Hai ba phen nói như vậy, sau đó ba gái ma tự bảo với nhau rằng:

"Đàn ông có những loại ái dục tùy theo hình tướng. Bây giờ chúng ta mỗi người sẽ biến hóa ra những loại này, thành trăm thứ sắc của đồng nữ, trăm thứ sắc của thiếu nữ mới lấy chồng, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc của phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra những loại hình như vậy rồi, chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Hôm nay tất cả đều về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.'"

Bàn bạc với nhau xong, chúng liền biến hóa thành những loại như đã nói trên, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử."

Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để ý đến.

"Pháp của Như Lai là lìa các ái dục." Phật lặp lại như vậy ba lần.

Bấy giờ, ba ma nữ lại bảo với nhau:

“Nếu đàn ông chưa lìa dục trông thấy các hình thể tuyệt diệu của chúng ta, tâm sẽ bị mê loạn, dục khí dồn nén bốc lên, lồng ngực muốn vỡ, máu nóng đỏ bừng trên mặt. Nhưng hiện Sa-môn Cù-đàm không hề để ý đến chúng ta, nên biết Như Lai đã lìa dục, giải thoát, được thiện giải thoát tưởng. Bây giờ chúng ta mỗi người nên nói kệ để cật vấn.”

Ba ma nữ trở lại trước Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Thiên nữ Ái Dục liền nói kệ:

Một mình vào chỗ vắng,

Thiền tư, tĩnh tư duy,

Đã bỏ nước, tài bảo,

Ở đây lại cầu gì?

Nếu cầu lợi xóm làng,

Sao không gần gũi người?

Đã không gần gũi người,

Rốt cuộc được gì nào?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã được tài lợi nhiều,

Tri túc, an tịch diệt,

Điều phục bọn quân ma,

Không đắm vào sắc dục.

Một mình riêng thiền tư,

Nếm vị thiền diệu lạc.

Cho nên không cùng người,

Quanh quẩn gần gũi nhau.

Thiên nữ Ái Niệm nói kệ:

Tu nhiều thiền diệu gì,

Để thoát dòng ngũ dục?

Lại nhờ phương tiện nào,

Vượt qua biển thứ sáu?

Đối các dục sâu rộng,

Làm sao tu diệu thiền,

Để qua được bờ kia,

Mà không bị ái giữ?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thân được lạc dừng nghỉ,

Tâm được khéo giải thoát,

Vô vi, không tạo tác,

Chánh niệm không dao động.

Biết rõ tất cả pháp,

Không khởi các loạn giác,

Ái, nhuế, thùy miên, phú,

Tất cả đều đã lìa.

Tu tập nhiều như vậy,

Thoát khỏi được năm dục,

Như đổi biển thứ sáu,

Tất qua được bờ kia.

Tu tập thiền như vậy,

Đối các dục sâu rộng,

Đều qua được bờ kia,

Không bị chúng giữ lại.

Khi ấy, Thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ:

Đã đoạn trừ sân ái,

Chất chứa dục sâu dày,

Người nhiều đời tịnh tín,

Vượt qua được biển dục.

Mở ra trí tuệ sáng,

Vượt qua cảnh tử ma.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đại phương tiện, rộng độ,

Vào Pháp luật Như Lai,

Những người này đã độ,

Người trí còn lo gì?

Bấy giờ, chí nguyện của ba Thiên nữ chưa được thỏa mãn, trở lại chỗ Ma Ba-tuần, cha của chúng. Khi ấy, Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ:

Các con, này ba đứa,

Tự khoe mình kham năng,

Toàn thân phóng lửa sáng,

Như lằn chớp trong mây.

Đến chỗ Đại Tinh Tấn,

Mỗi người phô sắc đẹp.

Ngược lại đều bị phá,

Như gió lùa bông gòn.

Dùng ngón tay phá núi,

Dùng răng cắn hòn sắt,

Hay muốn dùng tóc, tơ,

Di chuyển hòn núi lớn?

Những người thoát hòa hợp,

Mà mong loạn tâm kia.

Muốn buộc dính chân gió,

Khiến trăng rơi giữa không,

Dùng tay khuấy biển lớn,

Hà hơi động núi tuyết.

Đã giải thoát hòa hợp,

Dễ làm gì dao động.

Ở giữa biển sâu rộng,

Mà tìm đất đặt chân,

Như Lai đối tất cả,

Hòa hợp tất giải thoát,

Trong biển lớn Chánh giác,

Tìm dao động cũng vậy.

Ma Ba-tuần trêu ba cô con gái rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1093. TỊNH BẤT TỊNH[3297]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bề-la. Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm mới thành đạo, đang ở dưới bóng cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liền-thiền, xứ Uất-bề-la. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại.' Tức thì tự biến thân mình thành trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh, đến chỗ Phật. Từ xa, Đức Phật trông thấy một trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ma Ba-tuần liền tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần biến trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh là muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Mãi mãi trong sanh tử,

Làm sắc tịnh bất tịnh,

Vì sao ngươi làm vậy?

Không vượt khổ, bờ kia.

Nếu thân, miệng và ý,

Không làm chướng ngại người,

Không bị ma sai sử,

Không bị ma khống chế.

Biết ma ác như vậy,

Ma liền tự biến mất.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1094. KHỔ HÀNH[3298]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn, bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bề-la. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, chuyên tâm thiền định tư duy, tự nghĩ như vầy: ‘Nay Ta khéo giải thoát khổ hạnh[3299]. Lành thay! Nay Ta khéo giải thoát khổ hạnh. Trước kia tu chánh nguyện, ngày nay đã được quả Vô thượng Bồ-đề.’

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm mới thành Chánh giác đang ở dưới cây Bồ-đề, tại xứ Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liền-thiền. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại’. Liền biến thành một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

Chỗ tu đại khổ hạnh,

Thường khiến được thanh tịnh,

Nay ngược lại, vất bỏ,

Ở đây tìm những gì?

Muốn cầu tịnh ở đây,

Tịnh cũng không thể được.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Biết các tu khổ hạnh,

Thảy đều không có nghĩa,

Hoàn toàn không được ích,

Như cung chỉ có tiếng[3300].

Giới, định, văn, tuệ, đạo,

Ta đều đã tu tập,

Được thanh tịnh bậc nhất,

Tịnh này không gì hơn.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1095. KHẤT THỰC[3301]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Sa-la của Bà-la-môn[3302]. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm sáng sớm đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực. Bây giờ ta nên đến trước, vào nhà họ, nói với những gia chủ Bà-la-môn tín tâm, để cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát trống ra về." Lúc ấy, Ma Ba-tuần chạy theo sau Phật kêu: "Sa-môn! Sa-môn! Không được thức ăn sao?"

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm não loạn.' Liền nói kệ:

Ngươi đối với Như Lai,

Mới phạm vô lượng tội,

Ngươi bảo rằng Như Lai,

Chịu mọi khổ não ư?

Khi ấy, Ma Ba-tuần nói: "Cù-đàm hãy trở lại làng xóm. Tôi sẽ khiến cho Ngài được khất thực."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Dù thật không có gì,

Vẫn an lạc tự sống.

Như trời Quang âm kia,

Hỷ lạc là thức ăn.

Dù thật không có gì,

Vẫn an lạc tự sống.

Hỷ lạc là thức ăn.

Không nương vào có thân.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1096. SỢI DÂY[3303]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông lại cũng đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông nên đi vào nhân gian, đi qua nhiều chỗ, lợi ích nhiều nơi, an lạc cho trời, người. Không cần bạn đồng hành, mỗi người tự đi[3304]. Bây giờ, Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bề-la."

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Lộc dã trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn mà nói như vầy: 'Ta đã giải thoát dây ràng buộc trời, người. Các ông lại cũng đã… Các ông, riêng mỗi người đi vào nhân gian giáo hóa,… cho đến Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bề-la.' Bây giờ ta sẽ đến làm chướng ngại." Liền biến thành một thiếu niên đứng trước Phật mà nói kệ:

Không thoát, nghĩ tưởng thoát,

Tự hô giải thoát rồi;

Lại buộc thêm càng chặt,

Nay ta quyết không tha.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Ta thoát tất cả rồi,

Mọi trói buộc trời, người.

Đã biết ngươi Ba-tuần,

Hãy tự diệt, mất đi.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1097. THUYẾT PHÁP[3305]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ[3306] dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, trong làng Thạch Chủ họ Thích có nhiều người chết vì bệnh dịch. Dân chúng mọi nơi hoặc nam hoặc nữ, từ bốn phương đều thọ trì tam quy. Những bệnh nhân nam nữ hoặc lớn hoặc nhỏ này đều là những người nhân đến tự xưng tên họ: 'Chúng con tên… xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.' Cả thôn cả ấp đều như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn vì hàng Thanh văn mà ân cần thuyết pháp. Lúc ấy những người có tín tâm quy y Tam bảo đều được sanh vào trong cõi trời, hay người. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích trong làng họ Thích, ân cần thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói kệ:

Vì sao siêng thuyết pháp,

Giáo hóa cho mọi người?

Trái nghịch, không trái nghịch,

Không khỏi bị xua đuổi.

Vì còn bị ràng buộc,

Nên vì họ thuyết pháp[3307].

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Dạ-xoa ngươi nên biết,

Chúng sanh sanh tập quần,

Những người có trí tuệ,

Ai mà không thương xót?

Vì có lòng thương xót,

Không thể không giáo hóa,

Thương xót mọi chúng sanh,

Lẽ tự nhiên như vậy[3308].

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1098. LÀM VUA[3309]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: "Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp chăng?"

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích, một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: 'Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp

chăng?’ Bây giờ, ta hãy nên đến đó vì họ mà nói pháp.” Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói rằng:

“Như vậy, Thế Tôn! Như vậy, Thiện Thệ! Có thể được làm vua không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp, không thi hành phi pháp. Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý.”

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Nên nói với ma rằng:

“Ma Ba-tuần, vì sao ngươi nói: ‘Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý?’”

Ma bạch Phật:

“Chính tôi nghe từ Phật nói như vầy: ‘Nếu bốn Như ý túc được tu tập, tu tập nhiều rồi, muốn khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng tức thì làm được, không khác.’ Nay, Thế Tôn đã có tứ như ý túc, tu tập, tu tập nhiều, có thể khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng như ý, không khác. Cho nên tôi bạch: ‘Thế Tôn hãy làm vua! Thiện Thệ hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý.’”

Phật bảo Ba-tuần:

“Ta không có tâm muốn làm vua. Vì sao phải làm? Ta cũng không có tâm muốn núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng. Tại sao phải biến?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Dù thật có vàng ròng,

Giống như núi Tuyết chúa,

Một người được vàng này,

Cũng còn không biết đủ.

Cho nên người trí tuệ,

Vàng đá coi như nhau.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1099. SỐ ĐÔNG[3310]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y.

Lúc đó, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.” Liền biến thành một thanh niên Bà-la-môn, quấn búi tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong, đến nhà cúng dường [3311] , đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo, trong giây lát nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông tuổi trẻ xuất gia, da trắng, tóc đen, tuổi đang lúc sung sức nên hưởng thụ ngũ dục, trang điểm tự lạc. Vì sao trái nghịch thân tộc, khiến họ khóc lóc chia lìa, chí tin, không nhà, xuất gia học đạo? Tại sao lại bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác?" [3312]

Các Tỳ-kheo nói với Bà-la-môn:

“Chúng tôi không bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác, nhưng bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiệân tại?”

Ma Ba-tuần lại hỏi:

“Thế nào là bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiệân tại?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đã dạy: ‘Cái lạc của đời khác thú vị ít mà khổ nhiều, lợi ít mà hại nhiều.’ Thế Tôn đã nói: ‘Cái lạc hiệân tại xa lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, có thể tự thông đạt, duyên vào tự tâm mà giác tri.’ Này Bà-la-môn, đó gọi là cái lạc hiệân tại.”

Khi ấy Bà-la-môn ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, tự hỏi: 'Đó là hạng Bà-la-môn nào, đến đây rồi biến mất?' Liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường để may y, có một thanh niên Bà-la-môn quấn búi tóc to đến chỗ chúng con nói rằng: 'Các ông tuổi trẻ xuất gia… Nói đầy đủ như trên cho đến: ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất. Chúng con sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng. Đó là hạng Bà-la-môn nào mà đến đây rồi biến mất?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó không phải là Bà-la-môn nào, mà là Ma Ba-tuần đến chỗ các ông, muốn làm nhiễu loạn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Phàm sanh các khổ não,

Đều do nơi ái dục.

Biết đời là kiếm nhọn,

Người nào ưa thích dục?

Biết thế gian hữu dư,

Tất cả là kiếm nhọn,

Cho nên người trí tuệ,

Phải luôn tự điều phục.

Tích tụ vàng ròng nhiều,

Giống như núi Tuyết chúa,

Chỉ một người thọ dụng,

Ý còn không biết đủ,

Cho nên người trí tuệ,

Phải tu bình đẳng quán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1100. THIỆN GIÁC[3313]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Giác[3314], sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ họ Thích khất thực. Sau khi khất thực trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào trong rừng ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày, tự nghĩ: "Ta được điều lợi ích! Đã xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật. Ta được điều lợi ích! Đã may mắn gặp Đại Sư Như Lai Đẳng Chánh Giác. Ta được điều lợi ích! Đã được ở trong đại chúng phạm hạnh, trì giới đầy đủ, đức độ, hiền thiện chân thật. Nay ta sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành."

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác đắp y, ôm bát… *nói đầy đủ như trên cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền hóa thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, ai thấy cũng sợ. Sức mạnh này có thể lật úp đại địa, đi đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giác.

Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, liền sanh lòng sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm con đắp y, ôm bát… *nói đầy đủ như trên cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Con thấy có người thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất, thấy rồi sanh lòng sợ hãi, sợ hãi đến dựng đứng cả lông!"

Phật bảo Thiện Giác:

“Đó không phải là người thân to lớn, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn. Ông hãy trở về nương vào dưới bóng cây tu tập tam-muội như trước, hãy tác động ma kia, để nhờ đó thoát khổ.”

Khi ấy Tôn giả Thiện Giác liền trở về chỗ cũ, sáng sớm đắp y, ôm bát vào nhà Thạch Chủ, làng họ Thích khất thực, khất thực xong trở về tinh xá. *Nói đầy đủ như trên,… cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác, đắp y, ôm bát. *Nói đầy đủ như trên,… cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Lại hóa ra thân to lớn, sức mạnh dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đến đứng trước Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy ma lại liền nói kệ:

Ta chánh tín không nhà,

Để xuất gia học đạo.

Nơi Phật, vô giá bảo[3315],

Chuyên buộc tâm chánh niệm.

Mặc ngươi hóa hình sắc,

Tâm ta không dao động.

Biết ngươi là huyễn hóa,

Từ đây hãy mất đi.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1101. SƯ TỬ[3316]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thanh văn của Như Lai rống lên tiếng rống của sư tử, nói là: ‘Đã biết! Đã biết!’ Vậy, không biết Thanh văn của Như Lai đã biết những pháp gì? Vì đã biết nên rống lên tiếng rống của sư tử, đó là: ‘Thánh đế về khổ, Thánh đế về sự tập khởi của khổ, Thánh đế về sự tận diệt khổ, Thánh đế về con đường đưa đến diệt khổ.’”

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn thuyết pháp,… cho đến đã biết bốn Thánh đế. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

Vì sao giữa đại chúng,

Sư tử rống không sợ,

Bảo rằng: ‘Không ai địch’,

Mong điều phục tất cả.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

Như Lai đối tất cả,

Chánh pháp luật sâu xa,

Phương tiện sư tử rống,

Nơi pháp không sợ hãi,

Nếu người có trí tuệ,

Cớ sao tự lo sợ?

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

KINH 1102. BÁT[3317]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo; Ngài lấy năm trăm bình bát để giữa sân, vì họ mà nói pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn lại vì năm trăm Tỳ-kheo nói về năm uẩn là pháp sanh diệt. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đang ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo… cho đến nói về năm uẩn là pháp sanh diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại." Liền hóa ra một con trâu lớn đến chỗ Phật, vào chỗ để năm trăm bình bát. Các Tỳ-kheo muốn bảo vệ các bình bát, liền đuổi đi.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đó không phải là trâu, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn." Liền nói kệ:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,

Không phải ngã, ngã sở,

Nếu biết nghĩa chân thật,

Không đắm trước nơi chúng.

Tâm không đắm trước pháp,

Thoát khỏi sắc ràng buộc,

Thấu rõ khắp mọi nơi,

Không trụ cảnh giới ma.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1103. NHẬP XỨ[3318]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với sáu trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn lại vì các Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ[3319] tập, sáu xúc tập, sáu xúc diệt. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang ở đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, vì sáu trăm Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ, nói đây là pháp tập, đây là pháp diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại.' Liền hóa ra một thanh niên thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất đi đến chỗ Phật.

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niên to lớn, dũng mãnh, sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, nói với nhau rằng:

"Kia là ai mà hình dáng đáng sợ vậy?"

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó là Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,

Và thứ sáu: các pháp,

Niệm, ái, thích, vừa ý,

Thế gian chỉ có vậy.

Đây là tham ác nhất,

Thường trói buộc phàm phu,

Người vượt những bệnh này,

Là Thánh đệ tử Phật,

Vượt qua cảnh giới ma,

Như mặt trời không mây.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 40

KINH 1104[3320]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào có khả năng thọ trì bảy thọ[3321], chỉ nhờ nhân duyên này, người ấy sẽ được sanh lên cõi Thiên đế Thích. Thiên đế Thích xưa kia lúc còn làm người thường, phụng dưỡng cha mẹ cùng các bậc tôn trưởng trong gia tộc, với gương mặt hài hòa, lời nói mềm mỏng, không nói dữ, không nói hai lưỡi, thường nói chân thật. Đối với thế gian keo kiệt, người này tuy ở tại gia, nhưng không keo lẫn; thực hành giải thoát thí[3322], siêng bố thí, thường ưa hành bố thí, mở hội bố thí cúng dường, bố thí bình đẳng tất cả”.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Tránh lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1105. MA-HA-LY[3323]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có người dòng Ly-xa tên là Ma-ha-lợi[3324], đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Ngài có thấy Thiên đế Thích không?"

Phật đáp:

"Thấy."

Ly-xa lại hỏi:

"Thế Tôn có thấy con quỷ giống hình Thiên đế Thích không?"[3325]

Phật bảo Ly-xa:

còn làm con người, hay phụng dưỡng cha mẹ,… cho đến hành xả bình đẳng."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Lìa lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1106. DO NHÂN GÌ[3326]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Thích Đề-hoàn Nhân[3327]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia, khi làm người, hành thí nhiệt thành[3328], bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ, người đi đường, người đi ăn xin, bằng các thứ đồ ăn, thức uống, tiền của, thóc gạo, lụa là, hoa hương, vật dụng trang nghiêm, giường nằm, đèn đuốc. Vì có khả năng làm như vậy, nên gọi là Thích Đề-hoàn Nhân[3329]."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Phú-lan-đà-la[3330]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thường hay hành thí y phục, đồ ăn thức uống,… cho đến đèn đuốc. Vì những nhân duyên này, nên gọi là Phú-lan-đà-la."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Nhân gì, duyên gì mà được gọi là Ma-già-bà[3331]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân khi còn làm người tên là Ma-già-bà[3332], do đó Ma-già-bà là tên cũ của Thích Đề-hoàn Nhân."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà lại có tên là Bà-sa-bà[3333]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn là người luôn luôn đem áo bà-tiên-hòa[3334] bố thí, cúng dường, vì nhân duyên này nên Thích Đề-hoàn Nhân có tên Bà-sa-bà.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca[3335]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, là người dòng họ Kiều-thi[3336]. Vì nhân duyên này, nên Thích Đề-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca.”

Tỳ-kheo hỏi Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Xá-chỉ-bát-đê[3337]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nữ A-tu-la Xá-chỉ là đệ nhất thiên hậu của Thiên đế Thích. Cho nên Đế Thích được gọi là Xá-chỉ-bát-đê.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân lại có tên là Thiên Nhãn[3338]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thông minh trí tuệ, ngồi một chỗ mà suy nghĩ cả ngàn thứ nghĩa, xem xét, cân nhắc. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích còn gọi là Thiên Nhãn.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân còn có tên là Nhân-đề-lợi[3339]?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia đối với cõi trời Tam thập tam là vua, là chủ. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích được gọi là Nhân-đề-lợi.”

Phật lại bảo Tỳ-kheo:

“Song Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thọ trì bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích. Những gì là bảy thọ? Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, phụng dưỡng cha mẹ… cho đến hành thí. Đó là bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nói đầy đủ như trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1107. DẠ-XOA[3340]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào đời quá khứ, có một con quỷ Dạ-xoa[3341] xấu xí, ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích. Khi chư Thiên Tam thập tam thấy quỷ xấu xí này ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích rồi, mọi người đều nổi sân. Lúc chư Thiên nổi sân như vậy, thì cứ theo cái sân như vậy, như vậy, con quỷ kia dung mạo dần dần trở nên xinh đẹp. Khi ấy chư Thiên Tam thập tam đến chỗ Đế Thích, tâu Đế Thích rằng: “Kiều-thi-ca, nên biết cho, có một con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương. Khi chư Thiên chúng tôi thấy con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương thì nổi giận vô cùng và

tùy theo sự nổi giận của chư Thiên chúng tôi, con quỷ kia theo đó càng trở nên xinh đẹp."

Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư Thiên Tam thập tam:

"Chính sự sân nhuế kia có thể đối trị con quỷ."

Bấy giờ, Đế Thích tự đến chỗ con quỷ kia, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay xưng tên ba lần rằng:

"Nhân giả, tôi là Thích Đề-hoàn Nhân."

Theo sự cung kính khiêm hạ như vậy của Thích Đề-hoàn Nhân, mà con quỷ kia cũng tùy thuộc vào như vậy, như vậy, dần dần trở lại xấu xí, liền biến mất. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân tự an tọa rồi nói kệ:

Người chớ nên sân nhuế.
Bị sân chớ đáp sân;
Đối ác chớ sanh ác.
Nên phá hoại kiêu mạn.
Không sân cũng không hại,
Gọi là chúng Hiền thánh,
Tội ác khởi sân hận,
Trụ vững như núi đá.
Nên giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng.
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.
Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân ở cõi trời Tam thập tam là vua Tự tại, khen ngợi không sân nhuế. Cũng vậy, các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên khen ngợi không sân nhuế. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1108. ĐƯỢC MẮT[3342]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà, trải tọa cụ ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy, trong tinh xá Kỳ-hoàn, có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mạ ly, một người im lặng. Người mạ ly liền hối cải, đến xin lỗi vị kia, mà Tỳ-kheo kia không nhận sự sám hối của vị này. Vì không nhận sự sám hối, nên trong tinh xá khi ấy, các Tỳ-kheo cùng đến khuyên can; lớn tiếng ồn ào.

Bấy giờ, Thế Tôn bằng tịnh thiên nhĩ hơn tai người, nghe trong tinh xá Kỳ-hoàn đang lớn tiếng ồn ào. Nghe vậy, từ thiền tịnh dậy, trở về tinh xá, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng nay Ta đi khất thực trở về, vào rừng An-đà ngồi thiền, nhập chánh thọ ban ngày, nghe trong tinh xá, cao tiếng, lộn xộn, ồn ào, rốt cuộc là ai vậy?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mắng, một người im lặng. Khi ấy Tỳ-kheo mắng đến sám hối, vị kia không nhận. Vì không nhận nên nhiều người khuyên can, cho nên mới có lớn tiếng, cao tiếng, ồn ào."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thế nào, Tỳ-kheo ngu si? Người đến sám hối mà không nhận sự sám hối của người ta. Nếu có người sám hối mà người nào đó không nhận, thì đó là ngu si, bị khổ não lâu dài, không có lợi ích."

Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, có chư Thiên Tam thập tam tranh chấp nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ dạy rằng:

Với người, tâm không hại
Sân cũng không trói buộc,
Không ôm lòng hận lâu,
Vì không trụ sân nhuế.
Tuy lại nổi giận dữ,
Không nói ra lời thô,
Không tìm người trút giận,
Nêu cái dở của người.
Luôn luôn tự phòng hộ,
Bên trong tỉnh sát nghĩa,
Không giận cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh.
Nếu câu hữu người ác,
Cứng rắn như núi đá,
Tự giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.
Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân đối với trời Tam thập tam là vua Tự tại, thường hành nhẫn nhục, cũng lại khen ngợi người hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên hành nhẫn nhục và khen ngợi người hành nhẫn nhục. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1109. ĐƯỢC THIỆN THẮNG[3343]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nói với A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la:

“Chúng ta không được sát hại nhau, chỉ nên dùng lý luận nghị để khuất phục.”

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

“Giả sử cùng nhau luận nghị, nhưng ai sẽ làm chứng để biết lý đó là thông suốt hay bế tắc?”

Thiên đế Thích trả lời:

“Trong chúng chư Thiên tự có người trí tuệ sáng suốt, sẽ ghi nhận điều này. Trong chúng A-tu-la cũng lại tự có người sáng suốt ghi nhận.”

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

“Được vậy.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Các ông có thể lập luận trước, sau tôi sẽ theo đó lập luận, thì không khó.”

Khi ấy, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ lập luận:

Nếu tôi hành nhẫn nhục,
Thì việc này thiếu sót,
Người ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ đáp:

Giả sử người ngu si,
Nói vì sợ nên nhẫn.
Và kẻ không nói kia,
Tổn thương gì đạo lý?
Nên tự xét nghĩa này,
Cũng nên xét nghĩa kia,
Ta, người đều được an,
Nhẫn nhục là tối thượng.

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nói kệ:

Nếu không chế ngu si
Thì ngu si hại người.
Giống như trâu hung dữ,
Chạy xông theo húc người.
Cầm roi mà áp chế,
Vì sợ, sẽ khuất phục.
Cho nên giữ chặt roi,
Chiết phục kẻ ngu kia.

Đế Thích lại nói kệ:

Tôi thường xem xét họ,
Chiết phục kẻ ngu kia,
Người ngu nổi sân nhuế,
Người trí giữ điềm tĩnh.
Không sân cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh,
Tội ác khởi sân nhuế,
Cứng chắc như núi đá.
Tự giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sống,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.

Bấy giờ, trong chúng trời có vị trời trí tuệ, trong chúng A-tu-la cũng có vị A-tu-la trí tuệ, đối với kệ này suy xét, cân nhắc, quan sát, tự nghĩ: 'Bài kệ của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói cuối cùng lúc nào cũng chỉ khởi lên chiến đấu, tranh tụng. Nên biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người chiến đấu, tranh tụng, còn bài kệ của Thích Đề-hoàn Nhân cuối cùng lúc nào cũng muốn dứt chiến đấu, tranh tụng, nên biết trời Đế Thích luôn luôn dạy người đừng chiến đấu, tranh tụng. Nên biết Đế Thích khéo lập luận thù thắng.'

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân nhờ nghị luận đúng nên hàng phục được A-tu-la. Này các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam, an trú nơi thiện nghị luận, khen ngợi những thiện nghị luận. Cũng nên như vậy, Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên an trú nơi thiện nghị luận và khen ngợi những thiện nghị luận. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1110. CỘT TRÓI[3344]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ có Thiên đế Thích và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư Thiên cõi trời Tam thập tam:

"Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì sẽ bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt năm chỗ, đem về Thiên cung."

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo các A-tu-la:

"Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu A-tu-la thắng, chư Thiên bại, thì sẽ bắt sống Thích Đề-hoàn Nhân, trói chặt năm chỗ, đem về cung A-tu-la."

Đang lúc họ đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la bị bại. Khi ấy, chư Thiên bắt được vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, lấy dây trói lại năm chỗ đem về Thiên cung, cột dưới cửa, trước điện Đoán pháp[3345] của Đế Thích. Khi Đế Thích ra vào cửa này, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị cột ở bên cửa tức giận, mạ lỵ. Lúc đó người hầu cận của Đế Thích thấy vua A-tu-la thân bị trói năm vòng, cột bên cửa, thấy Đế Thích ra vào thì nổi giận mạ lỵ, liền làm bài kệ:

Nay Đế Thích sợ nó,
Vì không đủ sức chăng,
Nên nhẫn A-tu-la,
Mắng chưởi trước mặt mình?

Đế Thích liền đáp:

Không vì sợ nên nhẫn,
Không phải sức không đủ.
Có người trí tuệ nào,
Tranh cãi với kẻ ngu.
Người hầu cận lại tâu:
Nếu chỉ hành nhẫn nhục,
Sự việc tất thiếu sót.
Kẻ ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.
Cho nên phải khổ trị,
Dùng trí chế ngu si.

Đế Thích đáp:

Ta thường xem xét kia,
Chế ngự kẻ ngu kia.
Thấy người ngu nổi sân,
Trí dùng tĩnh chế phục.
Không sức mà dùng sức,
Là sức kẻ ngu kia.
Ngu si trái xa pháp,
Thời với đạo không có.
Giả sử có sức mạnh,
Hay nhẫn đối người yếu,
Thì nhẫn này tối thượng.
Không sức sao có nhẫn?
Bị người mạ nhục quá,
Người sức mạnh hay nhẫn,
Đó là nhẫn tối thượng.
Không sức làm sao nhẫn?
Đối mình và với người,
Khéo làm chủ sợ hãi,
Biết kia nổi sân nhuế,
Mình lại giữ an tĩnh.
Đối hai nghĩa đều đủ,
Lợi mình cũng lợi người.
Gọi là kẻ ngu phu,
Do vì không thấy pháp.
Ngu bảo mình thắng nhẫn,
Càng tăng thêm lời ác.

Chưa biết nhẫn mạ ly,
Đối kia thường đắc thắng.
Nhẫn đối người hơn mình,
Đó là nhẫn do sợ.
Hành nhẫn, đối người bằng,
Đó là nhẫn tránh nhẫn,
Hành nhẫn, đối người thua,
Đó là nhẫn tối thượng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên nhẫn nhục như vậy và khen ngợi nhẫn nhục, nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1111. KÍNH PHẬT[3346]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

"Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cộ xong, xin vua biết thời."

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng[3347], hướng về phía Đông chắp tay lễ Phật. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

Ông thấy gì lo sợ
Để roi ngựa rớt đất?

Người hầu cận nói kệ tâu Đế Thích:

Thấy vua Thiên đế Thích,
Là chồng của Xá-chỉ [3348],
Cho nên sanh sợ hãi,
Roi ngựa rớt xuống đất!
Thường thấy Thiên đế Thích,
Được toàn thể đại địa,
Vua lớn, nhỏ, trời, người,
Cùng bốn Chúa hộ thế[3349],
Thiên chúng Tam thập tam,
Thảy đều lễ cung kính.
Còn nơi nào tôn hơn,
Đáng tôn đối Đế Thích?
Mà nay hướng về Đông,
Chắp tay để kính lễ.

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp:

Thật, ta đối tất cả,
Vua lớn, nhỏ thế gian,
Cùng bốn Chúa hộ thế
Thiên chúng Tam thập tam,
Tối tôn, Chúa của họ,
Nên họ đến cung kính.
Nhưng thế gian lại có,
Đấng Chánh Giác tùy thuận,
Là Thầy cả chư Thiên,
Nên ta cúi đầu lễ.

Người đánh xe lại tâu:

Đó chắc hơn thế gian,
Nên khiến Thiên đế Thích,
Cung kính mà chắp tay,
Cúi đầu lễ hướng Đông.
Nay con cũng nên lễ,
Đấng vua Trời đã lễ.

Khi ấy Đế Thích, chồng của Xá-chỉ, nói kệ lễ Phật như vậy, rồi lên xe ngàn ngựa đến dạo xem vườn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên cung kính Phật như vậy, cũng nên khen ngợi sự cung kính Phật. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1112. KÍNH PHÁP[3350]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích bước xuống điện Thường thắng, chắp tay hướng về hướng Đông kính lễ Tôn pháp… cho đến Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

Tôi nghe như vầy[3351]:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích nói ra kệ trả lời người đánh xe:

Ta thật Vua cõi đất,
Vua lớn nhỏ thế gian,
Và bốn Chúa hộ thế

Thiên chúng Tam thập tam.
Được tất cả như vậy,
Đều tôn trọng, cung kính.
Nhưng có tịnh giới kia,
Luôn luôn vào chánh thọ,
Với chánh tín xuất gia,
Rốt ráo các phạm hạnh.
Nên ta đối với kia,
Tôn trọng cung kính lễ.
Lại điều phục tham, nhuế,
Vượt cảnh giới ngu si.
Tu học không buông lung,
Nên cung kính, lễ kia,
Tham dục, sân nhuế, si,
Đều dứt hẳn không đắm.
Lậu tận, A-la-hán,
Lại nên kính lễ kia,
Nếu người ở tại gia,
Phụng trì giới thanh tịnh,
Đúng như pháp Bố-tát[3352]
Cũng lại nên kính lễ.

Người đánh xe tâu Đế Thích:

Người này chắc hơn đời
Nên Thiên vương kính lễ.
Tôi cũng nên như vậy,
Kính lễ theo Thiên vương.

"Này các Tỳ-kheo, Thiên đế Thích chồng của Xá-chỉ kia kính lễ Pháp, Tăng, cũng còn khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng. Các ông đã chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên kính lễ Pháp, Tăng và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1113. KÍNH TĂNG[3353]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

"Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cộ xong, xin vua biết thời."

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng[3354], hướng về phía Đông chắp tay lễ. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

Các phương chỉ có người,
Do thai sanh, xú uế,
Thần ở trong thây thối,
Đói khát thường thiêu đốt.
Tại sao Kiều-thi-ca,
Tôn trọng người không nhà?
Vì tôi nói nghĩa này,
Khao khát xin muốn nghe.

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói kệ đáp:

Ta chân thành kính lễ,
Người xuất gia không nhà,
Tự tại dạo khắp nơi,
Không kể nơi đi, ở.
Cảnh thành ấp, quốc độ,
Không thể lụy tâm kia,
Không chứa chất tư hữu,
Một đi, không cố định.
Bước đi không mong cầu,
Chỉ vô vi là vui,

Lời đã nói, là làm,
Không nói, là tịch tịnh.
Chư Thiên, A-tu-la,
Họ cùng kình chống nhau,
Nhân gian tranh giành nhau,
Nghịch nhau cũng như vậy.
Chỉ có người xuất gia,
Không tranh giữa người tranh;
Với tất cả chúng sanh,
Buông bỏ mọi đao gậy.
Đối tài, lìa tài sắc,
Không say, không mê đắm,
Xa lìa tất cả ác,
Cho nên kính lễ kia.

Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ:

Người được Thiên vương kính,
Chắc là bậc hơn đời.
Nên từ hôm nay con
Sẽ lễ người xuất gia.

Nói như vậy rồi, Thiên đế Thích lễ tất cả Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1114. TÚ-TỲ-LÊ[3355]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh muốn đánh nhau với chư Thiên trời Tam thập tam. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nghe vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đến gây chiến. Nghe rồi liền bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê[3356]:

"Bố[3357] biết không, A-tu-la đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn gây chiến với trời Tam thập tam? Bố hãy ra lệnh chư Thiên cõi trời Tam thập tam đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la kia."

Bấy giờ, Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở về Thiên cung; biếng nhác, lơi lỏng, không nỗ lực chuẩn bị. Quân A-tu-la đã ở đường lộ. Đế Thích nghe như vậy lại bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê:

"Này Bố, quân A-tu-la đã ra giữa đường lộ, Bố hãy cấp tốc ra lệnh khởi bốn binh chủng ra đánh với A-tu-la."

Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở lại Thiên cung, biếng nhác, lơi lỏng. Khi ấy vua A-tu-la đem quân áp sát. Thích Đề-hoàn Nhân nghe quân A-tu-la đã áp sát, lại bảo với Thiên tử Tú-tỳ-lê:

"Bố có biết chăng? Quân A-tu-la đã áp sát. Bố hãy cấp tốc ra lệnh chư Thiên khởi bốn binh chủng."

Khi ấy Thiên tử Tú-tỳ-lê liền nói kệ:

Nếu có nơi không khởi[3358]
Vô vi mà an vui;
Người được chỗ như vậy,
Không làm, cũng không lo[3359].
Hãy cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp lại:

Nếu có chỗ không khởi,
Vô vi mà an vui;
Nếu người được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Nếu nơi không phương tiện[3360],
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Hãy cho tôi chốn này,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu nơi không phương tiện,
Không khởi, cũng không vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nên cho tôi nơi ấy,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.

Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Biếng nhác, không phấn khởi,
Không biết làm, đã làm;
Nhưng hành dục hội đủ,
Nên cho tôi chỗ ấy

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Biếng nhác, không phấn khởi,
Mà rốt ráo an vui;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Không việc vẫn an vui,
Không làm, cũng không lo;
Nếu cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an vui.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu thấy hoặc lại nghe,
Chúng sanh không làm gì;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.
Ông nếu sợ việc làm,
Chẳng nghĩ đến hữu vi;
Hãy nhanh chóng trừ sạch,
Là đường tắt Niết-bàn[3361].

Khi ấy, Thiên tử Tú-tỳ-lê chuẩn bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la, diệt hết quân A-tu-la. Chư Thiên đắc thắng trở về cung trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân khởi bốn binh chủng cùng chiến đấu với A-tu-la, nhờ tinh cần nên thắng trận. Này các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường nhờ phương tiện tinh cần, cũng thường khen ngợi đức tinh cần. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tinh cần tinh tấn và khen ngợi tinh cần.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1115. TIÊN NHÂN[3362]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, một tụ lạc nọ, có các Tiên nhân dừng nghỉ tại vùng đất trống bên cạnh tụ lạc ấy. Lúc đó chư Thiên và A-tu-la đang bày trận đánh nhau cách tụ lạc không xa. Bấy giờ, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la dẹp đi năm loại trang sức[3363], bỏ mũ Thiên quan, dẹp dù lọng, bỏ gươm đao, vứt quạt báu, cởi giày dép, đến chỗ ở các Tiên nhân kia. Vào trong cửa, nhìn khắp mà không ngó ngàng các Tiên nhân, cũng không chào hỏi. Nhìn rồi trở ra.

“Khi ấy có một Tiên nhân từ xa nhìn thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la dẹp đi năm thứ trang sức vào trong vườn, quan sát xong trở ra; thấy vậy, nói với các Tiên nhân rằng: ‘Đây là loại người gì mà dung sắc không trấn tĩnh, không giống như hình người, không đúng pháp oai nghi, giống như người quê mùa, không phải là con nhà trưởng giả; dẹp đi năm thứ trang sức, vào cửa vườn, nhìn quanh cao ngạo, mà không ngó ngàng hỏi thăm các Tiên nhân?’

Có một Tiên nhân đáp rằng:

“Đó là Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la, dẹp đi năm thứ trang sức, vào xem xét rồi đi.”

Tiên nhân kia nói:

“Đây không phải Hiền sĩ, không tốt, bất thiện, không phải Hiền thánh, phi pháp, dẹp năm thứ trang sức đi vào trong cửa vườn nhìn quanh rồi ra về, cũng không hề để ý chào hỏi các Tiên nhân. Do đó mà biết Thiên chúng tăng trưởng, A-tu-la giảm sút.”

“Trong lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân thì cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào trú xứ của Tiên nhân, cùng với các Tiên nhân chào đón, thăm hỏi an úy nhau, sau đó trở ra. Lại có Tiên nhân thấy Thiên đế Thích cởi bỏ năm thứ trang sức vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, thấy vậy hỏi các Tiên nhân: ‘Đây là người gì mà có dung sắc trấn tĩnh, dáng vẻ đáng ưa, có vẻ oai nghi, không phải người quê mùa, tợ như con nhà trưởng giả; vào trong vườn rừng cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào cửa vườn thăm hỏi khắp cả, sau đó mới trở ra?’

Có Tiên nhân đáp: ‘Đây là Thiên đế Thích, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả rồi sau đó trở ra.’

Tiên nhân kia nói: ‘Đây là bậc Hiền sĩ, thiện, tốt, chân thật, oai nghi, phép tắc, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, rồi sau đó mới trở ra. Vì vậy nên biết Thiên chúng tăng, chúng A-tu-la giảm.’

Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Tiên nhân kia khen ngợi chư Thiên; sau khi nghe, nổi giận đùng đùng. Lúc này có vị Tiên nhân ở chốn hư không nghe vua A-tu-la nổi giận đùng đùng, liền đến chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ:

Tiên nhân cố đến đây,
Cầu xin thí vô úy[3364].
Nếu ngươi thí vô úy,
Ban ân giáo Mâu-ni.

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la dùng kệ đáp:

Cho Tiên nhân các ông,
Không có thí vô úy.
Vì chống A-tu-la,
Mà gần gũi Đế Thích.
Thay vì cho vô úy,
Ta sẽ cho sợ hãi.

Tiên nhân lại nói kệ:

Tùy gieo trồng hạt giống,
Tùy loại sanh quả báo.
Ta cầu xin vô úy,
Chỉ lại cho kinh sợ.
Ngươi sẽ sợ vô cùng.
Vì gieo giống kinh sợ.

"Sau khi các Tiên nhân ở trước vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chú xong, bay lên hư không đi mất. Ngay đêm ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lòng cảm thấy sợ hãi, ba phen trỗi dậy, trong giấc ngủ nghe âm thanh dữ rằng: 'Thích Đề-hoàn Nhân sẽ cất bốn binh chủng đánh nhau với A-tu-la.' Sau khi thức dậy, lòng cảm thấy kinh hoàng, sợ hãi, lo lắng là chắc chắn sẽ chiến bại, đành phải rút lui chạy về cung A-tu-la.

Bấy giờ, quân địch đã rút lui, đắc thắng rồi, Thiên đế Thích đi đến trú xứ các Tiên nhân nơi rừng vắng, lễ dưới chân các Tiên nhân, rồi lui ra bốn phía trước các Tiên nhân, hướng về Đông ngồi xuống. Lúc ấy gió Đông khởi lên, có một Tiên nhân liền nói kệ:

Nay các ẩn sĩ này,
Xuất gia đã lâu ngày,
Nách rịn mồ hôi nhơ,
Chớ ngồi trước chiều gió,
Thiên Nhãn hãy dời chỗ.
Ở đây hôi khó chịu.

Thiên đế Thích nói kệ đáp:

Dùng mọi thứ hương hoa,
Kết lại làm tràng hoa.
Nay hương tôi ngửi được,
Còn thơm cả hương kia,
Dù ít ngửi hương này.
Nhưng chưa từng ghê, chán.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam mà cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức

cung kính. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà thường nên cung kính các bậc phạm hạnh, cũng nên khen ngợi đức cung kính.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1116. DIỆT SÂN[3365]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, Thiên đế Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật. Do thần lực của Đế Thích, ánh sáng từ thân tỏa ra chiếu khắp tinh xá Kỳ thọ. Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

Vì giết hại những gì,
Mà ngủ được an ổn?
Vì giết hại những gì,
Mà được không lo sợ?
Vì sát hại những gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hại sân nhuế, hung ác,
Mà ngủ được an ổn,
Hại sân nhuế, hung ác,
Tâm được không lo sợ.
Sân nhuế là rắn độc,
Chủng tử khổ tìm tàng.
Ta đã diệt chúng rồi,
Nên được không lo sợ,
Vì giống khổ đã diệt,
Nên được Hiền thánh khen.

Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ lui ra.

---o0o---

KINH 1117. NGÀY MỒNG TÁM[3366]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào ngày mồng tám mỗi tháng[3367], bốn Đại thiên vương ra lệnh các đại thần đi xem xét nhân gian. Những người nào cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính tôn nhân, làm các phước đức; thấy ác đời này lo sợ tội đời sau, bố thí làm phước, thọ trì trai giới; vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm mỗi tháng và tháng thần biến[3368], thọ giới, bố-tát.

"Đến ngày mười bốn[3369] sai thái tử xuống quán sát nhân gian, những người nào phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát.

"Đến ngày mười lăm[3370] Tứ Đại thiên vương đích thân xuống thế gian xem xét chúng sanh, những người nào phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát.

"Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát. Lúc này, Tứ Đại thiên vương đến giảng đường Tập pháp[3371], cõi trời Tam thập tam, thưa với Thiên đế Thích:

"Thiên vương nên biết, ngày nay thế gian không có nhiều người người phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát."

Bấy giờ Thiên chúng cõi trời Tam thập tam nghe như vậy không vui, quay lại nói với nhau:

"Người thế gian bây giờ không hiền, không thiện, không tốt, không ra gì, không hạnh chân thật, không phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát. Vì tội ấy nên chúng chư Thiên giảm và chúng A-tu-la càng ngày càng tăng thêm."

“Này các Tỳ-kheo, thế gian lúc ấy, nếu có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát, thì Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Tập pháp, cõi trời Tam thập tam, bạch Thiên đế Thích:

“Thiên vương nên biết, thế gian ngày nay có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát.”

Lúc ấy tâm chư Thiên cõi Tam thập tam đều vui mừng quay lại bảo nhau:

“Ngày nay, các thế gian đều hiền thiện chân thật như pháp, có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ… cho đến thọ giới, bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng A-tu-la giảm, chúng chư Thiên tăng thêm.”

Bấy giờ Thiên đế Thích biết các chúng chư Thiên đều vui mừng liền nói kệ:

Người đến ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì trai tám chi.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo cho các Tỳ-kheo những gì Thiên đế Thích kia đã nói kệ:

Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

“Những lời nói này không hay. Vì sao? Vì Thiên đế Thích kia tự có tham, sân, si nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, lìa các gánh nặng, đoạn các hữu kết, tâm khéo giải thoát thì nói kệ này:

Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì bát trai giới.

Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

"Thì những lời nói như vậy mới là lời hay. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên bài kệ này là những lời nói hay."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1118. BỆNH[3372]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị bệnh rất nặng, đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, nói với Thích Đề-hoàn Nhân rằng: 'Kiều-thi-ca, nên biết, hiện nay tôi đang bị bệnh rất nặng. Xin vì tôi trị liệu cho được an ổn.'

Thích Đề-hoàn Nhân nói với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: 'Ông hãy trao huyễn pháp[3373] cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.'

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế Thích: 'Tôi sẽ trở về hỏi chúng A-tu-la. Nếu bằng lòng, tôi sẽ trao huyễn pháp của A-tu-la cho Đế Thích.'

Lúc ấy, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền trở về đến trong chúng A-tu-la, nói với các A-tu-la: 'Mọi người nên biết, nay ta bệnh nặng, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân nhờ trị bệnh. Đế Thích nói ta rằng: 'Ông hãy trao huyễn pháp của A-tu-la cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.' Bấy giờ, ta sẽ đi đến vì Đế Thích nói huyễn pháp của A-tu-la.'

Khi ấy có một A-tu-la trá ngụy bảo với A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Thiên đế Thích kia là người chất trực, trọng tín, không hư dối. Chỉ nói với ông ta rằng: 'Thiên vương, huyễn pháp của A-tu-la nếu người nào học nó sẽ đọa

vào địa ngục, chịu tội vô lượng trăm ngàn năm. Thiên đế Thích kia chắc chắn sẽ thôi, không còn ý muốn học nữa. Và ông ta sẽ bảo ông đi và sẽ khiến cho bệnh ông thuyên giảm, được an ổn.'"

Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại đến chỗ Đế Thích nói kệ bạch rằng:

Bậc Thiên vương Thiên Nhãn,
Huyễn thuật A-tu-la,
Đều là pháp giả dối
Khiến người đọa địa ngục,
Vô lượng trăm ngàn năm,
Chịu khổ không dừng nghỉ.

Lúc ấy Thiên đế Thích bảo A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: 'Thôi thôi, huyễn thuật như vậy không phải là pháp ta cần. Ông hãy trở về, ta sẽ khiến cho thân bệnh của ông được lành, được an ổn khỏe mạnh."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại nơi cõi trời Tam thập tam, luôn luôn chân thật, không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1119. BÀ-TRĨ[3374]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Một hôm, Thiên đế Thích cùng với Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na[3375] có diện mạo tuyệt đẹp, sáng sớm cả hai đến chỗ Phật, đảnh lễ

dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên. Các ánh sáng từ thân Thiên đế Thích và Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na, lúc ấy tỏa chiếu ra khắp vườn Cấp cô độc."

Khi ấy Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na nói kệ bạch Phật:

Con người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Cần gì phải siêng năng[3376]?

Lúc ấy, Thiên đế Thích lại nói kệ:

Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Tu nhẫn không gì hơn.

Nói kệ xong cả hai cùng bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bài kệ nào được khéo nói?"

Thế Tôn bảo:

"Những điều các ông nói, cả hai bài đều nói hay, nhưng bây giờ các vị hãy lắng nghe Ta nói:

Tất cả loài chúng sanh,
Thảy đều cầu tự lợi.
Mỗi mỗi chúng sanh kia,
Đều mong điều mình cần.
Các hòa hợp thế gian,
Cùng với đếĩ nhất nghĩa[3377],
Nên biết hòa hợp đời.|
Vốn là pháp vô thường.
Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi,
Lợi này thỏa mãn rồi,
Tu nhẫn không gì hơn.

Sau khi Thiên đế Thích cùng với vua A-tu-la Bề-lư-xá-na nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1120. THỆ ƯỚC[3378]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một vị Thiên đế Thích bạch Phật rằng: 'Thế Tôn, hôm nay con thọ giới như vậy, cho đến khi Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.'

"Lúc ấy A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Thiên đế Thích thọ giới như vầy: 'Cho đến lúc Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.' Nghe như vậy, bèn xách gươm bén ngược đường tới. Lúc này, Thiên đế Thích từ xa trông thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cầm gươm bén ngược đường tới, liền từ xa nói: 'A-tu-la đứng lại, ông đã bị trói, không được cử động.' Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền không cử động được; bèn nói với Đế Thích: 'Ông nay há không thọ giới như vầy: 'Nếu Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia' hay sao?'

"Thiên đế Thích đáp: 'Tôi thật thọ giới như vậy. Nhưng ngươi tự đứng lại chịu trói.'

“A-tu-la nói: ‘Bây giờ hãy thả tôi ra.’

“Thiên đế Thích đáp: ‘Nếu ông hứa thề không làm loạn, ta sẽ buông tha ông.’

“A-tu-la nói: ‘Thả tôi ra, sẽ làm đúng pháp.’

“Đế Thích đáp: ‘Trước hết phải làm đúng như pháp, sau đó thả ông ra.’

“Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ:

Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây não loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.

“Thích Đề-hoàn Nhân lại nói: ‘Tha cho ông, tùy ý được an ổn.’

“Thiên đế Thích, sau khi bắt buộc vua A-tu-la phải ước thề xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở trước Phật thọ giới như vậy: ‘Cho đến Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’ Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, tay xách gươm bén theo đường tới. Con trông thấy từ xa và bảo: ‘A-tu-la. Đứng lại. Đứng lại. Ông đã bị trói. Không được cử động’. A-tu-la kia nói: ‘Ông không có thọ giới sao?’ Con liền đáp: ‘Tôi thật có thọ giới. Nay ông đứng lại nên bị trói, không được cử động.’ Vua A-tu-la xin được cứu thoát, con bảo hắn: ‘Nếu ước thề là không làm loạn thì ngươi sẽ được cứu thoát.’ A-tu-la nói: ‘Hãy thả tôi ra, tôi hứa sẽ thề.’ Con liền nói: ‘Nói lời thề ước trước, sau đó thả ông.’ A-tu-la liền nói kệ ước thề:

Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây não loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.

“Như vậy, bạch Thế Tôn, con muốn khiến vua A-tu-la phải nói lời ước thề, vậy có đúng pháp không? A-tu-la kia có gây nhiễu loạn nữa không?

“Phật bảo Thiên đế Thích:

“Lành thay! Lành thay! Ông muốn A-tu-la nói lời thề như vậy là đúng pháp, không trái và A-tu-la cũng không dám làm nhiễu loạn nữa.

“Sau khi, Thiên đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, không bị nhiễu loạn, cũng thường khen ngợi pháp không nhiễu loạn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không nhiễu loạn, cũng nên khen ngợi pháp không nhiễu loạn như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

TẠP A-HÀM QUYỂN 41

KINH 1121. THÍCH THỊ[3379]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ[3380], Bấy giờ, có nhiềungười họ Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấygiờ Thế Tôn bảo các Thích thị:

“Này các người Cù-đàm, vào ngày trai giới[3381] và tháng thần túc[3382], có thọ trì trai giớivà tu tập công đức gì không?”

Các Thích thị bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con vào những ngày trai, có khi giữ được trai giới, có khi không được. Vào tháng thần túc có khi giữ trai giới, tu tập mọi công đức và cũng có khi không giữ được.”

Phật bảo những người họ Thích:

"Này các Cù-đàm, các ông sẽ không thu hoạch được lợi tốt. Các ông là nhữngngười kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não. Tại sao vào nhữngngày trai giới, có khi giữ được trai giới, có khi không được? Vào những tháng thầntúc, có khi giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi không được? Này các Cù-đàm, thí như người cầu lợi, mỗi ngày mỗi tăng dần, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày hai mươi tiền. Như vậy, người ấy càng ngày càng tăng dần; tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng, tiền tài càng lúc càng lớn rộng phải không?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo Thích thị:

"Thế nào, các người Cù-đàm, như vậy, người tiền tài tăng lên dần và tiền tài tự nhiên sẽ tăng rộng ra mãi; rồi lại muốn cho mình, trong vòng mười năm, chỉ mộtmực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định; há có thể được không?"

Thích thị đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Thích thị:

"Hoặc là chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định; há có thể đượckhông?"

Thích thị đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Thích thị:

"Thôi, không tính năm. Liệu mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể

được không? Lại không tính tháng, mà mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật dạy Thích thị:

"Nay Ta nói cho các ông biết, trong hàng Thanh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không siểm trá, không huyễn ngụy; Ta đã giáo hóa người này mười năm. Do nhân duyên này, người ấy có thể trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mựchỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định. Điều này chắc chắn là có.

"Lại nữa, thôi, không tính mười năm, mà chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng; mười ngày, chín ngày, cho đến mộtngày một đêm, nếu đã được Ta giáo hóa, thì đến sáng hôm sau họ có thể tiến bộ vượt bực. Sáng sớm đã được giáo hóa thì đến chiều tối, có thể tiến bộ gấp bội. Vì nhân duyên này, nên trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, thành tựu hai quả. Hoặc quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm. Vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi."

Những người họ Thích bạch Phật:

"Lành thay! Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập trai giới tám chi; vào tháng thần túc, cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí, tu tập mọicông đức."

Phật bảo Thích thị:

"Lành thay, các Cù-đàm, hãy làm những việc cần thiết[3383]."

Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1122. TẬT BỆNH[3384]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người dòng họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghị, bàn luận như vậy. Khi ấy, có người họ Thích nói với người họ Thích tên là Nan-đề: "Tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. Lại cũng không biết có những vị Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có những vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khổ, thì sẽ làm sao thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ? Bây giờ chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này. Theo như lời dạy Thế Tôn mà thọ trì."

Lúc đó, Nan-đề và những người dòng họ Thích, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con những người họ Thích có bàn luận với nhau ở nhà nghị luận như vậy. Có người họ Thích đến nói với con rằng: 'Này Nan-đề, chúng tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. *Nói đầy đủ như trên... cho đến* vâng theo lời dạy Thế Tôn mà thọ trì.' Hôm nay chúng con thỉnh vấn Thế Tôn: 'Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn khổ thì nên thuyết pháp giáo giới, giáo hóa thế nào?'"

Phật bảo Nan-đề:

"Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, muốn đến chỗ Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ, thì đem ba pháp an tâm[3385] này mà truyền dạy cho họ; nói rằng: 'Nhân giả! Hãy thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, Tăng.'

"Sau khi đem ba pháp an tâm này truyền dạy xong, lại nên hỏi rằng: 'Nhân giả có quyến luyến cha mẹ không?'Nếu người kia có quyến luyến cha mẹ, thì nên dạy buông xả và nên nói rằng: 'Nếu Nhân giả quyến luyến cha mẹ mà được sống, thì đáng quyến luyến. Đã không do quyến luyến mà được sống, thì quyến luyến làm gì?'Nếu kia nói không có quyến luyến cha mẹ thì nên tùy hỷ khuyến thiện và hỏi thêm rằng: 'Đối với vợ con, nô bộc, tiền của cùng mọi vật Nhân giả có quyến luyến không?' Nếu nói quyến luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp xả sự quyến luyến cha mẹ. Nếu nói không quyến luyến, thì tùy hỷ khuyến thiện và hỏi nữa: 'Đối với ngũ dục thế gian Nhân giả có luyến tiếc không?' Nếu họ nói luyến tiếc, thì nên giải thích là ngũ dục thế gian là chỗ xấu xa, bất tịnh, bại hoại, hôi hám, không giống như

ngũ dục thắng diệu cõi trời. Hãy khuyên kia lìa bỏ ngũ dục thế gian và quyết mong ngũ dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa ngũ dục thế gian và trước đã nghĩ đến dục thắng diệu cõi trời, thì tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với họ rằng: 'Ngũ dục thắng diệu cõi trời, là pháp vô thường, khổ, không, biến hoại. Chư Thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn ngũ dục cõi trời.' Nếu kia nói đã bỏ nghĩ đến dục cõi trời và chỉ nghĩ đến thân tướng hơn ngũ dục, thì cũng tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với rằng: 'Dục của hữu thân[3386] cũng lại là pháp vô thường, biến hoại, chỉ có sự an lạc của xuất ly, là Niết-bàn với sự diệt tận của các hành. Nhân giả nên lìa bỏ sự mê luyến nơi hữu thân, mà nên vui cái vui Niết-bàn vắng lặng, tối thượng, thù thắng.'

"Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với hữu, chỉ vui với Niết-bàn, thì cũng nên tùy hỷ khuyến thiện.

"Như vậy, Nan-đề, Thánh đệ tử kia từ từ trước sau được nhắc nhở chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn bất khởi[3387]; giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi, giải thoát Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích cùng mọi người nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về.

---o0o---

KINH 1123. BỒ-ĐỀ[3388]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Bấy giờ, có người họ Thích tên là Bồ-đề[3389] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, bạch Thế Tôn, chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn."

Phật bảo Bồ-đề:

"Chớ nói như vậy, rằng: 'Chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn.' Này Bồ-đề, được gọi là thiện lợi là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới. Cho nên, này Bồ-đề, nên học như vầy: Đối với Phật

có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong, Bồ-đề họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1124. VÃNG SANH[3390]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có vị Thánh đệ tử nào đối với Phật mà thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, thì ngay lúc đó, sẽ được các hàng chư Thiên mà trước kia đối với Phật đã thành tựu được lòng tin tịnh giới bất hoại và vì nhân duyên này họ được sanh lên cõi trời, họ đều rất hoan hỷ và khen ngợi rằng: ‘Ta, nhờ nhân duyên đối với Phật thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia, ngày nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại, vì nhân duyên đó cũng sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp này.’

“Đối với Pháp và Tăng, lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1125. TU-ĐÀ-HOÀN (1)[3391]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn đạo phần Tu-đà-hoàn[3392]: Thân cận người thiện nam, nghe chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, pháp thứ pháp hướng[3393].”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1126. TU-ĐÀ-HOÀN (2)[3394]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn chi phần Tu-đà-hoàn[3395]. Những gì là bốn? Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là đạo phần Tu-đà-hoàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1127. BỐN PHÁP[3396]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng, có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết họ là Tu-đà-hoàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy phân biệt về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.[3397]

---o0o---

KINH 1128. BỐN QUẢ (1)[3398]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1129. BỐN QUẢ (2)[3399]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết, tham, sân, si vơi mỏng, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si và tất cả phiền não gọi là A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy, phân biệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.

---o0o---

KINH 1130. HÀN XỨ[3400]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở bất cứ nơi nào, nếu có Tỳ-kheo đi kinh hành và ở nơi đó mà chứng được một trong bốn quả Sa-môn, thì khi Tỳ-kheo ấy mạng chung, thường nhớ đến chỗ mình chứng quả."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như chỗ kinh hành, cũng vậy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm cũng nói như vậy. Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các kinh đều nói như vậy.

---o0o---

KINH 1131. BỐN THỨC ĂN[3401]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Giống như bốn loại thức ăn đối với tứ đại, để an lập chúng sanh, giúp ích và duy trì. Những gì là bốn? Đoàn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1132. NHUẬN TRẠCH (1)[3402]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.

"Đối với Pháp, Tăng, thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, các pháp đã được nghe, vừa ý, yêu thích. Thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1133. NHUẬN TRẠCH (2)[3403]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Nếu đối với pháp[3404]; hoặc tâm keo kiệt, cấu bẩn, trói buộc chúng sanh, thì tâm phải xa lìa các thứ keo kiệt, cấu bẩn đã dính nhiều vào đó, mà thực hành bố thí giải thoát. Thường bố thí, thích buông xả, tâm hành thí bình đẳng, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1134. NHUẬN TRẠCH (3)[3405]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Bốn thứ như vậy là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Quả báo và công đức của Thánh đệ tử kia không thể so sánh. Không thể nói có được bao nhiêu phước, bao nhiêu báo như vậy, mà chỉ nói phước báo nhiều của họ thuộc về công đức lớn đã tích tụ." Giống như kinh Thí dụ ngũ hà[3406] đã nói,... *cho đến* nói kệ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1135. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ[3407]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bốn mươi Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, sáng sớm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Thế Tôn bảo các Thiên tử ấy rằng:

"Lành thay! Lành thay! Các Thiên tử, các ông đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới chưa?"

Bấy giờ, có một Thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đối với Phật con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Pháp con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Tăng con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Thánh giới con đã thành tựu, nhờ công đức này nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Bấy giờ, bốn mươi Thiên tử ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn rồi liền biến mất.

Giống như bốn mươi vị Thiên tử, cũng vậy, bốn trăm Thiên tử, tám trăm Thiên tử, mười ngàn Thiên tử, hai chục ngàn Thiên tử, ba chục ngàn Thiên tử, bốn chục ngàn Thiên tử, năm chục ngàn Thiên tử, sáu chục ngàn Thiên tử, bảy chục ngàn Thiên tử, tám chục ngàn Thiên tử, họ ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn xong liền biến mất.

---o0o---

KINH 1136. NGUYỆT DỤ[3408]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá[3409].

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm quý, khiêm hạ, kiềm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng khi lội vực sâu, lên đỉnh núi, kiềm thúc tâm, thúc liễm thân hình và chậm rãi tiến tới trước.

"Tỳ-kheo cũng vậy, sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm quý, khiêm hạ, kiềm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học.

“Tỳ-kheo Ca-diếp sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm quý, khiêm hạ không cao mạn, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng lội vực sâu, lên đỉnh núi chế ngự tâm, thúc liễm thân, xem xét kỹ rồi mới tiến.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ý các ông thế nào? Tỳ-kheo phải như thế nào mới vào nhà người?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin Thế Tôn nói rộng, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nhà người mà tâm không bị dính, không bị trói, không tham đắm dục lạc[3410]; đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người. Tỳ-kheo như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không,”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Pháp của Tỳ-kheo thường như vậy, với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp là với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người, chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Ý các ông thế nào? Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không,"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp thường như vậy, với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo như thế nào mới đáng là thuyết pháp thanh tịnh?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, xin Ngài nói rộng, chúng con nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

"Nếu có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người mà khởi tâm như vầy: 'Những ai khởi tín tâm thanh tịnh đối với ta? Làm như thế rồi, cúng dường y phục, ngọa cụ, mền nệm và thuốc men.' Thuyết như vậy, gọi là thuyết pháp không thanh tịnh.

"Nếu lại có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người, khởi nghĩ như vầy: 'Chánh pháp luật được Thế Tôn hiển hiện, lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay nơi hiện thân này[3411], duyên nơi tự tâm mà giác tri, hướng thẳng Niết-bàn. Nhưng chúng sanh thì đắm chìm vào già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Những chúng sanh như vậy nếu nghe được Chánh pháp, nhờ nghĩa lợi thì mãi mãi sẽ được an lạc. Nhờ nhân duyên Chánh pháp này, bằng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót và tâm muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà thuyết cho người'. Đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh như vậy mà vì người thuyết pháp; bằng Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* vì tâm muốn làm Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thuyết pháp như vậy, đối với Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* tâm muốn khiến cho Chánh pháp được thường trụ lâu dài mà vì người thuyết pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1137. THÍ DỤ[3412]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: ‘Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí vội, không cúng từ từ; bố thí nhiều, không bố thí ít; bố thí ngon, không bố thí dở; cúng bố thí không cúng chậm.’ Vì tâm như vậy, mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuất nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thoái thất, tự sanh chướng ngại.

“Nếu lại có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: ‘Người xuất gia mục đích đến nhà người, là do đâu được bố thí chứ không phải không bố thí, bố thí vội không phải bố thí từ từ, bố thí nhiều không phải bố thí ít, bố thí ngon không phải bố thí dở, bố thí nhanh không phải bố thí chậm?’ Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuất nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại.

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như vậy khi đến nhà người. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy, nghĩ như vậy khi vào nhà người: ‘Người xuất gia mục đích khi đến nhà người, do đâu được cúng chứ không phải không cúng,... *cho đến* cúng mau không phải cúng chậm?’

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1138. THẲNG[3413]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nên thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy."

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay rất khó giáo thọ các Tỳ-kheo. Hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói."

Phật bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con thấy có hai Tỳ-kheo, một tên là Bàn-trù[3414] đệ tử của A-nan, hai tên là A-phù-tỳ[3415] đệ tử của Ma-ha Mục-kiền-liên. Hai người này tranh luận về đa văn. Họ bảo nhau: 'Ngươi đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn.'"

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Hãy thôi! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhẫn! Tôn giả Ca-diếp! Những Tỳ-kheo thiếu niên này trí tuệ kém, trí tuệ xấu."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

“Ông hãy im lặng! Chớ khiến ta ở giữa Tăng hỏi sự việc ông.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền im lặng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi các ông.’”

Tỳ-kheo này liền vâng lời, đến chỗ Tỳ-kheo A-phù-tỳ và Tỳ-kheo Bàn-trù nói rằng:

“Đại Sư cho gọi các ông.”

Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ vâng theo lời dạy, cả hai liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo:

“Có thực, hai ông đã cùng nhau tranh luận và nói: ‘Ông đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn’ không?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật có.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông đem những pháp của Ta dạy như Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-bà-đà-na, Y-đế-nhật-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phú-la, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá để tranh luận nhau và bảo: ‘Ngươi đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn’ phải không?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không vậy.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông không đem những gì Ta đã nói trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá để tự điều phục, tự đình chỉ và tự cầu Niết-bàn sao?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông là những người ngu si! Sao các ông đã biết những gì Ta dạy trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá rồi, lại cùng nhau tranh luận thử ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn?”

Lúc này, hai Tỳ-kheo trước Phật lễ dưới chân, cùng bạch Phật:

“Xin sám hối Thế Tôn! Xin sám hối Thiện Thệ! Chúng con ngu si không tốt, không phân biệt, mà tranh luận nhau.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông đã thực biết tội, sám hối lỗi ngu si, không tốt, không biết phân biệt mà lại cùng tranh luận. Nay đã tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai. Nay Ta vì thương xót các ông mà nhận sự sám hối, để cho thiện pháp các ông tăng trưởng không bao giờ thoái giảm. Vì sao? Vì nếu có người tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai, không bao giờ thoái giảm.”

Hai Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1139. VÔ TÍN[3416]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Ca-diếp:

“Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"BạchThế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Nếu có thuyết pháp, thì sẽ có Tỳ-kheo không nhẫn, không hoan hỷ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hoặc có Tỳ-kheo không có tâm tin kính đối với thiện pháp, nếu nghe thuyết pháp, họ có thể thoái chuyển. Hoặc người ác trí tuệ không có trí tuệ, tinh tấn và tàm quý, không có trí tuệ đối với thiện pháp; nghe thuyết pháp, có thể thoái thất. Hoặc có người tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất định, vô trí, họ có nghe thuyết pháp thì cũng thoái thất. Bạch Thế Tôn, những hạng người xấu như vậy, còn không thể khiến tâm an trụ ở thiện pháp, huống lại tăng tiến! Nên biết hạng người này thiện pháp càng ngày càng thoái thất, không thể tăng trưởng.

"Bạch Thế Tôn, nếu người nào, đối với thiện pháp, có lòng tin thanh tịnh thì sẽ không thoái thất. Đối với thiện pháp có trí tuệ, tinh tấn và tàm quý, sẽ không thoái thất. Không tham, không nhuế, không thụy miên, không trạo hối, không nghi hoặc, sẽ không thoái thất. Thân không thô bạo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, định tâm, chánh niệm, trí tuệ, sẽ không thoái thất. Người như vậy, đối với các thiện pháp càng ngày càng tăng trưởng, huống chi tâm lại an trú. Người này ngày đêm thường cầu thăng tiến, không bao giờ thoái thất."

Phật bảo Ca-diếp:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào đối với các thiện pháp, mà không có lòng tin thì sẽ bị thoái thất". Cũng như Ca-diếp lần lượt nói đầy đủ.

Sau khi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1140. PHẬT LÀ CĂN BẢN[3417]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Có các Tỳ-kheo nghe thuyết pháp sẽ không nhẫn, không hoan hỷ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành."

Phật bảo Ca-diếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói."

Phật bảo Ca-diếp:

"Ngày xưa, Tỳ-kheo a-luyện-nhã ở chỗ a-luyện-nhã khen ngợi pháp a-luyện-nhã. Với Tỳ-kheo khất thực[3418] thì khen ngợi về công đức khất thực. Với Tỳ-kheo y phấn tảo thì khen ngợi về công đức mặc y phấn tảo. Với Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, trí tuệ lậu tận, tự thân tác chứng, thì theo sở hành của họ mà khen ngợi, xưng tụng.

"Này Ca-diếp, nếu có Tỳ-kheo với a-luyện-nhã thì khen ngợi pháp a-luyện-nhã,... *cho đến* với Tỳ-kheo lậu tận, thì khen ngợi lậu tận tự thân tác chứng; nếu gặp Tỳ-kheo như vậy thì nên tiếp chuyện, tùy nghi thăm hỏi, chào đón:

‘Ngài tên gì? Đệ tử của ai?’ Nhường chỗ ngồi mời ngồi và tán thán sự hiền thiện của vị ấy, như pháp sở hành của vị ấy, có nghĩa Sa-môn, có sở dục Sa-môn. Khi khen ngợi như vậy, nếu vị ấy cùng ở hay cùng đi thì liền quyết định tùy thuận sở hành của vị ấy, không bao lâu cũng sẽ đồng với sở kiến và sở dục của vị ấy.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Nếu Tỳ-kheo tuổi trẻ gặp Tỳ-kheo a-luyện-nhã kia đến thì tán thán pháp a-luyện-nhã,... *cho đến* Tỳ-kheo lậu tận, tự thân tác chứng. Tỳ-kheo tuổi trẻ này nên đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi,... *cho đến* cùng ở với họ, thì không bao lâu chính mình sẽ được nghĩa lợi, được hữu ích. Người nào cung kính như vậy, thì sẽ được lợi ích an lạc lâu dài.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Hiện nay, Tỳ-kheo tuổi trẻ thấy vị kia đến, biết đó là đại đức có tri kiến có thể chiêu cảm được mọi thứ tài vật như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên cùng tiếp chuyện với họ, cung kính hỏi thăm, chào đón, rằng: ‘Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?’ Và tán thán phước đức của họ để có thể chiêu cảm được lợi lớn như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc cùng gần gũi vị ấy cũng sẽ được đầy đủ mọi thứ y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc lại có Tỳ-kheo-niên thiếu, thấy vị kia đến biết đó là đại đức, đại trí, có thể chiêu cảm được mọi thứ tài lợi như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên vội vàng đứng dậy nghinh đón, cung kính chào hỏi: ‘Quý thay ngài đến đây! Bậc Đại đức, đại trí!’ để có thể chiêu cảm lợi lớn về y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Này Ca-diếp, những Tỳ-kheo-niên thiếu như vậy, sẽ lâu dài bị đau khổ, phi nghĩa, không có lợi.

“Như vậy, Ca-diếp, những Tỳ-kheo đó là tai hoạn của Sa-môn, là sự đắm chìm của phạm hạnh, là chướng ngại lớn, là pháp ác bất thiện, là cái hại của phiền não, trở lại thọ các hữu, chịu khổ báo sanh tử thiêu đốt trong đời vị lai đưa đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, Ca-diếp, phải tu học như vầy: Hãy xưng danh tán thán những vị a-luyện-nhã sống ở a-luyện-nhã; xưng danh tán thán vị mặc y phấn tảo khất thực, thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh trí lậu tận, tự thân tác chứng.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1141. QUÁ GIÀ[3419]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nay đã già, các căn suy yếu, y phấn tảo nặng, y của Ta nhẹ tốt[3420]. Nay ông có thể ở trong chúng mặc y nhẹ hoại sắc do cư sĩ cúng."

Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán hạnh a-luyện-nhã, mặc y phấn tảo, khất thực[3421]."

Phật bảo Ca-diếp:

"Thầy quán sát có bao nhiêu nghĩa mà tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phấn tảo, khất thực, tán thán pháp mặc y phấn tảo, khất thực?"

Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con quán sát thấy có hai nghĩa: Hiện tại được nghĩa sống an lạc; đời vị lai, làm gương cho chúng sanh. Vì chúng sanh đời vị lai sẽ nghĩ như vầy: 'Thượng tọa quá khứ có sáu thần thông, xuất gia lâu ngày, phạm hạnh thuần thục, được Thế Tôn khen ngợi và được những vị phạm hạnh trí tuệ phụng sự. Vị ấy lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phấn tảo, khất thực, tán thán pháp mặc y phấn tảo, khất thực.' Nếu ai nghe được điều này, tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích."

Phật bảo Ca-diếp:

"Lành thay! Lành thay! Ca-diếp, ông là người trong lâu dài đem lại nhiều lợi ích, an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian và an lạc trời, người."

Phật bảo Ca-diếp:

"Nếu có người nào hủy báng pháp đầu-đà[3422], tức là hủy báng Ta. Nếu có người nào tán thán pháp đầu-đà, tức là tán thán Ta. Vì sao? Vì pháp đầu-đà là pháp Ta luôn luôn xưng danh và tán thán. Cho nên, Ca-diếp, người a-luyện-nhã, nên tán thán a-luyện-nhã; người mặc y phấn tảo, khất thực, nên tán thán pháp mặc y phấn tảo khất thực."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1142. NẠP Y NẶNG[3423]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu nơi trú xứ sàng tọa a-luyện-nhã[3424], râu tóc ra dài, mặc y rách vá, đến chỗ Phật.

Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại và sau khi thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rồi, họ khởi tâm khinh mạn rằng:

"Tỳ-kheo này là ai mà y phục tồi tàn; đến đây mà dung nghi không có; đến đây mà y phục dương dương[3425]?"

Khi đó Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo, bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Đến đây, Ca-diếp! Hãy ngồi nơi phân nửa chỗ ngồi này. Nay Ta rốt cuộc[3426] biết ai xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư?"

Các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, chân lông dựng đứng lên, nói với nhau:

"Lạ thay, Tôn giả! Tôn giả ấy là Ma-ha Ca-diếp có đức độ lớn, thần lực lớn, là đệ tử của Đại Sư, được mời ngồi nửa tòa."

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy con. Con là đệ tử[3427]."

Phật bảo Ca-diếp:

"Thật vậy! Thật vậy! Ta là Đại Sư. Ông là đệ tử. Bây giờ ông hãy ngồi xuống, trên chỗ ngồi đã dọn sẵn."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thắng của Ca-diếp đã sở đắc như mình, vì đại chúng hiện tiền mà bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã lìa dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán, thành tựu và trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như Ta, lìa dục, pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

"Ta muốn thành tựu và an trụ Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ Tứ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

"Ta tùy theo sở dục mà thành tựu và an trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, thần thông hiện các cảnh giới, có trí thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, trí sanh tử và trí lậu tận, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ trí lậu tận hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm."

Sau khi Đức Thế Tôn ở giữa vô số đại chúng, tán thán công đức thắng diệu rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp như mình rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1143. KHI ẤY[3428]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

"Hôm nay chúng ta có thể ra khỏi núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương xá khất thực?"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng bằng lòng. Hai Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Trời còn quá sớm, chúng ta tạm ghé qua tinh xá Tỳ-kheo-ni."

Hai vị liền ghé qua. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải sàng tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni dùng nhiều cách thuyết pháp, chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ. Sau khi Tôn giả chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà[3429] không hoan hỷ, nói ra những ác ngôn như vầy:

"Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp[3430] lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni[3431]? Giống như người buôn bán kim lại đem kim bán cho người làm kim? A-lê Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni!"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn, liền nói với Tôn giả A-nan:

"Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn? Thế nào A-nan? Ta là người buôn kim, bán kim trước mặt người làm kim là ông chăng?"

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Thôi, hãy nhịn! Đó là mụ già ngu si, thiếu trí tuệ, chưa từng tu tập!"

"Này A-nan, ông chẳng đã từng nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết 'Nguyệt dụ kinh'[3432] để giáo giới, giáo thọ rằng: 'Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng,

thường như người mới học'... *(chi tiết như trên)*? Đó là nói A-nan sống như mặt trăng, thường như người mới học chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, không phải."

"A-nan, ông có nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết 'Nguyệt dụ kinh'để giáo giới, giáo thọ rằng: 'Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học, thì chỉ có Ma-ha Ca-diếp'?"

A-nan đáp:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đúng vậy."

"A-nan, ông có từng được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa vô lượng đại chúng, mời đến ngồi chung chăng? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán đức độ rộng lớn của ông bằng Ngài không? A-nan đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... *cho đến* được Ngài tán thán lậu tận thông chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Ca-diếp, chưa!"

"Như vậy, này A-nan, Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: 'Thiện lai! Ma-ha Ca-diếp! Mời ông ngồi nửa tòa.' Lại, ở giữa đại chúng có khen ngợi công đức rộng lớn của Ma-ha Ca-diếp bằng Phật; đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... *cho đến* lậu tận không?"

A-nan đáp:

"Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-diếp!"

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni rống lên tiếng rống sư tử.

---o0o---

KINH 1144. CHÚNG GIẢM THIỂU[3433]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá, sau khi Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu.

Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, đói kém, nên đi khất thực rất khó được. Lúc này, có nhiều Tỳ-kheo tuổi trẻ đi theo Tôn giả A-nan, không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không biết lượng, nên không thể từ đầu đêm đến cuối đêm tinh cần thiền định tư duy, chỉ ưa đắm vào ngủ nghỉ, thường cầu lợi lộc ở đời. Họ du hành nhân gian đến Nam Thiên trúc[3434], có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú trẻ nhỏ[3435]. Lúc ấy, Tôn giả A-nan du hành ở nước Nam sơn[3436], vì thấy đồ chúng còn ít nên trở lại Vương xá. Tôn giả cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

"Ông từ đâu đến mà đồ chúng quá ít?"

A-nan đáp:

"Từ nước Nam sơn, du hành trong nhân gian, có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, đồ chúng giảm, nay còn lại phần nhiều là các trẻ nhỏ."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan rằng:

"Có bao nhiêu phước lợi mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, chế giới cho phép ba người trở lên cùng ăn chung[3437]?"

A-nan đáp:

"Vì hai việc. Những gì là hai? Một là nhà nghèo ít của. Hai là những người ác lập bạn đảng phá hoại nhau. Chớ để những người ác mang danh là chúng, sống ở trong Tăng làm chướng ngại đại chúng, phân làm hai phe hiềm khích tranh đấu lẫn nhau."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

"Ông biết nghĩa này, vì sao vào lúc đói kém lại cùng nhiều đệ tử niên thiếu du hành nước Nam sơn, làm cho ba mươi người xả giới hoàn tục, đồ chúng

tổn giảm chỉ còn lại đa số là các trẻ nhỏ? A-nan, đồ chúng của ông sụt giảm. Ông chỉ là trẻ con, vì không biết trù lượng.”

A-nan thưa:

“Thế nào, đầu tôi đã hai thứ tóc mà vẫn còn gọi tôi là trẻ nhỏ sao, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp? “

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói:

“Vào thời buổi đói kém, mà ông cùng nhiều đệ tử tuổi trẻ du hành trong nhân gian, lại để cho ba mươi người xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các trẻ nhỏ. Đồ chúng tiêu giảm, không biết trù lượng, để cho đồ chúng niên thiếu bại hoại[3438]. Chúng của A-nan đã tan hết. Này A-nan, ông là trẻ con, không biết trù lượng.”

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá[3439] nghe Tôn giả Ca-diếp dùng từ trẻ con để quở trách Tôn giả A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni; nghe rồi không vui thích, bèn thốt ra những lời không tốt: “Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp vốn là gốc ngoại đạo mà lại dám dùng từ trẻ con để quở trách A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra.”

Tôn giả Ca-diếp dùng thiên nhĩ nghe được những ác ngôn thốt ra từ miệng Tỳ-kheo-ni Đê-xá khi lòng không hoan hỷ. Nghe xong nói với Tôn giả A-nan rằng:

“Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá, tâm không hoan hỷ, miệng thốt ra những lời nói ác: ‘Ma-ha Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Xin thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhịn! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đó là mụ già ngu si, không có trí tự tánh.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

“Từ khi ta xuất gia đến nay, không biết có vị thầy nào khác, ngoài Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ra. Khi chưa xuất gia ta thường suy nghĩ đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Biết là tại gia công việc bận rộn, nhiều phiền não, nếu xuất gia sống không nhàn, người thế tục thì khó sống

đời sống không nhà, một mực trong sạch, suốt đời thuần nhất thanh tịnh tràn đầy, phạm hạnh thanh bạch, nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà; đem y quý, trị giá trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may thành Tăng-già-lê. Nếu nghe ở thế gian có A-la-hán nào, thì đi theo xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn tịch tĩnh vắng lặng không gì bằng, giống như núi vàng, ở khoảng giữa tụ lạc Na-la[3440] thành Vương xá và tháp Đa tử[3441]. Khi ta thấy rồi, tự nghĩ: 'Đây là Thầy ta. Đây là Thế Tôn. Đây là La-hán, đây là Đẳng Chánh Giác.' Lúc ấy, Ta nhất tâm chắp tay kính lễ bạch Phật:

"Ngài là Đại Sư con. Con là đệ tử!"

Phật bảo ta rằng:

"Thật vậy, Ca-diếp! Ta là Thầy của ông. Ông là đệ tử. Này Ca-diếp, nay ông đã thành tựu tâm thanh tịnh chân thật, ông là người đáng cung kính. Người không biết, nói biết, không thấy, nói thấy; người thật không phải A-la-hán, mà nhận là A-la-hán; người không phải Đẳng Chánh Giác mà nói là Đẳng Chánh Giác, thì tự nhiên thân họ sẽ bị nát thành bảy mảnh. Này Ca-diếp, nay Ta biết, nên nói biết; thấy, nên nói thấy; thật A-la-hán nói A-la-hán; thật Đẳng Chánh Giác nói Đẳng Chánh Giác. Này Ca-diếp, nay Ta có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp, không phải không có nhân duyên; có y cứ không phải không y cứ, có thần lực không phải không thần lực. Cho nên, này Ca-diếp, nếu muốn nghe pháp phải học như vậy; nếu vì nghĩa lợi, vì hữu ích, muốn nghe pháp, thì phải một lòng cung kính tôn trọng, chuyên tâm lắng nghe và tự nghĩ rằng: Đối với sự sanh diệt của ngũ ấm, sự tập khởi, sự diệt tận của lục xúc nhập xứ, ta phải chánh quán. Đối với tứ niệm xứ, phải chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy Giác phần, tám giải thoát, tự thân tác chứng; lúc nào cũng nghĩ thân này chưa từng đoạn tuyệt, xa lìa sự không tàm quý. Đối với phạm hạnh và đạo đức của Đại Sư, thường giữ tâm tàm quý, nên học tập như vậy.

"Bấy giờ, Thế Tôn vì ta mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho ta hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi, ta cũng đi theo về trụ xứ. Ta lấy cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt may thành Tăng-già-lê, gấp bốn làm tòa ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta trải y ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ y khen rằng:

"Ca-diếp, y này nhẹ mịn, mềm mại."

Lúc ấy, ta thưa:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, y này nhẹ mịn, mềm mại, xin Thế Tôn nhận y này của con.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông nên nhận y phấn tảo của Ta, Ta sẽ nhận y Tăng-già-lê của ông.”

Phật liền tự tay trao y phấn tảo trao cho ta. Ta liền dâng Tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy, trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khất thực, cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Này A-nan, nếu có ai hỏi thẳng: ‘Ai là Pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp và các thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ?’ Thì nên đáp, đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

“Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương, sẽ bằng phép quán đảnh mà ngồi lên vương vị, hưởng thụ ngũ dục của vua, không phải dùng phương tiện khổ, tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy, là Pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, đắc pháp và pháp tài khác như thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không phải dùng phương tiện khổ, mà tự nhiên được.

“Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng, có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định.”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà dùng một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, sáu thần thông trí có thể che rợp. Nếu có người nào nghi hoặc về cảnh giới thần thông, tác chứng trí... *cho đến* lậu tận, tác chứng trí, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có thể vì họ ký thuyết khiến họ được quyết định. Đối với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tôi luôn luôn kính tín tôn trọng.”

Vì có thần lực đức độ lớn như vậy, nên khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe những gì ngài nói, hoan hỷ thọ trì.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 42

KINH 1145. ỨNG THÍ[3442]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc[3443] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nên thí cho những người nào?"

Phật đáp:

"Đại vương, tùy vào sở thích của tâm."

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

"Nên thí chỗ nào để được quả báo lớn?"

Phật đáp:

"Đại vương, đây là câu hỏi khác. Câu hỏi: 'Nên thí chỗ nào', đây là một câu hỏi khác. Lại hỏi: 'Thí chỗ nào sẽ được quả báo lớn', đây lại là câu hỏi khác.[3444]

"Bây giờ Ta hỏi Đại vương và cứ tùy ý trả lời Ta:

"Này Đại vương, giả sử nước này, khi lâm trận chiến đấu, tập hợp các chiến sĩ, trong đó có một người con trai của Bà-la-môn từ phương Đông đến, tuổi nhỏ, ấu trĩ, yếu ớt, đoan chánh, da trắng, tóc đen, không tập võ nghệ, không học sách lược chiến thuật, sợ hãi rút lui, khiếp nhược không thể tự an được, không dám nhìn kẻ địch, hoặc đâm hay bắn, không có phương tiện, nên không thể đả thương địch. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có thưởng không[3445]?"

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

“Cũng vậy Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến. Đồng tử Bề-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, không có võ thuật, giống như con trai của Bà-la-môn từ phương Đông. Vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

Phật hỏi Đại vương:

“Khi nước này tập hợp quân vào trận chiến đấu, có đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến không rút lui, đứng yên xem xét tình hình, múa đao cự địch có thể làm thương tổn, phá hoại. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có trọng thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng.”

“Cũng vậy, Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến. Đồng tử Bề-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến cự địch, đều như những đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến. Những chiến sĩ như vậy, nhà vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng.”

Phật nói:

“Này Đại vương, cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn, xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; nếu ai thí vào ruộng phước này thì được phước lợi lớn, được quả báo lớn. Những gì là lìa bỏ năm chi? Tham dục cái, sân nhuế, ngu si, trạo hối, nghi cái đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là lìa bỏ năm chi. Những gì là thành tựu năm chi? Thành tựu giới thân vô học, định thân

vô học, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân. Đó gọi là thành tựu năm chi.

"Này Đại vương, người nào lìa bỏ năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; thí vào ruộng phước này thì sẽ được quả báo lớn."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Múa kiếm chiến đấu giỏi,

Là dũng sĩ kham năng.

Vì họ người chiến đấu,

Nên theo công trọng thưởng.

Không thưởng dòng danh tiếng,

Người khiếp nhược, yếu hèn.

Nhẫn nhục tu hiền lương,

Thấy Đế, lập phước điền.

Đủ luật nghi Hiền thánh,

Thành tựu trí thâm diệu;

Dòng họ tuy thấp hén,

Kham làm ruộng phước thí.

Y thực, tiền, của báu,

Giường nằm cùng các loại;

Đều nên thí cung kính,

Do trì giới thanh tịnh.

Mé rừng vắng, xa người,

Đào giếng, cấp bộ hành.

Bắc cầu qua khe suối.

Làm quán trọ đường xa.

Chúng đa văn giới đức,

Đi đường được dừng nghỉ.

Thí như mây dầy giăng,

Sấm chớp vọng vang rền;

Mưa rơi khắp mặt đất,

Trăm cỏ chen nhau vươn;

Cầm thú thảy vui vẻ,

Nông phu cũng vui mừng.

Cũng vậy, tâm tịnh tín,

Văn, tuệ, xả keo bẩn;

Tiền của, ăn uống đủ,

Thường thí ruộng phước tốt.

Xướng lớn, càng ưa thí[3446],

Như sấm mưa ruộng tốt;

Công đức chảy nhuần khắp,

Thấm ướt tâm thí chủ.

Được nổi tiếng, giàu có,

Và quả lớn Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1146. SÁNG TỐI[3447]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế nào, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có sanh trở lại dòng Bà-la-môn hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?"

Phật nói:

"Này Đại vương, sao được như vậy! Đại vương nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng.

"Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sanh vào nhà thuộc dòng thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bần cùng, đoản mạng, hình thể tiều tụy mà lại tu hành theo nghiệp thấp kém, cũng lại bị người hạ tiện sai khiến. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu[3448], bỏ ác lấy ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

"Thế nào là từ tối vào sáng? Người sanh vào nhà thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành; vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường lành, được hóa sanh cõi trời. Thí như người lên giường[3449], cỡi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

"Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đời sanh vào gia đình giàu sang khoái lạc như nhà dòng lớn Sát-đế-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn Trưởng giả, cùng sanh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp nhiều người thân quen, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, xuống voi lớn cưỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

"Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sanh vào nhà giàu sang vui vẻ,... *cho đến* hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... *cho đến* từ giường đến giường; người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Người bần cùng khốn khổ,

Không tín, thêm sân hận;

Tưởng tà ác, xan tham,

Si mê không cung kính.

Gặp Sa-môn, đạo sĩ,

Người đa văn, trì giới;

Hủy báng, không khen ngợi,

Ngăn người cho và nhận.

Những người như vậy đó,

Từ nay đến đời khác,

Sẽ đọa vào địa ngục;

Là từ tối vào tối.

Nếu có người bần cùng,

Tín tâm, ít sân hận;

Thường sanh tâm tàm quý,

Bố thí lìa keo bẩn.

Gặp Sa-môn, Phạm chí,

Người đa văn, trì giới;

Khiêm cung mà thưa hỏi,

Tùy nghi khéo cúng cấp.

Khuyên người nên bố thí,

Khen người cho và nhận.

Người tu thiện như vậy,

Từ nay đến đời khác.

Sanh đường lành cõi trời,

Là từ tối vào sáng.

Người giàu có khoái lạc,

Không tín, nhiều sân hận;

Tưởng ác, xan tham, tật,

Tà mê không cung kính.

Gặp Sa-môn, Phạm chí,

Hủy báng không khen ngợi;

Cản trở người bố thí,

Và ngăn người đến nhận.

Những người ác như vậy,

Từ nay đến đời sau,

Rơi vào khổ địa ngục;

Là từ sáng vào tối.

Nếu người giàu của cải,

Tín tâm, không sân hận;

Thường sanh tâm tàm quý,

Bố thí, lìa sân nhuế.

Gặp Sa-môn, Phạm chí,

Người đa văn, trì giới,

Trước nghinh tiếp thưa hỏi,

Tùy nghi cấp vật cần.

Khuyên người nên cúng dường,

Khen người cho và nhận.

Những người như thế đó,

Đời này đến đời sau,

Sanh cõi Tam thập tam,

Là từ sáng vào sáng.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1147. NÚI ĐÁ[3450]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm[3451], vua Ba-tư-nặc thân dính đầy bụi bặm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Phật hỏi:

"Đại vương từ đâu đến?"

Vua đáp:

"Bạch Thế Tôn, con theo pháp của Quán đảnh vương[3452], tự tại trong loài người[3453], tinh cần phương tiện, thống lĩnh cõi đất, thống lý vương sự, sau khi đi xem xét mọi nơi rồi đến đây."

Phật bảo Đại vương:

"Nay hỏi Đại vương, cứ tùy ý trả lời Ta. Thí như có người từ phương Đông lại, có tín, có duyên[3454], chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: 'Tôi từ phương Đông lại, thấy một núi đá, rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.' Từ phương Nam, Tây, Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: 'Tôi thấy một núi đá rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.' Ý Đại vương thế nào? Sự việc khủng bố, hiểm ác, chết chóc lớn lao như vậy xảy đến; vận của chúng sanh đã hết; sanh làm người thật khó. Đại vương sẽ phải tính sao?"

Vua bạch Phật:

"Nếu như vậy, thì không còn cách tính nào khác, chỉ còn cách tu thiện, chuyên tâm phương tiện nơi Pháp luật của Phật."

Phật bảo Đại vương:

“Cớ sao lại nói là những chuyện hiểm ác khủng bố chợt xảy đến cho đời, vận của chúng sanh đã hết, thân người khó được; chỉ còn phải thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, phải chuyên tinh phương tiện nơi giáo pháp của Phật? Vì sao không nói, địa vị của Quán đảnh vương, đứng đầu trên mọi người, uy quyền tự tại, thống lãnh đại địa, sự vụ, nhân dân để đối phó sự việc ấy?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đó là nói khi thanh bình, thì vương vị quán đảnh là đứng đầu mọi người, thống lãnh cõi đất, để doanh lý mọi việc. Dùng tài sản đấu tài sản. Dùng voi đấu voi. Dùng xe đấu xe. Dùng bộ đấu bộ. Hoặc thắng hoặc bại, ngay lúc đó không thể tự chủ. Cho nên, con nói đến khi sự việc hiểm ác khủng bố xảy đến, chúng sanh vận cùng, thân người khó được; khi đó không có kế nào khác, mà chỉ còn có thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, chuyên tâm quay về nương tựa nơi giáo pháp của Phật.”

Phật bảo Đại vương:

“Đúng thế! Đúng thế! Thường xuyên bị nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não nghiền nát chúng sanh, sẽ phải làm sao? Chính là phải tu nghĩa, tu phước, tu thiện, tu từ, ở trong Phật pháp tinh cần phương tiện.”

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Như có núi đá lớn,

Cao rộng không hoại khuyết;

Khắp từ bốn phương đến,

Nghiền nát đại địa này.

Không binh mã, chú thuật,

Sức mạnh để phòng ngự.

Kiếp ác, già, bệnh, chết,

Thường nghiền nát chúng sanh.

Bốn chủng tộc, dòng lớn,

Thợ săn, Chiên-đà-la,

Tại gia và xuất gia,

Người trì giới, phạm giới.

Tất cả bị nghiền nát,

Không ai cứu hộ được.

Cho nên người trí tuệ,

Quán sát lợi tự mình.

Kiến lập lòng tin sạch,

Tin Phật, Pháp, Tăng bảo;

Thân, khẩu, ý thanh tịnh,

Tùy thuận theo Chánh pháp.

Đời này được tiếng khen,

Mạng chung sanh lên trời.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1148. XÀ-KỲ-LA[3455]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Khi ấy có bảy người Ni-kiền Tử, bảy người Xà-kỳ-la[3456], bảy người Nhất-xá-la[3457], thân thể thô lớn, đang đi lượn quanh, rồi đứng trước của tinh xá Kỳ-hoàn. Vua Ba-tư-nặc từ xa trông thấy họ đang lượn quanh ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi ra trước cửa, chắp tay bạch hỏi và tự xưng tên ba lần: "Tôi là vua Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la."

Bấy giờ, Phật hỏi vua:

"Vì cớ gì, hôm nay bệ hạ lại cung kính những người đó, chắp tay thưa hỏi, ba lần xưng tên họ?"

Vua bạch Phật:

"Con tự nghĩ ở thế gian nếu có những vị A-la-hán, thì chính họ là những vị đó."

Phật dạy bảo vua Ba-tư-nặc:

"Này bệ hạ, thôi đủ rồi. Chính bệ hạ cũng không phân biệt được đó có phải là A-la-hán thật, hay không phải là A-la-hán, vì không có được tha tâm trí. Vả lại cần phải gần gũi, xem xét giới hạnh của họ[3458], một thời gian lâu mới có thể biết được; chớ tự quyết vội vàng. Hãy xem xét kỹ, không chỉ hời hợt[3459]; hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí. Phải kinh qua các khổ cực khó khăn, mới có khả năng tự mình biện biệt[3460], đối chiếu so sánh, thật giả sẽ phân biệt được. Thấy lời nói mới biết sự sáng suốt[3461], chứ không thể phân biệt vội vàng, cần phải dùng trí tuệ tư duy quán sát."

Vua bạch Phật:

“Lạ thay! Bạch Thế Tôn, khéo nói lý này. Phải tiếp xúc chuyện trò một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ... *cho đến* thấy sự nói năng hiểu biết rõ ràng.

“Con có người nhà cũng đi xuất gia. Mang hình tướng cũng như những người này, đi khắp các nước và khi trở về lại, khi cởi bỏ y phục kia, là trở lại hưởng thọ ngũ dục. Cho nên, nên biết, Thế Tôn nói đúng, nên cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ,... *cho đến* nói năng mà biết có trí tuệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Không do thấy hình tướng,

Biết thiện ác của người.

Không phải vừa gặp nhau,

Mà cùng đồng tâm chí.

Điều kín hiện thân, miệng,

Tâm tục không kiểm thúc;

Giống như miếng đồng xi[3462],

Thếp lên lớp vàng ròng.

Trong ôm lòng tạp mọn,

Ngoài hiện oai nghi Thánh;

Đi khắp các quốc độ,

Lừa dối khắp thế gian.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1149. BẢY VUA[3463]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đứng đầu vua Ba-tư-nặc cùng bảy vị quốc vương[3464] và các vị đại thần cùng họp nhau bàn luận như vầy:

"Trong ngũ dục, cái nào nhất?"

Có người nói:

"Sắc là nhất."

Lại có người nói:

"Thanh, hương, vị, xúc là nhất."

Trong đó có người nói:

"Chúng ta mỗi người đều cho của mình là nhất, rốt cùng không thể phán định. Hãy cùng nhau đến Thế Tôn, hỏi về nghĩa này. Cứ theo lời dạy Thế Tôn, sẽ cùng nhau ghi nhớ thọ trì."

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc dẫn đầu bảy vị quốc vương và các đại thần, quyến thuộc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con bảy vị quốc vương và các đại thần, bàn luận như vầy: 'Công năng năm thứ dục lạc, thứ nào hơn hết?' Trong số này, có người nói sắc là hơn hết; có người nói thanh là hơn hết; có người nói hương là hơn hết; có người nói vị là hơn hết; có người nói xúc là hơn hết. Cuối cùng không thể quyết định, nên đến hỏi Thế Tôn, rốt cùng cái nào hơn hết?"

Phật bảo các vua:

“Mỗi người đều nói lên theo ý thích của mình, còn Ta thì nói khác. Vì lý do này, Ta nói về năm công năng của dục. Nhưng đối với sắc, có người tự vừa ý, chỉ yêu mến một thứ sắc, là thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có những sắc đẹp hơn, nhưng không phải sở ái của họ, thì sẽ không đụng đến, không ngó ngàng đến. Nên chỉ nói thứ sắc sở ái của mình là nhất không còn sắc nào vượt lên trên nó. Như người yêu mến sắc; thanh, hương, vị, xúc cũng đều như vậy; những gì mình sở ái, thì liền cho đó là tối thắng, rồi hoan hỷ, ưa đắm. Cho dù có thứ vượt trên thứ đó nữa, nhưng vì không phải là sở dục của họ, nên họ không đụng đến, không ngó ngàng đến. Chỉ có những gì ta yêu là tối thắng tối diệu, không gì so sánh, không gì trên được.”

Bấy giờ giữa chúng có một Ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn[3465] từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay bạch Phật rằng:

“Thế Tôn khéo nói! Thiện Thệ khéo nói!”

Phật bảo Ưu-bà-tắc:

“Chiên-đàn khéo nói! Chiên-đàn, hãy nói đi!”

Khi ấy Ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng:

Vua Ương-già quý tộc,

Đeo ngọc, giáp anh lạc.

Dân Ma-kiệt vui họp,

Như Lai hiện nước này;

Tiếng đồn vang khắp nơi,

Như núi chúa Tuyết sơn;

Như hoa sen thanh tịnh,

Trong sạch không vết nhơ,

Nở theo ánh mặt trời,

Hương thơm xông khắp nước.

Hiện sáng nước Ương-kỳ[3466],

Như mặt trời giữa không.

Quán tuệ lực Như Lai,

Như đêm đốt đuốc sáng;

Là mắt, ánh sáng lớn,

Đến Người vì quyết nghi.

Khi ấy các quốc vương đều khen rằng:

"Ưu-bà-tắc Chiên-đàn khéo nói!"

Lúc này, bảy vị quốc vương cởi bảy cái áo báu tặng cho Chiên-đàn.

Sau khi bảy vị quốc vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi Ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết các vị quốc vương đã đi rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật:

"Hôm nay bảy vị quốc vương để lại cho con bảy cái áo thượng hảo hạng này, xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà nhận bảy cái áo này."

Bấy giờ, Thế Tôn vì lòng thương xót, nên nhận bảy cái áo đó, Ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1150. THỞ SUYỄN[3467]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, với thân thể mập lớn, mồ hôi ướt đẫm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, hơi thở hổn hển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương thân thể mập quá!”

Đại vương bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Con đang lo về cái thân quá mập và thường rất khổ sở, nhờm chán, hổ thẹn, vì cái thân mập béo này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Người nên tự cột niệm,

Khi ăn biết tiết độ;

Thì các thọ sẽ giảm,

Yên ổn mà sống lâu.

Khi ấy có một thiếu niên tên là Uất-đa-la[3468] ngồi giữa hội chúng. Vua Ba-tư-nặc nói với Uất-đa-la rằng:

“Khanh có thể ghi nhớ bài kệ vừa được nói này từ Thế Tôn, rồi đến mỗi bữa ăn đọc lên cho ta được không? Nếu được; ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và sẽ thường xuyên ban cho thức ăn.”

Uất-đa-la tâu vua:

“Xin vâng lời dạy. Tôi sẽ đọc!”

Sau khi vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Khi ấy Uất-đa-la biết vua đã đi rồi, đến trước Thế Tôn xin nhận bài kệ Phật đã nói. Khi vua ăn, cứ mỗi bữa vua ăn đều tụng lên, tâu rằng: "Đại vương, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói bài kệ này:

Người nên tự cột niệm,

Khi ăn biết tiết độ;

Thì các thọ sẽ giảm,

Yên ổn mà sống lâu.

Như vậy, từ đó trở đi, vua Ba-tư-nặc thân thể gầy thon lại, tướng mạo đoan chánh. Ở trên lầu, hướng về chỗ Phật ở, vua cung kính chắp tay quỳ sát đất, nói ra ba lần như vầy:

"Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đã ban cho con những lợi ích trong hiện tại và đời sau. Đời này, đời sau được lợi ích do biết tiết độ ăn uống."

---o0o---

KINH 1151. A-TU-LA[3469]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ.

Khi ấy có một thiếu niên A-tu-la[3470] đến chỗ Phật, ở trước Phật dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật[3471].

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không giận, thắng sân nhuế,

Lấy thiện phục bất thiện;

Bố thí phục keo kiệt,

Nói thật diệt nói dối.

Không mắng cũng không ngược,

Luôn trụ tâm Thánh hiền.

Người ác ôm sân hận,

Bất động như núi đá.

Kiềm giữ sân nhuế khởi,

Hơn giữ xe ngựa cuồng;

Ta nói đánh xe giỏi,

Không phải người cầm cương.

Bấy giờ, thiếu niên A-tu-la, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm dám trách mắng hủy nhục."

Sám hối như vậy xong, A-tu-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1152. TÂN-KỲ-CA[3472]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca[3473], đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lỵ, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kỳ-ca:

"Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?"

Tân-kỳ-ca bạch Phật:

"Có! Bạch Cù-đàm!"

Phật bảo Tân- kỳ:

"Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?"

Tân-kỳ bạch Phật:

"Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi."

Phật bảo Tân-kỳ:

"Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?"

Tân-kỳ bạch Phật:

"Như vậy, bạch Cù-đàm, tuy người kia không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi."

Phật bảo Tân-kỳ:

"Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được gọi là cho nhau?"

Tân-kỳ hỏi:

"Thế nào mới gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?"

Phật bảo Tân-kỳ:

"Hoặc sẽ như vầy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau[3474]. Lại nữa, Tân-kỳ, hoặc mắng không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là quà tặng nhau, không gọi là cho nhau."

Tân-kỳ bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, tôi nghe chuyện xưa có vị trưởng lão Bà-la-môn, kỳ cựu, được trọng vọng, là bậc Đại Sư hành đạo, nói: 'Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị người mạ nhục, sân nhuế, chỉ trích trước mặt, vẫn không sân, không giận.' Mà nay Cù-đàm có sân nhuế chăng?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sân sao có sân,

Chánh mạng để chế ngự;

Chánh trí, tâm giải thoát,

Người trí tuệ không sân.

Người lấy sân báo sân,

Thì chính là người ác;

Không lấy sân báo sân,

Chế ngự giặc khó chế.

Không sân thắng sân nhuế,

Ba kệ nói như trước.

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kỳ bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm dám nói ra lời trách mắng, sân si, thô ác, bất thiện."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1153. MẠ LỴ (1)[3475]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến dưới bóng mát giảng đường, đi kinh hành giữa khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá[3476], đến chỗ Phật, trước mặt Phật thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích. Thế Tôn kinh hành. Ông đi theo sau Thế Tôn. Khi Thế Tôn đã kinh hành xong, dừng lại một chỗ, Bà-la-môn nói:

"Cù-đàm! Bị thua chăng?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Người hơn liền thêm oán,

Người thua nằm không yên.

Hơn thua đều buông xả,

Là được ngủ an lành.

Bà-la-môn bạch:

"Bạch Cù-đàm, nay xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích!"

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1154. MẠ LỴ (2)[3477]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá[3478], vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu người không sân hận,

Thì mạ nhục đến đâu,

Vẫn sạch không dính nhơ,

Ác kia trở lại mình.

Giống như người tung bụi,

Ngược gió hoàn tự nhơ.

Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, sao ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời mạ lỵ, quở trách, thô ác, bất thiện!"

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

---o0o---

KINH 1155. TRÁI NGHĨA[3479]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi ấy có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa[3480], nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, tự nghĩ: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp và sẽ bẻ lại nghĩa." Nghĩ như vậy rồi, liền đến tinh xá tìm chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp cho vô lượng quyến thuộc đang vây quanh. Thế Tôn vừa thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đến, liền ngồi im lặng.

Bà-la-môn Vi Nghĩa bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, hãy thuyết pháp. Tôi mong muốn nghe."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bà-la-môn Vi Nghĩa,

Chưa thể hiểu nghĩa sâu.

Lòng giận hờn, ganh tị,

Muốn cản trở pháp thuyết.

Điều phục tâm chống đối,

Những ý dục bất tín;

Dứt các bản chướng ngăn,

Mới hiểu lời thâm diệu.

Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.'

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1156. BẤT HẠI[3481]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn Bất Hại[3482] đến chỗ Phật, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, tên con là Bất Hại, có xứng thật danh không?"

Phật bảo:

"Như thế này mới xứng thật danh: nếu thân bất hại, nếu miệng bất hại, nếu tâm bất hại thì mới xứng thật danh."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu thân không sát hại,

Cả khẩu, ý cũng vậy;

Thì đó lìa sát hại,

Không khủng bố chúng sanh.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bất Hại nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

---o0o---

KINH 1157. HỎA DŨ[3483]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi sáng, Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Lần lượt đi khất thực, đến nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ[3484]. Bà-la-môn vừa thấy Phật đến, liền bày đầy đủ các thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Hai ba ngày như vậy, lại đến nhà này khất thực, Bà-la-môn Hỏa Dữ vừa thấy Phật đến tự nghĩ: "Sa-môn đầu trọc sao lại đến mãi, vì tham thức ăn ngon chăng?"

Lúc ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ liền nói bài kệ:

Trời ngày nào cũng mưa,

Nông phu ngày đêm cày;

Thường xuyên gieo giống lúa,

Ruộng thâu lúa luôn luôn.

Như người thường mang thai.

Bò sữa mãi nhớ nghé.

Thường luôn có người xin,

Lúc nào cũng bố thí.

Vì luôn mãi bố thí,

Nên luôn nổi tiếng lớn.

Nhiều lần quăng thây chết,

Nhiều lần khóc tiếc thương.

Nhiều lần sanh rồi chết,

Nhiều lần khổ ưu, bi;

Nhiều lần lấy lửa đốt,

Nhiều lần bị trùng ăn.

Nếu được đạo Hiền thánh,

Không mãi thọ các hữu;

Cũng không mãi sanh tử,

Không mãi khổ ưu, bi.

Không luôn luôn lửa đốt,

Không mãi bị trùng ăn.

Sau khi Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe Phật nói kệ xong, khởi tín tâm trở lại và đem thức ăn cúng dường đầy bát Phật. Nhưng Thế Tôn không nhận vì nhân nói kệ mới được cúng. Lại nói kệ:

Nhân vì nói kệ pháp,

Không nên nhận thức ăn;

Nên quán sát tự pháp,

Thuyết pháp, không nhận ăn.

Bà-la-môn nên biết,

Đó là lối sống tịnh.

Nên cúng dường người khác,

Bậc Đại Tiên thuần tịnh,

Đã hết các hữu lậu,

Pháp nhơ đã đoạn tất;

Cúng dường các thức ăn,

Cho ruộng phước tốt này.

Người muốn cầu phước đức,

Thì ruộng Ta là tốt.

Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:

"Thức ăn này bây giờ nên để chỗ nào?"

Phật bảo:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời có thể ăn đồ tín thí này mà thân được an lạc. Ông nên đem thức ăn này bỏ vào nước không trùng và đất ít cỏ mọc."

Khi ấy Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không trùng. Nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Giống như hòn sắt nung đỏ bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Cũng lại như vậy, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Lúc đó, Hỏa Dữ Bà-la-môn khen rằng:

"Lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, thần lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thần biến."

Bấy giờ, Hỏa Dữ Bà-la-môn nhân thấy thức ăn thần biến này nên phát tâm kính tín, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con có thể được xuất gia, thọ giới cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể xuất gia, thọ cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp."

Bà-la-môn liền xuất gia và tự suy nghĩ đến lý do khiến những thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà... *cho đến* đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

---o0o---

KINH 1158. BÀ-TỨ-TRA[3485]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có một nữ Bà-la-môn là Bà-tứ-tra[3486], tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hồ nghi; đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đã dứt nghi hoặc, thấy đế, đắc quả, được tuệ vô gián[3487]. Chồng của bà là Bà-la-đậu-bà-giá thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Mỗi khi bà làm công việc gì mà có chút ít nên hay hư, đều niệm: "Nam-mô Phật", hướng về phương nào mà ở đó Như Lai đang trụ, chắp tay nói ba lần: "Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà[3488], thân chói sáng như vàng ròng, sáng xa một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, Đấng Mâu-ni khéo nói diệu pháp, là Thượng Thủ Tiên Nhân, là Đại Sư của con."

Bấy giờ người chồng Bà-la-môn nghe vậy, sân hận không vui, nói với vợ:

"Bà bị quỷ ám chăng? Không có lý này. Bà đã bỏ các vị đại đức Bà-la-môn tam minh[3489] mà đi xưng tán lão Sa-môn đầu trọc, phần tử hắc ám, mà đời không ai khen[3490]. Bây giờ tôi sẽ đến cùng tranh luận với Đại Sư của bà thì đủ biết ai hơn thua."

Người vợ nói với chồng:

"Tôi không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, các Thần và người đời mà ai có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân tròn đầy như cây

Ni-câu-luật, là Bậc Thượng Thủ Tiên Nhân, khéo nói pháp vi diệu, là Bậc Đại Sư của tôi. Nhưng bây giờ thì ông cứ đến đó để tự biết.”

Lúc ấy, Bà-la-môn liền đi đến chỗ Phật. Thăm hỏi ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Giết hại những thứ gì,

Mà giấc ngủ an ổn?

Giết hại những thứ gì;

Khiến tâm còn không lo?

Giết hại những thứ gì,

Được Cù-đàm khen ngợi?

Bậy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ Bà-la-môn, Ngài nói kệ:

Người giết hại sân hận,

Giấc ngủ được an ổn.

Người giết hại sân hận,

Thì tâm không còn lo.

Sân nhuế là rễ độc,

Hay hại hạt giống ngọt;

Người nào giết hại chúng,

Được Thánh hiền khen ngợi.

Nếu người nào hại chúng,

Tâm họ không còn lo.

Khi ấy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, được khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho vui mừng và lần lượt Ngài thuyết pháp. Nghĩa là nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sanh lên trời, nói về sự mê đắm dục vị là tai hoạn, phiền não; về thanh tịnh xuất yếu, viễn ly, tùy thuận phúc lợi thanh tịnh, phân biệt một cách rộng rãi. Giống như tấm vải trắng trong sạch dễ được nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá ngay tại chỗ ngồi, đối với bốn Thánh đế mà chứng đắc hiện quán[3491], thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bà-la-môn này thấy pháp, đắc pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, không do người khác độ. Đối với Chánh pháp luật được vô sở úy. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Hôm nay sau khi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng rồi, suốt đời con nguyện làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Trở về nhà mình, vợ ông Ưu-bà-di vừa thấy chồng về, liền thưa rằng:

"Ông đã cùng luận nghị với Thầy tôi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật là Thượng Thủ Tiên Nhân, Đấng Đại Mâu-ni khéo nói pháp phải không?"

Người chồng đáp:

"Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Quỷ thần hay người đời mà có thể luận nghị với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật, Bậc Tiên Nhân Thượng Thủ, khéo nói diệu pháp, là Đấng Mâu-ni, Đại Sư của bà. Bây giờ bà may cho tôi một pháp y tốt để tôi đem đến chỗ Thế Tôn xin xuất gia học đạo."

Lúc ấy, người vợ lấy xấp vải lụa trắng, sai may pháp y cho ông. Bà-la-môn cầm y đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con có thể xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, ở trong pháp của Thế Tôn được không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay, ông có thể xuất gia học đạo, tu các phạm hạnh, trong Pháp luật này."

Ông liền xuất gia, một mình ở chỗ vắng suy tư về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

---o0o---

KINH 1159. MA-CÙ [3492]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Ma-cù[3493] đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, ở nhà con thường hay bố thí. Nếu một người đến thì bố thí cho một người. Nếu hai người, ba người cho đến trăm ngàn, tất cả đều bố thí hết. Con bố thí như vậy có được nhiều phước không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông bố thí như vậy, thật được phước lớn. Vì sao? Vì ở nhà ông thường làm việc bố thí. Một người đến xin liền thí cho một người. Hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người đến xin, tất cả đều được thí cho, nên được phước lớn."

Lúc ấy, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ:

Tại gia thường tổ chức,

Bố thí cùng đại hội;

Nhờ việc bố thí này,

Muốn cầu công đức lớn.

Nay xin hỏi Mâu-ni,

Những hiểu biết của con;

Đồng sở kiến Phạm thiên?

Vì con phân biệt nói.

Làm sao để giải thoát,

Về đường lành thắng diệu?

Phương tiện nào để tu,

Được sanh về Phạm thế?

Tùy vui bố thí gì,

Sanh Phạm thiên thù thắng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người lập đại hội thí,

Tùy sở thích bố thí kia,

Tâm tịnh tín, hoan hỷ,

Duyên vào công đức lành.

Nhờ sự kiến lập đó,

Mong xa lìa lỗi ác;

Xa lìa nơi tham dục,

Tâm kia khéo giải thoát.

Tu tập nơi lòng từ,

Công đức này vô lượng.

Huống lại thêm chí thành,

Mở đại hội thí khắp.

Nếu ở trong hội này,

Có được các tâm lành;

Hướng đến khéo giải thoát,

Hoặc đến đường thuần thiện.

Nhân thù thắng như vậy,

Được sanh về Phạm thiên;

Người bố thí như vậy,

Nhờ tâm kia bình đẳng.

Nên sanh về Phạm thế,

Thọ mạng được lâu dài.

Sau khi Bà-la-môn Ma-cù nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1160. CẦM LỌNG VÀNG[3494]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn theo tùy tùng cầm lọng hoa[3495], mang xá-lặc[3496], đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Nếu phi Bà-la-môn,

Sở hành không thanh tịnh[3497].

Sát-lợi tu khổ hạnh,

Cúng trái ngược với tịnh.

Bà-la-môn Ba kinh[3498]:

Đây mới là thanh tịnh;

Người thanh tịnh như vậy,

Chúng sanh khác không có.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Không biết đạo thanh tịnh,

Và các tịnh vô thượng;

Ai tìm tịnh nơi khác,

Cuối cùng không được tịnh.

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chăng? Thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chánh kiến là đạo thanh tịnh. Tu tập, tu tập nhiều chánh kiến, sẽ đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đã đoạn hẳn tham dục, đã đoạn hẳn sân nhuế, si mê, dứt hẳn hết cả phiền não, thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Sau khi tu tập, tu tập nhiều về chánh định, đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si và đoạn trừ hẳn tất cả phiền não thì gọi là thanh tịnh vô thượng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chăng? Bạch Cù-đàm, thế gian nhiều việc nay con xin kiếu từ trở về.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nên biết đúng thời.”

Bà-la-môn dẫn tùy tùng cầm lọng hoa, mang xá-lặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1161. LA-HÁN PHÁP[3499]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Thế nào là Thi-la?

Thế nào là oai nghi?

Thế nào là công đức?

Thế nào gọi là nghiệp?

Thành tựu những pháp nào,

Bà-la-môn La-hán?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trí nhớ biết túc mạng,

Thấy sanh thiên, đường dữ;

Các thọ sanh đã đoạn,

Mâu-ni minh quyết định[3500].

Biết tâm khéo giải thoát,

Giải thoát tất cả tham;

Đầy đủ cả ba minh,

Ba minh Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1162. VỢ CHỒNG GIÀ[3501]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, có Tôn giả A-nan đi theo sau Thế Tôn.

Khi ấy có hai lão nam nữ là vợ chồng, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu. Họ đến đầu ngõ hẻm, chỗ đốt phân rác, cùng ngồi chồm hỗm hơ lửa. Thế Tôn thấy hai vợ chồng già này, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm. Thấy rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Ông có thấy hai vợ chồng kia, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, cùng ngồi chồm hỗm hơ lửa, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo A-nan:

"Hai vợ chồng già này, vào thời thiếu niên, thân thể tráng kiện, nếu siêng năng tìm cầu tài vật, cũng có thể là gia chủ giàu có nhất trong thành Xá-vệ. Còn nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tinh cần tu tập, thì cũng có thể chứng được thượng quả đệ nhất A-la-hán. Nếu ở giữa phần hai cuộc đời còn tráng kiện, siêng năng tìm cầu tài vật thì cũng có thể trở thành người giàu thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả A-na-hàm. Nếu ở giữa phần ba trung niên, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tư-đà-hàm. Nếu ở phần thứ tư, khi tuổi già, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ tư trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo

bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhưng ngày hôm nay, họ tuổi già, các căn suy yếu, không có tiền của, không có phương tiện, không có khả năng; lại không thể kham năng nếu có tìm kiếm tiền của, cũng không có cách nào để chứng đắc Pháp thượng nhân được.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Vì không hành phạm hạnh;

Nên niên thiếu không của;

Suy nghĩ việc xa xưa,

Ngủ đất như cung cong.

Không tu hành phạm hạnh;

Niên thiếu không tài sản;

Giống như chim hạc già,

Chờ chết nơi đầm hoang.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

---o0o---

KINH 1163. GIÀ CHẾT[3502]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói như trên chỉ có khác ở bài kệ:

Hoại diệt bởi già chết,

Thân và cảm thọ diệt.

Chỉ có phước bố thí,

Là tư lương theo mình.

Nhiếp hộ nương vào thiện,

Và tu thiền công đức.

Tùy sức mà bố thí,

Tiền tài và ẩm thực.

Tỉnh thức giữa đám mê,

Không phải sống luống không.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 43

KINH 1164. BÀ-LA-DIÊN[3503]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, có số đông các Tỳ-kheo[3504] tụ tập tại giảng đường bàn luận như vầy:

"Chư Tôn, như lời Đức Thế Tôn đã đáp cho câu hỏi Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc[3505]:

Nếu người biết nhị biên,

Không dính mắc khoảng giữa;

Được gọi Đại trượng phu,

Không mê luyến ngũ dục,

Thoát chỉ khâu ưu phiền[3506].

"Chư Tôn, những câu này có nghĩa gì? Thế nào là biên? Thế nào là hai biên? Thế nào là giữa? Thế nào là thợ khâu? Thế nào là tư, do trí mới biết, bằng liễu tri mà liễu tri; khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tột mé khổ, thoát khỏi khổ?"

Có người đáp:

"Sáu nội nhập xứ là một biên; sáu ngoại nhập xứ là biên thứ hai; thọ là ở giữa; ái là thợ khâu. Thân cận với ái[3507], rồi do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh[3508]. Những pháp này do trí mà biết, do liễu tri mà liễu tri. Khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tột mé khổ, mới thoát khỏi khổ."

Lại có người nói:

"Đời quá khứ là một biên; đời vị lai là biên thứ hai; đời hiện tại là giữa; ái là thợ khâu. Tập cận những ái này, do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

"Thọ lạc là một biên; thọ khổ là biên thứ hai; không khổ không lạc là giữa; ái là thợ khâu. Tập cận những ái này, tự thân sở đắc do chúng lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

“Hữu là một biên; tập là biên thứ hai; thọ là giữa; ái là thợ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Thân là một biên; thân tập là biên thứ hai; ái là thợ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Tất cả những gì chúng ta nói ra không giống nhau, chỉ đưa ra những dị thuyết, không hy vọng gì để hiểu được. Thế Tôn nói gì khác trong kinh “Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc”? Chúng ta nên đến Thế Tôn bạch hỏi, như những gì Thế Tôn dạy, chúng ta phụng trì.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế nào, bạch Thế Tôn, có những thuyết khác nhau về kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường, bàn luận như vầy: ‘Những gì mà Thế Tôn đã dạy trong kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, về hai biên... *cho đến* thoát khổ.’ Có người bảo: ‘Nội lục nhập xứ là một biên, ngoại lục nhập xứ là biên thứ hai, thọ ở giữa, ái là thợ khâu. Nói đầy đủ như trước. Tất cả đều không quyết định được, nên hôm nay chúng con đến đây thỉnh vấn Thế Tôn về những nghĩa này. Những gì chúng con nói, ai là người nào nói đúng nghĩa?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Những gì các ông đã nói đều là khéo nói. Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về kinh khác. Ta đã vì Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc, có nói kinh khác. Xúc là một biên; xúc tập là biên thứ hai; thọ[3509] là ở giữa; ái là thợ khâu. Sau khi đã tập cận ái rồi, thân này thân kia duyên vào đó mà tăng trưởng xuất sanh. Đối với pháp này, do trí mới biết, do liễu tri mà liễu tri. Do được biết bởi trí, liễu tri bởi liễu tri, mà tột cùng mé khổ, thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1165. TÂN-ĐẦU LÔ[3510]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Tân-đầu-lô[3511] ở trong vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di. Bấy giờ, có Quốc vương Bà-sa tên Ưu-đà-diên-na[3512], đến chỗ Tôn giả Tân-đầu-lô. Thăm hỏi nhau xong, ngồi lui qua một bên, Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na bạch Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để đáp cho không?"

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

"Này Đại vương, Đại vương cứ hỏi, điều gì biết tôi sẽ đáp."

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Nhân gì, duyên gì, mà các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia chưa lâu ở trong Pháp luật này, sống rất an lạc, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi tốt, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống[3513], tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất?"

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

"Như những gì Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: 'Tỳ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi mát, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất."

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Hiện tại người thế gian, tâm tham cầu, dù có gặp người lớn tuổi coi như mẹ, trung niên coi như chị, non trẻ coi như con. Nhưng lúc đó tâm họ cũng theo sự thiêu đốt của tham dục, sân nhuế, ngu si mà khởi lên. Còn có nhân duyên nào đặc biệt hơn không?"

Tôn giả Tân-đầu-lô nói với quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na:

“Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Thân này từ chân đến đỉnh đầu, bộ xương được trét bởi thịt, được che đậy bởi một lớp da mỏng, trong đó chứa dẫy đầy những thứ bất tịnh. Quán sát tất cả: tóc, lông, móng, răng, bụi dơ, nước dãi, da, thịt, xương trắng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, ruột non, ruột già, bào, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mỡ, tủy, đàm âm, mủ, máu, dịch não, phẩn, nước tiểu[3514].’ Này Đại vương, vì nhân này, duyên này, nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này, vẫn sống an lạc, an ổn... *cho đến* thanh tịnh tràn đầy thuần nhất.”

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Tâm người hay phiêu nhanh. Nếu quán bất tịnh, có khi sẽ theo tưởng tịnh mà hiện. Vậy còn có nhân duyên nào khiến cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này, sống an lạc, an ổn... *cho đến* thanh tịnh tràn đầy thuần nhất không?”

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

“Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Các ông nên giữ gìn các căn môn, khéo thu nhiếp tâm mình. Nếu mắt thấy sắc, chớ nắm bắt sắc tướng, chớ nắm bắt hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ[3515]. Nếu đối với mắt mà không an trụ với sự thúc liễm, những pháp ác bất thiện tham ưu thế gian sẽ lọt vào tâm mình. Cho nên các ông phải giữ gìn luật nghi của mắt. Đối tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy,... *cho đến* giữ gìn luật nghi của ý.”

Bấy giờ quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Lành thay! Khéo nói Pháp,... cho đến giữ gìn luật nghi các căn. Bạch Tôn giả Tân-đầu-lô, tôi cũng như vậy, có khi không giữ gìn thân, không giữ gìn luật nghi các căn, khi vào cung không nhất niệm, thì tâm mình sanh ra tham dục hừng hực, ngu si thiêu đốt. Ngay khi đóng cửa phòng ở một mình, ba độc cũng lại thiêu đốt tâm mình, huống lại là ở trong cung. Lại có lúc tôi khéo nhiếp hộ được các căn, nhiếp hộ được thân mình, chuyên tâm nhất niệm, thì khi vào trong cung, tham dục, nhuế, si không còn dấy khởi thiêu đốt tâm mình; khi ở trong cung nội còn không bị thiêu đốt thân tâm, huống chi là khi ở một mình. Vì vậy cho nên do nhân này, do duyên này hay khiến

cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn,... cho đến thanh tịnh tràn đầy thuần nhất.”

Sau khi quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1166. VÍ DỤ TAY CHÂN[3516]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì có tay, nên biết có lấy bỏ. Vì có chân nên biết có tới lui. Vì có các khớp nên biết có co duỗi. Vì có bụng nên biết có đói khát. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vì có mắt nên có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, nếu không tay thì không biết lấy bỏ. Nếu không chân thì không biết tới lui. Nếu không có các khớp thì không biết co duỗi. Nếu không có bụng thì không biết đói khát. Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu không có mắt thì không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1167. CON RÙA[3517]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, có đám cỏ trong sông và có con rùa sống trong bụi cỏ ấy[3518].Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn. Vừa thấy con rùa, nó vội nhảy tới vồ lấy. Con rùa thấy vậy, liền thu hết đầu đuôi và bốn chân vào

trong mai[3519]. Dã can canh đợi con rùa thò đầu, chân ra là chụp ăn liền. Nhưng chờ lâu quá, mà nhất định rùa không thò đầu và chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi.

"Này các Tỳ-kheo, ngày nay các ông cũng lại biết như vậy. Ma Ba-tuần luôn luôn dò xét tìm cơ hội bên các ông. Mong đợi mắt các ông đắm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp mà xúi dục sanh tâm đắm nhiễm sáu trần. Cho nên Tỳ-kheo, các ông phải luôn luôn giữ gìn luật nghi của mắt. Khi đã giữ gìn an trụ nơi luật nghi của mắt rồi, dù mắt có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa thì ác Ma Ba-tuần cũng không thể tìm được cơ hội. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Dù sáu căn kia có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa, thì chúng cũng không thể tìm được tiện lợi. Giống như con rùa, dã can không thể tìm được cơ hội nào."

Bấy giờ Phật liền nói kệ:

Rùa vì sợ dã can,

Dấu thân vào trong mai.

Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm,

Dấu kín các giác tưởng.

Không nương, không sợ hãi[3520],

Kín tâm, chớ nói năng.[3521]

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1168. LÚA[3522]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như lúa[3523] đặt ở ngã tư đường, có sáu tráng niên cầm chày giã, trong chốc lát nát ra như bụi. Rồi người thứ bảy cầm chày giã lại. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, đống lúa đã bị sáu người giã, rồi người thứ bảy giã lại, lúc này bị nát nhừ phải không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật dạy:

"Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si bị sáu xúc nhập xứ nện đả. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường nện đả. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ thường nện đả. Người ngu si kia, tuy bị sáu xúc nhập xứ nện đả, nhưng vẫn còn ý niệm mong cầu sanh hữu đời vị lai[3524], như người thứ bảy giã lại cho nát thêm.

"Này các Tỳ-kheo, nếu nói là ngã[3525], đó là dao động; nói là ngã sở, đó là dao động; vị lai sẽ hiện hữu, đó là dao động; vị lai sẽ không hiện hữu, đó là dao động; sẽ lại có sắc, đó là dao động[3526]; sẽ lại không sắc, đó là dao động; sẽ lại có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, đó là dao động. Vì dao động nên là bệnh, vì dao động nên là ung nhọt, vì dao động nên là gai nhọn, vì dao động nên là dính mắc. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an trụ, cột niệm, chánh trí. Giống như dao động, tư lương, hư cuống[3527]cũng như vậy.

"Vì có hành do ái. Nói ngã, đó là ái[3528]; nói ngã sở, đó là ái; nói vị lai sẽ hiện hữu, đó là ái; nói vị lai sẽ không hiện hữu, đó là ái; nói sẽ có sắc, đó là ái; nói sẽ không có sắc, đó là ái; nói sẽ có tưởng, đó là ái; nói sẽ không tưởng, đó là ái; nói sẽ chẳng phải tưởng, chẳng phải không tưởng, đó là ái. Vì ái nên là bệnh, vì ái nên là ung nhọt, vì ái nên là gai nhọn. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an tru, cột niệm, chánh trí.

"Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, A-tu-la đem quân chiến đấu với Đế Thích. Khi ấy Thiên đế Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng: 'Hôm nay chư Thiên cùng chiến đấu với A-tu-la. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la thua,

thì hãy bắt sống vua A-tu-la, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung trời.' Vua A-tu-la cũng nói với binh chúng mình: 'Hôm nay A-tu-la cùng chiến đấu với chư Thiên. Nếu A-tu-la thắng, chư Thiên thua, thì hãy bắt sống Thiên đế Thích, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung A-tu-la.'

"Trong lúc đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-la thua. Bấy giờ chư Thiên Tam thập tam bắt sống được vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, trói năm chỗ, đem về cung trời. Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, thân bị trói năm chỗ, được đặt trên điện Chánh pháp, cho hưởng thụ năm thứ dục lạc của chư Thiên. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự nghĩ: 'Chư Thiên tuy là giỏi, nhưng chỉ có A-tu-la là hiền thiện thông tuệ hơn. Nay ta sẽ trở về cung A-tu-la.' Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy thân mình năm chỗ bị dây ấy cột chặt lại, ngũ dục của chư Thiên tự nhiên biến mất.

"Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nghĩ: 'A-tu-la tuy giỏi, nhưng chư Thiên hiền thiện trí tuệ và sáng suốt hơn, nay ta sẽ ở lại cung trời này.' Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy năm chỗ thân mình dây lỏng ra, ngũ dục chư Thiên tự nhiên xuất hiện trở lại.

"Tuy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị sự cột trói vi tế như vậy, nhưng sự cột trói của Ma Ba-tuần càng vi tế hơn. Khi tâm bị dao động, thì liền theo đó bị ma cột. Tâm không dao động thì cũng liền theo đó ma cởi ra. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn trụ vào tâm không dao động, chánh niệm, chánh trí. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1169. CÂY ĐÀN[3529]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di, Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào, ở nơi sắc được nhận thức bởi con mắt mà phát sanh hoặc dục[3530], hoặc thèm muốn, hoặc ái niệm, hoặc chỗ bị quyết định đắm trước[3531]; đối với những tâm như vậy, phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều là con đường đưa đến sợ hãi, có chướng

nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, không phải chỗ nương tựa của người thiện. Cho nên, phải tự phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Thí như người nông phu có đám mạ tốt, mà người giữ ruộng thì lười biếng, buông lung, để trâu vào ăn lúa mạ. Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, sáu xúc nhập xứ… cho đến buông lung cũng lại như vậy.

“Đám mạ tốt, nếu người giữ ruộng tâm không buông lung, thì trâu không ăn được. Giả sử có vào ruộng cũng bị đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn, đối với công năng ngũ dục phải khéo tự nhiếp hộ, tĩnh chỉ hết, khiến cho diệt tận.

“Đám mạ tốt, người giữ ruộng không tự buông lung, thì nếu trâu vào ruộng, sẽ dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nện sả vào thân, đuổi ra khỏi ruộng. Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị thống khổ vậy rồi, thì từ làng về nhà, từ nhà ra làng, có còn dám ăn lúa mạ non như lỗi trước không?”

Đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì nó nhớ lần trước vào ruộng, đã bị cái đau khổ bởi roi vọt.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn đối với sáu xúc nhập xứ cực kỳ sanh lòng yểm ly, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm.

“Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ có ông vua nghe tiếng đàn hay chưa từng có được, nên sanh yêu thích, say mê, chìm đắm. Vua hỏi các vị đại thần rằng: ‘Đó là những âm thanh gì mà nghe khả ái quá vậy?’ Đại thần tâu: ‘Tâu bệ hạ, đó là những tiếng đàn.’ Vua nói với đại thần: ‘Khanh hãy đem những âm thanh đó đến đây.’ Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: ‘Tâu đại vương, đây chính là cây đàn đã tạo ra âm thanh hay.’ Vua nói đại thần: ‘Ta không cần cây đàn, mà chỉ cần đem những âm thanh khả ái đã nghe lần trước đến.’ Đại thần tâu: ‘Cây đàn này cần phải có nhiều thứ, là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da và người đàn giỏi. Cần phải hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh. Nếu thiếu đi những dụng cụ này thì sẽ không có được âm thanh. Âm thanh mà bệ hạ đã nghe trước đây đã qua lâu rồi, chúng đã biến chuyển và cũng đã diệt mất rồi, không thể đem đến được.’ Lúc ấy, nhà vua tự nghĩ: ‘Ôi! Cần gì vật hư ngụy này! Đàn ở thế gian là vật

hư ngụy, mà khiến cho người đời say đắm vậy sao? Bây giờ các khanh hãy đem chẻ ra từng mảnh, rồi vất bỏ khắp mười phương.' Các đại thần vâng lệnh, chẻ ra thành trăm mảnh, ném khắp mọi nơi.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu đối với sắc, thọ, tưởng, tư, dục; biết những pháp này là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh, rồi liền cho là ngã, ngã sở. Những thứ ấy, ở vào lúc khác, tất cả đều không. Này các Tỳ-kheo, hãy bằng chánh trí bình đẳng như vậy mà quán sát như thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1170. CÙI HỦI[3532]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người bị bệnh hủi, tay chân bị thương lở loét. Nếu vào cỏ tranh, sẽ bị những lá nhọn như mũi kim đâm chích bị thương, đau khổ vô cùng. Cũng vậy, phàm phu ngu si, sáu xúc nhập xứ chịu những sự đau khổ cũng lại như vậy. Giống như người bị hủi kia bị lá cỏ nhọn đâm bị thương, máu mủ chảy ra. Cũng vậy, phàm phu ngu si, tánh tình thô bạo, xấu xa, bị xúc bởi sáu xúc nhập xứ, liền nổi sân nhuế, lời thô tiếng ác tuôn ra, như người bị phong hủi kia. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học, tâm như phong hủi.

"Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và bất luật nghi[3533]. Thế nào là luật nghi và thế nào là bất luật nghi?

"Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, đối sắc đáng nhớ thì khởi lên tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi lên sân nhuế. Từ nơi đó, lần lượt phát sanh ra nhiều giác tưởng tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không thể trừ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này Tỳ-kheo, đó gọi là bất luật nghi.

"Thế nào gọi là luật nghi? Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ không khởi tưởng dục, với sắc không đáng nhớ không khởi tưởng sân nhuế, lần lượt cũng không khởi những giác tưởng tương tục trụ[3534] và thấy

sắc là lỗi lầm; vì đã thấy lỗi lầm nên phải lìa bỏ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là luật nghi.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1171. SÁU CHÚNG SANH[3535]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như người dạo trong căn nhà trống, bắt được sáu loài chúng sanh. Đầu tiên được con chó, liền bắt nó cột một chỗ. Kế đến được con chim, rồi được rắn độc, dã can, thất-thâu-ma-la[3536] và con khỉ. Sau khi bắt được những chúng sanh này, tất cả đều bị cột một chỗ. Con chó muốn vào làng; chim luôn muốn bay lên không; rắn luôn muốn bò vào hang; dã can muốn đến gò mả; thất-thâu-ma-la lúc nào cũng muốn vào biển; con khỉ muốn vào rừng núi. Sáu con vật này đều bị cột một chỗ, nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi con đều muốn đến chỗ an ổn, không con nào thích bị cột vào chỗ mà nó không ưa thích, nên mỗi con tự dùng sức để trở về chỗ ưa thích của mình, mà không thể thoát được.

“Cũng vậy, sáu căn có cảnh giới riêng của chúng, mỗi mỗi tự tìm đến cảnh giới ưa thích của nó, không ưa cảnh giới khác. Như mắt thường tìm đến sắc khả ái, nếu là sắc không vừa ý thì sẽ sanh ra chán. Tai thường tìm âm thanh vừa ý, nếu là âm thanh không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Mũi thường tìm mùi vừa ý, nếu là mùi không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Lưỡi thường tìm vị vừa ý, nếu là vị không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Thân thường tìm chạm vật vừa ý, nếu xúc chạm vật không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Ý thường tìm đến pháp vừa ý, nếu là pháp không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Sáu căn này có bao nhiêu hành xứ, cảnh giới khác nhau, mỗi cái không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này, chúng có cái lực kham năng tự tại mà lãnh thọ cảnh giới của mình. Như người kia, cột sáu con vật vào cây cột bền chắc, cho dù chúng có dùng sức muốn thoát ra theo ý mình mà đi, nhưng lui tới chỉ mệt nhọc, vì đã bị dây cột, cuối cùng cũng bị dính vào cây trụ.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn vì các ông hiển bày nghĩa ấy. Sáu con vật là dụ cho sáu căn. Cây trụ chắc là dụ cho thân niệm xứ[3537]. Nếu thân niệm xứ được khéo tu tập, có niệm, không niệm sắc, thấy sắc khả ái thì không sanh đắm, sắc không khả ái thì không sanh chán. Tai đối với tiếng; mũi đối với mùi; lưỡi đối với vị; thân đối với xúc; ý đối với pháp, … đối với pháp khả ái, thì không tìm cầu ưa muốn; với pháp không khả ái thì không sanh chán. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải siêng năng tu tập nhiều về thân niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1172. RẮN ĐỘC[3538]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có bốn con rắn hổ hung ác, độc nghiệt, đựng trong một cái tráp. Bấy giờ có một người thông minh, không ngu si, có trí tuệ, tìm lạc, nhàm khổ, cầu sống chán chết. Khi ấy, có một người kia nói với người này rằng: 'Nay, anh giữ cái tráp đựng rắn độc này. Hãy lau chùi, tắm rửa cho chúng; gần gũi, cho chúng ăn. Thỉnh thoảng, cho chúng ra, vào. Nếu bốn con rắn này thoát ra, thì rất có hại, hoặc có thể cắn chết, hoặc gần chết. Bạn hãy coi chừng.'

"Bấy giờ, người này sợ hãi bỏ chạy. Bỗng có năm kẻ oán thù cầm đao rượt theo muốn bắt giết: 'Này bạn, hãy đề phòng.' Trong lúc anh đang sợ bốn con rắn độc và năm kẻ oán thù hoa đao nên ruổi chạy, thì người kia lại nói: 'Này bạn, bên trong còn có sáu tên giặc đang đuổi theo rình rập anh. Nếu bắt được, chúng nó sẽ giết. Anh nên đề phòng.'

"Bấy giờ, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy, lại trở vào trong xóm vắng. Thấy một căn nhà trống mục nát nguy hoại kia, với những đồ vật xấu ác, dòn tan, dễ vỡ, không có gì chắc thật. Người kia lại nói: 'Này bạn, thôn xóm vắng vẻ này sẽ có bọn giặc đến. Chúng sẽ hại anh.'

“Khi ấy, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm tên giặc hoa đao, sáu tên giặc dữ bên trong và một đám giặc trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường, dòng nước sâu đang chảy siết, chỉ thấy bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, còn thấy bờ bên kia an ổn khoái lạc, mát mẻ, không có sợ hãi. Nhưng không có cầu, thuyền để đưa qua được đến bờ kia. Anh ta tự nghĩ: ‘Ta hãy lấy cây cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện vượt qua bên kia sông.’ Nghĩ như vậy rồi, liền thâu thập cây cỏ, tại cạnh bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang ngang. Như vậy, người này thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù hoa đao, sáu tên giặc ác bên trong và lại thoát được bọn giặc nơi xóm vắng; vượt qua khỏi dòng sâu, bỏ lại mọi sự sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an ổn, khoái lạc.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ đó là để giải thích nghĩa này:

“Cái tráp là dụ cho sắc thân gồm bốn đại thô và sở tạo của bốn đại phù này, thể tinh huyết, được được nuôi lớn bằng các thức ăn tạp uế, tắm rửa, y phục. Đó là những pháp mong manh, biến hoại, vô thường.

“Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần chết. Đối với nước, lửa, gió cạnh tranh nhau cũng lại như vậy. Năm kẻ oán thù cầm đao là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam tử, hãy quán sát mắt nhập xứ là vô thường, biến hoại. Sự chấp thủ mắt cũng là pháp vô thường hư ngụy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ cũng lại như vậy.

“Bọn giặc nơi xóm vắng là dụ cho sáu nhập xứ bên ngoài. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối xúc, … ý đối pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại.

“Dòng nước xiết dụ cho bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

“Con sông dụ cho ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

“Bờ bên này nhiều sợ hãi dụ cho hữu thân. Bờ bên kia mát mẻ, an lạc dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho Bát chánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang sông dụ cho tinh tấn dõng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Như vậy, các Tỳ-kheo, Đại Sư từ bi, an ủi đệ tử. Những gì cần làm Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm những gì cần làm. Hoặc dưới bóng cây vắng vẻ, hay nơi phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, xa lìa tất cả, tinh cần thiền tư, cẩn thận chớ buông lung mà sau này hối hận. Đây là giáo giới của Ta."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1173. KHỔ PHÁP[3539]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật, đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa. Sau khi quán sát ngũ dục như vậy rồi, ở nơi ngũ dục mà dục tham, dục ái, dục niệm, dục trước[3540] vĩnh viễn không còn che đậy tâm; biết hành xứ và trụ xứ của dục tâm kia mà tự phòng hộ. Sau khi hành xứ, trụ xứ đã được phòng hộ, đóng chặt cửa rồi, pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian không tùy theo hành xứ và trụ xứ kia mà lọt vào tâm mình.

"Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly? Thánh đệ tử đa văn biết như thật về Khổ Thánh đế này; biết như thật về Khổ tập này, về Khổ diệt này, về Khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Đó gọi là Thánh đệ tử đa văn biết như thật tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly.

"Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,… cho đến các pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa?

"Thí như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu đựng đầy lửa, không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa lạc, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông tự nghĩ: 'Ở đây có cái hầm đựng đầy lửa, nếu ta rơi vào trong đó chắc chắn phải chết không còn nghi nữa.' Người kia phát sanh sự tránh xa, nghĩ tránh xa, muốn tránh xa. Cũng vậy, Thánh đệ

tử đa văn thấy ngũ dục như hầm lửa… cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậy tâm. Nếu hành xứ, trụ xứ mà được phòng hộ trước, biết trước… cho đến các pháp ác bất thiện tham ưu thế gian không còn lọt vào tâm.

"Thí như bên cạnh thôn xóm có khu rừng nại[3541] nhiều cây gai nhọn. Khi ấy có người vào rừng có công việc. Sau khi vào rừng, thấy trước sau, phải trái, trên dưới hoàn toàn là gai nhọn. Bấy giờ người kia chánh niệm mà đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người. Vì sao? Vì không để gai nhọn làm tổn thương thân mình. Thánh đệ tử đa văn cũng lại như vậy. Nếu y tựa nơi làng xóm, thành ấp; sáng sớm đắp y, ôm bát vào xóm khất thực, phải khéo nhiếp hộ thân và giữ gìn tâm mình, chánh niệm an trú, chánh niệm mà đi, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm quán sát. Vì sao? Vì không để cho gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Thế nào là gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật? Là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm tổn thương đến Thánh pháp luật.

"Thế nào là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ, lại làm tổn thương đến Thánh pháp luật? Đó là năm công năng của dục. Mắt nhận thức thấy sắc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc; tai nhận thức nghe tiếng; mũi nhận thức ngửi mùi; lưỡi nhận thức nếm vị; thân nhận thức tiếp xúc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là sắc đáng yêu, nhớ, làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Đó cũng gọi là Thánh đệ tử đa văn phòng hộ trước và biết trước chỗ hành xứ và trú xứ,… cho đến không để các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian lọt vào tâm.

"Hoặc khi Thánh đệ tử đa văn mất chánh niệm, sanh ra giác ác bất thiện, nuôi lớn tham dục, sân nhuế, ngu si. Đó là Thánh đệ tử đa văn thuộc độn căn[3542]. Tuy khởi tập, diệt nhưng bị dục che đậy tâm. Giống như hòn sắt nóng đỏ rực, dùng vài giọt nước nhỏ xuống liền khô mất. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn độn căn sanh niệm cũng liền diệt mất như vậy.

"Thánh đệ tử đa văn đi như vậy, đứng như vậy. Nếu quốc vương hay đại thần đến chỗ họ dùng bổng lộc để mời dụ rằng: 'Này người nam, cần gì phải cạo bỏ râu tóc, mang đồ sành, thân mặc áo ca-sa, đi xin ăn từng nhà? Sao bằng an úy hành ngũ dục lạc, bố thí làm phước'.

"Thế nào, Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đa văn có vì bổng lộc mời dụ của các thân tộc, đàn việt, đại thần, quốc vương mà họ sẽ hoàn giới thoái giảm không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì Thánh đệ tử đa văn đã thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa,… cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa, nhờ đã phòng hộ trước và biết trước những hành xứ và trú xứ của phiền não,… cho đến các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, không còn lọt vào tâm mình. Nếu quốc vương, đại thần hay thân tộc dùng bổng lộc mời dụ người ấy hoàn giới thoái giảm thì điều này không thể có được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Thánh đệ tử đa văn từ lâu tâm xuôi về, rót về, đổ dốc về, hướng đến viễn ly, hướng đến ly dục, hướng đến Niết-bàn tịch tĩnh xả ly, vui nơi Niết-bàn; ở nơi hữu lậu đã được dập tắt, được làm mát nguội. Nếu bị quốc vương, gia chủ hay thân tộc dùng bổng lộc mời dụ để hoàn giới thoái giảm, chịu khổ lớn khác, thì điều này không thể có được. Giống như sông Hằng luôn luôn xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Đông[3543]. Có nhiều người ngăn nó, muốn nó xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Tây thì có được không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không thể. Vì sao? Vì dòng nước sông Hằng đã lâu ngày chảy về phương Đông mà muốn nó chảy về phương Tây thì không thể được. Những người kia, họ sẽ chịu khổ cực!"

"Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn đã lâu ngày tâm xuôi về, rót về, đổ dốc về, hướng đến viễn ly,… cho đến muốn khiến thoái giảm, thì điều này không thể có được, họ phải chịu khổ cực mà thôi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1174. KHÚC GỖ TRÔI[3544]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật, tại A-tỳ-xà, bên Hằng thủy[3545]. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con thuyết pháp. Sau khi nghe pháp rồi, con một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và hiểu được lý do về những nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh, thấy pháp, tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn ngắm sông Hằng, thấy trong nước có một cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuống. Nói với vị Tỳ-kheo kia:

"Ông có thấy cây lớn trong dòng nước sông Hằng này không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, con đã thấy."

Phật bảo:

"Cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người vớt lên, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, sẽ xuôi theo dòng nước, thuận dòng mà rót về, đổ về biển lớn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo:

"Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm, không mắc bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, cũng không bị người vớt lấy, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, vị ấy sẽ theo dòng nước mà xuôi về, rót về, đổ về Niết-bàn."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm mất? Thế nào là bị mắc bãi cù lao? Thế nào là dòng nước xoáy? Thế

nào là người vớt lấy? Thế nào là phi nhân giữ? Thế nào là mục nát? Lành thay, Thế Tôn, vì con giảng rộng! Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,… cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bờ bên này là sáu nhập xứ. Bờ bên kia là sáu ngoại nhập xứ[3546]. Bị người vớt lấy là như người nào gần gũi với người thế tục, hay với người xuất gia; nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui và những việc làm của họ, tất cũng cùng họ cộng đồng. Đó gọi là bị người vớt lấy. Bị phi nhân giữ lại là như có người nào nguyện tu phạm hạnh, rằng: ‘Nay ta trì giới, khổ hạnh, tu các phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân giữ lại. Bị dòng nước xoáy là như có người nào hoàn giới thoái chuyển. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại, ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi tù và. Họ không phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, không phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh.

“Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,… cho đến Niết-bàn.”

Sau khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Phậy dạy, hoan hỷ làm lễ ra về. Lúc này, một mình ở chỗ vắng, tư duy về những lời Đức Phật đã dạy trong kinh Cây lớn trôi theo dòng nước,… cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa và đắc A-la-hán.

Lúc ấy có một người chăn bò là Nan-đồ[3547] cách Phật không xa, đang cầm gậy chăn bò. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đi rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm mất, không mắc ở bãi cù lao, không bị người vớt lấy, không bị phi nhân giữ, không vào dòng nước xoáy và cũng không bị mục nát. Vậy con có được xuất gia tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật của Thế Tôn không?”

Phật hỏi người chăn bò:

“Con đưa bò trở về cho chủ chưa?”

Người chân bò bạch:

“Trong đàn bò có con đầu đàn có thể tự dẫn trở về, không cần con đưa. Xin cho phép con xuất gia học đạo.”

Phật bảo người chăn bò:

“Tuy bò tự có thể về nhà được. Nhưng con đã nhận lãnh cơm ăn áo mặc của người, điều cần là con phải về báo cho chủ nhà con biết.”

Lúc này, người chăn bò đã nghe lời Phật, hoan hỷ lễ Phật ra về.

Sau khi người chăn bò đi chưa được bao lâu, bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở trong hội này, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, người chăn bò Nan-đồ muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn bảo trở về nhà.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Người chăn bò Nan-đồ, nếu trở về nhà để hưởng thụ ngũ dục, thì không có việc đó. Sau khi giao bò lại cho người chủ rồi, sẽ nhanh chóng trở lại xuất gia học đạo, tịnh tu phạm hạnh, trong Pháp luật này,… cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa, đắc A-la-hán.”

Bấy giờ, người chăn bò Nan-đồ sau khi giao bò lại cho chủ rồi liền trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã giao bò cho chủ rồi. Xin cho phép con xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật.”

Phật bảo người chăn bò Nan-đồ:

“Con được xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật này.”

Sau khi xuất gia rồi, tự tư duy về lý do những người con nhà dòng dõi đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh,… cho đến không còn tái sanh đời sau nữa, thành A-la-hán.

---o0o---

KINH 1175. KHẨN-THÚ DỤ[3548]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ngồi thiền tại chỗ vắng, tự nghĩ: "Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, để được cái thấy thanh tịnh?" Nghĩ rồi, đến các chỗ các Tỳ-kheo, bạch các Tỳ-kheo rằng:

"Thưa các Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cái thấy được thanh tịnh?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Tôn giả, biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu xúc nhập xứ. Tỳ-kheo nào biết, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe các Tỳ-kheo kia nói như vậy, tâm không hoan hỷ, lại đến chỗ Tỳ-kheo khác, hỏi Tỳ-kheo kia rằng:

"Chư tôn Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?"

Tỳ-kheo kia đáp:

"Biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu giới. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng không lạc, lại đến Tỳ-kheo khác hỏi:

"Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?"

Tỳ-kheo kia đáp:

"Quán sát năm thủ uẩn như là bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng không lạc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: 'Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?' Sau khi nghĩ như vậy, rồi con đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ba nơi đã nói những gì, như đã bạch đầy đủ lên Thế Tôn, con nghe họ nói vậy, tâm không hoan hỷ, nên đến Thế Tôn đem nghĩa này xin hỏi Thế Tôn: 'Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?'"

Phật đáp:

"Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy cây khẩn-thú[3549], đến người đã từng thấy khẩn-thú; hỏi người đã từng thấy khẩn thú rằng: 'Ông biết cây khẩn-thú không?' Đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Đáp: 'Nó màu đen như cái cột bị cháy.' Vì người kia đang lúc thấy khẩn-thú màu đen như cột trụ cháy sém. Người này nghe nói khẩn-thú màu đen như cái cột cháy sém thì không hoan hỷ lắm. Lại đi đến người khác đã từng thấy khẩn-thú và hỏi: 'Ông đã từng biết khẩn-thú phải không?' Người kia đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Người từng thấy khẩn-thú đáp: 'Sắc của nó màu đỏ, hoa nở ra như khúc thịt.' Vì người kia lúc thấy khẩn-thú nở hoa thật như một khúc thịt. Người này nghe những gì người kia nói như vậy không hoan hỷ. Lại đến người đã từng thấy khẩn-thú khác hỏi: 'Ông từng biết khẩn-thú phải không?' Người kia đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Đáp: 'Lông thân của nó dài thườn thượt rủ xuống như quả Thi-lợi-sa[3550].' Người này nghe rồi, tâm cũng không hoan hỷ. Lại đi hỏi người đã biết khẩn-thú khác: 'Ông đã biết khẩn-thú phải không?' Đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dáng của nó thế nào?' Người kia trả lời: 'Nó màu xanh lá cây, lá bóng, lá dài rộng như cây Ni-câu-lâu-đà[3551].' Như những người kia, khi hỏi về khẩn-thú, nghe xong, tâm không hoan hỷ. Lại đi tìm khắp nơi, nhưng những người thấy khẩn-thú, tùy thời tùy sở kiến của mỗi người mà trả lời; cho nên không giống nhau.

"Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhân theo pháp tư duy mà không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát và tùy theo sở kiến của họ mà ký thuyết. Nay ông nghe Ta nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như có một quốc vương biên địa, khéo chỉnh trị thành quách, dưới cửa kiên cố, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành đặt bốn người canh gác. Tất cả đều thông minh trí tuệ, biết người đi người đến. Trong thành này, tại một con đường ngã tư, an trí giường chõng. Thành chủ ngồi trên đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: 'Thành chủ ở đâu?' Liền được trả lời: 'Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành.' Vị sứ giả kia nghe rồi, đến chỗ thành chủ

nhận chỉ thị rồi trở về đường cũ. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc, đến cũng hỏi người giữ cửa: 'Thành chủ ở đâu?' Họ cũng đáp: 'Ở giữa ngã tư đường, trong thành.' Các sứ giả kia nghe rồi đều đến chỗ thành chủ, nhận chỉ thị của ông, rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta đã nói thí dụ. Nay sẽ nói ý nghĩa. Thành là dụ cho sắc thô của thân người. *Giống như kinh nói thí dụ cái tráp rắn độc*. Khéo sửa sang tường thành là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là nội sáu nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn trú xứ của thức. Bốn người giữ cửa chỉ cho tứ niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là Chánh quán. Nói lời như thật là Bốn chân đế. Trở về đường cũ là tám Thánh đạo."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu Đại Sư có những điều cần làm cho đệ tử; thì nay Ta đã làm xong. Vì thương xót nên: *Như kinh thí dụ về cái tráp rắn độc*."

Sau khi Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, chuyên tinh tư duy, không sống buông lung, tiến tu phạm hạnh,… cho đến không tái sanh đời sau nữa, thành A-la-hán.

---o0o---

KINH 1176. LẬU PHÁP[3552]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành nhân gian, giữa những người họ Thích; rồi đến ở trong vườn Ni-câu-luật-đà, nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la làm xong giảng đường mới, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn, thiếu niên dòng họ Thích-ca và nhân dân nào ở trong đó. Họ nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, đến nước Ca-tỳ-la-vệ dòng họ Thích và đang trú trong vườn Ni-câu-lâu-đà, giảng về nghĩa khổ lạc. Họ bàn với nhau: "Nhà này mới hoàn thành, chưa có ai ở, nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây cúng dường, sẽ được công đức phước báo vô lượng, an ổn lâu dài. Rồi sau đó chúng ta mới sử dụng." Bàn luận xong, họ cùng nhau ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người họ Thích, diễn nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi ngồi im lặng. Khi ấy, những người họ Thích từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, đầu gối hữu quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con những người dòng họ Thích, làm xong giảng đường mới, chưa có ai ở. Hôm nay, thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường cho chúng con được cúng dường, để chúng con được công đức phước lợi và an lạc mãi mãi. Rồi sau đó chúng con sẽ sử dụng."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy những người họ Thích biết Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi mỗi người trở về chỗ của mình. Ngay ngày hôm đó, dùng xe chở hết đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tòa và lót thảm cỏ mịn trên đất, dầu đèn đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu bạch rằng:

"Mọi việc đã chuẩn bị xong rồi, mong Ngài biết thời."

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng tùy tùng trước sau đi đến ngoài giảng đường. Sau khi rửa chân, bước lên nhà, ngồi trước cây cột ở giữa, hướng về Đông. Lúc này, các Tỳ-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về Tây, phía Đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi quay mặt hướng về Tây.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người dòng họ Thích rộng nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi nói với những người dòng họ Thích:

"Này các Cù-đàm, đã quá đầu đêm, bây giờ các người có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ."

Khi ấy, những người dòng họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ ra về.

Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi, bèn bảo Đại Mục-kiền-liên:

"Ông nên vì các Tỳ-kheo thuyết pháp cho họ. Ta đang đau lưng, cần được nghỉ ngơi."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y Uất-đa-la bốn lớp lót dưới sườn và cuốn y Tăng-già-lê đặt dưới đầu làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, xếp đầu gối chân lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, với ý tưởng sẽ thức dậy.

Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

"Pháp của Thế Tôn đã dạy, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần nhất, mãn tịnh, thanh bạch, phạm hạnh. Hôm nay, tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các ông hãy lắng nghe:

"Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ vào thân niệm xứ, không có một phần trí đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đủ các thứ pháp ác bất thiện khởi lên, không được hoàn toàn diệt trừ, không vĩnh viễn hoàn toàn đoạn tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Này Tỳ-kheo, người như vậy Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ để dò xét những chỗ yếu kém tai hại, ở nơi mắt thấy sắc, mà nắm chỗ được sơ hở. Đối với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân với xúc, ý với pháp cũng lại như vậy, liền nắm được chỗ sơ hở. Giống như đống cỏ khô, nổi lửa bốn bên, bị cháy tiêu tức thì. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt của Tỳ-kheo, Thiên ma Ba-tuần liền nắm được chỗ sơ hở. Cũng vậy, Tỳ-kheo, không thắng ở nơi sắc. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, … đối với bị pháp chế phục, không thắng được pháp. Không thắng sắc, không thắng âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp. Cũng lại không thắng ý, cùng các pháp ác bất thiện phiền não, thiêu bức, khổ báo và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả, Ta đã tự thân nhận lãnh các pháp hữu lậu này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Hữu Lậu'.

"Thế nào là pháp vô lậu? Thánh đệ tử đa văn mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi ưa đắm, với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, cột niệm an trụ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết một cách như thật. Các pháp ác bất thiện đã khởi kia bị diệt tận không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Tỳ-kheo như vậy, ác Ma Ba-tuần có đến dò xét tìm sở đoản nơi sắc được thấy bởi mắt, cũng không thể tìm được sở đoản. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, để tìm cầu chỗ yếu kém, cũng không tìm được chỗ yếu kém đó. Giống như lầu các, nếu tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng, lấp dày kín, dù đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được. Các Tỳ-kheo này cũng lại như

vậy, dù Ma Ba-tuần đến chỗ dò xét để tìm tòi chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy, có thể thắng được sắc kia, không bị sắc chiết phục. Và thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp không bị những pháp ấy chiết phục. Nếu thắng được sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp rồi thì cũng thắng luôn đối với những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo dẫy đầy, cùng sanh, già, bệnh, chết đời vị lai. Tự thân tôi nhận được pháp này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Vô Lậu'."

Bấy giờ, Thế Tôn biết Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, ngồi dậy cột niệm trước mặt, bảo Mục-kiền-liên:

"Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, vì người thuyết kinh pháp này, làm lợi ích nhiều nơi, vượt qua nhiều phiền não và an lạc trời, người lâu dài."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên thọ trì kinh Pháp Hữu Lậu, Vô Lậu này. Hãy nói rộng cho mọi người. Vì sao? Vì nghĩa lý đầy đủ, pháp đầy đủ, phạm hạnh đầy đủ, khai mở thần túc, hướng thẳng Niết-bàn,… cho đến người thiện nam có lòng tin, ở nhà hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và nói rộng cho mọi người."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1177. SÔNG TRO[3553]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có một sông tro, bờ Nam rất nóng, nhiều gai nhọn, ở nơi tối tăm, có nhiều tội nhân ở trong sông trôi dạt theo dòng. Trong đó có một người thông minh trí tuệ, không ngu si, ưa lạc chán khổ, ham sống sợ chết, tự nghĩ: 'Hiện tại ta vì duyên gì mà ở sông tro này, bờ Nam thì nóng bức lại nhiều gai nhọn; ở nơi tối tăm, trôi dạt theo dòng như vậy? Ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện, bơi ngược dòng lên.' Dần dần thấy được chút ánh sáng, người ấy thầm nghĩ, 'Ta đã gắng sức mới thấy được chút ánh sáng này.' Rồi lại vận dụng tay chân, gắng thêm, nỗ lực thêm và thấy được đất bằng. Tức thì đứng

lại đó quan sát chung quanh, thấy núi đá lớn nguyên vẹn không bị lở, không sụt, không bị đục thủng. Liền leo lên trên, lại thấy ao nước trong mát có đủ tám phần: mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, êm dịu, thơm tho, trong xanh, khi uống không bị nghẹn, không trở ngại trong cổ, đã uống vào rồi thì thân thể an lạc. Người ấy liền vào trong đó, hoặc uống hoặc tắm, xa lìa được phiền não. Sau đó, leo lên trên núi lớn, gặp bảy loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Tu-kiên-đề, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề, hoa A-đề-mục-đa, nghe thấy mùi hương thơm. Rồi lại lên núi đá, thấy tòa nhà bốn tầng cấp, liền ngồi trên ấy; thấy màn che có năm trụ, liền vào trong đó, điều thân ngồi ngay thẳng. Ở trong này, đầy đủ gối mền, rải hoa khắp nơi, trang hoàng đẹp đẽ; tự do ngồi nằm, gió mát bốn bề, làm cho thân thể an ổn. Ngồi trên cao, vị ấy nhìn xuống cất lớn tiếng xướng rằng:

"Hỡi chúng sanh, các Hiền chánh sĩ trong sông tro! Sông này bờ Nam nóng bức, phần nhiều là gai nhọn; nơi này tối tăm, nên tìm cách ra khỏi sông này!"

Có người nghe được những lời này, nương theo tiếng, hỏi rằng:

"Hướng nào ra được? Theo chỗ nào để ra?"

"Trong đó có lời nói:

"Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người lớn tiếng gọi kia, chính nó cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra. Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; ở đây tối tăm, theo dòng trôi xuống. Hỏi nó làm gì!

"Như vậy, Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này, nay Ta sẽ giải thích nghĩa của nó.

"Tro chỉ cho ba ác giác bất thiện[3554]. Những gì là ba? Là dục giác, nhuế giác và hại giác.

"Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Bờ Nam rất nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Phần nhiều là gai nhọn chỉ cho năm công năng của dục. Chỗ tối tăm chỉ cho vô minh che lấp tuệ nhãn. Nhiều người chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ cho sông sanh tử. Trong đó có một người không ngu không si là chỉ cho Đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Thấy một chút ánh sáng ẩn hiện là được pháp nhẫn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bốn phương là chỉ cho thấy được bốn Chân đế. Núi đá lớn là chỉ cho Chánh kiến.

Nước tám phần là chỉ cho tám Thánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy Giác chi. Nhà bốn tầng cấp là chỉ cho bốn Như ý túc. Năm trụ màn che là chỉ cho năm Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa khắp nơi là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng hiện pháp lạc trụ[3555]. Cất tiếng kêu gọi là chỉ cho Chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: 'Chư Hiền chánh sĩ ra chỗ nào?' là chỉ cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo Hiền thánh. Ở trong đó có lời nói: 'Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người kia cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra. Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống', chỉ cho lục sư và các người tà kiến. Đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Cù-xá-lê Tử, Tán-xà-da Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá Khâm-bà-la, Già-câu-la Ca-đàn-diên, Ni-kiền-liên-đà-xà-đề Phất-đa-la và những người tà kiến khác.

"Như vậy, Tỳ-kheo, Đại Sư vì các đệ tử mà làm những việc cần làm. Nay Ta đã làm xong. Bây giờ, các ông phải làm những việc cần làm như Ta đã nói trong kinh Tráp Rắn Độc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 44

KINH 1178. BÀ-TỨ-TRA1[3556]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Am-la, tại nước Di-hy-la[3557] Khi ấy, có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra[3558] có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên phát cuồng, trần truồng, xõa tóc, cứ theo đường mà chạy[3559], đến trong vườn Am-la, Di-hy-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh tâm lại, thẹn thùng xấu hổ nép mình ngồi xổm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: "Lấy Uất-đa-la-tăng của ông đem cho thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra và bảo khoác vào để nghe pháp." Tôn giả A-

nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. Sau khi bà được y, mặc xong, đến trước Phật cúi đầu lễ Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, Đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, não, khóc lóc nữa. Lúc này, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ nói với bà rằng:

Những đứa con trước chết,

Nhớ thương sanh ưu khổ;

Ngày đêm không ăn uống,

Cho đến phát cuồng điên.

Nay chôn đứa thứ bảy,

Sao không sanh ưu khổ?

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra liền nói kệ đáp lại cho chồng rằng:

Con cháu có cả ngàn,

Nhân duyên hòa hợp sanh;

Đã lâu thành quá khứ;

Tôi và ông cũng vậy.

Con cháu và dòng họ,

Số này không hạn lượng,

Sanh nơi này, nơi kia;

Tàn sát, ăn thịt nhau.

Nếu biết cuộc sống ác[3560],

Sanh ưu khổ làm gì.

Tôi đã biết xuất ly,

Sự sống chết, còn mất.

Không còn sanh ưu khổ,

Do nhập Chánh pháp Phật.

Lúc ấy, người chồng của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ khen rằng:

Pháp chưa từng được nghe,

Mà nay nghe bà nói.

Nghe nói pháp ở đâu,

Không ưu khổ nhớ con?

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ đáp:

Nay Đấng Đẳng Chánh Giác,

Tại nước Câu-hy-la;

Trong vườn cây Am-la,

Lìa hẳn tất cả khổ.

Diễn nói tất cả khổ,

Khổ tập, Khổ tịch diệt.

Bát chánh đạo Hiền thánh,

An ổn hướng Niệt-bàn.

Đó là Thầy của tôi,

Hâm mộ Chánh giáo Ngài.

Tôi đã biết Chánh pháp,

Hay trừ khổ nhớ con.

Người chồng là Bà-la-môn nói kệ đáp:

Nay tôi cũng sẽ đến,

Vườn Am-la, Di-hy;

Đức Thế Tôn cũng sẽ,

Dạy bỏ khổ nhớ con.

Ưu-bà-di lại nói kệ đáp:

Nên quán Đẳng Chánh Giác,

Mềm mại thân sắc vàng;

Điều phục người khó điều,

Đưa khắp người qua bể.

Bấy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ; rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hy. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên, đến trước Đại Sư. Khi ấy Đại Sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhãn cho ông, thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó Bà-la-môn liền được xuất gia và một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy… cho đến đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi, Đức Thế Tôn bảo ông, sai người đánh xe hãy đem xe về nhà, cho Ưu-bà-di Bà-tứ-tra biết, khởi phát lời tùy hỷ chúc mừng rằng:

"Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ."

Khi đó người đánh xe vâng lời liền quay về nhà, từ xa Ưu-bà-di Bà-tứ-tra trông thấy người đánh xe đánh xe không trở về, liền hỏi:

"Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết pháp, khai thị pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không?"

Người đánh xe thưa:

"Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ." Lúc ấy, Ưu-bà-di trong lòng liền vui vẻ, nói với người đánh xe:[3561]

"Cho ông chiếc xe ngựa này cộng thêm một trăm ngàn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xà-đế đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ."

Người đánh xe đáp:

"Bây giờ con đâu cần xe ngựa và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di, nay con sẽ trở lại chỗ Bà-la-môn, theo ông xuất gia."

Ưu-bà-di nói:

"Ý ông như vậy, thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được tam minh đầy đủ như ông chủ."

Người đánh xe nói:

"Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di, như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy."

Bà Ưu-bà-di nói:

“Cha của ngươi đã xuất gia, ngươi cũng xuất gia theo. Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thảy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, đắp y, sống đời dễ thỏa mãn.”

Người đánh xe thưa:

“Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muốn, biết đủ, đắp y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc mặc áo nhuộm. Đối với ấm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các hữu lậu.”

Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê[3562] đều xuất gia, cứu cánh thoát khổ.

---o0o---

KINH 1179. MẤT BÒ[3563]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Đại lâm[3564], nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có Bà-la-môn Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá[3565], sáng sớm đi mua bò, chưa kịp trả giá, ngay hôm đó mất bò. Sáu ngày không tìm thấy. Nhân tìm bò, Bà-la-môn đến tinh xá Đại lâm.

Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây, dung nghi đĩnh đặc, các căn thanh tịnh, tâm Ngài vắng lặng, thành tựu chỉ quán. Thân Ngài sắc vàng chiếu sáng chói. Thấy vậy, liền đến trước Ngài nói kệ:

Vì sao không sở cầu,

Trống vắng ở nơi này,

Một mình nơi rừng vắng,

Mà tâm được an lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hoặc mất, hoặc được lại,
Đối tâm Ta không loạn;
Bà-la-môn nên biết,
Chớ nói kia như Ta.
Tâm chấp việc được mất,
Tâm ấy không tự tại.

Lúc ấy Bà-la-môn lại nói kệ:

Chỗ Phạm chí hơn hết,
Như Tỳ-kheo đã nói;
Nay tôi sẽ tự nói,
Lắng nghe lời chân thật.
Sa-môn định chẳng phải
Người mất bò buổi sáng,
Sáu ngày tìm không được,
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Người gieo trồng ruộng mè
Lo cỏ hoang phủ mất;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Người trồng lúa thiếu nước,

Sợ hoang khô mà chết;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Quả phụ có bảy người,

Đều nuôi con mồ côi;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Bảy con không được yêu,

Phóng túng nhiều nợ nần;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Chủ nợ giữ cửa mình,

Tìm đòi tiền lãi nhiều;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Đồ nằm sâu bảy lớp

Lo lắng nhặt côn trùng;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Vợ tóc vàng, mắt đỏ,

Ngày đêm nghe tiếng ác;

Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chẳng phải

Bồ không, đàn chuột giỡn

Thường lo lắng thiếu gầy;

Cho nên sống an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Nay Ta quyết không phải

Kẻ mất bò buổi sáng,

Sáu ngày tìm không ra,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Người gieo trồng ruộng mè,

Lo cỏ hoang phủ mất,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Người trồng lúa thiếu nước,

Sợ hoang khô mà chết,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Quả phụ có bảy người,

Đều nuôi con mồ côi,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Bảy con không được yêu,

Phóng túng nhiều nợ nần,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Chủ nợ giữ cửa mình,

Tìm đòi tiền lãi nhiều,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Đồ nằm sâu bảy lớp,

Lo lắng nhặt côn trùng,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Vợ tóc vàng, mắt đỏ,

Ngày đêm nghe tiếng ác,

Cho nên sống an lạc.

Nay Ta quyết không phải

Bồ không, đàn chuột giỡn,

Thường lo lắng thiếu gầy,

Cho nên sống an lạc.

Không buông niệm, không niệm.

Chúng sanh sống an lạc;

Đoạn dục, lìa ân ái,

Mà được sống an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn vì tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá mà thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui mừng. Như thường lệ Phật theo thứ tự thuyết pháp về bố thí, trì giới… cho đến ở trong Chánh pháp tâm không còn sợ hãi, rồi liền từ chỗ đứng dậy chắp tay bạch Phật:

"Con nay có được xuất gia học đạo thành Tỳ-kheo, tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể được xuất gia, thọ cụ túc giới, tu các phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật …". Chi tiết, cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ tinh tấn Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đắc A-la-hán, duyên tự tâm mà giác tri, được an lạc giải thoát, bèn nói kệ:

Nay ta thật vui sướng,

Ở trong pháp Đại tiên;

Được vui lìa tham dục,

Không phí công thấy Phật.

---o0o---

KINH 1180. TRÍ GIẢ[3566]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng cây Sa-la, tại tụ lạc Bà-la-môn[3567]. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khất thực, bất chợt mây phi thời nổi lên. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Nay, Ta nên đến trong nhà hội lớn gia chủ Bà-la, tại tụ lạc Bà-la-môn[3568].' Nghĩ vậy rồi, Ngài liền đến chỗ nhà hội lớn kia. Khi ấy các gia chủ Bà-la-môn đang hội họp trong nhà đó. Từ xa trông thấy Thế Tôn, họ cùng bảo với nhau: "Sa-môn cạo đầu kia cuối cùng biết pháp gì[3569]?"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn tụ lạc Bà-la kia rằng:

"Trong dòng Bà-la-môn có người biết pháp, có người không biết pháp; dòng Sát-đế-lợi hay gia chủ, cũng có người biết pháp, có người không biết pháp."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng bạn muốn hơn bạn,

Vua không phục khó phục;

Vợ không cầu hơn chồng,

Con nào không kính cha?

Không người trí: không hội.

Không trí: không lời pháp;

Tham, sân, si đoạn tận,

Thì đó là người trí.

Khi ấy gia chủ Bà-la-môn kia bạch Phật:

"Thiện sĩ Cù-đàm! Thiện sĩ phu! Mời Ngài có thể vào nhà này mà ngồi."

Sau khi Thế Tôn ngồi rồi, liền bạch rằng:

"Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe."

Bấy giờ, Thế Tôn vì gia chủ Bà-la-môn nơi đại hội này bằng mọi cách thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng và làm cho vui mừng rồi, lại nói kệ:

Ngu cùng trí tụ hội,

Không nói, biết ai sáng?

Hay nói đạo tịch tĩnh,

Nghe nói, biết kẻ trí.

Người nói, nêu Chánh pháp,

Kiến lập cờ Đại tiên;

Khéo nói là cờ Tiên,

Pháp là cờ La-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các gia chủ Bà-la-môn nơi tụ lạc Bà-la kiến lập chánh pháp, khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui vẻ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1181. THIÊN TÁC[3570]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la[3571], du hành trong nhân gian. Rồi đến tụ lạc Phù-lê[3572], trú trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác[3573]. Khi ấy Tôn

giả Ưu-ba-ma[3574] làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng[3575], bảo Tôn giả Ưu-ba-ma:

“Thầy cất y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác.”

Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông, thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa. Thấy rồi ông nói kệ:

Vì sao cạo râu tóc,

Mình khoác Tăng-già-lê[3576];

Đang đứng ngoài cửa đó,

Muốn cầu xin thứ gì?

Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:

Đấng Thiện Thệ La-hán,

Bị bệnh phong đau lưng;

Có thứ nước an lạc[3577],

Trị bệnh Mâu-ni chăng?

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy tô, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi sai người bưng đi, cùng bình nước nóng, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem tô và đường phèn làm nước uống. Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn. Sáng sớm hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Sao gọi Bà-la-môn,

Thí gì được quả lớn?

Thế nào là thời thí[3578],

Sao gọi ruộng phước tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu được trí túc mạng,

Thấy trời, định hướng sanh[3579];

Được hết các hữu lậu,

Mâu-ni khởi tam minh.

Khéo biết tâm giải thoát,

Giải thoát tất cả tham;

Mới gọi Bà-la-môn.

Thí kia được quả lớn.

Thí kia là thời thí,

Ruộng phước theo ý muốn.

Sau khi Bà-la-môn Thiên Tác nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1182. NGHỀ RUỘNG[3580]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, cách rừng Sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông[3581]. Sáng sớm thức dậy vào trong rừng Sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một bóng cây, tướng mạo oai nghi đoan chánh, các căn thanh tịnh, tâm

người tịch định, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất. Thân Ngài sắc vàng ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, đến chỗ Ngài, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-đàm, có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ:

Tỳ-kheo ở rừng này,

Vì có nghề nghiệp gì,

Nên một mình chỗ vắng,

Thích ở trong rừng này?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Vô sự ở rừng này,

Rễ rừng chặt từ lâu;

Nơi rừng, lìa thoát rừng,

Thiền tư, trừ bất lạc.

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1183. NHẶT CỦI[3582]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn ở chung[3583]. Bà-la-môn kia thường tán thán, mong mỏi và muốn gặp Thế Tôn, "Khi nào Ngài du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp để hỏi về những chỗ còn nghi. Ngài có rảnh vì ta mà ký thuyết không?"

Khi ấy người đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn kia nhân kiếm củi, nên vào trong rừng. Từ xa nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới bóng cây, dung nghi đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ngài định tĩnh, thân như núi vàng ánh sáng chiếu suốt, thấy rồi tự nghĩ: 'Thầy mình thường tán thán, kính ngưỡng và mong được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm này đến trong rừng này, ta phải nhanh chóng về báo cho thầy ta biết.' Tức thì ôm bó củi nhanh chóng trở về nhà học, bỏ bó củi xuống, rồi đến chỗ thầy thưa rằng:

"Thầy nên biết! Lâu nay thầy thường tán thán, kính ngưỡng muốn gặp Sa-môn Cù-đàm đến rừng này để hỏi những điều nghi, nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết thời."

Khi ấy Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn, sau khi thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên nói kệ:

Một mình vào nơi sợ,

Trong rừng rậm thâm sâu;

Đứng vững không dao động,

Khéo tu pháp chánh cần.

Không ca múa âm nhạc,

Ở chỗ vắng tĩnh lặng;

Tôi chưa từng thấy ai,

Một mình thích rừng sâu.

Muốn tìm nơi thế gian,

Vị Chúa tể tự tại;

Là trời Tam thập tam,

Cõi trời vui tự tại.

Cớ sao vào rừng sâu,

Khổ hạnh tự khô héo?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mong cầu nhiều là khổ,

Đắm mê vào các cõi;

Tất cả chúng đều là

Cội rễ của ngu si.

Những loại cầu như vậy,

Ta trừ bỏ từ lâu.

Không cầu, không lừa dối,

Tất cả không đụng tới.

Đối tất cả các pháp,

Duy có quán thanh tịnh;

Được vô thượng Bồ-đề,

Thiền tư tu chánh lạc.

Bà-la-môn lại nói kệ:

Nay con kính lễ Ngài,

Đấng Mâu-ni tịch lặng;

Vua thiền tư vi diệu,

Đại giác, giác vô biên.

Như Lai cứu trời, người,

Vòi vọi như núi vàng;

Giải thoát khỏi rừng rậm,

Ở rừng hẳn không đắm.

Đã nhổ gai nhọn sâu,

Lành sạch không dấu vết;

Thượng thủ hàng luận sư,

Biện luận hơn tất cả.

Sư tử hùng loài người,

Rống động khắp rừng sâu;

Hiển hiện Khổ Thánh đế,

Tập, Diệt, tám Thánh đạo.

Diệt tận các tụ khổ,

Xuất ly, tịnh không nhơ;

Tự thoát tất cả khổ,

Cứu khổ khắp chúng sanh.

Vì an lạc chúng sanh,

Nên diễn nói Chánh pháp;

Với ân ái đã dứt,

Đối lưới dục xa lìa.

Đoạn trừ hết tất cả,

Kết buộc của hữu ái;

Như hoa sen sống nước,

Không nhiễm dính nước bùn.

Như mặt trời giữa không,

Trong sáng không mây che;

Hôm nay con may mắn,

Đến rừng Câu-tát-la.

Được gặp Bậc Đại Sư,

Đấng Lưỡng Túc Tôn Thắng;

Đại tinh tấn, rừng sâu,

Rộng độ sanh bậc nhất.

Hàng đầu, Điều Ngự Sư,

Kính lễ Đấng Vô Úy.

Sau khi Bà-la-môn nói đầy đủ kệ khen ngợi Phật xong, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về.

---o0o---

KINH 1184. TÔN-ĐÀ-LỢI (1)[3584]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi[3585]. Bấy giờ, Thế Tôn cạo tóc chưa lâu, vào cuối đêm, lấy y phủ lên đầu, ngồi kiết già, chánh thân tư duy, cột niệm ở trước.

Bấy giờ, bên sông Tôn-đà-lợi có Bà-la-môn[3586] đang ở, cuối đêm thức dậy, đem những thức ăn cúng còn dư chưa hết, đem đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức lớn để cúng dường.

Khi ấy Thế Tôn nghe tiếng Bà-la-môn bên bờ sông; nghe rồi bèn đằng hắng lên tiếng và lấy y ra để bày đầu. Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông Tôn-đa-lợi thấy Phật rồi, tự nghĩ: "Đây là Sa-môn cạo đầu, chẳng phải Bà-la-môn." Định đem thức ăn trở về, nhưng Bà-la-môn này lại nghĩ: "Đâu phải chỉ có Sa-môn đầu cạo tóc. Trong hàng Bà-la-môn cũng có người đầu cạo tóc. Nên đến đó, hỏi chỗ sanh của ông ta." Lúc này, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi đến chỗ Thế Tôn hỏi rằng:

"Ngài sanh thuộc dòng họ nào?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ông chớ hỏi chỗ sanh,

Mà nên hỏi chỗ hành.

Khắc cây dùi lấy lửa,

Cũng có thể sanh lửa.

Trong dòng họ hạ tiện,

Sanh Mâu-ni vững chắc;

Trí tuệ, có tàm quý,

Tinh tấn, khéo chế ngự.

Rốt ráo sáng tỏ khắp,

Tu phạm hạnh thanh tịnh;

Mà nay đã đúng thời,

Nên cúng thức ăn dư.

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lại nói kệ:

Nay ngày tốt của con,

Muốn cúng dường cầu phước;

May gặp được Đại sĩ,

Tôn quý nhất ba thời.

Nếu không gặp được Phật,

Thời đã cúng người khác.

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy phụng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì đã nhờ nói bài kệ mà được.

(Chi tiết như đã nói, vì nhờ thuyết pháp mà được đồ ăn).

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bây giờ thức ăn cúng này nên để chỗ nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn thức ăn này mà khiến thân thể an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ mọc."

Lúc này, Bà-la-môn này liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng. Nước liền bốc khói sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như nung hòn sắt, đem bỏ vào trong nước lạnh, bốc khói sủi bọt sôi lên phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn này cũng vậy. Bỏ vào nước không có trùng, bốc khói sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lòng kinh hãi, thân lông dựng lên hết, cho là tai biến, vội chạy lên bờ gom củi khô lại cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái. Thế Tôn thấy ông gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để mong dứt sự tai quái. Thấy vậy, liền nói kệ:

Bà-la-môn thờ lửa,

Thiêu đốt cây cỏ khô,

Chớ cho là tịnh đạo,

Có thể dứt tai hoạn.

Đó là ác cúng dường,

Mà bảo là trí tuệ.

Tạo nhân duyên như vậy,

Ngoại đạo thủ tu tịnh.

Nay ông bỏ lửa củi,

Thổi bùng lửa bên trong;

Thường tu không phóng dật,

Lúc nào cũng cúng dường.

Tin tịnh khắp mọi nơi,

Rộng bày đại hội thí.

Tâm ý là bó củi,

Sân nhuế bốc khói đen.

Vọng ngữ là vị đời,

Miệng lưỡi là thìa gỗ;

Ngực giữ nơi lửa đốt,

Lửa dục thường cháy mạnh.

Phải khéo tự điều phục,

Người tiêu diệt ngọn lửa.

Chánh tín là sông lớn,

Tịnh giới là vượt sang.

Lắng trong sạch dòng nước,

Được người trí khen ngợi;

Sạch trong người: đức trời,

Nên tắm rửa trong đó.

Lội nước không dính mình,

An ổn qua bờ kia.

Chánh pháp là vực sâu,

Phước đức là xuống đò.

Nước lắng trong tràn đầy,

Được người trí khen ngợi

Sạch trong người: đức trời,

Nên tắm rửa trong đó.

Lội nước không dính mình,

An ổn qua bờ kia;

Chân đế khéo điều ngự,

Nhiếp hộ tu phạm hạnh.

Từ bi là khổ hạnh,

Tâm chân thật thanh tịnh;

Dùng Chánh pháp tắm rửa,

Được người trí xưng tán.

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

---o0o---

KINH 1185. TÔN-ĐÀ-LỢI (2)[3587]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong rừng rậm bên sông Tôn-đà-lợi. Lúc ấy, có Bà-la-môn đang ở bên sông Tôn-đà-lợi, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài có đến sông Tôn-đà-lợi tắm rửa không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Đến sông Tôn-đà-lợi để tắm rửa để làm gì?"

Bà-la-môn bạch:

"Bạch Cù-đàm, sông Tôn-đà-lợi là cứu độ, là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai tắm rửa ở đó, có thể trừ hết mọi điều ác."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng sông Tôn-đà-lợi,

Cũng chẳng Bà-hưu-đa;

Chẳng Già-da, Tát-la.

Những con sông như vậy;

Không khiến người tạo ác

Có thể thành thanh tịnh.

Nhưng sông Tôn-đà-lợi,

Hằng hà, Bà-hưu-đa;

Người ngu thường ở đó,

Không thể trừ hết ác.

Những người thanh tịnh kia,

Cần tắm rửa làm gì?

Những người thanh tịnh kia,

Cần bố-tát làm gì?

Nghiệp tịnh do mình tịnh,

Đời này nên gìn giữ;

Không sát sanh, trộm cướp,

Không dâm, không nói dối;

Bố thí trừ keo bẩn,

Ở đó mà tắm rửa.

Đối tất cả chúng sanh,

Thường khởi lòng từ bi;

Dùng nước giếng tắm rửa,

Già-da để làm gì?

Trong tâm tự thanh tịnh,

Không đợi tắm bên ngoài;

Kẻ nghèo cùng hạ tiện,

Thân thể nhiều nhơ bẩn.

Dùng nước rửa bụi ngoài,

Không thể sạch ở trong.

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1186. BÚI TÓC (1)[3588]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc La-đậu-bà-giá[3589], vốn là người quen biết của Phật lúc còn là người thế tục, đến chỗ Phật, thăm hỏi, uý lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Người búi tóc ngoài thân,

Đó chỉ gọi búi tóc;

Người búi tóc bên trong,

Là chúng sanh trói buộc.

Nay xin hỏi Cù-đàm,

Làm sao gỡ búi tóc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nên thọ trì tịnh giới,

Trong tâm tu Chánh giác;

Chuyên tinh cần phương tiện,

Thì gỡ được búi tóc.

Sau khi Bà-la-môn búi tóc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1187. BÚI TÓC (2)[3590]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá, đến chỗ Phật, thăm hỏi úy lạo nhau xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Người búi tóc ngoài thân,

Đó chỉ gọi búi tóc.

Người búi tóc trong tâm,

Là chúng sanh trói buộc.

Nay tôi hỏi Cù-đàm,

Người búi tóc như vậy;

Nên dùng phương tiện gì?

Nơi nào gỡ búi tóc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, cùng với mũi,

Lưỡi, thân, ý nhập xứ;

Đối với danh sắc kia,

Diệt hết khiến không còn.

Các thức đã diệt hẳn,

Nơi đó dứt búi tóc.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1188. TÔN TRỌNG[3591]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề[3592], bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình yên tĩnh tư duy tự nghĩ rằng:

"Thật là khổ thay, không có cung kính, không có thứ lớp, không có bậc tự tại nào khác để nễ sợ[3593]. Như vậy sẽ bị thoái giảm đối với đại nghĩa. Có chỗ để cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại nào khác, sẽ sống được an lạc. Có cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại khác, đại nghĩa được đầy đủ. Có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể thành tựu hơn Ta về giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri, Ta sẽ cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống."

Ngài lại nghĩ:

"Nhưng không có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần và Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Ta, để khiến Ta cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống. Duy chỉ có Chánh pháp khiến Ta tự

giác, thành tựu Bồ-đề. Ta hãy cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường pháp ấy, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng sẽ cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống."

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết tâm niệm Thế Tôn rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Phạm thiên, đứng trước Phật, tán thán rằng:

"Lành thay, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Những người giải đãi không cung kính thì rất khổ… (nói chi tiết như trên, cho đến) nghĩa lớn đầy đủ. Kỳ thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn, để khiến Thế Tôn cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào đó mà sống. Chỉ có Chánh pháp, mà Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác, là chỗ mà Như Lai phải cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng đã cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Thế Tôn cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống."

Bấy giờ Phạm thiên vương lại nói kệ:

Chư Phật thời quá khứ,

Và chư Phật vị lai;

Phật, Thế Tôn hiện tại,

Hay trừ chúng sanh ưu;

Hết thảy cung kính pháp,

Nương Chánh pháp mà sống.

Sự cung kính như vậy

Đó là pháp chư Phật.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1189. PHẠM THIÊN (1)[3594]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vầy:

"Có nhất thừa đạo[3595] có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não và được pháp chân như[3596]. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn?

"Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn Niệm xứ thì sẽ không thích Thánh pháp như[3597]. Không thích Thánh pháp như thì sẽ không thích Thánh đạo như[3598]. Không thích Thánh đạo như thì sẽ không thích pháp cam lộ. Không thích pháp cam lộ thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Nếu người nào thích tu bốn Niệm xứ thì sẽ thích tu Thánh pháp như. Thích tu Thánh pháp như thì sẽ thích Thánh đạo như. Thích Thánh đạo như thì sẽ thích pháp cam lộ. Thích pháp cam lộ thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết được tâm niệm của Phật rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Có nhất thừa đạo có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn Niệm xứ,… cho đến giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ:

Rằng có nhất thừa đạo,

Thấy đoạn tận hữu biên[3599];

Diễn nói về Chánh pháp,

An ủi chúng sanh khổ.

Chư Thế Tôn quá khứ,

Nương đạo này vượt qua;

Chư Thế Tôn vị lai,

Cũng nương đạo này qua.

Đấng Chánh Giác hiện tại,

Nương đây qua biển cả,

Rốt ráo mé sanh tử,

Điều phục tâm thanh tịnh.

Đối sanh tử lưu chuyển,

Đều đã dứt hết hẳn.

Biết tất cả cảnh giới,

Tuệ nhãn tỏ Chánh đạo.

Thí như nước sông Hằng,

Đều chảy về biển lớn;

Dòng nước siết trôi xa,

Chánh đạo cũng như vậy.

Trí rộng khéo hiển bày,

Mau được pháp cam lộ;

Xe Chánh pháp thù thắng,

Vốn chưa từng được nghe.

Vì thương xót chúng sanh,

Nên chuyển vì chúng sanh;

Che chở chúng trời, người,

Khiến đưa qua bờ kia.

Cho nên các chúng sanh,

Đều cúi đầu đảnh lễ.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1190. PHẠM CHÚA[3600]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la[3601], thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà[3602], với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Ở trong các chủng tánh,

Lưỡng túc tôn Sát-lợi[3603];

Bậc Minh Hạnh đầy đủ,

Tối thắng trong loài người.

Phật đáp:

"Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

Ở trong các chủng tánh,

Lưỡng túc tôn Sát-lợi;

Bậc Minh Hạnh đầy đủ,

Tối thắng trong loài người.

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1191. KHÔNG NHÀN XỨ[3604]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc[3605], cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận A-lan-nhã.

Khi ấy Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà tự nghĩ rằng: "Hôm nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại nơi hoang vắng đó.

Bấy giờ, Thế Tôn đã vì đại chúng nói pháp tùy thuận không[3606]. Bây giờ, ta nên đến tùy thuận mà tán thán.” Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Quen chỗ ngồi biên địa[3607],

Đoạn trừ các phiền não;

Nếu không thích rừng vắng,

Nhập chúng, hãy phòng hộ.

Tự điều phục tâm mình,

Đi xin ăn từng nhà;

Nên giữ gìn các căn,

Chuyên tinh nhiếp tâm niệm.

Sau tập quen rừng vắng,

Ngồi nơi a-luyện-nhã;

Xa lìa các sợ hãi,

Trụ an ổn không sợ.

Nếu có các hung hiểm,

Rắn dữ, mọi độc hại;

Mây đen, lắm tối tăm,

Sấm sét lóe sáng ngời;

Thì nhờ lìa phiền não,

Nên ngày đêm an ổn.

Như pháp con đã nghe,

Cho đến không cứu cánh.

Một mình, tu phạm hạnh,

Không sợ ngàn ma chết.

Nếu tu hành giác đạo,

Cả vạn chẳng sợ chi.

Tất cả Tu-đà-hoàn,

Hoặc đắc Tư-đà-hàm;

Cùng với A-na-hàm,

Số này cũng vô lượng.

Không thể tính số được,

Sợ người bảo: nói dối.

Sau khi Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1192. TẬP HỘI[3608]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la-vệ, ở Ca-tỳ-la-vệ[3609], cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, sạch hết phiền não, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết mọi hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng nói pháp tương ưng Niết-bàn. Khi ấy có đại chúng chư Thiên oai lực từ mười phương thế giới, đều đến câu hội, cúng dường Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở tại Phạm thế tự nghĩ rằng: "Hôm nay Phật đang trú tại Ca-tỳ-la-vệ, … nói đầy đủ như trên, cho đến cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bấy giờ, chúng ta nên đến đó tán thán." Nghĩ vậy rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật.

Phạm thiên thứ nhất nói kệ:

Ở trong rừng lớn này,

Đại chúng đều vân tập;

Chúng chư Thiên mười phương,

Tất cả đến cung kính.

Từ xa con đến lễ,

Tăng nan phục, tối thắng[3610].

Phạm thiên thứ hai lại nói kệ:

Chư Tỳ-kheo Tăng này,

Tinh tấn, tâm chân thật;

Ở trong rừng lớn này,

Cầu độ, nhiếp các căn.

Phạm thiên thứ ba nói kệ tiếp:

Khéo phương tiện tiêu dung

Ân ái sâu, gai nhọn;

Kiên cố không dao động,

Như phướn Nhân-đà-la[3611].

Vượt dòng nước hào sâu,

Thanh tịnh không cầu dục;

Đấng Đại Sư khéo độ

Các Rồng chúa đã thuần.

Phạm thiên thứ tư nói kệ tiếp:

Ai quy y nơi Phật,

Quyết không đọa đường ác;

Đã dứt thân làm người,

Được thân trời thọ lạc.

Mỗi vị nói kệ xong, bốn Phạm thiên liền biến mất.

---o0o---

KINH 1193. CÙ-CA-LÊ[3612]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, hằng ngày tinh cần đến chỗ Phật tôn kính cúng dường. Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà nghĩ: "Sáng nay đến gặp Thế Tôn quá sớm. Chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định. Ta hãy đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê[3613], bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa." Nghĩ rồi, liền đến trước phòng Cù-ca-lê gõ cửa và nói rằng:

"Cù-ca-lê, nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Người chớ để chịu khổ lâu dài, không lợi ích."

Cù-ca-lê nói:

"Ông là ai?"

Phạm thiên đáp:

"Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà."

Cù-lê-ca nói:

"Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?"

Phạm thiên vương nói:

"Đúng vậy, Tỳ-kheo!"

Cù-lê-ca nói:

"Cớ gì ông đến đây?"

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghĩ: "Người này, không thể trị", liền nói kệ:

Ở nơi bậc Vô lượng,

Sanh lòng muốn ước lượng:

Có người trí tuệ nào,

Lại sanh giác tưởng này?

Muốn lường bậc khôn lường:

Phàm phu bị che tối.[3614]

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hằng ngày con thường siêng đến chỗ Phật gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay đến gặp Thế Tôn còn quá sớm, chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định, con bèn đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa, liền đứng trước phòng từ từ gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là người trí tuệ, hiền thiện. Người chớ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Cù-ca-lê nói: ‘Ông là ai?’ Con liền đáp: ‘Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.’ Cù-lê-ca nói: ‘Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?’ Con liền đáp: ‘Đúng vậy! Cù-ca-lê.’ Lại nói: ‘Cớ gì ông đến đây?’ Con tự nghĩ: ‘Người này, không thể trị’, liền nói kệ:

Ở nơi không thể lường,

Muốn sanh lòng tính toán;

Đem vô lượng, muốn lường,

Là che lấp phàm phu.

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Phạm thiên.”

Ở chỗ không thể lường,

Muốn khởi tâm suy lường;

Có người trí tuệ nào,

Mà sanh vọng tưởng này.

Không thể lường, muốn lường,

Là che lấp phàm phu.”

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1194. PHẠM THIÊN (2)[3615]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương và các Biệt Phạm thiên[3616] khác cùng với Thiện Tí biệt Phạm thiên[3617], hằng ngày dùng phương tiện đến gặp và cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Bà-cú Phạm thiên[3618] thấy Biệt Phạm thiên và Thiện Tí Phạm thiên tinh cần phương tiện như vậy bèn hỏi:

"Các ông muốn gì?"

Họ liền đáp:

"Muốn gặp Thế Tôn cung kính cúng dường."

Lúc ấy, Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ:

Kia bốn loại ngỗng trời [3619],

Ba cung điện sắc vàng [3620];

Năm trăm bảy mươi hai,

Người tu hành thiền tư.

Thân sắc vàng rực rỡ [3621],

Chiếu khắp cung Phạm thiên;

Ông hãy nhìn thân ta,

Cần đến đó làm gì?

Khi ấy, Thiên Phạm vương, Biệt Phạm vương và Thiện Tí biệt Phạm vương lại nói kệ:

Tuy có thân sắc vàng,

Chiếu khắp cung Phạm thiên;

Vị có trí tuệ này,

Biết sắc có phiền não.

Người trí không đắm sắc,

Nên tâm được giải thoát.

Bấy giờ, Thiện Phạm thiên[3622], Biệt Phạm thiên, Thiện Tí biệt Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con phương tiện muốn đến gặp Thế Tôn, cung kính cúng dường, có Bà-cú Phạm thiên thấy chúng con phương tiện như vậy nên đến hỏi chúng con rằng: 'Hôm nay quý vị muốn phương tiện đi đâu?' Chúng con liền đáp, 'Muốn đến gặp Thế Tôn, lễ bái cúng dường.' Bà-cú Phạm thiên liền nói kệ:

Kia bốn loại ngỗng trời [3623]

Ba cung điện sắc vàng;

Năm trăm, bảy mươi hai [3624],

Người tu hành thiền tư.

Thân sắc vàng rực rỡ,

Chiếu khắp cung Phạm thiên;

Ông hãy nhìn thân ta,

Cần đến đó làm gì?

Chúng con nói kệ đáp lại:

Tuy có thân sắc vàng,

Chiếu khắp cung Phạm thiên;

Vị có trí tuệ này,

Biết sắc có phiền não.

Người trí không đắm sắc,

Nên tâm được giải thoát.

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

Tuy có thân sắc vàng,

Chiếu khắp cung Phạm thiên;

Nên biết sắc vàng ròng,

Đó là tướng phiền não.

Người trí giải thoát sắc,

Đối sắc không còn ưa.

Khi ấy những vị Phạm thiên kia vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa[3625] mà nói kệ:

Người sanh ở thế gian,

Búa bén ở trong miệng;

Trở lại chặt thân mình,

Do những ác ngôn này:

Điều đáng chê lại khen,

Điều đáng khen lại chê;

Ác khẩu tăng thêm lỗi,

Đời sống không an vui.

Cờ bạc, rượu tán tài,

Lỗi này còn quá nhẹ;

Ác tâm đối Thiện Thệ,

Đó là tội rất nặng.

Có trăm ngàn địa ngục,

Tên Ni-la-phù-đà[3626];

Ba ngàn sáu trăm ngục,

Và năm A-phù-đà[3627].

Chúng là ngục báng Phật,

Do ác nguyện miệng, ý.

Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1195. BÀ-CÚ PHẠM[3628]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, có Bà-cú Phạm thiên[3629] ở trên cõi Phạm thiên khởi ác tà kiến, nói rằng:

“Chỗ này thường hằng, không phải là pháp biến dịch, là nơi thuần nhất, là chỗ xuất ly.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-cú Phạm thiên rồi, nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi thành Vương xá và hiện ra nơi cõi Phạm thiên. Bà-cú Phạm thiên xa thấy Thế Tôn, liền nói kệ:

Phạm thiên, bảy mươi hai:

Tạo tác các phước nghiệp[3630];

Tự tại mà thường trụ,

Đã khỏi sanh, già, chết.

Tôi đối các Minh luận[3631],

Đã tu tập rốt ráo.

Trong hàng chư Thiên kia,

Chỉ có tôi trường tồn.

Bấy giờ, Phật nói kệ đáp:

Đời sống này rất ngắn,

Không phải là trường tồn;

Mà Bà-cú Phạn thiên,

Tự bảo là sống lâu.

Ngục Ni-la-phù-đa,

Tuổi thọ trăm ngàn năm;

Ta đều nhớ biết cả,

Ông tự bảo trường tồn.

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

Chỗ thấy Phật, Thế Tôn,

Số kiếp không bến bờ.

Sanh, già, chết, ưu, bi,

Tất cả là quá khứ.

Xin nói cho tôi biết,

Quá khứ đã từng qua:

Thọ trì giới nghiệp gì,

Mà được sanh ở đây?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Kiếp quá khứ lâu xa,

Giữa vùng đại hoang mạc,

Có các chúng tu hành,

Nhiều phạm hạnh Hiền thánh.

Đói thiếu, không đủ ăn,

Ông đến cứu giúp họ.

Tâm từ giúp liên tục,

Trải nhiều kiếp không mất.

Đó là quá khứ ông,

Công đức được thọ trì.

Ta đều nhớ biết cả,

Xa, gần, như ngủ thức.

Quá khứ có thôn ấp,

Bị bọn giặc cướp bóc;

Khi ấy ông đến cứu,

Khiến họ được cứu thoát.

Đó là thời quá khứ,

Phước nghiệp được thọ trì.

Ta nhớ nhân duyên này,

Xa, gần, như ngủ thức.

Quá khứ có nhiều người,

Đi thuyền trên sông Hằng;

Ác long giữ thuyền kia,

Muốn hại hết mạng người.

Thời ông dùng thần lực,

Cứu họ được giải thoát.

Đó là quá khứ ông,

Phước nghiệp được thọ trì.

Ta nhớ nhân duyên này,

Xa, gần, như ngủ thức.

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

Quyết định đã biết tôi,

Việc thọ mạng xưa nay;

Cũng biết hết tất cả,

Đây là Đấng Chánh Giác.

Cho nên được thọ thân,

Ánh vàng chiếu rực khắp;

Thân Ngài đứng ở đây,

Sáng khắp cả thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-cú Phạm thiên khai thị, chỉ giáo, soi sáng, là cho vui mừng xong. Ngài nhập chánh thọ như vậy biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về thành Vương xá.

---o0o---

KINH 1196. TÀ KIẾN[3632]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói như vầy:

"Cõi này thường hằng không biến dịch, thuần nhất, xuất ly. Chưa từng thấy có ai đến cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này."

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những sở niệm trong tâm của Phạm thiên này, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện nơi cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đỉnh Phạm thiên kia.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Câu-lân nghĩ thầm: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên; ngồi kiết già

ngay thẳng, buộc niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Tây, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Bắc, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Nam, hướng đến Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên:

"Nay ông lại khởi kiến giải rằng: 'Từ xưa đến nay chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi Ta' phải không?"

Phạm thiên bạch Phật:

"Hôm nay con không còn dám nói rằng: 'Ta chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta.' Mà chỉ thấy ánh sáng Phạm thiên bị ngăn che."

Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui vẻ rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã Câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Chỉ có Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn còn ở lại đó. Lúc này, Phạm thiên kia hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có đại đức đại lực như vậy không?"

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói kệ:

Đại đức đủ ba minh,

Thông đạt biết tâm người;

Các La-hán lậu tận,

Số ấy không thể lường.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về nước Xá-vệ.

---o0o---

KINH 1197. NHẬP DIỆT[3633]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Song thọ kiên cố[3634], sanh địa của lực sĩ, tại nước Câu-thi-na-kiệt. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng:

"Ông hãy trải giường dây xoay đầu hướng Bắc giữa Song thọ kiên cố. Nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn."

Lúc này, Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, ở giữa Song thọ kiên cố vì Thế Tôn mà trải giường dây, xoay đầu về hướng Bắc rồi, trở lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã vì Như Lai, trải giường dây ở giữa Song thọ kiên cố xoay đầu về hướng Bắc."

Bấy giờ, Thế Tôn đến giường dây, hông phải nghiêng xuống đất, đầu xoay về hướng Bắc, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng. Bấy giờ là giữa đêm, Thế Tôn ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Phật Bát-niết-bàn rồi, rừng cây Song thọ liền trổ hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Tỳ-kheo nói kệ:

Đẹp thay, cây Kiên cố,

Rũ cành nhánh lễ Phật;

Cúng dường hoa vi diệu,

Đại Sư Bát-niết-bàn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bỗng nói kệ:

Tất cả hành vô thường,

Chúng là pháp sanh diệt;

Tuy sanh liền đến diệt,

Tịch diệt này an lạc.

Lúc ấy, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, lại nói kệ:

Mọi sanh vật ở đời,

Đã lập đều phải bỏ.

Thánh Đại Sư như vậy,

Thế gian không ai bằng.

Được thần lực Như Lai,

Làm mắt cho thế gian;

Cuối cùng cũng hoại diệt,

Nhập Vô dư Niết-bàn.

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói kệ tiếp:

Thở ra, vào: đình trú,

Lập tâm khéo nhiếp hộ;

Từ sở y mà đến,

Thế gian Bát-niết-bàn.

Sanh tướng sợ hãi lớn,

Khiến lông thân người dựng;

Đủ tất cả hành lực,

Đại Sư Bát-niết-bàn.

Tâm kia không giải đãi,

Cũng không vướng các ái;

Tâm pháp dần giải thoát,

Như củi hết, lửa tắt.

Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến chỗ Chi-đề[3635] nói kệ:

Thân báu này, Đại Sư,

Lên đến cõi Phạm thiên;

Thần lực lớn như vậy,

Nội hỏa lại đốt thân.

Năm trăm lụa quấn thân,

Đốt cháy tiêu rụi hết.

Một ngàn tấm y mịn,

Y quấn thân Như Lai.

Chỉ hai tấm không cháy,

Tối thượng và sấn thân[3636].

Khi Tôn giả A-nan nói kệ này rồi, thì các Tỳ-kheo im lặng thương nhớ.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 45

KINH 1198. A-LẠP-TỲ[3637]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ[3638] ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà[3639] tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại." Liền biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy nói với Tỳ-kheo-ni rằng:

"A-di muốn đi đâu?"

Tỳ-kheo-ni đáp:

"Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ thật xa."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

Đời không thể ra khỏi,

Viễn ly để làm gì?

Trở về hưởng ngũ dục,

Chớ về sau hối hận.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ tự nghĩ: "Người này là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian giảo?" Cô liền nghĩ đây ắt là ác ma muốn não loạn ta. Biết rõ rồi, liền nói kệ:

Đời có thể ra khỏi,

Ta tự biết sở đắc;

Này ác ma hèn hạ,

Ngươi không biết đạo kia.

Như dao bén tác hại,

Ngũ dục cũng như vậy.

Như thân bị xẻo thịt,

Khổ thủ uẩn cũng vậy.

Như điều ngươi vừa nói,

Người vui hưởng ngũ dục;

Người đó không thể vui.

Nơi đó đáng sợ hãi.

Lìa tất cả hỷ lạc,

Vất bỏ mọi tối tăm;

Vì diệt tận tác chứng,

An trụ lìa các lậu.

Biết rõ ngươi ác ma,

Hãy mau chóng tự diệt.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ này đã biết rõ tâm ta." Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1199. TÔ-MA[3640]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-ma[3641] ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tô-ma đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô-ma, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại." Liền biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tô-ma hỏi rằng:

"A-di muốn đi đâu?"

Đáp:

"Hiền giả, ta muốn đi đến chỗ thật xa."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

Chỗ ở của Tiên nhân,

Nơi đó khó đến được.

Trí bằng hai ngón tay[3642],

Chẳng thể đến nơi đó.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tô-ma tự nghĩ: "Người này là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian giảo?" Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

Tâm nhập vào chánh thọ[3643],

Thân nữ có làm sao?

Khi trí tuệ phát sanh,

Liền được pháp Vô thượng.

Đối với tưởng nam, nữ,

Nếu tâm không xa lìa,

Người đó nghe theo ma,

Ngươi nên đến đó nói.

Lìa xa tất cả khổ,

Vất bỏ mọi tối tăm;

Mau diệt tận chứng đắc,

An trụ các lậu sạch.

Biết rõ ngươi ác ma,

Hãy mau chóng tự diệt.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Tỳ-kheo-ni Tô-ma này đã biết rõ tâm ta." Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1200. CÙ-ĐÀM-DI[3644]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di[3645] ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới bóng cây.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại." Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di nói kệ:

Có phải người chôn con,

Mặt buồn rầu khóc lóc?

Một mình dưới bóng cây,

Muốn tìm nam tử nào?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá tự nghĩ: "Là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?" Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần đến nhiễu loạn ta. Biết là ma rồi, liền nói kệ:

Con cái, cùng biên tế[3646],

Tất cả đều mất hết.

Đây biên tế nam tử[3647],

Đã vượt tướng nam tử.

Không não, không lo sầu,

Phật dạy làm, đã làm;

Tất cả lìa ưu khổ,

Bỏ tất cả tối tăm.

Đã diệt tận tác chứng,

Hết các lậu, an ổn.

Đã biết ngươi ma xấu,

Hãy mất đi khỏi đây.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đã biết rõ tâm ta." Rồi buồn lo khổ não, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1201. LIÊN HOA SẮC[3648]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc[3649] ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại." Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc nói kệ:

Cây kiên cố[3650] hoa đẹp,

Nương nghỉ dưới bóng cây;

Một mình không bè bạn,

Không sợ người khác sao?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc tự nghĩ: "Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?" Suy nghĩ như vậy, biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn ta chăng? Liền nói kệ:

Giả sử có trăm nghìn,

Đều là người gian xảo;

Như ác ma các người,

Có đi đến chỗ tôi.

Cũng không động lông tóc.

Không sợ ngươi, ác ma.

Ma lại nói kệ:

Nay ta vào bụng ngươi,

Sẽ ở trong nội tạng;

Hoặc giữa hai lông mày,

Ngươi không thể thấy ta.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc lại nói kệ:

Tâm tôi có sức lớn,

Khéo tu tập thần thông;

Đã giải thoát ràng buộc,

Không sợ ngươi, ác ma.

Ta đã nhổ ba cấu,

Cội gốc của khủng bố;

Trụ vào đất an ổn,

Đối quân ma không sợ.

Đối tất cả ái hỷ,

Xa lìa mọi tối tăm;

Đối tịch diệt đã chứng,

Các lậu hết, an trụ.

Biết rõ ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc đã biết rõ tâm ta." Rồi ôm lòng sầu lo, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1202. THI-LA[3651]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-la[3652] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành

Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền biến thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Thi-la nói kệ:

Chúng sanh sanh làm sao?

Ai là người tạo nó?

Chúng sanh khởi chỗ nào?

Và rồi đi về đâu?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-la tự nghĩ: “Đó là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, biết rõ đó là ác ma muốn gây chướng nạn, liền nói kệ:

Ngươi bảo có chúng sanh,

Đó là thấy của ma.

Chỉ có uẩn trống rỗng,

Không có ai chúng sanh.

Nhiều thanh gỗ hợp lại,

Đời gọi nó là xe;

Các uẩn do duyên hợp,

Tạm gọi là chúng sanh.

Sanh này là khổ sanh,

Trụ cũng là khổ trụ;

Không pháp nào sanh khổ,

Khổ sanh, khổ tự diệt.

Xả tất cả ưu khổ,

Xa lìa mọi tối tăm;

Đối tịch diệt, đã chứng,

Các lậu hết, an trụ.

Đã biết ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni Thi-la đã biết rõ tâm ta.' Nên ôm lòng lo lắng, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1203. TỲ-LA[3653]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la[3654] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn." Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, nói kệ:

Làm sao tạo hình[3655] này?

Ai là người tạo nó?

Hình này khởi từ đâu?

Hình này đến chỗ nào?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Tỳ-la tự nghĩ: “Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Nghĩ như vậy, liền biết rõ ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn, liền nói kệ:

Hình này không tự tạo,

Cũng không người khác tạo.

Nhân duyên hợp mà sanh,

Duyên tan tức biến diệt.

Như đời gieo hạt giống,

Nhờ đất đai mà sanh;

Đủ đất, nước, lửa, gió.

Ấm giới nhập cũng thế;

Nhân duyên hòa hợp sanh.

Duyên lìa thì biến diệt.

Xả tất cả ưu khổ,

Xa lìa mọi tối tăm.

Đối tịch diệt, đã chứng,

Các lậu hết, an trụ.

Vì biết ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đã biết rõ tâm ta.” Nên sanh lòng lo lắng, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1204. TỲ-XÀ-DA[3656]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da[3657] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vẹâ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước cô, nói kệ:

Nay cô còn tuổi trẻ,

Tôi cũng còn trẻ tuổi;

Nơi này, cùng ở chung,

Tạo năm thứ âm nhạc.

Để cùng nhau vui hưởng,

Thiền tư để làm gì?

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da tự nghĩ: ‘Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

Ca múa, các nghệ thuật,

Các thứ cùng vui chơi;

Nay đều cho ngươi hết,

Ta chẳng cần đến chúng.

Nếu chánh thọ vắng lặng,

Thì ngũ dục trời, người;

Tất cả đều cùng cho,

Ta cũng không cần chúng[3658].

Bỏ tất cả vui vẻ,

Xa lìa mọi tối tăm;

Đã tác chứng, tịch diệt,

Các lậu hết, an trụ.

Đã biết ngươi, ác ma,

Hãy tự biến khỏi đây.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đã biết rõ tâm ta.' Nên trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1205. GIÁ-LA[3659]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Giá-la[3660] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Giá-la nói kệ:

Biết thọ sanh là vui[3661],

Sanh hưởng thụ ngũ dục[3662].

Ai đã truyền dạy cô,

Khiến chán lìa thọ sanh?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Giá-la tự nghĩ: ‘Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? mà đến đây muốn nhiễu loạn,’ liền nói kệ:

Có sanh ắt có chết,

Sanh thì chịu các khổ:

Roi vọt, các khổ não,

Duyên sanh có tất cả.

Hãy đoạn tất cả khổ,

Siêu việt hết thảy sanh;

Tuệ nhãn quán Thánh đế,

Những gì Mâu-ni nói:

Khổ khổ và khổ tập,

Diệt tận lìa các khổ;

Tu tập tám Thánh đạo,

An ổn đến Niết-bàn.

Pháp Đại Sư bình đẳng,

Tôi hâm mộ pháp này;

Vì tôi biết pháp này,

Không thích thọ sanh nữa.

Lìa tất cả buồn vui,

Xả bỏ mọi tối tăm;

Đã tác chứng tịch diệt,

Phiền não hết, an trụ.

Biết rõ ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1206. ƯU-BA-GIÁ-LA[3663]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la[3664] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà ngồi dưới bóng một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó gây chướng nạn.' Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la nói kệ:

Trên cõi Tam thập tam,

Diệm-ma, Đâu-suất-đà;

Hóa lạc, Tha tự tại,

Nguyện được sanh về đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la tự nghĩ: "Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?" Tự nghĩ đã biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

Trên cõi Tam thập tam,

Diệm-ma, Đâu-suất-đà;

Hóa lạc, Tha tự tại,

Trên các cõi trời ấy.

Không lìa hành hữu vi[3665],

Nên bị Ma khống chế;

Tất cả các thế gian,

Đều là tụ các hành.

Tất cả các thế gian,

Đều là pháp dao động;

Tất cả các thế gian,

Lửa khổ thường cháy mạnh.

Tất cả các thế gian,

Đều khởi dậy khói bụi.

Không động cũng không lay;

Không tập cận phàm phu;

Không rơi vào đường ma;

Ở nơi đó an vui;

Lìa tất cả ưu khổ,

Xả bỏ mọi tối tăm.

Đã tác chứng tịch diệt,

Các lậu hết, an trụ.

Đã biết ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đã biết rõ tâm ta', trong lòng ôm lo, lặng lẽ biến mất.

---o0o---

KINH 1207. THI-LỢI-SA-GIÁ-LA[3666]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la[3667] ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất

thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la nói rằng:

“A-di! Cô thích đạo giáo[3668] nào?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Tôi không thích bất cứ đạo giáo nào.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

Cô chấp nhận chỗ nào,

Cạo tóc làm Sa-môn;

Mình đắp y ca-sa,

Mà làm tướng xuất gia;

Đối các đạo không thích,

Mà sống ôm ngu si?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la tự nghĩ: ‘Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, tự biết rõ là ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn, liền nói kệ:

Các đạo ngoài Pháp này,

Bị các kiến trói buộc.

Bị các kiến trói rồi,

Thường bị ma khống chế.

Nếu sanh nhà họ Thích,

Không ai bằng Đại Sư;

Hay dẹp các ma oán,

Không bị chúng chế phục.

Thanh tịnh thoát tất cả,

Đạo nhãn quan sát khắp;

Trí nhất thiết ắt biết,

Tối thắng lìa các lậu.

Ngài Đại Sư của ta.

Ta chỉ thích pháp Ngài.

Ta vào pháp Ngài rồi,

Được xa lìa, vắng lặng.

Lìa tất cả ái hỷ,

Xả bỏ mọi tối tăm;

Đã tác chứng, tịch diệt,

Các lậu hết, an trụ.

Đã biết ngươi, ác ma,

Hãy biến khỏi nơi này.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đã biết rõ tâm ta.' Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1208. AO YẾT-GIÀ[3669]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già[3670], tại nước Chiêm-bà.

Bấy giờ, ngày thứ mười lăm của tháng, vào lúc bố-tát, Thế Tôn ngồi trước đại chúng. Khi trăng vừa mới mọc, lúc ấy ở trong chúng có Tôn giả Bà-kỳ-xá[3671], nghĩ như vầy: "Bây giờ, ta muốn ở trước Thế Tôn, đọc kệ khen về thí dụ mặt trăng". Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Muốn nói thì cứ nói."

Lúc ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ở trước Phật nói kệ:

Như trăng treo hư không,

Trong sáng không mây che;

Ánh sáng trong vằng vặc,

Chiếu khắp cả mười phương.

Như Lai cũng như vậy,

Trí tuệ soi thế gian;

Công đức nổi tiếng thơm,

Lan tỏa khắp nơi nơi.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1209. KIỀU-TRẦN-NHƯ[3672]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như ở lâu nơi a-luyện-nhã thanh vắng, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, áp mặt lên chân Phật mà nói rằng:

"Lâu quá con không gặp Thế Tôn! Lâu quá con không gặp Thiện Thệ!"

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở trong chúng hội, nghĩ như vầy: "Bây giờ, ta sẽ đến trước mặt Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như khen ngợi bằng thí dụ Thượng tọa." Nghĩ vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Muốn nói gì thì cứ nói."

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Thượng tọa của Thượng tọa[3673],

Tôn giả Kiều-trần-như;

Đã độ, đã vượt qua,

Được an lạc, chánh thọ.

Ở nơi a-luyện-nhã,

Luôn vui nơi viễn ly.

Điều đệ tử cần làm,

Chánh pháp Đại Sư dạy[3674].

Tất cả đều mở bày,

Chánh thọ, không phóng dật;

Sức đức lớn ba minh,

Trí tha tâm sáng tỏ;

Thượng tọa Kiều-trần-như,

Hộ tài sản Phật pháp;

Bằng cung kính tăng thượng,

Cúi đầu lễ chân Phật.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1210. XÁ-LỢI-PHẤT[3675]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với các Tỳ-kheo hội họp tại nhà cúng dường. Tôn giả vì họ mà thuyết pháp, cú vị đầy đủ, biện tài đơn giản, dễ hiểu, ưa nghe; thông suốt không gián đoạn, hiển bày nghĩa sâu. Các Tỳ-kheo này chuyên thích đến nghe; một lòng lắng nghe, tôn kính ghi nhớ. Lúc ấy, Tôn giả Bà-

kỳ-xá đang ngồi giữa pháp hội, tự nghĩ: ‘Ta sẽ ở trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền đứng dậy chắp tay bạch:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi có điều muốn xin nói.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Tùy sở thích mà nói.’

Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Khéo nói pháp tóm lược,

Khiến ai cũng hiểu rộng;

Ưu-bà-đề-xá hiền[3676],

Giữa đại chúng tuyên dương.

Đang lúc ngài nói pháp,

Từ cổ phát tiếng hay[3677];

Âm thanh ái niệm vui,

Tiếng thư thả điều hòa.

Ai nghe cũng ưa thích,

Chuyên nhớ không dời đổi.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1211. NA-GIÀ SƠN[3678]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá, gần núi Na-già[3679] cùng với năm trăm Tỳ-kheo câu hội, đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa bỏ các gánh nặng, chóng được lợi mình, dứt hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quan sát tâm của đại chúng, thấy tất cả đều đã giải thoát tham dục. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa đại chúng, nghĩ như vầy: 'Bây giờ, ta nên ở trước Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng nói kệ tán thán.' Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Tùy sở thích mà nói."

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Vô Thượng Sĩ, Đạo Sư,

Trụ sườn núi Na-già;

Cùng năm trăm Tỳ-kheo,

Thân kính phụng Đạo Sư.

Tôn giả Đại Mục-liên,

Thần thông thấu rõ hết;

Quán sát tâm đại chúng,

Thảy đều lìa tham dục.

Độ đầy đủ như vậy[3680],

Mâu-ni qua bờ kia;

Mang thân này sau chót,

Nay con cúi đầu lễ.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1212. TỰ TỨ[3681]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá[3682]. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng[3683].

Bấy giờ, ngày mười lăm[3684], vào giờ thực thọ[3685], Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Đại Y Sư, nhổ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Vô Thượng Y Sư, nhổ những gai nhọn. Các ông là con, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ[3686]. Chớ để cho thân, khẩu, ý Ta có điều đáng hiềm trách."

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: ''Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y Sư, nhổ những mũi nhọn. Các ông là con, sanh ra từ miệng Ta, được hóa sanh từ pháp, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý[3687] Ta có điều đáng hiềm trách.'

"Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ[3688] có thể khiến an nghỉ, người không Bát-niết-bàn có thể

khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hướng đạo. Các đệ tử sau đó thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo sư sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hướng, hân lạc chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiểu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy[3689], trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yểm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo[3690]; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ; và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỏi mệt. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh; nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha, những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển, ông cũng theo đó chuyển và đạt được vô sở khởi; hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?"

Phật đáp:

"Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải

thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết. Vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tuệ giải thoát?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được Tam minh; chín mươi Tỳ-kheo được Câu giải thoát; những vị còn lại được Tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo này đã lìa khỏi mọi dao động, không có ai là vỏ ngoài, mà đều là lõi thật cứng chắc."

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: "Nay ta sẽ ở trước Thế Tôn và hội chúng nói kệ tán thán sự hoài thọ." Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, gối phải quỳ sát đất chắp tay bạch:

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Cứ nói theo những gì muốn."

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Ngày mười lăm thanh tịnh,

Chúng kia năm trăm người;

Đoạn trừ tất cả kết,

Đại Tiên diệt tận hữu.

Thanh tịnh tập thân cận,

Thanh tịnh rộng giải thoát;

Không còn thọ các hữu,

Sanh tử đã đoạn hẳn.

Việc cần làm đã làm,

Đã hết tất cả lậu;

Mây ngũ cái đã trừ,

Nhổ rễ gai ái dục.

Sư tử không sợ hãi,

Lìa tất cả hữu dư;

Giết kẻ thù là hữu,

Siêu việt cảnh hữu dư.

Các oán địch hữu lậu,

Thảy đều đã tiềm phục.

Giống như Chuyển luân vương,

Bao dung[3691] các quyến thuộc[3692].

Tâm từ rộng tuyên hóa,

Mọi thần dân vâng theo.

Hay phục địch ma oán,

Là Đạo Sư Vô Thượng.

Tâm kính tín phụng thờ,

Ba minh, lão, tử diệt;

Là chân tử của pháp,

Không lo lắng dao động.

Nhổ sạch gai phiền não,

Kính lễ Đấng Nhật Thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1213. BẤT LẠC[3693]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng[3694] ở chỗ hoang dã nơi ở của cầm thú[3695]. Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa lâu mà có những oai nghi như vầy: sống nương vào thành ấp, làng xóm. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành ấp, làng xóm đó khất thực, khéo bảo vệ thân mình, giữ gìn các căn môn, nhiếp tâm cột niệm. Ăn xong, trở về trú xứ, cất y bát, rửa chân xong, vào thất tọa thiền, giây lát xả thiền. Không chấp đắm khất thực, nhưng vị kia[3696] không tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín.

Rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: "Ta không được lợi, khó được, chứ không phải dễ được! Ta không được tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín. Nay ta nên nói kệ tán thán sự nhàm chán của mình." Liền nói kệ:

Phải bỏ vui, không vui,

Cùng tất cả giác tham[3697];

Không gầy dựng xòm giềng[3698],

Lìa nhiễm gọi Tỳ-kheo.

Với sáu giác tâm tưởng[3699],

Rong ruổi nơi thế gian;

Che giấu ác bất thiện,

Không thể lột bỏ vỏ.

Nơi tâm vui ô uế,

Đó không gọi Tỳ-kheo.

Trói buộc bởi hữu dư[3700],

Cùng thấy, nghe, hiểu, biết.

Với người giác ngộ dục[3701],

Nơi kia không còn nhiễm.

Người không nhiễm như vậy,

Thì đó là Mâu-ni.

Đại địa và hư không,

Các sắc tượng thế gian;

Chúng là pháp biến diệt,

Vắng lặng tự quyết định.

Tu tập lâu pháp khí,

Mà được tam-ma-đề;

Không xúc, không dối nịnh,

Tâm này rất chuyên chú.

Thánh kia Niết-bàn lâu,

Cột niệm đợi thời diệt[3702].

Khi Tôn giả nói kệ tự nhàm chán, xa lìa; tâm tự khai giác đối với những điều không vui, sau khi đã khai giác rồi thì tâm trụ hân hoan.

---o0o---

KINH 1214. THAM DỤC[3703]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, cùng với bạn là Tôn giả Bà-kỳ-xá. Lúc này Tôn giả Bà-kỳ-xá thấy một cô gái rất xinh đẹp. Thấy rồi, tâm tham dục khởi lên. Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Hôm nay ta gặp bất lợi, bị khổ, không được vui. Nay ta đã gặp thiếu nữ xinh đẹp này, tâm tham dục sanh khởi. Bây giờ để sanh tâm yểm ly, ta hãy làm bài kệ.” Liền nói kệ:

Bị tham dục che khuất,

Hừng hực thiêu tâm ta.

Xin Tôn giả A-nan,

Vì tôi diệt lửa tham.

Khởi lòng từ thương xót,

Phương tiện vì tôi nói.

Tôn giả A-nan nói kệ đáp:

Vì tưởng kia điên đảo,

Hừng hực thiêu tâm người.

Đối tịnh tưởng xa lìa,

Nuôi lớn lòng tham dục.

Nên tu quán bất tịnh,

Thường nhất tâm chánh thọ;

Diệt nhanh lửa tham dục,

Chớ để thiêu tâm thầy.

Quán sát kỹ các hành,

Khổ, không, cùng phi ngã;

Buộc niệm quán thân chánh,

Tu tập nhiều yểm ly.

Đối vô tướng, tu tập,

Diệt trừ sử kiêu mạn;

Đối mạn được hiện quán,

Rốt ráo đối mé khổ.

Sau khi Tôn giả A-nan nói những lời này, Bà-kỳ-xá nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1215. XUẤT LY[3704]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có gia chủ thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà họ thọ thực. Sau khi đã đến nhà họ rồi, chỉ có Tôn giả Bà-kỳ-xá vì gặp ngày trực, ở lại giữ tinh xá, nên để dành phần ăn.

Bấy giờ, một số đông phụ nữ của gia chủ ra khỏi tụ lạc, đi đến tinh xá. Bà-kỳ-xá thấy các thiếu nữ có dung mạo đoan chánh, liền khởi tâm tham dục. Lúc này, Tôn giả lại nghĩ: "Hôm nay ta bất lợi, không được lợi, bị khổ, không được vui. Thấy thiếu nữ nhan sắc đoan chánh kia, liền khởi lòng tham dục. Bây giờ, ta phải làm kệ yểm ly." Nghĩ xong, liền nói kệ:

Ta đã được xuất ly,

Xuất gia, sống không nhà;

Tham dục đuổi theo ta,

Như trâu nhớ lúa mạ.

Phải như con đại tướng,

Sức mạnh cầm cung lớn;

Bắn phá trận trùng điệp,

Một người diệt cả nghìn.

Mâu-ni Đấng Nhật Thân,

Trước mặt được nghe nói;

Hướng thẳng đạo Niết-bàn,

Tâm quyết trụ an lạc.

Không buông lung như vậy,

Trụ chánh thọ vắng lặng;

Đối tâm ta không ai

Huyễn hoặc, hay lừa dối.

Quyết định khéo quán sát,

Đối chánh pháp, an trụ;

Dù cho vô số lượng,

Muốn đến mê hoặc ta.

Những ác ma như vậy,

Không thể gặp được ta.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, tâm được an trụ.

---o0o---

KINH 1216. KIÊU MẠN[3705]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự cho trí tuệ của mình có khả năng nói hay, rồi đối với những vị[3706] phạm hạnh thông minh khác sanh tâm kiêu mạn, sau đó liền tự tâm nghĩ: 'Ta bất lợi, sẽ không được lợi, bị khổ không được vui, ta tự cho mình có trí tuệ, mà đối với những người phạm hạnh thông minh khác khinh mạn. Bây giờ ta nên nói kệ sanh lòng yểm ly', liền nói kệ:

Cù-đàm không kiêu mạn,

Đoạn mạn khiến vô dư;

Không khởi giác tưởng mạn,

Chớ thoái lùi sanh hối.

Đối người không che giấu,

Sát mạn rơi địa ngục[3707];

Chánh định hay trừ ưu,

Thấy đạo trụ Chánh đạo.

Tâm này được hỷ lạc,

Thấy đạo tự thâu giữ;

Cho nên biện không ngại,

Thanh tịnh lìa chướng cái.

Đoạn trừ tất cả mạn,

Khởi minh tất cả nơi;

Đối Tam minh, chánh niệm,

Thần túc tha tâm trí.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ sanh lòng yểm ly rồi, tâm được thanh tịnh.

---o0o---

KINH 1217. BẢN DỤC CUỒNG HOẶC[3708]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông nước Xá-vệ, một mình tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, đạt được Tam minh, tự thân tác chứng. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: ‘Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, để được Tam minh, tự thân tác chứng. Bây giờ, ta nên nói kệ tán thán Tam minh’. Liền nói kệ:

Trước, tâm dục cuồng hoặc[3709],

Đi khắp nhà, khắp xóm;

Du hành, gặp thấy Phật,

Dạy ta pháp thù thắng.

Đấng Cù-đàm thương xót,

Vì ta nói chánh pháp.

Nghe pháp được tịnh tín,

Xả phi gia, xuất gia.

Nghe Ngài nói pháp rồi,

An trụ nơi pháp giáo.

Cần phương tiện buộc niệm,

Kiên cố thường kham năng.

Tam minh đã đạt được,

Lời Phật dạy đã làm.

Thế Tôn khéo hiển bày,

Đấng Nhật Chủng diễn nói.

Vì chúng sanh mù lòa,

Mở cửa xuất yếu kia;

Khổ khổ và nhân khổ,

Khổ diệt hết, tác chứng.

Bát Thánh lìa đường khổ,

An lạc đến Niết-bàn;

Nghĩa lành, cú vị lành,

Phạm hạnh không ai hơn.

Thế Tôn khéo hiển bày,

Niết-bàn cứu chúng sanh.

---o0o---

KINH 1218. BỐN PHÁP CÚ[3710]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về bốn pháp cú[3711]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Những gì là bốn?

Pháp Hiền thánh khéo nói,

Đây là điều tối thượng.

Ái ngữ chẳng phải không,

Đây là điều thứ hai.

Nói thật chẳng hư vọng,

Đây là lời thứ ba;

Thuyết pháp không nói khác[3712],

Đây là điều thứ tư.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là nói về bốn cú pháp.”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Thế Tôn ở giữa bốn chúng nói về bốn cú pháp. Ta phải dùng bốn cách để khen ngợi, xưng tán và tùy hỷ.’ Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật dạy:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Nếu ai khéo nói pháp,

Đối mình không bức não,

Cũng không khủng bố người,

Thì đó là khéo nói.

Điều người ái ngữ thuyết,

Nói làm người hoan hỷ;

Không khiến họ làm ác,

Thì đó là ái thuyết.

Nói thật, biết cam lộ,

Nói thật, biết vô thượng.

Nói pháp, nói nghĩa thật,

Chỗ Chánh sĩ kiến lập.

Như pháp Phật đã nói,

Đạo Niết-bàn an ổn;

Diệt trừ tất cả khổ,

Đó gọi khéo nói pháp.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1219. SƯỜN NÚI NA-GIÀ[3713]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá, cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết sạch các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở giữa nghĩa địa trong Hàn lâm, thành Vương xá, suy nghĩ rằng: 'Nay Thế Tôn đang ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, chóng được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Nay, ta nên đến đó tán thán Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng.' Nghĩ vậy xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Đấng Đạo Sư Vô Thượng,

Trụ bên núi Na-già;

Nghìn Tỳ-kheo quyến thuộc,

Phụng sự Đức Như Lai.

Pháp Đại Sư rộng nói,

Đạo Niết-bàn thanh lương;

Chuyên nghe pháp thanh bạch,

Mà Đấng Chánh Giác nói.

Đấng Chánh Giác tôn kính,

Ở ngay giữa đại chúng;

Là Đại long đức rợp,

Là Thượng thủ Tiên nhân.

Nổi kín mây công đức,

Mưa khắp chúng Thanh văn;

Xuất chánh thọ ban ngày,

Đến phụng sự Đại Sư.

Đệ tử Bà-kỳ-xá,

Cúi đầu xin đảnh lễ.

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Tùy những gì ông nói, đừng suy nghĩ trước."

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Ba-tuần khởi ác mọn,

Ngầm chế khiến diệt ngay;

Thường ngăn chặn các ma,

Khiến tự hiểu biết lỗi.

Quán sát mở trói buộc,

Phân biệt pháp thanh bạch;

Sáng soi như nhật nguyệt,

Làm vua các dị đạo.

Chứng ngộ trí siêu xuất,

Diễn nói pháp đệ nhất.

Ra các dòng phiền não,

Nói về đạo vô lượng.

Đối cam lộ, kiến lập,

Kiến đế, pháp chân thật;

Tùy thuận đạo như vậy,

Khó gặp Thầy như vậy.

Kiến lập đạo cam lộ,

Kiến đế, sùng viễn ly;

Thế Tôn khéo thuyết pháp,

Trừ ấm cái cho người.

Thấy rõ đối các pháp,

Theo học để điều phục.

Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1220. NHỔ TÊN[3714]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, nơi ở của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về pháp tương ưng bốn Thánh đế. Đó là: Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: 'Nay ta nên đến trước Thế Tôn tán thán về ví dụ nhổ mũi tên.' Nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Tùy sở thích mà nói."

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Con nay kính lễ Phật,

Thương xót mọi chúng sanh.

Thứ nhất nhổ tên nhọn,

Cách trị các bệnh, khéo.

Thầy thuốc Ca-lộ-y[3715],

Thầy thuốc Ba-hầu-la[3716];

Và thầy Chiêm-bà-kỳ[3717],

Thầy Kỳ-bà[3718] chữa bệnh.

Hoặc có bệnh hơi khỏi,

Gọi là trị bệnh hay;

Sau đó bệnh phát lại,

Bệnh kéo dai đến chết.

Đại Y Vương, Chánh Giác,

Khéo cho thuốc chúng sanh;

Trừ các khổ, rốt ráo,

Không còn thọ các hữu.

Cho đến trăm nghìn thứ,

Na-do-tha số bệnh;

Phật đều chữa trị hết,

Rốt ráo thoát khỏi khổ.

Các ông thuốc nếu họp,

Con ắt sẽ bảo họ;

Được thuốc pháp cam lộ,

Tùy sở thích mà uống.

Đệ nhất nhổ tên nhọn,

Khéo hiểu biết các bệnh;

Tối thượng trong chữa trị,

Con đảnh lễ Cù-đàm.

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Bà-kỳ-xá nói, đều rất hoan hỷ.

---o0o---

KINH 1221. NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG[3719]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng ở nơi hoang dã chỗ ở của cầm thú, bị bệnh thật là nặng. Tôn giả Bà-kỳ-xá là người nuôi bệnh, chăm sóc, cung phụng. Nhưng Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng vì bệnh tật nặng quá, nên đã Bát-niết-bàn. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: 'Hòa thượng của ta Niết-bàn là Hữu dư Niết-bàn hay là Vô dư Niết-bàn? Nay ta nên tìm cầu tướng này.'

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá cúng dường xá-lợi Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng xong, mang y bát đi về thành Vương xá. Lần lượt đến thành Vương xá, cất y bát, rửa chân xong, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Nay con lễ Đại Sư,

Đẳng Chánh Giác không giảm[3720];

Ở trong hiện pháp này,

Đoạn tất cả lưới nghi.

Tỳ-kheo ở khoáng dã,

Mạng chung Bát-niết-bàn;

Oai nghi nhiếp các căn,

Đức lớn nêu ở đời;

Được Thế Tôn đặt tên,

Gọi Ni-câu-luật Tưởng.

Nay con hỏi Thế Tôn,

Người bất động giải thoát;

Siêng năng cần phương tiện,

Vì con nói công đức.

Con là họ Thích-ca,

Đệ tử pháp Thế Tôn;

Ngoài ra còn muốn biết,

Những gì Đạo Nhãn nói.

Chúng con đang ở đây,

Tất cả đều muốn nghe;

Thế Tôn là Đại Sư,

Cứu thế gian vô thượng.

Đại Mâu-ni dứt nghi,

Trí tuệ đã đầy đủ;

Đạo nhãn thần chiếu khắp,

Ánh sáng hiển bốn chúng.

Giống như Thiên đế Thích,

Chiếu trời Tam thập tam;

Các tham dục nghi hoặc,

Đều từ vô minh khởi.

Nếu được gặp Như Lai,

Thì diệt mất không còn.

Đạo nhãn thần Thế Tôn,

Là Tối thượng thế gian.

Diệt trừ lỗi chúng sanh,

Như gió thổi bụi bay;

Tất cả các thế gian,

Phiền não che giấu mất.

Còn lại đều không có,

Mắt sáng như của Phật;

Tuệ quang chiếu khắp cả,

Khiến đồng đại tinh tấn.

Cúi xin Đấng Đại Trí,

Nên vì chúng ký thuyết;

Phát âm thanh vi diệu,

Chúng con một lòng nghe.

Diễn nói lời dịu dàng,

Các thế gian nghe khắp;

Giống như nóng, khát, bức,

Tìm kiếm nước mát mẻ.

Như Phật, biết không giảm,

Chúng con cũng mong biết.

Tôn giả Bà-kỳ-xá lại nói kệ:

Nay nghe Đấng Vô Thượng,

Ký thuyết công đức kia;

Không uổng tu phạm hạnh,

Con nghe rất hoan hỷ.

Nói tùy thuận như thuyết,

Đệ tử thuận Mâu-ni;

Cắt dây dài sanh tử,

Và dây trói hư, huyễn.

Vì nhờ gặp Thế Tôn,

Nên đoạn trừ các ái;

Qua khỏi bờ sanh tử,

Không còn thọ các hữu.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 46

KINH 1222. TỔ CHIM[3721]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la dàn trận đánh nhau. A-tu-la thắng, chư Thiên thua. Lúc ấy, quân của Thiên đế Thích thua, thoái lui tan rã, nên rất sợ hãi, quay xe chạy theo hướng Bắc, trở về cung trời, qua đường tắt trong rừng rậm dưới chân núi Tu-di. Nơi đây có một tổ Kim sí điểu[3722], có nhiều chim con cánh vàng. Lúc ấy Đế Thích sợ xe ngựa đi qua sẽ cán chết những chim con, liền bảo người đánh xe rằng:

"Hãy quay xe lại, chớ giết những chim con!"

Người đánh xe tâu vua:

"Quân A-tu-la đang đuổi theo người phía sau, nếu quay xe lại sẽ bị khốn."

Đế Thích bảo:

"Thà nên quay lại bị A-tu-la giết, chứ không để quân lính dẫm chết chúng sanh."

Người đánh xe, quay xe trở lại hướng Nam. Quân A-tu-la từ xa trông thấy xe Đế Thích quay lại, cho rằng đó là chiến sách nên vội rút lui lại. Quân lính rất sợ hãi, thua trận chạy tán loạn trở về cung A-tu-la.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, nhờ từ tâm nên có oai lực dẹp được quân A-tu-la và cũng thường tán thán công đức từ tâm. Tỳ-kheo các ông chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, phải tu tập từ tâm và cũng nên tán thán công đức từ tâm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1223. NGƯỜI NGHÈO[3723]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành Vương xá có một người bần cùng, khổ cực, nhưng tin[3724] Phật, Pháp và Tăng, giữ gìn cấm giới, học rộng nghe nhiều, ra sức bố thí, thành tựu chánh kiến. Người này sau khi mạng chung được sanh lên trời. Sau khi sanh về cõi trời Tam thập tam, có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác. Những gì là ba? Đó là được tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Các trời Tam thập tam thấy Thiên tử này có ba đặc biệt hơn về tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời; họ thấy rồi, bèn đến chỗ Thiên đế Thích, nói như vầy:

"Kiều-thi-ca nên biết, có một Thiên tử vừa sanh cõi trời này; đối với những vị Thiên tử cũ, có ba đặc thù hơn là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời."

Khi ấy Thiên đế Thích nói với Thiên tử này rằng:

"Chư Nhân giả, tôi biết người này trước đây làm một người bần cùng nghèo khổ ở thành Vương xá, nhưng đối với pháp luật của Như Lai, rất có lòng tin,... cho đến thành tựu chánh kiến. Cho nên, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời này và có điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời."

Rồi Thiên đế Thích liền nói kệ:

Chánh tín đối Như Lai,

Nhất định không dao động;

Thọ trì giới chân thật,

Không nhàm chán Thánh giới.

Đối Phật tâm thanh tịnh,

Đối chánh kiến thành tựu;

Nên biết không nghèo khổ,

Tự sống không vô ích.

Nên đối Phật, Pháp, Tăng,

Khởi lòng tin thanh tịnh;

Trí tuệ càng sáng hơn,

Nhớ nghĩ lời Phật dạy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1224. ĐẠI TẾ TỰ[3725]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá mở đại hội rộng rãi, mời hết các đạo khác nhau.

Có một người ngoại đạo Giá-la-ca[3726] tự nghĩ: 'Nay ta thỉnh vị Trời ngoại đạo là Giá-la-ca[3727] làm phước điền trước.' Hoặc những người theo ngoại đạo xuất gia; hoặc người theo đạo Ni-kiền Tử; hoặc người theo đạo Lão đệ tử; hoặc theo đệ tử đạo thờ lửa. Trong đó có những người theo Tăng đệ tử Phật, tự nghĩ: 'Nay hãy trước hãy thỉnh Tăng mà đứng đầu là Phật[3728] để làm ruộng phước.'

Bấy giờ, Thiên đế Thích tự nghĩ: 'Chớ để cho dân chúng thành Vương xá bỏ Tăng đứng đầu là Phật mà đi thờ những đạo khác để cầu phước điền. Ta nên nhanh chóng vì người thành Vương xá mà kiến lập phước điền.' Liền hóa ra một Đại Bà-la-môn, tướng mạo nghiêm chỉnh, đi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn hộ tống trước sau, cầm dù lọng cán vàng đến thành Vương xá, đi khắp mọi nơi trong hội chúng. Bấy giờ, tất cả nam nữ thành Vương xá đều tự nghĩ: 'Phải nhìn xem nơi phụng sự của vị Bà-la-môn này, rồi ta sẽ theo họ để cúng dường cầu ruộng phước tốt trước nhất.'

Lúc này Thiên đế Thích biết rõ tất cả ý nghĩ của nam nữ thành Vương xá, bèn đánh xe dẫn đầu, theo đường hẹp đến núi Kỳ-xà-quật, đến ngoài cửa, bỏ

hết năm thứ trang sức, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Khéo phân biệt hiển bày,

Hết thảy pháp bờ kia;

Qua khỏi mọi sợ hãi,

Nên kính lễ Cù-đàm.

Mọi người mở hội khắp,

Muốn cầu công đức lớn;

Người người mở đại thí,

Thường cầu quả hữu dư.

Xin Ngài nói ruộng phước,

Khiến người thí được quả.

Ở núi Kỳ-xà-quật,

Đức Đại Sư trả lời,

Điều hỏi của vua trời,

Đế Thích đại tự tại.

Mọi người mở hội khắp,

Muốn cầu công đức lớn;

Người người mở đại thí,

Thường cầu quả hữu dư.

Nay nói về ruộng phước,

Bố thí được quả lớn.

Chánh hướng gồm có bốn[3729],

Trụ Thánh quả cũng bốn[3730].

Gọi là Tăng ruộng phước.

Minh hạnh, định đầy đủ;

Ruộng phước Tăng thêm rộng,

Vô lượng vượt biển cả.

Đệ tử Điều Ngự Sư,

Sáng soi bày chánh pháp;

Khéo cúng dường nơi này,

Cúng Tăng, phước điền tốt.

Tăng là ruộng phước tốt,

Phật nói được quả lớn.

Vì Tăng lìa năm cái,

Thanh tịnh, đáng tán thán.

Cúng Tăng, ruộng tối thượng,

Cúng ít, thâu lợi nhiều.

Vậy hết thảy mọi người,

Nên cúng ruộng phước Tăng.

Pháp thắng diệu càng được,

Minh hạnh, định tương ưng.

Cúng Tăng trân bảo này,

Tâm thí chủ hoan hỷ.

Phát sanh ba thứ tâm,

Thí y phục, ẩm thực.

Lìa kiếm nhọn trần cấu,

Vượt qua các đường ác;

Tự thân đi mời thỉnh,

Tự tay cúng bình đẳng.

Tự lợi cũng lợi người,

Thí này được lợi lớn.

Người trí thí như vậy,

Tịnh tín tâm giải thoát.

Thí an lạc không tội,

Nương trí vãng sanh kia.

Sau khi Đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, lễ Phật, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn và đại chúng nhận sự cúng dường của chúng con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Dân chúng thành Vương xá biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời của họ rồi, làm lễ ra về. Họ về nơi đại hội, chuẩn bị thức ăn và sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm, sai người đến bạch Phật: 'Đã đến thời! Xin Ngài biết cho.'

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng đắp y, ôm bát, đến chỗ đại hội, trải tòa ngồi trước đại chúng. Nhân dân thành Vương xá biết Phật đã ngồi yên, tự làm đồ ăn thức uống tươi tốt. Thọ trai rồi, rửa bát, xỉa răng xong, họ trở về chỗ cũ nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì dân chúng thành Vương xá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1225. ĐẠI TẾ TỰ (2)[3731]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. *Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sai biệt là:*

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói bài kệ khác hỏi Phật:

Nay xin hỏi Cù-đàm,

Tuệ vi diệu sâu kín;

Thế Tôn đã thể nhập,

Thấy biết không chướng ngại.

Dân chúng thiết lập đại hội khắp, *nói đầy đủ như trên… cho đến* vì dân chúng thành Vương xá mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---o0o---

KINH 1226. TAM-BỒ-ĐỀ[3732]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ; nghe rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã chứng Vô thượng Bồ-đề[3733] mà mọi người đã loan truyền, là không phải hư vọng và nói quá chăng? Là đã nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng? Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chăng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chăng[3734]?"

Phật bảo Đại vương:

"Những điều họ nói như vậy là lời nói chân thật, chẳng phải là hư vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Này Đại vương, hiện tại thực sự Ta đã đắc Vô thượng Bồ-đề."

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

"Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không tự nói được Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng Vô thượng Bồ-đề?"

Phật bảo Đại vương:

"Có bốn thứ tuy trẻ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lợi, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con[3735], tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Đủ hình tướng Sát-lợi,

Danh tiếng, dòng quý tộc;

Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,

Người trí không thể khinh.

Tất sẽ ở ngôi vua,

Nhớ lại, sanh oán hại.

Cho nên khó thể khinh;

Phải sanh lòng đại kính.

Người khéo biết tự hộ,

Hãy giữ kỹ mạng mình;

Bình đẳng mà tự hộ,

Tránh xa để hộ mạng[3736].

Nơi làng xóm, chỗ vắng,

Nếu gặp rồng con kia;

Chớ cho là rắn nhỏ,

Mà sanh lòng coi thường.

Mình rồng nhỏ nhiều màu,

Cũng nên để yên ổn;

Nam hay nữ khinh rắn,

Đều bị độc làm hại.

Cho nên, để tự hộ,

Hãy giữ kỹ mạng mình;

Vì khéo tự hộ này,

Tránh xa để hộ mạng.

Mãnh hỏa khi xâm thực,

Dù ít nhưng không hạn;

Đuốc nhỏ có thể thiêu
Khắp nơi, nếu củi đủ.
Thiêu từ nhỏ dần lên,
Tận xóm làng thành ấp;
Cho nên, để tự hộ,
Nên như hộ mạng mình.
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để tự hộ.
Bị lửa dữ thiêu đốt,
Trăm thứ cỏ cháy rụi.
Tắt rồi, không co rút;
Lửa tắt cỏ lại sanh.
Nếu khinh hủy Tỳ-kheo,
Người giữ lửa tịnh giới.
Thì đốt mình, con cháu,
Tai nạn lưu trăm đời.
Như đốt cây đa-la,
Không bao giờ sanh lại.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,

Tránh xa để hộ mạng.

Đủ hình tướng Sát-lợi,

Rắn con và đóm lửa;

Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,

Không nên sanh coi thường.

Cho nên phải tự hộ,

Như tự hộ mạng mình;

Vì khéo tự hộ này,

Tránh xa để hộ mạng.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc kia, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1227. MẸ[3737]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên mạng chung[3738]. Vua đưa ra ngoài thành hỏa táng, cúng dường xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu lại, mặc đồ tang, tóc bù xù vậy?”

Vua Ba-tư-nặc thưa:

“Bạch Thế Tôn, con đã mất bà nội mà con rất kính trọng. Bà đã bỏ con ra đi. Con đã đưa ra ngoài thành để hỏa táng, cúng dường xong, rồi đến Thế Tôn.”

Phật bảo:

"Đại vương thương kính bà nội lắm phải không?"

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, rất kính trọng thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bảy báu, cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được; kẻ sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: 'Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.' Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng."

Phật bảo Đại vương:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết."

Phật bảo Đại vương tiếp:

"Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, hay gia chủ, nếu có sanh đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-đế-lợi, ở ngôi quán đảnh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại; đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sanh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lìa các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên giác, khéo điều phục, khéo tịch tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Tất cả loài chúng sanh,

Có mạng đều phải chết;

Chúng đi theo nghiệp mình,

Tự nhận quả thiện ác.

Nghiệp ác vào địa ngục,

Làm lành lên trên trời;

Tu tập đạo thắng diệu,

Lậu hết, Bát-niết-bàn.

Như Lai và Duyên giác,

Thanh văn đệ tử Phật;

Đều phải bỏ thân mạng,

Huống là người phàm phu.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1228. THÂN YÊU[3739]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh thiền tứ tư duy, tự nghĩ: 'Thế nào là tự thương yêu mình, thế nào là không tự thương yêu mình[3740]?' Lại nghĩ: 'Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình.' Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Thế nào là tự thương yêu, thế nào là không tự thương yêu mình?' Rồi lại nghĩ: 'Nếu người

nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình'."

Phật bảo Đại vương:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương, nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu. Dầu cho họ tự nói, tự thương yêu, nhưng thật ra không phải tự thương yêu. Vì sao? Vì không có điều xấu ác nào mà người bạn xấu ác làm cho không phải là điều không là thân thương đối với người mà nó không thân thương, không phải là điều được yêu mến đối với người mà nó không yêu mến[3741]. Cho nên những người này là không phải tự yêu thương mình. Lại nữa, Đại vương, người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình. Dầu cho những người này tự nói không tự thương tiếc thân mình, nhưng thực ra những người này là tự thương yêu mình. Vì sao? Vì không có điều tốt nào mà người bạn tốt làm không phải là đáng thân đối với người mà nó thân, không phải là đáng yêu đối với người mà nó yêu. Cho nên những người này là người tự thương yêu mình."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Bảo rằng tự thương mình,

Không nên tạo ác hạnh.

Vì nhân không ác hạnh,

Nên đã được an lạc.

Bảo rằng tự thương mình,

Quyết không tạo ác hạnh.

Người tạo mọi nghiệp thiện,

Nên đã được an lạc.

Nếu ai tự yêu mình,

Khéo hộ mà tự hộ;

Như vua khéo giữ nước,

Ngoài, canh phòng biên giới.

Nếu ai tự yêu mình,

Khéo tự giữ báu vật;

Như vua khéo giữ nước,

Trong, canh giữ thành quách.

Như tự giữ bảo vật,

Sát-na không gián đoạn;

Sát-na nếu thiếu lo,

Đường ác chịu khổ mãi.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1229. TỰ HỘ[3742]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ[3743]?' Lại nghĩ: 'Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.' Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?' Rồi lại nghĩ: 'Nếu người nào thân hành ác hạnh,

khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ, mà nói là hay tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ bằng quân voi, ngựa, xe, bộ, dùng chúng để tự phòng hộ, nhưng thực ra không phải là tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài, nhưng không phòng hộ bên trong. Cho nên, Đại vương! Đó gọi là không tự phòng hộ.

“Đại vương, nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng quân voi, ngựa, xe, bộ để tự phòng hộ, nhưng thực ra là tự phòng hộ. Vì sao? Vì phòng hộ bên trong. Đó gọi là khéo tự phòng hộ, chẳng cần phòng hộ bên ngoài.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Khéo phòng hộ thân, khẩu,

Và tất cả ý nghiệp;

Tự hộ bằng tàm quý,

Đó là khéo phòng hộ.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1230. TÀI LỢI[3744]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không phóng dật, không tham

đắm, không tạo những ác hạnh đối với chúng sanh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sanh ra phóng dật, tăng trưởng tham đắm chúng, khởi lên các tà hạnh.' Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu và đối với tài lợi đó không sanh ra phóng dật, không sanh ra tham đắm, không tạo ra tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sanh ra phóng dật, sanh ra tham đắm, khởi lên các tà hạnh.'

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không tham đắm, không sanh ra phóng dật, không khởi lên những tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu và đối với tài lợi phóng dật, mà khởi lên tham đắm, khởi lên các tà hạnh.' Đại vương nên biết, những người thế gian kia được tài lợi thắng diệu, đối với tài lợi mà phóng dật, mà khởi tham đắm, làm các tà hạnh, đó là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Đại vương, giống như người thợ săn, học trò thợ săn, giăng lưới bắt giết nhiều thú vật, trong rừng hoang vắng; hại chúng sanh khốn khổ, nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thế gian được tài lợi thắng diệu, đối tài lợi sanh phóng dật, khởi lên tham đắm, tạo các tà hạnh; người ngu si này sẽ chịu khổ não lâu dài, không được lợi ích."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Đối tài vật tham dục,

Bị tham làm mê say,

Cuồng loạn không tự biết;

Giống như người thợ săn.

Vì sự phóng dật này,

Nên chịu báo khổ lớn.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1231. THAM LỢI[3745]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện[3746], tự mình xem xét những việc của quốc vương, thấy giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ, liền tự nghĩ: 'Hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta không còn đích thân xét đoán việc nữa. Ta có người con hiền, sẽ bảo nó xét đoán. Làm sao ta có thể nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ?' Khi vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đang ngự trên chánh điện, để tự xét đoán những việc của quốc vương, thấy các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Bạch Thế Tôn, con nhận thấy được điều này rồi, tự nghĩ: 'Từ nay ta hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta có người con hiền sẽ bảo nó xét đoán. Con không có thể chính mình nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ.'"

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Các dòng họ sang cả kia, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ kia, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Giống như người chài lưới và đệ tử của chài lưới thả câu, giăng lưới nơi sông, suối, khe, rạch giết hại chúng sanh tạo ra khổ lớn. Cũng vậy, Đại vương, các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ sẽ chịu khổ mãi mãi, không được lợi ích lâu dài."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Khởi tham muốn tài sản,

Tham dục làm say mê;

Cuồng loạn không tự giác,

Giống như người bắt cá.

Do vì nghiệp ác này,

Nên chịu báo khổ lớn.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1232. BỎN SẺN[3747]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước Xá-vệ này có gia chủ Ma-ha-nam[3748], giàu có nhiều của cải, kho chứa vàng ròng có đến trăm nghìn ức, huống là những của khác. Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam giàu có như vậy, nhưng đồ ăn chỉ dùng những thứ như: Ăn gạo tấm thô sơ, canh đậu, gừng cũ nát; còn mặc thì áo vải thô, mang giày da đơn; đi thì xe cũ kỹ, đội nón lá cây. Chưa từng nghe ông ta cúng dường, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay thấy ông cung cấp giúp đỡ cho những người nghèo khổ, những người lỡ đường thiếu thốn, những người ăn xin. Khi ăn thì đóng cửa, không để cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào hay những người bần cùng, những người lỡ đường, những người ăn xin, trông thấy."

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đại vương, gia chủ này không phải là Chánh sĩ[3749], được tài lợi thắng diệu mà không tự thọ dụng, không biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, đoái nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ cho người quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, hưởng thụ an lạc lâu dài, đời

sau sanh về cõi trời. Được những tài vật thù thắng mà không biết cách dùng rộng rãi để thâu lợi lớn.

"Đại vương, thí như nước được tích chứa trong ao hồ ở giữa đồng hoang, mà không có người dùng đến để uống ăn, tắm rửa, nước trong đầm bị nung khô tiêu hết. Cũng vậy, kẻ sĩ bất thiện[3750] được tài vật thắng diệu,… cho đến không chịu dùng rộng rãi để thâu lợi lớn, cũng giống như hồ nước kia vậy.

"Đại vương, có thiện nam tử[3751] được tài lợi thắng diệu, sung sướng mà thọ dùng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con bà con quyến thuộc, nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ người quen biết, thường xuyên cũng cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, đời sau sanh về cõi trời; được tiền của thù thắng, biết cách thọ dụng rộng rãi để thu lợi lớn gấp bội. Đại vương, giống như bên cạnh thành ấp, làng xóm có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến mọi người yêu thích, nhiều người chịu dùng, cho đến loài cầm thú. Cũng vậy, thiện nam tử kia được tài lợi thắng diệu, tự cúng dường tùy thích, phụng dưỡng cha mẹ,… cho đến gieo trồng ruộng phước thù thắng, thu lợi rộng lớn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Hồ nước nơi hoang mạc,

Dù trong mát sạch sẽ,

Mà không người thọ dụng,

Thì nơi đó khô hết.

Cũng vậy của thắng diệu,

Mà ở nơi người ác,

Không thể tự thọ dụng,

Cũng không thương giúp ai.

Luống tự gom góp khổ,

Chứa rồi tự tiêu tán.

Người trí được của nhiều,

Tự mình vui thọ dụng;

Thí khắp làm công đức,

Giúp đỡ cho thân thuộc;

Tùy chỗ cần cung cấp,

Như trâu chúa lãnh đàn.

Bố thí cùng thọ dụng,

Không mất cơ hội cần.

Nương lý mà mạng chung[3752],

Sanh Thiên hưởng phước lạc.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1233. MỆNH CHUNG[3753]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có gia chủ Ma-ha-nam mạng chung[3754], nhưng không có con cháu. Vua Ba-tư-nặc mới đem tài sản không có con, không có thân thuộc nhập hết về nhà vua. Vua Ba-tư-nặc hằng ngày phải đi xem xét tài sản, thân thể dính bụi bặm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu đến, thân thể dính bụi bặm và có vẻ mệt nhọc?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam nước này mạng chung, để lại tài sản, nhưng không con, nên tất cả phải nhập về nhà vua. Con phải trông coi, liệu lý, nên bụi bặm dính vào người, mệt nhọc. Từ nhà đó con đến đây."

Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

"Gia chủ Ma-ha-nam kia giàu có nhiều của lắm sao?"

Vua đáp:

"Bạch Thế Tôn, rất giàu, tiền của rất nhiều, tiền vàng của báu có đến trăm nghìn ức, huống lại là những của khác. Bạch Thế Tôn, ông Ma-ha-nam kia lúc còn sống mặc thô sơ, ăn uống cực khổ. *Nói đầy đủ như trên*."

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Ông Ma-ha-nam kia vào thời quá khứ, gặp Bích-chi-phật Đa-ca-la-thi-khí[3755] có cúng dường một bữa ăn, nhưng không có lòng tin thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng rồi lại hối tiếc nói rằng: 'Cơm này ta có thể cho những tôi tớ của mình, không tội gì lại đem cho Sa-môn!' Nhờ phước bố thí này, bảy lần được sanh lên trời Tam thập tam và bảy lần sanh vào nước Xá-vệ này thuộc dòng họ tối thắng, tiền của giàu có bậc nhất. Nhưng vì khi cúng dường vị Bích-chi-phật kia với lòng tin không thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng dường rồi lại hối tiếc, nên dù nơi khi sanh ra tuy được giàu có, nhưng phải thọ dụng quần áo thô sơ, ăn uống khổ cực, ngọa cụ, nhà cửa, xe cộ thô sơ cũ kỹ. Ngay từ đầu chưa nếm qua được sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp để tự an thân.

"Lại nữa, Đại vương, trước kia gia chủ Ma-ha-nam đã giết người anh khác mẹ của mình để chiếm lấy tài sản. Vì tội này nên trải qua trăm nghìn năm phải đọa vào địa ngục, tội báo ấy còn sót nên sanh vào nước Xá-vệ, bảy lần thọ thân mà thường không có con; tài sản tịch thâu về nhà vua. Đại vương, gia chủ Ma-ha-nam nay mạng chung, phước báo bố thí quá khứ đã hết mà đời này ông lại keo kiệt, tham lam, buông lung đối với tài sản, nhân tạo tội ác, sau khi mạng chung ở đây sẽ đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não."

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục chịu khổ đau phải không?"

Phật đáp:

“Đúng vậy, Đại vương! Đã đọa vào địa ngục.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghĩ đến ông mà rơi lệ, lấy áo lau nước mắt, nói kệ:

Của cải, kim bảo thật,

Voi ngựa đồ dùng tốt;

Nô bộc, trẻ hầu hạ,

Cùng nhà cửa ruộng nương.

Tất cả đều bỏ lại,

Thần thức đi một mình.

Vận phước số đã hết,

Vĩnh viễn bỏ thân người.

Nay họ sở hữu gì?

Đem theo được những gì?

Với cái gì không bỏ,

Như bóng đi theo hình?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chỉ có nghiệp tội, phước,

Người nào đã tạo ra;

Thì đó là sở hữu,

Họ sẽ thường mang theo.

Sống chết chưa từng lìa,

Giống bóng đi theo hình.

Như người ít tư lương,

Đi xa gặp nạn khổ.

Người không tu công đức,

Phải qua khổ đường ác.

Như người nhiều tư lương,

Đi xa được an lạc.

Người tu đức thuần hậu,

Luôn hưởng vui cõi lành.

Như người đi chơi xa,

Lâu năm về an ổn.

Người thân và bằng hữu,

Tụ tập đón mừng vui;

Người khéo tu công đức,

Chết đây sanh nơi khác.

Những thân quyến của họ,

Gặp nhau tâm hoan hỷ.

Cho nên phải tu phước,

Tích tụ thành vĩnh cửu.

Phước đức hay vì người,

Kiến lập vui đời khác;

Phước đức được trời khen,

Cùng hạnh tu chánh khác.

Hiện tại người không chê,

Chết sanh lên cõi trời.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1234. TẾ TỰ[3756]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội[3757] rộng rãi. Vì đại hội nên đem cả nghìn con bò đực[3758] cột vào trụ và những đồ vật cúng tế. Cho mời hết các ngoại đạo khác nhau, từ xa đến tụ tập đông đủ nơi đại hội của vua Ba-tư-nặc.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên,… cho đến* các ngoại đạo, tất cả đều đến tập hợp. Nghe rồi, sau khi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên,… cho đến* các ngoại đạo khác đều tập hợp đến chỗ đại hội."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tháng tháng[3759] mở đại hội,

Cho đến số trăm nghìn[3760];

Không bằng chánh tín Phật,

Bằng một phần mười sáu.

Cũng vậy, tín Pháp, Tăng,

Từ tâm với chúng sanh;

Phước của đại hội kia,

Không bằng phần mười sáu.

Nếu người ở thế gian,

Ức năm[3761] tạo nghiệp phước;

Không bằng một phần bốn.

Kính lễ vị trực tâm[3762].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1235. HỆ PHƯỢC[3763]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nổi giận, bắt nhiều người trong nước bỏ tù, gồm các Sát-đế-lợi, nào Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Chiên-đà-la, trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia đều bị trói, bị xiềng xích, bị cùm, hoặc bị cột dây. Bấy giờ, sáng sớm, có các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,… cho đến xiềng xích, cột trói. Sau khi khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,… cho đến xiềng xích, cột trói."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng phải dây, cùm, xích,

Là trói buộc kiên cố.

Tâm ô nhiễm, luyến tiếc

Của báu, tiền, vợ con:

Dây trói bền lâu nhất;

Tuy lỏng nhưng khó thoát.

Người trí không luyến tiếc

Lạc thú ngũ dục đời.

Đó là dứt được trói,

An ổn siêu xuất thế[3764].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1236. CHIẾN ĐẤU (1)[3765]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy nước Ma-kiệt-đà chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế khởi bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nghe bốn thứ quân của vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy kéo đến, cũng tập hợp bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua A-xà-thế đắc thắng, bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn thoái lui, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, có các Tỳ-kheo, đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế con bà Vi-đề-hy đem bốn thứ quân đến nước Câu-tát-la; vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn rút lui, vua Ba-tư-nặc khốn đốn sợ hãi, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ. Nghe rồi, khất thực xong, các Tỳ-

kheo trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn binh. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chiến thắng thêm oán thù,

Bại khổ nằm không yên.

Thắng bại, bỏ cả hai,

Nằm yên vui tịch tịnh.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1237. CHIẾN ĐẤU (2)[3766]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn thứ quân kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn thứ quân của vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn. Vua Ba-tư-nặc bắt sống vua A-xà-thế và thu được tiền tài, bảo vật xe cộ ngựa voi. Bắt sống vua A-xà-thế, chở cùng xe đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đây là vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, mà con không bao giờ oán hận. Nhưng người lại gây oán kết; đối với người tốt mà tạo điều không tốt. Song người này là con của bạn con. Con sẽ thả ra cho trở về nước."

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Lành thay, Đại vương, thả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Cho dù sức tự tại,

Thường hay xâm lược người;

Sức tăng thì càng oán,

Bội thu lợi mình người[3767].

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1238. KHÔNG BUÔNG LUNG (1)[3768]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này[3769], là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng[3770].’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.’”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện

tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.' Vì sao? Ta là thiện tri thức, đối với chúng sanh có pháp sanh được giải thoát khỏi sanh; chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, đều giải thoát khỏi tất cả.

"Đại vương, có một thời Ta ở tại tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá[3771]. Khi ấy Tỳ-kheo A-nan-đà một mình ở nơi yên tĩnh, tư duy tự nghĩ: 'Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng[3772].' Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, ngồi lui qua một bên, bạch Ta rằng:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ yên tĩnh, tư duy, tự nghĩ: 'Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng'"

"Lúc ấy Ta bảo rằng:

"A-nan, đừng nói những lời như vầy: 'Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng.' Vì sao? Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất, mãn tịnh này, chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. Vì sao? Ta thường vì các chúng sanh làm thiện tri thức. Vì những chúng sanh này có sanh, nên biết, chánh pháp của Thế Tôn ngay trong đời này khiến thoát khỏi sự sanh; đối chúng sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, lìa các nhiệt não, khiến cho thoát khổ não, không đợi thời tiết, hiện tại, thông suốt dẫn đến, bằng tự giác mà chứng biết; thì đó gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Khen ngợi không buông lung,

Đó là chánh giáo Phật;

Tu thiền không buông lung,

Mau đạt được lậu tận.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1239. KHÔNG BUÔNG LUNG (2)[3773]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?' Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một mình con ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: 'Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?"

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ. Đó là pháp lành không buông lung. Pháp lành không buông lung mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

"Đại vương, thí như những công nghiệp đồ sộ được tạo ra ở thế gian, chúng đều nương vào đất mà được kiến lập. Pháp lành không buông lung cũng lại như vậy, được tu tập, tu tập nhiều thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

"Như lực, cũng vậy, hạt giống, rễ, lõi, loài đi trên bộ, đi dưới nước, sư tử, nhà cửa[3774], cũng nói như vậy.

"Cho nên, Đại vương nên trụ vào không buông lung; nên nương vào không buông lung. Sau khi trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung thì phu nhân sẽ nghĩ: 'Đại vương đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, nay ta cũng nên như vậy, trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.' Phu nhân đã như vậy, đại thần, thái tử, mãnh

tướng cũng như vậy. Cũng vậy, nhân dân trong nước cũng sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ vào không buông lung, phu nhân, đại thần, thái tử, mãnh tướng đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, chúng ta cũng như vậy, nên trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Đại vương, nếu người nào trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, thì có thể tự hộ. Phu nhân, thể nữ cũng có thể tự bảo vệ và kho tàng của báu sẽ tăng lên thật nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Xưng tán không buông lung,

Chê bai sự buông lung.

Đế Thích không buông lung,

Làm chúa trời Đao-lợi.

Xưng tán không buông lung,

Chê bai sự buông lung.

Có đủ không buông lung,

Thâu giữ gồm hai nghĩa.

Một hiện tại được lợi,

Hai đời sau cũng vậy.

Đó gọi là hiện quán,

Của người trí sâu xa[3775].

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ ra về.

---o0o---

KINH 1240. BA PHÁP[3776]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: 'Có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Như vậy là ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến này, thì chư Phật Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời và thế gian cũng không biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi. Vì có ba pháp này mà tất cả thế gian không yêu, không mến này là già, bệnh, chết nên chư Phật Như Lai mới xuất hiện ở đời và thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi.' Vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những điều suy nghĩ kia bạch Thế Tôn.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Đây có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến là già, bệnh, chết,… cho đến thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Xe báu của vua đi,

Cuối cùng cũng hư hoại.

Thân này cũng như vậy,

Biến chuyển sẽ về già.

Chỉ chánh pháp Như Lai,

Không có tướng suy, già.

Người nhận chánh pháp này,

Luôn đến chỗ an ổn.

Phàm phu luôn suy yếu,

Hình tướng tệ, xấu xí;

Suy già đến tàn lụn,

Người ngu tâm mê muội.

Nếu người sống trăm tuổi,

Thường lo chết theo đến;

Già bệnh đuổi theo nhau,

Dò xét liền gia hoại.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.[3777]

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 47

KINH 1241. GIA NHÂN[3778]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu ai ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi những người ở nhà con mạng chung, có được sanh lên trời không?"

Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay, gia chủ! Đây là câu hỏi thâm diệu về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: 'Mọi người ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi mạng chung họ có được sanh lên trời?' Vậy đã có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đã vì ông nói: 'Bất cứ người nào ở trong nhà ông, mà mạng chung, thảy đều sanh lên cõi trời chăng?'"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi:

"Hay có Tỳ-kheo-ni nào, chư Thiên nào đã nói; hay ông đã nghe trực tiếp từ Ta?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Thế nào gia chủ, hay ông dựa vào tri kiến của mình, mà biết những người nhà ông sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo gia chủ:

"Ông đã không nghe từ vị Tỳ-kheo đại đức thần lực, không phải từ Tỳ-kheo-ni, không phải từ chư Thiên, lại không phải đã có mặt trước chỗ Ta nghe nói, lại cũng không phải dựa vào tri kiến của mình để biết: 'Ở nhà con nếu mọi người mạng chung, đều được sanh lên trời.' Vậy do đâu, hôm nay ông nói lên những lời thâm diệu như vậy về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: 'Bất cứ người nào ở trong nhà con, khi mạng chung đều được sanh lên trời?'"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đến nói với con. *Nói đầy đủ như trên,* ... cho đến tất cả đều sanh lên trời. Bạch Thế Tôn, nhưng khi con thấy những người mang thai, con liền chỉ bày họ nên vì con mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con dạy nó về tam quy; đến khi hiểu biết, lại dạy nó trì giới. Giả sử tôi tớ hạ tiện, người ngoài nào có mang và sanh con, con cũng chỉ bày như vậy. Nếu có người bán nô tỳ, con liền đến nói với họ rằng: 'Hiền giả, tôi muốn mua người, nhưng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, thọ trì cấm giới. Theo lời tôi dạy, mau thọ trì năm giới. Sau đó tùy giá mà mua, nếu không theo lời chỉ dạy của tôi thì không chịu mua.' Hoặc có khách trọ hay người làm thuê, trước tiên con cũng yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, rồi sau đó con mới nhận họ. Hoặc lại có người đến xin làm học trò, hay đến xin vay lấy lãi, con cũng đều yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, sau đó mới chịu nhận. Lại nữa, khi nào nhà con cung dưỡng Phật và Tỳ-kheo Tăng thì đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc quen biết, quốc vương đại thần, chư thiên,

long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc, dưới cho đến nô bộc đều đọc tên họ, vì họ chú nguyện. Hơn nữa, con được nghe từ Thế Tôn dạy, nhờ duyên xưng tên chú nguyện nên đều được sanh lên trời. Hoặc nhân bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm; hoặc nhân thường bố thí, hoặc bố thí cho người đi đường, nhỏ cho đến bố thí cho chúng sanh một nắm nhỏ, nhờ những nhân duyên này thảy được sanh lên trời."

Phật bảo:

"Lành thay! Lành thay, gia chủ! Ông nhờ lòng tin nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có tri kiến vô thượng, nên biết rõ mọi người ở nhà ông mạng chung đều sanh lên trời."

Sau khi gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ Phật ra về.

---o0o---

KINH 1242. SỐNG CUNG KÍNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy sống cung kính. Hãy thường buộc tâm. Hãy thường cẩn thận sợ hãi. Hãy phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa. Vì sao? Vì nếu có Tỳ-kheo sống không cung kính, không buộc tâm, không cẩn thận sợ hãi, không phục tùng các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác mà muốn được đầy đủ các oai nghi, thì không hề có trường hợp đó. Vì nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn, thì không hề có trường hợp đó. Nếu học pháp không viên mãn mà muốn có giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, thì cũng không hề có trường hợp đó. Nếu giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà muốn được Vô dư Niết-bàn, cũng không hề có trường hợp đóù. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi đầy đủ, điều này có thể xảy ra. Nếu oai nghi đã đầy đủ thì việc học pháp sẽ đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu học pháp đã đầy đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi thì được vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Cho nên, Tỳ-kheo cần phải

cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi được đầy đủ,… cho đến được Vô dư Niết-bàn, cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1243. TÀM QUÝ[3779]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tịnh có thể hộ trì thế gian. Những gì là hai? Đó là tàm và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp tịnh này, thế gian cũng không biết có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân quyến, sư trưởng, tôn ty, trật tự; điên đảo hỗn loạn như hàng súc sanh. Nhờ có hai pháp tịnh tàm và quý cho nên thế gian biết có cha mẹ, … cho đến sư trưởng, tôn ty, trật tự; không hỗn loạn như hàng súc sanh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu thế gian không có,

Hai pháp tàm và quý;

Vượt trái đạo thanh tịnh,

Hướng sanh, già, bệnh, chết.

Nếu thế gian thành tựu,

Hai pháp tàm và quý;

Đạo thanh tịnh tăng trưởng,

Đóng kín cửa sanh tử.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1244. THIÊU ĐỐT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào, hành pháp ác bất thiện, phạm giới; thân thành tựu ác hạnh; khẩu, ý thành tựu ác hạnh; người ấy về sau, khi khốn khổ bởi tật bệnh, nằm liệt trên giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Cũng như bóng núi lớn che ánh mặt trời Tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung, tất cả đều hiện ra, tâm sanh hối hận: 'Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau.' Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi sanh tâm hối hận nên không được chết với tâm thiện; đời sau tâm bất thiện cũng tiếp nối sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

"Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện; khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu; thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hạnh. Lúc bấy giờ, duyên vào những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: 'Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hạnh như vậy, không làm các điều ác, sẽ sanh về đường thiện, không đọa vào đường ác, tâm không có gì hối hận.' Do tâm không biến hối, nên mạng chung với thiện tâm, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Đã gieo nghiệp thiêu đốt,

Sống nương theo phi pháp;

Theo đó làm nghiệp ác,

Ắt sanh vào địa ngục.

Đẳng hoạt và Hắc thằng,

Chúng hợp, hai Khiếu hô;

Thiêu nhiên, Cực thiêu nhiên,

Đại địa ngục Vô trạch.

Tám đại địa ngục ấy,

Cực khổ khó vượt qua;

Vì bao nhiêu ác nghiệp,

Mười sáu nơi khác nhau.

Mở bốn cửa bốn bên,

Khoảng giữa lượng bằng nhau;

Bốn bên bằng vách sắt,

Bốn cánh cửa cũng sắt.

Đất sắt lửa cháy bùng,

Chúng cháy rực khắp nơi;

Ngang dọc trăm do tuần,

Hừng hực không đoạn dứt.

Điều phục phi chư hành,

Khảo trị người cang cường;

Cho đau đớn lâu dài,

Khổ này khó thể thấy.

Người thấy sanh sợ hãi,

Run sợ, lông dựng đứng.

Khi đọa địa ngục này,

Chúc đầu xuống, chân lên.

Ngăn[3780] người tu hành phạm hạnh

Tâm nhu hòa bậc Thánh;

Nơi chỗ Hiền thánh này,

Khinh tâm khởi phi nghĩa,

Và sát hại chúng sanh,

Đọa địa ngục nóng này.

Quằn quại ở trong lửa,

Giống như cá nướng lửa.

Thống khổ kêu, la hét,

Như tiếng đàn voi chiến.

Lửa lớn tự nhiên sanh,

Đó do nghiệp của chúng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1245. ÁC HÀNH[3781]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người nào bỏ ác hành nơi thân, có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân. Người nào không đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, Ta không nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân[3782]. Do vì người kia có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, cho nên Ta nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân. Thân ác hành, không đem lại nghĩa lợi an lạc cho chúng sanh. Lìa bỏ ác hành nơi thân, tất được nghĩa lợi an lạc. Cho nên Ta nói hãy xả bỏ thân ác hành. Khẩu, ý ác hành cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1246. LUYỆN KIM[3783]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại thành Vương xá, tại trú xứ của người thợ vàng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người đúc vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng. Sau đó dùng nước dội lên. Những thứ nặng thô, tạp uế và các thứ đá vụn[3784], đất rắn, theo nước trôi đi. Nhưng những hạt cát thô vẫn còn kết dính. Lại dùng nước dội vào; những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên[3785], nhưng vẫn bị những thứ cát mịn bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên, những hạt cát mịn, đất đen theo nước trôi đi. Sau đó còn lại vàng ròng thuần tịnh không tạp. Nhưng vẫn còn cáu bợn rất nhỏ, tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, thụt ống bệ để tăng lửa cho nó tan thành dung dịch, loại bỏ hết cáu bợn. Nhưng vàng nguyên vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa phát ánh sáng; gấp lại, kéo ra, còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại phải bỏ vào lò, thụt bệ cho lửa tăng, lật qua, lật lại để hun đúc, sau cùng, vàng nguyên mới nhẹ mềm, trở thành bóng loáng, gấp, kéo, không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như xoa, bông tai, vòng, xuyến.

"Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm[3786] cũng như vậy. Những phiền não thô đang quấn chặt[3787], nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác, dần dần được đoạn trừ khiến cho tiêu diệt; như vàng nguyên kia phải loại bỏ đi những đá vụn, đất rắn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp đến từ bỏ những cáu bợn thô như dục giác, nhuế giác, hại giác[3788]; như vàng nguyên được loại bỏ cát sạn thô.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp tục loại bỏ những cáu bợn vi tế như giác tưởng về thân tộc, giác tưởng vì nhân chúng, giác tưởng về sanh thiên, bằng tư duy mà loại trừ; như vàng nguyên kia được loại bỏ đi bụi bặm, cát mịn, đất đen.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm, khi có giác tưởng về thiện pháp[3789], bằng tư duy mà trừ diệt, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng nguyên được loại bỏ đi những cáu bợn có màu như vàng ròng, để trở thành thuần tịnh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đối với các tam-muội được duy trì bởi hữu hành[3790], cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Còn được duy trì bởi pháp, thì không được tịch tĩnh, thắng diệu, không được sự an lạc của chỉ tức, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng đãi lọc vàng nguyên, loại bỏ những cáu bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội, không cần được duy trì bởi hữu hành, được tịch tĩnh thắng diệu, được con đường dẫn đến an lạc của chỉ tức, nhất tâm nhất ý, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng luyện lọc vàng nguyên cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

“Lại nữa, Tỳ-kheo lìa các giác quán, cho đến đắc đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; chánh thọ như vậy thuần nhất thanh tịnh, lìa các phiền não, nhu nhuyến, chân thật, bất động. Nếu muốn tác chứng các nhập xứ kia[3791] tất có thể được tác chứng; như thợ vàng, luyện lọc vàng nguyên đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo chứng nhập tam-muội[3792],… cho đến đối các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1247. BA TƯỚNG[3793]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phải nên chuyên tâm phương tiện tùy thời tư duy về ba tướng. Những gì là ba? Tùy thời tư duy về tướng chỉ, tùy thời tư duy về tướng cử, tùy thời tư duy về tướng xả[3794]. Nếu Tỳ-kheo chỉ một mực tư duy tướng chỉ, thì ở nơi đó tâm trở thành hạ liệt. Nếu chỉ một mực tư duy tướng cử, thì ở nơi đó, tâm trạo loạn khởi lên. Nếu chỉ một mực tư duy tướng xả, thì ở nơi đó không được chánh định, để diệt tận các hữu lậu. Vì Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy tướng chỉ, tùy thời tư duy tướng cử, tùy thời tư duy tướng xả, nên tâm được chánh định và diệt tận các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng, lấy vàng nguyên bỏ vào trong lò rồi cho tăng lửa, tùy thời quạt ống bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai. Nếu chỉ một mực thụt ống bệ, thì ở đây vàng nguyên sẽ tiêu tan hết. Nếu chỉ một mực dội nước, thì ở đây vàng nguyên trở thành chai cứng. Hoặc ngưng cả hai, thì ở đây vàng nguyên không chín tới, không thể dùng được. Cho nên thầy trò thợ vàng thiện xảo, đối với vàng nguyên kia tùy thời thụt bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai, vàng nguyên như vậy mới đúng độ, tùy theo việc mà sử dụng. Cũng vậy Tỳ-kheo chuyên tâm phương tiện thường xuyên tư duy niệm tưởng ba tướng, … cho đến lậu tận."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1248. CHĂN BÒ (1)[3795]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chăn bò ngu si không có trí tuệ. Cuối hạ đầu thu, không chịu xem xét kỹ bờ này sông Hằng, cũng không chịu xem xét kỹ bờ kia sông Hằng, mà lùa bầy bò xuống bờ dốc dựng đứng, lên bờ dốc dựng đứng, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn.

"Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chăn bò, không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ. Cuối hạ đầu thu có thể xem xét kỹ bờ này sông Hằng, xem xét kỹ bờ kia sông Hằng, khéo lùa bò qua sông, đến hang núi rộng bằng, nơi cỏ tươi, nước sạch. Khi bắt đầu lùa bò qua sông,

trước tiên lùa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn bớt dòng nước đang chảy xiết kia; tiếp đến, lùa những con bò trẻ sung sức, theo sau qua sông; sau cùng, lùa những con bò nhỏ gầy yếu theo phía dưới dòng nước. Tất cả đều theo thứ lớp qua sông an ổn. Những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ chúng, cũng theo sau mẹ qua được bờ kia.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo, nên hiểu nghĩa của thí dụ mà Ta đã nói này. Những người chăn bò ngu si vô trí ở nước Ma-kiệt-đề kia, là lục sư ngoại đạo, Phú-lan-na Ca-diếp và những người khác, cũng lại như vậy. Tập hành những tà kiến, hướng đến đường tà, như người chăn bò ngu si vô trí kia, cuối hạ đầu thu không xem xét kỹ bờ bên này bờ bên kia, dốc dựng đứng, núi hiểm trở, xuống bờ dốc, lên bờ dốc, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn. Cũng vậy, các lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp v.v… ngu si, vô trí, không biết xem xét bờ này, là chỉ cho đời này; không biết xem xét bờ kia, là chỉ cho đời khác; giữa dòng nước chảy xoáy, là chỉ cho các ma cảnh, tự gặp những khổ nạn. Những tà kiến kia, những sở học được tập hành, đều dẫn đến các hoạn nạn.

"Người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề kia không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ, là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như người chăn bò xem xét kỹ bờ này, xem xét kỹ bờ kia, khéo lùa bò qua sông, đến hang núi rộng bằng; trước tiên lùa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn ngang dòng nước đang chảy xiết, an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta diệt tận các lậu, … cho đến tự biết không còn tái sanh, cắt ngang dòng ác ma tham dục thế gian, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

"Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề, kế đến, thứ hai, lùa những con bò trẻ sung sức, cắt ngang dòng nước mà qua. Cũng vậy, các hàng Thanh văn của Ta đoạn tận năm hạ phần kết sử, được A-na-hàm, đối với việc thọ sanh kia, không trở lại cõi này nữa; lại cũng cắt đứt dòng tham dục ác ma, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

"Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề, tiếp đến, thứ ba, lùa bầy bò nhỏ yếu theo phía dưới dòng, được qua an ổn. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết; tham, sân, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, tái sanh cõi này một lần, rốt ráo hết khổ, cắt ngang dòng ác ma tham dục kia, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề, những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ chúng cũng theo mà qua sông được. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, nhất định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo hết khổ, cắt đứt dòng ác ma tham dục, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Đời này và đời khác,

Minh trí khéo hiển bày:

Chỗ ma đến, không đến;

Cho đến đối ma chết[3796].

Tất cả đều được biết,

Bằng trí Đẳng chánh giác;

Cắt đứt các dòng ma,

Phá hoại, khiến tiêu mất.

Khai mở cửa cam lộ,

Hiển hiện đạo chánh chân;

Tâm luôn luôn vui vẻ,

Đến được nơi an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1249. CHĂN BÒ (2)[3797]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người chăn bò nếu có đủ mười một pháp, sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng, cũng không thể giữ gìn bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mười một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng giữ vết thương; không un khói; không biết chọn đường; không biết chọn chỗ nghỉ[3798]; không biết chỗ qua sông; không biết chỗ cho ăn[3799]; vắt hết sữa của bò; không biết chăm sóc con đầu đàn. Đó gọi là người có đủ mười một pháp thì không thể chăn giữ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đủ mười một pháp, không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mười một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết đường chánh; không biết chỗ dừng nghỉ; không biết chỗ vượt qua; không biết chỗ để ăn; vắt hết sữa của bò; hoặc có Thượng tọa đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại Sư khen ngợi, mà không hướng đến các phạm hạnh có minh trí để khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

"Thế nào là không biết sắc? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và sở tạo từ bốn đại. Đó gọi là không biết như thật về sắc.

"Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ[3800]. Đó gọi là không biết tướng.

"Thế nào gọi là không biết trừ trùng. Dục giác[3801] đã khởi mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; sân nhuế, hại giác đã khởi, mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

"Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó nắm giữ hình tướng. Do không thủ hộ mắt, khiến cho tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện chảy lọt vào tâm mà không thể phòng hộ[3802]. Tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không băng vết thương.

"Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

"Thế nào là không biết chánh đạo? Tám Chánh đạo và Thánh pháp luật, đó gọi là đạo. Kia không biết như thật; đó gọi là không biết chánh đạo.

“Thế nào là không biết chỗ nghỉ[3803]? Đối với những pháp mà Như Lai sở tri[3804], không đạt được sự hoan hỷ, sự hân hoan, sự thắng diệu, sự ích lợi xuất ly[3805]. Đó là không biết chỗ dừng nghỉ.

“Thế nào là không biết chỗ vượt qua? Không biết Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tì-đàm, không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, rằng, ‘Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác?’ Đối với pháp ẩn mật thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ vượt qua.

“Thế nào là không biết chỗ chăn thả bò? Bốn Niệm xứ và pháp luật Thánh hiền, gọi là chỗ chăn thả bò. Ở đó mà không biết như thật, thì đó gọi là không biết chăn thả bò.

“Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men và những vật dụng trong đời sống; Tỳ-kheo thọ dụng không biết hạn lượng, đó gọi là vắt hết sữa.

“Thế nào là đối với các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu, … cho đến không hướng đến chỗ các vị thắng trí, phạm hạnh, xưng dương công đức kia, khiến cho họ tôn trọng thừa sự, cung dưỡng để được an vui? Là Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa kia, … cho đến khiến các bậc trí tuệ phạm hạnh đi đến chỗ đó, đem thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hướng đến những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc,… cho đến, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Người chăn bò kia nếu có đủ mười một pháp thì có thể làm cho đàn bò kia tăng trưởng, bảo vệ bầy bò, làm cho vui vẻ. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, nói rõ ràng phân biệt như trên, … cho đến có thể lãnh đàn, tùy thời liệu lý, khiến được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một pháp, sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một pháp, tự mình sẽ được an lạc, cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, … cho đến nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều, tự mình an và làm cho người an.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1250. NA-ĐỀ-CA (1)[3806]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la[3807], tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Lúc ấy, cũng có Tôn giả Na-đề-ca[3808] đã từng ở trong tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la.

Bấy giờ, Sa-môn, Bà-la-môn ở tụ lạc ấy nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đã đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la, tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Nghe rồi, mỗi người đều sửa soạn một cái chõ đồ ăn để bên cửa[3809], họ tự nghĩ: 'Ta cung dưỡng Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Thiện Thệ trước.' Mỗi người tự cao giọng lớn tiếng xướng lên như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn nghe trong viên lâm có tiếng nói to lớn của nhiều người, liền hỏi Tôn giả Na-đề-ca:

"Nhân gì, duyên gì, ở trong viên lâm có tiếng nói to lớn nhiều người như vậy?"

Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Đây là các Sa-môn, Bà-la-môn, Gia chủ ở tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la, nghe tin Thế Tôn ở trong rừng này, mỗi người sửa soạn một chõ đồ ăn đem để trong viên lâm và tự họ xướng lên: 'Ta cung dưỡng Đức Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Đức Thiện Thệ trước.' Vì vậy nên có tiếng nói to lớn của nhiều người ở trong rừng này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận đồ ăn của họ."

Phật bảo Na-đề-ca:

"Chớ đem lợi dưỡng cho Ta, Ta không cầu lợi. Chớ xưng tụng Ta, Ta không cầu xưng tụng. Này Na-đề-ca, nếu có ai, đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác mà Như Lai đạt được dễ dàng như vậy, đối với những thứ lợi lạc như kia, mà nếm vị, mà mong cầu[3810]. Na-đề-ca, duy Ta đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy, không cầu mà được, không khổ nhọc mà vẫn được; thì Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia? Này Na-đề-ca, các ngươi do không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng

chánh giác như thế kia, nên không đạt được sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Này Na-đề-ca, chư Thiên cũng không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia; sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Chỉ có Ta đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia, an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc; Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia? ”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con muốn nêu thí dụ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Nên biết đúng thời.”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ví như trời mưa, dòng nước thuận dòng chảy xuống. Ở nơi nào mà Thế Tôn dừng chân, ở nơi đó các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay Gia chủ kia kính tín phụng thờ. Vì Thế Tôn giới đức thanh tịnh, chánh kiến chân trực. Cho nên nay con thưa như vậy, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời mời của họ.[3811]”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi cho Ta, Ta không cầu lợi, … thì Ta há có nếm vị, mong cầu...?

“Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong rồi nằm ngửa bụng mà thở gấp, thở dài. Thấy vậy rồi, Ta tự nghĩ, như trưởng lão này không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Lại nữa, Na-đề-ca, Ta thấy ở đây có hai Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong, no bụng, thở dốc, ưỡn người mà đi. Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

"Này Na-đề-ca, Ta thấy nhiều Tỳ-kheo ăn ngon, ăn xong đi từ vườn này đến vườn kia, từ phòng này đến phòng kia, từ người này đến người kia, từ đám đông này đến đám đông kia. Thấy vậy rồi, Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia như vậy không thể đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác; chỉ có Ta mới đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy.

"Lại nữa, này Na-đề-ca, một thời, Ta đi trên đường, thấy có Tỳ-kheo đi xa ở trước, lại cũng có Tỳ-kheo từ sau xa đến[3812]. Ta bấy giờ nhàn tĩnh vô vi, cũng không có sự mệt nhọc vì sự đại tiểu tiện[3813]. Vì sao? Y vào ăn uống, tham đắm mùi vị nên có đại tiểu tiện, đó là y tựa. Quán sát sự sanh diệt của năm thọ ấm, mà sống yểm ly, đó là y tựa. Đối với sáu xúc nhập xứ quán sát tập diệt, mà sống yểm ly, đó là y tựa. Đối với cái vui đám đông hội tụ, siêng năng tụ tập nhóm họp, mà chán ghét sự viễn ly, đó là y tựa. Ưa thích tu tập viễn ly, siêng năng nơi viễn ly, mà yểm ly đám đông tụ hội, đó là y tựa. Cho nên, này Na-đề-ca, nên học như vậy. Đối với năm thọ ấm, quán sát sanh diệt, đối với lục xúc nhập xứ, phải quán sát tập diệt, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly, nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 1251. NA-ĐỀ-CA (2)[3814]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến ở tại tụ lạc Na-lăng-già-la[3815].

Nói đầy đủ như trên, ... cho đến "... mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia? "

Phật bảo Na-đề-ca:

"Ta thấy bên cạnh tụ lạc có tinh xá, có Tỳ-kheo tọa thiền. Thấy rồi Ta tự nghĩ, những người trong tụ lạc này, hoặc Sa-di, qua lại, gây tiếng động ồn ào, làm rối loạn, gây chướng ngại thiền tư cho Tôn giả này, khiến cho tỉnh giấc chánh thọ[3816], cản trở ước muốn đến chỗ chưa đến, muốn đạt chỗ chưa

đạt, muốn chứng chỗ chưa chứng. Na-đề-ca, Ta không hài lòng Tỳ-kheo ấy sống ở tinh xá cạnh tụ lạc.

"Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, nằm ngửa mà than thở[3817]. Thấy rồi Ta tự nghĩ, nay[3818] Tỳ-kheo này sau khi ngủ dậy, sẽ tư niệm với ý tưởng về rừng vắng nhàn tĩnh[3819]. Này Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sốngtrong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy[3820].

"Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi lắc lư mà ngủ gật. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, sau khi thức dậy, sẽ chứng đắc định chưa từng chứng đắc; do tâm định mà được giải thoát. Cho nên, Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy[3821].

"Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi ngay thẳng nhập chánh thọ. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, nếu chưa giải thoát, sẽ nhanh chóng được giải thoát. Nếu đã giải thoát, sẽ khiến tự phòng hộ, không để thoái thất. Na-đề-ca, Ta sẽ hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

"Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Tỳ-kheo ấy về sau rời xa chỗ rừng vắng, tập xả giường, ngọa cụ, lại trở về tụ lạc nhận lấy giường, ngọa cụ. Này Na-đề-ca, Ta cũng không hài lòng Tỳ-kheo trở lại thôn xóm như vậy.

"Lại nữa, này Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở tinh xá nơi thôn xóm, đức nhiều nổi tiếng, được các thứ tài lợi, y phục, ẩm thực, thuốc men, đủ thứ. Tỳ-kheo ấy sau đó bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm, sàng tọa, đến an nghỉ trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Ta rất hài lòng Tỳ-kheo tập xả lợi dưỡng, chòm xóm, giường nằm, ngọa cụ như vậy, mà sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Tỳ-kheo nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi.

---o0o---

KINH 1252. MỘC CHẨM[3822]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Những người Ly-xa thường dùng cây gối đầu, tay chân chai cứng[3823], nghi ngờ, sợ sệt, không để cho A-xà-thế vua nước Ma-kiệt-đề, con bà Vi-đề-hy thừa cơ hội thuận tiện, cho nên thường răn nhắc chính mình, không sống buông lung. Do họ sống không buông lung nên vua nước Ma-kiệt-đề, A-xà-thế con bà Vi-đề-hy không thể rình rập cơ hội thuận tiện. Trong đời vị lai không lâu, những người Ly-xa mặc tình hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lụa là làm gối, tứ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì họ sống buông lung nên vua nước Ma-kiệt-đề A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, tìm được cơ hội thuận tiện.

"Như vậy, các Tỳ-kheo, phải tinh cần, phương tiện, kiên cố chịu đựng, không bỏ pháp lành; cho dù gầy còm da bọc xương, cũng phải tinh cần phương tiện, không bỏ pháp lành, cho đến nếu chưa đạt những điều đáng được, không lìa bỏ tinh tấn, thường nhiếp tâm sống không buông lung. Nhờ sống không buông lung nên ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội. Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo mặc tình hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lụa là làm gối, tứ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì sống buông lung nên ác ma Ba-tuần tìm được cơ hội. Cho nên Tỳ-kheo phải học như vậy, tinh cần phương tiện, cho đến nếu chưa đạt những điều chưa được thì không từ bỏ phương tiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1253. BÁCH PHỦ[3824]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có người, buổi sáng đem ba trăm chảo thức ăn bố thí cho chúng sanh, trưa và chiều cũng lại làm như vậy. Người thứ hai, chỉ trong khoảnh khắc tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò. Nếu so sánh, công đức bố thí của người trước không bằng phần trăm, phần nghìn, phần vạn ức, hay dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh

được. Cho nên các Tỳ-kheo, phải khởi học như vậy: 'Trong thời gian khoảnh khắc tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1254. GIA ĐÌNH[3825]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như gia đình con gái nhiều, con trai ít, nên biết gia đình này dễ bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam, thiện nữ không thể thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, nên biết người này sẽ dễ bị lừa dối bởi quỷ thần ác. Thí như gia đình có con trai nhiều, con gái ít, sẽ không bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, sẽ không bị lừa dối bởi các quỷ thần ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1255. DAO GĂM[3826]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có người có con dao găm, mũi nó rất bén nhọn. Có người khỏe mạnh nói rằng: 'Tôi có thể dùng tay, hay nắm tay, đập vào con dao của anh,

làm cho nó gãy vụn.’ Này các Tỳ-kheo, người khỏe mạnh kia có thể dùng tay, hay nắm tay đập vào con dao kia, làm gãy vụn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì con dao găm kia có mũi rất bén nhọn. Người đàn ông kia không thể dùng tay, hay nắm tay đập cho vụn, mà chính tự làm khốn khổ.”

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò, nếu có quỷ thần ác muốn đến dò tìm chỗ hở, không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Chúng chỉ tự làm thương tổn lại chính mình. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thường thường tu tập lòng từ cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1256. MÓNG TAY[3827]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay nhúm đất, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ngươi nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay là đất đại địa nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đất trên móng tay rất quá ít. Đất đại địa này thì vô lượng, vô số, không thể so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, chúng sanh thường xuyên tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, chúng sanh đó ít như đất trên móng tay; còn những chúng sanh thường không tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, số chúng

sanh đó nhiều như đất đại địa. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1257. CUNG THỦ[3828]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn, là pháp biến dịch. Này các Tỳ-kheo, phải thường xuyên quán sát tất cả các hành, tu tập yểm ly, không ham thích, để giải thoát."

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, mạng sống dời đổi, hủy diệt, nhanh chậm như thế nào?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể nói, nhưng ngươi muốn hiểu thì khó!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Có thể nói thí dụ được chăng?"

Phật bảo:

"Có thể được."

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn người, tay cầm cung cứng, cùng lúc bắn ra cả bốn phương. Có một người theo kịp khi tên chưa rơi, chụp lấy bốn mũi tên. Thế nào, Tỳ-kheo, người như vậy là nhanh chóng phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhanh chóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chụp những mũi tên này tuy có nhanh chóng, nhưng có Địa thần Thiên tử còn nhanh chóng hơn người đó gấp bội. Thiên thần Hư không lại nhanh hơn Địa thần gấp bội. Tứ thiên vương lại nhanh hơn Thiên thần hư không gấp bội. Có Nhật nguyệt thiên tử lại nhanh hơn Tứ thiên vương gấp bội. Có thần hướng đạo Nhật nguyệt[3829] lại nhanh hơn Nhật nguyệt thiên tử gấp bội. Này các Tỳ-kheo, sự thay đổi biến hoại của mạng hành còn nhanh hơn thần hướng đạo Nhật nguyệt gấp bội. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải tinh tấn phương tiện quán sát mạng hành là vô thường nhanh chóng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1258. A-NĂNG-HA[3830]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha[3831]. Người này có một cái trống tên là A-năng-ha[3832], âm thanh rất hay, rất thâm trầm, vang bốn mươi dặm. Trống kia đã lâu nên nhiều chỗ bị rách thủng. Bấy giờ, thợ bịt trống cắt lột da bò để quấn chung quanh. Tuy được quấn chung quanh, tiếng trống vẫn không cao, không hay, không thâm trầm. Một thời gian sau, trống lại hư mục, da bị tróc mảng lớn, chỉ còn lại là đống gỗ. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, nên đối với những kinh điển[3833] mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, khó thấy khó hiểu, không thể suy lường, quyết định nghĩa vi diệu bí mật, là chỗ biết của bậc minh trí; Tỳ-kheo ấy nhận hiểu nhanh chóng và đầy đủ hết, nghe những điều được nói ấy, hoan hỷ kính cẩn tu tập, để được lợi ích xuất ly. Tỳ-kheo đời vị lai không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ; nghe kinh điển mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không[3834], mà không thọ trì liền, không thích đến để nhận lãnh;

nghe những lời nói ấy thì không hoan hỷ, không kính cẩn tu tập, không được lợi ích xuất ly. Nhưng đối với những sách dị luận tạp nham thế gian, văn từ trau chuốt, tạp cú thế tục, thì chuyên tâm lãnh thọ, nghe những lời nói ấy hoan hỷ, kính cẩn tập theo, không được lợi ích xuất ly. Đối với Tỳ-kheo ấy, những điều được Như Lai thuyết, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không, ở đây tiêu diệt. Cũng như trống kia vì hư mục nên rách nát, chỉ còn lại đống gỗ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải siêng năng phương tiện tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, đối với những điều mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không, hãy tức thời thọ trì, toàn bộ thọ trì; nghe những lời nói ấy thì hoan hỷ, kính cẩn tu tập, được lợi ích xuất ly."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1259. HÒN SẮT[3835]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như hòn sắt ném vào trong lửa, có màu như lửa, được đựng trong bông kiếp-bối. Thế nào, Tỳ-kheo, nó sẽ cháy nhanh chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Người ngu si sống nương nơi thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn xóm khất thực; không khéo hộ thân, không giữ căn môn, tâm không buộc niệm; nếu thấy thiếu nữ, mà không chánh tư duy, nắm giữ tướng sắc kia, khởi tâm tham dục; dục thiêu đốt tâm, dục thiêu đốt thân. Khi thân tâm đã bị thiêu đốt, xả giới, thoái thất. Người ngu này sẽ lâu dài không được nghĩa lợi, hữu ích. Cho nên, này Tỳ-kheo, phải học tập như vầy: Khéo giữ thân mình, thủ hộ các căn môn, buộc niệm, khi vào thôn khất thực. Phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1260. MIÊU LY[3836]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ, có một con chồn mèo đói khát, gầy yếu, rình con chuột ở trong hang. Nếu chuột ra thì nó sẽ bắt lấy mà ăn. Một hôm, chuột ra khỏi hang rong chơi, chú mèo kia liền chộp nuốt nhanh. Thân chuột nhỏ, bị nuốt sống vào bụng. Khi vào bụng rồi, nó ăn nội tạng mèo. Bị ăn nội tạng, mèo mê cuồng chạy lung tung khắp nơi, từ nhà trống đến gò mả, không biết dừng lại nơi nào, dần dần cho đến chết. Cũng vậy, Tỳ-kheo, có người ngu si nương nơi làng xóm mà sống, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn khất thực mà không khéo hộ thân, không giữ các căn, tâm không cột niệm, thấy các nữ nhân, khởi tư duy bất chánh, liền nắm bắt tướng sắc mà phát khởi lòng tham dục. Khi tham dục đã phát khởi, lửa dục cháy bừng, thiêu đốt thân tâm. Khi thân tâm bị thiêu đốt, tâm dong ruổi cuồng phóng, không thích ở tinh xá, không thích nơi rừng vắng, không thích dưới bóng cây; bị tâm ác bất thiện ăn vào pháp bên trong mà xả giới, thoái thất. Người ngu này lâu dài chịu khổ đau, không lợi lạc. Cho nên, Tỳ-kheo, cần phải học như vậy: Khéo hộ thân mình, giữ gìn các căn môn, buộc tâm chánh niệm mà vào thôn khất thực. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1261. CHÀY GỖ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như cái chày gỗ thường dùng không thôi, lâu ngày mòn dần. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn từ trước đến nay không đóng chặt các căn, ăn uống không biết chừng mực, đầu đêm cuối đêm không tinh cần tỉnh giác tu tập thiện pháp; nên biết hạng người này trọn ngày bị tổn giảm, thiện pháp không tăng, như cái chày gỗ kia.

"Này các Tỳ-kheo, thí như cây ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đâu, phân-đà-lợi mọc ở trong nước, lớn lên trong nước, theo nước tăng trưởng. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào khéo đóng các căn môn, ăn uống biết chừng mực; đầu đêm cuối đêm tinh cần tỉnh giác, công đức thiện pháp ngày đêm tăng trưởng. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1262. DÃ HỒ (1)[3837]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, vào cuối đêm, Thế Tôn nghe chồn hoang kêu. Qua sáng hôm sau, bấy giờ Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

"Lúc cuối đêm, các ông có nghe chồn hoang kêu không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có nghe."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có một người ngu si suy nghĩ như vầy: 'Mong[3838] ta thọ thân, được hình tướng như vầy, phát ra tiếng như vậy.' Người ngu si này mong cầu chỗ thọ sanh tương tợ như vậy, có gì mà không được! Cho nên, Tỳ-kheo, các ông phải tinh cần phương tiện, cầu đoạn tận các hữu, đừng tạo phương tiện tăng trưởng các hữu. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1263. PHÂN TIỂU[3839]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta không tán thán ít thọ hữu thân, huống chi là thọ nhiều. Vì sao? Vì thọ hữu là khổ. Thí như phân tiểu, dù ít cũng đã hôi thối, huống chi là nhiều. Cũng vậy các hữu dù ít cho đến sát-na cũng không tán thán, huống chi lại nhiều. Vì sao? Vì hữu là khổ. Cho nên, Tỳ-kheo, cần phải học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ cho hữu tăng trưởng. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1264. DÃ HỒ (2)[3840]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, sau nửa đêm Thế Tôn nghe chồn hoang kêu. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

"Lúc cuối đêm, các thầy có nghe chồn hoang kêu không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có nghe."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Con chồn hoang kia bị khốn vì ghẻ lở nên nó phải kêu. Nếu có người nào vì con chồn hoang kia mà chữa trị ghẻ lở cho nó, chồn hoang ắt sẽ biết ơn và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không có biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, các Tỳ-kheo cần phải học như vầy: Biết ơn và báo ơn. Nếu có ơn nhỏ còn báo đáp, trọn không hề quên, huống chi là ơn lớn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1265.[3841]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Bạt-ca-lê[3842] ở tại tinh xá Kim-sư[3843] trong thành Vương xá, bị khốn khổ vì tật bệnh, được Tôn giả Phú-lân-ni chăm sóc cung dưỡng. Lúc đó Bạt-ca-lê nói với Phú-lân-ni:

"Thầy đến chỗ Thế Tôn, vì tôi cúi đầu lễ chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc không? Và bạch với Ngài: 'Con là Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư, bị khốn khổ vì tật bệnh, đang nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn. Nhưng bị khốn khổ vì tật bệnh, khí lực sút kém, không tự đến được. Cúi xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà đến tinh xá Kim-sư này.'"

Bấy giờ, Phú-lân-ni nhận lời Bạt-ca-lê, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc không?"

Thế Tôn đáp:

"Nay được an lạc."

Tôn giả Phú-lân-ni lại thưa:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư đau nặng nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn. Nhưng sức yếu không thể tự đi đến chỗ Thế Tôn được. Lành thay, xin Thế Tôn thương xót, thỉnh Ngài đến tinh xá Kim-sư."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Thế Tôn đã nhận lời, liền đảnh lễ lui ra. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tỉnh giác, Thế Tôn

đến tinh xá Kim-sư, vào phòng Tôn giả Bạt-ca-lê. Tôn giả Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Phật liền muốn gượng dậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

“Hãy thôi, chớ ngồi dậy.”

Thế Tôn liền ngồi xuống giường khác, bảo Bạt-ca-lê:

“Tâm ông có chịu nổi cái khổ của bệnh này không? Bệnh nơi thân ông tăng hay giảm?”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

Nói đầy đủ như kinh Tỳ-kheo Xoa-ma ở trước.[3844]

“Bạch Thế Tôn, thân con đau khổ quá chịu không nổi, muốn tìm dao tự sát, không thích sống khổ.”

Phật bảo Bạt-ca-lê:[3845]

“Nay Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Thế nào, Bạt-ca-lê, sắc là thường chăng, hay là phi thường chăng?”

Bạt-ca-lê đáp:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Lại hỏi:

“Vô thường là khổ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Lại hỏi:

“Này Bạt-ca-lê, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, ở trong đó há có đáng tham, đáng ham muốn chăng?”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không đáng."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

"Nếu đối với thân kia không có gì đáng tham, đáng ham muốn, thì mạng chung tốt lành, đời sau cũng tốt lành."

Bấy giờ Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói pháp bằng nhiều cách. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Ngay đêm hôm ấy, Tôn giả Bạt-ca-lê tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa. Khi ấy vào cuối đêm, có hai vị trời thân hình rất đoan chánh, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh hoạn, tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu."

Vị trời thứ hai thưa:

"Tôn giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo."[3846]

Thưa những lời này xong cả hai cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

Bấy giờ, vào lúc đêm đã qua, trời sáng, Thế Tôn trải tòa ngồi kiết già trước đại chúng bảo các Tỳ-kheo:

"Đêm qua có hai Thiên tử hình thể đoan chánh, đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên thưa: 'Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư bị khốn khổ vì tật bệnh, nên tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.' Vị trời thứ hai thưa: 'Tôn giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo.' Thưa những lời này xong, cúi đầu làm lễ rồi biến mất."

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

"Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nói với Bạt-ca-lê rằng đêm qua có hai vị trời đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ, đứng lui qua một bên thưa với Ta rằng: 'Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh tật, nên tư duy đến sự giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa.'Vị trời thứ hai thưa: 'Tôn

giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo.' Thưa những lời này xong liền biến mất. Đó là những lời của chư Thiên. Như Lai cũng nói lại với ông là, ông đối với thân này chớ khởi ham muốn thì mạng chung tốt lành, đời sau cũng sẽ tốt lành."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn, rồi đến phòng Bạt-ca-lê, tinh xá Kim-sư. Lúc ấy Bạt-ca-lê nói với người nuôi bệnh rằng:

"Các vị hãy mang giường dây tới và khiêng giùm thân tôi ra đặt ngoài cổng tinh xá[3847]. Tôi muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu."

Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đang đi kinh hành nơi đất trống. Tỳ-kheo được Phật sai đến chỗ các Tỳ-kheo, hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Thưa chư Tôn giả, Tỳ-kheo Bạt-ca-lê ở chỗ nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bảo thị giả khiêng giường dây ra ngoài tinh xá, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu."

Vị Tỳ-kheo được Phật sai, liền đến chỗ Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Tỳ-kheo được sai đến, nói với những người nuôi bệnh:

"Hạ giường dây xuống đất. Tỳ-kheo đang vội đến kia, hình như được Thế Tôn sai đến."

Thị giả liền hạ giường dây đặt xuống đất. Lúc ấy, Tỳ-kheo được sai kia nói với Bạt-ca-lê:

"Thế Tôn có lời dạy và các vị Thiên tử cũng có lời nói."

Bấy giờ, Bạt-ca-lê nói với những người nuôi bệnh:

"Đỡ tôi xuống đất. Không nên ở trên giường mà nhận lãnh lời dạy Thế Tôn và những lời nói của chư Thiên."

Lúc đó, thị giả liền đỡ Bạt-ca-lê xuống đất. Khi ấy, Bạt-ca-lê nói:

"Thầy có thể tuyên thị lời dạy của Thế Tôn và chư Thiên".

Tỳ-kheo sứ giả nói:

“Bạt-ca-lê, Đại Sư bảo thầy: ‘Đêm qua có hai vị Thiên tử đến nói với Ta là Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh tật nên tư duy đến giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu.’ Vị trời thứ hai thì thưa: ‘Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đã được giải thoát bằng thiện giải thoát.’ Nói những lời này xong liền biến mất. Thế Tôn lại ký thuyết cho Thầy: mạng chung được tốt lành, đời sau cũng tốt lành.”

Bạt-ca-lê thưa:

“Tôn giả, Đại Sư khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy, hai vị Thiên kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy. Nhưng hôm nay, tôi đối với sắc thân này là vô thường, quyết định không còn nghi ngờ. Vô thường là khổ, quyết định không còn nghi ngờ. Vô thường, khổ là pháp biến dịch, đối với chúng không gì đáng tham, không có gì đáng muốn, đã quyết định không còn nghi ngờ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhưng hôm nay tôi bệnh tật đau đớn vẫn bám theo thân. Tôi dùng dao tự sát, không thích sống lâu.”

Nói rồi liền cầm dao tự sát. Bấy giờ vị Tỳ-kheo sứ giả cung dưỡng thi thể Bạt-ca-lê xong trở về chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã đem lời dạy của Thế Tôn nói lại cho Tôn giả Bạt-ca-lê, Tôn giả nói rằng: ‘Đại Sư đã khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy. Hai vị Thiên tử kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy.’ … *nói đầy đủ cho đến* cầm dao tự sát.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo cùng đi đến tinh xá Kim-sư, chỗ thi thể của Bạt-ca-lê. thấy thi thể Bạt-ca-lê có sắc viễn ly. Thấy rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy thi thể Bạt-ca-lê trên đất có sắc viễn ly không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có thấy.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Có thấy quanh thi thể Bạt-ca-lê có bóng bao quanh bốn phía, vây lấy thân thể không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là tượng của Ác ma đi quanh để tìm thần thức của thiện nam Bạt-ca-lê sẽ sanh về chỗ nào?”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện nam tử Bạt-ca-lê, với thần thức không sở trú mà cầm dao tự sát.”[3848]

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói lời thọ ký đệ nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1266. XIỂN-ĐÀ[3849]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la[3850], bị nguy khốn vì tật bệnh. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, đang bị nguy khốn vì bệnh tật, nghe rồi, nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Tôn giả biết không? Tỳ-kheo Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, bị nguy khốn vì bệnh tật. Chúng ta nên cùng đến đó thăm.”

Ma-ha Câu-hi-la im lặng nhận lời. Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến phòng Tôn giả Xiển-đà, trong rừng Hảo y Am-la tại tụ lạc Na-la. Tôn giả Xiển-đà từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, vịn giường muốn đứng dậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả Xiển-đà:

“Thầy đừng ngồi dậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ngồi xuống nơi giường khác, hỏi Tôn giả Xiển-đà:

"Thế nào, Tôn giả Xiển-đà, có kham nổi sự đau đớn không? Bệnh tăng hay giảm?"*Nói đầy đủ như kinh Xoa-ma trước*.[3851]

Tôn giả Xiển-đà thưa:

"Nay thân bệnh của tôi quá đau đớn, khó kham nhẫn được. Bệnh tiếp tục tăng chứ không giảm, chỉ muốn cầm dao tự sát, không thích sống khổ."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Tôn giả Xiển-đà, thầy nên nỗ lực, chớ có tự hại mình. Nếu thầy còn sống, thì tôi sẽ tới lui chu toàn với thầy. Nếu thầy có thiếu gì, tôi sẽ cung cấp cho thầy, thuốc thang đúng pháp. Nếu thầy không có người nuôi bệnh, tôi sẽ chăm sóc thầy, làm cho thầy vừa ý, chẳng phải không vừa ý."

Xiển-đà thưa:

"Tôi được các Gia chủ, các Bà-la-môn trong thôn Na-la đến chăm sóc và cúng dường y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc thang không thiếu thứ gì. Tôi cũng có đệ tử tu phạm hạnh, nuôi bệnh vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng tôi bị đau khổ bức bách vì tật bệnh nên thân khó chịu đựng được nổi, chỉ muốn tự sát, không thích sống khổ."

Xá-lợi-phất nói:

"Bây giờ, tôi hỏi thầy, cứ tùy ý trả lời tôi. Mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Xiển-đà đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi Xiển-đà:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, … ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Xiển-đà đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Xá-lợi-phất lại hỏi:

"Xiển-đà, ở nơi mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, thầy thấy chúng thế nào, phân biệt chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà bảo rằng mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?"

Xiển-đà đáp:

"Ở nơi mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, tôi thấy sự diệt tận. Vì biết diệt tận, nên thấy mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau."

Lại hỏi Xiển-đà:

"Ở nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý, … ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, thầy thấy chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà đối với ý, ý thức cùng pháp thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?"

Xiển-đà đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ở nơi … ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, tôi thấy sự diệt tận. Vì biết diệt tận, nên ở nơi … ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý nhận thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng hiện nay thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ."

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hi-la nói với Tôn giả Xiển-đà:

"Nay thầy hãy tu tập chánh niệm nơi Đại Sư, như văn cú đã được nói: 'Có sở y thì dao động[3852]. Dao động thì có thú hướng. Có thú hướng thì không nghỉ ngơi. Không nghỉ ngơi thì qua lại theo các cõi. Qua lại theo các cõi thì có sanh tử trong vị lai. Có sanh tử trong vị lai thì có nổi chìm[3853] vị lai. Có nổi chìm vị lai thì sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, tụ tập thuần đại khổ như vậy.' Như văn cú đã được nói: 'Không sở y thì không dao động. Không dao động thì không có thú hướng. Không có thú hướng thì có dừng nghỉ. Có dừng nghỉ thì không qua lại các đường[3854]. Không qua lại các đường thì không nổi chìm trong vị lai. Không có nổi chìm trong vị lai thì

không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, thuần đại tụ tập khổ diệt như vậy.'"

Xiển-đà thưa:

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, tôi cung dưỡng[3855] Thế Tôn, phận sự nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã hoàn tất, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử, nay đã làm xong. Nếu có phận sự nào khác của đệ tử cung dưỡng Đại Sư, thì cũng sẽ như vậy mà cung dưỡng Đại Sư, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng bây giờ, thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, chỉ muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ."

Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà dùng dao tự sát ngay ở trong rừng Hảo y Am-la thôn Na-la. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất cung dưỡng xá-lợi của Tôn giả Xiển-đà xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại thôn Na-la, đã dùng dao tự sát. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà kia sẽ đến đường nào? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao?"

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Người kia đã chẳng tự ký thuyết rằng: 'Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, 'Tôi cung dưỡng Thế Tôn, phận sự nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã hoàn tất, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử, nay đã làm xong. Nếu có phận sự cung dưỡng Đại Sư khác nữa, thì cũng sẽ như vậy mà cung dưỡng Đại Sư, vừa ý chẳng phải không vừa ý' ư?"[3856]

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Thế Tôn:

"Tôn giả Xiển-đà kia, trước ở thôn Bà-la-môn Trấn-trân-ni[3857], có nhà cung dưỡng, nhà thân hậu, nhà khéo nói năng."[3858]

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Như vậy, Xá-lợi-phất, thiện nam tử bằng chánh trí mà chân chánh khéo giải thoát, thì có nhà cung dưỡng, nhà thân hậu, nhà khéo nói năng. Này Xá-lợi-phất, Ta không nói người kia[3859] có lỗi lớn. Nếu có người nào bỏ thân này để rồi tiếp tục thân khác, Ta mới nói người đó có lỗi lớn. Nếu có người nào bỏ thân này rồi không tiếp tục thân khác, Ta không nói người đó có lỗi lớn. Do

không có lỗi lớn, Xiển-đà đã dùng dao tự sát ở thôn Na-la trong rừng Am-la.”[3860]

Như vậy, Thế Tôn vì Tôn giả Xiển-đà kia nói lời thọ ký đệ nhất.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ làm lễ rồi đi.

-ooOoo-

TẠP A-HÀM QUYỂN 48

KINH 1267. SỬ LƯU[3861]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử này bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo[3862], Tỳ-kheo vượt qua dòng xiết chăng?”

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ, mà vượt qua dòng xiết chăng?”

Phật bảo:

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết, ý nghĩa ấy thế nào?”

Phật bảo:

“Này Thiên tử, Ta ôm chặt như vậy, như vậy, tiến thẳng như vậy, như vậy; không bị nước cuốn trôi. Không ôm chặt như vậy, như vậy, không tiến thẳng

như vậy, như vậy, thì bị nước cuốn trôi[3863]. Thiên tử, như vậy gọi là không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết."

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn

Đã đạt Bát-niết-bàn;[3864]

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.[3865]

Thiên tử kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1268. GIẢI THOÁT[3866]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia bạch Phật:

"Này Tỳ-kheo, biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng[3867] của tất cả chúng sanh bị đắm trước, bị tập khởi chăng?"

Phật bảo Thiên tử:

"Ta tất biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đắm trước, bị tập khởi."

Thiên tử bạch Phật:

"Tỳ-kheo, làm thế nào để biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đắm trước, bị tập khởi?"

Phật bảo Thiên tử:

"Ái, hỷ diệt tận, tâm Ta giải thoát. Do tâm đã giải thoát nên biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đắm trước, bị tập khởi."

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1269. CHIÊN-ĐÀN[3868]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử ấy bạch Phật:

Ai vượt các dòng thác,

Ngày đêm siêng tinh tấn;

Không vin cũng không trụ,

Nhiễm gì mà không dính?[3869]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả giới đầy đủ,

Trí tuệ, khéo chánh thọ;[3870]

Trong tư duy, buộc niệm,

Qua nạn, vượt các dòng.

Nơi dục tưởng không ham,

Nơi sắc kết vượt qua;

Không bám cũng không trụ,

Nơi nhiễm cũng không dính.[3871]

Khi ấy Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Sau khi Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1270. CÂU-CA-NI (1)[3872]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Câu-ca-ni là con gái của Quang minh thiên[3873], dung sắc tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc.

Lúc ấy, Thiên nữ Câu-ca-ni nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Phật bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy!”

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Bấy giờ, Thế Tôn, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có Thiên nữ Câu-ca-ni, dung sắc tuyệt diệu đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

“Ta liền đáp: ‘Đúng vậy! Đúng vậy!’

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

“Khi nói những lời này, Thiên nữ Câu-ca-ni nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Ta, liền biến mất.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1271. CÂU-CA-NI (2)[3874]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Nay tôi sẽ nói kinh Tứ cú pháp, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói. Thế nào là kinh Tứ cú pháp?”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Tứ cú pháp."

Khi ấy, cách Tôn giả A-nan không xa, có một Bà-la-môn đang dạy các Bà-la-môn thiếu niên đọc tụng kinh. Bấy giờ, Bà-la-môn kia tự nghĩ: 'Bài kệ mà Sa-môn A-nan đã nói, đối với kinh mà ta đã nói, thì đó là phi nhân[3875] nói.' Bà-la-môn kia liền đến chỗ Phật, sau khi chào hỏi, ủy lạo Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, Sa-môn A-nan đã nói kệ rằng:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng, trong đời.

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

"Những điều được nói như vậy, thật sự đó là lời của phi nhân, không phải của người."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Bà-la-môn, đó là phi nhân nói không phải người nói.

"Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-ni đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ rằng:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

“Ta liền trả lời:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như Thiên nữ đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng.

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

“Cho nên Bà-la-môn, nên biết, những điều trong bài kệ này nói là do phi nhân nói, không phải người nói.”

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, ra về.

---o0o---

KINH 1272. CÂU-CA-NI (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên, phát ra ánh chớp lớn sáng rực, quy Phật, quy Pháp, quy Tỳ-kheo Tăng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, liền nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên nữ:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa."

Bấy giờ, Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên, đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Lúc ấy, Ta liền đáp:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như những gì ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Thiên nữ Câu-ca-na,

Ánh chớp sáng rực rỡ;

Kính lễ Phật, Pháp, Tăng,

Nói kệ nghĩa lợi ích.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1273. CÂU-CA-NI (4)[3876]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên[3877], phóng ra điện chớp, ánh sáng chói lọi, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi

lui qua một bên; từ thân kia tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, liền nói kệ:

Con có thể diễn rộng,

Chánh pháp luật Như Lai;

Nhưng nay chỉ nói lược,

Đủ để tỏ lòng con.

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ, liền biến mất.

Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn vào trước Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi giữa đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại đến chỗ Ta, cung kính làm lễ, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Con có thể diễn rộng,

Chánh pháp luật Như Lai;

Nhưng nay chỉ nói lược,

Đủ để tỏ lòng con.

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Lúc ấy, Ta trả lời:

"Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

"Thiên nữ kia nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Ta, liền biến mất."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1274. CÂU-CA-NI (5)[3878]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-na-sa, Thiên nữ Châu-lô-đà[3879] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp cạnh bờ ao Di-hầu. Lúc này, Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ bạch Phật:

Đại Sư Đẳng Chánh Giác,

Ở nước Tỳ-xá-ly.

Câu-ca-na, Châu-lô,

Xin cung kính đảnh lễ.

Xưa con chưa từng nghe,

Chánh pháp luật Mâu-ni;

Nay đích thân được gặp,

Hiện tiền nói chánh pháp.

Nếu đối pháp luật Thánh,

Ác tuệ sanh chán ghét,

Ắt sẽ rơi đường ác,

Chịu các khổ lâu dài.

Nếu đối pháp luật Thánh,

Chánh niệm đủ luật nghi,

Người kia sanh lên Trời,

Được an vui lâu dài.

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì các ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Các Thiên nữ kia nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, rồi biến mất.

Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ mà ngồi, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua có hai Thiên nữ nhan sắc tuyệt vời, đến chỗ Ta, vì Ta làm lễ, ngồi lui qua một bên, Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ:

Đại Sư Đẳng Chánh Giác,

Ở nước Tỳ-xá-ly;

Con Câu-ca-na-sa,

Và cùng Châu-lô-đà;

Hai Thiên nữ chúng con,

Đảnh lễ sát chân Phật.

Xưa con chưa từng nghe,

Chánh pháp luật Mâu-ni;

Nay mới thấy Chánh giác,

Diễn nói pháp vi diệu.

Nếu đối pháp luật Thánh,

Chán ghét trụ ác tuệ;

Ắt rơi vào đường ác,

Chịu khổ lớn lâu dài.

Nếu đối pháp luật Thánh,

Chánh niệm đủ luật nghi;

Sanh lên Trời, đường lành,

Được an vui lâu dài.

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

Lúc ấy, Ta đáp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì ngươi đã nói:

Tâm kia không tạo ác,

Và thân, miệng; trong đời

Năm dục đều hư vọng,

Chánh trí, chánh buộc niệm.

Không tập cận các khổ,

Cùng hòa hợp phi nghĩa.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

---o0o---

KINH 1275. XÚC[3880]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

Không xúc, không báo xúc[3881],

Có xúc, có báo xúc.

Do vì xúc, báo xúc,

Không sân, không rời sân.[3882]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đừng đối người không sân,

Chống lại bằng sân hận.

Bậc Chánh sĩ thanh tịnh,

Lìa các phiền não kết,

Với họ khởi tâm ác,

Tâm ác trở lại mình.

Như nghịch gió tung bụi,

Bụi kia lại dính mình.[3883]

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1276. AN LẠC[3884]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử ấy nói kệ:

Việc làm người ngu si,

Không hợp với trí tuệ;

Việc ác do mình làm,

Là bạn ác của mình.

Tạo ra nhiều ác hành,

Cuối cùng chịu báo khổ.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã tạo nghiệp bất thiện,

Cuối cùng chịu khổ não;

Tạo nghiệp tuy hoan hỷ,

Thọ báo thì kêu khóc.

Người tạo các nghiệp thiện,

Cuối cùng không khổ não;

Khi tạo nghiệp hoan hỷ,

Khi thọ báo an vui.

Khi ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1277. HIỀM TRÁCH[3885]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

Không thể chỉ nói suông,

Cũng không một mực nghe,

Mà đạt được đạo tích,

Kiên cố thẳng vượt qua.

Tư duy khéo tịch diệt,

Giải thoát các ma phược.

Làm được mới đáng nói;

Không được, không nên nói.

Người không làm mà nói,

Thì người trí biết sai.

Không làm điều nên làm;

Không làm mà nói làm,

Là đồng với giặc quấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

"Nay ông có điều gì hiềm trách chăng?"[3886]

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con hối lỗi. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi."

Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười vui vẻ. Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Nay con xin hối lỗi,

Thế Tôn không nạp thọ;

Trong lòng ôm tâm ác,

Oán hờn mà không bỏ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chỉ nói lời hối lỗi,

Trong tâm kia không dừng;

Làm sao dứt được oán,

Mà gọi là tu thiện?

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Ai không có lỗi kia?

Người nào không có tội?

Ai lại không ngu si?

Ai thường hay kiên cố?

Thiên tử kia lại nói kệ tiếp:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1278. CÙ-CA-LÊ[3887]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê[3888] là bè đảng Đề-bà-đạt-đa, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù-ca-lê:

"Này Cù-ca-lê, vì sao đối với phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, ngươi khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không lợi ích."

Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng. Nhưng tâm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có ác dục."

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụt nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng kêu lên: 'Nóng quá! Nóng quá!' Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma[3889].

Bấy giờ, có ba vị Thiên tử dung mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, một Thiên tử bạch Phật:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.”

Thiên tử thứ hai thưa:

“Chư tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục.”

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

Con người sanh ở đời,

Búa sanh từ trong miệng,

Trở lại chém thân mình,

Đó do lời nói ác.

Đáng chê lại khen ngợi;

Đáng khen ngợi lại chê.

Tội này sanh nơi miệng,

Chết rơi vào đường ác.

Cờ bạc mất hết của,

Phải quấy là lỗi lớn;

Hủy Phật cùng Thanh văn,

Thì đó là tội lớn.

Ba vị Thiên tử kia nói kệ này rồi liền biến mất. Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn đi vào trong Tăng, trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có ba vị Thiên tử đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên. Thiên tử thứ nhất thưa Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.

“Thiên tử thứ hai nói với chư Thiên khác rằng:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.”

“Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

“Con người sanh ở đời,

Búa sanh từ trong miệng,

Trở lại chém thân mình,

Đó do lời nói ác.

Đáng chê lại khen ngợi,

Đáng khen ngợi lại chê.

Tội này sanh nơi miệng,

Chết rơi vào đường ác.

“Sau khi nói kệ này rồi liền biến mất.

“Này các Tỳ-kheo, các ông có muốn nghe kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh sanh vào địa ngục A-phù-đà[3890] không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thí như tại nước Câu-tát-la bốn thăng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khư-lê[3891], hai mươi khư-lê là một kho hạt cải đầy trong đó[3892]. Giả sử, nếu có người, cứ một trăm năm lấy một hạt cải, như vậy cho đến khi hết sạch kho hạt cải đầy kia, thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-

phù-đà như vậy bằng một thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục Ni-la-phù-đà[3893]. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ni-la-phù-đà bằng thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-tra-tra[3894]. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-tra-tra bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-ba-ba[3895]. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-hưu-hưu[3896]. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-hưu-hưu bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ưu-bát-la[3897]. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát-đàm-ma. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bằng thọ mạng của chúng sang trong một địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma, vì Tỳ-kheo này đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sanh ác tâm phỉ báng. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vầy: Ở nơi chỗ tim đèn, mồi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1279.[3898]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Thoái lạc, bị đánh bại

Làm sao mà biết được?

Cúi xin Thế Tôn nói,

Cửa bại vong thế nào?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chỗ thắng dễ biết được,

Chỗ bại biết cũng dễ;

Pháp lạc chỗ thắng xứ,

Hủy pháp là bại vong.

Ưa thích tri thức ác,

Không ưa tri thức thiện;

Sanh oán kết bạn lành,

Đó gọi cửa bại vong.

Ưa thích người bất thiện,

Người thiện lại ganh ghét;

Muốn ác, không muốn thiện,

Đó gọi cửa bại vong.

Đấu, cân, lừa dối người,

Đó gọi cửa bại vong.

Đam mê rượu, cờ bạc,

Chơi bời mê nữ sắc;

Tiêu tan hết của cải,

Đó gọi cửa bại vong.

Người nữ không tự giữ,

Bỏ chồng theo người khác;
Người nam tính phóng đảng,
Bỏ vợ theo ngoại sắc.
Những gia đình như vậy,
Đều đọa cửa bại vong.
Vợ già lấy chồng trẻ,
Tâm thường hay ghen ghét;
Ghen ghét nằm không yên,
Đó gọi cửa bại vong.
Chồng già lấy vợ trẻ,
Đoạ bại vong cũng vậy.
Thường thích mê ngủ nghỉ,
Bạn bè cùng đi chơi.
Biếng lười, ưa sân hận,
Chúng rơi cửa bại vong.
Nhiều của kết bạn bè,
Ăn uống không điều độ;
Tiêu tan nhiều của cải,
Chúng rơi cửa bại vong.
Ít của nhiều tham dục,
Sanh vào nhà Sát-lợi;

Thường mong làm vương giả,

Đó là cửa bại vong.

Cầu châu ngọc anh lạc,

Giày da, che tàn lọng;

Trang sức từ keo kiệt,

Đó là cửa bại vong.

Nhận thức ăn của người,

Keo kiệt tiếc của mình;

Không đáp ơn cho người,

Đó là cửa bại vong.

Sa-môn, Bà-la-môn,

Cung thỉnh vào nhà mình;

Keo lẫn không cúng kịp,

Đó là cửa bại vong.

Sa-môn, Bà-la-môn,

Thứ lớp đi khất thực;

Quở trách không muốn cho,

Đó là cửa bại vong.

Cha mẹ nếu tuổi già,

Không tùy thời phụng dưỡng;

Có của mà không nuôi,

Đó là cửa bại vong.

Đối cha mẹ, anh em,

Đánh đuổi và mạ nhục;

Không tôn ti trật tự,

Đó là cửa bại vong.

Đối Phật và đệ tử,

Tại gia cùng xuất gia;

Hủy báng không cung kính,

Đó là đọa cửa phụ.

Thật chẳng A-la-hán,

Tự xưng A-la-hán;

Đó là giặc thế gian,

Rơi vào cửa bại vong.

Đó, bại vong ở đời,

Ta thấy biết nên nói;

Giống như đường hiểm sợ,

Người trí phải lánh xa.

Khi ấy Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Sau khi Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1280.[3899]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Gì xuống thấp, xuống theo,

Gì cất cao, cất theo;

Trẻ em chơi thế nào,

Như trẻ ném đất nhau?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái xuống thì xuống theo,

Ái lên thì lên theo;

Ái đùa đối kẻ ngu,

Như trẻ ném đất nhau.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1281.[3900]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Quyết định để ngăn chặn,

Ý vọng tưởng mà đến;

Nếu người ngăn tất cả,

Thì nó không bức bách.[3901]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Quyết định để ngăn chặn,

Ý vọng tưởng mà đến;

Chẳng cần ngăn tất cả,

Chỉ ngăn nghiệp ác kia.[3902]

Khi ngăn ác kia rồi,

Không để nó bức bách.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạ Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1282.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Làm sao được nổi danh?

Làm sao được của nhiều?

Làm sao đức lan rộng?

Làm sao được bạn lành?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trì giới được nổi danh,

Bố thí được của nhiều;

Đức chân thật lan khắp,

Ân huệ được bạn lành.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1283.[3903]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Người tạo tác thế nào,

Trí tuệ để cầu tài;

Cùng nhiếp thọ tài sản,

Hoặc hơn, hoặc lại kém?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mới học nghề nghiệp khéo,

Tìm cách gom tài vật;

Được tài vật kia rồi,

Phải nên phân làm bốn.

Một phần tự nuôi thân,

Hai phần cho doanh nghiệp;

Phần còn lại để dành,

Nghĩ đến người thiếu thốn.

Người kinh doanh sự nghiệp,

Làm ruộng hay buôn bán;

Chăn trâu, dê phồn thịnh;

Nhà cửa dùng cầu lợi,

Tạo phòng ốc giường nằm;

Sáu thứ đồ nuôi sống,

Phương tiện tạo mọi thứ;

An lạc sống suốt đời.

Khéo tu nghiệp như vậy,

Trí tuệ dùng cầu tài;

Của báu theo đó sanh,

Như các dòng về biển.

Tài sản nhiều như vậy,

Như ong gom vị ngọt;

Ngày đêm của tăng dần,

Như kiến dồn đống mồi.

Không giao của người già,

Không gởi người bên cạnh;

Không tin người gian xảo,

Cùng những người keo lẫn.

Gần gũi người thành công,

Xa lìa người thất bại;

Người thường thành công việc,

Giống như lửa cháy bùng.

Người quý trọng bạn lành,

Thân mật theo người tốt;

Đồng cảm như anh em,

Khéo đùm bọc lẫn nhau.

Ở trong vòng quyến thuộc,

Biểu hiện như trâu chúa;

Tùy chỗ cần mọi người,

Phân của cho ăn uống;

Khi tuổi hết mạng chung,

Sanh về trời hưởng lạc.

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1284.[3904]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ ở Câu-tát-la có một người đánh đàn tên là Thô Ngưu, du hành trong nhân gian tại nước Câu-tát-la, dừng nghỉ ở chỗ vắng. Bấy giờ, có sáu Thiên nữ từ cung trời rộng lớn, đến chỗ người đánh đàn Thô Ngưu nước Câu-tát-la, nói với người đánh đàn Thô Ngưu rằng: 'Thưa Cậu, Cậu hãy vì chúng tôi đánh đàn, chúng tôi sẽ ca múa theo.'"

Người đánh đàn Thô Ngưu nói:

"Được vậy, các chị em! Tôi sẽ vì các chị em mà đánh đàn. Nhưng các chị em hãy nói với tôi, các chị là ai, ở đâu đến đây?"

Thiên nữ nói:

"Cậu cứ khảy đàn đi, chúng tôi sẽ ca múa, ở trong những lời ca tụng, sẽ tự nói lên nhân duyên ở đâu đến đây."

Người đánh đàn Thô Ngưu kia liền khảy đàn, còn sáu Thiên nữ kia liền ca múa theo.

Thiên nữ thứ nhất nói kệ ca rằng:

Nếu người nam, người nữ,

Bố thí y thắng diệu;

Vì nhân duyên thí y,

Chỗ sanh được thù thắng.

Vật yêu thích đem cho,

Theo ý muốn sanh Thiên;

Thấy tôi ở cung điện,

Nương hư không đi dạo.

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ;

Xem xét phước đức này,

Thứ nhất trong hồi hướng.

Thiên nữ thứ hai lại nói kệ:

Nếu người nam, người nữ,

Bố thí hương thắng diệu;

Vật yêu mến vừa ý,

Theo ý muốn sanh Thiên.

Thấy tôi ở cung điện,

Nương hư không đi dạo;

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ.

Xem xét phước đức này,

Thứ nhất trong hồi hướng.

Thiên nữ thứ ba lại nói kệ:

Nếu người nam, người nữ,

Đem thức ăn bố thí;

Vật yêu mến vừa ý,

Theo ý muốn sanh Thiên.

Thấy tôi ở cung điện,

Nương hư không đi dạo;

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ.

Xem xét phước đức này,

Thứ nhất trong hồi hướng.

Thiên nữ thứ tư lại nói kệ:

Nhớ lại những đời trước,

Từng làm tôi tớ người;

Không trộm, không tham ăn,

Siêng tu, không biếng nhác.

Vừa bụng tự điều thân,

Phần dư giúp người nghèo;

Thấy tôi ở cung điện,

Nương hư không đi dạo.

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ;

Xem xét phước đức này,

Là nhất trong cúng dường.

Thiên nữ thứ năm lại nói kệ:

Nhớ lại những đời trước,

Từng làm vợ con người;

Bố mẹ chồng hung bạo,

Thường thêm lời thô thiển.

Vẫn giữ lễ làm dâu,

Khiêm tốn và vâng thuận;

Thấy tôi ở cung điện,

Nương hư không đi dạo;

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ.

Xem xét phước đức này,

Thứ nhất trong cúng dường.

Thiên nữ thứ sáu lại nói kệ:

Xưa từng thấy đường đi,

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni;

Theo họ nghe chánh pháp,

Một đêm giữ trai giới.

Nay thấy ở cung điện,

Nương hư không đi dạo;

Thân trời như khối vàng,

Hơn trong trăm Thiên nữ.

Xem xét phước đức này,

Thứ nhất trong hồi hướng.

Bấy giờ, người đánh đàn Thô Ngưu nước Câu-tát-la nói kệ:

Nay tôi may đến đây,

Trong rừng Câu-tát-la;

Thấy được các Thiên nữ,

Thân trời thật tuyệt vời.

Đã thấy lại được nói,

Phải tu thêm thiện nghiệp;

Nay duyên tu công đức,

Cũng sẽ sanh lên trời.

Nói những lời này xong, các Thiên nữ liền biến mất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1285.[3905]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì khởi nên diệt?

Sanh gì phải phòng hộ?

Pháp gì phải nên lìa?

Đẳng quán vui được gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sân nhuế khởi, nên diệt,

Tham sống, lo phòng hộ;

Vô minh, nên xa lìa,

Đẳng quán vui chân đế.

Dục sanh các phiền não,

Dục là gốc sanh khổ;

Người điều phục phiền não,

Thì điều phục các khổ.

Người điều phục các khổ,

Cũng điều phục phiền não.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1286.[3906]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Nếu người hành phóng dật,

Lìa ác tuệ ngu si,

Thiền tư không phóng dật,

Có mau sạch các lậu?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Các sự việc thế gian

Không phải đều thuộc dục;

Tâm pháp theo giác tưởng,

Là dục của con người.[3907]

Mọi việc trong Thế gian,

Thường ở tại thế gian;[3908]

Trí tuệ tu thiền tư,

Ái dục điều phục hẳn.

Tin tưởng là bạn người,

Không tin, không vượt qua;

Tin, danh xưng mình tăng,

Mạng chung được sanh Thiên.

Đối thân tưởng hư không,

Danh sắc không bền chắc;

Người không đắm danh sắc,

Thì xa lìa chứa nhóm.

Quán nghĩa chân thật này,

Như giải thoát ai mẫn;

Do vì trí tuệ này,

Đời khen ngợi cúng dường.

Hay đoạn các tạp tưởng,

Thoát khỏi dòng sanh tử;

Vượt qua các dòng rồi,

Đó gọi là Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1287.[3909]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Cùng ở chung người nào,

Lại cùng ai cộng sự;

Biết pháp của những ai,

Là thù thắng không ác?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Cùng dạo chung Chánh sĩ,

Cùng Chánh sĩ cộng sự;

Hiểu biết pháp Chánh sĩ,

Là thù thắng không ác.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1288.[3910]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Tham lẫn sanh trong tâm,

Không thể hành bố thí.

Người minh trí cầu phước,

Mới thường hành bố thí.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sợ hãi không hành thí,

Thường sợ vì không thí;

Sợ hãi về đói khát,

Tham lẫn từ sợ sanh.

Đời này cùng đời khác,

Thường si, sợ đói khát;

Chết thì không ai theo,

Cô độc không tư lương.

Người ít của, hay thí,

Nhiều của khó cũng xả;

Khó xả mà hay xả,

Thì đó là thí khó.

Người vô tri không biết,

Người trí biết khó biết;

Đúng pháp nuôi vợ con,

Của ít tịnh tâm thí.

Hội thí trăm nghìn vật[3911]

Phước lợi được từ đó,

So với thí pháp trước,

Không bằng phần mười sáu.

Đánh, trói, hại chúng sanh,

Tài vật được từ đó,

Bố thí an cõi nước,

Đó gọi thí có tội.

So với thí bình đẳng,

Cân lường nào sánh kịp;

Đúng pháp không làm trái,

Được tài vật đem cho;

Khó thí mà hành thí,

Đúng là Hiền thánh thí;

Chỗ trụ thường được phước,

Mạng chung sanh lên trời.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1289.[3912]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong thất đá, chỗ của quỷ thần Kim-bà-la, nơi núi Kim-bà-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn vừa bị cây thương vàng[3913] đâm chân chưa bao lâu, nên khi cử động thân thể còn cảm thấy đau đớn; nhưng Ngài xả tâm chánh trí, chánh niệm, kham nhẫn tự an, không có tưởng thoái thất. Khi ấy có tám vị Thiên tử sơn thần tự nghĩ: 'Hôm nay Thế Tôn đang ở trong thất đá chỗ của quỷ thần núi Kim-bà-la tại thành Vương xá. Ngài bị cây thương vàng đâm chân, cử động thấy đau, nhưng Ngài có thể xả tâm, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn tự an, không có tưởng thoái thất. Chúng ta phải đến tán thán trước Ngài.' Nghĩ rồi, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Vị Thiên thần thứ nhất nói kệ tán thán:

Sa-môn Cù-đàm,

Sư tử giữa người;

Thân gặp thống khổ,

Kham nhẫn tự an.

Chánh trí chánh niệm,

Không hề thoái thất.

Thiên tử thứ hai lại tán thán:

Bậc Đại sĩ đại long,

Bậc Đại sĩ ngưu vương;

Đại sĩ phu dõng lực,

Đại sĩ phu ngựa hay.

Đại sĩ phu thượng thủ,

Đại sĩ phu thù thắng.

Thiên tử thứ ba lại tán thán:

Sa-môn Cù-đàm này,

Sĩ phu Phân-đà-l[3914];

Thân bị những thống khổ,

Mà vẫn hành tâm xả.

Trụ chánh trí, chánh niệm,

Kham nhẫn để tự an;

Mà không hề thoái thất.

Thiên tử thứ tư lại tán thán:

“Đối với Sa-môn Cù-đàm, nếu có những gì sĩ phu Phân-đà-lợi nói, mà hiềm trái phản lại, thì nên biết những người đó sẽ bị khổ mãi mãi, không được lợi ích. Chỉ trừ người không biết chân thật.”

Thiên tử thứ năm lại nói kệ:

Quán định, tam-muội kia,

Khéo trụ nơi chánh thọ;

Giải thoát lìa các trần,

Không hiện cũng không ẩn.

Tâm kia trụ an ổn,

Mà được tâm giải thoát.

Thiên tử thứ sáu lại nói kệ:

Dù trải năm trăm năm,

Tụng kinh Bà-la-môn;

Tinh cần tu khổ hạnh,

Không lìa trần giải thoát.

Thì là hàng thấp kém,

Không qua được bờ kia.

Thiên tử thứ bảy lại nói kệ:

Vì bị dục bức bách,

Trì giới là trói buộc;

Dù dõng mãnh khổ hạnh,

Trải qua một trăm năm.

Tâm kia không giải thoát,

Không lìa các trần cấu;

Thì là loại thấp kém,

Không qua đến bờ kia.

Thiên tử thứ tám lại nói kệ:

Tâm trụ dục kiêu mạn,

Không thể tự điều phục;

Không được định, tam-muội,

Chánh thọ của Mâu-ni.

Một mình ở rừng núi,

Tâm kia thường phóng dật;

Với quân ma chết kia,

Không qua được bờ kia.

Sau khi tám Thiên tử sơn thần kia tán thán xong, đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1290.[3915]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Rộng không gì hơn đất,

Sâu không gì qua biển;

Cao không bằng Tu-di,

Đại sĩ không Tỳ-nữu[3916].

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Rộng không gì hơn ái,

Sâu không gì qua bụng;

Cao không gì bằng kiêu,

Đại sĩ không hơn Phật.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1291.[3917]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Vật gì lửa không thiêu?

Gì gió không thể thổi?

Nạn lửa thiêu đại địa,

Vật gì không chảy tan?

Vua ác và giặc cướp,

Cưỡng đoạt tài vật người;

Người nam, người nữ nào,

Không bị họ tước đoạt?

Làm sao chứa trân bảo,

Cuối cùng không mất mát?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Phước, lửa không thể thiêu,

Phước, gió không thể thổi;

Thủy tai hại trời đất,

Phước, nước không chảy tan.

Vua ác và giặc cướp,

Cưỡng đoạt của báu người;

Nếu người nam, người nữ,

Có phước không bị cướp.

Kho báu, báo phước lạc,

Cuối cùng không bị mất.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1292.[3918]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Ai nên giữ tư lương?

Vật gì giặc không cướp?

Kẻ nào cướp thì ngăn,

Người nào cướp không ngăn?

Người nào thường đi đến,

Người trí tuệ hỷ lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người tín giữ tư lương,

Phước đức giặc không cướp.

Giặc cướp đoạt thì ngăn,

Sa-môn đoạt hoan hỷ.

Sa-môn thường đi đến,

Người trí tuệ mừng vui.

Bấy giờ Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1293.[3919]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Tất cả tướng ngăn che,

Biết tất cả thế gian;

An úy, vui tất cả,

Cúi xin Thế Tôn nói.

Thế nào là thế gian,

Những gì khó được nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Làm chủ mà nhẫn nhục,

Không của, mà muốn thí;

Gặp khó mà hành pháp,

Phú quý tu viễn ly.

Bốn pháp ấy như vậy,

Thì đó là rất khó.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Mau đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

-ooOoo-

TẠP A-HÀM QUYỂN 49

KINH 1294. SỞ CẦU[3920]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Sức lớn, vui tự tại,

Mọi sở cầu đều được;

Ai vượt trên vị kia,

Mọi mong cầu thỏa mãn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sức lớn, vui tự tại,

Vị kia không sở cầu.

Nếu ai có mong cầu,

Thì khổ chẳng phải lạc.

Tìm cầu đã qua rồi,

Vị kia chỉ có lạc.

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn ái ân đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1295. X[3921]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Xe khởi từ chỗ nào?

Ai có thể chuyển xe?

Xe chuyển đến nơi nào?

Cớ sao biến hoại mất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Xe khởi từ các nghiệp.

Tâm thức chuyển dịch xe.

Tùy nhân mà chuyển đến.

Nhân hoại thì xe mất.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1296. SANH CO[3922]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc ấy, Thiên tử kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con gái của vua Câu-lâu-đà là Tu-ba-la-đề-sa[3923] hôm nay sanh con."

Phật bảo Thiên tử:

"Đây là điều không tốt lành, chẳng phải là tốt lành!"

Thiên tử kia liền nói kệ:

Người sanh con là vui.

Thế gian có con vui.

Cha mẹ tuổi già yếu,

Cần con để phụng dưỡng.

Vì sao Cù-đàm nói,

Sanh con là không tốt?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nên biết luôn vô thường,

Uẩn thuần không, chẳng con.

Sanh con thường bị khổ,

Người ngu nói là vui.

Cho nên Ta nói rằng,

Sanh con là chẳng tốt;

Không tốt mà như tốt,

Như yêu, chẳng đáng yêu.

Thật khổ, dáng tợ vui,

Bị phóng dật dẫm đạp.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1297. SỐ[3924]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Thế nào số được đếm?

Thế nào số không ẩn?

Thế nào số trong số?

Thế nào thuyết ngôn thuyết?[3925]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Phật pháp khó đo lường,

Hai dòng không hiển hiện.

Nếu danh và sắc kia,

Diệt tận hết không còn;

Đó là số được đếm.

Số kia không ẩn tàng.

Đó là số trong số,

Đó là thuyết danh số.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1298. VẬT GÌ[3926]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Vật gì nặng hơn đất?

Vật gì cao hơn không?

Vật gì nhanh hơn gió?

Vật gì nhiều hơn cỏ?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Giới đức nặng hơn dất.

Mạn cao hơn hư không.

Hồi tưởng nhanh hơn gió.

Tư tưởng nhiều hơn cỏ.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1299. GIỚI GÌ[3927]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Giới gì, oai nghi gì?

Đắc gì, nghiệp là gì?

Người tuệ làm sao trụ?

Làm sao sanh về trời?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Xa lìa việc sát sanh,

Vui trì giới tự phòng;

Không sanh tâm gia hại,

Đó là đường sanh Thiên.

Không lấy của không cho,

Vui nhận của được cho;

Đoạn trừ tâm trộm cướp,

Đó là đường sanh Thiên.

Không phạm vợ người khác;

Xa lìa việc tà dâm;

Bằng lòng vợ riêng mình,

Đó là đường sanh Thiên.

Tự vì mình và người,

Vì của và cười đùa;

Không nói dối lừa gạt,

Là con đường sanh Thiên.

Đoạn trừ nói hai lưỡi,

Không ly gián bạn người;

Thường nghĩ hòa kia đây,

Là con đường sanh Thiên.

Xa lìa lời thô lỗ,

Lời dịu, không hại người;

Thường nói lời hay tốt,

Là con đường sanh Thiên.

Không nói lời phi giáo,

Không nghĩa, không lợi ích;

Thường nói lời thuận pháp,

Là con đường sanh Thiên.

Tụ lạc hoặc đất trống,

Thấy lợi, nói của ta;

Không hành tưởng tham này,

Là con đường sanh Thiên.

Tâm từ không tưởng hại,

Không hại các chúng sanh;

Tâm thường không oán kết,

Là con đường sanh Thiên.

Nghiệp khổ và quả báo,

Cả hai đều tịnh tín;

Thọ trì nơi chánh kiến,

Là con đường sanh Thiên.

Những thiện pháp như thế,

Mười con đường tịnh nghiệp;

Đều giữ gìn kiên cố,

Là con đường sanh Thiên.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Đã đạt Bát-niết-bàn;

Qua rồi mọi sợ hãi,

Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1300. MẠNG[3928]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thích Đề-hoàn Nhân, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì mạng không biết?

Pháp gì mạng không tỏ?[3929]

Pháp gì xiềng xích mạng?

Pháp gì trói buộc mạng?[3930]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sắc pháp mạng không biết,

Các hành mạng không tỏ;

Thân xiềng xích mạng kia,

Ái trói buộc mạng này.

Thích Đề-hoàn Nhân lại nói kệ:

Sắc chẳng phải là mạng,

Chư Phật đã từng nói.

Làm sao thuần thục được,

Nơi tạng sâu thẳm kia?

Làm sao trụ khối thịt,

Làm sao biết mạng thân?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ban đầu ca-la-la,[3931]

Từ ca-la sanh bào;[3932]

Từ bào sanh khối thịt,

Khối thịt thành dày cứng.

Thịt dày sanh tứ chi,

Và những thứ lông tóc;

Các căn tình gồm sắc,

Dần dần thành hình thể.

Nhờ người mẹ ăn uống,

Nuôi lớn bào thai kia.

Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1301. TRƯỜNG THẮNG[3933]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Trường Thắng[3934] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

Khéo học lời vi diệu,

Gần gũi các Sa-môn;

Một mình không bạn bè,

Chánh tư duy tĩnh mặc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Khéo học lời vi diệu,

Gần gũi các Sa-môn;

Một mình không bạn bè,

Tịch mặc tĩnh các căn.

Sau khi Thiên tử Trường Thắng kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1302. THI-TÌ[3935]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Thi-tì[3936] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Nên sống chung với ai?[3937]

Cộng sự cùng những ai?

Nên biết những pháp gì,

Càng thù thắng, phi ác?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Với Chánh sĩ cùng ở.[3938]

Cùng Chánh sĩ cộng sự.

Nên biết pháp Chánh sĩ,

Càng thù thắng, phi ác.

Sau khi Thiên tử Thi-tì kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1303. NGUYỆT TỰ TẠI[3939]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Nguyệt Tự Tại[3940] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nói kệ:

Kia sẽ đến cứu cánh,

Như muỗi nương theo cỏ.[3941]

Nếu được chánh hệ niệm,

Nhất tâm khéo chánh thọ.[3942]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Kia sẽ đến bờ kia,

Như cá cắn rách lưới.

Trụ thiền định đầy đủ,

Tâm thường đạt hỷ lạc.

Sau khi Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1304. VI-NỰU[3943]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tỳ-sấu-nữu[3944] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

Cúng dường Đức Như Lai,

Thường tăng trưởng hoan hỷ.

An vui Chánh pháp luật,

Theo học không phóng dật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu nói pháp như vậy,

Phòng hộ không phóng dật;

Vì nhờ không phóng dật,

Không bị ma chế ngự.

Thiên tử Tỳ-sấu-nữu kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1305. BAN-XÀ-LA-KIỆN[3945]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ban-xà-la-kiện[3946] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử kia nói kệ:

Ở ngay chỗ ồn ào,

Bậc hiệt trí giác ngộ;

Giác ngộ bằng thiền giác,

Sức tư duy Mâu-ni.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Biết rõ pháp náo nhiệt,

Chánh giác được Niết-bàn.

Nếu được chánh hệ niệm,

Nhất tâm khéo chánh thọ.

Sau khi Thiên tử Ban-xà-la-kiện kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1306. TU-THÂM[3947]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tu-thâm[3948] cùng với năm trăm quyến thuộc, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"A-nan, đối với pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm ông có hỷ lạc không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có vậy. Những người nào không ngu, không si, có trí tuệ, mà ở trong pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm lại không hỷ lạc? Vì sao? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần viễn ly, trụ vững chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo[3949] hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỏi mệt."

Phật bảo A-nan:

"Đúng thế! Đúng thế! Như những gì ông đã nói, A-nan! Vì những người không ngu, không si, có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết các thứ pháp, mà ai lại không hỷ lạc! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ siêu việt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỏi mệt."

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy!"

Thế Tôn hướng về Tôn giả A-nan khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết pháp như vậy, như vậy. Thiên tử Tu-thâm cùng quyến thuộc trong tâm hoan hỷ, từ thân hào quang càng thêm sáng chói, thanh tịnh như vậy, như vậy. Bấy giờ, Thiên tử Tu-thâm trong tâm hoan hỷ, từ thân phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu sáng, liền nói kệ:

Xá-lợi-phất đa văn,

Trí sáng tuệ bình đẳng;

Trì giới, khéo điều phục,

Được Niết-bàn vô sanh.[3950]

Thọ trì thân tối hậu,

Hàng phục các ma quân.

Sau khi Thiên tử Tu Thâm cùng quyến thuộc nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1307. XÍCH MÃ[3951]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Xích Mã[3952], dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử Xích Mã kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết chăng?"

Phật đáp Xích Mã:

“Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.”

Thiên tử Xích Mã bạch Phật:

“Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa này! Như những gì Thế Tôn đã nói: ‘Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.’ Vì sao? Bạch Thế Tôn, con tự nhớ kiếp trước tên là Xích Mã, làm Tiên nhân ngoại đạo, đắc thần thông, lìa các ái dục. Lúc đó, con tự nghĩ: ‘Ta có thần túc nhanh chóng như vậy, giống như kiện sĩ, dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khắc bắn xuyên qua bóng cây đa-la, có thể lên một núi Tu-di đến một núi Tu-di, cất bước từ biển Đông đến biển Tây.’ Lúc ấy con tự nghĩ: ‘Nay ta đạt được thần lực nhanh chóng như vậy, hôm nay có thể tìm đến biên tế của thế giới được chăng?’ Nghĩ vậy rồi liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn, nghỉ, đại tiểu tiện và giảm bớt ngủ nghỉ, đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi mạng chung, rốt cuộc không thể vượt đến biên tế của thế giới, đến nơi không sanh, không già, không chết.”

Phật bảo Xích Mã:

“Nay Ta chỉ bằng cái thân một tầm để nói về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới. Này Thiên tử Xích Mã, thế giới là gì? Là năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm, hành thọ ấm, thức thọ ấm. Đó gọi là thế giới.

“Thế nào là sự tập khởi sắc? Ái đương lai hữu[3953], câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia. Đó gọi là sự tập khởi của thế giới.

“Thế nào là sự diệt tận thế giới? Sự diệt tận của ái đương lai hữu, câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia; đoạn tận, xả ly không còn sót, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh. Đó gọi là sự diệt tận thế giới.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới.

“Này Xích Mã, biết khổ thế giới, đoạn khổ thế giới; biết sự tập khởi thế giới, đoạn sự tập khởi thế giới; biết sự diệt tận thế giới, chứng sự diệt tận thế giới; biết con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, tu con đường đưa đến sự diệt tận

thế giới. Này Xích Mã, nếu Tỳ-kheo nào đối với khổ thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự tập khởi thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc chứng; con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc tu, thì này Xích Mã, đó gọi là đạt đến biên tế thế giới, qua khỏi ái thế gian."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ lập lại:

Không bao giờ dạo xa,

Mà đến biên thế giới.

Chưa đến biên thế giới,

Trọn không hết biên khổ.

Vì vậy nên Mâu-ni,

Biết biên tế thế giới.

Khéo rõ biên thế giới,

Các phạm hạnh đã lập.

Đối biên thế giới kia,

Bình đẳng mà giác tri;

Đó gọi hạnh Hiền thánh,

Qua bờ kia thế gian.

Sau khi Thiên tử Xích Mã nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1308. NGOẠI ĐẠO[3954]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú bên núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá, có sáu Thiên tử, vốn là xuất gia ngoại đạo. Một tên là A-tỳ-phù, hai là Tăng thượng A-tỳ-phù, ba là Năng Cầu, bốn là Tỳ-lam-bà, năm là A-câu-tra, sáu là Ca-lam[3955], đến chỗ Phật.

Thiên tử A-tỳ-phù nói kệ:

Tỳ-kheo chuyên chú tâm,

Thường tu hạnh yểm ly;

Ở đầu đêm, cuối đêm,

Tư duy khéo tự nhiếp.

Thấy nghe những lời kia,

Không rơi vào địa ngục.

Thiên tử Tăng thượng A-tỳ-phù lại nói kệ:

Yểm ly chỗ đen tối,

Tâm thường tự nhiếp hộ;

Vĩnh viễn lìa thế gian,

Tranh ngôn ngữ, luận pháp.

Theo Đại Sư Như Lai,

Xin thọ pháp Sa-môn;

Khéo nhiếp hộ thế gian,

Không tạo các điều ác.

Thiên tử Năng Cầu lại nói kệ:

Đoạn hẳn đánh, đập, giết,

Cúng dường cho Ca-diếp;

Không thấy đó là tội,

Cũng không thấy là phước.

Thiên tử Tỳ-lam-bà lại nói kệ:

Con nói Ni-càn kia,

Ngoại đạo Nhã-đề Tử[3956];

Xuất gia, hành học đạo,

Thường luôn tu hạnh khó.

Đối đồ chúng Đại Sư,

Xa lìa lời nói dối.

Con nói người như vậy,

Không xa bậc La-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Con hồ ly gầy chết,

Thường đi cùng sư tử,

Suốt ngày, vẫn nhỏ, yếu,

Không thể thành sư tử.

Chúng Đại sư Ni-càn,

Hư vọng tự xưng tán;

Là nói dối ác tâm,

Cách rất xa La-hán.

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần dựa vào Thiên tử A-câu-tra nói kệ:

Tinh cần bỏ tối tăm,

Thường giữ gìn viễn ly;

Đắm nhiễm sắc vi diệu,

Ham thích cõi Phạm thế.

Ta giáo hóa chúng này,

Để được sanh Phạm thiên.

Khi ấy Thế Tôn liền tự nghĩ: ‘Bài kệ mà Thiên tử A-câu-tra đã nói này, là do Thiên ma Ba-tuần thêm sức vào, chứ không phải do tự tâm Thiên tử A-câu-tra kia nói:

Tinh cần bỏ tối tăm,

Thường giữ gìn viễn ly;

Đắm nhiễm sắc vi diệu,

Ham thích cõi Phạm thế.

Ta giáo hóa chúng này,

Để được sanh Phạm thiên.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Nếu những gì là sắc,

Ở đây hay ở kia;

Hoặc ở trong hư không,

Sáng chiếu rực mỗi khác.

Nên biết tất cả kia,

Không lìa ma, ma trói;

Giống như mồi lưỡi câu,

Câu cá đang lượn chơi.

Khi ấy những Thiên tử kia đều nghĩ rằng: ‘Hôm nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, mà Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói. Vì sao Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói?’

Bấy giờ, Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm các Thiên tử nên bảo rằng:

“Nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, nhưng chẳng phải tự tâm Thiên tử kia nói mà là do sức của Ma Ba-tuần dựa vào nên mới nói:

Tinh cần bỏ tối tăm,

Thường giữ gìn viễn ly;

Đắm nhiễm sắc vi diệu,

Ham thích cõi Phạm thế.

Nên giáo hóa chúng này,

Để được sanh Phạm thiên.

Cho nên, Ta nói kệ:

Nếu những gì là sắc,

Ở đây hay ở kia;

Hoặc ở trong hư không,

Sáng chiếu rực mỗi khác.

Nên biết tất cả kia,

Không lìa ma, ma trói;

Giống như mồi lưỡi câu,

Câu cá đang lượn chơi.

Khi ấy các Thiên tử lại tự nghĩ: ‘Lạ thay! Sa-môn Cù-đàm thần lực, oai đức lớn mới có thể thấy được Thiên ma Ba-tuần, còn chúng ta thì không thấy. Chúng ta mỗi người hãy làm kệ tán thán Sa-môn Cù-đàm.’ Liền nói kệ:

Đoạn trừ đối tất cả,

Tưởng tham ái hữu thân;

Khiến người khéo giữ này,

Trừ tất cả vọng ngữ.

Nếu muốn đoạn dục ái,

Nên cúng dường Đại Sư;

Đoạn trừ ba hữu ái,

Phá hoại đối nói dối.

Đối kiến tham đã đoạn,

Nên cúng dường Đại Sư.

Đệ nhất thành Vương xá;

Tên núi Tỳ-phú-la;

Tuyết sơn hơn các núi,

Kim sí vua loài chim;

Tám phương, trên và dưới,

Tất cả cõi chúng sanh;

Ở trong các Trời, Người,

Tối thượng Đẳng Chánh Giác.

Sau khi các Thiên tử nói kệ tán thán Phật rồi và nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1309. MA-GIÀ[3957]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ma-già[3958] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ma-già nói kệ hỏi Phật:

Giết gì được ngủ yên?

Giết gì được hỷ lạc?

Giết những hạng người nào,

Được Cù-đàm tán thán?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu giết hại sân nhuế,

Giấc ngủ được an ổn.

Sự giết hại sân nhuế,

Khiến người được hỷ lạc.

Sân nhuế là gốc độc,

Ta khen người giết được.

Giết sân nhuế kia rồi,

Đêm dài không lo lắng.

Sau khi Thiên tử Ma-già nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1310. DI-KÌ-CA[3959]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Di-kỳ-ca[3960] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Có mấy loại chiếu sáng,

Luôn chiếu sáng thế gian?

Cúi xin Thế Tôn nói,

Ánh sáng nào tối thượng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Có ba loại ánh sáng,

Luôn soi sáng thế gian;[3961]

Mặt trời chiếu ban ngày,

Ban đêm ánh trăng rọi.

Ánh đèn chiếu ngày đêm,

Chiếu soi mọi cảnh tượng.

Trên dưới và các phương,

Chúng sanh nhờ soi sáng.

Trong ánh sáng Trời, Người,

Ánh sáng Phật hơn hết.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Di-kỳ-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1311. ĐÀ-MA-NI[3962]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đà-ma-ni[3963] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Phận sự Bà-la-môn,

Học hết chớ mỏi mệt.

Đoạn trừ các ái dục,

Không cầu thọ thân sau.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Bà-la-môn vô sự,

Việc cần làm đã làm;

Chừng nào chưa đến bờ,

Ngày đêm thường siêng quỳ.

Đã đến trụ bờ kia,

Đến bờ, quỳ làm gì?

Đây là Bà-la-môn,

Chuyên tinh thiền lậu tận.

Tất cả các ưu não,

Hừng hực, đã dứt hẳn;

Đó là đến bờ kia,

Niết-bàn vô sở cầu.

Sau khi Thiên tử Đà-ma-ni nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1312. ĐA-LA-KIỀN-ĐÀ[3964]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đa-la-kiền-đà [3965] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Đoạn mấy, xả mấy pháp,

Tu mấy pháp tăng thượng,

Vượt qua mấy tích tụ[3966],

Gọi Tỳ-kheo vượt dòng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đoạn năm[3967], xả bỏ năm[3968],

Tu năm pháp tăng thượng[3969],

Vượt năm thứ tích tụ[3970],

Gọi Tỳ-kheo vượt dòng.

Sau khi Thiên tử Đa-la-kiện-đà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1313. CA-MA (1)[3971]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma[3972] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

"Thật khó, bạch Thế Tôn! Thật khó, bạch Thiện thệ!"

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sở học là rất khó:

Giới, tam-muội đầy đủ;[3973]

Sống viễn ly không nhà,

Vui nhàn cư tịch tĩnh.

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tịch mặc thật khó được[3974]."

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Được điều học khó được,

Giới, tam-muội đầy đủ;

Ngày đêm thường chuyên tinh,

Tu tập điều thích ý.

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tâm chánh thọ khó được[3975]."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trụ chánh thọ khó trụ

Các căn, tâm quyết định;

Cắt đứt lưới tử ma,

Bậc Thánh tùy ý tiến.

Thiên tử Ca-ma lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đường hiểm rất khó đi."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đường hiểm khó đi qua,

Thánh bình an vượt qua;

Phàm phu té ở đó,

Chân trên, đầu chúc xuống.

Hiền thánh thẳng đường đi,

Đường hiểm tự nhiên bình.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1314. CA-MA (2)[3976]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma[3977] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

Tham nhuế nhân những gì,

Không vui, lông dựng đứng?

Sợ hãi từ đâu khởi?

Giác tưởng[3978] do đâu sanh;

Giống như Cưu-ma-la[3979],

Nương tựa vào vú mẹ?[3980]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái sanh, lớn từ thân,

Như cây Ni-câu-luật;[3981]

Khắp nơi bị dính mắc,

Như rừng rậm chằng chịt.[3982]

Nếu biết nguyên nhân kia,

Tĩnh ngộ khiến khai giác;

Qua dòng biển sanh tử,

Không còn thọ thân sau.

Sau khi Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1315. CHIÊN-ĐÀN (1)[3983]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn[3984], dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Chiên-đàn kia nói kệ hỏi Phật:

Nghe Cù-đàm Đại trí,

Tri kiến không chướng ngại:

Trụ chỗ nào, học gì,

Không gặp ác đời khác?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nhiếp trì thân, miệng, ý,

Không tạo ba pháp ác;

Sống tại nhà của mình,

Rộng họp nhiều khách khứa.

Tín, bố thí tài, pháp,

Dùng pháp lập tất cả.

Trụ kia, học pháp kia,

Không còn sợ đời khác.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Chiên-đàn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1316. CHIÊN-ĐÀN (2)[3985]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn[3986] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Ai vượt qua các dòng,

Ngày đêm siêng không lười?

Không vin, không chỗ trụ,

Làm sao không đắm chìm?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả giới đầy đủ,

Trí tuệ khéo chánh thọ;

Trong chánh niệm tư duy,

Vượt qua dòng khó vượt.

Không nhiễm tưởng dục này,

Vượt qua sắc ái kia;

Tham, hỷ đều đã hết,

Không vào chỗ khó dò.[3987]

Sau khi Thiên tử Chiên-đàn kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1317. CA-DIẾP (1)[3988]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp[3989] dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con sẽ nói về Tỳ-kheo và công đức Tỳ-kheo."

Phật bảo:

"Tùy Thiên tử cứ nói!"

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp nói kệ:

Tỳ-kheo tu chánh niệm,

Thân[3990] kia khéo giải thoát;

Ngày đêm thường siêng cầu,

Công đức diệt[3991] các hữu.

Biết rõ nơi thế gian,

Diệt trừ tất cả hữu;

Tỳ-kheo được vô ưu,

Tâm không còn nhiễm trước.

"Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo. Đó gọi là công đức Tỳ-kheo."

Phật bảo Ca-diếp:

"Lành thay! Lành thay! Đúng như những gì ông nói!"

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

---o0o---

KINH 1318. CA-DIẾP (2)[3992]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con sẽ nói về Tỳ-kheo và những gì Tỳ-kheo nói."

Phật bảo Thiên tử Ca-diếp:

"Tùy theo sở thích mà nói."

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia liền nói kệ:

Tỳ-kheo giữ chánh niệm,

Tâm kia khéo giải thoát;

Ngày đêm thường siêng cầu,

Mong lìa được trần cấu.

Biết rõ ràng thế gian,

Ở đời, lìa trần cấu;

Tỳ-kheo không ưu tư,

Tâm không bị nhiễm trước.

"Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo, đó gọi là những gì Tỳ-kheo nói!"

Phật bảo Ca-diếp:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như những gì ông đã nói!

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

---o0o---

Kinh 1319. Khuất-ma[3993]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Vào buổi chiều hôm, cùng với năm trăm Tỳ-kheo nghỉ đêm nơi trú xứ quỷ Dạ-xoa Khuất-ma[3994]. Bấy giờ, quỷ Dạ-xoa Khuất-ma[3995] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, quỷ Dạ-xoa bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay thỉnh Thế Tôn và đại chúng nghỉ đêm nơi nầy."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Lúc đó, quỷ Dạ-xoa Khuất-ma biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền hóa ra năm trăm tòa lầu các; phòng xá, giường nằm, ghế ngồi, màn, nệm, gối. Mỗi thứ năm trăm cái đầy đủ, tất cả đều do biến hóa mà thành; rồi lại hóa ra năm trăm ngọn đèn sáng trưng không có khói tỏa. Sau khi hóa xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ân cần thỉnh Thế Tôn vào phòng và mời các Tỳ-kheo lần lượt nhận phòng ốc cùng ngọa cụ. Sau khi công việc đã xong xuôi, trở lại chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Hiền đức có chánh niệm,

Hiền đức luôn chánh niệm;

Chánh niệm ngủ an ổn,

Đời này cùng đời khác.

Hiền đức có chánh niệm,

Hiền đức luôn chánh niệm;

Chánh niệm ngủ an ổn,

Tâm kia thường dừng lặng.

Hiền đức có chánh niệm,

Hiền đức luôn chánh niệm;

Chánh niệm ngủ an ổn,

Xả, hàng phục quân khác.

Hiền đức có chánh niệm,

Hiền đức luôn chánh niệm;

Không giết không sai giết,

Không phục, không bảo phục.

Lòng từ đối tất cả,

Lòng không ôm oán kết.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo quỷ Dạ-xoa Khuất-ma:

“Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì ông nói!”

Sau khi quỷ Dạ-xoa Khuất-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, trở về chỗ mình ở.

---o0o---

KINH 1320. MA-CƯU-LA[3996]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Ma-cưu-la[3997], Tôn giả Na-già-ba-la[3998] làm thị giả. Bấy giờ đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Lúc ấy, Thiên đế Thích tự nghĩ: 'Hôm nay Thế Tôn ở tại núi Ma-cưu-la, Tôn giả Na-già-ba-la gần gũi hầu hạ cung dưỡng. Đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Ta sẽ hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha-lê, rồi bưng ngôi nhà sàn ấy, theo Phật kinh hành.' Nghĩ vậy xong, liền hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha lê, mang đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi theo Phật đi kinh hành.

Bấy giờ, dân chúng nước Ma-kiệt-đề, nếu khi nào có bé trai, bé gái khóc đêm, đem quỷ Ma-cưu-la[3999] ra để dọa, chúng liền ngưng khóc. Theo pháp đệ tử gần gũi hầu hạ cung dưỡng, chờ thầy an giấc thiền rồi sau đó mới đi ngủ. Bấy giờ, Thế Tôn vì Đế Thích nên ban đêm đi kinh hành lâu. Bấy giờ, Tôn giả Na-già-ba-la tự nghĩ: 'Đêm nay Thế Tôn đi kinh hành lâu quá, ta phải giả dạng làm quỷ Ma-cưu-la để khủng bố Ngài.' Khi ấy Tỳ-kheo Na-già-ba-la liền mặc ngược câu-chấp[4000], để mặt có lông dài ra ngoài, đến đứng chận đầu đường đi kinh hành của Thế Tôn, bạch Phật:

"Quỷ Ma-cưu-la đến! Quỷ Ma-cưu-la đến!"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Na-già-ba-la:

"Này Na-già-ba-la, ngươi là người ngu si, định dùng hình tướng quỷ Ma-cưu-la khủng bố Phật ư? Không thể làm lay động một lông tóc của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã xa lìa khủng bố từ lâu!"

Khi ấy Thiên đế Thích bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trong Chánh pháp luật của Thế Tôn cũng lại có hạng người này sao?"

Phật bảo:

“Này Kiều-thi-ca, trong ngôi nhà cực kỳ rộng rãi to lớn của Cù-đàm, những người này vào đời vị lai cũng sẽ đắc pháp thanh tịnh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu Bà-la-môn nào,

Nơi pháp tự sở đắc,

Đến được bờ bên kia;

Dù một Tỳ-xá-già[4001],

Cùng với Ma-cưu-la,[4002]

Đều vượt qua hết thảy.

Hoặc Bà-la-môn nào,

Nơi pháp tự mình hành,

Biết tất cả các thọ,

Quán sát đều đã diệt.

Hoặc Bà-la-môn nào,

Tự mình qua bờ kia,

Hết thảy các nhân duyên,

Thảy đều đã diệt tận.

Hoặc Bà-la-môn nào,

Tự mình qua bờ kia,

Tất cả các nhân ngã,

Thảy đều đã diệt tận.

Hoặc Bà-la-môn nào,

Tự mình qua bờ kia,

Nơi sanh, già, bệnh, chết,

Thảy đều đã vượt qua.

Phật nói kinh này xong, Thiên đế Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ Phật, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1321. TẤT-LĂNG-GIÀ QUỶ[4003]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-la-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ mẹ của quỷ con Tất-lăng-già[4004]. Bấy giờ, vào cuối đêm, Tôn giả A-na-luật-đà thức dậy, ngồi ngay thẳng tụng các đoạn kinh Ưu-đà-na[4005], Ba-la-diên-na[4006], Kiến chân đế[4007], Thượng tọa sở thuyết kệ[4008], Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ[4009], Thi-lộ kệ[4010], Nghĩa phẩm[4011], Mâu-ni kệ[4012], Tu-đa-la; tất cả đều tụng hết.

Bấy giờ quỷ con Tất-lăng-già khóc đêm, quỷ mẹ Tất-lăng-ca nói bài kệ cho con nghe để dỗ nó nín:

Này Tất-lăng-ca con,

Nay, con không được khóc;

Hãy nghe Tỳ-kheo kia

Đọc tụng kệ Pháp cú.

Nếu ai biết Pháp cú,

Tự mình hộ trì giới,

Xa lìa sự sát sanh,

Nói thật, không nói dối,

Tự bỏ điều phi nghĩa,

Giải thoát đường quỷ thần.[4013]

Sau khi quỷ mẹ Tất-lăng-ca nói kệ, quỷ con Tất-lăng-già nín khóc.

---o0o---

KINH 1322. PHÚ-NA-BÀ-TẨU[4014]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trụ xứ mẹ của quỷ con Phú-na-bà-tẩu[4015]. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ưng bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu có con là quỷ con Phú-na-bà-tẩu cùng quỷ nữ Uất-đa-la[4016]. Hai con quỷ nhỏ này khóc đêm. Quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu nói kệ dạy hai đứa con trai và gái của nó:

Này Phú-na-bà-tẩu,

Uất-đa-la! Đừng khóc!

Để mẹ được lắng nghe,

Như Lai đang thuyết pháp.

Cha mẹ không thể nào,

Khiến con giải thoát khổ.

Nghe Như Lai thuyết pháp,

Giải thoát được khổ này.

Người đời theo ái dục,

Bị các khổ bức bách.

Như Lai vì thuyết pháp,

Khiến hủy diệt sanh tử.

Nay mẹ muốn nghe pháp,

Các con nên im lặng."

Khi ấy Uất-đa-la,

Và Phú-na-bà-tẩu.

Đều vâng lời mẹ chúng,

Im lặng mà lắng nghe.

"Lời mẹ nói hay thay,

Con cũng thích nghe pháp.

Thế Tôn chánh giác này,

Ở Thắng sơn Ma-kiệt;

Vì các loài chúng sanh,

Diễn nói pháp vượt khổ.

Nói khổ cùng nhân khổ,

Khổ diệt, đạo diệt khổ;

Từ bốn Thánh đế này,

An ổn đến Niết-bàn.

Vậy mẹ hãy lắng nghe,

Những pháp Thế Tôn thuyết.”

Khi ấy quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu liền nói kệ:

“Lạ thay, con trí tuệ,

Khéo hay chìu tâm ta.

Con Phú-na-bà-tẩu,

Khéo khen Phật Đạo Sư.

Con Phú-na-bà-tẩu,

Cùng con Uất-đa-la;

Nên sanh lòng tùy hỷ,

Ta đã thấy Thánh đế.”

Sau khi, quỷ mẹ Phá-na-bà-tẩu nói kệ xong, quỷ con trai và con gái, tùy hỷ im lặng.

---o0o---

KINH 1323. MA-NI-GIÁ-LA[4017]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quỷ Ma-ni-giá-la[4018]. Bấy giờ, quỷ Ma-ni-giá-la hội các quỷ thần, tập hợp lại một chỗ. Khi ấy có một người nữ đem hương hoa trang sức và đồ ăn thức uống đến chỗ ở quỷ thần Ma-ni-giá-la kia. Người nữ này từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi tại trú xứ quỷ Ma-ni-giá-la; thấy rồi tự nghĩ: ‘Nay ta đang thấy quỷ thần Ma-ni-giá-la’, liền nói kệ:

Lành thay! Ma-ni-giá,

Ở nước Ma-già-đà;

Dân nước Ma-già-đà,

Cầu gì đều như nguyện.

Làm sao ở đời này,

Thường được sống an lạc;

Còn đời sau thế nào,

Mà được sanh Thiên lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chớ buông lung, kiêu mạn;

Cần gì quỷ Ma-ni?

Nếu tự sửa việc làm,

Thì được sanh Thiên lạc.

Khi ấy người nữ kia tự nghĩ: ‘Đây không phải là quỷ Ma-ni-giá-la mà là Sa-môn Cù-đàm.’ Biết như vậy rồi, liền đem hương hoa trang sức cúng dường Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Đường nào đến an lạc,

Phải tu những hành gì;

Đời này thường an ổn,

Đời sau sanh Thiên lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Khéo điều tâm, bố thí,

Thích giữ gìn các căn;

Chánh kiến tu hạnh hiền,

Gần gũi với Sa-môn.

Tự sống bằng chánh mạng,

Đời khác sanh Thiên lạc;

Đâu cần Tam thập tam,

Lưới khổ của chư Thiên.

Chỉ cần nhất tâm kia,

Đoạn trừ nơi ái dục.

Ta sẽ nói lìa cấu,

Pháp cam lộ khéo nghe.

Người nữ ấy nghe Phật thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; những pháp như bố thí, trì giới, phước báo sanh Thiên, vị ngọt của dục, tai hại của dục, phiền não, thanh tịnh, xuất yếu, viễn ly, công đức phước lợi, tiếp tục diễn nói pháp Phật thanh tịnh. Giống như tấm vải trắng sạch dễ nhuộm màu, người nữ kia cũng vậy, ngay trên chỗ ngồi đắc bình đẳng quán[4019]: Khổ, Tập, Diệt, Đạo đối với bốn Thánh đế. Lúc đó, người nữ này đắc pháp, thấy pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua các nghi hoặc, không do người khác, đối với Chánh pháp luật được vô sở uý, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Từ hôm nay cho đến suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng."

Sau khi người nữ ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ Phật rồi ra về.

---o0o---

KINH 1324. CHÂM MAO QUỶ[4020]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao[4021]. Bấy giờ, quỷ Châm Mao hội họp hết các quỷ thần lại một chỗ. Lúc đó có Viêm quỷ[4022], thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao. Thấy rồi, liền đến chỗ quỷ Châm Mao nói với quỷ Châm Mao:

"Thưa thôn chủ, nay ông được nhiều may mắn. Hiện tại Đức Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đang nghỉ tại nhà ông."

Quỷ Châm Mao nói:

"Bây giờ, thử xem có đúng là Như Lai hay chẳng phải!"

Khi ấy, quỷ Châm Mao sau khi cùng các quỷ thần hội họp, trở về ngôi nhà của mình. Nó co mình lại xông tới Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền tránh người. Ba lần nó co mình lại xông tới Phật như vậy, Đức Phật cũng ba lần tránh người. Khi ấy, quỷ Châm Mao hỏi:

"Sa-môn sợ ư?"

Phật bảo:

"Này thôn chủ, Ta không sợ! Nhưng ngươi có ác xúc."[4023]

Quỷ Châm Mao nói:

"Bây giờ, tôi có vài điều để hỏi. Mong vì tôi mà trả lời. Nếu có thể làm tôi vui thì tốt, còn nếu không thể làm tôi vui thì tôi sẽ hủy hoại tâm ông, phá vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ mặt vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng."

Phật bảo quỷ Châm Mao:

“Thôn chủ, Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào, có thể hủy hoại tâm của Như Lai, Đẳng Chánh Giác, có thể phá vỡ ngực Ta, có thể làm cho máu nóng từ mặt vọt ra, nắm hai tay của Ta ném qua bờ bên kia sông Hằng. Nay, ông cứ hỏi đi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho ông được hoan hỷ.”

Bấy giờ, quỷ Châm Mao nói kệ hỏi Phật:

Hết thảy tâm tham, nhuế,

Lấy gì để làm nhân?

Không vui, lông dựng đứng,

Sợ hãi từ đâu sanh?

Ý niệm các giác tưởng,

Khởi lên từ chỗ nào;

Giống như trẻ mới sanh,

Nương nhờ vào vú mẹ?[4024]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái sanh, lớn từ thân,

Như cây Ni-câu-luật;

Chằng chịt câu móc nhau,

Như dây leo rừng rậm.[4025]

Nếu biết những nhân kia,

Sẽ khiến quỷ giác ngộ;

Vượt dòng biển sanh tử,

Không còn tái sanh nữa.

Bấy giờ, quỷ Châm Mao nghe Phật nói kệ, tâm được vui vẻ, sám hối Phật và xin thọ trì tam quy.

Phật nói kinh này xong, quỷ Châm Mao nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, phụng hành.

---o0o---

TẠP A-HÀM QUYỂN 50

KINH 1325. QUỶ ÁM[4026]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có con trai của Ưu-bà-di[4027] thọ trai tám chi[4028], sau đó phạm giới, liền bị quỷ thần ám. Lúc ấy, Ưu-bà-di liền nói kệ:

Ngày mười bốn, mười lăm,

Mồng tám mỗi phần tháng[4029]

Tháng điềm hiện thần thông[4030],

Tám chi khéo chánh thọ.

Đối trai giới thọ trì,

Không bị quỷ thần ám.

Xưa tôi hỏi mấy lần,

Thế Tôn nói điều này.

Lúc ấy, Quỷ kia liền nói kệ:

Ngày mười bốn, mười lăm,

Và mồng tám mỗi tháng;

Ứng tháng thần túc tốt,

Tu tám chi chánh thọ.

Sống trai giới thanh tịnh,

Khéo giữ gìn giới đức;

Không bị quỷ trêu đùa,

Lành thay, nghe từ Phật.

Theo những lời bà nói,

Ta sẽ thả con bà.

Ai có nghiệp hoãn mạn,[4031]

Nhiễm ô hành khổ hạnh,

Phạm hạnh không thanh tịnh,

Trọn không được quả lớn.

Thí như nhổ cỏ may[4032],

Nắm lỏng thì hại tay;

Sa-môn hành ác xúc,

Tất sẽ đọa địa ngục.

Thí như nhổ cỏ may,

Nắm chặt không hại tay;

Sa-môn khéo nhiếp trì,

Tất đến Bát-niết-bàn.

Khi ấy, Quỷ thần kia liền thả con Ưu-bà-di này ra. Bấy giờ, Ưu-bà-di nói kệ dạy con:

Nay con hãy nghe mẹ,

Nhắc lời quỷ thần nói.

Nếu có nghiệp hoãn mạn,

Nhiễm ô tu khổ hạnh,

Phạm hạnh không thanh tịnh,

Thì không được quả lớn.

Thí như nhổ cỏ may,

Nắm lỏng thì hại tay.

Sa-môn khởi ác xúc,

Tất sẽ đọa địa ngục;

Như nắm chặt cỏ gai,

Tất tay mình không hại.

Sa-môn khéo giữ gìn,

Tất đắc Bát-niết-bàn.

Khi ấy, con Ưu-bà-di tỉnh ngộ như vậy rồi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, nhưng tâm không được vui, trở về nhà mình. Người mẹ từ xa thấy con liền nói kệ:

Lánh tục mà xuất gia,

Tại sao trở về làng?

Nhà cháy, của kéo ra,

Sao ném vào lửa lại?

Tỳ-kheo con Ưu-bà-di kia nói kệ đáp:

Chỉ nghĩ mẹ mạng chung,

Còn mất không gặp nhau;

Nên trở về thăm viếng,

Sao thấy con không vui?

Lúc ấy, người mẹ Ưu-bà-di nói kệ đáp:

Bỏ dục mà xuất gia,

Trở về muốn thụ hưởng;

Cho nên mẹ lo buồn,

Sợ bị Ma lung lạc.

Sau khi Ưu-bà-di đã giác ngộ con mình như vậy, như vậy rồi, người con trở lại chỗ thanh vắng, tinh cần tư duy, đoạn trừ tất cả phiền não kết buộc, chứng đắc quả A-la-hán.

---o0o---

KINH 1326. A-LẠP QUỶ[4033]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quỷ A-lạp[4034]. Bấy giờ, quỷ A-lạp tập hội các quỷ thần. Lúc đó có quỷ Kiệt-đàm[4035] thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ của quỷ A-lạp. Thấy vậy, đến chỗ quỷ A-lạp nói với quỷ A-lạp:

“Này thôn chủ, ông được lợi lớn. Như Lai đã nghỉ đêm tại trú xứ ông.”

Quỷ A-lạp nói:

“Hôm nay có người sống ở tại nhà tôi sao? Bây giờ phải làm cho rõ, là Như Lai hay chẳng phải là Như Lai.”

Sau khi, quỷ A-lạp cùng các quỷ thần tụ tập xong, trở lại nhà mình, nói với Đức Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra!”

Bấy giờ, Thế Tôn, vì là nhà người, liền ra khỏi nhà kia.

Quỷ A-lạp lại nói:

“Sa-môn, đi vào!”

Đức Phật liền vào lại, vì muốn diệt kiêu mạn kia. Diễn ra ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, quỷ A-lạp lại nói với Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với quỷ A-lạp:

“Thôn chủ, đã ba lần mời rồi, bây giờ Ta không ra nữa.”

Quỷ A-lạp nói:

“Bây giờ, tôi hỏi Sa-môn. Sa-môn hãy trả lời tôi, làm cho tôi hoan hỷ thì tốt. Nếu không thể làm cho tôi hoan hỷ, tôi sẽ hủy hoại tâm của ông, làm vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ đó vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôn chủ, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào mà có thể hủy hoại tâm Ta, làm vỡ ngực Ta, làm cho máu nóng của Ta từ đó vọt ra, nắm hai tay ném qua bên kia bờ sông

Hằng. Song, thôn chủ, nay ông cứ hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho tâm ông được hoan hỷ.”

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

Nói những gì gọi là,

Vật tối thắng của người[4036]?

Thực hành những pháp gì,

Được quả báo an lạc?

Những gì là vị ngon?

Thọ mạng nào hơn cả[4037]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trong các vật của người,

Tịnh tín là tối thắng.

Hành pháp được quả vui.

Vị giải thoát tối thượng.

Trí tuệ trừ già, chết,

Là thọ mạng bậc nhất.

Khi ấy, quỷ A-lạp lại nói kệ:

Làm sao được nổi danh,

… Như kệ đã nói ở trên.[4038]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trì giới lừng danh tiếng,

… Như kệ đã nói ở trên.

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ:

Mấy pháp khởi thế gian?

Mấy pháp tùy thuận nhau?

Đời mấy pháp chấp thủ?

Đời mấy pháp tổn giảm?[4039]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đời sáu pháp nguyên khởi.

Sáu pháp tùy thuận nhau.

Đời sáu pháp chấp thủ.

Đời sáu pháp tổn giảm.

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

Ai hay qua các dòng,

Ngày đêm siêng phương tiện?

Không vin, không chỗ trụ,

Ai hay không đắm chìm?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả giới đầy đủ,

Trí tuệ khéo chánh thọ.

Trong chánh niệm tư duy,

Hay qua dòng khó qua.

Không ưa nơi ngũ dục,

Cũng vượt qua sắc ái;

Không vin, không chỗ trụ,

Ấy không bị đắm chìm.

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

Dùng pháp gì qua dòng?

Làm sao qua biển lớn?

Làm sao xa lìa khổ?

Làm sao được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dùng tín vượt qua dòng.

Không phóng dật qua biển.

Tinh tấn hay trừ khổ.

Nhờ tuệ được thanh tịnh.

Người nên hỏi điều khác,

Pháp Phạm chí, Sa-môn;

Pháp nào không sai lầm,

Chân đế, thí, điều phục[4040].

Khi ấy, quỷ A-lạp lại nói kệ hỏi Phật:

Phiền gì hỏi chuyện khác,

Pháp Phạm chí, Sa-môn;

Tức nói người tối thắng,

Vì hiển đuốc pháp lớn.

Nơi Kiệt-đàm-ma[4041] kia,

Thường phải báo ân này;

Bảo tôi: Đẳng Chánh Giác,

Bậc Vô Thượng Ngự Sư.

Tôi đi liền hôm nay,

Thôn nọ đến thôn kia;

Hầu hạ Đẳng Chánh Giác,

Để nghe Ngài nói pháp.

Sau khi, quỷ A-lạp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ, rồi ra về.

---o0o---

KINH 1327. THÚC-CA-LA[4042]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la[4043] ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, được mọi người thành Vương xá cung kính cúng dường như A-la-hán.

Một hôm, nhân ngày cát tinh[4044], dân chúng thành Vương xá tụ tập đại hội vui vẻ, nên ngày đó bỏ sót, không cúng dường. Lúc đó có một quỷ thần vì

kính trọng Tỳ-kheo-ni ấy nên vào trong đường làng thành Vương xá, đến từng nhà nói kệ:

Nhân dân thành Vương xá,

Say sưa, ngủ mê mệt,

Không siêng cúng dường kia,

Tỳ-kheo-ni Thúc-ca.

Nhờ khéo tu các căn,

Tên gọi Thúc-ca-la;

Khéo nói pháp ly cấu,

Nơi Niết-bàn thanh lương.

Thuận nghe những lời ấy,

Suốt ngày vui không chán.

Nương trí tuệ nghe pháp,

Được qua dòng sanh tử.

Như thương nhân đi biển,

Nương vào sức Mã vương[4045].

Khi ấy có một vị Ưu-bà-tắc đem y cúng Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la; lại có một vị Ưu-bà-tắc đem thức ăn cúng dường. Lúc ấy, vị quỷ thần kia liền nói kệ:

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Được phước lợi rất nhiều;

Cúng y Thúc-ca-la,

Nên lìa các phiền não.

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Được phước lợi rất nhiều;

Vì cúng ăn Ca-la,

Nên lìa sự tích tụ.

Sau khi vị quỷ thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1328. TỲ-LA[4046]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la[4047] ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, thành Vương xá. Nhân ngày cát tinh[4048] dân chúng thành Vương xá tụ tập đại hội, nên ngày đó Tỳ-kheo-ni Tỳ-la không có người cúng dường. Lúc đó, có quỷ thần kính trọng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nên đi vào trong các đường làng hay đầu ngã tư đường, thành Vương xá, nói kệ:

Nhân dân thành Vương xá,

Say sưa ngủ mê mệt;

Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,

Không người nào cúng dường.

Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,

Dõng mãnh tu các căn;

Khéo nói pháp lìa cấu,

Pháp Niết-bàn thanh lương.

Tùy thuận điều được nói,

Suốt ngày vui không chán.

Nương trí tuệ nghe pháp,

Được qua dòng sanh tử.

Khi ấy, có một Ưu-bà-tắc đem y đến cúng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la; lại có một Ưu-bà-tắc đem đồ ăn đến cúng dường. Khi ấy, vị quỷ thần kia liền nói kệ:

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Nay được phước lợi nhiều;

Vì cúng y Tỳ-la,

Nên đoạn được phiền não.

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Nay được phước lợi nhiều;

Vì cúng ăn Tỳ-la,

Nên lìa các hòa hiệp.

Sau khi vị quỷ thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1329. HÊ-MA-BA-ĐÊ[4049]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi[4050] và Thiên thần Hê-ma-ba-đê[4051] cùng phát lời thề: 'Nếu trong cung mình có vật báu xuất hiện, thì phải nói với nhau. Nếu không nói, mang tội vi ước.'

Lúc ấy, trong cung Thiên thần Hê-ma-ba-đê có xuất hiện vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma[4052]. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng. Lúc ấy Thiên thần Hê-ma-ba-đê sai người đến báo Sa-đa-kỳ-lợi:

"Thưa thôn chủ, hôm nay trong cung chúng tôi bỗng xuất hiện một vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng, mời đến xem qua."

Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi liền sai người đến nhà Thiên thần Hê-ma-ba-đê nói rằng:

"Thưa thôn chủ, ba-đàm-ma trăm nghìn cánh ấy mà làm gì! Hôm nay trong cung chúng tôi có xuất hiện hoa ba-đàm-ma vĩ đại, của báu chưa từng có, tức là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thôn chủ có thể đến phụng sự cúng dường."

Bấy giờ, Thiên thần Hê-ma-ba-đê liền cùng với năm trăm quyến thuộc đến chỗ Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ hỏi:

Ngày rằm là thời tốt,

Ban đêm gặp hội vui;

Nên nói thọ trai gì,

Thọ từ A-la-hán?[4053]

Lúc ấy, Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Hôm nay Phật Thế Tôn,

Tại thắng quốc Ma-kiệt,

Trụ tại thành Vương xá,

Vườn Trúc, Ca-lan-đà.

Diễn nói pháp vi diệu,

Diệt trừ khổ chúng sanh.

Khổ khổ và khổ tập,

Khổ diệt tận tác chứng;

Đường bát Thánh khỏi khổ,

An ổn đến Niết-bàn.

Nên đến để cúng dường,

Thế Tôn, La-hán tôi.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Ngài có tâm nguyện vui,

Cứu giúp chúng sanh không?

Ngài với thọ, không thọ,

Tâm tưởng bình đẳng không?[4054]

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Ngài tâm từ, nguyện diệu,

Độ tất cả chúng sanh.

Đối các thọ, không thọ,

Tâm tưởng thường bình đẳng.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Bậc cụ túc minh đạt,

Thành tựu chánh hành chưa?[4055]

Các lậu diệt sạch hẳn,

Không tái sanh nữa ư?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Minh đạt khéo đầy đủ,

Đã thành tựu chánh hành;

Các lậu đã dứt hẳn,

Không tái sanh đời sau.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Mâu-ni ý hành mãn,

Cùng nghiệp thân, miệng chăng?

Minh hạnh đều đầy đủ,

Đúng pháp tán thán chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Tâm Mâu-ni đầy đủ,

Cùng nghiệp thân, miệng đầy;

Minh hạnh đều đầy đủ,

Đúng pháp mà tán thán.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Xa lìa hại sanh mạng,

Không cho không lấy chăng?

Có xa lìa phóng đãng,

Không rời thiền tư chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Thường không hại chúng sanh,

Không cho, không lấy càn;

Xa lìa nơi phóng đãng,

Ngày đêm thường thiền tư.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Không ưa ngũ dục chăng?

Tâm không trược loạn chăng?

Có pháp nhãn thanh tịnh,

Diệt hẳn ngu si chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Tâm thường không ưa dục,

Tâm cũng không trược động;

Pháp nhãn Phật thanh tịnh,

Ngu si hết không còn.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Chí thành không vọng ngữ,

Không nói lời thô chăng?

Không nói lời ly gián,

Chỉ nói chân thành chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Chí thành không vọng ngữ,

Cũng không nói lời thô;

Không ly gián người khác,

Thường nói lời như pháp.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Gìn giữ giới thanh tịnh,

Chánh niệm vắng lặng chăng?

Đầy đủ pháp giải thoát,

Như Lai đại trí chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Tịnh giới đều đầy đủ,

Chánh niệm thường tịch tĩnh;

Thành tựu pháp giải thoát,

Đắc đại trí Như Lai.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Minh đạt đều đầy đủ,

Chánh hạnh đã thanh tịnh;

Sở hữu các lậu hết,

Không còn tái sanh nữa?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Minh đạt đều đầy đủ,

Chánh hạnh đã thanh tịnh;

Tất cả các lậu hết,

Không còn tái sanh nữa.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Mâu-ni đủ thiện tâm,

Cùng nghiệp đạo thân, miệng;

Minh hạnh đều đầy đủ,

Nên tán thán pháp này?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Mâu-ni đủ thiện tâm,

Cùng nghiệp đạo thân, miệng;

Minh hạnh đều đầy đủ,

Nơi pháp này tán thán.

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Đùi nai Y-ni-diên[4056],

Thắng tướng của Tiên nhân;

Ít ăn, xả thân tham,

Chỗ Mâu-ni rừng thiền.

Nay ông hãy cùng đi,

Kính lễ Cù-đàm kia.[4057]

Lúc ấy, Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê, có trăm nghìn quyến thuộc quỷ thần vây quanh, vội vàng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ cúng dường; sửa lại y phục, trịch vai bên hữu, chắp tay kính lễ và nói kệ:

Đùi nai Y-ni-diên,

Thắng tướng của Tiên nhân;

Ít ăn, không tham đắm,

Mâu-ni ưa rừng thiền.

Hôm nay chúng con đến,

Thỉnh vấn Đức Cù-đàm.

Sư tử đi một mình,

Đại long không sợ hãi.

Nên nay đến thỉnh vấn.

Xin Mâu-ni quyết nghi:

Thế nào ra được khổ?

Làm sao giải thoát khổ?

Xin Ngài nói giải thoát,

Khổ diệt ở chỗ nào?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm diệu dục ở đời,

Và thứ sáu là ý[4058];

Nơi dục kia không tham,

Giải thoát tất cả khổ.

Ra khỏi khổ như vậy.

Giải thoát khổ như vậy.

Nay đáp điều ông hỏi,

Khổ từ đây mà diệt.

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

Suối từ đâu quay về,

Đó đường ác không chuyển?

Mọi khổ lạc thế gian,

Ở đâu mà diệt hết?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,

Cùng với ý nhập xứ;

Nơi kia danh và sắc,

Vĩnh viễn không còn gì.

Suối từ đó quay về,

Đó đường ác không chuyển.

Đối với khổ lạc kia,

Diệt hết không còn gì.

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

Thế gian mấy pháp khởi,

Mấy pháp đời hòa hợp;

Đời mấy pháp chấp thủ,

Mấy pháp khiến đời diệt?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sáu pháp khởi thế gian,

Sáu pháp hòa hợp đời;

Sáu pháp chấp thủ đời,

Sáu pháp tổn giảm đời.

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

Làm sao qua các dòng,

Ngày đêm siêng phương tiện,

Không vin, không chỗ trụ,

Mà không chìm vực sâu?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả giới đầy đủ,

Trí tuệ khéo chánh thọ;

Như tư duy buộc niệm,

Thì qua được vực sâu.

Không ưa các dục tưởng,

Cũng vượt sắc trói buộc;

Không vin, không chỗ trụ,

Không chìm nơi vực sâu.

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

Pháp gì qua các dòng?

Làm sao vượt biển lớn?

Làm sao rời khỏi khổ?

Làm sao được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chánh tín, qua các dòng.

Không phóng dật, vượt biển.

Tinh tấn hay dứt khổ,

Trí tuệ được thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ tiếp:

Ông có thể hỏi khác,

Pháp Phạm chí Sa-môn;

Chân thật, thí, điều phục,

Ngoài đây không pháp nào?[4059]

Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

Cần gì hỏi chỗ khác,

Pháp Phạm chí, Sa-môn?

Hôm nay Đại Tinh Tấn,

Đã khéo léo dẫn khai.

Nay con nên báo đáp,

Ơn Sa-đa-kỳ-lợi,

Hướng dẫn đến Ngự Sư,

Bảo với chúng con rằng:

Con nên đến thôn xóm,

Theo Phật đến mọi nhà;

Thừa sự, lễ, cúng dường,

Theo Phật nghe chánh pháp.

Trăm nghìn quỷ thần này,

Đều chắp tay cung kính;

Tất cả quy y Phật,

Bậc Đại Sư Mâu-ni.

Đáng danh xưng Vô Thượng,

Ắt thấy nghĩa chân thật;

Thành tựu trí tuệ lớn,

Với dục không nhiễm trước.

Người trí nên quan sát,

Cứu giúp kẻ thế gian;

Được dấu đạo Hiền thánh,

Đó là Đại Tiên Nhân.

Phật nói kinh này xong, Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê cùng các quyến thuộc năm trăm quỷ thần nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật, rồi ra về.

---o0o---

KINH 1330. ƯU-BA-GIÀ-TRA[4060]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đang trú trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, có con quỷ Già-tra và Ưu-ba-già-tra[4061] đi ngang qua. Quỷ Ưu-ba-già-tra thấy Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, bèn nói với quỷ Già-tra:

"Bây giờ tôi sẽ đến đánh đầu của Sa-môn kia."

Quỷ Già-tra nói:

"Ưu-ba-già-tra, anh chớ nói vậy! Sa-môn này có thần lực, đức độ lớn, anh chớ làm vậy, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích." Ba lần nói như vậy, mà quỷ Ưu-ba-già-tra sau ba lần can gián vẫn không nghe lời quỷ Già-tra, liền dùng tay đánh đầu Tôn giả Xá-lợi-phất, đánh xong, rồi tự kêu lên rằng:

"Già-tra, tôi bị thiêu! Già-tra, tôi bị luộc!" Kêu lên ba lần rồi, liền bị vùi vào trong đất, đọa xuống địa ngục A-tỳ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe tiếng động do con quỷ đánh Tôn giả Xá-lợi-phất, liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào, Tôn giả, có thể chịu được sự đau đớn đó không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tuy có đau đớn, nhưng ý có thể chịu đựng, không đến nỗi đau quá."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Kỳ diệu thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật là thần lực, đức độ lớn. Con quỷ này nếu dùng tay đánh núi Kỳ-xà-quật, sẽ khiến nát ra như cám, huống là đánh vào người mà không đau đớn?"

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Thật ra là tôi không đau đớn lắm!"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng uý lạo nhau như vậy, Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe những lời này. Nghe xong, liền nói kệ:

Tâm kia như đá cứng,

Trụ vững không lay động;

Đã lìa tâm nhiễm trước,

Người sân không trả lại.

Nếu tu tâm như vậy,

Sao có nỗi đớn đau!

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

KINH 1331. CHÚNG ĐA[4062]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, kiết hạ an cư trong một khu rừng. Trong rừng này có Thiên thần ở, biết đến ngày mười lăm các Tỳ-kheo nhận tuổi[4063], nên rất lấy làm buồn bã. Có vị Thiên thần khác nói với vị Thiên thần kia:

"Cớ sao anh sanh ra buồn rầu khổ não? Anh nên hoan hỷ, vì các Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, hôm nay nhận tuổi."

Thiên thần trong rừng đáp:

"Tôi biết các Tỳ-kheo hôm nay mãn hạ, nhưng không giống ngoại đạo vô tu[4064] nhận tuổi. Những Tỳ-kheo tinh tấn nhận tuổi, là sáng hôm sau ôm bát đi đến nơi khác, rừng này sẽ vắng vẻ."

Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Thiên thần trong rừng nói kệ:

Nay tâm tôi không vui,

Chỉ thấy rừng trống vắng.

Tâm thanh tịnh thuyết pháp,

Các Tỳ-kheo đa văn,

Đệ tử Đấng Cù-đàm,

Nay đang đến xứ nào?

Khi ấy, có Thiên tử khác nói kệ:

Người đến Ma-già-đà,

Người đến Câu-tát-la;

Hoặc đến Kim cương địa[4065],

Mọi nơi, tu viễn ly.

Giống như cầm thú hoang,

Tùy sở thích dạo chơi.

---o0o---

KINH 1332. HAM NGỦ[4066]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, kiết hạ an cư trong một khu rừng. Ban ngày thì nhập chánh thọ,[4067] thân thể mệt mỏi, còn đêm đến thì ngủ. Lúc đó, trong rừng kia có Thiên thần trú ngụ, tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo. Ở trong rừng vắng, ban ngày nhập chánh thọ, ban đêm lại ham ngủ nghỉ. Bây giờ ta sẽ đến thức tỉnh vị ấy.' Lúc đó, Thiên thần đến trước Tỳ-kheo nói kệ:

Tỳ-kheo! Thầy tỉnh dậy!

Vì sao ham ngủ nghỉ?

Ngủ nghỉ có lợi gì?

Khi bệnh sao không ngủ?

Khi gai nhọn đâm thân,

Làm sao ngủ nghỉ được?

Ngài vốn xả, không nhà,

Ý muốn đi xuất gia.

Nên như ý muốn xưa,

Cầu tăng tiến ngày đêm;

Chớ rơi vào mê ngủ,

Khiến tâm không tự tại.

Dục vô thường, biến đổi,

Say mê nơi người ngu.

Người khác đều bị trói,

Nay ngài đã cởi trói,

Chánh tín mà xuất gia,

Vì sao ham ngủ nghỉ?

Đã điều phục tham dục,

Tâm kia được giải thoát.

Trí thắng diệu đầy đủ,

Xuất gia, sao ham ngủ?

Cần tinh tấn chánh thọ,

Thường tu sức kiên cố.

Chuyên cầu Bát-niết-bàn,

Tại sao mà ham ngủ?

Khởi minh, đoạn vô minh,

Diệt tận các hữu lậu.

Điều phục thân sau cùng,

Tại sao ham ngủ nghỉ?

Khi vị Thiên thần kia nói kệ, Tỳ-kheo này nghe xong, chuyên tinh tư duy đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1333. VIỄN LY[4068]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở trong rừng Câu-tát-la, nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện, nương vào ác tham. Lúc đó, trong rừng này có vị Thiên thần đang trú ngụ, tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện[4069], nương vào ác tham. Bây giờ ta nên đến làm tỉnh ngộ vị ấy.' Lúc ấy, Thiên thần kia liền nói kệ:

Tâm kia muốn viễn ly,

Cư ngụ nơi rừng vắng.

Phóng tâm theo ngoại duyên,

Dong ruổi theo loạn tưởng.

Chế ngự tâm mê đời,

Luôn vui tâm giải thoát.

Nên xả tâm không vui,

Chấp thọ, sống an lạc[4070].

Tư duy không chánh niệm[4071],

Chớ chấp ngã, ngã sở;

Như để bụi dính đầu,

Nếu dính rất khó phủi[4072].

Chớ đắm nhiễm lạc dục,

Tâm bị dục vẩn đục;

Như Thích quân[4073] cỡi voi,

Ruổi nhanh, giũ sạch bụi.

Tỳ-kheo đối tự thân,

Chánh niệm, trừ trần cấu;

Trần chỉ cho tham dục,

Chẳng phải bụi thế gian.

Người trí tuệ sáng suốt,

Phải tỏ trần cấu kia;

Nơi pháp luật Như Lai,

Giữ tâm, chớ buông lung.

Trần cấu là sân nhuế,

Chẳng phải bụi thế gian;

Người trí tuệ sáng suốt,

Phải tỏ trần cấu kia.

Nơi pháp luật Như Lai,

Giữ tâm, chớ buông lung.

Trần cấu là ngu si,

Chẳng phải bụi thế gian.

Người trí tuệ sáng suốt,

Phải xả trần cấu kia;

Nơi pháp luật Như Lai,

Giữ tâm không buông lung.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì vị kia đã nói, chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1334. BẤT CHÁNH TƯ DUY[4074]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, khởi tư duy bất chính[4075]. Lúc đó có một Thiên thần đang ở trong rừng này, tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày mà khởi tư duy bất chính. Bây giờ ta nên đến dùng phương tiện khéo làm tỉnh ngộ vị ấy.' Lúc này Thiên thần kia nói kệ:

Sao tư duy bất chính,

Bị giác quán nuốt chửng?

Nên bỏ niệm bất chính,

Chuyên tu nơi chánh thọ.

Tôn trọng Phật, Pháp, Tăng,

Và tự giữ tịnh giới.

Luôn sanh tâm tùy hỷ,

Hỷ lạc càng tăng tiến.

Nhờ tâm hoan hỷ đó,

Cứu cánh, thoát khổ nhanh.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ khuyến khích rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, tận trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1335. GIỮA TRƯA[4076]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, vào lúc giữa trưa, Tỳ-kheo kia sanh tâm không vui, nói kệ:

Nơi đây trời đứng bóng,

Chim chóc đều lặng thinh;

Hoang vắng chợt có tiếng,

Làm tâm ta sợ hãi.

Lúc ấy, Thiên thần ở trong rừng kia nói kệ:

Hôm nay trời đứng bóng,

Chim chóc đều lặng thinh;

Hoang vắng chợt có tiếng,

Vì tâm ông không vui.

Hay xả tâm không vui,

Chuyên vui tu chánh thọ.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ làm cho Tỳ-kheo này tỉnh ngộ rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1336. A-NA-LUẬT[4077]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Bấy giờ có Thiên thần tên là Xà-lân-ni[4078] là thiện tri thức trước kia của Tôn giả A-na-luật, đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Sau khi đến chỗ A-na-luật rồi nói kệ:

Nay ngài hãy phát nguyện,

Nguyện sanh về chốn cũ;

Lên trời Tam thập tam,

Vui ngũ dục đầy đủ.

Hàng trăm thứ âm nhạc,

Thường dùng để tự vui;

Mỗi khi đến giờ ngủ,

Âm nhạc báo thức giấc.

Hàng chư Thiên ngọc nữ,

Hầu hai bên ngày đêm.

Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp:

Hàng chư Thiên ngọc nữ,

Chúng là khối khổ lớn.

Vì tưởng điên đảo kia,

Bị trói hữu thân kiến.

Người cầu sanh nơi đó,

Đây cũng là khổ lớn.

Xà-lân-ni, nên biết,

Ta không nguyện sanh kia.

Sanh tử đã hết hẳn,

Không còn tái sanh nữa.

Sau khi Tôn giả A-na-luật nói những lời này, Thiên tử Xà-lân-ni nghe những gì Tôn giả A-na-luật nói, hoan hỷ, tùy hỷ liền biến mất.

---o0o---

KINH 1337. TỤNG KINH[4079]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán. Sau khi chứng quả rồi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Khi ấy có vị Thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ:

Tỳ-kheo! Ngài trước kia,

Ngày đêm siêng tụng tập;

Luôn vì các Tỳ-kheo,

Cùng luận nghĩa quyết định,

Nay, ngài đối pháp cú,

Im lặng không mở lời;

Không vì các Tỳ-kheo,

Cùng luận nghĩa quyết định.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

Xưa, vì chưa lìa dục,

Tâm thường ưa pháp cú;

Nay, vì đã lìa dục,

Việc tụng thuyết đã xong.

Trước, biết đạo đã đủ,

Thấy, nghe đạo làm gì?

Các thấy, nghe thế gian,

Bằng chánh trí[4080] buông hết.

Sau khi Thiên thần nghe những gì Tỳ-kheo nói, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1338. BÁT-ĐÀM-MA[4081]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Tỳ-kheo này bị bệnh mắt, vâng lời thầy thuốc dạy phải ngửi hoa bát-đàm-ma. Sau khi Tỳ-kheo kia nhận lời dạy của thầy rồi, liền đến bờ ao hoa bát-đàm-ma, ngồi theo chiều gió bên bờ ao và theo gió mà ngửi hương. Khi đó có vị Thiên thần chủ hồ này nói với Tỳ-kheo:

"Vì sao ngài trộm hoa? Ngài nay là giặc trộm hương!"

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói kệ đáp:

Không phá cũng không đoạt,

Đứng xa ngửi hương bay.

Tại sao nay ông nói,

Ta là giặc trộm hương?

Lúc ấy, Thiên thần nói kệ:

Không xin mà tự lấy,

Thế gian gọi là giặc.

Ông, nay người không cho,

Mà tự đến ngửi lấy;

Thì thế gian gọi là,

Giặc trộm hương thật sự.

Lúc đó có một người nhổ ngó sen kia, vác cả đi. Bấy giờ Tỳ-kheo nói kệ cho Thiên thần kia:

Hiện tại, như người kia,

Bẻ gãy phân-đà-lợi,

Nhổ rễ vác cả đi,

Mới là người gian xảo.

Vì sao ông không ngăn,

Mà nói ta trộm hương?

Lúc ấy, Thiên thần kia nói kệ đáp:

Người gian xảo cuồng loạn,

Giống như áo nhũ mẫu;

Đủ thiếu gì nói thêm![4082]

Nên mới nói cùng ngài.

Ca-sa, không thấy bẩn,

Áo đen, mực chẳng dơ.

Người hung ác gian xảo,

Thế gian không nói tới.

Chân ruồi dơ lụa trắng;

Kẻ sáng, thấy vết nhỏ.

Như mực dính hạt châu,

Tuy nhỏ nhưng thấy hết.

Thường theo kia cầu tịnh,

Không kết, lìa phiền não,

Ác tuy như lông tóc,

Người thấy như thái sơn.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia lại nói kệ:

Nói hay thay! Hay thay!

Dùng nghĩa an ủi tôi.

Ông hãy thường vì tôi,

Luôn luôn nói kệ này.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Tôi chẳng phải nô lệ

Ngài mua, hay người cho;

Làm sao luôn theo ngài,

Lúc nào cũng nhắc nhở?

Nay ngài nên tự biết,

Mọi việc lợi ích kia.

Sau khi Thiên thần kia nói rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì người ấy nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, một mình nơi chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1339. THỢ SĂN[4083]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp[4084] đang ở trong hang Tiên nhân[4085], thành Vương xá. Lúc đó, có người thợ săn tên là Xích Chỉ,[4086] cách Tôn giả Thập Lực Ca-diếp không xa, giăng lưới bắt nai. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-

diếp vì thương xót người thợ săn kia nên thuyết pháp. Nhưng lúc đó người thợ săn kia không hiểu những gì ngài nói. Lúc bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp bèn dùng thần lực làm lửa cháy đầu ngón tay, nhưng ông vẫn không hiểu. Bấy giờ, Thiên thần đang ở trong hang Tiên nhân, nói kệ:

Thợ săn trong núi sâu,

Ít trí, mù không mắt.

Sao nói không đúng thời,

Đức mỏng, không tuệ biện?

Đã nghe cũng không hiểu,

Trong sáng cũng không thấy;

Đối mọi pháp thiện thắng,

Ngu si chẳng thể tỏ.

Dù đốt mười ngón tay,

Chúng trọn không kiến đế.

Sau khi Thiên thần nói kệ này xong, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp liền im lặng.

---o0o---

KINH 1340. KIÊU-MÂU-NI[4087]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Kim Cương Tử[4088] ở một nơi trong rừng, tại ấp Ba-liên-phất[4089]. Lúc đó dân chúng ấp Ba-liên-phất qua bốn tháng mùa hạ, mở đại hội Kiêu-mâu-ni[4090]. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cương Tử nghe dân chúng mở đại hội, sanh tâm không vui, nói kệ:

Một mình ở rừng vắng,

Giống cây khô bị bỏ.

Mùa hạ cuối tháng tư,

Thế gian ưa trang nghiêm.

Xem khắp các thế gian,

Không ai khổ hơn ta.

Khi ấy vị Thiên thần ở trong rừng liền nói kệ:

Một mình ở rừng vắng,

Giống cây khô bị bỏ.

Làm trời Tam thập tam,

Tâm thường mong an vui.

Giống như trong địa ngục,

Mong tưởng sanh cõi người.

Lúc đó Kim Cương Tử được vị Thiên thần khuyến khích rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1341. CHỈ TRÌ GIỚI[4091]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Lúc đó vị Thiên thần trong rừng tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo trụ ở trong rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Nay ta phải dùng phương tiện làm tỉnh ngộ vị ấy.' Liền nói kệ:

Chẳng phải chỉ trì giới,

Cùng tu tập đa văn;

Độc tĩnh thiền tam-muội,

Nhàn cư tu viễn ly.

Tỳ-kheo thiên khinh an,

Trọn không hết lậu được.

Vui chánh giác bình đẳng,

Xa lìa bọn phàm phu.

Tỳ-kheo được Thiên thần khuyên tinh tấn, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1342. NA-CA-ĐẠT-ĐA[4092]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Na-ca-đạt-đa[4093] ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, có người tại gia xuất gia, thường gần gũi nhau[4094]. Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo ở trong rừng, người xuất gia và tại gia cùng nhau thân cận, nay ta phải đến dùng phương tiện cảnh tỉnh.' Thiên thần liền nói kệ:

Tỳ-kheo sớm ra đi,

Gần tối trở về rừng.

Đạo tục gần gũi nhau,

Khổ vui cùng chia xẻ.

E buông thói tục gia,

Để cho ma lung lạc.

Khi Tỳ-kheo Na-ca-đạt-đa được Thiên thần kia nhắc nhở như vậy rồi, chuyên tinh tư duy như vậy như vậy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1343. PHÓNG TÚNG[4095]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, nói năng cười giỡn suốt ngày, tâm tán loạn không định được, buông thả các căn, chạy theo sáu cảnh. Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng này thấy những Tỳ-kheo này không thu nhiếp oai nghi, tâm không vui nói kệ:

Trước đây chúng đệ tử

Chánh mạng của Cù-đàm,

Tâm vô thường[4096], khất thực,

Vô thường, dùng giường chõng.

Quán thế gian vô thường,

Nên cứu cánh thoát khổ.

Nay có chúng khó nuôi,

Sống ở chỗ Sa-môn.

Xin ăn uống mọi nơi,

Dạo khắp hết mọi nhà;

Mong của mà xuất gia,

Không phải nguyện Sa-môn.

Tăng-già-lê lết phết,

Như trâu già kéo đuôi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nói với Thiên thần:

"Ông chán ghét chúng tôi chăng?"

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Không chỉ tên dòng họ,

Không nêu đích danh ai,

Mà nói chung chúng này,

Nêu rõ điều bất thiện.

Tướng lậu hoặc mới bày,

Phương tiện chỉ lỗi lầm.

Ai siêng năng tu tập,

Tôi quy y kính lễ.

Sau khi được Thiên thần nhắc nhở rồi, các Tỳ-kheo kia đều chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1344. GIA PHỤ[4097]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia đùa giỡn với vợ con của gia chủ, bị mang tiếng xấu. Lúc đó Tỳ-kheo tự nghĩ: 'Nay ta hỏng mất, mang tiếng xấu chung đụng vợ con người. Nay ta muốn tự sát ở trong rừng này.'

Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: 'Không tốt, hỏng mất rồi! Tỳ-kheo này không hư hỏng, không lỗi lầm, mà muốn tự sát ở trong rừng. Bây giờ, ta hãy đến đó tìm cách khai ngộ.'

Lúc ấy, Thiên thần kia hóa thân thành con gái của gia chủ, nói với Tỳ-kheo rằng: 'Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và ngài rằng đã gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Vốn đã mang tiếng xấu rồi, bây giờ có thể hoàn tục để cùng nhau hưởng lạc.' Tỳ-kheo đáp:

'Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và các cô đã cùng gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Hôm nay tôi chỉ còn tự sát.' Lúc ấy, Thiên thần kia liền hiện lại thân Trời, nói kệ:

Tuy mang nhiều tiếng xấu,

Người khổ hạnh nên nhẫn;

Không vì khổ, tự hại,

Cũng không nên sanh phiền.

Nghe tiếng mà sợ hãi,

Ấy là thú trong rừng;

Là chúng sanh khinh tháo,

Không thành pháp xuất gia.

Nhân giả nên nhẫn nại,

Không vướng vào tiếng xấu;

Giữ tâm, trụ vững chắc,

Đó là pháp xuất gia.

Không vì người ta nói,

Mà mình thành giặc cướp;

Cũng không vì người nói,

Mà mình đắc La-hán.

Như ngài đã tự biết,

Chư Thiên cũng biết vậy.

Sau khi được Thiên thần kia khai ngộ rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1345. KIẾN-ĐA[4098]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa[4099], ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, trì y phấn tảo. Lúc đó, Phạm thiên vương cùng với bảy trăm vị trời Phạm thiên từ cung điện của họ đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa, cung kính lễ bái. Lúc ấy có Thiên thần ở trong rừng ấy nói kệ:

Thấy kia các căn lặng,

Cảm đến, thiện cúng dường;

Đạt ba minh đầy đủ,

Được pháp không lay động.

Độ tất cả phương tiện,

Y phấn tảo, ít việc.

Bảy trăm vị Phạm thiên,

Nương cung điện đến đây.

Thấy sanh tử hữu biên,

Lễ vị vượt bờ hữu.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ tán thán Tỳ-kheo Kiến-đa xong, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1346. HAM NGỦ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc này, thân thể Tỳ-kheo ấy mỏi mệt, ban đêm đến ngủ say. Lúc đó, có Thiên thần ở trong rừng này đến nhắc nhở, liền nói kệ:

Hãy tỉnh dậy Tỳ-kheo!

Vì sao lại ngủ mê?

Ngủ nghỉ có nghĩa gì?

Tu thiền chớ ngủ nghỉ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

Không khứng, nên làm sao?

Lười biếng ít phương tiện;

Duyên hết, thân thể suy,

Nên đêm đến ngủ mê.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Ông cần nên giữ gìn,

Vật có tiếng, kêu lớn;

Ông đã được tu nhàn,

Chớ để cho thoái thất.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

Tôi sẽ theo lời ông,

Tinh cần tu phương tiện;

Không vì mê ngủ kia,

Luôn bao phủ tâm mình.

Sau khi Thiên thần kia cảnh tỉnh Tỳ-kheo này như vậy như vậy, thì Tỳ-kheo ấy chuyên tinh phương tiện, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

Lúc ấy, Thiên thần lại nói kệ:

Ông hãy tự thức tỉnh,

Chuyên tinh cần phương tiện;

Không bị bọn quân ma,

Bắt ông phải ngủ nghỉ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

Từ nay đến bảy đêm,

Thường ngồi chánh tư duy;

Thân này sanh hỷ lạc,

Không điều gì thiếu sót.

Đầu đêm quán túc mệnh,

Giữa đêm thiên nhãn tịnh;

Cuối đêm trừ vô minh.

Thấy khổ vui chúng sanh.

Hình loại thượng trung hạ,

Biết nhân duyên nghiệp gì,

Mà thọ quả báo này.

Nếu những gì người tạo,

Tự thấy điều đã làm;

Thiện, tự thấy là thiện;

Ác tự thấy là ác.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Tôi biết trước tất cả,

Mười bốn người Tỳ-kheo;

Đều là Tu-đà-hoàn,

Thảy được thiền chánh thọ.

Đi đến trong rừng này,

Sẽ đắc A-la-hán.

Thấy ông chỉ giải đãi,

Nằm ngửa ham ngủ nghỉ.

Chớ sống như phàm phu,

Nên phương tiện giác ngộ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại nói kệ:

Lành thay, này Thiên thần!

Dùng nghĩa an ủi tôi;

Chí thành đến khai ngộ,

Khiến tôi hết các lậu.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Tỳ-kheo nên như vậy,

Tin, xuất gia, không nhà;

Ôm ngu mà xuất gia,

Chóng được kiến thanh tịnh.

Nay tôi hộ trì ông,

Trọn cả một đời này;

Khi nào ông ốm đau,

Tôi sẽ cúng thuốc hay.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

---o0o---

KINH 1347. BÌNH RƯỢU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại bên mé ruộng của một tụ lạc. Sáng sớm, Tôn giả Xa-lợi-phất đắp y ôm bát vào làng khất thực. Lúc đó có một Ni-kiền Tử uống rượu say cuồng, cầm bình rượu từ tụ lạc ra, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, bèn nói kệ:

Mỡ gạo ướp thân tôi,

Cầm một bình mỡ gạo;

Núi, đất và cỏ cây,

Thấy chúng toàn màu vàng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: 'Những ác thanh này được nói ra trong bài kệ, là do ác vật kia, ta há không thể dùng kệ đáp sao?' Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

Được ướp vị vô tưởng,

Cầm bình Không tam-muội;

Núi, đất và cỏ cây,

Thấy chúng như đờm giải.

---o0o---

KINH 1348. DÃ CAN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong

một khu rừng, tuy đã đắc tha tâm trí nhưng phiền não vẫn còn. Cách rừng không xa có cái giếng. Có dã can uống nước, cổ bị mắc kẹt trong cái gàu. Lúc đó dã can kia tìm đủ cách để thoát và tự nghĩ: 'Trời sắp muốn sáng rồi, người nông dân nếu ra, sẽ khủng bố ta. Ngươi, cái gàu múc nước, làm ta sợ đã lâu, hãy để cho ta thoát ra.' Lúc đó, Tỳ-kheo kia biết được tâm niệm con dã can này, liền nói kệ:

Mặt trời tuệ Phật chiếu,

Lìa rừng nói pháp Không;

Từ lâu tâm sợ ngã,

Nay nên buông xả đi.

Sau khi Tỳ-kheo tự nhắc nhở mình rồi, tất cả phiền não sạch hết, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1349. CHIM ƯU-LÂU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại ở trong một khu rừng. Bấy giờ, có một Thiên thần nương ở rừng này, thấy dấu chân đi của Phật, cúi xuống xem kỹ, liền nhớ đến Phật. Lúc đó có con chim ưu-lâu[4100] đứng giữa đường, muốn bước lên dấu chân Phật. Bấy giờ, Thiên thần kia liền nói kệ:

Nay, ngươi, chim ưu-lâu,

Mắt tròn đậu trên cây;

Chớ xóa vết Như Lai,

Hoại cảnh ta nhớ Phật.

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, im lặng niệm Phật.

---o0o---

KINH 1350. HOA BA-TRA-LỢI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng; dừng nghỉ dưới bóng cây ba-tra-lợi[4101]. Khi ấy có Thiên thần ở trong rừng này, liền nói kệ:

Hôm nay gió chợt khởi,

Thổi cây ba-tra-lợi;

Hoa tra-lợi rơi đầy,

Cúng dường Đức Như Lai.

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1351. KHỔNG TƯỚC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo đang trú bên sườn núi Chi-đề[4102], là những Tỳ-kheo a-luyện-nhã, trì y phấn tảo, thường hành khất thực. Lúc đó Sơn thần trụ ở núi này, nói kệ:

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Bề-đề-hê[4103];

Thỉnh thoảng hót tiếng hay,

Nhắc Tỳ-kheo khất thực.

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Bề-đề-hê;

Thỉnh thoảng hót tiếng hay,

Nhắc vị trì phấn tảo.

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Bề-đề-hê;

Thỉnh thoảng hót tiếng hay,

Nhắc vị ngồi bóng cây.

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1352. DOANH SỰ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở núi Chi-đề, tất cả đều tu hạnh A-luyện-nhã, trì y phấn tảo, thường hành khất thực. Bấy giờ, bờ sông Na-sa-khư-đa[4104] bị lở, làm chết ba vị Tỳ-kheo doanh sự[4105]. Lúc ấy, Thiên thần núi Chi-đề nói kệ:

A-lan-nhã, khất thực,

Cẩn thận chớ xây dựng.

Không thấy sông Khư-đa,

Bờ bên chợt sạt lở,

Đè chết người xây dựng.,

Ba Tỳ-kheo doanh sự?

Tỳ-kheo trì phấn tảo,

Cẩn thận chớ xây dựng.

Không thấy sông Khư-đa,

Bờ bên chợt sạt lở,

Đè chết người xây dựng,

Ba Tỳ-kheo doanh sự?

Tỳ-kheo nương bóng cây,

Cẩn thận chớ xây dựng.

Không thấy sông Khư-đa,

Bờ bên chợt sạt lở.

Đè chết người xây dựng,

Ba Tỳ-kheo doanh sự?

Sau khi Thiên thần kia nói kệ xong, liền đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1353. NÚI TẦN-ĐÀ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo sống trong núi Tần-đà[4106]. Lúc ấy rừng trên núi chợt bốc lửa lớn, cả núi cháy rực. Lúc đó có người thế tục nói kệ:

Nay núi Tần-đà này,

Lửa cháy suốt dữ dội;

Thiêu rụi rừng trúc kia,

Đốt cả hoa[4107], trái trúc.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Nay, người thế tục này có thể nói kệ này, sao ta không nói kệ để đáp?' Liền nói kệ:

Tất cả hữu cháy rực,

Không tuệ nào dập tắt;

Thiêu đốt các thọ dục,

Cũng đốt khổ bất tác.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1354. THEO DÒNG TRÔI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở bên cạnh sông Hằng, trụ trong một khu rừng. Khi ấy có một cô gái thiện gia, thường bị bố mẹ chồng trách mắng, nên đến bên bờ sông Hằng, nói kệ:

Sông Hằng, nay ta muốn,

Theo dòng trôi dần biển;

Không còn để cô cậu,

Thương xuyên phải hiềm trách.

Khi Tỳ-kheo kia thấy cô gái thiện gia này, nghe nói kệ như vậy, liền tự nghĩ: 'Cô gái này còn có thể nói kệ, nay tại sao ta không nói kệ đáp?' Liền nói kệ:

Tịnh tín, nay ta muốn

Theo vào sông bát Thánh;

Trôi xuôi đến Niết-bàn,

Không gặp ma lung lạc.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1355. TRĂNG SÁNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Cách rừng không xa, có ruộng trồng dưa. Đêm đó có kẻ trộm đến trộm dưa, thấy mặt trăng sắp mọc, nói kệ:

Trăng sáng, ngươi chớ hiện,

Đợi ta hái dưa này.

Ta đem dưa đi rồi,

Mặc ngươi hiện hay không.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Kẻ trộm dưa còn có thể nói kệ, chẳng lẽ ta không thể nói kệ đáp trả sao?' Liền nói kệ:

Ác ma, ngươi chớ hiện,

Chờ ta đoạn phiền não;

Đoạn phiền não kia rồi,

Mặc ngươi hiện hay không.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1356. PHƯỚN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một Sa-di nói kệ:

Thế nào gọi là thường?

Khất thực tức là thường.

Thế nào là vô thường?

Tăng ăn là vô thường.

Thế nào gọi là thẳng?

Chỉ phướn Nhân-đà-la.

Thế nào gọi là cong?

Cong, chỉ thấy móc câu.

Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Sa-di kia còn có thể nói kệ như vậy, nay sao ta không nói kệ mà đáp.' Liền nói kệ:

Thế nào gọi là thường?

Thường tức là Niết-bàn.

Thế nào là vô thường?

Chỉ các pháp hữu vi.

Thế nào gọi là thẳng?

Chính là Bát Thánh đạo;

Thế nào gọi là cong?

Cong là lối mòn ác.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, ngồi im lặng.

---o0o---

KINH 1357. BÁT SÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có đệ tử Xá-lợi-phất, uống thuốc xong, muốn tìm cháo ăn. Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất đến nhà thợ gốm để xin cái chậu sành. Khi đó thợ gốm kia nói kệ:

Thế nào được nổi danh,

Mà không thí một đồng?

Thế nào thắng thật đức,

Của cải không bị giảm?

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ đáp:

Như người không ăn thịt,

Mà đem thịt cho họ.

Những người tu phạm hạnh,

Mà đem nữ sắc cho.

Người không ngồi giường cao,

Mà đem giường cao cho.

Đối người sắp đi kia,

Mà cho chỗ nghỉ ngơi.

Giúp đỡ cho như vậy,

Thì của cải không giảm,

Mà lại được tiếng khen,

Và không tốn một tiền,

Thật đức danh tiếng vang,

Của cải không giảm sút.

Lúc ấy, người thợ gốm kia lại nói kệ:

Thưa ngài Xá-lợi-phất,

Đã nói điều thật hay;

Xin cúng ngài trăm bát,

Không dư, cũng không được.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Trời Tam thập tam kia,

Diệm-ma, Đâu-suất-đà,

Hóa lạc, các Trời, Người,

Cùng Tha hóa Tự tại,

Được bát sành, nhờ tín,

Mà ngươi không sanh tín.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ xong, im lặng đi ra khỏi nhà thợ gốm.

---o0o---

KINH 1358. NGƯỜI NGHÈO

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một người nghèo ở bên cạnh rừng, tự suy nghĩ hy vọng như vậy mà nói kệ:

Nếu được một đầu heo,

Một bình đầy rượu ngon;

Đựng đầy trong một chậu,

Người luôn luôn đem cho.

Nếu mà được như vậy,

Sẽ còn lo lắng gì?

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Người nghèo này còn có thể nói kệ, nay sao ta không nói.' Liền nói kệ:

Nếu được Phật, Pháp, Tăng,

Tỳ-kheo khéo thuyết pháp;

Ta không bệnh, nghe luôn,

Không sợ các ma oán.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ này xong, ngồi im lặng[4108].

---o0o---

KINH 1359. KIẾP-BỐI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Tỳ-kheo kia tự nghĩ như vầy: 'Nếu được kiếp-bối tốt, dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay để may cái y xong, ta vui tu thiện pháp.'

Lúc đó có vị Thiên thần nương ở trong rừng này tự nghĩ: 'Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng mà tư duy hy vọng y tốt.' Khi ấy Thiên thần hóa thành một bộ xương, múa trước Tỳ-kheo kia và nói kệ:

Tỳ-kheo nghĩ kiếp-bối,

Bảy khuỷu rộng sáu thước;

Ngày thì tưởng như vậy,

Đêm tư duy cái gì?

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia lòng kinh hãi, thân sợ run, nói kệ:

Thôi! Thôi! Không cần vải,

Nay đắp y phấn tảo;

Ngày thấy bộ xương múa,

Đêm lại thấy gì đây?

Sau một phen tâm kinh sợ, Tỳ-kheo kia liền chánh tư duy, chuyên tinh tu tập, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

---o0o---

KINH 1360. VŨNG SÌNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, đắc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã trút gánh nặng, đoạn các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Khi đó có một người nữ, trong đêm tối, trời mưa lâm râm, sấm chớp lóe sáng, đi ngang qua muốn đến với người đàn ông khác. Cô bị té trong bùn sâu, vòng xuyến bị gãy, chuỗi hoa rơi vãi. Lúc bấy giờ, cô gái kia nói kệ:

Đầu tóc đều xổ tung,

Chuỗi hoa rơi bùn sâu;

Vòng xuyến đã gãy khúc,

Chàng đang đắm nơi đâu?

Khi ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ:‘Cô con gái còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ đề đáp lại?”

Phiền não đều đã bứt;

Qua vũng bùn sanh tử;

Trói buộc thảy rơi vãi,

Mười phương tôn, thấy ta.

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, ngồi im lặng.

---o0o---

KINH 1361. BÊN BỜ SÔNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, bên bờ sông. Lúc đó có đôi vợ chồng theo nhau qua sông, đứng lại ở bên bờ, khảy đàn, đùa giỡn, rồi nói kệ:

Nhớ thương mà phóng dật,

Tiêu dao khoảng rừng xanh;

Nước chảy, chảy lại trong,

Tiếng đàn thật hòa mỹ.

Mùa xuân thỏa thích chơi,

Khoái lạc còn gì hơn?

Lúc đó Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: ‘Người kia còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ đáp?”

Thọ trì giới thanh tịnh,

Nhớ thương Đẳng Chánh Giác;

Tắm gội ba giải thoát,

Khéo dùng rất mát trong.

Nhập đạo đủ trang nghiêm,

Khoái lạc nào hơn đây?

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

---o0o---

KINH 1362

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc đó có Thiên thần thấy những con chim bồ câu, liền nói kệ:

Bồ câu, hãy tích tụ,

Mè, gạo, lật vân vân,

Ở ngọn cây trên núi,

Làm hang tổ trên cao.

Nếu gặp khi trời mưa,

Yên tâm ăn uống ngủ.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Kia cũng giác ngộ ta.' Liền nói kệ:

Phàm phu chứa pháp lành,

Cung kính nơi Tam bảo;

Khi thân hoại mạng chung,

Tinh thần, tâm an lạc.

Sau khi Tỳ-kheo nói kệ xong, liền tỉnh ngộ, chuyên tâm tư duy, dứt trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

-ooOoo-

---

1 . Đại Chánh, quyển 1. Tham chiếu Pāli, S. 22. 12-14. Aniccam.

2 . *Sắc vô thường* 色無常. Pāli: rūpaṃ aniccaṃ.

[3] . Hán: *yểm ly* 厭離. Pāli: nibbindati, chán ghét, ghét bỏ.

[4] . Hán: *Hỷ tham tận* 喜貪盡. Pāli: varajjati/ virāga, không còn mê đắm, ly nhiễm, ly tham.

[5] . Pāli: virāgā vimuccati. vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, do ly tham mà được giải thoát. Khi giải thoát, có nhận thức là đã giải thoát.

[6] . Phát biểu của vị đã chứng quả A-la-hán*: ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu*

hữu 我生已盡, 梵行已立, 所作已辦, 自知不受後有. Pāli: khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karanīyaṃ nāparam itthatayāti pajānāti.

[7] . Tham chiếu, S. 22. 15-17. Yad aniccam.

[8] . Pāli, S. 22. 24. Parijānaṃ.

[9] . Hán: bất tri, bất minh, bất đoạn, bất ly dục 不知, 不明, 不斷, 不離欲. Pāli:anabhijānaṃ aprijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng trí, không biến tri, không ly tham, không xả trừ.

[10] . S. 35. 27. Parijānanā.

[11] . Ly dục tham, các đoạn trên: ly dục. Pāli: viraja, ly nhiễm. Đồng nghĩa với virāga, ly tham.

[12] . S. 22. 29. Abhinandanaṃ (hoan hỷ), và phần cuối 22.24. Parijānaṃ (biến tri).

[13] . Hán: *ái hỷ* 愛喜. Pāli: abhinandati, hoan hỷ, chào mừng, hoan nghinh.

[14] . S. 35. 27, Parijānanā.

[15] . S. 22. 29 Abhinandanaṃ.

[16] . S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccupanna

[17] . Hán: chánh hướng diệt tận 正向滅盡. Pāli: nirodhāya paṇipanno, tu tập hướng đến sự diệt tận (đối với sắc...).

[18] . Gần giống kinh số 2 trên, S. 22. 15. Yad aniccam.

[19] . Pāli: yad dukkhaṃ tad anattā; yad anattā tam netaṃ mama, nesoḥam asmi, na meso attāṭi, cái gì khổ cái đó không phải là tự ngã. Cái gì không phải là tự ngã, cái đó không phải là của tôi, cái đó, “nó không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.”

[20] . Pāli: evam etam yathābhūtam sammappaññāya daṭṭhabbaṃ, điều đó cần được thấy rõ một cách như thực bằng trí tuệ chân chính như vậy.

[21] . Bất lạc 不樂; tức chỗ khác nói là ly dục, hay ly tham. Pāli: virāga.

[22] . Giải thoát giả chân thật trí sanh 解脫者真實智生. Pāli: vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, trong sự giải thoát, biết rằng ta đã giải thoát. Xem cht. 5 kinh 1 trên.

[23] . Gần giống kinh số 2 và số 9. Pāli: S.22. 15 Yad aniccam.

[24] . S. 22. 18. Hetu (nhân).

[25] . Pāli: yo pi hetu yo pi paccayo rūpassa uppādāya so pi anicco, cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sự sinh khởi của sắc, cái đó cũng vô thường.

[26] . Giải thoát tri kiến, xem cht.22 kinh 9 trên.

[27] . Gần giống kinh 11 trên. Pāli, S. 22. 19-20. Hetu.

28 . Pāli, S. 22. 28. Assāda.

29 . Pāli: no cedaṃ bhikkhave rūpassa assādo abhavissa na yidaṃ sattā rūpasmiṃ sārajjeyyaṃ, nếu (trước đó) đã không tồn tại vị ngọt của sắc, thì các chúng sanh không thể tham đắm nơi sắc.

30 . Hán: hoạn 患. Pāli: adīnavo, tai họa, sự nguy hiểm.

31 . Xuất ly 出離; cũng nói là xuất yếu; Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, thoát ra khỏi chỗ nguy hiểm.

32 . Thọ ấm 受陰, cũng nói là thủ uẩn. Pāli: upādānakkhanda

33 . Pāli: (…) sattā sadevakā lokā samārakā sabrahmakā sassamaṇabrāhamṇiyā pajāya sadevamanussāya nissaṭā visamyuttā vippamuttā vimariyādikatena cetasā vaharanti, (do biết rõ nên) các chúng sanh ấy, đối với thế giới này bao gồm Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng với trời và người, mà được thoát ly, tách ra khỏi, tự tại, an trú với tâm không bị câu thúc.

34 . Gần giống kinh 13 trên. Pāli, S. 22. 26-27. Assāda.

35 . Ư sắc vị hữu cầu hữu hành 於色味有求有行. Pāli: rūpassa assādapariyesanaṃ acariṃ, Ta đã đi để tìm cầu vị ngọt của sắc.

36 . Tùy thuận giác 隨順覺. Pāli: yad rūpassa assādo tad ajjhagamaṃ, Ta (đã) tiếp cận vị của sắc.

37 . Pāli, S. 22. 36. Bhikkhu; tham chiếu S. 22. 63-65. Upādiyāmano.

38 . Hán: *dị Tỳ-kheo* 異比丘. Pāli: aññataro.

39 . *Độc nhất tĩnh xứ* 獨一靜處. Pāli: eko vūpakaṭṭho, cô độc, cách biệt người đời.

40 . *Tín gia phi gia xuất gia* 信家非家出家. Pāli: agārasmā anagāruyaṃ pabbajjati, từ bỏ gia đình, ra đi sống không gia đình.

41 . *Hiện pháp tác chứng* 現法作證. Pāli: diṭṭhw va dhamme sayaṃ abhiññā sacchikitvā, ngay trong đời nay, bằng thắng trí, tự mình thể nghiệm.

42 . Nhược tùy sử sử giả tức tùy sử tử 若隨使使者即隨使死. Hán dịch tối nghĩa. Có lẽ Pāli: yaṃ kho bhikkhu anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp theo cái gì thì nó suy lường theo cái đó. Pāli: anuseti, nghĩa đen: nằm theo, tiềm phục, tùy miên; danh từ phát sinh là anusaya: tùy miên, chỉ phiền não tiềm phục (tùy tùng miên phục). Bản Hán hiểu anseti là do động từ sevati: phục vụ, nên dịch là *tùy sử* hay sai sử. Pāli:anumīyati (suy lường), do động

từ mà: đo lường; nhưng bản Hán hiểu là do động từmiyyati: chết, nên dịch là tùy tử (chết theo).

[43] . Tùy sử tử giả tắc vi thủ sở phược 隨使死者則為取所縛. Pāli: yam anumīyati tena saṃkhaṃ gacchati, nó suy lường theo cái gì, nó được định danh theo cái đó. Xem them cht. kinh 16 dưới.

[44] . Pāli: rūpam... anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp sắc, nó suy lường theo sắc.

[45] . S. 22. 35. Bhikkhu.

[46] . Tăng chư số 增諸數; không rõ nghĩa. Pāli: saṃkhaṃ gacchati, nghĩa đen: đi đến chỗ tính toán; nghĩa bóng: được định danh, hay được định nghĩa. Tham chiếu S. 22. 35: yam anuseti tena saṃkhaṃ gacchati: nó thiên chấp cái gì thì nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht. 43 kinh 15 trên.

[47] . S. 22. 68. Anattā, 69. Anattaniya.

[48] . Phi nhữ sở ưng chi pháp 非汝所應之法. Có lẽ Pāli: na-tumhākam, không phải của các ngươi. Xem cht. 53 kinh 18 dưới.

[49] . Pāli: tam vo pahīnaṃ hitāya sukhāya bhavissati, đoạn trừ pháp ấy sẽ dẫn đến lợi ích và an lạc.

[50] . S.22. 33-34. Na-tumhākaṃ (không phải của các ông, so sánh dẫn Pāli cht.52 dưới).

[51] . Pāli: yam bhikkhave na tumhākaṃ, tam pajahatha, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải là của các người, hãy loại bỏ cái ấy.

[52] . S. 22. 70. Rajanīyasaṇṭhitaṃ (sự cấu thành, hay tồn tại, bị ô nhiễm).

[53] . S. 22. 70. Rajanīyasaṇṭhitaṃ (sự cấu thành, hay tồn tại, bị ô nhiễm).

[54] . Pāli: yam kho bhikkhu rajanīyasaṇioḥitaṃ tatra te chando pahātabbo, Tỳ-kheo, cái gì là môi trường cho sự ô nhiễm, nơi cái ấy người phải đoạn trừ sự ham muốn.

[55] . Pāli: rūpaṃ kho rajanīyasaṇṭhitaṃ, sắc là môi trường để bị tham nhiễm.

[56] . Nguyên văn trong bản Hán; theo đó, còn một kinh tên là "Thâm kinh" với nội dung hoàn toàn như kinh trên.

[57] . S. 22. 63. Upādiyamāna; S.22. 64. Maññamāna.

[58] . Pāli: upādiyamāno baddho mārassa anupādiyamano mutto pāpimāto, khi chấp thủ thì bị Ma trói chặt. Khi không chấp thủ thì thoát khỏi Ba-tuần (Ác ma).

[59] . Pāli: rūpaṃ upādiyamāno, khi chấp thủ sắc.

[60] . S. 22. 124-125. Kappo.

[61] . Kiếp-ba 劫波. Pāli: Kappo.

62 . Câu hỏi của Kappa trong bản Pāli giống như của Rāhula, xem cht.64 kinh tiếp theo.

63 . S. 22. 91. Rāhulo.

64 . Pāli: kathaṃ nu kho bhante jānato kathaṃ passato imasmiñ ca saviññāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahaṅkāramamaṃkāramānānusayā na honti, Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như nào mà trong thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài không tồn tại các tùy miên tác thành ngã, ngã sở và ngã mạn?

65 . Phi ngã, bất dị ngã, bất tương tại 非我, 不異 我, 不相在. Pāli: n'etaṃ mama n'eso' ham asmi na m' eso attā, cái này không phải của tôi, không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.

66 . Bình đẳng huệ 平等慧. Pāli: sammappañāya, bằng chánh trí, hay nhận thức chân chánh

67 . Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等: nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: abhisamaya: hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; xem thêm cht.18 kinh 105.

68 . Pāli, S.22. 92. Rāhulo.

69 . Không thấy Pāli tương đương.

70 . Xem cht.73 kinh 26 dưới.

71 . Pāli, S. 22. 115-116. Kathika.

72 . Pháp sư 法師. Pāli: dhammakathiko.

73 . Pāli: rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti, nếu vị ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

74 . Pāli, S. 22. 39-41. Anudhamma.

75 . Pháp thứ pháp hướng 法次法向, hướng đến pháp và thứ pháp, hay tu tập hướng theo tính tuần tự của pháp; cũng nói là *pháp tùy pháp hành*. Pāli: dhammānudhamma-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp; thực hành tùy thuận theo pháp. *Tập dị môn luận 6*: "Thế nào là pháp tùy pháp hành? Sự xuất ly được dẫn sinh bởi như lý tác ý, các pháp thiện thù thắng được phát sanh bởi viễn ly, tu tập vững chắc, tinh cần không gián đoạn; như vậy gọi là pháp tùy pháp hành."

76 . Pāli: rūpassa ce… nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti, là sự thực hành dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

77.Pāli, tham chiếu các kinh S.. 22. 155-116 Kathika, 33. 154. Kathika.

78 . Đắc kiến (hiện) pháp niết bàn 得見法涅槃. Xem cht. dưới.

[79] . Pāli: rūpassa ce nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti, diṭṭhadhamme nibbānapatto, do yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc mà giải thoát không chấp thủ, đó là chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.
[80] . Pāli, tham chiếu S. 22. 115. Kathika.
[81] . Pāli, S. 22. 49. Soṇa.
[82] . Thâu-lũ-na 輸屢那. Pāli: Soṇo gahapatiputto.
[83] . Tham chiếu kinh 30, cht.83 trên.
[84] . Tham chiếu kinh 30, cht.83 trên.
[85] . Hán: sắc diệt đạo tích 色滅道跡. Pāli: rūpa-nirodhagāminiṃ-paṭipadaṃ, sự thực hành dẫn đến diệt tận của sắc.
[86] . Tham chiếu kinh 30, cht.83 trên.
[87] . Bản Phật Quang quyển 4, kinh 79. Quốc Dịch quyển 3, phẩm 7. Đại Chánh, quyển 2, xem cht. 33. Pāli, S. 22. 59. Pañca..
[88] . Bản Pāli: etaṃ mama eo'ham asmi eso attā ti, cái cày là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngã của tôi.
[89] . Pāli, S. 22. 59. Pañca.
[90] . Sắc phi hữu ngã 色非有我. Pāli: rūpam bhikkhave annatā.
[91] . Không có Pāli tương đương.
[92] . Đây chỉ ba công tử họ Thích.
[93] . A-nậu-luật-đà 阿[少/兔]律陀. Pāli: Anuruddha.
[94] . Nan-đề 難提. Pāli: Nandiya.
[95] . Kim-tỳ-la 金毘羅. Pāli: Kimbila.
[96] . Pāli, S. 22. 43. Attapīpa.
[97] . Ma-thâu-la 摩偷羅; Pāli: Mathurā. Bản Pāli, Sāvatthinidānaṃ, nhân duyên ở Xá-vệ.
[98] . Hán: tự châu 自洲. Pāli: attadīpa.
[99] . Hán: tự y 自依. Pāli: attasaeaṇā.
[100] . Hán: Pháp châu 法洲. Pāli: dhammadīpa, pháp là hòn đảo.
[101] .- Hán: pháp y 法依. Pāli, dhammasaraṇā, pháp là nơi nương tựa.
[102] . Pāli: kiṃjātikā... kiṃpahotikā, do cái gì chúng sanh? Do cái gì chúng hiện?
[103] . Quốc Dịch, phẩm 8, quyển 3. Pāli, S. 22. 94 Puppha (*bông hoa*), hay Vaddha (*tăng trưởng*).
[104] . Thế gian thế gian pháp 世間世間法. Pāli: loke lokadhamma, pháp thế gian trong thế gian.gian.
[105] . Pāli, S. 22. 94. Puppha (hay Vaddha).

[106] . Kiền-tỳ 揵茨, chủy-chủy-la 匕匕羅, giá-lưu 遮留, tỳ-tất-đa 毘悉多, bà-xà-na 婆闍那, tát-lao 薩牢, không rõ phiên âm từ gì.
[107] . Pāli, S. 22. 54. Bīja.
[108] . Năm loại giống theo Pāli: mūlabīja, từ rễ; khandhabīja, từ thân, aggabīja, từ cành, hay ngọn, phalubīja, từ đốt; bījabīja, từ hạt giống.
[109] . Pāli: avātāpahatāni, không bị làm hư bởi gió, nóng.
[110] . Bản Pāli: pathavī ca nāassa āpo ca jnāssa, không có địa giới, và không có thủy giới.
[111] . Tứ thức trụ 四識住. Pāli: catassa vññāṭṭhitiyo, bốn điểm lập cước, bốn sở y của thức.
[112] . Hỷ tham 喜貪. Pāli: nandirāga.
[113] . Tứ thủ 四取. Pāli; cattāri upādāni: kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpadānaṃ, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Xem D. 33. Saīgīti.
[114] . Xem cht. 20 kinh 64.
[115] . Ư sắc phong trệ 於色封滯. Pāli: rūpupayaṃ, tiếp cận sắc, bị lôi kéo vào sắc, bị phong tỏa, vây khổn bởi sắc. Xem thêm cht.39 kinh 40.
[116] . Ý sanh, 意生, xem cht.20 kinh 64.
[117] . Phan duyên đoạn 攀緣斷. Pāli: vocchijjatārammanaṃ, sở duyên bị đoạn trừ.
[118] . Hành giới 行界. Pāli: saṅkhāradhātu.
[119] . Xem cht. 20 kinh 64.
[120] . Tác hành 作行. Pāli: abhisaṅkhāra, hành vi, hành sử, tác động.
[121] . Pāli: viññānaṃ avirūḷhaṃ anabhisaṅkhāraṃ vimuttaṃ, thức không sanh trưởng, không tác hành, được giải phóng.
[122] . Pāli: vimuttattā ṭhitaṃ; ṭhitattā santusitaṃ; santusitattā na paritassati, do giải thoát mà trụ vững, do trụ vững mà thỏa mãn; do thỏa mãn mà không sợ hãi.
[123] . So sánh kinh 64.
[124] . Pāli, S. 22. 53. Upāya.
[125] . Phong trệ 封滯, phong tỏa và trì trệ, bị vây khốn. Pāli. upāyo, và sớ giải:taṇhāmānadiṭṭhivasena pāicakkhandhe upagato, do thế lực của ái, mạn, kiến và bị hãm trong năm uẩn. Xem thêm cht.29 kinh 39.
[126] . Xem kinh 39.
[127] . Pāli, S.22.56. Upādānaṃ parivaṭṭaṃ (Thủ chuyển).
[128] . Năm như thật tri về sắc: sắc 色, sắc tập 色 集, sắc vị 色 味, sắc hoạn 色患, sắc ly 色 離. Pāli: Catuparivaṭṭam, bốn

chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập),rūpanrodhaṃ (sắc diệt), rūpanirodhayāminiṃ paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

[129] . Chánh hướng 正向; Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli:supaṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.

[130] . Pāli: ye supsṭipannā te imasmiṃ dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh (*khéo thú hướng*), những người ấy xác lập trong pháp và luật này.

[131] . Thuần nhất 純一. Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đấng độc tôn.

[132] . Hán: ly tha tự tại 離他自在 .

[133] . Khổ biên 苦邊. Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.

[134] . Thất xứ thiện 七處善: ngũ uẩn cùng với tập, diệt, đạo, vị, hoạn, ly. Pāli:sattaṭṭhāna-kusala, sự thiện xảo (khéo léo) trong bảy trường hợp.

[135] . Nguyên Hán: tận 盡; có lẽ dịch chữ kevalin: thuần nhất, độc nhất. Xem cht.45.

[136] . Pāli: imasmiṃ dhammavinaye kevalī susitā, ở trong chánh pháp và luật này mà được độc tôn (chỉ A-la-hán), xác lập.

[137] . Pāli: dhātuso, āyatanaso, paṭiccasamuppādaso, giới, xứ, duyên khởi.

[138] . Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn. Pāli: sammāvayāma.

[139] . Pāli, S. 22. 7 Upādāparitassanā.

[140] . Hán: thủ cố sanh trước 取故生著. Xem thêm cht.62 kinh 44. Pāli: upādā paritassanaṃ, chấp thủ và kinh sợ (*do chấp nên có sợ hãi*).

[141] . Ngã... tương tại; Pāli: rūpaṃ attato samanupassati rūpavantaṃ vā attānaṃ, attāni rūpaṃ rūpasmiṃ vā attānaṃ, nó quán sát, sắc là ngã, ngã có sắc, sắc trong ngã, ngã trong sắc.

[142] . Pāli: rūpavipariṭāmānupavatti viññānaṃ, sắc biến chuyển, thức vận chuyển theo.

[143] ._Praitassanā dhammasamuppādā citaaṃ pariyādāya tiṭṭhanti, sự sợ hãi và sự sanh khởi của các pháp chiếm cứ tâm đã bị biến dị theo sắc mà trú. Sớ giải nói:paritassanā dhammasamuppādā ti taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca,sự sợ hãi và sự sanh khởi của pháp, đó là sự sợ hãi do khát ái và sự sanh khởi của pháp bất thiện.

[144] . Tâm loạn, có lẽ Pāli: cetaso pariyādāna (vipariyāsa: điên đảo), tâm bị chiếm cứ.

[145] . Tức do thủ và trước, Pāli: upādāya paritassati, do chấp thủ mà nó sợ hãi. Xem cht.55 trên.

[146] . Pāli, S. 22. 8. Upādāparitassanā.

[147] . Hán: sanh tắc hệ trước 生則繫著. Pāli: upādāpritassañ ca, chấp thủ và sợ hãi. Có lẽ trong bản Hán đọc là: uppāda-paritassanā, Xem cht.55 kinh 43.

[148] . Xem cht.58 kinh 43.

[149] . Cố niệm 顧念; kinh 43: tâm loạn (?). Pāli: apekkhavā, hy vọng, hoài vọng.

[150] . Nguyên văn Hán: dĩ sanh hệ trước cố 以生繫著故. xem cht.62.

[151] . Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.

[152] . Sắc tại ngã, ngạ tại sắc 我在色, 色在我, trong các kinh khác, Hán dịch là tương tại. Xem cht.65 kinh 23. Pāli: attāni vā rūpaṃ, rūpasmiṃ vā attānaṃ.

[153] . Xúc nhập xứ 觸入處, hay xúc xứ. Pāli: phassāyatana.

[154] . Vô minh xúc 無明觸, Pāli: aviijasamphassa, bị xúc động bởi vô minh. Bản Pāli nói: avijjasamphassajena vedayitena phuṭṭhassa puthujjanassa, đối với phàm phu bị xúc chạm bởi cảm thọ phát sanh do sự xúc động của vô minh.

[155] . Bị uẩn trong ba đời nhai nuốt. Pāli, S. 22. 79. Sīha.

[156] . Hán: khả ngại khả phân 可閡可分: có thể bị gây trở ngại, có thể bị chia chẻ.

[157] . Định nghĩa về sắc, xem *Câu-xá 1*: "vì nó biến hoại nên nói là sắc". Pāli:ruppatī'ti kho bhikkhave tasmā rūpan' ti vuccati, này các Tỳ-kheo, nó não hoại (*tức gây tổn hại*), do đó nó được nói là sắc.

[158] . Pāli: kena ruppati? sītenapi ruppati uṇhenapi ruppati... daṃsa-makasa-(....)-samphassena ruppati, nó bị não hoại bởi cái gì? Nó bị não hoại bởi lạnh, bởi nóng,… bởi sự xúc chạm của muỗi mòng…

[159] . Chư giác tướng 諸覺相. Định nghĩa thọ uẩn, xem *Câu-xá 1*: thọ tức lãnh nạp tùy xúc. Pāli: vedayatī'ti kho bhikkhave tasmā vedanā ti, nó cảm nhận, do đó nó được nói là thọ.

[160] . Định nghĩa về tưởng thủ uẩn, *Câu-xá 1*: "tưởng thủ tượng vi thể", tự thể của tưởng là thâu nhận các ấn tượng. Pāli: sañjānātī 'ti kho bhikkhave tasma saññā ti vuccati, nó tri giác (*tri nhận*), do đó nó được nói là tưởng.

[161] . Định nghĩa hành uẩn, Pāli: saṅkhataṃ abhisaṅkharontī'ti kho bhikkhavve saṅkhārā' ti vuccati, chúng tác thành pháp hữu vi, do đó chúng được nói là các hành.

[162] . Định nghĩa thức uẩn, *Câu-xá 1*: "thức vị các liễu biệt", thức là sự nhận thức từng đối tượng cá biệt. Pāli: vijānātī' ti kho bhikkhave viññānan' ti vuccati, nó liễu biệt, do đó nó được gọi là thức

[163] . Pāli: ahṃ kho etarahi rūpena khajjami. Ta ở nơi đây bị sắc nhai nuốt.

[164] . Trong bản Hán: diệt hoạn 滅患.

[165] . Diệt nhi bất tăng, thoái nhi bất tiến, diệt nhi bất khởi, xả nhi bất 滅而不增, 退而不進, 滅而不起, 捨而不取. Pāli: apacināti no ācināti,

pajahati na upādiyati, visineti na ussineti, vidhūpeti na sandhūpeti, tổn giảm chứ không tích lũy; đoạn trừ chứ không chấp thủ; xa lánh chứ không gần gũi; làm mất mùi chứ không xông ướp mùi.

[166] . Quốc Dịch, phẩm 9, quyển 3. Pāli, S. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā, (khổ với thiện gia nam tử).

[167] . Pāli. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā.

[168] . Trong bản Hán: đắc ly 得離; trong kinh 93: đắc yểm 得厭.

[169] . Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

[170] . Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

[171] . Pāli, S. 22. 32. Pabhaṅgu.

[172] . Hoại bất hoại pháp 壞不壞法. Pāli: pabhaṅguṃ ca apabhaṅ guuj ca.

[173] . Pāli: yo tassa nirodho vūpasamo atthaṅgamo idaṃ appabhaṅgo, sắc ấy diệt, tịch tĩnh, tiêu vong, ấy là pháp bất hoại.

[174] . Thân-thứ lâm 申恕林. Pāli: siṃsapā-vana, rừng cây siṃsapā.

[175] . Câu-tát-la 拘薩羅. Pāli: Kosala.

[176] . Pāli, S. 22, 48. Khandā.

[177] . Thượng phiền não tâm pháp 上煩惱心法; chỉ các tâm sở tùy phiền não.

[178] . Trong bản Hán: phi thọ 非受

[179] . Quốc Dịch, phẩm 10. Pāli, S. 22. 81. Pārileyya.

[180] . Chuyện xảy ra khi Phật trú tại Kiều-thưởng-di. Pāli: kosambiyaṃ viharati ghositārāme.

[181] . Hán: tịch diệt 寂滅; đây chỉ sự tĩnh lặng.

[182] . Bạt-đà-tát-la thị 跋陀薩羅樹. Pāli: bhadhasāla (cây sa-la hiền), một loại cây sa-la.

[183] . Ba-đà tụ lạc 波陀聚落. Pāli: Pārileyyaka, tên một khu rừng được bảo vệ (rakkhitavanasaṇḍo, sớ giải) tại Kosambi.

[184] . Bán-xà quốc 半闍國. Pāli: Pañcala, nhưng bản Pāli không đề cập tên nước này.

[185] . Thị giáo lợi hỷ 示教利喜, thứ tự thuyết pháp của Phật. Pāli: samdassesi samādapesi samuttejasi sampahaṃsesi.

[186] . Pāli: anantarā āsavānaṃ khayo hoti, vô gián lậu tận.

[187] . Hành 行. Pāli: saṅkhāro.

[188] . Nhân, tập, sanh, chuyển 因集生轉, tức bốn hành tướng của Tập đế trong Thánh đế hiện quán (nhân, tập, sanh, duyên) của Hữu bộ, xem *Câu-xá 23*. Pāli: kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo.

[189] . Xúc sanh ái 觸生愛. Pāli: avijjasamphassajanea... vedayitena... uppannā taṇhā, khát ái sanh bởi cảm thọ phát sanh từ sự xúc động (chạm) của vô minh.
[190] . Tâm duyên khởi pháp 心綠起法, pháp duyên vào tâm mà khởi. Pāli: aniccaṃ saṅkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ, (là pháp) vô thường, hữu vi, duyên khởi.
[191] . Hoại hữu 壞有, tức phi hữu, theo nghĩa hủy diệt, không còn tồn tại. Pāli:vibhava.
[192] . Pàli, tham chiếu các kinh, S. 22. 82. Puṇṇamā; M. 109. Mahapuṇṇama-sutta; 110. Cūḷapuṇṇama-sutta.
[193] . Bản Pāli: tad uposathe pannarase puṇṇāya puṇṇamāya rattiyā, ngày Bố-tát, vào đêm trăng tròn nửa tháng.
[194] . Theo kệ tóm tắt ở cuối phẩm, từ đây xuống, thuộc kinh khác, có tên là "Ấm tức thọ".
[195] . Thọ 受, tức thủ hay chấp thủ. Pāli: upādāna.
[196] . Pāli: yo tattha chandarāgo taṃ tattha upādānan ti, nơi nào có dục tham, nơi đó có chấp thủ.
[197] . Theo bài kệ tóm tắt cuối phẩm, từ đây trở xuống thuộc kinh khác, gọi là "kinh Hai ấm tương quan".
[198] . tương quan 相關, có lẽ là tương ngại 相礙: hai ấm trở ngại nhau. Câu hỏi theo Pāli: siyā pana bhante pañcupādānakkhandhesu chandarāgavemattā ti, có sự sai biệt của dục tham trong năm thủ uẩn chăng? Xem thêm cht.116 dưới.
[199] . Xem cht.113.
[200] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống thuộc kinh "Danh tự".
[201] . Câu hỏi theo Pāli: kittāvatā nu kho khandhanaṃ khandhādhivacanan ti, cho đến mức nào là danh xưng uẩn của các uẩn? Có lẽ câu này trong bản Hán được dịch là "ấm ấm tương quan"?
[202] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Nhân duyên".
[203] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Hai vị ngọt".
[204] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Ngã mạn".
[205] . Ngã mạn 我慢, phúc cảm tác thành tự ngã. Ở đây, Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusaya, ngã, ngã sở và mạn tùy miên.
[206] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Không ngã mạn".
[207] . Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Chóng lậu tận".
[208] . Trong bản Hán: *tận đắc* 盡得 có lẽ chính xác là *tật đắc* 疾得
[209] . Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh, quyển 4 kinh 96. Phật Quang quyển 3, kinh 50. Đại Chánh, quyển 3, kinh 59. Pāli, S. 22. 5. Samādhi.

[210] . Pāli, S. 22. 5. Samādi.
[211] . Tiền tế 前際, biên tế phía trước, chỉ quá khứ tối sơ: đời trước ta hiện hữu hay không hiện hữu?
[212] . Pāli, S. 22. Samādhi.
[213] . *Siêu thăng ly sanh* 超昇離生, cũng nói *nhập chánh tánh ly sanh* 入正離生. Sát-na đầu tiên chứng Dự lưu, thể nhập bản tánh của Thánh, rời khỏi bản tánh phàm phu.
[214] . Nguyên Hán: *đẳng quán* 等觀, tức Pāli: samanupassati.
[215] . *Tận đoạn tri* 盡斷知, hoặc nói là đoạn biến tri, hay biến tri đoạn: đoạn trừ rốt ráo, toàn diện.
[216] . Trong bản: *tam-bồ-đề* 三菩提, tức Pāli: sambodhi.
[217] . Hán: *đãi đắc kỷ lợi* 逮得己利.
[218] . Hữu kết, phiền não dẫn đến tái sanh, trói buộc vào tái sanh. Pāli:bhavasaṃyojana.
[219] . Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.
[220] . Pāli: samaupassanā asmi ti cassa avigataṃ, quán sát như vậy thì không rời khỏi ý tưởng "Tôi hiện hữu" (ngã kiến).
[221] . Pāli: avigata pañcanaṃ indriyānaṃ avakkanti hoti, khi không rời, năm căn có lối vào.
[222] . Pāli: S. 22. 55. Udānaṃ.
[223] . Hán: giải thoát 解脫. Pāli: evaṃ muccamāno, khi lãnh hội (thắng giải) như vậy. Bản Hán đọc là muttamāno.
[224] . Hạ phần kết 下分結, chỉ năm phiền não dẫn đến tái sanh Dục giới. Pāli:orambhāgiyāni saṃyojāni.
[225] . Hán: *hoại hữu* 壞有, Pāli: rūpaṃ vibhavissati, sẽ hủy diệt, sẽ không tồn tại.
[226] . Hán: *phan duyên* 攀緣.
[227] . *Tứ thức trú* 四識住.
[228] . *Ý sanh* 意生, cũng nói ý sở thành 意所成; đây chỉ thân được tác thành bởi ý khi tái sanh vào trong Sắc giới.
[229] . Quốc Dịch, phẩm 12, quyển 4. Pāli, S. 22. 5. Samādhi (xem các kinh 59-62); S. 22. 6. Paṭisallāna.
[230] . *Thiền tư* 禪思. Pāli: paṭisallāna, sống cô độc tại một nơi thanh vắng; yển tọa, độc cư.
[231] . Trong bản Đại Chánh, ghi là hai kinh. Theo các bản, Phật Quang, Quốc Dịch và Ấn Thuận, đều đính chính là mười hai.
[232] . Pāli, S. 22. 7. Upādāparitassanā.

[233] . Không thấy Pāli tương đương.
[234] . Quốc Dịch, phẩm 13, quyển 4. Pāli, S. 22. 44. Paṭipadā.
[235] . Hữu thân tập thú đạo 有身集趣道. Pāli: sakkāyasamudayagāmini-paṭipadā.
[236] . Kinh này cũng được gọi là *Đương thuyết* (sẽ nói), vì bắt đầu bằng hai chữ như vậy. Hai kinh tiếp theo hoàn toàn đồng nhất với kinh này, nên không chép. Đây lời của người truyền kinh.
[237] . Pāli 22. 103. Antā.
[238] . *Hữu thân biên* 有身邊. Pāli: sakkayānata.
[239] . *Hữu thân tập biên* 有身集邊. Pāli: sakkāya-samudayanta.
[240] . *Hữu thân diệt biên* 有身滅邊. Pāli: sakkāya-nirodhānta
[241] . Pāli: tatra-tatrabhinandinī, seyyathidaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā, ưa thích nơi này nơi kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.
[242] . Pāli, S.22. 105. Sakkāya.
[243] . *Hữu thân* 有身, Pāli: sakkāya.
[244] . *Hữu thân diệt đạo tích* 有身滅道跡.
[245] . Xem cht.33, kinh 70.
[246] . Quốc Dịch, phẩm 14. Pāli, S. 22. 23. Pariññāyya.
[247] . *Sở tri pháp, trí, trí giả* 所知法, 智, 智者; pháp cần được nhận thức toàn diện (Pāli: pariññeyya: ưng biến tri); sự nhận thức toàn diện (pariññā: biến tri trí) và người có nhận thức toàn diện (Pāli không đề cập).
[248] . Gánh nặng. Pāli, S. 22. 22. Bhāra.
[249] . Trọng đảm, thủ đảm, xả đảm 重擔, 取擔, 捨擔. Pāli: bhāra, bhāradāna, bhāranikkhepana, bharahāra.
[250] . Hán: sĩ phu 士夫; Pāli: puggala (bổ-đặc-già-la).
[251] . Pāli, S. 22. 117. Bandhana; 22. 65. Abhinnandamāna.
[252] . Ma sở hóa 魔所化; đoạn dưới nói là ma sở tác 魔所作.
[253] . Xem cht.45 trên.
[254] . Pāli, S. 22. 58. Sambuddha.
[255] . Pāli, S. 22. 118-119. Parimucchita.
[256] . Pāli, 22. 25. Chadarāga.
[257] . Đoạn tri 斷知, hay đoạn biến tri, nhận thức toàn diện về sự đoạn trừ, tức đã đoạn trừ triệt để. Pāli: pahāna-pariññā.
[258] . Pāli, S. 22. 30. Uppādaṃ.
[259] . Pāli, S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccuppanna.
[260] . Không thấy Pāli tương đương..
[261] . Không, Vô tướng, Vô nguyện: ba Tam-muội môn.

262 . Xem cht.50 kinh 77 trên.
263 . Pāli, S. 22. 60. Mahāli.
264 . Ly-xa 離車. Pāli: Liccha, một thị tộc hùng mạnh thời Phật.
265 . Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli: Mahānāma. Nhưng bản Pāli nói là Mahāli.
266 . Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉. Pāli: Pūraṇa Kassapa.
267 . Xuất ý ngữ 出意語. Pāli: adhivitti pada.
268 . Quốc Dịch, phẩm 7, quyển 2. Không thấy Pāli tương đương.
269 . Không thấy Pāli tương đương.
270 . Pāli, S. 22. 45. Aniccā.
271 . Yadanattā tam n'etam mama nesoham asmi, na meso nattā 'ti, vô ngã là cái này không phải của tôi, tôi không phải là cái này, cái này không phải là tự ngã của tôi.
272 . Pāli, S. 22. 46 Aniccā.
273 . Cf. Mv. i. 6,13.
274 . Cf. Mv. i. 6,13.
275 . Ấn Thuận Hội Biên, tiếp theo Tụng 5 Bát chúng, 21. Tương ưng Bà-la-môn (Đại Chánh kinh 1151-1163, 88-102, 1178-1187). Đại Chánh, quyển 4, kinh 88, tương đương Pāli, S. 7. 19 Mātuposaka; Biệt dịch 100(88).
276 . Uất-đa-la 鬱多羅; xem kinh 282. Pāli: Mātupasako brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Mātupasaka.
277 . Pāli, A.iv. 39 Ujjaya. Cf. Biệt dịch, 100 (89).
278 . Ưu-ba-ca 優波迦. Pāli: Ujjayo brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Ujjaya.
279 . Tà thạnh đại hội 邪盛大會. №100(89): đại tự 大祀. Pāli: (mahā)yañña.
280 . Mã tự, loại tế đàn trong đó là vật hy sinh. Bản Pāli liệt kê: assamedham, hy sinh ngựa; purisanedham, hy sinh người; sammāpāsam, lễ ném gậy; vājapeyya, lễ uống rượu (để thêm sức), niraggaḷa, vô già hội (lễ rút then).
281 . Pāli, A.iv. 40. Udāyi. Cf. Biệt dịch, №100(90).
282 . Bản Pāli, người hỏi là Bà-la-môn Udāyi.
283 . Pāli, A. viii. 55. Ujjaya. Cf. Biệt dịch, №100(91).
284 . Uất-xà-ca 鬱闍迦. Pāli, Ujjaya brāhmaṇa.
285 . Hán: hiện pháp an cập hiện pháp lạc 現法安及現法樂. Pāli: diṭṭhadhammahitaya diṭṭhadhammasukhāya.
286 . Hán: phương tiện cụ túc 方便具足. Pāli: uṭṭhānasampāda: thành tựu tinh cần.
287 . Cf. Pāli: kalyāṇamittā... saddhasampannā, sīlasampannā, cāgasampannā, paññā-sampannā, bạn tốt... là những người có tín, có giới, có thí xả, có tuệ.

288 . Bản Cao-li: ưu-đàm-bát quả 優曇鉢果; bản Tống-Nguyên-Minh: ưu-đàm-bát hoa. Bản Pāli: udumbarakhādīvāyam kulaputto bhoge khādātī ti, “thiện nam tử này thọ dụng như người ta ăn quả sung. Sớ giải: như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả, nhưng chỉ ăn vài quả ăn được, còn thì vất bỏ hết.

289 . Hán: cập dư thế nhân đồng pháp 及餘世人同法. Pāli: sadevamanussa, bản Hán hiểu tiền tố **sa-** (cùng với) là “đồng pháp”. Xem kinh 647 ở sau.

290 . Hán: giải thoát thí 解脫施. Pāli: muttacāga.

291 . Hán, phương tiện, đây nên hiểu “tinh cần”. Pāli: uṭṭhātā kammadheyyesu, hăng hái trong các sự nghiệp.

292 . Để bản: tốc đạo 速道 ; bản Nguyên-Minh: mê đạo 迷道; Ấn Thuận cũng hiệu chính là “mê đạo”. Hiệu chính nhầm. Pāli: niccaṃ maggam, thường đạo. Đây chỉ con đường sinh thiên.

293 . Pāli: S. 7. 35. Mānatthaddha. Cf. №100(258).

294 . Kiêu mạn Bà-la-môn 憍慢婆羅門. Pāli: Mānatthaddo nāma brāhmaṇo, người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha. №100(258): Cực Mạn ma-nạp 極慢摩納.

295 . Nghĩa là, thuần chủng, không lai giống.

296 . Để bản: phân minh 分明; Tống-Nguyên-Minh: phân biệt 分別.

297 . Để bản: chư cú cú ký thuyết 諸句句記說; sau chữ chư 諸 , bản Nguyên Minh thêm: (chư) tự tất tri vạn sự cửu viễn, bản mạt nhân duyên (諸)字悉知萬事九遠本末因緣. “...biết rõ căn nguyên chung thủy, lịch sử lâu dài của vạn sự...”

298 . Bản Pāli và №100(258) không có chi tiết này.

299 . Pāli: nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānati, “Sa-môn Cù-đàm này chẳng biết gì.”

300 . Pāli: yena atthena āgacchi, tam evam anubrūhaye, “Ông hãy nói, đến đây với mục đích gì?”

301 . Bản Pāli: Ông lễ dưới chân Phật và ôm hôn chân Phật.

302 . Pāli: yato te mayi cittaṃ pasannaṃ, “Do đâu ông có tâm tịnh tín đối với Ta?”

303 . Pāli: kesu, “đối với những ai”. Bản Hán hiểu “đối với cái gì?”

304 . Hán: thị, giáo, chiếu, hỷ.

305 . Xem các kinh 1158, 1323. So sánh Pāli, định cú, D.i. 110 và rải rác: anupubbiṃ kathaṃ kathesi... kāmānaṃ ādinavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme ānsaṃsaṃ pakāsesi, Phật thuyết pháp theo tuần tự... nói về sự nguy hiểm của các dục, sự thấp hèn, sự ô nhiễm, nói về lợi ích của sự xuất ly.

[306] . Nguyên Hán: vô gián đẳng 無間等; chỉ hiện quán hay hiện chứng bốn Thánh đế, giai đoạn chứng đắc Dự lưu chi. Tham chiếu Pāli, định cú, S.v. tr. 415:... catunnaṃ ariyasaccānaṃ yathābhūtaṃ abhisamayāya.
[307] . Pāli, A.vii.44 Aggi. Cf. №100(259).
[308] . Nguyên Hán: tà thạnh đại hội 邪盛大會; xem kinh 89 trên. Pāli: mahāyañña; xem thêm D. i. 138sq.
[309] . Trường Thân 長身. Pāli: Uggatasarīra.
[310] . Tà thạnh pháp 邪盛法 (Pāli: tividhaṃ yaññasampadaṃ), chỉ ba nghi thức tế tự. Phần số 分數, chỉ mười sáu tư cụ hay đạo cụ cho tế tự (Pāli: soḷasaparikkhāraṃ). Tham chiếu Pāli, Kūṭadantasutta, D. i. 129.
[311] . Xem cht. 31 kinh 92 trên.
[312] . Xem cht. 32 kinh 92 trên.
[313] . Cf. №100(260); N 26. 148 (kinh Hà Khổ, đoạn cuối); №125 (17.8); Cf. A.v. 31.
[314] . Hán: nguyệt hắc phần 月黑分, phần tối của tháng, phần nửa sau của mỗi tháng. Pāli: kāla-pakkha.
[315] . Để bản: diệt 滅. Đọc theo bản Tống: giảm 減.
[316] . Để bản: tín gia tâm 信家心. Tống-Nguyên-Minh: tín tịch tâm 信寂心. Đoạn dưới: tịnh tín 淨信.
[317] . Hán: chân trực 真直; đoạn trên: chân thật 真實.
[318] . Hán: nguyệt tịnh phần 月淨分, phần sáng của tháng. Pāli: sukka-pakkha.
[319] . A. iii. 57 Vacchagotta. Hán, №100(261).
[320] . S. 7. 14 Mahāsāla. Biệt dịch, №100(262).
[321] . Pāli: brāhmaṇamahāsālo, đại phú Bà-la-môn.
[322] . S.7. 20. Bhikkhaka. Biệt dịch, №100(263).
[323] . Pāli: Bhikkhako, người ăn xin, hành khất. Bản Hán hiểu là Bikkhu.
[324] . S. 7. 11. Kasi; Sn. 14. Biệt dịch, №100(264).
[325] . Nhất-na-la 一那羅. Pāli: Ekanālā.
[326] . Hán: tác ẩm thực xứ 作飲食處. Pāli: parivesanā, sự phân phối thực phẩm, hay sự dọn ăn.
[327] . Hán: canh điền Bà-la-đậu-bà-giá 耕田婆羅豆婆遮. Pāli: kasi-bhāradvāja-brāhmaṇa.
[328] . S. 6. 3. Brahmadeva. Biệt dịch, №100(265).
[329] . Tịnh Thiên 淨天. Pāli: brāhmaṇiyā brahmadevo nāma... pabbajito, con trai của một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva, đã xuất gia.

[330] . Hán: thuần thục long 淳熟龍; nên hiểu là “voi chúa đã được khéo huấn luyện”. Pāli: nāgavo danto.
[331] . Nguyên bản: sơ Phật 初佛. Bản Tống: sơ đoàn 初揣.
[332] . Nguyên Hán: mâu-ni 牟尼.
[333] . Biệt dịch, №100(266).
[334] . A. iv. 36 Loke. Biệt dịch, №100(267), №125(38.3).
[335] . Nguyên bản: nhập tận chánh thọ 入盡正受. Theo bản Tống, sửa lại: nhập trú...入晝. Pāli: divāvihāra.
[336] . Hữu-tùng-ca-đế 有從迦帝. Bản Tống: Hữu-tỉ-ca-đế 有徙迦諦.
Pāli: Ukkṭṭha.
[337] . Đọa cưu-la 墮鳩羅. Pāli: Setavya.
[338] . Đậu-ma chủng tánh 豆磨種姓. Pāli: Doṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Doṇa.
[339] . Sn. 1.7. Vasala. Biệt dịch, №100(268).
[340] . Bà-la-đậu-bà-giá 婆羅豆婆遮. Pāli: Aggika-Bhāradvāja, Bhāradvāja thờ lửa.
[341] . Nguyên Hán: lãnh quần đặc 領群特: gã chăn bò. Pāli: vasalaka, gã tiện dân, người hèn hạ. Bản Hán đọc là vacchalaka.
[342] . Nguyên Hán: sĩ phu 士夫.
[343] . Nhất sanh, nhị sanh 一生二生. Pāli: ekajaṃ vā dvijaṃ; Sớ giải: trừ loài sanh trứng, còn lại là loài một (lần) sanh. Hai lần sanh, là loài sanh trứng.
[344] . Pāli: niggāhako samaññāto, kẻ được gọi là áp bức. Bản Hán hiểu niggāhaka là kẻ trách mắng.
[345] . Để bản: (...) cập tài dữ 及財與: hoặc vì người cho tiền (mà làm chứng dối). Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh sửa lại là (...) cập vô trách 及無責 (không bị quở trách). Pāli: dhanahetu.
[346] . Tu-đà-di 須陀夷; có lẽ đồng nhất với Mātaṅga của Pāli: Bồ-tát sanh làm người Chiên-đà-la (giai cấp hạ tiện) tên là Mātaṅga, nhưng danh tiếng đồn vang, khiến các nhà đại tộc cũng phải cung kính. Xem Mātaṅga jātaka (№497).
[347] . Tịnh thiên đạo 淨天道 , tức đường dẫn lên Phạm thiên.
[348] . Bản Hán, “21. Tương ưng Bà-la-môn” đến đây bị cắt ngang do sự rối loạn số quyển. Tương ưng này được nối tiếp với kinh số 1178, quyển 44.
[349] . Đại Chánh, quyển 5. Quốc Dịch, quyển 5, phẩm 15. Pāli, S. 22. 89. Khema.
[350] . Câu-xá-di quốc Cù-sư-la viên 拘舍彌國瞿師羅園. Pāli: Kosambī, Ghositārāma.
[351] . Bạt-đà-lê viên 跋陀梨園. Pāli: Badarikārāma.

[352] . Sai-ma 差摩. Pāli: Khema.
[353] . Đà-sa 陀娑. Pāli: Dāsaka.
[354] . Pāli 22. 85. Yamaka (Diệm-ma-ca 焰摩迦).
[355] . Phi sắc... 非色Pāli: arūpaṃ... ,
[356] . Pāli: ettha ca te āvuso yamaka diṭṭheva dhamme saccato thetato tathāgate anupalabbahiyāmāne, ở chỗ này, ngay trong đời này, Như Lai chân thật, thường trú, vượt ngoài khả năng nhận thức.
[357] . Pāli, S. 44. 9. Kutūhalasālā.
[358] . Tiên-ni 仙尼. Bản Pāli: Vacchagotto paribbājako, du sĩ (phổ hành Sa-môn) dòng họ Vaccha.
[359] .. Già-la-ca 遮羅迦. Pāli: caraka, du hành tăng, hay phổ hành sa-môn. Bản Pāli:paribbājaka, đồng nghĩa.
[360] . Hy hữu giảng đường 希有講堂. Pāli: kutūhala-sālā.
[361] . Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉. Pāli: Pūraṇo Kasapo.
[362] . Bản Pāli nói ngược lại: được xác nhận: upapattīsu vyākarati.
[363] . Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử 末迦梨瞿舍利子. Pāli: Makkhali-Gosāla.
[364] . Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử 先闍那毘羅胝子, Pāli; Sañjaya-Belaṭṭhiputta . A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅, Pāli: Ajita-Kesakambala. Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên 迦羅拘陀迦栴延, Kakudha-Kaccāyana. Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử 尼揵陀若提子, Pāli: Nigaṇṭha-Nātaputta.
[365] . Bản Pāli hơi khác: kathaṃ nāma samanassa gotamassa dhammo abhiññeyyo, pháp của Sa-môn Cù-đàm cần được thấu hiểu như thế nào?
[366] . Vô gián đẳng 無間等, Quốc dịch chú: Pāli là abhisamaya, thường được dịch là*hiện quán* 現觀hay *hiện chứng* 現証; có nghĩa là lý giải, thấu hiểu thông suốt.
[367] . Trong bản Hán: *Tiên-ni xuất gia* 仙尼出家, chỉ ngoại đạo xuất gia, hay du sĩ (Pāli: paribbājaka) hay tu sĩ ngoại đạo.
[368] . Pāli: S. 22. 86. Anurādha.
[369] . Bản Pāli: vesāliyaṃ mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, ở Vesāli, trong giảng đường Trùng các trong Đại lâm.
[370] . A-nậu-la-độ độ 阿[少/兔]羅度. Pāli: Anurādha.
[371] . Vô ký 無記 (Pāli: avyākata), thuộc loại không xác định, không được trả lời. Bản Pāli; tathāgato aññatra imehi catūhi ṭhānehi paññāpayamāno paññāpeti, Như Lai ở ngoài giả thiết với bốn trường hợp ấy.
[372] . Tống-Nguyên-Minh: chư thuyết 諸 説 Bản Cao-ly: chư ký 諸 記 (tùy thuận) các cách trả lời.

[373]. Hán: chư thứ pháp thuyết 諸次法說 Thứ pháp tức tùy pháp (Pāli: anudhamma), pháp tùy thuận.

[374]. Như lai sở tác 如來所作; có thể do veyyakāraṇa: sự giải thích. Một số vấn đề Phật không giải đáp vì được xem là không thiết thực nhưng rất nhiều vấn đề thiết thực khác được Phật giải đáp.

[375]. (phi) đẳng thuyết (非)等說.

[376]. Pāli, S. 22. 1. Nakulapitā.

[377]. Thiết-thủ-bà-la sơn Lộc dã thâm lâm 設首婆羅山鹿野深林.Pāli:Susuṃmāragira Bhesakalāvana Migadāya, trong núi Cá sấu, rừng Kinh sợ, chỗ nuôi hươu.

[378]. Bạt-kỳ quốc quốc 婆祇國. Pāli: Bhaggesu, ở giữa những người Bhagga.

[379]. Na-câu-la trưởng giả 那拘羅長者. Pāli: Nakulapitā gahapati, gia chủ, cha của ông Nakula.

[380]. Pāli: āturakāyassa me sato cittaṃ anāturaṃ bhavissatī ti evañ hi te gahapati sikkhitabban ti, ta có thân bệnh khổ này; tâm ta sẽ không bệnh khổ; cần học tập như vậy.

[381]. Thị, giáo, chiếu, hỷ, 示教照喜 tức *Thị, giáo, lợi, hỷ* 示教和喜: thứ tự thuyết pháp của Phật.

[382]. Pāli, S.22.2 Devadaha.

[383]. Thích thị thiên hiện tụ lạc 釋氏天現聚落, Pāli: devadahaṃ nāma sakyānaṃ nigamo, tại làng Devadaha của những người họ Thích.

[384]. Kiên cố thọ 堅固樹, tên cây. Pāli: eḷagalābumba, cây ba-đậu (?)

[385]. Đầu sợi lông. Pāli, S. 13. 2. Pokkharaṇī (hồ sen).

[386]. Kiến đế cụ túc 具足見諦, chỉ sự thấy và chứng bốn Thánh đế. Pāli:diṭṭhisampanna, thành tựu sự thấy, có đầy đủ sự thấy biết về Thánh đế.

[387]. Vô gián đẳng quả 無間等果, đây chỉ sự thành tựu Thánh đế hiện quán, tức quán sát bốn Thánh đế để chứng quả Dự lưu. Xem cht.18, kinh 105. Pāli: abhisametvā(abhisamaya), sau khi hiện chứng.

[388]. Ưu thích ẩn phú, khánh cát bảo tích 憂慼隱覆, 慶吉保惜; *chưa rõ hết ý nghĩa*.

[389]. Địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ 地一切入處正受, tức biến xứ định về đất; định (chánh thọ hay chánh định, Pāli: samāpatti) được tu tập với đối tượng là tính phổ biến của đất. Pāli: paṭhavi-kasiṇa-samādhi.

[390]. Mười đối tượng (Pāli: kammaṭṭhāna) của biến xứ định (Pāli: kasiṇa-samādhi): đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng.

[391]. Sắc dị ngã 色異我, ở đây Pāli : rūpavantaṃ vā attānam (thấy rằng) tự ngã có sắc; tức là, tự ngã sở hữu sắc như người sở hữu xâu chuỗi ngọc.

392 . Thứ tự tu tập bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. Pāli: satta sambhojjhaṅgā: sati-sambojjhaṅgo, dhammvicaya-,viriya-, pīti-, passaddhi-, samādhi-sambhojjhaṅgo.

393 . Pāli, M. 35. Cūḷasaccaka-sutta.

394 . Tỳ-xá-ly, Di hầu trì trắc 毘舍離獼猴池側. Bản Pāli: vesāliyaṃ vihārati mahāvane kūṭagārasālāyaṃ, trong Đại lâm, giảng đường Trùng các.

395 . Pāli: Saccako Nigaṇṭhaputto, một Ni-kiền tử tên là Saccaka.

396 . Bản Pāli mô tả: bhassappavādako paṇḍitavādo sādhusammato bahujanassa, là người ưa khiêu chiến nghị luận, thông bác về các quan điểm, được nhiều người trọng vọng.

397 . A-thấp-ba-thệ 阿濕波誓. Pāli: Assaji, một trong năm Tỳ-kheo đầu tiên.

398 . Tát-giá Ni-kiền tử 薩遮尼揵子. Pāli: Saccaka Nigaṇthaputt.

399 . Hỏa chủng cư sĩ 火種居士. Pāli: Aggivessana, họ của Saccaka.

400 . Trú ư thiên trú 住於天住. Pāli: divāvihārāra, an trú ban ngày tức nghỉ trưa, nhưng bản Hán đọc là Deva-vihāra: trú xứ của chư Thiên.

401 . Sắc thị ngã nhân 色是我人. Pāli: rūpattāyaṃ purisapuggalo, con người cá biệt (này) lấy sắc làm tự thể (tự ngã).

402 . Pāli: rūpe patiṭṭhāya puññaṃ vā apuññaṃ vā pasavati, do an trú trên sắc mà phước thiện hay phi phước thiện sanh khởi.

403 . Nhân giới thần giới 人界神界. Pāli: bījagāmabhūtagāmā, chủng loại hạt giống và chủng loại thực vật.

404 . Pāli: rūpaṃ me attā, sắc là tự ngã của tôi.

405 . Kim cang lực sĩ quỷ thần 金剛力鬼神. Pāli: vajirapāii yakkho, quỷ Dạ-xoa tay cầm chày kim cang.

406 . Đột-mục-khư 突目佉. Pāli: Dummukha.

407 . Hán: kiến tích 見跡, hay nói là kiến đạo tích, chỉ vị đang thực hành hướng đến chỗ thấy Thánh đế.

408 . Thành tựu ba vô thượng: trí vô thượng, đạo vô thượng, giải thoát vô thượng. Pāli: dassananuttariyena, paṭipadānuttariyena, vimuttānuttariyena, kiến vô thượng, đạo tích (thực hành) vô thượng, giải thoát vô thượng.

409 . Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử, Câu-lâu-đà, Ba-la-thọ-trì, Xả-trọng-đảm, Lực sĩ Bảo-quan 遮波梨, 漆菴羅樹, 多子, 瞿曇在拘樓陀, 婆羅受持, 捨重擔, 力士寶冠. Tên các chi-đề, tức các linh miếu (Pāli: cetiya) nổi tiếng ở Vesali. Bản Pāli không nêu danh sách này.

410 . Bỉ Đa-la thập vấn 彼多羅十問 có lẽ chỉ kinh tương đương Pāli S. 42. 13. Pātali, nhưng bản Hán dịch này thiếu. Tham chiếu Đại №26 (20).

411 . Đại Chánh, quyển 6. Quốc Dịch xếp vào Tụng 1. Ấn Thuận xếp vào Tụng 7; “34. Tương ưng La-đà”, tổng thể có một trăm ba mươi ba kinh, nhưng chỉ có hai mươi hai kinh có nội dung được truyền. Tương đương Pāli, S. 23. Rādhasamyuttam, Roman iii. 188. Phật Quang, quyển 6, kinh 113. Quốc Dịch, đồng, kinh 192. Tương đương Pāli, 23. 3. Bhavaneti.

412 . Ma-câu-la sơn 摩拘羅山. (Pāli: Makula), tên núi ở Kiều-thưởng-di. Bản Pāli nói:Sāvatthinidānam, nhân duyên ở Sāvatthi.

413 . La-đà 羅陀. Pāli: Rādha.

414 . Hữu lưu 有流, dòng chảy của hữu hay tồn tại. Bản Pāli: bhavanetti, lưới của hữu.

415 . Hữu lưu diệt 有流滅. Pāli: bhavanettinirodha, sự diệt tận của lưới hữu.

416 . Pāli, S. 23. 4. Pariññeyyā.

417 . Xem cht.2, kinh 111.

418 . La-đà 羅陀. Pāli: Rādha.

419 . Nguyên Hán: đoạn tri 斷知, chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thức toàn diện về bốn Thánh đế. Pāli: pariññeyya.

420 . Không thấy Pāli tương đương.

421 . Pāli, S. 35. 81. Bhikkhu.

422 . Tri khổ 知苦. Pāli: dhukkassa pariññatthaṃ, vì mục đích biến tri khổ. Xem cht.9, kinh112.

423 . Không thấy Pāli tương đương.

424 . Xem cht.2&3, kinh 111.

425 . Ngã kiến, ngã sở, ngã mạn sử hệ trước 我見, 我所, 我慢使繫著. Pāli:ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành phức cảm cái tôi và của tôi.

426 . Xem cht.2&3, kinh 111.

427 . Xem cht.2&3, kinh 111.

428 . Xem cht.2&3, kinh 111.

429 . Pāli, S. 23. 1. Māro.

430 . Pāli, S. 23. 12. Māradhamma.

431 . Ma pháp 死法. Pāli: māradhamma, ma pháp hay tử pháp, quy luật của sự chết.

432 . Pāli, S. 23. 2. Satto.

433 . Nhiễm trước triền miên 染著纏綿 định nghĩa từ “chúng sanh”; Pāli: rūpe kho rādha yo chando yo rāga yā nandi yā taṇhā tatra satto tatra viatto tasmā sattoti vuccati, ở nơi sắc mà có dục vọng, đam mê, khoái cảm, khát ái; ở đó đắm nhiễm, ở đó đắm nhiễm triền miên, do đó được gọi là chúng sanh. Theo đây, chúng sanh, satta, được coi như là phân từ quá khứ của sajjati:

đắm nhiễm hay cố chấp, bám chặt vào. Thông thường, satta được cho là danh từ phát sanh của động từ căn **as**: tồn tại, hiện hữu; nên satta được hiểu là “cái ở trong trạng thái đang tồn tại.”

434 . Hán: tác khổ biên 作苦邊. Pāli: dukkhassa antakaro, chấm dứt sự khổ.

435 . Pāli, S. 23. 9-19. Chandarāgo.

436 . Tộc tánh tử 族姓子, cũng nói là thiện nam tử, hay thiện gia nam tử. Pāli:kulaputta, con trai của gia tộc; thiện gia nam tử, hay lương gia tử đệ.

437 . Nhiễm y 染衣, áo nhuộm; đây chỉ ca-sa.

438 . Đương lai hữu ái 當來有愛; Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

439 . Bỉ bỉ ái lạc 彼彼愛樂, ước muốn sẽ tái sinh vào nơi này hay nơi kia. Pāli:tatratatrābhinandī

440 . Trong bản; *đương hữu ái,* tức *đương lai hữu ái*, xem cht.28 trên.

441 . Pāli (S. iii. 138): yo tassāyeva taṇhā asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo, khát ái ấy hoàn toàn được ly nhiễm, diệt tận, xả bỏ, xả ly, giải thoát, không chấp tàng.

442 . Vô gián đẳng, xem cht.18 kinh 105; cht.39 kinh 109.

443 . Pāli, S. 23. 11. Māro.

444 . Pāli, S. 23. 23. Māro.

445 . Pāli, S. 23. 24. Māradhamma.

446 . Pāli, S.23. 19-22. Khaya.

447 . Đoạn pháp 斷法. Pāli: khayadhamma.

448 . Quốc Dịch, phẩm iii. Phẩm này gồm mười ba kinh, có đầu đề nhưng không có nội dung.

449 . Các kinh này được cho là có nội dung tương đồng với các kinh Pāli S. 23. 20. Vayadhamma; 21. Samudayadhamma; 22. Nirodhadhamma.

450 . Quốc Dịch, phẩm iv. Phẩm này có tất cả mười lăm kinh, nhưng chỉ có hai kinh có nội dung được truyền. Còn lại chỉ có đầu đề. Phật Quang, kinh 130. Pāli, S. 23. 31. Khaya.

451 . Đoạn pháp 斷法, có lẽ dư chữ *pháp*. Trong đây, hai kinh liên tiếp, một kinh nói về *đoạn*, một kinh nói *đoạn pháp*, tương đương Pàli là S.22. 31. *Khaya* và S. 22. 32.*Khayadhamma*.

452 . Pāli, S. 23. 32. Khayadhamma.

453 . Xem cht.41 kinh 128.

454 . Pāli, S. 23. 35-46. Māro, v.v...

455 . Phật Quang, kinh 133.

456 . Hán: Tùy ma tự tại 隨魔自在. Pāli: Mārassa vasaṃ gacchanti, chúng nó đi theo quyền lực của ma.

457 . Phật Quang, kinh 134.
458 . Tức là, chiếu theo kinh 131 và các kinh tiếp theo được liệt kê ở trên, các kinh tiếp theo kinh 132 này có nội dung tương phản. Nghĩa là, tiếp theo kinh 131 là kinh "Tập trước", thì tiếp theo kinh 132 ở đây là "Bất tập trước" cho đến, "Thổ" và tương phản là "Bất thổ".
459 . Quốc Dịch, Tụng 1, "3. Tương ưng Kiến". Ấn Thuận xếp vào Tụng 7, "35. Tương ưng kiến," tổng thể có chín mươi ba kinh, trong đây chỉ có sáu kinh có nội dung. Tương đương Pāli, S. 24. Diṭṭhisamyuttam, Roman 3. 201. Pāli, S. 24. 2. Etaṃ mamaṃ (cái này là của tôi).
460 . Pāli: kismiṃ nu kho bhikkhave sati kiṃ upādāya kiṃ abhinivissa evaṃ diṭṭhi uajjati: etaṃ mama eso'ham asmi eso me attā ti, Do cái gì đang hiện hữu, do chấp thủ cái gì, do tham luyến cái gì, mà khởi lên quan điểm này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?
461 . Kiến văn giác thức cầu đắc tùy ức 見聞覺識求得隨憶. Pāli: diṭṭham sutam mutam viññatam tattam anuvicaritam, cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm nhận, cái được nhận thức, cái sở đắc, cái sở cầu, cái được nhớ nghĩ.
462 . Lục kiến xứ 六見處, sáu căn cứ để chấp ngã.
463 . Phật Quang, kinh 136.
464 . Xem cht.52, kinh 133 trên.
465 . Xem cht.52, kinh 133 trên.
466 . Phật Quang, kinh 138.
467 . Xem cht.50 kinh 133 trên.
468 . Xem cht.51, kinh 133 trên.
469 . Xem cht.52, kinh 133 trên.
470 . Đại Chánh, quyển 7. Phật Quang, kinh 141.
471 . Xem kinh 133.
472 . Trong bản Hán: khởi cầu 起求, kinh 133: *cầu đắc* 求得, Pāli: pattam pariyesitam.
473 . Phi thử thế ngã, phi thử thế ngã sở 非此世我,非此世我所, xem kinh 133: phi thử ngã, phi thử ngã sở .
474 . Nguyên trong bản Hán: *tam-bồ-đề* 三菩提.

475 . Phật Quang, kinh 144. Pāli, S. 22. 150. Etaṃ mam; 24. 2. Etaṃ mama.
476 . Pāli: ahaṃkāra-mamāṃra-mānābusaya, ngã, ngã sở, mạn tùy miên.
477 . Phật Quang, kinh 147.
478 . Phật Quang, kinh 148. Pāli, S. 22. 149. Ajjhattikṃ; 35. 105. Upādāya.

[479] . Phật Quang, kinh 149.
[480] . Tám thế pháp: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.
[481] . Phật Quang, kinh 151. Pāli, S. 35. 108. Seyyo.
[482] . Phật Quang, kinh 152.
[483] . Phật Quang, kinh 153.
[484] . Phật Quang, kinh 154. Pāli, S. 22. 151. Esottā; 24. 3. So attā.
[485] . Quốc Dịch, tụng 1, tương ưng 3, phẩm iii, Phật Quang, kinh 155.
[486] . Hán: bỉ 彼, đây chỉ Đại Phạm thiên 大梵天; theo triết học Veda-Upanishad, ta và Brahman là một.
[487] . Pāli, S. 24. 5. Natthi (phần đầu).
[488] . Tức không có kết quả phước báo của sự bố thí. Pàli: natthi dinnaư.
[489] . Hán: hội 會, chỉ đại hội tế lễ. Pāli: yiṭṭham.

[490] . Hán: thuyết 說. Pāli: hutaṃ, vật cúng thần, con vật hy sinh; cũng chỉ lễ hiến tế hy sinh.
[491] . Nguyên Hán: *chánh đáo chánh thú* 正到正趣, chỉ các Thánh giả hữu học. Pāli: na'tthi loke samaṇa-brāmanā sammaggata sammā-paṭipannā ye imañ ca lokaṃ parañ ca lokaṃ sayaṃ abhiññā saccahikatvā pavedenti, trong đời này không có Sa-môn hay Bà-la-môn nào là những vị chánh hành, chánh hướng mà tự thân chứng nghiệm thế giới này hay thế giới khác.
[492] . Chủ trương tà kiến, không tin nhân quả. Một phần trong thuyết hư vô của Ajito Kesakambalī, một trong Lục sư ngoại đạo. Phần sau, nói ở kinh 158. Xem D. 2. Sāmañña-phala-sutta.
[493] . Pāli, S. 24. 7. Hetu (nhân).
[494] . Một phần trong chủ trương của Makkhali-Gosālo, một trong Lục sư ngoại đạo; xem Sāmañña-phala-sutta: (…) sabbe sattā (…) avasā abalā avīriyā niyati-saṅgati-bhāva-pariṇatāchass'evābhijātisu sukha-dukkha paṭisaṃvedenti, tất cả chúng sanh… không tự chủ, bất lực, không nghị lực, bị chi phối bởi định mệnh, chuyển biến theo bản tánh, để mà thọ khổ hay lạc trong sáu chủng loại.
[495] . Pàli, S. 24. 5. Natthi (phần sau).
[496] . Phần sau trong chủ trương đoạn diệt của Ajita Kesa-kambali; phần đầu nói trong kinh trên. D.i.55.
[497] . Tham chiếu Pāli: (…) bhassantāhutiyo; dattu-paññattaṃ yad idaṃ danaṃ, tesaṃ tucchaṃ musā vilāpo ye keci atthika-vādaṃ vadanti, vật cúng

thành tro, bố thí là chuyện bày đặêt của người ngu; nói sau khi chết còn tồn tại là dối trá.

[498] . Pāli, S. 24. 7. Hetu.

[499] . Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na’tthi hetu n’atthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, không có nhân, không có duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh.

[500] . Pāli, S. 24. 5. Hetu.

[501] . Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na’tthi hetu n’atthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh.

[502] . Pāli, S. 24. 7. Hetu.

[503] . Phật Quang, kinh 162.

[504] . Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi; tham chiếu Sāmañña-phala-sutta, D.i.56.

[505] . Chủ trương của Pakudha Kaccāyana.

[506] . Pāli, 24. 6. Karoto.

[507] . Chủ trương của Pūraṇa Kassapa, xem Sāmañña-phala-sutta, D.i.52.

[508] . Quốc Dịch, phẩm iv, quyển 7. Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi.

[509] . 14 x 100 x 1.000 = 1.400.000 sanh môn, cửa thọ sanh hay sanh loại. Pāli: yoni-pamukkha, cửa thọ sanh hàng đầu, hàng ưu sinh.

[510] . Câu này, trong bản Hán, vì được dịch sát theo tiếng Phạm, nên cần chấm câu lại để dịch cho đúng. So sánh Pāli: imāni yoni-pamukkha-satasahassāni saṭṭthiñ ca satāni cha ca satāni: có một triệu bốn trăm (1.400.000) sanh môn tối thượng và sáu ngàn và sáu trăm (sanh môn khác nữa).

[511] . Bản Pāli: pañca ca kammuno satāni pañca ca kammāni, có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp…

[512] . Pāli: dvaṭṭhi paṭipadā, có sáu mươi hai đường lối hành đạo.

[513] . Pāli: antara-kappa: kiếp trung gian, trung kiếp.

[514] . Nê-lê 泥黎, tức địa ngục. Pāli: tiṃse niriya-sate, ba ngàn địa ngục.

[515] . Pāli: vīse indriya-sate, hai ngàn căn.

[516] . Pāli: Chattiṃsa rajo-dhātuyo, ba mươi sáu trần giới (cõi vi trần); bản Hán đọc là rāga-dhātuyo: tham giới 貪界.

[517] . Pāli: ekūna-paññāsa paribbājaka-sate, bốn ngàn chín trăm du sĩ (xuất gia) ngoại đạo.

[518] . Pāli: satta saññī-gabbhā satta asaññī-gabbhā, 7 tưởng thai và 7 vô tưởng thai. Trong bản Hán, đọc là (a)saññī-kappā (kiếp có tưởng).
[519] . Pāli: satta sarā, bảy hồ nước lớn.
[520] . Pāli: chābhijātiyo, sáu sanh loại ưu thắng, chỉ sáu giai cấp.
[521] . Pāli: sandhāvitvā saṃsaritvā dukkhass' antaṃ karissanti, lưu chuyển luân hồi (qua tất cả thời gian và chủng loại kể trên, cuối cùng mới) sẽ cứu cánh khổ biên, hoàn toàn chấm dứt khổ.
[522] . Trên đây là một phần trong thuyết "Luân hồi tịnh hóa" (Pāli: saṃsāra-suddhiṃ) của Makkhali-Gosala. Tham chiếu Sāmañña-phala-sutta, D.i.53-54.
[523] . Pāli, S. 22. 24. 1, 19, 45. Vātā.
[524] . Pāli: na candimasūriyā udenti vā apenti vā esikaṭṭhayiṭṭhitā ti, mặt trăng và mặt trời không mọc hay lặn, mà đứng một chỗ như trụ đá.
[525] . Phật Quang, kinh 167.
[526] . Pāli, S. 24.. 37-44. Rūpī attā, v.v…
[527] . Pāli: rūpī attā hoti arogo paraṃ maraṇā ti, tự ngã có sắc, sau khi chết không bệnh.
[528] . Phật Quang, kinh 169.
[529] . Xem cht.58, kinh 166.
[530] . Pāli, S. 24. 9-18. Sassato loko v.v…
[531] . Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 9-10. Sassato loko v.v…
[532] . Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 11-12. Antavā v.v…
[533] . Pāli, S. 23. 13-14: taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ.

[534] . Pāli, S. 24. 15-18: hoti tathāgato v.v…
[535] . Phật Quang, kinh 171.
[536] . Phật Quang, kinh 172.
[537] . Phật Quang, kinh 173.
[538] . Quốc Dịch, phẩm v. Ấn Thuận, "36 Tương ưng Tri" (Đại Chánh kinh 172-187). Phật Quang, kinh 174.
[539] . Phật Quang, kinh 175.
[540] . Phật Quang, kinh 176.
[541] . Ấn Thuận liệt kê một trăm mười tám kinh.

[542] . Từ "Đoạn" đến "Xả" có tất cả sáu kinh.
[543] . Thí dụ chữa lửa đang cháy trên đầu. Quốc Dịch, phẩm vi
[544] . Tất cả tám kinh.
[545] . Ấn Thuận liệt kê bốn trăm bảy mươi hai kinh (từ 2937-3408).

[546] . An trụ nơi thân quán. Phật Quang, kinh 178.

[547] . Tức tu tập bốn Niệm xứ.
[548] . Ấn Thuận phân tích thành một trăm mười tám kinh.
[549] . An trụ với sự quán thân.
[550] . Quốc Dịch, phẩm vii.
[551] . Phật Quang, kinh 181.
[552] . Bốn Như ý túc hay bốn Thần túc: dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, hoặc nói: dục tam-ma-địa thắng hành thần túc, "*Như ý túc được thành tựu do không ngưng chuyên cần với* (*bốn*)*Chánh đoạn để tập trung* (*định*) *trên một ước muốn* (*đối với một phép thần thông nào đó*)." Tiếp theo, tâm tam-muội, tinh tấn tam-muội và tư duy tam-muội, với công thức như dục tam-muội.
[553] . Xem kinh 175. Ấn Thuận liệt kê và phân tích thành một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.
[554] . Xem kinh 175. Ấn Thuận: một ngàn một trăm bốn mươi (1140) kinh.
[555] . Tức niệm giác chi, trong bảy giác chi.
[556] . Ấn Thuận: một ngàn một trăm năm mươi sáu (1156) kinh.
[557] . Ấn Thuận: một ngàn một trăm sáu mươi bốn (1164) kinh
[558] . Ấn Thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.
[559] . Bốn pháp cú, hay bốn pháp tích, xem *Tập Dị Môn Luận* 6. Xem D. 33. Saṅgiti: cattāri dhammapadāni: anabhijjhā dhammapadaṃ, avyāpādo dhammapadaṃ, sammā-sati dhammapadṃ, sammā-samādhi dhammapdaṃ, vô tham pháp tích, vô sân pháp tích, chánh niệm pháp tích, chánh định pháp tích.
[560] . Ấn thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.
[561] . Đoạn này, Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.
[562] . Để có khả năng nhận biệt sắc v.v… là vô thường.
[563] . Ấn Thuận, tụng 2: Lục nhập xứ, một tương ưng duy nhất: "2 Tương ưng Nhập xứ", gồm hai trăm tám mươi lăm (285) kinh (Đại Chánh hai trăm năm mươi sáu (256) kinh: 188-342). Phần lớn tương đương Pāli, S. 35. Salāyatana-samyutta. Đại Chánh, quyển 8, kinh 188, tương đương Pāli, S. 35. 157-158 Nandikkhaya; S. 35. 170-81. Yadanicca; 35. 185 Ajjhata.
[564] . Pāli: nandirāgakkhayā cittaṃ suvimuttan ti vuccati, do hỷ tham bị đoạn tận nên tâm được nói là hoàn toàn giải thoát.
[565] . Pāli, S. 35. 157-158. Nandikkhaya.
[566] .Pāli: yoniso manasikāro, như lý tác ý.
[567] . Pāli, S. 35. 26-27. Parijānanā.

[568] . Bất thức, bất tri, bất đoạn, bất ly dục 不識,不知,不斷,不離欲. Pāli: anabhijānaṃ aparijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng tri, không biến tri, không ly dục, không đoạn trừ.
[569] . Nội dung gần với kinh trên.
[570] . Xem cht.6 kinh 190.
[571] . Xem cht.6 kinh 190.
[572] . Pāli, S. 35. 21-22. Uppādena.
[573] . Pāli, S. 35. 19-20. Abhinandena.
[574] . Pāli: yo bhikkhave cakkhuṃ abhinandati dukkhaṃ so abhinandati, ai thích sắc thì người đó thích khổ.
[575] . Pāli, S. 35. 1-12. Anicca v.v...
[576] . Pāli, S. 35. 43. Anicca.
[577] . Trong bản Pāli: sabbaṃ bhikkhave aniccam.
[578] . Pāli: cakkhusam phasso anicco, xúc của con mắt là vô thường.
[579] . Pāli: cakkhusam phassa paccayā, do bởi duyên là xúc của con mắt.
[580] . Cf. S. 35. 44. Dukkha.
[581] . S. 35. 85. Suñña.
[582] . S. 35. 45. Anattā.
[583] . S. 35. 40. Vaya; Pāli: sabbam bhikkhave vaya-dhammam: tất cả đều là pháp hoại diệt. Bản Hán hiểu là mayakammam (nghiệp hư vọng).
[584] . S. 35. 39. Khaya.
[585] . S. 35. 33. Jāti.
[586] . S. 35. 34. Jarā.
[587] . S. 35. 35. Vyādhi.
[588] . S. 35. 36. Maraṅa.
[589] . S. 35. 37. Soko.
[590] . S. 35. 38. Saṃkilesa.
[591] . S. 35. 41. Samudaya.
[592] . S. 35. 42. Nirodha.
[593] . S. 35. 46. Abhiññeyya (cần được thắng tri).
[594] . S. 35. 49. 47. Pariññeyya (Biến tri).
[595] . S. 35. 48. Pahātabba.
[596] . S. 35. 50. Abhiññāpariññeyya.
[597] . S. 35. 49. Sacchikātabba.
[598] . Pāli, S. 35. 28. Āditta.
[599] . Già-xà Thị-lợi-sa chi-đề. Pāli: gayāyaṃ viharati gayāsīse, trú tại thôn Gāya, trên núi Gàyasìsa (Tượng đầu sơn).
[600] . Tam chủng thị hiện giáo hóa 三種示現教化; cũng gọi là tam thị đạo 三示道, Xem *Tập Dị Môn Túc Luận 3*: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo,

giáo giới thị đạo; xem Trường A-hàm kinh 24. Xem D. 11. Kevaddha, tīṇi pāṭihāriyāni: iddhi-pāṭihāriyaṃ, ādesanā-pāṭihāriyaṃ, anusāsani-pāṭihāriyaṃ.

601 . Thiền định chánh thọ 禪定正受, hay tam-muội chánh thọ, tam-muội đẳng chí, chỉ năng lực thiền định. Pāli: samādhi-samāpatti.

602 . Hỏa tam-muội 火三昧, năng lực thiền định làm thân thể bốc lửa.

603 . Pāli: sabbaṃ bhikkhave ādittaṃ.

604 . Pāli, S. 18. 21. Anusaya (tùy miên); 22. 91. Rāhula.

605 . Pāli: imasmiṃ savīññāṇahe kāye, trong thân có thức này.

606 . Ngã ngã sở ngã mạn sử hệ trước, 我我所我慢使繫著. Pāli: ahaṃkā-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành ý tưởng về tôi, về của tôi.

607 . Vô gián đẳng 正無間等. Pāli: abhisamaya, hiện quán hay hiện chứng; xem cht.67, kinh 23.

608 . Gồm bảy kinh: 1. Ngoại nhập xứ; 2. Nhãn thức v.v...; 3. Nhãn xúc v.v...; 4. Thọ sanh bởi nhãn xúc v.v...; 5. Tưởng sanh bởi nhãn xúc v.v...; 6. Tư sanh bởi nhãn xúc v.v...; 7. Ái sanh bởi nhãn xúc v.v...

609 . Pāli, S. 18. 22. Apagata; 22. 92. Rāhula.

610 . Việt ư nhị 越於二; đây chỉ vượt qua hai mạn tùy miên: ngã mạn và ngã sở mạn. Pāli:ahaṃkāra-mamaṃakāra-mānāpagtaṃ mānasaṃ hoti vidhā samatikkantaṃ santaṃ suvimuttnti, ý thoát ly ngã mạn và ngã sở mạn, vượt ngoài các tướng trạng sai biệt, an tĩnh, giải thoát.

611 . Trong để bản: thọ 受 . Theo kinh 198 trên, sửa lại cho đủ bảy kinh.

612 . Pāli, S. 35. 121. Rāhula.

613 . Trong bản, tộc tánh tử 族姓子.

614 . Trong bản Pāli (S. 35. 121), Phật nhận xét:paripakkā kho rāhulassa vimuttaparipācaniyā dhammā; yaṃ nūnāhaṃ rāhulaṃ uttariṃ āsavānaṃ khaye vineyyan ti, đối với Rāhula, các pháp cần thành thục đã được thành thục; vậy Ta hãy hướng dẫn Rāhula vào trong lậu tận vô thượng.

615 . Ni-đà-na 尼陀那. Pāli: nidāna, nhân duyên, hay nguyên nhân, mối quan hệ, hay nguồn gốc phát sanh của một cái gì.

616 . Nguyên bản: hậu trụ 後住, Ấn Thuận sửa lại tuấn thâu 浚收 chảy rót vào.

617 . Xem cht.53 trên.

618 . Pāli, S. 35. 53-59. Avijjā v.v…

619 . Pāli, S. 35. 56: āsāva pahīyantīti, các lậu bị đoạn trừ.

620 . Pāli, S. 35. 54. Saṃyojana-pahānaṃ, đoạn trừ kết sử.

621 . Pāli, S. 35. 55. Saṃyojana-samugghātaṃ, đoạn triệt kết sử.

622 . Sử 使, hay tùy miên 隨眠, Pāli: anusaya.

[623] . Tùy phiền não, 隨煩惱 , nguyên Hán: thượng phiền não 上煩惱. Pāli: upakilesa.
[624] . Kết, 結 đây chỉ bốn phược hay bốn thân hệ;*Trường A-hàm*, kinh 9, *Tập Dị Môn Túc Luận*: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ (ràng buộc với thân), thử thật chấp thủ thân hệ (chấp thủ cái này là có thật); D. 33. Saṅgiti:cattā āro ganthā, abhijjhā-kāya-ganho, vyāpādo kāya-gantho, sīlabbata-parāmāso kāyagantho, idaṃcābhiniveso kāyagantho.
[625] . Chư lưu 諸流 có lẽ chỉ bốn bộc lưu (dòng xoáy), *Trường A-hàm* kinh 9: *"Chúng tập":* dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Pāli, D. 33. Saṅgitī: cattāro oghā, kāmogho bhavogho diṭṭhogho avijjogho.
[626] . Có bốn ách: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Pāli: cattāro yogā, kāma-yogo, bhava-yogo, diṭṭhi-yogo, avijja-yogo.
[627] . Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Pāli: cattāri upādānāni, kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpādānaṃ.
[628] . Pāli, S. 35. 166. Attano
[629] . Có thể đoạn một pháp. Pāli, S. 35. 79-80: Avijjāpahāna.
[630] . Kỳ-bà Câu-ma-la dược sư 耆婆拘摩羅藥師.Pāli: Jīvaka-Komāra-bhaccambavana, vườn xoài của nhi khoa y sư Jīvaka.
[631] . Pāli: atthi... eko dhammo yassa pahānā bhikkhuno avijjā pahīyati, có một pháp mà Tỳ-kheo nào đoạn trừ, vô minh bị đoạn trừ.
[632] . Pāli, S. 35. 79: avijjā pahīyati, vijjā uppajjati, vô minh bị đoạn trừ, minh sinh khởi. Bản Hán đọc là: avijjāvirago, ly tham đối với vô minh.
[633] . Xem kinh 203 trên.
[634] . Xem cht.69, kinh 203.
[635] . Pāli: udāna, cảm hưởng, tự thuyết.
[636] . Xem cht.69, kinh 203
[637] . Dị phần 異分. Pāli: aññathābhāvi (biến thái).
[638] . Pāli, S. 35. 160. Jīvakambavane; 35. 100. Paṭisallānā.
[639] . Trong bản Pāli, khu vườn này tại thành Vương xá: Rājagahe... Jīvakambavane.
[640] . Phương tiện thiền tư, 方便禪思 chuyên cần tu tập ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập trầm tư mặc tưởng. Pāli: paṭisallāne bhikkhave yogam āpajjatha.
[641] . Như thật tri hiển hiện 如實知顯現. Pāli: yathābhūtaṃ pakkhayati, được hiển hiển một cách trung thực (như thực).
[642] . Pāli, S. 35. 159. Jīvakambavane; 35. 99. Samādhi.
[643] . Xem cht.69, kinh 203.

[644] . Pāli: samāhito bhikkhave bhikkhu yathābhūtaṃ pajānāti, Tỳ-kheo tập trung tư tưởng, thì nhận thức một cách như thật.
[645] . Pāli, S. 35. 10-12. Anicca,v.v…
[646] . Xem cht.69, kinh 203.
[647] . Hán: hướng yếm 向厭, Ấn Thuận sửa lại: hướng diệt 向滅, hướng đến diệt tận.
[648] . Pāli, hai kinh: S. 35. 8: Dukkham, 35. 9: Anattā.
[649] . Pāli, ba kinh: S. 35. 10: Bāhirāniccā; 35. 11: Bāhirādukkhā; 35. 12: Bāhirānattā.
[650] . Pāli, S. 35. 71-73. Chaphassāyatanikā (Sáu xúc xứ).
[651] . Xem cht.69, kinh 203.
[652] . Pāli, S. 35. 135. Saṅgayha (Chấp trước).
[653] . Xem cht.69, kinh 203.
[654] . Pāli: lābhā vo, bhikkhave, suladdhaṃ vo, bhikkhave, khaṇo vo paṭiladdho brahmacariyavāsāya, các Tỳ-kheo, đây là điều lợi đắc của các ngươi; đây là điều thiện lợi của các ngươi. Các Tỳ-kheo, các ngươi có cơ hội để sống cuộc đời phạm hạnh.
[655] . Lục xúc nhập xứ, 六觸入處, tên gọi một địa ngục. Pāli: diṭṭhā mayā bhikkhave chaphassāyatanikā nāma nirayā. Này các Tỳ-kheo, Ta thấy có địa ngục tên là Sáu xúc xứ.
[656] . Pāli: chaphassāyatanikā nāma saggā.
[657] . Pāli, S. 35. 117. Lokakāmaguṇa.
[658] . Xem cht.69, kinh 203.
[659] . Trong nguyên bản, *a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề* 阿耨多羅三藐三菩提.
[660] . Pāli: se āyatane veditabbe, các xứ này cần được biết rõ.
[661] . Pāli: cakkhu ca nirujjhati, rūpasaññā ca nirujjhati, mắt bị diệt và sắc tưởng bị diệt.
[662] . Không buông lung. Pāli, S. 35. 134. Devadahakhaṇa.
[663] . Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, sabbesaṃyeva bhikkhūnaṃ chasu phassāyatanesu appamādena karaṇīyanti vadāmi, các Tỳ-kheo, Ta không nói rằng hết thảy các Tỳ-kheo cần phải thực hành không buông lung nơi sáu xúc xứ.
[664] . Hán: hữu kết, 有結 chỉ các phiền não dẫn đến tái sanh.
Pāli: bhavasaṃyojana.
[665] . Pāli, S. 35. 92. Dvayaṃ.
[666] . Pāli: aham etaṃ dvayaṃ paccakhāya aññaṃ dvayaṃ paññapessamī ti, “Tôi loại bỏ qua hai pháp này mà sẽ công bố hai pháp khác”.

667 . Pāli, S. 35. 93. Dvayaṃ.
668 . Pāli, S. 35. 88. Puṇṇa.
669 . Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đãi thời, chánh hướng, tức thử kiến, duyên tự giác 現法, 熾然, 不待時, 正向, 即此見, 緣自覺; các phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli: svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattaṃ veditabbo viññuhī ti. Hán dịch, *Phẩm Loại Túc Luận* 2: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu *Du-già Sư Địa Luận 8*(Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thử kiến, nội sở chứng.
670 . Giác tri 覺知, tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: vedayita.
671 . Hiện kiến pháp 現見法, ở trên Hán dịch là*hiện pháp*. Pāli: sandiṭṭhiko.
672 . Pāli, S. 35. 188. Samudda.
673 . Pāli: cakkhuviññeyyā rūpā iṭṭhā (...)kāmūpasaṃhitā, sắc được nhận thức bởi mắt, khả ái... liên hệ đến dục. Bản Hán đọc:kammūpasaṃhitā, liên hệ nghiệp.
674 . Pāli: tantākulakajātā kulagaṇṭhikajātā muñjapabbajabhutā, giống như cuộn chỉ rối, như vật sình thối được che đậy, như cỏ muñja, cỏ pabbaja.
675 . Pāli, S. 35. 187. Samudda.
676 . Pāli: tassa rūpamayo vego, dòng nước chảy xiết của nó được tạo thành bởi sắc.
677 . Pāli, S. 35. 106. Dukkha.
678 . Khổ tập đạo tích, khổ diệt đạo tích 苦集道跡, 苦滅道跡. Pāli: dukkhassa bhikkhave samadayañ ca atthaṅgamañ ca dessāmi, Ta sẽ nói về sự nổi lên và sự chìm xuống (sanh khởi và diệt tận) của khổ.
679 . Pāli, S. 35. 146. Sappāya (thể nghiệm).
680 . Niết-bàn đạo tích 涅槃道跡. Pāli:nibbānasappāyaṃ vo bhikkhace paṭipadaṃ dessāmi, Ta sẽ nói về con đường dẫn đến thể nghiệm Niết-bàn.
681 . Con đường tương tợ (gần giống) dẫn đến Niết-bàn. Pāli, S. 35. 147-149. Sappāya.
682 . Trong nguyên bản: vô thường 無常, Ấn Thuận sửa lại là phi ngã 非我
683 . Pāli, S. 35. 26-27. Parijāna.
684 . Tri pháp, thức pháp, 知法, 識法. Bản Pāli:anabhijānaṃ, aparijānaṃ: không được thắng tri (nhận thức rõ ràng), không được biến tri (nhận thức toàn diện).
685 . Pāli, xem kinh 222
686 . Pāli, S. 35. 24-25. Pahāna.

[687] . Hán: nhất thiết dục pháp 一切欲法. Bản Pāli: sabbappahānāya vo bhikkhave dhammaṃ dessāmi, Ta sẽ nói cho các ngươi pháp cần để đoạn trừ triệt để.
[688] . Pāli, xem kinh 224.
[689] . Tức phân biệt chấp trước. Pāli, S. 35. 90-91. Eja (dao động, bị kích thích bởi sự dụ hoặc).
[690] . Pāli: ejā, sự dao động. Sớ giải Pāli nói, ejā tức taṇhā (khát ái).
[691] . Hán: bất kế lạc tương lạc 不計樂相樂, xem kinh 227. Pāli: tasmimpi na maññeyya taṃ meti na maññeyya: không ở nơi đây (khổ, lạc) mà tư duy; không y theo đây mà tư duy; cũng không tư duy nó là của tôi.
[692] . Pāli, xem kinh 226.
[693] . Kế giả thị bệnh 計者是病. Pāli: ejā bhikkhave rogo ejā gaiḍo ejā sallaṃ, động tham (kích thích bởi tham dục) là bệnh; động tham là gai nhọn; động tham là mũi tên độc. Xem cht.129, kinh 226 trên.
[694] . Pāli, S. 35. 65-68. Samiddhi.
[695] . Thi thiết thế gian 施設世間, giả thiết hay khái niệm về thế gian. Pāli: lokapaññatti.
[696] . Pāli, xem kinh 230; tham chiếu, S. 35. 82. Loka.
[697] . Nguy thúy bại hoại 危脆敗壞: mong manh, giòn, dễ tan vỡ. Pāli: lujjati; xem cht.5 dưới.
[698] . Pāli, S. 35. 82. Loka, câu này Phật trả lời cho một Tỳ-kheo (aññataro bhikikhu): lujjatī 'ti kho, bhikkhu, tamsā lokoti vuccati, nó bị tan vỡ, do đó nó được gọi là thế gian. Theo định nghĩa này, danh từ loka (thế gian) là do gốc động từlujjati (tan vỡ, vì quá giòn, hay mong manh).
[699] . Pāli, S. 35. 65-85. Suñña.
[700] . Hán: thế gian không 世間空. Pāli: suñño loko. Trong bản Pāli, câu hỏi này do Ānanda.
[701] . Pāli, S. 35. 85: cakkhuṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, con mắt trống không, không ngã hay ngã sở.
[702] . Pāli, S. 35. 107. Loka.
[703] . Đương lai hữu ái 當來有愛; Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.
[704] . Pāli, S. 35. 116. Lokakāmaguṇa (phẩm chất dục lạc của thế gian).
[705] . Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ, daṭṭheyyaṃ, patteyyaṃ vadāmi, Ta không nói rằng, do đi mà có thể đến và thấy và biết tận cùng biên tế của thế giới.
[706] . Pāli: yena āvusao lokasmiṃ lokasaññī hoti lokamānī – ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko, cái mà do bởi nó người có khái niệm về thế gian, có

suy tưởng về thế gian, cái đó trong Thánh pháp luật được gọi là thế gian (= thế giới).

[707] . Thế gian sở trọng 世間所重.

[708] . Trí Thế Gian 知世間, tức Thế Gian Giải, một trong mười hiệu của Phật.

[709] . Cận trụ 近住, đây hiểu là nội trú: đệ tử hầu cạnh thầy. Pāli, S. 35. 150. Antevāsī.

[710] . Pāli: santevāsiko, bhikkhave, bhikkhu sācariyako dukkhaṃ na phāsu viharati. Anantevāsiko, bhikkhave, bhikkhu anācariyako sukhaṃ phāsu viharati, Tỳ-kheo có đệ tử nội trú, có thầy, sống không thoải mái. Tỳ-kheo không đệ tử nội trú, không thầy, sống an lạc.

[711] . Ác bất thiện giác 惡不善覺. Pāli: pāpakā akusalā dhammā sarasaṅkappā saṃyojaniyā, các pháp ác bất thiện được tưởng nhớ, được ước vọng, dẫn đến sự trói buộc.

[712] . Hán: hữu sư 有師. Pāli: sācariyako, người có thầy: samudācaranti naṃ pāpakā akusalā dhammāti, tasmā sācariyakoti vuccati, các pháp ác bất thiện dẫn nó đi, nên nó được nói là người có thầy.

[713] . Hán: cận trụ đệ tử 近住弟子. Pāli: antevāsa, đệ tử nội trú.

[714] . An trụ nơi sự thanh tịnh của khất thực; sống với sự khất thực thanh tịnh. Pāli, M. 151. Piṇḍapātapārisuddhi-sutta. Cf. №125 (45.6).

[715] . Pāli: suññatāvihārena kho ahaṃ bhante etarahi bahulaṃ vihārāmī ti, bạch Thế Tôn, ở đây con phần nhiều an trú bằng sự an trụ nơi không tánh.

[716] . Pāli: mahāpurisavihāro eso, sāriputta, yadidaṃ suññaṃ, đây là sự an trụ của bậc Đại nhân, này Sariputta, đó là an trụ không.

[717] . Pāli, S. 35. 124. Vesāli.

[718] . Úc-cù-lũ 郁瞿婁. Pāli: Ugga (Úc-già).

[719] . Kết 結, hay kết sử 結使 chỉ sự trói buộc của phiền não. Pāli, S.35. 109, 122. Saṃyojana.

[720] . Kết sở hệ pháp, kết pháp 結所繫法 Pāli: , pháp bị trói buộc bởi kết sử và kết sử. saṃyojaniye dhamme, saṃyojanaṃ.

[721] . Dục tham 欲貪. Pāli: chandarāgo.

[722] . Pāli, S. 35. 110, 123. Upādāna.

[723] . Thiêu nhiệt 燒熱, hay xí nhiên 熾然: rực cháy; ngọn lửa đang bùng cháy. Pāli, S. 35. 194. Ādittena.

[724] . Pāli: sottaṃ kho... vañjhaṃ jīvitānaṃ... aphalaṃ jīvitānaṃ... momūhaṃ jīvitānaṃ vadāmi: ngủ, Ta nói là sự không sanh sản của sinh mạng, là sự không kết trái của sinh mạng, là sự ngu mê của sinh mạng.

725 . Pāli: na tveva tathārupe vitakke vitakkeyya, không tư duy tầm cầu những tư duy tầm cầu.
726 . Bản Pāli: (...) saṅghaṃ bhindeyya, còn có thể khiến phá hòa hợp Tăng.
727 . Pāli, S. 35. 111-112. Pajāna.
728 . Pāli, S. 35. 15-18. Assādena, v.v…
729 . Móc câu của ma. Pāli, S. 35. 114-115. Mārapāsa.
730 . Pāli, S. 35. 189. Bālisika.
731 . Câu-lưu-sấu Điều phục bác ngưu tụ lạc拘留搜調伏駁牛聚落, tức Pāli: Kurusu Kammāsadamma. Xem kinh 263 dưới.
732 . Bảy năm. Pāli, S. 35. 24. Sattavassāni.
733 . Bản Pāli: Phật trú tại Uruvela (Ưu-lâu-tần-loa), bên bờ sông Nerañjara (Ni-liên-thiền).
734 . Bản Pāli: lúc bấy giờ, Ma Ba-tuần theo gót Thế Tôn suốt bảy năm.
735 . Tập cận習近, Pāli: sevati, thân cận và phục vụ.
736 . Tóm tắt mười bốn kinh.
737 . Kê lâm viên 雞林園, cũng thường gọi là Kê viên. Pāli: Kukkuṭārāma.
738 . Ba-tra-lợi Phất-đa-la quốc 波吒利弗多羅國,thường nói là Hoa thị thành. Pāli: Pātaliputta.
739 . Đại Thuần-đà 大純陀. Em trai của ngài Xá-lợi-phất. Pāli: Mahā-Cunda.
740 . Tham chiếu, S. 35. 193. Udāyi: Yatheva nu kho, āvuso ānanda, ayaṃ kāyo bhagavatā anekapariyāyena akkāto vivaṭo pakāsito – itipāyaṃ kāyo anttā ti sakkā evameva viññāṇaṃ pidaṃ ācikkhituṃ desetuṃ paññaoetuṃ paṭṭhapetuṃ vivarituṃ vibhajituṃ uttānīkātuṃ – itipidaṃ viññāṇaṃ anattā ti? Thế Tôn bằng nhiều phương tiện thuyết minh thân này, rằng thân này là vô ngã. Theo như vậy, thì có thể thuyết minh, hiển thị, phân biệt, làm sáng tỏ về thức này, rằng thức này là vô ngã, được chăng?
741 . Pāli, A. 4. 174. Koṭṭhika.
742 . Pāli, S. 35. 191. Koṭṭhika.
743 . Nhãn hệ sắc, sắc hệ nhãn 眼繫色, 色繫眼. Pāli: kiṃ nu kho... cakkhu rūpānaṃ saṃyojanaṃ, rūpā cakhussa saṃyojanan ti: Mắt là kết sử của các sắc, hay các sắc là kết sử của mắt?
744 . Pāli, A. 4. Koṭṭhika (hoặc Upavāṇa); M. 43. Mahāvedalla. Cf. №26 (211).
745 . Tức không hiện quán, không lý giải chính xác.
746 . Pāli, S. 35. 69. Upasena.
747 . Hàn lâm 寒林, rừng lạnh, khu đất trống vất xác người chết, không thiêu. Pāli: sītavana.

[748] . Vương xá thành, Xà-đầu nham hạ Ca-lăng-già hành xứ 王舍城, 蛇頭巖, 迦陵伽行處. Pāli:rājagahe viharati sītavane sappasoṇḍikapabbhāre, trú Vương xá, trong rừng Lạnh, trong một hang đá trong núi Xà-đầu.

[749] . Bản Cao-ly: hữu lượng 有量 (lường được); Tống-Nguyên-Minh: hữu úy 有畏 (dễ sợ).

[750] . Chưa tìm thấy gốc tiếng Phạm.

[751] . Pāli, S. 35. 133. Verahaccāni.

[752] . Ưu-đà-di 優陀夷. Pāli: Udāyi.

[753] . Câu-tát-la quốc, Câu-bàn-trà tụ lạc 拘薩羅國, 至拘磐荼聚落.
Pāi: kāmaiḍāyaṃ viharati todeyyassa brahmanassa ambavane, trú ở Kāmaṇḍa, trong vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.

[754] . Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị Bà-la-môn ni 毘紐迦旃延氏婆羅門尼. Pāli: verahaccānigottāya brāhmaṇiyā, của Bà-la-môn ni dòng họ Verahaccāni.

[755] . Câu hỏi trong bản Pāli: kismiṃ nu kho bhante arahanto sukhadukkhaṃ paññapenti, kismiṃ asati arahanto sukhadukkhaṃ paññapenti, do cái gì tồn tại và cái gì không tồn tại, các A-la-hán tuyên bố về khổ và lạc?

[756] . A-la-ha 阿羅訶. Pāli: ārahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

[757] . Pāli, A. 6. 55. Soṇa.

[758] . Nhị-thập-ức-nhĩ 二十億耳. Pāli: Soṇa

[759] . Giải thoát lục xứ 解脫六處. Pāli: cha ṭhānāni adhimutto hoti: nekkhammādhimutto, pavivekādhimutto, avyāpajjādhimutto, taṇhakkhayādhimutto, upādānakkhayādhimutto, asammohādhimutto, sáu thắng giải xứ, hay sáu trường hợp quyết tâm: quyết tâm xuất gia, quyết tâm viễn ly (sống cô độc), quyết tâm không sân, quyết tâm đoạn tận ái, quyết tâm diệt tận thủ, quyết tâm vô si.

[760] . Ly dục 離欲 ở đây chỉ xuất gia.

[761] . Viễn ly 遠離, ở đây chỉ đời sống ẩn dật, xa lánh thế tục.

[762] . Thất niệm 失念, tức quên mất chánh niệm. Trong bản Pāli: asammoha, không si.

[763] . Pāli, S. 35. 132. Lohicca.

[764] . A-bàn-đề quốc, Thấp-ma-đà giang trắc, Di hầu thất A-luyện-nhã quật 阿磐提國, 濕摩陀江側, 獼猴室, 阿練若窟. Pāli: avantīsu viharati makkarakate araññakuṭikāyaṃ, trú tại Avanti, ngoài thị trấn Makkarakata

(bản Hán đọc làMakkarakuṭikā), tại một thảo am trong khu rừng vắng (Pāli: araññakuṭikāyaṃ, bản Hán đọc làarññakūṭāyaṃ).

[765] . Lỗ-hê-giá 魯醯遮. Pāli: Lohicca.

[766] . Đại Chánh, quyển 10. Theo bài kệ tóm tắt ở cuối kinh 262 quyển 10, thì các kinh từ số 256-262 là tiếp theo kinh Thâu-lũ-na (Đại Chánh, kinh 32). Trưởng lão Ấn Thuận, *Tạp A-hàm Kinh Luận Hội Biên*, đưa các kinh này lên quyển 2 (Tụng 1, 1 Tương ưng Ấm) cho đúng với kệ tóm tắt. *Phật Quang Đại Tạng*, *Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh*(Nhật bản) cũng làm như vậy. Kinh 256, tương đương Pāli, S. 22. 126-128. Amudayadhamma, 129-130. Assāda.

[767] . Hán: bất tri 不知. Pāli: nappajānati, không nhận thức sâu sắc.

[768] . Pāli: samudayadhammaṃ rūpaṃ… vayadhammaṃ rūpaṃ, sắc là pháp tập khởi, là pháp băng hoại.

[769] . Vô gián đẳng 無間等; Xem cht.67, kinh 23 trên; kinh 259, 260 dưới.

[770] . Pāli, S.22. 133-135. Koṭṭhika.

[771] . Pāli, S. 22. 131-134. Samudaya.

[772] . Pāli, S. 22. 122. Sīla.

[773] . Vô gián đẳng 無間等, không rõ Pāli. Theo nội dung của kinh, đây chỉ giai đoạn tu tập trước khi chứng Dự lưu; do đó, có thể gọi là giai đoạn hiện quán Thánh đế (Pāli: sacca-abhisamaya). Xem cht. 68, kinh 24 trên.

[774] . S. 22.122, Koṭṭhika hỏi: sīlavātavuso sāriputta bhikkhunā katame dhammā yoniso manasikātabbā, Tỳ-kheo có giới cần tư duy như lý về những pháp nào?

[775] . Thị sở ưng xứ 是所應處. Pāli: yoniso manasi katabbā, Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

[776] . Pāli: Koṭṭhika hỏi: sotāpannena... bhikkhunā katame dhammā yoniso katabbā, Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

[777] . Bốn tư duy thắng tiến: 1. Để đắc pháp chưa đắc, chỉ quả Tu-đà-hoàn; 2. Lãnh hội pháp chưa lãnh hội, chỉ Tư-đà-hàm; 3. Chứng pháp chưa chứng, chỉ A-la-hán; 4. Hiện pháp lạc trụ: A-la-hán không còn gì phải học nữa, nhưng luôn luôn tu tập tứ thiền để có hiện pháp lạc trú. So sánh Pāli:ime dhammā bhāvitā bahulīkatā diṭṭhadhammasukhavihārā ceva saṃvuattanti satisampajaññā cāti, những pháp này được phát triển, được thực hiện thường xuyên sẽ đưa đến hiện pháp lạc trú, có chánh niệm và chánh trí.

[778] . Pāli: rūpamu kho ānanda aniccam sankhatam paṭiccasamuppadaṃ khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ, sắc là vô thường, được tạo tác, do duyên khởi, là pháp diệt tận, là pháp hủy hoại, là pháp xả ly, là pháp tiêu diệt.

[779] . Pāli, S. 22. 83. Ānando.

[780] . Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên 拘睒彌國瞿師羅園. Pāli: Kosambī Ghositārāma.
[781] . Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử 富留那彌多羅尼子. Pāli: Puṇṇa Mantā.
[782] . Văn Hán dịch hàm hồ, khiến có thể hiểu đây nói về Phú-lưu-na.
Bản Pāli: (...)mantāniputto amhākaṃ navaṃ bahūpakāro hoti,
Mantāputta giúp ích chúng tôi những người mới xuất gia rất nhiều.
[783] . Sanh pháp kế thị ngã, phi bất sanh 生法計是我, 非不生. Pāli: kiṃ ca upādāya asmi ti hoti, no anupādāya, do chấp thủ cái gì mà nói rằng 'tôi hiện hữu', chứ không phải không chấp thủ? Bản Hán, đọc là uppādāya (sanh khởi), thay vì upādāya (chấp thủ).
[784] . Hán: sắc sanh 色生. Pāli: rūpaṃ upādāya, do chấp thủ sắc. Xem cht. trên.
[785] . Pāli: (...) upādāya passeyya no anupādāya, (như người nhìn vào gương sáng), do chấp thủ mà thấy, không chấp thủ thì không thấy.
[786] . Pāli, S. 22. 90. Channo.
[787] . Ba-la-nại quốc, Tiên nhân đọa xứ, Lộc dã
uyển 波羅奈國仙人住處鹿野苑. Pāli: Bāṛaiasiyaṃ Isipatane Migadāye.
[788] . Xiển-đà 闡陀. Pāli: Channo; cũng thường gọi là Xa-nặc.
[789] . Pāli: yathāhaṃ dhammaṃ passeyyan ti, tôi có thể như vậy mà quán sát pháp.
[790] . Pāli: sabbe saṅkhārā aniccā, sabbe dhammā anattā, không có câu chót như trong bản Hán.
[791] . Pāli: atha ca me sabbasaṅkhārasamathe sabbūpadhipaṭinissage taṇhakkhaye virāge nirodhe nibbāne cittaṃ na pakkandati nappasīdati na satiṭṭhati nādhimuccati, nhưng, trong sự tĩnh chỉ của hết thảy hành, trong sự xả bỏ sanh y, trong sự diệt tận tham ái, trong ly dục, tịch diệt, Niết-bàn, tâm của tôi không thăng tiến, không minh tịnh, không an trú, không được thắng giải thoát.
[792] . Hữu vô 有無. Pāli: atthitā natthitā, tồn tại, không tồn tại, hay hữu thể và vô thể.
[793] . Pāli: upayupādānābhivinisesavinibandho, bị buộc chặt vào thành kiến và chấp thủ phương tiện.
[794] . Pāli: dukkham eva uppajjamānaṃ uppajjati, dukkham niruṝhamānaṃ nirujjhati, na ka ṅkhati na vicikicchati, khi có cái đang sanh thì khổ này sanh; khi có cái đang diệt thì khổ diệt; vị ấy không hoài nghi, không do dự.
[795] . Pāli: lokasamudayaṃ kho kaccāna yathābhūtaṃ sammappaññāya passato yā loke natthitā sā na hoti; lokaniradhaṃ... yā loke atthitā sā na hoti, nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thực sự tập khởi của thế gian,

thì đối với thế gian, không có ý niệm về vô. Quán sát sự tịch diệt của thế gian... không có ý niệm về hữu.

[796] . Pāli, S. 22. 101. Vāsijaṭa.

[797] . Tạp sắc mục ngưu tụ lạc 雜色牧牛聚落 nghĩa đen: *xóm nuôi bò vện* (đốm). Dịch nghĩa từ Pāli: Kammāsadhamma, một thị trấn ở nước Kuru mà Phật hay dừng chân. Trên, kinh 245, dịch là Điều phục bác ngưu tụ lạc.

[798] . Câu-lưu quốc 拘留國. Pāli: Kuru.

[799] . Pāli: jānato ahaṃ bhikkhave passato āsavānaṃ khyaṃ vadāmi, "Ta nói, này các Tỳ-kheo, do biết, do thấy, các lậu bị diệt tận".

[800] . Công xảo sư 工巧師. Pāli: palagaṇḍa: thợ đẽo đá, thợ xây dựng.

[801] . Hạ lục nguyệt 夏六月. Pāli: vassamāsāni udake pariyādāya, các tháng mùa mưa ở trên nước.

[802] . Bản Pāli: mùa mưa thuyền ở trên nước, đến mùa đông, thuyền mắc cạn. Dây nhợ các thứ dần dần bị đứt.

[803] . Các từ chỉ phiền não: kết hay kết phược (Pāli: samyojana), sử hay tùy miên (Pāli: anusaya), phiền não (kilesa), triền hay triền phược (Pāli: pariyuṭṭhāna). Bản Pāli chỉ kể samyojana.

[804] . ---o0o---

[805] . Tiểu thổ đoàn 小土摶. Pāli: S. 22. 96: gomaya: cục phân bò; S. 22. 97:parittaṃ nakkhasikhāya paṃsuṃ, lấy một ít bụi bằng đầu móng tay.

[806] . Chỉ vào một tiền kiếp của Phật. Quán đảnh vương 灌頂王 thấp hơn Chuyển luân vương một bậc. Pāli: rājā muddhāvasitto.

[807] . Bố-tát tượng vương 布薩象王 . Pāli: Uposatha-nāgarāja.

[808] . Bà-la mã vương 婆羅馬王. Pāli: Valāhaka-assa-rāja.

[809] . Khâm-bà-la 欽婆羅. Pāli: kambala, vải bằng lông thú.

[810] . Bạt cầu tỳ-xà-da-nan-đề 跋求毗闍耶難提. Pāli: Vejatanta, cỗ xe Chiến thắng của Đế-thích, phát ra âm thanh khủng khiếp (Pāli: bakkula, Hán âm là *bạt-cầu*). Xem thêm cht.53 dưới.

[811] . Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提. Pāli: Kusāvtī.

[812] . Do-ha 由訶 phiên âm của byūha: trang nghiêm. Pāli: Mahā-byūha-kūṭāgāra, đại lâu các Trang nghiêm.

[813] . Ca-lăng-già 迦陵伽. Pāli: kadaliṅga: một loại sơn dương.

[814] . Ca-thi-tế y 迦尸細衣. Pāli: koseyya, vải lụa (quyến).

[815] . Sô-ma y 芻摩衣. Pāli: khoma, vải gai.

[816] . Đầu-cưu-la y 頭鳩羅衣. Pāli: dukūla, vải gai vàng (hoàng ma).

[817] . Câu-triêm-bà y 拘沾婆衣 không rõ vải gì. Bốn loại vải theo bản Pāli: khoma, koseyya, kambala, kappāsika.

818 . Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa 毘闍耶難提瞿沙. Pāli: Vejayanta-ghosa (? Âm thanh Chiến thắng), xem cht.45 trên.

819 . Vĩnh tức chư hành 永息諸行. Pāli: alam eva sabbasaṅkhāresu nibbindatum, thôi đủ rồi, hãy nhàm tởm hết thảy các hành.

820 . Bọt nước. Pāli, S. 22. 95. Pheṇa.

821 . A-tỳ-đề-đà xứ Hằng hà trắc 阿毘陀處恒河側. Pāli: ayujjhāyaṃ viharati gaṅgāya nadiyā tire.

822 . Nguyên Hán: dã mã 野馬 (ngựa đồng); Pāli: marīcikā, quáng nắng; chỉ ảo ảnh bất thực, như lầu sò chợ biển.

823 . Hán: Nhật chủng tánh tôn 日種姓尊. Pāli: Ādiccabandhu, bà con với Mặt trời, chỉ dòng họ Thích, được coi là có nguồn gốc từ Mặt trời.

824 . Pāli, S. 22. 99. Gaddula (dây trói) (1).

825 . Ái kết 愛結. Pāli: taṇhasaṃyojana.

826 . Bản tế 本際. Pāli: pubbā koṭi.

827 . Bất tận khổ biên 不盡苦邊. Pāli: na... dukkhassa antakiriyaṃ

828 . Tu-di sơn vương 須彌山王. Pāli: Sineru pabbatarājā.

829 . Pāli, S. 22. 100 Gaddula (2).

830 . Pāli: cittasaṃkilesā bhikkhave sattā saṃkilissanti; cittavodānā sattā visujjhanti, tâm ô nhiễm nên chúng sanh ô nhiễm; tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

831 . Nhất sắc chủng chủng 一色種種; có lẽ Pāli: ekanikāyam pi... evam cittaṃ, một bộ loại đa dạng như vậy.

832 . Ban sắc điểu 斑色鳥. Bản Pāli nói: tiracchānagatā pāṇā, các sinh vật thuộc động vật.

833 . Ta-lan-na 嗟蘭那 có lẽ phiên âm từ caraṇa, một loại tranh về đề tài "đức hạnh" (caraṇa), vẽ để khuyên đời. Pāli: caraṇam nāma cittam; bức họa màu có tên là caraṇa.

834 . Pāli: caraṇaṃ nāma cittaṃ cittena cittitaṃ, bức họa caraṇa ấy do tâm nên có nhiều màu sắc. Trong bản Pāli, hai citta với hai nghĩa khác nhau: tranh vẽ màu và tâm. Trong bản Hán hiểu hai từ đều là tâm cả.

835 . Dòng sông. Pāli, S. 22. Nadī.

836 . Pāli: rūpaṃ attato samanupassati, rūpavantaṃ vā attānaṃ; attāni vā rūpaṃ, rūpasmiṃ vā attānaṃ, nó quán sắc là tự ngã, hay tự ngã của sắc, hay sắc trong tự ngã, hay tự ngã trong sắc.

837 . Pāli, S. 22. 33-34. Natuṃākaṃ (không phải của các ông).

838 . Phi nhữ sở ưng pháp 非汝所應法. Pāli: na-tumhākaṃ, không phải của các ông.

839 . Kỳ-hoàn lâm 祇桓林 tức cũng thường nói là Kỳ thọ. Pāli: Jetavana.

840 . Xem cht.71 kinh 268 trên.

841 . Pāli, S.22. 102 Aniccatā.

842 . Hán: vô thường tưởng 無常想. Pāli: anicca-saññā.

843 . Điệu (trạo) mạn 掉慢. Pāli: amismāna, phúc cảm về cái tôi đang hiện hữu.

844 . Pāli: kāmarāga, rūparāga, bhavarāga, avijja, asmimāna, dục ái, sắc ái, hữu ái, vô minh, ngã mạn.

845 . Am-la quả 菴羅果. Pāli: ambapiṇḍi, quả xoài.

846 . Pāli, S. 22. 84. Tisso.

847 . Đê-xá 低舍. Pāli: Tisso bhagavato pitucchāputto, Tissa, con trai của bà cô của Thế Tôn, tức em cô cậu.

848 . Pāli: dhammāpi maṃ na paṭibhanti, các pháp không được hiểu rõ ràng đối với tôi.

849 . Ba bất thiện giác 三不善覺 cũng nói là ba bất thiện tầm, tức ba sự trầm tư hay suy tầm bất thiện. Xem *Trường A-hàm*, kinh 9 Chúng tập. Pāli: tayo akusala-vitakkā.D. 33. Saṅgiti.

850 . Ba thiện giác 三善覺 cũng nói là ba thiện tầm; xem *Trường A-hàm*, kinh 9 Chúng tập; D. 33. Saṅgīti.

851 . Pāli, S. 22. 80. Piṇḍolyaṃ (khất thực).

852 . Hán: ti hạ hoạt mạng 卑下活命. Pāli: anram idam jīvikānaṃ yadidam piṇḍolyaṃ, đây là nghề sinh sống rất thấp, đó là nghề xin ăn.

853 . Pāli: abhisāpāyaṃ lokasmiṃ, trong thế gian có lời nguyền rủa này.

854 . Nguyên Hán: thắng nghĩa 勝義

855 . Xem cht.84, kinh 271.

856 . Ba bất thiện tưởng, xem *Trường A-hàm*, kinh 9 Chúng tập. Pāli: tisso akusala-saññā: kāma-saññā, vyāpāda-saññā, vihiṃsā-saññā; D. 33. Saṅgīti.

857 . Chỉ Niết-bàn bất tử.

858 . Xem kinh 215.

859 . Hán: ngữ số 語數, Pāli: vācāvatthuka.

860 . Hán: Nhục hình 肉形, chỉ khối thịt.

861 . Chỉ thuộc địa đại, thể rắn.

[862] . Thọ 受, tức chấp thọ đại chủng, chỉ loại vật chất hữu cơ. Xem Câu-xá 1 (Đại 29, 2c13).

[863] . Pāli, S. 22. 33. Natumhākaṃ; 35. 101-102. Natumhākaṃ; 35. 137-138. Palāsinā.

[864] . Pāli, A. 8. 9. Nanda; 9. 4. Nandaka.

[865] . Hán: Tùy hình hảo 隨形好. Pāli: anuvyañjana, dấu hiệu riêng biệt hay đặc biệt.

[866] . Nguyên Hán: Tăng bất luật nghi 增不律儀, Xem kinh 277. Pāli: asaṃvuttaṃ(asaṃvara).

[867] . Nguyên Hán: Sanh chư luật nghi 生諸律儀. Pāli: tassa saṃvarāya paṭipajjati.

[868] . Hán: Phòng hộ ư nhãn... căn, sanh chư luật nghi 防護於眼耳鼻舌身意根生諸律儀. Pāli: rakkhati cakkhundriyaṃ, cakkhundriye saṃvara āpajjati: Thủ hộ nhãn căn, vị ấy thực hành sự phòng hộ nơi nhãn căn

[869] . Đoạn này nói về sự phòng hộ căn môn hay căn luật nghi của Tỳ-kheo (indriya-saưvara), nhưng bản Hán rất tối khó dịch sát được.

[870] . Hán: Ư thực hệ số 於食繫數, ý nói, biết ước lượng việc ăn. Pāli: pṭisaṅkhā yoniso āhāraṃ āhārati, (Nan-đà) ăn thức ăn với sự tư duy (ước lượng) chính xác. Pāli: paṭisaṅkhā: tư trạch hay tư khảo, bản Hán hiểu là con số (do saṅkhā: con số).

[871] . Hán: Thành kỳ sùng thượng cố, 成其崇向故. Có lẽ Pāli: yātrā ca me bhavissati anavajjatā và ở đây ta sẽ không có lỗi lầm (sẽ không trở thành hèn kém).

[872] . Hán: Vô văn độc trú 無聞獨住. Bản Cao-ly chép *vô văn*, Tống-Nguyên-Minh chép *vô vấn* 無問.

[873] . Pāli: āvaraṇīyehi dhammehi cittaṃ parisodheti, tẩy sạch tâm khỏi những pháp che lấp.

[874] . Thắng niệm chánh tri 勝念正知. Pāli: satisampajañña, chánh niệm tỉnh giác.

[875] . Giác 覺. Pāli: vitakka, tầm, suy tầm.

[876] . Pāli, M.146. Nandakovāda-sutta.

[877] . Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提. Pāli: Mahā-pajapatī.

878 . Thị, giáo, chiếu, hỷ, 示教照喜. Xem cht.33 kinh 107.

879 . Hán: học kiến tích, 學見跡. Xem cht. 38, kinh 109.

880 . Tức Tu-đà-hoàn.

881 . Pāli, S. 35. 97. Pamādavihārī.

882 . Luật nghi, bất luật nghi 律儀, 不律儀. Pāli: saṃvara, asaṃvara, phòng hộ và không phòng hộ.

883 . Pāli: cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ, nhãn căn không được nhiếp hộ (phòng hộ).

884 . Pāli: dukkhino cittaṃ na samādhiyati, vì khổ nên tâm không được tập trung (không thể nhập định).

885 . Pāli: cakkhundriyaṃ saṃvuttassa, bhikkhave, viharato cittaṃ na vyāsiñcati cakkhuviññeyyesu rūpesu, an trú với sự nhiếp hộ nhãn căn, tâm không bị đọa lạc (mhiễm ô) trong các sắc được nhận thức bởi mắt.

886 . Pāli, S. 35. 96. Parihānaṃ.

887 . Thoái, bất thoái, lục xúc nhập xứ 退,不退法,六觸入處. Đoạn dưới, nói là *thắng nhập xứ*. Pāli: parihānadhammañca vo, bhikkhave, dessāmi aparihānadhammañca cha ca abhibhāyatanāni, Ta sẽ nói pháp thoái chuyển, pháp không thoái chuyển và sáu thắng xứ.

888 . Dục giác 欲覺. Pāli: cakkhunā rūpaṃ disvā uppajjanti pāpakā akusalā sarasaṅkappā saṃyojaniyā, khi nhận thức sắc bởi mắt, các hoài niệm và ước vọng bất thiện, dẫn đến hệ lụy sanh khởi.

889 . Pāli: parihayāmi kusalehi dhammehi, ta đã thụt lùi khỏi các pháp lành.

890 . Xem cht.31 trên.

891 . Thắng bỉ nhập xứ 勝彼入處 môi trường (xứ) này đã bị chiến thắng (chinh phục).

892 . Pāli, S. 35. 94. Saṅgayha.

893 . Pāli: chayime bhikkhave phassāyatanā adantā aguttā arakkhitā asaṃvuttā, sáu xúc xứ này không được chế ngự, không được canh gác, không được phòng vệ, không được nhiếp hộ.

894 . Bất luật nghi chấp thọ trú 不律儀執受住. Quốc Dịch đưa từ trú xuống câu dưới. Đây theo văn Pāli đưa lên câu trên. Pāli: cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ, sống với nhãn căn không được phòng hộ (bất luật nghi).

895 . Đoạn văn Hán này có nhiều chỗ tối nghĩa, cần tham chiếu thêm Pāli (D. ii. Sāmaññaphala-sutta): yatvādhikaraṇanaṃ eṇaṃ cakkhundriyaṃ

asaṃvuttaṃ viharantaṃ abhijjhā-domanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ, tassa saṃvarāya paṭipajjati, do nguyên nhân nào mà nhân căn không được an trụ phòng ngự (Hán: *bất luật nghi*) để cho tham và ưu, các pháp ác bất thiện tuôn chảy vào, vị ấy tu tập để phòng ngự nguyên nhân ấy.

[896] . Pāli, M. 150. Nagaravindeyya-sutta.

[897] . Thân-thứ lâm 申恕林; rừng cây siṃsapa. Bản Pāli: nagaravindaṃ nāma kosalānaṃ brāmhmaṇānaṃ gāmo tad avasi, tạm trú tại một làng Nagaravinda, một ngôi làng Bà-la-môn của người Kosala.

[898] . Tần-đầu thành 頻頭城. Pāli: Nagaravinda.

[899] . Đạo sĩ búi tóc. Pāli: Sikha-Moggallāna.

[900] . Hán: Oanh phát Mục-kiền-liên 縈髮目犍蓮. Pāli: Sikha-Moggallāna.

[901] . Giá-la-ca 遮羅迦.. Pāli: caraka, chỉ du sĩ lang thang.

[902] . Vị tằng giảng đường, 未曾講堂. Xem kinh 975 ở sau.

[903] . Tức hỏi "Vì mục đích gì".

[904] . *Minh* 明, chỉ ba minh. *Giải thoát* 解 脫 , chỉ tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

[905] . Tức phòng hộ sáu căn môn.

[906] . Chỉ đồng phạm hạnh, tức bạn đồng tu.

[907] . Phương tiện, ở đây hiểu là tinh cần nỗ lực.

[908] . Ỷ tức giác phần 猗息覺分 , cũng nói là khinh an giác chi.

[909] . Tức được định tĩnh.

[910] . Hành xả 行捨 , tức xả đối với các hành; chỉ trạng thái quân bình (xả) đối với mọi hiện tượng sanh diệt của các hành.

[911] . Sống xa lánh, ẩn mình nơi thanh vắng.

[912] . Nỗ lực xả bỏ trạng thái thấp để đạt trang thái cao hơn. Hán: y diệt xả 依滅捨,xem kinh 741: y diệt hướng xả 依滅向捨

[913] . Nguyên Hán: dĩ đắc 已得.

[914] . Tu tập các căn. Pāli, M. 152. Indriyabhāvanā-sutta.

[915] . Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà 迦微伽羅牟真鄰陀. Pāli: Kajaṅgala Mukkheluvana

[916] . Niên thiếu Uất-đa-la 年少名鬱多羅. Pāli Uttara māṇva.

[917] . Ba-la-xa-na 波羅奢那. Pāli: Pārāsariya.

[918] . Pāli: cakkhunā rūpaṃ na passati; sotena saddaṃ na suṇāti, không thấy sắc bằng mắt, không nghe tiếng bằng tai.

[919] . Vô thượng tu căn 無上修根. Pāli: ariyassa vinaye anuttarā indriyabhāvanā.

[920] . Đoạn kinh này, chi tiết có khác với bản Pāli. Xem thêm cht. dưới.

[921] . Ngũ cú 五句, *Ấn Thuận Hội Biên*, dẫn *Du-già Sư Địa Luận*, gọi đây là ngũ chuyển vô thượng tu căn, theo đó là năm phẩm bậc tu căn của đệ tử mà Như Lai vừa ý hoặc không vừa ý.

[922] . Pāli: taṃ uppannam manāpaṃ uppannaṃ amanāpam uppanaṃ manāpāmanāpam nirujjhati, upekkhā saṇṭhāti, cái đã khởi lên ấy khả ý, không khả ý, hay vừa khả ý vừa không khả ý, thảy đều diệt, xả tồn tại.

[923] . Trong bản: giác kiến tích 覺見跡. Sửa lại là *học kiến tích* 學見 跡 , chỉ vị hữu học bắt đầu thấy Thánh đế.

[924] . Nguyên Đại Chánh quyển 12. Ấn Thuận xếp lại, đưa xuống quyển 13, Tương ưng nhập xứ sẽ tiếp tục từ kinh 304, tụng iii Tạp nhân tụng. Quốc Dịch, cũng quyển 13, bắt đầu tụng iii. Nhân duyên tụng. Tương đương Pāli, S. ii. Nidāna-vaggo. Tương ưng Nhân duyên, Ấn Thuận, Quốc Dịch đồng, gồm các kinh, Đại Chánh: 283-303, 343-378. Tương đương Pāli, S. 12. Nidāna-saṃyutta. Trồng cây, Phật Quang, kinh 321. Pāli, S. 12. 57. Taruṇa.

[925] . Pāli: saṃyujaniysu dhammesu assādānupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Sống với sự tìm kiếm vị ngọt trong các pháp bị kết buộc, thì khát ái tăng trưởng.

[926] . Cây lớn. Pāli, S. 12. 55-56. Mahārukkha.

[927] . Pāli, upādāniyesu, bhikkhave, dhammesu assādānupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati; taṇhāpaccayā upādānaṃ, sống tìm kiếm vị ngọt trong các pháp bị chấp thủ thì ái tăng trưởng. Duyên ái có thủ.

[928] . Pāli, S. 12. 10 Gotama.

[929] . Pāli: kicchaṃ vatāyaṃ loko āpanno, quả thật, thế gian này đang rơi vào khổ nạn

[930] . Thượng cập sở y 上及所依; không rõ nghĩa. Pāli: atha ca panimassa dukkhassa nissaraṇaṃ nappajānāti jarāmaṇassa, nhưng lại không biết sự thoát ly của khổ già và chết này. Trong bản Hán, nissaraṇana (thoát ly), được đọc là nissaya, sở y.

[931] . Pāli: yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo, bằng như lý tác ý, bằng trí tuệ, ta có hiện quán (chứng nghiệm thực tế).

[932] . Pāli, S. 12. 52. Upādāna.
[933] . Pāli, S. 12. 65. Nagaraṃ.
[934] . Xem cht.8 kinh 285.
[935] . Pāli: paccudāvattati kho idaṃ viññāṇaṃ nāmarūpamhā na paraṃ gacchati, rồi thức này quay trở lại; nó không đi quá danh sắc.
[936] . Pāli: adhigato mayhaṃ maggo bodhāya, Ta đã đến con đường dẫn đến giác ngộ.
[937] . Lau sậy. Pāli, S. 12. 67. Naḷakalāpiya.
[938] . Nghĩa biện 義辯, hay nghĩa biện tài, một trong bốn biện tài hay vô ngại giải (Pāli: paṭisambhidā).
[939] . Không nghe, chỉ phàm ngu không được nghe chánh pháp. Pāli, S. 12. 61. Assutavā.
[940] . Nguyên Hán: vô văn 無聞. Pāli: assutavā
[941] . Tức ở nơi tâm, ý, thức.
[942] . Pāii: etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ti, cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi (là cái tôi của tôi: Hán dịch, *tương tại?*).
[943] . Pāli, S. 12. 62. Assutavā.
[944] . Pāli. S. 12. 66. Sammasaṃ.
[945] . Nội xúc pháp 內觸法, sự tiếp xúc bằng nội tâm. Pāli: sammasatha no tumhe bhikkhave antaraṃ sammasanti, các ông có nắm bắt sự tiếp xúc của tâm ý chăng?
[946] . Thủ ?, lấy hay nhận lấy, ở đây hiểu là tư duy, nghiệm xét. Pāli: sammasati, tiếp xúc bằng tâm ý, phán xét. Danh từ phát xuất: sammasa, Hán dịch là *nội xúc*.
[947] . Trong bản: *xúc* 觸, Theo văn đoạn dưới, nên sửa lại là *chuyển* 轉 . Xem chú thích 27 ở dưới. Có lẽ chính xác là *duyên* ? , trong bốn hành tướng của tập đế, theo Hữu bộ (nhân, tập, sanh duyên). Pāli: idaṃ kho dukkhaṃ kiṃnidānaṃ kiṃsamaudayaṃ kiṃ jātikaṃ kiṃ pabhavaṃ, khổ này, cái gì là nguyên do (nhân duyên), cái gì là tập khởi, cái già là sanh, cái gì là hiện khởi.
[948] . Ưc-ba-đề nhân 億波提因. Pāli: upadhi-nidānaṃ. Nghĩa gốc của upadhi là cơ bàn hay cơ sở; theo nghĩa kinh, là sở y của tồn tại. Hán dịch: y, vật, sự, uẩn, tư, tham ái, phiền não.
[949] . Nhân, tập, sanh, chuyển 因集生轉. Pāli: nidānaṃ, sanudayaṃ, jātikaṃ, pabhavaṃ

950 . Trong bản: xúc 觸. Theo trên, sửa lại là chuyển. Pāli: taṇhānidānaṃ taṇsamudayaṃ taṇhājātikaṃ taṇhāpabhavaṃ.

951 . Trong bản: đế chánh chi sắc 諦正之色, Ấn Thuận sửa lại là đoan chánh chi sắc端[06]政之色

952 . Hán: ái sanh nhi sanh, hệ nhi hệ, trú nhi trú 於彼愛生而生. 繫而繫. 住而住.

. Pāli: etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati ettha nivisamānā nivasati.

953 . Pāli, S. 12. 51. Parivīmaṃsana

954 . Xem cth.24 kinh 291 trên.

955 . Hán: hướng thứ pháp 向次法. Pāli: tahā paṭipanno ca hoti anudhamamma-carī, thực hành như vậy là người tùy pháp hành (tùy thuận pháp)

956 . Có ba loại hành: phước hành và phi phước hành (thiện và bất thiện Dục giới) và bất động hành (thiện thượng giới). Xem *Trường A-hàm* 7 (kinh Chúng tập); Pāli, D. 33. Saṅgīti, tayo saṅkhārā: puññābhisaṃkhāro, apuññābhisaṃkhāro, āneñjābhisaṃkhāro.

957 . Vô sở hữu hành 無所有行, tức bất động hành, thiện do tu tập thiền định. Pāli: āneñjābhisaṃkhāra.

958 . Pāli: so avijjāvirāgā vijuppādā, vị ấy, do ly nhiễm đối với vô minh và minh phát sanh...

959 . Nghĩa là, có còn tạo các nghiệp thiện, bất thiện và phước báo do thiền định để tái sanh hay không?

960 . Pāli: kāyapariyantikam vedanaṃ vedayamāno.

961 . Trong bản, in dư một chữ *diệt* 滅.

962 . Pāli, S. 12. 19. Bālena paṇḍito.

963 . Thức thân, chỉ thân có thức. Pāli: taṇhāya samyuttassa evamayaṃ kāyo samudāgato, do bị hệ phược bởi ái, thân này sanh khởi.

964 . Xúc nhập, tức xúc nhập xứ, hay xúc xứ. Pāli: phassa-āyatana

965 . Không phải của ngươi. Pāli, S. 12. 37. Natumha.

966 . Pāli: purāṇaṃ kammaṃ, nghiệp đời trước.

967 . Pāli, S. 12. 20. Paccaya.

968 . Nhân duyên pháp, hay lý duyên khởi. Pāli: paṭiccasamuppāda.

969 . Duyên sanh pháp, hay duyên dĩ sanh. Pāli: paṭiccasamuppanna dhamma, pháp đã sanh bởi duyên.

970 . Pāli: uppādā vā tathāgatānaṃ anuppādā vā tathāgatānaṃ, ṭhitā va sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā idappaccayatā, các Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, giới này (đạo lý này) vốn thường trú; đó là tánh an trụ của pháp (pháp trụ tánh), tính quyết định của pháp (pháp vị tánh) và tánh y duyên (tương y tương duyên).

971 . Pháp trụ, pháp không 法住,法空, trong bản Pāli: dhammāṭṭhitatā (pháp trụ tánh), dhammaniyāma (pháp vị tánh, pháp định tánh).

972 . Pāli: katame ca, bhikkhave, paṭiccasamuppannā dhammā? jarāmaraṇaṃ, bhikkhave, aniccaṃ saṃkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ khayadhammṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ, các pháp duyên sanh (duyên sanh pháp) là gì? Già chết là vô thường, hữu vi, do duyên mà khởi, chịu quy luật đào thải, tiêu vong, ly tham, diệt tận.

973 . Hán: tiền tế 前際, Pāli: pubbantaṃ

974 . Pāli: ahosiṃ nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ, nanu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kiṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kathaṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kiṃ hutvā kiṃ ahosi nu kho ahaṃ aittāmaddhānaṃ: Quá khứ tôi hiện hữu hay không hiện hữu? Quá khứ tôi là gì, tôi là thế nào? Quá khứ, do hiện hữu cái gì mà tôi hiện hữu?

975 . Pāli: etarahi paccuppannaṃ addhānaṃ ajjhattaṃ kathaṃkathī bhavissati, hoặc ở đây trong đời hiện tại mà bên trong có nghi hoặc.

976 . Pāli: ahaṃ nu kho'smi, no nu kho' smi, kiṃ nu kho'smi, kathaṃ nu kho'smi, ayaṃ nu hko sattā kuto āgato, so kuhiṃ gamissatī'ti, ta đang hiện hữu, hay không đang hiện hữu? Ta đang là cái gì? Ta đang là thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Rồi nó sẽ đi đâu?

977 . Hán: kiến sở hệ 見所繫. Pāli: diṭṭhi-saṃyojana.

978 . kỵ húy cát khánh kiến sở hệ Nguyên Hán: 忌諱吉慶見所繫.

979 . Điều ngưu tụ lạc 調牛聚落, chỗ khác dịch là Bác ngưu 博牛, Mục ngưu 牧牛

980 . Pāli, S. 12. 1. Desanā; 2. Vibhaṅga.

981 . Hán: nghĩa thuyết 義說. Pāli: vibhajjssāmi, Ta sẽ phân tích (phân biệt).

982 . Nguyên Hán: vô vô gián đẳng 無無間等.

983 . Bỉ bỉ thân chủng loại sanh 彼彼身種類一生. Pāli: taṃhi taṃhi sattanikaye jāti, sự sanh nơi từng bộ loại của chúng sanh kia.

[984] . Pāli: sañjāti okkanti nibbatti abhinibbatti, xuất sanh, nhập thai, sản sanh, chuyển sanh.
[985] . Pāli, S. 12. 46. Aññataraṃ (Người khác).
[986] . Pāli: so karoti so paṭisaṃvedayati, tự tác tự thọ.
[987] . Vô ký 無記 . Pāli: ayaṃ eko anto, đây là một cực đoan.
[988] . Pāli: ayaṃ dutiyo anto, đây là cực đoan thứ hai.
[989] . Pāli, S. 12. 15. Kaccāyanagotta.
[990] . Na-lê tụ lạc thâm lâm trung đãi khách xá 那梨聚落深林中待賓舍; địa danh kinh 926: Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá; kinh 1037: Na-lê tụ lạc Khúc cốc tinh xá. Pāli: Nadika Giñjakāvasatha.
[991] . Tán-đà Ca-chiên-diên [跳-兆+散]陀迦旃延.
[992] . Pāli: dvayanissito... atthitañ ceva natthitañca, hai sở y... tồn tại và không tồn tại.
[993] . Tâm cảnh hệ trước sử 心境繫著使. Pāli: cetaso adhiṭṭhānaṃ abhinivesānysayaṃ, (vốn là) tùy miên tham đắm nắm giữ chặt tâm.
[994] . Pāli: lokasamudayaṃ kho, kaccāna, yathābhūtaṃ sampaññāya passato yā loke natthitā sā na hoti, bằng chánh trí mà quán sát như thật sự tập khởi của thế gian, thì thế gian không phải không tồn tại. Hán dịch: Nhược thế gian vô giả bất hữu 若世間無者不有, tức Pāli: yā loke natthitā sā na hoti, trong thế gian này không tồn tại cái không (nghĩa là: thế gian này có).
[995] . Pāli, S. 12. 17. Acela.
[996] . A-chi-la Ca-diếp 阿支羅迦葉 . Pāli Acela-Kassapa, Ca-diếp lõa thể.
[997] . Ý nói: đối xử không giống với người khác.
[998] . Bản Pāli: na kho... bahudeva pucchitukāmā ti, tôi không muốn hỏi nhiều đâu.
[999] . Thọ tức tự thọ giả 受即自受 者 . Pāli: sā vedanā so vedayatī 'ti (S. 12. 18), thọ tự nó cảm thọ.
[1000] . Pāli: aññā vedanā añño vedayatī ti(S. 12. 18), thọ là cái khác, cảm thọ là cái khác (thọ và hành vi cảm thọ là hai cái khác nhau).
[1001] . Pháp thứ pháp 法, 次法, tức pháp và tùy pháp. Pāli: dhammānudhamma.
[1002] . Pāli, S. 12. 18. Timbaruka.
[1003] . Điếm-mâu-lưu 玷牟留. Pāli: Timbaruka.

[1004] . Kinh Sáu Sáu; Đại Chánh, quyển 13, kinh 304. Ấn Thuận xếp lại vào quyển 12. Quốc Dịch quyển 11. Phẩm x, Tương ưng Lục nhập (tiếp theo kinh 282). Pāli, M.148. Chachakka-sutta.

[1005] . Câu-lưu-sưu Điều ngưu tụ lạc 拘留搜調牛聚落, xem cht.38, kinh 245; cũng dịch là Điều phục bác ngưu tụ lạc 調伏鉢牛聚落, kinh 247.

[1006] . Lục lục pháp 六六法. Pāli: cha chakāni.

[1007] . Nội nhập xứ 內入處. Pāli: ajjhatika āyatana.

[1008] . Ngoại nhập xứ 外入處. Pāli: bāhira āyatana.

[1009] . Thức thân 識身. Pāli: viññāṇakāya.

[1010] . Xúc thân 觸身. Pāli: phassakāya.

[1011] . Thọ thân 受身. Pāli: vedanakāya.

[1012] . Ái thân 愛身. Pāli: taṇhakāya.

[1013] . Pāli: cakkhu attā ti, mắt là tự ngã.

[1014] . Pāli: attā me uppajjati ca veti cā ti, tự ngã của tôi sanh và diệt.

[1015] . Pāli: cakkhuñca bhikkhave paṭicca rūpe ca uppajjati viññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati samphassa; samphassa-paccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc; do duyên xúc, cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc sanh.

[1016] . Pāli, M. 149. Mahāsaḷāyatana-sutta.

[1017] . Xem cht.2, kinh 304.

[1018] . Pāli: tassa sārattassa samyuttassa samūḷhassa assādānupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhā upacayam gacchanti, vị ấy an trụ với quán sát vị ngọt, tham đắm, hệ phược, mê muội; do vậy năm thủ uẩn tương lai được tích tập.

[1019] . Đương lai hữu ái tham hỷ (...)當來有愛 (trong bản in nhầm *thụ* 受) 貪喜 . Ấn Thuận thêm: bỉ bỉ lạc trước彼彼樂著. Pāli: taṇhā cassa ponobbha vikā nandī-rāgasahagatā tatratatrābhinandinī, khát ái hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, thích thú (sẽ sinh) chỗ này chỗ kia.

[1020] . Thân tâm bì ác 身心疲惡Pāli: kāyikāpi darathā... cetasikāpi darathā pavaḍḍhanti, những sự bất an của thân, của tâm đều tăng trưởng. .

[1021] . Xem lại đoạn trên: (…) *không tương ưng*.

[1022] . Đối với bốn Thánh đế: Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu.

[1023] . Nghĩa là thành tựu hiện quán Thánh đế, chứng đắc Tu-đà-hoàn.
[1024] . Xem kinh 213.
[1025] . Trong bản: sĩ kỳ 士其; đây sửa lại sĩ phu 士夫. Xem cht. dưới.
[1026] . Các danh từ và ý niệm liên hệ tự ngã: *na-la* (Pāli: nara, con người, nói chung),*ma-nậu-xà* (manussa, con người trong xã hội), *ma-na-bà* (māṇavaka, niên thiếu), *sĩ phu* (puggala, con người nhân vị hay nhân xưng), *phước-già-la* (puggala, tức sĩ phu, hay con người), *kỳ-bà* (jīva, mạng, sanh mạng hay linh hồn), *thiền-đầu* (jantu, sanh loại).
[1027] . Hán: tưởng, chí, ngôn thuyết 想, 誌, 言說 , tức chỉ cho giả tưởng, giả tự xưng và giả ngôn thuyết.
[1028] . Lưới bắt nai. Tên người. Pāli, S. 35. 63. Migajāla.
[1029] . Yết-già trì 揭伽池. Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.
[1030] . Lộc Nữu Pāli: Migajāla.
[1031] . Đệ nhị trú 鹿紐. Pāli: sadutiyavihārī, sống với người thứ hai. Nhất nhất trú 一一住. Pāli: ekavihārī, sống một mình.
[1032] . Pāli: kāmupasaṃhitā rajaniyā, (sắc bị) tham nhiễm liên kết với ái dục.
[1033] . Ách ngại 阨礙 bị cái ách cùm cổ. Pāli: saṃyogo, sự kết buộc (buộc cổ hai con bò vào một cái ách).
[1034] . Tức người sống chung thứ hai.
[1035] . Pāli, như kinh 309
[1036] . Yết-già trì 揭伽池. Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.
[1037] . Pāli, M. 145. Puṇṇovāda-sutta.
[1038] . Tây phương Thâu-lô-na 西方輸盧那. Pāli: Sunāparantaka; quê của Phú-lan-na.
[1039] . Pāli, S. 35. 95. Saṅgayha.
[1040] . Ma-la-ca-cữu 摩羅迦舅. Pāli: Mālukyaputta.
[1041] . Kiến dĩ kiến vi lượng 見以見為量. Pāli: diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati, sẽ chỉ thấy nơi cái được thấy.
[1042] . Pāli: tato tvaṃ, mākukyaputta, nevidha,nahuraṃ na ubhayam antarena. Esevanto dhussā’ti, vì vậy, Māluhyaputta, ngươi đời này không có, đời sau không có, giữa hai đời không có. Đây chính là chỗ tận cùng sự khổ.
[1043] . Pāli, S. 35. 152. Atthinukhopariyāya.
[1044] . Pāli: atthi nu kho, bhikkhave, pariyāyo yaṃ pariyāyaṃ āgamma bhikkhu aññtreva saddhāya aññatra ruciyā, aññatra anussavā, aññatra

ākāraparivitakkā aññatra diṭṭhinijjhānakkhantiyā aññanaṃ vyākāreyya: khīṇā jāti…, có pháp môn nào, mà y trên pháp môn đó, chứù không y nơi tín tâm, không y theo sở thích, không y nơi sự học hỏi, không y nơi luận biện, y nơi sự đam mê suy lý huyền tưởng, mà Tỳ-kheo có thể tuyên bố: "sự sanh đã dứt".

1045 . Pāli: api nume bhikkhave dhammā saddhāa vā viditabbā, ruciyā vā veditabbā... No hetam bhante, những pháp này có phải được do bởi có tín, do bởi có sở thích...? Bạch Thế Tôn, không.

1046 . Bản Pāli: trả lời "không phải".

1047 . Pāli, S. 27. 1. Cakkhu.

1048 . Pāli, S. 26. 1. Cakkhu.

1049 . Pāli, S. 35. 23. Sabba.

1050 . Pāli, như kinh trên; nhưng nội dung không hoàn toàn tương đồng. Hình như kinh này riêng biệt của Hữu bộ, là cơ sở giáo lý về chủ trương "Nhất thiết hữu". Chú thích của Ấn Thuận.

1051 . Nhất thiết hữu 一切有.

1052 . Vô kiến, hữu đối 無見有對. Quan điểm về nội xứ của Hữu bộ. Xem *Câu-xá luận 1 và 2.*

1053 . Lục cố niệm 六顧念.

1054 . Lục phú 六覆.

1055 . Pāli, S. 35. 7-12. Anicca, v.v...

1056 . Tục số pháp 俗數法, tức pháp nói theo tục đế.

1057 . Lục hỷ hành 六喜行, *Tập Dị Môn Túc Luận* 15: sáu hỷ cận hành. Pāli, D. 33. Saṅgīti, cha somanassūpavicārā: cakkhunā rūpaṃ dsvā somanassṭhāniyaṃ rūpaṃ upavicarati, sau khi nhận thức sắc bằng con mắt vị ấy tư niệm (đi sát, tiếp cận) sắc tùy thuận với hỷ.

1058 . Lục ưu hành 六憂行, cũng nói là sáu ưu cận hành; sđd. như kinh trên.

1059 . Sáu xả hành 六捨行, hay sáu xả cận hành, xem sđd. như kinh 315 trên.

1060 . Sáu thường hành 六常行, cũng nói là sáu hằng trú; xem Tập Dị Môn Túc Luận 15. Pāli, D. 33. Saṅgīti, cha satata-vihārā: bhikkhu cakkhunā rūpaṃ disvā n'eva sumano hoti na dummano upekkho viharati sato sampajāno, Tỳ-kheo khi thấy sắc bởi mắt mà không khoái ý cũng không bất mãn nhưng an trụ xả với chánh niệm chánh trí.

1061 . Pāli, S. 12. 24. Aatitthiyā; 25. Bhūmija.

[1062] . Phù-di 浮彌. Pāli: Bhūmija, lúc bấy giờ ở tại Sāvatthi (S. 12. 25)

[1063] . Pāli: sayaṃkataṃ dukkhaṃ, khổ do tự mình tạo ra.

[1064] . Hán: ký thuyết 記說.

[1065] . Tham chiếu, Trung A-hàm kinh 9; Pāli, M. 9. Sammadiṭṭhi.

[1066] . Pāli (M.9): Kittavatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, cho đến mức nào Thánh đệ tử có chánh kiến.

[1067] . Pāli: dhamme aveccappasādena samannāgato, thành tựu bát hoại tín ở trong pháp. Bất hoại tín, hay bất động tín, cũng nói là chúng tịnh (Pāli: aveccapasāda). Có bốn chứng tịnh, được gọi là bốn thành phần của Dự lưu quả: Phâït chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh, Thánh giới chứng tịnh. Xem Trường A-hàm kinh 7; Pāli, D. 33. Saṅgīti : cattāri sotāpannassa aṅgāni, (...) buddhe aveccapasādena samannāgato hoti (...), dhamme... saṅghe... ariya-kantehi sīlehi samannāgato hoti.

[1068] . Bốn loại thức ăn, hay tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 麤摶食,細觸食, 意思食, 識食. Pāli: cattaro āhārā; kabaliṅko āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, mano-sañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ.

[1069] . Bỉ bỉ lạc trước 彼彼樂著: ham muốn đời sau ta sẽ sanh chỗ này, chỗ kia. Pāli: tatratatrābhinandī (S. iii. 158).

[1070] . Theo nội dung trả lời dưới, sửa lại là lậu.ϕ↓Trong bản, bệnh

[1071] . xem Trường A-hàm kinh 7. Pàli, D. 33. Saígìti, tayo àsavà: kàmàsavo, bhavàsavo, avijjàsavo.ΦϒΙ≡ ⎢♥ Λ∝ Ι≡ ≥ƒ Ι≡ ⎬±Ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu

[1072] . Trong bản: “Trong pháp luật của Ta”.

[1073] . Như cht. 12 trên

[1074] . Như cht.12 trên.

[1075] . Pāli, S. 12. 31. Bhūtaṃ; 32. Kaḷāra.

[1076] . Ba-la-diên-da A-dật-đa sở vấn 波羅延耶阿逸多所問. Pāli: vuttaṃ, sāriputta, pārāyane ajitapañhe, điều đã được nói trong câu hỏi của Ajita trong (kinh) Pārayana (Suttanipāte pañcassa Pārāyanavagassa Ajitapañhā, Kinh tập bộ, phẩm Pārāyayana, những câu hổi của Ajita).

[1077] . Pháp số 法數 . Pāli: sankhātadhamma, (người) đã truy cứu pháp, đã thấu hiểu pháp. Do saṅkhāta: được tính toán, nên Hán dịch là pháp số. Bản Ấn Thuận sửa lại là pháp giáo 法教. Quốc Dịch cũng vậy.

[1078] . Pāli: ye ca sekkhā putthū idha, ở đây, những vị hữu học và các phàm phu.
[1079] . Xem cht.17 trên.
[1080] . Nguyên Hán: chân thật 真實. Pāli: bhūtam idanti sāriputta passasī ti? Này Sāriputta,đây là sinh vật, ngươi có thấy chăng? Tiếng Phạm: bhùta, có nghĩa là (hình dung từ) và cũng có nghĩa là (danh từ), chỉ các loài có sự sống hay mầm sống. *chân thậtsinh vật*
[1081] . Trong nghĩa này, Hán "chân thật" rõ ràng là sai. Xem cht. trên.
[1082] . Pāli, A. 10. 76. Tayodhamma.
[1083] . Thất niệm 失念, tức quên mất chánh niệm, xao lãng. Pāli:

muṭṭhascca.失念

[1084] . Hán: điệu, bất luật nghi, bất học giới 掉,不律儀,不學戒 . Pāli: uddhaccaṃ asaṃvaraṃ dusslīyaṃ. trạo cử, không phòng hộ, ác giới.
[1085] . Pāli, S. 12. 70. Susima.
[1086] . Tu-thâm (niên thiếu) 須深. Pāli: Susima-paribbājaka, Susima, ngoại đạo xuất gia.
[1087] . Trong bản Pāli, Susima thấy thỉnh thoảng có nhiều Tỳ-kheo đến trước Thế Tôn tuyên bố chánh trí, tức tự xác nhận đã chứng quả A-la-hán (bhgavato santike aññā vyākatā hoti). Susima tò mò nên đi theo hỏi.
[1088] . Hán: Thánh thuyết cập xả 聖說及捨. Pāli: yan taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimasukhāvihārī ti, điều mà các Thánh nói là xả, có chánh niệm, an trụ lạc.
[1089] . Xả tịnh niệm nhất tâm 捨淨念一心. Pāli: upekkha-sati-pārisuddhiṃ, xả và niệm thanh tịnh.
[1090] . Đề cập tám giải thoát (Pāli: aṭṭha vimokhā); từ căn bản đệ Tứ thiền Sắc giới, vượt qua Sắc và Vô sắc, cuối cùng nhập tưởng thọ diệt tận định. Pāli: ye te santa vimokkhatā atikkamma rūpe ārppā te kāyena phusitvā viharati, tịch tĩnh giải thoát, siêu việt Sắc Vô sắc, sau khi xúc cảm bằng thân, vị ấy an trụ.
[1091] . Pāli: ida ñca veyyākaraṇaṃ imesañca dhammānaṃ asamāpatti, không có sự chứng đắc đối với lời tuyên bố (ký thuyết) này và những pháp này.
[1092] . Tuệ giả i thoát 慧解脫, được giải thoát (đắc A-la-hán) do tuệ chớ không do định. Pāli: paññāvimutta.

1093 . Chánh thọ 正受 (Pāli: samāpatti), nghĩa thường: đã đi đến nơi, thành tựu; nghĩa chuyên biệt: đạt đến trạng thái thiền và định; theo nghĩa này, phiên âm là , hoặc dịch là . Trong ngữ cảnh đoạn văn này, nó chỉ có nghĩa (Pāli: asamāpatti).*tam-ma-bát-đểchánh thọ,định lực, đẳng chíchưa chứng đắc*

1094 . Pāli: pubbe (...) dhammaṭṭhitiññāṇaṃ, pacchā nibbāne ñāṇaṃ, trước hết là pháp trụ trí, sau đó là Niết-bàn trí.

1095 . Pāli, S. 12. 21-22. Dasabala.

1096 . Tri tiên Phật trú xứ 知先佛住處, tức là tự xác nhận ở vị trí của chư Phật quá khứ. Pāli: āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, tự tuyên bố vị trí ngưu vương, tức tư xác nhận vị trí hướng dẫn chúng sanh.

1097 . Chuyển Phạm luân 轉梵輪. Pāli: brahmacakkaṃpavatteti

1098 . Trong nguyên bản, tiết lược theo đoạn văn tương tự; nhưng từ trước, chưa tìm thấy đoạn nào tương tợ.

1099 . Đương lai hữu kết 當來有結, kết sử dẫn đến hữu tương lai, tức dẫn đến tái sanh đời sau.

1100 . Thoái kỳ đại nghĩa, tức là đánh mất mục đích cao thượng, tổn thất ích lợi lớn. Pāli: mahantañ ca sadatthaṃ parihāpeti, tổn thất đại lợi

1101 . Đệ nhất giáo pháp chi trường 第一教法之場. Pāli: na, bhikkhave, hīnena agassa patti hoti. aggena ca kho, bhikkhave, aggassa patti hoti, không bằng cái thấp hèn mà đạt đến cái cao thượng (đệ nhất). Chính bằng cái cao thượng mà đạt đến cái cao thượng.

1102 . Tức pháp được khéo hiển hiện nên dẫn đến tịch tĩnh; dẫn đến Niết-bàn; dẫn đến Bồ-đề của Thanh văn và Chánh giác của Phật.

1103 . Pàli: evaư no ayaư amhàkaư pabbajjà avaĩjhà bhavissati saphalà sa-udrayà, sự xuất gia của ta như vậy sẽ không phải là vô tích sự, mà có kết quả, có thành quả.

1104 . Hán: bất tu thủ ngữ 不須手語, không cần nói bằng tay.

1105 . Xem cht. 42 trên

1106 . Pāli, S. 12. 49. Ariyasāvaka.

1107 . Pāli: kiṃ nu kho kismiṃ sati kiṃ hoti; kissūppadā kiṃ uppajjati, trong khi cái gì hiện hữu, cái đó hiện hữu? Do cái gì sanh mà cái gì đó sanh?

1108 . S. 12. 68. Kosambī.

1109 . Na-la 那羅 (Pāli: Nārada), Mậu-sư-la 茂師羅 (Musila), Thù-thắng 殊勝 (Paviṭṭha) A-nan 阿難 (Ānanda).

[1110] . Bản Pāli: ở tại Kosambiyaṃ Ghositārāme.

[1111] . Hán: dị tín, dị dục, dị văn, dị hành giác tưởng, dị kiến thẩm đế nhẫn 異信,異欲,異聞,異行覺想, 異見審諦忍. Pāli: aiñatreva (...) saddhāya aññatra ruciyā anussava aññatra ākāraparivitakkā aññatra diṭṭhinijjhānakkhantiyā . Tiếng Phạn: aññatra, một cách khác biệt, hay ngoại trừ; Hán dịch là , nên hiểu là trạng từ chứ không phải tính từ. *dị*

[1112] . Pāli: paccattam eva ñāṇaṃ, tự mình có nhận thức như vậy.

[1113] . Pāli: bhavanirodho nibbānan ti, sự diệt tận của hữu là Niết-bàn.

[1114] . S. 12. 13. Samaṇ-brāhmaṇā.

[1115] . Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門義, 婆羅門義 . Pāli: sāmaññatthaṃ brāhamaññatthaṃ, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

[1116] . S. 12. 14. Samaṇa-brāhmaṇā.

[1117] . S. 12. 71-81. Samaṇa-brāhmaṇā.

[1118] . Pāli, S. 12. 28. Bhikkhu.

[1119] . Pāli: bhikkhu jarāmaraṇam pajānāti.

[1120] . Pāli, S. 12. 33. Ñāṇavatthūni (1).

[1121] . Tứ thập tứ chủng trí 四十四種智. Pāli:catucattārīaṃñāṇavatthūni, bốn mươi bốn sự kiện của trí.

[1122] . Pāli, S. 12. 34. Ñāṇavatthūni (2).

[1123] . Pāli: asati jātiyā natthi jarāmaraṇanti, trí (nhận thức) về sự kiện, khi không có sanh thì không có già chết.

[1124] . Pāli: yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ taṃpi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhamman ti ñāṇaṃ, nơi nào có pháp trụ trí, nơi đó cũng có trí (nhận thức) về pháp tận diệt, pháp hủy hoại, pháp ly tham, pháp diệt.

[1125] . Pāli, S. 12. 35-36. Avijjā-paccāya.

[1126] . Pāli, S. 12. 38. Cetanā (1).

[1127] . Pāli: yañ ca bhikkhave ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇam etaṃ hoti ñāṇassa ṭhitiyā, tư duy về cái gì, trù tính về cái gì, ấp ủ cái gì, thức sẽ vin níu vào cái đó mà trụ.

[1128] . Pāli, S. 12. 39. Cetanā (2).

[1129] . Hữu sử 有使; kinh 359: bỉ sử 彼使. Pāli: yañca anusevati: nó tiềm phục theo cái gì, nó thầm nghĩ về cái gì. Bản Hán đọc là anusevati: theo phục vụ. Xem cht.67 kinh 359 trên.

[1130] . S. 12. 40. Cetanā.

[1131] . Pāli: tasmiṃ patiṭṭhe viññāṇe virūḷhe nati hoti; natiyā sati āgatigati hoti, khi thức an trụ và tăng trưởng, nó có xu hướng. Do có xu hướng, có sự đến và đi.

[1132] . Pāli, S. 12. 16. Dhammakathika.

[1133] . Pāli: dhammakathiko.

[1134] . S. 12. 16. Dhammakathika.

[1135] . Pháp thứ pháp hướng 法次法向, cũng nói là pháp tùy pháp hành 法隨行向. Pāli: dhammānudhammā-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp, thực hành tùy thuận theo tuần tự của pháp.

[1136] . Pāli, S. 12. 16. Dhammakathika.

[1137] . Kiến (=hiện) pháp Bát-niết-bàn 見法般涅槃. Pāli: diṭṭhadhammanibbānapatta, chứng đắc Niết-bàn ngay trong thực tế được thấy, nghĩa là ngay trong đời này.

[1138] . ---o0o---

[1139] . Tỳ-bà-thi 毘婆尸. Pāli: Vipassī.

[1140] . Pāli: kicchaṃ vatāyaṃ loko āpanno jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca uppajjati ca, quả thật thế gian này bị rơi hãm vào trong khổ nạn, sanh ra, già cỗi, chết, tiêu vong, rồi tái sanh.

[1141] . Nguyên Hán: như thật vô gián đẳng 如實無間等. Xem cht.67, kinh 23.

[1142] . Xem kinh 287

[1143] . Thi-khí 尸棄. (Pāli: sikkhi); Tỳ-thấp-bà-phù 毘濕波浮 (Vessabhū); Ca-la-ca-tôn-đề 迦羅迦孫提(Kakusandha); Ca-na-ca-mâu-ni 迦那迦牟尼 (Koṇagāmana); Ca-diếp 迦葉 (Kassapa).

[1144] . S. 12. 83. Sikkhā; 84. Yoga.

[1145] . Như thật hiển hiện 如實顯現. Pāli: (...) jarāmaraṇe yathābhūtaṃ sikkhā karaṇīyā, cần phải học tập để có trí tuệ như thật về già chết.

[1146] . Pāli, xem kinh 367.

[1147] . Pāli, xem kinh 366.

[1148] . Bồ-đề sở 菩提所, chỉ Bồ-đề đạo tràng (P. bodhimaṇḍa).

[1149] . Xem cht.8 kinh 366

[1150] . Đại Bồ-đề sở, xem cht.13, kinh 369.

[1151] . Uất-tỳ-la Ni-liên-thiền hà 鬱毘羅尼連禪河. Pāli: sông Nerañjarā, ở thôn Uruvelā, chỗ Phật tắm trước khi thành đạo.

[1152] . Pāli, 12. 11. Āhāra.

[1153] . Tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 麤摶食, 細觸食, 意思食, 識食. Pāli: cattārome... āhārā (...): kabalīkāro

āhāro oḷāriko vā sukhumo (thức ăn vật chất, thô hoặc tế); phasso (xúc chạm), manosañcetanā (tư duy và ý chí), viññāṇaṃ (thức).

[1154] . Nhân tập sanh xúc 因集生觸; nơi khác dịch: nhân tập sanh chuyển 因集生轉. Pāli: nidāna nguyên do), samudaya (tập hợp sanh khởi) , jātika (sản sanh), pabhava (xuất hiện).

[1155] . S. 12. 12. Phagguna.

[1156] . Phả-cầu-na 頗求那. Pāli: Moḷiyaphagguna.

[1157] . Pāli: ko nu kho, bhante, viññāṇāhāraṃ āhāretī ti, ai hấp thụ thức ăn của thức này?

[1158] . Pāli: "āhāretī ti" na ahaṃ vadāmi, Ta không nói: "Nó ăn".

[1159] . Pāli: ko nu kho tasatī ti, ai khát ái (khát vọng)?

[1160] . Bản Pāli, từ chi này trở đi, không có câu hỏi như vậy.

[1161] . Trong nguyên bản: đương lai hữu xúc 當來有觸; đây sửa lại là đương lai hữu chuyển 轉. Xem cht.19 kinh 371.

[1162] . Ăn thịt con. Pāli, S. 12. 63. Puttamaṃsa.

[1163] . Đoạn tri 斷知, tức hoàn toàn đoạn trừ. Pāli: pariññāto hoti, được biến tri.

[1164] . S. 12. 64. Atthirāgo.

[1165] . Pāli: yattha patiṭṭhitaṃ viññāṇaṃ virūḷhaṃ atthi tattha nāmarūpassa avakkan ti, nơi nào có thức trụ và tăng trưởng, nơi đó danh sắc thác vào (hiện ra). Bản Hán: . Pāli: *.thức nhập danh sắcdanh sắc nhập thức*

[1166] . Xem kinh 373 và các kinh sau.

[1167] . Xem kinh 375, 376 trên.

[1168] . Ấn Thuận, Tụng 3 Tạp nhân duyên, "4. Tương ưng đế", gồm một trăm năm mươi kinh, nhưng chỉ sáu mươi lăm kinh có nội dung; Đại Chánh 379-443. phần lớn tương đương Pāli S.56. Sacca-Samyutta. Pāli, S. 56. 11- 12. Tathāgatena vuttā.

[1169] . Pāli: idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan ti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapaādi, paññāṇaṃ udapādi vijjā udapādi, āloko udapādi, Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế, trong các pháp mà trước đây Ta chưa từng nghe, phát sanh nhãn, phát sanh trí, phát sanh tuệ, phát sanh minh, phát sanh ánh sáng.

[1170] . Tri đương phục tri 智當復知.

[1171] . Dĩ tri dĩ xuất 已知已出. Pāli: taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me, (...), taṃ kho panidṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan ti me, Khổ Thánh đế này, cần biến tri, Ta đã biến tri.

[1172] . Dĩ tri dĩ đoạn xuất 已知已斷出. Pāli: (...) idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban ti me (...) pahīnanti me; đây là Khổ tập Thánh đế cần phải đoạn, Ta đã đoạn.

[1173] . Dĩ tri dĩ tác chứng xuất 已知已作證出. Pāli: (...) idaṃ dukkhanirodham ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me (...) sacchikatanti me, đây là Khổ diệt Thánh đế cần chứng, Ta đã chứng.

[1174] . Dĩ tri dĩ tu xuất 已知已修出. Pali: (...) idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me (...) bhāvitanti me, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế cần tu, Ta đã tu.

[1175] . Tam chuyển thập nhị hành 三轉十二行. Pāli: tiparivattaṃ dvādasākāraṃ, ba vận chuyển, mười hai hình thái (hành tướng).

[1176] . Pāli: sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya, trong thế giới gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cùng giữa quần sanh loại gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, các trời và con người.

[1177] . Trong bản: Kiều-trần-như憍陳如, Pāli: nhưng đoạn dưới, phiên âm là Câu-lân. Koṇḍañña .

[1178] . Trong nguyên bản: Câu-lân 拘鄰

[1179] . A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰. Pāli: Aññāta-Koṇḍañña.

[1180] . Chuyển pháp luân kinh 轉法輪經. Pāli: Dhamma cakkappa vattanasuttam.

[1181] . Nguyên Hán: vô gián đẳng 無間等.

[1182] . Nguyên bản *: giác*覺. Trưởng lão Ấn Thuận sửa lại là *học* 學.

[1183] . S. 56. 29. Abhiñeyyaṃ (cần được thắng tri).

[1184] . Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

[1185] . Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

[1186] . Nguyên văn: *ư mạn vô minh đẳng* 於慢無明等 (đối với mạn và vô minh mà cứu cánh khổ biên); Ấn Thuận sửa lại là *ư mạn vô gián đẳng*於慢無間等, theo định nghĩa của kinh. Xem các kinh 23, 24: ; kinh 107: *đoạn trừ ái dục, chuyển khứ chư kết, chánh vô gián đẳngư mạn khởi vô gián đẳng* 於慢起無間等.

[1187] . S. 56. 25. Āsavakkhayo

[1188] . Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

[1189] . Đãi đắc kỷ lợi **逮得己利**.

[1190] Xem kinh 384 trên

[1191] . Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

1192 . Thượng sĩ 上士. Pāli: uttamapurisa?

1193 . Tham chiếu Trung A-hàm kinh 200; Pāli, M. 200. Alagadūpama-sutta: ayaṃ vuccati, bhikkhave, bhikkhu ukkhittapaligho itipi, saṃkiṇṇaparikkho itipi, abbūḷhesiko itipi, niraggaḷo itipi, ariyo pannaddhajo pannabhāro visaṃyutto itipi, Tỳ-kheo như vậy được gọi là vị đã dẹp bỏ chướng ngại vật, lấp bằng giao thông hào, nhổ bỏ cọc trụ, tháo bỏ then khóa. Xem giải thích kinh tiếp.

1194 . Xem cht.58, kinh 386

1195 . Vô hữu quan kiện 無有關鍵. Pāli: niraggaḷo, vị đã tháo bỏ then cửa.

1196 . Ngũ hạ phần kết, năm kết sử dẫn tái sanh Dục giới (hạ giới): thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân; xem *Trường A-hàm* kinh 7. Pāli, D. 33. Saṅgīti. pañc'oram-bhāgiyāni saṃyojanāni: sakkāya-diṭṭhi, vicikicchā, sīlabbata-parāmāso, kāmacchando, vyāpādo.

1197 . Bình trị thành tiệm 平治城塹. Pāli: saṃkiṇṇa-parikkha, lấp đầy các hào rãnh.

1198 . Bản Pāli: saṃkiṇṇparikkho (...) ponobbhaviko jatisaṃsāro pahīno hoti, đã lấp đầy các hào rãnh, là đã đoạn trừ vòng luân chuyển tái sanh.

1199 . Pāli: ukkhitta pāligho, đã dẹp bỏ chướng ngại vật.

1200 . Pāli: ukkhittapaligho (...) avijjā pahīna hoti, đã dẹp bỏ chướng ngại, là đã đoạn trừ vô minh.

1201 . Giải thoát kết phược 解脱結縛. Pāli: abbhūḷhesika, đã nhổ bỏ cọc trụ.

1202 . Pāli: abbhūḷhesiko (...) taṇhā pahīno hoti, đã nhổ bỏ cọc trụ, là đã đoạn trừ khát ái.

1203 . Kiến lập Thánh tràng 建立聖幢. Pāli: ariyo pannaddhajo pannabhāro visaṃyutto, là vị Thánh đã hạ cờ, trút gánh nặng, bứt ràng buộc.

1204 . Pāli: asmimāno pahīno, đoạn trừ phức cảm "tôi hiện hữu" (ngã mạn).

1205 . S. 56. 13. Khandha; 14. Āyatana.

1206 . S. 56. 12.Vajji (Koṭigāma).

1207 . Tham chiếu kinh 352. Pāli, tham chiếu S. 12. 13; 56.12, na me te, bhikkhave, samaṇā vā brāhmaṇā vā samaṇesu vā samaṇasamatā brāhmaṇesu va brāhmaṇasamatā; na ca pana te āyasmanto sāmaññatthaṃ vā brāhmaññatthaṃ vā diṭṭtheva dhamme sayaṃ abhiñña sacchikatvā... Các Sa-môn, Bà-la-môn này không phải những Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh giữa các Sa-môn, Bà-la-môn; đối với mục đích của các Sa-môn, Bà-la-môn này, ngay trong đời này, không bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (...)

1208 . Xem kinh 390.

[1209] . Phi Sa-môn số, phi Bà-la-môn số 非沙門數, 非婆羅門數. Pāli: na (...) samaṇasaṃkhyā, brāhmaṇasaṃkhyā, không đúng danh nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn.
[1210] . Xem kinh 390
[1211] . Tóm tắt bảy kinh.
[1212] . Nguyên bản: *tư* 子. Ấn Thuận nghi là chữ tức 息: dập tắt.
[1213] . Pāli, S. 56. 3-4. Kulaputta.
[1214] . Chánh tín phi gia xuất gia học đạo 正信, 非家, 出家學道. Pāli (định cú): agārasmā anagāriyaṃ pabbajati.
[1215] . Tóm tắt có ba kinh.
[1216] . Tóm tắt có ba kinh.
[1217] . Tóm tắt có ba kinh.
[1218] . Sanh Bát-niết-bàn; năm hạng Bất hoàn, đây chỉ nêu một.
[1219] . ---o0o---
[1220] . Pāli: yato ca kho, bhikkhave, tathāgato loke uppajjati (...) atha mahato ālokassa pātubhāvo (...): Như Lai xuất hiện trong đời, ánh sáng vĩ đại xuất hiện (đó là bốn Thánh đế).
[1221] . Pāli, như kinh 394.
[1222] . ---o0o---
[1223] . Hán: …vị vô gián đẳng ...未無間等. Pāli: ahaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ yathābhūtaṃ anabhisamecca,... dukkhanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ ariyasaccaṃ yathābhūtaṃ anabhisamecca, sammā dukkhassantam karissāmīti, tôi chưa chân thật hiện quán Khổ Thánh đế,... chưa chân thật hiện quán đạo tích diệt Khổ Thánh đế, nhưng tôi sẽ chân chánh diệt tận khổ.
[1224] . Khư-đề-la 佉提羅. Pāli: khadira, loại cây gỗ rất cứng (Acacia Catechu),nhựa dùng làm thuốc.
[1225] . Bát-đàm-ma diệp 缽曇摩葉. Pāli: padumapatta: lá sen. Nguyên bản chép nhầm là thuần-đàm-ma diệp 純曇摩葉.
[1226] . Ma-lâu-ca 摩樓迦. Pāli: māluvā (một giống khoai); Hán âm theo Skt. māluka, một loại cây (Acimum Sanctum).
[1227] . S. 56. 39. Indakhīlo.
[1228] . Pāli: te aññassa samaṇassa vā brāhmaṇassa vā mukhaṃ ullokenti, ‘ayaṃ nūna bhavaṃ jānaṃ jānāti passaṃ passatī’ti: các Sa-môn Bà-la-môn không có nhận thức ấy trông nhìn mặt mà nói, ‘vị tôn giả này biết và đang biết, thấy và đang thấy’.

[1229]. Nhân-đà-la trụ 因陀羅柱. Pāli: indakhīla, cột nêu ở cổng chợ
[1230]. S. 56. 40. Vādino (Vāditthika).
[1231]. S. 56. 34. Cela.
[1232]. Tăng thượng dục 增上欲. Pāli: adhimatto chando, ý muốn mãnh liệt.
[1233]. Nguyên bản có thiếu: Phật hỏi các Tỳ-kheo, phải làm thế nào. Tỳ-kheo trả lời: khẩn cấp dập tắt. Phật nói tiếp.
[1234]. Nguyên bản, câu này có vẻ thừa.
[1235]. Một trăm mũi giáo. Pāli, S. 56. 35. Sattisata
[1236]. S. 56. 23. Sammāsambuddha.
[1237]. Bình đẳng chánh giác 平等正覺. Pāli: abhisambuddhata, giác ngộ siêu việt.
[1238]. S. 56. 21. Vajji.
[1239]. Pāli gọi là xóm Koṭigāma.
[1240]. Tùy thuận giác 隨順覺. Pāli: anubodha, được giác ngộ một cách phù hợp, được giác tri, liễu giải, nhận thức chính xác.
[1241]. Vô tùy thuận thọ 無隨順受. Pāli: appaṭivedha, chưa được quán triệt, thông đạt.
[1242]. Thuận nhập 順入; ở trên nói: tùy thuận thọ 隨順受.
[1243]. Hữu lưu 有流 dòng xoáy của hữu; Pāli: bhavogha. Nhưng bản Pāli: ucchinnā bhataṇhā, cắt đứt khát ái đối với hữu.
[1244]. Pāli, S. 56. 31. Siṃsapā.
[1245]. Thân-thứ lâm 申恕林; rừng cây siṃsapā (loại cây Dalbergia Sissoo).
[1246]. Trong bản: *định thuyết* 定說. Có lẽ *tuyên* 宣 mà chép nhầm.
[1247]. Chỉ pháp được tuyên thuyết.
[1248]. Ích lợi cho mục đích . Pāli: atthasaṃhitaṃ, liên hệ đến mục đích (giải thoát).
[1249]. Những pháp không được công bố.
[1250]. Lỗ khóa. Pāli, S. 56. 45. Vāla (cọng lông).
[1251]. Ly-xa đồng tử 離車童子. Pāli: Licchavikumāraka, con trai người Licchavi.
[1252]. Tinh xá môn khổng 精舍門孔. Pāli: Āḷacchigaḷena, xuyên qua lỗ khóa.
[1253]. Con rùa mù.

[1254]. Đại Chánh, quyển 16. "Tạp nhân tụng" phẩm iii (phần 4) [tiểu mục trong nguyên bản Đại Chánh]. Quốc Dịch đồng. Pāli, S. 56. 41. Cintā.

[1255]. Pāli: lokacintaṃ cintento, tư duy về (tư duy) thế gian, suy nghĩ về thế giới.

[1256]. Phi nghĩa nhiêu ích, phi pháp nhiêu ích, phi phạm hạnh nhiêu ích, phi trí, phi giác, bất thuận Niết-bàn 非義饒益,非法饒益,非梵行饒益,非智,非覺,不順涅槃. Pāli: na hetaṃ atthasaṃhitaṃ etaṃ ādibrahmacariyakaṃ etaṃ na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na sambodhāya na nibbānāya saṃvattati (S. v. p. 438), điều đó không liên hệ mục đích (giải thoát), không thuộc căn bản phạm hạnh, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly dục, tịch diệt, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

[1257]. Câu-hy-la trì 拘絺羅池. Pāli: sumāgadhā pokkharañī, hồ sen Sumāgadhā.

[1258]. Ngẫu khổng 藕孔. Pāli: bhisamuḷāla, chồi non của sen.

[1259]. Phi nghĩa nhiêu ích 非義饒益: chẳng ích gì cho mục đích.

[1260]. S. 56. 8. Cintā.

[1261]. Pāli: mā... pāpakaṃ ākusalaṃ cittam cinteyyātha, các ngươi chớ tư duy về tư duy ác bất thiện.

[1262]. Suy tầm, trầm tư. Pāli, S. 56. 7. Vitakkā.

[1263]. Tham giác, sân (nhuế) giác, hại giác; đây gọi là ba bất thiện tầm, ba tư duy tầm cầu bất thiện: ham muốn, thù hận, ý nghĩ ác hại. Pāli: kāmavitakkaṃ vyāpādavitakkaṃ vihiṃsavitakkaṃ.

[1264]. Pāli: mā, bhikkhave, pāpake akusale vitakke vitakkeyyātha, Tỳ-kheo, các ngươi chớ có tư duy tầm cầu về các suy tầm ác bất thiện.

[1265]. Pāli, xem kinh 409

[1266]. S. 56. 10. Kathā.

[1267]. Các đề tài được gọi là súc sanh luận (Pāli: tiracchānakathā), vì vô nghĩa, vô ích.

[1268]. Tranh cãi. Pāli, S. 56. 9. Viggāhikā.

[1269]. Ba-tư-nặc 波斯匿王 (Pāli: Pasenadi), vua nước Câu-tát-la 拘薩羅 (Pāli: Kosala). Tần-bà-sa-la Tần-bà-sa-la 頻婆娑羅王 (Pāli: Bimbisāra), vua nước Ma-kiệt-đà.

[1270]. Như kinh 407.

[1271]. Như kinh 407.

[1272]. Tức thí chủ.

1273 . Pāli, S. 56. 15. Dhāraṇa.
1274 . S. 56. 20, 27. Tathā.
1275 . Như như, bất ly như, bất dị như... 如如,不離如,不異如. Pāli (S.v.430): cattārimāni bhikkhave tathāni avitathāni aññatathāni.
1276 . S. 56. 16. Dhāraṇa.
1277 . S. 56. 42. Papāto.
1278 . Thâm hiểm nham; xem cht. dưới. Pāli: ayāma, bhikkhave, yena paṭibhānakūṭo ten' upasaṃkamissāma divāvihārayā, này các Tỳ-kheo, chúng ta hãy đi lên ngọn Paṭibhānakūṭa (Biện tài đỉnh) để nghỉ trưa.
1279 . Thâm hiểm nham 深嶮巖, vực thẳm sâu; bản Pāli: Thế Tôn lên ngọn Paṭibhāna, một Tỳ-kheo thấy một vực sâu nguy hiểm, kêu lên: mahā vatāyaṃ bhante papāto subhayānako, Thế Tôn, lớn thay, vực thẳm dễ sợ này.
1280 . Sanh bổn chư hành lạc trước 生本諸行樂著. Pāli: jātisaṃvattanikesu saṃkhāresu abhiramanti, hoan lạc nơi các hành mà chúng dẫn đến sự thọ sanh.
1281 . Cực kỳ nóng. Pāli, S. 56. 43. Pariḷāha.
1282 . Đại nhiệt địa ngục 大熱地獄. Pāli: Mahāpariḷāha.
1283 . Cực kỳ đen tối. Pāli, S. 56. 46. Andhakāra.
1284 . Xem cht.33, kinh 424 dưới.
1285 . Xem kinh 423 trên.
1286 . Pāli: atthi, bhikkhae, lokantarikā aghā asaṃvutā andhakārā andhakāratimisā, yattham imesaṃ candimasūriyānaṃ evaṃmahiddhikānaṃ evaṃ mahānubhāvānaqṃ ābhāya nānubhontī ti, có một chỗ tối tăm, sâu thẳm tối tăm không đáy, ở khoảng giữa các thế giới, không có vòm trời che; chỗ đó, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng vốn có thần lực như vậy, mà không chiếu tới được.
1287 . Gần giống kinh 424 trên.
1288 . Gần tương đồng các kinh 424, 425 trên.
1289 . Pāli, S. 56. 29. Pariññeyyaṃ (cần được biến tri).
1290 . Pāli, S. 56. 2. Patisallāna (sống độc cư).
1291 . Đương cần thiền tư. Pāli: paṭisallāne bhikkhave yogam āpajjatha, hãy tu tập chuyên cần ở nơi nhàn tĩnh độc cư.
1292 . Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn.
1293 . Pāli (S.v.141): paṭisallāno...bhikkhu yathābhūtam pajānāti, Tỳ-kheo tịch tĩnh độc cư thì liễu tri như thật (về bốn Thánh đế).
1294 . S. 56. 1. Samādhi.

1295 . Tức tu định. Pāli: samādhiṃ bhikkhave bhāvetha.
1296 . Cây gậy. Pāli, S. 56. 33. Daṇḍo.
1297 . Ngũ tiết tương tục luân 五節相續輪, bánh xe có năm nan.
1298 . Tăng thượng thuyết pháp 增上說法.
1299 . Các cách thuyết pháp của Phật, Pāli: ācikkananā (tuyên thuyết, công bố), desanā (giáo huấn, chỉ thị), paññāpanā (thi thiết, quy định), vivaraṇā (khai thị, khai hiển), vibhajanā (phân biệt, phân tích).
1300 . Hiệt tuệ 黠慧, nhận thức lão luyện, sâu sắc. Pāli: paṇḍita.
1301 . Tu-đạt, tên thật của ông Cấp cô độc. Pāli: Sudatta.
1302 . Tu-đạt trưởng giả 須達長者. Pāli: Sudatta-gahapati.
1303 . Tiệm thứ vô gián đẳng, đốn vô gián đẳng 漸次無間等, 頓無間等.
1304 . Tế diệp; xem cht.90, kinh 397.
1305 . Pāli, S. 56. 44. Kūṭāgāra.
1306 . S. 56. 36. Pājā.
1307 . Thương 鏘; trong Khang Hy, từ này chỉ tiếng khua của châu ngọc. Có lẽ là 槍. Pāli: sūla, cây giáo, hay cái cọc nhọn.
1308 . S. 56. 49-50. Sineru.
1309 . Hán: thổ thạch 土石. Pāli, Phật so sánh bảy viên sỏi nhỏ bằng hạt cải (satta muggamattiyo pāsāṇakkharā) và núi chúa Tu-di (Sineru).
1310 . Thí dụ về ao hồ và các thứ khác nữa. Pāli, S. 56. 52. Pokkharaṇī.
1311 . Kiến đế, thấy được Thánh đế. Pāli: ariyasāvakassa diṭihisampanassa puggalassa abhisametāvino, đối với Thánh đệ tử đã thành tựu kiến, đã đắc hiện quán (Đây chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn).
1312 . Tên các con sông lớn ở Ấn Độ: Sambejja, Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī
1313 . Đất. Pāli, S.56. 55-60. Pathavī,v.v...
1314 . Pāli: satta kolaṭṭhimattiyo guḷikā, hòn đất lớn bằng hạt của quả táo.
1315 . Pāli, núi Tudi (Sineru) và 7 núi chung quanh: Nemindhara, Vinataka, Assakaṇṇa, Sudassana, Karavīka, Īsadhara, Yugandhara.
1316 . Móng tay. Pāli, S. 56. 51. Nakkhasikho.
1317 . Tóm tắt có ba mươi kinh.
1318 . Tóm tắt có chín kinh.
1319 . Ấn Thuận, tụng iii Tạp nhân, “5. Tương ưng Giới”, gồm ba mươi bảy kinh, Đại Chánh hai mươi hai kinh: 444-465. phần lớn tương đương Pāli, S.14. Dhātu-saṃyutta, Viên thuốc chữa mắt.

[1320]. Ý nói, số lượng viên thuốc được tập hợp lại.
[1321]. Chỉ cách tính số lượng: mỗi giới loại (chủng loại) đặt một viên
[1322]. Số viên thuốc hết nhanh, nhưng số giới chưa hết.
[1323]. Tâm hèn mọn. Pāli, S. 14. 14. Hīnādhimutti (Ý chí hèn kém).
[1324]. Pāli: dhātusova bhikkhave sattā saṃsandanti samenti, chúng sanh giao tiếp theo giới, tập hợp theo giới. Ở đây, giới hay giới loại được hiểu là tính chất (đồng loại tướng quần).
[1325]. Pāli: hīnādhimuttikā hīnādhimuttikehi saddhiṃ..., bản tánh thấp hèn thì đi với bản tánh thấp hèn.
[1326]. Pāli, S. 14. 16. Sagathā.
[1327]. S. 14. 15. Kammaṃ.
[1328]. Xem cht.71, kinh 445.
[1329]. Như kinh 486.
[1330]. S. 14. 12. Sanidānaṃ.
[1331]. S. 14. 1. Dhātu.
[1332]. Chủng chủng giới 種種界. Pāli: dhātunānattaṃ, sự đa dạng của giới (loại).
[1333]. S. 14. 2-5. Samphassa, v.v…
[1334]. S. 14. 7. Saññā.
[1335]. Giác, đây chỉ cho giác tưởng phân biệt, hay vọng tưởng phân biệt (Pāli: saṅkappa). Bản Pāli: duyên đa dạng tưởng (saññānānattaṃ) sanh đa dạng tư duy (saṃkappanānattaṃ); duyên đa dạng tư duy sanh đa dạng dục (chandanānattaṃ).
[1336]. Pāli: duyên đa dạng dục (chandanānattaṃ) sanh đa dạng nhiệt não (pariḷāhanānattaṃ, nóng bức, bực tức khổ não); duyên nhiệt não sanh đa dạng mong cầu (priyesanānānattaṃ).
[1337]. Nội dung gần với kinh trên.
[1338]. Trong bản, trên chữ *duyên* có chữ *phi*. Đây lược bỏ.
[1339]. Tóm tắt có bốn kinh.
[1340]. Đại Chánh quyển 17. "Tạp nhân tụng, phẩm iii, phần v" (tiêu mục trong nguyên bản Đại Chánh). Ấn Thuận: "5 Tương ưng Giới" tiếp theo, trì kinh 444 (Đại Chánh quyển 16). Pāli, S. 14. 11. Sattimā.
[1341]. Quang giới 光界, tịnh giới 淨界, vô lượng không nhập xứ giới 無量空入處界, vô lượng thức nhập xứ giới 無量識入處界, vô sở hữu nhập xứ giới 無所有入處界, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới 非想非非想入處界, hữu diệt giới有滅界. Pāli: sattimā, bhikkhave,

dhātuyo. katamā sattā? ābhādhātu, subhadhātu, ākāsānañcāyatanadhātu, viññāṇañcāyatanadhātu, ākiñcaññāyatanadhātu, nevasaññānāsaññāyatanadhātu, saññāvedayitanirodhadhātu, có bảy giới loại (ở đây: giới hệ hay cõi): giới loại ánh sáng, giới loại tịnh khiết, giới loại cảnh vực hư không vô biên, cảnh vực thức vô biên, cảnh vực vô sở hữu, cảnh vực phi tưởng phi phi tưởng, cõi của sự diệt tận tưởng và thọ.

1342 . Trong nguyên bản: duyên nội 緣內. Bản đời Nguyên: duyên nội không 緣內空. Ấn Thuận đề nghị sửa lại là (hư) *không*. Pāli: ākāsānañcāyatanṃ paṭicca, duyên hư không vô biên.

1343 . Pāli: viññāṇañcāyatanaṃ paṭicca, duyên thức vô biên xứ.

1344 . Hữu đệ nhất, hay hữu đảnh, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu (Pāli: bhavagga). Bản Pāli: ākiñcaññāyatanaṃ paṭicca, duyên vô sở hữu xứ.

1345 . Hữu thân 有身. Pāli: sakkāya. Bản Pāli: nirodhaṃ pṭicca, duyên diệt.

1346 . [Chánh thọ, hoặc đẳng chí, trạng thái tập trung, hợp nhất tư tưởng, có chín bậc định như vậy: bốn sắc giới thiền, bốn vô sắc định và diệt tận định. Pāli: samāpatti.]

1347 . Bản Pāli: saññāsamāpatti pattabbā, y tưởng chánh thọ (đẳng chí) mà đạt được

1348 . Bản Pāli: saṃkhārāvasesa-samāpatti pattabbā, đạt được do chánh thọ của hành hữu dư (một ít hành uẩn còn tàn dư).

1349 . Hữu thân diệt 有身滅, diệt tận các thân kiến (hai mươi hữu thân kiến, hay tát-ca-da tà kiến). Pāli: nirodhasamāpatti, do diệt chánh thọ.

1350 . Pāli, S. 14. 13. Giñjakāvasatha.

1351 . Pāli: dhātuṃ paṭicca saññā uppajjati, duyên giới sanh tưởng.

1352 . Trong nguyên bản chép nhầm là bất giới 不界. Đây sửa lại là hạ giới 下界. Pāli: hīnam dhātum

1353 . Pāli: hīnā vācā, ngôn ngữ thấp kém, hạ đẳng.

1354 . Pāli: hīnā cetanā, tư niệm hay ý chí thấp kém

1355 . Pāli: hīnā patthanā, dục cầu hay hy vọng thấp kém.

1356 . Pāli: hī no puggalo, con người hay nhân cách thấp kém

1357 . Như thị trung 如是中. Pāli: majjhimaṃ dhātuṃ paṭicca.

1358 . Pāli: paṇītā dhātu, giới vi diệu, thượng đẳng.

1359 . Bà-ca-lị 婆迦利. Có lẽ Pāli: Vakkali. Nhưng, bản Pāli: Kaccāna.

[1360] . Pāli: asammāsabuddhesu sammāsambuddhā' ti, ở nơi những vị không phải là Chánh đẳng Chánh giác mà thấy là Chánh đẳng Chánh giác

[1361] . PāIi, S. 14. 12. Sanidāna (có nguyên do). Tham chiếu, A. 6. 39. Nidāna

[1362] . Dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; ba bất thiện tưởng, cũng là ba bất thiện tầm, ba tư duy tầm cầu bất thiện. Pāli: tayo akusala-vitakkā: kāma-vitakko, vyāpāda-vitakko, vihiṃsā-vitakko. Ba bất thiện tầm này cũng là ba bất thiện giới. Pāli: tissa akusala-dhātuyo. Xem *Trường A-hàm,* $N^0$1(7); D. 33. Saṅgīti.

[1363] . Pāli: kāma-dhātu, kāma-saññā, kāma-saṃkappo, kāma-chando, kāma-pariḷāho, kāma-pariyesanā; dục giới, dục tưởng, dục tư duy, dục dục, dục nhiệt não, dục tầm cầu.

[1364] . Hán: hữu ngại, hữu não 有礙有惱. Pāli: sa-vighātaṃ, sa-upayāsaṃ.

[1365] . Nguy hiểm tưởng 危險想. Tham chiếu Pāli: upannaṃ visamagataṃ saññaṃ na khippameva pajahati, không nhanh chóng loại bỏ ý tưởng bất chánh đang sanh khởi. Pāli: visamagata, bất chánh, Hán đọc là visaṃgata, (bị chi phối bởi) độc hại.

[1366] . Hán: bất giác不覺, có lẽ là na vinodeti, không bài trừ, nhưng bản Hán đọc là na vedeti: không cảm giác.

[1367] . Xuất yếu tưởng 出要想, ý tưởng thoát ly (xuất ly, xuất gia). Pāli: nekkhama-vitakka (tư duy tầm cầu sự thoát ly).

[1368] . Xem *Trung A hàm,* $N^0$1(7): ba thiện giới: xuất ly giới, vô nhuế giới, vô hại giới; D. 33. Saígìti: tisso kusala-dhàtuyo: nekkhama-dhàtu, avyàpàda-dhàtu, avihiưsà-dhàtu.

[1369] . Pàli: đa văn Thánh đệ tử (sutavà ariyasàvako).

[1370] . Bất nhuế, bất hại tưởng 不恚,不害想; Pàli: avyāpāda-vitakka, avihiṃsā-vitakka. Xem cht.28 trên.

[1371] . Nguyên Hán: bất giác. Xem cht.27 trên.

[1372] . Pāli, A. 6. 38. Attakārī.

[1373] . Phương tiện giới 方便界; ở đây, phương tiện đồng nghĩa gia hành (Pāli: payoga), chỉ sự chuẩn bị phát khởi hành động. Bản Pāli: ārabbha-dhātu, phát khởi giới (xuất phát hành động).

[1374] . Pāli: yaṃ kho, brāhmaṇa, ārabbhadhātuyā sati ārabbhavanto sattā paññāyanti, ayaṃ sattānaṃ attakāro ayaṃ parakāro, cái gì mà trong khi khởi sự làm chúng sanh biết đang khởi sự làm, cái đó là việc tự mình làm, cái đó là việc người khác làm, của chúng sanh.

[1375] . An trụ giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới. Pāli: nikkamadhātu (xuất hành giới), thāmadhātu (thế lực giới), ṭhitidhātu (an trụ giới), upakkamadhātu (công kích giới).

[1376] . S. 35. 129. Ghosita.

[1377] . Câu-diệm-di Cù-sư-la viên 拘睒彌國瞿師羅園, một tinh xá do Cù-sư-la (Pāli: Ghosita) dựng ở Câu-diệm-di (Kosambī).

[1378] . Cù-sư-la trưởng giả 瞿師羅長者. Pāli: Ghosita-gahapati.

[1379] . Chủng chủng giới 種種界. Pāli: dhātunānattaṃ, sự đa dạng của giới.

[1380] . Pāli: samvajjati... cakkhudhātu rūpā ca manāpā, có nhãn giới và sắc khả ái.

[1381] . Tham chiếu It. 51.

[1382] . Xem cht.38, kinh 460

[1383] . Pāli (Cf. It. 51): kāyena amataṃ dhātuṃ phusayitvā nirūpadhiṃ, bằng tự thân, chứng nghiệm bất tử giới (cam lộ giới), chứng vô dư y.

[1384] . Nguyên Hán: Tam-da-tam-phật 三耶三佛.

[1385] . Hán: vô ưu ly cấu cú 無憂離垢句. Pāli (Cf. It.51): deseti sammāsambuddho asokaṃ virajaṃ padan ti, Đấng Chánh Giác chỉ rõ dấu chân không ưu phiền, không cấu nhiễm

[1386] . Xem cht.38, kinh 460.

[1387] . Cf. It. 51: tisso dhātuyo: rūpadhātu, ārūpadhātu, nirodhadhātu.

[1388] . Thượng tọa Thượng Tọa danh giả 上座上座名者. Không rõ Pāli.

[1389] . Chỉ và quán. Pāli: samatha, vipassanā (xa-ma-tha, tỳ-bát-xa-na).

[1390] . S. 18. 21. Anusaya; tham chiếu S. 22. 91. Rāhulo.

[1391] . Ngã, ngã sở kiến, ngã mạn hệ trước sử. Pāli: ahaṃkāramamaṃkāramānusayā, các tùy miên ngã, ngã sở và mạn.

[1392] . Ấn Thuận, tụng 3. Tạp nhân, 6. Tương ưng Thọ, gồm các kinh, Đại Chánh 466-489. phần lớn, tương đương Pāli: S.36. Vedanāsaṃyutta. Đại Chánh kinh 466, Pàli, S.36.10 Phassa-mūlaka.

[1393] .

[1394] . Gươm đâm. Pāli, S. 36. 5. Daṭṭhabbena.

[1395] . S. 36. 3. Pahānena

[1396] . Tham sử, tức tham tùy miên. Pāli: rāgānusayo.

[1397] . Sân nhuế sử, hay sân tùy miên. Pāli: paṭighānusayo.

[1398] . Si sử, hay si tùy miên. Pāli: avjjānusayo, vô minh tùy miên.

[1399] . Mạn vô gián 慢無間. Pāli: mānābhisamaya, hiện quán mạn, hiểu rõ mạn, làm đình chỉ, tiêu vong kiêu mạn.
[1400] . Pāli: ayaṃ vuccati, bhikkhave, bhikkhu niranusayo sammaddaso accheti taṇhaṃ vivattayi saṃyojanaṃ sammā mānābhisamayā antamakāsi dukkhassā' ti. Đây gọi là Tỳ-kheo đã dứt sạch tùy miên, hoàn toàn cắt đứt khát ái, trừ khử kết buộc, một cách chân chánh thấy rõ kiêu mạn (tiêu diệt kiêu mạn), chấm dứt khổ.
[1401] . Pāli: saṃpajaññaṃ na riñcati, không bỏ chánh trí. Pāli: riñcati, rời, chối bỏ, phủ nhận; bản Hán đọc là iñjati: dao động.
[1402] . Hán: bất đọa ư chúng số 不墮於眾數. Pāli: kāyassa bhedā dhamaṭṭho saṃkhyaṃ nopeti vedagū ti, không thể mô tả bậc Pháp trí, vị Hiền trí, khi thân hoại (định danh).
[1403] . Sâu thẳm, hiểm trở, chỉ vực thẳm. S. 36. 4. Pātāla.
[1404] . Hán: đại hải thâm hiểm 大海深嶮. Pāli: atthi mahāsamudde pātālo'ti, trong biển cả có vực thẳm.
[1405] . Pāli: (...) asataṃ avijjamānaṃ evaṃ vācaṃ bhssāti (trong biển có vực thẳm), nói về cái không hiện hữu, không tồn tại.
[1406] . Mũi tên. Pāli, S. 36. 6. Sallattena.
[1407] . Vi tham sử sở sử. Pāli: yo sukhāya vedanāya rāgānusayo so anuseti, tiềm phục tham tùy miên đối với cảm thọ lạc.
[1408] . Pāli: yo dukkhāya vedanāya paṭighānusayo so anuseti, đối với cảm thọ khổ, sân tùy miên tiềm phục.
[1409] . Pāli: so sukhañce vedanaṃ vedayati, saññutto naṃ vdayati; nếu nó cảm giác lạc. nó cảm giác bị cái đó trói buộc
[1410] . Trong nguyên bản: đại văn 大聞; sửa lại là đại gián 大間: cách biệt rất lớn.
[1411] . Xem cht.62, kinh 468.
[1412] . Hán: *bất đọa số*, xem cht.63 kinh 468.
[1413] . S. 36. 12. Ākāsa
[1414] . Tỳ-thấp-ba phong 毘濕波風; Pāli không có. Có lẽ Phạn: viśva-vāta, gió mạnh.
[1415] . Tỳ-lam-bà phong 鞞嵐婆風; Pāli: verambha-vāta, não. Bản Pāli không kể.
[1416] . Lạc thực thọ 樂食受. Pāli: sāmisāpi sukhā vedanā, cảm thọ lạc của da thịt, của vị ái nhiễm (sa-āmisa: có thịt, nhục thể, xác thịt, vật chất).

[1417] . Xem cht.62 kinh 468
[1418] . Xem cht.63 kinh 468.
[1419] . S. 36. 14. Āgāraṃ.
[1420] . Xem cht.77, kinh 471.
[1421] . S. 36. 11. Rahogataka (Ẩn dật).
[1422] . Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處. Pāli: rahogata, sống ẩn dật.
[1423] . S. 36. 15-16. Santakam..
[1424] . Tiệm thứ tịch diệt 漸次寂滅. Pāli: anupubbasaṃkhārāṇaṃ nirodho, sự biến mất của các hành theo tuần tự.
[1425] . Tiệm thứ chỉ tức 漸次止息. Pāli: anupubbasaṃkharaṇaṃ vūpasamoa, lần lượt đình chỉ, an tĩnh
[1426] . Nguyên Hán: chánh thọ 正受, Pāli: samāpatti, danh từ; phân từ samāpanna thườngđược dịch là đạt đến, hay nhập. Pāli: paṭhamaṃ jhānaṃ samāpanassa, khi chứng nhập sơthiền.
[1427] . Giác quán 覺觀, hay tầm tứ. Pāli: vitakka-vicāra.
[1428] . Thiền thứ ba được gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa" (thân cảm giác lạc vi diệu do đã loại bỏ hỷ).
[1429] . Không nhập xứ, tức Không vô biên xứ định (hư không vô biên).
[1430] . Thức nhập xứ, tức Thức vô biên xứ định.
[1431] . Trí đời trước. Pāli, S. 36. 24. Pubbaññāṇa.
[1432] . Tóm tắt sáu kinh.
[1433] . S. 36. 23. Bhikkhu.
[1434] . Những câu hỏi của A-nan.
[1435] . Pāli: S.36.25 Bhikkhu
[1436] . Nguyên bản: A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.
[1437] . S. 36. 26-28. Samaṇa-brāhamaṇa
[1438] . Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門義, 婆羅門義. Pāli: sāmaññatthaṃ brāhamaññatthaṃ, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.
[1439] . Xem cht.74, kinh. 391.
[1440] . Pāli, S. 54. 11. Icchānaṅgala.
[1441] . Nhất-xa-năng-già-la lâm 壹奢能伽羅林. Pāli: Icchānaṅgalavāna.
[1442] . Trong bản Pàli: trừ thị giả mang thức ăn đến, đừng ai đến chỗ Ta.
[1443] . Giác, đây chỉ tầm, hay tư duy tầm cầu. Pāli: vitakka.
[1444] . Tịch diệt, đây chỉ diệt tận. Pāli: nirodha.
[1445] . Tham chiếu, Pāli, A. 5, 176. Pīti.

[1446] . Nghĩa là, trang nghiêm và chỉnh sửa con đường sanh Thiên.

[1447] . Viễn ly hỷ lạc 遠離喜樂 (Pāli:pavivekaja-pīti-sukha); đây chỉ hỷ lạc trạng thái sơ thiền. Pāli: kinti may kālena kālaṃ paviveka pītiṃ upasampajja, làm sao tùy thời tôi chứng và an trú với trạng thái hỷ do viễn ly này?

[1448] . Viễn ly ngũ pháp 遠離五法. Pāli: pañcassa ṭhānāni tasmiṃ na honti, trong thời gian (học hạnh viễn ly) ấy, có năm trường hợp không xảy ra.

[1449] . Nguyên Hán: ỷ tức 猗息.

[1450] . Lạc phi vật chất. Pāli, S. 36. 29. Nirāmisaṃ.

[1451] . Thực niệm vô thực niệm 食念無食念. Pāli: atthi sāmisā pīti atthi nirāmisā pitī, có hỷ do vật dục (sāmisa: có thịt), có hỷ phi vật dục (nirāmisa: không có thịt).

[1452] . Bản Pāli: pīti, hỷ.

[1453] . Sắc câu hành. Pāli: rūpappaṭisaṃyutto vimokkho, giải thoát liên hệ với sắc.

[1454] . Pāli, A. 5. 170. Bhaddaji.

[1455] . Bạt-đà-la 陀羅. Pāli: Bhaddaji.

[1456] . Kiến đệ nhất 見第一. Pāli: dassānaṃ aggaṃ, tối thượng trong những cái được thấy.

[1457] . Hữu đệ nhất 有第一, chỉ cõi trời Hữu đảnh. Pāli: bhavānaṃ aggaṃ, tối thượng trong các hữu.

[1458] . S. 36. 19. Pañcakaṅgo.

[1459] . Bình-sa vương 瓶沙王 (Pāli: Bimbisāra); vua nước Ma-kiệt-đà. Bản Pāli: Pañcakaṅgako thapati (Ngũ chi vật chủ), một người thợ mộc

[1460] . Đại Chánh quyển 18, "Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ phẩm". Quốc Dịch "Tụng iv". Ấn Thuận, Tụng vi. Đệ tử sở thuyết và ghi chú: "Nguyên phụ vào 'Tạp nhân tụng'. Nhưng nguyên bản dịch đã biệt lập, đề 'Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ'. Từ quyển 18-22; phân thành sáu Tương ưng, Ấn Thuận: 28. Tương ưng Xá-lợi-phất (Đại Chánh kinh 490-500), 29. Tương ưng Mục-kiền-liên (Đại Chánh kinh 501-534), 30. Tương ưng A-na-luật (Đại Chánh kinh 535-545), 31. Tương ưng Đại Ca-chiên-diên (Đại Chánh kinh 546-555), 32. Tương ưng A-nan (Đại Chánh kinh 556-565), 33. Tương ưng Chất-đa-la (Đại Chánh kinh 566-575). Tương đương Pāli, cāc Samyutta: S.38.Jambukhādaka, S.39. Sāmanadaka, S.40. Moggalāna, 41. Citta. Chú

thích của Ấn Thuận Hội Biên (hạ): "Xá-lợi-phất tương ưng, gồm tám mươi mốt kinh". Bảy mươi hai kinh đầu tương đương Pāli các Samyutta: S.38, S.39. Đại Chánh, kinh số 490. Tương đương Pāli, S.38. 1-16. Nibbāna và tiếp theo

[1461] . Na-la tụ lạc 那羅聚落. Pāli: Nālakagāmaka

[1462] . Diêm-phù-xa 閻浮車. Pāli: Jambukhādaka-paribbājaka

[1463] . Chú giải Pāli nói ông là cháu của Xá-lợi-phất (the rassa bhāgineyyo)

[1464] . Đoạn đối thoại, tương đương Pāli, S.38.16 Dukkara

[1465] . Ái lạc 愛樂. Pāli: abhirati, đây chỉ sự vui thú đời sống xuất gia

[1466] . Bản Pāli: "thực hành pháp và tùy pháp là khó".

[1467] . Hữu đạo hữu hướng 有道有向. Pāli: atthi maggo atthi paṭipadā, có đạo và đạo tích.

[1468] . Thực tế bản Hán chỉ có ba mươi sáu

[1469] . Đoạn vấn đáp 2, Pāli, S.38.3 Dhammavādī.

[1470] . Thế gian chánh hướng 世間正向. Pāli: loke suppaṭipanna, vị hành trì chân chánh, hay khéo hành trì trong đời.

[1471] . Thế gian thiện thệ 世間善逝. Pāli: loke sugata, vị đã khéo léo đi đến (Niết-bàn).

[1472] . Bản Pāli: "Có con đường nào dẫn đến sự dứt trừ tham dục, sân nhuế, ngu si?"

[1473] . Đoạn vấn đáp 3, Pāli S.38.1 Nibbāna.

[1474] . Đoạn vấn đáp 4, Pāli S.38.4 Kimatthi.

[1475] . Bản Pāli: dukkhassa pariññatthaṃ, "vì mục đích biến tri khổ".

[1476] . Đoạn vấn đáp 5, Pāli, S.38.8 Āsavā.

[1477] . Bản Pāli, ba lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tayo āsvā: kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo

[1478] . Đoạn vấn đáp 6, Pāli, S.38.2 Arahattaṃ.

[1479] . Đoạn vấn đáp 7, không có Pāli tương đương.

[1480] . Đoạn vấn đáp 8, Pāli, S.38.9. Avijjā.

[1481] . Tiền tế, hậu tế, trung tế 前際後際中際: giới hạn quá khứ khởi thủy, giới hạn tận cùng vị lai, giới hạn trung gian.

[1482] . Bản Pāli: dukkhe aññāṇaṃ dukkhasamudaye aññāṇaṃ dukkhanirodhe aññāṇaṃ dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya aññāṇaṃ, ayaṃ vuccati avijjā,

"không biết khổ, không biết tập khởi của khổ, không biết sự diệt khổ, không biết con đường dẫn đến diệt khổ; đó được nói là vô minh".

[1483] . Đoạn vấn đáp 9, không có Pāli tương đương

[1484] . Xem đoạn 5 ở trên.

[1485] . Đoạn vấn đáp 10, Pāli, S.38.13 Bhava.

[1486] . Đoạn vấn đáp 11, S.38.15 Sakkāya.

[1487] . Hán: hữu thân 有身, hay tự thân 自身. Pāli, sakkāya; f. S.ii., tr. 159: *katamo bhikkhave sakkāyo? pañcūpādāna-kkhandhā tassa vacanīyaṃ*, "Thế nào là hữu thân? Năm thủ uẩn, được nói là hữu thân".

[1488] . Đoạn vấn đáp 12, Pāli, S.38.14 Dukkha.

[1489] . Đoạn vấn đáp 13, S.38.11 Ogha.

[1490] . Lưu 流; đây chỉ bộc lưu 瀑 流 dòng nước lũ. Pāli: ogha.

[1491] . Đoạn vấn đáp 14, như trên.

[1492] . Ách 扼; chính xác: 軛 chỉ gọng cày. Pāli: cattāro yogā.

[1493] . Đoạn vấn đáp 15, S.38.12 Upādāna.

[1494] . Thủ 取. Pāli: *cattāri upādānāni kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ. sīlabbatūpādānaṃ, atta-vādūpādānaṃ*.

[1495] . Đoạn vấn đáp 16, không có trong bản Pāli.

[1496] . Phược 縛; tức *Tập dị* 8, tr. 399, thân hệ 身繫, có bốn: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thân hệ, thử thật chấp thân hệ. Pāli, D.iii, tr. 230: *cattāro ganthā, abhijjhā kāyagantho, vyāpādo kāyagantho, sīlabbataparrāmāso kāyagantho, idaṃsaccābhiniviseso kāyagantho*.

[1497] . Đoạn vấn đáp 17, bản Pāli không có.

[1498] . Xem Tập Dị 19, tr.446 a25

[1499] . Tập dị 19, tr.446 b9: thủ kết 取結; "Hai thủ được gọi là thủ kết; kiến thủ và giới cấm thủ". Pāli, *parāmāsa*, gồm *diṭṭhiparāmāsa, sīlabbatapaāmāsa*.

[1500] . Đoạn vấn đáp 18, không có trong bản Pāli.

[1501] . Sử 使; hoặc dịch là tùy miên 隨眠. Pāli, D.iii. 254, *satta anusayā: kāmarāgānusayo, paṭighānusayo, diṭṭhānusayo, vicikcchānusayo, mānāusayo, bhavarāgānusayo, avijjānusayo*

[1502] . Đoạn vấn đáp 19, không có trong bản Pāli.

[1503] . Ái dục sử 愛欲使; hay ái dục tùy miên; Pāli: kāmarāgānusaya

[1504] . Hán: sĩ phu dục 士夫欲.

[1505] . Đoạn vấn đáp 20.

[1506] . Cái 蓋, hay triền cái. Pāli, *pañca nīvaraṇāni: kāmacchanda-, vyāpāda-, thīnamiddha-, uddhaccakukkucca*.

[1507] . Đoạn vấn đáp 21, Pāli, S.38.5 Assāso.

[1508] . Hán: an tức 安息. Pāli: assāsa, nguyên chỉ hơi thở vào, hơi thở điều hòa: trạng thái ngưng nghỉ, an ổn.

[1509] . Đoạn vấn đáp 22, như kinh trên Pāli, S.38.5 Assāsa.

[1510] . Đoạn vấn đáp 23, Pāli, S.38.6 Paramassāna.

[1511] . Hán: thượng an tức 上安息. Pāli: paramassāsa.

[1512] . Pāli: *assāso ... channam phassāyatanānaṃ samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaraṇañca yathābhūtam pajānāti*, "đạt đến sự nghỉ ngơi là biết như thực về sự tập khởi, sự tiêu diệt, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ".

[1513] . Pāli: ... *viditvā anupādā vimutto hoti*, "sau khi biết, giải thoát với sự không chấp thủ".

[1514] . Đoạn vấn đáp 24, không có trong bản Pāli.

[1515] . Hán: thượng tô tức xứ 上蘇息處.

[1516] . Đoạn vấn đáp 25, không có trong Pāli.

[1517] . Thanh lương 清涼; hay trạng thái mát lạnh. Pāli: sītibhūta.

[1518] . Đoạn vấn đáp 26, không có trong Pāli.

[1519] . Đoạn vấn đáp 27.

[1520] . Đoạn vấn đáp 28.

[1521] . Đoạn vấn đáp 29, Pāli, S.38.10 Taṇhā.

[1522] . Đoạn vấn đáp 30

[1523] . Hán: nghiệp đạo 業道. Pāli: kammapatha; bản Hán hiểu là kammapada.

[1524] . Đoạn vấn đáp 31.

[1525] . "Những câu hỏi của Sa-môn xuất gia". Nội dung gần giống các kinh trên.

[1526] . "Ao bùn". Pāli, A.4.178 Jambāli.

[1527] . Pāli: *cattārome bhikkhave puggalā santo saṃvijjamānā lokasmiṃ*, thế gian có bốn hạng người.

[1528] . Pāli: *santaṃ cetovimutti*, tâm giải thoát tịch tĩnh.

[1529] . Hán: hữu thân diệt 有身滅. Pāli: *sakkāyanirodha*.

[1530] . Hán: tâm bất lạc trước 心不樂着. Pāli: na pakkhandati: không tiến tới, hay không phấn chấn.

[1531] . Bản Pāli, A.ii, tr.165: *sakkāyanirodhe cittaṃ na pakkhandati nappasīdati na santiṭṭhati nādhimuccati*, "(Vị ấy khi tác ý hữu thân diệt) đối với hữu thân diệt mà tâm không thăng tiến, không trừng tịnh, không an trú, không quyết tín".

[1532] . Xem cht.69 trên.

[1533] . Xem cht.71 trên.

[1534] . Bản Pāli: "Vị ấy khi tác ý sự diệt trừ vô minh".

[1535] . Bản Pāli: ao đã bị bít, không thoát nước, lại lâu ngày không mưa, lớp bùn khô cứng không thể vét cạn".

[1536] . "Cỡi thuyền đi ngược dòng".

[1537] . Hán: A-luyện-nhã tỳ-kheo 阿練若比丘. Pāli: araññaka-bhikkhu, tỳ-kheo sống trong rừng.

[1538] . Trái với đời sống ẩn dật.

[1539] . Pāli, A.6.41 Dārukkhandha.

[1540] . Pāli, A.5.168 Sīla; 10.4 Upanisā; 11.4-5 Upanissā. Tham chiếu Hán, Nº26 Trung, 48 Giới kinh.

[1541] . Hán: sở y thoái giảm tâm bất lạc trú 所依退減心不樂住.

Pāli: *hatūpaniso hoti sammāsamādhi*, tư trợ (sở y) của chánh định bị tổn hại.

[1542] . Pāli: *sammāsamādhivipannssa hatūpanisaṃ hoti yathābhūtaññāṇadassanaṃ*, do thoái thất chánh định, tư trợ (sở y) của tri kiến như thật bị tổn hại.

[1543] . Hán: công đức (thoái giảm) 功德 (退減). Đoạn trên dịch là sở y. Pāli: hatūpanisā. Xem cht.82 trên.

[1544] . Hán: bất tín lạc 不信樂: không còn tin tưởng.

[1545] . Hán: thâu thuế 輸稅. Bản Tống: thâu di 輸移.

[1546] . Pāli, A.5.167 Codanā.

[1547] . Hán: biến hối 變悔. Pāli: avippaṭisāro.

[1548] . Hán: Giải tài kinh 解材經; Không rõ xuất xứ.

[1549] . Pāli, S.47.12 Nālandā. Tham chiếu, D.28 Sampasādanīya-suttanta.

[1550] . Na-la-kiền-đà mại y giả Am-la viên 那羅揵陀賣衣者菴羅園. Pāli: *Nālandāyaṃ viharati pāvārikambavane*, vườn xoài của nhà phú hộ Pāvārika là nghề (bán y) chứ không phải tên người.

[1551] . Nguyên Hán: Bồ-đề 菩提. Pāli: Sambodhi.

[1552] . Hán: bất tri… tâm chi phân tề 不知… 心之分齊. Pāli: cetopariyañāṇa n'atthi, "không có nhận thức về tâm tư…" Bản Hán đọc ceto-paryanta (giới hạn của tâm tư) thay vì ceto-pariya (động thái của tâm tư).

[1553] . Hán: pháp chi phân tề 法之分齊. Pāli: dhammanvaya: tổng tướng (tính loại tợ) của pháp.

[1554] . Pāli, A.9.26 Silāyūpa.

[1555] . Nguyệt Tử Tỳ-kheo 月子比丘. Pāli: Candikaputta.

[1556] . Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.

[1557] . Hán: tâm pháp tu tâm 心法修心. Pāli: cetassā cittaṃ suparicitam, tâm hoàn toàn được được tích tập bởi tâm ý

[1558] . Hán: nhân-đà đồng trụ 因陀銅柱. Pāli: indakhīla, cọc trụ trước cổng chợ để làm mốc. Bản Pāli không dẫn thí dụ này.

[1559] . Pāli, S.28.10 Sucimukhī.

[1560] . Tịnh Khẩu ngoại đạo xuất gia ni 淨口外道出家尼; theo cách dịch này, đây không phải là tên riêng. Pāli: Sūcimukhī.

[1561] . Hán: hạ khẩu thực 下口食; chỉ sự kiếm ăn bằng tự canh tác. Pāli: adhomukha. Trong Pāli, mukha, nghĩa là miệng; cũng có nghĩa là mặt.

[1562] . Hán: ngưỡng khẩu thực 仰口食; kiếm ăn bằng sự xem thiên văn. Pāli: ubbhamukha.

[1563] . Hán: phương khẩu thực 方口食: tu sĩ kiếm ăn bằng cách làm mai mối, thông sứ, liên lạc viên cho cư sĩ. Pāli: disāmukha.

[1564] . Hán: tứ duy khẩu thực 四維口食: kiếm ăn bằng sự bói toán. Pāli: vidisāmukha.

[1565] . Hán: minh ư sự 明於事. Pāli: vatthuvijjā, được hiểu là môn học về đất đai, nhà cửa; trạch địa minh, gia tướng học; một thứ phong thủy học. Chính xác, có lẽ là môn học về chú thuật trấn yểm thổ trạch.

[1566] . Hán: minh ư hoành pháp 明於橫法. Pāli: tiracchānavijjā, kiến thức về súc vật, bàng sanh minh, hay động vật học. Chính xác, loại chú thuật về súc vật.

[1567] . Pāli: *aṅgavijjātiracchānavijjāya micchājivena jīikaṃ kappenti*, "kiếm sống một cách tà mạng bằng chiêm tinh học, súc sanh học".

[1568] . Hán: tịnh mạng tự hoạt 淨命自活. Pāli: *dhammikaṃ āhāraṃ āhārenti*, "Họ ăn thức ăn đúng pháp".

[1569] . Ấn Thuận, Tụng 6. Đệ tử sở thuyết, "29. Tương ưng Mục-kiền-liên", gồm các kinh Đại Chánh 501-534, phần lớn tương đương Pāli, S.40. Moggalāna-Samyutta. Đại Chánh kinh 501, Pāli, S.21.1 Kolito. Xem thêm, S.40.1-6 Savitakka.

[1570] . Hán: tức hữu giác hữu quán 息有覺有觀. Pāli, savitakka (hữu tầm) và savicāra (hữu tứ), hai chi của Sơ thiền đã lắng xuống (vitakkavicārānaṃ vūpasamā) khi chứng Thiền thứ hai.

[1571] . Bản Cao-ly: tam 三. Theo nội dung, đây sửa lại là nhị 二.

[1572] . Hán: đắc Phật pháp phần 得佛法分.

[1573] . Pāli, S.40.9 Animitto.

[1574] . Thánh trụ 聖住: an trú của bậc Thánh, hay đời sống của Thánh giả. Có ba trụ, Pāli: tayo vihārā dibbo vihāro, brahmavihāro ariyo vihāro, thiên trụ, phạm trụ và thánh trụ.

[1575] . Hán: vô tướng tâm chánh thọ 無相心正受. Pāli: animittaṃ cetosamādhiṃ, vô tướng tâm định.

[1576] . Hán: thủ tướng tâm 取相心. Pāli: *nimittānusāriviññāṇaṃ*, thức hồi tưởng tướng.

[1577] . Xem cht.113, kinh 501.

[1578] . Pāli, S.21.3 Ghaṭo (vò nước).

[1579] . Bản Pāli: vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc.

[1580]. Hán: tịch diệt chánh thọ 寂滅正受. Pāli: santena... vihārena vihāsi, Tôn giả an trụ với sự an trụ tịch tĩnh. Vihāra: an trú tịch tĩnh.
[1581]. Bản Pāli: Xá-lợi-phất nhìn sắc mặt mà phát biểu.
[1582]. Pāli: oḷārikena... vihārena vihāmi, tôi an trú với sự an trụ thô.
[1583]. Pāli, M.37 *Cūḷataṇhāsaṅkhaya-sutta*. Chi tiết không hoàn toàn đồng nhất. Tham chiếu №125(19.3).
[1584] Bản Pāli: tại Xá-vệ Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.
[1585]._Thượng diệu đường quán 上妙唐觀. Trong bản Pāli, Sakka mời ngài Mục-kiền-liên lên cung điện Chiếnthắng (Vejayanta) №125(19.3) nói là Tối thắng giảng đường 最勝講堂

[1586]. Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pāli: *Sakko devnaṃ Indo*, Thiên chúa của chư thiên Tāvatiṃa.
[1587]. Bản Pāli không có bài kệ này. №125 (19.3) cũng không.
[1588]. Kiều-thi-ca 憍尸迦. Pāli: *Kosiya*, tên tục của Thiên đế Thích 天帝釋.

[1589]. Tì-xà-diên đường quán 毘闍延堂觀, cũng gọi là cung điện Chiến thắng hay Tối thắng điện, Tối thắng giảng đường. Pāli: Vejayanta-vimāna, hay Vejayanta-sabha.
[1590]. Pāli, M.37 *Cūḷataṇhāsaṅkhaya-sutta*. Tham chiếu, kinh trên; Hán, №125 (19.3).

[1591]. Giới cách sơn 界隔山.
[1592]. Ái tận giải thoát 愛盡解脫. Pāli: *taṇhākkhayavimutti*, giải thoát do tham ái đã được dứt sạch.
[1593]. Bản Pāli: không biết ông ấy có tin lời Phật hay không?
[1594]. Phân-đà-lợi trì 分陀利池, tức ao sen.
[1595]. Chỉ cung điện Tối thắng (Pāli: *Vejayanta*).
[1596]. Hán: trước giới thần trú 著界神住, chỉ đắm trước nơi bốn đại chủng (hay xúc giác).
[1597]. Pāli, S.40.10 Sakko. Tham chiếu, №125(36.5).
[1598]. Thông sắc hư nhuyễn thạch 驄色虛軟石, một tảng đá rất lớn ở trên chóp đỉnh Tu-di.

[1599] . Ba-lê-da-đa-la 波梨耶多羅, dịch là Trú đạc thọ, hay Viên sanh thọ, loại cây san hô che mát cõi trời Tam thập tam. Pāli: *pāricchattaka*.

[1600] . Câu-tỳ-đà-la hương thọ 拘毘陀羅香樹, một loại cây hắc đàn. Pāli: *kovidāra*.

[1601] . Bất hoại tịnh 不壞淨, hay bất hoại tín, chứng tịnh, trừng tịnh; bốn chi phần của vị đã chứng quả Dự lưu. Pāli: *aveccappasāda*.

[1602] . Tăng-ca-xá thành 僧迦舍城, №125 (36.5): Tăng-ca-thi quốc. Pāli: *Saṃkassa*, một vương quốc bên bờ sông Hằng, Trung Ấn.

[1603] . Thiên há xứ 天下處. Pāli nói là lễ hội Mahāpavāraṇa (Đại tự tứ).

[1604] . Pāli, S.55.18 Devacārika.

[1605] . Bản Pāli: *Tāvatiṃsakāyikā devatayo*, chư Thiên thuộc Thiên chúng trời Tam thập tam.

[1606] . Bản Hán sót bất hoại tín thứ tư. Y theo đoạn dưới thêm vào.

[1607] . Pāli, S.19.1 *Aṭṭhīpesi*.

[1608] . Lặc-xoa-na 勒叉那. Pāli: *Lakkhaṇa*.

[1609] . Pāli, S.19.2 Pesi (Gāvaghāṭaka).

[1610] . Pāli, 19.4 Nicchavi (orabhika).

[1611] . Xem cht.26 kinh 508.

[1612] . Tham chiếu các kinh trên.

[1613] . Tham chiếu các kinh trên.

[1614] . Người huấn luyện voi. Pāli, S.19.8 Sūciloma (sarathi).

[1615] . Tóm tắt bốn kinh.

[1616] . Pāli, S.19.9 Sūcako (người hay đâm thọc, gián điệp).

[1617] . Thợ săn. Pāli, S.19.6 Satti (māgaviko).

[1618] . Giết heo. Pāli, S.19.5 Asi (sūkariko).

[1619] . Chặt đầu người. Pāli, S.19.16 *Sīsachinno-coraghāṭako* (đao phủ và cai ngục).

[1620] . Người đúc đồng. S.19.10 Kumbhaṇḍa.

[1621] . Hán: âm noãn như ung 陰卵如瓮, *kumbhaṇḍa.*

[1622] . Bản Pāli: *gāmakūṭako* (tên lường gạt làng xóm, phán quan tham nhũng).

[1623] . Các kinh tương đương Pāli, S.19.3 *Piṇḍa (sākuniko).*
[1624] . Nữ nhân làm thầy bói. Pāli, S.19.14. *Maṅgulitthi*.
[1625] . Bản Pāli: thấy một người nữ.

[1626] . Hán: bốc chiêm nữ nhân 卜占女人. Pāli: *maṅgulitthi ikkhamitthi.* người đàn bà xấu xí làm nghề bói toán.
[1627] . Pāli, S.19.11 *Paradāriko* (lấy vợ người).

[1628] . Hán: ủ thân tàng hành 傴身藏行.

[1629] . Buôn bán sắc. Pāli, S.19.13 *Nicchvitthī*.
[1630] . Vì giận, chế dầu lên người. Pāli, S.19.15, *Okilini-sapattaṅgārakokiri*.

[1631] . Pāli: *itthiṃ uppakkaṃ okiliniṃ*, một người đàn bà bị cháy xém, bị nướng rám, bị xua đuổi.

[1632] . Tự tại vương 自在王. Pāli: *Kaliṅgarājañño*, vua Kaliṅga.

[1633] . Người Bà-la-môn ganh tị. Pāli, S.19.12 *Gūthakhādi-duṭṭhabraāmaṇo,* người Bà-la-môn tà ác ăn phân.

[1634] . Không chia dầu.
[1635] . Ăn trộm bảy trái cây.
[1636] . Ăn trộm đường thẻ.
[1637] . Trộm hai cái bánh.
[1638] . Pāli, S.19.17-21 Bhikkhu.
[1639] . Cỡi xe bò.
[1640] . Ma-ha-đế, chủ chùa hay trụ trì. Pāli không có.
[1641] . Thích gây tranh cãi.
[1642] . Ấn Thuận, "30. Tương ưng A-na-luật", gồm các kinh, Đại Chánh 535-545. phần lớn tương đương Pāli S.52. *Anuruddhasamyutta*. Đại Chánh kinh 535, Pāli, S.52.1 *Rahogata*

[1643] . Bản Pāli, trong tinh xá Cấp cô độc.

[1644] . Khủng bố trù lâm 恐怖稠林. Pāli: Bhesakalā-vana.

[1645] . Thất-thâu-ma-la sơn 失收摩羅山. Pāli: Suṃsumāragiri, núi Cá sấu.

[1646] . Nhất thừa đạo 一乘道, con đường độc đạo, chỉ bốn niệm xứ. (Pāli: *ekāyana-maggo* = *cattāro satipaṭṭhānā*).

[1647]. Xem kinh 535 trên.
[1648]. Đại Chánh quyển 20. Kinh 537. Pāli, S.52.3 Sutanu.

[1649]. Thủ thành dục trì 手成浴池, tên một con sông chảy qua Xá-vệ. Pāli: Sutanu.

[1650]. Bản Pāli: sambahulā bhikkhū, số đông Tỳ-kheo

[1651]. Hán: đại đức đại lực 大德神力. Pāli: *mahābhiññāta*, đại thần thông.

[1652]. Pāli: *katamesaṃ dhammānaṃ bhāvitattā bahalikatattā mahābhiññataṃ patto ti*, do tu tập những pháp gì, tu tập nhiều, mà chứng đắc đại thắng trí (thần thông) này?

[1653]. Chỉ cần chút cố gắng.
[1654]. Pāli, S.52.6 Kaṇṭakī.

[1655]. Bản Pāli: ở tại Sākete Kaṇṭakivane (khu rừng gai tại Sāketa).

[1656]. Pāli, S.52.23. Dibbacakkhu
[1657]. S.52.10 Bāḷagilāna (bệnh nặng).
[1658]. Bản Pāli: Andhavana (Ám lâm, khu rừng tối).
[1659]. Kinh số 103 quyển 5.
[1660]. Như kinh trên.
[1661]. Hán: lạc trú 樂住. Pāli: sukkhavihāra.
[1662]. S.52.4 Kaṇṭaki (tên khu rừng, có nhiều gai).
[1663]. Bản Pāli: Sākete Kaṇṭakivane, trong rừng Kaṇṭaki, Sāketa.
[1664]. Học địa 學地. Pāli: sekhabhūmi.
[1665]. Xem kinh trên.
[1666]. Hán: hữu kết 有結. Pāli: bhava-saṃjoyana.
[1667]. Vì sao xuất gia?
[1668]. Pāli, S.52.8 Salaḷāgāra (tinh xá Tòng lâm).

[1669] . Hán: tùy tuấn tùy thâu 隨浚隨輸, nghĩa không rõ. Bản Pāli: *gaṅgā nadī pācīnaninnā pācīnapoṇā pācīnapabbhārā*, sông Hằng hướng về Đông, xuôi về Đông, đổ về Đông.

[1670] . Pāli: *cittaṃ dīgharattaṃ vivekaninnaṃ vivekapoṇaṃ vivekapabbhāraṃ*, "tâm thúlâu ngày hướng viễn ly, xu hướng viễn ly, khuynh hướng viễn ly".

[1671] . Ấn Thuận, "31. Tương ưng Đại Ca-chiên-diên", gồm các kinh Đại Chánh 546-555. – Đại Chánh kinh 546, Pāli: A.2.4.6 Ārāmadaṇḍa.

[1672] . Ô-nê trì 烏泥池. Pāli: Kaddamadaha (ao bùn).

[1673] . Bạt-lan-na tụ lạc 跋蘭那聚落. Pāli: Varaṇyā.

[1674] . Chấp tháo quán trượng phạm chí 執澡灌杖梵志, không rõ nghĩa (Phạm chí cầm gậy có treo bình nước rửa tay?). Chữ quán, bản Cao-ly 澡: tưới nước; bản Tống 盥 rửa tay; bản Nguyên-Thánh 罐: cái hủ. Pāli: Ārāmadaṇḍa brāhmaṇo.

[1675] . Tham dục hệ trước 貪欲繫著. Pāli: kāmarāgābhinivesa, đam mê dục lạc.

[1676] . Kiến dục hệ trước 見欲繫著. Pāli: diṭṭhirāgābhinivesa, đam mê kiến giải.

[1677] . Người lớn tuổi. Pāli, A.2.4.7 *Kaṇḍarāyana*..

[1678] . Bà-la-na 婆羅那. xem cht.25, 26, kinh 546.

Pāli: Madhurāyaṃ Gundāvane, trong rừng Gundà, vương quốc Madhura.

[1679] . Chấp trượng phạm chí 執杖梵志 Madhurāyaṃ Gundāvan. Pāli: Bà-la-môn Kaṇḍarāyana.

[1680] . Hán: túc sĩ 宿士. Pāli: *atha kho bālo na therotveva saṅkhyaṃ gacchati*, "(người bịchi phối bởi dục vọng) người như vậy được gọi là người ngu, chứ không phải là Trưởng lão". Pāli, bāla chỉ người ngu, cũng có nghĩa là con nít.

[1681] . Pāli, M.84 Madhura-sutta.

[1682] . Trù lâm 稠林. Pāli: *Madhurāyaṃ Gundāvane*.

[1683] .

Tây Phương vương tử 西方王子. Pāli, vua nước Madhurā tên là Avantiputta

.

[1684] . Bản Hán: Bà-la-môn tử 婆羅門子, không phân biệt *brahma* (Phạm thiên) với*brāhmaṇa* (Bà-la-môn).

[1685] . Bản Hán: thị Bà-la-môn sở hữu 是婆羅門所有. Pāli: *brahmadāyādā*.

[1686] . Pāli: ghosoyeva kho eso, mahāraja, lokasmiṇ, đó chỉ là tiếng chào xáo trong đời.

[1687] . Nên hiểu, "nếu người Bà-la-môn làm vua". So sánh các đoạn dưới.

[1688] . Nên hiểu, "nếu người Sát-đế-lợi (...) làm vua".

[1689] . A-la-ha 阿羅呵. Pāli: ārahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

[1690] . Pāli, A.10.26 Kālī.

[1691] . A-bàn-đề quốc Câu-la-la-tra tinh xá 阿槃提國拘羅羅咤精舍. Pāli: *Avantīsu Kuraraghare pavatte pabbate*, trong thị trấn Kuraraghara, vương quốc Avanti, trong núi Pavatta.

[1692] . Hán: nhập 入. Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

[1693] . Ca-lê-ca 迦梨迦. Pāli: Kuraragharikā Kālī, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Pāli: Ưu-bà-di Kālī đi đến chỗ Tôn giả.

[1694] . Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn 僧耆多童女所問. Pāli: *Kumāripañha*, "những câuhỏi của Đồng nữ", chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhītaro.

[1695] . Hán: thật nghĩa tồn ư tâm, tịch diệt nhi bất loạn 實義存於心寂滅而不亂. Pāli:*atthassa pattiṃ hadayassa santiṃ*, đạt đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

[1696] . Pāli: *jetva senaṃ piyasātarūpaṃ*, hàng phục quân đội sắc khả ái, khả hỷ.

[1697] . Hán: địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ 地一切入處正受, môn chánh thọ (tập trung tư tưởng) có đề mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tính phổ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của đề mục thiền định biến xứ. Pāli: paṭhavì-kasiṇa-samāpatti.

[1698] . Pāli: paṭhavīkasiṇasamāpattiparamā kho bhaginī eke samaṇabrāhmaṇā attho' ti abhinibbattesuṃ, "Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng".

[1699] . Đây chỉ vị ngọt của định. Pāli: assāda.

[1700] . Pāli, A.6.26 Kaccāna.

[1701]. Hán: sở tri sở kiến 所知所見. Pāli: *jānatā passataṛ*, danh từ tác nhân; bản Hán hiểu là phân từ quá khứ.
[1702]. Pāli: *ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikitiyāya*, để đạt chánh lý, chứng Niết-bàn.
[1703]. Nguyên bản: tịnh 淨; Theo đoạn dưới, sửa lại là niệm 念.
[1704]. Tham dục giác, sân nhuế giác, hại giác 貪欲覺瞋恚覺害覺 tức ba bất thiện tầm. Pāli: tayo akusala-vitakkā: kāma-vitakko, vyāpāda-, vihiṃsa-vitakko.
[1705]. Dịch sát Hán: Thế Tôn hiện tại pháp luật. Bản Hán hiểu sai. Văn chuẩn theo Huyền Trang: Phật chánh pháp (thiện thuyết) hiện kiến 佛正法(善說)現見: Chánh pháp của Phật (được khéo thuyết), chứng nghiệm ngay trong hiện tại. Pāli: (*svākkhato*) *bhagavato dhammo sandiṭṭhiko*. Xem cht. dưới.
[1706]. Văn chuẩn định cú về niệm pháp (Huyền Trang, Pháp Uẩn Túc Luận 3): "Phật Chánh pháp thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng". Pāli: *svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opnanāyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti*.
[1707]. Văn chuẩn định cú về niệm Tăng, xem Pháp uẩn, đã dẫn trên.
[1708]. Phi đạo thủ giới 非盜取戒. Pāli: *bhujssāni* (silāni): nô lệ được giải phóng, tự do; (giới) tự tại.
[1709]. Pāli: cāga, huệ thí, thí xả, từ thiện bố thí.
[1710]. Pāli: devatānussati, niệm tưởng chư Thiên.
[1711]. Pāli, S.22.3 Hāliddikāni.
[1712]. Ha-lê Tụ lạc trưởng giả 訶梨聚落長者. Ha-lê tụ lạc chủ; xem kinh tiếp theo. Pāli: *Hāliddikāni-gahapati*.
[1713]. Pāli: *aṭṭhakavaggiye māgandiyapañhe*, trong kinh Những câu hỏi của Māgandiya, phẩm thứ 8 (Suttanipāta).
[1714]. Hán: lưu 流. Pāli: *rūpadhātu gahapati viññāṇassa oko, rūpadhāturāgavinibaddhañca pana viññāṇam okasāriti vuccati*, "Sắc giới là nhà của thức. Thức bị trói buộc bởi sắc giới tham được gọi là người ở trọ nhà". Bản Hán đọc *ogho* (dòng chảy) thay vì *oko* (nhà).
[1715]. Bất lưu 不流. Pāli: *anokasārī*, người không ở trọ. Xem cht. trên.
[1716]. Lưu nguyên 流源. Pāli: *niketasārī*, tiêu tướng của trú xứ.

1717 . Pāli: *kathaṃ ca gāme santhavajāto hoti*, "Thế nào là sự hòa thuận trong thônxóm?"

1718 . Bản Pāli: "Thế nào là không gần gũi xóm làng?"

1719 . Bất không dục 不空欲. Pāli: *kāmehi aritto*, chưa dọn sạch các dục.

1720 . Giải thích câu tụng 6. Pāli: kathañca... apurakkharāno hoti, thế nào là không ước vọng?

1721 . S.22.4 Hāliddikāni.

1722 . Xem cht.65, kinh 551.

1723 . Nguyên Hán: 如世尊界隔山石窟中為天帝釋說. Xem kinh 505. Pāli: Kurara ghare papāte pabbate, trên sườn núi gần thị trấn Kurara ghara.

1724 . Ái tận giải thoát 愛盡解脫. Pāli: taṇhākkhayavimutti; Cf. M.37 Cūḷataṇhāsaṇkhaya-suttam.

1725 . Xem cht.61, kinh 550.

1726 . Bát thành 八城. Pāli: Aṭṭhaka-nāgara.

1727 . Đà-thí 陀施. Pāli: Dasama.

1728 . Ấn Thuận, "33. Tương ưng A-nan", gồm các kinh, Đại Chánh 556-565. Đại Chánh kinh 556, không thấy Pāli tương đương.

1729 . An-thiền lâm Pāli: Añjanavana, khu rừng gần thị trấn Sāketa.

1730 . Sa-kỳ 娑祇. Pāli: Sāketa, thị trấn phước Kosala.

1731 . Vô tướng tâm tam-muội 無相心三昧; xem kinh 566, quyển 21. Pāli: animittā (ceto)samādhi.

1732 . Hán: bất dũng bất một 不勇不沒. Pāli: (Yāyam samādhi) na cābhinato na cāpannato, (Định ấy) không căng lên, không chùn xuống.

1733 . Pāli: A. ix. 37. Ānanda.

1734 . Cù-sư-la viên Pāli: Ghositārāma, tinh xá do Ghosita ở Kosambī dựng.

1735 . Xà-tri-la Tỳ-kheo-ni 闍知羅比丘尼. Pāli: Jaḷilā.

1736 . Hán: bất dũng bất một 不勇不沒. Xem cht.85, kinh 556.

1737 . Pāli, A.9.37 Ānanda.

1738 . Đại Chánh quyển 21, kinh 559; Pāli, S.35.192 *Kāmanhū*.

1739 . Ba-la-lợi-phất-đố-lộ 波羅利弗妒路

1740 . Ca-ma 波羅. Pāli: *Kāmabhū*.

[1741] . Kê lâm tinh xá 雞林精舍, Pāli: *Kukkuṭārāma*? Bản Pāli: tính xá Ghositārāma.

[1742] . Bản Pāli, S.35.192: "Con mắt là hệ phược của sắc, hay sắc là hệ phược của con mắt?" Nội dung Hán và Pāli không đồng nhất.

[1743] . Vô tưởng tâm tam-muội 無想心三昧: tức vô tướng tâm tam-muội. Xem các kinh 556 và tiếp.

[1744] . Xem kinh 556 trên.

[1745] . Pāli, A.4.170 Yuganandha.

[1746] . Tự ký thuyết 自記說. Bản Pāli*: arahattapattiṃ vyākaroti*, tự xác nhận đắc quả A-la-hán.

[1747] . Bản Pāli: *sabbo so catuhi aṅgehi etesaṃ vā aññatarena*, "(tự ký thuyết) bằng bốn chi, hay một trong bốn chi".

[1748] . Hán: nhất tâm đẳng thọ hóa 一心等受化; không rõ nghĩa. Ấn Thuận cho là dư chữ *hóa* 化 .

[1749] . Bốn chi (Hán: tứ đạo 四道), bản Pāli: 1. *samathapubaṅgamaṃ vipassanaṃ bhāveti*, tu quán với chỉ đi trước. 2. *vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāveti*, tu chỉ với quán đi trước. 3. *samathavipassanaṃ yuganaddhaṃ bhāveti*, chỉ quán song hành. 4. *dhammuddhaccaviggahitaṃ mānasaṃ hoti*, tác ý để diệt trừ sự loạn động đối với pháp.

[1750] . Pāli, S.51.15 *Brāhmaṇa*.

[1751] . Pāli: *chandappahānattham*, mục đích đoạn trừ dục.

[1752] . Bản Pāli: y chỉ dục tam-ma-địa cần hành thần túc (*chandasamādhi-padhāna-saṃkhāra-samannāgataṃ iddhipādaṃ*). Tức tu bốn thần túc (iddhipāda).

[1753] . Pāli: "Lấy dục để đoạn dục, như thế thì không cùng tận (... *santakaṃ hoti no asantakaṃ*).

[1754] . Bốn Như ý túc, hay thần túc, xem cht.15, kinh 561.

[1755] . Dục, tinh tấn định, tâm định, tư duy định; thứ tự này không đồng với các bản khác: dục, tâm, tinh tấn, tư duy. Pāli: *chanda-samādhi-, citta-samādhi-, viriya-samādhi-, vīmaṃsā-samādhi*.

[1756] . Thế gian thiện hướng; xem cht.11, kinh 490(2).

[1757] . Thế gian thiện đáo; chỗ khác: thế gian thiện thệ. Xem cht.12, kinh 490(2).

[1758] . Pāli, A.3.74 *Nigaṇṭha*.

[1759] . Vô Úy Ly-xa 無畏離車. Pāli: Abhaya-licchavi.

[1760] . Thông Minh đồng tử 聰明童子. Pāli: Paṇḍita Kumarāka.

[1761] . A-kỳ-tỳ 阿耆毘. Có lẽ Pāli: Ājivika, tà mạng ngoại đạo. Xem kinh 573.

[1762] . Hán: xí nhiên pháp 熾然法.

[1763] . Pāli: *so purāṇānaṃ kammānaṃ tapasā vyantībhāvaṃ paññapeti,* "Ngài chủ trương phá trừ nghiệp quá khứ bằng sự nhiệt hành (khổ hành)".

[1764] . Pāli: *tisso nijjarā visuddhiyo,* ba sự diệt tận, thanh tịnh.

[1765] . Hán: đắc chân như pháp 得真如法. Pāli: *ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyāya*, để chứng đắc như lý; để thân chứng Niết-bàn.

[1766] . Pāli thường gặp về giới: *pātimokkhasaṃvarasaṃvutto viharati ācāragocarasampanno aṇumattesu vajjesu bhayadassāvī,* "sống phòng hộ với sự phòng hộ bằng Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi chánh hạnh; thấy sợ hãi trong những lỗi lầm nhỏ nhặt".

[1767] . Pāli: *sandiṭṭhikā nijjarā akālikā ehipassikā opaneyyikā paccattaṃ veditabbā viññūhī'ti,* "sự diệt tận ngay hiện thời, phi thời gian, được thấy do đến gần, có tính tùy thuận, được nhận biết bằng nội tâm bởi những bậc trí.

[1768] . Pāli: *so bhikkhu evaṃ sīlasampanno ... āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ ditth'eva dhamme sayaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati,* "Tỳ-kheo ấy thành tựu giới như vậy, đoạn tận hữu lậu, ngay trong đời hiện tại, bằng thắng trí, vô lậu tâm giải thoát tự mình thân chứng, thành tựu và an trú."

[1769] . Pāli, A.4.159 Bhikkhunī.

[1770] . Pāli, A.4.194 *Sāpūgī*.

[1771] . Kiều-trì 橋池. Pāli: *Koliyesu Sāpūgan nāma nigame*, giữa những người Koliya, trong một xón tên là Sāpūga.

[1772] . Thân-thứ lâm 身恕林, rừng cây *siṃsapa.*

[1773] . Bà-đầu tụ lạc quốc 婆頭聚落國. Pāli: Sāpūga.

[1774] . Hổ chủng, tên gọi một dòng họ. Bản Cao-ly chép *đế* 帝; bản Tống-Nguyên-Minh: *khổ* 苦. Y theo bản Pāli, sửa lại là "hổ" 虎. Pāli: Vyagghapajja.

[1775] . Pāli: bốn thanh tịnh cần chi; pāriuddhipadhānyaṅga.

[1776] . Dục tinh tấn... 欲精進. Pāli: *yo tattha chando ca vayāmo ca ussāho ca appaṭivāni ca sati ca sampajaññañca idaṃ vuccati... sīlapārisuddhipadhāniyaṅgaṃ,* ở đây, ý dục, tinh cần, dũng mãnh, nổ lực, không thoái thất, chánh niệm, chánh trí, đều được gọi là giới thanh tịnh tinh cần.

[1777] . Pāli: *cittapārisuddhipadhāniyaṅgaṃ*, tâm thanh tịnh cần chi. Pāli: Padhāna, bản Hán đọc là Pahāna.

[1778] . Nguyên Hán chép nhầm là giới thân 戒身.

[1779] . Pāli: *diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅgaṃ*, kiến thanh tịnh cần chi.

[1780] . Pāli: *vimuttipārisuddhipadhāniyaṅgaṃ,* giải thoát thanh tịnh cần chi.

[1781] . Ấn Thuận, "33. Tương ưng Chất-đa-la" gồm các kinh, Đại Chánh 566-575. phần lớn tương đương Pāli S.41. *Cittasaṃyutta*. Đại Chánh kinh 566, Pāli, S.41.5*Kāmabhū*.

[1782] . Am-la tụ lạc Am-la lâm 菴羅聚落菴羅林. Pāli: *Macchikāsaṇḍe Ambāṭakavane*.

[1783] . Chất-đa-la trưởng giả 質多羅長者. Pāli: *Citta-gahapati*.

[1784] . Xem cht.49 dưới.

[1785] . Xem cht.50 dưới.

[1786] . Hán: chi thanh 枝青 (cành cây xanh). Pāli: *nelaṅga*, chi phần không khuyết điểm. Bản Hán đọc: *nīla*: mau xanh, thay vì *nela*: không khuyết điểm, không tội lỗi.

[1787] . Hán: bạch phú 白覆. Pāli: *setapacchāda,* lọng trắng.

[1788] . Pāli: ratho…*imasseta cātumahābhūtikassa kāyassa adhivacanaṃ*, xe đồng nghĩa với thân bốn đại này.

[1789] . Ly kết 離結. Pāli: *anīgham*, không khổ, không động chuyển.

[1790] . Pāli: *passa*, hãy nhìn!

[1791] . Pāli: *āyantam*, người đang đến.

[1792] . Hán: đoạn lưu 斷流. Pāli: *chinnasotam.*

[1793] . Hán: bất phục phược 不復縛. Pāli: *abandhana*, không bị cột trói.

[1794] . Pāli, S.41.7 *Godatta*.

[1795] . Vô lượng tâm tam-muội 無量心三昧. Pāli: *appamānā cetovimutti*, tâm giải thoát không hạn lượng.

[1796] . Vô tướng tâm tam muội 無相心三昧. Pāli: *animittā cetovimutti*, tâm giải thoát vô tướng.

[1797] . Vô sở hữu tâm tam-muội 無所有心三昧. Pāli: *akiñcaññā cetovimutti*.

[1798] . Không tâm tam-muội 空心三昧. Pāli: *suññā cetovimutti*.

[1799] . Bản Pāli: Tỳ-kheo vào rừng,… hay nhà trống, tư duy, "Cái này trống không; không có ngã và ngã sở".

[1800] . Pāli: *rāgo bhante pamāṇakaraṇo*, tham là cái làm ra hạn lượng.

[1801] . Pāli: trong tất cả vô lượng tâm giải thoát, bất đọâng tâm giải thoát là bậc nhất:*akuppā tāsaṃ cetovimutti aggam akkhāyati.*

[1802] . Pāli, S.41.6 *Kāmabhū* (2).

[1803] . Nguyên bản viết *già* 伽. Trên kia, kinh 559, viết là *ca* 迦.

[1804] . Hành 行. Pāli: *saṅkhāra*; ở đây chỉ hành vi.

[1805] . Hán: giác hữu quán 覺有觀. Pāli: *(sa)vitakka-(sa)vicārā.*

[1806] . Hán: tưởng tư 想思. Pāli: *saññā ca vedanā*.

[1807] . Diệt tận chánh thọ 滅盡正受, tức diệt tận định, hay tưởng tri diệt tận định. Pāli:*saññvedayita-norodhasamāpatti.*

[1808] . Hán: thuận thú, lưu chú, tuấn thâu 順趣,流注,浚輸. Pāli:... *kiṃnaṃ cittaṃ hoti, kiṃpoṇaṃ kiṃpabbhāran 'ti,* tâm hướng đến cái già, nghiêng về cái gì, xuôi theo cái gì.

[1809] . Pāli, S.41.2 *Isidatta* (1).

[1810] . Chủng chủng giới 種種界. Pāli: *dhātunānattaṃ*.

[1811] . Lê-tê-đạt-đa 梨犀達多. Pāli: *Isidatta*.

[1812] . Pāli, S.41.3 *Isidatta* (2).

[1813] . Hà bản, hà tập, hà sanh, hà chuyển 何本, 何集, 何生, 何轉xem cht.104, kinh 57. ;

[1814] . Thân kiến 身見, đây chỉ hữu thân kiến. Pāli: *sakkāgadiṭṭhi*.

[1815] . Pāli: *rūpam attato samanupassati, rūpavantaṃ và attānaṃ attanivā rūpaṃ rūpasmiṃ vā attānam*, quán sát sắc là tự ngã, tự ngã có sắc, chính tự ngã là sắc, tự ngã ở trong sắc.

[1816] . S.41.4 *Mahaka.*

1817 . Hán: ngưu mục 牛牧. Pāli: *gokula*, ngưu xá, nhà cho bò ở, hay trại bò.

1818 . Ma-ha-ca 摩訶迦. Pāli: *Mahaka*.

1819 . Như kỳ chánh thọ 如其正受. Pāli: *tathārūpaṃ iddhābhisaṅkhāraṃ abhisaṅkhati*, thực hiện thắng hành thần thông như vậy.

1820 . Quá nhân pháp thần túc hiện hóa 過人法神足現化.

Pāli: *uttarimanussadhamma iddhipāṭihāriya.*

1821 . Hệ phược, hay kết. Pāli, S.41.1 *Saññojana*.

1822 . Dục tham 欲貪. Pāli: *chandarāga.*

1823 . S.41.9 *Acela.*

1824 . A-kỳ-tỳ-ca 阿耆毘迦, bản Cao ly không có

chữ *ca* 迦. Pāli: *ājivika*. Bản Pāli, S.41.9: Acela Kassapa, lõa thể ngoại đạo, bạn cũ của Citta trước khi tu lõa thể

1825 . Bản Pāli, 30 năm.

1826 . Quá nhân pháp 過人法. Pāli: *uttarimanussa-dhamma*, nhân thượng pháp, hay thượng nhân pháp, pháp của bậc thượng nhân.

1827 . Pāli, S.41.8 Nigaṇṭha.

1828 . Ni-kiền Nhã-đề Tử 尼犍若提子. Pāli: *Nigaṇṭha Nāṭaputta*.

1829 . Vô giác vô quán tam muôi 無覺無觀三昧, định không tầm và tứ, từ Nhị thiền trở lên. Pāli: *saddahasi tvam gahapati samanassa gotamassa atthi avitakko avicāro samādhi, atthi vitakkavicārānaṃ nirodho'ti*, gia chủ có tin lời Sa-môn Cù-đàm rằng có định không tầm không tứ và có sự diệt tận của tầm và tứ?

1830 . Bản Pāli: "Ông có tin lời Phật về định không tầm không tứ?

1831 . Pāli: *na khvāhaṃ ettha, bhante, bhegavato saddhāya gacchāmi, atthi avitakko avicāro, atthi vitakkavicārāṇaṃ nirodho'ti,* tôi không đến đây để tin Thế Tôn nói rằng có định không tầm không tứ và có sự diệt tận của tầm và tứ.

1832 . Bản Minh chép là Ni-kiền Nhã-đề Tử.

1833 . Pāli, S.41.10 *Gilānadasana* (thăm bệnh).

1834 . Nan-đà lâm 難陀林, vườn Hoan hỷ trên trời Tam thập tam. Pāli: *Nandana*.

1835 . Hán: đồng mông 童蒙. Pāli: *tvavvm bāle*.).

1836 . Xiềng xích. Pāli, S.10.2 *Sakka*. Tham chiếu, №100(162).

[1837]. S.1.18. *Hirī*.
[1838]. S.1.7 *Appaṭividitā*. Tham chiếu, №100(164).
[1839]. Pāli: *yesam dhammā appaṭividitā, paravādesu nīyare,* "Những ai không hiểu rõ pháp, lạc lối vào các dị thuyết".
[1840]. Pāli: *caranti visame saman'ti*, "Bước đi bằng phẳng trên lối đi gập ghềnh".
[1841]. S.1.8 *Susammuṭṭhā*. Tham chiếu, №100(165).
[1842]. Pāli: *yesaṃ dhammā susammmuṭṭhā, paravādesu nīyare*, "những ai mê mờ pháp, lạc lối vào dị thuyết".
[1843]. S.1.25 *Arahaṃ*. Tham chiếu, №100(166).
[1844]. Pāli: *ahaṃ vadāmī' ti' pi so vadeyyā' ti. mamaṃ vadantī' ti' pi so vadeyyā'ti,* "Vị ấy cũng có thể nói: 'Tôi nói.' Vị ấy cũng có thể nói: 'Họ nói (với tôi) là của tôi". Vị A-la-hán, tuy chứng vô ngã, nhưng vẫn nói 'tôi' và 'của tôi' theo ngôn ngữ thế gian.
[1845]. Xem kinh 581 trên.
[1846]. S.2.9 *Candima*.
[1847]. La-hầu-la A-tu-la vương 羅[目+侯]羅阿修羅王. Pāli: *Rāhu-asurinda*.
[1848]. Hiện tượng nguyệt thực.
[1849]. Tỳ-lô-giá-na 毘盧遮那. Pāli: *virocana*; bản Pāli không nêu.
[1850]. Bà-trĩ 婆稚. Pāli: *Vepacitti*.
[1851]. S.1.19 *Kuṭikā*.
[1852]. Hán: tộc bản 族本, chuyển sanh tộc 轉生族. Pāli: *kacci te kuṭikā natthi, kacci natthi kulāvaka kacci santānakā natthi, kacci muttosi bandhanā'ti,* "Ngài không có chòi tranh, Ngài không có tổ ấm, Ngài không có con cháu, Ngài thoát mọi ràng buộc." Bản Hán đọc *kula* (gia tộc) thay vì *kuṭikā*, chòi tranh.
[1853]. Pāli: *mātaraṃ kuṭikaṃ brūsi, bhariyaṃ brūsi kulāvakaṃ*. "Ta nói, mẹ là chòi tranh, vợ là tổ ấm".
[1854]. Sống một mình. Pāli, S.2.18 *Kakudha*.
[1855]. Thích thị Ưu-la-đề-na tháp 釋氏優羅提那塔. Bản Pāli, S.2.2.8: *Sākete vihārati añjavane migadāya*; Phật ở *Sāketa*, trong rừng *Añjana*, chỗ nuôi dê.
[1856]. S.1.21 *Sattiyā*. Hán, №100(170).
[1857]. Hậu thân 後身. Pāli: *sakkāyadiṭṭhi*, hữu thân kiến.
[1858]. S.1.46 *Accharā*. Hán, №100(171).
[1859]. Tỳ-xá-chỉ 毘舍脂. Pāli: *pisāca*, tỳ-xá-xà, quỷ uống máu

[1860] . Pháp tưởng 法想. Pāli: *dhammacakkehi saṃyuto*, kết hợp bởi pháp luân.

[1861] . Hán: trường mi 長縻. Pāli: *hirī tassa apālambo*, sự hổ thẹn là dây thắng xe

[1862] . Bốn bánh xe. S.1.29 *Catucakka*.

[1863] . Pāli: S.1.28. *Mahaddhana*. Tham chiếu, №100(183).

[1864] . Pāli: *Mahaddhanā mahābhogā, raṭṭhavantopi; khattiyā*, những Sát-lợi nhiều tiền, nhiều của, có cả đất nước. Bản Hán hiểu *raṭṭhavanta*, sở hữu vương quốc, là tên nước (hình dung từ).

[1865] . Tham chiếu, Hán №100(184).

[1866] . Đệ nhất vô gián đẳng quả, chỉ quả vị Tu-đà-hoàn.

[1867] . Tham chiếu, №100(185).

[1868] . Pāli: S.10.8. *Sudatta*. Tham chiếu, №100(186).

[1869] . Bản Hán nhầm. Lúc này Cấp Cô Độc chưa biết Phật. Bản Pāli: *rājagahe viharati sītavane*: trú tại Vương xá, trong Thi-đà lâm (bãi tha ma).

[1870] . Pāli: S.2.20. *Anāthapiṇḍika*. Tham chiếu, №100(187).

[1871] . Tiên nhân Tăng 仙人僧, chỉ Tăng đệ tử Phật. Pāli: *isisaṅgha*.

[1872] . Hán: chư vương 諸王. Pāli: *dhammarāja*, Pháp vương, chỉ Phật.

[1873] . Pāli: *kammaṃ vijjā ca dhammo ca sīlam jīvitamuttaṃ; etena maccā sujjhanti*: chúng sanh được thanh tịnh bởi nghiệp, minh, pháp, giới và chánh mạng tối thắng. Pāli: *jīvita*, bản Hán hiểu là (tuổi) thọ thay vì là chánh mạng.

[1874] . Pāli: A.3.125. *Hatthaka*. Tham chiếu, №100(188).

[1875] . Thủ Thiên tử 手天子. Pāli: *Hatthaka*.

[1876] . Thợ gốm. Pāli: S.2.24. *Ghaṭīkara*. Tham chiếu, №100(189).

[1877] . Phiền não ách 煩惱軛, đoạn sau, nói là chư Thiên ách 諸天軛. Pāli:*dibbayoga*, gông cùm cõi trời.

[1878] . Bệ-bạt-lăng-già. Pāli: *Vehaliṅga*.

[1879] . Pāli: S.2.17. *Subrahmā*. Tham chiếu, №100(181).

[1880] . Pāli: Thiên tử có tên là *Subrahmā*.

[1881] . Tham chiếu, №100(182).

[1882] . Pāli: S.1.16. *Niddātandī*.

[1883] . Nguyên Hán: *thập* 十. Ấn Thuận nghi là *thất* 七.

[1884] . Pāli: S.1.23. *Jaṭā*. Tham chiếu, №100(173).

[1885] . Pāli: S.1.17. *Dukkara*. Tham chiếu, №100(174).

[1886] . Pāli: S.1.27. *Sarā*. Tham chiếu, №100(176).

[1887] . Tát-la 薩羅. Pāli: *Sarā*, dòng nước; chỉ dòng luân hồi (*saṃsāra-sarā*). Bản Hán hiểu là tên sông.

[1888] . Đùi nai. Pāli: S.1.20. *Eṇijaṅgha*.

[1889] . Y-ni-da lộc bác 伊尼耶鹿膊, đùi nai, một tướng tốt của Phật. Đây chỉ Phật. Pāli: *Eṇijaṅghā*.

[1890] . Nguyên Đại Chánh quyển 23. Được đa số học giả hiện đại đoán định là không thuộc Tạp A-hàm. Không có tương đương trong Tạng Pāli. Quốc Dịch và Phật Quang đều để vào phần Phụ lục. Đây giữ nguyên theo thứ tự quyển số của Đại Chánh. Tham chiếu, Skt. Divyāvadāna 26-27 (Cowell & Nell ed. pp. 364-405). Hán tạng, Đại 50, N°2042 A-dục vương truyện; N°2043 A-dục vương kinh. Nguồn tư liệu Pāli: Dīpavaṃsa, chương i, v, vi, vii, xi,... Mahāvaṃsa, chương v, xi, xx, Samantapāsādikā.

[1891] . Xà-da 闍耶 và Tỳ-xà-da 毘闍耶. Skt. *Jaya, Vijaya*.

[1892] . Tản cái vương 繖蓋王, hay Bạch tán cái vương 白繖蓋王, nhà vua có lọng trắng, nghi vệ của một Đại hoàng đế.

[1893] . Ba-liên-phất 巴連弗. Pāli: *Pāṭaliputta* (Skt. *Pāṭaliputra*), thời Phật, là thôn Pāṭaligāma, trong vương quốc Magadha.

[1894] . Khổng Tước 孔雀. Skt. Maurya, tên dòng họ và cũng là Vương triều. Pāli: Moriyā

[1895] . A-dục 阿育. Skt. *Aśoka* (Pāli: *Asoka*).

[1896] . Nguyệt Hộ 月護. Skt. *Candragupta* (Pāli: *Candagutta*), Ông nội vua A-dục, người sáng lập vương triều Maurya (Khổng Tước Vương triều).

[1897] . Tần-đầu-sa-la 頻頭娑羅. Skt. *Bindusāra*, con trai của Candragupta.

[1898] . Tu-sư-ma 修師摩. Skt. *Susīma*, em của Bindusāra.

[1899] . Vô Ưu 無憂, dịch nghĩa của Asoka (A-dục).

[1900] . Ly Ưu 離憂. Skt. *Vigata-aśoka*.

[1901] . Tân-già-la-a 賓伽羅阿. Skt. *Paṅgalavatsājīva*.

[1902] . Kim điện viên quán 金殿園館

[1903] . A-nậu-la-đà 阿[少/兔]羅陀 A-dục vương kinh nói là Thành Hộ 成護. A-dục vương truyện nói là La-đề-quật-đa 羅提掘多 (Skt. *Rādhagupta*).

1904 . Đức-xoa-thi-la 德叉尸羅. Skt. *Takṣaśīla*. Pāli: Takkasīlā, thủ phủ của Gandhara.

1905 . Bạt-đà-la-do-đà 跋陀羅由陀. Skt. Bhadrāyudha.

1906 . Bạo ác A-dục vương 暴惡阿育王. Skt. *Caṇḍāśoka*.

1907 . Kỳ-lê 耆梨. Skt. Giri.

1908 . Hung ác Kỳ-lê tử 兇惡耆梨子. Skt. *Caṇda-Girika*.

1909 . Tên Hải 海. Skt. Samudra.

1910 . Hữu cái 有蓋, đây chỉ hữu kết 有結.

1911 . La-ma-la thôn 羅摩羅村. Skt. *Rāmagāma*. Pāli: *Rāmagāma*, tên làng của người Koliya, nhận được một phần, trong tám phần xá-lợi của Phật. (D.ii.107). Về sau, bị cơn lũ, tháp xá-lợi bị cuốn đi. Long vương Mahākāla nhận được bình xá-lợi, đem về thờ ở Mañjerika. Mhv.xxxi.187f.

1912 . Đức 德 bản Cao-ly chép là trước 著. Về Đức-xoa-thi-loa, xem cht.15.

1913 . Nguyệt thực, các bản chép 食. Chính xác là 蝕. A-dục vương truyện: Da-xá sau đó lấy tay che mặt trời, để cho vua được toại nguyện, là dựng tháp trong một ngày.

1914 . Pháp A-dục vương 法阿育王. Skt. *Dharmāśoka*.

1915 . Kê tước tinh xá 雞雀精舍. Skt. *Kurkuṭārāma*. Pāli: *Kukuṭārāma*, tinh xá ở Pāṭiliputta, có từ thời Phật.

1916 . A-ba-la long vương 阿波羅龍王. Skt. *Apalāla*.

1917 . Đào sư Chiên-đà-la 陶師旃陀羅. Skt. *Caṇdalī Kumbhakāla*.

1918 . Cù-ba-lê 瞿波梨龍. Skt. *Gopālī*.

1919 . Ma-thâu-la quốc 摩偷羅國. Skt. *Mathurā*.

1920 . Cù-đa 瞿多. Skt.*Gupta*.

1921 . Ưu-ba-quật-đa 優波崛多. Skt. *Upagupta*.

1922 . A-dục vương truyện: “tuy không có tướng tốt”.

1923 . Ưu-lưu-mạn-trà 優留曼茶. Skt. *Urumuṇda*.

1924 . Na-trà-bà-đê 那茶婆低. Skt. *Naṭabhaṭikā*.

[1925] . A-dục vương truyện: “Ta chưa được tâm Kim cang; đâu có thể bắt người như Phật khuất phục mình”.

[1926] . Long tần lâm 隆頻林, tức vườn Lâm-tỳ-ni. Skt. *Lumbinī*.

[1927] . Ca-lê long 迦梨龍. Pāli: *Kāḷa* hay *Mahākāḷa*. Khi Phật liệng bát sữa xuống sông Ni-liên thiền, Long vương đang ở dưới đó. Ông cùng các Long nữ hiện lên ca ngợi Phật. J.i.70,72. Mhv.v.87; Sp.i.43.

[1928] . A-thời-bà 阿時婆. Skt. *Ājivika*, tà mạng ngoại đạo.

[1929] . Ưu-lâu-tần-loa Ca-diệp 優樓頻螺迦葉. Skt. *Uruvilvā-Kāyapa*.

[1930] . Bình-sa vương 瓶沙王 hay Tần-bà-sa-la. Skt. *Bimbisāra*.

[1931] . Cưu-thi-na-kiệt quốc 鳩尸那竭國. Skt. *Kusinagara*.

[1932] . Nan-đà Bạt-nan-đà 難陀跋難陀. Skt. *Nandopananda*.

[1933] . Đề-xá-la-hy-đa 低舍羅絺多. Skt. *Tiṣyarakṣitā*.

[1934] . Tân-đầu-lư 賓頭盧. Skt. *Piṇḍolabharadvāja*.

[1935] . Tăng-ca-xa quốc 僧迦奢國. Pāli: *Saṅkassa*, thị trấn cách Sāvatthi 30 dặm.

[1936] . Ưu-ba-la 優波羅, tức Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc. Skt. *Utpalavarṇā*

[1937] . Phú-lâu-na-bạt-đà-na quốc 富樓那跋陀那國. Skt. *Puṇḍavardhana*.

[1938] . Kiền-đà-ma-la 揵陀摩羅. Skt. *Gandhamādana*.

[1939] . Câu-na-la 拘那羅. Skt. *Kuṇāla*.

[1940] . Triển chuyển tương thí 展轉相施, không cúng trực tiếp cho Sa-di. Nhưng cúng dường cho Tăng. Sau đó Tăng theo thứ tự chia lại cho các Sa-di.

[1941] . Truyện kể về cuối đời A-dục vương, xem tiếp Đại Chánh kinh 641, quyển 25.

[1942] . Đại Chánh, quyển 24, Tiểu đề: “Đệ ngũ tụng Đạo phẩm đệ nhất”, gồm các kinh số 605-639. –Quốc Dịch, quyển 22, tụng 5. Đạo phẩm, 1. Tương ưng Niệm xứ gồm Kinh số từ 1247-1299. –Phật Quang, quyển 24; y theo Ấn Thuận, Tụng 4. Đạo phẩm. –Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 4. Đạo phẩm, 7. Tương ưng Niệm xứ, gồm năm mươi bốn kinh, từ số 760-813. Phần lớn tương đương Pāli: S.47. *Sātipatthāna samyutta*. Đại Chánh kinh 605, Pāli, S.47.24 *Suddhaka*.

1943 . Xem kinh 605 trên
1944 . Pāli, S.47.18 Bramā.
1945 . Bản Pāli, tại *Uruvelā*, bên bờ sông *Nerañjarā*, lúc vừa thành đạo
1946 . Nhất thừa đạo 一乘道. Pāli: *ekāyano maggo.*
1947 . Đắc như thật pháp 得如實法. Pāli: *Ñayassa adhigamāya nibbānaṃ sacchikiriyāya,* đạt chánh lý, thân chứng Niết-bàn
1948 . Pāli, S.47.41 *Amata*.
1949 . Cam lộ pháp 甘露法. Pāli: *amata*, sự bất tử.
1950 . Pāli, 47.42 *Samudaya*.
1951 . Tứ niệm xứ tập tứ niệm xứ một 四念處集四念處沒. Pāli: *satipaṭṭhānnāṃ samudayañca atthaṅgamañca.*
1952 . Pāli: *manasikārasamudayā dhammasamudayo,* do tập khởi của tác ý mà có sự tập khởi của pháp.
1953 . Pāli, S.47.2. *Sato*. Tham chiếu, Hán: $N^0$100(14).
1954 . Pāli, S.47.5 *Kusalarāsi*
1955 . Thiện pháp tụ, bất thiện pháp tụ 善法聚,不善法聚. Pāli: *kusalarāsi, akusalarāsi*
1956 . Ngũ cái 五蓋. Pāli: *pañca nīvaraṇā*.
1957 . Pāli, S. 20.6 *Dhanuggaho*.
1958 . Tứ chủng cường cung 四種強弓. Pāli: *cattāro daḷhadhammā dhanuggahā*, bốn nhà thiện xạ cầm (bốn) cây cung cứng
1959 . Tứ chủng Thanh văn 四種聲聞, chỉ bốn chúng đệ tử Phật.
1960 . Bổ tả 稈寫. Có lẽ chỉ đại tiểu tiện.
1961 . Pāli, S.47.47 *Duccaritaṃ*
1962 . Pāli, S.47.47 *Duccaritaṃ*.
1963 . Pāli, S.42.49 *Vedanā*.
1964 . Tóm tắt có bốn kinh.
1965 . Pāli, S.47.11 *Mahāpurisa*.
1966 . Pāli, S.47.10 *Bhikkhunī*.
1967 . Pāli: *suppatiṭṭhitacittā viharantiyo*, an trụ với tâm hoàn toàn ổn định.
1968 . Pāli: *uḷāraṃ pubbenāparaṃ visesaṃ sañjānanti*, nhận thức sự sai biệt lên xuống, trước sau.
1969 . Tham chiếu Pāli: *tassa kàye kayànupassiịo viharato kayàrammaịo và uppajjati kàyasmiư parioàho, cetaso và linattaư, bahiddhà và cittaư*

vikkhipati, tenànanda bhikkhunà kismiĩcideva pasàdanìye nimitte cittaư paịidahitabbaư, "Vị ấy sống quán thân trên thân, hoặc sở duyên của thân khởi lên, hoặc có sự bức rức trong thân, hoặc tâm co rút, hoặc tâm tán loạn ra bên ngoài; Tỳ-kheo ấy hãy cố định tâm trên một ảnh tượng trong sáng nào đó".

[1970] . Sau khi trụ tâm trên tịnh tướng, tuần tự các trạng thái khởi lên: *pamudita*, duyệt (vui thích), *pīti*, hỷ (khoan khoái), *passadhakāya*, thân ỷ tức hay khinh an (cảm giác thân thể nhẹ nhàng), *sukha*, an lạc và cuối cùng *samādhi*, định.

[1971] . Pāli: *so paṭisaṃharati ceva na ca vitakketi na vicāreti*, "Vị ấy khi nhiếp phục như vậy, không còn tầm cầu, không còn tư sát (trạng thái không tầm và không tứ).

[1972] . Người đầu bếp. Pāli, S.47.8 *Sūda*.

[1973] . Hán: bất biện 不辨. Pāli: *avyatto*, không thông minh, không năng lực.

[1974] . Hán: thượng phiền não 上煩惱. Pāli: *upakkilesā*.

[1975] . Tứ tăng tâm pháp, hiện pháp lạc trú 四種增上心法,現法樂住; bốn thiền cũng gọi là bốn tăng thượng tâm, hay bốn hiện pháp lạc trú.

[1976] . Pāli, S.47.6 *Sakuṇaggahī*. Cf. *Jātaka* 168

[1977] . La-bà 羅婆. Pāli: *lāpa*, giống chim cút.

[1978] . Hán: điền canh lũng 田耕壟.

[1979] . Pāli, S.47.19 *Sedaka*.

[1980] . Tư-già-đà 私伽陀. Pāli: *sumbhesu viharati sedakaṃ nāma sumbhānaṃ nigamo*, giữa những người Sumbha, tại xóm Sedaka của người Sumbha.

[1981] . Duyên tràng kỹ sư 緣幢伎師: người nhào lộn trên cột phướn. Pāli:*caṇḍālavaṃsika*.

[1982] . Pāli: *āsevanāya, bhāvanāya, bahulīkammena, evaṃ kho bhikkhave, attānaṃ rakkhanto paraṃ rakkhanti*, "Bằng sự thân cận, bằng sự tu tập, bằng sự tu tập nhiều lần, như vậy là hộ trì người khác trong khi hộ trì chính mình".

[1983] . Pāli, S.47.7 *Makkaṭa*.

[1984] . ---o0o---

[1985] . Pāli: *kāye kayānupassino viharatha ātāpino sampajānā ekodibhūtā vippasannacittā saṃhitā ekaggacittā kāya yathābhūtaṃ ñāṇāya*, "Để có nhận thức như thực về thân, các người hãy sống quán thân trên thân, nhiệt hành, chánh trí, chuyên nhất, tâm trong sáng, định tĩnh, tâm nhất cảnh".

[1986] . Pāli, S.47.1 *AmbaPāli*.
[1987] . Khu vườn trên trời Đao-lợi. Xem cht.2, kinh 576.
[1988] . Pāli, S.47.20 *Janapada*.
[1989] . Thế gian mỹ sắc 世間美色. Pāli: *janapadakalyāṇī*, mỹ nữ của cả nước, mỹ nhân quốc sắc.
[1990] . Hán: chánh thân tự trọng... 正身自重. Pāli: *bahūlikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāraddhā,* (bốn Niệm xứ) được tu tập nhiều, được làm thành như cỗ xe, làm thành như nền đất, được thể nghiệm, được tích lũy, được khéo sách tiến.
[1991] . Pāli, S. 47.16; *Uttiya*; 47.15 *Bāhiya*.
[1992] . Uất-đế-ca 鬱低迦. Pāli: *Uttiya*.
[1993] . Hán: tịnh kỳ sơ nghiệp 淨其初業. Pāli: *ādim eva visodhehi kusalesu dhammesu,*"Hãy làm thanh tịnh pháp căn bản (hay bản sơ) trong các thiện pháp".
[1994] . Pāli, S.47.15 *Bāhika*.
[1995] . Bà-hê-ca 婆醯迦. Pāli: *Bāhika* (*Bāhya*).
[1996] Pāli, tham chiếu S.47.26 *Padesa*.
[1997] Pāli, S.47.21 *Sīla*.
[1998] . Kê lâm tinh xá 雞林精舍. Pāli: *Kukkaṭārāma*
[1999] . Ba-liên-phất ấp 巴連弗邑. Pāli: *Pāṭaliputta*.
[2000] . Hán: bất trạch 不擇. Tham chiếu Pāli, D.iii. *Saṅgīti:..akaṇḍehi acchidehi asabalehi akammāsehe bhujissehi viññuppasatthehi aparāmatthesi*... không bị khuyết, không bị vỡ, không tì vết, không bị đốm, khiến cho tự do, không bị cố chấp, được kẻ trí khen ngợi...
[2001] . Bất giới thủ 不戒取, giới bị cố chấp. Pāli: *aparāmaṭṭha*. xem cht. 59 trên.
[2002] . Pāli, S.47.23 *Parihāna*. Xem kinh 628 trên.
[2003] . Xem kinh 629 trên.
[2004] . Pāli, S.47.17 *Ariya*
[2005] . Hiền thánh xuất ly 賢 聖出離 . Pāli: *ariyā niyānikā*, vị Thánh giả đã thoát ly (khổ).
[2006] . Tóm tắt có bảy kinh.
[2007] . Pāli, S.47.3 *Bhikkhu*.

[2008] . Trụ bất luật nghi 住不律儀, tức sống không phòng hộ. Pāli: *asaṃvara*.

[2009] . Pāli, S.47.46 *Pāṭimokkha*

[2010] . Pāli, S.47.13 *Cuṇḍa*.

[2011] . Ma-kiệt-đề Na-la tụ lạc 摩竭提那羅聚落. Pāli: *Magadha-Nalagāmaka*, thôn Na-la ở Magadha.

[2012] . Thuần-đà 純陀. Pāli: *Cuṇḍa*

[2013] . Thọ giới thân 授戒身. Pāli: *Sīla-kkhanda*, giới uẩn.

[2014] . Sanh 生, bản Cao-ly: tọa 坐. Tham chiếu Pāli: *yaṃ taṃ jātaṃ bhūtaṃ sankhataṃ palokadhammaṃ,* cái gì là sanh, là tồn tại, là hữu vi, là pháp bại hoại.

[2015] . Pāli

[2016] . Pāli, S.47.14 Ceḷa.

[2017] . Như lai dĩ ly thí tài: 如來已離施財. Bản Tông-Nguyên-Minh: thế tài.

[2018] Nguyên Đại Chánh quyển 25, gồm hai kinh, số 640-641, học giả hiện đại đoán định không thuộc Tạp A-hàm. Quốc Dịch đưa xuống quyển 50, tiếp theo *A-dục vương nhân duyên* (Xem kinh số 604). Phật Quang đưa vào Phụ lục 2. Về kinh số 640, tham chiếu, Đại 12 No383 *Ma-ha Ma-da kinh*. Đại 13, No397 *Đại Tập kinh*, "15. Nguyệt tạng phần, phẩm 20. Pháp diệt tận". Đại 49, No2028 *Ca-đinh Tỳ-kheo Thuyết Đương Lai Biến kinh*. Đại 49, No2029 *Ca-chiên-diên Thuyết Pháp Một Tận Kệ*. Đại 50, No2042 *A-dục vương kinh*; Đại 27, No1545 *Đại Tỳ-bà-sa*quyển 183, tr. 918a.

[2019] . Ma-thâu-la 摩偷羅, xem cht.11, kinh 36.

[2020] . Quật-đa 掘多, xem kinh 604, âm là Cù-đa.

[2021] . Ưu-ba-quật-đa 優波掘多, xem cht.32, kinh 604.

[2022] . Ưu-lưu-mạn-trà 優留曼茶, xem cht.34 kinh 604.

[2023] . Na-tra-bạt-trí 那吒跋置, xem cht.35 kinh 604, âm là Na-trà-bà-đề.

[2024] . Quỷ thôn 鬼村 chỉ các loại thảo mộc. Skt.: *bhūtagrāma*.

[2025] . Da-bàn-na 耶槃那. Skt. *yavana*, nguyên chỉ người Hy-lạp. Về sau, chỉ người Hồi giáo.

[2026] . Bát-la-bà 缽羅婆.

[2027]. Đâu-sa-la 兜沙羅. Skt. *Tukhāra*, chỉ người Nhục-chi, ở Tây vực Trung quốc, xâm chiếm Tây bắc bộ Ấn độ.
[2028]. Câu-diệm-di Ma-nhân-đà-la-tây-na 拘睒彌摩因陀羅西那; A-dục vương truyện nói là Đại Quan. Skt. *Kosambi Mahenaresena*.
[2029]. A-kỳ-ni-đạt-đa 阿耆尼達多. Skt. *Agnidatta*.
[2030]. Tỳ-đà kinh luận 比陀經論, chỉ các kinh điển thuộc Veda
[2031]. Đệ Tử 弟子, A-dục vương truyện gọi là "Đa Đệ Tử".
[2032]. Tu-đà-na 須 須陀那. Skt. *Sudhana*?
[2033]. Kiền-đà-ma-la 揵陀摩羅. Skt. *Gandhamālya*? Xem Câu-xá 11 (Đại 29, tr.58a): Hương túy sơn 香醉山 Skt. *Gandhamādana*.
[2034]. Hán: bất tát-xà vị nhân thọ kinh 不薩闍為人受經. *Đại-tỳ-bà-sa* 183: bất lộc độc xứ tĩnh lự tư duy 不祿獨處靜慮思性: không thích một mình ở chỗ vắng vẻ tu thiền.
[2035]. Hán: bất tát-xà vị nhân thọ kinh 不薩闍為人受經. *Đại-tỳ-bà-sa* 183: bất lộc độc xứ tĩnh lự tư duy 不祿獨處靜慮思性: không thích một mình ở chỗ vắng vẻ tu thiền.
[2036]. Hành sa-la trù 行沙羅籌: phát thẻ tre và đếm, một hình thức kiểm danh hay lấy biểu quyết tập thể giữa Tăng. Skt. *Śalākā*.
[2037]. Kinh nói về nhân duyên vua A-dục bố thí nửa trái A-ma-lặc (quả xoài). Xem cht.1 kinh 640. Tham chiếu kinh số 604 (Đại Chánh, quyển 23).
[2038]. La-đà-quật-đa 羅陀崛多. Skt. *Rādhagupta*.
[2039]. Kê tước tự 雞雀寺. Skt. *Kurkuṭārāma*.
[2040]. Tam-ba-đề 三波提. Skt. *Sampadī*, cháu nội của vua A-dục.
[2041]. A-ma-lặc 阿摩勒. Skt. *āmalaka*, quả xoài.
[2042]. Tỳ-lê-ha-ba-đê 毘梨訶波低. Skt.*Bṛhaspati*.
[2043]. Tỳ-lê-ha-tây-na 毘梨訶西那. Skt. *Vṛṣhasena*.
[2044]. Phất-sa-tu-ma 沸沙須摩. Skt. *Puṣyadharma*.
[2045]. Phất-sa-mật-đa-la 沸沙蜜多羅. Skt. *Puṣyamitra*.

[2046] . Nha Xỉ 牙齒. Skt. *Daṃṣṭrānivāsī-yakṣa*.

[2047] . Trùng 蟲. Skt. *Kṛmiśa*.

[2048] . Bất thiện số 不善數, đồng nghĩa bất thiện tư duy.

[2049] . Pāli, S.50.1 *Gaṅgāpeyyāla*; Cf. A.5.13 *Saṅkhīta*

[2050] . Pāli, S.48.8 *Daṭṭhabbaṃ*; A.5.14 *Vitthata*, 5.15 *Daṭṭhabba*.

[2051] . Cf. A.5.1 *Saṅkhita*.

[2052] . Học lực 學力, năng lực của hữu học. Pāli: *sekhabala*. Xem cht. 63 dưới.

[2053] . Năm Lực theo bản Pāli: *saddhā*, tín, *hirī*, tàm, *ottapa*, quý, *vīriya*, tinh tấn,*paññā*, tuệ

[2054] . Pāli, xem kinh 677.

[2055] . Pāli: *saddhābalena samannāgatā bhavissāma sekhabalena*, chúng tôi sẽ thành tựu sức mạnh của tín, là sức mạnh của hữu học.

[2056] . Pāli, A.5.2 *Vitthāta*.

[2057] . Phiền não số 煩惱數.

[2058] . Pāli, A.5.5 *Sikhā*.

[2059] . Đương 當, bản Cao-ly chép là *thẩm* 審.

[2060] . Pāli: *saddhāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu*, người không có tín đối với các thiện pháp.

[2061] . Pāli: *paññāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu*, người không có tuệ nơi các thiện pháp.

[2062] . Pāli, A.5.5 *Sikkhā*.

[2063] . Pāli: *sikkhaṃ paccakkhāya hinayāvattati*, xả học xứ, hoàn tục.

[2064] . Hán: ha trách nhữ 呵責汝.

[2065] . Cf. M.12 *Mahāsīhanāda-sutta*; A.10.21. *Sīha*. Hán: No125(46.4).

[2066]. Xứ phi xứ như thật tri 處非處如實知, tức (thị) xứ phi xứ trí lực. Pāli: *ṭhānañca ṭthānato aṭhānañ ca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti*, biết như thật trường hợp nào xảy ra (lý), trường hợp nào không xảy ra (phi lý).

[2067]. Tiên Phật tối thắng xứ trí 先佛最勝處智. Pāli: *tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti*, Như Lai tự xác nhận địa vị Ngưu vương.

[2068]. Nghiệp pháp thọ nhân sự báo 業法受因事報.

Pāli: *kammasamādānānaṃ ṭhānaso hetuso vipākaṃ*, nhân và duyên báo ứng của sự thọ nghiệp.

[2069]. Pāli: (...)-*samāpattīnaṃ saṅkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ*, (biết) sự tạp nhiễm, thanh tịnh và xuất ly của các (...) chánh thọ (hay đẳng trì).

[2070]. Nhất thiết chí đạo xứ 一切至處道, tức biến thú hành trí lực.

Pāli:*sabbatthagāminiṃ paṭipadaṃ*, (biết) con đường dẫn đến tất cả mục đích.

[2071]. A.6.64 *Sīhanāda*.

[2072]. Xem cht.75 kinh 684.

[2073]. (...) tâm lạc pháp thọ 心樂法受, không rõ nghĩa. Hoặc*, nghiệp pháp thọ* 業報受 (Pāli: *kammasamādāna*) nhưng chép nhầm là *lạc pháp thọ* 樂法受. Xem cht.76 kinh 684.

[2074]. Pāli, A.6.64 *Sīhanāda*.

[2075]. Tự dĩ lạc thọ 自以樂受, không rõ nghĩa. Ấn Thuận đọc là dĩ nghiệp pháp thọ以業法受 thay vì tâm nghiệp pháp thọ 心業法受. Xem cht.81 kinh 686 trên.

[2076]. A.7.3-4 *Bala*; 5. *Dhana*.

[2077]. Tham chiếu, Hán: No125(38.11); Pāli: A.8.27 *Bala*.

[2078]. Cf. No125(38.11); A.8.27 *Bala*.

[2079]. Pāli, A.8.28 *Bala*.

[2080]. Cf. A.8.28 *Bala*

[2081]. Xem kinh 697.

[2082]. Xem kinh 692, 693.

[2083]. Cf. A.10.21 *Sīha*. Xem kinh 684.

[2084] . Như kinh 684.
[2085] . Như kinh 687.

[2086] . Trong nguyên bản: *như thật tri phi xứ* 如實知非處 có sự chép nhầm.

[2087] . Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4, "12. Tương ưng Giác chi," gồm sáu mươi kinh, từ số 901-967 (Đại Chánh, 704-747). Quốc Dịch, "4. Tương ưng Bồ-đề phần". Phần lớn tương đương Pāli, S.46 *Bojjhaṅga-saṃyutta*. –Đại Chánh kinh 704, Pāli, S.46.24*Ayonisa*.

[2088] . Bất chánh tư duy 不正思惟. Pāli: *ayoniso manasikaroto*, không tác ý như lý.

[2089] . Nguyên Hán: ỷ 猗
[2090] . Pāli, S.46.37 *Vuḍḍhi*.
[2091] . Xem cht.97 trên.
[2092] . Pāli, S.46.40 *Nīvaraṇa*
[2093] . Pāli, S.46.38 *Āvaraṇa-nīvaraṇa*.
[2094] . Ngũ chướng ngũ cái 五障五蓋. Pāli: *pañca āvaraṇā nīvaraṇṇā*, năm chướng cái, chướng ngại và ngăn che.
[2095] . Phiền não ư tâm 煩惱於心. Pāli: *cetaso upakkilesā*, là những tùy phiền não của tâm: là những thứ làm ô uế tâm.
[2096] . Tức khinh an.
[2097] . Gốc cây. Pāli, S.46.39 *Rukkha*.
[2098] . Kiền-giá-da 揵遮耶. Pāli: *kacchaka*.
[2099] . Ca-tỳ-đa-la 迦捭多羅. Pāli: *kapithaka*.
[2100] . A-thấp-ba-tha 阿濕波他. Pāli: *assattha*.
[2101] . Ưu-đàm-bát-la 優曇鉢羅. Pāli: *udumbara*.
[2102] . Ni-câu-lưu-tha 尼拘留他. Pāli: *nigrodha*

[2103] . Nguyên Hán: tâm thọ 心樹, có thể nhầm. Pāli: *mahārukkha*, cây đại thọ.

[2104] . Trong để bản thiếu sân nhuế. Thêm vào cho đủ.

[2105] . Pāli, S.46.23 *Ṭhāna*.

[2106] . Đẳng vô gián 無間等; bản Minh: vô minh. Xem cht.8 kinh 259.

[2107] . Pāli, S.46.56 *Abhaya*.

[2108] . Vô Úy vương tử 無畏王子. Pāli: *Abhaya rājakumāra*.

[2109] . Bản Pāli: thuyết của *Puraṇa kassapa*. Trong Trường bộ, đây là thuyết Luân hồi tịnh hóa của *Makkhali Gosāla*; xem D.ii. *Sāmaññaphala-sutta*.

[2110] . Ấn Thuận, câu này dư, cắt bỏ.

[2111] .Nguyên Hán: ỷ tức 猗息.

[2112] . *Ấn Thuận Hội Biên*, Tụng 4. Đạo phẩm, "10. Tương ưng Căn," gồm hai mươi bảy kinh, từ số 815-840, (gồm mười chín kinh, Đại Chánh: 642-660) tức Tương ưng thứ 4 trong "Tụng 4. Đạo phẩm". *Quốc Dịch*, để lên Tương ưng thứ 2. Bản Đại Chánh, quyển 24, Tương ưng 1; *Đại Chánh*. quyển 26, từ số 642. *Quốc Dịch*, quyển 23, Tương ưng Căn, từ kinh số 1230. *Phật Quang*, quyển 26, kinh số 654-724. Pāli, S.48.23 *Ñāya*. Cf. A.3.84 *Sekka*.

[2113] . Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn 未知當知根, 知根, 無知根. *Vô tri căn*, Câu-xá: cụ tri căn. Xem Câu-xá 2, phẩm 2 "Phân biệt căn". Pāli: *tīṇ'indriyāni: anaññātaññassāmītindriyaṃ, aññindriyaṃ, aññātāvindriyaṃ*, Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn đã biết trọn vẹn.

[2114] . Bất động ý giải thoát 不動意解脫, tức bất động tâm giải thoát. Pāli: *akuppā cetvimutti*.

[2115] . Pāli, S.48.1 *Siddhika*.

[2116] . Pāli, S.48.2-3 *Sotapanna*.

[2117] . Đoạn tri 斷知, tức đoạn biến tri, đoạn trừ với nhận thức toàn diện; xem *Câu-xá*21 (tr.11218). Pāli: *pahāṇa-pariññā.*

[2118] . Pāli, S.48.4-5 *Arahaṃ*.

[2119] . Ly dục giải thoát; bản Pāli: *anupādāvimutto*, giải thoát không còn chấp thủ.

[2120] . Đãi đắc kỷ lợi 逮得己利, đã đạt được mục đích của mình.

[2121] . Pāli, S.48.8 *Daṭṭhabbaṃ.*

[2122] . Pāli, S.48.9-10 *Vibhaṅga*.

[2123] . Pāli, S.48.20 *Āsavānaṃkhayo*.

[2124] . Xem cht.6, kinh 644
[2125] . Pāli, S.48.20 *Āsavānaṃkhayo*.
[2126] . Pāli, S.48.6-7 *Samaṇa*-*brahmaṇā*.
[2127] . Xem kinh 650 trên.
[2128] . Pāli, S.48.12 *Saṅkhitta*, 18 *Paṭipanna*.
[2129] . Pāli: *paripūraṃ paripūrakārī ārādheti, padesaṃ padesakrī āradheti*, người làm cho viên mãn thì hoàn thành sự viên mãn; người chỉ làm một phần thì hoàn tất một phần.
[2130] . Pāli, S.48.15-16 *Vitthāra*.
[2131] . Xem kinh 652 trên.
[2132] . Câu phần giải thoát 俱分解脫, đối với vị A-la-hán chứng đắc Diệt tận định. Pāli: *ubhatobhāgavimutta*.
[2133] . Thân chứng 身證; đối với A-na-hàm chứng đắc Diệt tận định. Pāli:*kāyasakkhin*.
[2134] . Kiến đáo 見到. Pāli: *diṭṭhipatta*.
[2135] . Tín giải thoát 信解脫. Pāli: *saddhāvimutta*.
[2136] . Nhất chủng 一種. Pāli: *ekabījin*.
[2137] . Gia gia 家家. Pāli: *kolaṃkola*.
[2138] . Thất hữu 七有. Pāli: *sattakkhattuparama*.
[2139] . Pháp hành 法行 tức Tùy pháp hành. Pāli: *dhammānusārin*.
[2140] . Tín hành 信行 tức Tùy tín hành. Pāli: *saddhānusārin*.
[2141] . Căn ba-la-la-mật, quả ba-la-mật 根波羅蜜, 果波羅蜜.
Pāli: *indriyavemattatāphalavemattatā hoti*, do sự sai biệt của căn mà có sự sai biệt của quả. Pāli:*vemattatà*, chủng loại sai biệt; bản Hán đọc là *pāramita*: ba-la-mật.
[2142] . Nhân ba-la-mật 人波羅蜜. Pāli: *puggalavemattatā*, sự sai biệt về nhân cách.
[2143] . Xem cht.18 kinh 652 trên.
[2144] . Pāli, S.48.52 *Mallika*.
[2145] . Pāli, S.48.10 *Vibhaṅga*; 48.52. *Mallika*
[2146] . Pāli, S.48.10 *Vibhaṅga*.
[2147] . Pāli: *saddahati tathāgatassa bodhiṃ*, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai.
[2148] . Pāli, S.48 50 *Saddha*.

[2149] . Pāli, S.48.50: *tathāgate ekantagato abhippasanno*, nhất hướng tín tâm minh tịnh đối với Như Lai.

[2150] . Pāli, nt.: *saddhassa... ariyasāvakassa evaṃ pāṭikaṃkhaṃ yaṃ āraddhaviriyo viharassati akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya...* Thánh đệ tử có tín mong đợi như vầy: an trú với tinh tấn dũng mãnh hướng đến đoạn trừ các pháp bất thiện...

[2151] . Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4. Đạo phẩm, "11. Tương ưng lực", gồm sáu mươi kinh, từ số 841-900; gồm mười ba kinh Đại Chánh: 661-703. Tương đương Pāli,*Samyutta* 50. *Balasaṃyutta*. Đại Chánh kinh 661, Hai sức mạnh. Pāli, A.2.2.1*Balāni*.

[2152] . Số lực 數力. Pāli: *paṭisaṅkhānabala*, sức mạnh của sự giản trạch, tức năng lực quán sát và phân tích của tuệ. Xem *Câu-xá* 1. tr.1b. Bản Hán hiểu theo ngữ nguyên *saṅkhā*, con số

[2153] . Tu lực 修力. Pāli, *bhāvanābala*.

[2154] . Tứ đạo 四道, tức bốn hay hay thông hành; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Pāli, D.iii. tr.228: *catasso paṭipādā*.

[2155] . Tứ cú 四法句, tức bốn pháp tích; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Pāli, D.ii. tr.229, *cattāri dhammapadāni*. Ấn Thuận tách kinh này thành ba kinh.

[2156] . Tóm tắt có chín kinh.

[2157] . Ba loại sức mạnh.

[2158] . Tham chiếu Pāli, A.4.152 *Balāni*.

[2159] . Tập cận 習近. Pāli: *sevitabba*.

[2160] . Hành lợi 同利, hoặc nói là lợi hành 利行. Pāli : *atthacāriyā*

[2161] . Đồng lợi 同利, cũng nói là đồng sự 同事. Pāli: *samānattatā*, đồng ngã, nâng người lên ngang mình. Nhưng Hán dịch theo Skt. *Samānārthatā*.

[2162] . Ý nghĩa, người muốn chứng đắc A-la-hán, thì giúp cho được chứng đắc.

[2163] . Pāli, A.4.32 *Saṅgaha*.

[2164] . Hán: cang 釭, ống gang trong bánh xe. Pāli: *ete kho saṅgahā loke, rathhassāṇīva yāyato*, những nhiếp sự này ở trong đời, như cái chốt trục xe khiến xe lăn.

[2165] . Pāli: *yasmā ca saṅgaha ete samavekkhanti paṇḍitā, tasmā mahattaṃ papponti pāsaṃsā ca bhavanti*, bậc trí do quán sát các nhiếp sự này mà đạt được sự vĩ đại và có danh thơm.

[2166] . Pāli, A.4 153 *Paññā*.

[2167] . Bất thiện số 不善數, đồng nghĩa bất thiện tư duy.
[2168] . ---o0o---
[2169] . Pāli, S.48.8 *Daṭṭhabbaṃ*; A.5.14 *Vitthata*, 5.15 *Daṭṭhabba*
[2170] . Cf. A.5.1 *Saṅkhita*
[2171] . Học lực 學力, năng lực của hữu học. Pāli: *sekhabala*. Xem cht. 63 dưới.
[2172] . Năm Lực theo bản Pāli: *saddhā*, tín, *hirī*, tàm, *ottapa*, quý, *vīriya*, tinh tấn,*paññā*, tuệ.
[2173] . Pāli, xem kinh 677.
[2174] . Pāli: *saddhābalena samannāgatā bhavissāma sekhabalena*, chúng tôi sẽ thành tựu sức mạnh của tín, là sức mạnh của hữu học.
[2175] . Pāli, A.5.2 *Vitthāta*
[2176] . Phiền não số 煩惱數.
[2177] . Pāli, A.5.5 *Sikhā*.
[2178] . Đương 當, bản Cao-ly chép là *thẩm* 審
[2179] . Pāli: *saddhāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu*, người không có tín đối với các thiện pháp
[2180] . Pāli: *paññāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu*, người không có tuệ nơi các thiện pháp
[2181] . Pāli, A.5.5 *Sikkhā*
[2182] . Pāli: *sikkhaṃ paccakkhāya hinayāvattati*, xả học xứ, hoàn tục
[2183] . Hán: ha trách nhữ 呵責汝.
[2184] . Cf. M.12 *Mahāsīhanāda-sutta*; A.10.21. *Sīha*. Hán: No125(46.4).
[2185] . Xứ phi xứ như thật tri 處非處如實知, tức (thị) xứ phi xứ trí lực. Pāli: *ṭhānañca ṭthānato aṭhānañ ca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti*, biết như thật trường hợp nào xảy ra (lý), trường hợp nào không xảy ra (phi lý).
[2186] . Tiên Phật tối thắng xứ trí 先佛最勝處智. Pāli: *tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti*, Như Lai tự xác nhận địa vị Ngưu vương.
[2187] . Nghiệp pháp thọ nhân sự báo 業法受因事報.

Pāli: *kammasamādānānaṃ ṭhānaso hetuso vipākaṃ*, nhân và duyên báo ứng của sự thọ nghiệp
[2188] . Pāli: (...)-*samāpattīnaṃ saṅkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ*, (biết) sự tạp nhiễm, thanh tịnh và xuất ly của các (...) chánh thọ (hay đẳng trì).

2189. Nhất thiết chí đạo xứ 一切至處道, tức biến thú hành trí lực. Pāli:*sabbatthagāminiṃ paṭipadaṃ*, (biết) con đường dẫn đến tất cả mục đích.

2190. A.6.64 *Sīhanāda*.

2191. Xem cht.75 kinh 684.

2192. (...) tâm lạc pháp thọ 心樂法受, không rõ nghĩa. Hoặc*, nghiệp pháp thọ* 業報受 (Pāli: *kammasamādāna*) nhưng chép nhầm là *lạc pháp thọ* 樂法受. Xem cht.76 kinh 684

2193. Pāli, A.6.64 *Sīhanāda*

2194. Tự dĩ lạc thọ 自以樂受, không rõ nghĩa. Ấn Thuận đọc là dĩ nghiệp pháp thọ以業法受 thay vì tâm nghiệp pháp thọ 心業法受. Xem cht.81 kinh 686 trên

2195. A.7.3-4 *Bala*; 5. *Dhana*.

2196. Tham chiếu, Hán: No125(38.11); Pāli: A.8.27 *Bala*.

2197. Cf. No125(38.11); A.8.27 *Bala*

2198. Pāli, A.8.28 *Bala*

2199. Cf. A.8.28 *Bala*

2200. Xem kinh 697.

2201. Xem kinh 692, 693.

2202. Cf. A.10.21 *Sīha*. Xem kinh 684

2203. Như kinh 684

2204. Như kinh 687

2205. Trong nguyên bản: *như thật tri phi xứ* 如實知非處 có sự chép nhầm.

2206. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4, "12. Tương ưng Giác chi," gồm sáu mươi kinh, từ số 901-967 (Đại Chánh, 704-747). Quốc Dịch, "4. Tương ưng Bồ-đề phần". Phần lớn tương đương Pāli, S.46 *Bojjhaṅga*-*saṃyutta*. –Đại Chánh kinh 704, Pāli, S.46.24*Ayonisa*.

2207. Bất chánh tư duy 不正思惟. Pāli: *ayoniso manasikaroto*, không tác ý như lý.

2208. Nguyên Hán: ỷ 猗.

2209. Pāli, S.46.37 *Vuḍḍhi*.

2210. Xem cht.97 trên.

2211. Pāli, S.46.40 *Nīvaraṇa*.

2212. Pāli, S.46.38 *Āvaraṇa*-*nīvaraṇa*.

[2213] . Ngũ chướng ngũ cái 五障五蓋. Pāli: *pañca āvaraṇā nīvaraṇnā*, năm chướng cái, chướng ngại và ngăn che.

[2214] . Phiền não ư tâm 煩惱於心. Pāli: *cetaso upakkilesā*, là những tùy phiền não của tâm: là những thứ làm ô uế tâm.

[2215] . Tức khinh an

[2216] . Gốc cây. Pāli, S.46.39 *Rukkha*.

[2217] . Kiền-giá-da 揵遮耶. Pāli: *kacchaka*.

[2218] . Ca-tỳ-đa-la 迦捭多羅. Pāli: *kapithaka*

[2219] . A-thấp-ba-tha 阿濕波他. Pāli: *assattha*

[2220] . Ưu-đàm-bát-la 優曇缽羅. Pāli: *udumbara*.

[2221] . Ni-câu-lưu-tha 尼拘留他. Pāli: *nigrodha*.

[2222] . Nguyên Hán: tâm thọ 心樹, có thể nhầm. Pāli: *mahārukkha*, cây đại thọ

[2223] . Trong để bản thiếu sân nhuế. Thêm vào cho đủ.

[2224] . Pāli, S.46.23 *Ṭhāna*.

[2225] . Đẳng vô gián 無間等; bản Minh: vô minh. Xem cht.8 kinh 259.

[2226] . Pāli, S.46.56 *Abhaya*.

[2227] . Vô Úy vương tử 無畏王子. Pāli: *Abhaya rājakumāra*.

[2228] . Bản Pāli: thuyết của *Puraṇa kassapa*. Trong Trường bộ, đây là thuyết Luân hồi tịnh hóa của *Makkhali Gosāla*; xem D.ii. *Sāmaññaphala-sutta*.

[2229] . Ấn Thuận, câu này dư, cắt bỏ.

[2230] . Nguyên Hán: ỷ tức 猗息.

[2231] . Đại Chánh quyển 27. Phật Quang quyển 27. Quốc Dịch quyển 24. Pāli, S.46.56 *Abhya*.

[2232] . Bản Pāli, quan điểm của Puraṇa Kassapa: *natthi hetu natthi paccayo aññāya adassanāya ahetu apaccayo aññānaṃ adassanaṃ hoti* không có nhân, không duyên cho sự vô trí và vô kiến; vì vậy, vô trí, vô kiến là vô nhân vô duyên. Xem thuyết vô tác (*akiriya*), D.ii. *Smāññaphala-sutta*.

[2233] . Pāli, S.46.52 *Pariyāya*.

[2234] . Hán: phản a mạ 反呵罵. Bản Pāli: *neva abhinandiṃsu nappaṭikkosiṃsu,* không hoan hỷ cũng không chỉ trích.

[2235] . Hán: thuyết ngoại đạo pháp 說外道法. Tống-Nguyên-Minh: dư chữ *thuyết*. Xem đoạn văn tương đương ở kinh 714.

[2236] . Bản Pāli: *nāhaṃ... yo imesaṃ pañhānaṃ veyyākaraṇena cittaṃ ārādheyya aññatra tathāgatena vā tathāgatasāvakena vā ito vā sutvā,* Ta... không ai có thể làm hài lòng với sự trả lời cho những câu hỏi này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai đã nghe từ đây.

[2237] . Bản Pāli: *ajjhattaṃ vyāpādo, bahiddhā vyāpādo,* nội sân, ngoại sân.

[2238] . Hữu thụy, hữu miên. Bản Pāli: *thinaṃ nīvaraṇaṃ, middhaṃ nīvaraṇaṃ,* hôn trầm là triền cái; thụy miên là triền cái.

[2239] . Trạo (điệu) hối 掉悔. Pāli: *uddhacca-kukkucca*, bồn chồn và hối tiếc.

[2240] . Bản Pāli: *ajjhattaṃ dhammesu vicikicchā, bahiddhā dhammesu vicikicchā,* hoài nghi các pháp bên trong, hoài nghi các pháp bên ngoài.

[2241] . Bản Pāli: *yadapi... ajjhattaṃ dhammesu sati tadapi satibojjhaṅgo,* có chánh niệm nơi các pháp bên trong, đó là niệm giác chi.

[2242] . Bản Pāli: *ajjhattaṃ dhammesu paññāya pavicinati pavicarati... bahidhā dhammesu...,* bằng trí tuệ mà khảo sát (tư trạch) và khảo nghiệm (tư sát) các pháp bên trong... các pháp bên ngoài.

[2243] . Bản Pāli: *kāyikaṃ vīriyaṃ... cetasikaṃ vīriyaṃ,* thân tinh tấn, tâm tinh tấn.

[2244] . Bản Pāli: *savitakkavicārā pītī... avitakkāvicarā pītī,* hỷ đồng hành với tầm tứ, hỷ không đồng hành với tầm tứ.

[2245] . Nguyên Hán: thân ỷ tức, tâm y tức 身猗息,心猗息.

Pāli: *kāyapassaddhi, cittapassaddhi*.

[2246] . Bản Pāli: *savitakko savicāro samādhi, avitakkao avicāro samādhi*, định có tầm có tứ, định không tầm không tứ.

[2247] . Bản Pāli: *ajjhattaṃ dhammesu upekkhā, bahidhā dhammesu upekkhā*, xả nơi các pháp bên trong, xả nơi các pháp bên ngoài.

[2248] . Pāli, S.46.53 *Aggi*.

[2249] . Bản Pāli:... *līnaṃ cittaṃ hoti, katamesaṃ tasmiṃ samaye bojjhaṅgānaṃ akālo bhāvanāya... kālo bhāvanāya*, khi tâm co rút, lúc ấy là hợp thời để tu tập những giác chi nào, không hợp thời cho sự tu tập những giác chi nào.

[2250] . Xem cht.8 kinh 713.

[2251] . Xem cht.6 kinh 713.

[2252] . Hán: tiêu thán 燋炭. Bản Pāli:*...allāni ceva tiṇāni,... allāni ca gomayāni, ...allāni ca kaṭṭhāni pakkhipeyya*, bỏ vào những cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt.

[2253] . Cf. S.46.2 *Kāya*; 46.51 *Āhāra*.

[2254] . Hán: xúc tướng 觸相. Bản Pāli: *subhanimitta*, tịnh tướng.

[2255] . Bản Pāli: *ayonisomanasikārabahulīkāro*, tu tập nhiều (với tịnh tướng) mà không tác ý một cách như lý.

[2256] . Dục ái 欲愛. Pāli: *kāmachanda*

[2257] . Chướng ngại tướng 障礙相. Pāli: *paṭighanimittaṃ*, tướng đối nghịch hay đối ngại. Trong Pāli, *paṭigha*, có nghĩa là sân, cũng có nghĩa là đối nghịch (chướng ngại).

[2258] . Bản Pāli: *cetaso avūpasamo*, tâm không an tĩnh.

[2259] . Bản Pāli: *mettācetovimutti*, từ tâm giải thoát.

[2260] . Hán: minh chiếu. Bản Pāli: *atthi ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu*,có phát cần giới, tinh cần giới, dũng mãnh giới.

[2261] . Pāli, S.45.83 *Yoniso*; 46.29 *Ekadhamma*.

[2262] . Pāli, S.46.4 *Vatta*.

[2263] . Hán: giác phần chánh thọ 覺分正受.

[2264] . Pāli, S.46.8 *Upavāṇa*.

[2265] . Ưu-ba-ma 優波摩. Pāli: *Upavāṇa*.

[2266] . A-đề-mục-đa 阿提目多. Pāli: *Adhimutta*

[2267] . Thất giác phần phương tiện 七覺分方便. Pāli: *susamāraddhā satta bojjhaṅgā,*bảy Giác chi được khéo nỗ lực.

[2268] . Lạc trú chánh thọ 樂住正受. Pāli: *phāsuvihārāya saṃvattanti,* chúng tác dụng để dẫn đến an trú lạc.

[2269] . Hán: tri tư duy 知思惟. Ấn Thuận thêm từ *bất* 不, không biết tư duy.

[2270] . Pāli, 46.42 *Cakkavatti*.

[2271] . Bản Hán, văn đột ngột; có thể nhảy sót một đoạn. Xem kinh 722 dưới.

[2272] . Pāli, S.46.42 *Cakkavatti*. Tham chiếu, N^{0}125(39.7), D.17 *Mahāsudassana-suttanta*.

[2273] . Hán: thất chi trụ địa 七支拄地. Pāli: *sattappatiṭṭhito*. Bảy chỗ.

[2274] . Bản Cao-ly: tận thời 盡時. Bản Tống-Nguyên-Minh: trú thời 住時, (ngay ban ngày).

[2275] .

[2276] . Nguyên bản: *tăng*, 僧. Theo Tống bản: *y*, 依

[2277] . S.46.3 *Sīla* (phần đầu).

[2278] . S. 46.24 *Ayoniso*

[2279] . S. 45. 2 *Upaḍḍha*.

[2280] . Giáp cốc tinh xá 夾谷精舍.

[2281] . Pāli: *sakalam evidaṃ brahmacariyaṃ yadidṃ kalyaṇāmittā kalyāṇasahāyatā,* chính toàn bộ đời sống phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện đồng hành...

[2282] . S. 46.16 *Gilāna*. Cf. D.16 *Mahāparinibbāna-suttanta*.

[2283] . S. 46.22 *Desanā*.

[2284] . S. 46.27 *Nirodha*.

[2285] . S. 46.41 *Vidhā*.

[2286] . S. 46.9-10 *Uppannā;* 46. 49 *Aṅga*.

[2287] . Hán: trừ Phật điều phục giáo thọ 除佛調伏教授. Pāli: ...*bojjhaīgā bhāvitā bahulīkatā uppannā uppajjanti nāññatra tathāgatassa pātubhāvā,* giác chi được tu tập, được sung mãn, nếu chưa sanh thì sanh, trừ phi không có Như Lai xuất hiện.

[2288] . S. 46.9-10 *Uppannā*. Xem kinh 731 trên.

[2289] . S. 46.5 *Bhikkhu*.

[2290] .–Đạo phẩm pháp 道品法. Pāli: *bodhāya saṃvattantī 'ti ... bojjhaṅgā' ti vuccanti,* chúng tư trợ cho sự giác ngộ, nên chúng được gọi là giác chi.

[2291] . S. 48.65 *Dve phalā*.
[2292] . S. 48.12 *Saṅkhita*.
[2293] . S. 46.3. *Sīla*.
[2294] . Hán: đắc hiện pháp trí chứng lạc 得現法智證樂. Pāli: *diṭṭhidhamme paṭikacca aññam ārādheti,* ngay trong đời hiện tại nhất định chứng đắc chánh trí. Bản Hán hiểu *ārādheti*: vui thích; cũng có nghĩa là thành đạt.
[2295] . Pāli: *no ce diṭṭheva dhamme paṭikacca aññam ārādheti atha maraṇakāle aññam ārādheti,* nếu hiện pháp không nhất định chứng đắc chánh trí, khi lâm chung sẽ chứng đắc chánh trí. Đây là kết quả thứ hai.
[2296] . S. 46.5 *Bhikkhu*.
[2297] . Xem kinh 733.
[2298] . S. 48.65 Dve *phalā*.
[2299] . Bản Hán: đắc hiện pháp trí hữu dư Niết-bàn cập a-na-hàm quả 得現法智有餘涅槃及阿那含果. Có sự nhầm lẫn. Pāli: *diṭṭhiva dhamme aññā, sati vā upādisesa anāgamitā'ti.*
[2300] . Xem kinh 735.
[2301] . Xem kinh 746.
[2302] . Hán: cập mạng chung thời, nhược bất nhĩ giả 及命終時, 若不爾者. Tối nghĩa. Được hiểu như sau: Nếu không như vậy (không Chánh trí tức chứng quả A-la-hán trong đời hiện tại), thì kịp khi mạng chung (sẽ chứng Chánh trí lúc đó). Xem cht.69 kinh 738.
[2303] . S. 46.67 *Asubha*.
[2304] . S.46.68 *Maraṇa*.
[2305] . S. 46.54 *Mettaṃ*.

[2306] . Hoàng chẩm ấp 黃枕邑. Pāli: *Koliyesu viharati haliddavasanaṃ nāma koliyānaṃ nigamo*, trú ở *Koliya*, tại *Haliddavasana*, một thị trấn của người *Koliya*.

[2307] . Bản Pāli:... *bhāvitā... mettācetovimutti kiṃgatikā hoti kiṃparamā kiṃphalā kiṃpariyosanā,* tu tập từ tâm giải thoát, hướng về đâu, cái gì là tối thắng, cái gì là kết quả, cái gì là cứu cánh?
[2308] . Pāli: *subhaparamā mettācetovimutti*.
[2309] . Pāli: *ākāsānañcāyatanaparamā kuruṇācetovimutti*, bi tâm giải thoát, Không vô biên xứ là tối thắng.
[2310] . S. 46.62 *Mettā*.
[2311] . S. 46.76 *Nirodha*.

[2312]. S. 46.66 *Anāpāna*.

[2313]. An-na-ban-na niệm 安那般那念. Pāli ; *anāpānassati*, niệm hơi thở ra vào.

[2314]. S. 46.57-61 *Aṭṭhika* v.v.

[2315]. Trong bản: tâm khẩu 心口, dư chữ khẩu.

[2316]. Ấn Thuận y theo luận Du-già Sư Địa mà thêm vào.

[2317]. Ấn Thuận Hội Biên, "13. Tương ưng Thánh đạo phần", gồm một trăm mười bốn kinh, số 968-1081 (Đại Chánh kinh 748-800). Quốc Dịch, quyển 25, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, "5. Tương ưng Thánh đạo", kinh số 12449-12558, chia thành hai phẩm, phẩm 1 gồm một trăm kinh, toàn bộ quyển 25; phẩm 2, mười kinh, phần đầu quyển 26. Phần lớn tương đương Pāli, S.45 *Maggasaṃyutta*. Đại Chánh, quyển 28, kinh số 748. Pāli, 45.55. *Yoniso*.

[2318]. Bản Pāli, S.45.55: *ariyassa atthaṅgikassa maggassa uppādāya etaṃ pubbaṃgamaṃ etaṃ pubba-nimittaṃ yadidaṃ yonisomanasikārasampadā,* trước khi Thánh đạo tám chi xuất hiện, có tiền tướng là sự thành tựu như lý tác ý.

[2319]. Pāli: *yonisomanasikāra-sampannassetam bhikkhave bhikkhuno paṭikaṅkhaṃ ariyaṃ aṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ bhāvessati,* Tỳ-kheo thành tựu như lý tác ý, hy vọng tu tập Thánh đạo tám chi.

[2320]. S. 45.1 *Āvijjā*.

[2321]. S. 45.24 *Paṭipāda*.

[2322]. Tà sự 邪事. Pāli: *micchāpaṭipāda*, sự thực hành tà vạy.

[2323]. S. 45.30 *Uttiya* (*Uttika*).

[2324]. Ca-ma 迦摩. Bản Pāli: *Uttiyo*.

[2325]. S. 45.7 *Aññ atara bhikkhu*.

[2326]. A-lê-sắt-tra 阿梨瑟吒. Pāli: *Ariṭṭha*.

[2327]. Cam lộ 甘露. Pāli: *amata*, sự bất tử.

[2328] . Hán: giới danh thuyết 界名説. Giới ở đây chỉ Niết-bàn giới. Pāli: *nibbānadhātuyā adhivacanaṃ... amataṃ.*

[2329] . Hán: đẳng tam-muội 等三昧, tức chánh tam-muội hay chánh định. Pāli:*sammāsamādhi*.

[2330] . Hán: cơ nghiệp 基業. Pāli: *kammaṭṭhāna*: đề mục thiền định.

[2331] . A. 3.62 *Bhaya*.

[2332] . Hán: vô mẫu tử úy 無母子畏. Pāli: *amātāputtika bhaya*.

[2333] . Hán: hữu đạo, hữu tích 有道有跡. Pāli: *atthi maggo, atthi paṭipādā.*

[2334] . S. 45.29 *Vedanā*.
[2335] . A. 10. 76 *Abhabba*.
[2336] . S. 45.13 *Sekho*.

[2337] . Học 學. Hay hữu học, chỉ các Thánh giả dưới quả A-la-hán. Pāli: *sekha*.

[2338] . S. 45.51 *Uppāda*.
[2339] . S.45.16-17 *Parisuddha*.
[2340] . Xem kinh 731.
[2341] . A. 5.52 *Rāsi*.
[2342] . S. 45.2 *Upaḍḍham*.
[2343] . Sơn cốc tinh xá 山谷精舍; Pāli: *Giribbaja. Baûn Pāli: Sakyesu vihārati nagarakaṃ nāma sakyānaṃ nigamo*, ở giữa những người Thích-ca, tại *Nagaraka*, một thị trấn của những người Thích-ca.
[2344] . Xem kinh 726.
[2345] . S. 45.4 *Brāhmaṇa*.
[2346] . Sanh Văn Bà-la-môn 生聞婆羅門. Pāli: J*ānussoṇi-brāhmaṇa.*
[2347] . S. 45.21 *Micchatta*.
[2348] . S. 45.34 *Pāraṅgama*.
[2349] . Bài kệ, xem Dham.85-86.
[2350] . S. 45. 76, 83 *Yonisa*.
[2351] . Bất chánh tư duy 不正思惟. Pāli: *ayoniso manasikāra*, không như lý tác ý.

[2352] . Xem các kinh 775, 776, 777.
[2353] . S. 45. 77 *Kalyāṇamitta*.
[2354] . Xem kinh 778.
[2355] . Hán: phi pháp, thị pháp 非法, 是法.
[2356] . S. 45.5 *Kimattha*.
[2357] . Tóm tắt có mười kinh.
[2358] . S. 45.21 *Micchatta*. Cf. S.45.8 *Vibhaṅga*
[2359] . Hán: thí, thuyết, trai 施, 說, 齋. Pāli: *dinnaṃ, yiṭṭhaṃ, hutaṃ.*
[2360] . Hán: chúng sanh sanh 眾生生. Pāli: *sattā opapātikā*.
[2361] . Hán: thiện đáo 善到. Pāli: *sammaggatā*, chân chánh đi (ra khỏi thế gian).
[2362] . Hán: thiện hướng 善向. Pāli: *sammāpaṭipannā*, chân chánh hướng (đến Niết-bàn).
[2363] . Bản Pāli: *katamā... sammādiṭṭhi? yaṃ...dukkhe ñānaṃ*, thế nào là chánh kiến? Nhận thức về khổ...
[2364] . Pāli: *katamo...sammāsaṅkappo? yo kho... nekkammasaṅkappo avyāpādadsaṅkappo avihiṃsāsaṅkappo*, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về xuất ly, tư duy về không thù hận, tư duy về không bạo hại.
[2365] . Cf. M. 117 *Mahācattārīsakasutta*. Cf. N^{0}26(189).
[2366] . Hán: thủ 取, ở đây, Pāli: *upadhi*, sanh y, hay hữu y, tức sở y của tái sanh.
[2367] . Cf. Pāli, M.111: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi sāsavā puññabhāgiyā updhivepakkhā*, có chánh kiến là hữu lậu, thuộc phần phước nghiệp, đưa đến hữu y.
[2368] . Pāli: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā*, có chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, xuất thế gian, thành phần của Đạo.
[2369] . Xem kinh 784.
[2370] . A. 10.103 *Micchatta*.
[2371] . Pāli: *micchattaṃ bhikkhave āgamma virādhanā hoti no ārādhanā*, do đi theo tà nên nghịch ý, không phải thích ý.
[2372] . A. 10.104 *Bīja*.
[2373] . Xem kinh 786.
[2374] . Xem kinh 787.
[2375] . Xem kinh 786.
[2376] . Xem kinh 784.
[2377] . S. 45.36 *Sāmañña*.

[2378] . S. 45.36 *Sāmañña*.

[2379] . S. 45.35 *Sāmañña*.

[2380] . Quốc Dịch, quyển 26, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, "5. Tương ưng Thánh đạo, phẩm 2". Đại Chánh, quyển 29, kinh số 797. –Pāli, S. 45.35. Sāmañña

[2381] . Sa-môn pháp 沙門法 Pāli: sāmañña.

[2382] . Sa-môn quả 沙門果 Pāli: sāmaññaphala

[2383] . Pāli, S. 45.36. Sāmañña.

[2384] . Sa-môn nghĩa 沙門義 . Pāli: sāmaññattha.

[2385] . Pāli, 45. 37. Brahmaĩaĩa; 30-40. Brahmacariya

[2386] . *Quốc Dịch*, quyển 26, Tụng 5. Đạo tụng, Tương ưng 6. An-na-ban-na, gồm mười tám kinh, kinh số 12559-12576; một phẩm duy nhất. *Ấn Thuận Hội Biên*, Tụng 4. Đạo phẩm, Tương ưng 14. An-na-ban-na niệm, gồm hai mươi hai kinh, kinh số 1082-1103. Phần lớn tương đương Pāli, S. 54. Ànàpànasaưyutta. *Đại Chánh quyển* 29, kinh số 801-815. *Phật Quang* quyển 29, kinh số 813-827.

[2387] . Pāli, S.54.1. Ekadhamma. Cf. N^{0}101(15).

[2388] . Hán: nội tức 內息 Pāli: passasati, thở vào.

[2389] . Hán: ngoại tức 外息 Pāli: assasati, thở ra.

[2390] . Hán: tức trường 息長 Pāli: dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ assasāmī' ti pajānāti, trong khi thở ra dài, biết rằng "Tôi đang thở ra dài".

[2391] . Hán: tức đoản 息短 . Pāli: rassaṃ vā assasanto rassaṃ assasāmī' ti pajānāti, trong khi thở ra ngắn, biết rằng "Tôi đang thở ra ngắn".

[2392] . Pāli: sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmī' ti sikkhati, vị ấy học tập rằng, "cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào".

[2393] . Hán:... nhất thiết thân hành tức xuất tức 一切身行息出息 Pāli:passaṃbhayaṃ kāyasaṃkhāraṃ assasissāmī'ti sikkhati, vị ấy học tập rằng, "thân hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào".

[2394] . Hán: giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành 覺知喜覺知樂覺知心行 Pāli:pītippaṭisaṃvedī..., sukhappaṭisaṃvedī..., cittasaṃkhārappaṭisaṃvedī...

[2395] . Hán:... tâm hành tức nhập tức... 心行息入息 Pāli: passambhayaṃ cittasaṃkhāraṃ passasissāmī'ti sikkhati, vị ấy học rằng, "tâm hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào,"

[2396]. Giác tri tâm, giác tri tâm duyệt, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát 覺知心覺知心悅覺知心定覺知心解脫入息.

Pāli: cittappaṭisaṃvedī..., abhippamodayaṃ cittaṃ..., samādahaṃ cittaṃ..., vimocayaṃ cittaṃ...,

[2397]. Hán: quán sát vô thường... đoạn... vô dục... diệt 觀察無常斷無欲威

Pāli: aniccanupassī... virāgānupassī... nirodhānupassī... paṭinissaggānupassī, quán vô thường, quán ly dục, quán diệt, quán xả ly.

[2398]. Pāli, S. 54. 2-5. Bojjhaṅga,v.v...

[2399]. Tóm tắt có bảy kinh.

[2400]. Pāli, S. 54.6. Ariṭṭha.

[2401]. Hán: ư nội ngoại đối ngại tưởng 於內外對礙想. Pāli: ajjhattaṃ bahidhā ca dhammesu paṭighasañña, tri giác tưởng về tính đối ngại (tính đối kháng của vật chất, cũng có nghĩa sự sân hận) nơi các pháp nội và ngoại.

[2402]. Pāli, S. 54.7. Kappina.

[2403]. Pāli: neva kayassa iñjitaṃ và hoti phanditaṃ vā, na cittassa iñjitaṃ và hoti phanditaṃ vā, thân không dao động, không khuynh động; tâm không dao động, không khuynh động.

[2404]. Pāli, S. 54.11. Icchānaṅgala.

[2405]. Nhất-xa-năng-già-la 一奢能伽羅 Pāli: Icchānaṅgala

[2406]. Hán: nhị nguyệt 二 月 . Pāli: temāsaṃ, ba tháng

[2407]. Hán: thời đáo 時到 . Có lẽ Pāli: kālagata, chết.

[2408]. Trong bản: A-la-ha tịch diệt 阿羅訶寂滅

[2409]. Thánh trụ 聖住 Pāli: ariyavihāra.

[2410]. Thiên trụ 天住 Pāli: dibbavihāra.

[2411]. Phạm trụ 梵住 Pāli: brahmavihāra.

[2412]. Học trụ 學住 Pāli: sekhavihāra.

[2413]. Vô học trụ 無 學 住 Pāli: asekhavihāra.

[2414]. Như Lai trụ 如 來 住 Pāli: tathāgatavihāra.

[2415]. Hiện pháp lạc trụ 現 法 樂 住 Pāli: diṭṭhadhammasukhavihāra.

[2416]. Pāli, S.54.12. Kaṅkheyya.

[2417]. Ca-tỳ-la-việt Ni-câu-luật thọ viên . Pāli: Kapilavatthusmiư nigrodhàràme.

[2418]. Thích thị Ma-ha-nam 釋氏摩訶南. Pāli: Mahānāmo sakko.

[2419]. Ca-ma Tỳ-kheo 迦摩比丘 ma Bản Pāli: āyasmā Lokasakaṃbhiyo.

[2420]. Học trụ 學住 Pāli: sekhavihāra.

[2421]. Xem cht.35, kinh 807.

[2422]. Pāli: bhikkhū sekhā... te pañca nīvaraṇe pahāya viharanti, các Tỳ-kheo hữu học an trụ sau khi đoạn trừ năm triền cái.

[2423]. Xem kinh 807.

[2424]. Xem cht.27, kinh 807 trên.

[2425]. Pāli, S. 54.9. Vesāli. Tham chiếu, Tứ phần quyển 2, Tăng kỳ quyển 4, Ngũ phần quyển 2; Mahavagga iii.68.

[2426]. Kim cương tụ lạc Bạt-cầu-ma hà trắc Tát-la-lê lâm 金剛聚落跋求摩河側薩羅梨林. Bản Pāli: Vesāliyaṃ... Mahāvane Kūṭāgārālāyaṃ.

[2427]. Hán: bất tịnh ác lộ. Pāli: asubha.

[2428]. Lộc Lâm phạm chí tử 鹿林梵志子. Tứ phần: Vật-lực-già Nan-đề 物力伽難提. Thập tụng: Lộc Trượng phạm chí 鹿丈梵志. Pāli: Migalaṇḍika samaṇakuttaka. Bản Hán đọc puttaka (con trai) thay vì kuttaka (kẻ giả trang).

[2429]. Bạt-cầu-ma hà 跋求摩. Pāli: Vaggumudā.

[2430]. Pāli, S. 54. 13-14. Ānanda.

[2431]. Minh giải thoát 明解脫Pāli: vijjāvimutti.

[2432]. Hán: dị ư thân 異於身. Pāli: kāyantarāhaṃ ānanda etam vadāmi yadidaṃ assāsa passāsaṃ, tùy thuộc một (trong hai) thân, ta nói cái đó là hơi thở ra, hơi thở vào

[2433]. Hán: dị thọ... tùy *thọ* (nguyên bản: *thân*) tỉ tư duy 異受隨受(身)比思惟. Pāli: vedanāññatarāhaṃ ānanda etaṃ vadāmi yadidaṃ assāsa passāsaṃ sādhukaṃ manasikaṃ, tùy theo một thọ, ta nói cái này là hơi thở ra, hơi thở vào được khéo léo tác ý.

[2434].

[2435]. Pāli, S. 54.10. Kimila.

[2436]. Kim-tỳ-la tụ lạc Kim-tỳ lâm 金毘羅聚落金毘林. Pāli: Kimilāyaṃ viharati veḷuvane.

[2437]. Kim-tỳ-la 金毘羅Pāli: Kimila, tức Kimbila.

[2438] . Cù-đàm, đây chỉ A-nan, gọi theo dòng họ.
[2439] . Không mệt nhọc. Pāli, S. 54.8. Dīpa.
[2440] . Pāli: neva kāyo kilamati na cakkhūni anupādāya ca me āsavehi cittaṃ vimuccati, thân không mệt mỏi, mắt cũng không; Ta, sau khi không còn chấp thủ, tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc.
[2441] . Ca-đê nguyệt 迦低月Pāli: kaṭṭika, thường chỉ tháng sau ngày giải chế an cư.
[2442] . Ấn Thuận Hội Biên, "15. Tương ưng học," gồm ba mươi hai kinh, số 1104-1135 (Đại Chánh, kinh 816-832*)*. Không có tương đương Saṃyutta Pāli; phần lớn tương đương Aṅguttara. 3. Quốc Dịch, quyển 26, "7. Tương ưng học," kinh số 12577-12608 (qua một phần quyển 27), chia làm hai phẩm, phẩm 1, kinh 12577-12593, phẩm 2, kinh 12594-12608. –Đại Chánh, quyển 29, kinh 816. Pāli, A. 3.89.Sikkhā.
[2443] . Tăng thượng ý 增上意 tức tăng thượng tâm, chỉ định học. Pāli: adhicitta
[2444] . Thị thuyết vi giác tích đệ nhất thanh lương tập 是說為覺跡第一清涼集Pāli: tamāhu sekkhaṃ paṭipadaṃ, atho saṃsuddhacāriyam, đây gọi là lối đi hữu học, hành thanh tịnh. Bản Hán đọc samudàcàra, sự tập khởi, hay tập hành
[2445] . Pāli, S. 3.88. Sikkhā.
[2446] . Hán: vô thượng tuệ thọ nhi hoạt 無上慧壽而活.
[2447] . Pāli, S. 3.87. Sādhika (Sikkhā.1).
[2448] . Hán: quá nhị bách ngũ thập giới 過二百五十戒 Bản Pāli: diyaḍḍha-sikkhāpadasataṃ, một trăm năm mươi điều học giới.
[2449] . Pāli, A. 3.86. Sekkha.
[2450] . Pāli: sīìlesu paripūrakārī hoti samādhismiṃ mattaso kārī paññāya mattaso kārī, nơi giới hành trì toàn phần, nơi định, tuệ hành trì một phần nhỏ.
[2451] . Hán: giới sư thường trú 戒 師 常 住 Pāli: ṭhitasīlo, giới trụ vững.
[2452] . Pāli, A. 3.85. Sikkhā.
[2453] . Xem cht.69 kinh 819 trên.
[2454] . Xem cht.71 kinh 820 trên.
[2455] . Nhất chủng đạo 一種道 quả vị thuộc Tư-đà-hàm. Pāli: ekabīja
[2456] . Xem kinh 821.
[2457] . Xem cht.71 kinh 820

[2458] . Xem cht.71 kinh 820

[2459] . Nhất chủng đạo (Pāli: ekabījīka), *Câu-xá 24* gọi là nhất gián 一間 , vị Thánh giả còn một lần tái sanh Dục giới nữa sẽ chứng quả A-na-hàm.

[2460] . Pāli, A.3.84. Sekha.

[2461] . Pāli, A.3.84. Sekha.

[2462] . Hán: học giả 學者 tức học nhân, chỉ Thánh giả hữu học. Paki: sekha

[2463] . Pāli: khayasmiṃ paṭhamaṃ ñāṇaṃ, trong sự đoạn tận, trí thứ nhất (khởi lên)

[2464] . Hán: thứ cứu cánh vô tri 次究竟無知 Pāli: tato aññā anantarā, kế đó, không gián đoạn, chánh trí (khởi lên). Bản Hán đọc aññāṇa, vô tri hay vô trí, thay vì làaññā: chánh trí (của A-la-hán).

[2465] . Cf. It. 46. Sikkhā.

[2466] . Luật các bộ: thập cú nghĩa 十句義 , mười mục đích Phật chế giới. Cf. Pāli: dasa atthavase paṭicca.

[2467] . Pāli, S. 3.82. Sukhetta.

[2468] . Con lừa. Pāli. A. 3.81. Samaṇa.

[2469] . Pāli, A. 3.83. Vajjiputta.

[2470] . Đại Chánh, quyển 30. Quốc Dịch quyển 27, "7. Tương ưng học" tiếp theo, phẩm 2.- Pāli, A. 3.90. Paíkadhà.

[2471] . Băng-già-xà Băng-già-kỳ lâm 崩伽闍崩伽耆林.

Pāli: *Paṅkadhā* (*Saṅkava*).

[2472] . Giới tương ưng pháp 戒相應法.Pāli: *sikkhāpadapaṭisaṃyitta*.

[2473] . Ca-diếp Thị 迦葉氏.Pāli: *Kassapagotta*.

[2474] . Bản Pāli: *adhisallikhat'evāyaṃ samaṇo*, vị Sa-môn này quá khắt khe

[2475] . Hán: phó chúc ngọa cụ 付囑臥具.Pāli: *senāsanaṃ saṃsametvā* thâu thập tọa ngọa cụ.

[2476] . Pāli: *āyatiṃ saṃvaraṃ āpajjati*, phòng hộ phạm tội trong tương lai. Bản Hán đọc *upajjati* (sanh khởi) thay vì *āpajjati* (phạm tội).

[2477] . Pāli, A. 3.90. *Paṅkadhā*.

[2478] . Pāli, A. 3.88. *Sikkhā*.

[2479] . Tóm tắt có mười kinh.

[2480] . Ấn Thuận Hội Biên, "16. Tương ưng Bất hoại tịnh", gồm hai mươi chín kinh (số 1136-1164). Phần lớn tương đương Pāli, S.55. *Sotāpattisauyutta*. Quốc Dịch, quyển 26 tiếp theo, "8. Tương ưng Bất hoại tịnh", chia làm hai phẩm. – Pāli, S. 55.30.*Licchavi*.

[2481] . Điều tượng sư Ly-xa 調象師離車.Pāli: *Nandako Licchavimahāmatto*. Vị Đại thần của *Licchavi* tên là *Nandaka*.

[2482] . Bất do tha dục 不由他欲. Đây chỉ thiện pháp dục (Pāli: *kusala-dhammachanda*).

[2483] . Thanh tịnh tín lạc 清淨信樂. Pāli: *pāsada*, trong sáng thuần tịnh; cũng có nghĩa tịnh tín. Do đó, *aveccappasāda*, bất hoại tịnh, hay chứng tịnh, trừng tịnh, cũng nói là bất động tín.

[2484] . Không nghèo. Pāli, S. 55.44-45. *Mahaddhana*.

[2485] . Pāli, S. 55.1 *Rājā*.

[2486] . Pāli, S. 55.16-17. *Mittenāmaccā*.

[2487] . Pāli: *Ye te bhikkhave anukampeyyātha, ye ca sotabhaṃ maññeyyuṃ, mittā vā amaccā vā ñāti vā sālohitā vā, te bhikkhave catūsu sotāpattiyaṅgesu samādapetabbā*: "Này các Tỳ-kheo, những người mà các ngươi yêu thương, những người có thể tư duy điều cần được nghe, tức là bằng hữu, thân thích, huyết thống; các ngươi hãy khuyến dẫn họ vào trong bốn chi phần của Dự lưu".

[2488] . Bị Tăng tác pháp yết-ma xả trí.

[2489] . Tỳ-kheo phạm tội nhưng ngoan cố không tự thừa nhận, Tăng tác pháp yết-ma bất kiến tội.

[2490] . Pāli, S. 55.31. *Abhisanda* (1).

[2491] . Pāli: *Cattārome puññābhisandā kusalābhisandā sukhassāhārā*, có bốn sự thấm nhuần của phước, của thiện, là thức ăn cho sự an lạc

[2492] . Pāli, S. 55.32. *Abhisanda* (2).

[2493] . Pāli, S. 55.41-42. *Abhisanda*.

[2494] . Năm sông lớn: Hằng hà 恒河, Da-bồ-na 耶菩那, Tát-la-do 薩羅由, Y-la-bạt-đề伊羅跋提, Ma-hê 摩醯. Pāli: *Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī*.

[2495] . Pāli, S. 55.12. *Brāhmaṇa*.

[2496] . Pāli, S. 55.5. *Sāriputta* (2).

[2497] . Hán: lưu 流.Pāli: *sota*, dòng nước.

[2498] . Nhập lưu phần 入流分, cũng nói là Dựu lưu chi, chi phần của dòng Thánh. Pāli: sotāpattiyaṅga.

[2499] . Bốn Dự lưu chi, xem *Phẩm Loại Túc Luận* 2, tr.458b: thân cận Thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Cf. D.iii. *Saṅgīti,*

cattāri sotāpattiyaṅgāni: sappurisa-saṃsevo, saddhamma-savanaṃ, yoniso-manasikāro, dhammānudhammāpaṭipatti.

[2500] . Nhập lưu giả 入流者. Pāli; *sotāpanna*, chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu

[2501] . Pāli, S. 55.4. *Sāriputta* (1).

[2502] . Trong nguyên bản, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Xá-lợi-phất.

[2503] . Pāli, S. 55.29. *Bhayaṃ* (hay *Bhikkhu*) (2).

[2504] . Khủng bố đối oán 恐怖怨對. Pāli: *bhayavera*, kinh sợ và oán thù.

[2505] . Pāli, S. 55.28, *Duvera*, hay *Anāthapiṇḍika*.

[2506] . Ấn Thuận tách thành một kinh riêng

[2507] . Pāli, S. 55.35. *Devapada*.

[2508] . Chư Thiên thiên đạo 諸天天道. Pāli: *devānaṃ devapadāni*.

[2509] . Pāli, S. 55.35. *Depada*.

[2510] . Như Lai sự 如來事, tức Như Lai hiệu. Pāli: *Tathāgataguṇa* (?).

[2511] . Hán: thân ỷ tức 身猗息.

[2512] . Xem cht.41, kinh 848 trên.

[2513] . Pāli, A. 11.12-13. *Mahānāma*.

[2514] . Xem cht.41, kinh 848 trên.

[2515] . Tham dục triền, sân nhuế triền, ngu si triền 貪欲纏,瞋恚纏,愚癡纏. Pāli:*rāgapariyuṭṭhita, dosapariyuṭṭhita, mohapariyuṭṭhita,* (tâm) bị quấn chặt bởi tham, sân, si.

[2516] . Hán: pháp lưu thủy, nghĩa lưu thủy 法流水,義流水. Bản Pāli: *dhammaveda, atthaveda*

[2517] . Bản Pāli: *dhammupasaṃhitam pāmojjaṃ,* sự hoan hỷ liên hệ đến pháp

[2518] . Tấm gương của pháp. Pāli, S. 55.9. *Giñakāvasatha.*

[2519] . Pháp kính kinh 法鏡經. Pāli: *dhammādāsa dhammapariyāya,* pháp môn Pháp kính.

[2520] . Pāli, S. 55.8. *Giñakāvasatha*.

[2521] . Bản Pāli, như kinh 854.

[2522] . Nan-đồ Tỳ-kheo 難屠比丘.Nan-đà Tỳ-kheo-ni 難陀比丘尼,Thiện Sanh Ưu-bà-tắc 善生優婆塞,Thiện Sanh Ưu-bà-di 善生優婆夷. Pāli: *Sāḷha (?) bhikkhu, Nandā bhikkhunī; Sudatta (?) upāsaka, Sujātā upāsikā.* S.55.8-10, danh sách còn dài hơn.

[2523] . Bản Pāli, như kinh 854.

[2524] . Danh sách đầy đủ, S. 55.8-10.
[2525] . Pāli, S. 55.10. *Giñjakāvasatha*.
[2526] . Na-lê-ca tụ lạc Phồn-kỳ-ca tinh xá 那梨迦聚落繁耆迦精舍. Pāli: *Ñātike Giñjakāvasathe.*
[2527] . Kế-ca-xá Ưu-bà-tắc罽迦舍優婆塞, Ni-ca-tra 尼迦吒,Khư-lăng-ca-la 佉楞迦羅,Ca-đa-lê sa-bà 迦多梨沙婆.Xà-lộ 闍露.Ưu-ba-xà-lộ 優婆闍露. Lê-sắc-tra 梨色吒.A-lê-sắc-tra 阿梨色吒. Bạt-đà-la 跋陀羅.Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Da-xá 耶舍.Da-du-đà 耶輸陀.Uất-đa-la 鬱多羅.Danh sách Pāli, S. 55.10: *Kakkato ñāṭike upāsako, Kāḷibho, Nikato, Kaṭissabho, Tuṭṭho, Santuṭṭho, Bhaddo, Subhaddo.*
[2528] . Pāli, S. 55.40. *Nandiya*.
[2529] . Nan-đề Ưu-bà-tắc 難提優婆塞. Pāli: *Nandiyo sakko.*
[2530] . Bản Pāli: *cattāri sotāpattyaṅgāni,* bốn Dự lưu chi.
[2531] . Hán: ư nhất thiết thời 於一切時. Pāli: *sabbena sabbaṃ sabbathā sabbaṃ,* toàn bộ, một cách triệt để.
[2532] . Hán: phàm phu số 凡夫數. Pāli: *puthujanapakkha,* thành phần phàm phu
[2533] . Pāli, S. 55.47. *Nandiya*.
[2534] . Phật tại Xá-vệ, bản Hán có thể nhầm. Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ. Pāli: *Sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.*
[2535] . Thích thị Nan-đề 釋氏難提. Pāli: *Sakko Nandiyo.*
[2536] . Xem kinh 855.
[2537] . Xem các kinh 855, 856.
[2538] . Hán: tiền tam nguyệt hạ 前三月夏; mùa hè, tức mùa mưa, có bốn tháng. An cư trong phạm vi ba tháng đầu.
[2539] . Pāli, A. 11.14. *Nandiya*.
[2540] . Xem cht.69 kinh 857.
[2541] . Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ thì đúng hơn. Xem cht.65, kinh 857
[2542] . Tham chiếu kinh 858.
[2543] . Lê-sư-đạt-đa 梨師達多. Pāli: *Isidatta*. Xem kinh 860.
[2544] . Phú-lan-na 富蘭那. Pāli: *Purāṇa*. Xem kinh 860.
[2545] . Pāli, S. 55.6. *Thapatayo*.

[2546] . Xem cht.74,75, kinh 859.

[2547] . Lộc kinh trạch 鹿徑澤. Pāli: *Isidattapurāṇā thapatayo sādhuke paṭivasanti,* hai người thợ *Isidatta* và *Purāṇa* đang ở tại thôn *Sādhuka*.

[2548] . Câu-tát-la 拘薩羅; Ca-thi 伽尸; Ma-la 摩羅; Ma-kiệt-đà 摩竭陀; Ương-già 殃伽, Tu-ma 修摩; Phân-đà-la 分陀羅; Ca-lăng-già 迦陵伽. Pāli, theo thứ tự: *Kosala, Kāsi, Malla, Magadha, ṅga, Sumbha, Puṇḍarīka, Kaliṅga.* Lộ trình không giống với S. 55.6.

[2549] . Đại Chánh, quyển 31, kinh số 861-904. – Phật Quang, quyển 23, kinh số 575-618. – Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, "37. Tương ưng thiên," gồm 48 kinh, số 12874-12921 *(Đại Chánh, số 861-872);* "38. Tương ưng tu chứng," gồm bảy mươi kinh, số 12922-12991 *(Đại Chánh, số 873-891)*; "39. Tương ưng Nhập giới ấm,"gồm một trăm tám mươi hai kinh, số 12992-13173 *(Đại Chánh, số 892-901)* và kinh đầu của "40. Tương ưng Bất hoại tịnh," số 13174-13173.- *Quốc Dịch* quyển 28 *(nửa sau),* Tụng 5. Đạo tụng, "Tương ưng chư Thiên" *(bao gồm bốn tương ưng trong Ấn Thuận Hội Biên)*chia thành mười ba phẩm, gồm bốn mươi ba kinh, số 12685-12955 *(Đại Chánh, số 861-904)*. Cf. A. 3.70. Uposathaṅga.

[2550] . Đâu-suất-đà 兜率陀. Pāli: Tusita.

[2551] . Như kinh 861.

[2552] . Hóa lạc thiên 化樂天. Pāli: Nimmānarati.

[2553] . Tha hóa tự tại 他化自在天. Pāli: Paranimmitavasavattī.

[2554] . Để bản: xả ly dư 捨離餘, có thể sót. Nói đủ là: xả nhất thiết hữu dư 捨離一切有餘. Xem kinh 867

[2555] . Trung Bát-niết-bàn 中般涅槃, Pāli: antarāparinibbayī.

[2556] . Sanh Bát-niết-bàn 生般涅槃. Pāli: upabaccaparinibbayī.

[2557] . Hữu hành Bát-niết-bàn 有行般涅槃. Pāli: sasaikhāraparinibbayī, (tổn hại Bát-niết-bàn).

[2558] . Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃. Pāli: asaṅkhāraparinibbayī.

[2559] . Thượng lưu Bát-niết-bàn 上流般涅槃. Pāli: uddhaṃsoto hoti akaniṭṭha-gāmā(thượng lưu cứu cánh).

[2560] . Đại Phạm thiên 大梵天. Pāli: Mahābrahamā.

[2561] . Phạm phụ thiên 梵輔天. Pāli: Brahmapurohita.

[2562] . Phạm thân thiên 梵身天. Brahmakāyikā.

[2563] . Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃. Pāli: asaṅkhāraparinibbayī.

[2564] . Tự tánh quang âm thiên 自性光音天. Pāli: Ābhassara.

[2565] . Vô lượng quang thiên 無量光天. Pāli: Appamāṇābha.

[2566] . Thiểu quang thiên 少光天. Pāli: Parittābha.

[2567] . Nguyên bản không có chữ *sắc*, y các bản Tống-Nguyên-Minh bổ túc.

[2568] . Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: Subhakiṇṇā.

[2569] . Vô lượng tịnh thiên 無量淨天. Pāli: Appamāṇasubha.

[2570] . Thiểu tịnh thiên 少淨天. Pāli: Parittasubha.

[2571] . Tịnh niệm 淨念, hay nội đẳng tịnh, hay nội tịnh. Xem *Câu-xá,* T.29, tr.146c.

[2572] . Nhân tánh Quả thật thiên 因性果實天. Pāli: Vehapphala (Quảng quả thiên).

[2573] . Phước sanh thiên 福生天. Pāli: Puññapasavana.

[2574] . Thiểu phước thiên 少福天, tức Vô vân

thiên 無雲天 (Pāli: anabbhaka). Xem*Câu-xá,* T.29, tr.41a.

[2575] . Pāli, S. 32.1. Desanā.

[2576] . Phong vân thiên 風雲天. Pāli: valāhakāyika deva (Vân thiên, trời mây).

[2577] . Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tình thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên 焰電天,雷震天,雨天,晴天,寒天,熱天. Tham chiếu Pāli, S. 32.53. Sītavalāhaka, Hàn vân thiên, trời lạnh; 54. Uṇhavalāka, Nhiệt vân thiên, trời nóng; 55.Abbhavalāhaka, Ám vân thiên, trới tối; 56. Vātavalāhaka, Phong vân thiên, trời gió; 57. Vassavalāhaka, trời mưa.

[2578] . Tóm tắt có hai mươi kinh (theo Ấn Thuận).

[2579] . Cây lọng che đèn.

[2580] . Câu-lân Tỳ-kheo kheo 拘鄰比丘, tức Kiều-trần-như. Pāli: Aññā-Koṇḍañña.

[2581] . Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pāli: Sakko devānaṃ Indo

[2582] . Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la 袟栗帝羅色吒羅, tức Đê-đầu-lại-tra. Pāli: Dhataraṭṭha, Trì Quốc Thiên vương.

[2583] . Tỳ-lâu-lặc-ca 毘樓勒迦 Pāli: Virūḷhaka, Tăng Trưởng Thiên vương.

[2584] . Tỳ-lâu-bặc-xoa 毘樓匐叉. Pāli:Virūpakka, Quảng Mục Thiên vương.

[2585] . Tỳ-sa-môn 毘沙門. Pāli: Vessavaṇa, Đa Văn Thiên vương.

[2586] . Ấn Thuận Hội Biên, "38. Tương ưng Tu chứng" gồm bảy mươi kinh. (Đại Chánh mười chín kinh, 873-891). Kinh 873, Bốn loại huấn luyện. Pāli, A. 4.7.Sobheti; Cf. №125(27.7).

[2587] . Tài biện 才辯. Bản Pāli: viyatta, có năng lực, thông minh.

[2588] . Vô úy 無畏, tức vô sở úy. Pāli: visārada, tự tin, không do dự.

[2589] . Hành pháp thứ pháp hướng 行法次法向. Pāli: dhammassa hoti anudhammacārī, là người thực hành tùy pháp của pháp.

[2590] . Tăng hảo 僧好, Tăng trung hảo 僧中好, thiện chúng 善眾. Pāli:saṅghasobhaṇa, sự tỏa sáng giữa Tăng.

[2591] . Tóm tắt có tám kinh.

[2592] . Cf. Pāli, It. 74. Putta.

[2593] . Tùy sanh tử 隨生子. Pāli: anujāta, (con) giống cha; bằng cha.

[2594] . Thắng sanh tử 勝生子 hay ưu sanh. Pāli: atijāta, con giỏi hơn cha

[2595] . Hạ sanh tử 下生子. Pāli: avajāta, con thấp kém.

[2596] . Tham chiếu, S. 49.1-12. Gaṅgā-peyyāla.

[2597] . Chánh đoạn 正斷. Pāli: sammappadhāna, chánh cần. Bản Hán đọc, pahāna: đoạn, thay vì padhāna, tinh cần. Cf. D. 33. Saṅgīti, có bốn sammappadhānā (bốn chánh cần) và bốn padhānāni (bốn tinh cần) khác nhau.

[2598] . Xem giải thích kinh 877.

[2599] . Xem cht.49, kinh 875.

[2600] . Xem giải thích kinh 877.

[2601] . Đoạn 斷. Pāli: pahāna-padhāna, tinh cần để đoạn trừ.

[2602] . Sanh dục 生欲; Pāli: chandaṃ janeti, sanh khởi ý muốn, ý chí.

[2603] . Phương tiện 方便,ở đây được hiểu là nỗ lực, không phải phương tiện thiện xảo. Pāli: vāyamati, vị ấy nỗ lực.

[2604]. Tinh cần 精勤, tức tinh tấn. Pāli: viriyaṃ ārabhati..

[2605]. Nhiếp thọ 攝受. Pāli: citaṃ paggaṇhāti padahati, giữ chặt tâm và sách tiến tâm.

[2606]. Đây gọi là bốn chánh cần, Pāli: cattāro sammappadhānā; xem cht. 47, kinh 875. Tham chiếu, D. 33. Saṅgīti: katamañc'āvuso pahāna-padhānaṃ? Idh' āvuso bhikkhu uppannaṃ kāma-vitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti ... , ở đây, Tỳ-kheo, dục tầm đã khởi, không thừa nhận nó, đoạn trừ nó, tiêu diệt nó.

[2607]. Luật nghi đoạn 律儀斷. Pāli: saṃvara-padhāna, tinh cần phòng hộ (chế ngự)

[2608]. Tham chiếu, D.33: katamañ c' āvuso saṃvara-padhānaṃ: Id 'āvuso bhikkhu cakkhunā rūpaṃ dsvā na nimittaggāhī hoti ..., Thế nào là tinh cần phòng hộ? Tỳ-kheo sau khi thấy sắc bởi mắt, không chấp thủ tướng...

[2609]. Tùy hộ đoạn 隨護斷. Pāli: anurakkhaṇā-padhāna, tinh cần thủ hộ.

[2610]. Cf. D.33: katamañ c' āvuso anurakkhaṇa-padhānaṃ? Id' āvuso bhikkhu uppannaṃ bhaddaṃ samādhi-nimittaṃ anurakkahti... Thế nào là tinh cần thủ hộ? Tỳ-kheo thủ hộ định tướng (dấu hiệu của định) tốt đẹp đã khởi lên...

[2611]. Tu đoạn 修斷. Pāli: bhāvana-padhāna, tinh cần tu tập.

[2612]. Cf. D.33: (...) Idh' āvuso bhikkhu sati-saṃbojjhaṅgaṃ bhāveti..., ở đây, Tỳ-kheo tu tập niệm giác chi...

[2613]. Xem cht.60, kinh 877.

[2614]. Xem cht.62, kinh 877.

[2615]. Xem cht.64, kinh 877.

[2616]. Tóm tắt có chín kinh.

[2617]. Bất phóng dật 不放逸. Pāli: appamāda.

[2618]. Tóm tắt có năm kinh.

[2619]. Pāli, S. 49.13-22. Appamāda-vagga.

[2620]. Câu-tỳ-đà-la 俱毘陀羅. Pāli: koviḷāra, một loại hắc đàm, hay trầm đen.

[2621]. Già-thi 伽尸. Pāli: Kāsi, địa danh, một trong mười sáu vương quốc lớn thời Phật, nơi sản xuất vải danh tiếng.

[2622]. Kim sí điểu 金翅鳥, chim cánh vàng. Pāli: garuḍa.

[2623]. Tú-diệm-ma Thiên vương 宿焰摩天王. Pāli: Suyama-devarājā

[2624]. Đâu-suất-đà Thiên vương 兜率陀天王. Pāli: Tusita-devarājā

[2625]. Thiện Hóa lạc Thiên vương 善化樂天王. Pāli: Sunimmita-devarājā.

[2626]. Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử 善他化自在天子. Pāli: Suparanimmtavasavatta-devaputta.

[2627]. Nguyên Hán: tát-la 薩羅. Pāli: sara, hồ, ao.

[2628]. Nguyên Hán: A-nậu-đại tát-la 阿耨大薩羅. Pāli: Anotatta-sara.

[2629]. Các sông lớn: Hằng hà 恒河, Tân-đầu 新頭, Bác-xoa 搏叉, Tư-đà 司陀. Pāli, theo thứ tự: Gaṅgā, Sindhū, Vaggu (?), Sīdī (?).

[2630]. La-hầu-la A-tu-la 羅[目*侯]羅阿修羅. Pāli: Rāhu-asurinda.

[2631]. Đảnh Sanh vương 頂生王. Pāli: Muddhāvasitta-rājā.

[2632]. Thánh giới 聖界. Pāli: ariya-dhātu (?)

[2633]. Pāli, S. 34. Jhānasaṃyutta.

[2634]. Tứ chủng thiền 四種禪. Pāli: cattāto jhayī, bốn hạng thiền giả.

[2635]. Tam-muội thiện 三昧善. Pāli: samādhismiṃ samādhikusalo, thiện xảo về định trong khi định. Giải thích của Aṭṭhakathā: thiện xảo phân biệt thiền chi trong các thiền.

[2636]. Phi chánh thọ thiện 非正受善. Pāli: na samādhismiṃ samāpattikusalo, không thiện xảo về sự chứng nhập (*đẳng chí*) trong định. Aṭṭhakathā giải thích: sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, tâm thích ứng, nhưng không thể chứng nhập thiền.

[2637]. Trụ tam-muội thiện phi trụ chánh thọ thiện 住三昧善非住正受善. Pāli:samādhismiṃ samādhikusalo na samādhismiṃ ṭhitikusalo, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo trụ lâu trong định.

[2638]. Hán: phi chánh thọ khởi thiện 非正受起善. Pāli: na samādhismiṃ vuṭṭhanākusalo, không thiện xảo để xuất định.

[2639]. Tam-muội thời thiện phi chánh thọ thời thiện 三昧時善非正受時善. Pāli:samādhismiṃ samādhikusalo na samādhismiṃ kallitakusalo, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo thích ứng trong định. Aṭṭhakathā giải thích: na samādhismiṃ kallitakusalo'ti cittaṃ hāsetvā nā kallaṃ kātuṃ akusalo, không thiện xảo thích ứng trong định, nghĩa là, sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, nhưng không thiện xảo khiến tâm thích

ứng. Bản Hán đọc kāla: thời gian, thay vì kalla: thích ứng (cũng được hiểu là an lạc).

2640 . Phi chánh thọ xứ thiện 非正受處善. Pāli: na samādhismiṃ gocarakusalo, không thiện xảo về cảnh giới sở hành trong định.

2641 . Pāli (S.34.8): Samādhismiṃ sakkaccakārī hoti, có sự nhiệt hành trong định. Sớ giải: jhānaṃ appetuṃ sakkaccakārī hoti, có sự nhiệt hành để đột tiến trong định. Bản Hán hiểu sakkaccakārī là "cung kính tác lễ (= nghinh)".

2642 . Hán: chánh thọ lai 正受來. Pāli (S.34.7): na samādhismiṃ abhinīhārakusalo, không thiện xảo về sự dẫn phát trong định. Sớ giải: kammaṭṭhānaṃ visesa bhāgiyatāya abhinīharituṃ akusalo, không thiện xảo để dẫn phát đề mục thiền định thăng tiến.

2643 . Hán: phi tam-muội ác thiện 非三昧悪善. Cf. có lẽ Pāli (S.34.10): samādhismiṃ samādhikusalo hoti na samādhismiṃ sappāyakārī, có thiện xảo định trong định nhưng không làm tăng ích trong định.

2644 . Nhiều đoạn không xác định được Pāli tương đương.

2645 . Pāli, A. 3.58. Tīkaṇṇa.

2646 . Pāli: aññathākho, brāhmaịa, brāhmaṇā brahmaṇam tevijjaṃ paññapenti, aññathā ca pana ariyassa vinaye tevijjo hotī ti, ba minh trong Thánh pháp luật khác với ba minh của Bà-la-môn được các Bà-la-môn chủ trương. Xem kinh 886 ở sau.

2647 . Pāli, A. 3.58. Tīkaṇṇa; 3.59. Jāṇussoni.

2648 . Pāli, A. 3.58. Tikaṇṇa.

2649 . Bản Pāli: tikaṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Tikaṇiaa (ba lỗ tai).

2650 . Pāli: tevijjā brāhmaṇā.

2651 . Hán: phụ mẫu cụ tướng 父母具相. Pāli: ubhto sujāto mātito ca pitito ca, dòng dõi cha mẹ đều thiện (thuần chủng).

2652 . Hán: vô chư hà uế 無諸瑕穢. Pāli: akkhitto, không lai tạp.

2653 . Hán: lịch thế bản mạt 歷世本末. Pāli: itihāsa, truyện cổ.

2654 . Hán: thử ngũ chủng ký 此五種記, có thể sai. Pāli: (itihāsa) pañcamānaṃ, thứ năm là truyện cổ. Bốn môn trước: tiṇṇaṃ vedānaṃ: ba tập Veda, nighaiḍu: ngữ vựng (Hán: vật loại danh tự), ketubha: sách nghi lễ (Hán: vạn vật phẩm sai?),akkharabheda: phân tích âm vận (Hán: tự loại phân hiệp).

2655 . Bản Cao-ly: chân yếu 真要.

[2656] . Đẳng khởi 等起; Pāli: samuṭṭhāna, sự xuất hiện, nguyên khởi nguyên động lực làm phát khởi.
[2657] . Pāli, S. 43.11-43. Maggena,v.v...
[2658] . Vô vi đạo tích 無為道跡. Pāli: asaṅkhatagāmimagga, con đường dẫn đến vô vi.
[2659] . Tóm tắt, tám kinh.
[2660] . Trên đầu sợi lông. Pāli, S. 13. Abhisamayasaṃyutta.
[2661] . Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等, xem cht.67 kinh 23
[2662] . Tóm tắt có tám kinh.
[2663] . Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 39, "Nhập giới ấm tương ưng", Đại Chánh kinh 892-901. –Đại Chánh, 892; Pāli: S.25. Okkantasauyuttam.
[2664] . Tín hành 信行, tức tùy tín hành. Pāli: saddhānusārin.
[2665] . Hán: ly sanh 離生. Không rõ Pāli. Tham chiếu, Sn. 371: saddho sutavā niyāmadassī có tín, có văn, có kiến, ly sanh. Về nghĩa *ly sanh vị*, siêu việt phàm phu vị, xem *Câu-xá,* tr.40c.
[2666] . Pháp hành 法行 hay tùy pháp hành 法行 . Pāli: dhammānusārin.
[2667] . Tóm tắt có chín kinh.
[2668] . Năm loại hạt giống.
[2669] . Tóm tắt có mười kinh.
[2670] . Pāli, A. 4.23. Loka.
[2671] . Tóm tắt có tám kinh.
[2672] . Tóm tắt có năm mươi kinh.
[2673] . Tóm tắt có năm mươi kinh.
[2674] . Tham chiếu, Pāli, S. 18. Rāhulasaṃyutta. Xem các kinh 198-200.
[2675] . Tham chiếu, Pāli, S.13.11. Anusaya.
[2676] . Đam mê vị ngọt.
[2677] . Thiết lập pháp thiện.
[2678] . Pāli, S. 45.139. Tathāgata. Cf. A. 4.34. Pasāda.
[2679] . Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, "41. Tương ưng Đại Ca-diếp," gồm mười một kinh, chín kinh đầu, số 13236-13244 (Đại Chánh, số 1136-11440); phần tiếp, hai kinh, số 13245-13246, (Đại Chánh, số 905-905); "42. Tương ưng Tụ lạc chủ", mười kinh, số 13247-13256 (Đại Chánh, số 907-916).–Quốc Dịch quyển 45, Tụng 8. Như Lai, "1. Tương ưng Đại Ca-diếp" mười một kinh, số 13356-13366; "2. Tương ưng Tụ lạc chủ," gồm mười kinh, số 13367-13376. Pāli, S. 16.12.Paraṃmaraṇaṃ.
[2680] . Bản Pāli, Xá-lợi-phất hỏi Ca-diếp. Xem tiếp đoạn dưới

[2681] . Pāli: hoti tathāgato paraṃ maraṇā, Như Lai có tồn tại sau khi chết?

[2682] . Hán: vô ký 無記. Pāli: avyākata

[2683] . Hán: vô tự tánh trí 無自性智.

[2684] . Bản Pāli, Ca-diếp trả lời: na hetaṃ āvuso atthasaṃhitaṃ nādibrahmacariyakaṃ na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na saṃbodhāya na nibbāya saṃvattati, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, không thuộc phạm hạnh căn bản, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly tham, diệt tận, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

[2685] . Để bản không có hai chữ *sanh tử*. Vì đây là cú nghĩa thứ tự của vấn đề, nên theo các nghĩa trước mà thêm cho đủ ý.

[2686] . Pāli, S.16.13. Saddhammapaṭirūpakaṃ (tượng pháp). Tham chiếu Hán, №100(121).

[2687] . Gọi là ngũ trược ác thế 五濁惡世, bản Pāli không có.

[2688] . Bản Pāli: khi vàng thật còn ở đời thì vàng giả không xuất hiện. Khi vàng giả xuất hiện thì vàng thật biến mất ở đời (yato ca kho jātarūpappatirūpakaṃ loke uppajjati atha jātarūpassa antaradhānaṃ).

[2689] . Chánh pháp 正法. Pāli: saddhamma.

[2690] . Hán: tương tợ tượng pháp 相似像法. Pāli: saddhammapatirūpaka, tương tợ chánh pháp.

[2691] . Bản Pāli: pañca okkamaniyā... satthari agāravā viharanti appatissā, dhamme agāravā... saṅghe agāravā... sikkhāya agāravā... samādhismiṃ agāravā..., năm sự thoái hóa: chúng không tôn trọng Đạo sư, sống không tùy thuận; không tôn trọng Pháp, không tôn trọng Tăng, không tôn trọng Học giới, không tôn trọng Chánh định.

[2692] . Ấn Thuận Hội Biên, “42. Tương ưng Tụ lạc chủ” gồm mười kinh. Đại Chánh, quyển 32, kinh số 907-916. Phần lớn tương đương Pāli, S.42 Gāmanisaṃyutta. Xem thêm cht.1 “1. Tương ưng Đại Ca-diếp”. Pāli, S. 42.2. Puṭo. Tham chiếu, №100(122).

[2693] . Giá-la-châu-la-na tụ lạc chủ 遮羅周羅那羅聚落主. Pāli: Tālapuṭa Naṭagāmani, phường trưởng phường ca vũ tên là Tālapuṭa.

[2694] . Hán: Ca vũ hý tiếu kỳ niên túc sĩ 歌舞戲笑耆年宿士. Pāli: ācariyāpācariyānātā. Sư tổ của các ca kỹ.

[2695] . Hoan hỷ thiên 歡喜天; №100(122): Quang chiếu thiên. Pāli: Pahāsā devā.

[2696] . Sống bằng nghề chiến đấu, tức chiến sĩ. Pāli, S. 42.3 Yodhājīvo.

[2697] . Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ 戰鬪活聚落主. Pāli: yodhājīva-gāmaṇi, người cầm đầu phường võ.

[2698] . Tiễn hàng phục thiên 箭降伏天. Pāli: sarañjitā (sarājitā) devā

[2699] . Huấn luyện ngựa. Pāli, S. 42.5 Assa (Haya).

[2700] . Điều mã tụ lạc chủ 調馬聚落主. Pāli: assāroho gāmiṇi.

[2701] . Bản Pāli, người huấn luyện ngựa hỏi Phật với nội dung như các ca kỹ, chiến sĩ trong các kinh trên.

[2702] . Điều ngự trượng phu 調御丈夫,huấn luyện con người. Pāli: purisadamma

[2703] . Pāli, S. 42.1 caṇḍo.

[2704] . Ác tánh 惡性. Pāli: caṇḍo, hung dữ, bạo ác

[2705] . Hiền Thiện 賢善. Pāli: sorata, nhu hòa.

[2706] . Pāli, S. 42.10 Maṇicūḷa.

[2707] . Ma-ni Châu Kế tụ lạc chủ 摩尼珠髻聚落主. Pāli: Maṇicūḷaka.

[2708] . Pāli, S. 42.12 Rāsiyo.

[2709] . Vương Đảnh tụ lạc chủ 王頂聚落主. Pāli: Rāsiyo gāmiṇi.

[2710] . Nguyên bản: bất đắc 不得, trùng với loại tự khổ thứ hai. Theo văn ý, nên sửa lại là thiểu đắc 小得, có thể một ít. Bản Pāli, có ba hạng khổ hành, sống khắc khổ (tapassī lūkhajīvī): 1. Tự hành khổ nhưng không chứng thiện pháp, không đắc pháp thượng nhân, không nhập Thánh trí thù thắng. 2. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, nhưng không đắc pháp thượng nhân và Thánh trí. 3. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, đắc pháp thượng nhân và Thánh trí thù thắng

[2711] . Bản Cao-ly: bất 不, chẳng đưa đến. Tống-Nguyên-Minh: thị是: đưa đến

[2712] . Pāli, S. 42.11 Bhadra. Tham chiếu, Hán, №100(128).

[2713] . Lực sĩ nhân dân 力士人間. Pāli: Mallesu, giữa những người nước Malla

[2714] . Uất-bệ-la tụ lạc Anh vũ Diêm-phù lâm 鬱鞞羅聚落鸚鵡閻浮林. bản Pāli:Uruvelakappaṃ nāma Mallānaṃ nogamo, Uruvelakappa, một thị trấn của ngườiMalla.

[2715] . Bản Cao-ly: kiệt 竭; bản Minh: yết 揭.

2716 . Yết-đàm tụ lạc chủ 竭曇聚落主. Pāli: Bhadro gāmiṇi.

2717 . Hiện pháp khổ tập khổ một 現法苦集苦沒. Pāli: dukkhassa samudayañca atthaṅgamañca.

2718 . Pāli: tatra te siyā kaṅkkā siyā vimati, ở đây ông có thể nghi ngờ, có thể bối rối.

2719 . Hán: y phụ mẫu 依父母, nghĩa không rõ. Ngộ Từ Pháp sư giải, y phụ mẫu: chỉ người con; sau khi sanh được đưa cho người khác nuôi. Bản Pāli, Bhadra có người con trai tên Ciravāsi. Phật hỏi: "Ông và mẹ của Ciravāsi nếu chưa thấy nhau ông có sanh dục tâm, nhiễm tâm, ái tâm đối với mẹ của Ciravāsi không?" Có thể bản Hán đọc là Cīvaramātā, mẹ của một người tên Civara tức y 衣= *y phục* (thay vì viết là 依*y tựa*).

2720 . Có thể hiểu, chưa hề biết nhau.

2721 . Bản Pāli: có con trai tên là Ciravàsi sống tại một nơi khác. Liên hệ Ciravāsi vàCīvaramāta, xem cht.41 trên.

2722 . Pāli, S. 42.9 Kulaṃ. Cf. №100(129).

2723 . Bản Pāli: tại Nālandā lúc đó đang có nạn đói.

2724 . Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣菴羅園. Pāli: Nālandāyaṃ Pāvarikambavane.

2725 . Đao Sư Thị 刀師氏. Pāli: Asibandhakaputta

2726 . Tật-lê luận 蒺[廾/梨]論, nghĩa theo Hán văn, tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người thì rất khó gỡ. Pāli: ubhatokoṭika pañha, câu hỏi có hai đầu nhọn.

2727 . Hán: chân thật tịch chỉ 真實寂止. Tham chiếu Pāli: saccasammṃbhūtāni (tài sản ấy) được phát sanh một cách chân thật.

2728 . Pāli, S. 42.7 Desanā. Cf. №100(130).

2729 . Hán: a-lê 阿梨. Pāli: ayya, cách xưng hô của người nhỏ với người lớn

2730 . Pāli, S. 42.8. Saṅkha.

2731 . Pāli: yaṃbahulaṃ yaṃbahulaṃ tena tena nīyatī ti, nó bị lôi kéo đi bởi những gì mà nó hành nhiều.

2732 . Ý giải thoát 意解脫, tức tâm giải thoát. Pāli: cetovimutti.

2733 . Hán: phiền não 煩惱, ở đây được hiểu là ô nhiễm.

2734 . Tức nghiệp bị ô nhiễm.

[2735] . Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 43, “Mã tương ưng” gồm mười kinh, 13257-13266 (Đại Chánh, 917-926). Phần lớn tương đương các kinh thuộc Aṅguttara. Đại Chánh kinh 917, Pāli, A. 3.137. Assakhaḷuṅka. Cf. №100(143)

[2736] . Điều mã 調馬; №100(143): bất điều chi mã, ngựa chưa được huấn luyện. Pāli:assakhaluṅka

[2737] . Pāli, A. 3.138 Assadassa. Cf. №100(144).

[2738] . Đại Chánh, quyển 33. Ấn Thuận Hội Biên, “43. Tương ưng Mã” tiếp theo. Quốc Dịch quyển 46. Pāli, A. 3.139 Assājānuya; 9.22 Khaluṅka. Tham chiếu, №100(145)

[2739] . Bản Pāli: abhidhamme abhivinaye pañhaṃ, hỏi về Thắng pháp, Thắng luật.

[2740] . Pāli, A.94-96 Ājāniya. Cf. №100(146).

[2741] . Pāli, A. 4.256-257. Ājāniya. Cf. №100(147).

[2742] . Để bản: năng 能. Tống-Nguyên-Minh: chủng 種. Bản Pāli: rañño bhaddo assājāniyo, ngựa tốt khôn ngoan của vua.

[2743] . Hán: hiền thiện 賢善. Pāli: bhaddo; xem cht. 6 ở trên.

[2744] . Bốn yếu tố, theo bản Pāli: vaṇṇasampanno, balasampanno, javasampanno, ārohapariṇāhasampanno: có sắc, có lực, có sự nhanh nhẹn, có thân hình cao lớn

[2745] . Bóng roi. Pāli, A. 4.113 Patoda. Cf. №100(148).

[2746] . Pāli, A. 4.111 Kesi.

[2747] . Điều mã sư danh viết chỉ thi 調馬師名曰只尸. Pāli: kesi assadammasārathi.

[2748] . Vô thượng điều ngự trượng phu 無上調御丈夫. Pāli: anuttaro dammasārathi, vị huấn luyện người không còn ai hơn. Một trong mười hiệu của Phật.

[2749] . Pāli, A. 8.14 Khaluṅka. Cf. №100(149).

[2750] . Mã hữu bát thái 馬八態. Pāli: aṭṭha assakhaḷuṅke, tám loại ngựa bất kham

[2751] . Ác trượng phu 惡丈夫. Pāli: purusakhaḷuṅka, con người bất kham.

[2752] . Pāli, A. 8.13 Ājañña. Cf. №100(150).

[2753] . Thủ đạo đa thiểu 取道多少, chưa rõ ý. Pāli: rājāraho rālābhogo rañño aṅganteva... thích hợp với vua, được vua thọ dụng, là tài bảo của vua.

[2754]. Lương mã hương 良馬鄉. Pāli: ubhato sūato hoti, cha mẹ thuần giống

[2755]. Hán: bất kinh khủng nhân 不驚恐人. Pāli: na ca aññe asse ubbejetā, không làm các ngựa khác sợ.

[2756]. Pāli: yāni kho panassa honti sāṭheyyāni kūṭeyyāni jimheyyāni vaṅkeyyanī tāni yathābhūtaṃ sārathissa āvikattā hoti, nếu có những tính giảo hoạt, man trá, quanh co, tà vạy; thảy đều hiện rõ một cách trung thực cho người huấn luyện.

[2757]. Hán: trượng phu 丈夫, con người, hay người đàn ông. Bản Pāli nói bhikkhu.

[2758]. Hán: hiền sĩ phu 賢士夫, chỉ con người hiền thiện (Pāli: bhaddo puriso). Tham chiếu Pāli: aṭṭhahi dhammehi samannāgato bhikku āhuneyyo hoti, thành tựu tám pháp, Tỳ-kheo ấy là vị ứng thỉnh (xứng đáng được tôn kính, cúng dường).

[2759]. Pāli: bhikkhu sīlavā hoti, pātimokkhasaṃvarasaṃvuto viharati, Tỳ-kheo có giới, sống tự chế ngự bằng sự chế ngự của Giới bổn.

[2760]. Dịch sát; nhưng bản Hán sai, so sánh theo thí dụ nêu trên. Bản Pāli: yāni kho panassa honti sāṭheyyāni kūṭeyyāni jimheyyāni vaṅkeyyanī tāni yathābhūtaṃ āvakattā hoti satthiri vā viññūsu vā sabrahmacārisu. Tesam assa atthā vā viññūvā sabrahmacārī abhinimmadanāya vāyamati, Hoặc (tự mình) có những gì là giảo hoạt, man trá, siểm khúc, không chính trực, đều trung thực được biểu hiện cho Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí thấy. (Tỳ-kheo) ấy nỗ lực để được Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí sửa sai cho.

[2761]. Pāli, A. 11.10 Sandha. Tham chiếu, №100(151).

[2762]. Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá 那梨聚落深谷精舍. Pāli: Nātike Giñjakāvasathe, trong ngôi nhà ngói ở Nātika.

[2763]. Sằn-đà Ca-chiên-diên 詵詵陀迦旃延. Pāli: Sandha.

[2764]. Hán: chân thật thiền, cường lương thiền 真實禪強良禪. Pāli:ājāniyajjhāyitaṃ, khaluṅkajjhāyitaṃ, tu thiền của con ngựa thuần, tu thiền của con ngựa chứng

[2765]. Hán: ư tham dục triền đa sở tu tập 於貪欲纏多所修習. Pāli:kāmarāgapariyuṭṭhitena cetasā viharati, sống với tâm tư bị quấn chặt bởi tham dục.

[2766]. Pāli: uppanassa kāmarāgassa nissaraṇaṃ yathābhūtaṃ nappājānati, nó không biết như thật sự xuất ly đối với tham dục.

[2767] . Nghi cái tâm 疑蓋心.

[2768] . Hán: chân sanh mã 真生馬.

[2769] . Xem cht.29 trên.

[2770] . Hán: tùy giác 隨覺. Pāli: anuvicāra, tư duy chiêm nghiệm.

[2771] . Y-thấp-bà-la 伊濕波羅. Pāli: Issara.

[2772] . Ba-xà-ba-đề 波闍波提. Pāli: Pajāpati.

[2773] . Pāli: paṭhaviyaṃ paṭhavīsaññā vibhūtā hoti; vì vibhūta có hai nghĩa: *phi hữu*, và minh nhiên, nên câu Pāli có thể hiểu theo hai cách ngược nhau. Nhưng vìpaṭhaviyaṃ ở cách số sáu, nên cần hiểu: ở nơi đất không có tưởng về đất. Nhưng bản Hán đọc là abhibhūta, chinh phục.

[2774] . Đại Chánh, kinh số 927-936. Ấn Thuận Hội Biên, “44. Tương ưng Ma-ha-nam”. Gồm mười kinh, số 13267-13276. *Quốc Dịch*, quyển 46 tiếp, “4. Tương ưng Ma-ha-nam” mười kinh. Pāli, S. 55.37 Mahānāma. Cf. №100(152).

[2775] . Pāli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.

[2776] . Pāli: Sakko Mahānāmo.

[2777] . Ưu-bà-tắc 優婆塞. Pāli: upāsaka.

[2778] . Hán: tín cụ túc 信具足, cũng nói là tín thành tựu.

Pāli: saddhāsampanno

[2779] . Giới cụ túc 戒具足. Pāli: sīlasampanno.

[2780] . Văn cụ túc 聞具足, bản Pāli không đề cập.

[2781] . Xả cụ túc 捨具足, đây chỉ thí xả hay huệ xả. Pāli: cāgasampanno

[2782] . Trụ ư phi gia 住於非家, có lẽ bản Hán nhầm agāra (nhà)

và anagāra (không nhà). Bản Pāli: vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvasati, sống tại gia với tâm xa lìa cáu bợn của bỏn sẻn.

[2783] . Pāli, S. 55.49 Mahānāma. Cf. №100(153).

[2784] . Bản Pāli: thành tựu bốn chứng tịnh hay bất hoại tịnh.

[2785] . Không đề cập A-la-hán. Trong kinh này, tại gia không thể chứng.

[2786] . Pāli, A. 8.25 Mahānāma.

[2787] . Hán: pháp thứ pháp hướng法次法向, thường nói là pháp tùy pháp hành. Pāli:dhammānudhammāpaṭipāda, thực hành pháp và tùy pháp, hay sự thực hành tùy thuận với pháp.

[2788] . Hán: tự an ủy 自安慰. Pāli: attahitāya paṭipanno, thực hành vì mục đích tự lợi

[2789] . Hán: an ủy tha 安慰他. Pāli: parahitāya.

[2790] . Pāli, S. 55.21-22 Mahānāma.

[2791] . Pāli, A. 6.10 Mahānāma. Cf. №100(156).

[2792] . Bản Pāli: ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano so katamena vihārena bahulaṃ viharati, Thánh đệ tử đã đắc quả, đã hiểu biết giáo pháp, sống nhiều với sự an trụ nào?

[2793] . Kỳ tâm chánh trực, đắc Như Lai nghĩa 其心正直, 得如來義. Pāli:ujugatamevassa tasmiṃ samaye cittaṃ hoti tathāgataṃ ārabbha, "lúc bấy giờ tâm vị ấy chánh trực do liên hệ đến Như Lai". Trong bản Pāli, ārabbha là bất biến từ, nên câu này có nghĩa (tâm chánh trực do) "liên hệ đến Như Lai". Bản Hán hiểu là động từ ārabbhati, nên có nghĩa là "đạt được nghĩa của Như Lai".

[2794] . Pāli: labhati dhammūpasaṃhitaṃ pāmojjaṃ, đạt được sự tùy hỷ liên hệ đến pháp.

[2795] . Pāli: savyāpajjāya pajāya avyāpajjo viharati, sống không hiềm hận đối với người hiềm hận.

[2796] . Hán: hiện pháp 現法. Pāli: sadiṭṭhiko, *hiện kiến*, kết quả được thấy ngay hiện tại.

[2797] . Hán: thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng 善向,正向,直向, 誠向. Pāli: supaṭipanno (diệu hành), ujupaṭipanno (chất trực hành), ñāyapaæipanno(như lý hành), samīcīpaṭipanno (hòa kỉnh hành).

[2798] . Bất thủ tha giới 不他取戒: "không bị người khác lấy đi"; không rõ ý. Có lẽ muốn nói: không bị người khác chi phối. Pāli: bhujissa, *tự do*, chỉ người nô lệ được giải phóng; đây chỉ giới của người tự do, không bị áp đặt cưỡng chế.

[2799] . Xem cht.45, kinh 927.

[2800] . Pāli, A. 11.12 Mahānāma.

[2801] . Pāli, A. 11.13 Mahānāma.

[2802] . Pāli, A. 3.73 Sakka, №100(158).

[2803] . Nguyên Hán: chánh thọ 正受, tức Pāli samāpatti. Nhưng bản Pāli: samahitassa ñāṇaṃ, người được chánh định thì có chánh trí.

[2804] . Pāli, S. 55.23 Godhā. Cf. №100(159).

[2805] . Thích thị Sa-đà 釋氏沙陀. Pāli: sakko godhā.
[2806] . Pāli, S. 55.24 Sarakāni. Cf. №100(160).
[2807] . Bách Thủ Thích Thị 百手釋氏. Pāli: Sarakāni. Trong bản Hán: Satapāṇi.
[2808] . A-la-hán câu giải thoát 阿羅漢俱解脫, hay câu phần giải thoát; A-la-hán chứng diệt tận định. Bản Pāli không có chi tiết này.
[2809] . A-la-hán tuệ giải thoát 阿羅漢慧解脫, có tuệ nhưng không chứng diệt tận định
[2810] . Thân chứng 身 證 . A-na-hàm có diệt tận định được gọi là Thân chứng.
[2811] . Nhưng vị này chưa thành tựu bốn chứng tịnh.
[2812] . Kiên cố thọ 堅固樹, chỉ cây ni-câu-luật (loại); Pāli: nigrodha.
[2813] . Ấn Thuận Hội Biên, "45. Tương ưng Vô thủy" gồm hai mươi chín kinh, số 13277-13296. Đại Chánh, kinh số 937-956, phần sau quyển 33 và một phần đầu quyển 34. Kinh 937, Pāli, S. 15.13. Tiưsamattā.
[2814] . Bản Pāli: tiṃsamttā bhikkhū, chỉ có ba mươi Tỳ-kheo.
[2815] . Ba-lê-da tụ lạc 波梨耶聚落. Pāli: Pāveyyakā.
[2816] . A-luyện-nhã, phấn tảo y, khất thực 阿練若行,糞掃衣,乞食, hành trì ba trong mười hai hạnh đầu đà: chỉ sống trong rừng, chỉ khoác y phấn tảo và chỉ khất thực (không nhận lời mời). Pāli: araññakā paṃsukūlikā piṇḍapātikā.
[2817] . Pāli: anamataggoyaṃ saṃsāro, pubbā koṭi na paññāyati, sự luân chuyển này là vô thủy, không biết được giới hạn tối sơ của nó.
[2818] . Nước mắt. Pāli. S. 15.3 Assu.
[2819] . Sữa mẹ. Pāli, S. 15.4 Khīraṃ.
[2820] . Đại Chánh quyển 34. Ấn Thuận Hội Biên, vii. Như Lai sở thuyết tụng, 45. Vô thủy tương ưng, kinh số 1377. Quốc Dịch, viii. Như Lai tụng, 5. Vô thủy tương ưng, kinh 13400. Phật Quang, quyển 34, kinh 932. Tương đương Pāli, S. 15, 1.*Tiṇakaṭṭhaṃ*. Hán, №100(336).
[2821] . Pāli: *amatagga*, khởi thủy không thể ước lượng.
[2822] . Hán: bản tế 本際. Pāli: *pubbā koṭi*.
[2823] . Hòn đất. Pāli: 15.2 *Pathavī*. Hán: №100(336).
[2824] . Bà-la quả 婆羅果. №100(336): "như hạt đậu". Pāli: *kollātthimatta*, như hạt quả táo.
[2825] . Pāli: S.15.12. *Sukhitaṃ*. Hán Biệt dịch, №100(335).
[2826] . Pāli: S.15,11. *Duggataṃ*. Hán Biệt dịch, №100(336).

[2827] . Pāli: tham chiếu các kinh trên. Hán, №100(337).
[2828] . Pāli: 15. 14-19. *Mātā*, v.v... Hán, №100(338).
[2829] . Pāli: S.15.8. *Gaṅgā*. Hán, №100(339).
[2830] . Đống xương nọ. Pāli: S.15.10 *Puggala* (con người). Hán, №100(340), 101(11), 150A(30).
[2831] . Núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá 王舍城毘富羅山. Pāli: *Veppulla-pabbata*; Nhưng S.15.10: *Rājagahe Gijjhakūṭe pabbate*. Trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.
[2832] . Pāli: *ekapuggalassa*, đối với một con người.
[2833] . Quốc Dịch phẩm 2, kinh 13480-13417 (=984-956). Pāli: S.15.6. *Sāsapā*. Hán, №100(341),№125(52.3).
[2834] . Pāli: S.15.5. *Pabbata*. Hán, №100(342).
[2835] . Ca-thi kiếp-bối 迦尸劫貝. Pāli: *Kāsika vattha*, vải sản xuất ở nước Kāsi.
[2836] . Pāli, S.15.7. *Sāvakā*(các Đệ tử). Cf. №100(343).
[2837] . Không có một chỗ nào. Hán Biệt dịch, №100(344). Pāli, không thấy tương đương
[2838] . Không một nơi nào mà không. Pāli, S.15.14-19. *Mātā*, v.v... Cf. №100(345).
[2839] . Pāli, tham chiếu, S.22.95. *Phenam* (bong bóng), S.48.50. *Saddha* (tín). Cf. №100(346).
[2840] . Quốc Dịch gồm hai kinh: 1344. Đại vũ hồng chú 大雨洪澍; 1315. Trịch trượng 擲杖(ném gậy). Pāli, S.15.9. *Daṇḍa* (cây gậy).
[2841] . Bánh xe 5 tiết (căm). Pāli, không thấy tương đương. Biệt dịch, №99(432), №100(349).
[2842] . Pāli, S. 15.20. *Vepullapbbataṃ*. Biệt dịch, №100(350).
[2843] . Trường trúc sơn 長竹山. Pāli: *Pācīnavaṃsa* (đông trúc).
[2844] . Đề-di-la ấp 低彌羅邑. Pāli: *Tivara*.
[2845] . Ca-la-ca Tôn-đề 迦羅迦孫提= Phật Câu-lưu-tôn. Pāli: *Kakusandho*
[2846] . Bằng-ca 朋迦. Pāli: *Vaṅkaka*.
[2847] . A-tỳ-ca 阿毘迦. Pāli: *Rohitassa* (ngựa đỏ). Xem cht. 30 dưới.

[2848] . Tú-ba-la-thủ 宿波羅首. Pāli: *Supassa*..

[2849] . Xích mã 赤 馬. Pāli: *Suppiya*.

[2850] . Quốc Dịch, tụng viii. Như Lai tụng, Tương ưng 6. Bà-sa chủng, gồm chín kinh, 13418-13426 (Đại Chánh kinh 957-964). Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 46: Bà-sa xuất gia, chín kinh: kinh 13297-13305). Tương đương Pāli, một phần các kinh thuộc S. 33.*Vacchagotta-samyutta*. Đại Chánh kinh 957; Pāli, tham chiếu S. 44.9. *Kutūhalasālā* (luậnnghị đường). Biệt dịch, №100(190).

[2851] . Bà-sa chủng xuất gia 婆蹉種出家. Pāli: *Vacchagotta-paribbājaka,* tu sĩ thuộcchủng tộc Vaccha.

[2852] . Pāli: *taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ*, tức linh hồn và thân xác đồng nhất; một trong mười bốn vấn đề được xếp vào loại vô ký, không xác định.

[2853] . Hán: vô ký 無記. Pāli: *avyākata*.

[2854] . Bản Cao-ly: *hà đẳng kỳ* 何等奇. Bản Phật quang sửa lại: *hà đẳng pháp* 何等法.

[2855] . Ý sanh thân 意生身, hay ý thành thân, Pāli: *manomaya-kāyā*, thân được tác thànhbởi ý, không lệ thuộc vật chất.

[2856] . Hữu dư 有餘; Pāli: *upādiesa*, tàn dư của hữu y, chất liệu của tồn tại; tức tàn dư củachấp thủ hay phiền não, làm chỗ y cứ cho sự tồn tại. Niết-bàn với sự tồn tại của ngũ uẩn chưa tan rã gọi là hữu dư y Niết-bàn (*saupādisesa-nibbāna*). Niết-bàn với sự xả bỏ hoàn toàn ngũ uẩn gọi là vô dư (y) Niết-bàn (*anupādiesa-nibbāna*).

[2857] . Hữu dư, đây được hiểu là nhiên liệu.

[2858] . Vô dư, đây chỉ lửa không nhiên liệu.

[2859] . Hữu dư, *upādiesa*, đây được hiểu là sở y.

[2860] . Ở đây hữu dư đồng nghĩa với chấp thủ.

[2861] . Pāli, S.44.7. *Moggalāna* (*Àyatana*). Biệt dịch, №100(191).

[2862] . Quốc Dịch chia làm hai kinh: "Kỳ tai" và "Tiên-na Ca-chiên-diên". Ấn Thuận cũngchia làm hai. Pāli, S.44.11. *Sabhiyo*. Biệt dịch, №100(192, 193).

[2863] . Na-lê tụ lạc 那梨聚落. Pāli: *Nātike Giñjakāvasatte*

[2864] . Tiên-đà Ca-chiên-詵陀迦旃延. Pāli: *Sabhiyo Kaccāno*.

[2865]. Bản Cao-

ly: hành thân thi 行身施. Bản Minh: chủng thi thiết chư hành 種施切諸行. Ấn Thuận Hội Biên, Phật Quang và Quốc Dịch đều sửa theo bản Minh. Tham chiếu Pāli: *yo ca vaccha hetu yo ca paccayo paññāpanāya rūpīti và arūpīti va...* "Có nhân này, có duyên này, để tuyên bố (= thi thiết) rằng: đây là sắc, đây là vô sắc…"

[2866]. Tham chiếu Pāli: *so ca hetu*, *so ca paccayo sabbena sabbaṃ sabbathā sabbaṃ aparisesaṃ nirujjheyya, kena naṃ paññāpanāya rūpī ti vā ảūpī ti vā…* "Nếu nhân ấy, duyên ấy hoàn toàn diệt tận, vĩnh viễn diệt tận, do cái gì mà nói (=thi thiết): đây là sắc, đây là vô sắc…?"

[2867]. Pāli, S.44.8 *Vacchо* (*Bhandham*). Biệt dịch №100(194).

[2868]. Pāli, S.44.10. *Ānando*. Biệt dịch, №100(195).

[2869]. Pāli, M. 72. *Aggivacchagotta-suttanta*. Biệt dịch, №100(196).

[2870]. Pāli, S.33.1-5 Aññāṇā. Biệt dịch, №100(197).

[2871].

Nghĩa là, như kinh trên, thay các từ "biết / không biết" bằng các từ tương ứn g.

[2872]. Pāli, M.73. *MahāVacchagotta-suttanta*. Biệt dịch, №100(198).

[2873]. Cọng tương tùy thuận 共相隨順. Pāli: *dīgharattafhaṃ khotā gotamena sahakathī*, từ lâu tôi thường đàm đạo với Tôn giả *Gotama*.

[2874]. Pāli: *saṃkhittenapi khote ahaṃ vaccha kusalā kusalaṃ deseyyaṃ*, này *Vaccha*, Ta có thể nói cho ông một cách tóm tắt về thiện và bất thiện.

[2875]. Bản Cao-ly không có "pháp bất thiện". Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh thêmvào.

[2876]. Nghĩa là, pháp của Phật chưa hoàn hảo.

[2877]. Hán dịch không rõ nghĩa. Trong bản

Pāli, đoạn này là lời *Vacchagotta* xin quy yPhật, Pháp, Tăng.

[2878]. Nghĩa là, y chỉ Thầy mà sống giữa các Tỳ-

kheo tuy chưa thọ cụ túc. Bản Cao-ly: y依 (chỉ). Bản Tống-Nguyên-Minh:

y 衣 (áo).

[2879]. Bản Pāli: do sự sai biệt về tâm tính của mỗi người (*api ca m'ettha puggalavemattatā*).

[2880]. Pāli: samathaĩca vipassanaĩca.

[2881]. Ấn Thuận Hội Biên, "47. Ngoại đạo Xuất gia tương ưng".
Gồm mười lăm kinh: 13306-13320 Quốc Dịch, mười lăm kinh: 13427-13441. Đại Chánh, kinh 965-979.
Pāli, A.10.95.*Uttiya*. Biệt dịch, №100(199).

[2882] . Uất-đê-ca 鬱低迦. Pāli: *Uttiya*.

[2883] . Pāli: *sabbo vā tena loko nīyati upaḍḍho vā tībhāgo vā ti*, do bởi đó tất cả thế gian, hay một nửa, hay một phần ba, được hướng dẫn (xuất ly)?

[2884] . Tham chiếu, Pāli, A.10.83. *Puṇṇiya*(không hoàn toàn tương đương). Skt. *Pūrṇika*(Píchel). Biệt dịch №100(200).

[2885] . Phú-lân-ni 富鄰尼. Pāli: *Puṇṇiya*.

[2886] . Nguyên Hán: *tà mạn bất vô gián đẳng* , 邪命不無間等

Xem các cht.trước.

[2887] . Pāli, A.10.96. *Kokanuda*. Biệt dịch, №100(201).

[2888] . Tháp-bổ hà 榻補河. Pāli: *Tappodā*.

[2889] . Câu-ca-na 俱迦那. Pāli: *Kokananda*.

[2890] . Pāli, A.10.93. *Diṭṭhi*. Skt. *Dṛṣṭi* (Píchel). Biệt dịch, №100(202).

[2891] . Pāli: Kiṃdiṭṭhikā bhikkhū ti, "Các Tỳ-kheo có quan điểm gì?"

[2892] .

Hán: chân thật hữu vi tư lương duyên khởi 真實,有為,思量,緣起Tham chiếu Pāli:*yaṃ.. kiñci bhūtaṃ saṅkhataṃ cetayitaṃ paticcasamuppannaṃ..*. "Phàm cái gì là thật vật, được tạo thành bởi tâm tư, sanh khởi do duyên". Trong bản Hán: *bhūta* (sanh vật hay thật vật) được hiểu là *chân thật; saṅkhataṃ cetayitaṃ* (đươc tạo tác thành do bởi tâm tư) hiểu là *hữu vi tư lương*.

[2893] . Móng tay dài. Pāli, M.47. *Dīghanakha-suttanta*.
Skt. *Dīrghânkha* (Píchel). Biệt dịch,№100(203).

[2894] . Trường Trảo 長爪. Pāli: *Dīghanakha*, tu sĩ để móng tay dài.

[2895] . Nhất thiết kiến bất nhẫn 一切見不忍. Các bản Tống-Nguyên-Minh không có chữ kiến. Pāli: *sabbaṃ me na khamati*, "Tôi không công nhận tất cả". Phát biểu của chủ nghĩa hoài nghi, không tin bất cứ điều gì.

[2896] . Hỏa chủng 火種. Pāli: *Aggivessana*.

[2897] . Pāli, A.3.64. *Sarabha*. Skt. *Śarabha* (Pṅchel). Biệt dịch, № 100(204).

[2898] . Xá-la-bộ 舍羅步. Pāli: *Sarabha*, một tu sĩ ngoại đạo từng xuất gia theo Phật. Sau đó xả giới, trở về đạo cũ.

[2899] . Tu-ma-kiệt-đà trì 須摩竭陀池. Pāli:? Cf. A.3.64: *acirapakkanto hoti imasmā dhamma-vinayā*, từ bỏ Pháp luật này chưa bao lâu (xả giới hoàn tục).

[2900]. Bản Hán: *phi… vô…,* phủ định kép. Dư chữ *vô*, lược bỏ.

[2901]. Bản Hán: Thanh văn 聲 聞

[2902]. Thiện hướng 善向,

hay chánh hành, người đang hướng thẳng đến giải thoát.

[2903] .

Pāli, không thấy tương đương. Skt. Parivràjakasthavira (Pṅchel). Biệt dịch, №100(205).

[2904]. Danh Thượng Tọa 名上坐. Skt. *Parivrājaka-Sthavira*.

[2905]. Hán: thằng sàng 繩床.

[2906]. Ba sự thực. Pāli, A.4.185. *Brāmaṇa-sacca*. Skt. *Brāhmana-satyāni* (Pṅchel). Biệt dịch, №100(206), №125(26.8).

[2907]. Pāli: *itipi bhāhmaṇasaccāni*, đây là những chân lý của Bà-la-môn.

[2908]. Bản Pāli: *cattārimāni brāhmaṇasaccāni*, đây là bốn chân lý của Bà-la-môn.

[2909]. Bản Pāli: *so tena na samaṇo ti maññati,... na seyyoham asmīti maññati, na sadisoham asmīti maññati… api ca yadeva tattha saccaṃ anuddayāya anukampāya paṭipanno hoti:* vị ấy vì vậy không nghĩ rằng mình là Sa-môn… không nghĩ rằng ta hơn, ta bằng… Lại nữa do nhận thức chính xác chân lý ở đây mà vị ấy thực hành lòng thương yêu, thương xót đối với các chúng sanh.

[2910]. Tập pháp 集法. Bản Pāli, gồm hai chân đế: *sabbe kāmā aniccā…sabbe bhavā aniccā…,* tất cả dục là vô thường… tất cả sự hữu là vô thường.

[2911]. Hán: *Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu. Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu* 無我處所及事都無所有. Tham chiếu Pāli: *nāham kvacani kassaci kiñcana tasmiṃ na ca mama kvacani katthaci kiñcanatatthī ti*: "Ta không là ai, của bất cứ ai, là bất cứ cái gì. Trong đó, không có bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, là của ta".

[2912]. Pāli, A.3.71.*Channa*. Biệt dịch, №100(207).

[2913]. Chiên-đà 栴陀 . Pāli: *Sandako paribbājako Pilakkhaguhayāṃ paṭivasati*, ngoại đạo xuất gia Sandaka sống trong hang Pilakkha. Bản Hán đọc là Caṇḍo.

[2914]. Hán: bất đãi thời tiết, hữu đắc dư hiện pháp, duyên tự giác tri 不待時節。有得餘現法緣自覺知Văn dịch khác đó của định cú thường gặp nói về pháp; Pāli:*akaliko ehipassiko opanāyīko paccataṃ veditabbo viññūhī ti.*

2915 . Biệt dịch, №100(208).

2916 . Bổ-lũ-đê-ca 補縷低迦 .

2917 . Hán: ly nhũ 離 乳.

2918 . Biệt dịch, №100(209).

2919 . Vị tằng hữu giảng đường 未曾有講堂 .

2920 . Pāli, xem cht. 26, kinh 977 dưới. Biệt dịch, №100(210).

2921 . Thi-bà 尸婆 . Xem cht.27, kinh 977 dưới.

2922 . Pāli, S.36.21. *Sīvako*. Biệt dịch, №100(211).

2923 . Thi-bà ngoại đạo 尸婆外道. Pāli: *MoḷiyaSīvaka paribbājaka*, tu sĩ bện tóc Sīvaka.

2924 . Pāli: *yaṃ kiñcāyaṃ purisapuggalo paṭíaṃvedeti sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkham-asukhaṃ vā sabbaṃ taṃ pubbekatahetū'ti*: Bất cứ lạc thọ gì, khổ thọ gì, hay phi khổ phi lạc thọ gì, mà con người cảm thọ, tất cả đều là nhân được tạo tác từ trước.

2925 . *Đẳng phần khởi*, khởi lên do các yếu tố kể trên hợp lại.

2926 . Biệt dịch, №100(212).

2927 . Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣菴羅園.

2928 . Thương chủ 商主. №100(212): Na-lị-bà-lực 那利婆力.

Pāli: *Nālivaṇika* ?

2929 . Ý luận 意論 . №100(212): tâm trung mặc niệm 心中默念.

2930 . Cf. D.16 *Mahāparinibbāna-suttanta* (Ro ii.
149ff: *Subhaddaparibbājakavatthu*). Biệt dịch, №100 (213), №100 (110).

2931 . Câu-di-na-kiệt quốc Lực sĩ sanh xứ Kiên cố song thọ lâm 俱夷那竭國力士生處堅固 雙樹林. Pāli: *Kusinārā upavattanaṃ Mallānaṃ sālavanaṃ*.

2932 . Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Pāli: *Subhadda*.

2933 . Hy vọng nhi trụ 希望而住; đoạn dưới: *tín tâm nhi trụ* 信心而住. Tham chiếu Pāli: *evaṃ pasanno ahaṃ samaṇe gotame*: Tôi có niềm tin như vậy nơi Sa-môn Gotama.

2934 . Câu hỏi trong bản Pāli: *yeme bho gotama samaṇa-brāhmaṇā... seyyathidaṃ pūraṇo kassapo,..., sabbete sakāya paṭiññāya abbhaññiṃsu sabbeva na abbhaññiṃsu, udāhu ekacce abbhaññiṃsu ekacce na sabbhaññiṃsu*: phàm những Sa-môn, Bà-la-môn, như Phú-lan-na Ca-diếp,…

Tất cả họ tự mình thừa nhận đã chứng ngộ, hay tất cả không chứng ngộ, hay một số chứng ngộ, một số không chứng ngộ?

2935 . Ấn Thuận, "48. Tương ưng Tạp" thuộc Tụng 7. Như Lai sở thuyết, gồm các kinh, Đại Chánh quyển 35, nửa cuối, kinh 980-992, quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245.

2936 . Đát-sát-thi-la 怛剎尸羅. Pāli: *Takkasīlā*, trung tâm thương mại và giáo dục được nhắc nhiều trong các Jataka, nhưng không hề được nói đến trong các kinh Pāli.

2937 . Phương tiện trang nghiêm 方便莊嚴; chưa rõ nghĩa.

2938 . Nguyên Hán: hiện pháp 現法. Huyền Trang: hiện kiến 現見. Pāli: *ehipassiko*, pháp đến để thấy.

2939 . Hán: thông đạt thân cận 通達親近. Huyền Trang: dẫn đạo cận quán 引導近觀,pháp có khả năng hướng dẫn, được quán sát trực tiếp.

2940 . Hán: duyên tự giác tri 緣自覺知. Huyền Trang: trí giả nội chứng 智者內證, được chứng ngộ nội tâm bởi bậc trí.

2941 . Hán: Tồi phục tràng 摧伏幢. Xem kinh 981.

2942 . Y-xá-na Thiên tử tràng 伊舍那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3:*Pajāpatissa devarājassa dhajaggaṃ*: chóp ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati (Sanh Chủ).

2943 . Bà-lưu-na Thiên tử tràng 婆留那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3 :*Varuṇassa devarājassa dhajaggaṃ*: chóp ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa.

2944 . Pāli, S.11.3. *Dhajagga*. Cf. №125(24.1).

2945 . Phục địch chi tràng 伏敵之幢. Kinh 980: tồi phục tràng 摧伏幢. Pāli: *dhajaggaṃ ullokeyyātha,* các ông hãy nhìn lên đỉnh ngọn phướn.

2946 . Pāli, A. 3.32.2. *Sāriputta*.

2947 . An-xà-na 安闍那. Pāli: *Añjana-vana*, khu rừng nai ở Sāketa.

2948 . Sa-chỉ quốc 娑枳國. Pāli: *Sāketa*.

2949 . Bản Pāli: *na bhavissanti*, (vị lai) sẽ không tồn tại.

2950 . Tham chiếu Pāli: *imasmiñca saviññāṇake kāye ahaṅkāramamaṅkāramānāusayā na bhavissanti,* trong thân có thức này sẽ không tồn tại các tùy miên (bản Hán: sử) tác thành ý niệm về ta và của ta.

[2951] . Đoạn văn Hán này hơi tối nghĩa. Tham khảo Pāli: *yañca cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ upasampajja viharato ahaṅkāramamaṃkāramānānusayā na honti, tañca cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ upasampajja viharati,* (Tỳ-kheo) do chứng đắc và an trụ tâm giải thoát tuệ giải thoát nào mà ở đó các tùy miên của phức cảm tác thành ý niệm về ta và của ta không tồn tại, thì (Tỳ-kheo ấy) chứng và an trụ tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

[2952] . Pāli: *na honti*, (hiện tại) không tồn tại.

[2953] . Tham chiếu Pāli: *acchecchi taṇhaṃ vivattayi saṃyojanaṃ sammā mānābhisamayā antam akāsi dukkhassa,* vị ấy đã cắt đứt khát ái, bứt bỏ kết sử, chân chánh hiện quán các mạn, đã tận cùng biên tế của khổ.

[2954] . Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca sở vấn 波羅延富鄰尼迦所問. Pāli: *pārāyane puṇṇakapañhe*. Cf. Sn.5.4. *Puṇṇakamāṇava-pucchā*.

[2955] . Pāli: *saṅkhāya lokasmiṃ paroparāni, yassiñjitaṃ metthi kuhiñci loke*, tư duy trong đời những gì là cao hay thấp; những ai không dao động trong mọi hoàn cảnh.*Saṅkhāya* (tư duy, tư trạch), bản Hán hiểu là *Số.*

[2956] . Vô hy vọng 無悕望, bản Thánh: vô minh. Pāli: *nirāso*.

[2957] . Kệ Pāli, Sn. 1048.

[2958] . Pāli, A. 3.32. *Ānanda-Sāriputta*.

[2959] . Ba-la-diên Ưu-đà-da sở vấn 波羅延憂陀耶. Páli: Sn. 5.14. *Udayamānava-pucchā*

[2960] . Kệ Pāli, Sn. 1106-1107.

[2961] . Pāli, A. 4.199. Taṇhā.

[2962] . Pāli: *jāliniṃ saṃsaritaṃ visataṃ visattikaṃ*: cái lưới được di chuyển, được bủarộng, làm dính chặt.

[2963] . Dục ngã 欲我; có lẽ bản Hán đọc nhầm *itthasmi*: tôi hiện hữu ở đây, thành*ic chasmi*: tôi muốn.

[2964] . Hữu ngã 有我. Bản Hán đọc *sata ’smi (tôi thường hằng)* thành *sati ’smi (tôiđang hiện hữu).*

[2965] . Vô ngã. Bản Hán đọc *asata’smi (tôi không thường hằng)* thành *asati’smi (tôi không đang hiện hữu).*

[2966] . Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoạc

dị. 十八愛行:有我.欲我.爾我.有我.無我.異我.當我.不當我.欲我.當爾時.當異異我.或欲我.或爾我.或異.或然.或欲然.或欲然.或爾然.或異. So sánh Pāli: atthārasa taṇhā-vicaritāni:*1. asmīti sati, 2.itthasmī ti hoti, 3. evasmīti hoti, 4.aññthasmīti hoti, 5.asatasmīti hoti, 6.satasmīti hoti, 7.santi hoti, 8.itthaṃ santi hoti, 9.evaṃ santi hoti, 10.aññathā santi hoti, 11.api ha santi hoti, 12.api itthaṃ santi hoti, 13.api evaṃ santi hoti, 14.api aññathā santi hoti, 15.bhivissanti hoti, 16.itthaṃ bhavissanti hoti, 17.evaṃ bhavissanti hoti, 18.aññathā bhavissanti hoti*: 1. tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vầy, 4. tôi hiện hữu khác vầy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vầy, 10. tôi đang tồn tại khác như vầy, 11. ước gì tôi đang tồn tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vầy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vầy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

[2967] . Pāli: *imināsmī ti sati, iminā itthasmī ti hoti, iminā evaṃsmī ti hoti*: với những cáinày tôi hiện hữu; với những cái này tôi tồn tại ở đây; với những cái này tôi như vầy...

[2968] . A.4.200. *Pema*

[2969] . Pāli: *cattāri pemāni*, bốn sự luyến ái.

[2970] . Pāli: *puggalo puggalassa iṭṭho hoti*, một người này là khả ái đối với mọât ngườìkia.

[2971] . Pāli: *yo kho myāyaṃ puggalo iṭṭho… taṃ pare iṭṭhena… samudācaranti*, người màđối với ta là khả ái, người ấy được mọi người đối xử một cách khả ái.

[2972] . Nhảy sót trong bản Hán. Theo văn mạch các đoạn trên, cần thêm: "Nó nghĩ như vầy: Ta đối với chúng sanh kia là không hoan hỷ... Những người khác đối với chúng sanh kia cũng không hoan hỷ... Do đó, Ta...".

[2973] .

Tức là, sanh ái niệm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa.

[2974] . Hán: bất hoàn cử 不還舉. Bản Hán thiếu. Theo văn dưới bổ túc.

[2975] . Hán: *bất tự cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ* 不自舉不起塵不熾然不嫌彼. Pāli: *neva usseneti na paṭisseneti na dhūpāyati na pajjati na sampajjhāyati*: không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô cằn.

[2976] . Xem kinh 984 trên.

[2977] . Pāli: *asmimāno pahīno na hoti*, không đoạn trừ phức cảm (mạn) về ý tưởng "Tôi hiện hữu".

[2978] . Không thấy Pāli tương đương
[2979] . Không thấy Pāli tương đương.
[2980] . Nguyên Hán sót phủ định từ. Theo nội dung, thêm vào
[2981] . Pāli, S.40.10. *Sakka*.
[2982] . Cách giới sơn 隔界山.
[2983] . Cf. *Cūḷa-Taṅhāsaṅkhaya-sutta*, M. i. 249: *taṅhāsaṅkhayavimutto hoti accântniṭṭhoaccantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosāno seṭṭho devamanussānan ti:* vị ấy giải thoát với khát ái đã tận diệt, đã tận cùng mục đích cứu cánh, tuyệt đối an ổn thoát khỏi gông cùm, tuyệt đối phạm hạnh, tuyệt đối viên mãn, tối thượng giữa chư Thiên và Nhân loại.
[2984] . Tham chiếu kinh 988 trên. Cf. M.i.320 (*Cūḷa-Taṅhāsaṅkhaya-sutta*).
[2985] . Pāli, A.10.75. *Migasālā*.
[2986] . Lộc Trụ Ưu-bà-di 鹿住優婆夷. Pāli: *Migasālā upāsikā*.
[2987] . Phú-lan-na 富蘭那. Pāli: *Pūraṇa*.
[2988] . Hán: phàm bỉ 凡鄙. Pāli: *ārācārī virato methunā gāmadhammā*, là người ẩn dật,sống xa lánh các pháp dâm dục thấp hèn.
[2989] . Lê-sư-đạt-đa 梨師達多. Pāli: *Isidatta*.
[2990] . Pāli: *dasayime ... puggalā santo saṃvijjamānā lokasmim*, có mười hạng người này hiện diện trong thế gian.
[2991] . Phạm giới 犯戒. Pāli: *dussīla*, ác giới.
[2992] . Hán: trạo động động 掉動, hay trạo cử. Pāli: *uddhata*.
[2993] . Khổ tham 苦 貪 . Pāli: *tibbaāgo*, ham muốn rất kịch liệt.
[2994] . Pāli, A. 6.44. *Migasālā*.
[2995] . Thích thị Di thành Lưu-lợi ấp 釋氏彌城留利邑.
[2996] . Pāli, A.2.4.4. *Dakkhiṇeyyā*. Biệt dịch, №26(127).
[2997] . Ấn Thuận, "Tụng vii. Tám chúng, Tương ưng 24. Bà-kỳ-xá". Gồm mười sáu kinh, Đại Chánh, quyển 45 (nửa sau), kinh 1208-1221; quyển 36, hai kinh đầu, 993-994. Quốc Dịch, quyển 40, "8. Tương ưng Bà-kỳ-xá", phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, "24, Tương ưng Bà-kỳ-xá" tiếp theo, kinh 15. Phật Quang, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Pāli, không thấy. Biệt dịch, №100(256).
[2998] . Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Pāli: *Vaṅgīsa*, biện tài đệ nhất.
[2999] . Biệt dịch, №100(257).

[3000] . Tương ưng Bà-kỳ-xá sẽ được tiếp nối nơi quyển 45 (nửa sau), kinh 1028-1221.

[3001] . Ấn Thuận, “25. Tương ưng chư Thiên”, một trăm lẻ tám kinh: 1324-1431, tương đương Đại Chánh, kinh 995-1022 (quyển 36), 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Tương đương Pāli, S.1. . *Devatā-saṃyutta*. Quốc Dịch, phẩm 1, gồm chín kinh, Đại Chánh kinh 995-1003. Pāli, S.1.1.10. *Araññe*. Biệt dịch, №100(132).

[3002] . A-luyện-nhã 阿練若. Pāli: *araññaka*, vị (Tỳ-kheo) sống trong rừng. Một trong mười hai hạnh đầu đà.

[3003] . Hán: không nhàn xứ 空閑處. Pāli: *araññe*, chỗ rừng vắng.

[3004] . Nhất tọa thực 一坐食, chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ ngọ. Một trong mười hai hạnh đầu đà. Pāli: *ekabhattaṃ* = *ekāsanabhatta*

[3005] . Pāli, S.1.9. *Mānakāma*. Biệt dịch, №100(133).

[3006] . Hán: *bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỳ tâm* 不欲起憍慢善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung và đối chiếu Pāli, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Pāli: *na mānakāmassa damo idhatthi*, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

[3007] . Pāli: *na monam atthi asamāhitassa*, không có Mâu-ni (tịch mặc) đối với tâm không định tĩnh.

[3008] . Pāli: *na maccudheyyassa tareyya pāran' ti*, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thần

[3009] . Pāli, S.1.47. *Vanaropa*. Biệt dịch, №100(134).

[3010] . Pāli, S.1.42. *Kiṃdada*. Biệt dịch, №100(235).

[3011] . Pāli: *upassaya*, phòng xá, hay phòng trọ.

[3012] . Pāli: *amataṃ dado*, cho sự bất tử.

[3013] . Pāli, S.1.43. *Anna* (thực); S.2.23. *Serī*.

[3014] . Tất-bề-lê 悉鞞梨. Pāli: *Serī devaputto*.

[3015] . Pāli: *atha ko nāma so yakkho, yaṃ annaṃ nābhinandatī ti,* có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn?

[3016] . Pāli, S.1.53. *Mitta*. Biệt dịch, №100 (237).

[3017] . Pāli*: pavasato mittaṃ*, bạn trong khi đi đường

[3018] . Hán: thông tài thiện tri thức 通財善知識. Pāli: *mittaṃ atthajātassa*, bạn hiểu biết công việc, bạn khi cần.

[3019] . Pāli, S.1.3. *Upaneyya*; S.2.2.9. *Uttara*. Biệt dịch, №100(138).

[3020] . Pāli, S.1.5. *Kati chande*. Biệt dịch, №100(140).

[3021] . Pāli: *saṅgātigo*, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.

[3022]. Pāli: *oghatiṇṇo*, (người) vượt qua dòng thác.
[3023]. Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.
[3024]. Năm căn, chỉ năm vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ
[3025]. Năm hòa hiệp, chỉ năm kết: tham, sân, mạn, tật đố, keo kiệt (xan). Pāli: *pañca saṅgātigo*.
[3026]. Pāli, S.1.6. *Jāgara*. Biệt dịch, №100 (141).
[3027]. Pāli: *kati jāgaratam suttā, kati suttesu jāgarā*, bao nhiêu (pháp) mình ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) mình thức khi người ngủ?
[3028]. Biệt dịch Tạp A-hàm 8, kinh 10: Người trì năm giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo năm ác, tuy thức mà ngủ. Bị năm cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có năm Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.
[3029]. Quốc Dịch, "9. Tương ưng chư Thiên, phẩm 2". Pāli, S.1.12. *Nandati*. S.4.1.8.*Nandana*. Biệt dịch, №100(142).
[3030]. Chỉ hữu y hay sanh y. Pāli: *upadhi*.
[3031]. Pāli, S.1.54. *Vatthu*. Biệt dịch, №100(231).
[3032]. Pāli, S.1.13. *Natthiputtasama*. Biệt dịch, №100(232).
[3033]. Tát-la 薩羅. Pāli: *sara*, chỉ biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương (*Samudda*).
[3034]. Pāli: *vuṭṭhi ve paramā sarā ti,* mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc là *diṭṭhi*(thấy, kiến) thay vì *vuṭṭhi* (mưa).
[3035]. Pāli, S.1.2.4. *Khattiya*. Biệt dịch, №100 (233).
[3036]. Phong ngưu 犎牛. Pāli: *balīvaddo*, bò đực.
[3037]. Hán: đồng anh 童英. Pāli: *komarī*, đồng nữ, thiếu nữ, quý nữ.
[3038]. Quý sanh 貴生. Pāli: *pubbaja*, sanh trước, con trai trưởng.
[3039]. Pāli: *yo ca puttānam assavo'ti*, hiếu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm*assava* (trung thực, hiếu thuận) thành *asava* rồi hiểu là tỉnh lược của *anāsava* (vô lậu).
[3040]. Quốc Dịch phân thành hai kinh: Chủng tử kinh, Thế gian kinh. Pāli, S.1.74.*Vuṭṭhi*; S.1.70. *Loka*. Biệt dịch, №100 (234, 235).
[3041]. Hán: kỳ thỉnh xứ 祈請處. Pāli: *pavajamānānam*, trong những cái đi lang thang. Bản Hán đọc là *pavāraṇā*.
[3042]. Pāli: *gāvo pavajamānānaṃ*, trong các con đi lang thang, con bò (là bậc nhất).
[3043]. Pāli: *avijjā nipatataṃ varā*, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.

[3044] . Hán: sư y 師依. Pāli: *saṅgho pavajamānānaṃ*, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.
[3045] . Pāli: *kismiṃ loko samupamuppanno*, thế gian tập khởi trên cái gì?
[3046] . Pāli: *kismiṃ kubbati santhavaṃ*, (thế gian) kết hợp trên cái gì?
[3047] . Thủ ái 取愛. Pāli: *kissa loko upādāya*, thế gian chấp thủ cái gì?
[3048] . Pāli: *kismiṃ loko vihaññāti*, thế gian bị cái gì bức khổ?
[3049] . Sáu pháp chỉ sáu xứ.
[3050] . Pāli, S.1.62. *Citta*. Biệt dịch, №100(236).
[3051] . Câu khiên 拘牽. Ấn Thuận đọc là câu dẫn 拘引. Pāli: *kenassu parikissati*, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là *parikassati*, lôi kéo đi.
[3052] . Pāli, S.1.64. *Saṃyojana*. Biệt dịch, №100(237).
[3053] . Pāli: *kiṃsu tassa vicāraṇaṃ*, cái gì là bước chân của thế gian?
[3054] . Pāli: *nandīsaṃyojano loko*, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.
[3055] . Pāli: *vitakkassa vicāraṇaṃ*, tầm cầu là bộ hành của thế gian
[3056] . Pāli, S.1.68. *Pihita*. Biệt dịch, №100 (238)
[3057] . Không thấy Pāli tương đương. Biệt dịch, №100 (239).
[3058] . Ẩn phú ức chúng sanh 隱覆憶眾生; chưa rõ nghĩa. Ẩn phú, Pāli: *makkha* (?): ngụy thiện, đạo đức giả.
[3059] . Quốc Dịch, "9, Tương ưng chư Thiên; phẩm 3". Pāli, S.1.73. *Vitta*. Biệt dịch,№100 (240).
[3060] . Pāli: *kiṃsu vittaṃ purisassa seṭṭhaṃ*, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?
[3061] . Pāli: *kathaṃjīvíṃ jīvitamāhu seṭṭhan'ti*, sống như thế nào là đời sống tối thượng?
[3062] . Trí tuệ mạng 智慧命. Pāli: *paññājīviṃ*, đời sống trí tuệ
[3063] . Pāli, S.1.59. *Dutiya*. Biệt dịch, №100 (241).
[3064] . Đệ nhị 第二; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Pāli:*kiṃsu dutiyā purisassa hoti,* nơi những gì là bạn của con người.
[3065] . Pāli: *kiṃsu cenaṃ pasāsati*, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?
[3066] . Pāli: *kissa cābhirato macco,sabbadukkhā pamuccatī ti,* con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?
[3067] . Pāli, S.1.51. *Jāra*. Biệt dịch, №100 (242).
[3068] . Pāli, S.1.56. *Jana* (2). Biệt dịch, №100 (243).
[3069] . Pāli: *satto saṃsāram āpādi*, chúng sanh đọa lạc sanh tử.
[3070] . Pāli, S.1.57. *Jana* (3). Biệt dịch, №100 (244).

[3071] . Pāli, S.1.55. *Jana* (1). Biệt dịch, №100 (245).
[3072] . Pāli, S.1.58. *Uppatha*. Biệt dịch, №100(246).
[3073] . Phi đạo 非 道. Pāli: *uppatha*, con đường lầm lạc, tà đạo.
[3074] . Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là *tận* 盡. Pāli: *rattindivakkhayo*, bị tận diệt ngày đêm.
[3075] . Pāli: *kiṃ sinānam anodakaṃ*, sự tắm gì không nước?
[3076] . Pāli: *etthāyaṃ sajjate pajā*, ở đây mọi người dính mắc nó. Bản Hán đọc *iṭṭhi* :nữ thay vì ettha (ở đây).
[3077] . Pāli*: tapo ca brahmacariyañca, taṃ sinānam anodakaṃ*, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.
[3078] . Pāli, S.1.61. *Nāma*. Biệt dịch, №100(247).
[3079] . Pāli: *kiṃsu sabbaṃ addhabhavi*, cái gì chinh phục tất cả?
[3080] . Pāli, S.1.60. *Kavi*. Biệt dịch, №100(248).
[3081] . Pāli: *kiṃsu tāsaṃ viyañjanaṃ*, cái gì là tiêu tướng (= văn cú) của chúng?
[3082] . Pāli: *kiṃsu sannissitā gāthā*, thi kệ y cái gì?
[3083] . Pāli: *kiṃsu gāthānaṃ āsāyo*, cái gì là sở y của kệ?
[3084] . Pāli: *chando* (trung tính): âm vận; bản Hán hiểu là nam tính: dục hay ý muốn.
[3085] . Pāli: *kavi*, thi nhân.
[3086] . Pāli, S.1.72. *Ratha*. Biệt dịch, №100(249).
[3087] . Quốc Dịch, quyển 31, "Tụng vi. Tám chúng, 3. Tương ưng Bệnh, phẩm 2", hai mươi kinh, Đại Chánh, 1023-1038; –Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai, 50. Tương ưng Bệnh" hai mươi kinh, Đại Chánh, quyển 47 (nửa sau) 1265-1266; quyển 37, 1023-1038. Pāli, A. 6. 65. *Phagguna*.
[3088] . Phả-cầu-na 叵求那. Pāli: *Phagguna*..
[3089] . Vô thượng ái tận giải thoát 無上愛盡解. Bản Pāli: *anuttare ca kho upadhisaṅkhaye* (*cittaṃ vimuttaṃ*), (tâm giải thoát) trong sự đoạn tận hữu dư y tối thượng.
[3090] . Pāli: *ayaṃ… chaṭṭho ānisaṃso*, đây là lợi ích thứ sáu.
[3091] . Pāli, S. 22. 88. *Assaji*.
[3092] . A-thấp-ba-thệ 阿濕波誓. Pāli: *Assaji*.
[3093] . Xem kinh 33 trên.
[3094] . Hán: biến hối 變悔. Pāli: *kacci te assaji na kiñci kukkccaṃ na koci vippaṭisāro ti*, "Ngươi không có điều gì hối hận, phân vân chăng?"

[3095]. Hán: *thân tức lạc chánh thọ* 身息樂正受. Pāli: *passambhetvā kāyasaṅkhāre:* làmcho thân hành êm dịu (an chỉ).
[3096]. Tham chiếu Pāli:... *gelāne passambhetvā viharāmi sohaṃ samādhiṃ nappaṭilabhāti*, trong khi bệnh, con cố gắng, rất cố gắng an chỉ thân hành, do đókhông đạt được chánh định (tam-muội).
[3097]. Sai-ma-ca tu-đa-la 差摩迦修多羅. Ấn Thuận, kinh 13362,
"50. Tương ưngBệnh". Có tên kinh, nhưng không có nội dung. Cf. S.22.89.*Khemaka*.
[3098]. Pāli, S.35.74. *Gilāna*.
[3099]. Xem cht.8 kinh 1024 trên.
[3100]. Chơn bảo vật 真寶物.
[3101]. Thọ đệ nhất ký 受第一記; đây chỉ sự xác nhận đã chứng quả A-la-hán.
[3102]. Pāli, S. 35. 75. *Gilāna* (nội dung không hoàn toàn nhất trí).
[3103]. Không thấy Pāli tương đương.
[3104]. Pāli, S. 36. 7. *Gelañña*.
[3105]. Già-lê-lệ giảng đường 伽梨隸講堂. Pāli: *Gilānasālā*, bệnh xá.
[3106]. Hán: tùy thuận chi giáo 隨順之教,
hay tùy thuận giáo, tức sự giáo huấn haygiáo giới.
Pāli: *anusāsanī*.
[3107]. Tham dục sử, tức dục tùy miên
[3108].
Nghĩa là, không còn tùy miên, tức tùy tùng miên phục: không còn nằm phục hay tiềm phục.
[3109]. Pāli, S. 36. 8. *Gelañña* (2).
[3110]. Xem cht.19 kinh 1028.
[3111]. Không thấy Pāli tương đương.
[3112]. Pāli, S.55. 27. *Anāthapiṇḍika*(2).
[3113]. Pāli, S. 55. 26. *Anāthapiṇḍika*(1); Cf. M. 143. *Anāthapiṇḍikovāda*. Tham chiếu, Hán, N^{0}125 (51.8).
[3114]. Hán: khiếp liệt 怯劣. Pāli: *olīyasi ... saṃsīdasi…?* "Ông đang bám chặt (sự sống) chăng? Đang chìm xuống (sự chết) chăng?
[3115]. Bản Hán, Ấn Thuận phân thành hai kinh: 13371, 13372. Pāli, S.55.53.*Dhammadinna*.
[3116]. Pāli, S. 55. 3. *Dīghāvu*.

[3117] . Trường Thọ đồng tử 長壽童子. Pāli: *Dīghāvu upasako*, Ưu-bà-tắc Trường Thọ.

[3118] . Pāli: *cha vijjā bhāgiyādhammā*, sáu pháp thuận minh phần, dẫn đến minh trí.

[3119] . Thọ Đề 樹提. Pāli: *Jotika*, cha của *Dīghāvu*. Bản Hán nói là ông nội.

[3120] . Không thấy Pāli tương đương.

[3121] . Bà-tẩu trưởng giả 婆藪長者.

[3122] . Đạt-ma-đề-na 達摩提那. Tức Đạt-ma-đề-ly, xem kinh 1033 trên.

[3123] . Pāli, S. 55. 39. *Kāḷigodha*.

[3124] . Sa-la họ Thích 釋氏沙羅. Pāli: *Kaḷīgodhā Sākyāni*, Thích nữ *Kaḷīgodhā*.

[3125] . Năm hỷ xứ 五喜處.

[3126] . Không thấy Pāli tương đương.

[3127] . Na-lê, hay Na-lê-ca, xem các kinh 301, 854, 926, 959.

[3128] . Da-thâu 耶 輸 .

[3129] . Xem kinh 1035 trên.

[3130] . Pāli, S. 47. 30. *Mānadinna*.

[3131] . Ma-na-đề-na 摩那提那. Pāli: *Mānadinno gahapati*.

[3132] . Bản Pāli: bệnh nặng.

[3133] . A-lê 阿梨 . Pāli: *ayyo* (= *ariya*), xưng hô của tớ đối với chủ.

[3134] . Quốc Dịch, "Tụng vi. Tám chúng; 4. Tương ưng Ứng báo". Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 51. Tương ưng Nghiệp báo"; gồm ba mươi lăm kinh: 13378-13404; Đại Chánh 1039-1061. Pāli, A. 10. 176. *Cunda*.

[3135] . Bản Pāli: *pāvāyaṃ viharati cundassa kammāraputassa ambavane*, trú tại *Pāvā*trong rừng xoài của *Cunda*, con trai người thợ rèn (hay thợ vàng?).

[3136] . Thuần-đà trưởng giả 淳陀長者. Pāli: xem chú thích 48 trên.

[3137] . Tịnh hạnh 淨行. Pāli: *soceyya*, sự thanh khiết, thanh tịnh.

[3138] . Tỳ-thấp-bà thiên 毘濕波天, phiên âm Skt. *Vizva* của *Rig-veda*, về sau, được chỉ cho thần *Viznu*. Chi tiết này không có trong bản Pāli.

[3139] . Pāli: *brāhmaṇā pacchābhūmakā kamaṇḍalukā sevālamālikā aggiparicārikā udakorohakā soceyyāni paññapenti*, những người Bà-la-môn ở phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ, thờ lửa, thường xuyên tắm gội, cử hành các lễ thanh tẩy.

[3140]. Bản Nguyên Minh: *man* 鬘 . Bản Cao-ly: *phát* 髮. Bản Tống *tu* 鬚.

[3141]. Pāli: *asamādhi-saṃvattanikā*, (lời nói) khiến mất định.

[3142]. Ỷ sức hoại ngữ 綺飾壞語 . Pāli: *samphappalāpī*, tạp uế ngữ.

[3143]. Nguyên Hán: đẳng thú đẳng hướng 等趣等向. Pāli: *sammaggatā sammāpaṭipannā*.

[3144]. Pāli, A. 10. 167. *Paccorohaṇī*.

[3145]. Xem cht.49 kinh 1039.

[3146]. Xem cht.53 kinh 1039. Pāli: *tadahuposathe sīsaṃnhāto navaṃ khomâyugṃ nivattho*, vào ngày trai giới, gội đầu, khoác cặp áo lụa *khoma*.

[3147]. Xả pháp 捨法. Pāli: *paccorohaṇī*, lễ Đi xuống; một nghi thức cúng tế Lửa của Bà-la-môn.

[3148]. Pāli, A. 10. 177. *Jāṇussoṇi*.

[3149]. Sanh Văn Phạm chí 生聞梵志. Pāli: *Jāṇussoṇi brāhmaṇo*.

[3150]. Nhập xứ ngạ quỷ 入處餓鬼. Pāli: *petavisayaṃ*, cảnh giới ngạ quỷ.

[3151]. Đạt-thần 達嚫. Từ phiên âm; Pāli: *dakkhiṇā*, cũng dịch là *cúng vật, thí vật*. Phẩm vật cúng dường hay bố thí được cúng cho Tăng sau khi đã thọ trai. Đây chỉ sự thuyết pháp, chú nguyện hay hồi hướng của Tăng đối với vật được cúng dường.

[3152]. Thân-thứ lâm 身恕林. Pāli: *siṃsapa-vana*, rừng cây *siṃsapa*, một loại cây lớn, tên khoa học *Dalbergiasisu*.

[3153]. Bề-la-ma tụ lạc 鞞羅磨聚落. Pāli: *Velāma* (?).

[3154]. Pāli, S. 55. 7. *Veơudvāreyyā*.

[3155]. Bề-nữu-đa-la 鞞紐多羅. Pāli: *Veḷudvāraṃ nāma Kosalānaṃ brāhmaṇagāmo*, thôn Bà-la-môn thuộc nước *Kosala*.

[3156]. Tự thông chi pháp 自通之法. Pāli: *attupanāyika dhammapariyāya*, pháp môn liên hệ đến bản thân (tự ngã); chỉ sự tự tu dưỡng để được tự lợi ích.

[3157]. Pāli, A. 10. 199. *Sevitabba-bahupuñña*.

[3158]. Tương tập cận pháp 相習近法. Pāli: *āsevitabbadhamm*, cần được thân cận, cần được phục vụ.

[3159]. Pāli, A. 10. 205. *Saṃsappaniya*.

[3160] . Xà hành pháp 蛇行法. Pāli: *saṃsapanīya-dhammapariyā*, pháp môn quanh co, bò trườn như rắn bò.
[3161] . Pāli, A. 10. 206. *Mani*.
[3162] . Viên châu 圓珠. Pāli: *apaṇṇaka maṇi*, viên ngọc ma-ni hoàn hảo.
[3163] . Pāli: *yena yevena patiṭṭhāti supatiṭṭhitaṃyeva patiṭṭhāti*, dừng chỗ nào thì đứng im tại chỗ đó.
[3164] . Vô trú xứ 無 住 處 . Xem liên hệ thí dụ trên.
[3165] . Ác tâm. Pāli: *akusalasañcetān*, tư duy, ý chí bất thiện; bất thiện tư niệm.
[3166] . Tứ phương ma-ni 四方摩尼; ngọc ma ni có 4 phương? Pāli*: apaṇṇaka maṇi*? Xem cht.77 trên.
[3167] . Pāli, A. 10. 206. *Maṇi*.
[3168] . Pāli, A. 10. 174. *Hetu*.
[3169] . Pāli, A. 10. 175. *Parikkamma*.
[3170] . Xuất pháp xuất bất xuất pháp 出法。出不出法. Pāli: *saparikkammo... ayaṃ dhammo… nāyaṃ dhammo parikkammo*, pháp này có thoát ly; pháp này không phải không thoát ly.
[3171] . Pāli, A. 10. 170. *Tīra*.
[3172] . Pāli, A. 10. 191. *Saddhamma*.
[3173] . Ác pháp, chân thật pháp 惡法真實法.
Pāli: *saddhammañca*, *asaddhammañca*,pháp vi diệu và pháp không vi diệu.
[3174] . Pāli, A. 4. 207-210. *Pāpadhammā*.
[3175] . Ác pháp ác ác pháp, chân thật pháp chân thật chân thật pháp 惡法惡惡法,真實法真實真實法. Pāli: Pāli: *pāpadhammañca pāpadhammena pāpadhamma-tarañca; kalyāṇadhammañca kalyāṇadhammena kalyāṇadhammatarañca*, pháp ác và pháp ác hơn pháp ác; pháp thiện lương và pháp thiện lương hơn pháp thiện lương.
[3176] . Pāli, A. 10. 192. *Sappurisadhamma*.
[3177] . Bất thiện nam tử thiện nam tử 不善男子善男子. Pāli: *asappurisadhamma, sappurisa-dhamma*, pháp không phải thiện sĩ, pháp thiện sĩ.
[3178] . Pāli, A. 4. 201. *Sikkhāpada*.
[3179] . Pāli, A. 10. 210. *Dasa-dhammā*.
[3180] . Pāli, A. 4. 211. *Vīsati-dhammā*.
[3181] . Pāli, A. 4. 212. *Tiṃsā-dhammā*.

3182 . Pāli, A. 10. 213. *Cattārīsa-dhammā*.
3183 . Pāli, A. 10. 198. *Sacchikātabba*.
3184 . Pāli, A. 10. *Sādhu*.
3185 . Tóm tắt có chín kinh.
3186 . Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 17. Tương ưng Tỳ-kheo", gồm hai mươi hai kinh: 1165-1186; Đại Chánh, kinh 1062-1083. Quốc Dịch, quyển 32, "Tụng vii. Kệ. 1. Tương ưng Tỳ-kheo", hai phẩm, hai mươi hai kinh. Phật Quang, quyển 38, kinh 1050-1068. Pāli, S. 21. 5. *Sujāto*. Biệt dịch, No 100(1).
3187 . Thiện Sanh 善生. Pāli: *Sujāto*.
3188 . Hán: nhị xứ đoan nghiêm 二處端嚴. Pāli; ubhayena… sobhati, sáng chói với hai điều.
3189 . Hán: tự tri tác chứng 自知作證. Pāli: *sayaṃ abhiññā sacchikatvā*, bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (chứng ngộ).
3190 . Pāli, S. 21. 6. *Bhaddi*. Biệt dịch, No 100(2).
3191 . Pāli: [Lakuṇḍaka-]Bhdddiya.
3192 . Pāli, S. 17. 36. *Ratha*. Cf. A. 4. 68. *Davadatta*. Biệt dịch, No 100(3)
3193 . Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.
3194 . Ma-kiệt-đà vương A-xà-thế Tỳ-đề-hy-tử 摩竭陀王阿闍世毘提希子. Pāli: *Ajātasattu-kumāro*, Vương tử Ajātasattu, chưa làm vua.
3195 . Biệt chúng 別眾; một số Tỳ-kheo trong Tăng tách thành nhóm riêng sinh hoạt biệt lập. Bản Pāli không có chi tiết này.
3196 . Hán: cự hư 駏驉 ; giống thú hình như ngựa (Từ hải). Pāli: assatara, giống lừa lai ngựa.
3197 . Biệt dịch, No 100(4).
3198 . Thủ Tỳ-kheo 手比丘. Biệt dịch: Tượng Thủ Tỳ-kheo. Pāli, hoặc Hattha (tay), hoặc Hatthi (voi).
3199 . Pāli, S. 21. 8. Nando. Biệt dịch, No 100(5); Cf. No 125(18.6).
3200 . Nan-đà Phật di mẫu 難陀佛姨母子. Pāli: *Nando Bhagavato mātucchāputto*.
3201 . Pāli, S.21.9. Tisso. Biệt dịch, No 100(7).
3202 . Đê-sa 低沙. Pāli: āyasmā Tisso Bhagavato pitucchāputto, Tôn giả Tissa, con trai của Bá mẫu của Thế Tôn

3203. Pāli, S. 21. 7. *Visākho*; cf. A. 4. 48. *Visākho*. Biệt dịch, No 100(8).

3204. Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử 毘舍佉般闍梨子. Pāli: Visākho pañcālaputto.

3205. Cúng dường đường 供養堂. Pāli: *upaṭṭhānasālā*, giảng đường hay thị giả đường, hay nhà khách.

3206. Trú chánh thọ 晝正受. Đây chỉ sự nghỉ trưa. Bản Pāli: *sāyaṇhasamayaṃ patisallāna*.

3207. Pāli, S. 21. 4. Navo. Biệt dịch, No 100(9).

3208. Pāli: *mā … etassa bhikkhuno ujjhāyittha*, các ông chớ hiềm trách Tỳ-kheo này.

3209. Bốn pháp tăng tâm 四增心法; hay bốn tăng thượng tâm. Pāli: *catunaṃ jhānānaṃ ābhicetasikānaṃ*, bốn thiền tăng thượng tâm.

3210. Pāli, S. 21. 10. *Theranāmo*. Biệt dịch, No 100(10).

3211. Danh viết Thượng Tọa 名曰上坐 . Pāli: Theranāmako.

3212. Pāli: *yaṃ atītaṃ taṃ pahīnaṃ, yaṃ anāgataṃ paṭinissaṭṭhaṃ, paccuppannesuattabhāvapaṭilābhesu chandarāgo suppaṭivinīto*, cái gì đã qua thì đoạn tận, cái gì chưa đến khước từ, trong những lợi dưỡng cho bản thân thì khéo chế ngự tham dục.

3213. Pāli, Cf. Ud. 1.8. *Bodhi-vagga*. Biệt dịch, No 100(11).

3214. Tăng-ca-lam 僧迦藍. Pāli: Saṅgāmaji.

3215. Quốc Dịch, "1. Tương ưng Tỳ-kheo, phẩm 2". Pāli, A. 3. 79. Gandha. Biệt dịch, No 100(12), No 116, No 117, No 125(23.5).

3216. Đa-ca-la 多迦羅. Pāli: *tagara*, cây cam tùng, cách hương.

3217. Pāli, Cf. Luật tạng, Mv.1.22 (Seniya Bimbisàra). Biệt dịch, N^{0}100(13).

3218. Oanh phát xuất gia 縈髮出家. Pāli: *jaṭila*. Đây chỉ các anh em Uruvela-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) và các đệ tử của họ.

3219. Thiện kiến lập chi-đề Trượng lâm 善建立支提杖林. Pāli: *Laṭṭivane Suppaṭṭha-cetiya*.

3220. Ma-kiệt-đề vương Bình-sa 摩竭提王瓶沙. Pāli: *rājā Magadho Seniyo Bimbíāro*.

3221. Uất-bề-la Ca-diếp 鬱鞞羅迦葉. Pāli: Uruvela-Kassapa.

3222. Đại hội, chỉ đại tế đàn.

3223. Pāli, Cf., Luật tạng, Tiểu phẩm, Cv. 4. 4. 4. Biệt dịch, No 100(14).

3224. Đà-phiêu Ma-la Tử 陀驃摩羅子. Pāli: Dabba Mallaputta.

[3225]. Từ Địa 慈地. Pāli: Mettiya-bhummajaka.

[3226]. Mật-đa-la 蜜多羅. Pāli: Mettiyā.

[3227]. A-lê 阿梨; Ấn Thuận đọc là A-xà-lê (Pāli: *ācariya*), tức Hán dịch là Giáo thọ sư hay Quỹ phạm sư. Nhưng đây là phiên âm từ Skt. *ariya* (Pāli: *ayya*): "Thưa Ngài/ Thưa Đức Ông" từ xưng hô của người nhỏ đối với người lớn.

[3228]. Hán: bất thiện bất loại 不善不類, Pāli: *nacchannaṃ nappaṭiūpaṃ*.

[3229]. Luật Tỳ-kheo: đây chỉ pháp diệt tránh, bằng ức niệm tỳ-ni; Pāli: *sati-vinayo*.

[3230]. Luật Tỳ-kheo: chỉ pháp diệt tránh bằng tự ngôn trị; Pāli: *paṭiññātakara*.

[3231]. Pāli, Cf. Ud. 8. 9. *Pāṭaligāmiya-vagga*.

[3232]. Pāli, Cf. M. 86. *Aṅgulimāla-sutta*. Biệt dịch, No 100(16). No 125(38.6).

[3233]. Ương-cù-đa-la 央瞿多羅. Bản Pāli, tại Savatthi.

[3234]. Đà-bà-xà-lê-ca 陀婆闍梨迦. Pāli: Dhavajālikā (?).

[3235]. Ương-cù-lợi-ma-la 央瞿利摩羅. Pāli: Aṅgulimāla.

[3236]. Thần 神. Đoạn kệ này không có Pāli tương đương. Đây chắc là dịch từ *bhūta*, quỷ thần, cũng chỉ các loại thảo mộc.

[3237]. Bất Hại 不害. Pāli: Ahimsa, tên do cha mẹ đặt.

[3238]. Pāli, S.1. 20. *Samidhi*. Biệt dịch, No 100(17)

[3239]. Tháp-bổ hà 搨補河. Pāli: Tapodā, tên hồ lớn ngoại thành Vương xá.

[3240]. Pāli: *mā sandiṭṭikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvī'ti*, chớ xả bỏ cái hiện thực, mà chạy theo cái lệ thuộc thời gian. Chỉ sự tu tập đòi hỏi nhiều thời gian. Bản Hán đọc*akālika*, do tách âm cuối của từ đi trước, *hitvā = ā+a*.

[3241]. Pāli: *kālikā hi āvuso kāmā*, dục vọng vốn lệ thuộc thời gian.

[3242]. Pāli: *sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhī ti,* 'Pháp này *(của Phật)* là hiện thực *(được thấy ngay hiện tại),* không lệ thuộc thời gian, hãy đến để thấy *(là pháp thực chứng),* có khả năng hướng dẫn *(đến Niết-bàn),* được chứng biết từ nội tâm bởi kẻ Trí'.

[3243]. Ái tưởng 愛想. Pāli: *akkheyyasaññino sattā*, chúng sanh có tưởng về danh (tên gọi người và vật).

[3244]. Pāli: *akkheyyaṃ apariññāya, yogamāyanti maccuno*, do không biết rõ danh nên bị Tử thần trói đi.

[3245] . Pāli: *akkheyyañca pariññāya, akkhātāraṃ na maññati; tañca tassa na hoti, yena naṃ vajjā na tassa atthi*, do biết rõ cái bị gọi tên, nó không suy tưởng đến tên gọi. Ai không có điều này, người đó không có lầm lỗi.
[3246] . Pāli: *tīsu vidhāsu avikampamāno, samo visesī ti na tassa hoti*, ai không dao động trong ba sự này, người đó không có ý nghĩ hơn, kém.
[3247] . Pāli, Cf. M. 23. *Vammīka*. Biệt dịch, No 100(18), No 125(39.9).
[3248] . Pāli: Tôn giả Kumārakassapa, sống trong rừng Andhavana (Ám lâm).
[3249] . Hán: khâu trũng 丘塚. Pāli: *vammīka*, ổ kiến hay gò mối.
[3250] . Bản Pāli, đào lần đầu, thấy cái then cửa (*laṅgi*).
[3251] . Cù lâu 氍氀. Không hiểu ý. Pāli, đào lên lần thứ hai: *uddhumāyika*, thây sình (hay con nhái).
[3252] . Nhục đoạn 肉段. Pāli, lần thứ ba: *dvidhāpatha*, hai con đường.
[3253] . Đồ sát xứ 屠殺處. Pāli, lần thứ tư: *caṅgavāraṃ*, chiếc thuyền (khúc gỗ được moi ruột).
[3254] . Lăng-kỳ 楞耆. Pāli: laṅgi, cái then cửa. Bản Pāli, lần thứ năm: kummo, con rùa.
[3255] . Đại long 大龍. Pāli: *nāga*, con rắn hổ mang.
[3256] . Tùy giác tùy quán 隨覺隨觀 . Pāli: *anuvitakketi anuvicāreti*, suy tầm, suy tưởng.
[3257] . Pāli: *rattiṃ anuvitakketvā anuvcāretvā divā kammante payojeti kāyena vācāya*, sau khi ban đêm suy tầm, suy tưởng, ban ngày thực hiện công việc bằng thân hay miệng.
[3258] . Tức năm triền cái. Bản Pāli, con rùa, chỉ cho năm thủ uẩn.
[3259] . Bản Pāli: *uddhumāyika*.
[3260] . Bản Pāli: *asisūnā*.
[3261] . Biệt dịch, No 100(19).
[3262] . Đại Chánh, quyển 39. Quốc Dịch, quyển 33. "Tụng vii. Kệ.1. Tương ưng Tỳ-kheo" tiếp theo Pāli, A.3.126 *Kaṭuviya*. Biệt dịch, No 100 (20).
[3263] . Hán: y ác tham thị 依惡貪嗜.

Pāli: *rittassādaṃ bāhirassādaṃ*, vị trống không, vịngoại giới.
[3264] . Pāli: *muṭṭhassatiṃ asampajnaṃ asamāhitaṃ vibhantacittaṃ pākantimdriyaṃ*, mất chánhniệm, không tỉnh giác, không tập trung, tâm loạn động, các căn phóng túng.
[3265] . Pāli: *mā… attānaṃ kaṭuviyam akāsi*, đừng làm tự ngã hư thối.

[3266] . Pāli: *abhijjhā… kaṭuvuyaṃ vyāpādo āmâgndho pāpakā ạkusalā vitakkā makkhikā*, tham làthối nát, sân là mùi hôi thối, tầm cầu ác bất thiện là ruồi nhặng.
[3267] . Pāli, không thấy tương đương. Biệt dịch, No 100(21).
[3268] . Tức nghỉ trưa.
[3269] . Nguyên Hán: Sĩ phu 士夫.
[3270] . Pāli, S. 20. 9. Nāgo. Biệt dịch, No 100(22).
[3271] . Long tượng 龍象. Pāli: nāga, số nhiều.
[3272] . Pāli: taruṇā bhivikacchāpā, những con voi nhỏ.
[3273] . Quốc Dịch, "Tụng vii. Kệ. 2. Tương ưng Ma" gồm hai phẩm, hai mươi mốt kinh. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 18. Tương ưng Ma" hai mươi kinh, Đại Chánh, 1084-1103. Quốc Dịch, phẩm 1, mười một kinh. Pāli, S. 4.9. Āyu (1). Biệt dịch, No 100(23).
[3274] . Hàn lâm 寒林. Pāli: Sītavana, khu rừng ở gần thành Rājagaha.
[3275] . Pāli: *dīghamāyu manussānaṃ, na naṃ hīḷe suporiso*, tuổi thọ con người rất dài; người khôn ngoan không xem khinh điều này.
[3276] . Pāli, S. 4.10. Āyu (2). Biệt dịch, No 100(24).
[3277] . Tô tức 穌息. Pāli: *assāsaka*, có hơi thở điều hòa, an tâm.
[3278] . Pāli: *nācca yanti aho rattā jīvitaṃ nūparujjhati*, ngày đêm không đi qua, mạng sống không giảm thiểu.
[3279] . Pāli, S. 4.15. Mānasa. Biệt dịch, No 100(25).
[3280] . Pāli: *antalikkhacaro pāso, yoyaṃ carati mānaso*, tâm ý này dong ruổi, như sợi dây thòng giữa hư không.
[3281] . Pāli, S. 4.7. Suppati. Biệt dịch, No 100(26).
[3282] . Pāli, S. 4. 11. *Pāsāṇa*. Biệt dịch, No 100(27).
[3283] . Đây chỉ quyến thuộc của A-tu-la.
[3284] . Pāli, S. 4.6. Sappa (Rắn). Biệt dịch, No 100(28).
[3285] . Hán: đại long 大龍. Pāli: *mahanta sapparājā*, đại xà vương.
[3286] . Pāli, S. 4.13. Sakalika. Biệt dịch, No 100(29).
[3287] . Vương xá thành Tỳ-bà-la sơn Thất diệp thọ lâm thạch thất 王舍城毘婆羅山七葉樹林石室. Đây chỉ hang Sattapaṇṇiguhā, trên sườn núi Vebhāra, thànhRājagaha. Nhưng bản Pāli*: Maddakucchismiṃ Migadāye*, vườn Nai, trong rừngMaddakucchi.
[3288] . Pāli, S.4.23. Godhika. Biệt dịch, No 100(30).
[3289] . Xem cht.26, kinh1090.

[3290] . Cù-đề-ca 瞿低迦. Pāli: Godhika.

[3291] . Tiên nhân sơn trắc Hắc thạch thất 仙人山側黑石室. Pāli: Isigili-passa, Kālasilā.

[3292] . Hán: thời thọ ý giải thoát 時受意解脫;

tức, thời giải thoát hay thời ái tâm giảithoát, trường hợp A-la-hán chứng tâm giải thoát tùy thuộc hoàn cảnh; khi nghịch duyên, có thể bị thoái thất. Xem, Câu-xá 25, Đại 29, tr.129a 19, 130b 16 Pāli:*sāmāyikaṃ ceto-vimuttiṃ*.

[3293] . Hán: bất trụ tâm 不住心. Pāli: *appatiṭṭhitena*

viññāṇena, bằng thức vô trụ(không trụ xứ).

[3294] . Pāli, S.4.24. Sattavassa; S.4.25. Dhītaro. Biệt dịch, No 100(31).

[3295] . Pāli: *kaṭṭhena bhūmiṃ vilikhanto*, dùng que vạch lên đất.

[3296] . Ái Lạc 愛欲, Ái niệm 愛念, Ái dục 愛樂. Pāli: *Taṇhā* (Khát ái), *Rati* (Không lạc),*Rāga* (tham dục).

[3297] . Pāli, S.4.2. Nāga; 4.3. Subha. Biệt dịch, No 100(32).

[3298] . Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 4. 1. 1. *Tapokammañca*.

[3299] .

Khổ hành 苦行. Pāli: *dukkhārakārikāya*, đây chỉ sáu năm khổ hạnh của Phật.

[3300] . Pāli: như bánh lái của chiếc thuyền trên cạn.

[3301] . Pāli, S.4.18. *Piṇḍa*.

[3302] . Sa-la Bà-la-môn tụ lạc 娑羅婆羅門聚. Pāli: *Pañcasālāyaṃ*

brāhmaṇagāme.

[3303] . Pāli, S.4.4-5 *Pāsa*.

[3304] . Sf. Mv.i., vin.i - 21.

[3305] . Pāli, S.4.14. *Paṭirūpa*.

[3306] . Thạch Chủ 石主. Pāli: *Kosalesu Ekasālāyaṃ brāhmaṇagāme*.

[3307] . Pāli: *netaṃ tava paṭiūpaṃ, tad aññam anusāssasi, anurodhavirodhesu, mā sajjittho tad ācaran ti*, "Thật không thích hợp để Ngài giáo hóa người khác. Chớ đi giữa những người tán thành và những người chống đối."

[3308] . Pāli: *hitānukampī sambuddho, yad aññam anusāssati; anurodha-virodhehi vippamutto Tathāgato ti*, Đấng Chánh Giác giáo hóa mọi người do lòng thương tưởng, lân mẫn. Như Lai đã giải thoát ngoài những tán thành và chống đối.

[3309] . Pāli, S.4.20. Rajja.

[3310] . S. 4.21. Sambahulā.

[3311] . Nhà thị giả, hay nhà khách trong tinh xá.

[3312] . Xem cht.55, kinh 1078.
[3313] . Pāli, S.4.22. Samiddhi.
[3314] . Thiện Giác 善覺. Pāli: Samiddhi.
[3315] . Vô giá bảo 無價寶. Bản Tống-Nguyên-Minh: Pháp Tăng bảo 法僧寶
[3316] . Pāli, S.4.12. *Sīha*.
[3317] . Pāli, S.4.16. Patta.
[3318] . Pāli, S.4.17. Āyatana.
[3319] . Xúc nhập xứ 觸入處. Pāli: *phassāyatana*.
[3320] . Đại Chánh, quyển 40. Quốc Dịch, quyển 34, "Tụng vii.3. Tương ưng Đế thích" hai phẩm. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 19. Tương ưng Đế thích" hai mươi hai kinh: 1207-1228; Đại Chánh 1104-1225. Phật Quang, quyển 40. Quốc Dịch, phẩm 1. Pāli, S.11.11. Vatapada. Biệt dịch, №100(33).
[3321] . Thất chủng thọ 七種受. Pāli: *satta vatapadāni*, bảy cấm giới.
[3322] . Giải thoát thí 解 脫 施 . Pāli: muttacāga, huệ thí một cách rộng rãi.
[3323] . Pāli, S.11.13. Mahāli. Biệt dịch, №100(34).
[3324] . Ly-xa danh Ma-ha-lợi 離車名摩訶利. Pāli: Mahāli Licchavī.
[3325] . Pāli: *so hi nūna… Sakkapatirūpako bhavissati*, không phải Đế Thích đâu, mà chỉ là tướng Đế Thích.
[3326] . Pāli, S.11.12. Sakkanāma. Biệt dịch, №100(35).
[3327] . Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pāli: *Sakko Devānaṃ Indo*.
[3328] . Đốn thí 頓施. So sánh Pāli: *sakkaccaṃ dānaṃ adāsi*, bố thí một cách cung kính, nhiệt thành.
[3329] . Định nghĩa của Pāli: *sakkaccaṃ dāna adāsi tasmā kko ti vuccati*, vì bố thí một cách cung kính (*sakkaccaṃ*), nên được gọi là Sakka (Thích).
[3330] . Phú-lan-đà-la 富蘭陀羅. Pāli: Purindado. Định nghĩa của Pāli: *pure dānam adāsi tasmā purindado ti vuccati*, do bố thí nơi thị tứ (pura) nên được gọi là Purindado.
[3331] . Ma-già-bà 摩伽婆. Pāli: Maghavā.
[3332] . Pāli: *pubbe manussabhūto samāno gho nāma māṇavo ahosi*, trước kia, khi còn làm người, ông là thiếu niên tên là Magha.

3333 . Bà-sa-bà 婆娑婆. Pāli: *Vāsava*. Định nghiã của Pāli: *pubbe... āvasatham adāsi tasamā Vāsavo ti vuccati*, trước kia, do bố thí nhà ở (*āvasatha*), nên được gọi là Vāsava.

3334 . Bà-tiên-hòa 婆詵和. Bản Cao-ly: tư 私. Pāli: *āvasatha* (nhà ở), bản Hán hiểu là *vasanakā* (y phục).

3335 . Kiều-thi-ca 憍尸迦. Pāli: *Kosiya* (Kosika).

3336 . Pāli: Kosiya.

3337 . Xá-chỉ-bát-đê 舍脂鉢低. Pāli: *Sujampati*, "chồng của bà Sujā".

3338 . Thiên Nhãn 千眼. Pāli: Sahassakkha, hay Sahassaneta

3339 . Nhân-đề-lợi 因提利. Phiên âm từ Skt. Indra (= Pāli: Inda).

3340 . Pāli, S.11.22. Dubbaịịiya. Biệt dịch, №100(36).

3341 . Dạ-xoa 夜叉. Pāli: Yakkha.

3342 . Pāli, S.11.24. Akodha. Biệt dịch, №100(37).

3343 . Pāli, S.11.5. Subhāsitaṃ-jaya. Biệt dịch, №100(38).

3344 . Pāli, S.11.4. Vepacitti. Biệt dịch, №100(39); №125(34.8).

3345 . Đoán pháp điện 斷法殿. Pāli: Sudhammasabha (Thiện pháp đường).

3346 . Pāli, S. 11.19. Satthāravandana. Biệt dịch, №100(40).

3347 . Thường thắng điện 常勝殿. Pāli: *Vejayantapāsādo*, cung điện Chiến thắng.

3348 . Xá-chỉ chi phu 舍脂之夫; một tên khác của Đế Thích. Pāli: *Sūjampati*.

3349 . Hộ thế chúa 護世主; chỉ cho bốn Đại thiên vương.

3350 . Pāli, không thấy nội dung tương đương. Cf. S.11.18. Gahaṭṭhavandana. Biệt dịch, №100(41).

3351 . Đây là một kinh riêng biệt, nhưng bản Đại Chánh không ghi số. Ấn Thuận phân thành kinh riêng. Quốc Dịch phân thành kinh riêng và ghi tên kinh là "Kính Pháp". Nội dung kinh này là kính pháp như giới thiệu trong kinh số 1112. Có lẽ nguyên thủy không có. Người sau, tìm thấy nội dung ở đâu đó nên bổ túc vào cho đủ tán Tam bảo.

3352 . Pāli: (…) *dhammena dāraṃ posenti*, (những Ưu-bà-tắc) những pháp nuôi dưỡng vợ. Bản Hán hiểu posenti (nuôi dưỡng) như là (u)posatha (bố-tát).

3353 . Pāli, S.11.20. Sakka-namassana. Biệt dịch, №100(42).

3354 . Xem cht.28, kinh 1111.

[3355] . Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 11. 1. 1. Suvīra. Biệt dịch, №100(43).

[3356] . Tú-tỳ-lê Thiên tử 宿毘梨天子. Pāli: *Suvīra-devaputta*.

[3357] . Hán: a công 阿公. Pāli: *tāta suvīra*, từ xưng hô, gọi người lớn tuổi hơn, coi như cha. Cũng có thể gọi người nhỏ hơn: Con thân yêu!

[3358] . Bất khởi xứ 不起處. Pāli: *anuṭṭhahaṃ*; biếng nhác, không hăng hái, (do động từ uṭṭhahati = uṭṭhāti: đứng dậy, phấn khởi hay hăng hái).

[3359] . Pāli: *anuṭṭhahaṃ, avāyāmaṃ, sukhaṃ yātrādhigacchati*, nói đến nơi nào mà ở đó không cần hăng hái, không cần nỗ lực, nhưng an vui.

[3360] . Hán: vô phương tiện 無方便. Pāli*: avāyāmaṃ*, không nỗ lực.

[3361] . Pāli: sace atthi akammena, koci kvaci na jìvati; nibbànassa hi so maggo, suvìra tattha gacchàhi, nếu không có hành nghiệp, không có bất cứ ai tồn tại bất cứ đâu; con đường đó dẫn đến Niết-bàn, suvìra, hãy đi đến đó.

[3362] . Pāli, S.11.9. Araññāyatana-isi; S.11.10. Samudaka. Biệt dịch, №100(44).

[3363] . Bản Pāli: mang nguyên cả giày, kiếm… mà vào. Bản Hán có thể nhầm.

[3364] . Thí vô úy 施無畏. Pāli: *abhayadakkhiṇa*; các Tiên nhân này đến A-tu-la cầu xin cho mình sự an toàn.

[3365] . Pāli, S.11.21. Chetvā. Biệt dịch, №100(45).

[3366] . Pāli, A.3.37. Rājā. Biệt dịch, №100(46).

[3367] . Đây chỉ tháng mười lăm ngày, theo lịch cổ Ấn. Nếu theo ba mươi ngày, thì đây gồm ngày mồng 8 và 23. Pāli: *aṭṭhamiyaṃ pakkhassa*, ngày mồng 8 mỗi (nửa) tháng.

[3368] . Tháng thần biến 神變月(Pāli: *iddhimasā*?); các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thần thông đi quan sát nhân gian. Bản Pālikhông thấy nói các tháng này.

[3369] . Pāli: *cātuddasiṃ pakkhassa*, ngày thứ 14 mỗi (nửa) tháng, tức gồm ngày 14 và 29, hay 28 nếu tháng thiếu.

[3370] . Pāli: *uposathe pannarase*, vào ngày trai giới, ngày thứ 15, tức ngày 15 và 30 hay 29 nếu tháng thiếu.

[3371] . Tập pháp giảng đường 集法講堂; cũng gọi là Thiện pháp đường hay Chánh pháp đường. Pāli: *Sudhamma-sabhā*.

[3372] . Pāli, S.11.23. Māyā. Biệt dịch, №100(47).

[3373] . Pāli: Sambarimāyā, huyễn thuật của Sambarā, (tên khác của Vepacitta, A-tu-la vương).

[3374] . Pāli, S.11.8. Verocana-asurinda. Biệt dịch, №100(50).

[3375] . Bề-lư-xá-na tử Bà-trĩ A-tu-la vương 鞞盧闍那子婆稚. Bản Pāli chỉ nói tên Verocana Asurinda, Cf, D.ii.259: *satañca Baliputtānaṃ sabbe Verocanāmakā*, một trăm con trai của Bali tất cả đều có tên là Vero (=Verocana). Hán, Bà-trĩ, liên hệ phiên âm của Bali.

[3376] . Pāli*:* nipphannasobhano attho, mục đích được sáng chói khi đã được hoàn tất.

[3377] . Pāli: *saṃyogaparamā tveva sambhogā,* các thức ăn được chế biến (Hán: hòa hiệp) thượng diệu (Hán: đệ nhất nghĩa).

[3378] . Pāli, S.11.7. Nadubbiya. Biệt dịch, №100(48).

[3379] . Đại Chánh quyển 41. Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai sở thuyết. 40. Tương ưng Bất hoại tịnh" sáu mươi hai kinh: 13174-13235 (Đại Chánh: quyển 31 (phần cuối) kinh 902-904, quyển 41 (phần đầu) kinh 1121-1135). Quốc Dịch, quyển 26, "Tụng 5. Đạo.8 Tương ưng Bất hoại tịnh; phẩm 2" bốn mươi tám kinh: 12637-12684 (Đại Chánh: 1121-1135). Phật Quang, quyển 31, kinh 873-896 (Đại Chánh: kinh 1121-1144). –Đại Chánh kinh 1121; Pāli, A. 10. 46. Sakkā

[3380] . Ca-tỳ-la-vệ quốc Ni-câu-luật viên 迦毘羅衛國尼拘律園.

Pāli: *Kapilavatthu-Nỉgodhārāma*.

[3381] . Pháp trai nhật 法齋日; chỉ ngày thọ trì bát quan trai giới. Pāli:*aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ*.

[3382] . Thần túc nguyệt 神足月; tháng thần túc hay thần biến. Xem cht.49, kinh 1117.

[3383] . Hán: vi chân thật yếu 為真實要: chưa hiểu ý.

[3384] . Pāli, S. 55. 54 Gilāyana.

[3385] . Tô tức xứ 穌息處. Pāli: *assāsaniya dhamma*: pháp làm cho hơi thở điều hòa; làm cho thư giản, nghỉ ngơi; pháp làm cho an tâm.

[3386] . Hữu thân 有身; tức hữu thân kiến, chấp thân có thật. Diệt trừ thân kiến chứng Tu-đà-hoàn. Pāli: *sakkāya*.

[3387] . Hán; bất khởi Niết-bàn 不起涅槃; chỉ Niết-bàn vô sanh, không còn tái sanh. Bản Pāli không nhắc đến ý nghĩa này.

[3388] . Pāli, S. 55. 48. *Bhaddiya*.

[3389] . Bồ-đề 菩提. Pāli: *Bhaddiya*. Bản Hán đọc là *Bodhi*(ya).

[3390] . Pāli, S. 55. 36. *Sabhāgata*.

[3391] . Pāli, S. 55. 50. *Aṅga*; S. 55. 55. *Caturo phalā*.

[3392] . Tứ chủng Tu-đà-hoàn đạo phần 四種須陀洹道分. Pāli: *cattāri sotapattiyaṅgāni*. Cũng gọi là bốn Dự lưu chi, Cf. Pháp uẩn 2, Đại 26, tr.458.

[3393] . Cf, Pháp uẩn, ibid.: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Pāli, Cf. D.iii. 227: *sappurisa-saṃsevo, saddhamma-savanaṃ, yoniso-manasikāro, dhammānudhamma-paṭipatti*.

[3394] . Pāli, S. 55. 46. *Bhikkhū*.

[3395] . Tu-đà-hoàn phần 須陀洹分.

[3396] . Pāli, S. 55. 2. *Ogadha*.

[3397] . Trong đoạn này, tóm tắt có mười bảy kinh. Ấn Thuận, kinh 1318-13190. Đại Chánh không có kinh số tương đương.

[3398] . Pāli, S. 55. 55-58. *Caturo phalā*.

[3399] . Tham chiếu kinh 1128.

[3400] . Pāli, không thấy tương đương.

[3401] . Pāli, S. 55. 31. *Abhisanda* (1).

[3402] . Pāli, S. 55. 32. *Abhisanda* (2).

[3403] . Tham chiếu kinh 1132.

[3404] . Bản Hán tiết lược: đối với pháp và đối với Tăng, chi tiết như đối với Phật. Tiếp theo là thứ tư, an lạc do bố thí.

[3405] . Pāli, S. 55. 33. *Abhisanda*.

[3406] . Quyển 30, kinh 841.

[3407] . Pāli, S. 55. 20. *Devacārika*.

[3408] . Quốc Dịch, quyển 45 "Tụng viii. Đạo. Như Lai. 1. Tương ưng Đại Ca-diếp" một phẩm. Ấn Thuận, "Tụng 7. Như Lai sở thuyết. 41. Tương ưng Đại Ca-diếp" mười một kinh, tương đương Pāli S. 16. *Kassapa-saṃyutta*. Phật Quang, quyển 31, phần sau (vào hai kinh đầu quyển 32). Đại Chánh, quyển 41, kinh 1136-1144, 905-906 (quyển 32). Pāli, S. 16. 3. *Candupama*. Biệt dịch, №100(111).

[3409] . Bản Đại Chánh: Xá-vệ quốc.

[3410] . Pāli: *seyyathāpīyṃ ākāse pāṇi na… cittaṃ na sajjati na gayhati na bajjhati*, cũng như cánh tay này trong hư không, tâm không bị dính mắc, không bị nắm giữ, không bị cột trói.

[3411] . Tức thử hiện thân 即此現身.

[3412] . Pāli, S. 16.4. *Kulupagaṃ*. Biệt dịch, №100(112).

[3413] . Pāli, S. 16. 6. *Ovādo*.

[3414] . Bàn-trù 槃稠. Pāli: *Bhaṇḍa*.

3415 . A-phù-tỳ 阿浮毘. *Abhiñjika*.

3416 . Pāli, S. 16. 7. *Ovādo*. Biệt dịch, №100(114).

3417 . Pāli, S. 16. 8. *Ovādo* (3). Biệt dịch, №100(115).

3418 . Tức Tỳ-kheo chỉ sống bằng hạnh khất thực; trong mười hai hạnh đầu-đà. Tiếp theo, là một số hạnh đầu-đà được nhắc đến.

3419 . Pāli, S.16. 5. *Jiṇṇaṃ*. Biệt dịch, №100(116); №125(41.5).

3420 . Cf. S. ii. 220: Lần đầu tiên gặp Phật, Ca-diếp khoác chiếc Tăng-già-lê rất quý; rồi xin đổi lấy y thô xấu của Phật.

3421 . Bản Pāli kể chi tiết các hạnh đầu-đà của Ca-diếp.

3422 . Đầu-đà pháp 頭陀法. Pāli: *dhutaguṇṇā*.

3423 . Pāli, S. 16. 9. *Jhānābhiññā*. Biệt dịch, №100(117).

3424 . Hán: a-luyện-nhã sàng tọa xứ 阿練若床坐處. Chưa rõ ý. Biệt dịch, №100(112): "Sống ở biên địa xa xôi, trải cỏ mà nằm".

3425 . Y phục dương dương 衣服佯佯; bản Tống-Nguyên-Minh: bàng dương, y phục phất phơ.

3426 . Hán: cánh tri 竟知. Ấn Thuận cho rằng nhảy sót chữ *bất*: "Rốt cuộc, không biết ai...".

3427 . Cf. S. ii. 220: *satthā me, bhante, bhagavā, sāvakoham asmi*, "Thưa Đại đức, Thế Tôn là Thầy của tôi. Tôi là đệ tử." Câu nói khi Ca-diếp lần đầu trông thấy Phật. Bằng câu này, theo các Luật tạng, Ma-ha Ca-diếp đắc giới cụ túc, thành Tỳ-kheo.

3428 . Pāli, S. 16. 10. *Upassayaṃ*. Biệt dịch, №100(118).

3429 . Thâu-la Nan-đà 偷羅難陀. Pāli: *Thullanandā*.

3430 . A-lê Ma-ha Ca-diếp 阿梨摩訶迦葉. Pāli: *ayyo Mahākassapo*.. Xem cht.42, kinh 1075.

3431 . A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni 阿難鞞提訶牟尼. Pāli: *Ānanda Vedehamuni;* sớ giải, SA.i. 120: *Vedehiputto ti, vedehi paṇḍitādhivacanaṃ etaṃ; paṇḍititthiyā putto ti attho*,A-nan được gọi là Ẩn sĩ *Vedeha*, vì là con trai của *Vedehi*. Vedehi đồng nghĩa với*Paḍita*, thông thái. Nghĩa là, con trai của người đàn bà thông thái.

3432 . Xem kinh 1136.

3433 . Pāli, S. 16. 11. *Cīvaraṃ*. Biệt dịch, №100(119).

3434 . Nam Thiên trúc 南天竺. Đây chỉ địa phương phía nam Ma-kiệt-đà, không phải Nam Ấn. Bản Pāli không đề cập.

[3435]. Hán: đồng tử 童子. Pāli: *kumārabhūtā,* con nít.

[3436]. Nam sơn quốc thổ 南山國土. *Dakkhiṇagiri*, tên tiểu quốc ở phía Nam Vương xá.

[3437]. Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa. Pāli: *tikabhojana*, một bữa ăn chỉ ba người (trở xuống). Luật Tỳ-kheo gọi là "Biệt chúng thực"; Tứ phần, Ba-dật-đề 33; Ngũ phần, Ba-dật-đề 32; Tăng-kỳ, Ba-dật-đề 40; Pāli, *pācittiya* 32: *gaṇabhojana*. Bốn Tỳ-kheo trở lên thành một nhóm, tách ra khỏi Tăng, cùng đi khất thực chung và cùng ăn chung tại một nhà thí chủ, gọi là Biệt chúng thực.

[3438]. Hán: túc sĩ chúng hoại 宿士眾壞, chúng kỳ cựu bị phá hoại. Pāli: *palujjanti... navappayā*.

[3439]. Đê-xá 低舍. Pāli: *Thullatissā*.

[3440]. Na-la tụ lạc 那羅聚落. Pāli: *Naḷanda*.

[3441]. Đa tử tháp 多子塔. Pāli: *Bahuputta-cetiya*.

[3442]. Đại Chánh, quyển 42. Quốc Dịch, quyển 36, "Tụng vii Kệ; 4. Tương ưng Câu-tát-la", phẩm 2 tiếp theo. Ấn Thuận, "Tụng viii Tám chúng; 20. Tương ưng Sát-lợi" tiếp theo (Đại Chánh quyển 40, kinh 1226-1239). Phật Quang, quyển 42. Đại Chánh kinh 1145, Pāli, S. 3. 3. *Issattha*. Biệt dịch, №100(68).

[3443]. Ba-tư-nặc 波斯匿. Pāli: *Pasenadi*.

[3444]. Pāli: kattha dànaư dàtabbaư, "sự cho cần được cho ở đâu?"; kattha dinnaṃ mahapphalaṃ, "vật cho ở đâu có kết quả lớn?"

[3445]. Pāli: *bhareyyāsi taṃ purisaṃ*, "Vua có phù trì người ấy không?"

[3446]. Hán: cao xướng tăng hoan thọ 高唱增歡愛(bản Cao-ly: ái 愛). Pāli:āmodamāno pakireti, detha dethāti bhāsati, phân phát với tâm hoan hỷ, người ấy nói, "Hãy bố thí! Hãy bố thí."

[3447]. Pāli, S.3.21. *Puggala*. Biệt dịch, №100(69).

[3448]. Pāli: *lohitamalā vā lohitamalaṃ gaccheyya*, từ chỗ vấy bẩn máu đi đến chỗ vấy bẩn máu

[3449]. Hán: đăng sàng 登床. Pāli: *pathaviyā pallaṅkaṃ āroheyya* "người từ đất nhảy lên kiệu".

[3450]. Pāli, S.3.25. *Pabbatūpamā*. Biệt dịch, №100(70).

[3451]. Bản Cao-ly, Ấn Thuận: nhật nhật *nhật nhật* 日日; mỗi ngày. Biệt dịch: *nhật trung*, giữa trưa. Phật quang: *bạch nhật*, ban ngày. Pāli*: divā divassa*, buổi sáng sớm

[3452]. Quán đảnh vương. Pāli: *Khattiya-muddhāvasitta-rājan*, vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, đăng quang bằng phép quán đảnh.

[3453]. Pāli: *issariyamadamattaṃ*, kiêu hãnh với vương quyền.

[3454]. Hán: hữu tín, hữu duyên 有信有緣. Pāli: *saddhāyiko paccayiko*, người thân tín, đáng tin cậy.

[3455]. Pāli, S.3.11. *Jaṭila*. Biệt dịch, №100(71).

[3456]. Xà-kỳ-la 闍祇羅. Pāli: *jaṭila*, đạo sĩ bện tóc.

[3457]. Nhất-xá-la 一舍羅. Pāli: *ekasāṭaka*, ngoại đạo một y (khoác một mảnh vải duy nhất).

[3458]. Pāli: *saṃvāsena ... sīlaṃ veditabbaṃ*, bằng sự sống chung mà biết được giới hạnh của một người.

[3459]. Pāli: *saṃvohārena ... soceyyaṃ veditbbaṃ*, bằng nghiệp vụ chung mới biết được sự thanh tịnh của một người.

[3460]. Pāli: *āpadāsu ... thāmo veditabbo*, trong những khổ nạn mới biết sức chịu đựng của một người.

[3461]. Hán: kiến thuyết tri minh 見說知明. Pāli: *sākacchāya ... paññā viditabbā*, cùng đàm luận mới biết trí tuệ của một người.

[3462]. Đại Chánh: 鋀石銅? Ấn Thuận, Phật quang: thâu thạch đồng 鍮石銅, loại đồng đỏ. Pāli: *patirūpako mattikakuṇḍalo*, hoa tai bằng đất sét được thếp vàng.

[3463]. Pāli, S.3.12. *Pañcarājāno*. Biệt dịch, №100(72); №125(33.1).

[3464]. Pāli: năm vua.

[3465]. Chiên-đàn Ưu-bà-tắc 栴檀優婆塞. Pāli: *Candanaṅgaliko upāsako*.

[3466]. Hán: Ương-kỳ quốc minh hiển » Trong Pāli, *Aṅgīrasa* là xưng hiệu thường dùng để chỉ Phật, vì dòng họ *Gotama* nguyên thủy thuộc bộ tộc *Aṅgīrasa*. Bản Hán hiểu đây là tên một nước.

[3467]. Pāli, S.3.13. *Doṇapāka*. Biệt dịch, №100(73).

[3468]. Uất-đa-la 鬱多羅. Pāli: *Sudassano māṇavo*.

[3469] . Quốc Dịch, quyển 36, phần cuối, "Tụng vii. Kệ. 5. Tương ưng Bà-la-môn", hai phẩm. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng; 21. Tương ưng Bà-la-môn" ba mươi tám kinh: 1250-1287 (Đại Chánh, quyển 42, kinh 1151-1163; quyển 3 (phần cuối) và quyển 4 (phần đầu), kinh 88-102; quyển 44 (phần đầu), kinh 1178-1187). Quốc Dịch, phẩm 1. Pāli, S.7.3. *Asurinda*. Biệt dịch, №100(74).

[3470] . Niên thiếu A-tu-la 年少阿修羅. Pāli: *AurindakaBhāradvājo brāhmaṇo*, người Bà-la-môn tên là Asurindaka Bhāradvāja.

[3471] . Bản Pāli: Nghe tin anh mình xuất gia theo Phật, *Asurindaka* giận dữ, đến mắng Phật.

[3472] . Pāli, S.7.3. *Akkosa*. Biệt dịch, №100(75).

[3473] . Tân-kỳ-ca Bà-la-môn 賓耆迦婆羅門; phiên âm từ *Bilaṅgika* (?); xem cht. 35, kinh 1154. Pāli: *AkkosakaBhāradvājo brāhmaṇo*; trong bản Pāli, người này là anh của người được đề cập trong kinh trên.

[3474] . Hán: tương tặng di, tương dữ 相贈遺相與. Pāli: *sambhuñjati, vītiharati*; ăn chung với nhau (= giao tế), trao đổi nhau (giao hoán).

[3475] . Pāli, S.7.2. *Akkosa*. Biệt dịch, №100(76).

[3476] . Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá 健罵婆羅豆婆遮. Pāli: Akkosa-*Bhāradvāja*. Biệt danh*Akkosa* (Kiện Mạ), vì đến nhiếc mắng Phật.

[3477] . Pāli, S. 7.4. *Bilaṅgika*. Biệt dịch, №100(77).

[3478] . Xem kinh 1153. Bản Pāli: *Bilaṅgika*.

[3479] . Pāli, S.7.16. *Paccanīka*. Biệt dịch, №100(78).

[3480] . Vi Nghĩa 違義. Pāli: *Paccanīkasāta*.

[3481] . Pāli, S.7.5. *Ahiṃsa*. Biệt dịch, №100(79), №101(26).

[3482] . Bất Hại 不害. Pāli: *Ahiṃsaka*.

[3483] . Pāli, S.7.12. *Udaya*. Biệt dịch, №100 (80).

[3484] . Hỏa Dữ 火與. (Pāli: *Aggidatta*?). Nhưng, bản Pāli: *Udaya*.

[3485] . Pāli, S.7.1. *Dhānañjanī*. Biệt dịch, №100(81).

[3486] . Bà-tứ-tra 婆肆吒. Oali: *Dhānañjanī*.

[3487] . Vô gián tuệ 無間慧.Tống-Nguyên-Minh: vô văn tuệ 無聞慧

[3488] . Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà 南無多陀阿伽度阿羅呵三 藐三佛陀. Pāli: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*.

[3489] . Tam minh đại đức Bà-la-môn 三明大德婆羅門; đây chỉ ba bộ Vệ-đa nguyên thuỷ. Cf. Pāli, Di. 88: *tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū*, (người Bà-la-môn) tinh thông ba tập Vệ-đà.

[3490] . Cf. Di.90, văn Pāli về những lời mà Bà-la-môn chưởi Phật và đệ tử: *ye ca kho te ... muṇḍakā samaṇakā ibbhā kiṇhā bandhupādāpaccā*, "bọn chúng là những Sa-môn trọc đầu, ti tiện, đen đủi, con cháu của bọn tiện tì".

[3491] . Đại Chánh: vô ngại đẳng 無閡等. Về vô gián đẳng, tức hiện quán Thánh đế, xem các kinh trên (quyển 1, 3, 5, 6, 10…)

[3492] . Pāli, Sn. 3. 5. *Māgha-sutta*. Biệt dịch, №100(82).

[3493] . Ma-cù 魔瞿. Pāli: *Māgha māṇava*.

[3494] . Pāli, S.7.7. *Suddhika*. Biệt dịch, №100(83).

[3495] . Bản Cao-ly: kim cái 金蓋 . Bản Tống-Nguyên-Minh: hoa cái 花蓋 . Ấn Thuận và Quốc Dịch đều đọc là *kim cái*: lọng có cán bằng vàng.

[3496] . Xá-lặc 舍勒; *Huyền ứng âm nghĩa 16*: "Xá-lặc, đây nói là y; hoặc nói là nội y". Tức cái quần (Pāli: *sāluka*). Bản Pāli không có các chi tiết này.

[3497] . Hán: vô phi…, có lẽ dư một phủ định từ. Cf. Pāli, S. ibid.: *Na brāmaṇo sujjhati koci loke, sīlavā pi tapo karaṃ*, không Bà-la-môn trong đời này được thanh tịnh, dù có trì giới, tu khổ hành (trừ phi vị ấy tinh thông ba bộ Vệ-đà).

[3498] . *Tam điển Bà-la-môn* 三典婆羅門; chỉ Bà-la-môn tinh thông ba bộ Vệ-đà nguyên thủy.

[3499] . Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S.7.8. *Aggika* (không hoàn toàn tương đương). Biệt dịch, №100(84).

[3500] . Minh, chỉ ba minh vừa nêu trên: túc mạng trí minh, sanh tử trí minh, lậu tận tríminh.

[3501] . Biệt dịch, №100(85).

[3502] . Pāli, A. 3. 51-52. *Jinna*.

[3503] . Đại Chánh quyển 43. Ấn Thuận, 2. Tương ưng Nhập xứ (Tụng 2), hai trăm tám mươi lăm kinh: 188-462; Đại chánh: 188-255 (cuối quyển 7 – hết quyển 9), 1164-1177 (quyển 43), 273-342 (quyển 11-12). Quốc Dịch, 2. Tương ưng Nhập, mười hai phẩm. Quốc Dịch, quyển 12, "2. Tương ưng Nhập", phẩm 12. Phật Quang, quyển 10. Pāli, A. 6. 61. *Pārāyana*.

[3504] . Pāli: *Sambahulānaṃ therānaṃ bhikkhūnaṃ*, số đông các Tỳ-kheo Thượng tọa.

[3505] . Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn 波羅延低舍彌德勒所問; Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc (Tissametteyyamānava-pucchā), trong phẩm Ba-la-diên (Pārāyana).Pāli:Sn. 5. 3. *Tisamettyyamānavapucchā*.

[3506] . Hán: siêu xuất phùng trất ưu 超出縫紩憂. Pāli: *taṃ brūmi mahāpuriso'ti, so idha sibbinimaccagā, (...),* người ấy Ta gọi là Đại trượng phu mà ở đây đã thoát khỏi người thợ may.

[3507] . Đại Chánh: *thọ* 受. Quốc Dịch và Phật Quang đọc là *thọ* 受. Ấn Thuận đọc là*ái* 愛 .

[3508] . Pāli: *taṇhā hi naṃ sibbati tassa tasseva bhavassa abhinibbatiyā*, do ái dệt thành cái ấy nên dẫn đến sự xuất hiện của hữu.

[3509] . Pāli: *phassanirodho majjhe*, xúc diệt là ở giữa.

[3510] . Pāli, S. 35. 127. *Bhāradvāja*.

[3511] . Tân-đầu-lô 賓頭盧. Pāli: *Piṇḍolabhāradvāja*.

[3512] . Bà-sa vương Ưu-đà-diên-na 婆蹉王優陀延那. *Udena*.

[3513] . Hán: nhiệm tha nhi hoạt 任他而活 . Đối chiếu Pāli: *samannāgatā paṭhamena vayasā anikilītāvino kāmesu,* với tuổi tráng niên đầu đời mà không đoái hoài đến các dục vọng.

[3514] . Bản liệt kê ba mươi hai thứ bất tịnh trong thân. Bản Hán, nhiều hơn.

[3515] . Tăng thượng chấp trì 增上執持. Về thủ hộ căn môn.

[3516] . Pāli, S.35.195-196. *Hatthapādupama*.

[3517] . Pāli, S.35.199. *Kumma*.

[3518] . Pāli: *sāyaṃhasamayaṃ anunadītīre gocarapasuto ahosi*, buổi chiều, nó đi dọc bờ sông để kiếm mồi.

[3519] . Hán: tàng lục 藏六. Pāli: *soṇḍipañcamāni aṅgāni*, năm chi mà cái đầu là thứ năm.

[3520] . Pāli: *anissato aññamaheṭhayāno*, không y tựa, không tổn thương kẻ khác. Sớ giải: *taṇhādiṭṭhinissayehi anissito,* không y tựa ái kiến.

[3521] . Pāli: *parinibbuto nūpavadeyya kañci*, hoàn toàn viên tịch, không có gì chê trách. Bản Hán đọc: parinivuto, hoàn toàn được che kín.

[3522] . Pāli, S. 35. 207. *Yavakalāpi*.

[3523] . Hán: hoàng mạch 祺麥. Pāli: *yavakalāpī*, bó lúa.

[3524] . Đương lai thế hữu 當來世有. Pāli: *āyātiṃ punabbhava*, hữu tái sanh trong đời tương lai.

[3525] . Pāli: *asmī ti, iñjatam etam,* nói rằng "Tôi hiện hữu", đây là sự dao động.
[3526] . Pāli: *asmī' ti…iñjitam etaṃ, ayam aham asmī'ti …bhavissan'ti … Na bhavissan'ti …rūpī bhavissan'ti … iñjitam etaṃ*: "Tôi hiện hữu, đây là cái bị dao động (lung lay, lắc lư). Cái này là tôi… Tôi sẽ hiện hữu… Tôi sẽ không hiện hữu … sẽ có sắc… đây là cái bị dao động.
[3527] . Tư lương, hư cuống 思量虛誑. Pāli: *asmī'ti … phanditam etaṃ* : Tôi hiện hữu, đây là cái bị chấn động (run rẩy); *asmī'ti… papañcitam etaṃ*: tôi hiện hữu, cái này là hý luận.
[3528] . Ngã … ái; Pāli: *: asmī'ti… mānagatam etaṃ*, tôi hiện hữu, cái này là mạn.
[3529] . Pāli, S. 35. 205. *Viṇā*.
[3530] . Pāli: *cakkhuviññeyyesu rūpesu uppajjeyya chando*: tham dục sanh khởi nơi các sắc được nhận thức bởi mắt.
[3531] . Hán: nhược dục, nhược tham, nhược nật, nhược niệm, nhược quyết định trước xứ 若欲若貪若昵若念若決定著處.Pāli: *chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi*: dục, tham, sân, si, hận.
[3532] . Pāli, S. 35. 206. *Chapāṇa*.
[3533] . Luật nghi bất luật nghi 律儀不律儀. Pāli: *saṃvaro asaṃvaro*.
[3534] . (…) giác tưởng tương tục trụ 覺想相續住. Pāli: *upaṭṭhitakāyassati ca viharati appamāṇa-cetaso*, "sống an trụ chánh niệm trên thân, với tâm tư vô lượng".
[3535] . Pāli, S. 35. 206 (5-8) *Capāṇa*. Biệt dịch, $N^0$125(38.8).
[3536] . Thất-thâu-ma-la 失收摩羅. Pāli: *suṃsumāra*, con cá sấu.
[3537] . Pāli: *upaṭṭhitakāyassati*, an trụ chánh niệm trên thân.
[3538] . Pāli, S. 35. 197. *Āsīvisa*. Biệt dịch, $N^0$125(31,6).
[3539] . Pāli, S. 35. 203. *Dukkhaddhamma*.
[3540] . Pāli: *kāmachando kāmasneho kāmamucchā kāmapariḷāho,* ham muốn của dục, mê luyến của dục, mê đắm của dục, nóng bức của dục.
[3541] . Nại lâm 奈林 (?). Pāli: *bahukaṇṭakaṃ dāyaṃ*, khu rừng có nhiều gai.
[3542] . Pāli: *dandho satuppādo*, niệm khởi lên một cách chậm chạp.
[3543] . Hán: lâm thú lưu chú tuấn thâu đông phương 臨趣流注浚輸東方. Pāli: *Gangā nadī pācīnaninnā pācīnapoṇā pācīnapabbhārā.*
[3544] . Pāli, S. 35. 200. *Dārukkhandha*(1). Biệt dịch, $N^0$125 (43.3).

[3545]. A-tỳ-xà Hằng thuỷ biên 阿毘闍恒水邊. Pāli: *Kosambhiyaṃ viharati Gaṅgāya nadiyā tīre*, trú tại *Kosambhi*, bên bờ sông Hằng.

[3546]. Bản Hán hình như bị nhảy sót: Tham chiếu Pāli: bị chìm giữa dòng là hỷ thâm (*nandīrāga*); bị mắc cạn là ngã mạn (*asmīmāna*).

[3547]. Nan-đồ 難屠. Pāli: *Nando gopālako*.

[3548]. Pāli, S. 35. 204. *Kiṃsuka*.

[3549]. Khẩn-thú thú 緊獸. Cũng âm là chân-thúc-ca. Tên một loai cây, hoa màu đỏ như thịt tươi. Pāli: *kiṃsuka*.

[3550]. Thi-lợi-sa 尸利沙. Hán dịch là họp hoan thọ. Pāli: *sirīsa*, cây Bồ-đề. Cf. D.ii. 4.*Sammā-sambuddho sirīsassa mūle abhisambuddho*, "Đức Phật ngồi dưới gốc cây Sirìsa mà thành Chánh giác".

[3551]. Ni-câu-lâu-đà 尼拘婁陀. Pāli: *nigrodha*.

[3552]. Pāli, S. 35. 202. *Avassuta*.

[3553]. Pāli, không thấy tương đương.

[3554]. Tức ba bất thiện tầm: tham bất thiện tầm, sân bất thiện tầm, hại bất thiện tầm.

[3555]. Chỉ bốn thiền.

[3556]. Đại Chánh quyển 44. Ấn Thuận, "21. Tương ưng Bà-la-môn (phần sau)"; tiếp theo Đại Chánh kinh số 102 (quyển 4). Quốc Dịch, quyển 38. - Pāli, Cf. Theri. 133.*Vāsiṭṭhī*. Biệt dịch, №100(92).

[3557]. Di-hy-la 彌絺羅. Pāli: *Mithilā*.

[3558]. Bà-tứ-tra 婆四吒. Pāli: *Vāseṭṭhī*.

[3559]. Bà chạy từ *Vesalī* đến *Mithilā*.

[3560]. Ác 惡 ; Ấn Thuận, Phật Quang đọc là *yếu* 要 . Các bản Tống-Nguyên-Minh đọc là ác 惡.

[3561]. Tú-xà-đế 宿闍諦. Pāli: Sujāta.

[3562]. Tôn-đà-bàn-lê 孫陀槃梨. Pāli: *Sundarī*.

[3563]. Pāli, S. 7. 1. 10. *Bahudhīti*. Biệt dịch, №100(93).

[3564]. Bản Pāli: *Kosalesu viharati aññatarasmiṃ vanande*, trong một khu rừng nọ ở*Kosala*.

[3565]. Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá 毘梨耶婆羅豆婆遮. Pāli: *aññatarassa bhāradvājagotassa brāhmaṇassa*, có một người Bà-la-môn nọ thuộc dòng họ*Bhāradvāja*.

[3566] . Pāli, S.7.22. *Khomadussa*. Biệt dịch, №100(94).
[3567] . Pāli: *Sakkesu viharati Khomadussaṃ nàmaư Sakyānaṃ nigamo*. Sống giữa những người họ Thích, tại tụ lạc *Khomadussa* của họ Thích.
[3568] . Bà-la-môn tụ lạc Bà-la trưởng giả 婆羅門聚落婆羅長者. Pāli: *Khomadussakā brāhmaṇagahapatikā sabhāyaṃ*, trong nhà hội của những gia chủ Bà-la-môn thuộc tụ lạc *Khomadussa*.
[3569] . Pāli: *: ke ca muṇḍakā samaṇakā, ke ca sabhādhammaṃ jānanti*? "Những Sa-môn trọc đầu kia là ai? Sao họ không biết phép hội họp?"
[3570] . Pāli, S. 7. 2. 3. *Devahita*. Biệt dịch, №100(95).
[3571] . Bản Pāli: *Sāvatthinidānaṃ*, nhân duyên ở Xá-vệ.
[3572] . Phù-lê tụ lạc 浮梨聚落.
[3573] . Thiên Tác Bà-la-môn 天作婆羅門. Pāli: *Devahito brāhmaṇo*.
[3574] . Ưu-ba-ma 優波摩. Pāli: *Upavāṇa*.
[3575] . Pāli: *vātehābādhiko*, phong bệnh; được giải thích (Tha.ii.57), do sự dao động của gió nội thân. Không phải gió cảm mạo từ ngoài.
[3576] . Pāli: *muṇḍo saṅghātipāruto*, trọc đầu, khoác Tăng-già-lê.
[3577] . An lạc thủy 安樂水. Pāli: *uṇhodakaṃ*, nước nóng. Bản Hán đọc là *sukhodakaṃ*?
[3578] . Thời thí 時施; chỉ trong lúc đang bố thí (hiểu theo phân từ hiện tại). Pāli:*kathañhi yajamānassa*, như thế nào, trong lúc hiến tế?
[3579] . Các bản đều đọc là định thú sanh 定趣生. Nên đọc là *ác thú sinh*, gần với bản Pāli. Pāli: *saggāpāyañca passati*, thấy sanh thiên, hay đọa lạc.
[3580] . Pāli, S.7.17. *Navakammika*. Biệt dịch, №100(96).
[3581] . Hán: doanh tác điền nghiệp 營作田業.Bản Pāli: *navakammika*, thợ cất nhà (hoặc thợ mộc).
[3582] . Pāli, 7.18. *Kaṭṭhahāra*. Biệt dịch, №100(97).
[3583] . Cọng (túc) 共. Hán dịch sát nghĩa đen. Pāli: *antevāsika*: đệ tử (= người sống chung).
[3584] . Pāli, S.7.9. *Sundarika*. Biệt dịch, №100(99).
[3585] . Tôn-đà-lợi hà 孫陀利河. Pāli: *Sundarikā-nadī*.
[3586] . Pāli: *Sundarikabhāradvāja brāhmaṇa*, Bà-la-môn *Snudarika* dòng họ *Bhāradvāja*.
[3587] . Pāli, M. 7. *Vatthūpama*-sutta. Biệt dịch, №100 (98); №125(13.5).
[3588] . Pāli, S.7.6. *Jaṭā*. Biệt dịch, №100(100).

[3589]. Oanh kế La-đậu-bà-giá Bà-la-môn 縈髻羅豆婆遮婆羅門. Trên chữ *la* 羅 có thể sót chữ *bà* 婆. Pāli; *Jaṭabhāradvāja-brāhmaṇa*, Bà-la-môn bện tóc dòng họ Bhāravāja.
[3590]. Tham chiếu kinh 1187 trên.
[3591]. Quốc Dịch, quyển 38, phần cuối, "Tụng vii. Kệ. 6.Tương ưng Phạm thiên" 1 phẩm, 10 kinh. Ấn Thuận, "Tụng viii. 22. Tương ưng Phạm thiên" mười kinh: 1288-1287 (Đại Chánh, kinh 1188-1197). Pāli, S.6.2. *Gārava*; cf. A. 4. 21. *Uruvelā*. Biệt dịch, №100(101).
[3592]. Pāli: *ajapālaniġodhamūle*, dưới gốc cây Ajapāla-niġodha..
[3593]. Pāli: *dukkhaṃ kho agāravo viharati appatisso*, "Khổ thay, sống mà không có sự kính trọng, không có sự thuận tùng".
[3594]. Pāli, S. 47. 18. *Brahmā*. Biệt dịch, №100 (102); №101(4).
[3595]. Nhất thừa đạo 一乘道. Pāli: *ekāyano maggo*, con đường có một lối đi duy nhất, khác với *ekayāna*, nhất thừa, chỉ một cỗ xe duy nhất.
[3596]. Đắc chân như pháp 得真如法. Pāli: *ñāyassa adhigamāya, nibbānassa sacchikiriyāya*, để đạt đến Chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn.
[3597]. Như Thánh pháp 如聖法 . Pāli: *ñāya* (*dhamma*)? Xem thêm cht. dưới.
[3598]. Như Thánh đạo 如聖道 . Pāli: *ñāyāya maggam*, con đường dẫn đến chánh lý(?)
[3599]. Hán: kiến sanh chư hữu biên 見生諸有邊. Chư, nên đọc là *tận*. Pāli:*jātikhayantadassī*, thấy sự sanh được đoạn tận.
[3600]. Pāli, S.6.11. *Sanaṃkumāra*. Biệt dịch, №100 (103).
[3601]. Bản Pāli: *Rājagahe viharati Sappinītīre*, trú tại Vương xá, bên bờ sông *Sappinī*.
[3602]. Pāli: *Brahmā sanaṃkumāro*, vị Phạm thiên thường xuyên dưới dạng hài đồng, thường đồng hình Phạm thiên.
[3603]. Pāli: *khattiyo seṭṭho janetasmiṃ, ye gottapaṭisārino*, những ai tin vào chủng tộc, thì Sát-lợi là tối tôn.
[3604]. Pāli, S.6.13. *Andhakavinda*. Biệt dịch, №100(104).
[3605]. Bản Pāli: *Māgadhesu viharati Andhakaviđa*, sống giữa những người Ma-kiệt-đà, trong làng *Andhakavinda*.
[3606]. Tùy thuận không 隨 順 空 . Trên kia, Hán dịch là "tùy thuận a-luyện-nhã 隨順阿棟若".
[3607]. Pāli: *sevetha pantāni senāsanāni*, các ông hãy sống nơi biên địa.

3608 . Pāli, S.1.37. *Samaya*. Biệt dịch, №100(105).

3609 . Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm 迦毘羅衛迦毘羅衛林. Pāli: *Kipilavatthusmiṃ Mahāvane*, trong rừng Đại lâm, ở *Kaplilavatthu*.

3610 . Pāli: *aparājitasaṅgham*, Tăng-già không thể bị đánh bại.

3611 . Nhân-đà-la tràng 因陀羅幢. Cây phướn của Đế Thích.

3612 . Pāli, S.6. 7-9. *Kokālika*. Biệt dịch, №100(106); №101(5).

3613 . Cù-ca-lê 瞿迦梨. Pāli: Kokālika.

3614 . S. 6.7.

3615 . Pāli, S. 6.6. Pamāda. Biệt dịch, №100(107).

3616 . Biệt Phạm thiên 別梵天 Pāli: Pacceka-Brahmā. Không thấy các tài liệu giải thích. Có thể chỉ những Phạm thiên độc lập, không có Thiên chúng.

3617 . Thiện Tí biệt Phạm thiên 善臂別梵天 Pāli, đề ccạp hai vị: Subrahmā va Suddhavāsa.

3618 . Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天 Pāli: Bako Brahmā

3619 . Hán: hộc điểu 鵠鳥. Pāli: haṃsa, thiên nga.

3620 . Bản Pāli: tayo supaṇṇā, ba trăm chim cánh vàng (Kim xí điểu).

3621 . Pāli: vyagghīnisā pañcasatā ca jhāyino, sáng rực với 500 hổ cái? Bản Hán hiểu jhāyino: các hành giả Thiên, thay vì là (các cung điện) sáng rực.

3622 . Thiện Phạm thiên 善梵天 Pāli: Subrāhmā, một trong hai vị Pacceka-Brahmā mà bản Hán trên kia không nhắc.

3623 . Xem cht.64, kinh 1194.

3624 . Về "bảy mươi hai", xem cht.75 kinh 1195.

3625 . Ca-tra-vụ-đà-đê-sa 迦吒務陀低沙.

3626 . Ni-la-phù-đà 尼羅浮多. Pāli: Nirabbuda.

3627 . A-phù-đà 阿浮陀 Pāli: abbuda.

3628 . Pāli, S. 6.4. Bako-Brahmā. Biệt dịch, 100 (108).

3629 . Xem cht.63, kinh 1194.

3630 . Hán: Phạm thiên thất thập nhị , tạo tác chư phước nghiêp 梵天七十二造作諸福業, văn cú đảo. Nên hiểu: "Các Phạm thiên đã tạo ra bảy mươi hai loại phước nghiệp". Tham chiếu Pāli: dvāsattati Gotma puññakammā, vasavattino jātijaraṃ atītā, "bằng bảy mươi hai phước nghiệp, chúng tôi có quyền uy siêu việt già và chết".

3631 . Minh luận 明論 Pāli: Vedagū, người thông thạo các Veda.

3632 . Pāli, S. 6.5. *Aparā diṭṭhi*. Biệt dịch, №100(109).

3633 . Pāli, S. 6.15. *Parinibbāna*. Biệt dịch, №100(110).

3634 . Song thọ kiên cố lâm 堅固雙樹林. Pāli: *Yamaka-sāla*, cụm cây sāla mọc đôi. Bản Hán đọc là *sara* (kiên cố).

[3635] . Chi-đề 枝提. Pāli: *cetiya*, tháp miếu.
[3636] . Chỉ y Uất-đa-la-tăng và áo lót.
[3637] . Đại Chánh quyển 45. Quốc Dịch, quyển 39, "Tụng vii. Kệ. 7. Tương ưng Tỳ-kheo-ni". Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 23. Tương ưng Tỳ-kheo-ni", mười kinh: 1298-1307 (Đại Chánh: 1198-1207). Phật Quang, quyển 45. –Pāli, S. 5. 1. *Āḷavikā*. Cf. Theri 57-59. Biệt dịch, №100(214).
[3638] . A-lạp-tỳ 阿臈毘. Pāli: *Āḷavikā bhikkhunī*.
[3639] . An-đà lâm 安陀林. Pāli: *Andhavana*.
[3640] . Pāli, S. 5. 2. Somā. Cf. Theri 60-62. Biệt dịch, №100(215).
[3641] . Tô-ma Tỳ-kheo-ni 蘇摩比丘尼. Pāli: *Somā bhikkhunī*.
[3642] . Nhị chỉ trí 二指智. Pāli: *dvaṅgulapaññā*, trí tuệ bằng hai ngón tay. Chỉ trí tuệ người nữ. SA. i. 190: *yasmā vā dvīhi aṅgulehi kappāsavaṭṭiṃ gahetvā suttaṃ kantati*, "Bởi vì (người nữ) dùng hai ngón tay nắm mép vải rồi khâu chỉ."
[3643] . Pāli: *cittamhi susamāhite*, khi tâm nhập chánh định.
[3644] . Pāli, S. 5. 3. Gotamì. Biệt dịch, №100(216).
[3645] . Cát-ly-xá Cù-đàm-di 吉離舍瞿曇彌. Pāli: *Kisāgotamī*.
[3646] . Pāli: accanta, tận cùng, không còn gì nữa. Bản Hán hiểu là ananta: không biên tế.
[3647] . Hán sát nghĩa đen Pāli: *purisā etad antikā*, "Những người đàn ông, đã chấm dứt".
[3648] . Pāli, S. 5. 5. *Upalavaṇṇā*. Cf. Theri. 230-233. Biệt dịch, №100(217).
[3649] . Ưu-bát-la-sắc 優缽羅色; Hán thường được biết qua tên Liên Hoa Sắc. Pāli:*Upalavaṇṇā*.
[3650] . Kiên cố thọ 堅固樹; cây sa-la; nhưng bản Hán đọc là sara: kiên cố, thay vì sàla.
[3651] . Pāli, S. 5. 10. Vajirā. Biệt dịch, №100(218).
[3652] . Thi-la Tỳ-kheo-ni 尸羅比丘尼. Pāli: *Vairā bhikkhunī*.
[3653] . Pāli, S. 5. 9. Selà. Biệt dịch, №100(219).
[3654] . Tỳ-la Tỳ-kheo-ni 毘羅比丘尼. Pāli: *Selā bhikkhumī*.
[3655] . Hán: hình 形. Pāli: *bimba*, hình bóng, ảnh tượng.
[3656] . Pāli, S. 5. 4. *Vijayā*. Cf. Theri. 139-140. Biệt dịch, №100(220).
[3657] . Tỳ-xà-da Tỳ-kheo-ni 毘闍耶比丘尼, Pāli: *Vijayā bhikkhunī*.

[3658] . Tham chiếu Pāli: *ye ca rūpūgatā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino; yā ca santā samapatti, sabbattha vihato tamo' ti*, "Chúng sanh sanh sắc giới; chúng sanh hành vô sắc; và chánh thọ tịch tĩnh; ở tất cả nơi ấy, bóng tối bị tiêu diệt".

[3659] . Pāli, S. 5. 6. *Cālā*. Biệt dịch, №100(221).

[3660] . Giá-la Tỳ-kheo-ni 遮羅比丘尼. Pāli:*Cālā bhikkhunī*.

[3661] . Giác thọ sanh vi lạc 覺受生為樂. Bản Pāli: *kiṃ nu jātiṃ na rocesi*, "Sao cô không thích sự thọ sanh?"

[3662] . Trong bản Pāli, câu này được hiểu là trả lời của Cālā: *jāto kāmāni bhuñjati*.

[3663] . Pāli, S. 5. 7. Upacālā. Cf. Theri. 197-198, 200-201. Biệt dịch, №100(222).

[3664] . Ưu-ba-giá-la 優波遮羅. Pāli: *Upacālā bhikkhunī*.

[3665] . Bản Pāli: *kāmabandhanabaddhā te*, "chúng bị trói bởi sợi dây ái dục".

[3666] . Pāli, S. 5. 8. Sīsupacālā. Biệt dịch, №100(223).

[3667] . Thi-lợi-sa-giá-la 尸利沙遮羅比丘尼. Pāli: Sīsupacālā bhikkhunī.

[3668] . Pāli: pāsaṇḍa, đạo giáo, giáo phái. Đây chỉ các giáo phái ngoài Phật giáo

[3669] . Quốc Dịch, quyển 39, nửa sau, Tụng vii. Kệ. 8. Tương Bà-kỳ-xá, hai phẩm. Ấn Thuận, 24. Tương ưng Bà-kỳ-xá, 16 kinh (Đại Chánh quyển 45, kinh 1208-1211; quyển 36, kinh 993-994). – Pāli, S. 8. 11. Gaggarā. Cf. Thera. 1252. Biệt dịch, №100(224).

[3670] . Yết-già 揭伽. Pāli: Gaggarā pokkhaṇi.

[3671] . Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Pāli: Vaṅgīsa.

[3672] . Pāli, S. 8. 9. Koṇḍañña. Thera. 1246-1248. Biệt dịch, №100(225)

[3673] . Pāli: Buddhānubuddho so thero, "Ngài là vị Thượng tọa giác ngộ theo sau Đức Phật".

[3674] . Pāli: yam sāvekena pattabbaṃ, satthusāsanakārinā, điều mà đệ tử cần đạt đến, vị thực hành giáo pháp của Đạo Sư.

[3675] . Pāli, S. 8. 10. Sāriputta. Thera. 1231-1233. Biệt dịch, №100(226).

[3676] . Ưu-bà-đề-xá 優婆提舍; Pāli: *Upatissa*, tên của ngài Xá-lợi-phất.

[3677] . Pāli: *sāḷikāyivā nigghosa*, tiếng phát ra như chim sāli.

[3678] . Pāli, S. 8. 10. Moggallāna. Thera. 1240-1251. Biệt dịch, №100(227).

[3679] . Na-già 那伽. Bản Pāli: *Isigilipasse Kāḷasilāyaṃ*, trong hang Đá đen, trên sườn núi Isigili.

[3680] . Pāli: *evaṃ sabbaṅgasampannaṃ*, thành tựu tất cả chi phần như vậy. SA.i.284:*evaṃ sabbaguṇasampannaṃ*, thành tựu tất cả công đức như vậy.

[3681] . Pāli, S. 8. 7. *Pavāraṇā*. Thera. 1234-1237. Biệt dịch, №100(228); №125 (32.5); №26(121); №61~ 63.

[3682] . Bản Pāli: *Sāvatthiyaṃ*.

[3683] . Vô tri chứng 無知證. Có lẽ Pāli: *diṭṭheva dhamme aññaṃ sacchikarissati*, sẽ chứng đắc chánh trí ngay hiện pháp. Nhưng bản Hán đọc là *aññāṇa*: vô tri (không biết) thay vì *aññā* (chánh trí, chỉ quả A-la-hán).

[3684] . Hán dịch: thập ngũ nhật nguyệt (hay nguyệt nhật), để chỉ ngày thứ 15 của nửa tháng. Pāli: *paṇṇarasa*.

[3685] . Thực thọ 食受. Không đoán được từ gốc. Với ý nghĩa tương tự, đoạn dưới Hán dịch là hoài thọ 懷受. Quốc Dịch, quyển 29, cht.64, đây chỉ giờ tự tứ; Pāli:*pavāraṇā*.

[3686] . Đương hoài thọ ngã 當懷受我; Hán dịch không rõ nghĩa. Nhưng theo ngữ cảnh, đây là lời tự tứ, đề nghị Tỳ-kheo khác nêu khuyết điểm của mình. So sánh đoạn Pāli tương đương: *handa dāni, bhikkhave, pavāremi vo; na me kiñci garahatha kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā ti*, "Nay, này các Tỳ-kheo, Ta mong các ông hãy nói lên; chớ để hiềm trách Ta điều gì về thân và khẩu".

[3687] . Trong bản Pāli, chỉ tự tứ những điều liên hệ thân và khẩu, *kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā*.

[3688] . Hán: tô tức 穌息 .

[3689] . Khen ngợi các trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiệp tật trí tuệ, minh lợi trí tuệ, xuất yếu trí tuệ, yểm ly trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô tỷ trí tuệ, trí bảo thành tựu捷疾智慧明利智慧出要智慧厭離智慧大智慧廣智慧深智慧無比智慧智寶成就. So sánh Pāli: *paṇḍitapañño, tvaṃ sāriputta, mahāpañño... putthupañño .. hāsapañño ... javanapañño ... tikkhapañño ... nibbedhikapañño, tvaṃ, sāriputta*.

[3690] . Tống-Nguyên-Minh đọc là *thật* 實. Ấn Thuận, Quốc Dịch, Phật Quang đều đọc là*bảo* 寶.

[3691] . Hán: hoài thọ 懷受.

[3692] . Pāli: *cakkavattī yathā rājā, amaccaparivārito*, như Chuyển luân vương được vây quanh bởi các đại thần..

[3693] . Pāli, S. 8. 2. Arati. Thera. 1214-1218. Biệt dịch, №100(229).

[3694] . Ni-câu-luật Tướng 尼拘律相. Bản Cao-ly đọc là tướng 相. Tống-Nguyên-Minh đọc là tưởng 想. Pāli: Nīgrodhakappa, Hòa thượng của Vaṅgīsa.

[3695] . Bản Pāli: *Āḷaviyaṃ Āggāḷave cetiye*, trong miếu Āggāḷava, ở Āḷavi. Bản Hán hiểu Āḷavi là danh từ chung chứ không phải địa danh.

[3696] . Chỉ Tôn giả Ni-câu-luật Tướng. Trong bản Pāli, đoạn này nói, Nīgodhakappa sau khi khất thực về, vào thất, đóng cửa cho đến chiều hôm sau. Vì vậy, Vaígìsa buồn rầu, vì không được Thầy quan tâm giáo giới.

[3697] . Tham giác 貪覺 . Pāli: *gehasikaṃ vitakkaṃ*, tâm tư thế tục.

[3698] . Hán: ư lân vô sở tác 於鄰無所作. Pāli: *vanathaṃ na kareyya kuhiñca*, không tạo rừng tham ái bất cứ ở đâu.

[3699] . Lục giác tâm tưởng 六覺心想. So Pāli: *saṭṭhi nissitā savitakkā, puthū janatāya adhammaṃ niviṭṭā*, y chấp nơi sáu mươi loại tầm cầu, phàm phu bị dính chặt vào phi pháp. Theo Sớ giải, với sáu cảnh, mỗi cảnh có mười tầm cầu phi pháp.

[3700] . Hữu dư 有餘; đây chỉ hữu dư y, phiền não làm sở y cho thọ sanh. Pāli: *upadhi janā gadhitāse*, chúng sanh bị trói chặt vào hữu y.

[3701] . Pāli: vinodaya chadam, đã đoạn dục.

[3702] . Pāli: *santaṃ padaṃ ajjhagamā muni paṭicca parinibbuto kaṅkhati kālan'ti*, "đã đi đến con đường tịch tĩnh, Đấng Mâu-ni y trên Niết-bàn mà chờ mệnh chung.

[3703] . Pāli, S. 8. 4. Ānanda. Biệt dịch, №100(230); No 125(35.9).

[3704] . Pāli, S. 8. 1. Nikkhanta. Thera. 1209-1213. Biệt dịch, №100(250).

[3705] . Pāli, S. 8. 3. Pesalà-atimaññanà. Thera. 1219-1222. Biệt dịch, №100(251).

[3706] . Nguyên bản: ư pháp 於法; theo đoạn dưới, nên sửa lại là ư bỉ 於彼.

[3707] . Pāli: *mānahatā nirayaṃ papatanti*, những người hành kiêu mạn đọa địa ngục. Mānahata, mạn mang đi, bản Hán đọc là mānahana, mạn giết hại.

[3708] . Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 8. 12. Vaṅgīsa. Thera. 1253-1262. Biệt dịch, №100(252)

[3709] . Pāli: *kāveyyamattā* … pubbe, khi xưa, ta đam mê làm thơ.

[3710] . Pāli, S. 8. 5. Subhāsitā. Thera. 1227-1230; Sn. 3. 3. Subhāsita-sutta, Biệt dịch, №100 (253).

[3711]. Tứ pháp cú 四法句. Pāli: *catūhi aṅgehi samannāgatā vācā subhāsitā*, lời được khéo nói gồm có bốn chi.
[3712]. Pāli: dhamma bhàịe nàdhammaư taư, nói pháp chứ không phải phi pháp.
[3713]. Pāli, Parosahassa. Thera. 1238-1245.
[3714]. Biệt dịch, №100(254).
[3715]. Ca-lộ-y 迦 露 醫.
[3716]. Ba-hầu-la 波睺羅.
[3717]. Chiêm-bà-kỳ 瞻婆耆.
[3718]. Kỳ-bà 瞻婆耆. Pāli: *Jīvaka-komārabhacca*, thái y của vua Tần-bà-sa-la(Bimbisāra).
[3719]. Pāli, Thera. 1263-1279; Sn. 2. 12. Vaṅgīsa-sutta. Biệt dịch, №100(255).
[3720]. Bản Cao-ly đọc là *diệt* 滅. Tống-Nguyên-Minh đọc là *giảm* 減.
[3721]. Đại Chánh quyển 46. Phật Quang, quyển 41. Ấn Thuận, Tụng viii, "19. Tương ưng Đế thích" tiếp theo Đại Chánh quyển 41. Quốc Dịch, quyển 35, Tụng vii, "3. Tương ưng Đế thích" tiếp theo. Tương đương Pāli, S. 11. 1. 6. *Kulāvaka*. Biệt dịch, №100(49).
[3722]. Kim sí điểu 金翅鳥. (Pāli: garuḷa); S. ibid. *kulāvakā simbalismiṃ*, có những tổ chim trên cây bông gòn.
[3723]. Pāli, S. 11. 14. *Daliddo*. Biệt dịch, №100(51).
[3724]. Bản Cao-ly: ư於; bản Tống Nguyên Minh: trụ住. Có thể đọc là tín信. Pāli:*tathāgatappaveditadhammavinaye saddhaṃ samādiyī*, duy trì tín tâm nơi pháp luật được Như Lai tuyên thuyết.
[3725]. Pāli, S. 11.16. *Yajamānaṃ*. Biệt dịch, №100(52).
[3726]. Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: *caraka*), tu sĩ lang thang, thuộc nhóm hành trì theo*Yajur-veda* (Tế tự Vệ-đà). Pāli, S.ibid. không có chi tiết này.
[3727]. Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: *Caraka*), tên một ẩn sĩ cũng là y sĩ, truyền thường đi lang thang khắp nơi để trị bệnh cho người đời.
[3728]. Cf. Sn.111, Jā iii.51: *buddha-pamukhaṃ bhikkhúaṅghaṃ nimantetvā*.
[3729]. Chỉ Dự lưu hướng cho đến A-la-hán hướng. Pāli: *cattāro ca paṭipannā*.
[3730]. Bốn Thánh quả, từ Dự lưu, cho đến A-la-hán. Pāli: *cattāro ca phale ṭhitā*.
[3731]. Tham chiếu kinh 1224.

[3732]. Quốc Dịch, tụng vii, “4. Tương ưng Câu-tát-la”, hai phẩm. – Ấn Thuận, tụng viii, “20. Tương ưng Sát-lợi”, hai mươi mốt kinh, 1229-1249 (Đại Chánh, 1226-1240, 1145-1150/quyển 42). Tương đương Pāli, phần lớn, *S. 3. Kasalā-saṃyutta*. Đại Chánh, kinh 1226; Pāli, S.
3.1. *Daharo*. Biệt dịch, №100(53).

[3733]. Nguyên Hán: a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề阿耨多羅三藐三菩提. Pāli:*anuttaraṃ sammāsaṃbodhiṃ*.

[3734]. Nguyên Hán: 得非虛妄過長說耶為如說說如法說隨順法說耶非T2№099_p0334c20是他人損同法者於其問答生厭薄處耶 (*T2n99, tr.334c19*). So sánh câu văn có nội dung tương tự, kinh 113 trên 得無過耶將不毀謗世尊耶毀謗世尊耶說說耶如法說將不為他難問詰責墮負處耶 (*T2n99,tr. 38a16*), Không có sai lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Không bị người khác chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng?

[3735]. Hán: long tử 龍子, rồng con. Đoạn sau, cũng nói là tiểu xà 小蛇. Pāli: *urago*, con rắn.

[3736]. Pāli: *tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitam attano*, Vì vậy, hãy tránh xa nó, để giữ mạng sống của mình.

[3737]. Pāli, S. 3.22. *Ayyakā*. Biệt dịch, №100 (54), №125 (26.7).

[3738]. Bản Pāli, bà sống một trăm hai mươi tuổi.

[3739]. Pāli, S. 3. 4. *Piya*.

[3740]. …tự niệm,…bất tự niệm 云何為自念。云何為不自念. Pāli: *kesaṃ nu kho piyo attā, kesaṃ appiyo attā ti*, “đối với ai ta (tự ngã) là thân yêu? Đối với ai, ta (tự ngã) không là thân yêu?”

[3741]. Dịch sát văn Hán nên hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: *yañhi appiyo appiyassakareyya*, *taṃ te attanāva attano karonti; tasmā téaṃ appiyo attā,* “Điều gì mà người không thân thương (= kẻ thù) có thể làm cho người không thân thương (= kẻ thù), điều đó ta (tự ngã) làm cho ta (tự ngã) cũng vậy; vì vậy, đối với chúng, tự ngã không phải là thân thương (= kẻ thù).”

[3742]. Pāli, S. 3.5. *Attānurakkhita*. Biệt dịch, №100(56).

[3743]. Pāli: *kesaṃ nu kho rakkhito attā*, *kesaṃ arakkhito attā ti*, “Đối với những ai

tự ngã được thủ hộ? Đối với những ai tự ngã không được thủ hộ?" Xem cht.20 kinh 1228.

3744 . S. 3.6. *Appakā*. Biệt dịch, №100(58).

3745 . S. 3.7. *Atthakaraṇa*. Biệt dịch, №100(57).

3746 . Chánh điện 正殿. Pāli: *atthakaraṇa*, công đường hay pháp đường

3747 . S. 3.19. *Aputtaka* (1): không con. Biệt dịch, №100(59), №125(23.4).

3748 . Ma-ha-nam 摩訶男. S. ibid., *sāvatthiyaṃ seṭṭhi gahapati kālaṅkato*, một gia chủ giàu có ở *Sāvatthi* đã chết.

3749 . Chánh sĩ 正士. Pāli: *asappuriso*, con người không cao thượng, không phải chân nhân, không phải thượng nhân.

3750 . Bất thiện sĩ phu 不善士夫. Đồng nhất với phi chánh sĩ trên. Pāli: *asappuriso*.

3751 . Thiện nam tử 善男子. Trái với phi chánh sĩ hay bất thiện sĩ phu ở trên. Pāli:*sappuriso*.

3752 . Hán: thừa lý 乘理. Pāli: *anindito*, không bị chê bai. Hán đọc là *ānendito*?

3753 . S. 3. 2. 10. *Aputtaka* (2). Biệt dịch, №100(60).

3754 . Xem cht.28 kinh 1232 trên.

3755 . Đa-ca-la-thi-khí Bích-chi-phật 多迦羅尸棄辟支佛. Pāli: *Tagarasikhiṃ pacceka-sambuddhaṃ*. Cf. M.iii. 69.

3756 . S. 3. 9. *Yañña*. Biệt dịch, №100(61).

3757 . Đại hội 大會. Pāli: *mahāyañño paccupaṭṭhito*, tổ chức đại tế đàn, lễ hiến tế sanh vật cho thần linh.

3758 . Đặc ngưu

3759 . Các bản Tống-Nguyên-Minh: nhật nhật 日日, ngày ngày. Ấn Thuận, PhậtQuang đọc là nguyệt nguyệt: 月月: tháng tháng.

3760 . Bài kệ này không có trong S.ibid., nhưng, cf. Dh. 106: *māse māse sahassena, yo yajetha sataṃ samaṃ, ekañca bhāvitattānaṃ muhuttampi pūjaye*, mỗi tháng với trăm nghìn, tế tự cho đến trăm năm, không bằng chỉ một lần cúng dường người tự mình tu tập.

3761 . Bản Cao-ly & Ấn Thuận đọc là *ức niên* 億年; Phật Quang đọc là *cánh niên* 竟年, theo bản Thánh và dẫn Biệt dịch: *mãn túc nhất niên trung* 滿足一年中.

3762 . Trực tâm ? ? . Pāli: *ujupaṭipanna*, trực hành hay chất trực hành, chỉ Tăng, đệ tử Phật, thực hành Thánh đạo tám chi. Cf. *Pháp uẩn 3*, Đại 26, tr.463a. Cf. Dh. 108: *yaṃ kiñci yiṭṭha va hutaṃ va loke, saṃvaccharaṃ yajetha puññapekkho; sabbampi taṃ na catubhāgameti abhivādanā ujjagatesu seyyo*, trong đời này, vì mong cầu phước đức mà tế tự hay hiến tế cả trăm năm, tất cả không bằng một phần tư của sự kính lễ đối với vị Chất trực hành bậc nhất.

3763 . S. 3.10. *Bandhana*. Biệt dịch №100(62).

3764 . Cf. Dh. 345-346.

3765 . Quốc Dịch, phẩm 2. S. 3.14. *Saṅgāma*. Biệt dịch, №100(63).

3766 . S. 3.15. *Saṅgāma*(2). Biệt dịch, №100(64).

3767 . Cf., Pāli, S.ibid., *vilumpateva puriso, yāvassa upakappati; yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati*, con người vì lợi mình mà cướp đoạt người khác; khi cướp đoạt người khác, thì người cướp đoạt cũng bị cướp đoạt.

3768 . S. 3.18. *Appamāda*. Biệt dịch, №100(65).

3769 . Các phẩm tính của Pháp, văn chuẩn Pāli, cf. *Saṅgīti*, D.iii. 227: *svākkhātobhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattaṃ veditabboviññūhī ti*. Tham chiếu, Tập dị môn 7 (Đại 26, tr. 393b): Phật chánh pháp thiện thuyết, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng, "Pháp của Phật được tuyên thuyết một cách hoàn hảo, (là Pháp) dập tắt sự thiêu đốt, thích hợp cho mọi thời, hướng dẫn (đến Niết-bàn), được quán sát trực tiếp, được chứng nội tâm bởi bậc trí."

3770 . Cf. Pāli, S. ibid., *svākkhato bhagavatā dhammo*, *so ca kho kālyāṇamitassakālyāṇa*-*sahāyassa kālyāṇasampavaṅkassa*, *no pāpamitassa no pāpasahāyassa nopā pasampa*-*vaṅkassa*, "Chánh pháp được Thế Tôn tuyên thuyết một cách hoàn hảo, pháp ấy là cho người bạn tốt, cho người đồng hành tốt, cho người thân cận tốt, chớ không phải cho người bạn ác, người đồng hành ác, người thân cận ác".

3771 . Sơn cốc tinh xá 山谷精舍. Bản Pāli, *sakkesu… nagarakaṃ nāma sakyānaṃ nigamo*, giữa những người họ Thích, một thị trấn của người Thích-ca, gọi là*Nagaraka*.

[3772] . Pāli: *upaḍḍham idaṃ bhante brahmacāriyassa yadidaṃ kalyāṇamittatā kalyāṇa-sahāyatā kalyāṇasampavaṅkatā*, "một nửa phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện đồng hành, thiện giao hảo".

[3773] . S.3.17. *Appamāda*. Biệt dịch, №100(66), №26(141).

[3774] . Bản Pāli, chỉ nêu một thí dụ: cũng như dấu chân của tất cả mọi loài thú bộ hành đều lọt vào trong dấu chân voi. Vì chân voi lớn nhất. Cũng vậy… không buông lung…

[3775] . Pāli: *atthābhisamayā dhīro paṇḍitoti pavuccati*, do chiêm nghiệm ý nghĩa này,người khôn ngoan được gọi là bậc Hiền trí.

[3776] . S. 3. 1. 3. *Rājā*. Biệt dịch, №100(67), №125(26.6).

[3777] . Đại Chánh hết quyển 41.

[3778] . Đại Chánh, quyển 47. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 7 Như Lai sở thuyết; 48. Tương ưng Tạp (Đại Chánh, quyển 35, phần sau, kinh 980-992; quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245).-Đại Chánh kinh 1241.

[3779] . Pāli, A.2.9 *Cariya*; It. A2 *Dhamma*.

[3780] . Nguyên bản: chỉ 止; bản Tống: chánh 正.

[3781] . Pāli, A.3. 17. *Pāpaṇika*.

[3782] . A.3.17: Ba pháp khiến tự hại, hại người, hại cả hai (*attavyābādhāyapi … paravyābādhāyapi … ubhayavyābādhāyapi saṃvattati*); đó là, ác hành nơi thân, miệng, ý.

[3783] . Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 49. Tương ưng thí dụ", mười chín kinh, Đại Chánh, 1246-1264. –Đại Chánh, kinh 1246, tương đương Pāli, A.3. 100.*Suvaṇṇakāra* (phần đầu).

[3784] . Nguyên bản, trên chữ cương thạch 剛石, có bốn chữ: thô thượng phiền não麤上煩惱 , Ấn Thuận lược bỏ vì cho là dư thừa theo ngữ cảnh. Nhưng bản Pāli nói:*olārikā upakkillasā*, trong đó *upakkilesā* bản Hán hiểu là "thượng phiền não" thay vì là "các thứ tạp uế".

[3785] . Sanh kim 生金. Pāli: *jātarūpa*, vàng nguyên, chưa chế biến.

[3786] . Pāli: *adhicittam anuyuttasa bhikkhuno*, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm (tu định).

[3787] . Trên kia dịch: thô thượng phiền não. Pāli: *olārikā upakkillasā*.

[3788] . Ba bất thiện tầm. Pāli: *tayo akusalavitakkā, kāmavitakko, vyāpādavitakko, vihiṃsavitakko*, tham dục, thù hận, ác hại.

[3789] . Chỉ ba thiện tầm. Pāli: *tayo kusalavitakkā: nekkhammavitakko, avyāpāda-vitakko, avihiṃsavitakko*, viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm.

[3790] . Pāli: *abhisaṃkūra*, sự nỗ lực thực hành. sự dụng công.

[3791] . Chỉ bốn xứ của vô sắc định.

[3792] . Tam-muội chánh thọ 三 昧 正 受 .

[3793] . Pāli, A.3. 100. Suvaịịakàra (phần sau).

[3794] . Chỉ tướng, cử tướng, xả tướng 止相,舉相,捨相. Pāli: *samādhinimitta, paggahanimitta, upekkhanimitta*, định tướng, tinh tấn tướng, xả tướng.

[3795] . Pāli, M. 34. *Cūḷa-Gopālaka*; Cf. N⁰125(43.6).

[3796] . Pāli: *ayaṃ loko paraṃ loko, jānatā suppakāsito, yañ ca mārena samapatto, appattaṃ yañ ca maccunā*, bậc minh trí khéo soi tỏ đời này và đời sau, chỗ nào Ma đến được, chỗ nào tử thần không đến được.

[3797] . Pāli, M. 33. *Mahā-Gopālaka*; No 125(49.1).

[3798] . Bất tri trạch xứ 不知擇處; đoạn dưới: bất tri chỉ xứ 不知止處 . Pāli: *na pītaṃjānāti*, không biết nước uống.

[3799] . Bất tri thực xứ 不知食處; đoạn dưới: bất tri phóng mục xứ 不知放牧處 . Pāli: *na gocarakosalo hoti*, không thiện xảo hành xứ, hay mục trường.

[3800] . Pāli: *kammalakkhaṇo bālo kammalakkhaṇo paṇḍito*, nghiệp tướng kẻ ngu, nghiệp tướng người trí.

[3801] . Dục giác; Pāli: *kāmavitakka*, tầm cầu dục.

[3802] . Pāli: *yatvādhikaraṇam enaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃabhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ, tassa saṃvarāya na paṭipajjati*, nó không tu tập để phòng hộ nguyên nhân mà do sống không phòng hộ nhãn căn, nên tham ưu, các pháp ác bất thiện tuôn chảy vào.

[3803] . Xem cht.22 trên.

[3804] . Pāli: *tathāgatappavedite dhammavinaye*, ở nơi pháp luật mà Như Lai đã tuyên thuyết. *Pavedita*, được công bố; bản Hán hiểu là *vedita*, được kinh nghiệm hay được biết.

[3805] . Pāli: *na labhati atthavedaṃ, na labhati dhammavedaṃ, na labhati dhammūpasaṃhitaṃ pamojjaṃ*, không đạt được sự tín thọ đối với nghĩa, tín thọ đối với pháp, không đạt được sự hoan hỷ liên hệ đến pháp.

[3806] . Pāli, A. 5. 30 *Nāgita*, A. 6. 42 *Nāgita*, A. 8. 86. *Yasa*.

[3807] . Nhất-xa-năng-già-la 一奢能伽羅. Pāli: *icchānaṅgala*.

[3808] . Na-đề-ca 那提伽. Pāli: *Nāgita*.

[3809] . Pāli: *bahidvārakoṭṭhake atthaṃsu uccāsaddā mahāsaddā*, họ đứng ngoài cổng vào, cao giọng, lớn tiếng.

[3810]. Chỗ này, Hán dịch hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: *yo kho, nāgita, nayimassa nekkhamasukhassa pavivekasukhassa upasamasukhassa sambodhasukhassa nikālamalābhī assa akicchalābhī akasiralābhī, yassāhaṃ nekkhamasukhassa... akasiralābhī, so taṃ mìơhasukhaṃ middhasukhaṃ lābhasakkarasilokasukhaṃsādiyeyya*, Những ai không đạt được dễ dàng, không mệt nhọc, không khó khăn, sự an lạc do xuất ly, viễn ly... này, mà Ta đạt được dễ dàng..., thì những người ấy có thể thụ hưởng sự an lạc như phân dơ ấy, sự an lạc ngủ nghỉ, sự an lạc do lợi lộc, cung kính, danh vọng ấy.

[3811]. Pāli: *adhivāsetu dāni, bhante, bhāgvā*..., bạch Thế Tôn, xin hãy kiên nhẫn chịu đựng.

[3812]. Tham chiếu bản Pāli: (...) *na kiñci passāmi purato và pacchato vā... không thấy bất cứ ai ở phía trước hay phía sau.*

[3813]. Hán: tiện lợi chi lao 便利之勞. Pāli:... *phāsu me, nāgita, tasmiṃ samaye hoti antamaso uccārapassāvakammāyā ti*, lúc ấy Ta thoải mái cho đến cả việc đại tiểu tiện.

[3814]. Pāli, A.6. 42. Nāgita.

[3815]. Na-lăng-già-la tụ lạc 那楞伽羅聚落. Kinh 1250: Nhất-xa-năng-già-la.

[3816]. Pāli:... *vā taṃ tamhā samdhimhā cāvessati*, sẽ khiến vị ấy xuất khỏi thiền định.

[3817]. Pāli:... *araññikaṃ araññe asamāhitaṃ nisinnaṃ*, Tỳ-kheo a-lan-nhã ngồi trong rừng mà không nhập định.

[3818]. Nguyên bản: kim 金 . Bản Nguyên-Minh: linh 令 .

[3819]. Pāli: *araññasaññaṃyeva manasikarissati*, sẽ tác ý với ấn tượng về rừng vắng.

[3820]. Pāli: *tassa bhikkuno attamano homi araññaviharena*, Ta hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng ấy.

[3821]. Xem cht.43 trên.

[3822]. Gối bằng gỗ. Pāli, S. 20. 8. *Kaliṅgara*.

[3823]. Nguyên Hán: quy sách 龜坼, nứt nẻ. Ở đây nên hiểu, vì làm việc nhiều nên tay chân chai cứng. Pāli: *appamatt ātāpino upāsanasmiṃ*, không buông lung, tích cực trong nhiệm vụ.

[3824]. Pāli, S.20. 4. *Ukkā*.

[3825]. Pāli, S. 20. 3. *Kula*.

[3826]. Pāli, S. 20. 5. *Satti*.

[3827]. Pāli, S. 20. 2. *Nakkhasikha*.

[3828]. Pāli, S. 20. 6. *Dhanuggaha*.

[3829] . Đạo nhật nguyệt thần 導日月神. Pāli: *devā candimasuriyānaṃ purato dhāvanti*, những Thiên thần chạy trước mặt trăng và mặt trời.

[3830] . Pāli, S. 20. 7.*Āṇi*.

[3831] . Đà-xá-la-ha 陀舍羅訶. Pāli: *Dasārahā*, tên chỉ một nhóm người *khattiya*.

[3832] . A-năng-ha 阿 能 訶. Pāli: *Ānaka*.

[3833] . Trong bản Hán: tu-đa-la.

[3834] . Pāli: *(suttantà) lokuttarā suññatappaṭisaṃyuttā*, những kinh điển siêu xuất thế gian, hoàn toàn phù hợp với tính không.

[3835] . Không thấy Pāli tương đương.

[3836] . Pāli, S. 20. 10. *Bilāra*.

[3837] . Pāli, S. 20. 11. *Siṅgālaka*.

[3838] . Trong bản: linh 令. Tống-Nguyên-Minh: kim 金 .

[3839] . Cf. Pāli, S. 17. 5. *Mīḷhaka*.

[3840] . Pāli, S. 17. 8 *Siṇgāla*.

[3841] . Ấn Thuận, "Tụng 7; 50. Tương ưng bệnh"; hai mươi kinh; Đại Chánh, quyển 47 (phần sau) kinh 1265-1266; quyển 37 (phần đầu), kinh 1023-1038. Kinh 1265, tương đương Pāli, S. 22. 87. *Vakkali*.

[3842] . Bạt-ca-lê 跋迦梨. Pāli: *Vakkali*.

[3843] . Kim-sư tinh xá 金師精舍. Pāli: *kimbhakāranivesane*, trong nhà của người thợ gốm.

[3844] . Xem các kinh 103, 540, 544, 1030, 1031... Để Bản: Hựu-ma 又麽, sửa lại là Xoa-ma 叉麽. Chỗ khác cũng nói là Sai-ma 差麽.

[3845] . Trước đoạn tiếp theo của bản Hán, Pāli: *alaṃ, vakkali, kiṃ te iminā pūtikāyena diṭṭhena? Yo kho, vakkali, dhammaṃ passati, so maṃ passati; yo maṃ pasati so dhammaṃ pasati*, "Thôi đủ rồi, *Vakkali*, ngươi hà cớ nhìn thân thể hôi thối này?*Vakkali*, ai thấy pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp."

[3846] . Pāli: *so hi nūna, bhante, suvimutto vimuccissati*, "vị ấy sẽ giải thoát với thiện giải thoát."

[3847] . Pāli: *isigilipassaṃ kāḷasiḷā*, lên núi Tiên nhân, trong hang Hắc thạch.

[3848] . Pāli: *appatiṭṭhitena ca, bhikkhave, viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto ti*, "Thiện gia nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn với thức vô trụ."

[3849] . Pāli, S. 35. 87. *Channa*.

[3850] . Na-la tụ lạc, Hảo y Am-la, xem kinh 914.

[3851] . Xem kinh 103.
[3852] . Pāli: *nissitassa calitaṃ, anissitassa calitaṃ natthi*, có y chỉ thì có dao động, không y chỉ thì không dao động. Sớ giải, SA. 2. 370: *nissitasāti taṇhāmādiṭṭhīhi nissitassa*, "y chỉ, tức là y chỉ với ái, mạn và kiến."

[3853] . Nguyên Hán: xuất một 出沒 , chỉ sanh ra và chết đi. Pāli: *cutūpapāto*.

[3854] . Pāli: *calite asati pasaddhi hoti; passaddhiyā sati nati na hoti; natiyā asati agatigati na hoti*, "không dao động thì có khinh an. Có khinh an thì không thiên hướng. Không thiên hướng thì không qua lại (các cõi thú)."
[3855] . Cung dưỡng hay cúng dường, ở đây được hiểu là hầu hạ hay phụng sự.
[3856] . Pāli: *Nanu... channena... anupavajjatā vyākatā*, "há không phải Channa tự xác nhận là không đáng bị khiển trách (vì muốn tự sát)?" Trong bản Hán, đoạn trên, không có câu này.

[3857] . Trấn-trân-ni Bà-la-môn tụ lạc 鎮珍尼婆羅門聚落.

Pāli: *Pubbavijjhana*, một thôn của người Vajji. Cf. M. iii. 266: *Pubbajira*. Bản Hán tách *Pubba* thành bất biến từ và tên thôn là *Vijjhana*.
[3858] . Pāli: *upavajjakulāni*, (*Sāriputta* cho rằng) những gia đình (ở *Pubbavijjhana*) đáng bị khiển trách (vì sự tự sát của *Channa*). Bản Hán hiểu ngược lại: đáng được tán dương.
[3859] . Chỉ Xiển-đà.

[3860] . Pāli: *anupavajjaṃ channena bhikkhunā satthaṃ āharitan ti*, Tỳ-kheo *Channa* cầm dao đến (tự sát) mà không có lỗi."

[3861] . Đại Chánh, quyển 48, kinh 1267-1293. Ấn Thuận, "Tụng 5; 25. Tương ưng chư Thiên (tiếp theo Đại Chánh quyển 22, kinh 603)." Đại Chánh kinh 1267, tương đương Pāli, S. 1. 1. Cf. №100(180).
[3862] . Thiên thần này gọi Phật là "Tỳ-kheo". Bản Hán dư từ Thế Tôn. Pāli: *kathaṃ nu tvaṃ, mārisa, oghamatarī*? "Thưa Tôn giả, Ngài làm thế nào vượt qua dòng thác?"
[3863] . Pāli: *appatiṭṭhaṃ khvāhaṃ, āvuso, ayūhaṃ oghamataran'ti*, "Ta không đình trú, không thẳng tiến (không cầu), mà vượt qua dòng thác."
[3864] . Pāli: *cirassa vata passāmi, brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ*, từ lâu rồi, tôi mới thấy vị Bà-la-môn tịch diệt.
[3865] . Pāli: *appatiṭṭhaṃ anāyūhaṃ, tiṇṇaṃ loke visattikan ti*, "không trú, không thẳng tiến, vượt qua ái dục trong đời."
[3866] . Pāli, S.1. 2. *Nimokkha*.

[3867]. Pāli: *sattānaṃ nimokkhaṃ pamokkhaṃ vivekaṃ*, "(Biết) sự giải thoát, thắng giải thoát, viễn ly. Sớ giải, SA. 1.21: *nimokkhanti ādīni maggādinaṃ nāmāni; maggena hi sattā kilesabandhanato nimuccati, tasmā maggo sattānaṃ nimokkhoti vutto. phalakkhaṇe pana te kilesabandhanato pamuttā, tasmā phalaṃ sattānam pamokkhoti vuttaṃ; nibbānaṃ patvā sattānaṃ sabbadukkhaṃ viviccati, tasmā nibbānānaṃ viveko ti vuttaṃ*, "Giải thoát (nimokkha, Hán: quyết định giải thoát) là tên gọi đầu tiên của sơ Thánh đạo. Bằng Thánh đạo, các chúng sanh giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não; do đó, Thánh đạo được nói là sự giải thoát của chúng sanh. Trong sát-na đắc quả, chúng hoàn toàn giải thoát khỏi các trói buộc của phiền não; do đó, quả chứng là thắng giải thoát của chúng sanh. Sau khi đạt đến Niết-bàn, chúng sanh xa lìa tất cả khổ, do đó, Niết-bàn là sự viễn ly của chúng sanh."

[3868]. Pāli, S. 2. 15. Candana; №100(178).

[3869]. Pāli: *ko gambīre na sīdati*? Ai không chìm sâu?

[3870]. Pāli: paññavā susamāhito, bằng trí tuệ mà khéo léo nhập định.

[3871]. Pāli: *nandīrāgaparikkhīṇo, gambīre na sīdati*, người đã diệt tận hỷ tham không bị chìm sâu.

[3872]. Cf. №100(269).

[3873]. Câu-ca-ni, Quang minh thiên nữ 拘迦尼, 光明天女. Đoạn sau, nói là Câu-ca-na-sa. №100(269): Cầu-ca-ni-sa, Ba-thuần-đề nữ 求迦尼娑, 波純提女. Xem kinh 1273.

[3874]. Xem kinh 1270.

[3875]. Phi nhân, đây chỉ chư Thiên.

[3876]. Pāli, S. 1. 40. Pajjunadhìta (2) (Vân thiên Công chúa); №100(271).

[3877]. Câu-ca-na-sa thiên nữ, Quang minh chi thiên nữ 拘迦那娑天女, 光明之天女.Pāli: *Kokanadā Pajjunassa dhītā, Kokanadā*, con gái của Pajjuna (Hồng Liên, hay Vân Thiên công chúa). Pajjuna, thần mưa; có hai người con gái: Kokanadà và Cūḷa-Kokanadā.

[3878]. Pāli, S. 1. 39. Pajjuna-dhītā(1)

[3879]. Châu-lô-đà 朱盧陀 . Pāli: *Cūḷa-Kokanadā* (Tiểu Hồng Liên), em gái của Kokanadā; xem kinh 1273.

[3880]. S. 1. 22. Phussati; №100(273).

[3881]. Pāli: *nāphusataṃ na phussati*, cái phi xúc không xúc. Sớ giải, SA. 1. 48:*kammaṃ aphusantaṃ, vipako na phusati*, nghiệp là phi xúc; dị thục, nó không xúc.

[3882] . Pāli: *tasmā phusantaṃ phusati, appaduṭṭhapadosinan ti*, vì vậy cái xúc chạm nó xúc chạm người nào gây sự tà ác cho người vô tội. Bản Hán hiểu padosin là sự sân hận thay vì là người gây sự tà ác.
[3883] . Xem Pháp cú 125, Pāli: *yo appaduṭṭhassa narassa dussati, suddhassa posassa anaṅgaṇassa, tam eva bālaṃ pacceti pāpaṃ; sukkhumo rajo paṭivātaṃvā khitto*. "Ai gây ác cho người vô tội, người thanh tịnh, không tì vết, ác báo rơi trở lại chính kẻ ngu ấy, như ngược gió tung bụi."
[3884] . S.2. 22. Khema.
[3885] . S. 1. 35. Ujjhānasaññino; №100(275).
[3886] . Sớ giải của Pāli, SA. 1. 64, các Thiên thần này bất bình về sự thọ dụng bốn duyên của Phật: Phật ca ngợi người sống với y phấn tảo, ngủ dưới gốc cây..., nhưng chính Ngài lại khoác y thượng hạng, sống tại trú xứ như cung điện vua.
[3887] . Sn.3. 10. Kokāliya; №100(276).
[3888] . Cù-ca-lê 瞿迦梨 . Pāli: *Kokāliya*.
[3889] . Bát-đàm-ma 鉢曇摩 . Pāli: *Paduma* (sen đỏ) tên địa ngục.
[3890] . A-phù-đà 阿浮陀. Pāli: abbuda.
[3891] . Các đơn vị đo lường: A-la 阿羅; độc-lung-na 獨籠那 ; xà-ma-na 闍摩那 ; ma-ni摩尼; khư-lê 佉梨. Pāli: *khārika*. Sớ giải, 4 *patthā* = 1 *āḷhaka*; 4 *āḷhaka* = 1 *doṇa*; 4*doṇa* = 1 *māṇika*; 4 *māṇika* = 1 *khāri*.
[3892] . Pāli: 20 *khārika* = 1 xe hạt cải (*tilavāha*).
[3893] . Ni-la-phù-đà 尼羅浮陀. Pāli: *Nirabbuda*.
[3894] . A-tra-tra 阿吒吒. Pāli: *Aṭaṭa*.
[3895] . A-ba-ba 阿波波. Pāli: *Ababa*.
[3896] . A-hưu-hưu 阿休休. Pāli: *Ahaha*.
[3897] . Ưu-bát-la 優鉢羅. Pāli: *Uppalaka*.
[3898] . Pāli, Sn.1.6. Parābhava. №100(277).
[3899] . Cf. №100(278).
[3900] . S. 1.24 Nanonivāraṇā; №100(279).
[3901] . Pāli: *yato yato mano nivāraye, na dukkhameti naṃ tato tato*, nơi nào ý bị ngăn chặn, nơi ấy không đau khổ.
[3902] . Pāli: *yato yato ca pāpakaṃ, tato tato mano nivāraye*, nơi nào có sự ác, nơi đó ngăn chặn ý.

[3903] . D.31. Siṅgālaka. Cf. №26(135. Kinh Thiện Sanh), №1(16. Kinh Thiện Sanh), №100(281).
[3904] . Jā. 243. Guttila; №100(282).
[3905] . S. 1.71. Chetvā; №100(283).
[3906] . S. 1.34. Nasanti, 36. Saddhā; №100(284).
[3907] . Pāli: *na santi kāmā manujesu niccā, santīdha kamanīyāni yesu baddho*, các dục trong đời vốn không thường. Ai ở đó có ái lạc, kẻ đó bị trói buộc.
[3908] . Pāli: *tiṭṭhanti citrāni tatheva loka*: Những vật đa dạng vẫn tồn tại như vậy trong đời.
[3909] . S. 1.31. Sabbi; №100(285).
[3910] . S. 1.32. Macchari; №100(286).
[3911] . Hán: Bách thiên da thạnh hội 百千耶盛會. Pāli: *sataṃ sahassānaṃ sahassayāginam*.
[3912] . S. 1.38. Sakalika; №100 (287).
[3913] . Hán: Kim thương 金鎗 (槍). Pāli: *sakalikā ya khato hoti*: bị mảnh vụn (dằm cây) đâm.
[3914] . Hoa sen trong loài người.
[3915] . №100(288).
[3916] . Tức Thần Viṣṇu, không gì cao cả hơn..
[3917] . №100 (289).
[3918] . №100 (290).
[3919] . №100 (292).
[3920] . Đại Chánh quyển 49, Ấn Thuận, 25. Tương ưng Chư thiên tiếp theo. Kinh 1294, biệt dịch, №100(291).
[3921] . Biệt dịch, №100(293).
[3922] . Biệt dịch, №100(294).
[3923] . Câu-lũ-đà vương nữ Tu-ba-la-đề-sa 拘屢陀王女修波羅提沙. №100(294): Tu-đa-mật-xa-cứ-đà 須多蜜奢锯陀. Không rõ Pāli.
[3924] . Biệt dịch, №100(295).
[3925] . Cf. №100(295): "Thế nào tự tính toán, không bị phiền não che? Thế nào được gọi là vĩnh viễn lìa các số?"
[3926] . Biệt dịch, №100(296).
[3927] . Biệt dịch, №100(297).
[3928] . S. 10. 1. Indaka; biệt dịch, №100(298).
[3929] . Pāli: *rūpaṃ na jīvanti vadanti buddhā, kathaṃ nvayaṃ vindatimaṃ sarīraṃ*, "Chư Phật không nói mạng (jīva) là sắc, nhưng tại sao mạng có nơi

thân này?" Pāli: *rūpaṃ na jīvanti vadanti buddhā, kathaṃ nvayaṃ vindatimaṃ sarīraṃ*, "Chư Phật không nói mạng (jīva) là sắc, nhưng tại sao mạng có nơi thân này?"

[3930]. Pāli: *kathaṃ nvayaṃ sajjati gabbasmiṃ*, làm sao trú trong thai?

[3931]. Ca-la-la 迦羅邏. Pāli: *kalala*, phôi mới kết.

[3932]. Bào 胞. Pāli: *abudda*, phôi bào.

[3933]. Biệt dịch, №100(300).

[3934]. Trường Thắng 長勝. №100(300), Tối Thắng trưởng giả 最勝長者

[3935]. S. 2. 21. Siva; №100(901). Tức thần Siva của Ấn độ giáo.

[3936]. Thi-tì thiên tử 尸毘天子. Pāli: *Sivo devaputto*.

[3937]. Nguyên bản: đồng chỉ 同止. Bản Thánh: đồng tâm 同心.

[3938]. Pāli: *Sabbhireva samāsetha*, hãy ngồi chung với người thiện lương.

[3939]. S. 2. 11. Candimasa; №100(302).

[3940]. Nguyệt Tự Tại thiên tử 月自在天子. Pāli: *Candimaso devaputto*, chỉ thần mặt trăng.

[3941]. Pāli: *te hi sotthiṃ gamissanti, kacche vāmakase magā*, "họ sẽ đi đến chỗ an ổn, như những con nai trên đồng cỏ không muỗi. Bản Hán hiểu ngược: có muỗi.

[3942]. Pāli: *Jhānāni upasampajja, ckodi nipakā satā*, chứng nhập các thiền, chuyên tâm nhất cảnh.

[3943]. S. 2. 12. Veṇḍu; №100(303).

[3944]. Tỳ-sấu-nữu 毘瘦紐. Pāli: *Veṇḍu devaputto*, tức thần Viṣṇu của Ấn độ giáo.

[3945]. S. 2. 7. Pañcālacaṇḍa; №100(304).

[3946]. Ban-xà-la-kiện 般闍羅揵. Pāli: *Pañcālacaṇḍa*.

[3947]. S. 2. 29. Susīma; №100(305).

[3948]. Tu-thâm thiên tử 須深天子. Pāli: Susīmo devaputto.

[3949]. Tán thán trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiệp tật trí tuệ, lợi trí tuệ, xuất ly trí tuệ, quyết định trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô đẳng trí tuệ, trí bảo thành tựu捷疾智慧．利智慧．出離智慧．決定智慧．大智慧．廣智慧．深智慧．無等智慧．智寶成就. Pāli: *paṇḍito, mahāpañño, putthupañño, hāsapañño, javanapañño, tikkhapañño, nibbedikapañño*.

[3950]. Nguyên Hán: bất khởi Niết-bàn 不起涅槃 .

[3951]. S. 2. 26. Rohita; №100(306).

[3952]. Xích Mã 赤馬 . Pāli: *Rohitassa*.

[3953]. Đương lai hữu ái 當來有愛; tham ái về sự tồn tại trong tương lai, cùng tồn tại với hỷ tham. ước muốn sẽ sanh chỗ này hay chỗ kia trong tương lai.

[3954]. S. 2. 30. Nānātitthiyā.

[3955]. Các Thiên thần: 阿毘浮 . 增上阿毘浮 . 能求 . 毘藍婆 . 阿俱吒 . 迦藍. Danh sách Pāli: *Asamo, Sahali, Nìko, Ākoṭako, Vegabbhari, Māṇavagāmiyo*.

[3956]. Ni-càn Nhã-đề Tử 尼乾若提子.

[3957]. S. 2. 3. Māgha.

[3958]. Ma-già 摩伽. Pāli: *Māgho devaputto*.

[3959]. S. 2. 4. Màgadha.

[3960]. Di-kỳ-ca 彌耆迦 . Pāli: *Māgadho devaputto*.

[3961]. Pāli: *cattāro loke pajjotā, pañcamettha na vijjati*, có bốn loại chiếu sáng trong thế gian. Không có loại thứ năm.

[3962]. S. 2. 5. Dàmali.

[3963]. Đà-ma-ni 陀摩尼. Pāli: *Dāmani*.

[3964]. S. 1. 5. Katichinda; №100(311).

[3965]. Đa-la-kiền-đà 多羅揵陀陀.

[3966]. Pāli: *kati saṅgā tigo*, vượt qua bao nhiêu sự kết buộc?

[3967]. Sớ giải Pāli (A.1.24): *Pañca chindeti chindanto pañca orambhāgiyasaṃyojānāni chindeyya*, đoạn năm, là đoạn trừ năm hạ phần kết.

[3968]. Sớ giải Pāli, nt: *Pañca jaheti jahanto pañcuđham bhāgiyasaṃyojānāni jaheyya*, xả năm, là xả năm thuận thượng phần kết.

[3969]. Sớ giải Pāli, nt: tu tập năm căn, tín v.v...

[3970]. Sớ giải Pāli, nt: *Pañca saṅgātigoti rāgasaṅgo dosasaṅgo mohasaṅgo mānasaṅgo diṭṭhisaṅgo,* năm kết phược: tham kết phược, sân, si, mạn và kiến kết phược.

[3971]. S.2. 6. Kāmada; №100(312).

[3972]. Ca-ma 迦 ? . Pāli: Kāmado devaputto.

[3973]. Pāli: *dukkaraṃ vāpi karonti sekkhā sīlasamāhitā*, bậc hữu học mà y giới là làm điều khó làm.

[3974] . Pāli: *dullabhā bhagavā yadidaṃ tuṭṭhī ti*, thật khó được, là sự tri túc. Bản Hán đọc là tuṇhī, sự im lặng (tịch mặc), thay vì tuṭṭhi, sự thoả mãn, tri túc.

[3975] . Pāli: *dussamādahaṃ bhagavā yadidaṃ cittan ti*, tâm thật là khó định tĩnh.

[3976] . Tham chiếu kinh 1324. S. 10. 3. Suciloma; №100(313).

[3977] . Bản Pāli: *kharo ca yakkho sūcilomo ca yakkho*, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma (quỷ lông kim).

[3978] . Giác tưởng 覺想. Pāli: *manovitakka*, sự suy tưởng tầm cầu của tâm.

[3979] . Cưu-ma-la 鳩摩羅; Pāli: *kumārakā*, trẻ nhỏ. Bản Hán hiểu là tên người.

[3980] . Pāli: *kumārakā dhaṅkam ivossajanti*, như trẻ nhỏ thả chim bồ câu. Trẻ nhỏ buộc chân chim lại, rồi mới thả bay đi. Chim bay lên, phút chốc rơi trở lại. Cũng vậy, ác tầm cầu buông thả tâm khiến khởi lên (Sớ giải, SA. 1.303).

[3981] . Pāli: *snehajā attasambhūtā, nigrodhasseva khandhajā*, sanh ra từ sự kết dính (= *tham ái*), khởi lên từ tự ngã, như cây nigrodha (*cây bàng*) sanh ra từ thân cây.

[3982] . Pāli: *puthū visattā kāmesu, māluvāva vitatā vane*, phàm phu bị dính mắc trong các dục vọng, như dây leo bò lan khắp rừng.

[3983] . S. 2. 14. Nandana; №100(314).

[3984] . Chiên-đàn thiên tử 栴檀天子. Xem kinh 1316. Pāli: Nandana-devaputta. Bản Hán đọc là Candana.

[3985] . S. 2. 15. Candana; №100(315).

[3986] . Xem cht.65 trên. Pāli: Candana.

[3987] . Pāli: *so gambīre na sīdati*, người ấy không chìm chỗ nước sâu.

[3988] . S. 2. 1, 2. Kassapa (1, 2). №100(316-317).

[3989] . Ca-diếp thiên tử 迦葉天子. Pāli: *Kassapo devaputto*.

[3990] . Thân 身; bản Thánh: tâm 心.

[3991] . Nguyên bản: hoại 壞. Bản Thánh: hoài 懷.

[3992] . Xem kinh 1317. №100(318).

[3993] . Ấn Thuận, "Tụng v. Bát chúng, 26. Tương ưng Dạ-xoa"; Đại Chánh kinh 1319-1330. –Kinh 1319, Pāli: S. 10. 4. Maṇibhadda.

[3994] . Khuất-ma Dạ-xoa quỷ trú xứ 屈摩夜叉鬼住處. Pāli: *Maṇimālike cetiye Maṇibhaddassa yakhassa bhavane*, tại trú xứ của Dạ-xoa Maṇibhadda, trong tháp Maṇimālika.

[3995] . Khuất-ma dạ xoa quỷ 屈摩夜叉鬼. Pāli: Maṇibhadda, quỷ bảo hộ những người lữ hành.
[3996] . Cf. Udāna 1. 7. Pāṭalī; №100(319). Tham chiếu, Luật Tứ Phần, Ba-dật-đề 55.
[3997] . Ma-cưu-la sơn 摩鳩羅山. 100(319): Bạch sơn 白山.
[3998] . Na-già-ba-la 那伽波羅. №100(319): 象護. Pāli: Nāgapāla, nhưng không tìm thấy tên này trong các tài liệu Pāli.
[3999] . Ma-cưu-la quỷ 摩鳩羅鬼. №100(319): Bạc-câu-la quỷ 薄俱羅鬼. Pāli: Bakkula, con quỷ có tiếng kêu dễ sợ, Ud 1.7.
[4000] . Câu-chấp 俱執; Pāli: *kojava*, chăn bằng lông dê.
[4001] . Tỳ-xá-già 毘舍遮. Pāli: *pisāca*.
[4002] . Pāli, Ud.1.7: *atha etaṃ pisācañca pakkulañcativattati*, ở đây vị ấy đã vượt qua quỷ Pisāca và tiếng kêu "pakkula". Quỷ Ajakalāpaka muốn dọa Phật nên phát ra âm thanh dễ sợ "akkulapakkula".
[4003] . S.10. 6. Piyaṅkara. №100(32).
[4004] . Tất-lăng-già quỷ tử mẫu 畢陵伽鬼子母. №100(320): Tân-già-la 賓伽羅. Pāli: Piyaṅkaramātā, mẹ của quỷ con Piyaṅkara.
[4005] . Ưu-đà-na 憂陀那; Pāli: *Udāna*, Vô vấn tự thuyết hay Kệ cảm hứng, các kinh thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.
[4006] . Ba-la-diên-na 波羅延那. Pāli: *Pārāyana-vagga* (*phẩm Đáo bỉ ngạn*), phẩm thứ 5 trong Suttanipāta, thuộc Tiểu bộ Khuddaka-Nikāya.
[4007] . Kiến chân đế 見真諦 .
[4008] . Thượng tọa sở thuyết kệ 上座所說偈. Pāli: *Thera-gāthā*, Trưởng lão kệ, sách thứ 8 thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.
[4009] . Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ 比丘尼所說偈. Pāli: Theri-gāthā; sách thứ 9, thuộc Khuddaka-nikāya.
[4010] . Thi-lộ kệ 尸路偈.
[4011] . Nghĩa phẩm 義品. Pāli: *Atṭṭhaka-vagga*, phẩm thứ tư của Suttanipāta.
[4012] . Mâu-ni kệ 牟尼偈. Pāli: *Muni-gāthā*, tức Muni-sutta, trong Suttanipāta 1. 12, các kệ 207-221.
[4013] . Pāli: *pisāca-yoni*, sanh đạo loài quỷ.

4014 . S. 10. 7. Punabbasu.

4015 . Phú-na-bà-tẩu quỷ tử mẫu 富那婆藪鬼子母. Pāli: *Punabbasumātā*, mẹ của quỷ con Punabbasa.

4016 . Uất-đa-la 鬱多羅. Pāli: *Uttarā*.

4017 . Biệt dịch, №100(322).

4018 . Ma-ni-giá-la quỷ 摩尼遮羅鬼. №100(322): Ma-ni hành dạ xoa 摩尼行夜叉.Pāli: Mānica-yakkha, Cf. D.iii. 205. Theo các bản Hán: Mānicara.

4019 . Bình đẳng quán 平等觀. Đây chỉ hiện quán 現觀 .

4020 . S. 10. 3. Sūciloma; №100(323).

4021 . Châm Mao quỷ 針毛鬼 . №100(323): Tiễn Mao dạ xoa 箭毛夜叉. Pāli: Sūciloma, quỷ có lông như kim.

4022 . Viêm quỷ 炎鬼 . №100(323): Chích dạ xoa 炙夜叉. Pāli: Kharo yakkho.

4023 . Pāli: te samphasso pāpako ti, "xúc chạm với ngươi là điều tai ác".

4024 . Xem kinh 1314.

4025 . Xem kinh 1314, các cht. 61-63.

4026 . Đại Chánh, quyển 50. Ấn Thuận, 26. Tương ưng Dạ xoa, tiếp theo. Kinh 1325, Pāli: S. 10. 5. Sānu, №100 (324).

4027 . Ưu-bà-di tử 優婆夷子. Pāli: *aññatarissa upāsikāya sānu nāma putto*, con trai của một ưu-bà-di nọ tên là Sānu.

4028 . Bát chi trai 八支齋

4029 . Chỉ mỗi nửa tháng.

4030 . Thần thông nguyệt 神通月. Tháng thần biến 神變月; Pāli: *pāṭihāriya-pakkha*, các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thần thông đi quan sát nhân gian. Xem cht.49, kinh 1117.

4031 . Hán: mạn hoãn nghiệp 慢緩業. Pāli: *mākāsi pāpakaṃ kammaṃ āvi và yadi và raho*, chớ tạo ác nghiệp, dù công khai hay bí mật.

4032 . Để bản: gian thảo 菅草. Tống-Nguyên-Minh: gian thảo 菱草.

4033 . S. 10. 12. āḷavaṃ; №100(325).

4034 . A-lạp quỷ 阿臈鬼 №100(325): Khoáng dã dạ xoa 曠野夜叉. Pāli: *āḷavako yakkho*.

[4035]. Kiệt-đàm quỷ 竭曇鬼. №100(325): Lô Câu 驢駒. Theo Hán dịch, Pāli có thể là Kharo (lừa con). Xem cht.103, kinh 1324.
[4036]. Thắng sĩ phu sự vật 勝士夫事物 №100(325): "Trong tất cả tài bảo, cái gì tối thắng?" Pāli: *kiṃsūdha vittaṃ purissa seṭṭhaṃ*, "Trong đời này, tài sản quý nhất của con người là gì?"
[4037]. Vân hà thọ trung thắng 云何壽中勝 Pāli: kathaṃ jīvaṃ jīvatamāhu seṭṭhan'ti, "Sanh mạng nào cao thượng nhất trong các sanh mạng?"
[4038]. Xem kinh 1282.
[4039]. Xem kinh 1329.
[4040]. Tức sự thật, bố thí và sự tự chế ngự. Pāli: saccā, dammā, cāgā.
[4041]. Kiệt-đàm-ma 竭曇摩 phiên âm khác của Khara, xem cht.10 trên.
[4042]. S. 10. 9-10. Sukkā; №100(327).
[4043]. Thúc-ca-la 叔迦羅 Pāli: Sukkā bhikkhunì.
[4044]. Cát tinh nhật 吉星日. №100(327): Lễ hội sao Câu-mật-đầu 俱蜜頭星會. Pāli: komudī, ngày rằm tháng Kattika, hay Ca-đề tháng cuối mùa mưa.
[4045]. Mã vương 馬王 Pāli: Valāhaka, ngựa thần của Chuyển luân vương.
[4046]. S.10. 11. Vīrā; №100(336).
[4047]. Tỳ-la 毘羅 Pāli: Vīrā (bản Miến: Cīrā).
[4048]. Xem kinh 1327 trên.
[4049]. Sn. i. 9. Hemavata; №100(328).
[4050]. Sa-đa-kỳ-lợi Thiên thần 娑多耆利天神 Pāli: Sātāgira.
[4051]. Hê-ma-ba-đê Thiên thần 醯魔波低天神
[4052]. Ba-đàm-ma hoa 波曇摩華 Pāli: Paduma (sen đỏ).
[4053]. Ấn Thuận đọc là: Tùng hà La-hán thọ, "thọ từ La-hán nào?"
[4054]. Pāli: kacci iṭṭhe aniṭṭhe ca, sankappassa vasīkatā? Tâm tư vị ấy có tự tại nơi cái đáng yêu và không đáng yêu không?
[4055]. Pāli: kacci vijāya sampanno, kacci saṃsuddhacaraṭo, "Đã thành tựu minh tuệ chưa? Sở hành thanh tịnh chăng?"
[4056]. Y-ni-diên lộc 伊尼延鹿 Pāli: eṇi, sơn dương, có đùi (jaṅga) thon dài, rất đẹp; một tướng của Phật.
[4057]. Bài kệ này cũng thay nơi kinh 602 trên.
[4058]. Xem kinh 602.
[4059]. Xem kinh 1326 trên.
[4060]. Pāli: Ud. 4. 4. Juṇha (Yakkhapahāra); №100(329).
[4061]. Già-tra, Ưu-ba-già-tra quỷ 伽乇優波伽乇鬼 №100(329): Hại, Phục Hại 害復害. Pāli: dve yakkhā sahāyakā, hai con quỷ dạ-xoa, bạn của nhau, không nói tên. Theo các bản Hán, Pāli có thể là Ghata, upaghata, nhưng không thấy trong các tài liệu Pāli.

[4062] . Ấn Thuận, "Tụng 5, 27. Tương ưng Rừng"; Đại Chánh kinh 1331-1462; phần lớn tương đương Pāli: S.9 Vanasaṃyutta. –Kinh 1331, Pāli: S.9.4. Sambahula (Cārika); №100(351).

[4063] . Nguyên Hán: thọ tuế 受歲, hết mùa an cư, Tỳ-kheo nhận tuổi hạ. Pāli: vasaṃ-vuṭṭha.

[4064] . Vô tu ngoại đạo 無羞外道 ngoại đạo không biết xấu hổ; thường chỉ các nhóm Ca-cưu-đà Ca-chiên-diên (Pāli: Kakudha-Kaccāyana), Ni-kiền Tử (Pāli: Nigantha) và những nhóm lõa hình khác. Ở đây, Ud. 9.4, chỉ các nhóm Cārika, các ngoại đạo du hành.

[4065] . Kim cang địa 金剛地 №100(351): Tỳ-xá-ly quốc 毘舍離國 Pāli: Vajjibhūmi, lãnh thổ của người Vajji mà thủ phủ là Vesali, Tỳ-xá-li). Bản Hán đọc là Vajirabhūmi.

[4066] . S. 9. 2. Upaṭṭhāna; №100(352).

[4067] . Tức ngủ trưa.

[4068] . S. 9. 1. Viveka; №100(353).

[4069] . Bất thiện giác 不善覺, tức bất thiện tầm 不善尋, tư duy tầm cầu bất thiện.

[4070] . №100(353): "Ông hãy xả bỏ tâm không hoan hỷ, mà an tâm hoan hỷ với pháp này." Pāli: aratiṃ pajahāsi sato, bhāvasi sataṃ taṃ sārayāmase, "ông chánh niệm, trừ bỏ sự bất mãn, chúng tôi ca ngợi ông là thiện nhân".

[4071] . Tư phi ư chánh niệm 思非於正念

[4072] . Pāli: pātālarajo hi duttaro, mā taṃ kāmarajo avāhasi, "bụi trần địa ngục thật khó trừ; ông chớ mang theo bụi trần ái dục."

[4073] . Pāli: pātālarajo hi duttaro, mā taṃ kāmarajo avāhasi, "bụi trần địa ngục thật khó trừ; ông chớ mang theo bụi trần ái dục."

[4074] . S. 9. 11. Ayoniso; №100(354).

[4075] . Pāli: pāpake akusale vittake vitakketi, tầm cầu nơi ác bất thiện tầm.

[4076] . S. 0. 12. Majjhantika; №100(355).

[4077] . S. 9. 6. Anuruddha; №100(356).

[4078] . Xà-lân-ni thiên tử 闍隣尼天子. Pāli: devatā jālinī.

[4079] . S. 10. Sajjhāya; №100(357).

[4080] . Để bản: bất tri 不知 Bản Nguyên-Minh: bất như 不如 Cf. Pāli: yaṃ kiñci diṭṭhaṃ vā sutaṃ vā mutaṃ vā, aññāya nikkhepanamāhu santo, bất cứ những gì được thấy, nghe, biết, đều bằng chánh trí mà xả hết. Trong bản Hán, aññāya (bằng chánh trí), được hiểu là aññāṇa: vô tri.

[4081] . S. 9. 14. Padumapuppha; №100(358).

[4082] . №100(358): "Như bà mẹ cho con bú, mặc chiếc áo đen, tuy bị dính nước giải, cũng chẳng thấy xấu hổ gì". Pāli: ākiṇṇaluddo puriso, dhāticelaṃvā makkhito, tasmiṃ me vacanaṃ natthi, hạng người hung bạo, dơ bẩn như chiếc áo của bà vú; tôi không nói đến hạng người ấy.

4083 . S. 9. 3. Kassapagotta; №100(359).
4084 . Thập Lực Ca-diếp 十力迦葉 Pāli: Kassapagotta.
4085 . Tiên nhân quật 仙人窟 №100(359): Thê-ni quật 迻泥窟
4086 . Xích Chỉ 尺只 №100(358): Liên-ca 連迦
4087 . Pāli, S.9. 9. Vajjiputta; №100(360).
4088 . Kim Cương Tử 金剛子. №100(360): Bạt-kỳ tử. Pāli: Vajjiputta. Bản Hán đọc là Vajiraputta.
4089 . Ba-liên-phất 巴連弗
4090 . Kiêu-mâu-ni đại hội . №100(36): Câu-mật-đề đại hội . Pāli: Komudī; đại hội ngày trăng tròn tháng Kattika, tháng cuối mùa mưa. Bản Pāli: sabbaracāro, dạ hành đại hội, lễ hội suốt đêm.
4091 . Biệt dịch, №100(361).
4092 . S. 9. 7. Nāgadatta; №100(362).
4093 . Na-ca-đạt-đa 那迦達多. №100(362): Long Dữ 龍與 Pāli: Nāgadatta.
4094 . №100(362): "ham mê pháp tại gia; sáng sớm vào xóm; chiều tối mới trở về".
4095 . S. 9. 13. Pākatindriya (Sambahulā bhikkhū); №100(363).
4096 . Vô thường tâm 無常心; tâm quán vô thường. №100(363): thường tư duy vô thường 常思於無常
4097 . S. 9. 8. Ogāḷho (Kulagharaṇī): №100(364).
4098 . Không có Pāli tương đương.
4099 . Kiến-đa 見多.
4100 . Ưu-lâu 優樓 Pāli: ulūka, một loại cú.
4101 . Ba-tra-lợi 波吒利 Pāli: pāṭalī, tên một loại cây. Phật Tỳ-bà-thi thành Phật dưới gốc cây này.
4102 . Chi-đề sơn 支提山 Pāli: Cetiya, tên núi, cũng gọi là Vedisa; xem cht. dưới.
4103 . Bề-đề-hê 鞞提醯 Pāli: Vedisagiri, tên núi, cũng gọi là Cetiya, cách Pāṭaliputta khoảng năm mươi do-tuần.
4104 . Na-sa-khư-đa 那娑佉多.
4105 . Doanh sự Tỳ-kheo 營事比丘 chỉ Tỳ-kheo phụ trách công tác xây dựng cho Tăng. Pāli: navakammika.
4106 . Tần-đà sơn 頻陀山
4107 . Nguyên bản: uyển 苑. Bản Tống, Ấn Thuận đọc là hoa 花.
4108 . Nguyên bản: trụ 住 Bản khác: khứ 去